TỔNG CỤC THUẾ

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG ỨNG DỤNG HỖ TRỢ KÊ KHAI

(Dành cho người nộp thuế)

Phiên bản HTKK 5.x.x

Hà Nội - Năm 2025

MỤC LỤC

1 GIỚI THIỆU 1
1.1 Hướng dẫn sử dụng phần mềm Hỗ trợ kê khai 1
1.1.1 Cách sử dụng trợ giúp trong ứng dụng 1
1.1.1.1 Nội dung hướng dẫn 1
1.1.1.2 Danh sách template 1
1.1.2 Yêu cầu về cấu hình hệ thống 1
1.1.3 Hướng dẫn thiết lập thông số màn hình 1
1.1.4 Hướng dẫn cách gõ tiếng Việt có dấu 2
1.1.5 Hướng dẫn kết nối máy in 3
1.1.6 Khởi động ứng dụng 3
1.1.7 Giao diện ứng dụng 4
1.1.8 Sử dụng hệ thống menu 5
1.1.9 Kê khai thông tin doanh nghiệp 5
1.1.10 Điều khiển nhập dữ liệu 6
1.1.11 Nhập mới, mở tờ khai thuế 8
1.1.12 Các chức năng trên màn hình kê khai tờ khai 9
1.1.13 Kiểm tra và thông báo kê khai sai 12
1.1.14 Sao lưu dữ liệu 13
1.1.15 Phục hồi dữ liệu 14
1.1.16 Kết xuất ra file PDF 14
1.1.17 Danh mục 17
1.1.17.1 Đăng ký danh mục thuế tài nguyên và tiêu thụ đặc biệt 17
1.1.17.2 Xem bảng giá tính thuế của địa phương 19
1.1.17.3 Đăng ký danh mục phí bảo vệ môi trường 20
1.1.17.4 Đăng ký danh mục phí, lệ phí 21
1.1.18 Tra cứu tờ khai 22
1.1.19 Cấu hình cập nhật 24
1.1.20 Chuyển đổi dữ liệu từ HTKK 3.8.x sang HTKK 5.x.x 25
2 ĐẢM BẢO CỦA CƠ QUAN THUẾ 26
2.1 Bản quyền 26
2.2 Tính tin cậy 26
2.3 Bạn cần in tờ khai 26
2.4 Bạn cần kết xuất tờ khai theo chuẩn XML 26
2.5 Lưu trữ tờ khai 27
3 HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CÁC CHỨC NĂNG KÊ KHAI 27
3.1 Kê khai thông tin chung của doanh nghiệp 27
3.2 Các quy định và tính năng hỗ trợ hướng dẫn kê khai chung của ứng dụng: 27
3.3 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai thuế GTGT 28
3.3.1 Tờ khai thuế giá trị gia tăng khấu trừ mẫu 01/GTGT (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP) 28
3.3.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 29
3.3.1.1.1 Phụ lục 01-2/GTGT: Bảng phân bổ thuế giá trị gia tăng phải nộp đối với hoạt động sản xuất thủy điện 31
3.3.1.1.2 Phụ lục 01-3/GTGT: Bảng phân bổ số thuế giá trị gia tăng phải nộp đối với hoạt động kinh doanh xổ số điện toán 32
3.3.1.1.3 Phụ lục 01-6/GTGT: Bảng phân bổ số thuế GTGT phải nộp 33
3.3.1.1.4 Phụ lục giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị Quyết số 43/2022/QH15 34
3.3.1.1.5 Phụ lục giảm thuế giá trị gia tăng PL_GiamThue_GTGT_23_24 (đáp ứng Nghị quyết số 101/2023/QH15 và Nghị quyết số 110/2023/QH15) 35

3.3.1.1.6 Phụ lục giảm thuế giá trị gia tăng PL 142/2024/QH15-174/2024/QH15-204/2025/QH15 (đáp ứng Nghị quyết số 142/2024/QH15 và Nghị quyết số 174/2024/QH15 và Nghị quyết số 204/2025/QH15) 35
3.3.1.2 Trường hợp tờ khai bổ sung 36
3.3.2 Tờ khai thuế giá trị gia tăng cho dự án đầu tư mẫu 02/GTGT đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC 39
3.3.2.1 Trường hợp tờ khai lần đầu 40
3.3.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 41
3.3.3 Tờ khai thuế giá trị gia tăng trực tiếp mẫu 03/GTGT đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC 42
3.3.3.1 Trường hợp tờ khai lần đầu 43
3.3.4 Tờ khai thuế GTGT mẫu 04/GTGT theo lần phát sinh đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP . 45
3.3.4.1 Trường hợp tờ khai lần đầu 46
3.3.4.1.1 Phụ lục giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 49
3.3.4.1.2 Phụ lục giảm thuế giá trị gia tăng PL_GiamThue_GTGT_23_24 (đáp ứng Nghị quyết số 101/2023/QH15 và Nghị quyết số 110/2023/QH15) 50
3.3.4.1.3 Phụ lục giảm thuế giá trị gia tăng PL 142/2024/QH15-174/2024/QH15-204/2025/QH15 (đáp ứng Nghị quyết số 142/2024/QH15 và Nghị quyết số 174/2024/QH15 và Nghị quyết số 204/2025/QH15) 50
3.3.4.2 Trường hợp tờ khai bổ sung 52
3.3.5 Tờ khai thuế GTGT mẫu 05/GTGT theo lần phát sinh đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP 53
3.3.5.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 54
3.3.5.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 54
3.3.6 Kê khai thông tin dự án đầu tư cho tờ khai 02/GTGT và 01/HT 56
3.4 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai thuế TNDN 57
3.4.1 57
3.4.2 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp 02/TNDN đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP . 57
3.4.2.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 58
3.4.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 58
3.4.3 Tờ khai Quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp mẫu 03/TNDN đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP 60
3.4.3.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 60
3.4.3.1.1 Phụ lục 03-1A/TNDN 64
3.4.3.1.2 Phụ lục 03-1B/TNDN 65
3.4.3.1.3 Phụ lục 03-1C/TNDN 66
3.4.3.1.4 Phụ lục 03-2/TNDN 67
3.4.3.1.5 Phụ lục 03-3A/TNDN 68
3.4.3.1.6 Phụ lục 03-3B/TNDN 69
3.4.3.1.7 Phụ lục 03-3C/TNDN 71
3.4.3.1.8 Phụ lục 03-3D/TNDN 72
3.4.3.1.9 Phụ lục 03-4/TNDN 74
3.4.3.1.10 Phụ lục 03-5/TNDN 75
3.4.3.1.11 Phụ lục 03-6/TNDN 75
3.4.3.1.12 Phụ lục 03-8/TNDN 76
3.4.3.1.13 Phụ lục 03-8A/TNDN 78
3.4.3.1.14 Phụ lục 03-8B/TNDN: Chỉ cho phép nhập PL này nếu trên tờ khai chọn chỉ tiêu [04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất tương ứng với tiểu mục

1052 79
3.4.3.1.15 Phụ lục 03-8C/TNDN: Chỉ cho phép nhập PL này nếu trên tờ khai chọn chỉ tiêu [04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất tương ứng với tiểu mục 1057 81
3.4.3.1.16 Phụ lục 03-9/TNDN 82
3.4.3.1.17 Phụ lục GDLK2_ND132_01: Thông tin về quan hệ liên kết và giao dịch liên kết theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP 83
3.4.3.1.18 Phụ lục GDLK2_ND132_02: Danh mục các thông tin, tài liệu cần cung cấp tại hồ sơ Quốc gia theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP 15
3.4.3.1.19 Phụ lục GDLK_ND132_03: Danh mục các thông tin, tài liệu cần cung cấp tại hồ sơ toàn cầu theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP 16
3.4.3.1.20 Phụ lục GDLK_ND132_04: Kê khai thông tin báo cáo lợi nhuận liên Quốc gia theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP 16
3.4.3.1.21 Phụ lục thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Nghị Quyết số 406/NQ-UBTVQH15 18
3.4.3.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 19
3.4.4 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp - 04/TNDN đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP . 20
3.4.4.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 22
3.4.4.1.1 Phụ lục thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Nghị Quyết số 406/NQ-UBTVQH15 23
3.4.4.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 23
3.4.5 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho thu nhập từ chuyển nhượng vốn - 05/TNDN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP) 25
3.4.5.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 25
3.4.5.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 26
3.4.6 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp - 06/TNDN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP) 28
3.4.6.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 28
3.4.6.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 29
3.5 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai thuế Thu nhập cá nhân 31
3.5.1 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân mẫu 02/KK-TNCN (đáp ứng thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP) 31
3.5.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 32
3.5.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 33
3.5.2 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (04/CNV-TNCN) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP . 34
3.5.2.1 Trường hợp tờ khai lần đầu 36
3.5.2.1.1 Bảng kê 04-1/CNV-TNCN: Bảng kê chi tiết cá nhân chuyển nhượng vốn 38
3.5.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 39
3.5.3 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân 04/ĐTV-TNCN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP) 41
3.5.3.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 43
3.5.3.1.1 Bảng kê 04-1/ĐTV-TNCN 44
3.5.3.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 44
3.5.4 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân mẫu 04/NNG-TNCN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP) 46
3.5.4.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 47
3.5.4.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 48

3.5.5 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân áp dụng cho cá nhân nhận thừa kế, quà tặng không phải là bất động sản (04/TKQT-TNCN) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP 49
3.5.5.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 51
3.5.5.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 52
3.5.6 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân 05/KK-TNCN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP) 53
3.5.6.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 53
3.5.6.1.1 Bảng kê 05-1/PBT-KK-TNCN 55
3.5.6.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 55
3.5.7 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân áp dụng cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập khấu trừ thuế (06/TNCN) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật quản lý thuế số 126/2020/NĐ-CP 57
3.5.7.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 57
3.5.7.1.1 Bảng kê 06-1/BK-TNCN 59
3.5.7.1.2 Bảng kê 05-1/PBT-KK-TNCN 59
3.5.7.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 60
3.5.8 Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu 02/QTT-TNCN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP) 61
3.5.8.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 63
3.5.8.1.1 Phụ lục 02-1/BK-QTT-TNCN: Phụ lục giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc 65
3.5.8.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 65
3.5.9 Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu 05/QTT-TNCN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP) 67
3.5.9.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 67
3.5.9.1.1 Bảng kê 05-1/BK-QTT-TNCN: 69
3.5.9.1.2 Bảng kê 05-2/BK-QTT-TNCN: 71
3.5.9.1.3 Bảng kê 05-3/QTT-TNCN: 72
3.5.9.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 73
3.5.10 Tờ khai đăng ký thuế tổng hợp người phụ thuộc của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công (mẫu 20-ĐK-TH-TCT) (TT86/2024) 75
3.5.10.1 Trường hợp NNT tích chọn "Đăng ký thuế" 75
3.5.10.2 Trường hợp NNT tích chọn "Thay đổi thông tin đăng ký thuế" 77
3.5.11 Tờ khai đăng ký thuế tổng hợp của cá nhân có thu nhập từ tiền công, tiền lương (mẫu 05-ĐK-TH-TCT) (TT86/2024) 78
3.5.11.1 Trường hợp NNT tích chọn "Đăng ký thuế" 79
3.5.11.2 Trường hợp NNT tích chọn "Thay đổi thông tin đăng ký thuế" 81
3.5.12 Danh sách chi tiết số tiền nộp thuế TNCN đã nộp thay cho từng cá nhân 83
3.6 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai thuế nhà thầu 85
3.6.1 Tờ khai thuế Nhà thầu nước ngoài mẫu 01/NTNN đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC 85
3.6.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 86
3.6.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 86
3.6.2 Tờ khai quyết toán thuế nhà thầu nước ngoài mẫu 02/NTNN đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC 87
3.6.2.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 87
3.6.2.1.1 Phụ lục 02-1/NTNN: Bảng kê các nhà thầu nước ngoài 89
3.6.2.1.2 Phụ lục 02-2/NTNN: Bảng kê các nhà thầu phụ tham gia hợp đồng nhà thầu

.....89
3.6.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 90
3.6.3 Tờ khai thuế Nhà thầu nước ngoài mẫu 03/NTNN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC). 90
3.6.3.1 Đối với tờ khai tháng 90
3.6.3.2 Đối với tờ khai lần phát sinh 92
3.6.3.3 Đối với tờ khai bổ sung.....92
3.6.4 Tờ khai quyết toán thuế nhà thầu nước ngoài mẫu 04/NTNN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC).....92
3.6.4.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu.....93
3.6.4.1.1 Bảng kê 02-2/NTNN: Bảng kê các nhà thầu phụ tham gia hợp đồng nhà thầu 95
3.6.4.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 95
3.6.5 Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hãng vận tải nước ngoài mẫu 01/VTNN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC).....96
3.6.5.1 Trường hợp tờ khai lần đầu 97
3.6.5.1.1 Bảng kê 01-1/VTNN: Bảng kê thu nhập vận tải quốc tế 98
3.6.5.1.2 Bảng kê 01-2/VTNN: Bảng kê thu nhập vận tải quốc tế 98
3.6.5.1.3 Bảng kê 01-3/VTNN: Bảng kê doanh thu lưu công-ten-nơ 99
3.6.5.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 99
3.6.6 Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hãng hàng không nước ngoài mẫu 01/HKNN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC) 100
3.6.6.1 Trường hợp tờ khai lần đầu 100
3.6.6.1.1 Phụ lục 01-1/HKNN: Phụ lục bảng kê thu nhập vận tải quốc tế (Dành cho vận tải hàng không quốc tế).....102
3.6.6.1.2 Phụ lục 01-2/HKNN: Phụ lục bảng kê thu nhập vận tải quốc tế (Dành cho trường hợp hoán đổi/chia chỗ trong vận tải hàng không quốc tế) 102
3.6.6.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 103
3.6.7 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài mẫu 01/TBH (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC).....103
3.6.7.1 Trường hợp tờ khai lần đầu 104
3.6.7.1.1 Bảng kê 01-1/TBH: Danh mục hợp đồng tái bảo hiểm.....105
3.6.7.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 105
3.7 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai thuế Tài nguyên 106
3.7.1 Tờ khai thuế tài nguyên mẫu số 01/TAIN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP).....106
3.7.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu.....107
3.7.1.1.1 Bảng kê 01-1/TAIN: Bảng phân bổ số thuế tài nguyên phải nộp đối với hoạt động sản xuất thủy điện 108
3.7.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 109
3.7.2 Tờ khai Quyết toán thuế tài nguyên mẫu số 02/TAIN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP) 109
3.7.2.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu.....111
3.7.2.1.1 Bảng kê 01-1/TAIN: Bảng phân bổ số thuế tài nguyên phải nộp đối với hoạt động sản xuất thủy điện 112
3.7.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 113
3.8 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai thuế Tiêu thụ đặc biệt.....113
3.8.1 Tờ khai thuế Tiêu thụ đặc biệt trừ hoạt động sản xuất, pha chế xăng sinh học mẫu số 01/TTĐB (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP). 113

3.8.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu ***115***
3.8.1.1.1 Bảng kê 01-1/TTĐB: Bảng kê hóa đơn hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế tiêu thụ đặc biệt 116
3.8.1.1.2 Bảng kê 01-3/TTĐB: Bảng kê hóa đơn hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế tiêu thụ đặc biệt 117
3.8.1.1.3 Phụ lục số 01 – Phiếu tổng hợp doanh thu 118
3.8.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung ***118***
3.8.2 Tờ khai thuế Tiêu thụ đặc biệt áp dụng cho cơ sở sản xuất, pha chế xăng sinh học mẫu số 02/TTĐB (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP). 119
3.8.2.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu ***120***
3.8.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung ***121***
3.9 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Phí, lệ phí 121
3.9.1 Tờ khai phí bảo vệ môi trường mẫu số 01/PBVMT (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP) 121
3.9.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu ***122***
3.9.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung ***123***
3.9.2 Tờ khai quyết toán phí bảo vệ môi trường mẫu số 02/PBVMT (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP) 124
3.9.2.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu ***125***
3.9.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung ***126***
3.9.3 Tờ khai phí 01/PH (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP) 126
3.9.3.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu ***127***
3.9.3.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung ***128***
3.9.4 Tờ khai quyết toán phí, lệ phí mẫu số 02/PH (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC) 129
3.9.4.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu ***130***
3.9.4.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung ***131***
3.9.5 Tờ khai lệ phí mẫu số 01/LP (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP) 132
3.9.5.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu ***132***
3.9.5.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung ***134***
3.9.6 Tờ khai phí, lệ phí và các khoản thu khác do cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài thực hiện thu mẫu 01/PHLPNG (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP) 135
3.9.6.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu ***135***
3.9.6.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung ***136***
3.9.7 Tờ khai quyết toán phí, lệ phí và các khoản thu khác do cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài thực hiện thu mẫu 02/PHLPNG (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP) 137
3.9.7.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu ***138***
3.9.7.1.1 Phụ lục 02-1/PHLPNG 139
3.9.7.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung ***140***
3.9.8 Tờ khai lệ phí môn bài mẫu 01/LPMB (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC) 141
3.9.8.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu ***141***

3.9.8.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 143
3.10 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Thuế bảo vệ môi trường 144
3.10.1 Tờ khai thuế bảo vệ môi trường mẫu số 01/TBVMT (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP) 144
3.10.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 144
3.10.1.1.1 Phụ lục 01-1/TBVMT (Bảng xác định số thuế bảo vệ môi trường phải nộp đối với than) 146
3.10.1.1.2 Phụ lục 01-2/TBVMT (Bảng xác định số thuế bảo vệ môi trường phải nộp đối với xăng dầu) 147
3.10.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 148
3.11 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai thuế khoán và cho thuê tài sản 149
3.11.1 Tờ khai thuế đối với hoạt động thuê tài sản (01/TTS) đáp ứng mẫu biểu theo Thông tư số 40/2021/TT-BTC 149
3.11.1.1 Phụ lục 01-1/TTS: Bảng kê chi tiết hợp đồng cho thuê tài sản 158
3.11.1.2 Phụ lục 01-2/TTS: Bảng kê chi tiết cá nhân cho thuê tài sản 163
3.11.1.3 Phụ lục giảm thuế GTGT theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 167
3.11.1.4 Phụ lục giảm thuế GTGT PL_GiamThue_GTGT_23_24 (đáp ứng Nghị quyết số 101/2023/QH15 và Nghị quyết số 110/2023/QH15) 168
3.11.1.5 Phụ lục giảm thuế GTGT PL 142/2024/QH15 - 174/2024/QH15 (đáp ứng Nghị quyết số 142/2024/QH15 và Nghị quyết số 174/2024/QH15) 168
3.11.2 Tờ khai thuế đối với cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh (01/CNKD) đáp ứng mẫu biểu theo Thông tư số 40/2021/TT-BTC 168
3.11.2.1 TH1: Nếu tích chọn (1), (2), (4) 170
3.11.2.2 TH2: Nếu tích chọn (3) 173
3.11.2.3 Bảng kê 01-1/BK-CNKD: 182
3.11.2.4 Bảng kê 01-2/BK-CNKD: 183
3.11.2.5 Phụ lục giảm thuế GTGT theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 185
3.11.2.6 Phụ lục giảm thuế GTGT PL_GiamThue_GTGT_23_24 (đáp ứng Nghị quyết số 101/2023/QH15 và Nghị quyết số 110/2023/QH15) 185
3.11.2.7 Phụ lục giảm thuế GTGT PL 142/2024/QH15 - 174/2024/QH15 (đáp ứng Nghị quyết số 142/2024/QH15 và Nghị quyết số 174/2024/QH15) 186
3.12 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai các mẫu tờ khai thuế đối với đơn vị Dầu khí 187
3.12.1 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính đối với dầu khí (01/TNDN-DK) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP 187
3.12.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 188
3.12.1.1.1 Phụ lục 01-1/PL-DK 189
3.12.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 189
3.12.2 Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dầu khí (02/TNDN-DK) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP 191
3.12.2.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 192
3.12.2.1.1 Phụ lục 01-1/PL-DK 194
3.12.2.1.2 Phụ lục GDLK2_ND132_01: Thông tin về quan hệ liên kết và giao dịch liên kết theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP 194
3.12.2.1.3 Phụ lục GDLK2_ND132_02: Danh mục các thông tin, tài liệu cần cung cấp tại hồ sơ Quốc gia theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP 220
3.12.2.1.4 Phụ lục GDLK_ND132_03: Danh mục các thông tin, tài liệu cần cung cấp tại hồ sơ toàn cầu theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP 220

3.12.2.1.5 Phụ lục GDLK_ND132_04: Kê khai thông tin báo cáo lợi nhuận liên Quốc gia theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP 221
3.12.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 222
3.12.3 Tờ khai các khoản thu về hoa hồng dầu khí, tiền đọc và sử dụng tài liệu dầu khí (01/TNS-DK) (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)..... 223
3.12.3.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 224
3.12.3.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 225
3.12.4 Tờ khai tạm tính tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà 01/LNCN- PSC (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP) 225
3.12.4.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 226
3.12.4.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 228
3.12.5 Tờ khai quyết toán tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà 02/LNCN- PSC (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP) 228
3.12.5.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 229
3.12.5.1.1 Phụ lục 02-1/PL-DK..... 231
3.12.5.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 232
3.12.6 Tờ khai tạm tính tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà áp dụng cho Liên doanh Việt – Nga "Vietsoypetro" (01/LNCN-VSP) (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP) 232
3.12.6.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 233
3.12.6.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 235
3.12.7 Tờ khai quyết toán tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà (02/LNCN-VSP) (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP) 236
3.12.7.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 237
3.12.7.1.1 Phụ lục 02-1/PL-DK..... 240
3.12.7.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 241
3.12.8 Tờ khai thuế tạm tính áp dụng cho Liên doanh Việt – Nga Vietsoypetro mẫu 01/TK-VSP (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)..... 242
3.12.8.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 243
3.12.8.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 244
3.12.9 Tờ khai phụ thu tạm tính áp dụng cho dầu lãi từ tiền kết dư của phần dầu để lại (01-1/PTHU-VSP) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP 245
3.12.9.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 246
3.12.9.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 246
3.12.10 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính áp dụng cho thu nhập từ tiền kết dư của phần dầu để lại (01-1/TNDN-VSP) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP..... 248
3.12.10.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 248
3.12.10.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 249
3.12.11 Tờ khai quyết toán phụ thu (02/PTHU-VSP) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP..... 250
3.12.11.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 251
3.12.11.1.1 Phụ lục 02-1/PTHU-VSP 252
3.12.11.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 253

3.12.12 Tờ khai Quyết toán phụ thu (02/PTHU-DK) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP 254
3.12.12.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 255
3.12.12.1.1 Phụ lục 04-PTHU-DK 257
3.12.12.1.2 Phụ lục 05-PTHU-DK 257
3.12.12.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 258
3.12.13 Tờ khai Quyết toán phụ thu (03/PTHU-DK) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP 259
3.12.13.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 260
3.12.13.1.1 Phụ lục 04-PTHU-DK 264
3.12.13.1.2 Phụ lục 05-PTHU-DK 264
3.12.13.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 265
3.12.14 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hãng hàng không nước ngoài (02/TNDN-VSP) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP 266
3.12.14.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 266
3.12.14.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 268
3.12.15 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp dầu khí mẫu 03/TNDN- DK (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP) 269
3.12.15.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 269
3.12.15.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 270
3.12.16 Tờ khai thuế tài nguyên tạm tính đối với dầu khí (01/TAIN-DK) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP 271
3.12.16.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 272
3.12.16.1.1 Phụ lục 01-1/PL-DK 273
3.12.16.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 274
3.12.17 Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên đối với dầu khí (02/TAIN-DK) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP 275
3.12.17.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 276
3.12.17.1.1 Phụ lục 02-1/PL-DK 277
3.12.17.1.2 Phụ lục 01/PL-DK 278
3.12.17.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 279
3.12.18 Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên đối với dầu khí (02/TAIN-VSP) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP 280
3.12.18.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 281
3.12.18.1.1 Phụ lục 02-1/TAIN-VSP 282
3.12.18.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 283
3.12.19 Báo cáp dự kiến sản lượng dầu khí khai thác và tỷ lệ tạm nộp thuế (01/BCTL-DK) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP 284
3.12.19.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 284
3.12.19.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 286
3.12.20 Tờ khai điều chỉnh thuế đặc biệt đối với khí thiên nhiên (01/ĐCĐB-VSP) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP 287
3.12.20.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 288
3.12.20.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 288

3.13 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Cổ tức, lợi nhuận được chia 290
3.13.1 Tờ khai cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên (01/CTLNĐC) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP 290
3.13.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 290
3.13.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 291
3.13.2 Tờ khai quyết toán lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp ngân sách nhà nước của doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (01/QT-LNCL) (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP) 293
3.13.2.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 294
3.13.2.1.1 Phụ lục 01-1/QT-LNCL 295
3.13.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 295
3.14 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Hoàn thuế 296
3.14.1 Tờ khai Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước (mẫu 01/HT) (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP) 296
3.14.1.1 Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào (Mẫu 01-1/HT) ... 302
3.14.1.2 Danh sách tờ khai hải quan đã thông quan (Mẫu số: 01-2/HT) 303
3.14.1.3 Bảng kê thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào dùng cho cơ quan đại diện ngoại giao (Mẫu 01-3a/HT) 304
3.14.1.4 Bảng kê Viên chức ngoại giao thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT mẫu số 01-3b/HT 305
3.14.1.5 Bảng kê chứng từ hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài xuất cảnh (Mẫu số: 01-4/HT) 306
3.14.2 Tờ khai Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước đối với xăng sinh học (mẫu 01a/ĐNHT) ban hành theo Nghị định số 14/2019/NĐ-CP đáp ứng quy định hoàn thuế theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC 307
3.14.3 Mẫu biểu Văn bản đề nghị xử lý số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa (01/ĐNXLNT) (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP) 310
3.14.3.1 Phụ lục 02-1/HT 313
3.14.4 Mẫu biểu Văn bản đề nghị hủy hồ sơ đề nghị hoàn thuế (01/ĐNHUY) (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC) 313
3.14.5 Tờ khai Giấy đề nghị hoàn thuế theo hiệp định tránh đánh thuế hai lần và điều ước Quốc tế khác đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC 315
3.14.5.1 Phụ lục 02-1/HT 319
3.15 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai gia hạn nộp thuế 319
3.15.1 Tờ khai giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất đáp ứng Nghị định số 34/2022/NĐ-CP 319
3.15.2 Tờ khai giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất đáp ứng Nghị định số 12/2023/NĐ-CP 322
3.15.3 Tờ khai giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất đáp ứng Nghị định số 64/2024/NĐ-CP 325
3.15.4 Tờ khai giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất đáp ứng Nghị định số 82/2025/NĐ-CP 328
3.16 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Nhà cung cấp nước ngoài 331
3.16.1 Tờ khai thuế đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử tại Việt Nam (Mẫu số 03/NCCNN) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP 331
3.16.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 331

3.16.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 332
3.16.2 Mẫu biểu Danh sách theo dõi số tiền chuyển cho các nhà cung cấp ở nước ngoài (Mẫu số 04/NCCNN) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP 333
3.17 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Danh sách số hiệu tài khoản thanh toán 334
3.17.1 Danh sách số hiệu tài khoản thanh toán đáp ứng yêu cầu tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP 334
3.18 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Đất đai 335
3.18.1 Tờ khai thuế sử dụng đất nông nghiệp áp dụng với tổ chức có đất chịu thuế (Mẫu số 01/SDDNN) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC 335
3.18.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 336
3.18.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 337
3.18.2 Tờ khai thuế sử dụng đất nông nghiệp áp dụng cho đất trồng cây lâu năm thu hoạch một lần (Mẫu số 03/SDDNN) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC 338
3.18.2.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 338
3.18.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 340
3.18.3 Tờ khai tiền thuê đất, thuê mặt nước áp dụng cho đối tượng chưa có quyết định, hợp đồng cho thuê đất của Nhà nước (01/TMĐN) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC 341
3.18.3.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 341
3.18.3.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 343
3.19 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Tài sản đảm bảo 344
3.19.1 Tờ khai thuế đối với hoạt động khai thác tài sản bảo đảm trong thời gian chờ xử lý (01/KTTSBĐ) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC 344
3.19.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 344
3.19.1.1.1 Phụ lục 01-1/KTTSBD 346
3.19.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 346
3.20 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Thay đổi kỳ tính thuế GTGT/TNCN từ tháng sang quý 348
3.20.1 Văn bản đề nghị thay đổi kỳ tính thuế từ tháng sang quý (01/DK-TĐKTT) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC 348
3.21 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Thương mại điện tử 349
3.21.1 Biểu tổng hợp thông tin của thương nhân, tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, dịch vụ trên sàn giao dịch Thương mại điện tử (01/CCTT-TMĐT) 349
3.21.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 349
3.21.1.1.1 Bảng kê 01-1/CCTT-TMĐT 351
3.21.1.2 Trường hợp khai tờ khai thay thế 354
3.21.2 Tờ khai thuế khấu trừ trên doanh thu đối với hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử (mẫu 01/CNKD-TMĐT) đáp ứng Nghị định số 117/2025/NĐ-CP 355
3.21.2.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 355
3.21.2.1.1 Phụ lục 01-1/BK-CNKD-TMĐT 357
3.21.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 359
3.21.3 Bảng kê chi tiết số tiền nộp thuế của tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử 359
3.22 Hướng dẫn thực hiện chức năng Kê khai Tờ khai chuyển đổi chủ sở hữu, chuyển nhượng vốn 361
3.22.1 Tờ khai số thu từ cổ phần hóa (Mẫu 01/CPH) đáp ứng Thông tư số 57/2022/TT-BTC 361
3.22.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 362
3.22.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 364

3.22.2 Tờ khai quyết toán số thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập (mẫu 02/QT-CPH) đáp ứng Thông tư số 57/2022/TT-BTC 364
3.22.2.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 365
3.22.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 367
3.22.3 Tờ khai số thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước, thu từ chuyển nhượng quyền mua cổ phần và thu từ chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước tại doanh nghiệp (mẫu 01/CNV) đáp ứng Thông tư số 57/2022/TT-BTC..... 367
3.22.3.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 368
3.22.3.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 370
3.22.4 Tờ khai quyết toán số thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước, thu từ chuyển nhượng quyền mua cổ phần và thu từ chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước tại doanh nghiệp (mẫu 02/QT-CNV) đáp ứng Thông tư số 57/2022/TT-BTC..... 370
3.22.4.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 371
3.22.4.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 373
3.22.5 Tờ khai quyết toán số thu từ các hình thức sắp xếp, chuyển đổi khác (mẫu 02/QT-SXCDK) đáp ứng Thông tư số 57/2022/TT-BTC..... 373
3.22.5.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 374
3.22.5.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 375
3.22.6 Tờ khai số thu từ chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp (mẫu 01/CLVCSH-VDL) đáp ứng Thông tư số 57/2022/TT-BTC 376
3.22.6.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 376
3.22.6.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 377
3.23 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Thuế tối thiểu toàn cầu..... 378
3.23.1 Thông báo đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai và danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết sô 107/2023/QH15 378
3.23.2 Bộ Hồ sơ khai thuế đối với quy định QDMTT đáp ứng Nghị định số 236/2025/NĐ-CP..... 382
3.23.2.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 382
3.23.2.1.1 Tờ khai thông tin (mẫu số 01/TKTT-QDMTT) đáp ứng Nghị định số 236/2025/NĐ-CP 383
3.23.2.1.2 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung (mẫu số 01/TNDN-QDMTT) đáp ứng Nghị định số 236/2025/NĐ-CP 407
3.23.2.1.3 Bản thuyết minh giải trình chênh lệch do khác biệt chuẩn mực kế toán tài chính (Mẫu số: 01/TM) đáp ứng Nghị định số 236/2025/NĐ-CP 412
3.23.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 412
3.23.3 Thông báo Đơn vị hợp thành đã nộp Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại nước có Hiệp định giữa nhà chức trách có thẩm quyền về trao đổi thông tin theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu có hiệu lực với Việt Nam (mẫu 03/TB-ĐVHT) đáp ứng Nghị định số 236/2025/NĐ-CP 413
4 Thông tin hỗ trợ..... 414
4.1 Phụ lục 01: Danh mục tiền tệ..... 414

1 GIỚI THIỆU

Tài liệu này được xây dựng để hỗ trợ người kê khai thuế hiểu rõ các quy định, hướng dẫn về kê khai thuế và cách thức sử dụng chương trình phần mềm hỗ trợ kê khai.

1.1 Hướng dẫn sử dụng phần mềm Hỗ trợ kê khai

1.1.1 Cách sử dụng trợ giúp trong ứng dụng

1.1.1.1 Nội dung hướng dẫn

Duyệt qua các nội dung trợ giúp

Di chuyển chuột cho đến khi xuất hiện hình bàn tay, khi đó tương ứng sẽ có một mục trợ giúp liên quan đến thông tin đang hiển thị. Kích chuột trái để chuyển đến màn hình trợ giúp tiếp theo. Thông thường mục này sẽ hiển thị dưới dạng một đoạn chữ màu xanh và có gạch chân.

Người dùng có thể sử dụng tính năng trợ giúp bằng 2 cách sau:

Cách thứ nhất

Ở bất kỳ vị trí nào trên màn hình, khi bấm F1 sẽ xuất hiện màn hình trợ giúp.

Cách thứ hai

Trên menu, kích chuột trái vào mục "Trợ giúp". Có thể truy xuất nội dung hỗ trợ theo từng chủ đề (Contents): Các chủ đề được tổ chức dưới dạng từng chương, giống như cuốn sách giáo khoa.

1.1.1.2 Danh sách template

Hỗ trợ biểu mẫu dạng file excel của toàn bộ các bảng kê theo các tờ khai trên menu kê khai. NSD chọn menu "Trợ giúp" để xem danh sách các bảng kê được sắp xếp theo thứ tự và tải về khi cần sử dụng.

1.1.2 Yêu cầu về cấu hình hệ thống

- Yêu cầu thiết bị phần cứng và hệ điều hành:

+ Hầu hết các máy tính cá nhân sẽ chạy được ứng dụng hỗ trợ kê khai. Tuy nhiên hiện tại ứng dụng hỗ trợ kê khai mới chỉ chạy được trên nền phần cứng được Windows hỗ trợ.

+ Yêu cầu cấu hình tối thiểu của máy tính như sau: Bộ vi xử lý Intel hoặc các thiết bị xử lý tương thích, Tốc độ tối thiểu PII 400 MHz (hoặc Celeron 567 MHz), Hệ điều hành win xp sp2, win 7, 8, 10. Máy in bất kỳ.

- Yêu cầu về các phần mềm hỗ trợ gõ tiếng Việt Unicode:

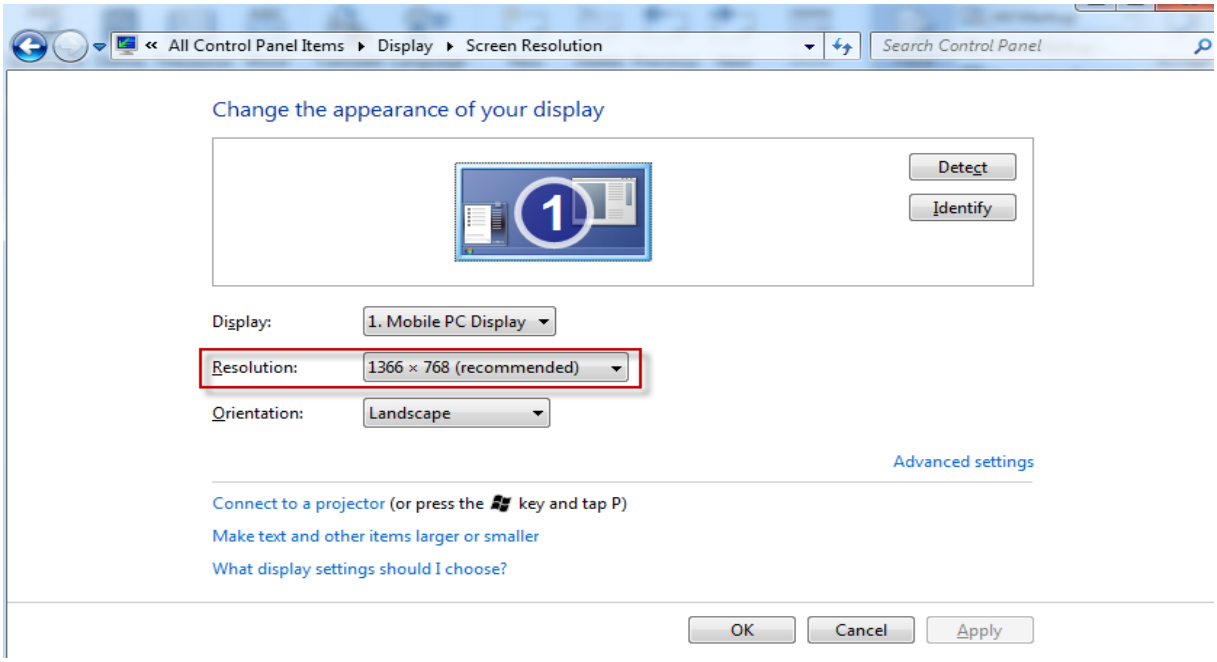
+ Ứng dụng hỗ trợ kê khai hỗ trợ font chữ Unicode do đó đòi hỏi máy tính phải được cài đặt phần mềm hỗ trợ gõ font Unicode.

+ Hiện tại ứng dụng chỉ nhận được tiếng Việt khi dùng bộ gõ VietKey theo 2 kiểu gõ là TELEX, VNI và bộ gõ Unikey theo kiểu gõ Telex.

1.1.3 Hướng dẫn thiết lập thông số màn hình

- Ứng dụng hỗ trợ kê khai được thiết kế tốt nhất cho màn hình có độ phân giải 1366x768. Nếu bạn thấy màn hình không hiển thị hết giao diện ứng dụng hoặc thấy chữ hiển thị lên quá nhỏ thì cần phải đặt lại về độ phân giải 1366x768.

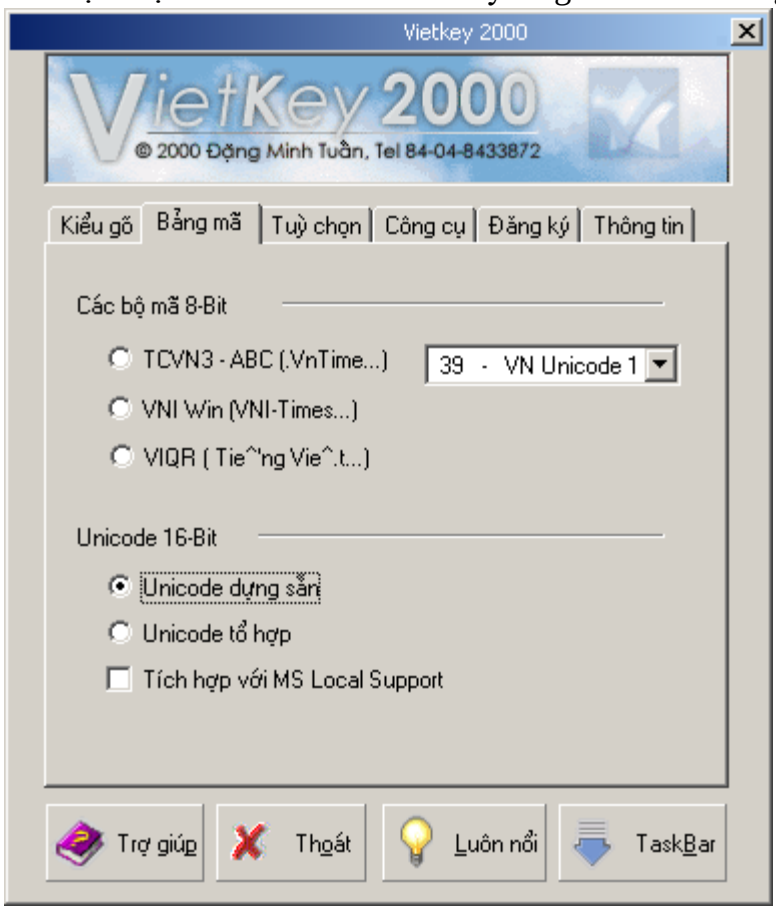
- Để điều chỉnh lại độ phân giải màn hình bạn làm như sau: Vào START/Control Panel/Display/ Screen Resolution, và chỉnh độ phân giải như hình vẽ dưới đây:



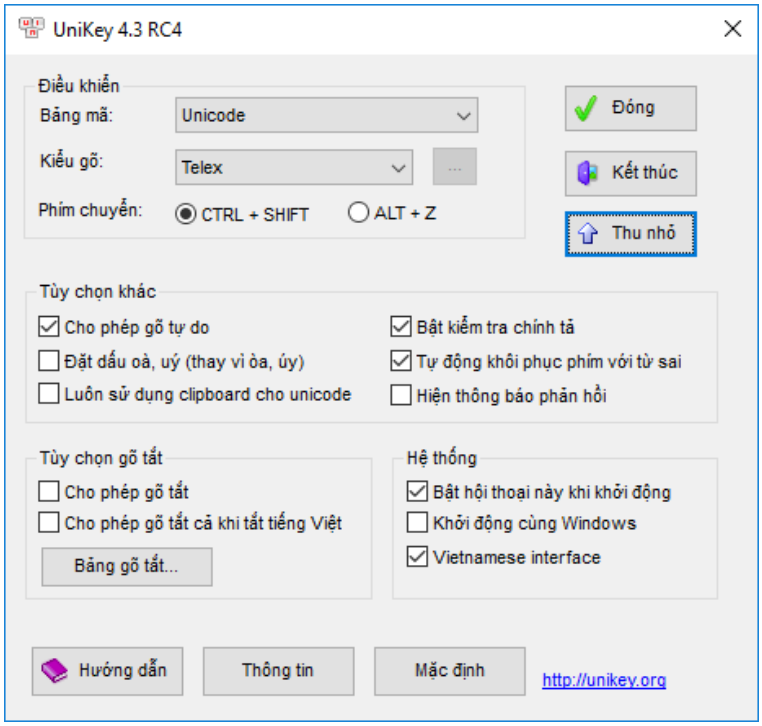
- Chọn OK, màn hình sẽ được điều chỉnh về độ phân giải 1366x768

1.1.4 Hướng dẫn cách gõ tiếng Việt có dấu

- Yêu cầu phải run VietKey hoặc Unikey bằng user quyền admin để gõ tiếng Việt, cho phép sử dụng bằng user thường.
- Thực hiện cấu hình như dưới đây để gõ Unicode bằng bộ gõ VietKey2000:

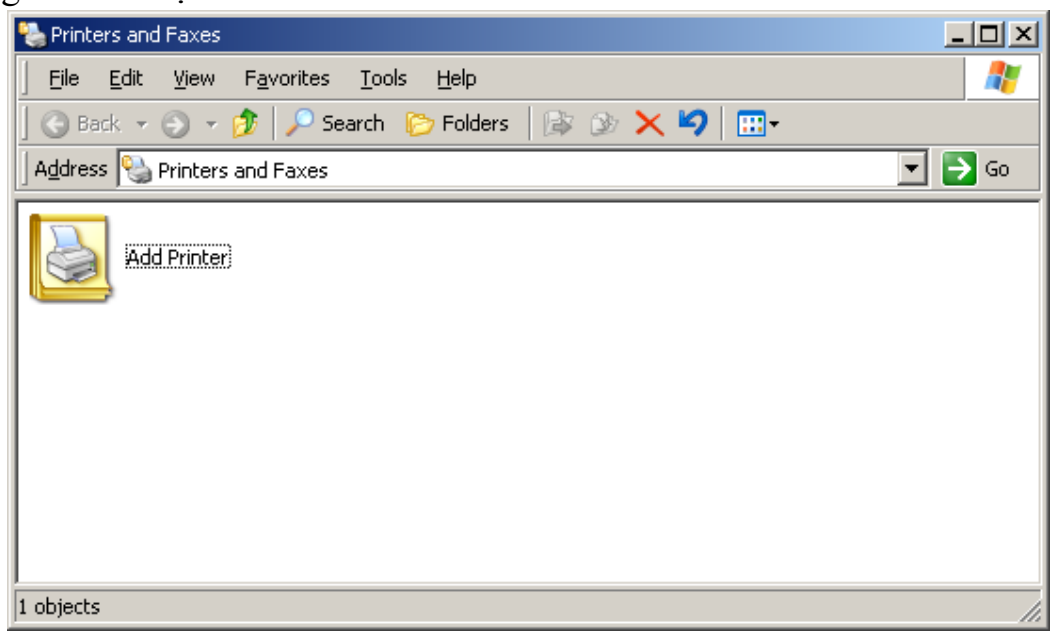


- Để có thể thực hiện nhập dữ liệu vào chương trình HTKK bằng bộ gõ Unikey, Trong cửa sổ làm việc của phần mềm Unikey người sử dụng chọn Bảng mã là: Unicode; Kiểu gõ phím là: Telex



1.1.5 Hướng dẫn kết nối máy in

Trước khi in thì máy in phải được nối với máy tính và máy tính cần phải được cài đặt phần mềm điều khiển máy in này. Trong windows việc thực hiện như sau: Vào START/Settings/Printers and Faxes. Sau đó thực hiện Add Printer theo hướng dẫn của hệ điều hành Windows



1.1.6 Khởi động ứng dụng

- Yêu cầu phải cài đặt và khởi động ứng dụng lần đầu bằng user có quyền admin. Nếu sử dụng user có quyền admin thì mở ứng dụng lần đầu như bình thường. Nếu sử

dụng user không có quyền admin để mở ứng dụng lần đầu tiên thì hiển thị màn hình yêu cầu đăng nhập tài khoản admin cho lần chạy đầu tiên. Từ các lần chạy tiếp theo, user thường chạy ứng dụng như bình thường và không yêu cầu đăng nhập tài khoản admin.

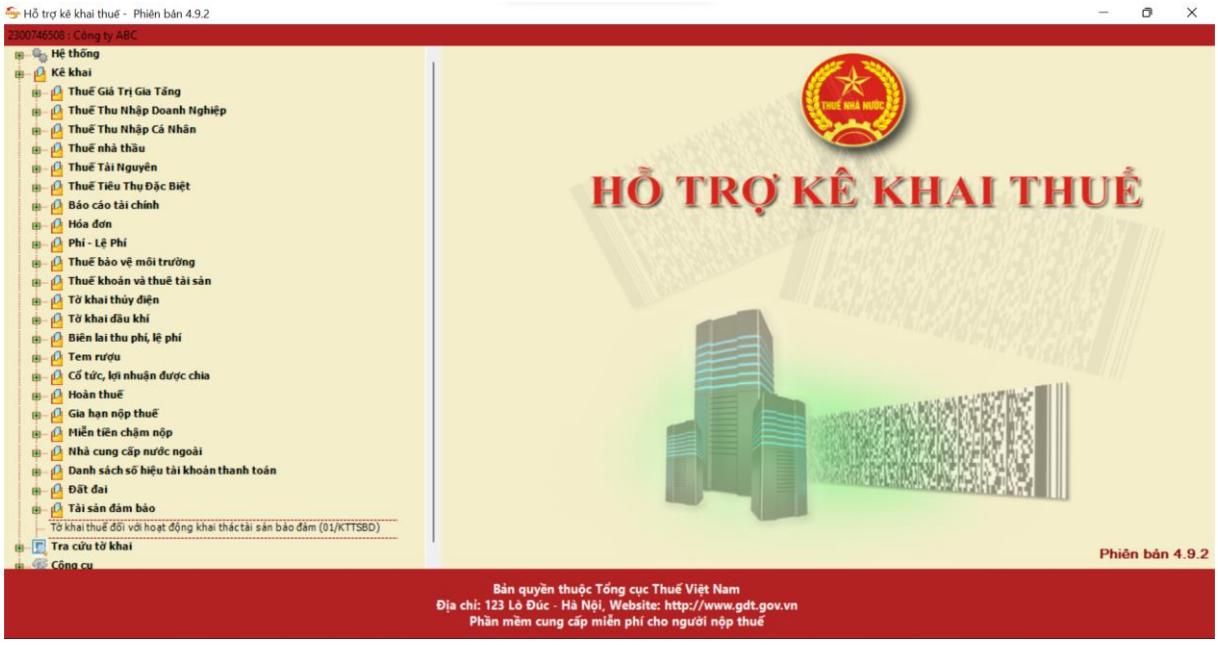
- Khởi động ứng dụng bằng cách kích kép chuột vào biểu tượng HTKK trên màn hình hoặc vào START/Programs/Tong Cuc Thue/Ho tro ke khai/HTKK



- Để bắt đầu sử dụng, cần phải nhập mã số thuế. Nếu là lần khai báo mã số thuế đầu tiên thì hệ thống sẽ hiển thị ngay màn hình để khai báo thông tin về doanh nghiệp, ngược lại nếu không phải khai báo lần đầu thì sẽ xuất hiện giao diện chính của ứng dụng.
- Nếu người sử dụng thực hiện kê khai cho nhiều mã số thuế thì chọn lần lượt từng mã số để khai báo trong màn hình này. Khi đang kê khai cho một mã số thuế mà muốn chuyển sang mã số khác thì kích vào chức năng chuyển mã số khác… trong menu "Hệ thống".

1.1.7 Giao diện ứng dụng

- Giao diện chính của ứng dụng hỗ trợ kê khai như sau:



- Trên giao diện chính thể hiện menu điều khiển ở góc trên, bên trái và số hiệu phiên bản ứng dụng.

1.1.8 Sử dụng hệ thống menu

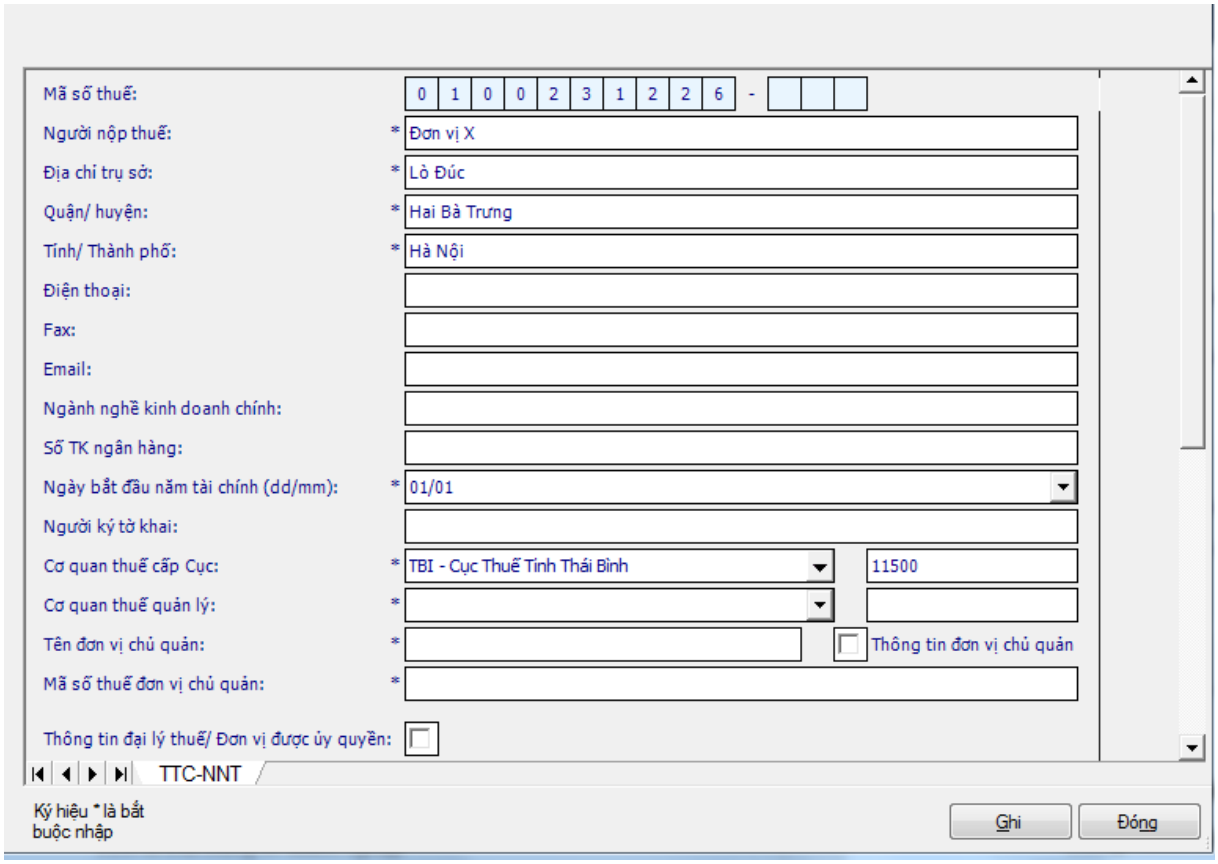
- Menu được đặt phía bên trái trên màn hình. Khi vào màn hình chức năng thì menu sẽ biến mất, và sẽ hiện trở lại khi thoát chức năng.



- Có thể dùng chuột hoặc bàn phím để điều khiển menu. Di chuột trên menu tương ứng với các phím mũi tên lên và xuống, kích chuột trái tương ứng với phím Enter. Mục không có hình kèm theo gắn với một màn hình chức năng, còn mục chữ đậm và có hình thể hiện nhóm các chức năng có cùng ý nghĩa. Bên trái các mục chọn có hình dấu + hoặc –. Khi kích chuột trái lên hình dấu + thì các mục chức năng sẽ hiển thị, ngược lại lên dấu – thì các mục này sẽ được thu gọn và biến mất.

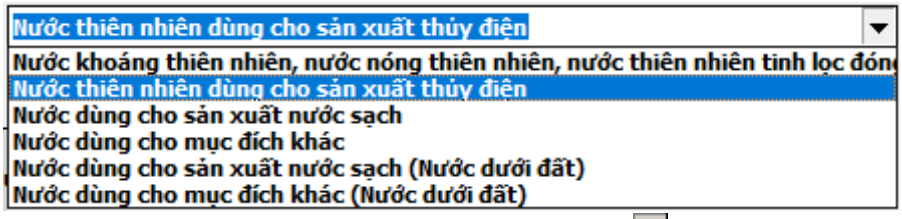
1.1.9 Kê khai thông tin doanh nghiệp

- Có 2 hình thức khởi động chức năng này:
  + Từ menu "Hệ thống", chọn chức năng “Thông tin doanh nghiệp”.
  + Tự khởi động sau khi nhập mã số thuế mới trong bước khởi động ứng dụng
- Các trường đánh dấu * là các trường phải nhập
- Trường ngày bắt đầu năm tài chính phải là ngày đầu quý (01/01, 01/04, 01/07, 01/10). Giá trị này được sử dụng để xác định mẫu tờ khai TNDN tạm nộp quý và quyết toán TNDN năm. Do đó cần phải nhập chính xác giá trị này và không được sửa nếu đã kê khai các tờ khai thuế TNDN trên đây. Nếu thay đổi doanh nghiệp sẽ phải xoá và kê khai lại các tờ khai TNDN đã kê khai.



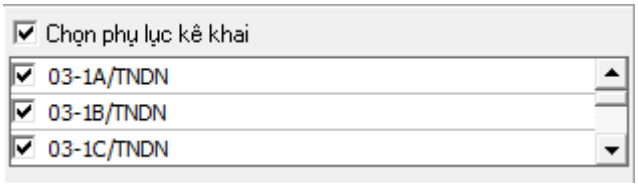
1.1.10 Điều khiển nhập dữ liệu

- Nhập theo danh sách:



+ Khi bấm chuột trái vào nút "liệt kê danh sách" sẽ thấy xuất hiện các giá trị có thể chọn. Bạn không thể nhập thông tin khác vào đây được. Theo ví dụ hình bên thì chỉ có thể chọn giá trị trong mục chọn này.

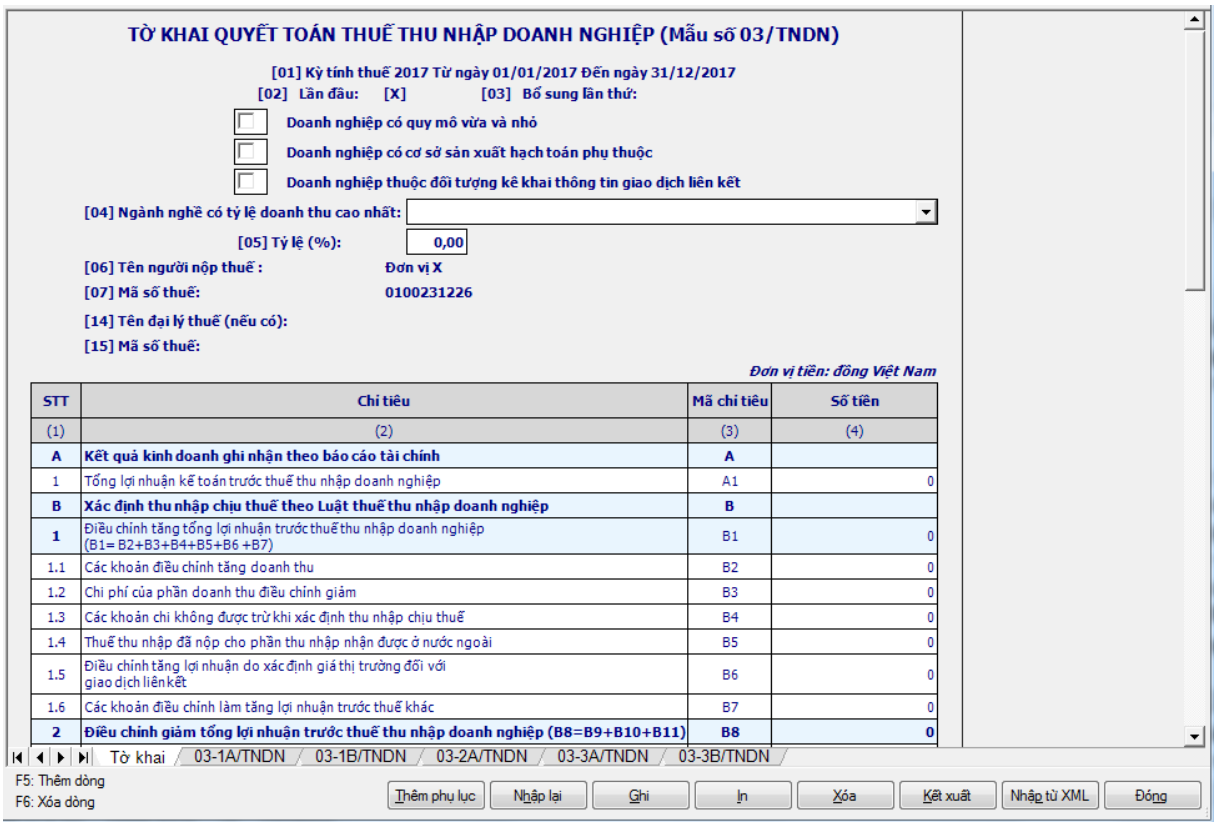
- ***<u>Chọn có hoặc không và lựa chọn nhiều phương án theo danh sách</u>***:



+ Mục chọn là câu trả lời có hoặc không cho câu hỏi đi kèm. Đánh dấu tương ứng với câu trả lời có, khi đó sẽ xuất hiện dấu tích , ngược lại là trả lời không. Kích nút chuột trái hoặc phím <Space> để đặt hoặc bỏ dấu tích . Trong ví dụ hình bên tương ứng với lựa chọn 2 phụ lục dưới và không chọn phụ lục trên cùng. Nếu đánh dấu vào "Chọn phụ lục kê khai" thì cả 3 mục dưới sẽ được đánh dấu và ngược lại.

+ Có thể dùng chuột hoặc bàn phím để di chuyển giữa các lựa chọn. Trong ví dụ hình bên dùng phím mũi tên lên, xuống để dịch chuyển giữa mục PL 03-1A/TNDN và PL 03-1B/TNDN. Hoặc dùng nút chuột trái để lựa chọn.

- Nhập dữ liệu theo bảng:



Trên giao diện bảng bạn chỉ nhập được vào các dòng chi tiết màu trắng, các dòng màu xanh sẽ tự động tính giá trị theo công thức tương ứng. Bạn không thể di chuyển đến cũng như không thể sửa thẳng vào các dòng màu xanh này được.

+ Bấm phím <Tab> hoặc <Enter> để di chuyển đến ô tiếp theo, nếu muốn di chuyển ngược về ô phía trước thì nhấn giữ phím <Shift> và bấm phím <Tab>. Có thể sử dụng chuột để thay thế cho tất cả các thao tác này.

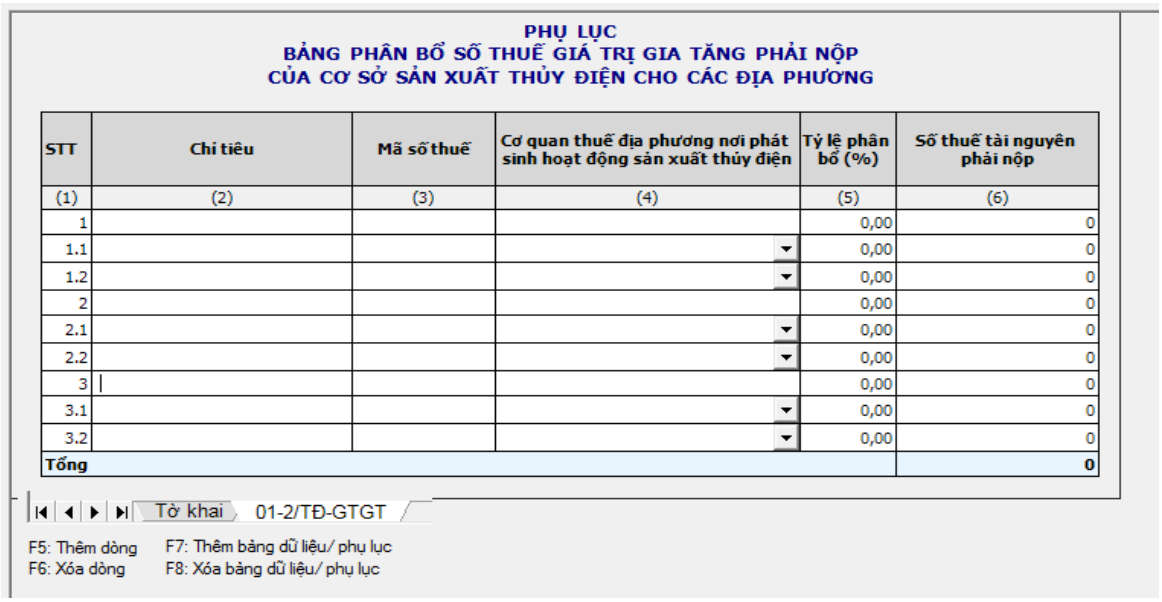
+ Bấm phím mũi tên lên hoặc xuống để dịch chuyển lên dòng trên hoặc xuống dưới.

+ Sử dụng thanh cuốn  phía bên phải bảng để hiển thị các dòng còn lại. Nếu bạn bấm vào các nút mũi tên thì bảng sẽ dịch lên hoặc xuống từng dòng. Nếu bạn bấm, giữ và kéo hộp cuốn thì sẽ hiển thị nhiều dòng một lúc.

+ Bấm phím F5 để thêm dòng mới trong bảng. Nếu bảng chia thành nhiều mục và mỗi mục được phép thêm dòng thì dòng cuối cùng là dòng cuối của các mục này.

+ Bấm phím F6 để xóa dòng trong bảng. Bạn không thể xóa được dòng đầu tiên. Nếu bảng chia thành nhiều mục và mỗi mục được phép xóa dòng thì dòng đầu tiên là dòng đầu của các mục này.

+ Bấm phím F7 để thêm bảng dữ liệu mới (trường hợp ứng dụng cho phép thêm bảng động trong tờ khai/ phụ lục) hoặc dòng cấp 1 (trường hợp ứng dụng cho phép thêm dòng cấp 1 như 1,2,3… trong đó tồn tại cả dòng cấp con là 1.1, 2.1, 3.1…)



PHỤ LỤC
BẢNG PHÂN BỔ SỐ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG PHẢI NỘP
CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT THỦY ĐIỆN CHO CÁC ĐỊA PHƯƠNG

STT	Chỉ tiêu	Mã số thuế	Cơ quan thuế địa phương nơi phát sinh hoạt động sản xuất thủy điện	Tỷ lệ phân bổ (%)	Số thuế tài nguyên phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1				0,00	0
1.1				0,00	0
1.2				0,00	0
2				0,00	0
2.1				0,00	0
2.2				0,00	0
3				0,00	0
3.1				0,00	0
3.2				0,00	0
Tổng					0

Tờ khai | 01-2/TĐ-GTGT

F5: Thêm dòng F7: Thêm bảng dữ liệu/ phụ lục
F6: Xóa dòng F8: Xóa bảng dữ liệu/ phụ lục

+ Bấm phím F8 để xóa bảng dữ liệu động đã tạo thêm. Dùng phím chuột trái hoặc giữ phím <Ctrl> và gõ phím <Page Up>, <Page Down> để chuyển đổi giữa các phụ lục trên màn hình có nhiều sheet (như màn hình tờ 03/TNDN trên).

- Kích thước và format dữ liệu:

+ Dữ liệu kiểu số nhập được tối đa 15 chữ số (không vượt quá 100 nghìn tỷ).

+ Các trường nhập số tiền cho phép nhập chi tiết đến đồng Việt. Dấu phân cách giữa triệu tram nghìn là dấu chấm (.). Ví dụ 123.456.789

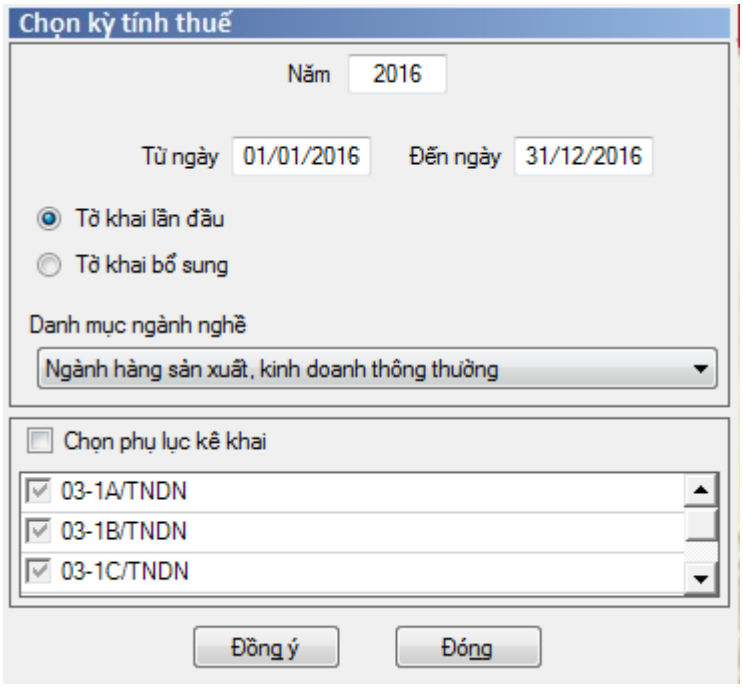
+ Các trường nhập tỷ lệ cho phép nhập đến 2 số thập phân. Dấu chấm (.) phân cách 3 số còn dấu phảy (,) để phân biệt phần thập phân. Ví dụ 65.234,25.

+ Trường kiểu ngày (dd/mm/yyyy), bạn phải nhập theo đúng định dạng kể cả dấu /. Nếu không nhập đúng định dạng thì ứng dụng sẽ cảnh báo.

+ Các trường được quy định chỉ cho phép nhập số thì không thể nhập chữ. Hệ thống sẽ không nhận và hiển thị chữ trong các trường hợp này.

1.1.11 Nhập mới, mở tờ khai thuế

- Trong menu "Kê khai" chọn một tờ khai, xuất hiện màn hình nhập kỳ tính thuế. Kỳ tính thuế sẽ hiển thị theo tháng hoặc quý tuỳ thuộc vào mẫu tờ khai.



- Nếu tờ khai có phụ lục đi kèm thì hệ thống sẽ hiển thị danh sách các phụ lục để lựa chọn. Chỉ những phụ lục được chọn thì mới xuất hiện trong màn hình tiếp theo.
- Sau khi chọn kỳ, nếu tờ khai của kỳ này đã được kê khai trước đó thì hệ thống sẽ tự đánh dấu những phụ lục đã được kê khai trước đó. Bạn không thể xoá bỏ những phụ lục này được. Nếu muốn xoá bỏ phụ lục thì vào màn hình kê khai, chọ phụ lục muốn xoá và bấm nút "Xoá".

Ví dụ hình trên tương ứng với tờ khai Quyết toán thuế TNDN năm 2016. Tờ khai này đã được khai trước đó, có 3 phụ lục 03-1A/TNDN, 03-1B/TNDN, 03-1C/TNDN đã được kê khai thể hiện bằng dấu check mờ. Bấm vào nút "Đồng ý" thì khi đó màn hình kê khai sẽ xuất hiện giao diện tờ khai và 3 phụ lục. Nếu muốn xoá phụ lục nào thì chuyển đến màn hình của phụ lục đó và bấm nút "Xoá".

1.1.12 Các chức năng trên màn hình kê khai tờ khai

Trên màn hình kê khai tờ khai có tất cả 11 nút chức năng:

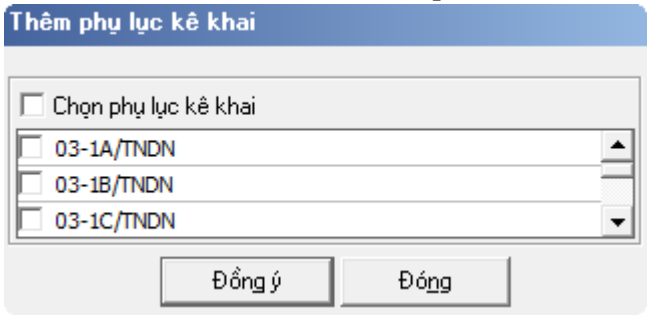


- Thêm phụ lục:



+ Sử dụng chức năng này cho phép thêm mới một phụ lục khác vào tờ khai.

+ Kích hoạt chức năng này bằng cách nhấn nút chuột trái vào nút “Thêm phụ lục” hoặc bấm phím tắt <Alt> + T. Màn hình thêm phụ lục tờ khai xuất hiện như sau:



+ Nếu muốn thêm phụ lục nào thì chọn ô check tương ứng sau đó nhấn chuột trái vào nút "Đồng ý" (hoặc bấm phím tắt <Atl> + G) để thêm mới phụ lục. Hoặc có thể nhấn chuột trái vào nút "Đóng" (hoặc ấn phím tắt <Alt> + N) để thoát khỏi màn hình mà không thêm phụ lục nào.

- Tải tờ khai:



+ Sử dụng chức năng này để tải tờ khai định dạng file excel vào form kê khai.

+ Kích hoạt chức năng này bằng cách nhấn chuột trái vào nút "Tải tờ khai" hoặc bấm phím tắt <Alt> + A.

- Tải bảng kê:



+ Sử dụng chức năng này để tải bảng kê file excel vào form kê khai, cho phép lựa chọn thêm dữ liệu vào thông tin đã có hoặc thay thế dữ liệu cũ bằng dữ liệu tải vào.

+ Kích hoạt chức năng này bằng cách nhấn chuột trái vào nít "Tải bảng kê" hoặc bấm phím tắt <Alt> + B.

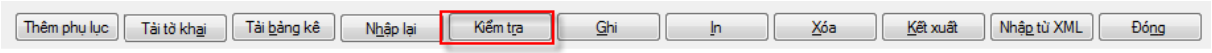
- Nhập lại thông tin:



+ Sử dụng chức năng này để xoá bỏ toàn các thông tin đã kê khai trên màn hình để kê khai lại từ đầu.

+ Kích hoạt chức năng này bằng cách nhấn nút chuột trái vào nút "Nhập lại" hoặc bấm phím tắt <Alt> + H.

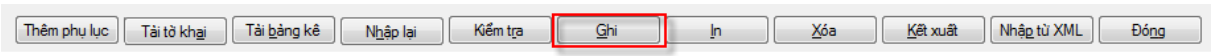
- Kiểm tra:



+ Sử dụng chức năng này để kiểm tra tính hợp lệ của tờ khai theo các yêu cầu ràng buộc nghiệp vụ. Nếu thông tin sai thì hệ thống báo thông tin kê khai sai, tờ khai không hợp lệ, nếu thông tin đáp ứng ràng buộc nghiệp vụ thì hệ thống thông báo tờ khai hợp lệ.

+ Kích hoạt chức năng này bằng cách nhấn nút chuột trái vào nút "Kiểm tra" hoặc bấm phím tắt <Alt> + R.

- Ghi thông tin kê khai:



+ Sử dụng chức năng này để ghi lại các thông tin thay đổi trên màn hình tờ khai vào file tờ khai. Ứng dụng kiểm tra dữ liệu kê khai trước khi ghi, nếu thông tin sai hệ thống sẽ báo lỗi nhưng vẫn cho phép ghi.

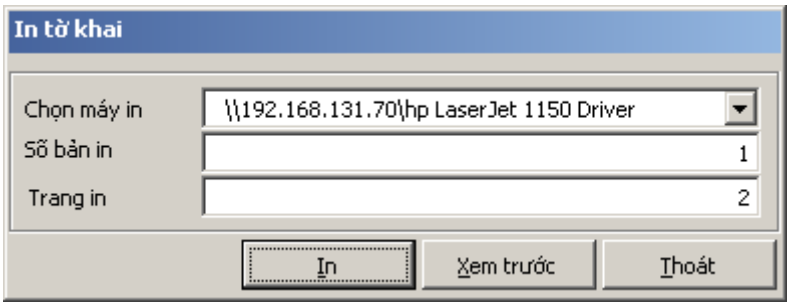
+ Kích hoạt chức năng này bằng cách nhấn nút chuột trái vào nút "Ghi" hoặc bấm phím tắt <Alt> + G.

- In tờ khai:



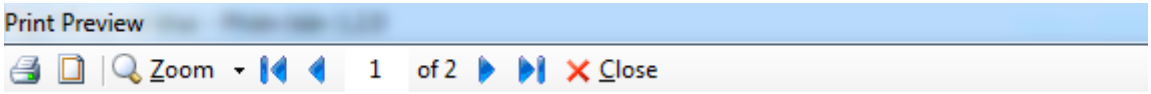
+ Sử dụng chức năng này để in dữ liệu kê khai trên màn hình ra mẫu tờ khai, ứng dụng kiểm tra dữ liệu và chỉ xuất hiện màn hình in khi dữ liệu không còn lỗi.

+ Kích hoạt chức năng này bằng cách nhấn nút chuột trái vào nút "In" hoặc bấm phím tắt <Alt> + I. Màn hình in xuất hiện như sau:



+ Bạn có thể chọn máy in, số bản in và số trang in. Mục "Chọn máy in" sẽ hiển thị tên máy in mặc định được cấu hình trong Windows. Nếu không thấy tên máy in thì tức là máy tính này chưa được cài máy in. Khi đó phải cài máy in trước khi sử dụng ứng dụng.

+ Nếu muốn xem trước màn hình in ra thì bấm chuột trái vào nút "Xem trước". Màn hình xem trước xuất hiện trên đó có các nút để dịch chuyển giữa các trang, phóng to, thu nhỏ, nút in và thoát.



- Nút có hình mũi tên sang bên phải để dịch chuyển sang trang tiếp theo. Nếu là trang cuối cùng thì màu của mũi tên sẽ đổi thành .
- Nút có hình mũi tên sang bên trái để dịch chuyển sang trang trước. Nếu là trang đầu tiên thì màu của mũi tên sẽ đổi thành .
- Nút để phóng to hoặc thu nhỏ màn hình in.
- Nút để in ra máy in đồng thời thoát màn hình xem trước.
- Nút để thoát màn hình xem trước.

- Xóa tờ khai:



+ Sử dụng chức năng này để xoá tờ khai hoặc phụ lục nếu có. Nếu giao diện là màn hình tờ khai thì ứng dụng sẽ hỏi và cho xoá tờ khai (và các phụ lục kèm theo nếu có), ngược lại nếu là giao diện phụ lục thì sẽ hỏi có xoá phụ lục này không và cho phép xoá phụ lục hiện tại.

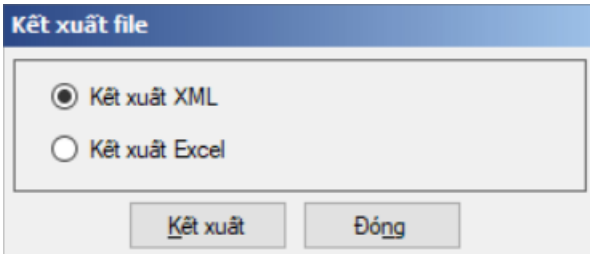
+ Đây là chức năng duy nhất để xoá phụ lục trong trường hợp phụ lục đó không cần thiết nữa.

+ Kích hoạt chức năng này bằng cách nhấn nút chuột trái vào nút "Xoá" hoặc bấm phím tắt <Alt> + X.

Thông tin liên quan: Thêm mới phụ lục

- Kết xuất tờ khai:





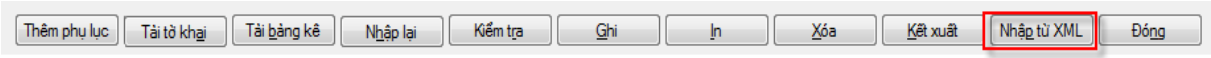
+ Sử dụng chức năng này để kết xuất dữ liệu kê khai trên màn hình ra file excel/ file XML, ứng dụng kiểm tra dữ liệu và chỉ cho phép kết xuất ra file khi dữ liệu không còn lỗi.

+ Kích hoạt chức năng này bằng cách nhấn nút chuột trái vào nút "Kết xuất" hoặc bấm phím tắt <Alt> + K.

+ Đối với các tờ khai thay đổi chuẩn, khi chuyển đổi dữ liệu từ bản 5.x.x sang bản 5.x.x+1, NSD thực hiện ghi lại dữ liệu tờ sai, sau đó đóng và mở lại tờ khai để thực hiện kết xuất

- VD: Các tờ khai 02/TNDN, 03/TNDN, 04/TNDN kê khai trên bản 4.4.9, khi kết xuất trên bản 4.5.0 trở đi NNT nhấn <Ghi> tờ khai, đóng lại tờ khai và mở lại để kết xuất

- Nhập từ XML:



+ Sử dụng chức năng này để nhận dữ liệu tờ khai từ file XML có cấu trúc theo đúng cấu trúc chuẩn quy định.

+ Kích hoạt chức năng này bằng cách nhấn nút chuột trái vào nút "Nhập từ XML" hoặc bấm phím tắt <Alt> + P

- Thoát màn hình kê khai:



+ Sử dụng chức năng này để thoát chức năng kê khai. Kích hoạt chức năng này bằng cách nhấn nút chuột trái vào nút "Đóng" hoặc bấm phím tắt <Alt> + N.

1.1.13 Kiểm tra và thông báo kê khai sai

- ***Kiểm tra:*** Kiểm tra lỗi là bước được thực hiện đầu tiên trước khi ghi, in hoặc kết xuất tờ khai. Hệ thống sẽ kiểm tra xem tất cả các mục bắt buộc phải nhập đã được điền thông tin chưa? Đồng thời đối chiếu kiểm tra giữa các chỉ tiêu có đúng theo quy định kê khai không? Nếu có lỗi kê khai thì vẫn được ghi nhưng không thể in hoặc kết xuất tờ khai.

- ***Thông báo sai:*** Nếu kê khai sai hệ thống sẽ thông báo có lỗi kê khai, tất cả các ô kê khai lỗi sẽ hiển thị với nền màu hồng và có một dấu đỏ phía góc trên bên phải . Khi đưa con chuột vào dấu đỏ này hệ thống tự hiển thị nội dung lỗi và hướng dẫn sửa. Hệ thống tự động nhảy về ô bị lỗi đầu tiên. Dưới đây là một ví dụ về thông báo lỗi.

C	**Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh**		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B13)	C1	858.601.472.600.000
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ	C3	370.005.000.000
3.1	Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	350.000.000.000
3.2	Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	20.005.000.000
4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3a-C3b)	C4	858.231.467.600.000
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	740.000.000
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8+C9)	C6	858.230.727.600.000
6.1	Trong đó: + Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất 22% (bao gồm cả thu nhập được áp dụng thuế suất ưu đãi)	C7	0
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất 20% (bao gồm cả thu nhập được áp dụng thuế suất ưu đãi)	C8	858.231.462.600.000
6.3	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C9	0
	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C9a	100
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi (C10 =(C7 x 22%) + (C8 x 20%) + (C9 x C9a))	C10	171.646.292.520.001

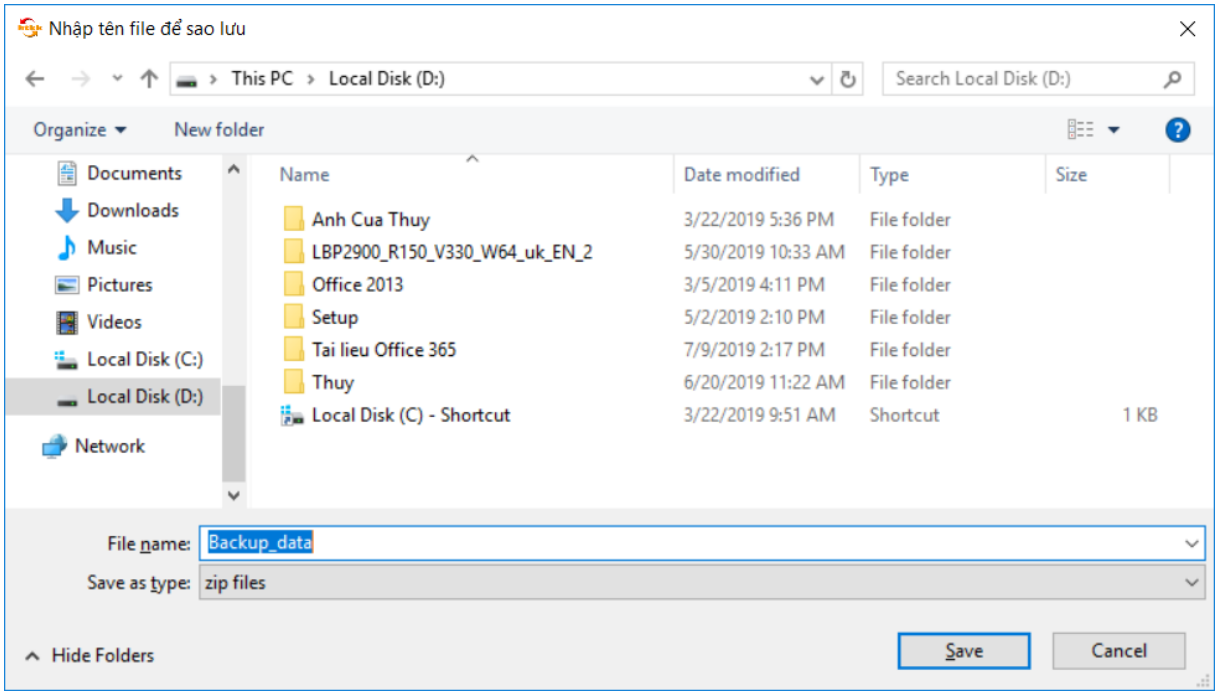
Chỉ tiêu C6 phải bằng (C7 + C8 + C9)

+ Thực hiện các bước sau đây để sửa lỗi:

- ***Bước 1:*** Đưa con chuột vào dấu màu đỏ để hệ thống hiển thị nội dung và hướng dẫn sửa lỗi
- ***Bước 2:*** Thực hiện sửa lỗi, hãy bấm F1 nếu cần hướng dẫn chi tiết cho mục kê khai này.
- ***Bước 3:*** Bấm nút "Ghi" hoặc "In" hoặc "Kết xuất" để hệ thống kiểm tra lại dữ liệu sau khi sửa.
- ***Bước 4:*** Lặp lại các bước từ 1 đến 3 cho đến khi hệ thống không xuất hiện thông báo lỗi.

1.1.14 Sao lưu dữ liệu

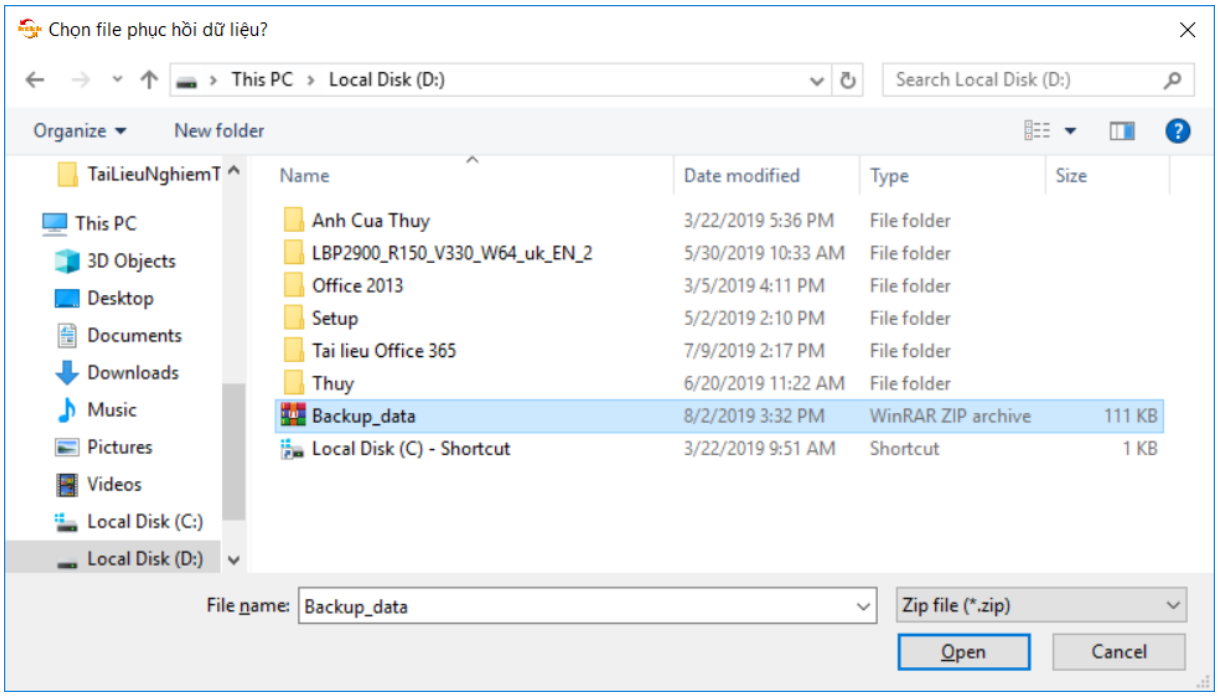
- Trong trường hợp cần cài đặt lại máy tính hoặc chuyển ứng dụng từ máy này sang máy khác thì sẽ xuất hiện nhu cầu chuyển dữ liệu kê khai từ nơi này sang nơi khác. Việc đó được thực hiện bằng chức năng sao lưu và phục hồi dữ liệu.
- Từ menu "Công cụ", chọn chức năng “Sao lưu dữ liệu”.



- Nhập tên file sao lưu (ví dụ backup). Bấm nút "Save" để thực hiện sao lưu toàn bộ dữ liệu đã kê khai ra file này.
- Chạy chức năng "Phục hồi" để thực hiện khôi phục lại dữ liệu đã sao lưu.

1.1.15 Phục hồi dữ liệu

- Từ menu "Công cụ", chọn chức năng “Phục hồi dữ liệu”.



- Nhập vào file chứa dữ liệu đã sao lưu (đường dẫn đầy đủ). Bấm nút "Open" để thực hiện khôi phục lại toàn bộ dữ liệu đã sao lưu vào ứng dụng.

1.1.16 Kết xuất ra file PDF

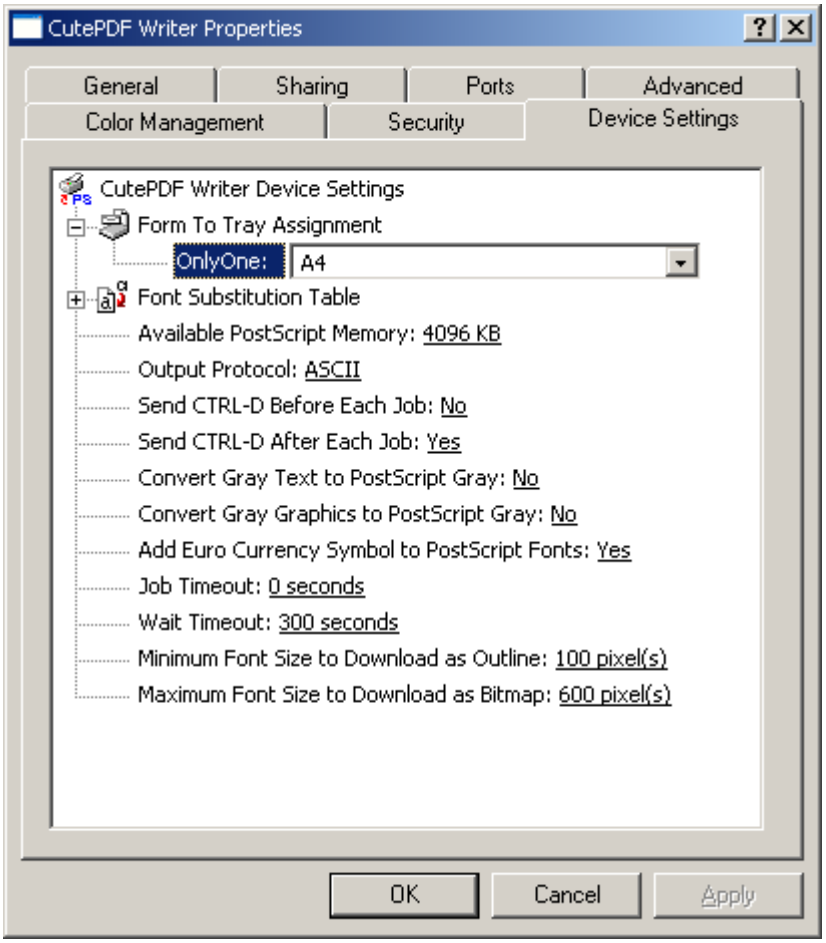
Trong trường hợp người sử dụng không có máy in laser hoặc có mục đích khác thì có thể kết xuất tờ khai ra file .PDF Để thực hiện điều đó cần làm 3 bước sau:

- Cài đặt phần mềm hỗ trợ kết xuất ra file PDF:

+ Vào thư mục PDF Writer, lần lượt chạy cài đặt 2 file Converter.exe và CuteWriter.exe (theo hướng dẫn trên màn hình).

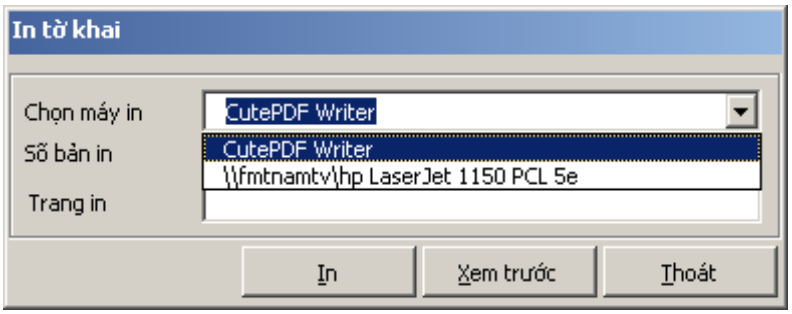
+ Cài xong trong mục Start -> Setttings -> Printers and Faxes sẽ xuất hiện máy in tên là CutePDF Writer.

+ Cấu hình kiêu giấy A4 cho máy in CutePDF Writer, bằng cách kích phải chuột vào tên máy in, chọn mục Device Settings, tại mục From To Tray Assignment (Onlyone) chọn kiểu A4.

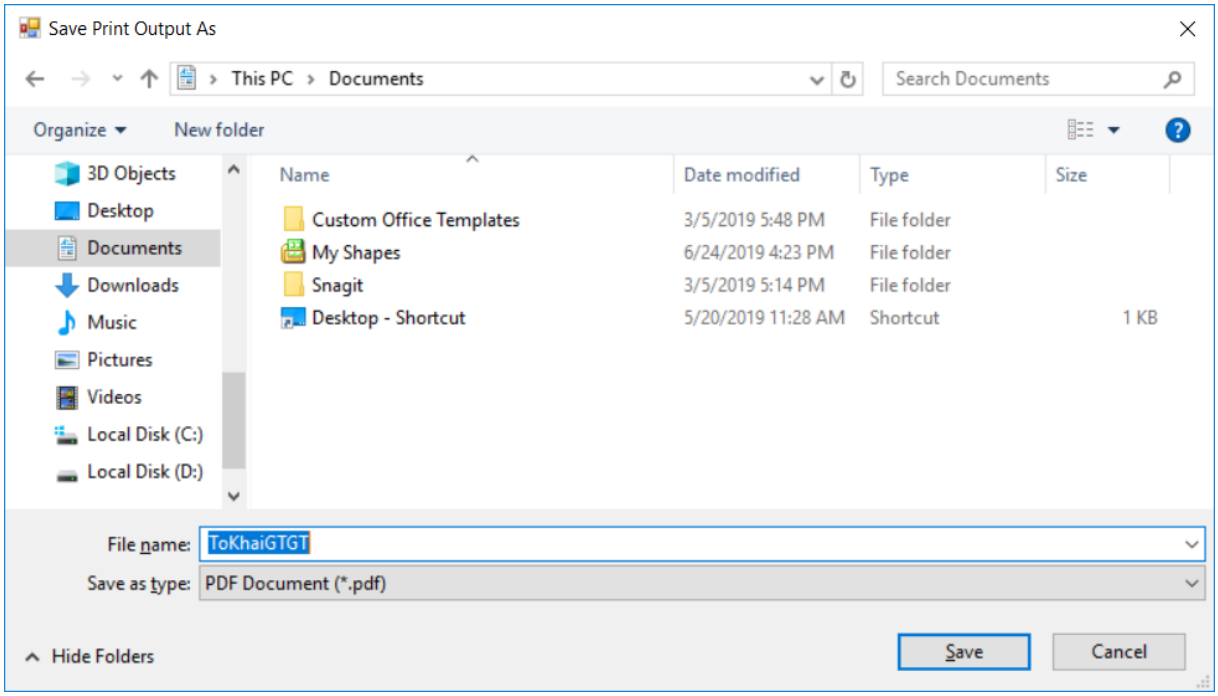


- Kết xuất tờ khai ra file PDF:

+ Từ ứng dụng hỗ trợ kê khai, mở tờ khai cần kết xuất. Chọn nút In sẽ xuất hiện màn hình:

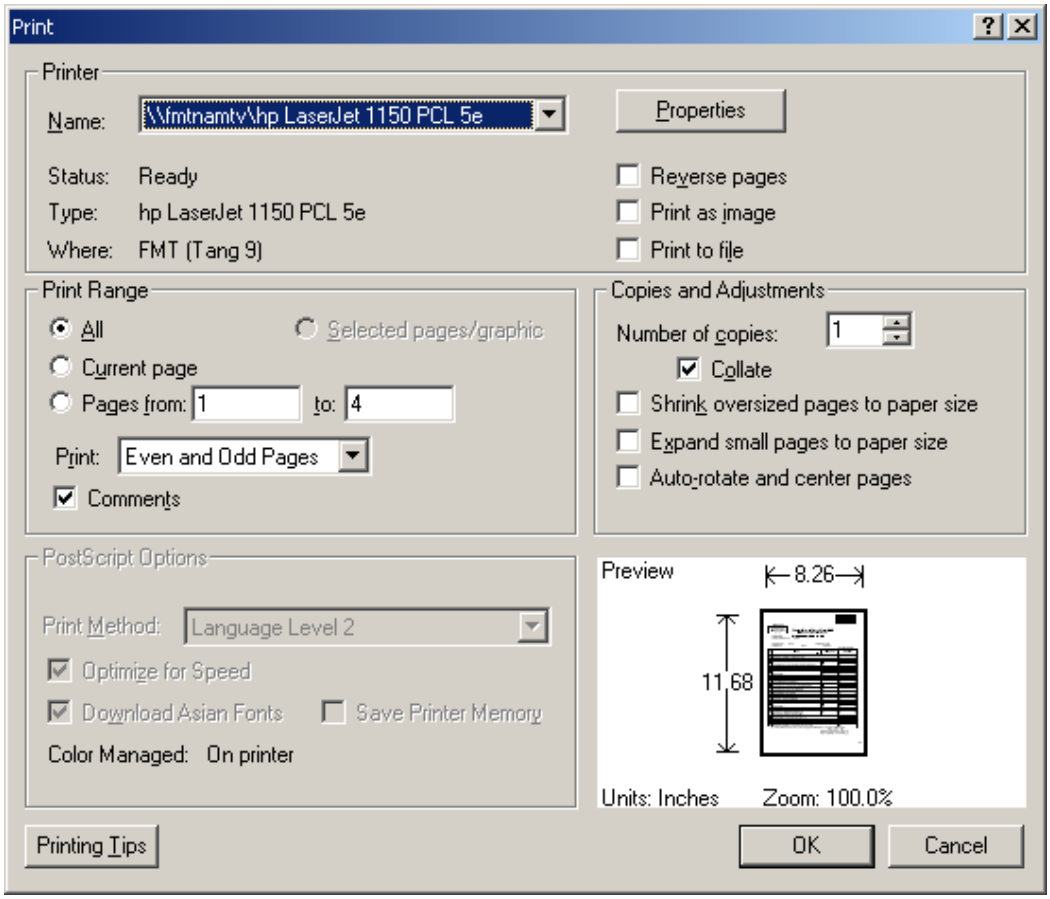


+ Chọn máy in tên là “CutePDF Writer”, bấm nút In. Hệ thống sẽ hỏi tên file. Người dùng gõ tên file và bấm Save.



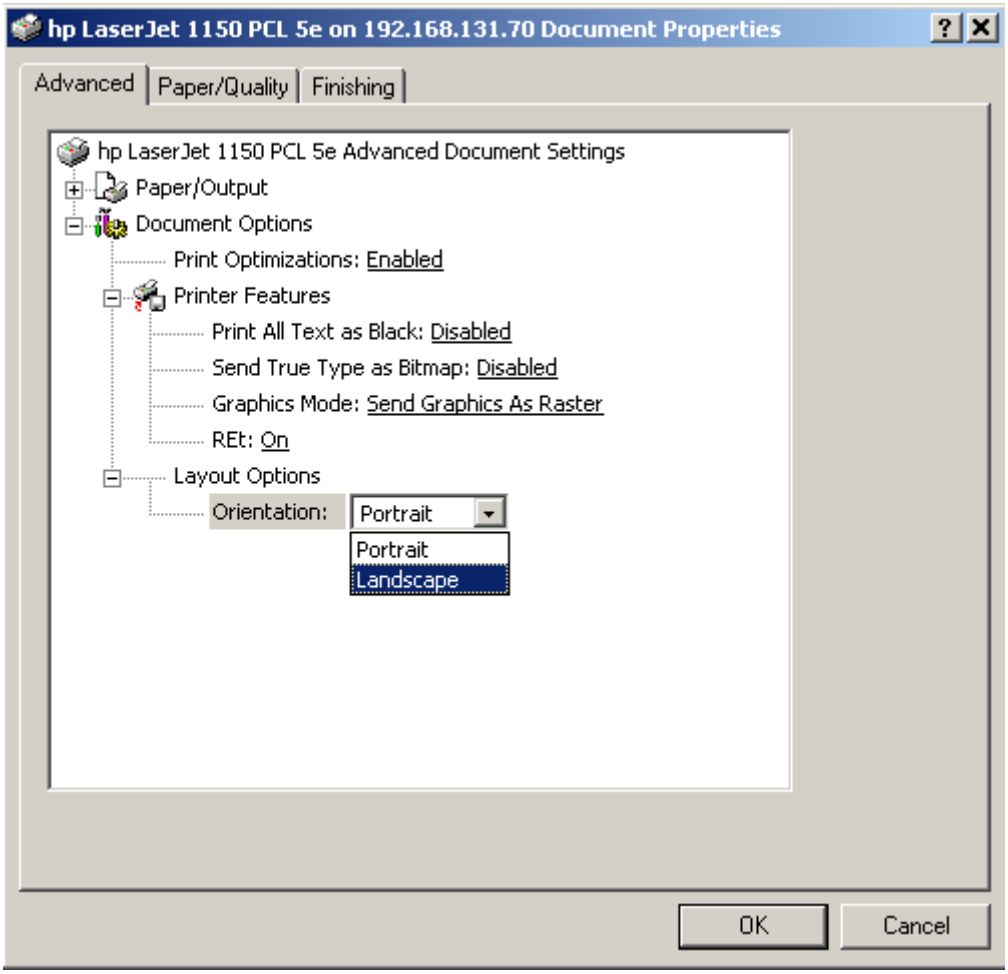
- In tờ khai từ file PDF:

+ Để in tờ khai ra đúng thì cần phải cài đặt và in từ bản Acrobat Reader 5. Cài đặt bằng cách chạy file AcrobatReader5.exe trong đĩa CD. Sau đó mở file tờ khai vừa kết xuất ra và chọn Print.



Chú ý: Nếu trong tờ khai bao gồm cả các trang có khổ giấy A4 dọc và A4 ngang thì khi in chỉ được phép chọn In lần lượt các trang. Khi in đến trang có khổ

giấy A4 ngang nhấn vào nút Properties để thiết lập lại thông số trang In như sau:



+ Trong cửa sổ làm việc Advanced chọn mục Layout Options\Orientation và thiết lập lại thông số là Landscape (In ngang). Nhấm OK để trở lại màn hình chọn thông số In ban đầu.

+ Sau khi In xong các trang có khổ giấy A4 ngang cần thiết lập thông số Layout Options\Orientation trở lại giá trị Portrait để tiếp tục In các trang có khổ giấy A4 dọc.

+ Bỏ các check trước khi nhấm OK để In:

- Sharink oversized pages to paper size
- Expand small pages to paper size
- Auto-rotate and center pages

1.1.17 Danh mục

1.1.17.1 Đăng ký danh mục thuế tài nguyên và tiêu thụ đặc biệt

- Chức năng đăng ký danh mục dùng để đăng ký các danh mục biểu thuế doanh nghiệp thường sử dụng của hai loại tờ khai thuế tài nguyên và thuế tiêu thụ đặc biệt. Nếu không sử dụng chức năng này thì mặc định tất cả các danh mục sẽ được đưa vào danh sách chọn trong các tờ khai này khi kê khai.

- Ngoài ra, với danh mục biểu thuế tiêu thụ đặc biệt chức năng đăng ký danh mục còn cho phép người dùng thay đổi giá trị bao bì (nếu có) tương ứng với Thông tư (quyết định) của tổng cục thuế phát hành.

- Bảng danh mục thuế dùng để kê khai luôn là hiện hành đối với ngày hệ thống, không thể mở bảng danh mục đã hết thời hạn hiệu lực so với ngày hệ thống.
- Chạy chức năng này như sau:

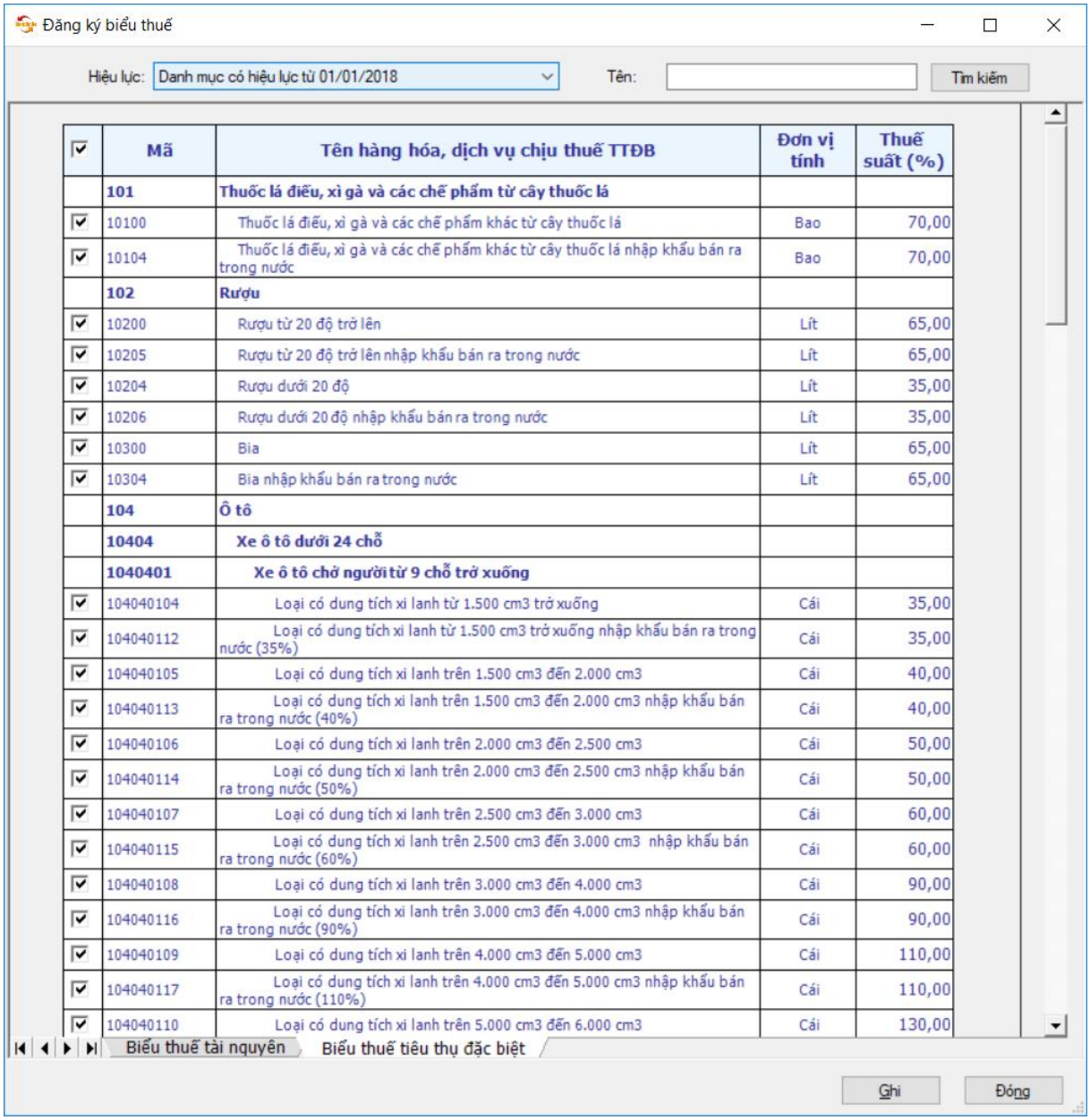
+ Từ menu "Công cụ", chọn chức năng "Đăng ký danh mục thuế tài nguyên và thuế tiêu thụ đặc biệt". Trên màn hình xuất hiện cửa sổ làm việc như sau:



+ Đây là danh mục "Biểu thuế tài nguyên". Muốn đăng ký biểu thuế nào người sử dụng chọn vào dòng có mặt hàng tương ứng.

+ Sau khi đã đăng ký xong danh mục cho biểu thuế ấn nút "Ghi" để lưu thông tin đã đăng ký vào dữ liệu riêng của doanh nghiệp. Và chọn nút "Đóng" để kết thúc làm việc.

- Tương tự như vậy để đăng ký danh mục biểu thuế tiêu thụ đặc biệt người sử dụng chọn cửa sổ làm việc tiếp theo "Biểu thuế tiêu thụ đặc biệt" ở cuối cửa sổ làm việc:

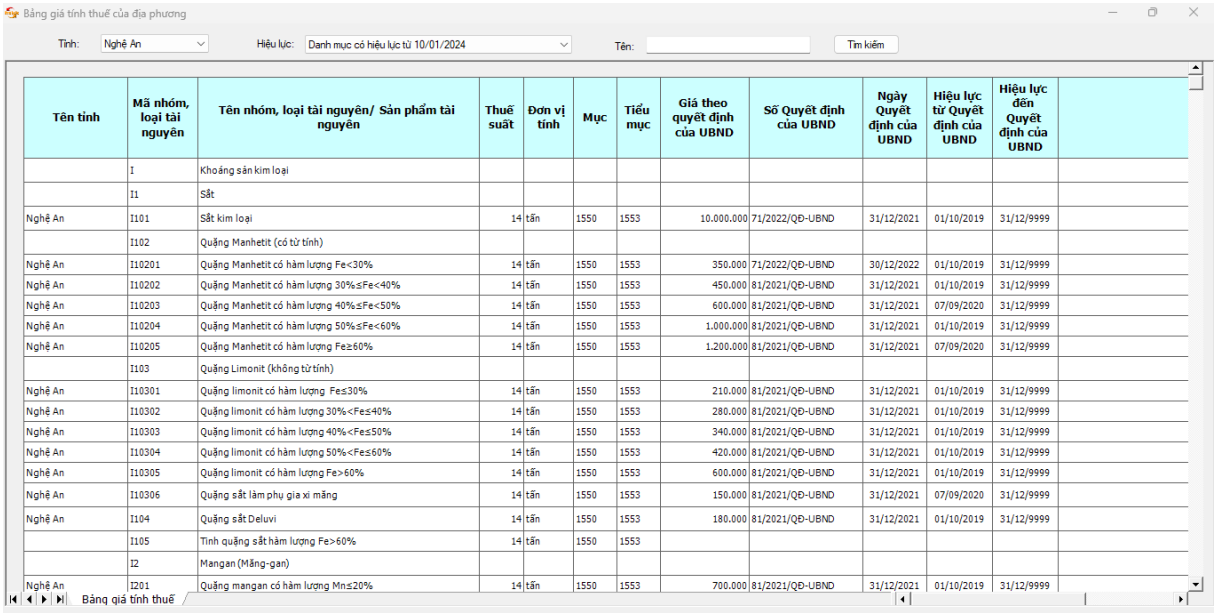


Mã	Tên hàng hóa, dịch vụ chịu thuế TTĐB	Đơn vị tính	Thuế suất (%)
101	**Thuốc lá điếu, xì gà và các chế phẩm từ cây thuốc lá**		
10100	Thuốc lá điếu, xì gà và các chế phẩm khác từ cây thuốc lá	Bao	70,00
10104	Thuốc lá điếu, xì gà và các chế phẩm khác từ cây thuốc lá nhập khẩu bán ra trong nước	Bao	70,00
102	**Rượu**		
10200	Rượu từ 20 độ trở lên	Lít	65,00
10205	Rượu từ 20 độ trở lên nhập khẩu bán ra trong nước	Lít	65,00
10204	Rượu dưới 20 độ	Lít	35,00
10206	Rượu dưới 20 độ nhập khẩu bán ra trong nước	Lít	35,00
10300	Bia	Lít	65,00
10304	Bia nhập khẩu bán ra trong nước	Lít	65,00
104	**Ô tô**		
10404	**Xe ô tô dưới 24 chỗ**		
1040401	**Xe ô tô chở người từ 9 chỗ trở xuống**		
104040104	Loại có dung tích xi lanh từ 1.500 cm3 trở xuống	Cái	35,00
104040112	Loại có dung tích xi lanh từ 1.500 cm3 trở xuống nhập khẩu bán ra trong nước (35%)	Cái	35,00
104040105	Loại có dung tích xi lanh trên 1.500 cm3 đến 2.000 cm3	Cái	40,00
104040113	Loại có dung tích xi lanh trên 1.500 cm3 đến 2.000 cm3 nhập khẩu bán ra trong nước (40%)	Cái	40,00
104040106	Loại có dung tích xi lanh trên 2.000 cm3 đến 2.500 cm3	Cái	50,00
104040114	Loại có dung tích xi lanh trên 2.000 cm3 đến 2.500 cm3 nhập khẩu bán ra trong nước (50%)	Cái	50,00
104040107	Loại có dung tích xi lanh trên 2.500 cm3 đến 3.000 cm3	Cái	60,00
104040115	Loại có dung tích xi lanh trên 2.500 cm3 đến 3.000 cm3 nhập khẩu bán ra trong nước (60%)	Cái	60,00
104040108	Loại có dung tích xi lanh trên 3.000 cm3 đến 4.000 cm3	Cái	90,00
104040116	Loại có dung tích xi lanh trên 3.000 cm3 đến 4.000 cm3 nhập khẩu bán ra trong nước (90%)	Cái	90,00
104040109	Loại có dung tích xi lanh trên 4.000 cm3 đến 5.000 cm3	Cái	110,00
104040117	Loại có dung tích xi lanh trên 4.000 cm3 đến 5.000 cm3 nhập khẩu bán ra trong nước (110%)	Cái	110,00
104040110	Loại có dung tích xi lanh trên 5.000 cm3 đến 6.000 cm3	Cái	130,00

1.1.17.2 Xem bảng giá tính thuế của địa phương

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Công cụ" chọn "Bảng giá tính thuế tài nguyên của địa phương" khi đó màn hình sẽ hiển thị ra như sau:



Tên tỉnh	Mã nhóm, loại tài nguyên	Tên nhóm, loại tài nguyên/ Sản phẩm tài nguyên	Thuế suất	Đơn vị tính	Mục	Tiểu mục	Giá theo quyết định của UBND	Số Quyết định của UBND	Ngày Quyết định của UBND	Hiệu lực từ Quyết định của UBND	Hiệu lực đến Quyết định của UBND
	I	Khoáng sản kim loại									
	I1	Sắt									
Nghệ An	I101	Sắt kim loại	14	tấn	1550	1553	10.000.000	71/2022/QĐ-UBND	31/12/2021	01/10/2019	31/12/9999
	I102	Quặng Manhetit (có từ tính)									
Nghệ An	I10201	Quặng Manhetit có hàm lượng Fe<30%	14	tấn	1550	1553	350.000	71/2022/QĐ-UBND	30/12/2022	01/10/2019	31/12/9999
Nghệ An	I10202	Quặng Manhetit có hàm lượng 30%≤Fe<40%	14	tấn	1550	1553	450.000	81/2021/QĐ-UBND	31/12/2021	01/10/2019	31/12/9999
Nghệ An	I10203	Quặng Manhetit có hàm lượng 40%≤Fe<50%	14	tấn	1550	1553	600.000	81/2021/QĐ-UBND	31/12/2021	07/09/2020	31/12/9999
Nghệ An	I10204	Quặng Manhetit có hàm lượng 50%≤Fe<60%	14	tấn	1550	1553	1.000.000	81/2021/QĐ-UBND	31/12/2021	01/10/2019	31/12/9999
Nghệ An	I10205	Quặng Manhetit có hàm lượng Fe≥60%	14	tấn	1550	1553	1.200.000	81/2021/QĐ-UBND	31/12/2021	07/09/2020	31/12/9999
	I103	Quặng Limonit (không từ tính)									
Nghệ An	I10301	Quặng limonit có hàm lượng Fe≤30%	14	tấn	1550	1553	210.000	81/2021/QĐ-UBND	31/12/2021	01/10/2019	31/12/9999
Nghệ An	I10302	Quặng limonit có hàm lượng 30%<Fe≤40%	14	tấn	1550	1553	280.000	81/2021/QĐ-UBND	31/12/2021	01/10/2019	31/12/9999
Nghệ An	I10303	Quặng limonit có hàm lượng 40%<Fe≤50%	14	tấn	1550	1553	340.000	81/2021/QĐ-UBND	31/12/2021	01/10/2019	31/12/9999
Nghệ An	I10304	Quặng limonit có hàm lượng 50%<Fe≤60%	14	tấn	1550	1553	420.000	81/2021/QĐ-UBND	31/12/2021	01/10/2019	31/12/9999
Nghệ An	I10305	Quặng limonit có hàm lượng Fe>60%	14	tấn	1550	1553	600.000	81/2021/QĐ-UBND	31/12/2021	01/10/2019	31/12/9999
Nghệ An	I10306	Quặng sắt làm phụ gia xi măng	14	tấn	1550	1553	150.000	81/2021/QĐ-UBND	31/12/2021	07/09/2020	31/12/9999
Nghệ An	I104	Quặng sắt Deluvi	14	tấn	1550	1553	180.000	81/2021/QĐ-UBND	31/12/2021	01/10/2019	31/12/9999
	I105	Tinh quặng sắt hàm lượng Fe>60%	14	tấn	1550	1553					
	I2	Mangan (Măng-gan)									
Nghệ An	I201	Quặng mangan có hàm lượng Mn≤20%	14	tấn	1550	1553	700.000	81/2021/QĐ-UBND	31/12/2021	01/10/2019	31/12/9999

- UD hiển thị mặc định danh mục tài nguyên của Tỉnh/ Thành phố tương ứng với CQT quản lý của MST đăng nhập hệ thống.
- Cho phép tìm kiếm theo tên tỉnh, hiệu lực của bảng giá, tên tài nguyên
- Các chỉ tiêu UD tự động hiển thị, không cho phép sửa:

+ *Mã:* Hiển thị theo bảng giá tính thuế của Tỉnh tương ứng với CQT của MST đăng nhập hệ thống

+ *Tên tài nguyên:* Hiển thị theo mã tài nguyên

+ *Giá tính thuế địa phương:* Hiển thị giá tính thuế của Tỉnh tương ứng với mã tài nguyên

+ *Số quyết định của ủy ban:* Hiển thị số quyết định đưa ra bảng giá cho loại tài nguyên tương ứng

+ *Ngày quyết định của ủy ban:* Hiển thị ngày quyết định đưa ra bảng giá cho loại tài nguyên tương ứng

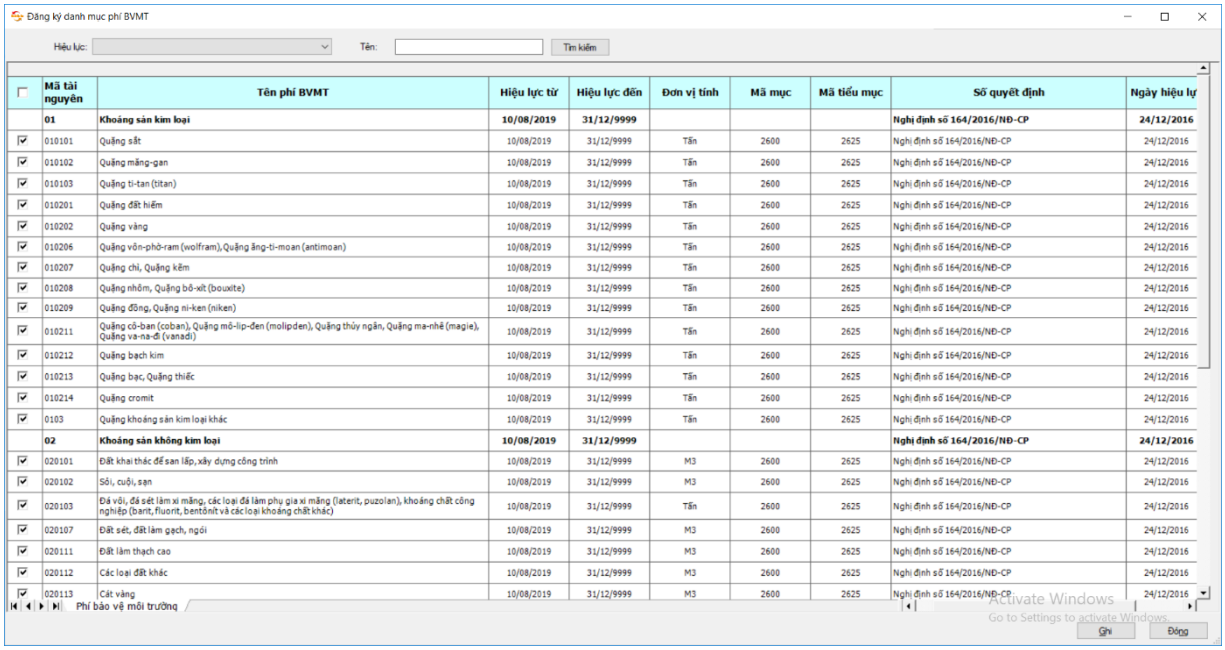
+ *Hiệu lực từ:* Hiển thị ngày mà quyết định về giá tính thuế tài nguyên của UBND tỉnh bắt đầu có hiệu lực

+ *Hiệu lực đến:* Hiển thị ngày mà quyết định về giá tính thuế tài nguyên của UBND tỉnh hết hiệu lực. Trong trường hợp QĐ còn hiệu lực thì thông tin này để trống.

1.1.17.3 Đăng ký danh mục phí bảo vệ môi trường

- Chức năng đăng ký danh mục phí bảo vệ môi trường dùng để đăng ký các loại phí BVMT mà NSD muốn kê khai trong các tờ khai 01/PBVMT, 02/PBVMT, 01/CNKD. Nếu không sử dụng chức năng này thì mặc định tất cả các danh mục sẽ được đưa vào danh sách chọn trong các tờ khai này khi kê khai.
- Bảng danh mục phí dùng để kê khai luôn là hiện hành đối với ngày hệ thống, không thể mở kê khai danh mục đã hết thời hạn hiệu lực so với ngày hệ thống.
- Chạy chức năng này như sau:

+ Từ menu "Công cụ", chọn chức năng “Đăng ký danh mục phí bảo vệ môi trường”. Trên màn hình xuất hiện cửa sổ làm việc như sau:



Mã tài nguyên	Tên phí BVMT	Hiệu lực từ	Hiệu lực đến	Đơn vị tính	Mã mục	Mã tiểu mục	Số quyết định	Ngày hiệu lự
01	**Khoáng sản kim loại**	**10/08/2019**	**31/12/9999**				**Nghị định số 164/2016/NĐ-CP**	**24/12/2016**
010101	Quặng sắt	10/08/2019	31/12/9999	Tấn	2600	2625	Nghị định số 164/2016/NĐ-CP	24/12/2016
010102	Quặng măng-gan	10/08/2019	31/12/9999	Tấn	2600	2625	Nghị định số 164/2016/NĐ-CP	24/12/2016
010103	Quặng ti-tan (titan)	10/08/2019	31/12/9999	Tấn	2600	2625	Nghị định số 164/2016/NĐ-CP	24/12/2016
010201	Quặng đất hiếm	10/08/2019	31/12/9999	Tấn	2600	2625	Nghị định số 164/2016/NĐ-CP	24/12/2016
010202	Quặng vàng	10/08/2019	31/12/9999	Tấn	2600	2625	Nghị định số 164/2016/NĐ-CP	24/12/2016
010206	Quặng vôn-phờ-ram (wolfram),Quặng ăng-ti-moan (antimoan)	10/08/2019	31/12/9999	Tấn	2600	2625	Nghị định số 164/2016/NĐ-CP	24/12/2016
010207	Quặng chì, Quặng kẽm	10/08/2019	31/12/9999	Tấn	2600	2625	Nghị định số 164/2016/NĐ-CP	24/12/2016
010208	Quặng nhôm, Quặng bô-xít (bouxite)	10/08/2019	31/12/9999	Tấn	2600	2625	Nghị định số 164/2016/NĐ-CP	24/12/2016
010209	Quặng đồng, Quặng ni-ken (niken)	10/08/2019	31/12/9999	Tấn	2600	2625	Nghị định số 164/2016/NĐ-CP	24/12/2016
010211	Quặng cô-ban (coban), Quặng mô-lip-đen (molipden), Quặng thủy ngân, Quặng ma-nhê (magie), Quặng va-na-đi (vanadi)	10/08/2019	31/12/9999	Tấn	2600	2625	Nghị định số 164/2016/NĐ-CP	24/12/2016
010212	Quặng bạch kim	10/08/2019	31/12/9999	Tấn	2600	2625	Nghị định số 164/2016/NĐ-CP	24/12/2016
010213	Quặng bạc, Quặng thiếc	10/08/2019	31/12/9999	Tấn	2600	2625	Nghị định số 164/2016/NĐ-CP	24/12/2016
010214	Quặng cromit	10/08/2019	31/12/9999	Tấn	2600	2625	Nghị định số 164/2016/NĐ-CP	24/12/2016
0103	Quặng khoáng sản kim loại khác	10/08/2019	31/12/9999	Tấn	2600	2625	Nghị định số 164/2016/NĐ-CP	24/12/2016
02	**Khoáng sản không kim loại**	**10/08/2019**	**31/12/9999**				**Nghị định số 164/2016/NĐ-CP**	**24/12/2016**
020101	Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình	10/08/2019	31/12/9999	M3	2600	2625	Nghị định số 164/2016/NĐ-CP	24/12/2016
020102	Sỏi, cuội, sạn	10/08/2019	31/12/9999	M3	2600	2625	Nghị định số 164/2016/NĐ-CP	24/12/2016
020103	Đá vôi, đá sét làm xi măng, các loại đá làm phụ gia xi măng (laterit, puzolan), khoáng chất công nghiệp (barit, fluorit, bentônit và các loại khoáng chất khác)	10/08/2019	31/12/9999	Tấn	2600	2625	Nghị định số 164/2016/NĐ-CP	24/12/2016
020107	Đất sét, đất làm gạch, ngói	10/08/2019	31/12/9999	M3	2600	2625	Nghị định số 164/2016/NĐ-CP	24/12/2016
020111	Đất làm thạch cao	10/08/2019	31/12/9999	M3	2600	2625	Nghị định số 164/2016/NĐ-CP	24/12/2016
020112	Các loại đất khác	10/08/2019	31/12/9999	M3	2600	2625	Nghị định số 164/2016/NĐ-CP	24/12/2016
020113	Cát vàng	10/08/2019	31/12/9999	M3	2600	2625	Nghị định số 164/2016/NĐ-CP	24/12/2016

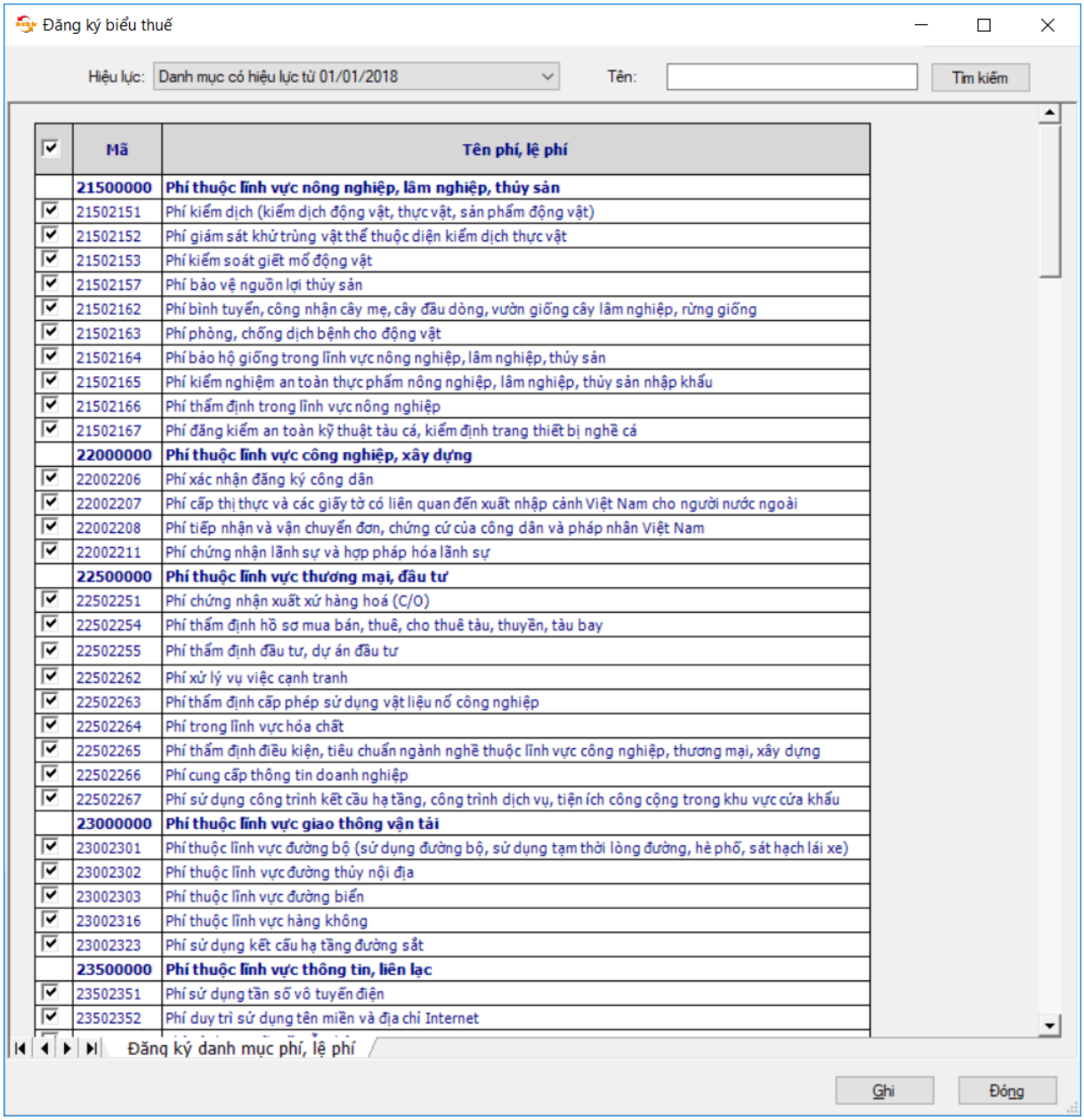
+ Đây là danh mục "Biểu phí bảo vệ môi trường". Muốn đăng ký biểu phí nào người sử dụng chọn vào dòng có mặt hàng tương ứng.

+ Sau khi đã đăng ký xong danh mục cho biểu thuế ấn nút "Ghi" để lưu thông tin đã đăng ký vào dữ liệu riêng của doanh nghiệp. Và chọn nút "Đóng" để kết thúc làm việc.

1.1.17.4 Đăng ký danh mục phí, lệ phí

Sử dụng chức năng này để đăng ký danh mục phí, lệ phí tồn tại trong hệ thống dữ liệu. Chạy chức năng này như sau:

- Từ menu "Công cụ", chọn chức năng “Đăng ký danh mục phí, lệ phí”. Trên màn hình xuất hiện cửa sổ làm việc như sau:

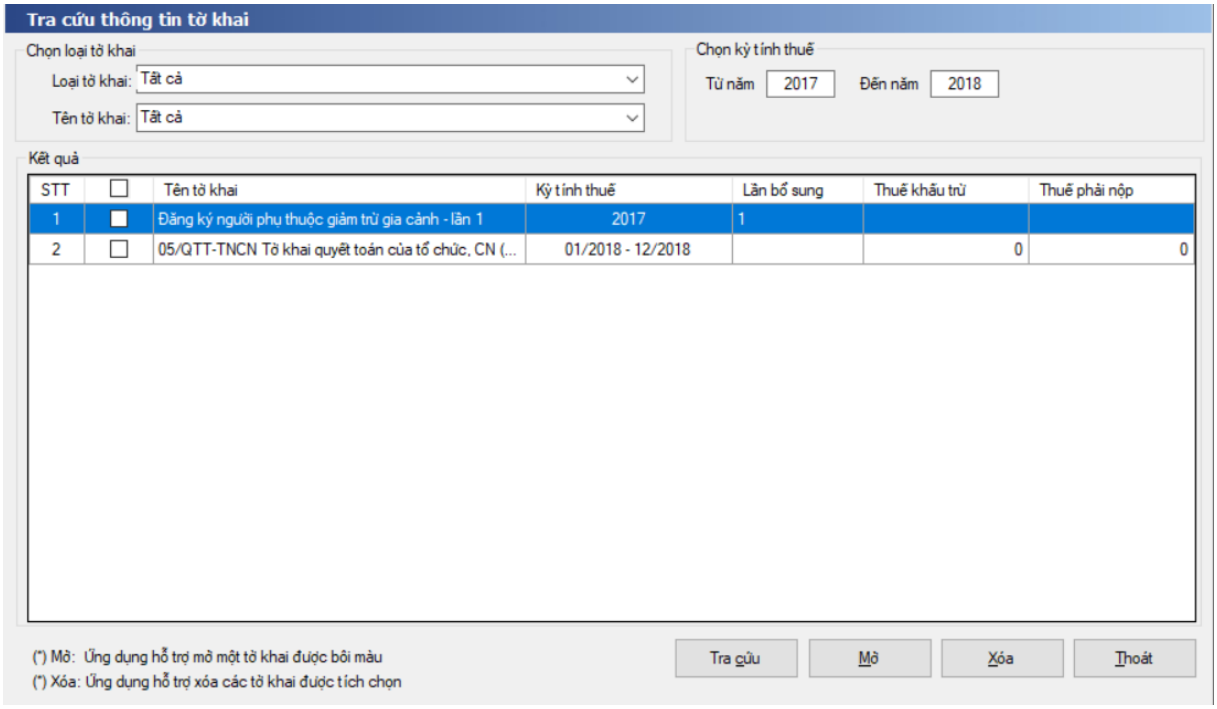


- Đây là danh mục "Biểu phí, lệ phí". Muốn đăng ký biểu phí nào người sử dụng chọn vào dòng có mặt hàng tương ứng.
- Sau khi đã đăng ký xong danh mục cho biểu phí ấn nút "Ghi" để lưu thông tin đã đăng ký vào dữ liệu riêng của doanh nghiệp. Và chọn nút "Đóng" để kết thúc làm việc.

1.1.18 Tra cứu tờ khai

Sử dụng chức năng này để tra cứu tờ khai tồn tại trong hệ thống dữ liệu của doanh nghiệp. Chạy chức năng này như sau:

- Chọn menu “Tra cứu tờ khai”. Trên màn hình xuất hiện cửa sổ làm việc như sau:



- Khi bắt đầu làm việc hệ thống mặc định chọn loại tờ khai là tất cả và từ kỳ tính thuế, đến kỳ tính thuế là năm hiện tại.

- Trong danh sách thả xuống "Loại tờ khai" chọn loại kê khai, trong danh sách "Tên tờ khai" chọn loại tờ khai để thực hiện tra cứu.

- Sau khi lựa chọn xong loại tờ khai tra cứu hệ thống sẽ tự động thay đổi kiểu nhập kỳ tính thuế cho phù hợp. Người sử dụng có thể thay đổi giá trị từ kỳ, đến kỳ mặc định cho phù hợp với điều kiện tra cứu cụ thể.

+ Ví dụ: Khi chọn "Tờ khai GTGT khấu trừ" hệ thống sẽ tự động điền giá trị là năm và tháng hiện tại và 2 ô nhập từ kỳ đến kỳ (Từ kỳ: 08/2008, Đến kỳ: 08/2008). Tương tự nếu người sử dụng chọn "Tờ khai TNDN tạm nộp quý" 2 ô nhập từ kỳ đến kỳ sẽ có giá trị là quý và năm hiện tại (Từ kỳ: 01/2008, Đến kỳ: 04/2008). Trong trường hợp người sử dụng chọn loại tờ khai là "Tất cả" hoặc "Tờ khai quyết toán năm" thì giá trị 2 ô nhập từ kỳ đến kỳ chỉ là năm hiện tại (2011).

+ **Chú ý**: Nếu 2 ô nhập từ kỳ, đến kỳ được xóa trắng hệ thống sẽ cho phép cho cứu toàn bộ các tờ khai (không phụ thuộc và điều kiện kỳ tính thuế). Nếu một trong 2 ô nhập được xóa trắng hệ thống chỉ tra cứu dựa trên ô nhập có giá trị.

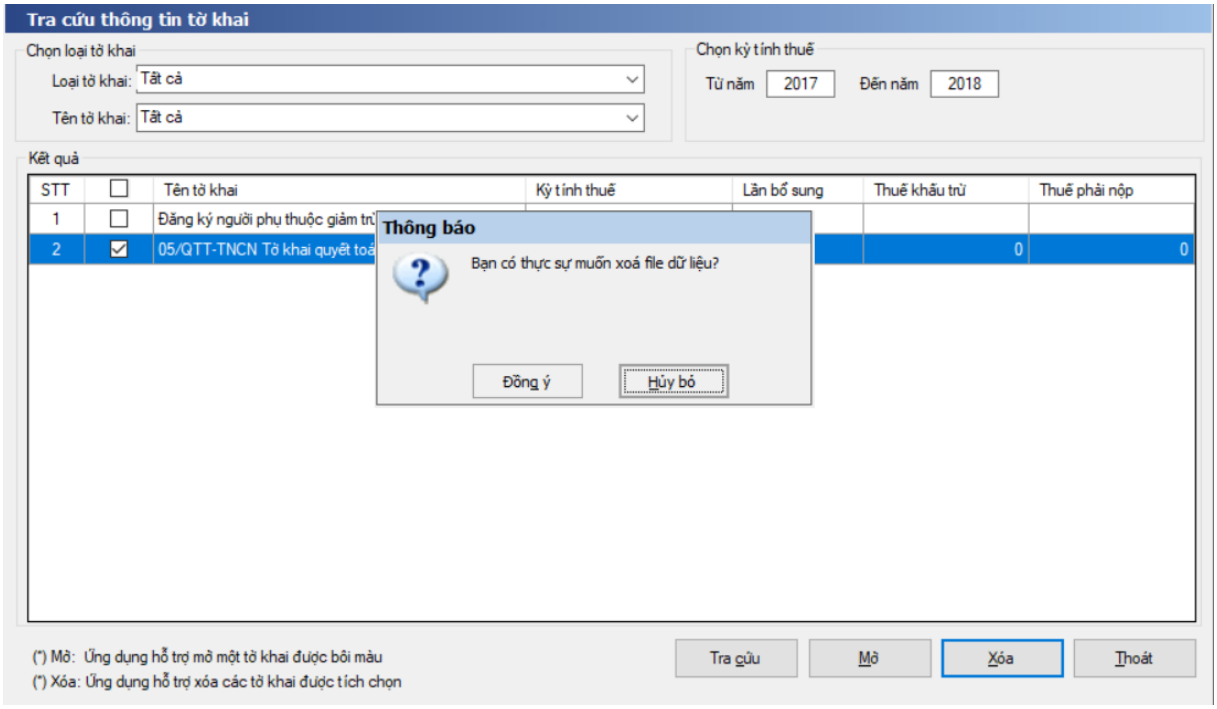
- Sau khi đã lựa chọn xong các điều kiện loại tờ khai và kỳ tính thuế để thực hiện tra cứu người sử dụng có thể ấn phím "Enter", tổ hợp phím "Alt+C" hay nhấn vào nút "Tra cứu" để thực hiện tra cứu.

+ Ví dụ ảnh trên là hiện tra cứu tất cả các tờ khai có kỳ tính thuế từ năm 2017 đến năm 2018.

- Để có thể mở một tờ khai đã hiển thị trên kết quả tra cứu người sử dụng chọn đúng tờ khai cần mở được đánh dấu bằng dòng màu xanh trên màn hình hiển thị kết quả sau đó có thể ấn tổ hợp phím "Alt+M" hoặc nhấn vào nút "Mở" để thực hiện chức năng mở tờ khai.

+ **Chú ý:** Những dòng có màu đỏ tương ứng với những tờ khai có kỳ hiệu lực không đúng. Người sử dụng không thể sử dụng chức năng "Mở" đối với những tờ khai này.

- Để có thể xóa một hay nhiều tờ khai đã hiển thị trên kết quả tra cứu người sử dụng check chọn vào các ô chọn có dòng tương ứng với các tờ khai cần xóa sau đó có thể ấn tổ hợp phím "Alt+X" hoặc nhấn vào nút "Xóa" để thực hiện chức năng xóa tờ khai. Màn hình xuất hiện thông báo như sau:

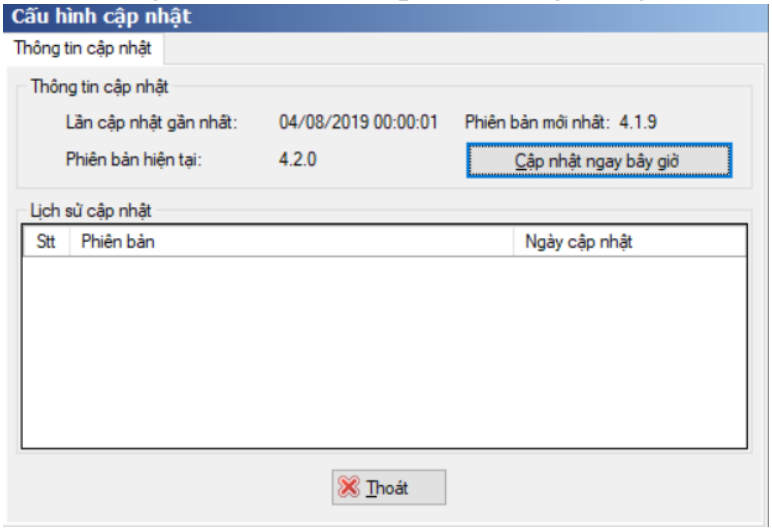


+ Chọn "Có" nếu muốn thực sự xóa dữ liệu và "Không" nếu ngược lại.

+ Chú ý: Để lựa chọn tất cả các tờ khai hiển thị trên cửa sổ làm việc người sử dụng có thể check chọn vào nút chọn trên cùng của cửa sổ hiển thị kết quả tra cứu.

1.1.19 Cấu hình cập nhật

Sử dụng chức năng này để biết Thông tin cập nhật. Kích hoạt chức năng này bằng cách Chọn menu Công cụ/Cấu hình cập nhật, ứng dụng hiển thị như sau:

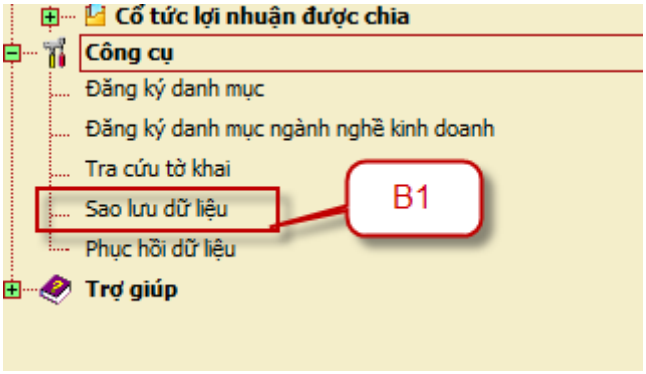


- Lần cập nhật gần nhất: thời gian NSD cập nhật gần nhất

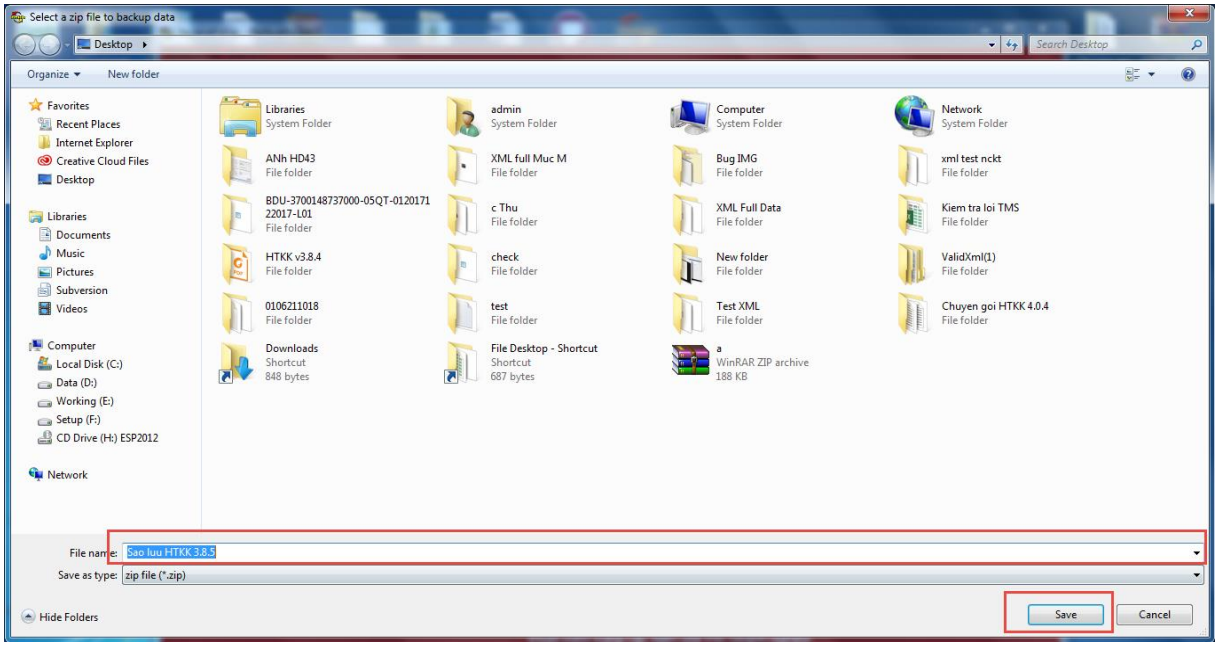
- Phiên bản hiện tại: phiên bản hiện tại mà NSD đang dùng
- Phiên bản mới nhất: hiển thị phiên bản mới nhất đến thời điểm hiện tại
- Lịch sử cập nhật: hiển thị các lần cập nhật tương ứng với số phiên bản và thời gian.

1.1.20 Chuyển đổi dữ liệu từ HTKK 3.8.x sang HTKK 5.x.x

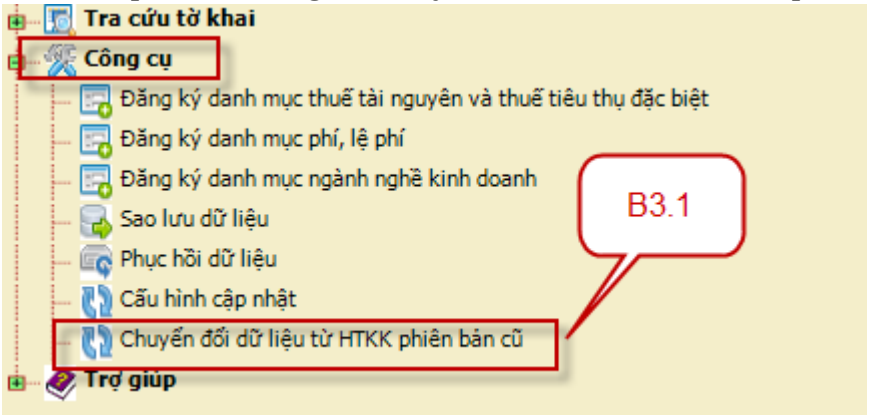
- **B1**: Thực hiện sao lưu dữ liệu trên HTKK phiên bản cũ: Vào phân hệ Công cụ\Sao lưu dữ liệu.



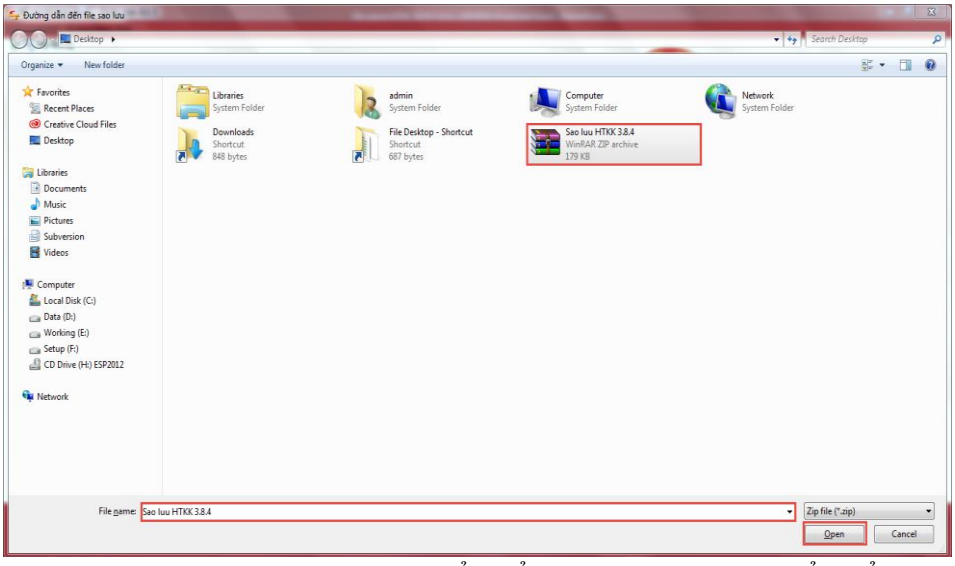
- **B2**: Chọn đường dẫn lưu dữ liệu sao lưu



- **B3**: Thực hiện chuyển đổi dữ liệu trên ứng dụng HTKK 4.2.x
  + **B3.1**: Chọn phân hệ Công cụ\Chuyển đổi dữ liệu từ HTKK phiên bản cũ



+ **B3.2**: Chọn đường link đến file dữ liệu đã sao lưu



+ Khi đó ứng dụng thực hiện chuyển đổi và thông báo chuyển đổi thành công.



2 ĐẢM BẢO CỦA CƠ QUAN THUẾ

2.1 Bản quyền

Ứng dụng hỗ trợ kê khai thuế thuộc bản quyền của Tổng cục thuế nhà nước Việt Nam. Ứng dụng hỗ trợ kê khai được Tổng cục thuế phát miễn phí cho các cơ sở sản xuất kinh doanh nhằm hỗ trợ các đơn vị này trong quá trình kê khai thuế. Bản quyền được pháp luật nhà nước Việt Nam bảo hộ.

2.2 Tính tin cậy

Tổng cục thuế Việt Nam đảm bảo chất lượng của ứng dụng hỗ trợ kê khai, mọi thông tin được kê khai và kiểm tra trong ứng dụng này đảm bảo đúng theo pháp luật quy định và được cơ quan thuế chấp nhận. Tuy nhiên khi sử dụng nên kiểm tra cẩn thận các thông tin kê khai để đảm bảo chính xác.

2.3 Bạn cần in tờ khai

Sau khi kê khai bạn cần phải in tờ khai có mã vạch 2 chiều, ký tên, đóng dấu và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành. Đơn vị kê khai ký tên đóng dấu thể hiện cam kết đảm bảo thông tin kê khai là chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin này. Mã vạch chỉ có ý nghĩa mã hoá các thông tin kê khai trên tờ khai thành dạng có thể đọc được bằng máy.

2.4 Bạn cần kết xuất tờ khai theo chuẩn XML

Sau khi kê khai bạn cần phải kết xuất tờ khai theo chuẩn XML, ký số và gửi qua mạng cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành. Đơn vị kê khai ký số thể hiện cam kết đảm bảo thông tin kê khai là chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin này.

2.5 Lưu trữ tờ khai

Mặc dù dữ liệu tờ khai được lưu trong ứng dụng, nhưng cơ sở sản xuất kinh doanh vẫn phải lưu trữ bản in đã được ký tên đóng dấu để phục vụ cho công tác thanh kiểm tra sau này.

3 HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CÁC CHỨC NĂNG KÊ KHAI

3.1 Kê khai thông tin chung của doanh nghiệp

- Cơ sở kinh doanh phải ghi đầy đủ các thông tin cơ bản của cơ sở kinh doanh theo đăng ký thuế với cơ quan thuế vào các mã số trên tờ khai như:
- Mã số thuế: Ghi mã số thuế được cơ quan thuế cấp khi đăng ký nộp thuế.
- Tên Người nộp thuế: Khi ghi tên cơ sở kinh doanh phải ghi chính xác tên như tên đã đăng ký trong tờ khai đăng ký thuế, không sử dụng tên viết tắt hay tên thương mại.
- Địa chỉ trụ sở: Ghi đúng theo địa chỉ nơi đặt văn phòng trụ sở đã đăng ký với cơ quan thuế.
- Số điện thoại, số Fax và địa chỉ E-mail của doanh nghiệp để cơ quan thuế có thể liên lạc khi cần thiết.
- Ngành nghề kinh doanh chính, số tài khoản ngân hàng và ngày bắt đầu năm tài chính đối với tờ khai thu nhập doanh nghiệp và thu nhập cá nhân.
- Cơ quan thuế quản lý: Chọn cơ quan thuế quản lý tương ứng với địa bàn của NNT (sau khi NNT đã nhập đủ thông tin địa chỉ)
- Nếu cơ sở kinh doanh có Đại lý thuế thì ghi đầy đủ các thông tin cơ bản của Đại lý thuế theo đăng ký với cơ quan thuế vào các mã số trên tờ khai như các thông tin của cơ sở kinh doanh
- Nếu có sự thay đổi các thông tin trên, Người nộp thuế phải thực hiện đăng ký bổ sung với cơ quan thuế theo qui định hiện hành và kê khai theo các thông tin đã đăng ký bổ sung với cơ quan thuế.

3.2 Các quy định và tính năng hỗ trợ hướng dẫn kê khai chung của ứng dụng:

- **Các quy định chung**: Tờ khai thuế được gửi đến cơ quan thuế được coi là hợp lệ khi:

+ Tờ khai được lập và in đúng mẫu quy định

+ Có ghi đầy đủ các thông tin về tên, địa chỉ, mã số thuế, số điện thoại... của người nộp thuế.

+ Được người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế ký tên và đóng dấu vào cuối của tờ khai.

+ Có kèm theo các tài liệu, bảng kê, bảng giải trình theo chế độ quy định.

- Tính năng hỗ trợ hướng dẫn kê khai:

+ Tài liệu hướng dẫn kê khai là một tài liệu độc lập với tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống HTKK 4.5.x, hưỡng dẫn kê khai cho từng chỉ tiêu, nằm trong menu <Trợ giúp>. Bạn hãy xem tài liệu hướng dẫn kê khai hoặc ấn phím “F1” trên bàn phím khi sử dụng hệ thống HTKK 4.5.x, bạn sẽ được trợ giúp chi tiết về Hướng dẫn kê khai thuế theo từng biểu mẫu thuế tương ứng trên ứng dụng.

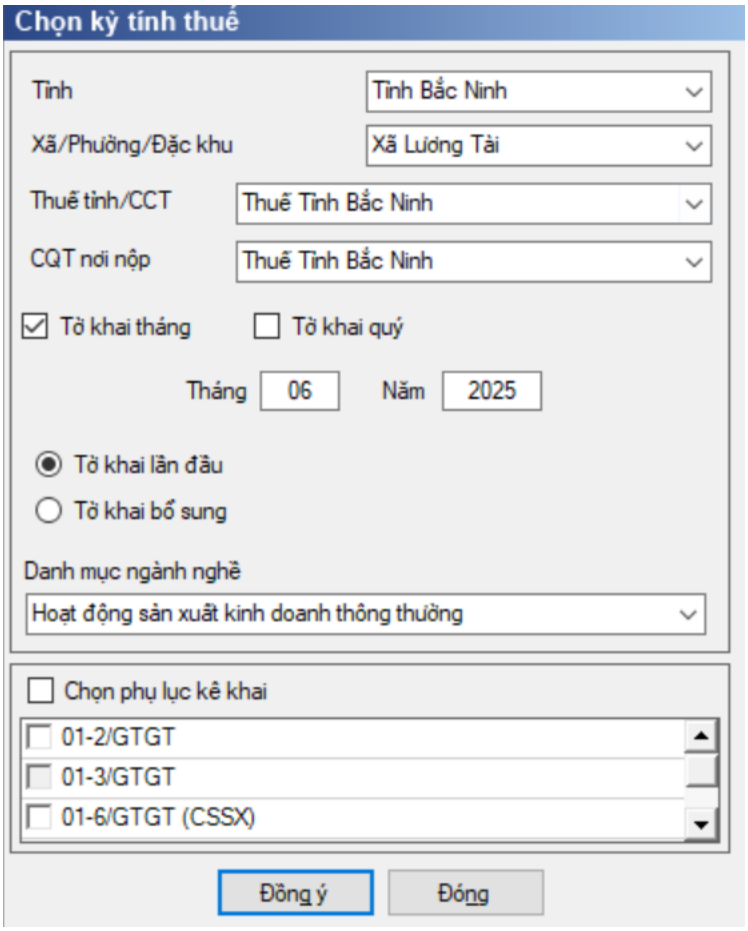
+ Người thực hiện các chức năng kê khai là: Kế toán doanh nghiệp.

3.3 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai thuế GTGT

3.3.1 Tờ khai thuế giá trị gia tăng khấu trừ mẫu 01/GTGT (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế GTGT" chọn "Tờ khai thuế GTGT khấu trừ (01/GTGT) khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.
- Cho phép mỗi ngành nghề được phép kê khai 1 tờ khai 01/GTGT cùng kỳ tính thuế



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế bạn cần lựa chọn các thông tin đầu vào như:

+ Tỉnh: Bắt buộc chọn trong danh mục 34 Tỉnh/Thành phố
+ Xã/phường/đặc khu: Bắt buộc chọn trong danh mục
+ Thuế tỉnh/CCT và CQT nơi nộp:
  - Cho phép chọn CQT trong danh mục tương ứng với địa bàn đã chọn
  - Mặc định là CQT quản lý trực tiếp đối với tờ khai 01/GTGT thông thường, xổ số, dầu khí
  - Trường hợp chọn sản xuất thủy điện, dự án chuyển nhượng bất động sản thì chỉ chọn CQT khác tỉnh nơi đóng TSC
+ Kỳ tính thuế:

- Quý: nhập theo định dạng Qx/yyyy
- Tháng: nhập theo định dạng mm/yyyy

+ Trạng thái tờ khai: Chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu hay Tờ khai bổ sung, nếu tích chọn "Tờ khai bổ sung" thì hiển thị màn hình bắt buộc nhập "Lần bổ sung" theo thứ tự liên tiếp và "Ngày lập tờ khai bổ sung"

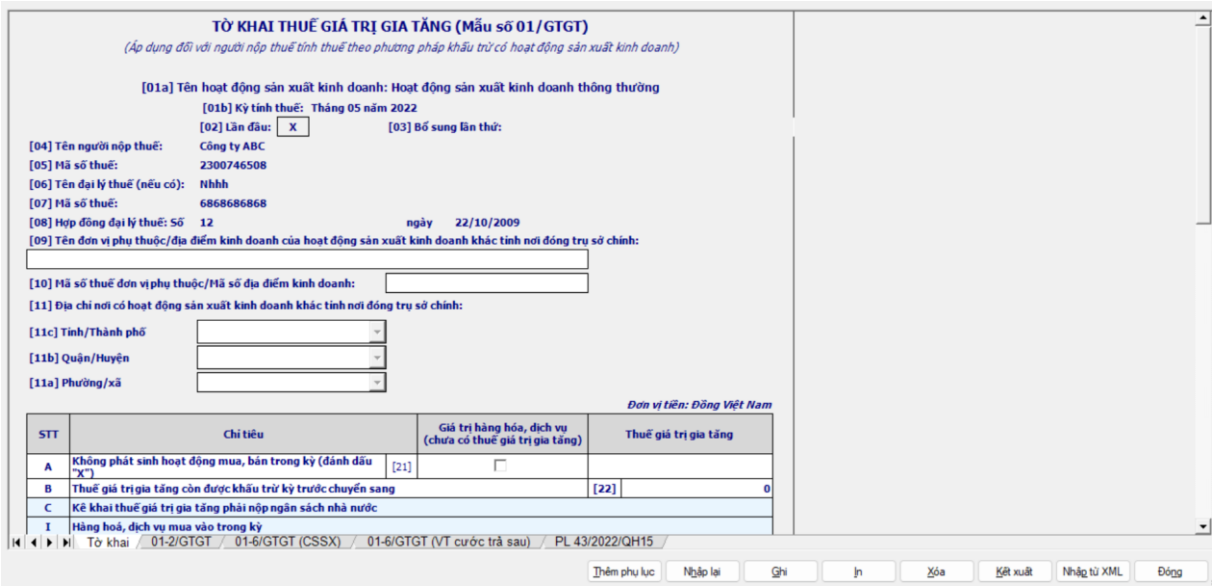
+ Chọn ngành nghề kinh doanh:

- Đối với tờ khai tháng có kỳ tính thuế từ tháng 01/2021, tờ khai quý có kỳ tính thuế từ quý 1/2021 trở đi, chọn ngành nghề trong danh mục gồm 5 giá trị:
  - Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường
  - Xổ số kiến thiết, xổ số điện toán
  - Xổ số kiến thiết, xổ số điện toán
  - Chuyển nhượng DAĐT CS hạ tầng, nhà khác tỉnh với nơi có trụ sở chính
  - Nhà máy sản xuất điện khác tỉnh với nơi có trụ sở chính
- Đối với tờ khai tháng có kỳ tính thuế từ tháng 12/2020, tờ khai quý có kỳ tính thuế từ quý 4/2020 trở về trước, chọn ngành nghề trong danh mục gồm 3 giá trị:
  - Ngành hàng sản xuất, kinh doanh thông thường
  - Hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên
  - Hoạt động xổ số kiến thiết của các công ty xổ số kiến thiết

+ Chọn các phụ lục đi kèm tờ khai: Chương trình mặc định không chọn các phụ lục cần kê khai. NSD có thể chọn các phụ lục cần kê khai. Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai GTGT khấu trừ mẫu 01/GTGT.

3.3.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên màn hình "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



- Chi tiết chỉ tiêu cần nhập:

+ Chỉ tiêu [21]: Để dưới dạng checkbox, mặc định là không check, cho phép sửa. Nếu NSD đánh dấu (x) vào chỉ tiêu [21] thì ứng dụng sẽ khóa không cho kê khai các chỉ tiêu từ [23] đến [32a]. Nếu các chỉ tiêu này đã kê khai thì ứng dụng đưa ra thông báo

"NNT chỉ được kê khai các chỉ tiêu [22], [37], [38], [39a], [40b], [42]. Các chỉ tiêu còn lại khóa không cho kê khai. Bạn có tiếp tục thực hiện không?". Nếu NSD chọn "Có" thì ứng dụng thực hiện khóa các chỉ tiêu này và đặt lại giá trị bằng 0, nếu NSD chọn "Không" thì ứng dụng sẽ quay lại màn hình kê khai.

+ Chỉ tiêu số [22]: Chỉ tiêu Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang [22] được lấy từ chỉ tiêu [43] của kỳ trước chuyển sang cho phép sửa. Nếu sửa khác với chỉ tiêu [43] của kỳ trước thì ứng dụng đưa câu cảnh báo vàng "Giá trị của chỉ tiêu này khác với giá trị của chỉ tiêu [43] của tờ khai lần đầu kỳ trước liền kề." và vẫn cho phép in tờ khai.

+ Chỉ tiêu [23]: Cho phép nhập dạng số, có thể âm.

+ Chỉ tiêu [23a]: Cho phép nhập dạng số không âm.

+ Chỉ tiêu [24]: Cho phép nhập dạng số, có thể âm, mặc định là 0, kiểm tra [24] < [23], nếu vi phạm cảnh báo đỏ.

+ Chỉ tiêu [24a]: Cho phép nhập dạng số không âm, mặc định là 0, kiểm tra [24a] <= [23a], nếu vi phạm cảnh báo đỏ.

+ Chỉ tiêu [25]: Cho phép nhập dạng số, có thể âm, mặc định là 0, kiểm tra [25] <= [24] (không kiểm tra đối với tờ khai tháng 12, quý 4), nếu vi phạm cảnh báo đỏ.

+ Chỉ tiêu [26]: Cho phép nhập dạng số, có thể âm.

+ Chỉ tiêu [29]: Cho phép nhập dạng số, có thể âm.

+ Chỉ tiêu [30]: Cho phép nhập dạng số, có thể âm.

+ Chỉ tiêu [32]: Cho phép nhập dạng số, có thể âm.

• Nếu đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24 thì [32] = Tổng cột (3) Giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa có thuế GTGT trên PL_GiamThue_GTGT_23_24, cho phép sửa.

• Nếu đính kèm PL 142/2024/QH15 thì [32] = Chỉ tiêu [07] trên PL NQ 142/2024/QH1. Cho phép sửa định dạng số âm, dương

+ Chỉ tiêu [32a]: Cho phép nhập dạng số, có thể âm.

- Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tự động tính, công thức kiểm tra:

+ Chỉ tiêu [27] = Chỉ tiêu [29] + Chỉ tiêu [30] + Chỉ tiêu [32] + [32a]

+ Chỉ tiêu [28] = Chỉ tiêu [31] + Chỉ tiêu [33]

+ Chỉ tiêu [31]: UD hỗ trợ tính [31] = [30]*5%, cho phép sửa định dạng số âm, dương. Nếu sửa khác giá trị UD tính thì cảnh báo vàng.

+ Chỉ tiêu [33]: UD hỗ trợ tính [33] = [32] * 10%

• Nếu không đính kèm Phụ lục giảm thuế GTGT theo Nghị quyết 43/2022/QH15 và nhập [32] >=0 thì kiểm tra [33] <= [32], vi phạm cảnh báo đỏ

• Nếu đính kèm Phụ lục giảm thuế GTGT theo Nghị quyết 43/2022/QH15 thì kiểm tra ràng buộc Chỉ tiêu [33] = [32] *10% - (Tổng cột 6 trên phụ lục với các dòng thuế suất 10%), sai khác cảnh báo vàng.

• Nếu đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24 thì [33] = [32] * 10% - (Tổng cột 6 trên PL_GiamThue_GTGT_23_24)

• Nếu đính kèm Phụ lục giảm thuế GTGT theo Nghị quyết 142/2024/Qh15 thì 33] = [32] * 10% - chỉ tiêu [08] trên PL NQ 142/2024/QH15

- Cho phép sửa định dạng số âm, dương. Nếu sửa khác giá trị UD tính thì cảnh báo vàng.

+ Chỉ tiêu [34] = [26] + [27], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [35] = [28], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [36] = [35] - [25], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [37]: Cho phép nhập dạng số không âm

+ Chỉ tiêu [38]: Cho phép nhập dạng số không âm

+ Chỉ tiêu [39a]: Cho phép nhập dạng số không âm

+ Chỉ tiêu [40a]

- Nếu [36]-[22]+[37]-[38]-[39a] ≥ 0 thì [40a]=[36]-[22]+[37]-[38]-[39a]
- Nếu [36]-[22]+[37]-[38]-[39a] <0 thì [40a] = 0

+ Chỉ tiêu [40b]: Cho phép NSD nhập, kiểm tra [40b] <= [40a], nếu không thỏa mãn thì ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [40]: Ứng dụng hỗ trợ tự động tính theo công thức [40] = [40a] – [40b], không cho sửa. Kiểm tra chỉ tiêu [40] trên tờ khai 01/GTGT phải >= Tổng số thuế trên các bảng kê phân bổ (01-2/GTGT, 01-6/GTGT (CSSX), 01-6/GTGT (VTCTS))

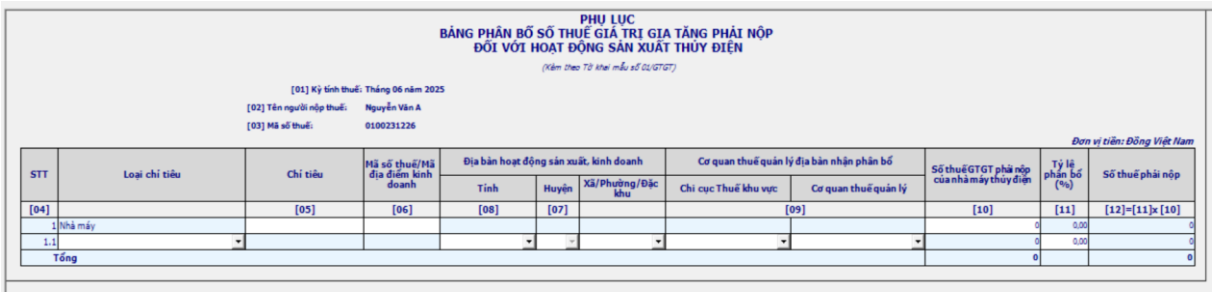
+ Chỉ tiêu [41]:

- Nếu [36] - [22] + [37] - [38] -[39a] < 0 thì [41] = trị tuyệt đối của ([36] - [22] + [37] - [38] -[39])
- Nếu [36] - [22] + [37] - [38] -[39] >=0 thì [41] = 0

+ Chỉ tiêu [42]: Cho phép NSD nhập kiểu số, không âm, kiểm tra điều kiện [42]<[41] nếu không thỏa mãn thì hiển thị cảnh báo đỏ "Thuế GTGT đề nghị hoàn phải nhỏ hơn hoặc bằng số thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này".

+ Chỉ tiêu [43] = [41] –[42], Không cho sửa chỉ tiêu [43].

3.3.1.1.1 Phụ lục 01-2/GTGT: Bảng phân bổ thuế giá trị gia tăng phải nộp đối với hoạt động sản xuất thủy điện



PHỤ LỤC
BẢNG PHÂN BỔ SỐ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG PHẢI NỘP
ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT THỦY ĐIỆN
(Kèm theo Tờ khai mẫu số 01/GTGT)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 06 năm 2025
[02] Tên người nộp thuế: Nguyễn Văn A
[03] Mã số thuế: 0100231226

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Loại chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Mã số thuế/Mã địa điểm kinh doanh	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh			Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ		Số thuế GTGT phải nộp của nhà máy thủy điện	Tỷ lệ phân bổ (%)	Số thuế phải nộp
				Tỉnh	Huyện	Xã/Phường/Đặc khu	Chi cục Thuế khu vực	Cơ quan thuế quản lý			
[04]		[05]	[06]	[08]	[07]		[09]		[10]	[11]	[12]=[11]x[10]
1	Nhà máy								0	0,00	0
1.1									0	0,00	0
Tổng									0		0

- Các chỉ tiêu cần nhập:

+ Chỉ tiêu [05]: Cho phép NSD nhập, dạng text

+ Chỉ tiêu [06]: cho phép NSD nhập, kiểm tra cấu trúc của MST, nếu kê khai phụ lục phân bổ thì bắt buộc nhập chỉ tiêu này.

+ Chỉ tiêu [07] ở mục 1.1: Nếu tờ khai kê khai tại trụ sở chính: Chọn trong danh mục Xã/phường/đặc khu; Nếu tờ khai nộp tại CQT khác tỉnh nơi trụ sở chính = Xã/phường/đặc khu của chỉ tiêu (11b) trên tờ khai.

+ Chỉ tiêu [07] ở mục 1.2: NSD chọn từ danh mục tương ứng với Tỉnh tại chỉ tiêu (8)

+ Chỉ tiêu [08] ở mục 1.1: Nếu tờ khai kê khai tại trụ sở chính: Chọn trong danh mục Tỉnh, kiểm tra phải tương ứng với CQT quản lý; Nếu tờ khai nộp tại CQT khác tỉnh nơi trụ sở chính = Tỉnh của chỉ tiêu (11c) trên tờ khai.

+ Chỉ tiêu [08] ở mục 1.2: NSD chọn từ danh mục. Hệ thống kiểm tra Tỉnh của chỉ tiêu 1.2 phải khác tỉnh của chỉ tiêu 1.1

+ Chỉ tiêu [09] ở mục 1.1: Là CQT quản lý nhà máy

+ Chỉ tiêu [09] ở mục 1.2: Chọn trong danh mục cơ quan thuế tương ứng với địa bàn hoạt động, sản xuất kinh doanh đã chọn; xét trong phạm vi 1 nhà máy thì chỉ tiêu này không trùng nhau.

+ Chỉ tiêu [10a] cho phép NSD nhập dạng số không âm, kiểm tra Tổng cột [10] trên 01-2 phải <= chỉ tiêu [40] trên tờ khai, sai khác cảnh báo đỏ.

- Các chỉ tiêu tự tính, điều kiện kiểm tra công thức:

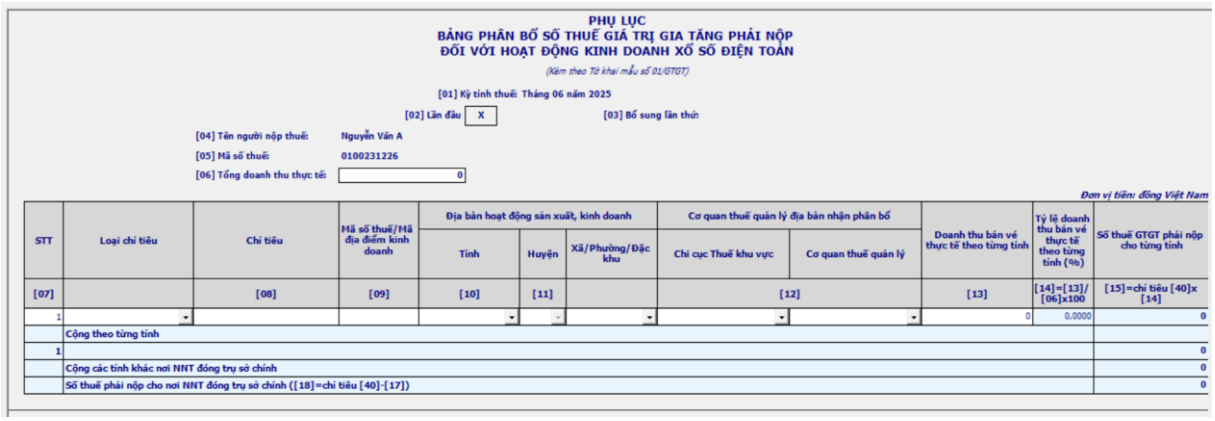
+ Chỉ tiêu [11] = tổng % của 1.1 + 1.2, định dạng sau dấu phẩy 2 số thập phân, không cho sửa, kiểm tra tổng tỷ lệ của 1 nhà máy phải bằng 100%, nếu < 100 thì cảnh báo đỏ.

+ Chỉ tiêu [12] = [11]x[10a], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [13] = tổng cột [10], kiểm tra chỉ tiêu [13] phải <= chỉ tiêu [40] trên tờ khai

+ Chỉ tiêu [14] = tổng cột [12], kiểm tra [14] = [13]

3.3.1.1.2 Phụ lục 01-3/GTGT: Bảng phân bổ số thuế giá trị gia tăng phải nộp đối với hoạt động kinh doanh xổ số điện toán



PHỤ LỤC
BẢNG PHÂN BỔ SỐ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG PHẢI NỘP
ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH XỔ SỐ ĐIỆN TOÁN
(Kèm theo Tờ khai mẫu số 01/GTGT)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 06 năm 2025
[02] Lần đầu: X [03] Bổ sung lần thứ:
[04] Tên người nộp thuế: Nguyễn Văn A
[05] Mã số thuế: 0100231226
[06] Tổng doanh thu thực tế: 0

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Loại chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Mã số thuế/Mã địa điểm kinh doanh	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh			Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ		Doanh thu bán vé thực tế theo từng tỉnh	Tỷ lệ doanh thu bán vé thực tế theo từng tỉnh (%)	Số thuế GTGT phải nộp cho từng tỉnh
				Tỉnh	Huyện	Xã/Phường/Đặc khu	Chi cục Thuế khu vực	Cơ quan thuế quản lý			
[07]		[08]	[09]	[10]	[11]		[12]		[13]	[14]=[13]/[06]x100	[15]=chỉ tiêu [40]x[14]
1									0	0,0000	0
	Cộng theo từng tỉnh										
1											0
	Cộng các tỉnh khác nơi NNT đóng trụ sở chính										0
	Số thuế phải nộp cho nơi NNT đóng trụ sở chính ([18]=chỉ tiêu [40]-[17])										0

- Các chỉ tiêu nhập với đơn vị phụ thuộc khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính:

+ Chỉ tiêu [06]: Nhập kiểu số >0, kiểm tra >= tổng chỉ tiêu [13]

+ Chỉ tiêu [08]: Nhập dạng text

+ Chỉ tiêu [09]: Nhập đúng cấu trúc MST 13 số, không được trùng

+ Chỉ tiêu [10]: Chọn trong danh mục

+ Chỉ tiêu [11]: NSD chọn từ danh mục, kiểm tra Tỉnh phải khác so với tỉnh tương ứng với CQT đang nộp tờ khai; 1 tỉnh tối đa được kê khai 3 chỉ tiêu cột (8) trên bảng kê

+ Chỉ tiêu [12]: Chọn trong danh mục CQT tương ứng với địa bàn hoạt động, sản xuất kinh doanh đã chọn

+ Chỉ tiêu [13]: NSD nhập số >=0. Hệ thống kiểm tra tổng (13) <= (6)

- Các chỉ tiêu nhập với địa điểm kinh doanh khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính:

+ Chỉ tiêu [06]: Nhập kiểu số >0, kiểm tra >= tổng chỉ tiêu [13]

+ Chỉ tiêu [08]: Nhập dạng text

+ Chỉ tiêu [09]: Nhập đúng cấu trúc MST 13 số hoặc cấu trúc mã địa điểm kinh doanh 5 số

+ Chỉ tiêu [10]: Chọn trong danh mục

+ Chỉ tiêu [11]: NSD chọn từ danh mục, kiểm tra Tỉnh phải khác so với tỉnh tương ứng với CQT đang nộp tờ khai

+ Chỉ tiêu [12]: Chọn trong danh mục CQT tương ứng với địa bàn hoạt động, sản xuất kinh doanh đã chọn

+ Chỉ tiêu [13]: NSD nhập số >=0

- Các chỉ tiêu nhập với nơi không có đơn vị phụ thuộc/ địa điểm kinh doanh:

+ Chỉ tiêu [06]: Nhập kiểu số >0, kiểm tra >= tổng chỉ tiêu [13]

+ Chỉ tiêu [08]: Nhập dạng text

+ Chỉ tiêu [10]: Chọn trong danh mục

+ Chỉ tiêu [11]: NSD chọn từ danh mục, kiểm tra Tỉnh phải khác so với tỉnh tương ứng với CQT đang nộp tờ khai

+ Chỉ tiêu [12]: Chọn trong danh mục CQT tương ứng với địa bàn hoạt động, sản xuất kinh doanh đã chọn

+ Chỉ tiêu [13]: NSD nhập số >=0

- Các chỉ tiêu tự tính, điều kiện kiểm tra công thức:

+ Chỉ tiêu [14]: UD hỗ trợ tính theo công thức: [14] = [13]/[06]x100%, kiểm tra Tổng (14) <= 100%, định dạng sau dấu phẩy 2 số thập phân

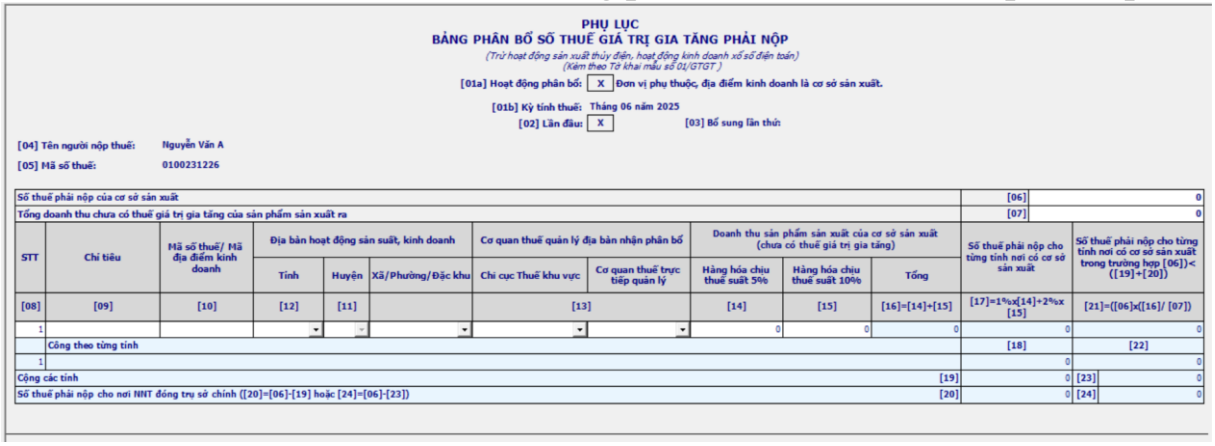
+ Chỉ tiêu [15]: UD hỗ trợ tính theo công thức: [15] = [40]x[14]

+ Chỉ tiêu [16]: UD tính tổng theo từng tỉnh, chỉ cộng khi 1 tỉnh khai nhiều dòng

+ Cộng các tỉnh khác nơi NNT đóng trụ sở chính: [17] = ∑[16]

+ Số thuế phải nộp cho nơi NNT đóng trụ sở chính: [18] = [40] – [17], kiểm tra [17] + [18] = [40] trên Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT, sai khác cảnh báo đỏ.

3.3.1.1.3 Phụ lục 01-6/GTGT: Bảng phân bổ số thuế GTGT phải nộp



PHỤ LỤC
BẢNG PHÂN BỔ SỐ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG PHẢI NỘP
(Trừ hoạt động sản xuất thủy điện, hoạt động kinh doanh xổ số điện toán)
(Kèm theo Tờ khai mẫu số 01/GTGT)

[01a] Hoạt động phân bổ: [X] Đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh là cơ sở sản xuất.

[01b] Kỳ tính thuế: Tháng 06 năm 2025
[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ

[04] Tên người nộp thuế: Nguyễn Văn A
[05] Mã số thuế: 0100231226

Số thuế phải nộp của cơ sở sản xuất	[06]	0
Tổng doanh thu chưa có thuế giá trị gia tăng của sản phẩm sản xuất ra	[07]	0

STT	Chỉ tiêu	Mã số thuế/ Mã địa điểm kinh doanh	Địa bàn hoạt động sản suất, kinh doanh			Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ		Doanh thu sản phẩm sản xuất của cơ sở sản xuất (chưa có thuế giá trị gia tăng)			Số thuế phải nộp cho từng tỉnh nơi có cơ sở sản xuất	Số thuế phải nộp cho từng tỉnh nơi có cơ sở sản xuất trong trường hợp [06]< ([19]+[20])
			Tỉnh	Huyện	Xã/Phường/Đặc khu	Chi cục Thuế khu vực	Cơ quan thuế trực tiếp quản lý	Hàng hóa chịu thuế suất 5%	Hàng hóa chịu thuế suất 10%	Tổng		
[08]	[09]	[10]	[12]	[11]		[13]		[14]	[15]	[16]=[14]+[15]	[17]=1%x[14]+2%x[15]	[21]=([06]x[16]/ [07])
1								0	0	0	0	0
	Cộng theo từng tỉnh										[18]	[22]
1											0	0
Cộng các tỉnh										[19]	0	[23] 0
Số thuế phải nộp cho nơi NNT đóng trụ sở chính ([20]=[06]-[19] hoặc [24]=[06]-[23])										[20]	0	[24] 0

- Các chỉ tiêu nhập:

+ Chỉ tiêu [06]: NSD tự nhập, kiểu số không âm, kiểm tra (Chỉ tiêu [06] trên 01-6 (CSSX) + Chỉ tiêu [06] trên 01-6 (VT) + tổng cột [10] trên 01-2) <= [40] trên tờ khai, vi phạm cảnh báo đỏ.

+ Chỉ tiêu [07]: Nếu chọn phân bổ cho cơ sở sản xuất: NSD tự nhập. Hệ thống kiểm tra (7) <= (27) trên tờ khai. Bắt buộc nhập nếu kê khai phụ lục; Nếu chọn phân bổ cho kinh doanh dịch vụ viễn thông cước trả sau: Không hiển thị dòng này.

+ Chỉ tiêu [09]: Cho phép NNT nhập text

+ Chỉ tiêu [10]: Tại dòng đơn vị phụ thuộc khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính: Nhập MST 13 số, kiểm tra đúng cấu trúc, không cho phép nhập trùng; Tại dòng địa điểm kinh doanh khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính: Cho phép nhập, kiểm tra đúng cấu trúc mã địa điểm kinh doanh 5 số.

+ Chỉ tiêu [11]: NSD chọn từ danh mục

+ Chỉ tiêu [12]: NSD nhập, kiểm tra tỉnh khác tỉnh với CQT nộp tờ khai, không bắt trùng

+ Chỉ tiêu [13]: Mặc định là Cục thuế và cho phép chọn lại là CCT

+ Chỉ tiêu [14]: NSD nhập số không âm, kiểm tra tổng [14] <= [30] trên tờ khai, bắt buộc có kê khai [14] hoặc [15]

+ Chỉ tiêu [15]: NSD nhập số không âm, kiểm tra [15] <= [32] trên tờ khai

- Các chỉ tiêu tự tính, điều kiện kiểm tra công thức:

+ Chỉ tiêu [16]: UD tính theo công thức: [16] = [14] + [15]

+ Chỉ tiêu [17]: UD tính theo công thức [17] = 1%x[14]+2%x[15], nếu [20] >=0 thì hiển thị cột [17], nếu chỉ tiêu [20] <0 thì không hiển thị cột [17], hiển thị cột [21]

+ Chỉ tiêu [18]: UD tính tổng cộng các dòng chỉ tiêu [17] theo từng tỉnh, không cho sửa

+ Chỉ tiêu [19]: UD tính tổng cộng các dòng chỉ tiêu [18] theo từng tỉnh, không cho sửa

+ Chỉ tiêu [20]: UD tính = [06] – [19], không cho sửa; Đối với CSSX: Nếu [20] dương thì không có giá trị tại cột [21], nếu [20] âm thì tính theo công thức cột [21], không tính theo công thức cột [17]; Đối với VT: Nếu [20] < 0 thì cảnh báo đỏ.

+ Chỉ tiêu [21]: Nếu là dịch vụ viễn thông cước trả sau thì không có chỉ tiêu (21), Nếu là cơ sở sản xuất thì tính theo công thức.

+ Chỉ tiêu [22]: UD tính tổng cộng cột [21] theo từng tỉnh, không cho sửa

+ Chỉ tiêu [23]: UD tính tổng cộng cột [22] theo từng tỉnh, không cho sửa

+ Chỉ tiêu [24]: Đối với CSSX: UD tính [24] = [06] – [23], không cho sửa; Đối với VT: Không hiển thị chỉ tiêu này

3.3.1.1.4 Phụ lục giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị Quyết số 43/2022/QH15

- Cho phép đính kèm phụ lục này đối với kỳ tính thuế từ tháng 02/2022 đến tháng 12/2022, quý 1/2022 đến quý 4/2022 và chỉ áp dụng cho ngành nghề "Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường" hoặc "Hoạt động thăm dò khai thác dầu khí" hoặc "dành cho nhà máy sản xuất điện khác địa bàn tỉnh nơi có trụ sở chính"

- Các chỉ tiêu NNT nhập:

+ (2) Tên hàng hóa, dịch vụ: Cho phép nhập text

+ (3) Giá trị HHDV chưa có thuế GTGT/ Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế: Nhập kiểu số >0, bắt buộc nhập

+ (4) Thuế suất/Tỷ lệ tính thuế GTGT theo quy định: Bắt buộc chọn trong danh mục (5% hoặc 10%)

- Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tự động tính:

+ (5) Thuế suất/Tỷ lệ tính thuế GTGT sau giảm: UD tính theo công thức (5)=(4)x80%

+ (6) Thuế GTGT được giảm: UD tính theo công thức (6)=(3)x[(4)-(5)]

3.3.1.1.5 Phụ lục giảm thuế giá trị gia tăng PL_GiamThue_GTGT_23_24 (đáp ứng Nghị quyết số 101/2023/QH15 và Nghị quyết số 110/2023/QH15)

- Cho phép đính kèm Phụ lục PL_GiamThue_GTGT_23_24 đối với ngành nghề "Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường" hoặc "Hoạt động thăm dò khai thác dầu khí" hoặc "dành cho nhà máy sản xuất điện khác địa bàn tỉnh nơi có trụ sở chính" có các kỳ tính thuế như sau:

+ Kỳ tháng: Từ tháng 06/2023 đến tháng 06/2024

+ Kỳ quý: Từ quý 2/2023 đến quý 2/2024

- Các chỉ tiêu NNT nhập:

+ (2) Tên hàng hóa, dịch vụ: Cho phép nhập text

+ (3) Giá trị HHDV chưa có thuế GTGT/ Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế: Nhập kiểu số >0, bắt buộc nhập

- Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tự động tính:

+ (4) Thuế suất/Tỷ lệ tính thuế GTGT theo quy định: Mặc định là 10%

+ (5) Thuế suất/Tỷ lệ tính thuế GTGT sau giảm: Mặc định là 8%

+ (6) Thuế GTGT được giảm: UD tính theo công thức (6)=(3)x[(4)-(5)]

3.3.1.1.6 Phụ lục giảm thuế giá trị gia tăng PL 142/2024/QH15-174/2024/QH15-204/2025/QH15 (đáp ứng Nghị quyết số 142/2024/QH15 và Nghị quyết số 174/2024/QH15 và Nghị quyết số 204/2025/QH15)

- Cho phép đính kèm Phụ lục PL 142/2024/QH15-174/2024/QH15-204/2025/QH15 đối với ngành nghề "Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường" hoặc "Hoạt động thăm dò khai thác dầu khí" hoặc "dành cho nhà máy sản xuất điện khác địa bàn tỉnh nơi có trụ sở chính" có các kỳ tính thuế như sau:

+ Kỳ tháng: Từ tháng 07/2024 đến tháng 12/2026

+ Kỳ quý: Từ quý 3/2024 đến quý 4/2026

- Mục I. Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% *(áp dụng cho người nộp thuế kê khai theo phương pháp khấu trừ thuế)*

+ Các chỉ tiêu NNT nhập:

- (2) Tên hàng hóa, dịch vụ: Cho phép nhập text
- (3) Giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào chưa có thuế GTGT được khấu trừ trong kỳ: Nhập số >=0

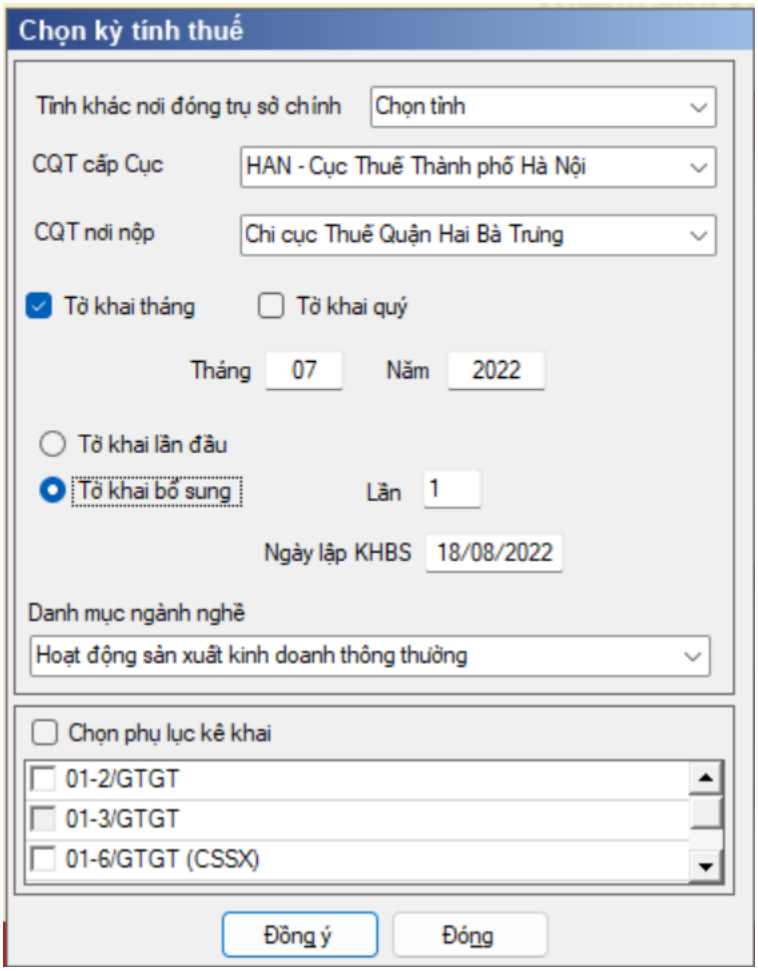
+ Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tự động tính:

- (4) Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào được khấu trừ trong kỳ: UD tính theo công thức (4) = (3) x 8%, cho phép sửa
- [05] Tổng cộng Giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào chưa có thuế GTGT được khấu trừ trong kỳ: UD tính = tổng cột (3)
- [06] Tổng cộng Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào được khấu trừ trong kỳ: UD tính = tổng cột (4)

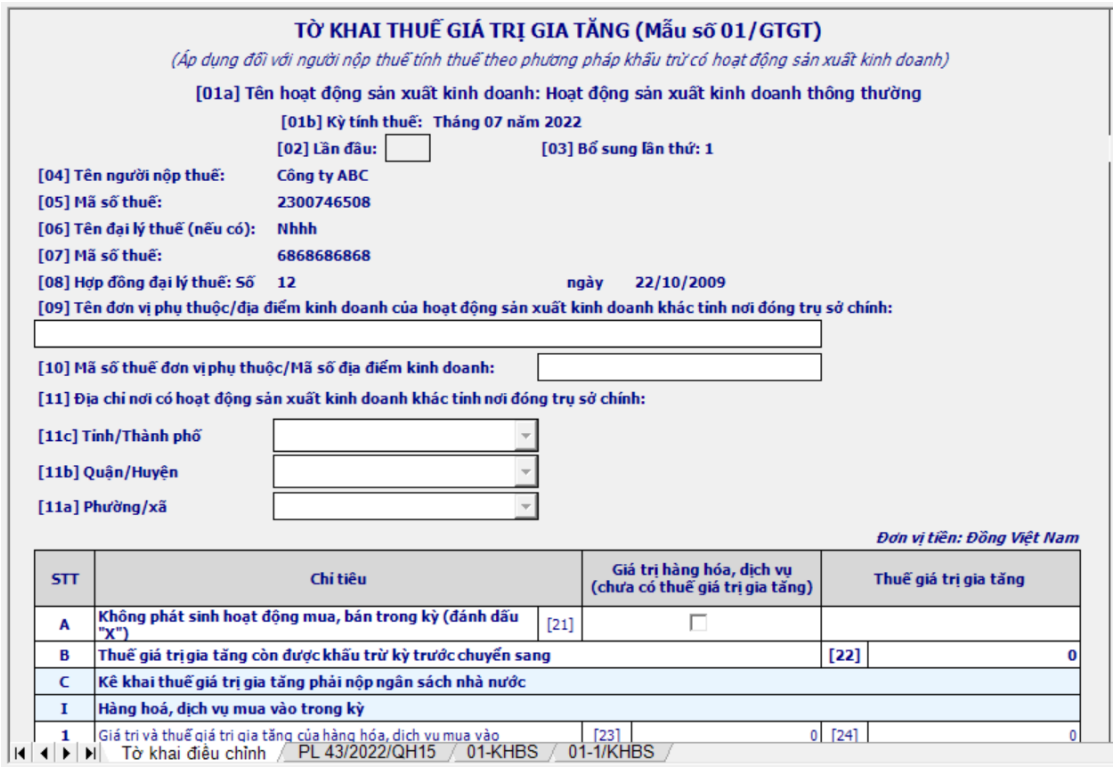
- Mục II. Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ
  + Các chỉ tiêu NNT nhập:
    - (2) Tên hàng hóa, dịch vụ: Cho phép nhập text
    - (3) Giá trị HHDV chưa có thuế GTGT: Nhập kiểu số >0, bắt buộc nhập
  + Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tự động tính:
    - (4) Thuế suất thuế GTGT theo quy định: Mặc định là 10%
    - (5) Thuế suất thuế GTGT sau giảm: Mặc định là 8%
    - (6) Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra được giảm: UD tính theo công thức (6)=(3)x[(4)-(5)]
    - [07] Tổng cộng Giá trị HHDV chưa có thuế GTGT: UD tính = tổng cột (3) Giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa có thuế GTGT
    - [08] Tổng cộng Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra được giảm: UD tính = tổng cột (6) Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra được giảm
- Mục III. Chênh lệch thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ bán ra và mua vào trong kỳ được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8%
  + [09]: UD tính theo công thức [09] = [08] - [06]

3.3.1.2 Trường hợp tờ khai bổ sung

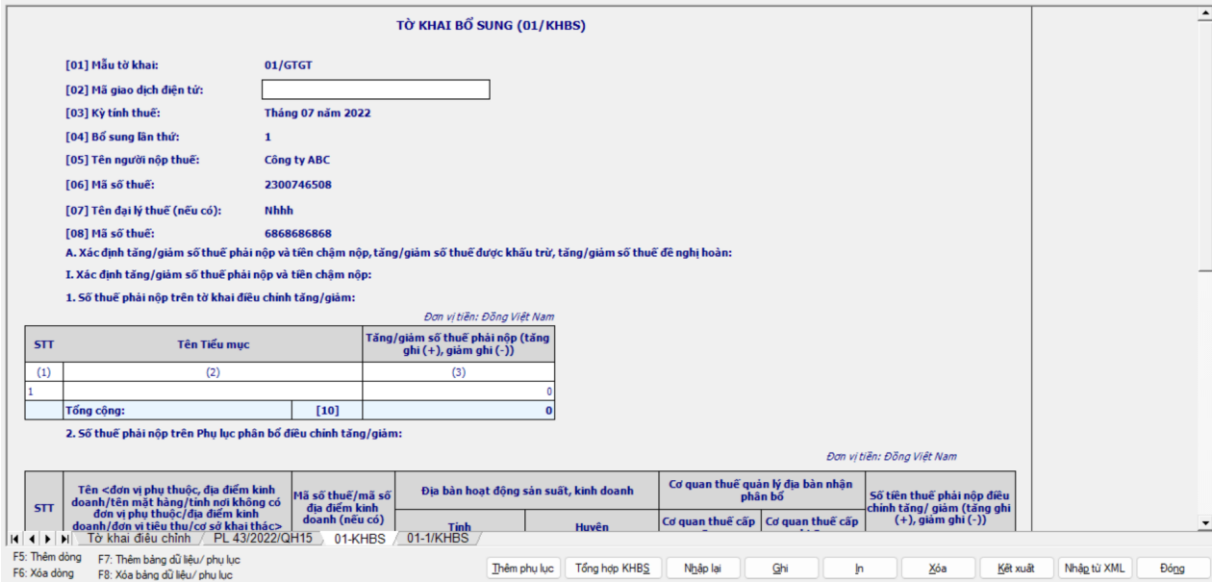
- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung và cho phép đính kèm các phụ lục
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nếu ở tờ khai lần đầu hoặc lần bổ sung N-1, NNT đã kê khai phụ lục nào thì ở Tờ khai bổ sung/ Tờ khai bổ sung lần N, ứng dụng sẽ mặc định tích chọn phụ lục đó và cho phép NNT đính kèm thêm cả các phụ lục khác chưa được kê khai.



- Chọn nút "Đồng ý" khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm sheet "Tờ khai điều chỉnh", các phụ lục đã tích chọn (trong danh sách: 01-2/GTGT, 01-3/GTGT, 01-6/GTGT…) và "01-KHBS" và "01-1/KHBS"



- Ứng dụng sẽ lấy dữ liệu của Tờ khai gần nhất trong cùng kỳ tính thuế làm dữ liệu mặc định trên Tờ khai điều chỉnh (Nếu là tờ khai bổ sung lần 1 thì lấy dữ liệu của tờ khai lần đầu, nếu là tờ khai bổ sung lần n thì lấy dữ liệu lần bổ sung n-1). NNT sẽ kê khai bổ sung điều chỉnh trực tiếp trên Tờ khai điều chỉnh, kê khai như tờ khai thay thế, sau đó ứng dụng sẽ tự động lấy các chỉ tiêu điều chỉnh liên quan đến số thuế phải nộp lên KHBS.
- Ấn nút "Tổng hợp KHBS"



- A. Xác định tăng/giảm số thuế phải nộp và tiền chậm nộp, tăng/giảm số thuế được khấu trừ, tăng/giảm số thuế đề nghị hoàn:

+ (2) Tên tiểu mục: UD hiển thị tên tiểu mục điều chỉnh được tổng hợp từ chỉ tiêu điều chỉnh trên phụ lục 01-1/KHBS; Nếu phụ lục 01-1/KHBS không có các chỉ tiêu điều chỉnh là chỉ tiêu hạch toán thì cột này không có giá trị.

+ (3) Tăng/ giảm số thuế phải nộp: UD tự động hiển thụ = chỉ tiêu [07] Tổng cộng (tang +, giảm -) phải nộp trên 01-1/KHBS, không cho sửa

+ [10] Tổng cộng Tăng/giảm số thuế phải nộp (tăng ghi (+), giảm ghi (-)): UD tính bằng tổng cột (3), không cho sửa

+ Số thuế phải nộp trên Phụ lục phân bổ điều chỉnh tăng/giảm: hiển thị các dữ liệu thay đổi trên PL phân bổ 01-2/GTGT, 01-3/GTGT, 01-6/GTGT (CSSX), 01-6/GTGT (VT cước trả sau). PL nào có thay đổi số phải nộp của trụ sở chính trên 01-1/KHBS thì phải tổng hợp lên 01/KHBS:

- Tại PL 01-3/GTGT: UD thực hiện hỗ trợ tổng hợp chênh lệch chỉ tiêu [18] tại trụ sở chính lên 01/KHBS
- Tại PL 01-6/GTGT (CSSX): UD thực hiện hỗ trợ tổng hợp chênh lệch chỉ tiêu [20], [24] tại trụ sở chính lên 01/KHBS
- Tại PL 01-6/GTGT (VT cước trả sau): UD thực hiện hỗ trợ tổng hợp chênh lệch chỉ tiêu [20] tại trụ sở chính lên 01/KHBS

+ Số ngày chậm nộp tính đến ngày: UD hiển thị đến ngày lập tờ khai KHBS

+ Số ngày chậm nộp: UD hỗ trợ tính số ngày chậm nộp = ngày lập KHBS – hạn nộp tờ khai, cho phép sửa

+ Số tiền chậm nộp tăng/giảm: UD hỗ trợ tính theo công thức = 0,03%*số tiền chậm nộp*số ngày

+ [12] Tổng cộng Tăng/giảm số thuế khấu trừ (tăng ghi (+), giảm ghi (-)): UD tính bằng tổng cột (3), không cho sửa

+ [13] Tổng cộng Tăng/giảm số thuế đề nghị hoàn (tăng ghi (+), giảm ghi (-)): UD tính bằng tổng cột (3), không cho sửa

- B: Số thuế thu hồi hoàn và tiền chậm nộp:

+ Số tiền thu hồi hoàn: NNT nhập dạng số, không âm

+ Quyết định hoàn thuế: Số…ngày…cơ quan thuế ban hành quyết định…: Số: nhập dạng text, Ngày: nhập dạng dd/mm/yyyy, Cơ quan thuế ban hành quyết định: Cho phép chọn trong danh mục

+ Lệnh hoàn thuế: Số … ngày …

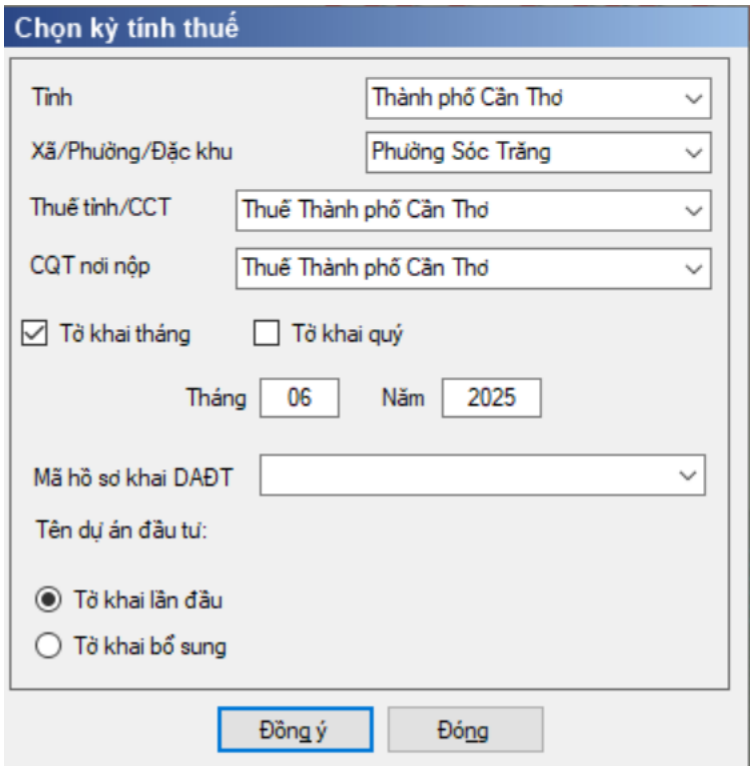
+ Số ngày nhận được tiền hoàn thuế: cho phép nhập

+ Số tiền chậm nộp (= số tiền đã được hoàn phải nộp trả NSNN x số ngày nhận được tiền hoàn thuế x mức chậm nộp): NNT nhập dạng số, không âm

3.3.2 Tờ khai thuế giá trị gia tăng cho dự án đầu tư mẫu 02/GTGT đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế GTGT" chọn "Tờ khai thuế giá trị gia tăng (02/GTGT)(TT80/2021)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:



- CQT nộp tờ khai: Chỉ được nộp tại Cục Thuế

- Kiểm tra trong cùng 1 kỳ đã kê khai tháng thì không cho kê khai quý và ngược lại. VD đã kê khai tờ khai tháng 11/2021 thì không cho phép kê khai tờ khai quý 4/2021

- Cho phép có nhiều tờ khai 02/GTGT trong cùng 1 kỳ tính thuế với Mã dự án đầu tư khác nhau

- Kỳ tính thuế: Với tờ khai tháng có hiệu lực từ tháng 01/2022, tờ khai quý có hiệu lực từ Qúy 1/2022
- Hạn nộp tờ khai:

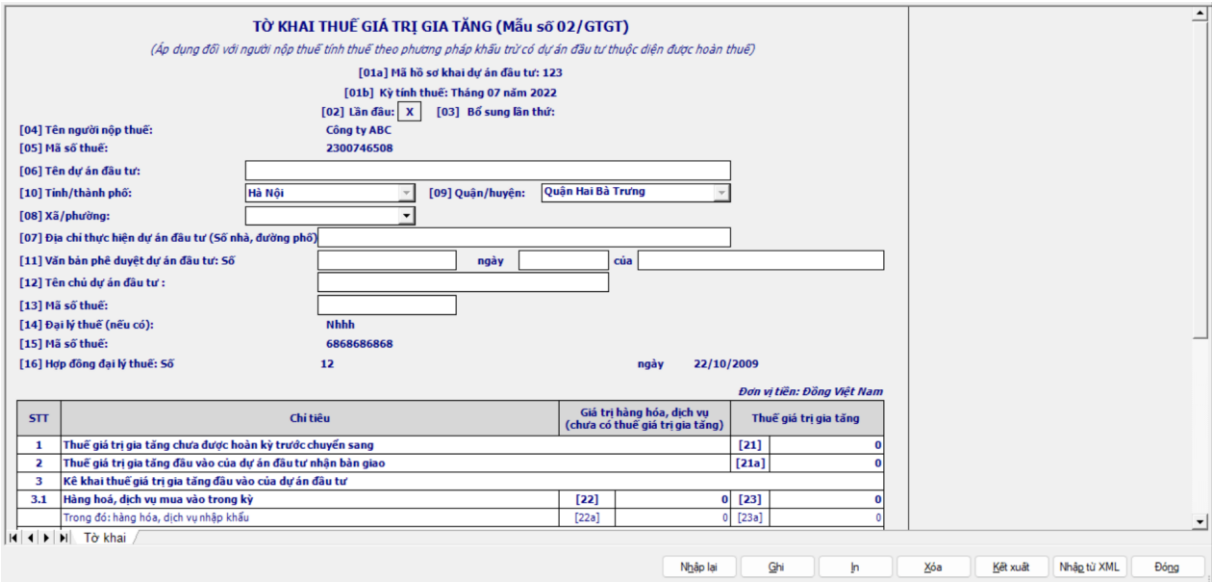
+ Tờ khai tháng: Ngày thứ 20 của tháng tiếp theo, nếu rơi vào ngày nghỉ/lễ, chuyển sang ngày tiếp theo

+ Tờ khai quý: Ngày cuối cùng tháng đầu tiên của quý tiếp theo, nếu rơi vào ngày nghỉ/lễ, chuyển sang ngày tiếp theo

- Mã hồ sơ khai dự án đầu tư: Chọn trong danh mục các mã dự án đầu tư đã kê khai tại chức năng "Kê khai thông tin DAĐT cho tờ khai 02/GTGT và 01/HT (có tích cột "Chọn" để hiển thị lên tờ khai 02/GTGT)

3.3.2.1 Trường hợp tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



- **Thông tin dự án đầu tư:** Hiển thị theo thông tin mã dự án đầu tư đã chọn, không cho sửa
- Các chỉ tiêu tự nhập trong bảng:

+ Các chỉ tiêu [21a], [22], [24], [25] , [26], [27] kiểu số, không âm.

+ Chỉ tiêu [23]: Nhập dạng số, không âm, kiểm tra [23] <= [22], sai khác cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [22a]: Nhập dạng số, không âm, kiểm tra [22a] <= [22], sai khác cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [23a]: Nhập dạng số, kiểm tra [23a] <= [23] và [23a] <= [22]

+ Chỉ tiêu [28a]: Nhập dạng số, không âm, kiểm tra [28a] <= [28], sai khác cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [28b]: Nhập dạng số, không âm, kiểm tra ([28b]<[28]-[28a]), sai khác cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [30]: Nhập dạng số, không âm, kiểm tra [30]<[29], nếu chỉ tiêu [30] = 0, thì không kiểm tra ràng buộc [30] <= [29], nếu nhập chỉ tiêu [30] kiểm tra phải >= 300 triệu

+ Chỉ tiêu [31]: Nhập dạng số, không âm, kiểm tra [31] < [29] – [30], nếu chỉ tiêu [31] = 0 thì không kiểm tra ràng buộc

- Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tự động tính, kiểm tra công thức trong bảng:

+ Chỉ tiêu [21]: tự động chuyển từ chỉ tiêu [32] kỳ trước sang, cho phép sửa, nếu sửa khác thì cảnh báo vàng và vẫn cho in tờ khai.

+ Chỉ tiêu [28] = [21] + [21a] + [23] + [25] – [27], nếu chỉ tiêu [28] < 0 thì cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [29] = [28] - [28a] - [28b], nếu chỉ tiêu [29] < 0 thì cảnh báo đỏ

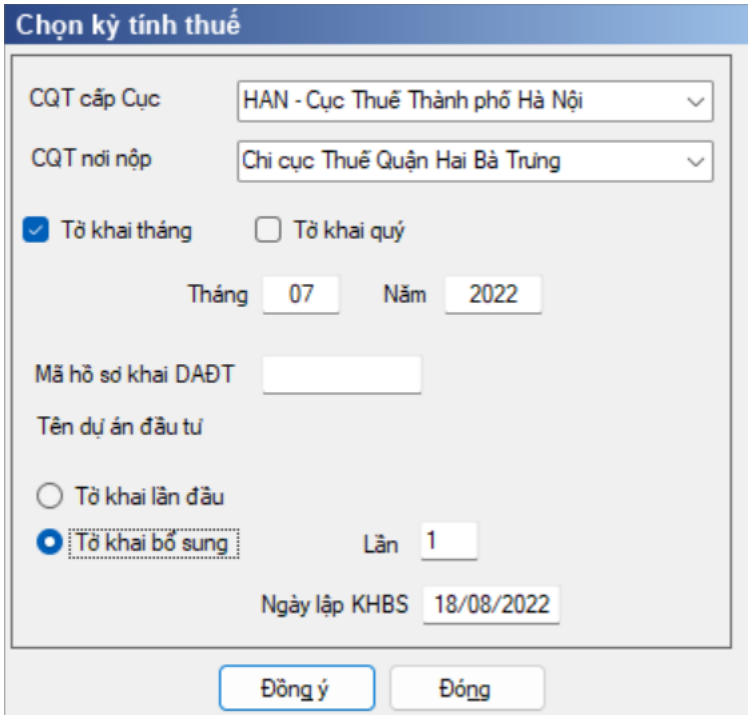
+ Chỉ tiêu [32]= [29] – [30] – [31], nếu chỉ tiêu [32] < 0 thì cảnh báo đỏ

3.3.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

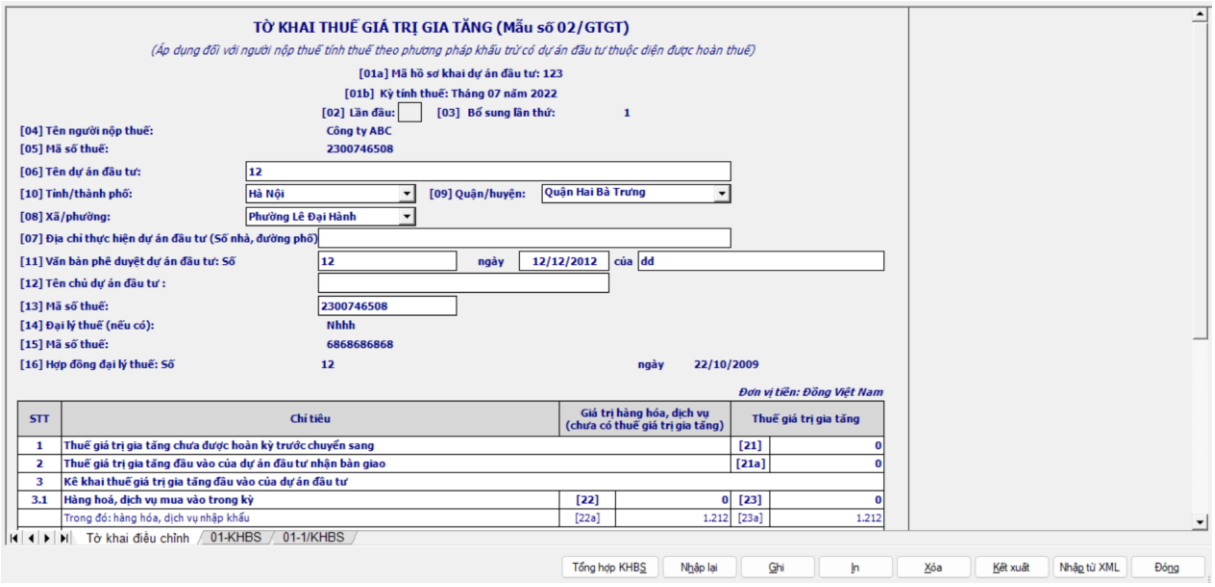
- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.

- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.

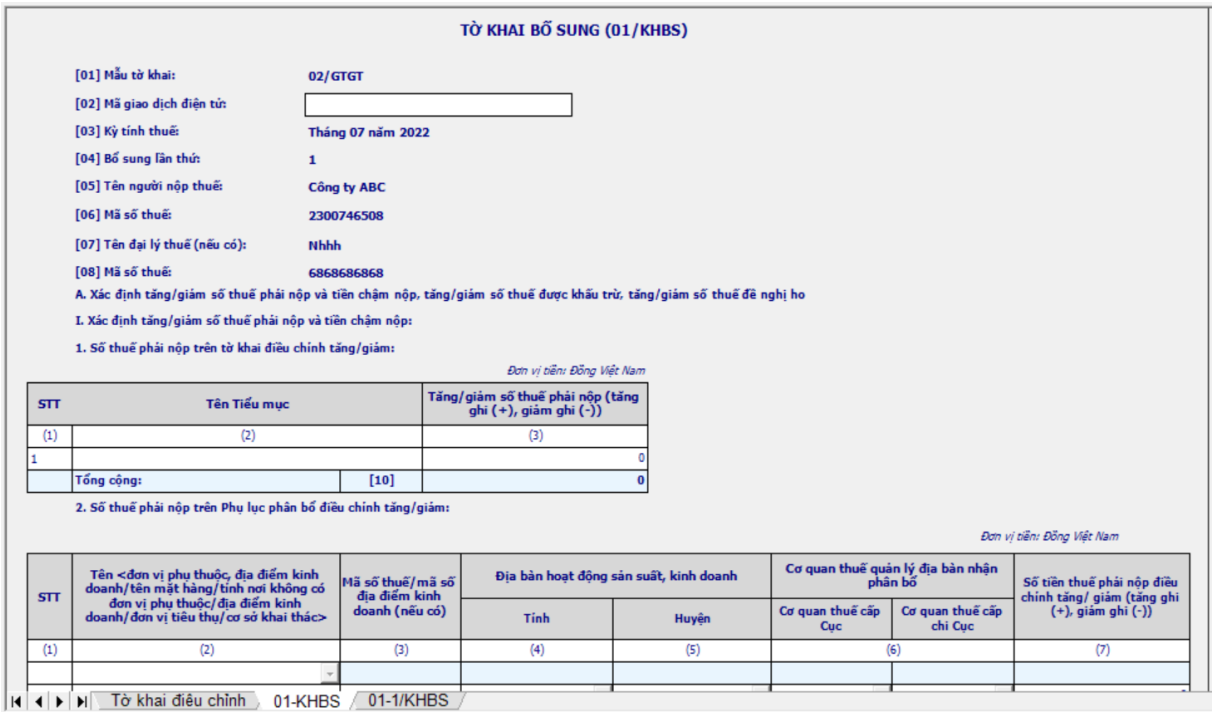
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.



- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS" như sau:



- Ứng dụng sẽ lấy dữ liệu của Tờ khai gần nhất trong cùng kỳ tính thuế làm dữ liệu mặc định trên Tờ khai điều chỉnh (Nếu là tờ khai bổ sung lần 1 thì lấy dữ liệu của tờ khai lần đầu, nếu là tờ khai bổ sung lần n thì lấy dữ liệu lần bổ sung n-1). NNT sẽ kê khai bổ sung điều chỉnh trực tiếp trên Tờ khai điều chỉnh, kê khai như tờ khai thay thế, sau đó ứng dụng sẽ tự động lấy các chỉ tiêu điều chỉnh liên quan đến số thuế phải nộp lên KHBS, NNT không kê khai trên KHBS.

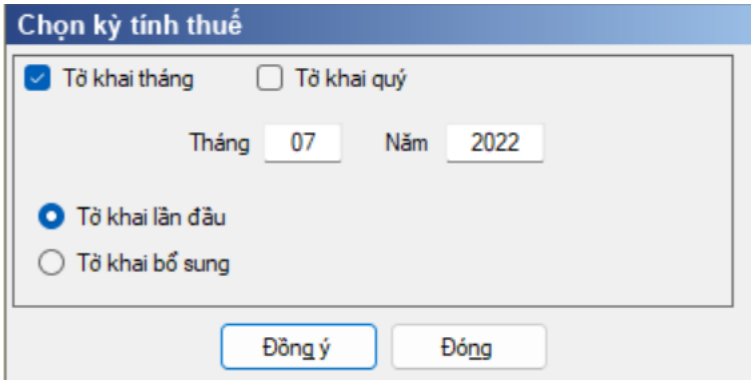


- Các chỉ tiêu được đưa lên KHBS có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.3.3 Tờ khai thuế giá trị gia tăng trực tiếp mẫu 03/GTGT đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế GTGT" chọn "Tờ khai GTGT trực tiếp trên GTGT (03/GTGT) (TT80)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- CQT nộp tờ khai: Chỉ được nộp tại Cục Thuế
- Kiểm tra trong cùng 1 kỳ đã kê khai tháng thì không cho kê khai quý và ngược lại. VD đã kê khai tờ khai tháng 11/2021 thì không cho phép kê khai tờ khai quý 4/2021
- Cho phép có nhiều tờ khai 02/GTGT trong cùng 1 kỳ tính thuế với Mã dự án đầu tư khác nhau
- Kỳ tính thuế: Với tờ khai tháng có hiệu lực từ tháng 01/2022, tờ khai quý có hiệu lực từ Qúy 1/2022
- Hạn nộp tờ khai:

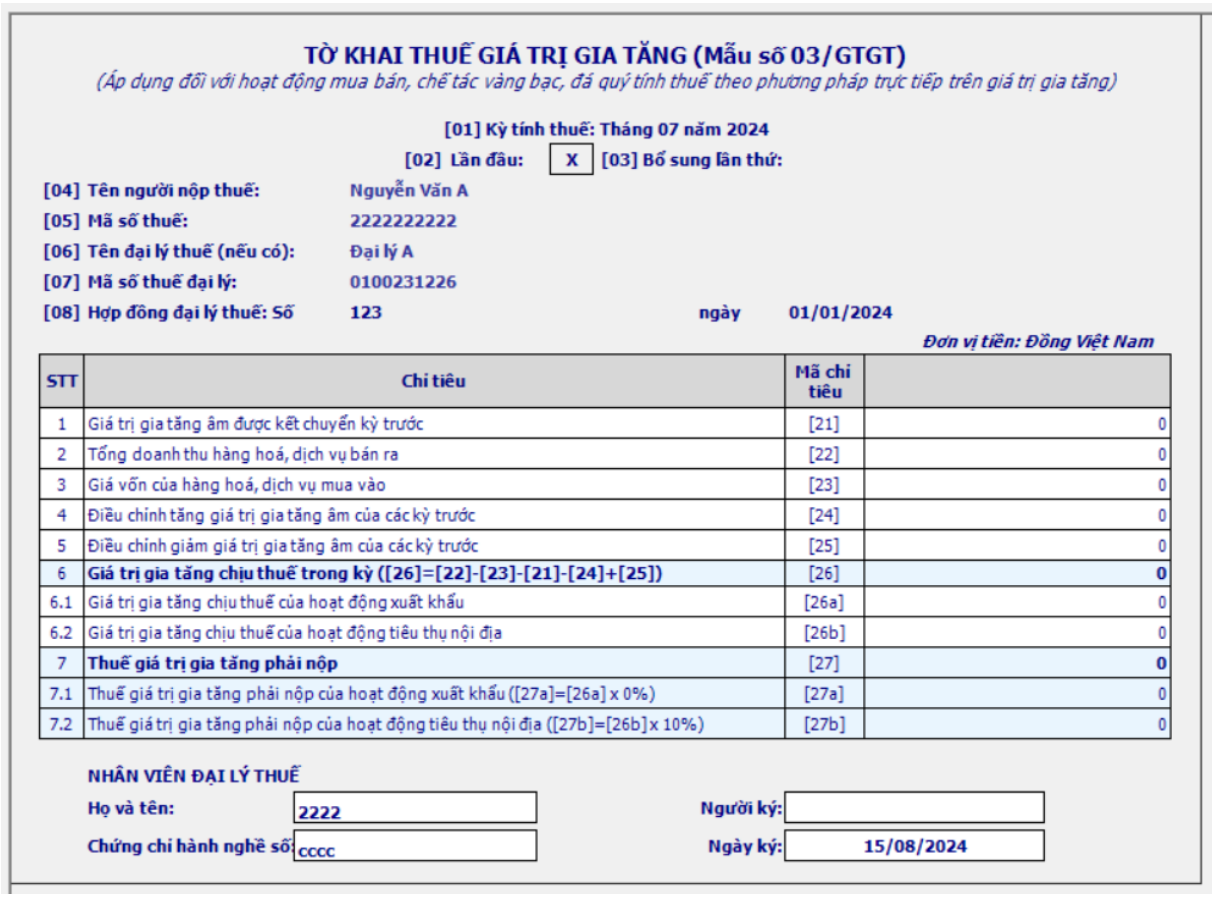
+ Tờ khai tháng: Ngày thứ 20 của tháng tiếp theo, nếu rơi vào ngày nghỉ/lễ, chuyển sang ngày tiếp theo

+ Tờ khai quý: Ngày cuối cùng tháng đầu tiên của quý tiếp theo, nếu rơi vào ngày nghỉ/lễ, chuyển sang ngày tiếp theo

- Chọn loại tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung) theo tháng hoặc quý, và chọn các phụ lục cần kê khai sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai GTGT trực tiếp mẫu 03/GTGT.

3.3.3.1 Trường hợp tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 03/GTGT)

(Áp dụng đối với hoạt động mua bán, chế tác vàng bạc, đá quý tính thuế theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2024

[02] Lần đầu: X [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Nguyễn Văn A

[05] Mã số thuế: 2222222222

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Đại lý A

[07] Mã số thuế đại lý: 0100231226

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số 123 ngày 01/01/2024

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

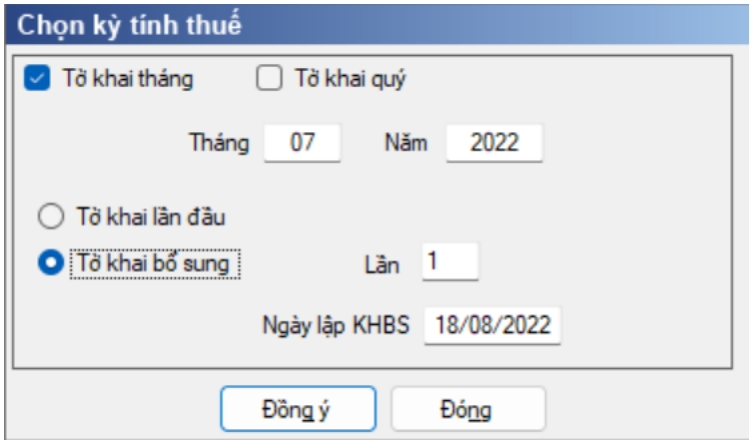
STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	
1	Giá trị gia tăng âm được kết chuyển kỳ trước	[21]	0
2	Tổng doanh thu hàng hoá, dịch vụ bán ra	[22]	0
3	Giá vốn của hàng hoá, dịch vụ mua vào	[23]	0
4	Điều chỉnh tăng giá trị gia tăng âm của các kỳ trước	[24]	0
5	Điều chỉnh giảm giá trị gia tăng âm của các kỳ trước	[25]	0
6	**Giá trị gia tăng chịu thuế trong kỳ ([26]=[22]-[23]-[21]-[24]+[25])**	[26]	**0**
6.1	Giá trị gia tăng chịu thuế của hoạt động xuất khẩu	[26a]	0
6.2	Giá trị gia tăng chịu thuế của hoạt động tiêu thụ nội địa	[26b]	0
7	**Thuế giá trị gia tăng phải nộp**	[27]	**0**
7.1	Thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động xuất khẩu ([27a]=[26a] x 0%)	[27a]	0
7.2	Thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động tiêu thụ nội địa ([27b]=[26b] x 10%)	[27b]	0

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

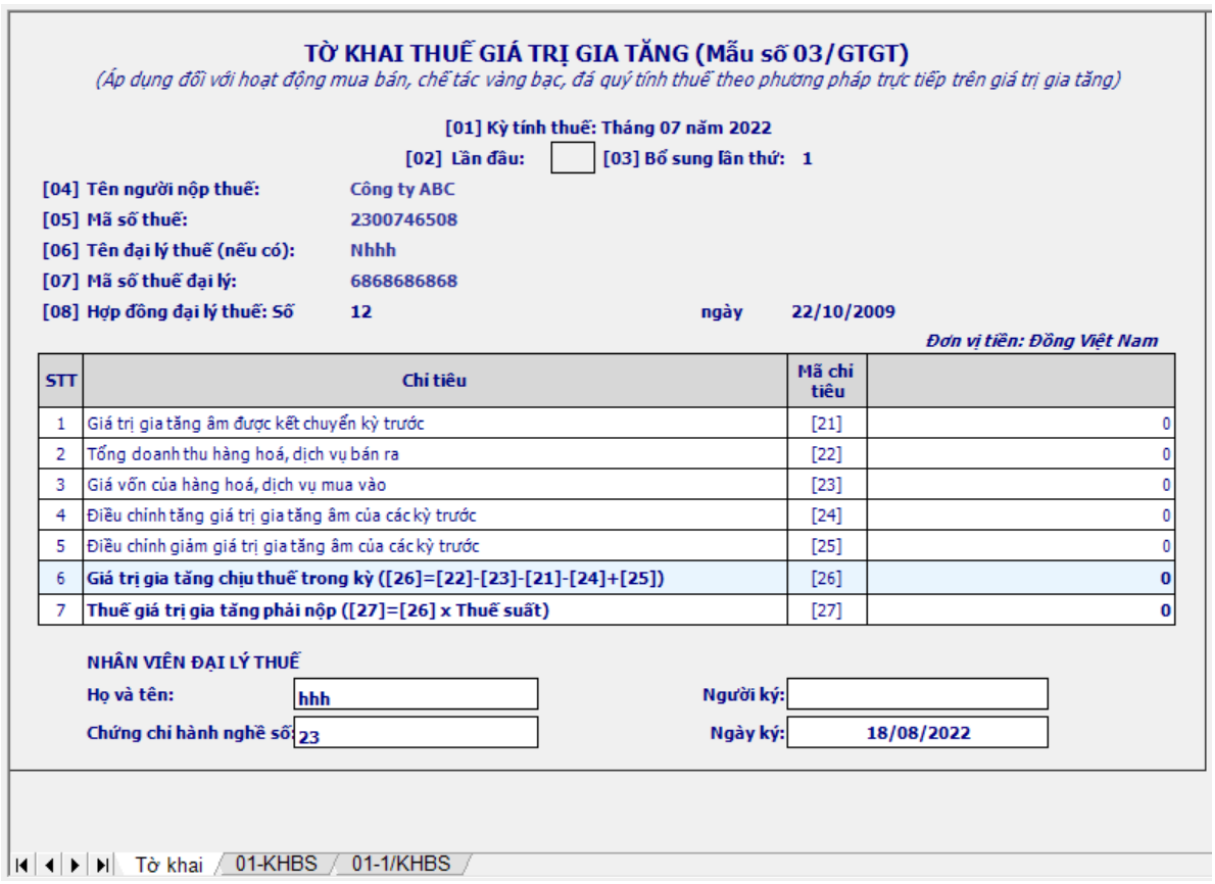
Họ và tên: 2222 Người ký:

Chứng chỉ hành nghề số: cccc Ngày ký: 15/08/2024

- Các chỉ tiêu tự nhập:
  + Chỉ tiêu [22], [23], [26a], [26b]: NSD tự nhập, kiểu số âm, dương
  + Chỉ tiêu [24], [25]: NSD tự nhập, kiểu số, không âm
- Các chỉ tiêu tự tính, kiểm tra công thức:
  + Chỉ tiêu [21]: hỗ trợ lấy giá trị âm từ chỉ tiêu [26] của kỳ trước sang, cho phép sửa, không âm, nếu sửa khác thì cảnh báo vàng: "Chỉ tiêu [21] khác với chỉ tiêu [26] kỳ trước chuyển sang". Không kê khai chỉ tiêu [21] đối với tờ khai tháng 1, quý 1
  + Chỉ tiêu [26]= [22] - [23] - [21] - [24] + [25]. Kiểm tra [26] phải = [26a] + [26b]
  + Chỉ tiêu [27]= [27a] + [27b]
  + Chỉ tiêu [27a] = [26a] x 0% = 0
  + Chỉ tiêu [27b] = [26b] x 10%, nếu [26b] < 0 thì [27b] =0
- Trường hợp khai tờ khai bổ sung
- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.



- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "KHBS" như sau:



TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 03/GTGT)

(Áp dụng đối với hoạt động mua bán, chế tác vàng bạc, đá quý tính thuế theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu: [ ] [03] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[07] Mã số thuế đại lý: 6868686868

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số 12 ngày 22/10/2009

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	
1	Giá trị gia tăng âm được kết chuyển kỳ trước	[21]	0
2	Tổng doanh thu hàng hoá, dịch vụ bán ra	[22]	0
3	Giá vốn của hàng hoá, dịch vụ mua vào	[23]	0
4	Điều chỉnh tăng giá trị gia tăng âm của các kỳ trước	[24]	0
5	Điều chỉnh giảm giá trị gia tăng âm của các kỳ trước	[25]	0
6	**Giá trị gia tăng chịu thuế trong kỳ ([26]=[22]-[23]-[21]-[24]+[25])**	[26]	**0**
7	**Thuế giá trị gia tăng phải nộp ([27]=[26] x Thuế suất)**	[27]	**0**

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: hhh Người ký:

Chứng chỉ hành nghề số: 23 Ngày ký: 18/08/2022

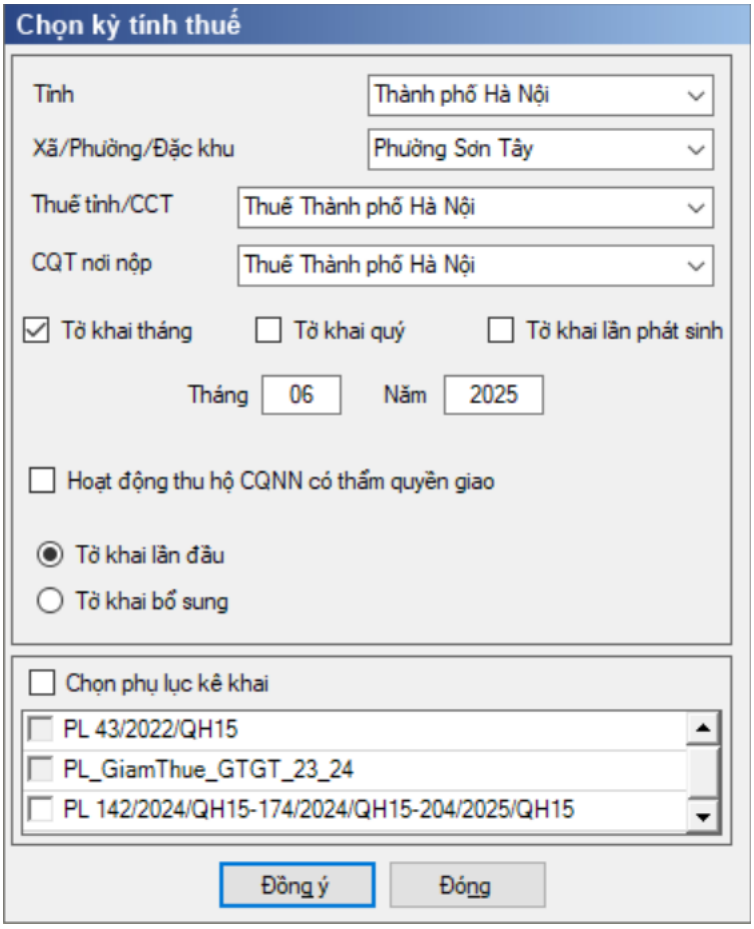
Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Các chỉ tiêu được đưa lên KHBS có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.3.4 Tờ khai thuế GTGT mẫu 04/GTGT theo lần phát sinh đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

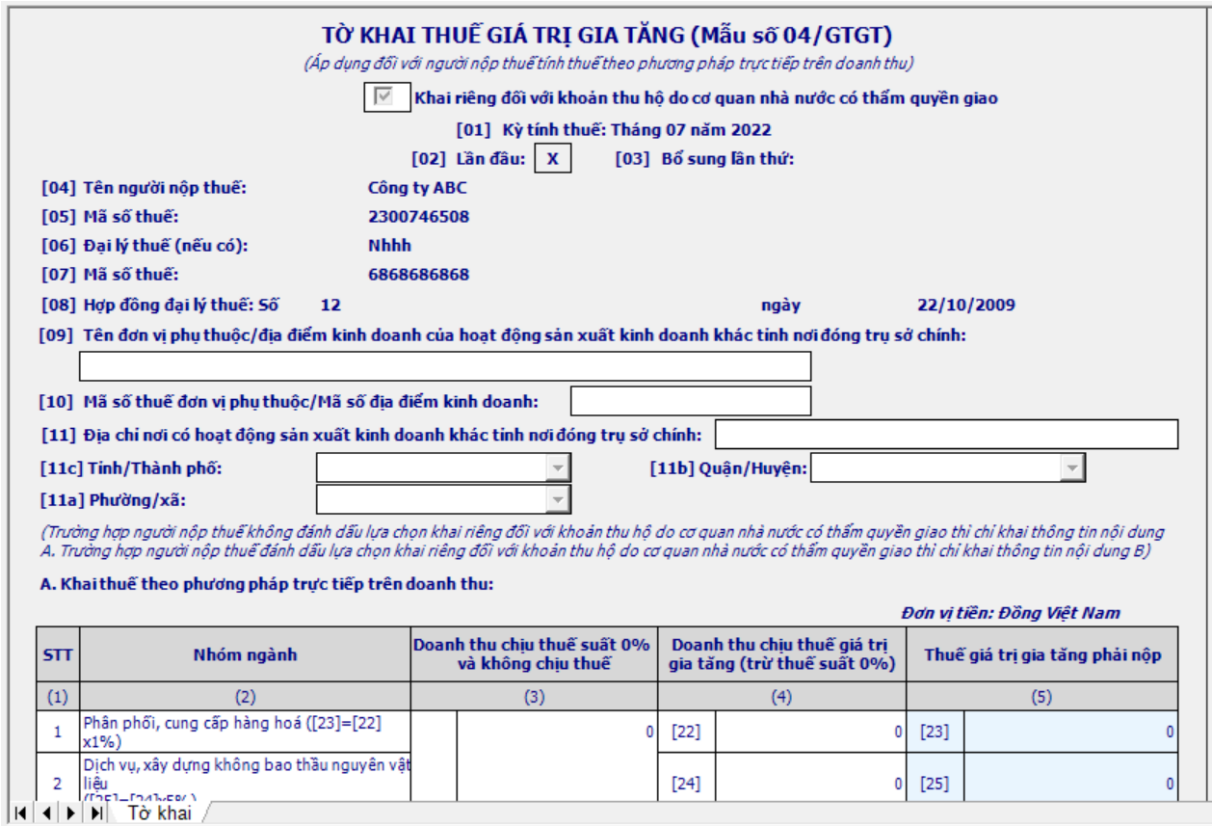
- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế GTGT" chọn "Tờ khai thuế GTGT (04/GTGT) (TT80)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- CQT nộp tờ khai: Cho phép nộp tờ khai vãng lai
- Trong cùng 1 kỳ và 1 CQT nộp tờ khai có thể khai 1 tờ khai 04/GTGT tương ứng với "Khai thuế trực tiếp" theo tháng/quý và nhiều tờ khai 04/GTGT theo từng lần phát sinh, 01 tờ khai 04/GTGT "Khai riêng đối với khoản thu hộ" theo tháng/quý
- Loại kỳ tính thuế:
  + Tờ khai lần phát sinh: hiệu lực từ ngày 01/01/2022
  + Tờ khai tháng: hiệu lực từ tháng 01/2022
  + Tờ khai quý: Qúy 1/2022
- Hạn nộp tờ khai:
  + + Tờ khai lần phát sinh: 10 ngày kể từ ngày phát sinh. Nếu rơi vào ngày nghỉ/lễ, chuyển sang ngày tiếp theo
  + + Tờ khai tháng: ngày thứ 20 của tháng tiếp theo. Nếu rơi vào ngày nghỉ/lễ, chuyển sang ngày tiếp theo
  + + Tờ khai quý: Ngày cuối cùng tháng đầu tiên của quý tiếp theo. Nếu rơi vào ngày nghỉ/lễ, chuyển sang ngày tiếp theo
- Chọn loại tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung) theo tháng hoặc quý, và chọn các phụ lục cần kê khai sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai GTGT trực tiếp trên doanh thu mẫu 04/GTGT.

3.3.4.1 Trường hợp tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 04/GTGT)

(Áp dụng đối với người nộp thuế tính thuế theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu)

☑ Khai riêng đối với khoản thu hộ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu: X [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[06] Đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[07] Mã số thuế: 6868686868

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số 12 ngày 22/10/2009

[09] Tên đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

[10] Mã số thuế đơn vị phụ thuộc/Mã số địa điểm kinh doanh:

[11] Địa chỉ nơi có hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

[11c] Tỉnh/Thành phố: [11b] Quận/Huyện:

[11a] Phường/xã:

(Trường hợp người nộp thuế không đánh dấu lựa chọn khai riêng đối với khoản thu hộ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thì chỉ khai thông tin nội dung A. Trường hợp người nộp thuế đánh dấu lựa chọn khai riêng đối với khoản thu hộ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thì chỉ khai thông tin nội dung B)

A. Khai thuế theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Nhóm ngành	Doanh thu chịu thuế suất 0% và không chịu thuế		Doanh thu chịu thuế giá trị gia tăng (trừ thuế suất 0%)		Thuế giá trị gia tăng phải nộp	
(1)	(2)	(3)		(4)		(5)	
1	Phân phối, cung cấp hàng hoá ([23]=[22] x1%)		0	[22]	0	[23]	0
2	Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu			[24]	0	[25]	0

Tờ khai

- ***Các chỉ tiêu thông tin chung cần nhập:*** Cụm chỉ tiêu [09] -> [11]: Cho phép nhập nếu CQT nộp tờ khai khác với tỉnh nơi đóng trụ sở chính

+ Chỉ tiêu [09]: Nhập dạng text

+ Chỉ tiêu [10]: Phải kê khai là MST 13 số hoặc mã địa điểm kinh doanh 5 số, kiểm tra định dạng đúng cấu trúc MST 13 số hoặc mã địa điểm kinh doanh 5 số

+ Chỉ tiêu [11a], [11b], [11c]: Chọn trong danh mục

- Các chỉ tiêu chi tiết:

+ Trường hợp 1: Nếu không tích chọn "Hoạt động thu hộ CQNN có thẩm quyền giao"

- **Chỉ tiêu [21]**: Cho phép nhập số âm, dương
- **Chỉ tiêu [22]**: Cho phép nhập số âm, dương
  - Nếu đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24 thì Chỉ tiêu [22] = tổng cột (3) trên PL_GiamThue_GTGT_23_24 tương ứng thuế suất 1%. Cho phép sửa, kiểm tra [22] phải lớn hơn tổng cột (3) trên PL_GiamThue_GTGT_23_24 tương ứng thuế suất 1%.
  - Nếu đính kèm PL 142/2024/QH15 thì: [22] = tổng cột (3) mục II trên PL 142/2024/QH15 tương ứng với tỷ lệ 1% ở cột (4). Cho phép sửa [22] phải >= tổng cột (3) mục II trên PL 142/2024/QH15 tương ứng với tỷ lệ 1% ở cột (4)
- Chỉ tiêu [23]:
  - Nếu không đính kèm PL giảm thuế GTGT thì [23] = [22] *1%
  - Nếu đính kèm PL 142/2024/QH15 thì: [23] = [22] *1% - tổng cột (6) mục II trên PL NQ 142/2024/QH15 tương ứng tỷ lệ 1% ở cột (4)

- Nếu đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24 thì: [23] = [22] *1% - tổng cột 6 trên PL_GiamThue_GTGT_23_24 tương ứng tỷ lệ 1% ở cột 4
- Nếu đính kèm PL 43/2022/QH15 thì: [23] = [22] *1% - tổng cột 6 trên PL 43/2022/QH15 tương ứng tỷ lệ 1% ở cột 4

- **Chỉ tiêu [24]**: Cho phép nhập số âm, dương
  - Nếu đính kèm PL 142/2024/QH15 thì: [24] = tổng cột (3) mục II trên PL 142/2024/QH15 tương ứng với tỷ lệ 5% ở cột (4). Cho phép sửa [24] phải >= tổng cột (3) mục II trên PL 142/2024/QH15 tương ứng với tỷ lệ 5% ở cột (4)
  - Nếu đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24 thì Chỉ tiêu [24] = tổng cột (3) trên PL_GiamThue_GTGT_23_24 tương ứng thuế suất 5%, cho phép sửa
- Chỉ tiêu [25]:
  - Nếu không đính kèm PL giảm thuế GTGT thì [25] = [24] * 5%
  - Nếu đính kèm PL 142/2024/QH15 thì: [25] = [24]*5% - tổng cột (6) mục II trên PL NQ 142/2024/QH15 tương ứng tỷ lệ 5% ở cột (4)
  - Nếu đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24 thì: [25] = [24]*5% - tổng cột 6 trên PL_GiamThue_GTGT_23_24 tương ứng tỷ lệ 5% ở cột 4
  - Nếu đính kèm PL 43/2022/QH15 thì: [25] = [24]*5% - tổng cột 6 trên PL 43/2022/QH15 tương ứng tỷ lệ 5% ở cột 4
- **Chỉ tiêu [26]**: Cho phép nhập số âm, dương
  - Nếu đính kèm PL 142/2024/QH15 thì: [26] = tổng cột (3) mục II trên PL 142/2024/QH15 tương ứng với tỷ lệ 3% ở cột (4). Cho phép sửa [26] phải >= tổng cột (3) mục II trên PL 142/2024/QH15 tương ứng với tỷ lệ 3% ở cột (4)
  - Nếu đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24 thì Chỉ tiêu [26] = tổng cột (3) trên PL_GiamThue_GTGT_23_24 tương ứng thuế suất 3%, cho phép sửa [26] phải >= tổng cột (3) trên PL_GiamThue_GTGT_23_24 tương ứng thuế suất 3%,
- Chỉ tiêu [27]:
  - Nếu không đính kèm PL giảm thuế GTGT thì [27] = [26] * 3%
  - Nếu đính kèm PL 142/2024/QH15 thì: [27] = [26]*3% - tổng cột (6) mục II trên PL NQ 142/2024/QH15 tương ứng tỷ lệ 3% ở cột (4)
  - Nếu đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24 thì: [27] = [26]*3% - tổng cột 6 trên PL_GiamThue_GTGT_23_24 tương ứng tỷ lệ 3% ở cột 4
  - Nếu đính kèm PL 43/2022/QH15 thì: [27] = [26]*3% - tổng cột 6 trên PL 43/2022/QH15 tương ứng tỷ lệ 3% ở cột 4
- **Chỉ tiêu [28]**: Cho phép nhập số âm, dương
  - Nếu đính kèm PL 142/2024/QH15 thì: [28] = tổng cột (3) mục II trên PL 142/2024/QH15 tương ứng với tỷ lệ 2% ở cột (4). Cho phép sửa [28] phải >= tổng cột (3) mục II trên PL 142/2024/QH15 tương ứng với tỷ lệ 2% ở cột (4)
  - Nếu đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24 thì Chỉ tiêu [22] = tổng cột (3) trên PL_GiamThue_GTGT_23_24 tương ứng thuế suất 2%, cho phép sửa
- Chỉ tiêu [29]:
  - Nếu không đính kèm PL giảm thuế GTGT thì [29] = [28] * 2%
  - Nếu đính kèm PL 142/2024/QH15 thì: [29] = [28]*2% - tổng cột (6) mục II trên PL NQ 142/2024/QH15 tương ứng tỷ lệ 2 % ở cột (4)

o Nếu đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24 thì: [29] = [28] * 2% - tổng cột 6 trên PL_GiamThue_GTGT_23_24 tương ứng tỷ lệ 2% ở cột 4

o Nếu đính kèm PL 43/2022/QH15 thì: [29] = [28] * 2% - tổng cột 6 trên PL 43/2022/QH15 tương ứng tỷ lệ 2% ở cột 4

- **Chỉ tiêu [30]**: [30] = [22] + [24] + [26] + [28]
- **Chỉ tiêu [31]**: [31] = [23] + [25] + [27] + [29]
- **Chỉ tiêu [32]**: [32]= [21] + [30]

+ Trường hợp 2: Nếu có tích chọn "Hoạt động thu hộ CQNN có thẩm quyền giao" thì:

- **(2) Khoản thu hộ**: Chọn trong danh mục bao gồm:
  - o Khoản thu hộ chịu thuế GTGT 5%
  - o Khoản thu hộ chịu thuế GTGT 10%
- **Chỉ tiêu [33]**: Nhập dạng số, có thể âm
- Chỉ tiêu [34]:
  - o Nếu chọn "Khoản thu hộ chịu thuế GTGT 5% thì [34] = 5%
  - o Nếu chọn "Khoản thu hộ chịu thuế GTGT 10% và không đính kèm PL giảm thuế GTGT thì [34] = 10%
  - o Nếu chọn "Khoản thu hộ chịu thuế GTGT 10% và đính kèm PL PL_GiamThue_GTGT_23_24 hoặc PL 142/2/204/QH15 thì [34] = 8%
- **Chỉ tiêu [35]**: [35]=[33]x[34], có thể âm
- **Chỉ tiêu [36]**: [36] = Tổng chỉ tiêu [33]
- **Chỉ tiêu [37]:** [37] = Tổng chỉ tiêu [35]

3.3.4.1.1 Phụ lục giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 43/2022/QH15

- Trường hợp 1: Không tích chọn "Hoạt động thu hộ CQNN có thẩm quyền giao"
  + Cho phép đính kèm PL 43/2022/QH15 đối với các kỳ tính thuế như sau:
    - Kỳ tháng: Từ tháng 02/2022 đến tháng 12/2022
    - Kỳ quý: Từ quý 1/2022 đến quý 4/2022
    - Kỳ lần phát sinh: Từ ngày 01/02/2022 đến ngày 31/12/2022
  + Các chỉ tiêu trên phụ lục:
    - (2) Tên hàng hóa, dịch vụ: Cho phép nhập text
    - (3) Giá trị HHDV chưa có thuế GTGT/ Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế: Nhập kiểu số >0, bắt buộc nhập
    - (4) Thuế suất/Tỷ lệ tính thuế GTGT theo quy định: Chọn trong danh mục 1%, 2%, 3%, 5%
    - (5) Thuế suất/Tỷ lệ tính thuế GTGT sau giảm: (5)=(4)x80%
    - (6) Thuế GTGT được giảm: UD tính theo công thức (6)=(3)x[(4)-(5)]
- Trường hợp 2: Tích chọn "Hoạt động thu hộ CQNN có thẩm quyền giao"
  + Cho phép đính kèm PL 43/2022/QH15 đối với các kỳ tính thuế như sau:
    - Kỳ tháng: Từ tháng 02/2022 đến tháng 12/2022
    - Kỳ quý: Từ quý 1/2022 đến quý 4/2022

- Kỳ lần phát sinh: Từ ngày 01/02/2022 đến ngày 31/12/2022

+ Các chỉ tiêu trên phụ lục:

- (2) Tên hàng hóa, dịch vụ: Cho phép nhập text
- (3) Giá trị HHDV chưa có thuế GTGT/ Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế: Nhập kiểu số >0, bắt buộc nhập
- (4) Thuế suất/Tỷ lệ tính thuế GTGT theo quy định: Mặc định là 10%
- (5) Thuế suất/Tỷ lệ tính thuế GTGT sau giảm: Mặc định là 8%
- (6) Thuế GTGT được giảm: UD tính theo công thức (6)=(3)x[(4)-(5)]

3.3.4.1.2 Phụ lục giảm thuế giá trị gia tăng PL_GiamThue_GTGT_23_24 (đáp ứng Nghị quyết số 101/2023/QH15 và Nghị quyết số 110/2023/QH15)

- Trường hợp 1: Không tích chọn "Hoạt động thu hộ CQNN có thẩm quyền giao"

+ Cho phép đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24 đối với các kỳ tính thuế như sau:

- Kỳ tháng: Từ tháng 06/2023 đến tháng 06/2024
- Kỳ quý: Từ quý 2/2023 đến quý 2/2024
- Kỳ lần phát sinh: Từ ngày 01/07/2023 đến ngày 30/06/2024

+ Các chỉ tiêu trên phụ lục:

- (2) Tên hàng hóa, dịch vụ: Cho phép nhập text
- (3) Giá trị HHDV chưa có thuế GTGT/ Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế: Nhập kiểu số >0, bắt buộc nhập
- (4) Thuế suất/Tỷ lệ tính thuế GTGT theo quy định: Chọn trong danh mục 1%, 2%, 3%, 5%
- (5) Thuế suất/Tỷ lệ tính thuế GTGT sau giảm: (5)=(4)x80%
- (6) Thuế GTGT được giảm: UD tính theo công thức (6)=(3)x[(4)-(5)]

- Trường hợp 2: Tích chọn "Hoạt động thu hộ CQNN có thẩm quyền giao"

+ Cho phép đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24 đối với các kỳ tính thuế như sau:

- Kỳ tháng: Từ tháng 07/2023 đến tháng 06/2024
- Kỳ quý: Từ quý 3/2023 đến quý 2/2024

+ Các chỉ tiêu trên phụ lục:

- (2) Tên hàng hóa, dịch vụ: Cho phép nhập text
- (3) Giá trị HHDV chưa có thuế GTGT/ Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế: Nhập kiểu số >0, bắt buộc nhập
- (4) Thuế suất/Tỷ lệ tính thuế GTGT theo quy định: Mặc định là 10%
- (5) Thuế suất/Tỷ lệ tính thuế GTGT sau giảm: Mặc định là 8%
- (6) Thuế GTGT được giảm: UD tính theo công thức (6)=(3)x[(4)-(5)]

3.3.4.1.3 Phụ lục giảm thuế giá trị gia tăng PL 142/2024/QH15-174/2024/QH15-204/2025/QH15 (đáp ứng Nghị quyết số 142/2024/QH15 và Nghị quyết số 174/2024/QH15 và Nghị quyết số 204/2025/QH15)

- Trường hợp 1: Không tích chọn "Hoạt động thu hộ CQNN có thẩm quyền giao"

+ Cho phép đính kèm Phụ lục PL 142/2024/QH15-174/2024/QH15-204/2025/QH15 đối với các kỳ tính thuế như sau:

- Kỳ tháng: Từ tháng 07/2024 đến tháng 12/2026
- Kỳ quý: Từ quý 3/2024 đến quý 4/2026
- Kỳ lần phát sinh: Từ ngày 01/07/2024 đến ngày 31/12/2026

+ Mục I. Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% *(áp dụng cho người nộp thuế kê khai theo phương pháp khấu trừ thuế):* Không nhập mục này

+ Mục II. Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ

- Các chỉ tiêu NNT nhập:
  - (2) Tên hàng hóa, dịch vụ: Bắt buộc nhập kiểu ký tự
  - (3) Giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa có thuế GTGT/ Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế: Nhập kiểu số >0, bắt buộc nhập
  - (4) Thuế suất/ Tỷ lệ tính thuế GTGT theo quy định: Chọn trong danh mục 1, 2, 3, 5 (%)
- Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tự động tính:
  - (5) Thuế suất/ Tỷ lệ tính thuế GTGT sau giảm: (5)=(4)x80%
  - (6) Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra được giảm: UD tính theo công thức (6)=(3)x[(4)-(5)]
  - [07] Giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa có thuế GTGT/ Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế: UD tính = tổng cột (3) Giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa có thuế GTGT
  - [08] Tổng cộng Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra được giảm: UD tính = tổng cột (6) Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra được giảm

+ Mục III. Chênh lệch thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ bán ra và mua vào trong kỳ được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8%

- [09]: UD tính theo công thức [09] = [08] - [06]

- Trường hợp 2: Tích chọn "Hoạt động thu hộ CQNN có thẩm quyền giao"

+ Cho phép đính kèm PL 142/2024/QH15 - 174/2024/QH15 đối với các kỳ tính thuế như sau:

- Kỳ tháng: Từ tháng 07/2024 đến tháng 06/2025
- Kỳ quý: Từ quý 3/2024 đến quý 2/2025

+ Mục I. Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% *(áp dụng cho người nộp thuế kê khai theo phương pháp khấu trừ thuế):* Không nhập mục này

+ Mục II. Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ

- Các chỉ tiêu NNT nhập:
  - (2) Tên hàng hóa, dịch vụ: Bắt buộc nhập kiểu ký tự
  - (3) Giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa có thuế GTGT/ Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế: Nhập kiểu số >0, bắt buộc nhập
  - (4) Thuế suất/ Tỷ lệ tính thuế GTGT theo quy định: = 10%
- Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tự động tính:
  - (5) Thuế suất/ Tỷ lệ tính thuế GTGT sau giảm: (5)=(4)x80% = 8%

o (6) Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra được giảm: UD tính theo công thức (6)=(3)x[(4)-(5)]

o [07] Giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa có thuế GTGT/ Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế: UD tính = tổng cột (3) Giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa có thuế GTGT

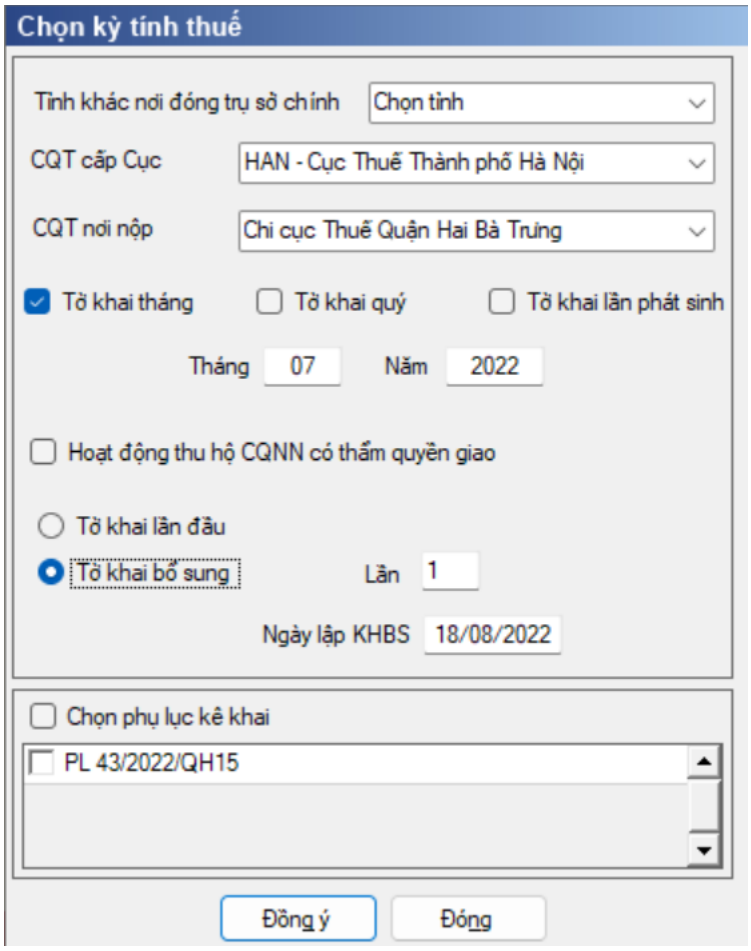
o [08] Tổng cộng Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra được giảm: UD tính = tổng cột (6) Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra được giảm

+ Mục III. Chênh lệch thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ bán ra và mua vào trong kỳ được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8%

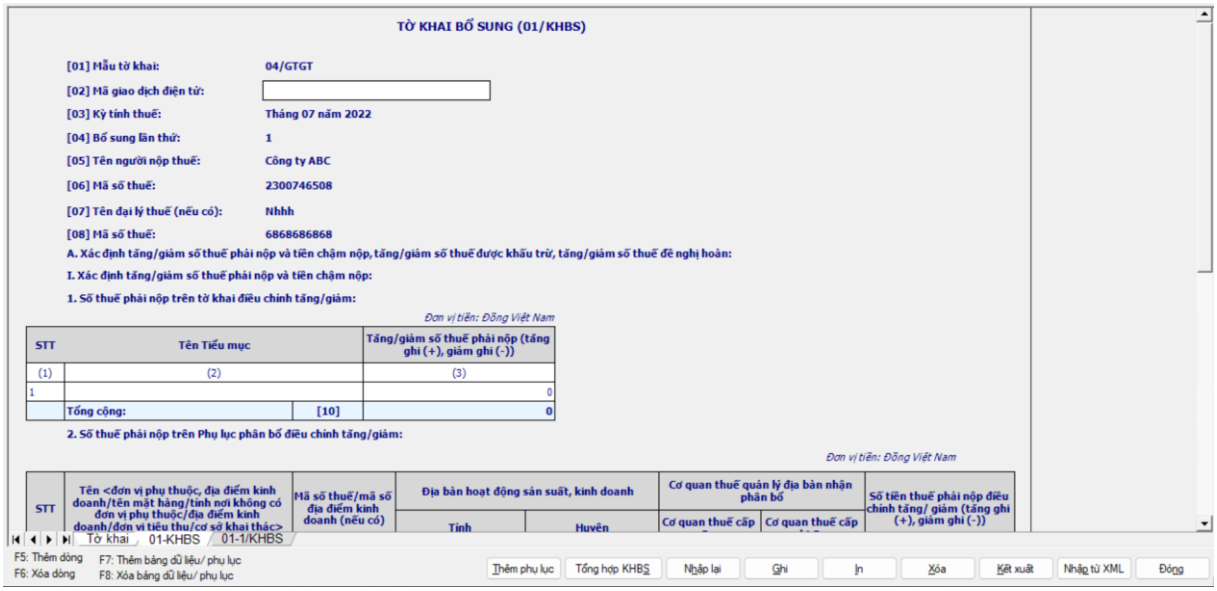
- [09]: UD tính theo công thức [09] = [08] - [06]

3.3.4.2 Trường hợp tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.



- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".

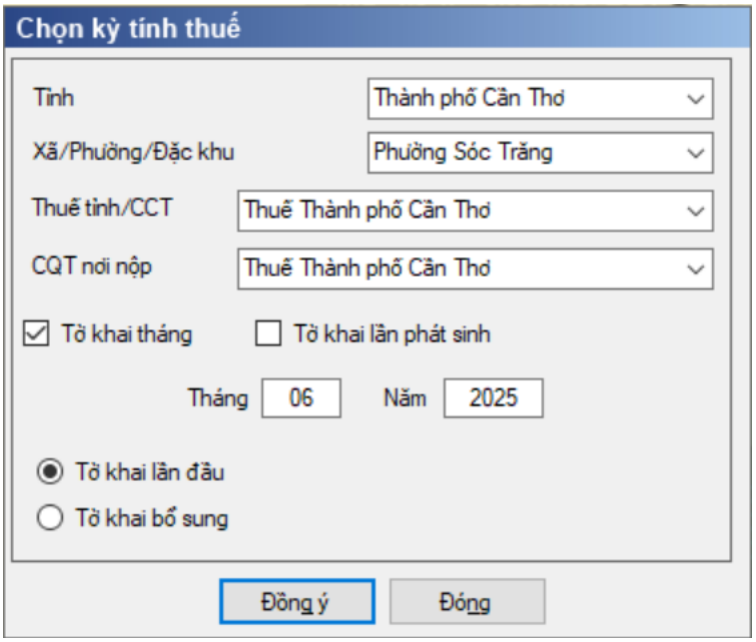


- Các chỉ tiêu được đưa lên KHBS có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.3.5 Tờ khai thuế GTGT mẫu 05/GTGT theo lần phát sinh đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế GTGT" chọn "Tờ khai thuế GTGT KD ngoại tỉnh (05/GTGT) (TT80)" để hiển thị ra tờ khai GTGT mẫu 05/GTGT.



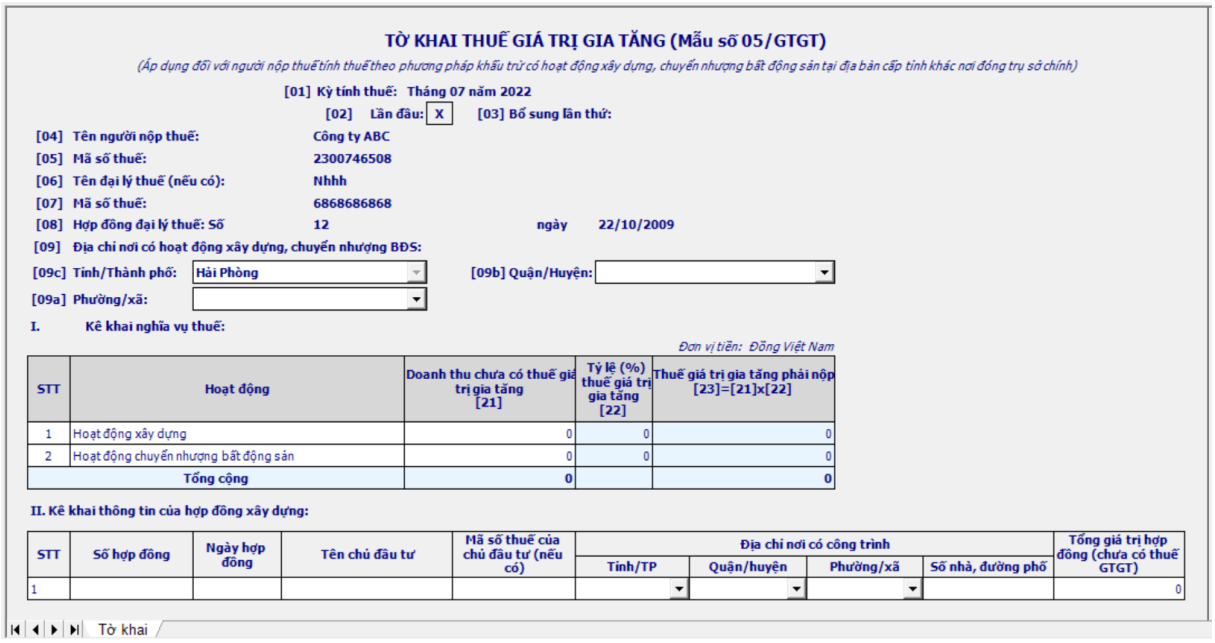
- CQT nộp tờ khai: Chỉ được nộp tại Thuế tỉnh
- Kỳ tính thuế: Với tờ khai tháng có hiệu lực từ tháng 01/2022, tờ khai lần phát sinh có hiệu lực từ ngày 01/01/2022
- Hạn nộp tờ khai:

+ Tờ khai tháng: Ngày thứ 20 của tháng tiếp theo, nếu rơi vào ngày nghỉ/lễ, chuyển sang ngày tiếp theo

+ Tờ khai lần phát sinh: 10 ngày kể từ ngày phát sinh, nếu rơi vào ngày nghỉ/lễ, chuyển sang ngày tiếp theo

3.3.5.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 05/GTGT)

(Áp dụng đối với người nộp thuế tính thuế theo phương pháp khấu trừ có hoạt động xây dựng, chuyển nhượng bất động sản tại địa bàn cấp tỉnh khác nơi đóng trụ sở chính)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu: X [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[07] Mã số thuế: 6868686868

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số 12 ngày 22/10/2009

[09] Địa chỉ nơi có hoạt động xây dựng, chuyển nhượng BĐS:

[09c] Tỉnh/Thành phố: Hải Phòng [09b] Quận/Huyện:

[09a] Phường/xã:

I. Kê khai nghĩa vụ thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Hoạt động	Doanh thu chưa có thuế giá trị gia tăng [21]	Tỷ lệ (%) thuế giá trị gia tăng [22]	Thuế giá trị gia tăng phải nộp [23]=[21]x[22]
1	Hoạt động xây dựng	0	0	0
2	Hoạt động chuyển nhượng bất động sản	0	0	0
Tổng cộng		0		0

II. Kê khai thông tin của hợp đồng xây dựng:

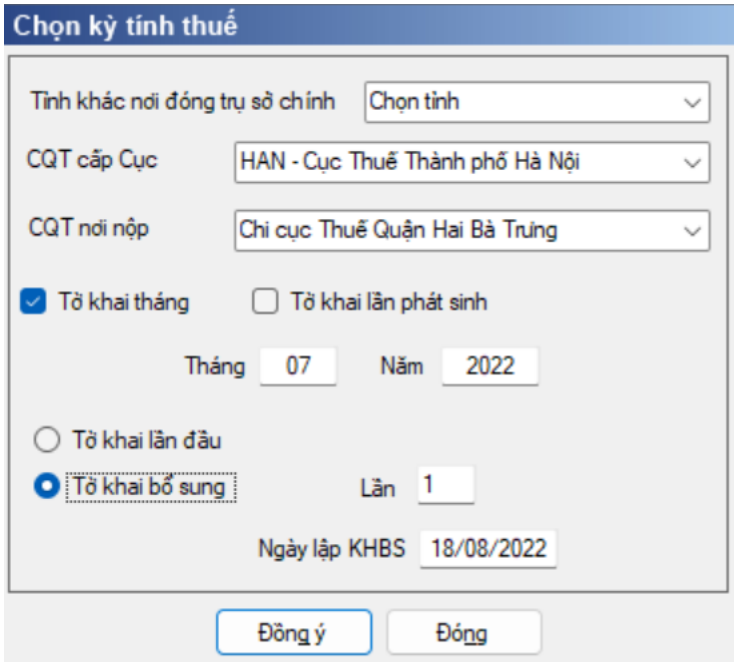
STT	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Tên chủ đầu tư	Mã số thuế của chủ đầu tư (nếu có)	Địa chỉ nơi có công trình				Tổng giá trị hợp đồng (chưa có thuế GTGT)
					Tỉnh/TP	Quận/huyện	Phường/xã	Số nhà, đường phố	
1									0

Tờ khai

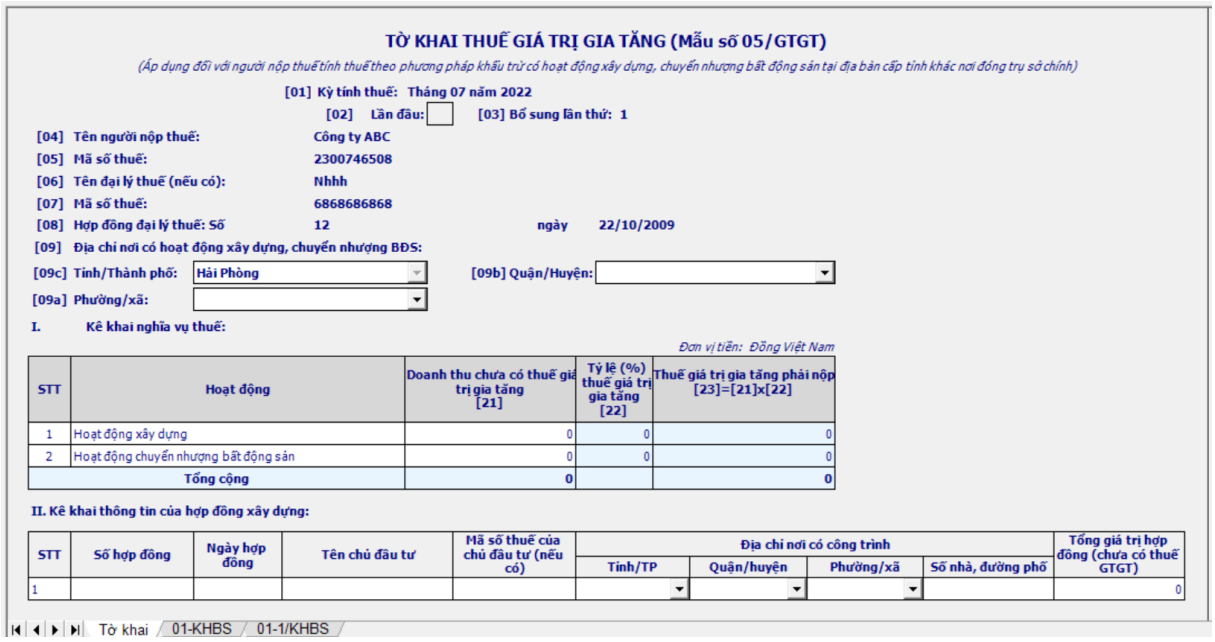
- Các chỉ tiêu tự nhập:
  + Chỉ tiêu [09a], [09b], [09c]: chọn trong danh mục
  + Chỉ tiêu [21]: tự nhập, dạng số, không âm
  + Chỉ tiêu [22]: Mặc định là 1%, không cho sửa
- Các chỉ tiêu tự tính:
  + Chỉ tiêu [23] = [21]x[22]
  + Chỉ tiêu [24] = tổng [21]
  + Chỉ tiêu [25]= tổng [23]

3.3.5.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.



- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".



TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 05/GTGT)

(Áp dụng đối với người nộp thuế tính thuế theo phương pháp khấu trừ có hoạt động xây dựng, chuyển nhượng bất động sản tại địa bàn cấp tỉnh khác nơi đóng trụ sở chính)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[07] Mã số thuế: 6868686868

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số 12 ngày 22/10/2009

[09] Địa chỉ nơi có hoạt động xây dựng, chuyển nhượng BĐS:

[09c] Tỉnh/Thành phố: Hải Phòng [09b] Quận/Huyện:

[09a] Phường/xã:

I. Kê khai nghĩa vụ thuế:

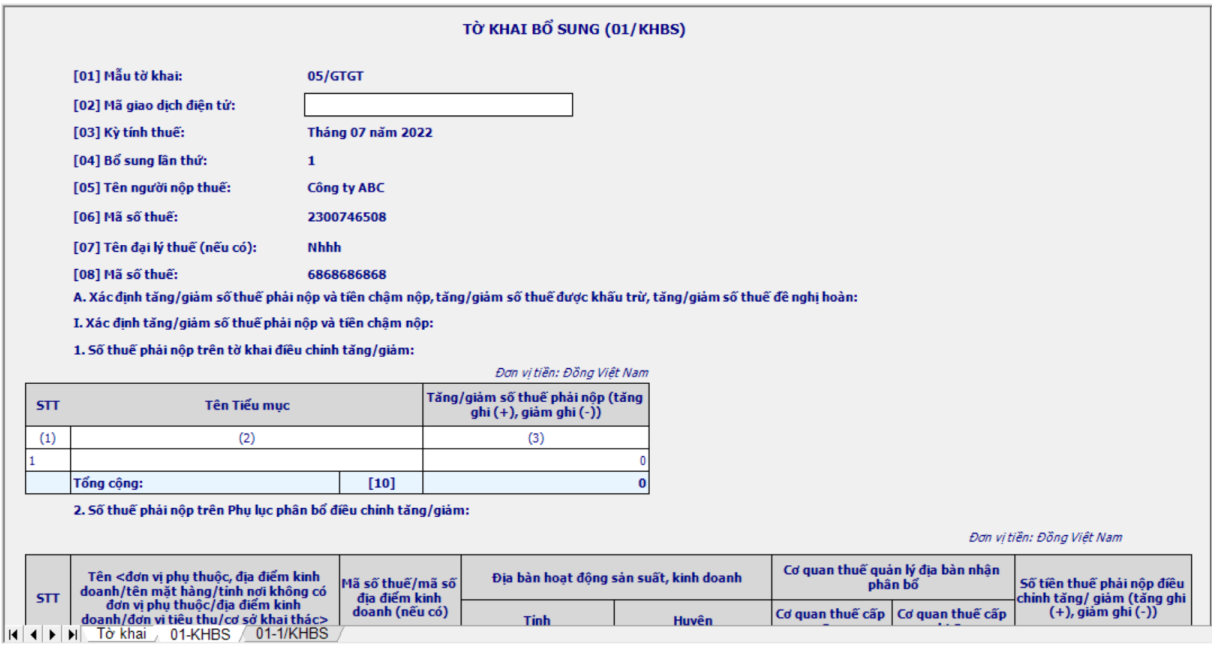
Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Hoạt động	Doanh thu chưa có thuế giá trị gia tăng [21]	Tỷ lệ (%) thuế giá trị gia tăng [22]	Thuế giá trị gia tăng phải nộp [23]=[21]x[22]
1	Hoạt động xây dựng	0	0	0
2	Hoạt động chuyển nhượng bất động sản	0	0	0
Tổng cộng		0		0

II. Kê khai thông tin của hợp đồng xây dựng:

STT	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Tên chủ đầu tư	Mã số thuế của chủ đầu tư (nếu có)	Địa chỉ nơi có công trình				Tổng giá trị hợp đồng (chưa có thuế GTGT)
					Tỉnh/TP	Quận/huyện	Phường/xã	Số nhà, đường phố	
1									0

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS


TỜ KHAI BỔ SUNG (01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 05/GTGT
[02] Mã giao dịch điện tử:
[03] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022
[04] Bổ sung lần thứ: 1
[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[06] Mã số thuế: 2300746508
[07] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh
[08] Mã số thuế: 6868686868
A. Xác định tăng/giảm số thuế phải nộp và tiền chậm nộp, tăng/giảm số thuế được khấu trừ, tăng/giảm số thuế đề nghị hoàn:
I. Xác định tăng/giảm số thuế phải nộp và tiền chậm nộp:
1. Số thuế phải nộp trên tờ khai điều chỉnh tăng/giảm:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên Tiểu mục	Tăng/giảm số thuế phải nộp (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
(1)	(2)	(3)
1		0
	Tổng cộng: [10]	0

2. Số thuế phải nộp trên Phụ lục phân bổ điều chỉnh tăng/giảm:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên <đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh/tên mặt hàng/tỉnh nơi không có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh/đơn vị tiêu thụ/cơ sở khai thác>	Mã số thuế/mã số địa điểm kinh doanh (nếu có)	Địa bàn hoạt động sản suất, kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ		Số tiền thuế phải nộp điều chỉnh tăng/ giảm (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
			Tỉnh	Huyện	Cơ quan thuế cấp	Cơ quan thuế cấp	

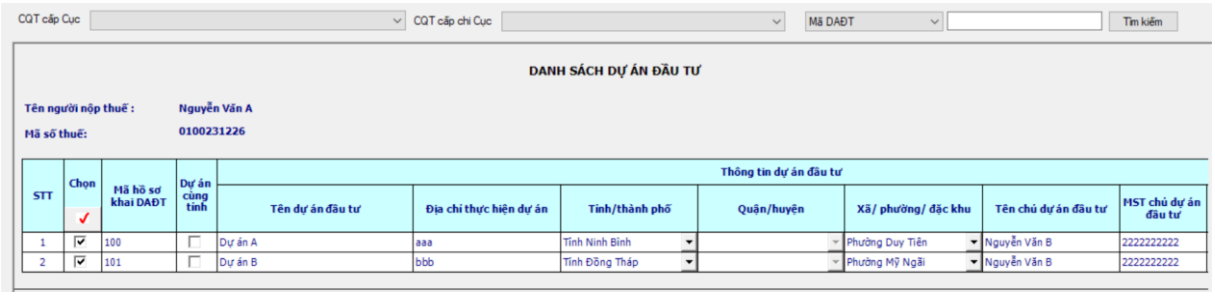
Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Các chỉ tiêu được đưa lên KHBS có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.3.6 Kê khai thông tin dự án đầu tư cho tờ khai 02/GTGT và 01/HT

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Giá trị gia tăng" chọn "Kê khai thông tin DAĐT cho tờ khai 02/GTGT và 01/HT" khi đó màn hình nhập sẽ hiển thị như sau:


CQT cấp Cục | CQT cấp chi Cục | Mã DAĐT | Tìm kiếm

DANH SÁCH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên người nộp thuế : Nguyễn Văn A
Mã số thuế: 0100231226

STT	Chọn	Mã hồ sơ khai DAĐT	Dự án cùng tỉnh	Thông tin dự án đầu tư						
				Tên dự án đầu tư	Địa chỉ thực hiện dự án	Tỉnh/thành phố	Quận/huyện	Xã/ phường/ đặc khu	Tên chủ dự án đầu tư	MST chủ dự án đầu tư
1	☑	100	☐	Dự án A	aaa	Tỉnh Ninh Bình		Phường Duy Tiên	Nguyễn Văn B	2222222222
2	☑	101	☐	Dự án B	bbb	Tỉnh Đồng Tháp		Phường Mỹ Ngãi	Nguyễn Văn B	2222222222

- Nhập thông tin dự án đầu tư:
  + Mã hồ sơ khai DAĐT:
    - Bắt buộc nhập kiểu số tự nhiên, tối đa 12 chữ số (không cho phép nhập mã DADT = "0")
    - Không cho phép trùng Mã hồ sơ khai DAĐT
  + Dự án cùng tỉnh: Cho phép tích chọn
  + Thông tin dự án đầu tư
    - Tên dự án đầu tư: Bắt buộc nhập kiểu ký tự
    - Địa chỉ thực hiện dự án: Bắt buộc nhập kiểu ký tự
    - Tỉnh/Thành phố:
      - Bắt buộc chọn trong danh mục tỉnh của Việt Nam.
      - Nếu tích chọn <Dự án cùng tỉnh> thì kiểm tra địa chỉ Tỉnh của DAĐT với cùng tỉnh với địa chỉ của chủ DAĐT
    - Quận/Huyện: Bắt buộc chọn trong danh mục Quận/Huyện thuộc tỉnh đã chọn

- Phường/Xã: Bắt buộc chọn trong danh mục Phường/Xã thuộc Quận/Huyện đã chọn
- Tên chủ dự án đầu tư: Bắt buộc nhập kiểu ký tự
- MST chủ dự án đầu tư: Bắt buộc nhập
- Tỉnh nơi chủ dự án đóng trụ sở: Tỉnh nơi chủ dự án đóng trụ sở

+ Cơ quan thuế quản lý nơi có DAĐT:

- Nếu có tích <Dự án cùng tỉnh thì>: kiểm tra CQT quản lý DADT = CQT quản lý MST kê khai tờ khai
- Nếu không tích chọn "Dự án cùng tỉnh": Kiểm tra CQT QL DADT là Cục Thuế nơi tỉnh có dự án

+ **Văn bản phê duyệt DAĐT:**

- Số: Bắt buộc nhập kiểu ký tự
- Ngày: Bắt buộc nhập, định dạng dd/mm/yyyy, không được lớn hơn ngày hiện tại
- Cơ quan ban hành: Bắt buộc nhập kiểu ký tự

- Sau khi nhập xong thông tin dự án đầu tư, NNT tích các mã dự án đầu tư để đưa lên tờ khai 02/GTGT (TT80) và 01/HT bằng cách check vào cột "Chọn" tương ứng với thông tin DAĐT

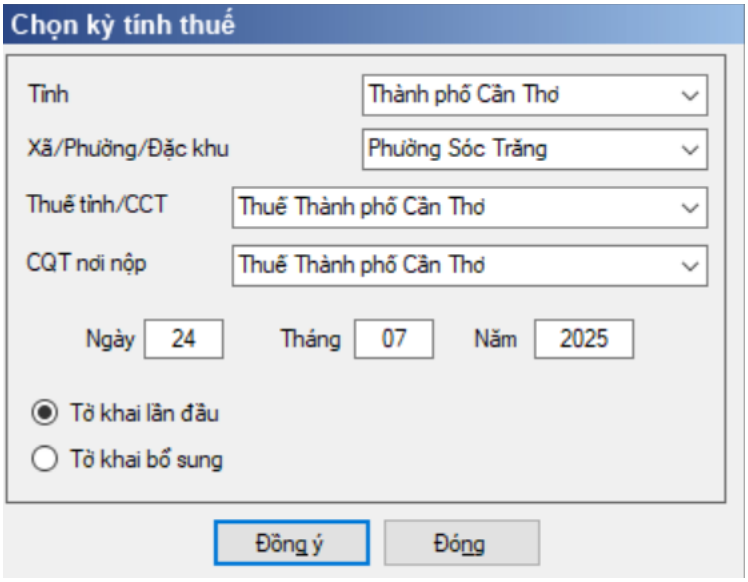
3.4 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai thuế TNDN

3.4.1

3.4.2 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp 02/TNDN đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

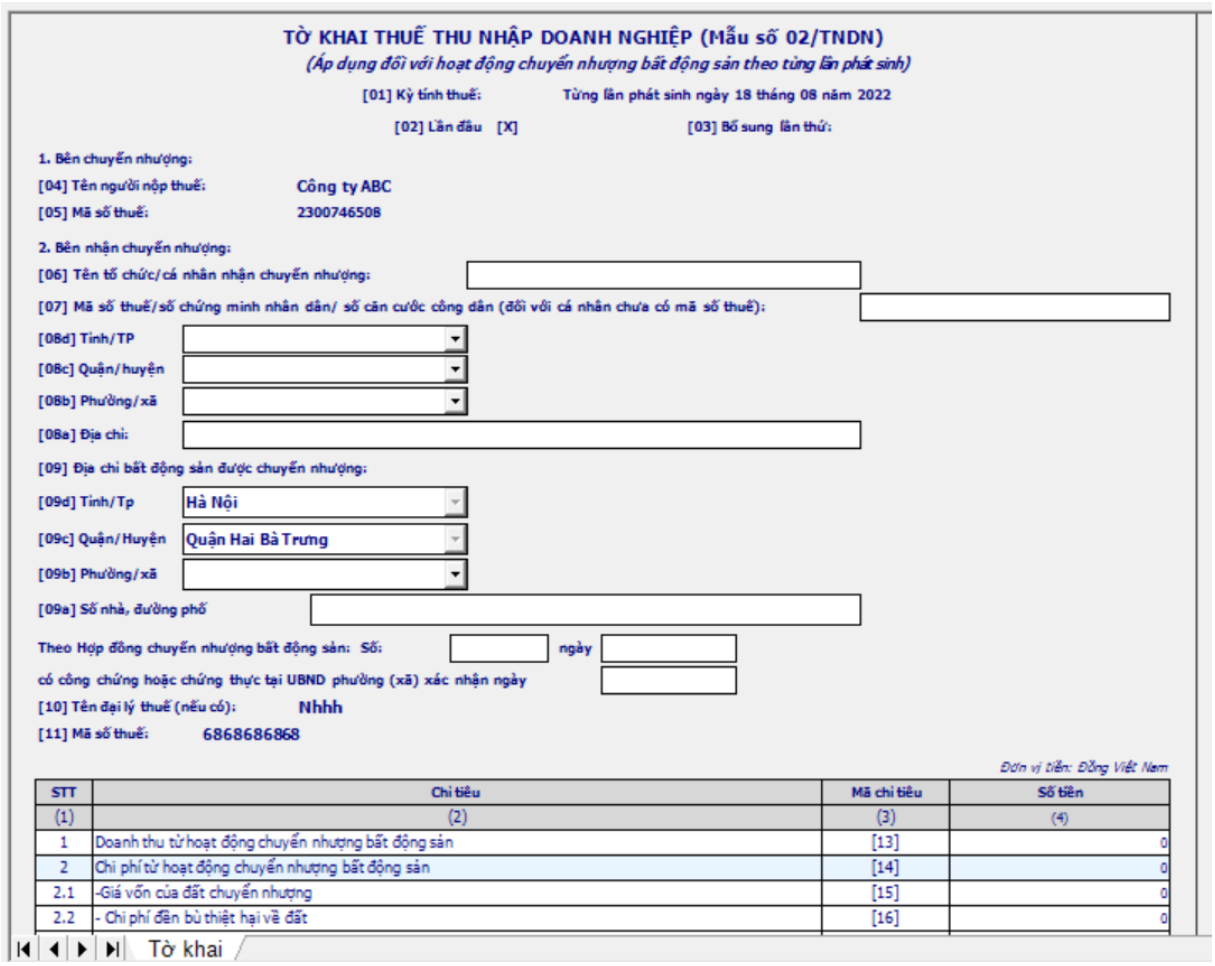
Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp" chọn "TK TNDN cho chuyển nhượng BĐS (02/TNDN) (TT80)" khi đó màn hình "Chọn kỳ tính thuế" sẽ hiển thị như sau:



3.4.2.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu như kỳ tính thuế, trạng thái tờ khai, loại tờ khai. Sau đó nhấn nút "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai TNDN chuyển nhượng BĐS mẫu 02/TNDN.



TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Mẫu số 02/TNDN)

(Áp dụng đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo từng lần phát sinh)

[01] Kỳ tính thuế: Từng lần phát sinh ngày 18 tháng 08 năm 2022

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ:

1. Bên chuyển nhượng:

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

2. Bên nhận chuyển nhượng:

[06] Tên tổ chức/cá nhân nhận chuyển nhượng:

[07] Mã số thuế/số chứng minh nhân dân/ số căn cước công dân (đối với cá nhân chưa có mã số thuế):

[08d] Tỉnh/TP

[08c] Quận/huyện

[08b] Phường/xã

[08a] Địa chỉ:

[09] Địa chỉ bất động sản được chuyển nhượng:

[09d] Tỉnh/Tp: Hà Nội

[09c] Quận/Huyện: Quận Hai Bà Trưng

[09b] Phường/xã

[09a] Số nhà, đường phố

Theo Hợp đồng chuyển nhượng bất động sản: Số: ngày

có công chứng hoặc chứng thực tại UBND phường (xã) xác nhận ngày

[10] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[11] Mã số thuế: 6868686868

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	[13]	0
2	Chi phí từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	[14]	0
2.1	-Giá vốn của đất chuyển nhượng	[15]	0
2.2	- Chi phí đền bù thiệt hại về đất	[16]	0

Tờ khai

- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:

+ Chỉ tiêu [13], [15], [16], [17], [18], [19], [20] cho phép NSD tự nhập số không âm, kiểu số mặc định là 0

- Các chỉ tiêu tính toán, kiểm tra công thức:

+ Chỉ tiêu [14] = [15] + [16] + [17] + [18] + [19] + [20]

+ Chỉ tiêu [21]= [13] - [14]

+ Chỉ tiêu [22] mặc định là 20%

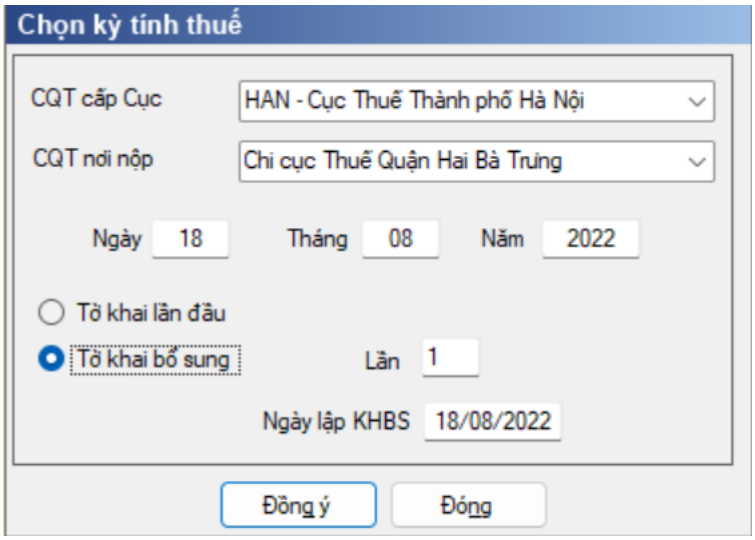
+ Chỉ tiêu [23]: Nếu [21] > 0 thì UD tính theo CT: [23] = [21]x[22]; Nếu [21] <= 0 thì [23] = 0

3.4.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

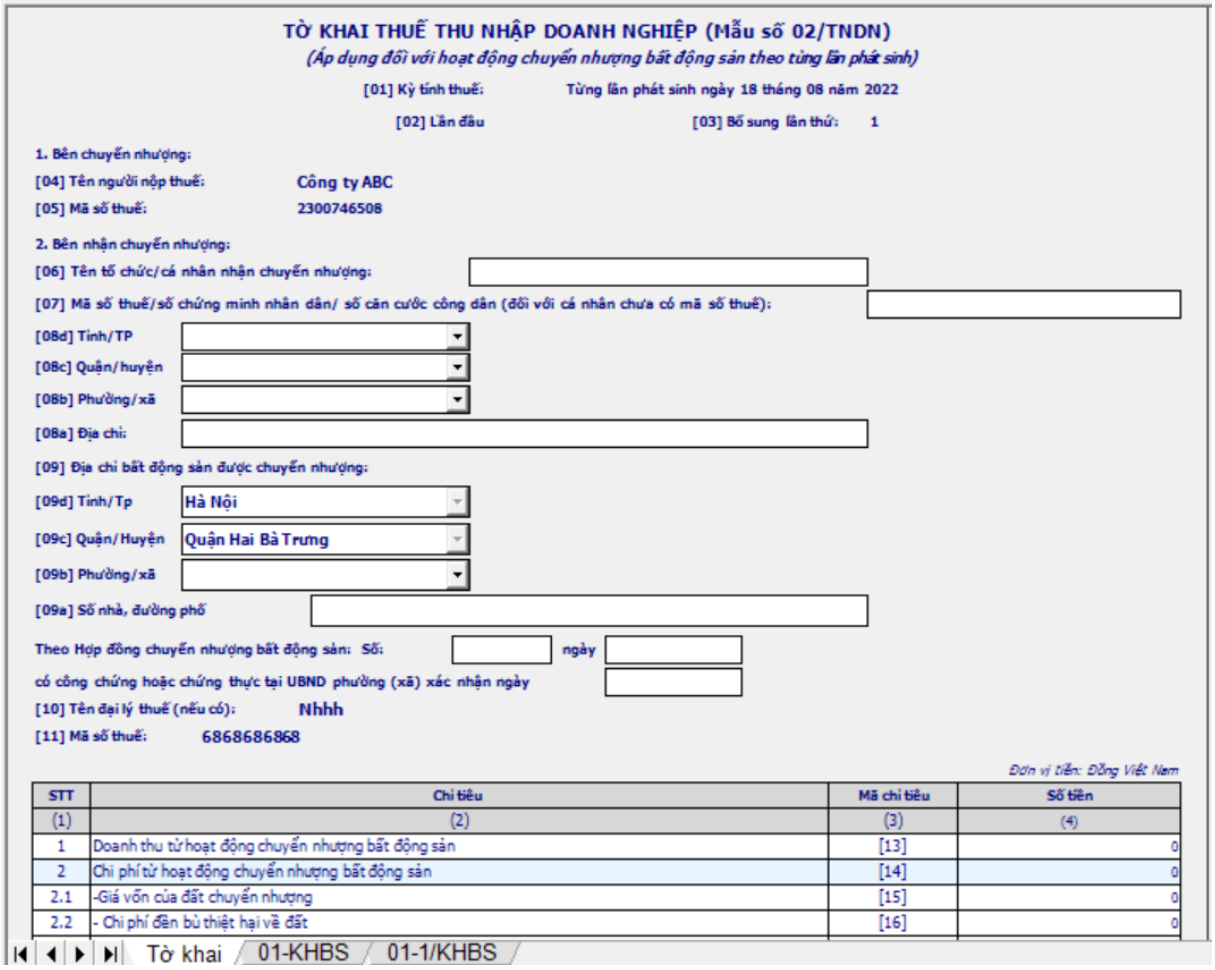
- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.

- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung, ngày lập tờ khai bổ sung.

- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.



- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS" như sau:



TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Mẫu số 02/TNDN)

(Áp dụng đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo từng lần phát sinh)

[01] Kỳ tính thuế: Từng lần phát sinh ngày 18 tháng 08 năm 2022

[02] Lần đầu [03] Bổ sung lần thứ: 1

1. Bên chuyển nhượng:

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

2. Bên nhận chuyển nhượng:

[06] Tên tổ chức/cá nhân nhận chuyển nhượng:

[07] Mã số thuế/số chứng minh nhân dân/ số căn cước công dân (đối với cá nhân chưa có mã số thuế):

[08d] Tỉnh/TP

[08c] Quận/huyện

[08b] Phường/xã

[08a] Địa chỉ:

[09] Địa chỉ bất động sản được chuyển nhượng:

[09d] Tỉnh/Tp: Hà Nội

[09c] Quận/Huyện: Quận Hai Bà Trưng

[09b] Phường/xã

[09a] Số nhà, đường phố

Theo Hợp đồng chuyển nhượng bất động sản: Số: ngày

có công chứng hoặc chứng thực tại UBND phường (xã) xác nhận ngày

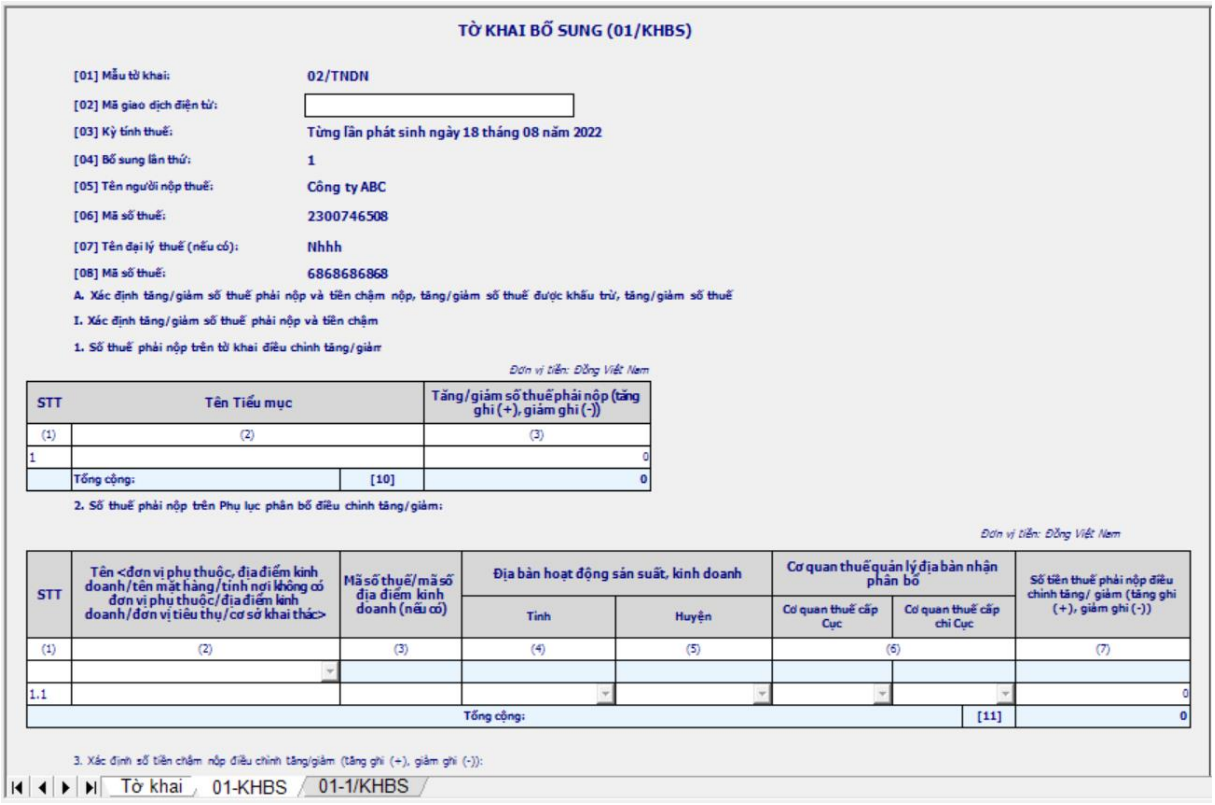
[10] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[11] Mã số thuế: 6868686868

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	[13]	0
2	Chi phí từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	[14]	0
2.1	-Giá vốn của đất chuyển nhượng	[15]	0
2.2	- Chi phí đền bù thiệt hại về đất	[16]	0

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS



TỜ KHAI BỔ SUNG (01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 02/TNDN

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Từng lần phát sinh ngày 18 tháng 08 năm 2022

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

[07] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[08] Mã số thuế: 6868686868

A. Xác định tăng/giảm số thuế phải nộp và tiền chậm nộp, tăng/giảm số thuế được khấu trừ, tăng/giảm số thuế

I. Xác định tăng/giảm số thuế phải nộp và tiền chậm

1. Số thuế phải nộp trên tờ khai điều chỉnh tăng/giảm

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên Tiểu mục		Tăng/giảm số thuế phải nộp (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
(1)	(2)		(3)
1			0
	Tổng cộng:	[10]	0

2. Số thuế phải nộp trên Phụ lục phân bổ điều chỉnh tăng/giảm:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên <đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh/tên mặt hàng/tỉnh nơi không có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh/đơn vị tiêu thụ/cơ sở khai thác>	Mã số thuế/mã số địa điểm kinh doanh (nếu có)	Địa bàn hoạt động sản suất, kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ		Số tiền thuế phải nộp điều chỉnh tăng/ giảm (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
			Tỉnh	Huyện	Cơ quan thuế cấp Cục	Cơ quan thuế cấp chi Cục	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)		(7)
1.1							0
Tổng cộng:						[11]	0

3. Xác định số tiền chậm nộp điều chỉnh tăng/giảm (tăng ghi (+), giảm ghi (-)):

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

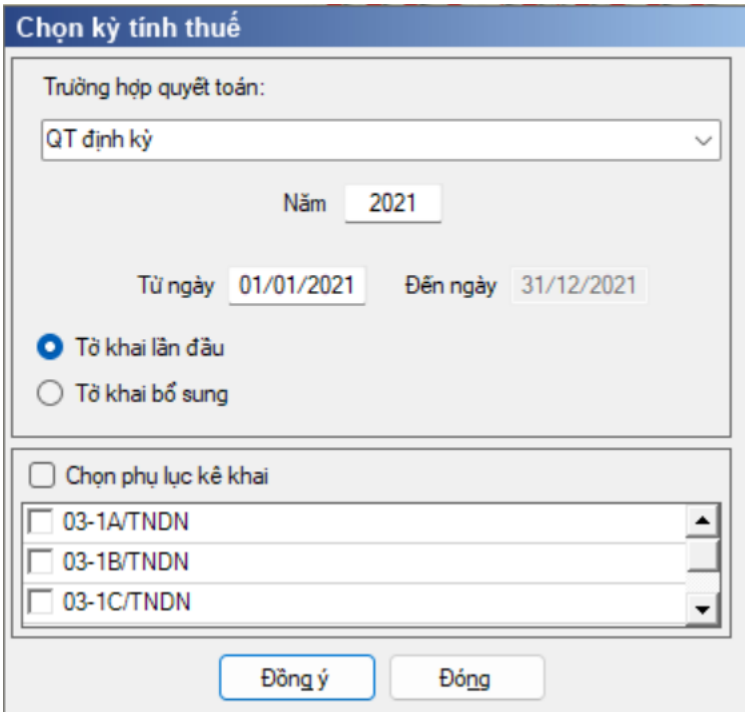
- Ứng dụng sẽ lấy dữ liệu của Tờ khai gần nhất trong cùng kỳ tính thuế làm dữ liệu mặc định trên Tờ khai điều chỉnh (Nếu là tờ khai bổ sung lần 1 thì lấy dữ liệu của tờ khai lần đầu, nếu là tờ khai bổ sung lần n thì lấy dữ liệu lần bổ sung n-1). NNT sẽ kê khai bổ sung điều chỉnh trực tiếp trên Tờ khai điều chỉnh, kê khai như tờ khai thay thế, sau đó ứng dụng sẽ tự động lấy các chỉ tiêu điều chỉnh liên quan đến số thuế phải nộp lên KHBS, NNT không kê khai trên KHBS.

3.4.3 Tờ khai Quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp mẫu 03/TNDN đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

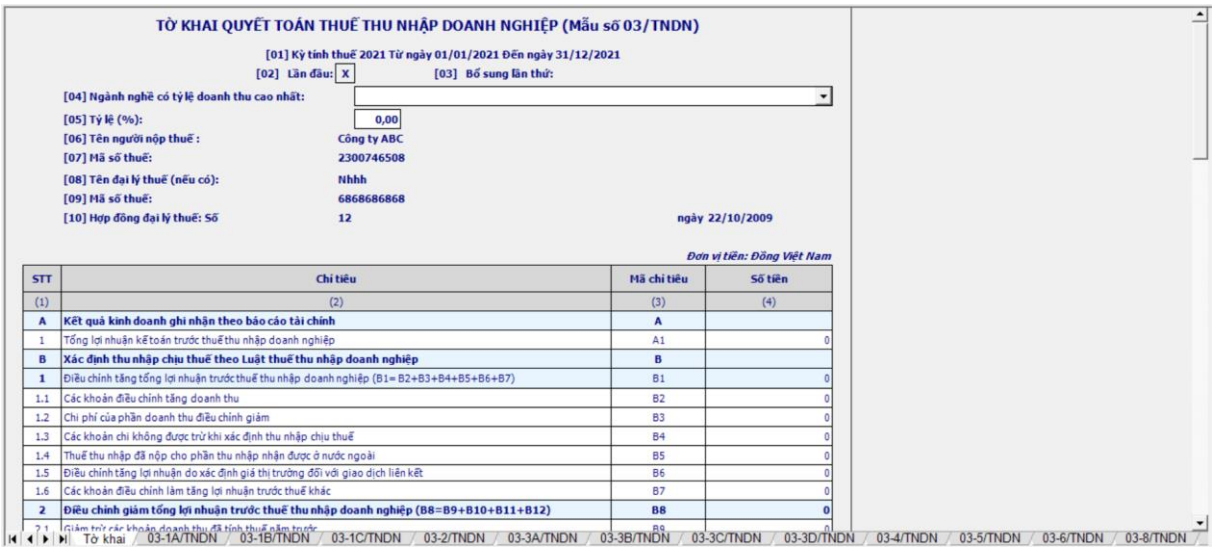
3.4.3.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp" chọn "Tờ khai Quyết toán TNDN năm (03/TNDN) (TT80)" khi đó màn hình "Chọn kỳ tính thuế" sẽ hiển thị. Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như kỳ tính thuế, trạng thái tờ khai, ngành nghề kinh doanh, phụ lục tương tự như tờ 01/GTGT.



- Kỳ kê khai <Năm> phải nằm trong khoảng kỳ kê khai từ ngày hoặc đến ngày
- Kiểm tra Kỳ tính thuế <Từ ngày> không được lớn hơn ngày hiện tại
- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai Quyết toán thuế TNDN mẫu 03/TNDN.



TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Mẫu số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế 2021 Từ ngày 01/01/2021 Đến ngày 31/12/2021

[02] Lần đầu: X [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất:

[05] Tỷ lệ (%): 0,00

[06] Tên người nộp thuế : Công ty ABC

[07] Mã số thuế: 2300746508

[08] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[09] Mã số thuế: 6868686868

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số 12 ngày 22/10/2009

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	**Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính**	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	0
B	**Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp**	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	0
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	0
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	**Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)**	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0

Tờ khai | 03-1A/TNDN | 03-1B/TNDN | 03-1C/TNDN | 03-2/TNDN | 03-3A/TNDN | 03-3B/TNDN | 03-3C/TNDN | 03-3D/TNDN | 03-4/TNDN | 03-5/TNDN | 03-6/TNDN | 03-8/TNDN

- Các chỉ tiêu cần nhập:

+ Chỉ tiêu [04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: Cho phép NSD chọn danh mục ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất

+ Chỉ tiêu [05] Tỷ lệ (%): Cho phép NSD nhập theo đúng dạng xx,xx%; Nếu chọn chỉ tiêu [04] khác giá trị "Không phát sinh doanh thu" thì [05] phải thỏa mãn: 0<[05]<=100%; Nếu chọn chỉ tiêu [04] là: "Không phát sinh doanh thu" thì [05] cho phép = 0.

+ Các chỉ tiêu B2, B3, B4, B6, B7, B9, B10, B11, B12, C7, C8, C14, D6: cho phép NSD tự nhập, kiểu số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số

+ Chỉ tiêu B14: Cho phép nhập số âm, dương, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số

+ Chỉ tiêu C2: Cho phép NSD nhập số âm, dương, Nếu cột 2 là Loại thu nhập miễn thuế => Nếu nhập số tiền C2 khác 0 thì bắt buộc chọn 1 giá trị trong danh mục (Tham chiếu phụ lục 03)

+ Chỉ tiêu C3b: Cho phép NSD nhập kiểu số, không âm, nếu B15 < 0 thì C3b <= Trị tuyệt đối của B15

+ Chỉ tiêu C5: Cho phép NSD nhập kiểu số, không âm, kiểm tra C5 <= C4*10%, nếu C4 <=0 thì C5 = 0

+ Chỉ tiêu C8a: Cho phép NSD nhập số thập phân dạng xxx,xx, kiểm tra 0<= xxx,xx <=100%, nếu C8 > 0 thì C8a > 0

+ Chỉ tiêu D4: Cho phép NSD nhập kiểu số, không âm, kiểm tra D4 <= D3 * 10%, kiểm tra C5 + D4 = Chỉ tiêu [05] PL 03-6/TNDN

- Các chỉ tiêu tính toán: UD hỗ trợ tính toán theo công thức:

+ Chỉ tiêu A1: tự động hiển thị bằng tổng [22] trên phụ lục 03-1A/TNDN cộng chỉ tiêu [19] trên phụ lục 03-1B/TNDN cộng chỉ tiêu [90] trên phụ lục 03-1C/TNDN, cho phép sửa, định dạng số âm, nếu khác tổng thì cảnh báo vàng.

+ Chỉ tiêu B1= B2 + B3 + B4 + B5 + B6 + B7

+ Chỉ tiêu B5: UD hỗ trợ tự động lấy từ tổng cột (4) của PL 03-4/TNDN, cho phép sửa.

+ Chỉ tiêu B8= B9 + B10 + B11 + B12

+ Chỉ tiêu B13= A1 + B1 – B8, có thể âm, kiểm tra B13 = B14 + B15, sai khác cảnh báo vàng

+ Chỉ tiêu B15 = chỉ tiêu [12] trên phụ lục 03-5/TNDN, cho phép sửa

+ Chỉ tiêu C1 = B14

+ Chỉ tiêu C3= C3a + C3b, Nếu C1 - C2 > 0 thì kiểm tra C3 phải <= C1 - C2

+ Chỉ tiêu C3a = tổng cột 5 phụ lục 03-2A/TNDN

+ Chỉ tiêu C4= C1 –C2 –C3

+ Chỉ tiêu C6 = C4 –C5, nếu C6 > 0 thì kiểm tra C6 = (C7 + C8), nếu C6 <= 0 thì C7 =0, C8 =0

+ Chỉ tiêu C9 = (C7 x 20%) + (C8 x C8a)

+ Chỉ tiêu C10 = C11 + C12 + C13

+ Chỉ tiêu C11 = tổng (chỉ tiêu [12] trên phụ lục 03_3A/TNDN + chỉ tiêu [12] trên phụ lục 03_3B/TNDN)

+ Chỉ tiêu C12 = tổng (chỉ tiêu [13] trên phụ lục 03_3A/TNDN + chỉ tiêu [13] trên phụ lục 03_3B/TNDN + chỉ tiêu [20] trên phụ lục 03_3D/TNDN

+ Chỉ tiêu C13 = Chỉ tiêu [14] trên phụ lục PL 03-3A/TNDN không phải nhà ở xã hội + Chỉ tiêu [14] trên PL 03-3B/TNDN + Chỉ tiêu [16] trên PL 03-3C/TNDN + Chỉ tiêu [14] + [21] trên PL 03-4D/TNDN

+ Chỉ tiêu C15: Với kỳ kê khai năm 2021 thì UD hiển thị = Chỉ tiêu [15] "Thuế TNDN được giảm của hoạt động sản xuất, kinh doanh" trên phụ lục NĐ92. Cho sửa >=0, cảnh báo vàng.

+ Chỉ tiêu C16 = Chỉ tiêu [04] trên PL 03-4/TNDN

+ Chỉ tiêu C17 = C9 – C10 – C14 – C15 – C16, nếu C17 < 0 thì set = 0

+ Chỉ tiêu D1 = B15, nếu D1 <=0 thì D2, D4 =0

+ Chỉ tiêu D2 = Chỉ tiêu [05] của PL 03-2/TNDN, kiểm tra D2 <=D1
+ Chỉ tiêu D3 = D1 – D2
+ Chỉ tiêu D5 = D3 – D4, không cho sửa
+ Chỉ tiêu D7 = Số liệu chỉ tiêu [12] của PL 03-3A nhà ở xã hội
+ Chỉ tiêu D8 = D6 – D7, nếu D8 < 0 thì hiển thị D8 = 0, không cho sửa
+ Chỉ tiêu E= E1 + E2 + E5
+ Chỉ tiêu E1 = C17 - [16] của 03-3A (không phải DADT nhà ở XH) - [16] của 03-3B - [21] của 03-3C - [23] của 03-3D, trường hợp âm thì set = 0, cho sửa >=0 nếu có PL ưu đãi khác tỉnh
+ Chỉ tiêu E2 = E3+E4, kiểm tra E2 = D8 - [16] của 03-3A (DADT nhà ở XH) - [16] trên PL Nghị định 92/2021, báo vàng nếu sai: "NNT kiểm tra lại số liệu E2 = D8 - [16] trên 03-3A của DAĐT nhà ở XH - [16] trên PL NĐ 92/2021"
+ Chỉ tiêu E3 = D8 – [16] trên phụ lục 03-3A có tích chọn nhà ở XH, cho phép sửa
+ Chỉ tiêu E4 = D8 – E3, cho sửa
+ Chỉ tiêu E5 = E6 và cho sửa số >=0, kiểm tra E5 >=E6
+ Chỉ tiêu E6 = Chỉ tiêu [06] PL 03-6/TNDN (nếu có Phụ lục)
+ G = G1 + G2 + G3 + G4 + G5, không cho sửa
+ Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh = G1 +G2
+ Chỉ tiêu G1 = tổng cột (10) PL03-8 + tổng cột [15] PL 03-8C. Cho sửa số >=0
+ Chỉ tiêu G2 = D2 – E2, có thể âm
+ Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS = G3 + G4 + G5, không cho sửa
+ Chỉ tiêu G3 = tổng cột (9) PL03-8A, cho sửa
+ Chỉ tiêu G4 = tổng cột (10) PL03-8A. Cho sửa số >=0, cảnh báo vàng nếu sửa
+ Chỉ tiêu G5 = chỉ tiêu [09] Phụ lục 03-9, cho sửa.
+ Chỉ tiêu H1 = E1 + E5 – G2
+ Chỉ tiêu H2 = E3 – G4
+ Chỉ tiêu H3 = E4 – G5
+ Chỉ tiêu I = I1+I2, kiểm tra I=E-G, sai khác cảnh báo đỏ
+ Chỉ tiêu I1 = E1+E5-G1-G2
+ Chỉ tiêu I2 = E2-G3-G4-G5

- Bổ sung bảng nhập thông tin nghĩa vụ thuế:

+ Chỉ tiêu E1:
  - E1 = E1 trên tờ khai nếu [04] khác B06 và R920, hạch toán vào tiểu mục 1052
  - E1 = E1 trên tờ khai nếu [04] là B06, hạch toán vào tiểu mục 1056
  - E1 = E1 trên tờ khai nếu [04] là R9201, hạch toán vào tiểu mục 1057
+ Chỉ tiêu E2: Mặc định toàn bộ vào mục 1053
+ Chỉ tiêu E5 = Tổng cột [13] mục III trên bảng kê 03-6 - Tổng cột [14] mục III trên bảng kê 03-6
  - E5 = E5 - Tổng cột [13] mục III trên bảng kê 03-6 - Tổng cột [14] mục III trên bảng kê 03-6, hạch toán vào tiểu mục 1052

- Trên mẫu in hỗ trợ in ra ghi chú về tiểu mục hạch toán ở cuối tờ khai như sau:

+ Nếu NSD chọn ngành nghề: "Hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên (mã ngành cấp 2 B06)": Hạch toán chỉ tiêu [E1] vào tiểu mục 1056

+ Nếu NSD chọn ngành nghề: "Hoạt động xổ số (mã ngành cấp 2 R92)": Hạch toán chỉ tiêu [E1] vào tiểu mục 1057

+ Nếu NSD chọn ngành nghề: "Khác": Hạch toán chỉ tiêu E1 vào tiểu mục 1052

+ Chỉ tiêu E2 hạch toán vào tiểu mục 1053

+ Chỉ tiêu E5 hạch toán vào tiểu mục 1052

3.4.3.1.1 Phụ lục 03-1A/TNDN

PHỤ LỤC 03-1A
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**[04]**	**0**
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	**Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])**	**[06]**	**0**
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	0
3	**Doanh thu hoạt động tài chính**	**[10]**	**0**
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	*[11]*	*0*
4	**Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])**	**[12]**	**0**
a	Giá vốn hàng bán	[13]	0
b	Chi phí bán hàng	[14]	0
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	0
5	**Chi phí tài chính**	**[16]**	**0**
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	0
6	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])**	**[18]**	**0**
7	**Thu nhập khác**	**[19]**	**0**
8	**Chi phí khác**	**[20]**	**0**

- Các chỉ tiêu cần nhập:

+ Các thông tin trong phần định danh lấy từ thông tin định danh chung của Người nộp thuế.

+ Các chỉ tiêu [04], [07], [08], [09], [10], [19], [20]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số

+ Chỉ tiêu [05]: NNT tự nhập dạng số, không âm, kiểm tra <= [04]

+ Chỉ tiêu [11]: NNT tự nhập dạng số, không âm, kiểm tra <= [10]

+ Chỉ tiêu [13], [14], [15], [16] : Nhập dạng số, có thể âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số

+ Chỉ tiêu [17]: NNT nhập dạng số, không âm, Kiểm tra nếu 17 > 16 thì hiển thị cảnh báo vàng "Chi phí lãi vay lớn hơn chi phí tài chính. Đề nghị NNT kiểm tra lại"

- Các công thức tính toán: UD hỗ trợ tính toán theo công thức:

+ Chỉ tiêu [06] = [07] + [08] + [09] + [10]

+ Chỉ tiêu [12] = [13] + [14] + [15]

+ Chỉ tiêu [18] = [04] – [06] + [10] – [12] – [16]
+ Chỉ tiêu [21] = [19] – [20]
+ Chỉ tiêu [22] = [18] + [21]

3.4.3.1.2 Phụ lục 03-1B/TNDN

PHỤ LỤC 03-1B
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Áp dụng đối với ngành ngân hàng, tín dụng

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	[04]	0
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	[05]	0
3	**Thu nhập lãi thuần ([06]=[04]-[05])**	**[06]**	**0**
4	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	[07]	0
5	Chi phí hoạt động dịch vụ	[08]	0
6	**Lãi / lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ ([09]=[07]-[08])**	**[09]**	**0**
7	**Lãi / lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối**	**[10]**	**0**
8	**Lãi / lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh**	**[11]**	**0**
9	**Lãi / lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư**	**[12]**	**0**
10	Thu nhập từ hoạt động khác	[13]	0
11	Chi phí hoạt động khác	[14]	0
12	**Lãi / lỗ thuần từ hoạt động khác ([15]=[13]-[14])**	**[15]**	0
13	**Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần**	**[16]**	**0**
14	**Chi phí hoạt động**	**[17]**	**0**
15	**Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**	**[18]**	**0**
16	**Tổng lợi nhuận trước thuế ([19]=[06]+[09]+[10]+[11]+[12]+[15]+[16]-[17]-[18])**	**[19]**	**0**

- Các chỉ tiêu cần nhập:

+ Các chỉ tiêu [04], [05], [07], [08], [13], [14], [16], [17]: NNT tự nhập, kiểu số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số
+ Chỉ tiêu [10], [11], [12]: cho phép NSD nhập, có thể nhập số âm, tối đa 16 chữ số

- Các công thức tính toán:

+ Chỉ tiêu [06] = [04] - [05], có thể âm
+ Chỉ tiêu [09] = [07] – [08], có thể âm
+ Chỉ tiêu [15] = [13] - [14]
+ Chỉ tiêu [19] = [06]+[09]+[10]+[11]+[12]+[15]+[16]-[17]-[18]), có thể âm

3.4.3.1.3 Phụ lục 03-1C/TNDN

PHỤ LỤC 03-1C
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Áp dụng đối với Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
I.	**Doanh thu hoạt động**		
1.1.	**Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**	**1**	**0**
a	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	0
b	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	01.2	0
c	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	0
1.2.	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	2	0
1.3.	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	3	0
1.4.	Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	4	0
1.5.	Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro	5	0
1.6.	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	6	0
1.7.	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	7	0
1.8.	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	8	0
1.9.	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	9	0
1.10.	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	0
1.11.	Thu nhập hoạt động khác	11	0
	Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01→11)	**20**	**0**
II.	**Chi phí hoạt động**		
2.1.	**Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**	**21**	**0**
a.	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	0

- Các chỉ tiêu tự nhập:

+ Chỉ tiêu 01.1, 01.2, 01.3, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 21.1, 21.2, 21.3, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 41, 42, 43, 44, 51, 52, 53, 54, 55, 61, 62, 71, 72: NNT tự nhập kiểu số, có thể âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số

- Các công thức tính toán:

+ Chỉ tiêu 1 = 01.1 + 01.2 + 01.3
+ Chỉ tiêu 20 = 01→11
+ Chỉ tiêu 21 = 21.1 + 21.2+ 21.3
+ Chỉ tiêu 40 = 21→32
+ Chỉ tiêu 50 = 41→44
+ Chỉ tiêu 60 = 51→55
+ Chỉ tiêu 70 = 20+50-40-60-61-62
+ Chỉ tiêu 80 = 71 – 72
+ Chỉ tiêu 90 = 70 + 80

3.4.3.1.4 Phụ lục 03-2/TNDN

PHỤ LỤC 03-2/TNDN
CHUYỂN LỖ

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Năm phát sinh lỗ	Số lỗ phát sinh	Số lỗ đã chuyển trong các kỳ tính thuế trước	Số lỗ được chuyển trong kỳ tính thuế này	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Lỗ của hoạt động sản xuất kinh doanh được chuyển trong kỳ				
1	2016	0	0	0	0
2	2017	0	0	0	0
3	2018	0	0	0	0
4	2019	0	0	0	0
5	2020	0	0	0	0
Tổng cộng				0	
II	Lỗ của hoạt động chuyển nhượng bất động sản được chuyển trong kỳ				
1	2016	0	0	0	0
2	2017	0	0	0	0
3	2018	0	0	0	0
4	2019	0	0	0	0
5	2020	0	0	0	0
Tổng cộng				0	

- Các chỉ tiêu tự nhập:

+ Chỉ tiêu Năm phát sinh lỗ (cột 2): Ứng dụng hỗ trợ tự động sinh ra 5 dòng tướng ứng với 5 năm trước năm của kỳ quyết toán.

+ Chỉ tiêu Số lỗ phát sinh (cột 3): cho phép NNT tự nhập, dạng số, không âm, mặc định là 0, kiểm tra (3) >= [(4) + (5)], bắt buộc nhập

+ Chỉ tiêu Số lỗ đã chuyển trong các kỳ tính thuế trước (cột 4): cho phép NNT tự nhập, dạng số, không âm, mặc định là 0

+ Chỉ tiêu Số lỗ được chuyển trong kỳ tính thuế này (cột 5): cho phép NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0

- Các công thức tính toán: UD hỗ trợ tính toán theo công thức:

+ Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau:cột (6) = cột(3) - cột(4) - cột(5)

+ Dòng tổng cộng được tính bằng Chỉ tiêu [04] = Tổng cột (5) mục I, Chỉ tiêu [05] = Tổng cột (5) mục II

- Các chỉ tiêu kiểm tra logic bắt buộc đúng:

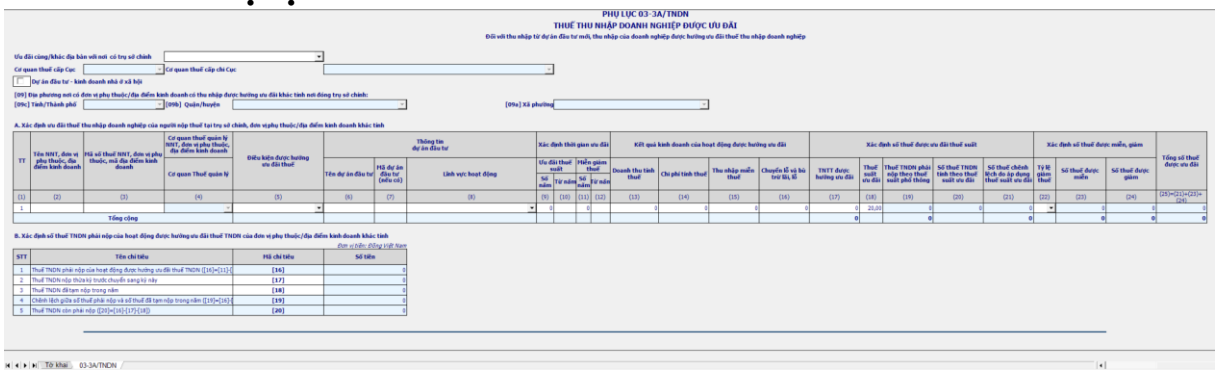
+ Giá trị năm phát sinh lỗ (cột 2) phải nhỏ hơn năm quyết toán thuế TNDN.

+ Số lỗ phát sinh (cột 3) >= (“Số lỗ đã chuyển trong các kỳ tính thuế trước (cột 4)” + “Số lỗ chuyển trong kỳ tính thuế này (cột 5)”), nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo vàng và vẫn cho in

+ Tổng cột (5) được đưa lên chỉ tiêu [C3] của tờ khai 03/TNDN.

+ Kiểm tra nếu (Tổng cột (5) + Tổng cột (6)) >= ([C1] – [C2]) và C3 < C1 –C2 thì ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ tại chỉ tiêu Tổng cột (6) “Không được chuyển lỗ sang các kỳ tính thuế sau khi còn phát sinh thu nhập tính thuế trong kỳ này [C4]”

3.4.3.1.5 Phụ lục 03-3A/TNDN



- Các chỉ tiêu cần phải nhập:

+ Mục A: Xác định ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của người nộp thuế tại trụ sở chính, đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh

- Chỉ tiêu Tên NNT, đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh: NNT tự nhập dạng text
- Chỉ tiêu Mã số thuế NNT, đơn vị phụ thuộc, mã địa điểm kinh doanh:
  - Nếu là ưu đãi khác tỉnh: Kiểm tra đúng cấu trúc MST 13 số (10 ký tự đầu phải giống với MST kê khai tờ khai) hoặc mã ĐĐKD 5 số
  - Nếu là ưu đã cùng tỉnh: Cho kê khai MST 10 số (MST sử dụng để nộp tờ khai)
- Chỉ tiêu Cơ quan thuế quản lý NNT, đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh:
  - Nếu chọn ưu đãi cùng tỉnh thì mặc định là CQT nhập/nhận tờ khai (CQT quản lý NNT), không cho sửa
  - Nếu chọn ưu đãi khác tỉnh thì mặc định là CQT nộp PL 03-3A
- Chỉ tiêu Điều kiện được hưởng ưu đãi thuế: Cho phép chọn 1 giá trị trong danh sách
  - Nếu tích nút tích "Dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội" chỉ được chọn: Dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội
  - Nếu không tích nút tích "Dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội", không cho chọn: Dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội
- Chỉ tiêu Tên dự án đầu tư: NNT tự nhập
- Chỉ tiêu Mã dự án đầu tư (nếu có): NNT tự nhập
- Chỉ tiêu Lĩnh vực hoạt động: Chọn trong danh mục
- Chỉ tiêu Ưu đãi thuế suất - Số năm: NNT nhập dạng số, không âm
- Chỉ tiêu Ưu đãi thuế suất – Từ năm: NNT tự nhập. Kiểm tra năm <= năm hiện tại
- Chỉ tiêu Miễn giảm thuế - Số năm: NNT nhập dạng số, không âm
- Chỉ tiêu Miễn giảm thuế – Từ năm: NNT tự nhập. Kiểm tra năm <= năm hiện tại
- Chỉ tiêu Doanh thu tính thuế, Chi phí tính thuế, Thu nhập miễn thuế, Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ: NNT nhập số, có thể âm, mặc định là 0
- Chỉ tiêu Thuế suất ưu đãi: Cho phép nhập >0 và <= 20%

- Chỉ tiêu Tỷ lệ giảm thuế: Chọn 1 trong 2 giá trị 50%, 100% hoặc để trống

+ Mục B: Xác định số thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN của đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh:

- Chỉ tiêu [17], [18]: NNT tự nhập, dạng số, không âm, mặc định là 0

- Các chỉ tiêu tự tính: UD hỗ trợ tính toán theo công thức:

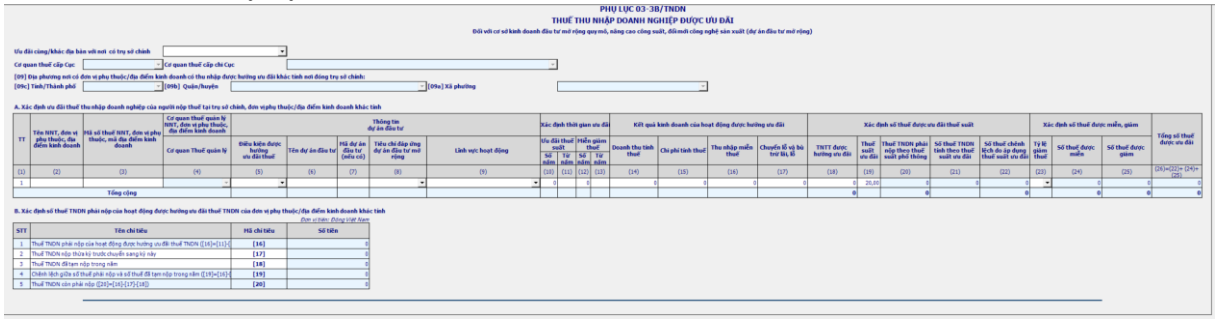
+ Mục A:

- Chỉ tiêu (17) = (13) – (14) –(15) – (16), Nếu (17) < 0 thì 19, 20, 21, 23, 24, 25 = 0
- Chỉ tiêu (19) = (17) * 20%
- Chỉ tiêu (20) = (17) * (18)
- Chỉ tiêu (21) = (19) - (20), nếu (21) âm thì hiển thị = 0
- Chỉ tiêu (23): Nếu (22) = 100% thì (23) = (20) * 100%, nếu (22) khác 100% thì (23) = 0
- Chỉ tiêu (24): Nếu (22) = 50% thì (24) = (20) * 50%, nếu (22) khác 50% thì (24) = 0
- Chỉ tiêu (25) = (21) + (23) + (24)

+ Mục B

- Chỉ tiêu [16] = [11] – [15], nếu âm thì hiển thị = 0, nếu tờ khai có đính kèm Phụ lục giảm thuế theo NĐ92 thì cho phép sửa, kiểu số không âm
- Chỉ tiêu [19] = [16] – [18], có thể âm
- Chỉ tiêu [20] = [16] – [17] – [18], có thể âm

3.4.3.1.6 Phụ lục 03-3B/TNDN


PHỤ LỤC 03-3B/TNDN

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐƯỢC ƯU ĐÃI

Đối với cơ sở kinh doanh đầu tư mở rộng quy mô, nâng cao công suất, đổi mới công nghệ sản xuất (dự án đầu tư mở rộng)

- Các chỉ tiêu tự nhập:

+ Mục A: Xác định ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của người nộp thuế tại trụ sở chính, đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh:

- Chỉ tiêu Tên NNT, đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh: NNT tự nhập dạng text
- Chỉ tiêu Mã số thuế NNT, đơn vị phụ thuộc, mã địa điểm kinh doanh:
  - Nếu là ưu đãi khác tỉnh: Kiểm tra đúng cấu trúc MST 13 số (10 ký tự đầu phải giống với MST kê khai tờ khai) hoặc mã ĐĐKD 5 số
  - Nếu là ưu đã cùng tỉnh: Cho kê khai MST 10 số (MST sử dụng để nộp tờ khai)
- Chỉ tiêu Cơ quan thuế quản lý NNT, đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh:

o Nếu chọn ưu đãi cùng tỉnh thì mặc định là CQT nhập/nhận tờ khai (CQT quản lý NNT), không cho sửa

o Nếu chọn ưu đãi khác tỉnh thì mặc định là CQT nộp PL 03-3B

- Chỉ tiêu Điều kiện được hưởng ưu đãi thuế: Cho phép chọn 1 giá trị trong danh sách, không cho chọn: Dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội
- Chỉ tiêu Tên dự án đầu tư: NNT tự nhập
- Chỉ tiêu Mã dự án đầu tư (nếu có): NNT tự nhập
- Chỉ tiêu Lĩnh vực hoạt động: Chọn trong danh mục
- Chỉ tiêu Ưu đãi thuế suất - Số năm: NNT nhập dạng số, không âm
- Chỉ tiêu Ưu đãi thuế suất – Từ năm: NNT tự nhập. Kiểm tra năm <= năm hiện tại
- Chỉ tiêu Miễn giảm thuế - Số năm: NNT nhập dạng số, không âm
- Chỉ tiêu Miễn giảm thuế – Từ năm: NNT tự nhập. Kiểm tra năm <= năm hiện tại
- Chỉ tiêu Doanh thu tính thuế, Chi phí tính thuế, Thu nhập miễn thuế, Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ: NNT nhập số, có thể âm, mặc định là 0
- Chỉ tiêu Thuế suất ưu đãi: Cho phép nhập >0 và <= 20%
- Chỉ tiêu Tỷ lệ giảm thuế: Chọn 1 trong 2 giá trị 50%, 100% hoặc để trống

+ Mục B: Xác định số thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN của đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh:

- Chỉ tiêu [17], [18]: NNT tự nhập, dạng số, không âm, mặc định là 0

- Các chỉ tiêu tự tính: UD hỗ trợ tính toán theo công thức:

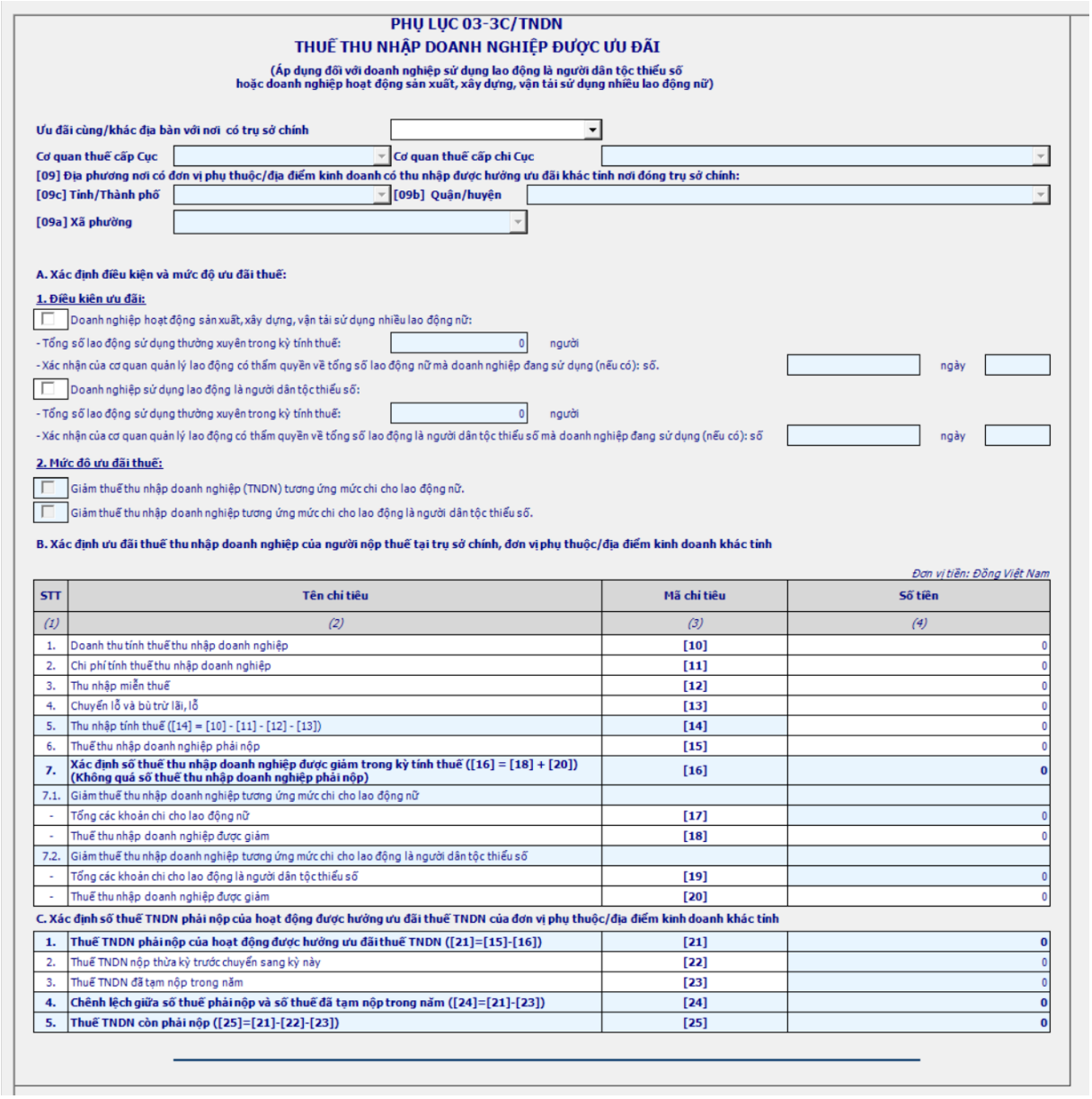
+ Mục A:

- Chỉ tiêu (18) = (14) –(15) – (16) – (17), Nếu (18) < 0 thì 20, 21, 23, 24, 25, 26 = 0
- Chỉ tiêu (20) = (18) * 20%
- Chỉ tiêu (21) = (18) * (19)
- Chỉ tiêu (22) = (20) - (21), nếu (22) âm thì hiển thị = 0
- Chỉ tiêu (24): Nếu (23) = 100% thì (24) = (21) * (23), nếu (23) khác 100% thì (24) = 0
- Chỉ tiêu (25): Nếu (23) = 50% thì (25) = (21) * (23), nếu (23) khác 50% thì (25) = 0
- Chỉ tiêu (26) = (22) + (24) + (25)

+ Mục B

- Chỉ tiêu [16] = [11] – [15], nếu âm thì hiển thị = 0, nếu tờ khai có đính kèm Phụ lục giảm thuế theo NĐ92 thì cho phép sửa, kiểu số không âm
- Chỉ tiêu [19] = [16] – [18], có thể âm
- Chỉ tiêu [20] = [16] – [17] – [18], có thể âm

3.4.3.1.7 Phụ lục 03-3C/TNDN



PHỤ LỤC 03-3C/TNDN

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐƯỢC ƯU ĐÃI

(Áp dụng đối với doanh nghiệp sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số hoặc doanh nghiệp hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng nhiều lao động nữ)

Ưu đãi cùng/khác địa bàn với nơi có trụ sở chính

Cơ quan thuế cấp Cục | Cơ quan thuế cấp chi Cục

[09] Địa phương nơi có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh có thu nhập được hưởng ưu đãi khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

[09c] Tỉnh/Thành phố | [09b] Quận/huyện

[09a] Xã phường

A. Xác định điều kiện và mức độ ưu đãi thuế:

1. Điều kiện ưu đãi:

☐ Doanh nghiệp hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng nhiều lao động nữ:

- Tổng số lao động sử dụng thường xuyên trong kỳ tính thuế: 0 người
- Xác nhận của cơ quan quản lý lao động có thẩm quyền về tổng số lao động nữ mà doanh nghiệp đang sử dụng (nếu có): số. ngày

☐ Doanh nghiệp sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số:

- Tổng số lao động sử dụng thường xuyên trong kỳ tính thuế: 0 người
- Xác nhận của cơ quan quản lý lao động có thẩm quyền về tổng số lao động là người dân tộc thiểu số mà doanh nghiệp đang sử dụng (nếu có): số ngày

2. Mức độ ưu đãi thuế:

☐ Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) tương ứng mức chi cho lao động nữ.

☐ Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng mức chi cho lao động là người dân tộc thiểu số.

B. Xác định ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của người nộp thuế tại trụ sở chính, đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1.	Doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp	[10]	0
2.	Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	[11]	0
3.	Thu nhập miễn thuế	[12]	0
4.	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ	[13]	0
5.	Thu nhập tính thuế ([14] = [10] - [11] - [12] - [13])	[14]	0
6.	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	[15]	0
7.	**Xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm trong kỳ tính thuế ([16] = [18] + [20]) (Không quá số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)**	**[16]**	**0**
7.1.	Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng mức chi cho lao động nữ		
-	Tổng các khoản chi cho lao động nữ	[17]	0
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	[18]	0
7.2.	Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng mức chi cho lao động là người dân tộc thiểu số		
-	Tổng các khoản chi cho lao động là người dân tộc thiểu số	[19]	0
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	[20]	0

C. Xác định số thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN của đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh

1.	**Thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN ([21]=[15]-[16])**	**[21]**	**0**
2.	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	[22]	0
3.	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	[23]	0
4.	**Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm ([24]=[21]-[23])**	**[24]**	**0**
5.	**Thuế TNDN còn phải nộp ([25]=[21]-[22]-[23])**	**[25]**	**0**

- Các chỉ tiêu tự nhập:

+ Mục A: Xác định điều kiện và mức độ ưu đãi thuế:

- Chỉ tiêu Điều kiện ưu đãi (1): NNT chọn trong danh sách điều kiện có sẵn bằng cách tích vào checkbox;
- Chỉ tiêu Doanh nghiệp hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng nhiều lao động nữ (1): Cho phép NNT chọn
- Chỉ tiêu Tổng số lao động sử dụng thường xuyên trong kỳ tính thuế:..... người: Nhập giá trị >0 nếu tích chọn "Doanh nghiệp hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng nhiều lao động nữ"
- Chỉ tiêu Xác nhận của cơ quan quản lý lao động có thẩm quyền về tổng số lao động nữ mà doanh nghiệp đang sử dụng (nếu có): số.....ngày....: Cho phép nhập
- Chỉ tiêu Doanh nghiệp sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số: Cho phép NNT chọn

- Chỉ tiêu Tổng số lao động sử dụng thường xuyên trong kỳ tính thuế:.....người: Nhập giá trị >0 nếu tích chọn "Doanh nghiệp sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số"
- Chỉ tiêu Xác nhận của cơ quan quản lý lao động có thẩm quyền về tổng số lao động là người dân tộc thiểu số mà doanh nghiệp đang sử dụng (nếu có): số…ngày…: Cho phép NNT nhập

+ Mục B: Xác định ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của người nộp thuế tại trụ sở chính, đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh:

- Chỉ tiêu [10], [11], [12], [13]: NNT tự nhập, dạng số, không âm mặc định là 0.
- Chỉ tiêu [17]: NNT nhập số >=0, nếu chọn Điều kiện ưu đãi 1 mới được nhập chỉ tiêu này
- Chỉ tiêu [19]: NNT nhập số >=0, nếu chọn Điều kiện ưu đãi 2 mới được nhập chỉ tiêu này

+ Mục C: Xác định số thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN của đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh (nếu chọn ưu đãi cùng tỉnh thì khóa mục này)

- Chỉ tiêu [22], [23]: NNT tự nhập, dạng số, không âm, mặc định là 0

- Các chỉ tiêu tự tính: UD hỗ trợ tính toán theo công thức:

+ Mục B:

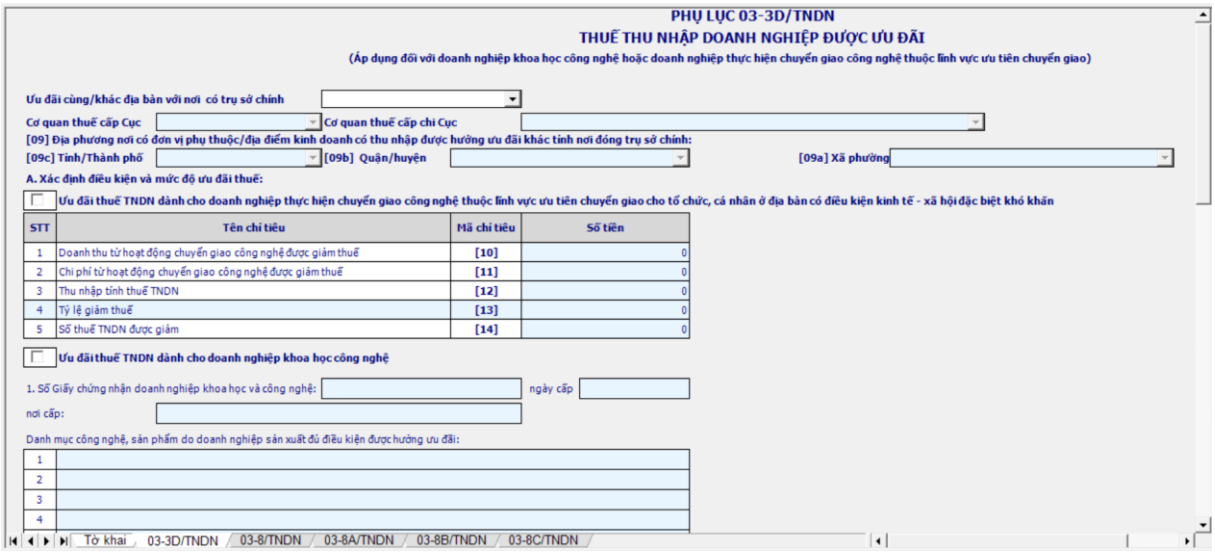
- Chỉ tiêu [14] = [10] - [11] - [12] - [13], nếu [14] < 0 thì set = 0, cho phép sửa kiểu số >=0
- Chỉ tiêu [15] = [14] * 20%, cho phép sửa kiểu số >=0, nếu [15] < 0 thì set =0
- Chỉ tiêu [16] = [18] + [20], kiểm tra phải <= [15]

+ Mục C:

- Chỉ tiêu [21] = [15] – [16], nếu âm thì hiển thị = 0, nếu Tờ khai có đính kèm Phụ lục giảm thuế theo NĐ92 thì cho phép sửa, kiểu số >=0
- Chỉ tiêu [24] = [21] – [23], có thể âm
- Chỉ tiêu [25] = [21] – [22] – [23], có thể âm

3.4.3.1.8 Phụ lục 03-3D/TNDN

- Có thể nhập nhiều Phụ lục 03-3D tương ứng với các bộ chỉ tiêu [09] khác nhau
- Trong trường hợp không có bộ chỉ tiêu [09] thì chỉ có 1 phụ lục 03-3D



- Các chỉ tiêu tự nhập:

+ Mục A: Xác định điều kiện và mức độ ưu đãi thuế:

- Chỉ tiêu Điều kiện ưu đãi (1): NNT chọn trong danh sách điều kiện có sẵn bằng cách tích vào checkbox;
- Chỉ tiêu [10], [11], [15], [16]: Cho phép NNT nhập số, không âm
- Chỉ tiêu [13]: Mặc định là 50%, không cho sửa
- Chỉ tiêu Ưu đãi thuế TNDN dành cho doanh nghiệp khoa học công nghệ: Cho phép nhập
- Chỉ tiêu Số Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ: Cho phép NNT nhập
- Chỉ tiêu Số Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ/ ngày cấp: Cho phép nhập
- Chỉ tiêu Số Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ/ nơi cấp: Cho phép nhập
- Chỉ tiêu Danh mục công nghệ, sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất đủ điều kiện được hưởng ưu đãi: Cho phép nhập nhiều dòng
- Chỉ tiêu [18]: Cho phép nhập. Kiểm tra <= năm hiện tại của kỳ tính thuế

+ Mục B: Xác định ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của người nộp thuế tại trụ sở chính, đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh:

- Chỉ tiêu (2): Cho phép nhập text
- Chỉ tiêu (3): Cho phép nhập
  - Nếu là ưu đãi khác tỉnh: Kiểm tra đúng cấu trúc MST 13 số (10 ký tự đầu phải giống với MST kê khai tờ khai) hoặc mã ĐĐKD 5 số
  - Nếu là ưu đã cùng tỉnh: Cho kê khai MST 10 số (MST sử dụng để nộp tờ khai)
- Chỉ tiêu (4): Nếu chọn ưu đãi cùng tỉnh thì mặc định là CQT nhập/nhận tờ khai (CQT quản lý NNT), không cho sửa; Nếu chọn ưu đãi khác tỉnh thì mặc định là CQT nộp PL 03-3D
- Chỉ tiêu (5): Nhập số không âm
- Chỉ tiêu (7), (8), (9), (10): Nhập số âm, dương, mặc định là 0, tối đa 16 số

- Chỉ tiêu (13): chọn trong danh mục 50%, 100%

+ Mục C: Xác định số thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN của đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh (nếu chọn ưu đãi cùng tỉnh thì khóa mục này)

- Chỉ tiêu [24], [25]: NNT tự nhập, dạng số, không âm, mặc định là 0

- Các chỉ tiêu tự tính: UD hỗ trợ tính toán theo công thức:

+ Mục A:

- Chỉ tiêu [12] = [10] - [11], nếu [12] <0 thì hiển thị = 0, cho sửa kiểu số >=0
- Chỉ tiêu [14] = [12] x [13], cho sửa số >=0, kiểm tra chỉ tiêu [14] < [12]
- Chỉ tiêu [17] = [15]/[16] * 100, cho phép sửa, [17] <= 100%

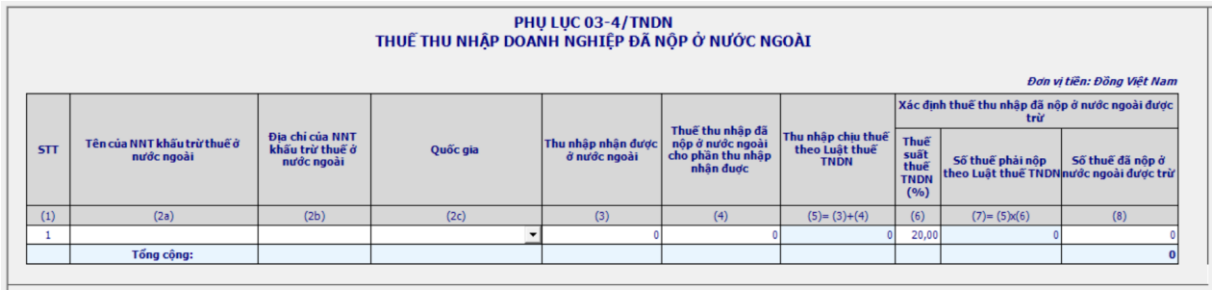
+ Mục B:

- Chỉ tiêu (14) = (12) * (13), không cho phép sửa
- Chỉ tiêu (15) = (12) * (13), không cho phép sửa
- Chỉ tiêu (16)= (14) + (15), kiểm tra phải <= (12)

+ Mục C:

- Chỉ tiêu [23] = [19] – [22], nếu âm thì hiển thị = 0, nếu Tờ khai có đính kèm Phụ lục giảm thuế theo NĐ92 thì cho phép sửa, kiểu số >=0
- Chỉ tiêu [26] = [23] – [25], có thể âm
- Chỉ tiêu [27] = [23] – [24] – [25], có thể âm

3.4.3.1.9 Phụ lục 03-4/TNDN



PHỤ LỤC 03-4/TNDN
THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐÃ NỘP Ở NƯỚC NGOÀI

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên của NNT khấu trừ thuế ở nước ngoài	Địa chỉ của NNT khấu trừ thuế ở nước ngoài	Quốc gia	Thu nhập nhận được ở nước ngoài	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài cho phần thu nhập nhận được	Thu nhập chịu thuế theo Luật thuế TNDN	Xác định thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ		
							Thuế suất thuế TNDN (%)	Số thuế phải nộp theo Luật thuế TNDN	Số thuế đã nộp ở nước ngoài được trừ
(1)	(2a)	(2b)	(2c)	(3)	(4)	(5)= (3)+(4)	(6)	(7)= (5)x(6)	(8)
1				0	0	0	20,00	0	0
	Tổng cộng:								0

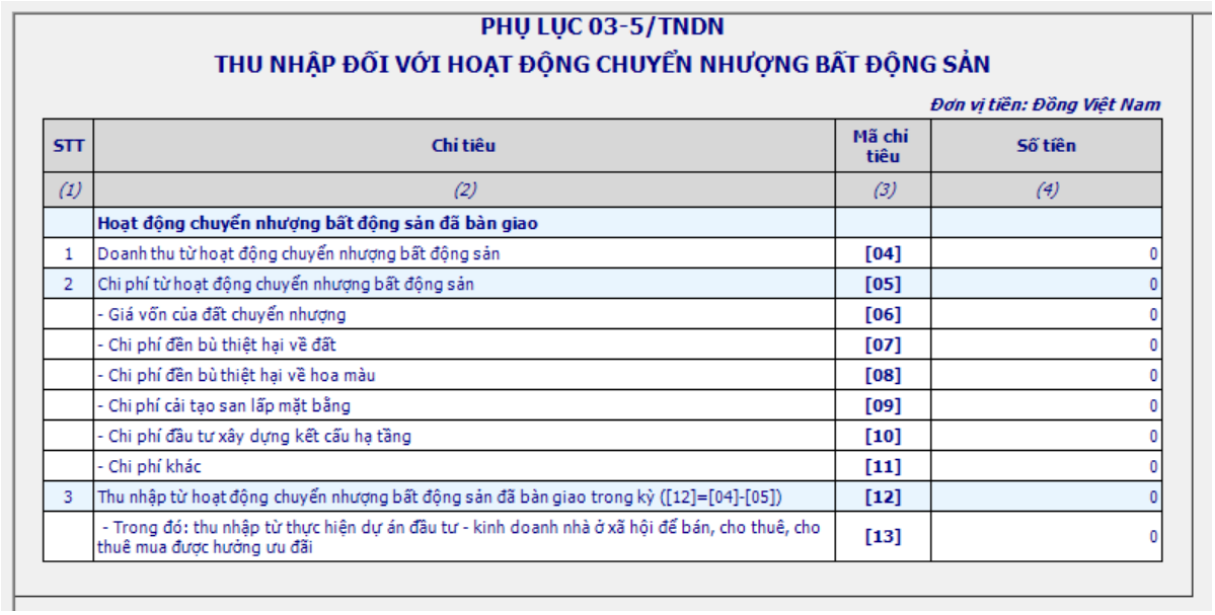
- Các chỉ tiêu tự nhập:

+ Cột (2a), (2b): NNT tự nhập,dạng text
+ Cột (2c): chọn trong danh mục quốc gia
+ Cột (3), cột (4): NNT tự nhập, dạng số, không âm
+ Cột (8): NNT nhập số, không âm, kiểm tra <= min(cột 4 và cột 7)

- Các chỉ tiêu tính toán: UD hỗ trợ tính toán theo công thức:

+ Cột (5) = cột(3) + cột (4)
+ Cột (7) = cột(5) * cột (6)
+ Dòng tổng cộng UD tính chỉ tiêu [04] = Tổng cộng cột (8)

3.4.3.1.10 Phụ lục 03-5/TNDN



PHỤ LỤC 03-5/TNDN

THU NHẬP ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CHUYỂN NHƯỢNG BẤT ĐỘNG SẢN

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Hoạt động chuyển nhượng bất động sản đã bàn giao		
1	Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	[04]	0
2	Chi phí từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	[05]	0
	- Giá vốn của đất chuyển nhượng	[06]	0
	- Chi phí đền bù thiệt hại về đất	[07]	0
	- Chi phí đền bù thiệt hại về hoa màu	[08]	0
	- Chi phí cải tạo san lấp mặt bằng	[09]	0
	- Chi phí đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng	[10]	0
	- Chi phí khác	[11]	0
3	Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản đã bàn giao trong kỳ ([12]=[04]-[05])	[12]	0
	- Trong đó: thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua được hưởng ưu đãi	[13]	0

- Các chỉ tiêu tự nhập:

+ Các chỉ tiêu [04], [06], [07], [08], [09], [10], [11]: cho phép NSD tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số

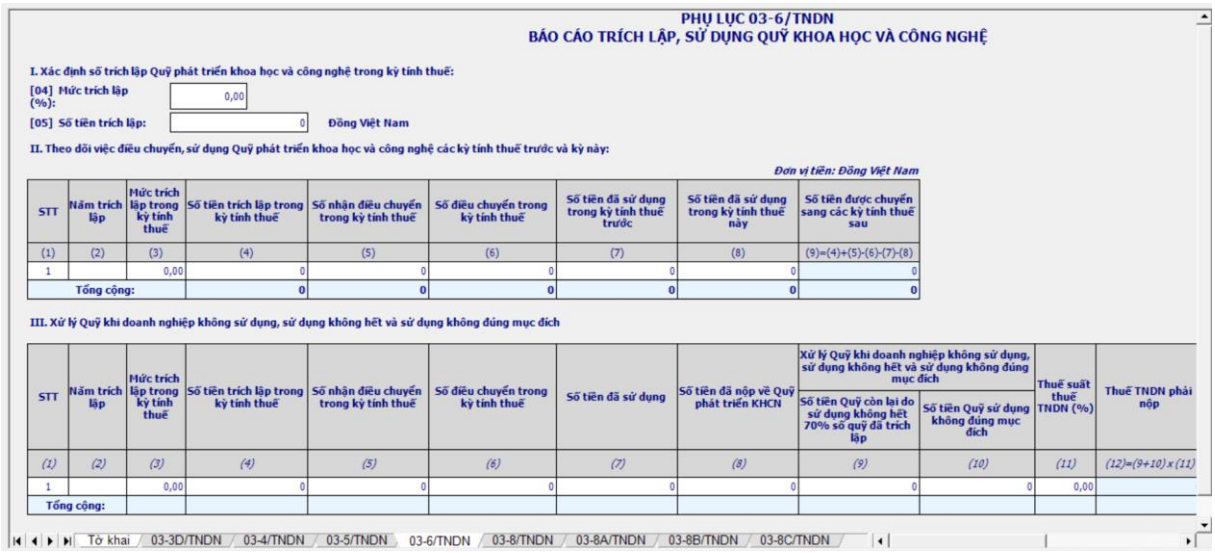
+ Chỉ tiêu [13]: Cho phép NSD nhập dạng số, âm dương, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số

- ***Các chỉ tiêu tự tính:*** UD hỗ trợ tính theo công thức:

+ Chỉ tiêu [05] = [06] + [07] + [08] + [09] + [10] + [11]

+ Chỉ tiêu [12] = chỉ tiêu [04] – chỉ tiêu [05], có thể âm

3.4.3.1.11 Phụ lục 03-6/TNDN



PHỤ LỤC 03-6/TNDN

BÁO CÁO TRÍCH LẬP, SỬ DỤNG QUỸ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

I. Xác định số trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong kỳ tính thuế:

[04] Mức trích lập (%): 0,00

[05] Số tiền trích lập: 0 Đồng Việt Nam

II. Theo dõi việc điều chuyển, sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ các kỳ tính thuế trước và kỳ này:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Năm trích lập	Mức trích lập trong kỳ tính thuế	Số tiền trích lập trong kỳ tính thuế	Số nhận điều chuyển trong kỳ tính thuế	Số điều chuyển trong kỳ tính thuế	Số tiền đã sử dụng trong kỳ tính thuế trước	Số tiền đã sử dụng trong kỳ tính thuế này	Số tiền được chuyển sang các kỳ tính thuế sau
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(4)+(5)-(6)-(7)-(8)
1		0,00	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng:			0	0	0	0	0	0

III. Xử lý Quỹ khi doanh nghiệp không sử dụng, sử dụng không hết và sử dụng không đúng mục đích

STT	Năm trích lập	Mức trích lập trong kỳ tính thuế	Số tiền trích lập trong kỳ tính thuế	Số nhận điều chuyển trong kỳ tính thuế	Số điều chuyển trong kỳ tính thuế	Số tiền đã sử dụng	Số tiền đã nộp về Quỹ phát triển KHCN	Xử lý Quỹ khi doanh nghiệp không sử dụng, sử dụng không hết và sử dụng không đúng mục đích		Thuế suất thuế TNDN (%)	Thuế TNDN phải nộp
								Số tiền Quỹ còn lại do sử dụng không hết 70% số quỹ đã trích lập	Số tiền Quỹ sử dụng không đúng mục đích		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)=(9+10)x(11)
1		0,00	0	0	0	0	0	0	0	0,00	
Tổng cộng:											

Tờ khai | 03-3D/TNDN | 03-4/TNDN | 03-5/TNDN | 03-6/TNDN | 03-8/TNDN | 03-8A/TNDN | 03-8B/TNDN | 03-8C/TNDN

- Các chỉ tiêu tự nhập:

+ I. Xác định số trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong kỳ tính thuế:

- Mức trích lập [04]: tự nhập giá trị >=0, <= 10%
- Số tiền trích lập [05]: tự nhập dạng số, không âm

+ II. Theo dõi việc sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ các kỳ tính thuế trước và kỳ này:

- Cột (1): UD tự tăng giảm dòng
- Cột (2): Cho phép nhập, năm <= năm tính thuế. Năm quyết toán – 5 <= Năm trích lập <= Năm tính thuế, 1 năm chỉ được nhập trên 1 dòng
- Cột (3): NNT tự nhập theo dạng xx,xx%, >=0 và <= 10%
- Các cột (4), (5), (6), (7), (8): NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số

+ III. Xử lý quỹ khi doanh nghiệp không sử dụng, sử dụng không hết và sử dụng không đúng mục đích

+ Cột (2): NNT nhập năm <= Kỳ tính thuế

+ Cột (3): tự nhập giá trị >=0, <= 10%

+ Cột (4), (5), (6), (7), (8), (9), (13), (14): NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số

+ Cột (10): NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số, (9+10) <= (4+5-6-7-8), báo đỏ kiểm tra các chỉ tiêu liên quan

+ Cột (11): NNT nhập dạng số, không âm, không lớn hơn 100

- Các chỉ tiêu tự tính: UD hỗ trợ tính theo công thức:

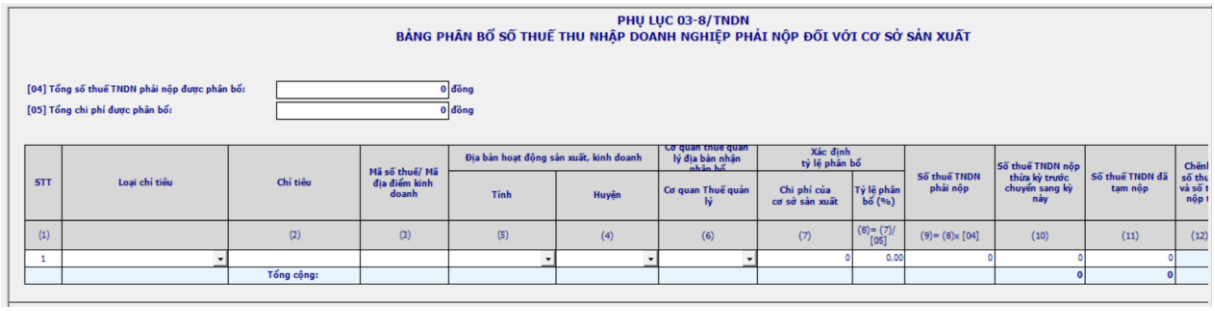
+ II. Theo dõi việc sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ các kỳ tính thuế trước và kỳ này:

- Cột (9) = (4)+ (5) – (6) – (7) – (8), (9) >= 0 nếu sai thì cảnh báo đỏ
- Dòng Tổng cộng: hiển thi giá trị tổng cộng của các cột từ (4) đến (9) theo công thức

+ III. Xử lý quỹ khi doanh nghiệp không sử dụng, sử dụng không hết và sử dụng không đúng mục đích

- Cột (12): UD tính theo công thức: (12)=(9+10) x (11)
- Cột (15): UD tính theo công thức: (15)=(12) + (13) + (14)
- Cột [06]: Hệ thống tính bằng tổng cột 15, không cho phép sửa

3.4.3.1.12 Phụ lục 03-8/TNDN



PHỤ LỤC 03-8/TNDN

BẢNG PHÂN BỔ SỐ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP PHẢI NỘP ĐỐI VỚI CƠ SỞ SẢN XUẤT

[04] Tổng số thuế TNDN phải nộp được phân bổ: 0 đồng

[05] Tổng chi phí được phân bổ: 0 đồng

STT	Loại chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Mã số thuế/ Mã địa điểm kinh doanh	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ	Xác định tỷ lệ phân bổ		Số thuế TNDN phải nộp	Số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	Số thuế TNDN đã tạm nộp	Chênh số thu và số t nộp t
				Tỉnh	Huyện	Cơ quan Thuế quản lý	Chi phí của cơ sở sản xuất	Tỷ lệ phân bổ (%)				
(1)		(2)	(3)	(5)	(4)	(6)	(7)	(8)= (7)/ [05]	(9)= (8)x [04]	(10)	(11)	(12)
1							0	0.00	0	0	0	0
		Tổng cộng:								0	0	

- Các chỉ tiêu tự nhập:

+ Chỉ tiêu [04]: NNT nhập số, không âm, kiểm tra phải <= E1 + E5 trên tờ khai

+ Chỉ tiêu [05]: NNT nhập số, không âm, kiểm tra chỉ tiêu [05] = tổng cột (7)

+ 1. Tỉnh nơi đóng trụ sở chính: chỉ được nhập 1 dòng

- Chỉ tiêu (7), (10), (11): NNT nhập kiểu số, không âm, mặc định là 0

+ **2. Cơ sở sản xuất khác tỉnh (trừ nhà máy thủy điện nằm trên nhiều tỉnh):** Được nhập 1 hoặc nhiều dòng – Nếu có dòng chi tiết thì bắt buộc nhập tên CSSX (cột 2)

- Chỉ tiêu (2): NNT tự nhập
- Chỉ tiêu (3): Phải là MST 13 số hoặc mã ĐĐKD 5 số, kiểm tra MST NSD nhập không được trùng giữa các dòng
- Chỉ tiêu (4), (5): Cho phép chọn trong danh mục
- Chỉ tiêu (7), (10), (11): NNT nhập dạng số, không âm, mặc định là 0

+ **3. Cơ sở sản xuất khác tỉnh là nhà máy thủy điện nằm trên nhiều tỉnh:** Được nhập 1 hoặc nhiều dòng – Nếu có dòng chi tiết thì bắt buộc nhập tên CSSX (cột 2)

- Chỉ tiêu (2): NNT tự nhập
- Chỉ tiêu (3): Phải là MST 13 số hoặc mã ĐĐKD 5 số, kiểm tra MST NSD nhập không được trùng giữa các dòng
- Chỉ tiêu (4), (5): Cho phép chọn trong danh mục
- Chỉ tiêu (7), (10), (11): NNT nhập dạng số, không âm, mặc định là 0

- Các chỉ tiêu tính toán:

+ 1. Tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

- Chỉ tiêu (8) = (7)/ [05], cho phép sửa, kiểm tra tổng cột (8) phải = 100%
- Chỉ tiêu (9) = (8)x [04], kiểm tra tổng cột (9) phải = chỉ tiêu [04]
- Chỉ tiêu (12) = (9) - (11), không cho phép sửa.
- Chỉ tiêu (13) = (9) - (10) – (11), có thể âm, không cho sửa

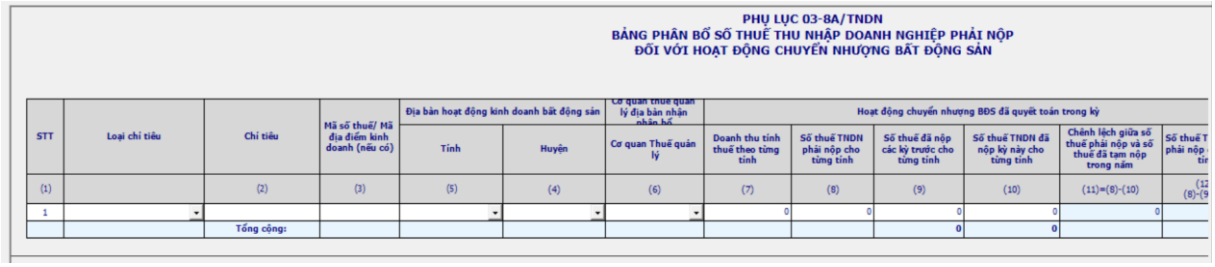
+ **2. Cơ sở sản xuất khác tỉnh (trừ nhà máy thủy điện nằm trên nhiều tỉnh):** Được nhập 1 hoặc nhiều dòng – Nếu có dòng chi tiết thì bắt buộc nhập tên CSSX (cột 2)

- Chỉ tiêu (8) = (7)/ [05], cho phép sửa, kiểm tra tổng cột (8) phải = 100%
- Chỉ tiêu (9) = (8)x [04], kiểm tra tổng cột (9) phải = chỉ tiêu [04]
- Chỉ tiêu (12) = (9) - (11), không cho phép sửa.
- Chỉ tiêu (13) = (9) - (10) – (11), có thể âm, không cho sửa

+ **3. Cơ sở sản xuất khác tỉnh là nhà máy thủy điện nằm trên nhiều tỉnh:** Được nhập 1 hoặc nhiều dòng – Nếu có dòng chi tiết thì bắt buộc nhập tên CSSX (cột 2)

- Chỉ tiêu (8) = (7)/ [05], cho phép sửa, kiểm tra tổng cột (8) phải = 100%
- Chỉ tiêu (9) = (8)x [04], kiểm tra tổng cột (9) phải = chỉ tiêu [04]
- Chỉ tiêu (12) = (9) - (11), không cho phép sửa.
- Chỉ tiêu (13) = (9) - (10) – (11), có thể âm, không cho sửa
- Dòng tổng cộng: [06] = tổng cột (10), [07] = tổng cột (11)

3.4.3.1.13 Phụ lục 03-8A/TNDN



PHỤ LỤC 03-8A/TNDN
BẢNG PHÂN BỔ SỐ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP PHẢI NỘP
ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CHUYỂN NHƯỢNG BẤT ĐỘNG SẢN

STT	Loại chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Mã số thuế/ Mã địa điểm kinh doanh (nếu có)	Địa bàn hoạt động kinh doanh bất động sản		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận chuyển nhượng	Hoạt động chuyển nhượng BĐS đã quyết toán trong kỳ					
				Tỉnh	Huyện	Cơ quan Thuế quản lý	Doanh thu tính thuế theo từng tỉnh	Số thuế TNDN phải nộp cho từng tỉnh	Số thuế đã nộp các kỳ trước cho từng tỉnh	Số thuế TNDN đã nộp kỳ này cho từng tỉnh	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm	Số thuế T phải nộp tir
(1)		(2)	(3)	(5)	(4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)=(8)-(10)	(12) (8)-(9
1							0	0	0	0	0	
		Tổng cộng:							0	0		

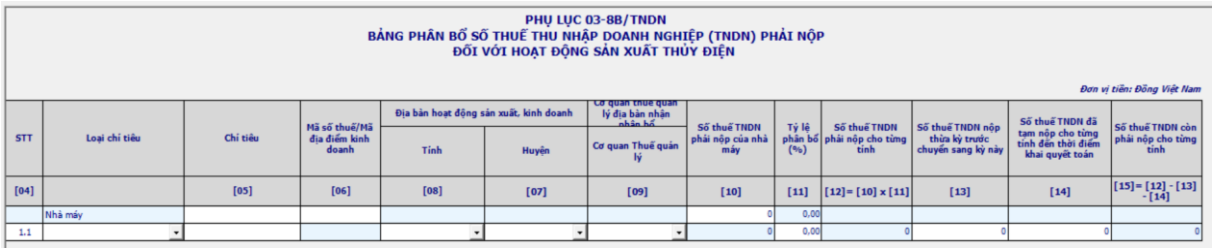
- Các chỉ tiêu cần nhập:
  + Loại chỉ tiêu: NSD lựa chọn 1 giá trị từ danh mục. Bao gồm các giá trị
    - 01: Trụ sở chính => chỉ được kê khai 1 dòng Cột (2), (3): NNT tự nhập dạng text
    - 02: Đơn vị phụ thuộc khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính => có thể kê khai 1 hoặc nhiều dòng
    - 03: Địa điểm kinh doanh khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính => có thể kê khai 1 hoặc nhiều dòng
    - 04: Nơi không có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh => có thể kê khai 1 hoặc nhiều dòng
  + Chỉ tiêu (2): NNT tự nhập dạng text
  + Chỉ tiêu (3):
    - Dòng <Nơi đóng trụ sở chính>: Hiển thị theo MST kê khai tờ khai
    - Dòng <Tên đơn vị phụ thuộc khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính>: bắt buộc nhập MST 13 số
    - Dòng <Địa điểm kinh doanh khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính>: bắt buộc nhập mã DDKD 5 số
    - Dòng < Nơi không có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh >: Khóa
  + Chỉ tiêu (4)
    - Dòng <Nơi đóng trụ sở chính>:
      - Nếu NNT thuộc chi cục Thuế quản lý thì hiển thị Huyện tương ứng với Chi cục Thuế
      - Nếu NNT thuộc Cục Thuế quản lý thì cho phép chọn Huyện trong danh mục
    - Dòng <Tên đơn vị phụ thuộc khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính>, <Địa điểm kinh doanh khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính>, <Nơi không có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh>: Bắt buộc chọn trong danh mục huyện thuộc tỉnh đã chọn
  + Chỉ tiêu (5)
    - Dòng <Nơi đóng trụ sở chính>: Hiển thị mặc định là tỉnh đóng trụ sở chính chính của NNT (tỉnh tương ứng với CQT ở cột (6)
    - Dòng <Tên đơn vị phụ thuộc khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính>, <Địa điểm kinh doanh khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính>, <Nơi không có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh>: Bắt buộc chọn trong danh mục. Kiểm tra tỉnh phải khác tỉnh đóng trụ sở chính

+ Chỉ tiêu (6):
  - Dòng <Nơi đóng trụ sở chính>: Hiển thị mặc định là CQT quản lý của NNT. Không cho sửa
  - Dòng <Tên đơn vị phụ thuộc khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính>, <Địa điểm kinh doanh khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính>: Mặc định là cục thuế tương ứng với (5), cho phép chọn lại chi cục thuế. Cho phép trùng
  - Dòng <*Nơi không có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh*>: Mặc định là cục thuế tương ứng với (5), cho phép chọn lại chi cục thuế. Không trùng CQT giữa các dòng <*Nơi không có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh*>

+ Chỉ tiêu (7), (8), (9), (10), (13), (15): NNT nhập dạng số, không âm, mặc định là 0

- Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tính toán:
  + Chỉ tiêu (11) = (8) – (10), có thể âm
  + Chỉ tiêu (12) = (8) – (9) – (10), có thể âm
  + Chỉ tiêu (14) = (13)x1%
  + Chỉ tiêu (16) = (14) – (15), có thể âm

3.4.3.1.14 Phụ lục 03-8B/TNDN: Chỉ cho phép nhập PL này nếu trên tờ khai chọn chỉ tiêu [04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất tương ứng với tiểu mục 1052



PHỤ LỤC 03-8B/TNDN
BẢNG PHÂN BỔ SỐ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN) PHẢI NỘP
ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT THỦY ĐIỆN

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Loại chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Mã số thuế/Mã địa điểm kinh doanh	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ	Số thuế TNDN phải nộp của nhà máy	Tỷ lệ phân bổ (%)	Số thuế TNDN phải nộp cho từng tỉnh	Số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	Số thuế TNDN đã tạm nộp cho từng tỉnh đến thời điểm khai quyết toán	Số thuế TNDN còn phải nộp cho từng tỉnh
				Tỉnh	Huyện	Cơ quan Thuế quản lý						
[04]		[05]	[06]	[08]	[07]	[09]	[10]	[11]	[12]= [10] x [11]	[13]	[14]	[15]= [12] - [13] - [14]
	Nhà máy						0	0.00				
1.1							0	0.00	0	0	0	0

- Các chỉ tiêu tự nhập:
- ***Có thể nhập thông tin của nhiều nhà máy.*** 1 nhà máy bắt buộc phải có đủ thông tin của <Nơi có văn phòng điều hành nhà máy> và <Nơi có nhà máy thủy điện (khác nơi có văn phòng điều hành)>

+ Chỉ tiêu [05]: NNT nhập dạng text
+ Chỉ tiêu [06]:
  - Dòng nhà máy: Nhập MST 13 số
  - Dòng: <Nơi có văn phòng điều hành nhà máy> và <Nơi có nhà máy thủy điện (khác nơi có văn phòng điều hành)>: Khóa không cho nhập
+ Chỉ tiêu [07]:
  - Dòng <Nhà máy>: Khóa không cho nhập
  - Dòng: <Nơi có văn phòng điều hành nhà máy> và <Nơi có nhà máy thủy điện (khác nơi có văn phòng điều hành)>: Bắt buộc chọn trong danh mục Huyện thuộc tỉnh đã chọn
+ Chỉ tiêu [08]:
  - Dòng <Nhà máy>: Khóa không cho nhập

- Dòng: <Nơi có văn phòng điều hành nhà máy> và <Nơi có nhà máy thủy điện (khác nơi có văn phòng điều hành)>: Bắt buộc chọn trong danh mục 63 tỉnh

+ Chỉ tiêu [09]:

- Dòng <Nhà máy>: Khóa không cho nhập
- Dòng: <Nơi có văn phòng điều hành nhà máy> và <Nơi có nhà máy thủy điện (khác nơi có văn phòng điều hành)>: Cục thuế tương ứng với chỉ tiêu [08] trên bảng kê. Cho phép NSD chọn lại thành CCT

+ Chỉ tiêu [10]:

- Dòng <Nhà máy>: Cho nhập số >=0
- Dòng: <Nơi có văn phòng điều hành nhà máy> và <Nơi có nhà máy thủy điện (khác nơi có văn phòng điều hành)>: Khóa không cho nhập
- Kiểm tra tổng cột [10] trên PL 03-8B phải = tổng cột [9] của các dòng có Loại chỉ tiêu "03 - Cơ sở sản xuất khác tỉnh là nhà máy thủy điện nằm trên nhiều tỉnh" trên PL 03-8/TNDN

+ Chỉ tiêu [11]:

- Dòng <Nhà máy>: UD tính bằng tổng các dòng con, không cho sửa. Kiểm tra tổng tỷ lệ của 1 nhà máy phải = 100%
- Dòng: <Nơi có văn phòng điều hành nhà máy> và <Nơi có nhà máy thủy điện (khác nơi có văn phòng điều hành)>: Cho phép nhập số >0 và <100

+ Chỉ tiêu [12]:

- Dòng <Nhà máy>: Khóa không cho nhập

+ Chỉ tiêu [13]:

- Dòng <Nhà máy>: Khóa không cho nhập
- Dòng: <Nơi có văn phòng điều hành nhà máy> và <Nơi có nhà máy thủy điện (khác nơi có văn phòng điều hành)>: Nhập số >=0

+ Chỉ tiêu [14]:

- Dòng <Nhà máy>: Khóa không cho nhập
- Dòng: <Nơi có văn phòng điều hành nhà máy> và <Nơi có nhà máy thủy điện (khác nơi có văn phòng điều hành)>: Nhập số >=0

+ Chỉ tiêu [15]:

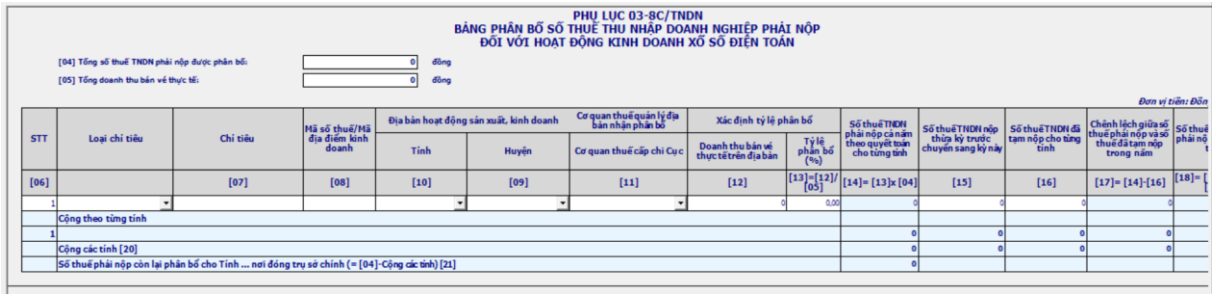
- Dòng <Nhà máy>: Khóa không cho nhập

- Các chỉ tiêu tính toán:

+ Chỉ tiêu [12]: Dòng: <Nơi có văn phòng điều hành nhà máy> và <Nơi có nhà máy thủy điện (khác nơi có văn phòng điều hành)>: UD tính theo công thức: [12] = [10] x [11] (Chỉ tiêu [10] là chỉ tiêu tại dòng nhà máy). Cho phép sửa. Kiểm tra tổng cột [12] = chỉ tiêu [10] của từng nhà máy

+ Chỉ tiêu [15]: Dòng: <Nơi có văn phòng điều hành nhà máy> và <Nơi có nhà máy thủy điện (khác nơi có văn phòng điều hành)>: UD tính theo công thức: [15]= [12] - [13] - [14]. Không cho sửa

3.4.3.1.15 Phụ lục 03-8C/TNDN: Chỉ cho phép nhập PL này nếu trên tờ khai chọn chỉ tiêu [04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất tương ứng với tiểu mục 1057



PHỤ LỤC 03-8C/TNDN
BẢNG PHÂN BỔ SỐ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP PHẢI NỘP
ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH XỔ SỐ ĐIỆN TOÁN

[04] Tổng số thuế TNDN phải nộp được phân bổ: 0 đồng
[05] Tổng doanh thu bán vé thực tế: 0 đồng

Đơn vị tiền: Đồn

STT	Loại chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Mã số thuế/Mã địa điểm kinh doanh	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ	Xác định tỷ lệ phân bổ		Số thuế TNDN phải nộp cả năm theo quyết toán cho từng tỉnh	Số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	Số thuế TNDN đã tạm nộp cho từng tỉnh	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm	Số thuế phải nộ
				Tỉnh	Huyện	Cơ quan thuế cấp chi Cục	Doanh thu bán vé thực tế trên địa bàn	Tỷ lệ phân bổ (%)					
[06]		[07]	[08]	[10]	[09]	[11]	[12]	[13]=[12]/[05]	[14]= [13]x [04]	[15]	[16]	[17]= [14]-[16]	[18]= [
1							0	0,00	0	0	0	0	
	Cộng theo từng tỉnh												
1									0	0	0	0	
	Cộng các tỉnh [20]								0	0	0	0	
	Số thuế phải nộp còn lại phân bổ cho Tỉnh ... nơi đóng trụ sở chính (= [04]-Cộng các tỉnh) [21]								0				

- Các chỉ tiêu tự nhập:

+ Chỉ tiêu [04]: NNT nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 13 số, kiểm tra chỉ tiêu [04] phải = [E1] trên tờ khai

+ Chỉ tiêu [05]: NNT nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 số, kiểm tra [05]>[04]

+ Loại chỉ tiêu: NSD lựa chọn 1 trong 3 Loại chỉ tiêu gồm các giá trị:

- 01: Đơn vị phụ thuộc khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính
- 02: Địa điểm kinh doanh khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính
- 03: Nơi không có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh

+ Chỉ tiêu [07]: NNT nhập dạng text

+ Chỉ tiêu [08]:

- Dòng <Đơn vị phụ thuộc khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính>: bắt buộc nhập MST 13 số (Có 10 số đầu = MST kê khai tờ khai)
- Dòng <Địa điểm kinh doanh khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính>: Bắt buộc nhập mã 5 số
- Dòng <Nơi không có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh: Khóa không cho nhập

+ Chỉ tiêu [09]: Chọn trong danh mục huyện thuộc tỉnh đã chọn

+ Chỉ tiêu [10]: Chọn trong danh mục, mỗi tỉnh chỉ được kê khai trên 1 dòng

+ Chỉ tiêu [11]: Mặc định là Cục thuế tương ứng chỉ tiêu [10], cho phép chọn lại chi cục

+ Chỉ tiêu [12]: NNT nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 số, ràng buộc tổng cột (12) <= chỉ tiêu [05]

+ Chỉ tiêu [13]:

- Dòng <Nhà máy>: Khóa không cho nhập
- Dòng: <Nơi có văn phòng điều hành nhà máy> và <Nơi có nhà máy thủy điện (khác nơi có văn phòng điều hành)>: Nhập số >=0

+ Chỉ tiêu [15], [16]: NNT nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 13 số

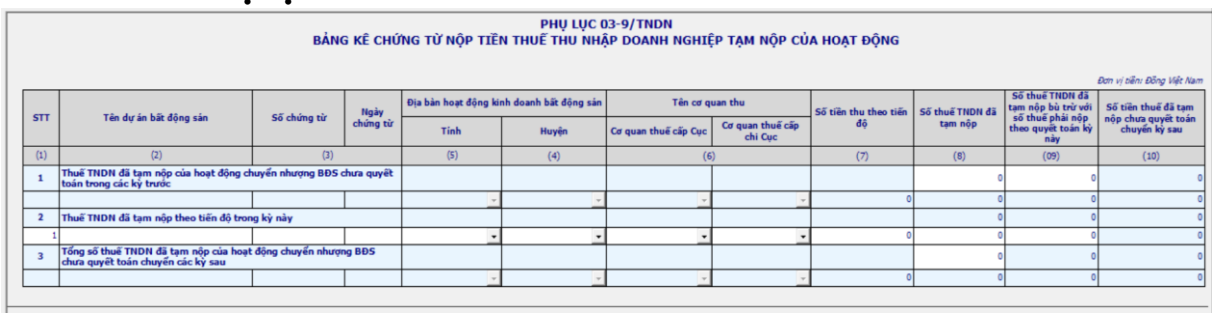
- Các chỉ tiêu tính toán:

+ Chỉ tiêu [13]: UD tính theo công thức: [13]=[12]/[05], Cho phép sửa, tổng cột (13) <= 100%

+ Chỉ tiêu [14]: UD tính theo công thức: [14]= [13]x [04], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [17]: UD tính theo công thức: [17]= [14]-[16], có thể âm
+ Chỉ tiêu [18]: UD tính theo công thức: [18]= [14]- [15]- [16], có thể âm
+ Chỉ tiêu [19]: hỗ trợ tính tổng cột [18] theo từng tỉnh
+ Chỉ tiêu [20]: hỗ trợ tính tổng cột [20] = Tổng [19]
+ Chỉ tiêu [21]: UD hỗ trợ tính = [04] – [20], không được âm

3.4.3.1.16 Phụ lục 03-9/TNDN



PHỤ LỤC 03-9/TNDN
BẢNG KÊ CHỨNG TỪ NỘP TIỀN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠM NỘP CỦA HOẠT ĐỘNG

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên dự án bất động sản	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Địa bàn hoạt động kinh doanh bất động sản		Tên cơ quan thu		Số tiền thu theo tiến độ	Số thuế TNDN đã tạm nộp	Số thuế TNDN đã tạm nộp bù trừ với số thuế phải nộp theo quyết toán kỳ này	Số tiền thuế đã tạm nộp chưa quyết toán chuyển kỳ sau
				Tỉnh	Huyện	Cơ quan thuế cấp Cục	Cơ quan thuế cấp chi Cục				
(1)	(2)	(3)		(5)	(4)	(6)		(7)	(8)	(09)	(10)
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS chưa quyết toán trong các kỳ trước								0	0	0
								0	0	0	0
2	Thuế TNDN đã tạm nộp theo tiến độ trong kỳ này								0	0	0
1								0	0	0	0
3	Tổng số thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS chưa quyết toán chuyển các kỳ sau								0	0	0
								0	0	0	0

- Các chỉ tiêu cần nhập:

+ 1. Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS chưa quyết toán trong các kỳ trước

- Chỉ tiêu (8): NNT nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số
- Chỉ tiêu (9): NNT nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số, cột (09) phải <= (8), sai khác cảnh báo đỏ

+ 2. Thuế TNDN đã tạm nộp theo tiến độ trong kỳ này: Cho phép thêm nhiều dòng con

- Chỉ tiêu (2), (3) – Số chứng từ: NNT nhập định dạng text
- Chỉ tiêu (3) – Ngày chứng từ: NNT nhập định dạng DD/MM/YYYY
- Chỉ tiêu (4), (5), (6): NNT chọn trong danh mục
- Chỉ tiêu (7), (8): NNT nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số
- Chỉ tiêu (9): NNT nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số, cột (09) phải <= (8), sai khác cảnh báo đỏ

+ 3. Tổng số thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS chưa quyết toán chuyển các kỳ sau

- Chỉ tiêu (8): NNT nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số

- Các chỉ tiêu tính toán:

+ 1. Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS chưa quyết toán trong các kỳ trước

- Chỉ tiêu (10) = (8) – (9)

+ 2. Thuế TNDN đã tạm nộp theo tiến độ trong kỳ này: Cho phép thêm nhiều dòng con

- Chỉ tiêu (10) = (8) – (9)
- Chỉ tiêu [06] = Tổng cột (8) của các dòng con
- Chỉ tiêu [07] = Tổng cột (9) của các dòng con
- Chỉ tiêu [08] =[06]-[07], không cho sửa

+ 3. Tổng số thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS chưa quyết toán chuyển các kỳ sau

- Chỉ tiêu (9): Tính theo công thức = cột (9) mục 1 + tổng cột (9) mục 2
- Chỉ tiêu (10): Tính theo công thức = cột (10) mục 1 + tổng cột (10) mục 2

3.4.3.1.17 Phụ lục GDLK2_ND132_01: Thông tin về quan hệ liên kết và giao dịch liên kết theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP

- Ứng dụng cho phép đính kèm phụ lục này đối với kỳ tính thuế >= 2019

MỤC I: THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN KẾT


PHỤ LỤC

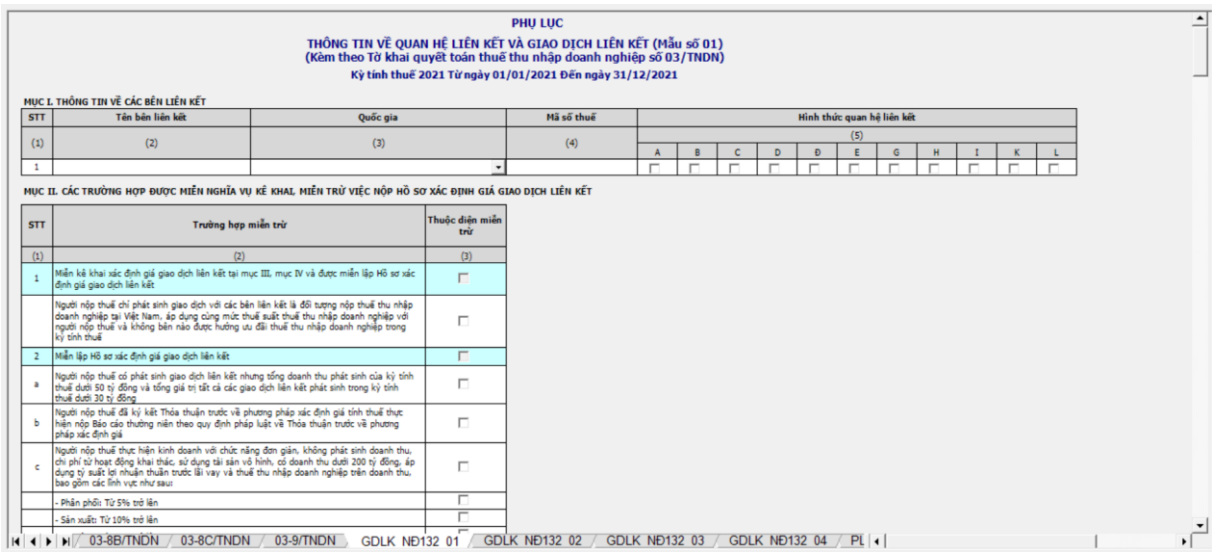
THÔNG TIN VỀ QUAN HỆ LIÊN KẾT VÀ GIAO DỊCH LIÊN KẾT (Mẫu số 01)
(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)
Kỳ tính thuế 2021 Từ ngày 01/01/2021 Đến ngày 31/12/2021

MỤC I. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN KẾT

STT	Tên bên liên kết	Quốc gia	Mã số thuế	Hình thức quan hệ liên kết (5)										
				A	B	C	D	Đ	E	G	H	I	K	L
(1)	(2)	(3)	(4)											
1				☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐

- Chỉ tiêu (1) – STT: UD hỗ trợ tự tăng khi thêm dòng
- Chỉ tiêu (2) – Tên bên liên kết: Bắt buộc nhập, dạng text, tối đa 200 ký tự
- Chỉ tiêu (3) – Quốc gia: Bắt buộc nhập, chọn trong danh mục quốc gia.
- Chỉ tiêu (4) – Mã số thuế: bắt buộc nhập
  + Nếu là VN: Kiểm tra cấu trúc mã số thuế
  + Khác VN: không kiểm tra cấu trúc mã số thuế (cho nhập tối đa 200 ký tự)
- Chỉ tiêu (5) – Hình thức quan hệ liên kết: (A,B,C,D,Đ,E,G,H,I,K,L): cho phép NNT tích chọn, chỉ bắt buộc chọn ít nhất 1 loại hình thức quan hệ liên kết và cho phép tích chọn nhiều loại hình thức.

MỤC II: CÁC TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC MIỄN NGHĨA VỤ KÊ KHAI, MIỄN TRỪ VIỆC NỘP HỒ SƠ XÁC ĐỊNH GIÁ GIAO DỊCH LIÊN KẾT


PHỤ LỤC

THÔNG TIN VỀ QUAN HỆ LIÊN KẾT VÀ GIAO DỊCH LIÊN KẾT (Mẫu số 01)
(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)
Kỳ tính thuế 2021 Từ ngày 01/01/2021 Đến ngày 31/12/2021

MỤC I. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN KẾT

STT	Tên bên liên kết	Quốc gia	Mã số thuế	Hình thức quan hệ liên kết (5)										
				A	B	C	D	Đ	E	G	H	I	K	L
(1)	(2)	(3)	(4)											
1				☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐

MỤC II. CÁC TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC MIỄN NGHĨA VỤ KÊ KHAI, MIỄN TRỪ VIỆC NỘP HỒ SƠ XÁC ĐỊNH GIÁ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

STT	Trường hợp miễn trừ	Thuộc diện miễn trừ
(1)	(2)	(3)
1	Miễn kê khai xác định giá giao dịch liên kết tại mục III. mục IV và được miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	☐
	Người nộp thuế chỉ phát sinh giao dịch với các bên liên kết là đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam, áp dụng cùng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp với người nộp thuế và không bên nào được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ tính thuế	☐
2	Miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	☐
a	Người nộp thuế có phát sinh giao dịch liên kết nhưng tổng doanh thu phát sinh của kỳ tính thuế dưới 50 tỷ đồng và tổng giá trị tất cả các giao dịch liên kết phát sinh trong kỳ tính thuế dưới 30 tỷ đồng	☐
b	Người nộp thuế đã ký kết Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế thực hiện nộp Báo cáo thường niên theo quy định pháp luật về Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá	☐
c	Người nộp thuế thực hiện kinh doanh với chức năng đơn giản, không phát sinh doanh thu, chi phí từ hoạt động khai thác, sử dụng tài sản vô hình, có doanh thu dưới 200 tỷ đồng, áp dụng tỷ suất lợi nhuận thuần trước lãi vay và thuế thu nhập doanh nghiệp trên doanh thu, bao gồm các lĩnh vực như sau:	☐
	- Phân phối: Từ 5% trở lên	☐
	- Sản xuất: Từ 10% trở lên	☐

03-8B/TNDN | 03-8C/TNDN | 03-9/TNDN | GDLK NĐ132 01 | GDLK NĐ132 02 | GDLK NĐ132 03 | GDLK NĐ132 04 | PL

- Có thể bỏ qua không tích chọn trường hợp miễn trừ nào, nếu chọn chỉ được chọn 1 hoặc 2a hoặc 2b hoặc 2c. Trường hợp tích chọn 2c thì bắt buộc phải chọn ít nhất 1 trong 3 loại, được phép tích chọn nhiều loại:
  + Phân phối: Từ 5% trở lên

+ Sản xuất: Từ 10% trở lên
+ Gia công: Từ 15% trở

MỤC III: THÔNG TIN XÁC ĐỊNH GIÁ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

- Nếu 2a hoặc 2c ở mục II được check chọn thì:
  + Cột (3), (7), (12): Cho phép nhập >=0.
  + Cột (13): cho phép check chọn
- Cột (4), (5), (6), (8), (9), (10) và (11): Khoá, không cho kê khai. Nếu 2a và 2c ở mục II không được check chọn thì nhập như bảng sau

STT	Nội dung	Giá trị bán ra cho bên liên kết				Giá trị mua vào từ bên liên kết				Lợi nhuận tăng do xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Thu hộ, chi hộ, phân bổ cơ sở thường trú -> Tách thành 4 cột 12a, 12b, 12c, 12d				Giao dịch thuộc phạm vi áp dụng APA
		Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá	Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá		Tổng giá trị thu hộ	Tổng giá trị chi hộ	Tổng giá trị doanh thu phân bổ cho cơ sở thường trú	Tổng giá trị chi phí phân bổ cho cơ sở thường trú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)-(7)	(10)	(11)=(5)+(9)	(12a)	(12b)	(12c)	(12d)	(13)
I	**Tổng giá trị giao dịch phát sinh từ hoạt động kinh doanh**	Nhập >=0	Để trống	Để trống	Để trống	Nhập >=0	Để trống	Để trống	Để trống	Để trống	Để trống	Để trống	Để trống	Để trống	Để trống

STT	Nội dung	Giá trị bán ra cho bên liên kết				Giá trị mua vào từ bên liên kết				Lợi nhuận tăng do xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Thu hộ, chi hộ, phân bổ cơ sở thường trú -> Tách thành 4 cột 12a, 12b, 12c, 12d				Giao dịch thuộc phạm vi áp dụng APA
		Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá	Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá		Tổng giá trị thu hộ	Tổng giá trị chi hộ	Tổng giá trị doanh thu phân bổ cho cơ sở thường trú	Tổng giá trị chi phí phân bổ cho cơ sở thường trú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)-(7)	(10)	(11)=(5)+(9)	(12a)	(12b)	(12c)	(12d)	(13)
II	**Tổng giá trị giao dịch phát sinh từ hoạt động liên kết**	Tổng 1+2	Tổng 1+2	(5)=(4)-(3), nếu cột (5) >= 0 thì ghi thành công, nếu cột (5) <0 thì cảnh báo đỏ "Cột 5 = cột (4) – cột (3) phải >= 0	Để trống	Tổng 1+2	Tổng 1+2	(9)=(8)-(7), nếu cột (9) <= 0 thì ghi thành công, nếu cột (9) > 0 thì cảnh báo đỏ "Cột 9 = cột (8) – cột (7) phải <= 0	Để trống	(11)=(5)+(9) (11) = trị tuyệt đối của cột (5)+ trị tuyệt đối của cột (9)	Nhập >=0. Nhập >= 0, tối đa 15 ký tự tại các dòng con, hỗ trợ tính công thức theo hàng dọc tại các chỉ	Nhập >=0. Nhập >= 0, tối đa 15 ký tự tại các dòng con, hỗ trợ tính công thức theo hàng dọc tại các chỉ mục cha như các	Nhập >=0. Nhập >= 0, tối đa 15 ký tự tại các dòng con, hỗ trợ tính công thức theo hàng dọc tại các chỉ mục cha như các cột (3), (4), (7), (8)…, cho sửa	Nhập >=0. Nhập >= 0, tối đa 15 ký tự tại các dòng con, hỗ trợ tính công thức theo hàng dọc tại các chỉ mục cha như các	Để trống

STT	Nội dung	Giá trị bán ra cho bên liên kết				Giá trị mua vào từ bên liên kết				Lợi nhuận tăng do xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Thu hộ, chi hộ, phân bổ cơ sở thường trú -> Tách thành 4 cột 12a, 12b, 12c, 12d				Giao dịch thuộc phạm vi áp dụng APA
		Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá	Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá		Tổng giá trị thu hộ	Tổng giá trị chi hộ	Tổng giá trị doanh thu phân bổ cho cơ sở thường trú	Tổng giá trị chi phí phân bổ cho cơ sở thường trú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)-(7)	(10)	(11)=(5)+(9)	(12a)	(12b)	(12c)	(12d)	(13)
											mục cha như các cột (3), (4), (7), (8)…, cho sửa	cột (3), (4), (7), (8)…, cho sửa		cột (3), (4), (7), (8)…, cho sửa	
1	Hàng hóa	Tổng 1.1 + 1.2	Tổng 1.1 + 1.2	(5)=(4)-(3)	Để trống	Tổng 1.1 + 1.2	Tổng 1.1 + 1.2	(9)=(8)-(7)	Để trống	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Để trống

STT	Nội dung	Giá trị bán ra cho bên liên kết				Giá trị mua vào từ bên liên kết				Lợi nhuận tăng do xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Thu hộ, chi hộ, phân bổ cơ sở thường trú -> Tách thành 4 cột 12a, 12b, 12c, 12d				Giao dịch thuộc phạm vi áp dụng APA
		Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá	Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá		Tổng giá trị thu hộ	Tổng giá trị chi hộ	Tổng giá trị doanh thu phân bổ cho cơ sở thường trú	Tổng giá trị chi phí phân bổ cho cơ sở thường trú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)-(7)	(10)	(11)=(5)+(9)	(12a)	(12b)	(12c)	(12d)	(13)
1.1	Hàng hóa hình thành tài sản cố định	Tổng a+b+…	Tổng a+b+..	(5)=(4)-(3)	Để trống	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(9)=(8)-(7)	Để trống	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Để trống
a	Nhập text	Nhập >=0	Nhập >=0	(5)=(4)-(3)	Danh mục. Cột (6) bắt buộc chọn nếu cột (3)	Nhập >=0	Nhập >=0	(9)=(8)-(7)	Danh mục. Cột (10) bắt buộc chọn nếu	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Checkbox

STT	Nội dung	Giá trị bán ra cho bên liên kết				Giá trị mua vào từ bên liên kết				Lợi nhuận tăng do xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Thu hộ, chi hộ, phân bổ cơ sở thường trú -> Tách thành 4 cột 12a, 12b, 12c, 12d				Giao dịch thuộc phạm vi áp dụng APA
		Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá	Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá		Tổng giá trị thu hộ	Tổng giá trị chi hộ	Tổng giá trị doanh thu phân bổ cho cơ sở thường trú	Tổng giá trị chi phí phân bổ cho cơ sở thường trú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)-(7)	(10)	(11)=(5)+(9)	(12a)	(12b)	(12c)	(12d)	(13)
					>0, nếu không cảnh báo đỏ "Dữ liệu bắt buộc"				cột (7) > 0, nếu không cảnh báo đỏ "Dữ liệu bắt buộc"						
b															
	...														

STT	Nội dung	Giá trị bán ra cho bên liên kết				Giá trị mua vào từ bên liên kết				Lợi nhuận tăng do xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Thu hộ, chi hộ, phân bổ cơ sở thường trú -> Tách thành 4 cột 12a, 12b, 12c, 12d				Giao dịch thuộc phạm vi áp dụng APA
		Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá	Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá		Tổng giá trị thu hộ	Tổng giá trị chi hộ	Tổng giá trị doanh thu phân bổ cho cơ sở thường trú	Tổng giá trị chi phí phân bổ cho cơ sở thường trú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)-(7)	(10)	(11)=(5)+(9)	(12a)	(12b)	(12c)	(12d)	(13)
1.2	Hàng hóa không hình thành tài sản cố định	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(5)=(4)-(3)	Để trống	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(9)=(8)-(7)	Để trống	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Để trống
a	Nhập text	Nhập >=0	Nhập >=0	(5)=(4)-(3)	Danh mục	Nhập >=0	Nhập >=0	(9)=(8)-(7)	Danh mục	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	checkbox
b															
	…														
2	**Dịch vụ**	Tổng 2.1 + 2.2 + 2.3 +	Tổng 2.1 + 2.2 + 2.3 +	(5)=(4)-(3)	Để trống	Tổng 2.1 + 2.2 + 2.3 +	Tổng 2.1 + 2.2 + 2.3 +	(9)=(8)-(7)	Để trống	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Để trống

STT	Nội dung	Giá trị bán ra cho bên liên kết				Giá trị mua vào từ bên liên kết				Lợi nhuận tăng do xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Thu hộ, chi hộ, phân bổ cơ sở thường trú -> Tách thành 4 cột 12a, 12b, 12c, 12d				Giao dịch thuộc phạm vi áp dụng APA
		Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá	Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá		Tổng giá trị thu hộ	Tổng giá trị chi hộ	Tổng giá trị doanh thu phân bổ cho cơ sở thường trú	Tổng giá trị chi phí phân bổ cho cơ sở thường trú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)-(7)	(10)	(11)=(5)+(9)	(12a)	(12b)	(12c)	(12d)	(13)
		2.4 + 2.5	2.4 + 2.5			2.4 + 2.5	2.4 + 2.5								
2.1	Nghiên cứu, phát triển	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(5)=(4)-(3)	Để trống	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(9)=(8)-(7)	Để trống	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Để trống
a	Nhập text	Nhập >=0	Nhập >=0	(5)=(4)-(3)	Danh mục	Nhập >=0	Nhập >=0	(9)=(8)-(7)	Danh mục	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	checkbox
b															
	…														
2.2	Quảng cáo, tiếp thị	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(5)=(4)-(3)	Để trống	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(9)=(8)-(7)	Để trống	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Để trống
a	Nhập text	Nhập >=0	Nhập >=0	(5)=(4)-(3)	Danh mục	Nhập >=0	Nhập >=0	(9)=(8)-(7)	Danh mục	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	checkbox

STT	Nội dung	Giá trị bán ra cho bên liên kết				Giá trị mua vào từ bên liên kết				Lợi nhuận tăng do xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Thu hộ, chi hộ, phân bổ cơ sở thường trú -> Tách thành 4 cột 12a, 12b, 12c, 12d				Giao dịch thuộc phạm vi áp dụng APA
		Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá	Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá		Tổng giá trị thu hộ	Tổng giá trị chi hộ	Tổng giá trị doanh thu phân bổ cho cơ sở thường trú	Tổng giá trị chi phí phân bổ cho cơ sở thường trú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)-(7)	(10)	(11)=(5)+(9)	(12a)	(12b)	(12c)	(12d)	(13)
b															
	…														
2.3	Quản lý kinh doanh và tư vấn, đào tạo	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(5)=(4)-(3)	Để trống	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(9)=(8)-(7)	Để trống	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Để trống
a	Nhập text	Nhập >=0	Nhập >=0	(5)=(4)-(3)	Danh mục	Nhập >=0	Nhập >=0	(9)=(8)-(7)	Danh mục	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	checkbox
b															
	...														

STT	Nội dung	Giá trị bán ra cho bên liên kết				Giá trị mua vào từ bên liên kết				Lợi nhuận tăng do xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Thu hộ, chi hộ, phân bổ cơ sở thường trú -> Tách thành 4 cột 12a, 12b, 12c, 12d				Giao dịch thuộc phạm vi áp dụng APA
		Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá	Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá		Tổng giá trị thu hộ	Tổng giá trị chi hộ	Tổng giá trị doanh thu phân bổ cho cơ sở thường trú	Tổng giá trị chi phí phân bổ cho cơ sở thường trú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)-(7)	(10)	(11)=(5)+(9)	(12a)	(12b)	(12c)	(12d)	(13)
2.4	Hoạt động tài chính	Tổng 2.4.1 + 2.4.2	Tổng 2.4.1 + 2.4.2	(5)=(4)-(3)	Để trống	Tổng 2.4.1 + 2.4.2	Tổng 2.4.1 + 2.4.2	(9)=(8)-(7)	Để trống	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Để trống
2.4.1	Phí bản quyền và các khoản tương tự	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(5)=(4)-(3)	Để trống	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(9)=(8)-(7)	Để trống	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Để trống
A	Nhập text	Nhập >=0	Nhập >=0	(5)=(4)-(3)	Danh mục	Nhập >=0	Nhập >=0	(9)=(8)-(7)	Danh mục	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	checkbox
B										....					
	…														
2.4.2	Lãi vay	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(5)=(4)-(3)	Để trống	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(9)=(8)-(7)	Để trống	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Để trống

STT	Nội dung	Giá trị bán ra cho bên liên kết				Giá trị mua vào từ bên liên kết				Lợi nhuận tăng do xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Thu hộ, chi hộ, phân bổ cơ sở thường trú -> Tách thành 4 cột 12a, 12b, 12c, 12d				Giao dịch thuộc phạm vi áp dụng APA
		Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá	Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá		Tổng giá trị thu hộ	Tổng giá trị chi hộ	Tổng giá trị doanh thu phân bổ cho cơ sở thường trú	Tổng giá trị chi phí phân bổ cho cơ sở thường trú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)-(7)	(10)	(11)=(5)+(9)	(12a)	(12b)	(12c)	(12d)	(13)
A	Nhập text	Nhập >=0	Nhập >=0	(5)=(4)-(3)	Danh mục	Nhập >=0	Nhập >=0	(9)=(8)-(7)	Danh mục	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	checkbox
B															
	…														
2.5	Dịch vụ khác	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(5)=(4)-(3)	Để trống	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(9)=(8)-(7)	Để trống	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Để trống
A	Nhập text	Nhập >=0	Nhập >=0	(5)=(4)-(3)	Danh mục	Nhập >=0	Nhập >=0	(9)=(8)-(7)	Danh mục	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	checkbox
B															
	…														

MỤC IV. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH SAU KHI XÁC ĐỊNH GIÁ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

- Nếu check 2b tại Mục II thì bắt buộc chọn Có/ Không tại mục "Người nộp thuế đã ký thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA)" tại 1 trong 3 bảng.
- Cột (6) đang bắt buộc nhập tại bảng 1 và bảng 3 khi tích chọn 2a tại Mục II → Chỉ kiểm tra đã nhập cột (6) tại một trong các bảng là được.

1. Dành cho người nộp thuế thuộc các ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ

- Nếu 2a ở mục II được check chọn thì:
  + Dòng từ 1 đến 12:
    - Cột (3), (4) và (5): Khoá, không cho kê khai
    - Cột (6): Nhập >= 0, tối đa 15 ký tự, bắt buộc nhập một trong các dòng sau > 0 (dòng 1, 4, 6, 7, 9). Riêng cột (6) dòng 5 cho phép nhập số âm, dương.
  + Dòng từ (13) đến (16): NNT kê khai
  + Dòng (17): Để trống, không cho kê khai
- Nếu 2c ở mục II được check chọn thì:
  + Dòng từ 1 đến 12:
    - Cột (3), (4) và (5): Khoá, không cho kê khai
    - Cột (6): Nhập >= 0, tối đa 15 ký tự, bắt buộc nhập một trong các dòng sau > 0 (dòng 1, 4, 6, 7, 9). Riêng cột (6) dòng 5 cho phép nhập số âm, dương.
  + Dòng từ (13) đến (16) : NNT kê khai
  + Dòng (17):
    - Cột (2): Bắt buộc nhập, cho phép nhập text và UD cho nhập text, tối đa 200 ký tự, UD cho phép thêm nhiều dòng
    - Cột 6: Nhập dạng x,xxx >= 0 (tối đa 3 số phần nguyên)
    - Cột (3), (4) và (5): Khoá, không cho kê khai
- Nếu 2a và 2c ở mục II không được check chọn thì nhập như bảng sau:

Người nộp thuế đã ký thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA)	Có □ Checkbox	Không □ Checkbox, nếu check thì khoá, không nhập cột (4)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu	Nhập >=0, kiểm tra <= mục 1	Nhập >=0, kiểm tra <= mục 1	Nhập >=0, kiểm tra <= mục 1	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=1-2	=1-2	=1-2	=1-2
4	Giá vốn hàng bán	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=3-4	=3-4	=3-4	=3-4
6	Chi phí bán hàng	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
8	Doanh thu hoạt động tài chính	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
8.1	Trong đó: Lãi tiền gửi và lãi cho vay	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0. Kiểm tra dòng 8.1 phải < dòng 8, nếu không cảnh báo đỏ
9	Chi phí tài chính	Khoá	Khoá	Khoá	Cho phép nhập số âm, dương

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
9.1	Trong đó: - Chi phí lãi tiền vay	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
9.1.a	Chi phí lãi vay được trừ trong kỳ	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0. Kiểm tra dòng 9.1.a phải < dòng 9.1, nếu không cảnh báo đỏ
9.1.b	Phần chi phí lãi vay trong kỳ không được trừ chuyển sang kỳ sau theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 16	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0. Kiểm tra dòng 9.1.b phải < dòng 9.1, nếu không cảnh báo đỏ
10	Chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ (11)=(5)-(6)-(7)+(8)-(9)	Khoá	Khoá	Khoá	=5-6-7+8-9
12	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ không bao gồm chênh lệch doanh thu và chi phí của hoạt động tài chính (12)=(11)-(8)+(9)	=11-8+9	=11-8+9	=11-8+9	=11-8+9
13	Tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay trong kỳ cộng chi phí khấu hao trong kỳ (13)=(11)+(9.1)-(8.1)+10)	Khoá	Khoá	Khoá	=11+9.1-8.1+10

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
14	Tỷ lệ chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ trên tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay trong kỳ cộng chi phí khấu hao trong kỳ (14)=[(9.1)-(8.1)]/(13)	Khoá	Khoá	Khoá	(9.1-8.1)/13 * 100 (dạng x,xxx)
15	Chi phí lãi vay của các kỳ trước chuyển sang, trong đó: (15)=(15.1)+(15.2)+(15.3)+(15.4)+(15.5)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (15)=(15.1)+(15.2)+(15.3)+(15.4)+(15.5)
15.1	- Phần chi phí lãi vay không được trừ từ năm(n-1) chuyển sang kỳ tính thuế(n)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
15.2	- Phần chi phí lãi vay không được trừ từ năm(n-2) chuyển sang kỳ tính thuế(n)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
15.3	- Phần chi phí lãi vay không được trừ từ năm(n-3) chuyển sang kỳ tính thuế(n)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
15.4	- Phần chi phí lãi vay không được trừ từ năm(n-	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
	4) chuyển sang kỳ tính thuế (n)				
15.5	- Phần chi phí lãi vay không được trừ từ năm(n-5) chuyển sang kỳ tính thuế (n)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
16	Tỷ lệ chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh cộng chi phí lãi vay của các kỳ trước chuyển sang trên tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng chi phí lãi vay(sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) trong kỳ cộng chi phí khấu hao trong kỳ (16) =[(9.1)-(8.1)+(15)]/(13)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	(16) =[(9.1)-(8.1)+(15)]/(13) (dạng x,xxx)
17	Tỷ suất lợi nhuận sử dụng xác định giá giao dịch liên kết	Để trống	Để trống	Để trống	Để trống
17.1	Nhập text	Nhập x,xxx (tối đa 3 số phần nguyên)	Nhập x,xxx (tối đa 3 số phần nguyên)	Khoá	Khóa
….	……	…	…	…	…

2. Dành cho người nộp thuế thuộc các ngành ngân hàng, tín dụng

Người nộp thuế đã ký thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA)	Có □ Checkbox	Không □ Checkbox, nếu check thì khoá, không nhập cột (4)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
2	Chi trả lãi và các chi phí tương tự	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
3	Thu nhập lãi thuần (3)= (1)-(2)	=1-2	=1-2	=1-2	=1-2
4	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
5	Chi phí hoạt động dịch vụ	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
6	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ (6)=(4)-(5)	=4-5	=4-5	=4-5	=4-5
7	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	Nhập âm dương	Nhập âm dương	Nhập âm dương	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
8	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	Nhập âm dương	Nhập âm dương	Nhập âm dương	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
9	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	Nhập âm dương	Nhập âm dương	Nhập âm dương	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
10	Thu nhập từ hoạt động khác	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
11	Chi phí hoạt động khác	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
12	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác (12) = (10)-(11)	=10-11	=10-11	=10-11	=10-11
13	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
14	Chi phí hoạt động	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
15	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
16	Tổng lợi nhuận trước thuế (16) = (3)+(6)+(7)+(8)+(9)+(12)+(13)-(14)-(15)	= 3+6+7 +8+9+12 +13-14-15	= 3+6+7 +8+9+12 +13-14-15	= 3+6+7 +8+9+12 +13-14-15	= 3+6+7 +8+9+12 +13-14-15
17	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh (17=16-12)	=16-12	=16-12	=16-12	=16-12
18	Tỷ suất lợi nhuận sử dụng xác định giá giao dịch liên kết (%)	Để trống	Để trống	Để trống	Để trống
a	Nhập text	Nhập x,xxx (tối đa 3 số	Nhập x,xxx (tối đa 3 số	Khoá	Khoá

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
		phần nguyên)	phần nguyên)		
…	……	…	..	…	…

3. Dành cho người nộp thuế là các công ty chứng khoán

- Nếu 2a ở mục II được check chọn thì:
  + Dòng từ 1 đến 14:
    - Cột (3), (4) và (5): Khoá, không cho kê khai
    - Cột (6): Bắt buộc nhập một trong các dòng sau >0 (dòng 1,2), tối đa 15 ký tự (nhập >= 0)
  + Dòng 15: Khoá, không cho kê khai
- Nếu 2a ở mục II không được check chọn thì nhập như bảng sau:

Người nộp thuế đã ký thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA)	Có □ Checkbox	Không □ Checkbox, nếu check thì khoá, không nhập cột (4)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
1	Doanh thu hoạt động (1)= (1.1)+(1.2)+(1.3)+(1.4)+(1.	Để trống	Để trống	Để trống	Công thức (1)=(1.1)+(1.2) +(1.3)+(1.4)+(1.

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
	5)+(1.6)+(1.7)+(1.8)+(1.9)+(1.10)+(1.11)				5)+(1.6)+(1.7)+(1.8)+(1.9)+(1.10)+(1.11)
1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ (FVTPL) (1.1)= (1.1.a)+(1.1.b)+(1.1.c)	Để trống	Để trống	Để trống	Công thức (1.1)= (1.1.a)+(1.1.b)+(1.1.c)
1.1.a	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
1.1.b	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
1.1.c	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
1.4	Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
1.5	Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
1.6	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
1.7	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh , đại lý phát hành chứng khoán	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
1.8	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
1.9	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
1.10	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
1.11	Thu nhập hoạt động khác	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2	Chi phí hoạt động (2)= (2.1)+(2.2)+(2.3)+(2.4)+(2.5)+(2.6)+(2.7)+(2.8)+(2.9)+(2.10)+(2.11) +(2.12)	Để trống	Để trống	Để trống	Công thức (2)= (2.1)+(2.2)+(2.3)+(2.4)+(2.5)+(2.6)+(2.7)+(2.8)+(2.9)+(2.10)+(2.11) +(2.12)
2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ (FVTPL) (2.1) = (2.1.a)+(2.1.b) +(2.1.c)	Khoá	Khoá	Khoá	Công thức (2.1) = (2.1.a)+(2.1.b) +(2.1.c)
2.1.a	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.1.b	Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.1.c	Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
2.2	Lỗ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.3	Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.4	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.5	Lỗ từ các tài sản tài chính phái sinh phòng ngừa rủi ro	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.6	Chi phí hoạt động tự doanh	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.7	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.8	Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.9	Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.10	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.11	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
2.12	Chi phí các dịch vụ khác	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
3	Doanh thu hoạt động tài chính (3) = (3.1)+(3.2)+(3.3)+(3.4)	Để trống	Để trống	Để trống	Công thức (3) = (3.1)+(3.2)+(3.3)+(3.4)
3.1	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
3.2	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
3.3	Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
3.4	Doanh thu khác về đầu tư	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
4	Chi phí tài chính (4) = (4.1)+(4.2)+(4.3)+(4.4)+(4.5)	Để trống	Để trống	Để trống	Công thức (4) = (4.1)+(4.2)+(4.3)+(4.4)+(4.5)
4.1	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
4.2	Chi phí lãi vay	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
4.3	Lỗi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
4.4	Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
4.5	Chi phí tài chính khác	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0

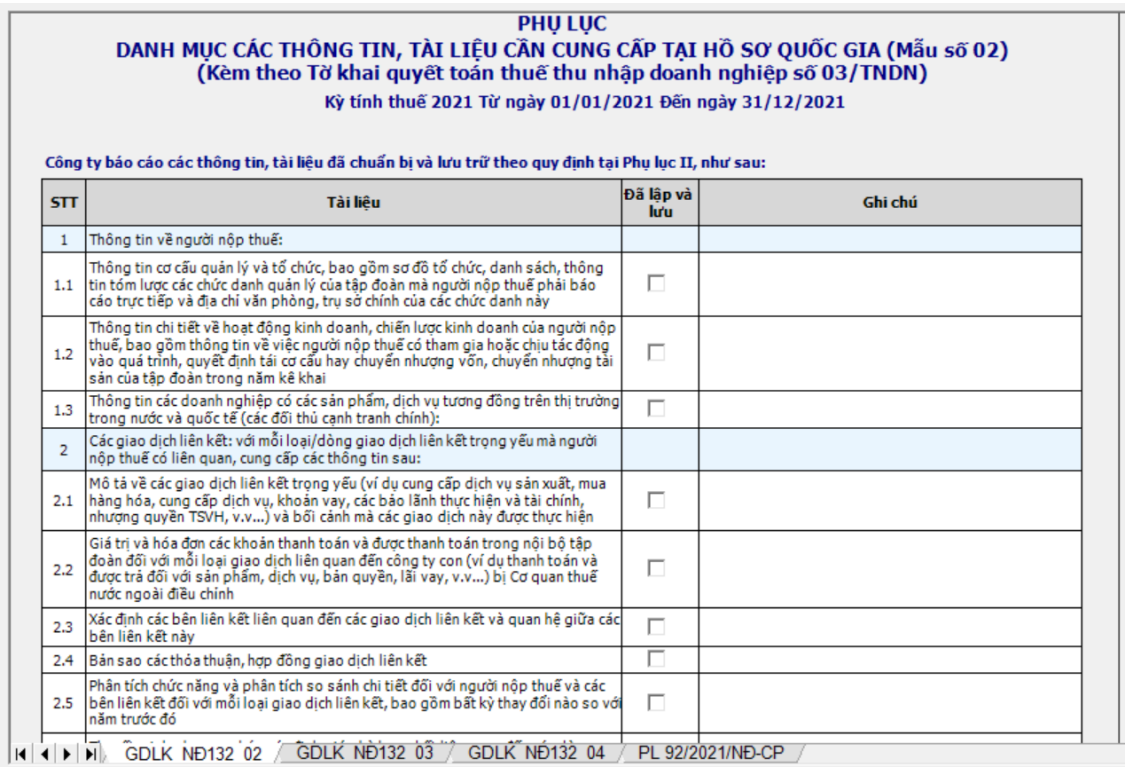
STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
5	Chi phí bán hàng	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
6	Chi phí quản lý công ty chứng khoán	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
7	Kết quả hoạt động (7)= (1)-(2)+(3)-(4)-(5)-(6)	Để trống	Để trống	Để trống	Công thức (7)= (1)-(2)+(3)-(4)-(5)-(6)
8	Tổng lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
9	Tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
9.1	Chi phí lãi vay được trừ trong kỳ	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
9.2	Phần chi phí lãi vay trong kỳ không được trừ chuyển sang kỳ sau theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 16	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
10	Chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
11	Tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ cộng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ cộng chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ (11)= (7)+(9)-(8)+(10)	Khoá	Khoá	Khoá	11= 7+9-8+10

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
12	Tỷ lệ chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ trên tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay trong kỳ cộng chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ (12) =[(9)-(8)]/(11)	Khoá	Khoá	Khoá	12= ((9-8)/ 11)*100 (dạng x,xxx)
13	Chi phí lãi vay của các kỳ trước chuyển sang (13)=(13.1)+(13.2)+(13.3)+(13.4)+(13.5) Trong đó:	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (13)=(13.1)+(13.2)+(13.3)+(13.4)+(13.5)
13.1	- Phần chi phí lãi vay không được trừ từ năm(n-1) chuyển sang kỳ tính thuế(n)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
13.2	- Phần chi phí lãi vay không được trừ từ năm(n-2) chuyển sang kỳ tính thuế(n)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
13.3	- Phần chi phí lãi vay không được trừ từ năm(n-3) chuyển sang kỳ tính thuế(n)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
13.4	- Phần chi phí lãi vay không được trừ từ năm(n-4) chuyển sang kỳ tính thuế(n)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
13.5	- Phần chi phí lãi vay không được trừ từ năm(n-5) chuyển sang kỳ tính thuế(n)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
14	Tỷ lệ chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh được trừ trong kỳ cộng chi phí lãi vay của các kỳ trước chuyển sang kỳ tính thuế(n) trên tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng chi phí lãi vay thuần phát sinh trong kỳ cộng chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ của người nộp thuế (14) = [(9)-(8)+(13)]/(11)	Khoá	Khoá	Khoá	14 = ((9-8+13)/11)*100 (dạng x,xxx)
15	Tỷ suất lợi nhuận sử dụng xác định giá giao dịch liên kết	Để trống	Để trống	Để trống	Để trống
15.1	Nhập text	Nhập x,xxx (tối đa 3 số phần nguyên)	Nhập x,xxx (tối đa 3 số phần nguyên)	Khoá	Khoá
	……				

3.4.3.1.18 Phụ lục GDLK2_ND132_02: Danh mục các thông tin, tài liệu cần cung cấp tại hồ sơ Quốc gia theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP

- Cột "Đã lập và lưu": cho phép NNT tích chọn, được phép tích chọn nhiều tài liệu
- Ghi chú: cho phép NNT nhập text, tối đa 200 ký tự.



PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC THÔNG TIN, TÀI LIỆU CẦN CUNG CẤP TẠI HỒ SƠ QUỐC GIA (Mẫu số 02)
(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Kỳ tính thuế 2021 Từ ngày 01/01/2021 Đến ngày 31/12/2021

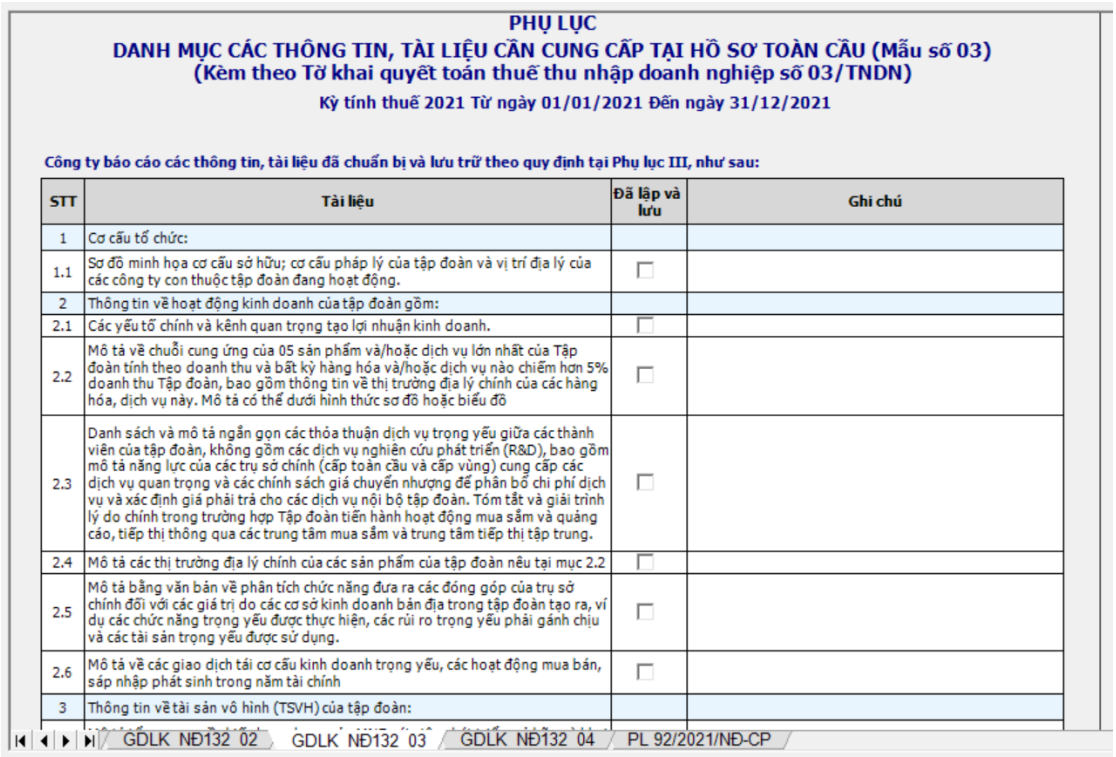
Công ty báo cáo các thông tin, tài liệu đã chuẩn bị và lưu trữ theo quy định tại Phụ lục II, như sau:

STT	Tài liệu	Đã lập và lưu	Ghi chú
1	Thông tin về người nộp thuế:		
1.1	Thông tin cơ cấu quản lý và tổ chức, bao gồm sơ đồ tổ chức, danh sách, thông tin tóm lược các chức danh quản lý của tập đoàn mà người nộp thuế phải báo cáo trực tiếp và địa chỉ văn phòng, trụ sở chính của các chức danh này	☐	
1.2	Thông tin chi tiết về hoạt động kinh doanh, chiến lược kinh doanh của người nộp thuế, bao gồm thông tin về việc người nộp thuế có tham gia hoặc chịu tác động vào quá trình, quyết định tái cơ cấu hay chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng tài sản của tập đoàn trong năm kê khai	☐	
1.3	Thông tin các doanh nghiệp có các sản phẩm, dịch vụ tương đồng trên thị trường trong nước và quốc tế (các đối thủ cạnh tranh chính):	☐	
2	Các giao dịch liên kết: với mỗi loại/dòng giao dịch liên kết trọng yếu mà người nộp thuế có liên quan, cung cấp các thông tin sau:		
2.1	Mô tả về các giao dịch liên kết trọng yếu (ví dụ cung cấp dịch vụ sản xuất, mua hàng hóa, cung cấp dịch vụ, khoản vay, các bảo lãnh thực hiện và tài chính, nhượng quyền TSVH, v.v...) và bối cảnh mà các giao dịch này được thực hiện	☐	
2.2	Giá trị và hóa đơn các khoản thanh toán và được thanh toán trong nội bộ tập đoàn đối với mỗi loại giao dịch liên quan đến công ty con (ví dụ thanh toán và được trả đối với sản phẩm, dịch vụ, bản quyền, lãi vay, v.v...) bị Cơ quan thuế nước ngoài điều chỉnh	☐	
2.3	Xác định các bên liên kết liên quan đến các giao dịch liên kết và quan hệ giữa các bên liên kết này	☐	
2.4	Bản sao các thỏa thuận, hợp đồng giao dịch liên kết	☐	
2.5	Phân tích chức năng và phân tích so sánh chi tiết đối với người nộp thuế và các bên liên kết đối với mỗi loại giao dịch liên kết, bao gồm bất kỳ thay đổi nào so với năm trước đó	☐	

GDLK_NĐ132_02 | GDLK_NĐ132_03 | GDLK_NĐ132_04 | PL 92/2021/NĐ-CP

3.4.3.1.19 Phụ lục GDLK_ND132_03: Danh mục các thông tin, tài liệu cần cung cấp tại hồ sơ toàn cầu theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP

- Cột "Đã lập và lưu": cho phép NNT tích chọn, được phép tích chọn nhiều tài liệu
- Ghi chú: cho phép NNT nhập text, tối đa 200 ký tự.



PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC THÔNG TIN, TÀI LIỆU CẦN CUNG CẤP TẠI HỒ SƠ TOÀN CẦU (Mẫu số 03)
(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

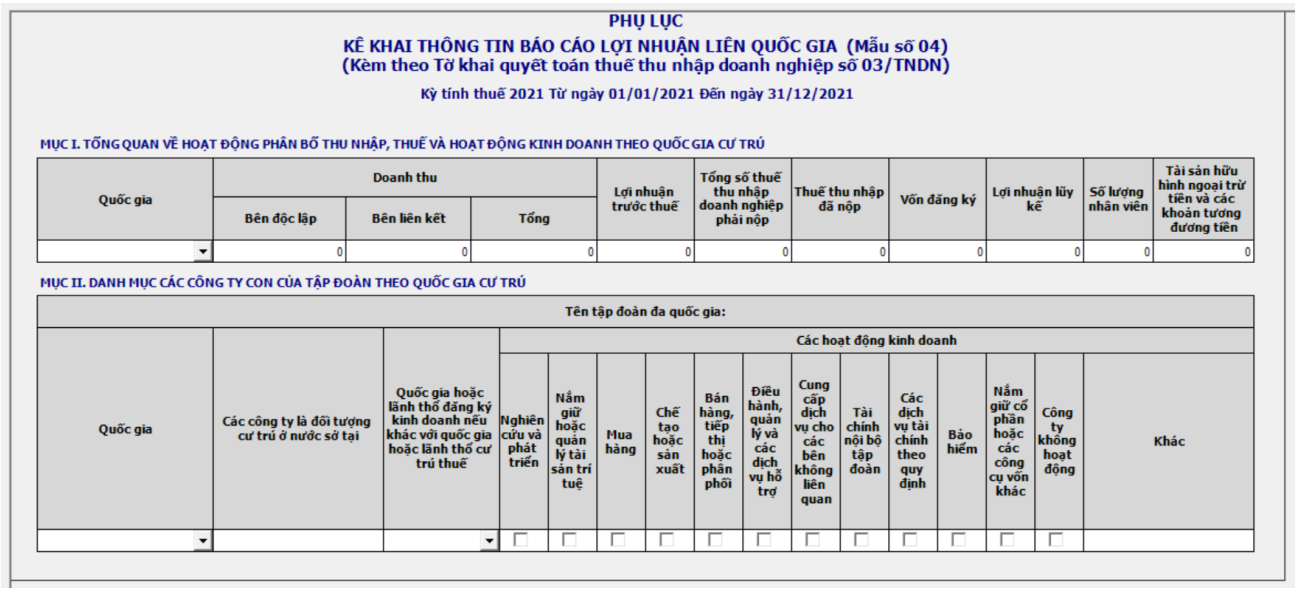
Kỳ tính thuế 2021 Từ ngày 01/01/2021 Đến ngày 31/12/2021

Công ty báo cáo các thông tin, tài liệu đã chuẩn bị và lưu trữ theo quy định tại Phụ lục III, như sau:

STT	Tài liệu	Đã lập và lưu	Ghi chú
1	Cơ cấu tổ chức:		
1.1	Sơ đồ minh họa cơ cấu sở hữu; cơ cấu pháp lý của tập đoàn và vị trí địa lý của các công ty con thuộc tập đoàn đang hoạt động.	☐	
2	Thông tin về hoạt động kinh doanh của tập đoàn gồm:		
2.1	Các yếu tố chính và kênh quan trọng tạo lợi nhuận kinh doanh.	☐	
2.2	Mô tả về chuỗi cung ứng của 05 sản phẩm và/hoặc dịch vụ lớn nhất của Tập đoàn tính theo doanh thu và bất kỳ hàng hóa và/hoặc dịch vụ nào chiếm hơn 5% doanh thu Tập đoàn, bao gồm thông tin về thị trường địa lý chính của các hàng hóa, dịch vụ này. Mô tả có thể dưới hình thức sơ đồ hoặc biểu đồ	☐	
2.3	Danh sách và mô tả ngắn gọn các thỏa thuận dịch vụ trọng yếu giữa các thành viên của tập đoàn, không gồm các dịch vụ nghiên cứu phát triển (R&D), bao gồm mô tả năng lực của các trụ sở chính (cấp toàn cầu và cấp vùng) cung cấp các dịch vụ quan trọng và các chính sách giá chuyển nhượng để phân bổ chi phí dịch vụ và xác định giá phải trả cho các dịch vụ nội bộ tập đoàn. Tóm tắt và giải trình lý do chính trong trường hợp Tập đoàn tiến hành hoạt động mua sắm và quảng cáo, tiếp thị thông qua các trung tâm mua sắm và trung tâm tiếp thị tập trung.	☐	
2.4	Mô tả các thị trường địa lý chính của các sản phẩm của tập đoàn nêu tại mục 2.2	☐	
2.5	Mô tả bằng văn bản về phân tích chức năng đưa ra các đóng góp của trụ sở chính đối với các giá trị do các cơ sở kinh doanh bản địa trong tập đoàn tạo ra, ví dụ các chức năng trọng yếu được thực hiện, các rủi ro trọng yếu phải gánh chịu và các tài sản trọng yếu được sử dụng.	☐	
2.6	Mô tả về các giao dịch tái cơ cấu kinh doanh trọng yếu, các hoạt động mua bán, sáp nhập phát sinh trong năm tài chính	☐	
3	Thông tin về tài sản vô hình (TSVH) của tập đoàn:		

GDLK_NĐ132_02 | GDLK_NĐ132_03 | GDLK_NĐ132_04 | PL 92/2021/NĐ-CP

3.4.3.1.20 Phụ lục GDLK_ND132_04: Kê khai thông tin báo cáo lợi nhuận liên Quốc gia theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP



PHỤ LỤC

KÊ KHAI THÔNG TIN BÁO CÁO LỢI NHUẬN LIÊN QUỐC GIA (Mẫu số 04)
(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Kỳ tính thuế 2021 Từ ngày 01/01/2021 Đến ngày 31/12/2021

MỤC I. TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG PHÂN BỔ THU NHẬP, THUẾ VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO QUỐC GIA CƯ TRÚ

Quốc gia	Doanh thu			Lợi nhuận trước thuế	Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	Thuế thu nhập đã nộp	Vốn đăng ký	Lợi nhuận lũy kế	Số lượng nhân viên	Tài sản hữu hình ngoại trừ tiền và các khoản tương đương tiền
	Bên độc lập	Bên liên kết	Tổng							
	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

MỤC II. DANH MỤC CÁC CÔNG TY CON CỦA TẬP ĐOÀN THEO QUỐC GIA CƯ TRÚ

Tên tập đoàn đa quốc gia:														
Quốc gia	Các công ty là đối tượng cư trú ở nước sở tại	Quốc gia hoặc lãnh thổ đăng ký kinh doanh nếu khác với quốc gia hoặc lãnh thổ cư trú thuế	Các hoạt động kinh doanh											
			Nghiên cứu và phát triển	Nắm giữ hoặc quản lý tài sản trí tuệ	Mua hàng	Chế tạo hoặc sản xuất	Bán hàng, tiếp thị hoặc phân phối	Điều hành, quản lý và các dịch vụ hỗ trợ	Cung cấp dịch vụ cho các bên không liên quan	Tài chính nội bộ tập đoàn	Các dịch vụ tài chính theo quy định	Bảo hiểm	Nắm giữ cổ phần hoặc các công cụ vốn khác	Công ty không hoạt động	Khác
			☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	

MỤC I: TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG PHÂN BỔ THU NHẬP, THUẾ VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO QUỐC GIA CƯ TRÚ

- UD cho phép thêm dòng (F5) và xóa dòng (F6)
- Các chỉ tiêu NSD tự nhập:
  + Quốc gia: cho phép chọn trong danh mục quốc gia
  + Doanh thu "Bên độc lập", "Bên liên kết": Nhập số >= 0
  + Lợi nhuận trước thuế, Lợi nhuận lũy kế: Nhập âm dương, tối đa 15 ký tự
  + Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp, Thuế thu nhập đã nộp, Vốn đăng ký, Số lượng nhân viên, Tài sản hữu hình ngoại trừ tiền và các khoản tương đương tiền: Nhập >=0, tối đa 15 ký tự
- Các chi tiêu UD hỗ trợ tự động tính:
  + Doanh thu "Tổng" = bên độc lập + bên liên kết

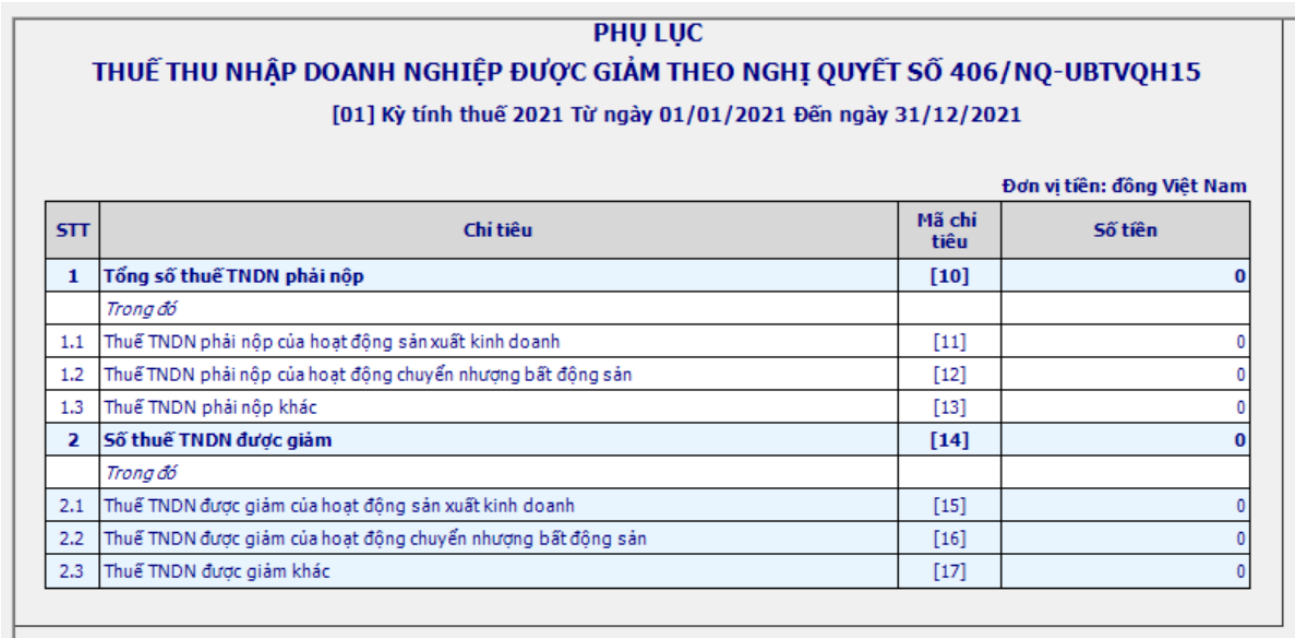
MỤC II: DANH MỤC CÁC CÔNG TY CON CỦA TẬP ĐOÀN THEO QUỐC GIA CƯ TRÚ

- UD cho phép thêm dòng (F5) và xóa dòng (F6)
- Cho phép check chọn nhiều hoạt động kinh doanh
- Nhập chi tiết:
  + Quốc gia: cho phép chọn trong danh mục
  + Các công ty là đối tượng cư trú ở nước sở tại: Nhập text, tối đa 200 ký tự
  + Quốc gia hoặc lãnh thổ đăng ký kinh doanh nếu khác với quốc gia hoặc lãnh thổ cư trú thuế: cho phép chọn trong danh mục
  + Các hoạt động kinh doanh: cho phép check chọn nhiều hoạt động kinh doanh dưới đây:
    - Nghiên cứu và phát triển
    - Nắm giữ hoặc quản lý tài sản trí tuệ
    - Mua hàng: checkbox
    - Chế tạo hoặc sản xuất

- Bán hàng, tiếp thị hoặc phân phối
- Điều hành, quản lý và các dịch vụ hỗ trợ
- Cung cấp dịch vụ cho các bên không liên quan
- Tài chính nội bộ tập đoàn
- Các dịch vụ tài chính theo quy định
- Bảo hiểm: checkbox
- Nắm giữ cổ phần hoặc các công cụ vốn khác
- Công ty không hoạt động

+ Khác: Nhập text, tối đa 200 ký tự

3.4.3.1.21 Phụ lục thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Nghị Quyết số 406/NQ-UBTVQH15



PHỤ LỤC

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐƯỢC GIẢM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 406/NQ-UBTVQH15

[01] Kỳ tính thuế 2021 Từ ngày 01/01/2021 Đến ngày 31/12/2021

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
1	**Tổng số thuế TNDN phải nộp**	**[10]**	**0**
	Trong đó		
1.1	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	[11]	0
1.2	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng bất động sản	[12]	0
1.3	Thuế TNDN phải nộp khác	[13]	0
2	**Số thuế TNDN được giảm**	**[14]**	**0**
	Trong đó		
2.1	Thuế TNDN được giảm của hoạt động sản xuất kinh doanh	[15]	0
2.2	Thuế TNDN được giảm của hoạt động chuyển nhượng bất động sản	[16]	0
2.3	Thuế TNDN được giảm khác	[17]	0

- Ứng dụng cho phép đính kèm phụ lục này đối với kỳ tính thuế = 2021
- Nếu số tháng Quyết toán <= 12 tháng: Kiểm tra chỉ tiêu [04] trên 03-1A - chỉ tiêu [06] trên 03-1A + chỉ tiêu [04] trên 03-1B + chỉ tiêu [20] trên 03-1C >200 tỷ thì không cho phép kê khai phụ lục giảm thuế theo NĐ 92, báo đỏ "NNT có doanh thu > 200 tỷ không thuộc đối tượng giảm thuế"
- Nếu số tháng Quyết toán > 12 tháng: Kiểm tra (Chỉ tiêu [04] trên 03-1A - chỉ tiêu [06] trên 03-1A + chỉ tiêu [04] trên 03-1B + chỉ tiêu [20] trên 03-1C)/số tháng quyết toán *12 >200 tỷ thì không cho phép kê khai phụ lục giảm thuế theo NĐ 92, báo đỏ "NNT có doanh thu > 200 tỷ không thuộc đối tượng giảm thuế"
- Các chỉ tiêu cho phép nhập:

+ Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất, kinh doanh [11]: Nhập số nguyên >=0

+ Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng bất động sản [12]: Nhập số nguyên >=0

+ Thuế TNDN phải nộp khác [13]: Nhập số nguyên >=0

- Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tự động tính, không cho sửa:

+ Tổng số thuế TNDN phải nộp [10] = [11] + [12] + [13]

+ Số thuế TNDN được giảm [14] = [15]+[16]+[17]

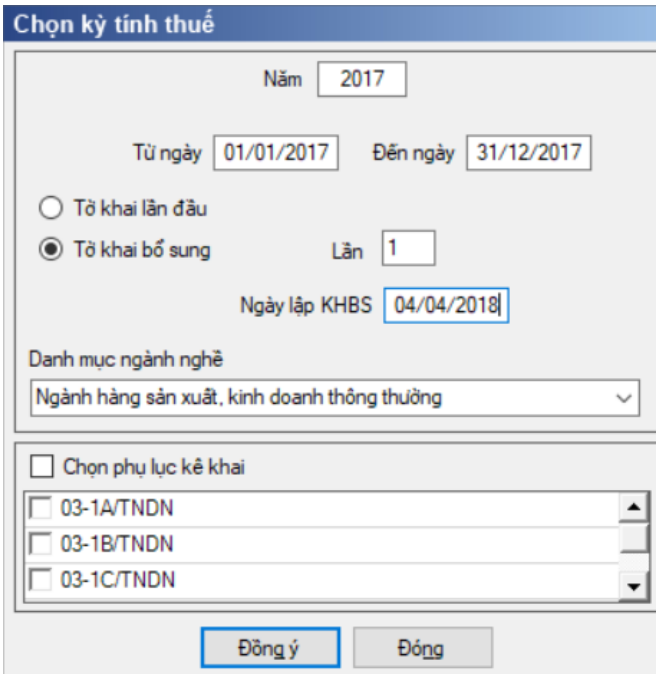
+ Thuế TNDN được giảm của hoạt động sản xuất, kinh doanh [15] = chỉ tiêu [11] *30%

+ Thuế TNDN được giảm của hoạt động chuyển nhượng bất động sản [16] = chỉ tiêu [12] *30%

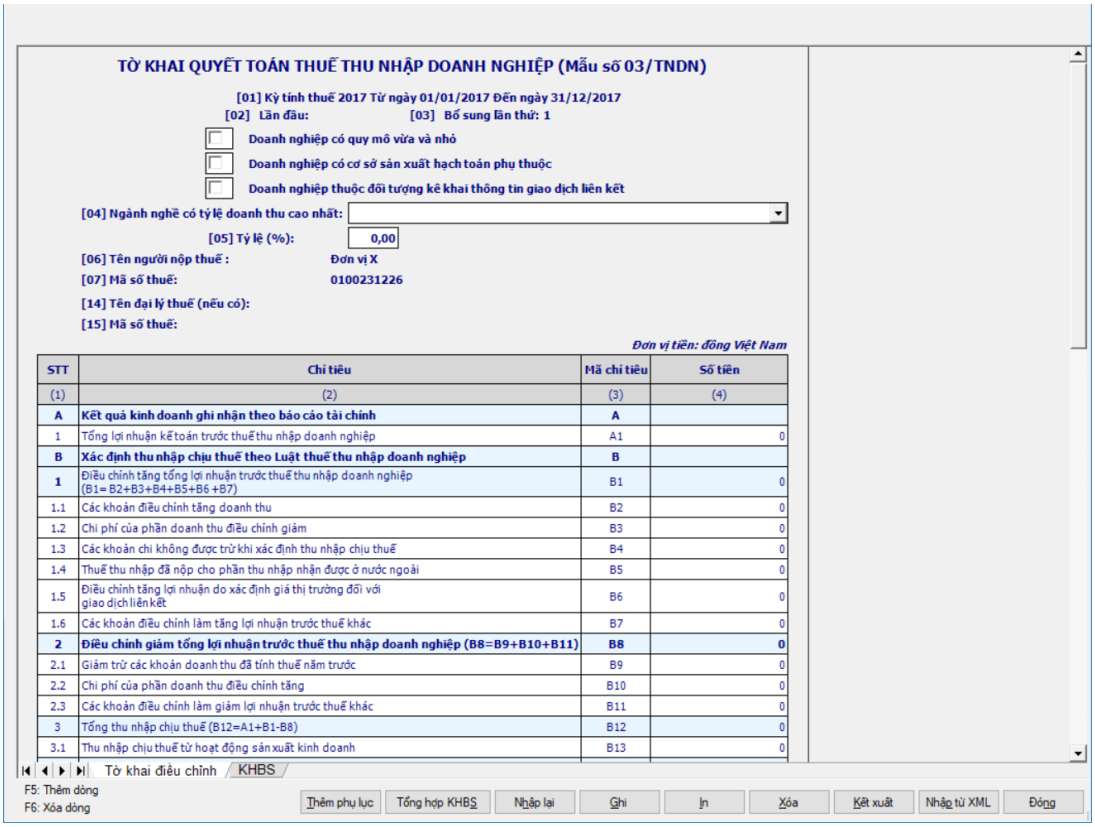
+ Thuế TNDN được giảm khác [17] = [13] *30%

3.4.3.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.



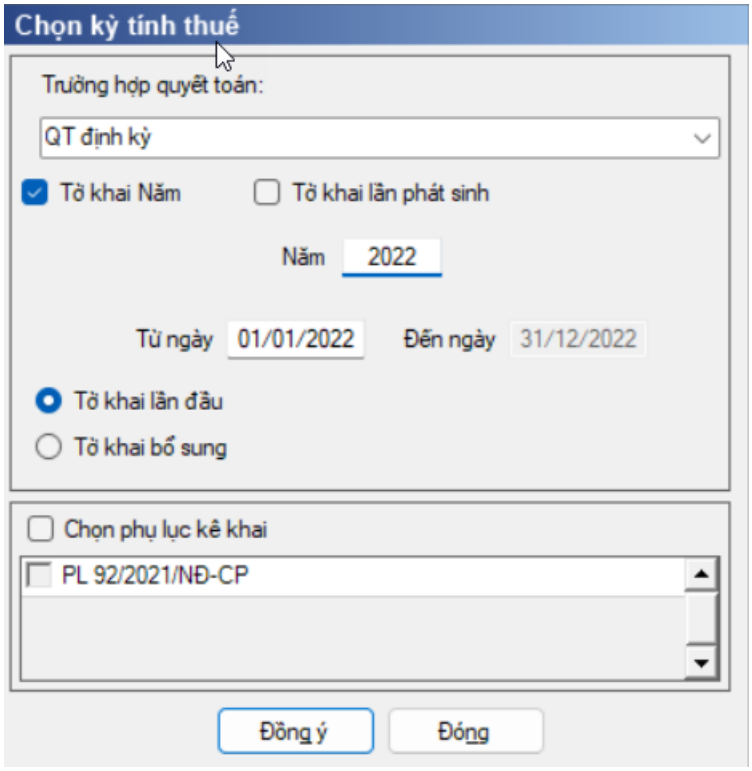
- Việc kê khai tờ khai bổ sung của mẫu 03/TNDN tương tự như tờ 01/GTGT



3.4.4 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp - 04/TNDN đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp" chọn "TK thuế thu nhập doanh nghiệp (04/TNDN)(TT80/2021)" khi đó màn hình "Chọn kỳ tính thuế" sẽ hiển thị như sau:



- Trường hợp quyết toán: Chọn 1 trong các trường hợp quyết toán
  + QT định kỳ (Mã 01)
  + Tổ chức lại doanh nghiệp (mã 02)
  + Chuyển đổi loại hình (đối với trường hợp CPH DNNN) (mã 03)
  + Chuyển đổi kỳ tài chính (mã 04)
  + Giải thể, phá sản (mã 05)
  + Chấm dứt hoạt động (mã 06)
- Nhập kỳ tính thuế: Cho phép NNT nhập kỳ tính thuế theo năm

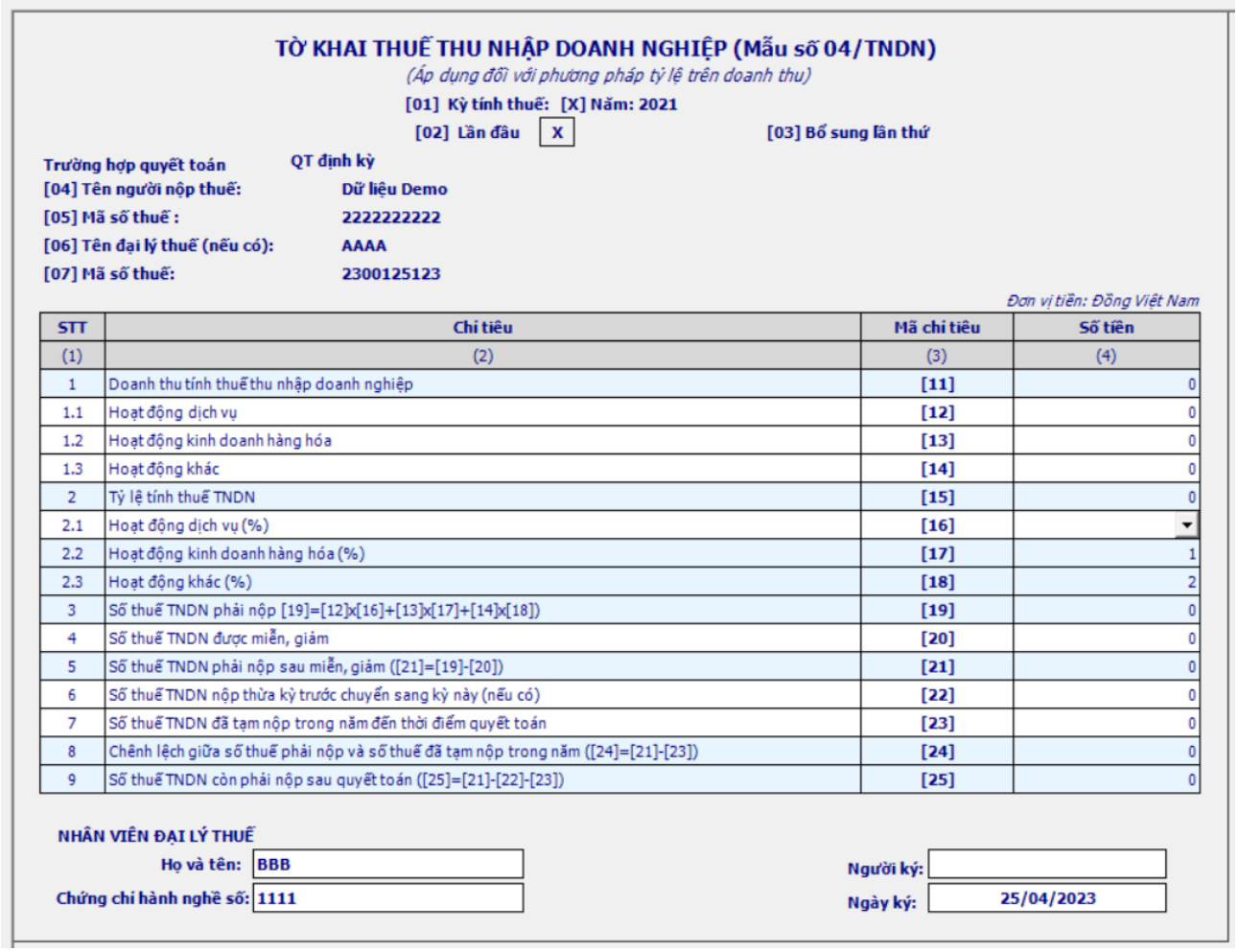
  + Kỳ tính thuế theo năm: Mặc định năm hiện tại -1, cho phép sửa nhưng không được lớn hơn năm hiện tại.

  + Kỳ quyết toán từ … Kỳ quyết toán đến: Kỳ quyết toán từ mặc định là ngày bắt đầu năm tài chính của năm quyết toán. Kỳ quyết toán đến mặc định là ngày kết thúc năm tài chính của năm quyết toán. NSD có thể thay đổi thông tin về kỳ quyết toán theo nguyên tắc sau:
    - Cho phép sửa Kỳ quyết toán đến trừ trường hợp "QT định kỳ"
    - Kỳ quyết toán từ hoặc kỳ quyết toán đến phải thuộc Kỳ tính thuế
    - Khoảng cách từ ngày và đến ngày không vượt quá 15 tháng.
    - Trường năm phải lớn hơn năm 2021.
    - Kiểm tra Kỳ quyết toán từ … Kỳ quyết toán đến không được lớn hơn kỳ tính thuế có ngày hiện tại
    - Không giao ngày với Kỳ quyết toán từ/ đến của TK quyết toán kỳ trước
- Chọn trạng thái tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung), sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp mẫu 04/TNDN
- Hạn nộp tờ khai:

+ Nếu trường hợp quyết toán là "QT định kỳ" hoặc " Chuyển đổi kỳ tài chính" thì Hạn nộp là Ngày cuối cùng của Quý sau Tháng quyết toán đến, dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ.

+ Nếu trường hợp quyết toán khác "QT định kỳ" và 'Chuyển đổi kỳ tài chính" thì Hạn nộp là (Kỳ quyết toán đến + 45 ngày – 1), dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ.

3.4.4.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu



TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Mẫu số 04/TNDN)

(Áp dụng đối với phương pháp tỷ lệ trên doanh thu)

[01] Kỳ tính thuế: [X] Năm: 2021

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ

Trường hợp quyết toán: QT định kỳ

[04] Tên người nộp thuế: Dữ liệu Demo

[05] Mã số thuế : 2222222222

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): AAAA

[07] Mã số thuế: 2300125123

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp	[11]	0
1.1	Hoạt động dịch vụ	[12]	0
1.2	Hoạt động kinh doanh hàng hóa	[13]	0
1.3	Hoạt động khác	[14]	0
2	Tỷ lệ tính thuế TNDN	[15]	0
2.1	Hoạt động dịch vụ (%)	[16]	
2.2	Hoạt động kinh doanh hàng hóa (%)	[17]	1
2.3	Hoạt động khác (%)	[18]	2
3	Số thuế TNDN phải nộp [19]=[12]x[16]+[13]x[17]+[14]x[18])	[19]	0
4	Số thuế TNDN được miễn, giảm	[20]	0
5	Số thuế TNDN phải nộp sau miễn, giảm ([21]=[19]-[20])	[21]	0
6	Số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này (nếu có)	[22]	0
7	Số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm đến thời điểm quyết toán	[23]	0
8	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm ([24]=[21]-[23])	[24]	0
9	Số thuế TNDN còn phải nộp sau quyết toán ([25]=[21]-[22]-[23])	[25]	0

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: BBB

Chứng chỉ hành nghề số: 1111

Người ký:

Ngày ký: 25/04/2023

- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:

+ Chỉ tiêu [12], [13], [14]: Nhập dạng số không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số

+ Chỉ tiêu [16]: Cho chọn trong danh mục 2% hoặc 5%

+ Chỉ tiêu [17]: mặc định là 1%

+ Chỉ tiêu [18]: mặc định là 2%

+ Chỉ tiêu [20]: Nhập giá trị >=0, tối đa 13 chữ số. Chỉ tiêu [20] <=[19]. Nếu có đính kèm PL NĐ 92 thì chỉ tiêu [20] = chỉ tiêu [14] trên PL NĐ 92

+ Chỉ tiêu [22], [23]: Khóa không kê khai chỉ tiêu này đối với tờ khai lần phát sinh, Đối với tờ khai năm cho nhập số >=0

- Các chỉ tiêu tính toán:

+ Chỉ tiêu [11] = [12]+[13]+[14].

+ Chỉ tiêu [19] = [12]x[16] + [13]x [17] + [14] x [18]

+ Chỉ tiêu [21] = [19]-[20]

+ Chỉ tiêu [24]: Khóa không kê khai chỉ tiêu này đối với tờ khai lần phát sinh, đối với tờ khai năm: UD tính theo công thức ([24]=[21]-[23]), có thể âm.

+ Chỉ tiêu [25]: Khóa không kê khai chỉ tiêu này đối với tờ khai lần phát sinh, đối với tờ khai năm: UD tính theo công thức ([25]=[21]-[22]-[23]), có thể âm.

3.4.4.1.1 Phụ lục thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Nghị Quyết số 406/NQ-UBTVQH15

- Ứng dụng cho phép đính kèm phụ lục này đối với kỳ tính thuế = 2021
- Kiểm tra: Chỉ tiêu [14] "Số thuế TNDN được giảm" trên phụ lục = chỉ tiêu [20] "Số thuế TNDN được miễn, giảm" trên tờ khai. Cảnh báo vàng nếu không thỏa mãn
- Nếu số tháng Quyết toán <= 12 tháng: Kiểm tra Tổng (chỉ tiêu [12] Doanh thu tính thuế TNDN đối với hoạt động dịch vụ + chỉ tiêu [13] Doanh thu tính thuế TNDN đối với hoạt động kinh doanh hàng hóa) trên TK 04/TNDN >200 tỷ thì không cho phép kê khai phụ lục giảm thuế theo Luật số 38/2019/QH14, báo đỏ "NNT có doanh thu > 200 tỷ không thuộc đối tượng giảm thuế"
- Nếu số tháng Quyết toán > 12 tháng: Kiểm tra [Tổng chỉ tiêu [12] Doanh thu tính thuế TNDN đối với hoạt động dịch vụ + chỉ tiêu [13] Doanh thu tính thuế TNDN đối với hoạt động kinh doanh hàng hóa trên tờ khai/số tháng] * 12 >200 tỷ thì không cho phép kê khai phụ lục giảm thuế theo Luật số 38/2019/QH14, báo đỏ "NNT có doanh thu > 200 tỷ không thuộc đối tượng giảm thuế"
- Các chỉ tiêu cho phép nhập:

+ Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất, kinh doanh [11]: Nhập số nguyên >=0

+ Thuế TNDN phải nộp khác [13]: Nhập số nguyên >=0

- Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tự động tính, không cho sửa:

+ Tổng số thuế TNDN phải nộp [10] = [11] + [12] + [13] trên tờ khai 04/TNDN

+ Số thuế TNDN được giảm [14] = [15]+[16]+[17]

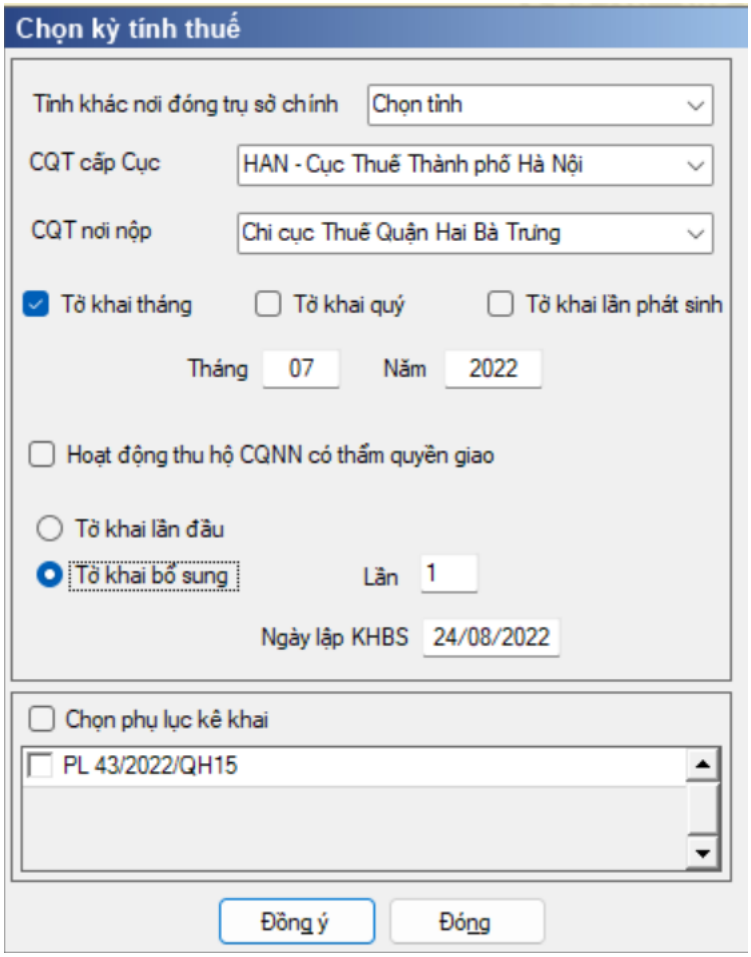
+ Thuế TNDN được giảm của hoạt động sản xuất, kinh doanh [15] = chỉ tiêu [11] *30%

+ Thuế TNDN được giảm của hoạt động chuyển nhượng bất động sản [16] = chỉ tiêu [12] *30%

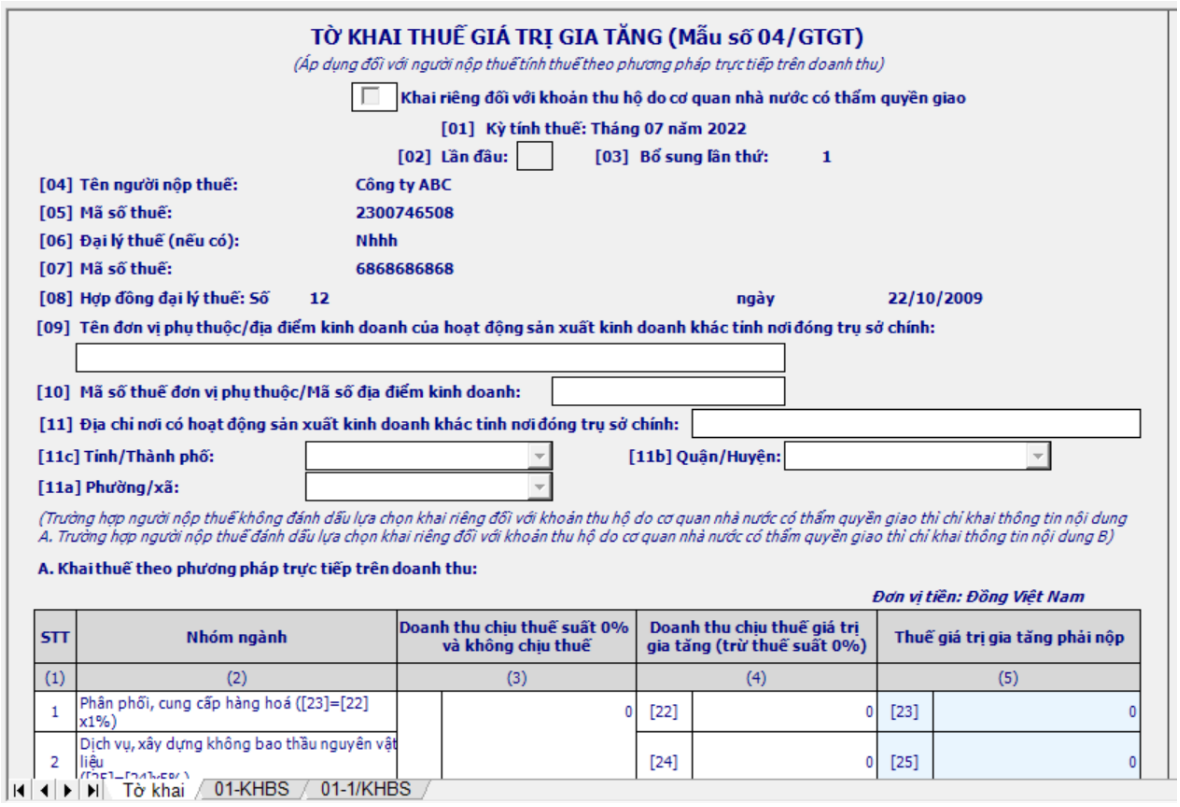
+ Thuế TNDN được giảm khác [17] = [13] *30%

3.4.4.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.



- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS" như sau:



TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 04/GTGT)

(Áp dụng đối với người nộp thuế tính thuế theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu)

Khai riêng đối với khoản thu hộ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[06] Đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[07] Mã số thuế: 6868686868

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số 12 ngày 22/10/2009

[09] Tên đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

[10] Mã số thuế đơn vị phụ thuộc/Mã số địa điểm kinh doanh:

[11] Địa chỉ nơi có hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

[11c] Tỉnh/Thành phố: [11b] Quận/Huyện:

[11a] Phường/xã:

(Trường hợp người nộp thuế không đánh dấu lựa chọn khai riêng đối với khoản thu hộ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thì chỉ khai thông tin nội dung A. Trường hợp người nộp thuế đánh dấu lựa chọn khai riêng đối với khoản thu hộ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thì chỉ khai thông tin nội dung B)

A. Khai thuế theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Nhóm ngành	Doanh thu chịu thuế suất 0% và không chịu thuế		Doanh thu chịu thuế giá trị gia tăng (trừ thuế suất 0%)		Thuế giá trị gia tăng phải nộp	
(1)	(2)	(3)		(4)		(5)	
1	Phân phối, cung cấp hàng hoá ([23]=[22] x1%)		0	[22]	0	[23]	0
2	Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu			[24]	0	[25]	0

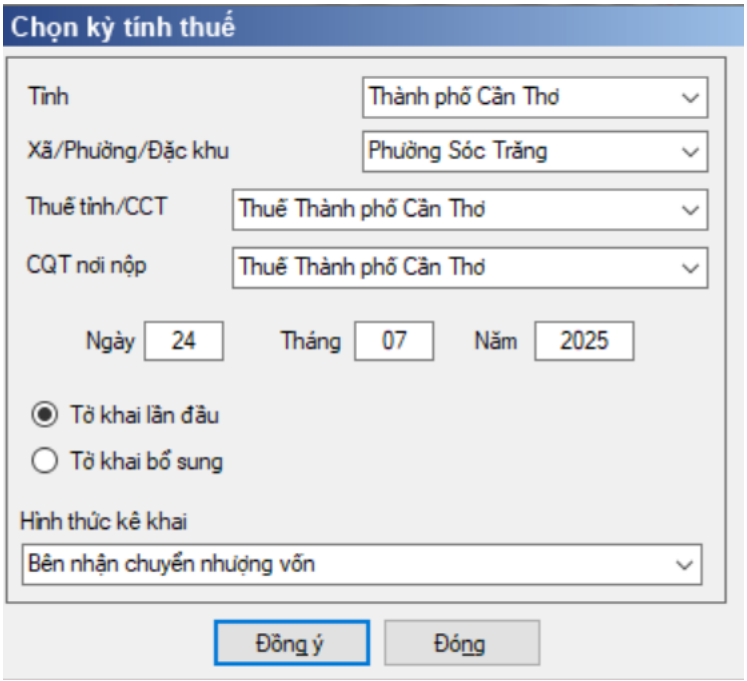
Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Ứng dụng sẽ lấy dữ liệu của Tờ khai gần nhất trong cùng kỳ tính thuế làm dữ liệu mặc định trên Tờ khai điều chỉnh (Nếu là tờ khai bổ sung lần 1 thì lấy dữ liệu của tờ khai lần đầu, nếu là tờ khai bổ sung lần n thì lấy dữ liệu lần bổ sung n-1). NNT sẽ kê khai bổ sung điều chỉnh trực tiếp trên Tờ khai điều chỉnh, kê khai như tờ khai thay thế, sau đó ứng dụng sẽ tự động lấy các chỉ tiêu điều chỉnh liên quan đến số thuế phải nộp lên KHBS, NNT không kê khai trên KHBS.

3.4.5 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho thu nhập từ chuyển nhượng vốn - 05/TNDN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

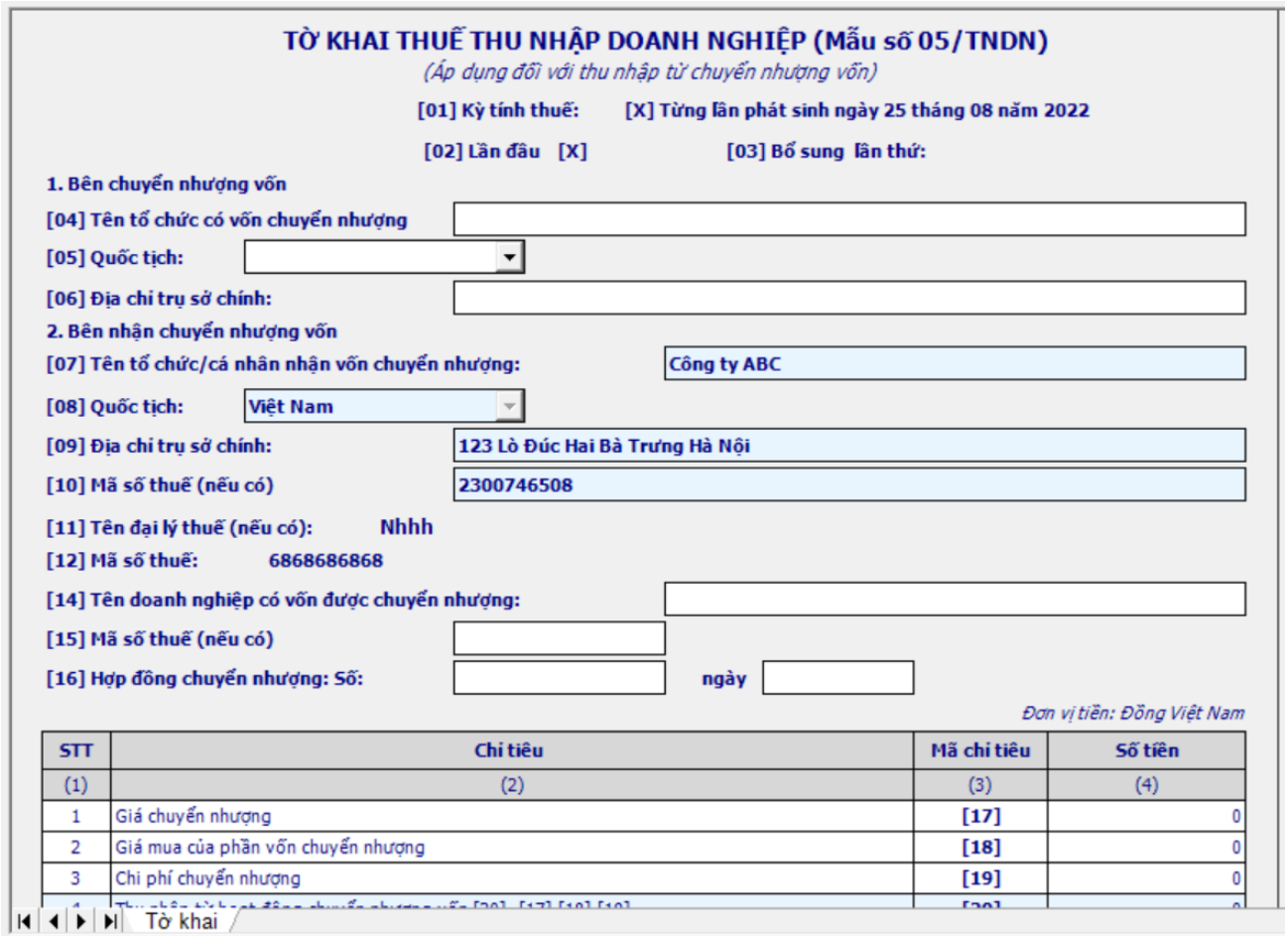
Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp" chọn "TK thuế thu nhập doanh nghiệp (05/TNDN)(TT80/2021)" khi đó màn hình "Chọn kỳ tính thuế" sẽ hiển thị như sau:



3.4.5.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu như kỳ tính thuế, trạng thái tờ khai, loại tờ khai. Sau đó nhấn nút "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp mẫu 05/TNDN.



TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Mẫu số 05/TNDN)

(Áp dụng đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn)

[01] Kỳ tính thuế: [X] Từng lần phát sinh ngày 25 tháng 08 năm 2022

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ:

1. Bên chuyển nhượng vốn

[04] Tên tổ chức có vốn chuyển nhượng

[05] Quốc tịch:

[06] Địa chỉ trụ sở chính:

2. Bên nhận chuyển nhượng vốn

[07] Tên tổ chức/cá nhân nhận vốn chuyển nhượng: Công ty ABC

[08] Quốc tịch: Việt Nam

[09] Địa chỉ trụ sở chính: 123 Lò Đúc Hai Bà Trưng Hà Nội

[10] Mã số thuế (nếu có) 2300746508

[11] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[12] Mã số thuế: 6868686868

[14] Tên doanh nghiệp có vốn được chuyển nhượng:

[15] Mã số thuế (nếu có)

[16] Hợp đồng chuyển nhượng: Số: ngày

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Giá chuyển nhượng	[17]	0
2	Giá mua của phần vốn chuyển nhượng	[18]	0
3	Chi phí chuyển nhượng	[19]	0

Tờ khai

– ***Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:***

+ Chỉ tiêu [17], [18], [19]: Nhập dạng số không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số

+ Chỉ tiêu [21]: mặc định là 20%

+ Chỉ tiêu [23]: NNT nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, 0 <= [23] <= [22]

– ***Các chỉ tiêu tính toán:***

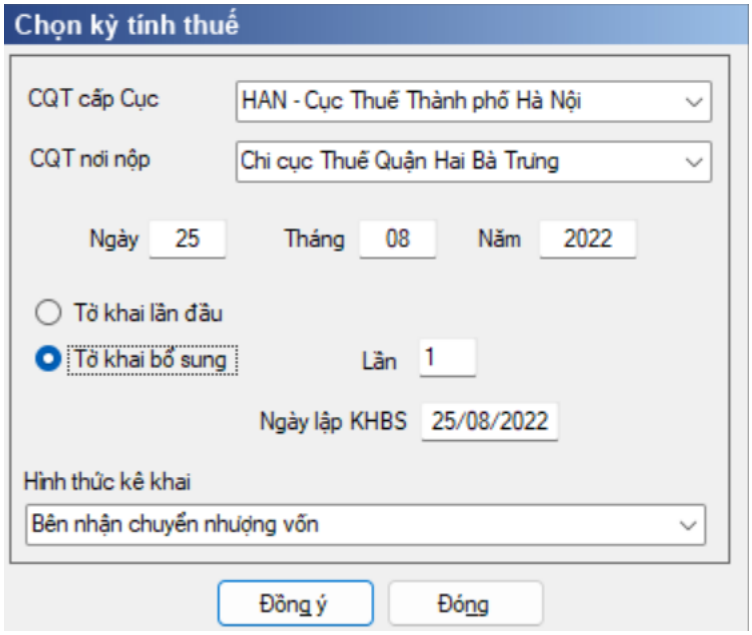
+ Chỉ tiêu [20] = [17]-[18]-[19], có thể âm, không cho sửa

+ Chỉ tiêu [22] = [20]x[21], có giá trị nếu [20] >= 0, nếu [20] < 0 thì [22] = 0, không cho sửa

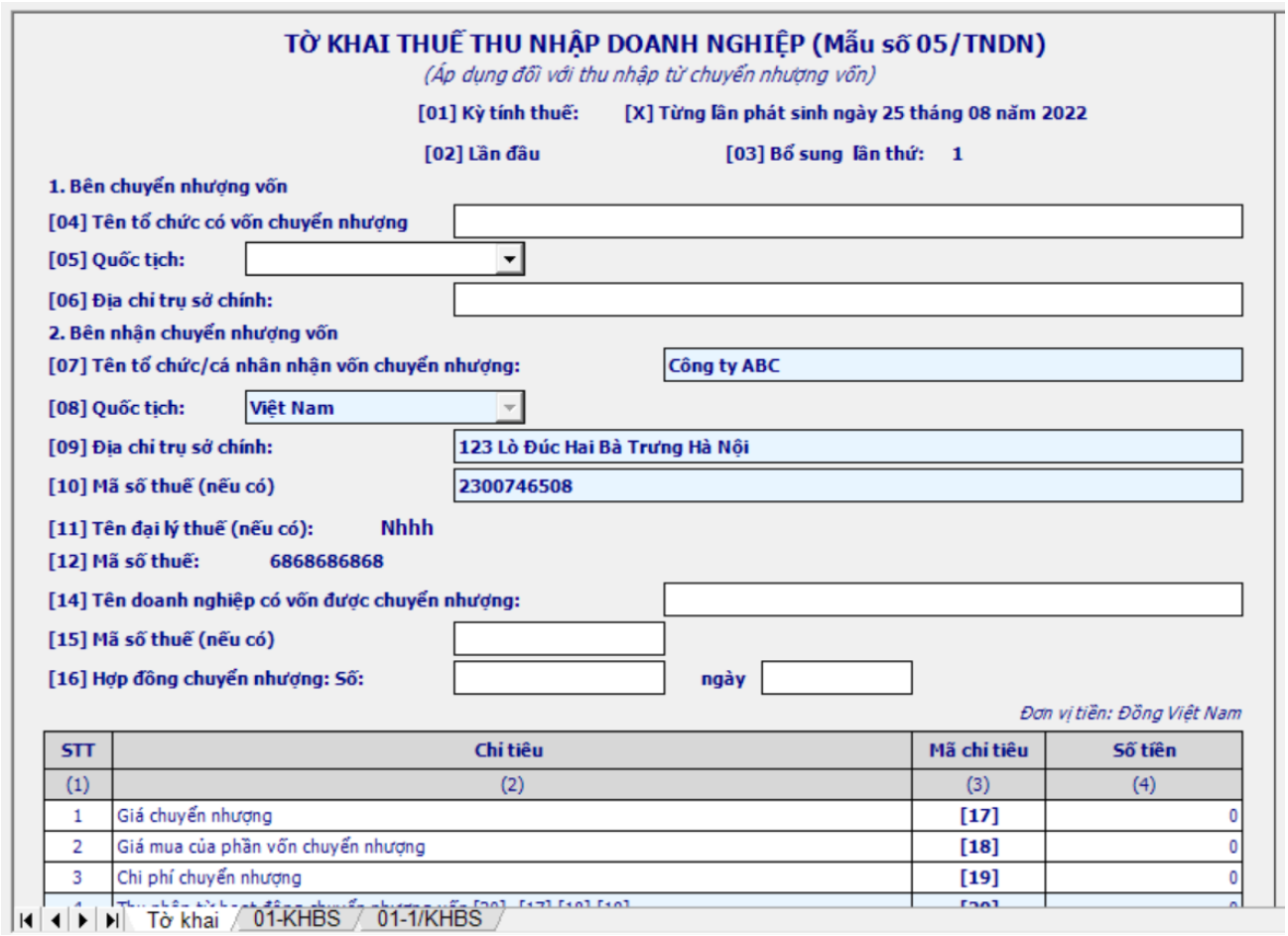
+ Chỉ tiêu [24] = [22]-[23], không cho sửa

3.4.5.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.



- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS" như sau:



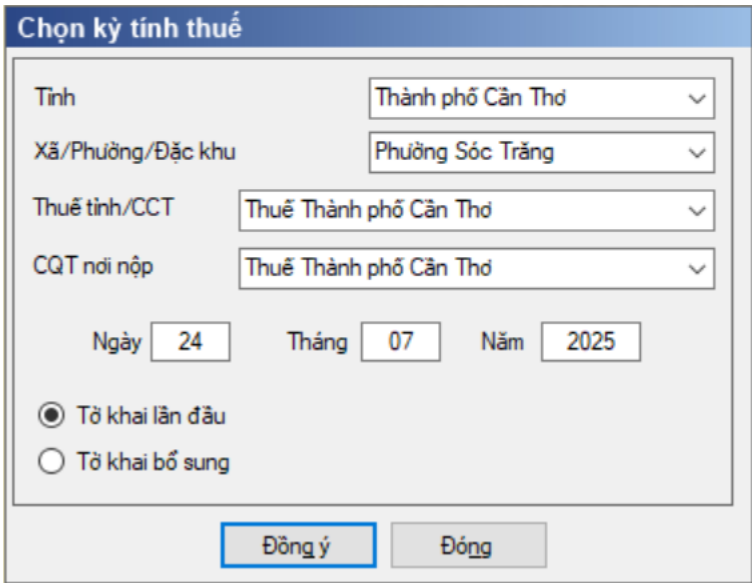
- Ứng dụng sẽ lấy dữ liệu của Tờ khai gần nhất trong cùng kỳ tính thuế làm dữ liệu mặc định trên Tờ khai điều chỉnh (Nếu là tờ khai bổ sung lần 1 thì lấy dữ liệu của tờ khai lần đầu, nếu là tờ khai bổ sung lần n thì lấy dữ liệu lần bổ sung n-1). NNT sẽ kê khai bổ sung điều chỉnh trực tiếp trên Tờ khai điều chỉnh, kê khai như tờ khai thay thế,

sau đó ứng dụng sẽ tự động lấy các chỉ tiêu điều chỉnh liên quan đến số thuế phải nộp lên KHBS, NNT không kê khai trên KHBS.

3.4.6 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp - 06/TNDN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

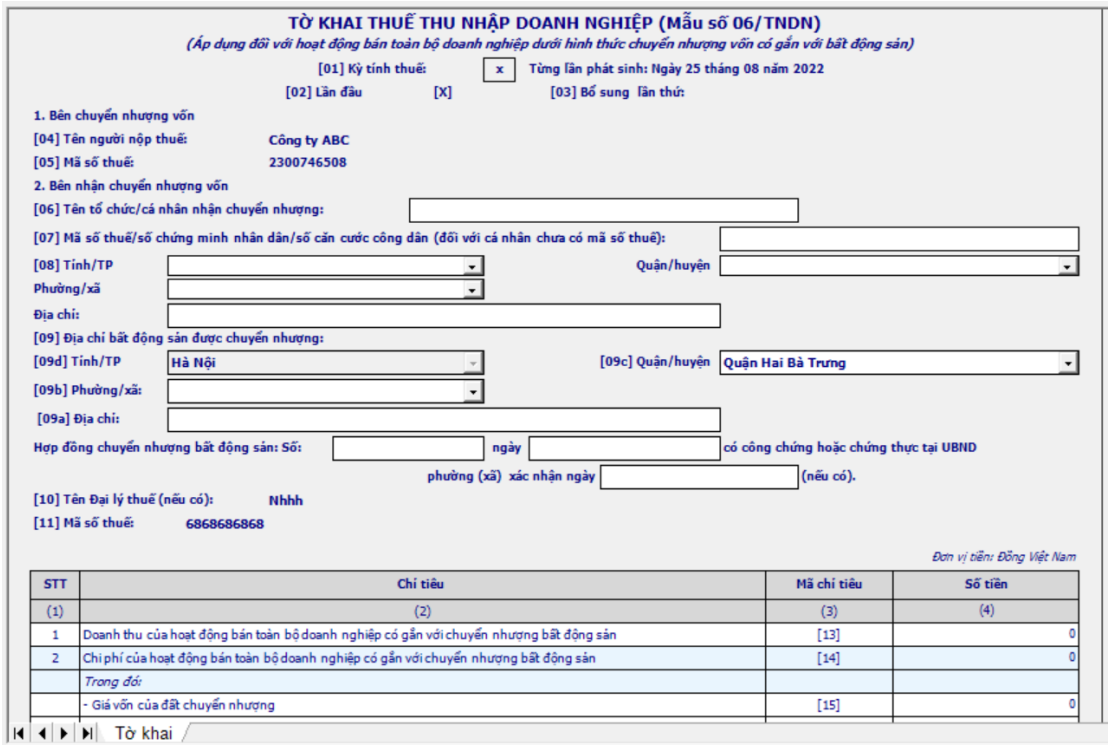
Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp" chọn "TK thuế thu nhập doanh nghiệp (06/TNDN) (TT80/2021)" khi đó màn hình "Chọn kỳ tính thuế" sẽ hiển thị như sau:



3.4.6.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu như kỳ tính thuế, trạng thái tờ khai, loại tờ khai. Sau đó nhấn nút "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp mẫu 06/TNDN.



TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Mẫu số 06/TNDN)

(Áp dụng đối với hoạt động bán toàn bộ doanh nghiệp dưới hình thức chuyển nhượng vốn có gắn với bất động sản)

[01] Kỳ tính thuế: [x] Từng lần phát sinh: Ngày 25 tháng 08 năm 2022

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ:

1. Bên chuyển nhượng vốn

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

2. Bên nhận chuyển nhượng vốn

[06] Tên tổ chức/cá nhân nhận chuyển nhượng:

[07] Mã số thuế/số chứng minh nhân dân/số căn cước công dân (đối với cá nhân chưa có mã số thuế):

[08] Tỉnh/TP Quận/huyện

Phường/xã

Địa chỉ:

[09] Địa chỉ bất động sản được chuyển nhượng:

[09d] Tỉnh/TP Hà Nội [09c] Quận/huyện Quận Hai Bà Trưng

[09b] Phường/xã:

[09a] Địa chỉ:

Hợp đồng chuyển nhượng bất động sản: Số: ngày có công chứng hoặc chứng thực tại UBND phường (xã) xác nhận ngày (nếu có).

[10] Tên Đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[11] Mã số thuế: 6868686868

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Doanh thu của hoạt động bán toàn bộ doanh nghiệp có gắn với chuyển nhượng bất động sản	[13]	0
2	Chi phí của hoạt động bán toàn bộ doanh nghiệp có gắn với chuyển nhượng bất động sản	[14]	0
	Trong đó:		
	- Giá vốn của đất chuyển nhượng	[15]	0

Tờ khai

- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:

+ Chỉ tiêu [13], [15], [16], [17], [18], [19], [20]: NNT nhập số, không âm, mặc định là 0

+ Chỉ tiêu [22]: khóa không cho nhập

+ Chỉ tiêu [23]: mặc định [23] = [21], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [24]: mặc định là 20%, không cho sửa

- Các chỉ tiêu tính toán:

+ Chỉ tiêu [14] = [15] + [16] + [17] + [18] + [19] + [20]

+ Chỉ tiêu [21]= [13] - [14] , có thể âm, không cho sửa

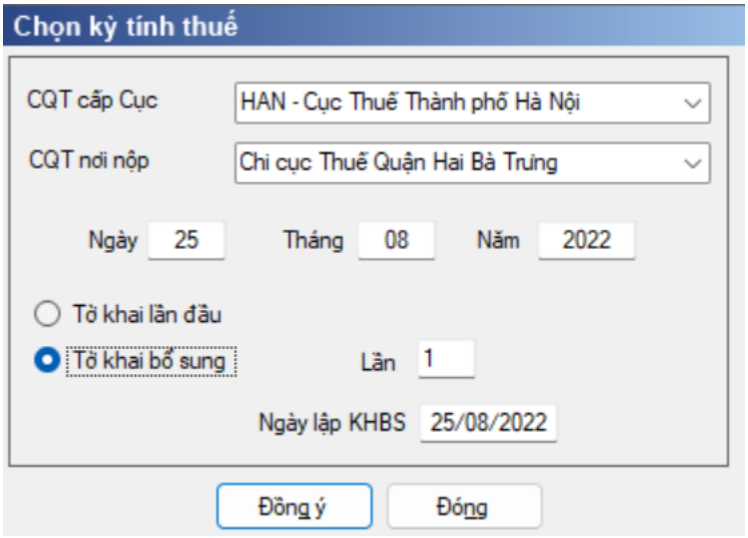
+ Chỉ tiêu [25]= [23] x [24], nếu [25] < 0 thì set = 0, không cho sửa

3.4.6.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

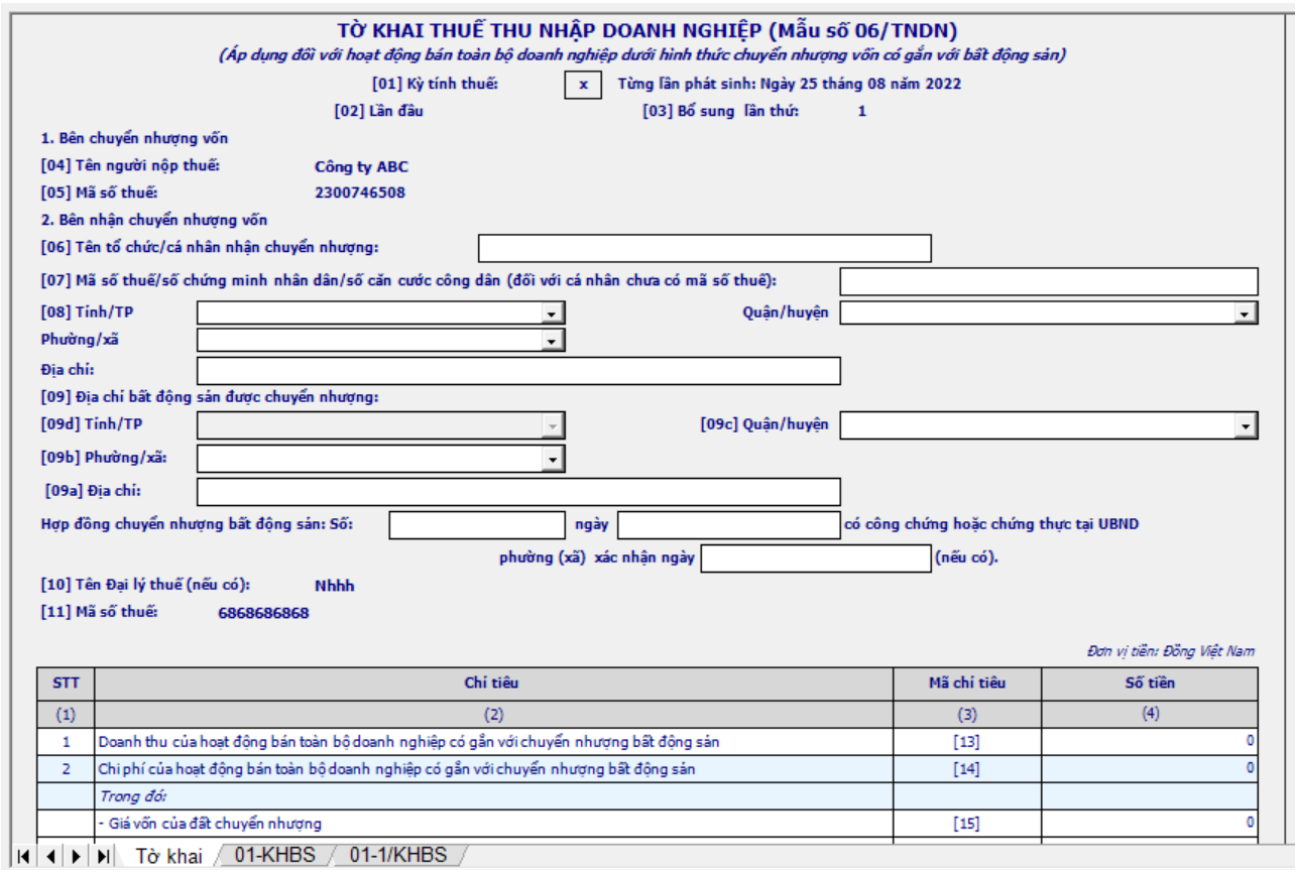
- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.

- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.

- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.



- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS" như sau:



TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Mẫu số 06/TNDN)

(Áp dụng đối với hoạt động bán toàn bộ doanh nghiệp dưới hình thức chuyển nhượng vốn có gắn với bất động sản)

[01] Kỳ tính thuế: [x] Từng lần phát sinh: Ngày 25 tháng 08 năm 2022

[02] Lần đầu [03] Bổ sung lần thứ: 1

1. Bên chuyển nhượng vốn

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

2. Bên nhận chuyển nhượng vốn

[06] Tên tổ chức/cá nhân nhận chuyển nhượng:

[07] Mã số thuế/số chứng minh nhân dân/số căn cước công dân (đối với cá nhân chưa có mã số thuế):

[08] Tỉnh/TP Quận/huyện

Phường/xã

Địa chỉ:

[09] Địa chỉ bất động sản được chuyển nhượng:

[09d] Tỉnh/TP [09c] Quận/huyện

[09b] Phường/xã:

[09a] Địa chỉ:

Hợp đồng chuyển nhượng bất động sản: Số: ngày có công chứng hoặc chứng thực tại UBND phường (xã) xác nhận ngày (nếu có).

[10] Tên Đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[11] Mã số thuế: 6868686868

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Doanh thu của hoạt động bán toàn bộ doanh nghiệp có gắn với chuyển nhượng bất động sản	[13]	0
2	Chi phí của hoạt động bán toàn bộ doanh nghiệp có gắn với chuyển nhượng bất động sản	[14]	0
	Trong đó:		
	- Giá vốn của đất chuyển nhượng	[15]	0

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

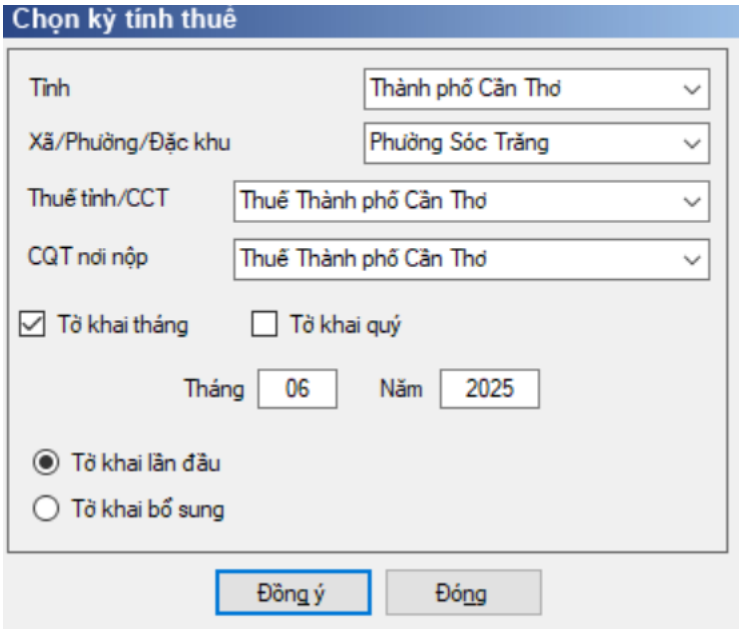
- Ứng dụng sẽ lấy dữ liệu của Tờ khai gần nhất trong cùng kỳ tính thuế làm dữ liệu mặc định trên Tờ khai điều chỉnh (Nếu là tờ khai bổ sung lần 1 thì lấy dữ liệu của tờ khai lần đầu, nếu là tờ khai bổ sung lần n thì lấy dữ liệu lần bổ sung n-1). NNT sẽ kê khai bổ sung điều chỉnh trực tiếp trên Tờ khai điều chỉnh, kê khai như tờ khai thay thế, sau đó ứng dụng sẽ tự động lấy các chỉ tiêu điều chỉnh liên quan đến số thuế phải nộp lên KHBS, NNT không kê khai trên KHBS.

3.5 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai thuế Thu nhập cá nhân

3.5.1 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân mẫu 02/KK-TNCN (đáp ứng thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế thu nhập cá nhân" chọn "02/KK-TNCN Tờ khai cho cá nhân khai trực tiếp (TT80/2021).



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:

+ Hiệu lực tờ khai: Tờ khai kỳ tính thuế tháng từ tháng 1/2022, tờ khai kỳ tính thuế quý từ quý 1/2022

+ Cơ quan thuế nộp tờ khai:

- Tờ khai NNT kê khai tổ chức trả thu nhập chỉ tiêu [13] => CQT nộp tờ khai là CQT quản lý trực tiếp của tổ chức trả thu nhập chỉ tiêu [13]
- Tờ khai NNT không kê khai tổ chức trả thu nhập chỉ tiêu [13] => CQT NNT cư trú (bao gồm cả văn phòng cục và Chi cục Thuế - cho phép NNT chọn CQT nộp tờ khai)

=> Ứng dụng HTKK không có thông tin kiểm tra CQT quản lý của chỉ tiêu [13] nên sẽ cho chọn CQT nộp tờ khai => Tờ khai vào TMS sẽ kiểm tra

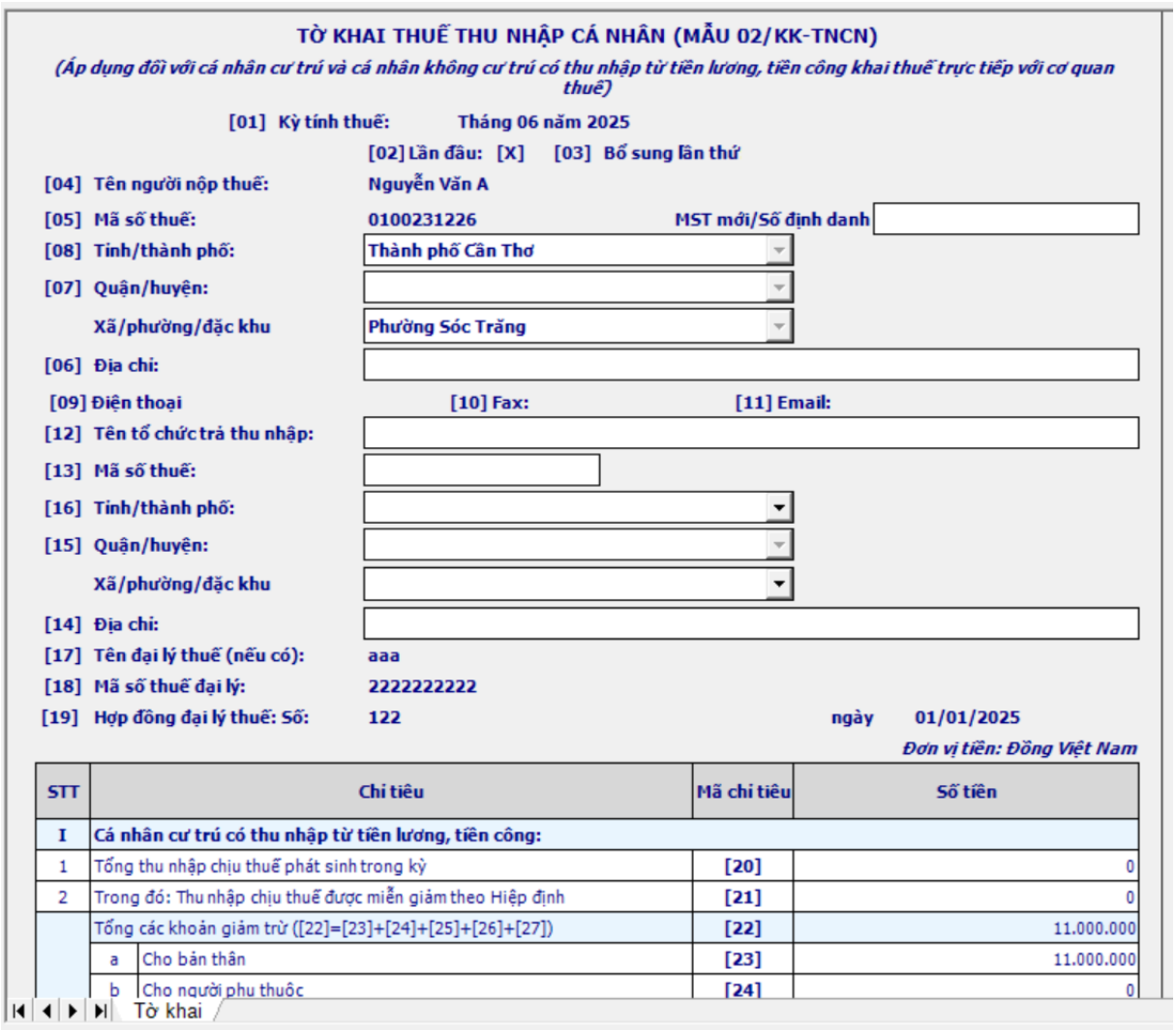
+ Hạn nộp tờ khai:

- Tờ khai tháng: Ngày 20 tháng tiếp theo, ngày lễ thì chuyển sang ngày tiếp theo
- Tờ khai quý: Ngày cuối cùng của tháng đầu quý sau, ngày lễ thì chuyển sang ngày tiếp theo

+ Các ứng dụng hỗ trợ kê khai đưa cảnh báo trong trường hợp NNT đang kê khai Quý sau đó chuyển sang kê khai kỳ tháng (tháng sau quý đã kê khai) hoặc ngược lại. Cảnh báo: "Kỳ kê khai khác kiểu kì kê khai của tờ khai gần nhất đã kê khai trong năm"

+ Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế 02/KK-TNCN như sau:

3.5.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu



TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (MẪU 02/KK-TNCN)

(Áp dụng đối với cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công khai thuế trực tiếp với cơ quan thuế)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 06 năm 2025

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ

[04] Tên người nộp thuế: Nguyễn Văn A

[05] Mã số thuế: 0100231226 MST mới/Số định danh

[08] Tỉnh/thành phố: Thành phố Cần Thơ

[07] Quận/huyện:

Xã/phường/đặc khu: Phường Sóc Trăng

[06] Địa chỉ:

[09] Điện thoại [10] Fax: [11] Email:

[12] Tên tổ chức trả thu nhập:

[13] Mã số thuế:

[16] Tỉnh/thành phố:

[15] Quận/huyện:

Xã/phường/đặc khu:

[14] Địa chỉ:

[17] Tên đại lý thuế (nếu có): aaa

[18] Mã số thuế đại lý: 2222222222

[19] Hợp đồng đại lý thuế: Số: 122 ngày 01/01/2025

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
I	Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công:		
1	Tổng thu nhập chịu thuế phát sinh trong kỳ	[20]	0
2	Trong đó: Thu nhập chịu thuế được miễn giảm theo Hiệp định	[21]	0
	Tổng các khoản giảm trừ ([22]=[23]+[24]+[25]+[26]+[27])	[22]	11.000.000
	a Cho bản thân	[23]	11.000.000
	b Cho người phụ thuộc	[24]	0

Tờ khai

Chi tiết các chỉ tiêu như sau:

- MST mới/số định danh:

+ Nếu cá nhân là người Việt Nam thì bắt buộc nhập mã định danh 12 số

+ Nếu cá nhân là người nước ngoài thì nhập MST 10, 13 số (nhập MST đăng nhập hệ thống)

- I. Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công:

+ Chỉ tiêu [20]: Cho phép nhập số không âm, mặc định là 0, tối đa 13 chữ số

+ Chỉ tiêu [21]: Cho phép nhập số không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số, không lớn hơn chỉ tiêu [20]

+ Chỉ tiêu [22]] = [23] + [24] + [25] + [26] + [27], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [23] = 11.000.000* [Đến tháng – Từ tháng + 1], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [24]: Cho phép nhập số không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số, Từ Kỳ tính thuế quý 03/2020: Kiểm tra số nhập là bội của 4.400.000

+ Chỉ tiêu [25], [26], [27]: Cho phép nhập số không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số

+ Chỉ tiêu [28] = [20]-[21]-[22] nếu [20]-[21]-[22] >=0, [28] = 0 nếu [20]-[21]-[22] < 0, không cho sửa

+ Chỉ tiêu [29] = (([28]/[Đến tháng – Từ tháng +1]) * thuế suất lũy tiến theo tháng) * [Đến tháng – Từ tháng +1], không cho sửa

- II. Cá nhân không cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công:

+ Chỉ tiêu [30]: Cho phép nhập số không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số

+ Chỉ tiêu [31]: không cho sửa, mặc định là 20%

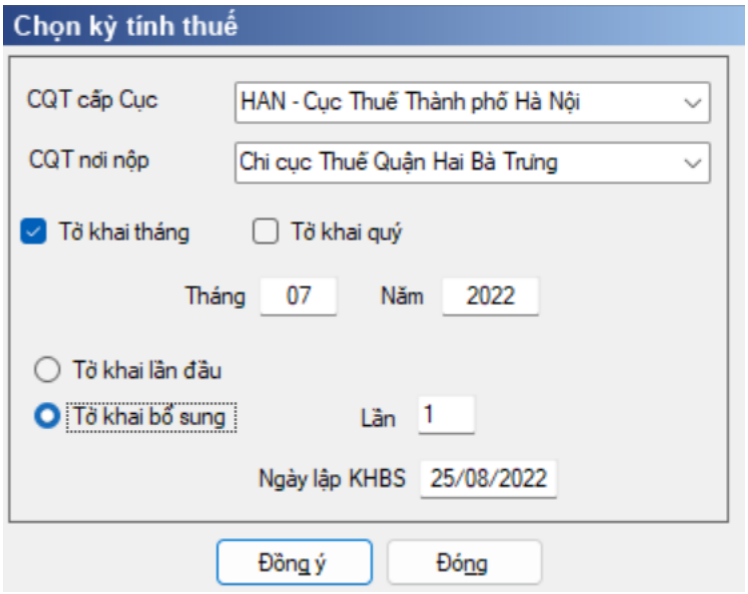
+ Chỉ tiêu [32] = [30]x[31], không cho sửa

3.5.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

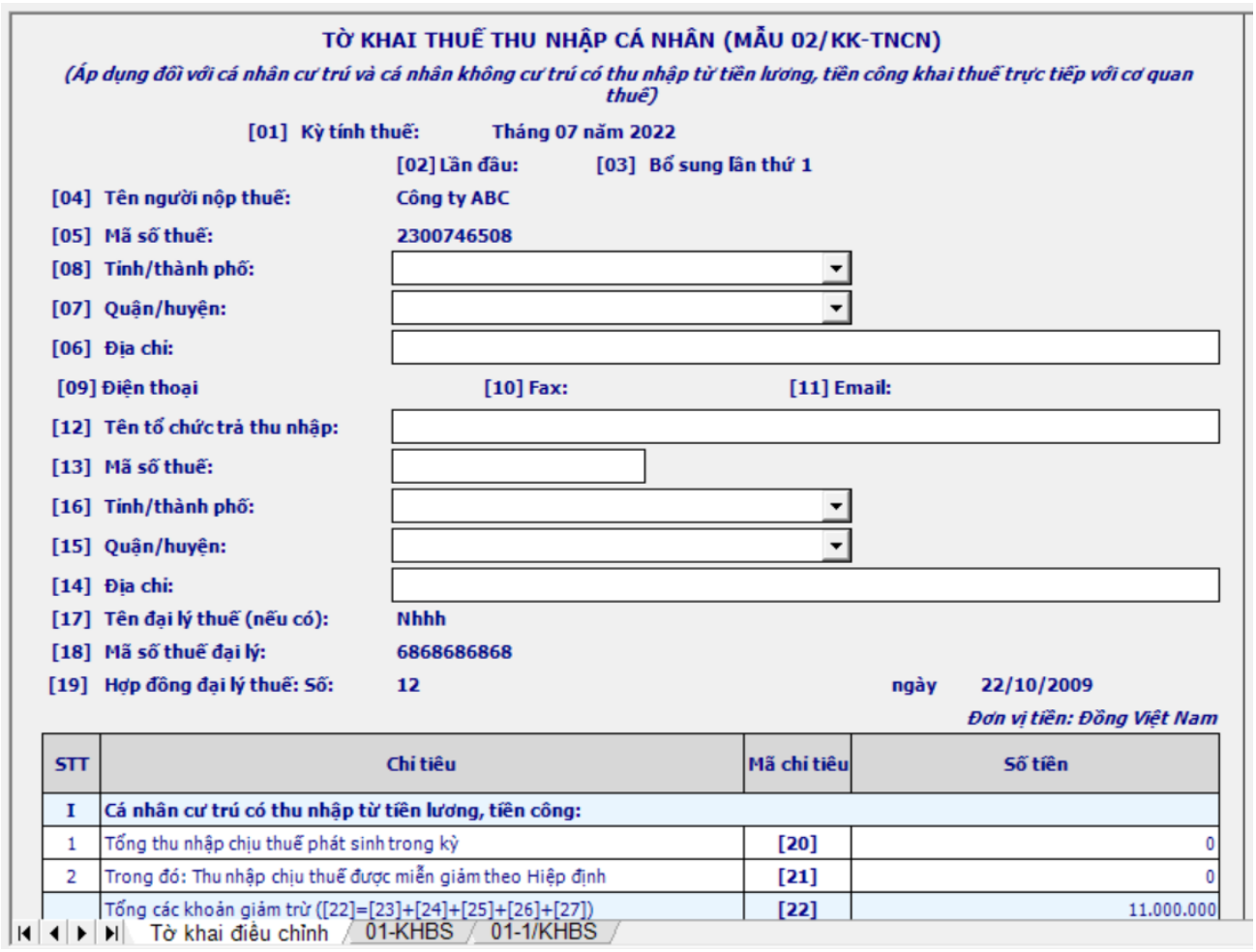
- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.

- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.

- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.



- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS" như sau:



TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (MẪU 02/KK-TNCN)

(Áp dụng đối với cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công khai thuế trực tiếp với cơ quan thuế)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ 1

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[08] Tỉnh/thành phố:

[07] Quận/huyện:

[06] Địa chỉ:

[09] Điện thoại [10] Fax: [11] Email:

[12] Tên tổ chức trả thu nhập:

[13] Mã số thuế:

[16] Tỉnh/thành phố:

[15] Quận/huyện:

[14] Địa chỉ:

[17] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[18] Mã số thuế đại lý: 6868686868

[19] Hợp đồng đại lý thuế: Số: 12 ngày 22/10/2009

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
I	Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công:		
1	Tổng thu nhập chịu thuế phát sinh trong kỳ	[20]	0
2	Trong đó: Thu nhập chịu thuế được miễn giảm theo Hiệp định	[21]	0
	Tổng các khoản giảm trừ ([22]=[23]+[24]+[25]+[26]+[27])	[22]	11.000.000

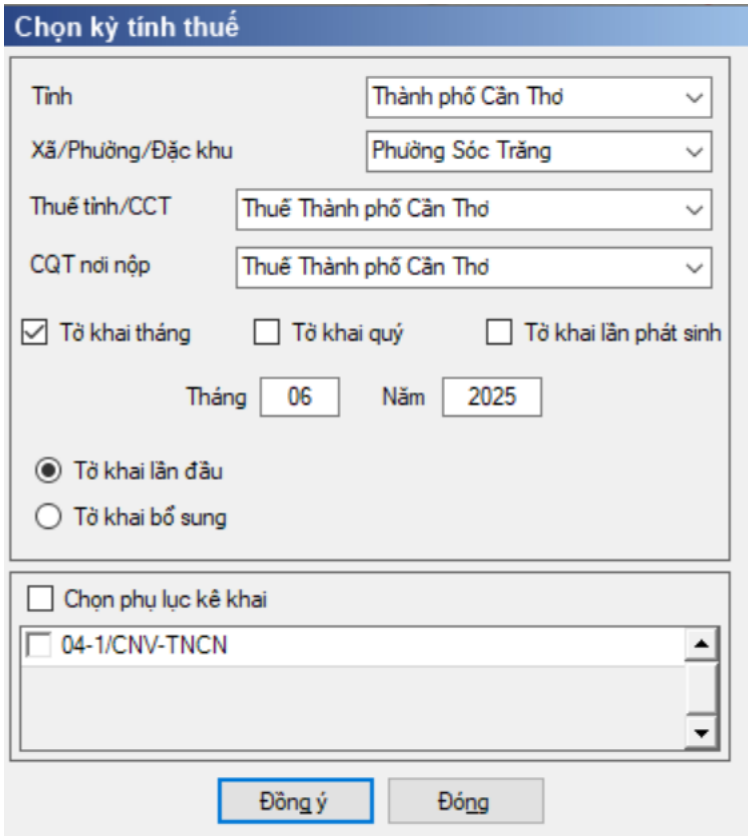
Tờ khai điều chỉnh | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Ứng dụng sẽ lấy dữ liệu của Tờ khai gần nhất trong cùng kỳ tính thuế làm dữ liệu mặc định trên Tờ khai điều chỉnh (Nếu là tờ khai bổ sung lần 1 thì lấy dữ liệu của tờ khai lần đầu, nếu là tờ khai bổ sung lần n thì lấy dữ liệu lần bổ sung n-1). NNT sẽ kê khai bổ sung điều chỉnh trực tiếp trên Tờ khai điều chỉnh, kê khai như tờ khai thay thế, sau đó ứng dụng sẽ tự động lấy các chỉ tiêu điều chỉnh liên quan đến số thuế phải nộp lên KHBS, NNT không kê khai trên KHBS.

3.5.2 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (04/CNV-TNCN) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế thu nhập cá nhân" chọn "04/CNV-TNCN Tờ khai cho cá nhân chuyển nhượng vốn (TT80/2021).



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:

+ Hiệu lực tờ khai: Tờ khai lần phát sinh từ ngày 01/01/2022, tờ khai kỳ tính thuế tháng từ tháng 01/2022, tờ khai kỳ tính thuế quý từ quý 1/2022

+ Cơ quan thuế nộp tờ khai:

- Ứng dụng HTKK cho phép chọn CQT nộp tờ khai (Tờ khai vào TMS sẽ kiểm tra CQT nộp tờ khai CQT quản lý của MST tổ chức phát hành – MST kê khai tại chỉ tiêu [30])
- Chọn Tỉnh, Xã/phường/đặc khu sau đó lựa chọn CQT tương ứng với Xã/phường/đặc khu

+ Điều kiện nhập tờ khai:

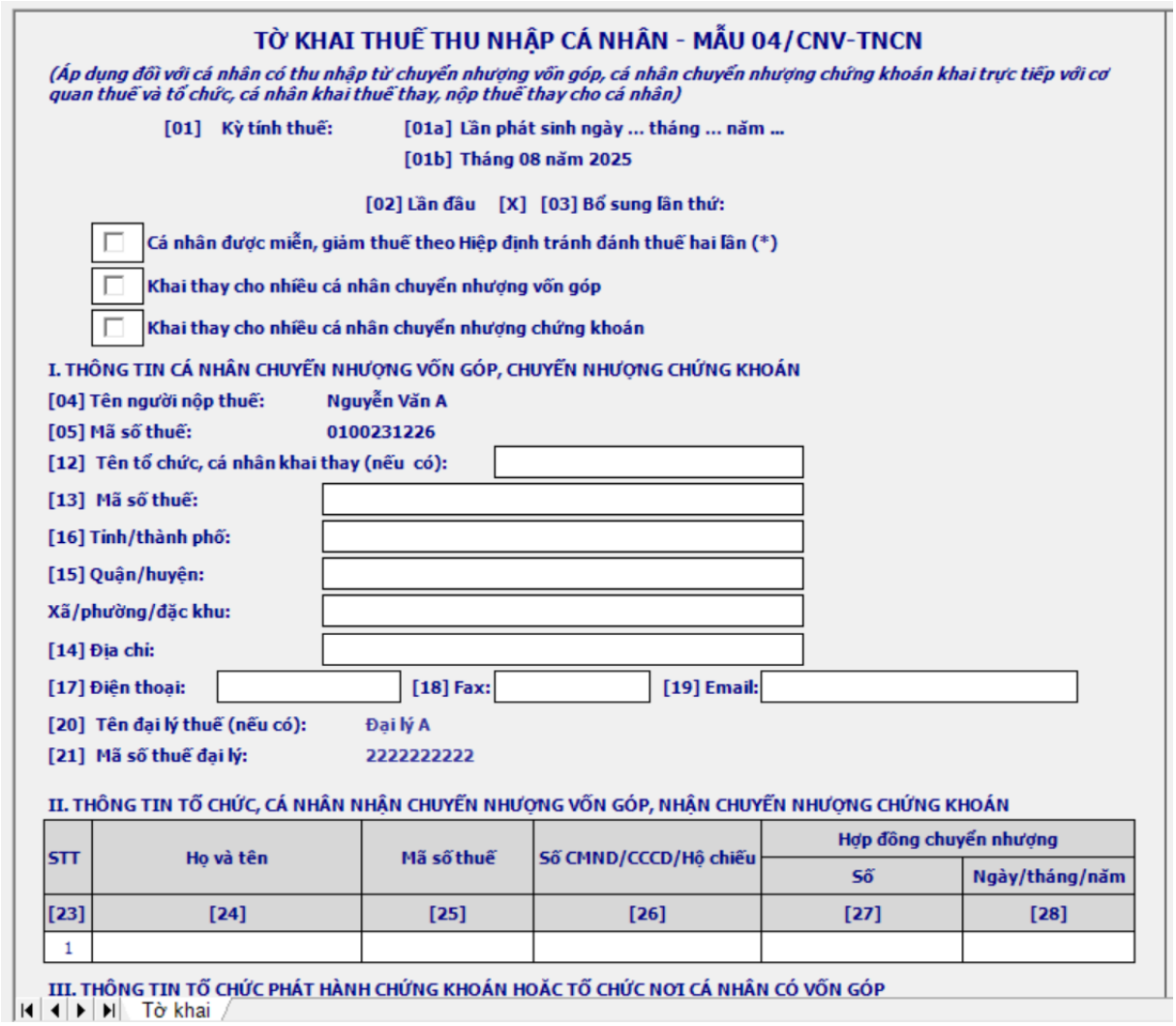
- Cá nhân kê khai trực tiếp: khai theo lần phát sinh
- Khai thay cho 1 cá nhân: khai theo lần phát sinh
- MST khai thay cho nhiều NNT: khai theo tháng/quý/lần phát sinh

+ Hạn nộp tờ khai:

- Tờ khai lần phát sinh: 10 ngày kể từ ngày phát sinh, ngày lễ thì chuyển sang ngày tiếp theo
- Tờ khai tháng: ngày thứ 20 của tháng tiếp theo
- Tờ khai quý: ngày cuối cùng tháng đầu tiên của quý tiếp theo

- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế 04/CNV-TNCN như sau:

3.5.2.1 Trường hợp tờ khai lần đầu



TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN - MẪU 04/CNV-TNCN

(Áp dụng đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, cá nhân chuyển nhượng chứng khoán khai trực tiếp với cơ quan thuế và tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân)

[01] Kỳ tính thuế: [01a] Lần phát sinh ngày ... tháng ... năm ...

[01b] Tháng 08 năm 2025

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ:

☐ Cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (*)

☐ Khai thay cho nhiều cá nhân chuyển nhượng vốn góp

☐ Khai thay cho nhiều cá nhân chuyển nhượng chứng khoán

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN GÓP, CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG KHOÁN

[04] Tên người nộp thuế: Nguyễn Văn A

[05] Mã số thuế: 0100231226

[12] Tên tổ chức, cá nhân khai thay (nếu có):

[13] Mã số thuế:

[16] Tỉnh/thành phố:

[15] Quận/huyện:

Xã/phường/đặc khu:

[14] Địa chỉ:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Tên đại lý thuế (nếu có): Đại lý A

[21] Mã số thuế đại lý: 2222222222

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN GÓP, NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG KHOÁN

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu	Hợp đồng chuyển nhượng	
				Số	Ngày/tháng/năm
[23]	[24]	[25]	[26]	[27]	[28]
1					

III. THÔNG TIN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN HOẶC TỔ CHỨC NƠI CÁ NHÂN CÓ VỐN GÓP

Tờ khai

Chi tiết các chỉ tiêu như sau:

- Cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (*): Cho phép tích chọn/ bỏ tích chọn
- Khai thay cho nhiều cá nhân chuyển nhượng vốn góp/ Khai thay cho nhiều cá nhân chuyển nhượng chứng khoán:

+ Cho phép tích chọn, chỉ cho phép khai 1 trong 2 loại khai thay cho nhiều cá nhân chuyển nhượng vốn hoặc chuyển nhượng chứng khoán

+ Nếu khai theo kỳ tháng/quý thì bắt buộc tích chọn "Khai thay cho nhiều cá nhân chuyển nhượng vốn góp" hoặc "Khai thay cho nhiều cá nhân chuyển nhượng chứng khoán"

- I. Thông tin cá nhân chuyển nhượng vốn góp, chuyển nhượng chứng khoán

+ **TH1: Cá nhân trực tiếp kê khai, khai thay cho 1 cá nhân:** Không tích chọn "Khai thay cho nhiều cá nhân chuyển nhượng vốn góp", "Khai thay cho nhiều cá nhân chuyển nhượng chứng khoán" thì mục I như sau:

- [04] -> [11]: Hiển thị theo thông tin NNT đăng nhập hệ thống
- [12] Tên tổ chức, cá nhân khai thay (nếu có): Cho phép nhập định dạng ký tự

- [13] Mã số thuế: Cho phép nhập, kiểm tra đúng cấu trúc MST
- [14] Địa chỉ: Cho phép nhập định dạng ký tự
- Xã/phường/đặc khu: Cho phép nhập định dạng ký tự
- [15] Quận/huyện: Cho phép nhập định dạng ký tự
- [16] Tỉnh/Thành phố: Cho phép nhập định dạng ký tự
- [17] Điện thoại: Cho phép nhập định dạng ký tự
- [18] Fax: Cho phép nhập định dạng ký tự
- [19] Email: Cho phép nhập định dạng ký tự
- [20] -> [22]: Hiển thị theo thông tin NNT đăng nhập hệ thống

+ **TH2: Khai thay cho nhiều cá nhân:** Tích chọn "Khai thay cho nhiều cá nhân chuyển nhượng vốn góp" hoặc "Khai thay cho nhiều cá nhân chuyển nhượng chứng khoán" thì mục I như sau:

- [04] -> [11]: Khóa không cho nhập
- [12] -> [22]: Hiển thị theo thông tin NNT đăng nhập hệ thống

- **II: Thông tin tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng vốn góp, nhận chuyển nhượng chứng khoán:** Nếu tích chọn "Khai thay cho nhiều cá nhân chuyển nhượng vốn góp" hoặc "Khai thay cho nhiều cá nhân chuyển nhượng chứng khoán" thì khóa không cho nhập mục này

+ [24] Họ và tên: Nhập họ tên của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng vốn góp, nhận chuyển nhượng chứng khoán

+ [25] Mã số thuế: Nhập MST của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng vốn góp, nhận chuyển nhượng chứng khoán, bắt buộc nhập [25] hoặc [26]

+ [26] Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu: Nhập Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu, bắt buộc nhập [25] hoặc [26]

+ [27] Hợp đồng chuyển nhượng: Số: Nhập kiểu ký tự

+ [28] Hợp đồng chuyển nhượng: Ngày/tháng/năm: Nhập theo đúng định dạng dd/mm/yyyy

- III: Thông tin tổ chức phát hành chứng khoán hoặc tổ chức nơi cá nhân có vốn góp

+ [29] Tên tổ chức phát hành: Bắt buộc nhập kiểu ký tự

+ [30] Mã số thuế: Bắt buộc nhập đúng MST. Trong trường hợp MST khai thay nhiều cá nhân, bắt buộc chỉ tiêu MST khai thay chỉ tiêu [13] = MST tổ chức phát hành chỉ tiêu [30]

+ [31] Địa chỉ: Không cho nhập. TMS lấy thông tin địa chỉ trụ sở của MST tổ chức phát hành tương ứng

+ Xã/phường/đặc khu: Không cho nhập. TMS lấy thông tin địa chỉ trụ sở của MST tổ chức phát hành tương ứng

+ [32] Quận/huyện: Không cho nhập. TMS lấy thông tin địa chỉ trụ sở của MST tổ chức phát hành tương ứng

+ [33] Tỉnh/thành phố: Không cho nhập. TMS lấy thông tin địa chỉ trụ sở của MST tổ chức phát hành tương ứng

+ [34] Điện thoại: Cho phép nhập kiểu ký tự

+ [35] Fax: Cho phép nhập kiểu ký tự
+ [36] Email: Cho phép nhập kiểu ký tự

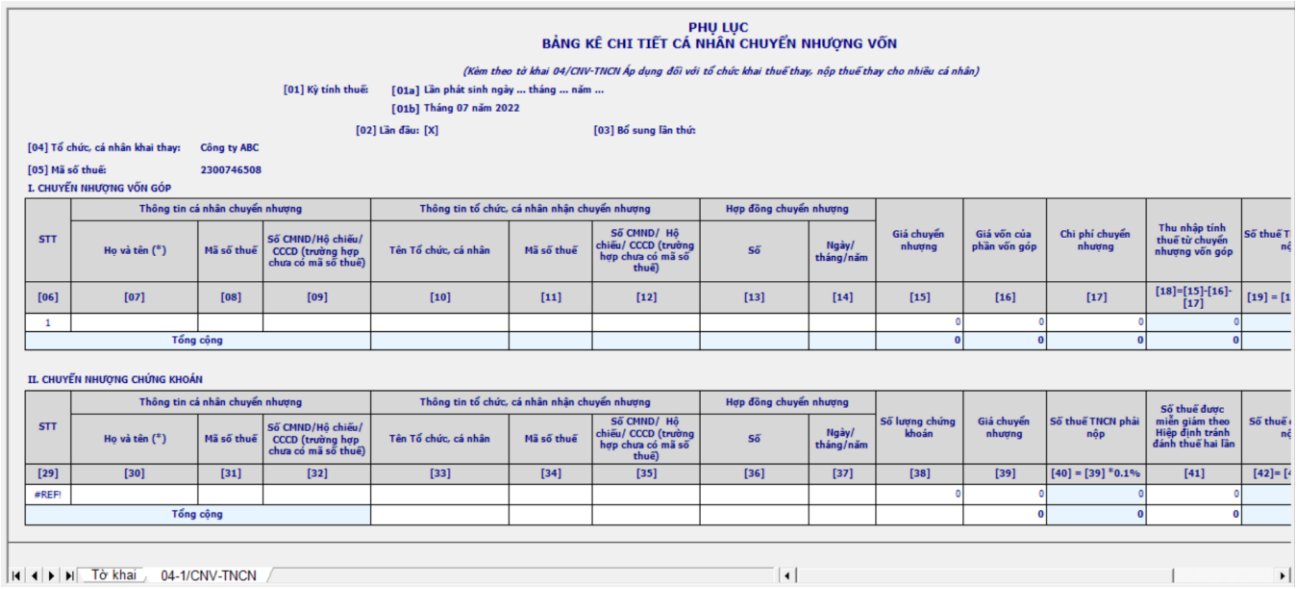
- IV: Chi tiết tính thuế: Mục I. Thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp

+ Chỉ tiêu [37], [38], [39]: Cho phép nhập số không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số
+ Chỉ tiêu [40]= [37]-[38]-[39] nếu [37]-[38]-[39] >0, ngược lại [40] =0
+ Chỉ tiêu [41]= [40] *20%, kiểm tra phải = tổng [19] trên PL, sai khác cảnh báo đỏ, cho phép sửa
+ Chỉ tiêu [42]: Nhập giá trị >=0, tối đa 13 chữ số, không được lớn hơn chỉ tiêu [41]. Chỉ cho phép kê khai nếu có tích "Cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần".
+ Chỉ tiêu [43]= [41] – [42], không cho sửa

- IV: Chi tiết tính thuế: Mục II. Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

+ Chỉ tiêu [44]: Cho phép nhập số không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số
+ Chỉ tiêu [45] = [44] * 0.1%, cho phép sửa, kiểm tra phải = tổng [40] trên PL, sai khác cảnh báo đỏ
+ Chỉ tiêu [46]: Cho phép nhập số >=0, tối đa 13 chữ số, không được lớn hơn chỉ tiêu [45]. Chỉ cho phép kê khai nếu có tích "Cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần".
+ Chỉ tiêu [47] = [45]-[46], không cho sửa

3.5.2.1.1 Bảng kê 04-1/CNV-TNCN: Bảng kê chi tiết cá nhân chuyển nhượng vốn



PHỤ LỤC
BẢNG KÊ CHI TIẾT CÁ NHÂN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

(Kèm theo tờ khai 04/CNV-TNCN Áp dụng đối với tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho nhiều cá nhân)

[01] Kỳ tính thuế: [01a] Lần phát sinh ngày ... tháng ... năm ...
[01b] Tháng 07 năm 2022
[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tổ chức, cá nhân khai thay: Công ty ABC
[05] Mã số thuế: 2300746508

I. CHUYỂN NHƯỢNG VỐN GÓP

STT	Thông tin cá nhân chuyển nhượng			Thông tin tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng			Hợp đồng chuyển nhượng		Giá chuyển nhượng	Giá vốn của phần vốn góp	Chi phí chuyển nhượng	Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng vốn góp	Số thuế T nộ
	Họ và tên (*)	Mã số thuế	Số CMND/Hộ chiếu/ CCCD (trường hợp chưa có mã số thuế)	Tên Tổ chức, cá nhân	Mã số thuế	Số CMND/ Hộ chiếu/ CCCD (trường hợp chưa có mã số thuế)	Số	Ngày/ tháng/năm					
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]	[18]=[15]-[16]-[17]	[19] = [1
1									0	0	0	0	
Tổng cộng									0	0	0	0	

II. CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG KHOÁN

STT	Thông tin cá nhân chuyển nhượng			Thông tin tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng			Hợp đồng chuyển nhượng		Số lượng chứng khoán	Giá chuyển nhượng	Số thuế TNCN phải nộp	Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần	Số thuế nộ
	Họ và tên (*)	Mã số thuế	Số CMND/Hộ chiếu/ CCCD (trường hợp chưa có mã số thuế)	Tên Tổ chức, cá nhân	Mã số thuế	Số CMND/ Hộ chiếu/ CCCD (trường hợp chưa có mã số thuế)	Số	Ngày/ tháng/năm					
[29]	[30]	[31]	[32]	[33]	[34]	[35]	[36]	[37]	[38]	[39]	[40] = [39] *0.1%	[41]	[42]= [4
#REF!									0	0	0	0	
Tổng cộng										0	0	0	

Tờ khai 04-1/CNV-TNCN

Chi tiết các chỉ tiêu:

I. Chuyển nhượng vốn góp:

- Chỉ tiêu [06]: UD tự động tăng/giảm khi thêm bớt dòng, bắt đầu từ 1
- Chỉ tiêu [07]: NNT tự nhập dạng text
- Chỉ tiêu [08]: NNT tự nhập, kiểm tra đúng cấu trúc mã số thuế 10, 12, 13, bắt buộc nhập nếu chỉ tiêu [09] trống

- Chỉ tiêu [09]: Bắt buộc nhập nếu chỉ tiêu [08] trống
- Chỉ tiêu [10]: Cho phép NNT nhập dạng text
- Chỉ tiêu [11]: NNT tự nhập, kiểm tra đúng cấu trúc mã số thuế 10, 12, 13, bắt buộc nhập nếu chỉ tiêu [12] trống
- Chỉ tiêu [12]: Bắt buộc nhập nếu chỉ tiêu [08] trống
- Chỉ tiêu [13], [14]: NNT tự nhập
- Chỉ tiêu [15], [16], [17]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số
- Chỉ tiêu [18] = [15]-[16]-[17] nếu [15]-[16]-[17] >0; ngược lại [18]=0, không cho sửa
- Chỉ tiêu [19] = [18]*20%
- Chỉ tiêu [20]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 13 chữ số, không lớn hơn chỉ tiêu [19]
- Chỉ tiêu [21] = [19] – [20]
- Dòng Tổng cộng: UD tính tổng các cột: [15] -> [21], không cho sửa

II. Chuyển nhượng chứng khoán:

- Chỉ tiêu [29]: UD tự động tăng/giảm khi thêm bớt dòng, bắt đầu từ 1
- Chỉ tiêu [30]: NNT tự nhập dạng text
- Chỉ tiêu [31]: NNT tự nhập, kiểm tra đúng cấu trúc mã số thuế 10, 12, 13, bắt buộc nhập nếu chỉ tiêu [32] trống
- Chỉ tiêu [32]: Bắt buộc nhập nếu chỉ tiêu [08] trống
- Chỉ tiêu [33]: Cho phép NNT nhập dạng text
- Chỉ tiêu [34]: NNT tự nhập, kiểm tra đúng cấu trúc mã số thuế 10, 12, 13, bắt buộc nhập nếu chỉ tiêu [35] trống
- Chỉ tiêu [35]: Bắt buộc nhập nếu chỉ tiêu [34] trống
- Chỉ tiêu [36], [37]: NNT tự nhập
- Chỉ tiêu [38], [39]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số
- Chỉ tiêu [40] = [39]*0.1%
- Chỉ tiêu [42] = [40] – [41], không cho sửa

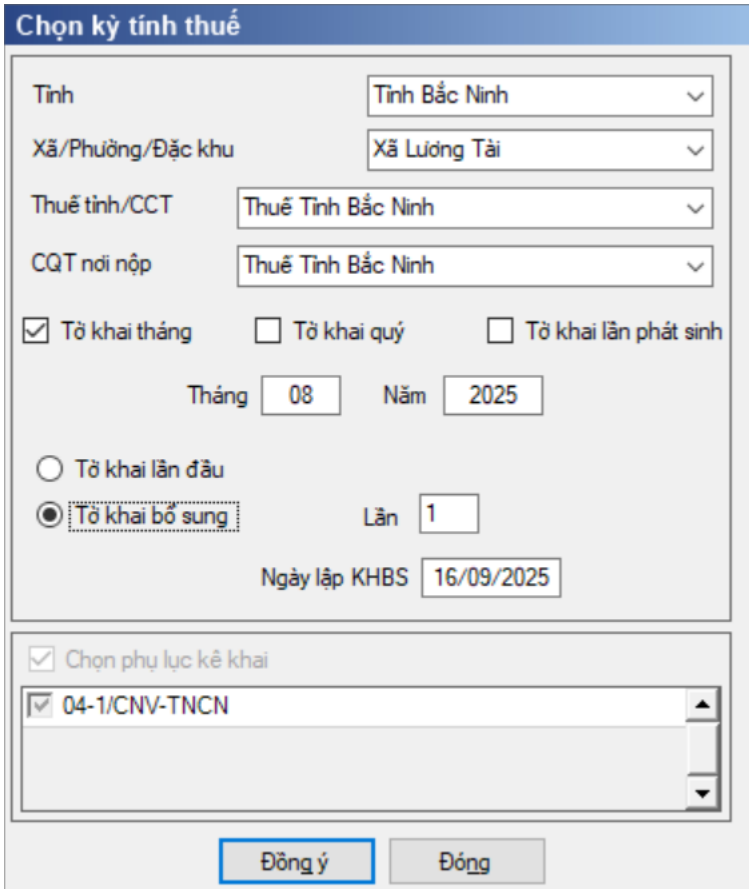
Ràng buộc thông tin giữa tờ khai và bảng kê:

- Chỉ tiêu [26] (Tổng chỉ tiêu [19] trên bảng kê) = chỉ tiêu [41] trên tờ khai
- Chỉ tiêu [27] (Tổng chỉ tiêu [20] trên bảng kê) = chỉ tiêu [42] trên tờ khai
- Chỉ tiêu [28] (Tổng chỉ tiêu [21] trên bảng kê) = chỉ tiêu [43] trên tờ khai
- Chỉ tiêu [44] (Tổng chỉ tiêu [40] trên bảng kê) = chỉ tiêu [45] trên tờ khai
- Chỉ tiêu [45] (Tổng chỉ tiêu [41] trên bảng kê) = chỉ tiêu [46] trên tờ khai
- Chỉ tiêu [46] (Tổng chỉ tiêu [42] trên bảng kê) = chỉ tiêu [47] trên tờ khai

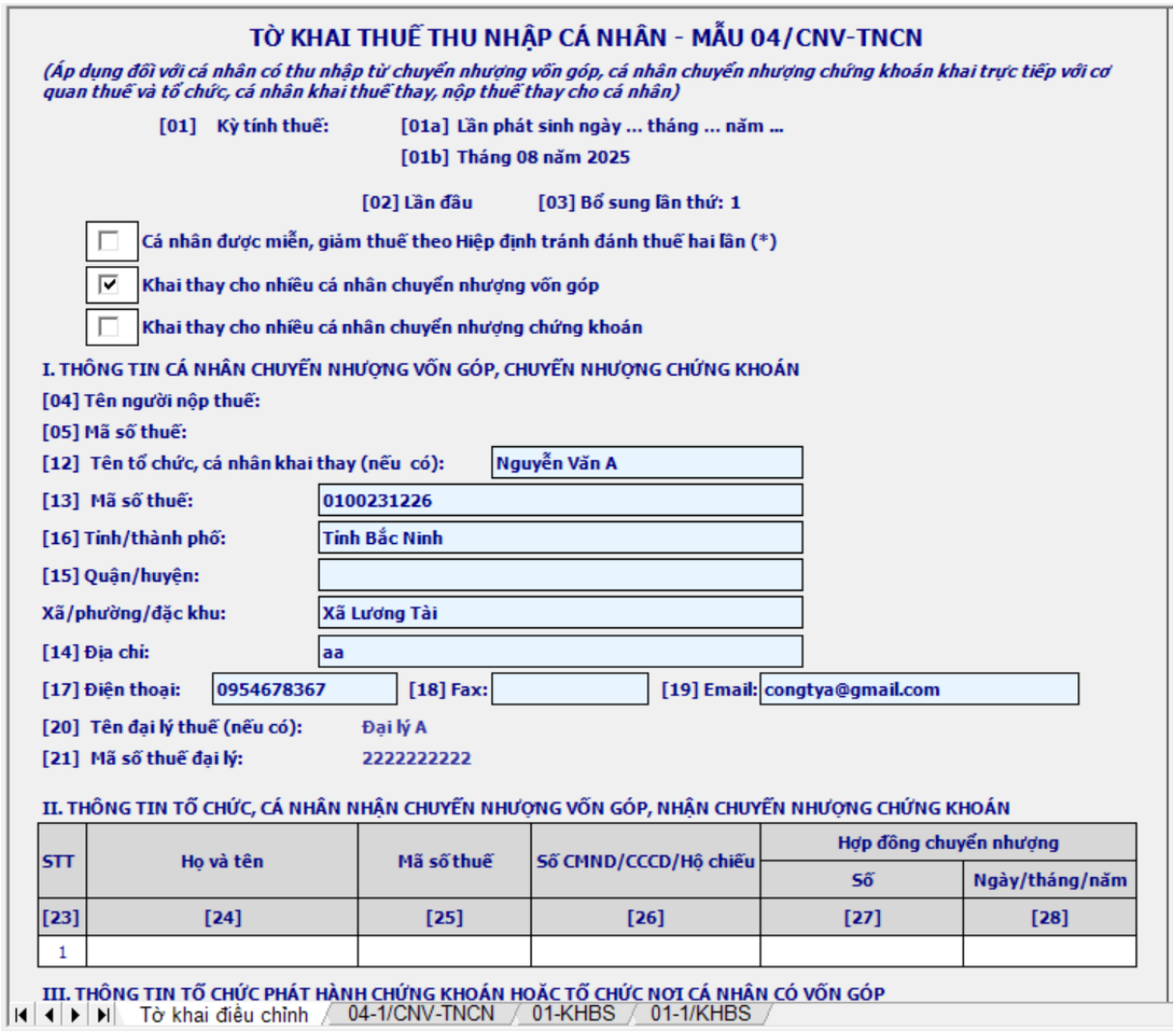
3.5.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.

- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.



- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS" như sau:



TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN - MẪU 04/CNV-TNCN

(Áp dụng đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, cá nhân chuyển nhượng chứng khoán khai trực tiếp với cơ quan thuế và tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân)

[01] Kỳ tính thuế: [01a] Lần phát sinh ngày ... tháng ... năm ...

[01b] Tháng 08 năm 2025

[02] Lần đầu [03] Bổ sung lần thứ: 1

☐ Cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (*)

☑ Khai thay cho nhiều cá nhân chuyển nhượng vốn góp

☐ Khai thay cho nhiều cá nhân chuyển nhượng chứng khoán

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN GÓP, CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG KHOÁN

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[12] Tên tổ chức, cá nhân khai thay (nếu có): Nguyễn Văn A

[13] Mã số thuế: 0100231226

[16] Tỉnh/thành phố: Tỉnh Bắc Ninh

[15] Quận/huyện:

Xã/phường/đặc khu: Xã Lương Tài

[14] Địa chỉ: aa

[17] Điện thoại: 0954678367 [18] Fax: [19] Email: congtya@gmail.com

[20] Tên đại lý thuế (nếu có): Đại lý A

[21] Mã số thuế đại lý: 2222222222

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN GÓP, NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG KHOÁN

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu	Hợp đồng chuyển nhượng	
				Số	Ngày/tháng/năm
[23]	[24]	[25]	[26]	[27]	[28]
1					

III. THÔNG TIN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN HOẶC TỔ CHỨC NƠI CÁ NHÂN CÓ VỐN GÓP

Tờ khai điều chỉnh | 04-1/CNV-TNCN | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Ứng dụng sẽ lấy dữ liệu của Tờ khai gần nhất trong cùng kỳ tính thuế làm dữ liệu mặc định trên Tờ khai điều chỉnh (Nếu là tờ khai bổ sung lần 1 thì lấy dữ liệu của tờ khai lần đầu, nếu là tờ khai bổ sung lần n thì lấy dữ liệu lần bổ sung n-1). NNT sẽ kê khai bổ sung điều chỉnh trực tiếp trên Tờ khai điều chỉnh, kê khai như tờ khai thay thế, sau đó ứng dụng sẽ tự động lấy các chỉ tiêu điều chỉnh liên quan đến số thuế phải nộp lên KHBS, NNT không kê khai trên KHBS.

3.5.3 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân 04/ĐTV-TNCN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế thu nhập cá nhân" chọn "04/DTV-TNCN Tờ khai cho cá nhân đầu tư vốn (TT80/2021).



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:

+ Hiệu lực:

- Tờ khai lần phát sinh: có hiệu lực từ ngày 01/01/2022
- Tờ khai tháng: có hiệu lực từ tháng 01/2022
- Tờ khai quý: có hiệu lực từ quý 1/2022

+ CQT nộp tờ khai: Ứng dụng HTKK cho phép chọn CQT nộp tờ khai. Tờ khai nộp qua eTax sẽ kiểm tra:

- Đối với trường hợp kê khai thay: CQT nhận tờ khai là CQT quản lý của MST khai thay
- Đối với trường hợp khai trực tiếp: CQT quản lý của tổ chức phát hành

+ Điều kiện nhập tờ khai: có 3 trường hợp cho phép kê khai tờ khai

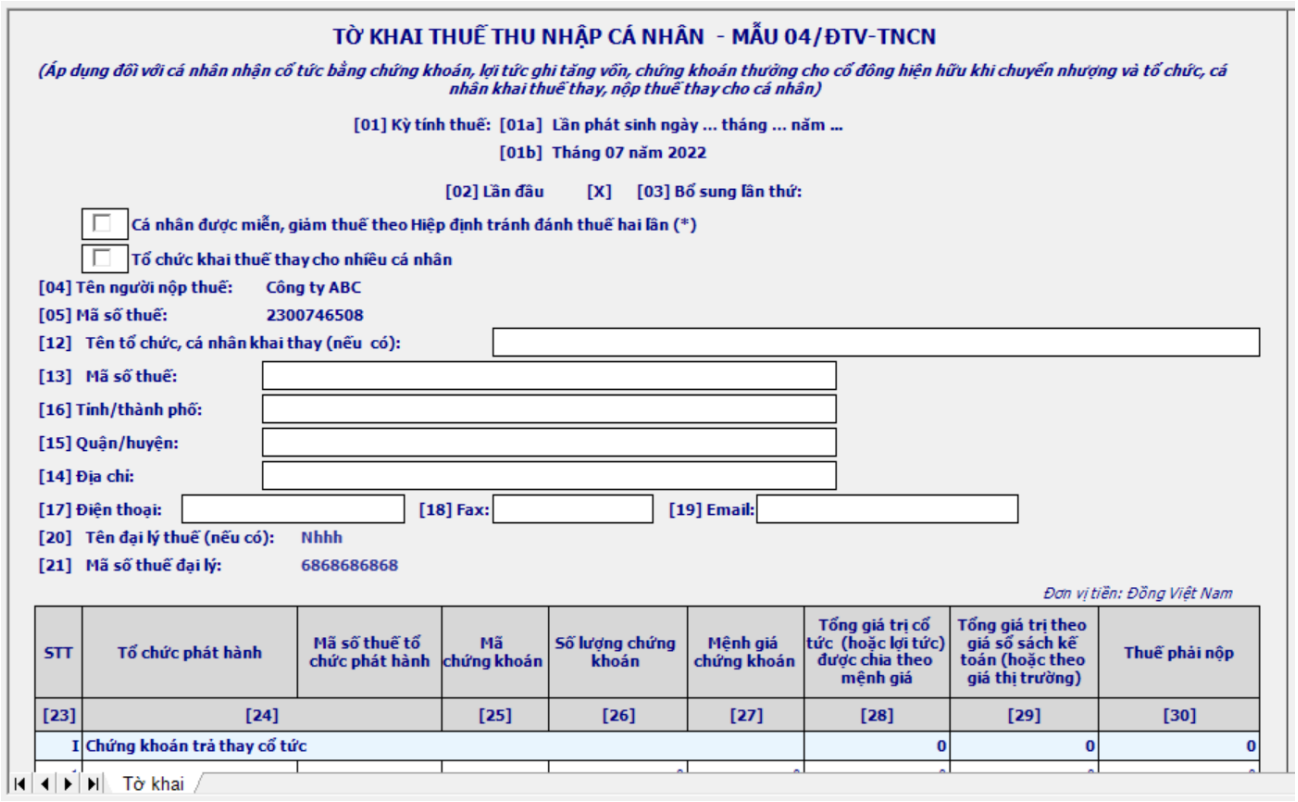
- Cá nhân kê khai trực tiếp: khai theo lần phát sinh
- Khai thay cho 1 cá nhân: khai theo lần phát sinh
- MST khai thay cho nhiều NNT: khai theo tháng/quý/lần phát sinh

+ Hạn nộp tờ khai:

- Tờ khai lần phát sinh: 10 ngày kể từ ngày phát sinh, ngày lễ thì chuyển sang ngày tiếp theo
- Tờ khai tháng: ngày thứ 20 của tháng tiếp theo
- Tờ khai quý: ngày cuối cùng tháng đầu tiên của quý tiếp theo

+ Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế 04/ĐTV-TNCN như sau:

3.5.3.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu



TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN - MẪU 04/ĐTV-TNCN

(Áp dụng đối với cá nhân nhận cổ tức bằng chứng khoán, lợi tức ghi tăng vốn, chứng khoán thưởng cho cổ đông hiện hữu khi chuyển nhượng và tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân)

[01] Kỳ tính thuế: [01a] Lần phát sinh ngày ... tháng ... năm ...

[01b] Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ:

☐ Cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (*)

☐ Tổ chức khai thuế thay cho nhiều cá nhân

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[12] Tên tổ chức, cá nhân khai thay (nếu có):

[13] Mã số thuế:

[16] Tỉnh/thành phố:

[15] Quận/huyện:

[14] Địa chỉ:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[21] Mã số thuế đại lý: 6868686868

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tổ chức phát hành	Mã số thuế tổ chức phát hành	Mã chứng khoán	Số lượng chứng khoán	Mệnh giá chứng khoán	Tổng giá trị cổ tức (hoặc lợi tức) được chia theo mệnh giá	Tổng giá trị theo giá sổ sách kế toán (hoặc theo giá thị trường)	Thuế phải nộp
[23]	[24]		[25]	[26]	[27]	[28]	[29]	[30]
I	Chứng khoán trả thay cổ tức					0	0	0

Tờ khai

- Chi tiết các chỉ tiêu như sau:

+ Chỉ tiêu [23] UD tự động tăng/giảm khi thêm bớt dòng, bắt đầu từ 1

+ Chỉ tiêu [24] – Tên tổ chức phát hành: NNT tự nhập dạng text

+ Chỉ tiêu [24] – Mã số thuế tổ chức phát hành: Trên tờ khai cá nhân kê khai trực tiếp (không có kê khai MST khai thay) chỉ được kê khai một MST tổ chức phát hành duy nhất. Nếu kê khai nhiều hơn 1 tổ chức, hệ thống báo lỗi.

+ Chỉ tiêu [25]: NNT tự nhập dạng text

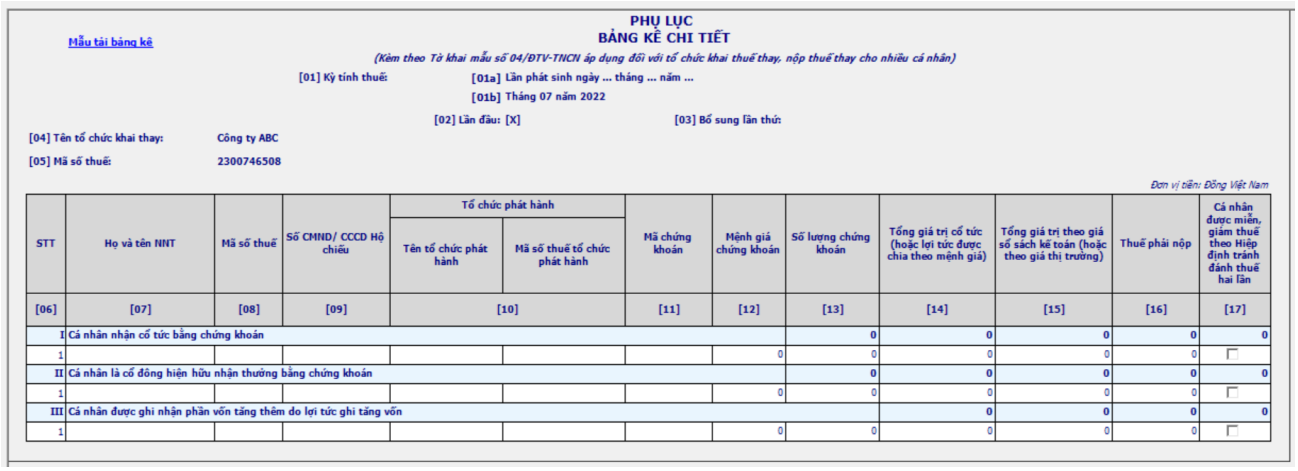
+ Chỉ tiêu [26], [27]: NNT nhập số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số. Bắt buộc nhập 1 trong 2 chỉ tiêu [26] hoặc [27]

+ Chỉ tiêu [28]: NNT nhập số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số. Bắt buộc nhập 1 trong 2 chỉ tiêu [28] hoặc [29]

+ Chỉ tiêu [30]: NNT nhập số, không âm, mặc định là 0, tối đa 13 chữ số.

+ Chỉ tiêu [31], [32], [33], [34], [35], [36], [37], [38], [39], [40], [41], [42]: Hệ thống hỗ trợ tính tổng, không cho phép sửa

3.5.3.1.1 Bảng kê 04-1/ĐTV-TNCN



Mẫu tài bảng kê

PHỤ LỤC
BẢNG KÊ CHI TIẾT

(Kèm theo Tờ khai mẫu số 04/ĐTV-TNCN áp dụng đối với tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho nhiều cá nhân)

[01] Kỳ tính thuế: [01a] Lần phát sinh ngày ... tháng ... năm ...
[01b] Tháng 07 năm 2022
[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên tổ chức khai thay: Công ty ABC
[05] Mã số thuế: 2300746508

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Họ và tên NNT	Mã số thuế	Số CMND/ CCCD Hộ chiếu	Tổ chức phát hành		Mã chứng khoán	Mệnh giá chứng khoán	Số lượng chứng khoán	Tổng giá trị cổ tức (hoặc lợi tức được chia theo mệnh giá)	Tổng giá trị theo giá sổ sách kế toán (hoặc theo giá thị trường)	Thuế phải nộp	Cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần
				Tên tổ chức phát hành	Mã số thuế tổ chức phát hành							
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]		[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]
I	Cá nhân nhận cổ tức bằng chứng khoán							0	0	0	0	0
1							0	0	0	0	0	☐
II	Cá nhân là cổ đông hiện hữu nhận thưởng bằng chứng khoán							0	0	0	0	0
1							0	0	0	0	0	☐
III	Cá nhân được ghi nhận phần vốn tăng thêm do lợi tức ghi tăng vốn								0	0	0	0
1							0	0	0	0	0	☐

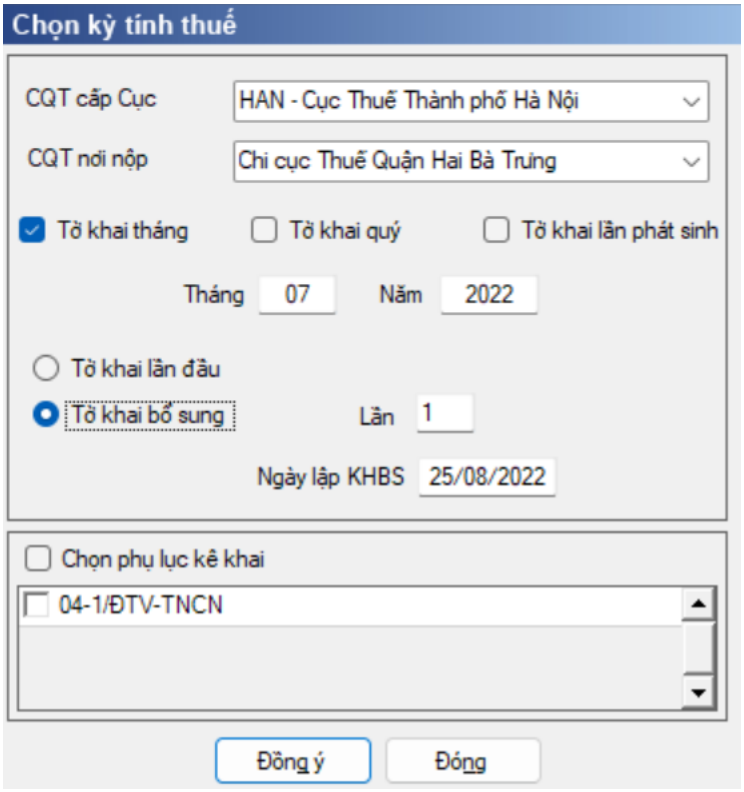
Chi tiết các chỉ tiêu:

- Chỉ tiêu [06]: UD tự động tăng/giảm khi thêm bớt dòng, bắt đầu từ 1
- Chỉ tiêu [07]: NNT tự nhập dạng text
- Chỉ tiêu [08]: NNT tự nhập, kiểm tra đúng cấu trúc mã số thuế, bắt buộc nhập nếu chỉ tiêu [09] trống
- Chỉ tiêu [09]: Bắt buộc nhập nếu chỉ tiêu [08] trống
- Chỉ tiêu [10] – Tên tổ chức phát hành: Cho phép NNT nhập dạng text
- Chỉ tiêu [10] – Mã tổ chức phát hành: Cho phép NNT nhập dạng text
- Chỉ tiêu [11]: Cho phép nhập tại mục I, II, mục III khóa không cho nhập
- Chỉ tiêu [12], [13]: NNT tự nhập dạng số, không âm, nhập tại mục I, II, mục III khóa không cho nhập
- Chỉ tiêu [14]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 số, bắt buộc nhập 1 trong 2 chỉ tiêu [14] hoặc [15]
- Chỉ tiêu [15]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 số, bắt buộc nhập 1 trong 2 chỉ tiêu [14] hoặc [15]
- Chỉ tiêu [16]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 13 số
- Chỉ tiêu [17]: Cho phép tích chọn
- UD hỗ trợ tính tổng cột [13] -> [16] tương ứng với từng mục I, II, III trên bảng kê. Chỉ tiêu tổng của cá nhân được miễn giảm theo hiệp định: hệ thống tính tổng số cá nhân được tích chọn là cá nhân được miễn, giảm thuế theo hiệp định tránh đánh thuế 2 lần
- Kiểm tra ràng buộc:
  + Chỉ tiêu tổng số phải nộp trên bảng kê = số trên tờ khai:
    - Chỉ tiêu [21] trên bảng kê = chỉ tiêu [33] trên tờ khai
    - Chỉ tiêu [26] trên bảng kê = chỉ tiểu [36] trên tờ khai
    - Chỉ tiêu [30] trên bảng kê = chỉ tiêu [39] trên tờ khai

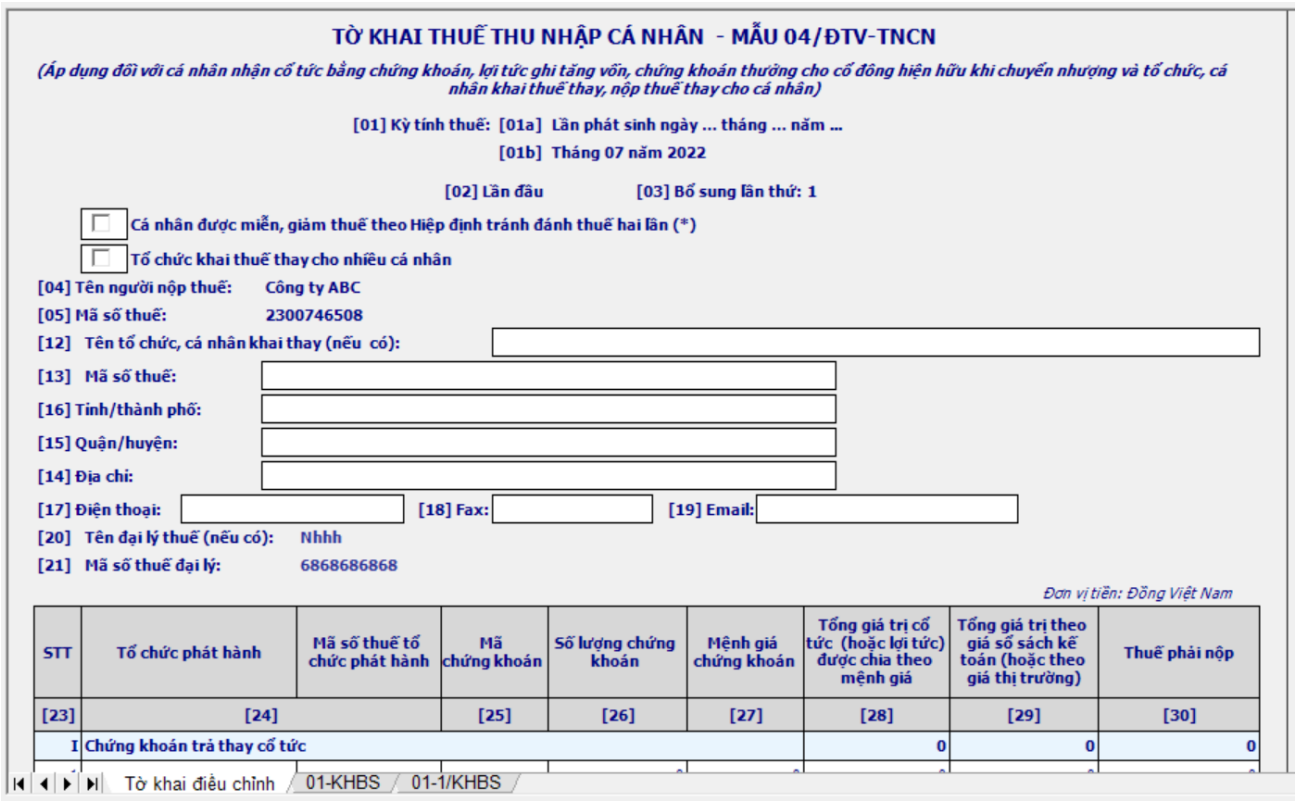
3.5.3.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.

- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.



- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS" như sau:

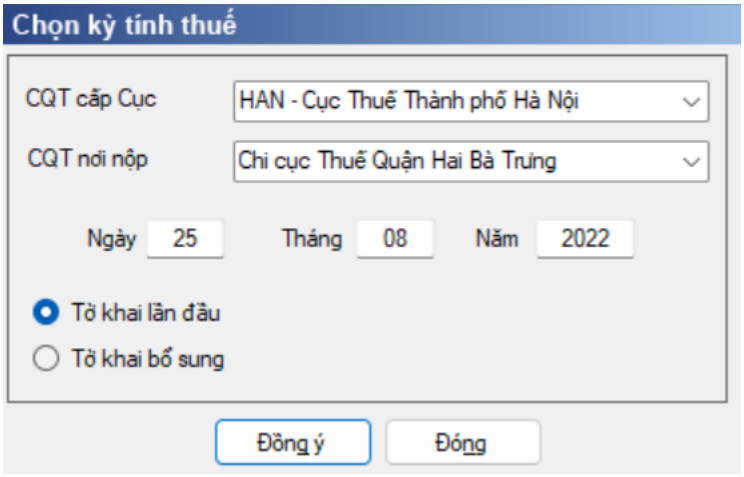


- Ứng dụng sẽ lấy dữ liệu của Tờ khai gần nhất trong cùng kỳ tính thuế làm dữ liệu mặc định trên Tờ khai điều chỉnh (Nếu là tờ khai bổ sung lần 1 thì lấy dữ liệu của tờ khai lần đầu, nếu là tờ khai bổ sung lần n thì lấy dữ liệu lần bổ sung n-1). NNT sẽ kê khai bổ sung điều chỉnh trực tiếp trên Tờ khai điều chỉnh, kê khai như tờ khai thay thế, sau đó ứng dụng sẽ tự động lấy các chỉ tiêu điều chỉnh liên quan đến số thuế phải nộp lên KHBS, NNT không kê khai trên KHBS.

3.5.4 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân mẫu 04/NNG-TNCN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế thu nhập cá nhân" chọn "04/NNG-TNCN Tờ khai cho cá nhân trúng thưởng từ nước ngoài (TT80/2021).



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế bạn cần lựa chọn các thông tin đầu vào như:

  - Hiệu lực: Tờ khai lần phát sinh: có hiệu lực từ ngày 01/01/2022

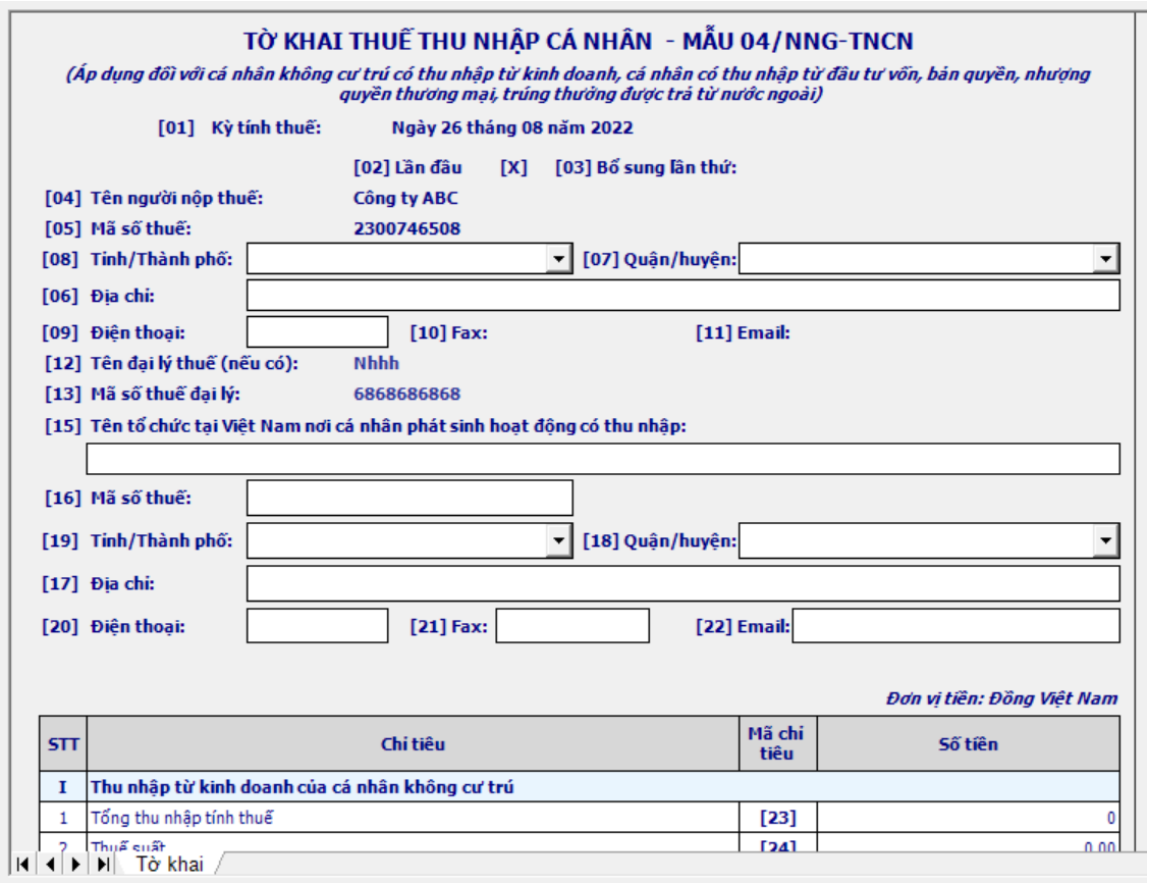
+ Cơ quan thuế nộp tờ khai: Cho phép NNT lựa chọn nộp tờ khai về Cục Thuế hoặc Chi cục Thuế

+ Hạn nộp tờ khai:

  - Tờ khai lần phát sinh: 10 ngày kể từ ngày phát sinh, ngày lễ thì chuyển sang ngày tiếp theo

+ Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế 04/NNG-TNCN như sau:

3.5.4.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu



TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN - MẪU 04/NNG-TNCN

(Áp dụng đối với cá nhân không cư trú có thu nhập từ kinh doanh, cá nhân có thu nhập từ đầu tư vốn, bản quyền, nhượng quyền thương mại, trúng thưởng được trả từ nước ngoài)

[01] Kỳ tính thuế: Ngày 26 tháng 08 năm 2022

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[08] Tỉnh/Thành phố: [07] Quận/huyện:

[06] Địa chỉ:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[13] Mã số thuế đại lý: 6868686868

[15] Tên tổ chức tại Việt Nam nơi cá nhân phát sinh hoạt động có thu nhập:

[16] Mã số thuế:

[19] Tỉnh/Thành phố: [18] Quận/huyện:

[17] Địa chỉ:

[20] Điện thoại: [21] Fax: [22] Email:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
I	Thu nhập từ kinh doanh của cá nhân không cư trú		
1	Tổng thu nhập tính thuế	[23]	0
2	Thuế suất	[24]	0.00

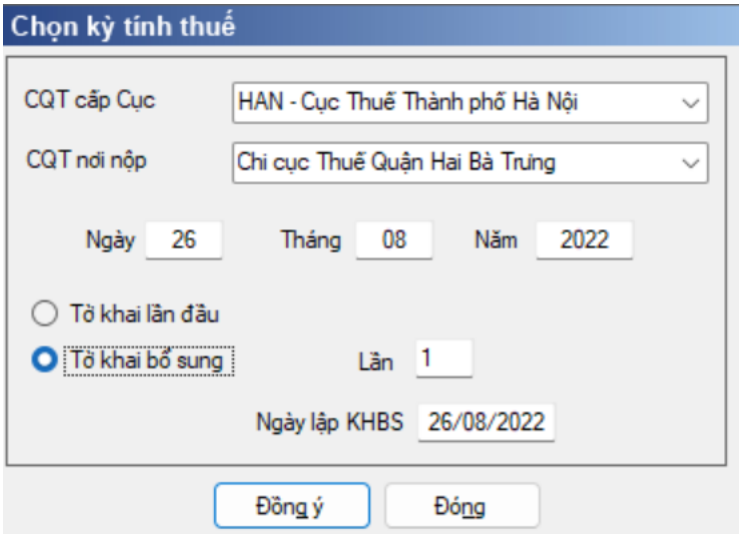
Tờ khai

- Chi tiết các chỉ tiêu như sau:
  + I. Thu nhập từ kinh doanh của cá nhân không cư trú
    - Chỉ tiêu [23]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số
    - Chỉ tiêu [24]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, cho phép nhập giá trị thập phân
    - Chỉ tiêu [25] = [23]*[24], không cho sửa
  + II. Thu nhập từ đầu tư vốn
    - Chỉ tiêu [26]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số
    - Chỉ tiêu [27], [28]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 13 chữ số
    - Chỉ tiêu [29]= [27]-[28] nếu [27]-[28] >0; ngược lại [29] =0, không cho sửa
  + III. Thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại
    - Chỉ tiêu [30]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số
    - Chỉ tiêu [31], [32]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 13 chữ số
    - Chỉ tiêu [33]= [31]-[32] nếu [31]-[32] >0; ngược lại [33] =0, không cho sửa
  + IV. Thu nhập từ trúng thưởng

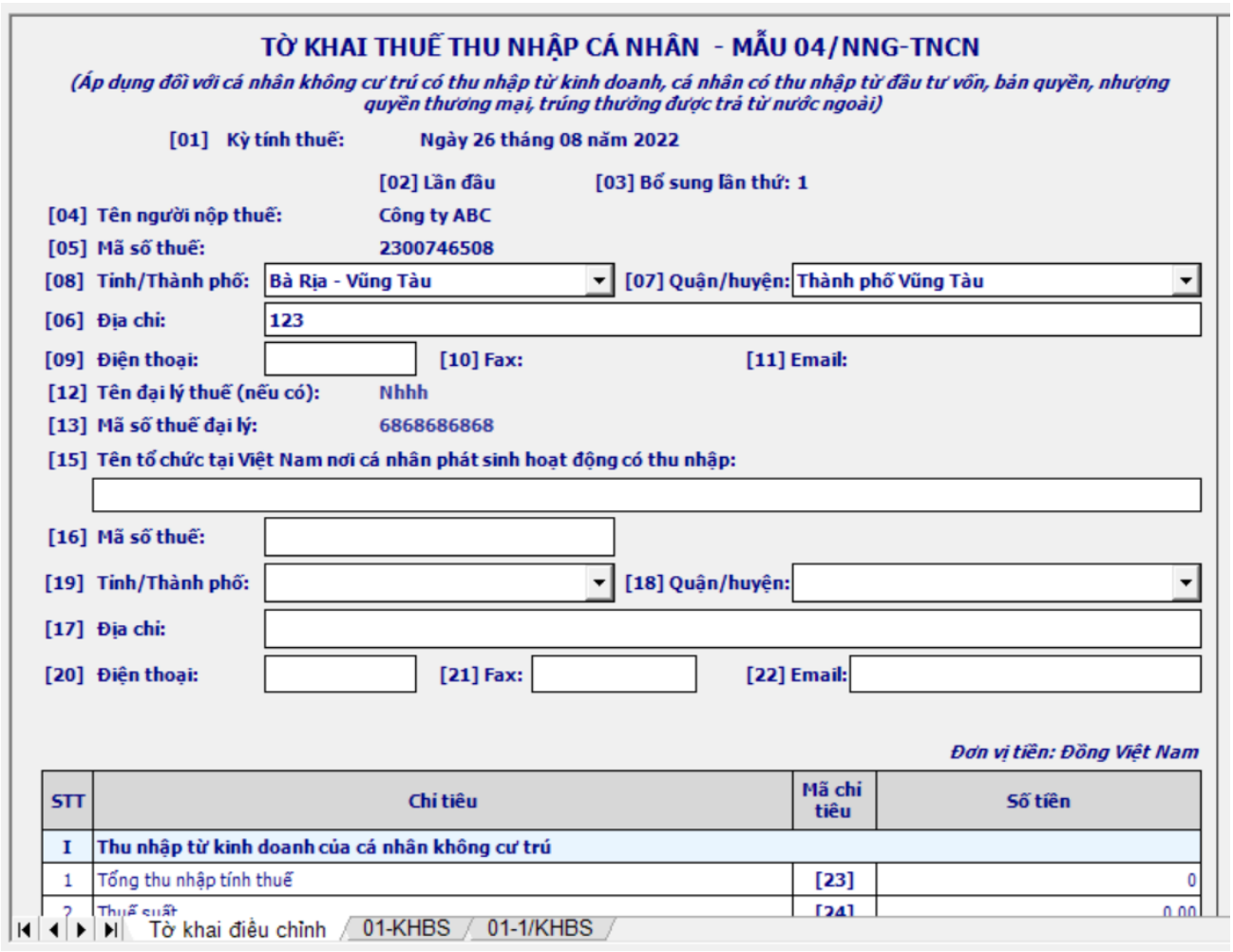
- Chỉ tiêu [34]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số
- Chỉ tiêu [35], [36]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 13 chữ số
- Chỉ tiêu [37]= [35]-[36] nếu [35]-[36] >0; ngược lại [37] =0, không cho sửa

3.5.4.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.



- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS" như sau:

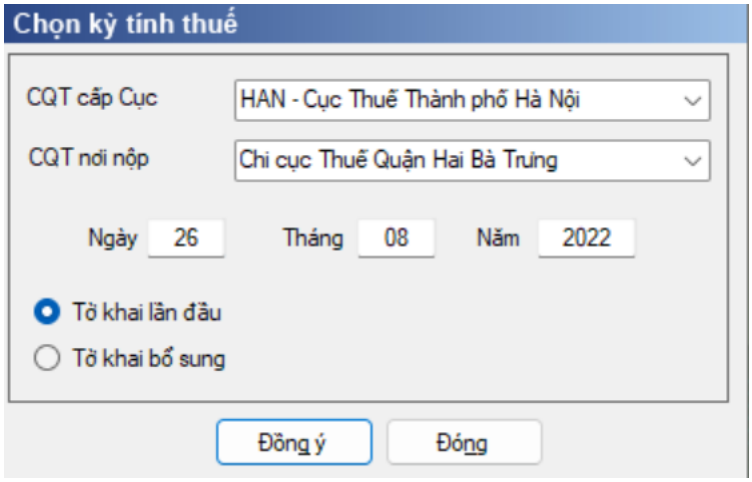


- Ứng dụng sẽ lấy dữ liệu của Tờ khai gần nhất trong cùng kỳ tính thuế làm dữ liệu mặc định trên Tờ khai điều chỉnh (Nếu là tờ khai bổ sung lần 1 thì lấy dữ liệu của tờ khai lần đầu, nếu là tờ khai bổ sung lần n thì lấy dữ liệu lần bổ sung n-1). NNT sẽ kê khai bổ sung điều chỉnh trực tiếp trên Tờ khai điều chỉnh, kê khai như tờ khai thay thế, sau đó ứng dụng sẽ tự động lấy các chỉ tiêu điều chỉnh liên quan đến số thuế phải nộp lên KHBS, NNT không kê khai trên KHBS.

3.5.5 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân áp dụng cho cá nhân nhận thừa kế, quà tặng không phải là bất động sản (04/TKQT-TNCN) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế thu nhập cá nhân" chọn "04/TKQT-TNCN Tờ khai cho cá nhân thừa kế, quà tặng (04/TKQT-TNCN)(TT80/2021)



– Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như:

+ Hiệu lực tờ khai:

- Tờ khai lần phát sinh: có hiệu lực từ ngày 01/01/2022

+ Cơ quan thuế nộp tờ khai:

- Trường hợp chỉ có 1 tổ chức phát hành: NNT lựa chọn loại tài sản được thừa kế là vốn góp hoặc chuyển nhượng chứng khoán (tích chỉ tiêu [26] hoặc [27]) và thực hiện kê khai thông tin tổ chức phát hành mục V(b) => CQT nhận tờ khai là CQT quản lý tổ chức phát hành => ứng dụng HTKK không có thông tin CQT tổ chức phát hành nên sẽ ko kiểm tra CQT nộp tờ khai trong trường hợp này, tờ khai vào TMS sẽ check

- Trường hợp loại tài sản được thừa kế là vốn vóp hoặc chứng khoán (tích chỉ tiêu [26] hoặc [27]) có nhiều tổ chức phát hành (không kê khai chỉ tiêu mục V(b)) => CQT nhận tờ khai CCT nơi cá nhân cư trú, dựa vào địa chỉ NNT chỉ tiêu [09] trên tờ khai => ứng dụng HTKK kiểm tra chỉ tiêu [09] phải tương ứng với CQT nộp tờ khai

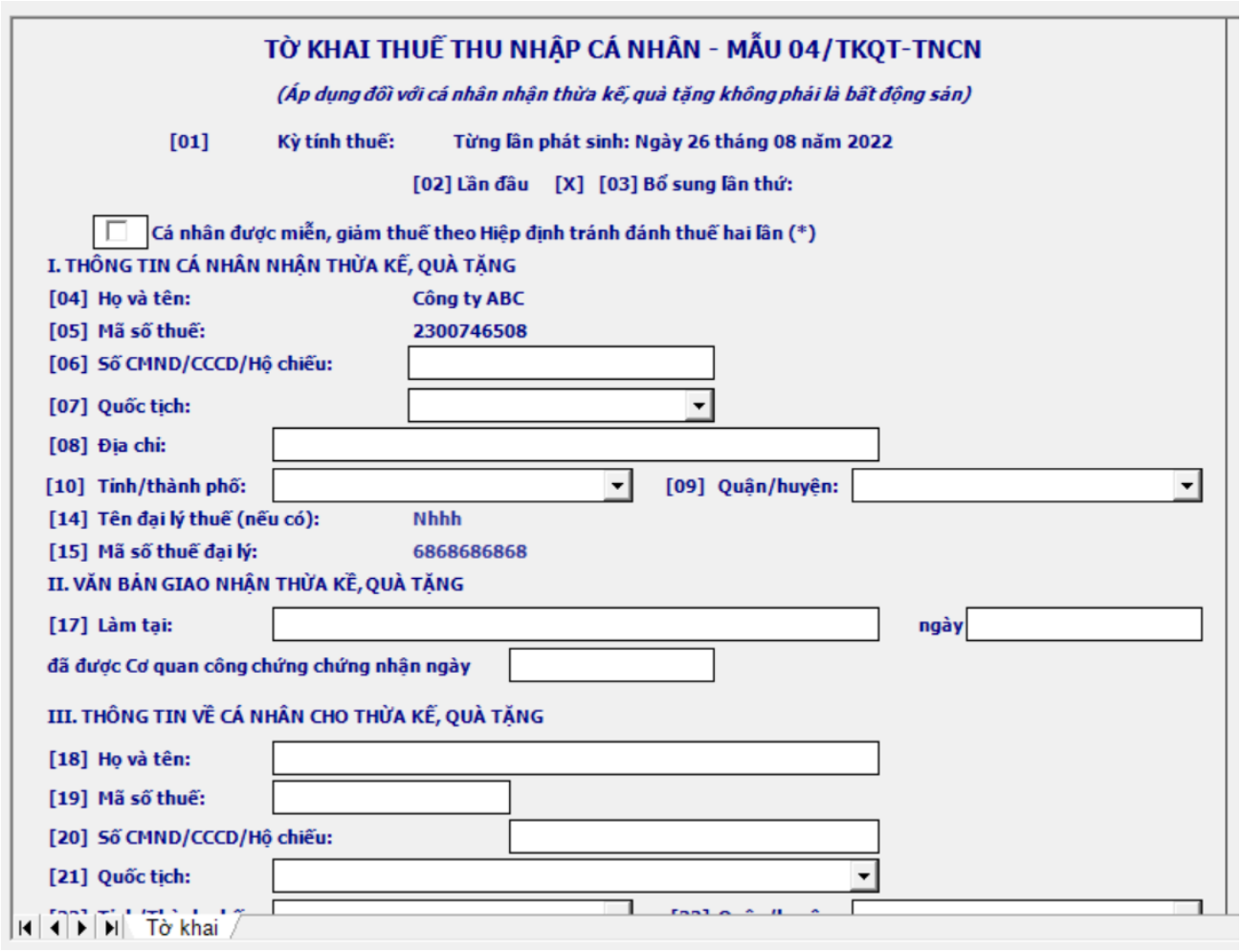
- Trường hợp loại tài sản được thừa kế là "Tài sản phải đăng ký sở hữu hoặc sử dụng" (tích chỉ tiêu [28]): nộp tờ khai về CQT lệ phí trước bạ: hướng dẫn NNT kê khai chỉ tiêu [09] là địa chỉ trên hộ khẩu của NNT => CQT nhận tờ khai là CCT tương ứng với thông tin quận/huyện NNT kê khai tại chỉ tiêu [09]

+ Hạn nộp tờ khai:

- Tờ khai lần phát sinh: 10 ngày kể từ ngày phát sinh, ngày lễ thì chuyển sang ngày tiếp theo

- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra Tờ khai cho cá nhân thừa kế, quà tặng (04/TKQT-TNCN)(TT80/2021) như sau:

3.5.5.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu



- Chi tiết các chỉ tiêu như sau:

+ Chỉ tiêu [04], [05], [11], [12], [13], [14], [15], [16]: Hiển thị theo thông tin MST đăng nhập hệ thống

+ Chỉ tiêu [06], [08], [17], [18], [20], [22], [23], [24], [25], [29], [30], [32], [35], [36], [37]: Cho phép nhập

+ Chỉ tiêu [07], [10], [21], [33], [34]: Cho phép chọn trong danh mục

+ Chỉ tiêu [09]: Cho phép chọn trong danh mục

- Trường hợp tích chọn ([26] hoặc [27]) và không kê khai V(b) thì kiểm tra chỉ tiêu [09] phải tương ứng với Chi cục Thuế nộp tờ khai
- Trường hợp tích chọn [28] thì kiểm tra chỉ tiêu [09] phải tương ứng với Chi cục Thuế nộp tờ khai

+ Chỉ tiêu [19], [31]: Nhập dạng text, kiểm tra cấu trúc MST

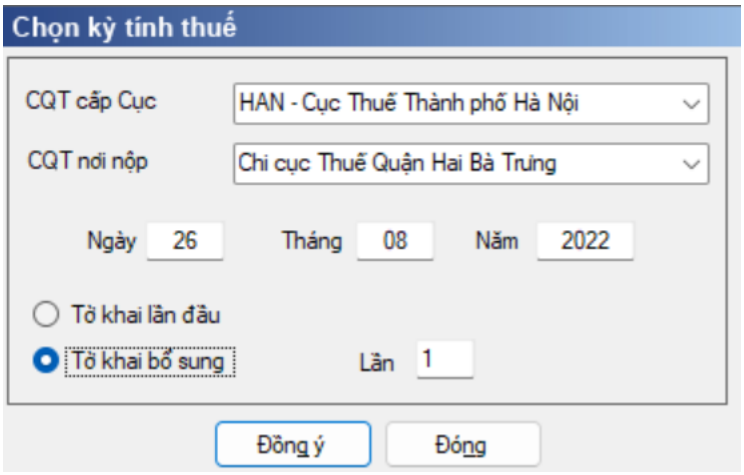
+ Chỉ tiêu [26], [27], [28]: Cho phép tích chọn. Bắt buộc chọn ít nhất một trong 3 chỉ tiêu [26], [27], [28]

+ Chỉ tiêu [38]: NNT nhập dạng số, không âm, mặc định là 0

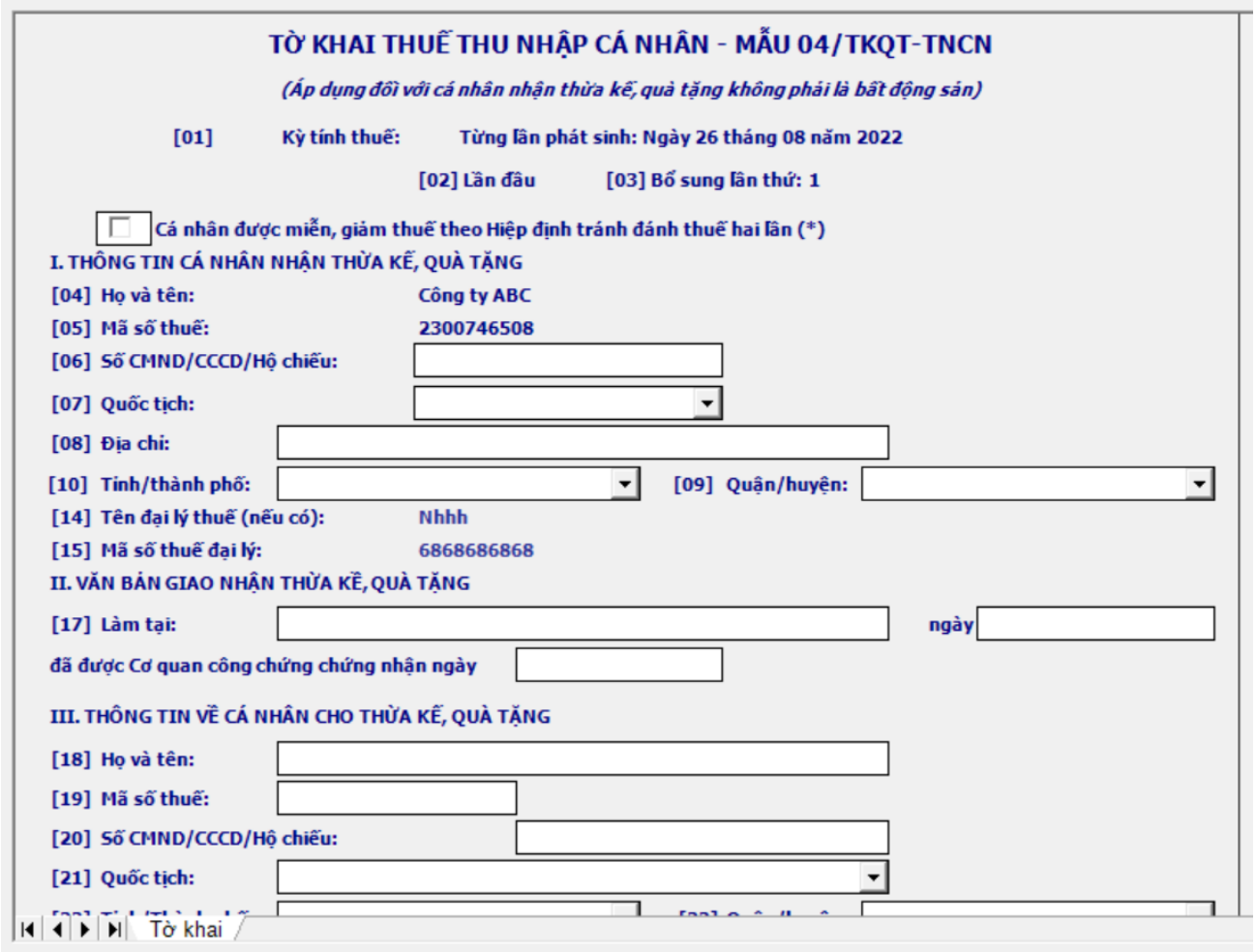
+ Chỉ tiêu [39]: NNT nhập dạng số, mặc định là 0

3.5.5.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.



- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS" như sau:

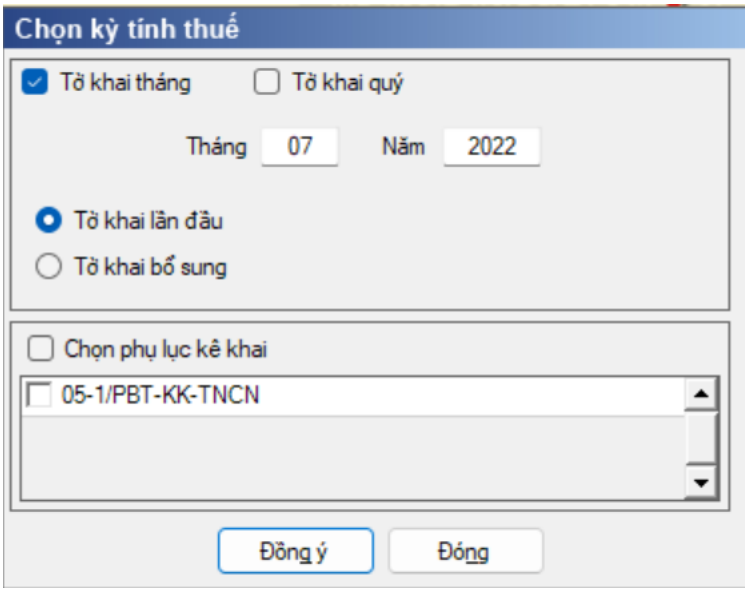


- Ứng dụng sẽ lấy dữ liệu của Tờ khai gần nhất trong cùng kỳ tính thuế làm dữ liệu mặc định trên Tờ khai điều chỉnh (Nếu là tờ khai bổ sung lần 1 thì lấy dữ liệu của tờ khai lần đầu, nếu là tờ khai bổ sung lần n thì lấy dữ liệu lần bổ sung n-1). NNT sẽ kê khai bổ sung điều chỉnh trực tiếp trên Tờ khai điều chỉnh, kê khai như tờ khai thay thế, sau đó ứng dụng sẽ tự động lấy các chỉ tiêu điều chỉnh liên quan đến số thuế phải nộp lên KHBS, NNT không kê khai trên KHBS.

3.5.6 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân 05/KK-TNCN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế thu nhập cá nhân" chọn "05/KK-TNCN Tờ khai khấu trừ thuế TNCN (TT80/2021).



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:

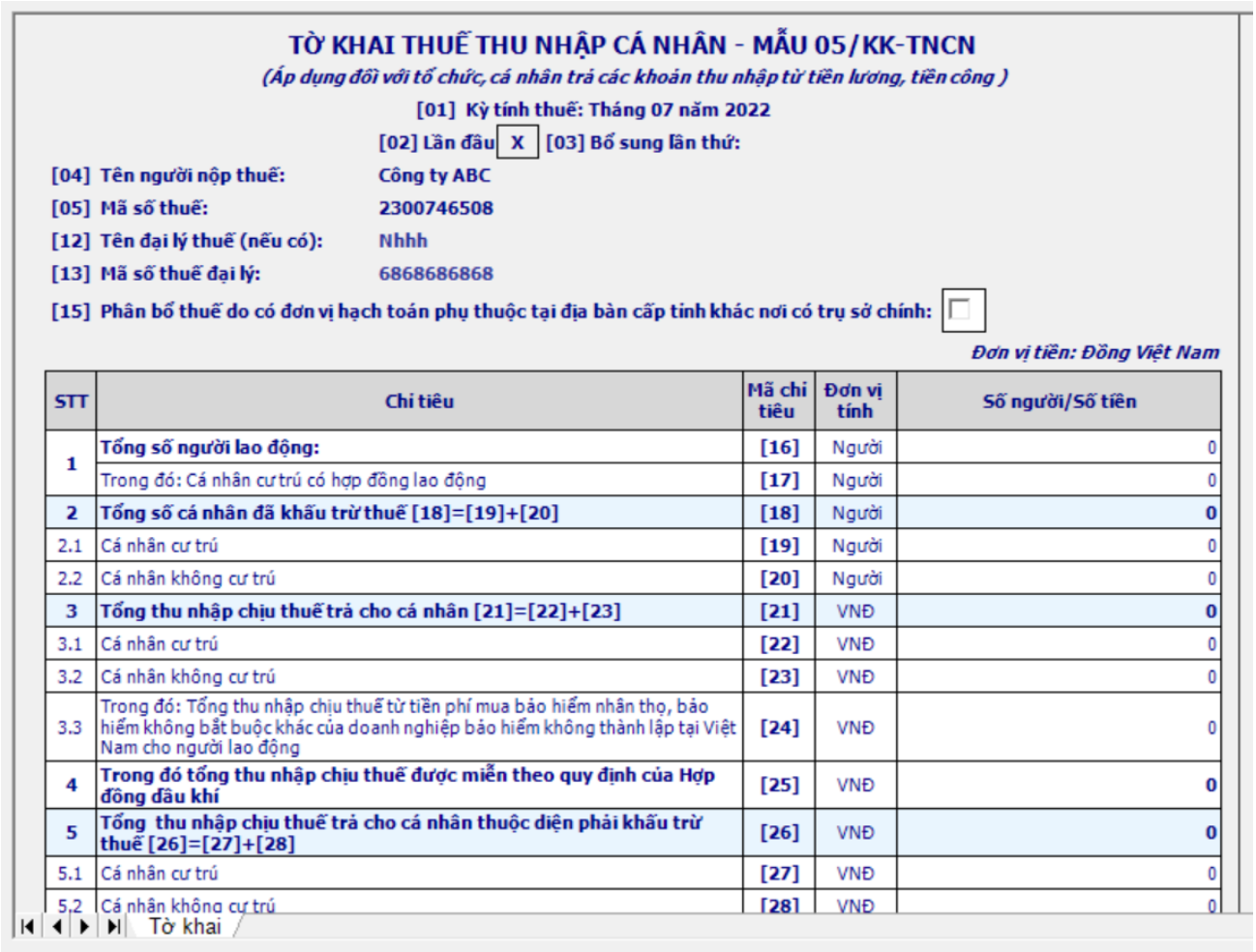
+ Hiệu lực:
  - Tờ khai tháng: có hiệu lực từ tháng 01/2022
  - Tờ khai quý: có hiệu lực từ quý 1/2022

+ Cơ quan thuế nộp tờ khai: CQT quản lý của NNT

+ Hạn nộp tờ khai:
  - Tờ khai tháng: Ngày 20 tháng tiếp theo, ngày lễ thì chuyển sang ngày tiếp theo
  - Tờ khai quý: Ngày cuối cùng của tháng đầu quý sau, ngày lễ thì chuyển sang ngày tiếp theo

+ Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai khấu trừ thuế thu nhập cá nhân 05/KK-TNCN như sau:

3.5.6.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu



TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN - MẪU 05/KK-TNCN

(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[12] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[13] Mã số thuế đại lý: 6868686868

[15] Phân bổ thuế do có đơn vị hạch toán phụ thuộc tại địa bàn cấp tỉnh khác nơi có trụ sở chính: [ ]

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số người/Số tiền
1	**Tổng số người lao động:**	[16]	Người	0
	Trong đó: Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động	[17]	Người	0
2	**Tổng số cá nhân đã khấu trừ thuế [18]=[19]+[20]**	[18]	Người	**0**
2.1	Cá nhân cư trú	[19]	Người	0
2.2	Cá nhân không cư trú	[20]	Người	0
3	**Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân [21]=[22]+[23]**	[21]	VNĐ	**0**
3.1	Cá nhân cư trú	[22]	VNĐ	0
3.2	Cá nhân không cư trú	[23]	VNĐ	0
3.3	Trong đó: Tổng thu nhập chịu thuế từ tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động	[24]	VNĐ	0
4	**Trong đó tổng thu nhập chịu thuế được miễn theo quy định của Hợp đồng dầu khí**	[25]	VNĐ	**0**
5	**Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân thuộc diện phải khấu trừ thuế [26]=[27]+[28]**	[26]	VNĐ	**0**
5.1	Cá nhân cư trú	[27]	VNĐ	0
5.2	Cá nhân không cư trú	[28]	VNĐ	0

Tờ khai

- Chi tiết các chỉ tiêu như sau:

+ Chỉ tiêu [16]: Cho phép nhập số không âm, mặc định là 0, tối đa 9 chữ số

+ Chỉ tiêu [17]: Cho phép nhập số không âm, mặc định là 0, tối đa 9 chữ số, không lớn hơn chỉ tiêu [16]

+ Chỉ tiêu [18]: UD tính theo công thức [18]=[19]+[20], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [19], [20]: Cho phép nhập số không âm, mặc định là 0, tối đa 9 chữ số, không lớn hơn chỉ tiêu [18]

+ Chỉ tiêu [21]: UD tính theo công thức [21]=[22]+[23], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [22], [23]: Cho phép nhập số không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số, không lớn hơn chỉ tiêu [21]

+ Chỉ tiêu [24]: Cho phép nhập số không âm, mặc định là 0, tối đa 13 chữ số, không lớn hơn chỉ tiêu [21]

+ Chỉ tiêu [25]: Cho phép nhập số không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số

+ Chỉ tiêu [26]: UD tính theo công thức [26]=[27]+[28], không cho sửa, không lớn hơn chỉ tiêu [21]

+ Chỉ tiêu [27], [28]: Cho phép nhập số không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số, không lớn hơn chỉ tiêu [26]

+ Chỉ tiêu [29]: UD tính theo công thức [29]=[30]+[31], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [30], [31]: Cho phép nhập số không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số, không lớn hơn chỉ tiêu [29]

+ Chỉ tiêu [32]: UD tính theo công thức: Chỉ tiêu [32] = [24] *10%, không cho sửa, không lớn hơn [29]

3.5.6.1.1 Bảng kê 05-1/PBT-KK-TNCN

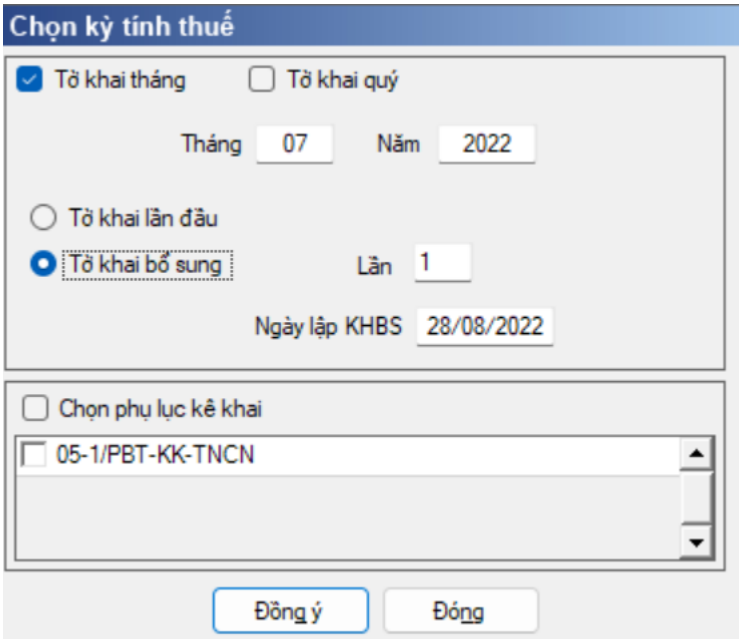
- Chỉ cho phép nhập mục "I. Phân bổ thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công", khóa mục II

Các chỉ tiêu chi tiết:

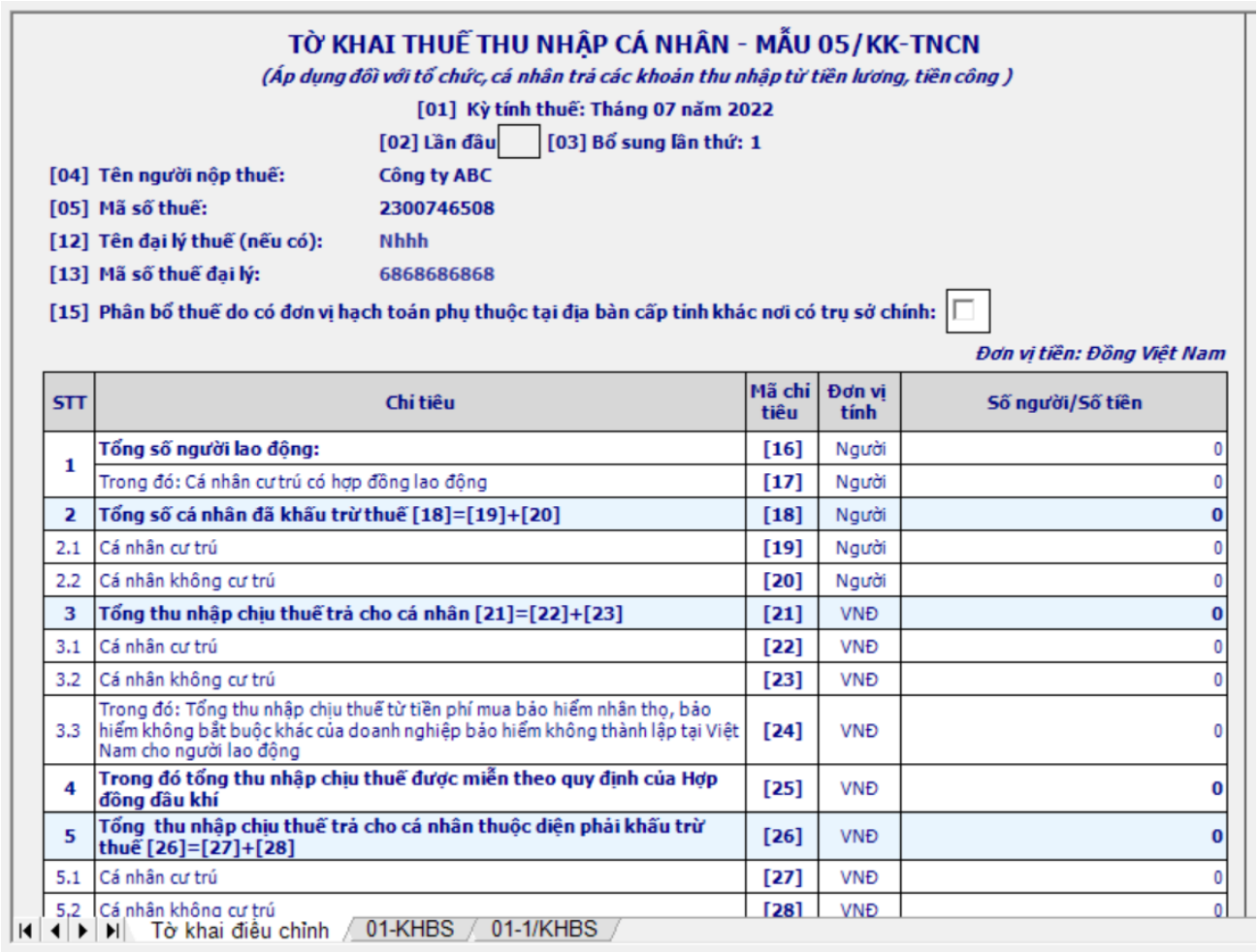
- I. Phân bổ thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công
  + Chỉ tiêu [06]: UD tự động tăng/giảm khi thêm/bớt dòng, không cho sửa
  + Chỉ tiêu [07]: NNT tự nhập
  + Chỉ tiêu [08]: Cho phép nhập, kiểm tra đúng cấu trúc MST hoặc mã địa điểm kinh doanh 5 số, trong trường hợp trụ sở chính không cho nhập thông tin.
  + Chỉ tiêu [08a], [08b]: Cho phép chọn trong danh mục. Kiểm tra tỉnh của Chi nhánh phải khác tỉnh của trụ sở chính
  + Chỉ tiêu [09]: Cho phép chọn trong danh mục, kiểm tra ràng buộc CQT quản lý địa bàn nhận phân bổ trên bảng kê không được trùng nhau
  + Chỉ tiêu [10], [11], [12], [13]: NNT nhập số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 số
  + Chỉ tiêu [14]: NNT nhập số, không âm, mặc định là 0, tối đa 13 số
  + Chỉ tiêu [15], [16], [17], [18]: Hệ thống tự tính tổng, không cho sửa
  + Chỉ tiêu [19]: Hệ thống tự tính tổng, không cho sửa, kiểm tra phải bằng chỉ tiêu [29] trên tờ khai

3.5.6.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.



- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS" như sau:



TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN - MẪU 05/KK-TNCN

(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu ☐ [03] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[12] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[13] Mã số thuế đại lý: 6868686868

[15] Phân bổ thuế do có đơn vị hạch toán phụ thuộc tại địa bàn cấp tỉnh khác nơi có trụ sở chính: ☐

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số người/Số tiền
1	**Tổng số người lao động:**	[16]	Người	0
	Trong đó: Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động	[17]	Người	0
2	**Tổng số cá nhân đã khấu trừ thuế [18]=[19]+[20]**	[18]	Người	**0**
2.1	Cá nhân cư trú	[19]	Người	0
2.2	Cá nhân không cư trú	[20]	Người	0
3	**Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân [21]=[22]+[23]**	[21]	VNĐ	**0**
3.1	Cá nhân cư trú	[22]	VNĐ	0
3.2	Cá nhân không cư trú	[23]	VNĐ	0
3.3	Trong đó: Tổng thu nhập chịu thuế từ tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động	[24]	VNĐ	0
4	**Trong đó tổng thu nhập chịu thuế được miễn theo quy định của Hợp đồng dầu khí**	[25]	VNĐ	**0**
5	**Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân thuộc diện phải khấu trừ thuế [26]=[27]+[28]**	[26]	VNĐ	**0**
5.1	Cá nhân cư trú	[27]	VNĐ	0
5.2	Cá nhân không cư trú	[28]	VNĐ	0

Tờ khai điều chỉnh | 01-KHBS | 01-1/KHBS

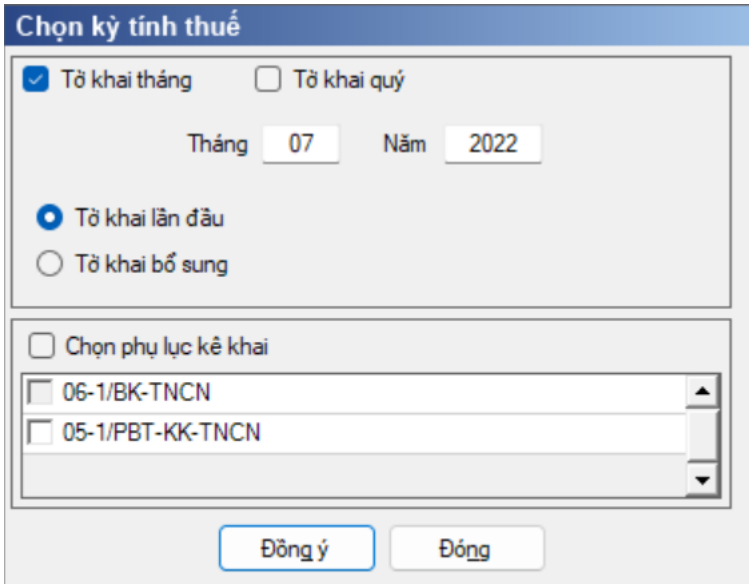
- Ứng dụng sẽ lấy dữ liệu của Tờ khai gần nhất trong cùng kỳ tính thuế làm dữ liệu mặc định trên Tờ khai điều chỉnh (Nếu là tờ khai bổ sung lần 1 thì lấy dữ liệu của tờ khai lần đầu, nếu là tờ khai bổ sung lần n thì lấy dữ liệu lần bổ sung n-1). NNT sẽ kê khai bổ sung điều chỉnh trực tiếp trên Tờ khai điều chỉnh, kê khai như tờ khai thay thế,

sau đó ứng dụng sẽ tự động lấy các chỉ tiêu điều chỉnh liên quan đến số thuế phải nộp lên KHBS, NNT không kê khai trên KHBS.

3.5.7 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân áp dụng cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập khấu trừ thuế (06/TNCN) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật quản lý thuế số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/ Thuế thu nhập cá nhân" chọn "06/TNCN Tờ khai khấu trừ từ CNV, CK,… (TT80/2021)

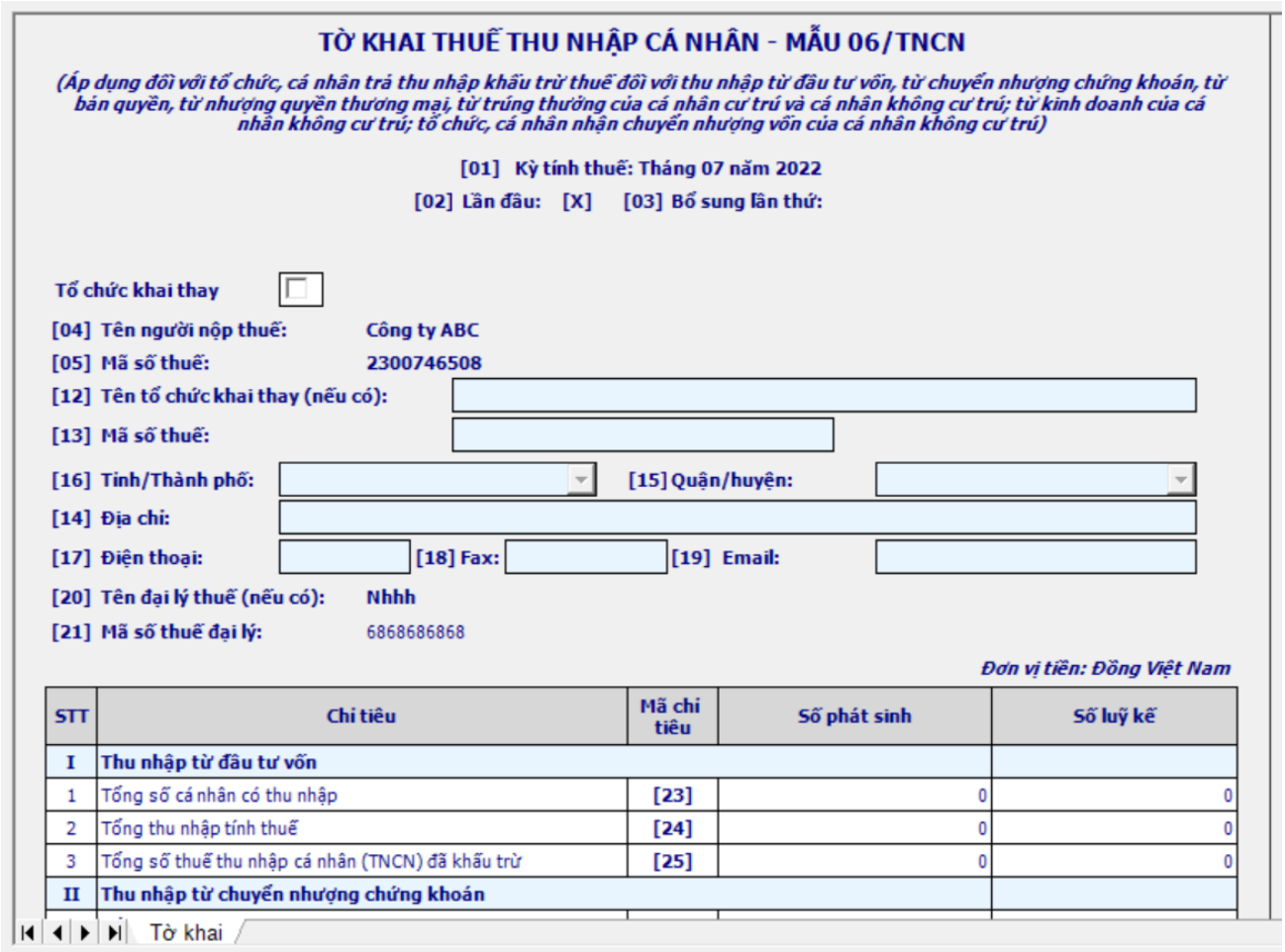


- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như:

+ Hiệu lực:
  - Tờ khai tháng: có hiệu lực từ tháng 01/2022
  - Tờ khai quý: có hiệu lực từ quý 1/2022

+ Cơ quan thuế nộp tờ khai: CQT quản lý của NNT kê khai tờ khai
  - Hạn nộp tờ khai:
  - Tờ khai tháng: Ngày 20 tháng tiếp theo, ngày lễ thì chuyển sang ngày tiếp theo
  - Tờ khai quý: Ngày cuối cùng của tháng đầu quý sau, ngày lễ thì chuyển sang ngày tiếp theo

3.5.7.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu



TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN - MẪU 06/TNCN

(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập khấu trừ thuế đối với thu nhập từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng chứng khoán, từ bản quyền, từ nhượng quyền thương mại, từ trúng thưởng của cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú; từ kinh doanh của cá nhân không cư trú; tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng vốn của cá nhân không cư trú)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ:

Tổ chức khai thay

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[12] Tên tổ chức khai thay (nếu có):

[13] Mã số thuế:

[16] Tỉnh/Thành phố: [15] Quận/huyện:

[14] Địa chỉ:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[21] Mã số thuế đại lý: 6868686868

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số phát sinh	Số luỹ kế
I	Thu nhập từ đầu tư vốn			
1	Tổng số cá nhân có thu nhập	[23]	0	0
2	Tổng thu nhập tính thuế	[24]	0	0
3	Tổng số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đã khấu trừ	[25]	0	0
II	Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán			

Tờ khai

- Chi tiết các chỉ tiêu như sau:

+ Cột STT: UD tự động tăng/giảm khi thêm/bớt dòng. Bắt đầu từ 1, không cho sửa

+ Cột chỉ tiêu: Hiển thị cố định theo mẫu biểu Thông tư, không cho nhập

+ Cột mã chỉ tiêu: Hiển thị cố định theo mẫu biểu Thông tư, không cho nhập

+ Cột số phát sinh, số lũy kế: NNT nhập số, không âm

+ Chỉ tiêu [23], [25], [26], [28], [29], [31], [32], [34], [35], [37], [38], [40] : NNT nhập số, không âm, mặc định là 0, tối đa 13 chữ số

+ Chỉ tiêu [24], [27], [30], [33], [36], [39]: NNT nhập số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số

- Các điều kiện kiểm tra ràng buộc:

+ Chỉ tiêu [24] cột Lũy kế = tổng cột [25] mục I trên PL 06-1/BK-TNCN

+ Chỉ tiêu [25] cột Lũy kế = tổng cột [28] mục I trên PL 06-1/BK-TNCN

+ Chỉ tiêu [30] cột Lũy kế = tổng cột [25] mục I trên PL 06-1/BK-TNCN

+ Chỉ tiêu [31] cột Lũy kế = tổng cột [28] mục I trên PL 06-1/BK-TNCN

+ Chỉ tiêu [33] cột Lũy kế = tổng cột [25] mục I trên PL 06-1/BK-TNCN

+ Chỉ tiêu [34] cột Lũy kế = tổng cột [28] mục I trên PL 06-1/BK-TNCN

+ Chỉ tiêu [36] cột Lũy kế = tổng cột [25] mục I trên PL 06-1/BK-TNCN

+ Chỉ tiêu [37] cột Lũy kế = tổng cột [28] mục I trên PL 06-1/BK-TNCN

+ Chỉ tiêu [39] cột Lũy kế = tổng cột [25] mục I trên PL 06-1/BK-TNCN

+ Chỉ tiêu [40] cột Lũy kế = tổng cột [28] mục I trên PL 06-1/BK-TNCN
+ Chỉ tiêu [27] cột Lũy kế = tổng cột [12] trên PL 06-1/BK-TNCN
+ Chỉ tiêu [28] cột Lũy kế = tổng cột [15] trên PL 06-1/BK-TNCN

3.5.7.1.1 Bảng kê 06-1/BK-TNCN

- Chỉ cho phép kê khai đối với tháng/quý cuối cùng trong năm
- Chi tiết các chỉ tiêu như sau:

+ Chỉ tiêu [06]: UD tự động tăng/giảm khi thêm/bớt dòng. Bắt đầu từ 1, không cho sửa
+ Chỉ tiêu [07], [10]: NNT tự nhập, dạng text
+ Chỉ tiêu [08]: Cho phép nhập, kiểm tra đúng cấu trúc MST. Bắt buộc nhập một trong 2 chỉ tiêu [08] hoặc [09]
+ Chỉ tiêu [09]: Cho phép nhập. Bắt buộc nhập một trong 2 chỉ tiêu [08] hoặc [09]
+ Chỉ tiêu [10], [11], [12], [13], [14]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số
+ Chỉ tiêu [15] = [13] – [14], không cho sửa
+ Chỉ tiêu [16], [17] ,[18], [19], [20]: Hệ thống tính tổng. Không cho sửa
+ Chỉ tiêu [21]: UD tự động tăng/giảm khi thêm/bớt dòng. Bắt đầu từ 1, không cho sửa
+ Chỉ tiêu [22]: NNT tự nhập, dạng text
+ Chỉ tiêu [23]: Cho phép nhập, kiểm tra đúng cấu trúc MST. Bắt buộc nhập một trong 2 chỉ tiêu [23] hoặc [24]
+ Chỉ tiêu [24]: Cho phép nhập. Bắt buộc nhập một trong 2 chỉ tiêu [23] hoặc [24]
+ Chỉ tiêu [25]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số
+ Chỉ tiêu [26], [27]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 13 chữ số. Chỉ tiêu [27] phải <= [26]
+ Chỉ tiêu [28] = [26] – [27], không cho sửa

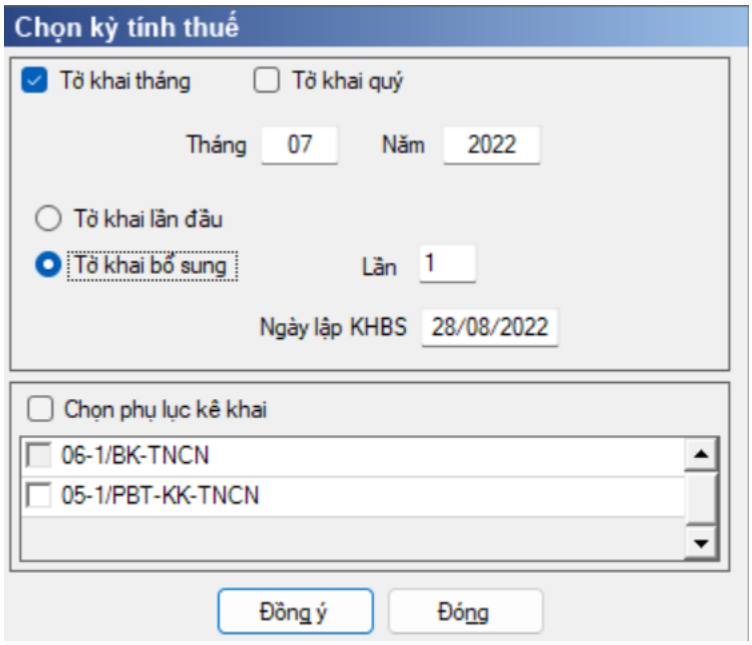
3.5.7.1.2 Bảng kê 05-1/PBT-KK-TNCN

- Chi tiết các chỉ tiêu như sau:

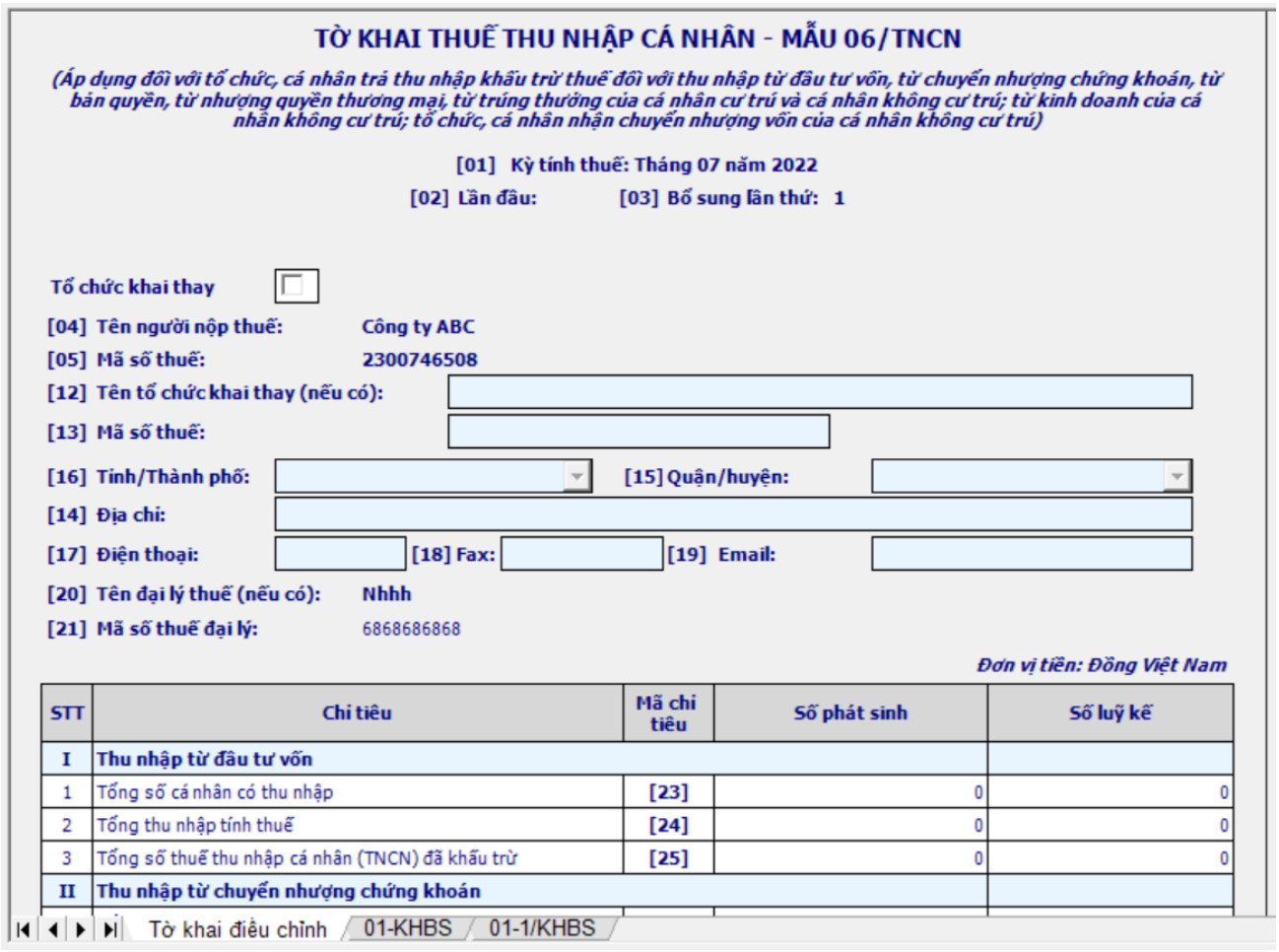
+ Đối với tờ khai 06/TNCN chỉ cho phép nhập phần II – Phân bổ thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ trúng thưởng của cá nhân trúng thưởng xổ số điện toán
+ Chỉ tiêu [20]: UD tự tăng/giảm khi thêm/bớt dòng
+ Chỉ tiêu [21]: NNT tự nhập
+ Chỉ tiêu [21a], [21b], [22]: Cho phép chọn trong danh mục
+ Chỉ tiêu [23]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số
+ Chỉ tiêu [24]: UD tính theo công thức: Chỉ tiêu [24] = [23] *10%, không cho sửa
+ Chỉ tiêu [25], [26]: Hệ thống tính tổng, không cho phép sửa.

3.5.7.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.



- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS" như sau:



TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN - MẪU 06/TNCN

(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập khấu trừ thuế đối với thu nhập từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng chứng khoán, từ bản quyền, từ nhượng quyền thương mại, từ trúng thưởng của cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú; từ kinh doanh của cá nhân không cư trú; tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng vốn của cá nhân không cư trú)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ: 1

Tổ chức khai thay

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[12] Tên tổ chức khai thay (nếu có):

[13] Mã số thuế:

[16] Tỉnh/Thành phố: [15] Quận/huyện:

[14] Địa chỉ:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[21] Mã số thuế đại lý: 6868686868

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số phát sinh	Số luỹ kế
I	**Thu nhập từ đầu tư vốn**			
1	Tổng số cá nhân có thu nhập	[23]	0	0
2	Tổng thu nhập tính thuế	[24]	0	0
3	Tổng số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đã khấu trừ	[25]	0	0
II	**Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán**			

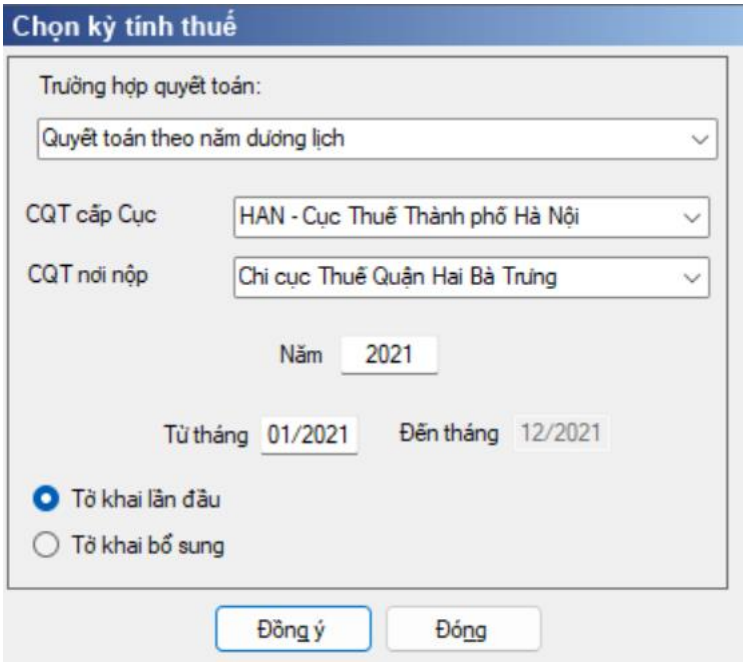
Tờ khai điều chỉnh | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Ứng dụng sẽ lấy dữ liệu của Tờ khai gần nhất trong cùng kỳ tính thuế làm dữ liệu mặc định trên Tờ khai điều chỉnh (Nếu là tờ khai bổ sung lần 1 thì lấy dữ liệu của tờ khai lần đầu, nếu là tờ khai bổ sung lần n thì lấy dữ liệu lần bổ sung n-1). NNT sẽ kê khai bổ sung điều chỉnh trực tiếp trên Tờ khai điều chỉnh, kê khai như tờ khai thay thế, sau đó ứng dụng sẽ tự động lấy các chỉ tiêu điều chỉnh liên quan đến số thuế phải nộp lên KHBS, NNT không kê khai trên KHBS.

3.5.8 Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu 02/QTT-TNCN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế thu nhập cá nhân" chọn "02/QTT-TNCN Tờ khai quyết toán của cá nhân (TT80/2021).



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như:

+ Hiệu lực: Hiệu lực theo kỳ tính thuế, áp dụng đối với kỳ tính thuế từ năm 2021

+ Các trường hợp quyết toán bao gồm:

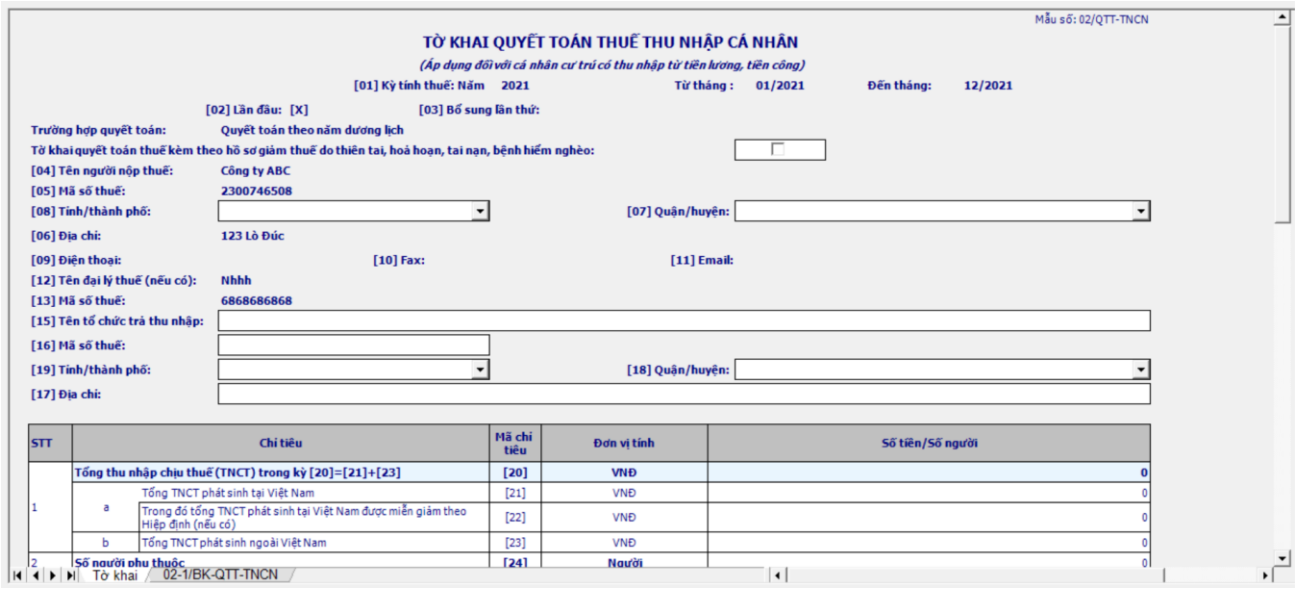
- TH1: Quyết toán theo năm dương lịch
- TH2: Quyết toán 12 tháng liên tục khác năm dương lịch
- TH3: Quyết toán không đủ 12 tháng

+ Hạn nộp tờ khai:

- Nếu "Quyết toán theo năm dương lịch": hạn nộp = Ngày 30/4 của Năm sau Kỳ tính thuế. Nếu hạn nộp rơi vào ngày nghỉ, lễ thì dịch sang ngay tiếp theo
- Nếu "Quyết toán 12 tháng liên tục khác năm dương lịch": hạn nộp = Ngày cuối Tháng quyết toán đến + 90 ngày hoặc Ngày 30/4 của Năm tiếp theo Năm Kỳ tính thuế. Nếu hạn nộp rơi vào ngày nghỉ, lễ thì dịch sang ngay tiếp theo (Vụ DNNCN chốt lại phương án xác định hạn nộp)
- Nếu "Quyết toán không đủ 12 tháng": hạn nộp = Ngày cuối của Đến tháng, nếu hạn nộp rơi vào ngày nghỉ, lễ thì dịch sang ngay tiếp theo

+ Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế 02/QTT-TNCN như sau:

3.5.8.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu



Mẫu số: 02/QTT-TNCN

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Áp dụng đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021 Từ tháng : 01/2021 Đến tháng: 12/2021

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ:

Trường hợp quyết toán: Quyết toán theo năm dương lịch

Tờ khai quyết toán thuế kèm theo hồ sơ giảm thuế do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo:

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[08] Tỉnh/thành phố: [07] Quận/huyện:

[06] Địa chỉ: 123 Lò Đúc

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[13] Mã số thuế: 6868686868

[15] Tên tổ chức trả thu nhập:

[16] Mã số thuế:

[19] Tỉnh/thành phố: [18] Quận/huyện:

[17] Địa chỉ:

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền/Số người
	Tổng thu nhập chịu thuế (TNCT) trong kỳ [20]=[21]+[23]	[20]	VNĐ	0
1	a Tổng TNCT phát sinh tại Việt Nam	[21]	VNĐ	0
	Trong đó tổng TNCT phát sinh tại Việt Nam được miễn giảm theo Hiệp định (nếu có)	[22]	VNĐ	0
	b Tổng TNCT phát sinh ngoài Việt Nam	[23]	VNĐ	0
2	Số người phụ thuộc	[24]	Người	0

Tờ khai 02-1/BK-QTT-TNCN

Chi tiết các chỉ tiêu như sau:

- Chỉ tiêu [20] = [21] + [23], không sửa.
- Chỉ tiêu [21], [23], [28], [29]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số
- Chỉ tiêu [22]: Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, kiểm tra <= [21]
- Chỉ tiêu [24]: UD hỗ trợ hiển thị = số dòng trên bảng kê 01-2
- Chỉ tiêu [25]: UD hỗ trợ tính theo công thức: ([25] = [26] + [27] + [28] + [29] + [30]), không cho sửa
- Chỉ tiêu [26]: UD hỗ trợ tính theo công thức: [26] = [(Đến tháng quyết toán -Từ tháng quyết toán +1)*11.000.000], không cho sửa
- Chỉ tiêu [27]: UD hỗ trợ tính theo công thức: [27] = Tổng (Đến tháng giảm trừ - Từ tháng giảm trừ + 1)*4.400.000 của tất cả các dòng trong bảng kê 02-1/BK-QTT-TNCN
- Chỉ tiêu [30]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số, Kiểm tra [30] <= [(Đến tháng QT- Từ tháng QT +1)*1.000.000]
- Chỉ tiêu [31]: UD hỗ trợ tính theo công thức: ([31]=[20]-[22]-[25]), nếu [31] <0 thì hiển thị =0
- Chỉ tiêu [32]: UD hỗ trợ tính theo công thức: [32] = [31]/ (Đến tháng – Từ tháng+1) * Biểu thuế lũy tiến tháng * (Đến tháng – Từ tháng+1)
- Chỉ tiêu [33]: UD hỗ trợ tính theo công thức: ([33]=[34]+[35]+[36]-[37]-[38]). Nếu âm thì cảnh báo đỏ
- Chỉ tiêu [34], [35]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 13 chữ số
- Chỉ tiêu [36]: Nhập số >=0. Kiểm tra [36] <=[32] x {[23]/([20] –[22])}x 100%
- Chỉ tiêu [37]: Nhập số >=0. Kiểm tra [37] <= [34] + [36]
- Chỉ tiêu [38]: Nhập số >=0. Kiểm tra [38] <= [35]
- Chỉ tiêu [39]: UD hỗ trợ tính theo công thức: [39]=[40]+[41]. Nếu âm thì cảnh báo đỏ
- Chỉ tiêu [40]: Nhập số >=0. Kiểm tra [40] <= [32]

- Chỉ tiêu [41]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 13 chữ số
- Chỉ tiêu [42]: UD hỗ trợ tính theo công thức: [42]=([32]-[33]-[39]). Nếu [42] < 0 thì hiển thị = 0
- Chỉ tiêu [43]: Nhập số >=0. Kiểm tra (0<[42]<=50.000 đồng), nếu vi phạm cảnh báo đỏ
- Chỉ tiêu [44]: UD hỗ trợ tính theo công thức: [44]= trị tuyệt đối của ([32]-[33]-[39]) nếu ([32]-[33]-[39]) <0
- Chỉ tiêu [45]: UD hỗ trợ tính theo công thức: [45]=[46]+[47], Kiểm tra phải <= [44]
- Chỉ tiêu [46], [47]: Nhập số >=0, cho nhập khi [44] >0, tối đa 13 chữ số
- Chỉ tiêu [48]: UD hỗ trợ tính theo công thức: [48]=[44]-[45], không cho sửa

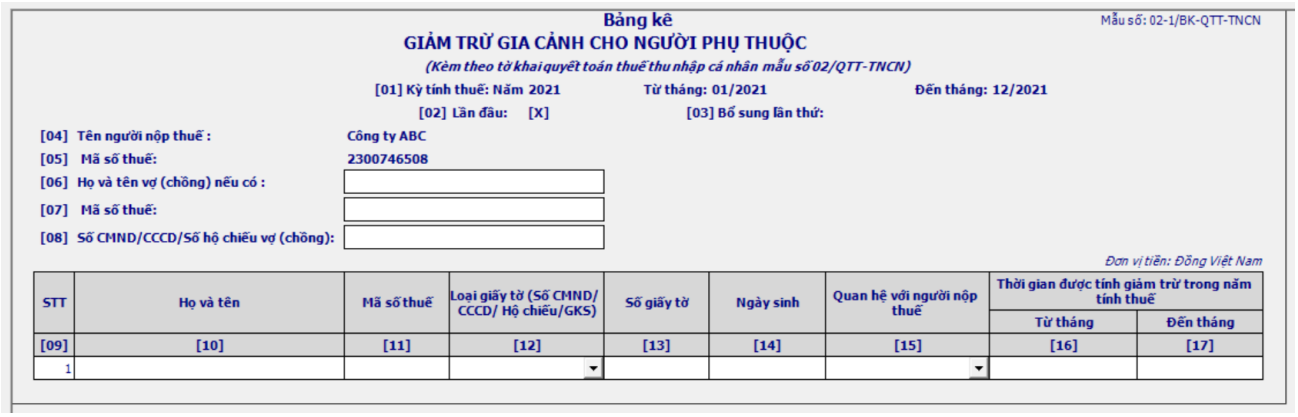
<Trường hợp người nộp thuế đề nghị hoàn trả vào tài khoản của người nộp thuế tại chỉ tiêu [46] thì ghi thêm các thông tin sau:>

- Số tiền hoàn trả: Hiển thị = chỉ tiêu [46]
- Hình thức hoàn trả: Nếu [46] Số thuế hoàn trả cho NNT > 5.000.000 thì bắt buộc tích chọn "Chuyển khoản", nếu [46] Số thuế hoàn trả cho NNT <= 5.000.000 thì cho phép tích chọn "Chuyển khoản" hoặc "Tiền mặt". Bắt buộc nhập tất cả các thông tin tương ứng với từng hình thức
- Tên chủ tài khoản, tài khoản số: Hiển thị theo tên NNT đăng nhập hệ thống, định dạng chữ in hoa không dấu, không cho sửa
- Tại Ngân hàng/KBNN: Chọn trong danh mục
  + Hỗ trợ tìm kiếm nhanh theo tỉnh. Chọn tỉnh trước thì UD hỗ trợ hiển thị danh sách các ngân hàng thuộc tỉnh đã chọn
  + Hỗ trợ tìm kiếm nhanh tỉnh và ngân hàng/KBNN: Gõ text cần tìm kiếm và nhấn phím F3
- CMND/CCCD/HC số, Ngày cấp, Nơi nhận tiền hoàn thuế: Kho bạc Nhà nước: Cho phép nhập

<Trường hợp người nộp thuế đề nghị bù trừ cho khoản phải nộp ngân sách nhà nước khác tại chỉ tiêu [47] thì ghi thêm các thông tin sau:>

- Chỉ tiêu (2): Cho phép nhập. Kiểm tra đúng cấu trúc MST
- Chỉ tiêu (3), (4), (10): NNT tự nhập
- Chỉ tiêu (5): Hiển thị tên tiểu mục tương ứng với cột (7). Không cho sửa
- Chỉ tiêu (6), (7), (8): Chọn trong danh mục
- Chỉ tiêu (9): Hiển thị tỉnh tương ứng với cột (8), Nếu cột (8) chọn cục Thuế DNL thì cột (9) cho chọn trong danh mục 63 tỉnh
- Chỉ tiêu (11): NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 13 chữ số
- Chỉ tiêu (12): NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 13 chữ số, Kiểm tra tổng cột (12) = chỉ tiêu [47]
- Chỉ tiêu (13): UD tính theo công thức: (13) = (11) – (12), không cho sửa

3.5.8.1.1 Phụ lục 02-1/BK-QTT-TNCN: Phụ lục giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc



Bảng kê
GIẢM TRỪ GIA CẢNH CHO NGƯỜI PHỤ THUỘC
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 02/QTT-TNCN)

Mẫu số: 02-1/BK-QTT-TNCN

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021 Từ tháng: 01/2021 Đến tháng: 12/2021
[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế : Công ty ABC
[05] Mã số thuế: 2300746508
[06] Họ và tên vợ (chồng) nếu có :
[07] Mã số thuế:
[08] Số CMND/CCCD/Số hộ chiếu vợ (chồng):

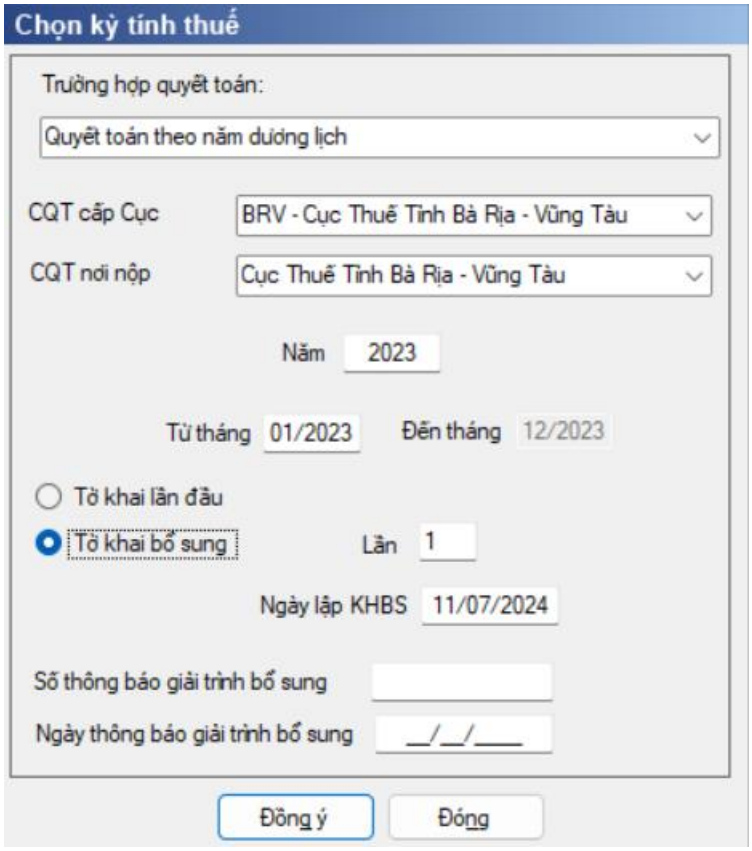
Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Loại giấy tờ (Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/GKS)	Số giấy tờ	Ngày sinh	Quan hệ với người nộp thuế	Thời gian được tính giảm trừ trong năm tính thuế	
							Từ tháng	Đến tháng
[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]
1								

- Chỉ tiêu [04]: Hiển thị theo thông tin tờ khai
- Chỉ tiêu [05]: Hiển thị theo thông tin tờ khai
- Chỉ tiêu [06]: Nhập kiểu text
- Chỉ tiêu [07]: Cho phép nhập. Kiểm tra đúng cấu trúc MST
- Chỉ tiêu [08]: Cho phép nhập
- Chỉ tiêu [09]: UD tự tăng/giảm khi thêm/bớt dòng
- Chỉ tiêu [10]: Họ và tên: Bắt buộc nhập kiểu text
- Chỉ tiêu [11]: Cho phép nhập. Kiểm tra đúng cấu trúc MST
- Chỉ tiêu [12]: Chọn trong danh mục
- Chỉ tiêu [13]: Bắt buộc nhập nếu không có MST
- Chỉ tiêu [14]: Nhập định dạng ngày <= ngày hiện tại
- Chỉ tiêu [15]: Chọn trong danh mục
- Chỉ tiêu [16]: Phải thuộc khoảng thời gian quyết toán
- Chỉ tiêu [17]: Phải thuộc thời gian quyết toán, kiểm tra Đến tháng >= Từ tháng

3.5.8.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

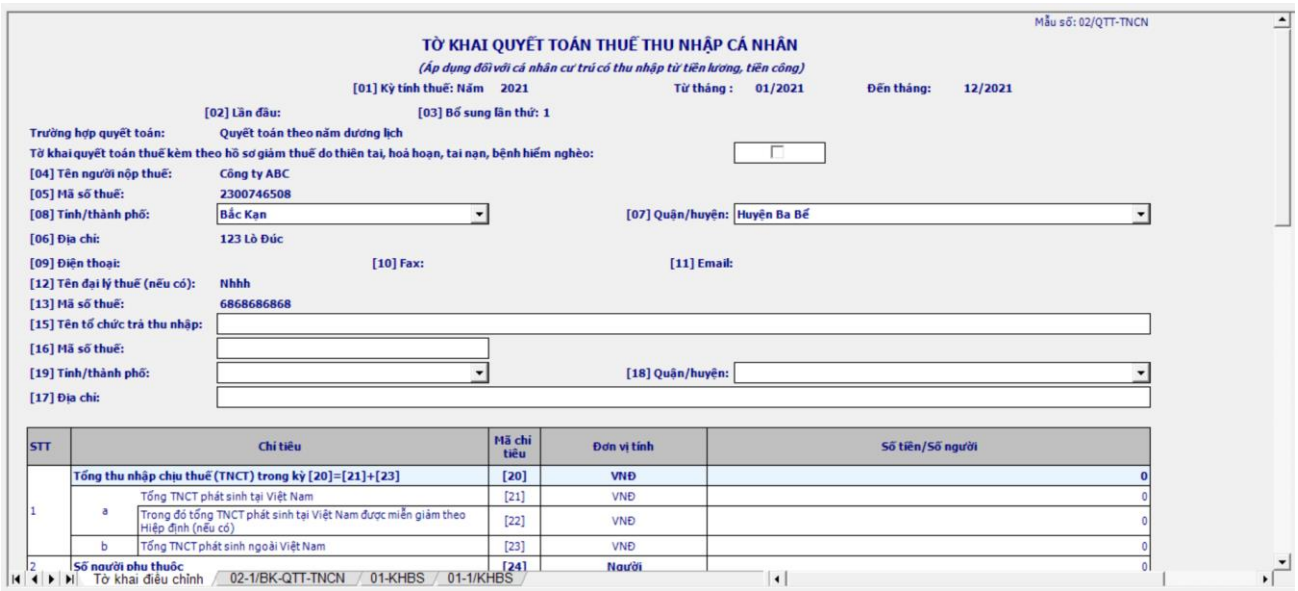
- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.



+ Số thông báo giải trình bổ sung: Nhập số thông báo CQT yêu cầu giải trình bổ sung (nếu có)

+ Ngày thông báo giải trình bổ sung: Nhập ngày CQT thông báo yêu cầu giải trình bổ sung (nếu có)

- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS" như sau:



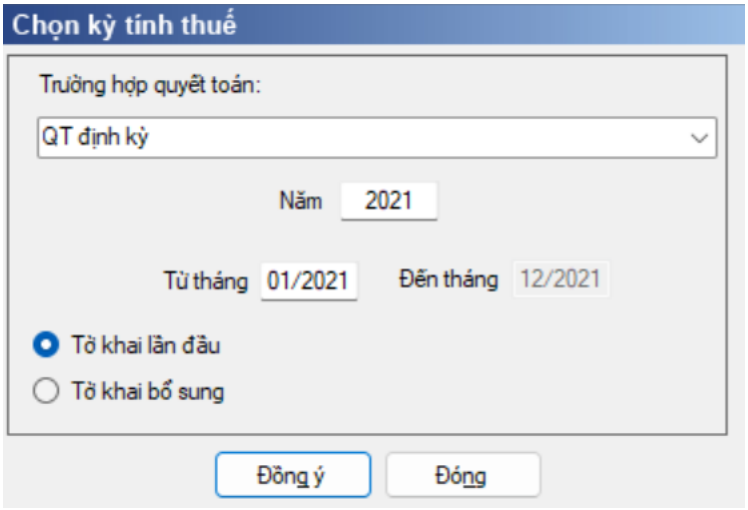
- Ứng dụng sẽ lấy dữ liệu của Tờ khai gần nhất trong cùng kỳ tính thuế làm dữ liệu mặc định trên Tờ khai điều chỉnh (Nếu là tờ khai bổ sung lần 1 thì lấy dữ liệu của tờ khai lần đầu, nếu là tờ khai bổ sung lần n thì lấy dữ liệu lần bổ sung n-1). NNT sẽ kê khai bổ sung điều chỉnh trực tiếp trên Tờ khai điều chỉnh, kê khai như tờ khai thay thế,

sau đó ứng dụng sẽ tự động lấy các chỉ tiêu điều chỉnh liên quan đến số thuế phải nộp lên KHBS, NNT không kê khai trên KHBS.

3.5.9 Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu 05/QTT-TNCN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

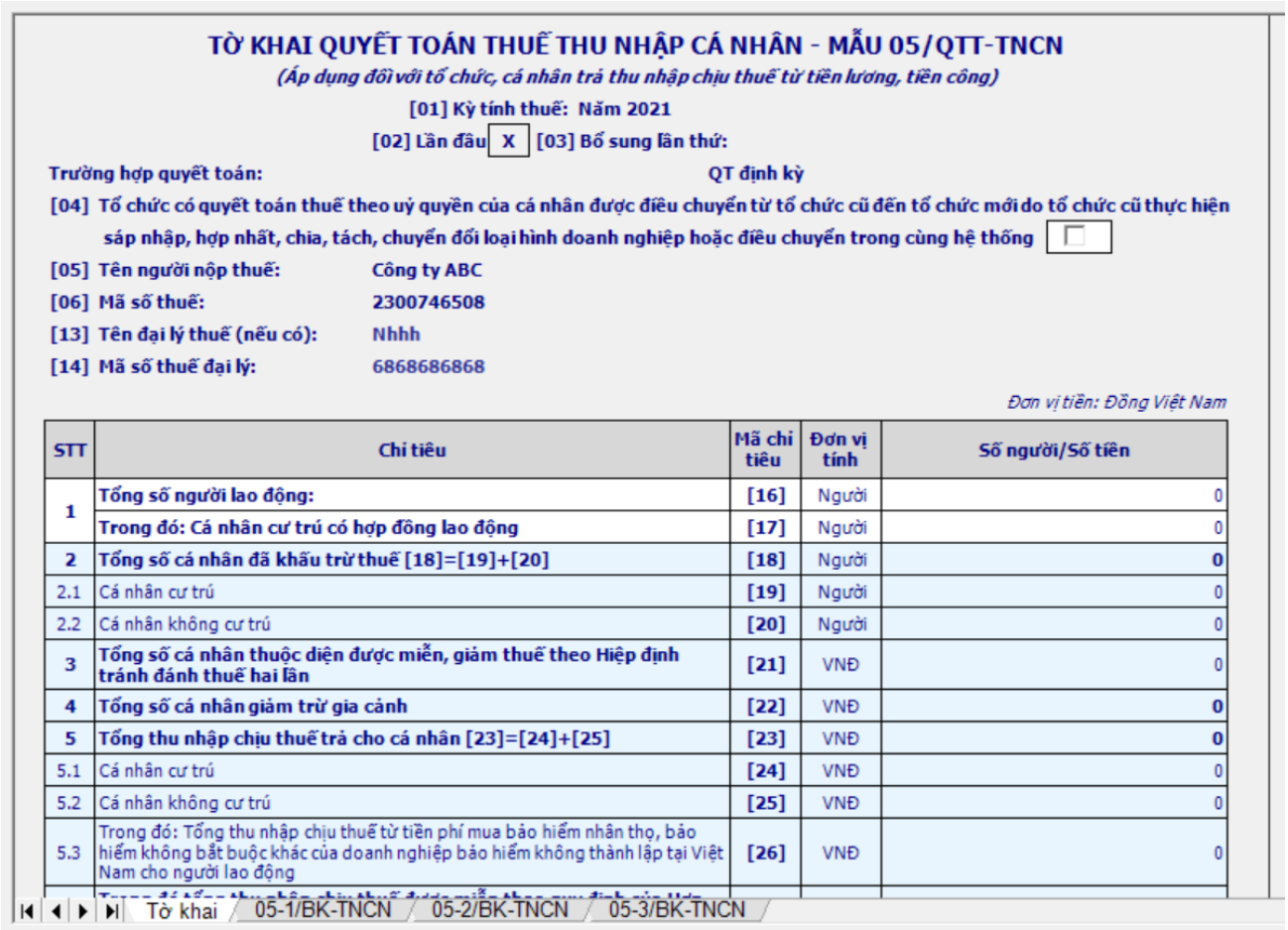
Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế thu nhập cá nhân" chọn "05/QTT-TNCN Tờ khai quyết toán thuế TNCN (TT80/2021).



- Trường hợp quyết toán bao gồm:
  + QT định kỳ
  + Giải thể, phá sản
  + Chuyển đổi loại hình (đối với trường hợp CPH)
  + Chấm dứt hoạt động
  + Tổ chức lại doanh nghiệp
- Hiệu lực: Hiệu lực theo kỳ tính thuế, áp dụng đối với kỳ tính thuế từ năm 2021.
- CQT nộp tờ khai: CQT quản lý NNT
- Chọn "Tờ khai lần đầu", sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai Quyết toán thuế TNCN đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công (05/QTT-TNCN) với hộp chọn "Chính thức" được đánh dấu "X" .

3.5.9.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu



TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN - MẪU 05/QTT-TNCN

(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ:

Trường hợp quyết toán: QT định kỳ

[04] Tổ chức có quyết toán thuế theo uỷ quyền của cá nhân được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới do tổ chức cũ thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp hoặc điều chuyển trong cùng hệ thống [ ]

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

[13] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[14] Mã số thuế đại lý: 6868686868

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số người/Số tiền
1	**Tổng số người lao động:**	[16]	Người	0
	Trong đó: Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động	[17]	Người	0
2	**Tổng số cá nhân đã khấu trừ thuế [18]=[19]+[20]**	[18]	Người	**0**
2.1	Cá nhân cư trú	[19]	Người	0
2.2	Cá nhân không cư trú	[20]	Người	0
3	**Tổng số cá nhân thuộc diện được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần**	[21]	VNĐ	0
4	**Tổng số cá nhân giảm trừ gia cảnh**	[22]	VNĐ	**0**
5	**Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân [23]=[24]+[25]**	[23]	VNĐ	**0**
5.1	Cá nhân cư trú	[24]	VNĐ	0
5.2	Cá nhân không cư trú	[25]	VNĐ	0
5.3	Trong đó: Tổng thu nhập chịu thuế từ tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động	[26]	VNĐ	0

Tờ khai | 05-1/BK-TNCN | 05-2/BK-TNCN | 05-3/BK-TNCN

- Chi tiết các chỉ tiêu:

+ Chỉ tiêu [16]: NNT nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 13 số

+ Chỉ tiêu [17]: UD hiển thị [17] = Tổng số lượng cá nhân trên BK 05-1 (tổng số dòng trên 05-1), cho phép sửa, kiểm tra [17] <= [16]

+ Chỉ tiêu [18]: UD tính theo công thức: [18]=[19]+[20], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [19]: UD tính theo công thức: [19] = Tổng số lượng cá nhân trên BK 05-1 có [22] >0 + Tổng số lượng cá nhân trên BK 05-2 có [15] >0 không đánh dấu ở [10], cho phép sửa

+ Chỉ tiêu [20]: UD tính theo công thức: [20] = Tổng số lượng cá nhân trên BK 05-2 có [15] >0 có đánh dấu ở [10], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [21]: UD tính theo công thức: [21] = Tổng số lượng cá nhân trên BK 05-1 có [14] >0 + Tổng số lượng cá nhân trên BK 05-2 có [13] >0, kiểm tra [21] <= [18]

+ Chỉ tiêu [22]: UD tính theo công thức: [22] = Tổng cột [16] trên BK 05-1, không cho sửa

+ Chỉ tiêu [23]: UD tính theo công thức: [23]=[24]+[25], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [24]: UD tính theo công thức: [24] = Tổng cột ([12] – [13] trên BK 05-1 + Tổng cột ([11]) trên BK 05-2 không đánh dấu ở [10], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [25]: UD tính theo công thức: [25] = Tổng cột ([11]) trên BK 05-2 có đánh dấu ở [10], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [26]: UD tính theo công thức: [26] = Tổng cột [12] trên BK 05-2, không cho sửa, kiểm tra [26] <= [23]

+ Chỉ tiêu [27]: UD tính theo công thức: [27] = Tổng cột [15] trên BK 05-1 + tổng cột [14] trên BK 05-2, không cho sửa

+ Chỉ tiêu [28]: UD tính theo công thức: [28]=[29]+[30], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [29]: UD tính theo công thức: [29] = Tổng cột [12] của dòng có [22]>0 trên BK 05-1 + Tổng cột ([11]) trên BK 05-2 không đánh dấu ở [10] và có [15]>0, không cho sửa

+ Chỉ tiêu [30]: UD tính theo công thức: [30] = Tổng cột ([11]) trên BK 05-2 có đánh dấu ở [10] và có [15]>0, không cho sửa

+ Chỉ tiêu [31]: UD tính theo công thức: [31]=[32]+[33], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [32]: UD tính theo công thức: [32] = Tổng cột ([22] – [23]) trên BK 05-1 + Tổng cột [15] trên BK 05-2 không đánh dấu ở [10], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [33]: UD tính theo công thức: [33] = Tổng cột [15] trên BK 05-2 có đánh dấu ở [10], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [34]: UD tính theo công thức: [34] = Tông cột [16] trên BK 05-2, Kiểm tra [34] = [26] * 10% và [34] <= [31], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [35]: UD tính theo công thức: [35] = Tổng số dòng trên BK 05-1 đánh dấu ở [10] hoặc [11], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [36]: UD tính theo công thức: [36] = Tổng [22] của những dòng có đánh dấu ở [10] hoặc [11] trên BK 05-1, không cho sửa

+ Chỉ tiêu [37]: UD tính theo công thức: [37] = Tổng [23] của những dòng có đánh dấu ở ([10] hoặc [11]) trên BK 05-1. Kiểm tra [37] <= [36], không cho sửa

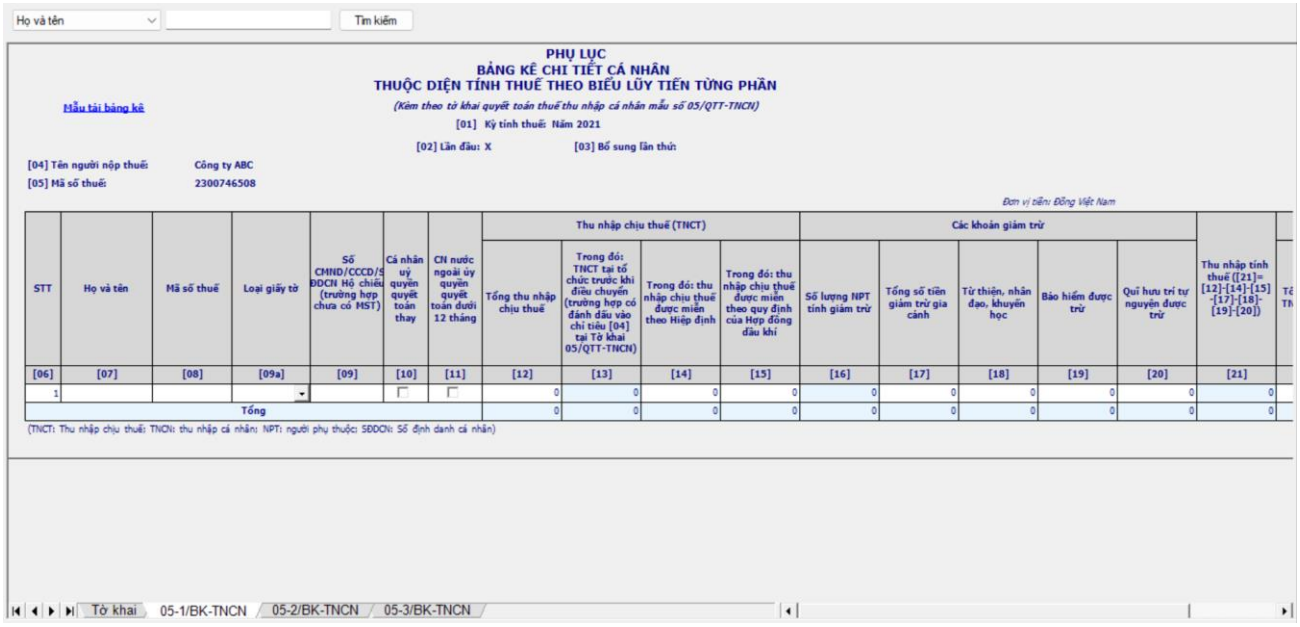
+ Chỉ tiêu [38]: UD tính theo công thức: [38] =Tổng [24] của những dòng có đánh dấu ở [10] hoặc [11] trên BK 05-1, không cho sửa

+ Chỉ tiêu [39]: UD tính theo công thức: [39] = Tổng cột [26] những dòng có đánh dấu ở [27] trên BK 05-1, không cho sửa

+ Chỉ tiêu [40]: UD tính theo công thức: [40] = ([38] – [36] – [39]) nếu ([38] – [36] – [39]) >=0, không cho sửa

+ Chỉ tiêu [41]: UD tính theo công thức: [40] = trị tuyệt đối ([38] – [36] – [39]) nếu ([38] – [36] – [39]) < 0, không cho sửa

3.5.9.1.1 Bảng kê 05-1/BK-QTT-TNCN:


Họ và tên | Tìm kiếm

PHỤ LỤC
BẢNG KÊ CHI TIẾT CÁ NHÂN
THUỘC DIỆN TÍNH THUẾ THEO BIỂU LŨY TIẾN TỪNG PHẦN

Mẫu tài bảng kê

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 05/QTT-TNCN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[02] Lần đầu: X [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Loại giấy tờ	Số CMND/CCCD/SĐDCN Hộ chiếu (trường hợp chưa có MST)	Cá nhân ủy quyền quyết toán thay	CN nước ngoài ủy quyền quyết toán dưới 12 tháng	Thu nhập chịu thuế (TNCT)				Các khoản giảm trừ					Thu nhập tính thuế ([21]=[12]-[14]-[15]-[17]-[18]-[19]-[20])	Tổ TN
							Tổng thu nhập chịu thuế	Trong đó: TNCT tại tổ chức trước khi điều chuyển (trường hợp có đánh dấu vào chỉ tiêu [04] tại Tờ khai 05/QTT-TNCN)	Trong đó: thu nhập chịu thuế được miễn theo Hiệp định	Trong đó: thu nhập chịu thuế được miễn theo quy định của Hợp đồng dầu khí	Số lượng NPT tính giảm trừ	Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học	Bảo hiểm được trừ	Quỹ hưu trí tự nguyện được trừ		
[06]	[07]	[08]	[09a]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]	[18]	[19]	[20]	[21]	
1							0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Tổng							0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

(TNCT: Thu nhập chịu thuế; TNCN: thu nhập cá nhân; NPT: người phụ thuộc; SĐDCN: Số định danh cá nhân)

Tờ khai | 05-1/BK-TNCN | 05-2/BK-TNCN | 05-3/BK-TNCN

- Các chỉ tiêu cần nhập:

+ Chỉ tiêu [06] tự động tăng giảm

+ Chỉ tiêu [07]: Cho phép NNT tự nhập

+ Chỉ tiêu [08]: Bắt buộc nhập nếu có đánh dấu ở [10] hoặc [11]

- Nếu không tích chọn "Người nước ngoài hoặc người Việt Nam sống ở nước ngoài không có mã định danh"
  - Nếu kỳ tính thuế trước 2025 thì cho nhập MST 10, 12 số
  - Nếu kỳ tính thuế từ 2025 trở đi thì MST phải là mã định danh 12 số
- Nếu tích chọn "Người nước ngoài hoặc người Việt Nam sống ở nước ngoài không có mã định danh" thì MST là mã 10 số

+ Người nước ngoài hoặc người Việt Nam sống ở nước ngoài không có mã định danh: Cho phép tích chọn

- Trường hợp tích chọn: Nếu chọn "Loại giấy tờ" thì phải là là "Hộ chiếu"
- Trường hợp không tích chọn:
  - Đối với kỳ 2021, 2022, 2023: Nếu chọn "Loại giấy tờ" thì phải là "Thẻ CCCD/số định danh cá nhân" hoặc "CNMD"
  - Đối với kỳ >= 2024: Nếu chọn "Loại giấy tờ" thì phải là "Thẻ CCCD/số định danh cá nhân"

+ Chỉ tiêu [09]: Bắt buộc nhập nếu không có [08]

+ Chỉ tiêu [10], [11]: Cho phép tích chọn

+ Chỉ tiêu [12], [13]: NNT nhập số, không âm, <= [12], Cho phép nhập giá trị <> 0 nếu có dánh dấu chỉ tiêu [04] tại Tờ khai

+ Chỉ tiêu [14], [15]: NNT nhập số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 số, <=[12]

+ Chỉ tiêu [16]: NNT nhập số, không âm, Đếm số lượng NPT ở Bảng kê 05-3 theo từng MST

+ Chỉ tiêu [17]: Mặc định = số giảm trừ bản thân + giảm trừ NPT, cho phép sửa nhưng không > số UD đã tính mặc định

+ Chỉ tiêu [18], [19]: NNT nhập số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 số

+ Chỉ tiêu [20]: NNT nhập số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 số, <=12.000.000

+ Chỉ tiêu [21]: UD tính theo công thức: ([21]= [12]-[14]-[15]-[17] –[18] –[19]-[20]), nếu [21] < 0 thì hiển thị =0, không cho sửa

+ Chỉ tiêu [22]: NNT nhập số, không âm, mặc định là 0, tối đa 13 số

+ Chỉ tiêu [23]: NNT nhập số, không âm, <= [22], Cho phép nhập giá trị <> 0 nếu có dánh dấu chỉ tiêu [04] tại Tờ khai

+ Chỉ tiêu [24]:

- Tích ct [10]: UD tính theo biểu lũy tiến của số tháng quyết toán của DN, không sửa Nhập kiểu số
- Tích ct [11]: UD tính theo biểu lũy tiến của số tháng quyết toán của DN, cho sửa

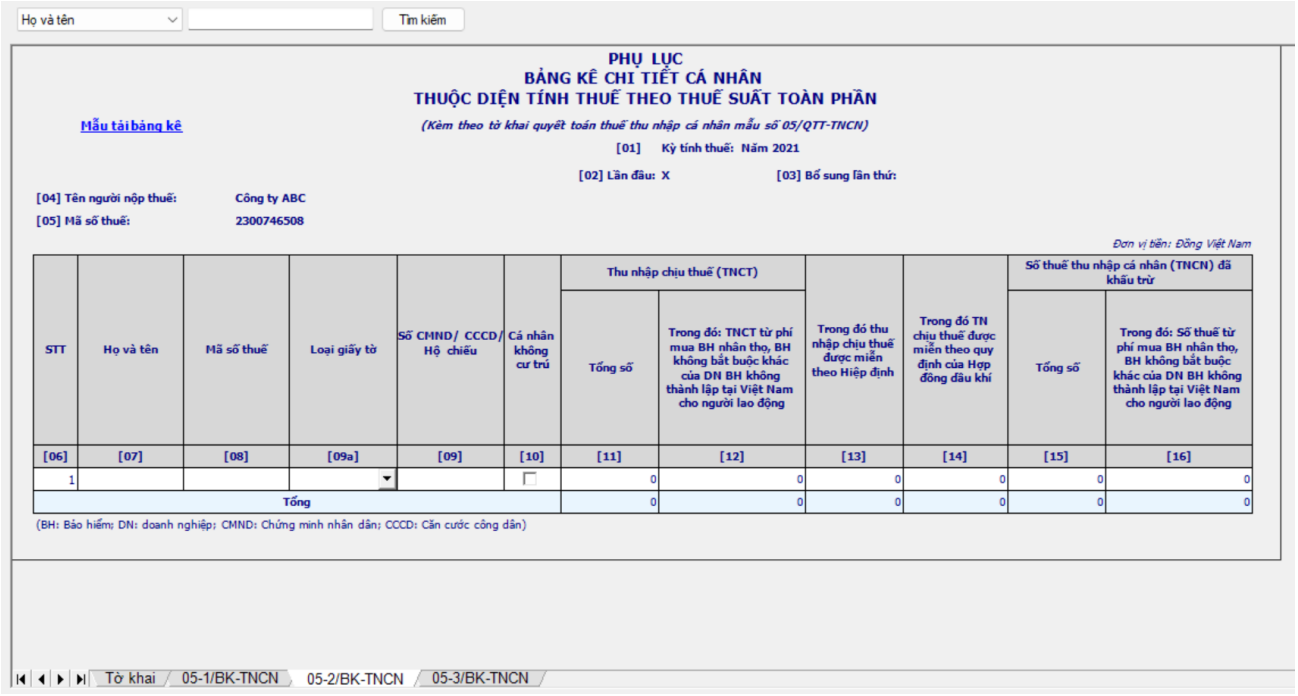
+ Chỉ tiêu [25]:

- Nếu tích 10 UD tính theo công thức: [25] = trị tuyệt đối ([24] – [22]) nếu ([24] – [22]) < 0, không cho sửa
- Nếu tích [11] UD tính theo công thức: 25] = trị tuyệt đối ([24] – [22]) nếu ([24] – [22]) < 0, cho sửa

+ Chỉ tiêu [26]: UD tính theo công thức: [26] = [24] – [22] > 0

+ Chỉ tiêu [27]: Nếu chọn thì [26] phải <50.000

3.5.9.1.2 Bảng kê 05-2/BK-QTT-TNCN:



Chi tiết các chỉ tiêu:

- Chỉ tiêu [06] tự tăng khi thêm dòng
- Chỉ tiêu [07]: Cho phép nhập
- Chỉ tiêu [08]: Bắt buộc nhập nếu có đánh dấu ở [10] hoặc [11]

+ Nếu không tích chọn "Người nước ngoài hoặc người Việt Nam sống ở nước ngoài không có mã định danh" thì MST phải là mã định danh 12 số

+ Nếu tích chọn "Người nước ngoài hoặc người Việt Nam sống ở nước ngoài không có mã định danh" thì MST là mã 10 số

- Người nước ngoài hoặc người Việt Nam sống ở nước ngoài không có mã định danh: Cho phép tích chọn

+ Trường hợp tích chọn:

• Nếu chọn "Loại giấy tờ" thì phải là là "Hộ chiếu"

+ Trường hợp không tích chọn:

• Đối với kỳ 2021, 2022, 2023: Nếu chọn "Loại giấy tờ" thì phải là "Thẻ CCCD/số định danh cá nhân" hoặc "CMND"

• Đối với kỳ >=2024: Nếu chọn "Loại giấy tờ" thì phải là "Thẻ CCCD/số định danh cá nhân"

- Chỉ tiêu [09a]: Bắt buộc nhập nếu không có [08], Cho phép lựa chọn 1 trong các loại giấy tờ: Thẻ CCCD/số định danh cá nhân, Hộ chiếu

- Chỉ tiêu [09]: Bắt buộc nhập nếu không có [08]

- Chỉ tiêu [10]: Cho phép NNT tích chọn

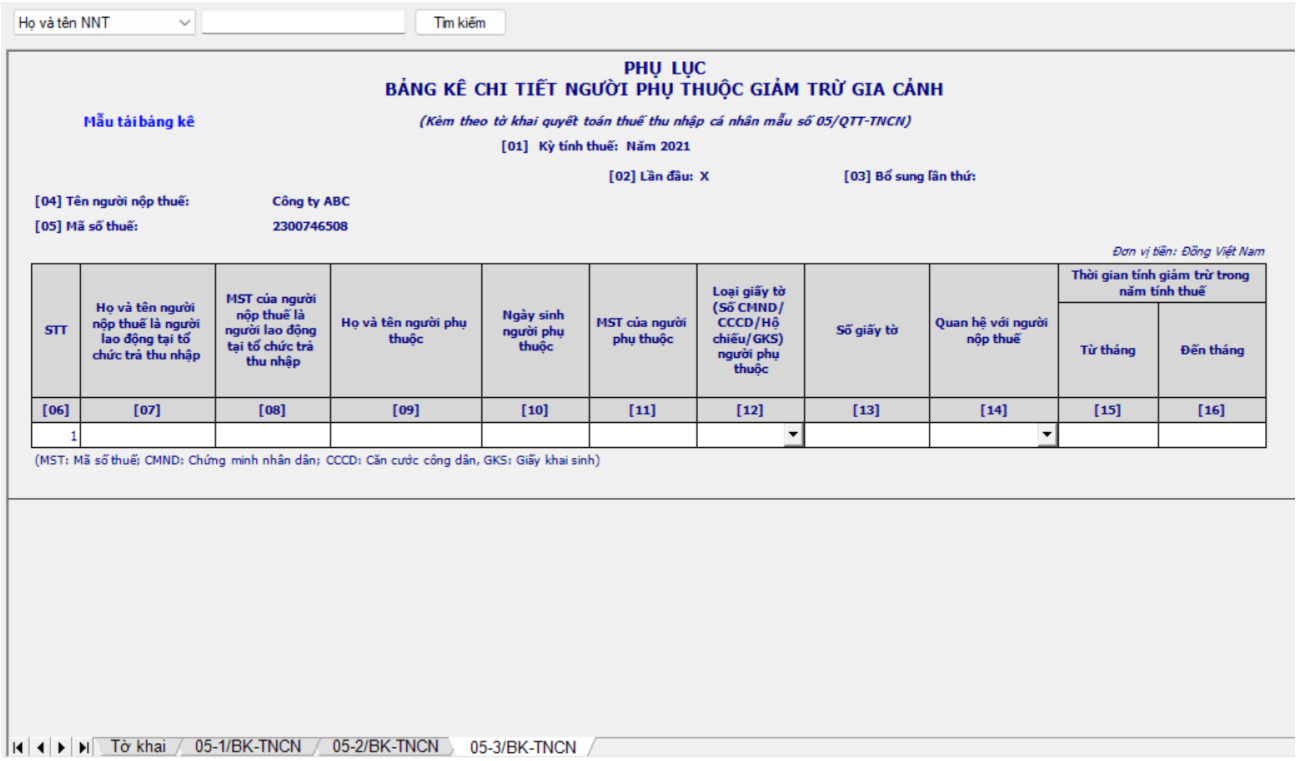
- Chỉ tiêu [11]: NNT nhập số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số

- Chỉ tiêu [12], [13], [14]: NNT nhập số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số, <= [11]

- Chỉ tiêu [15]: NNT nhập số, không âm, mặc định là 0, tối đa 13 chữ số

- Chỉ tiêu [16]: UD tính [16] = [12] * 10%, cho phép sửa kiểu số >=0 và kiểm tra <= [15]

3.5.9.1.3 Bảng kê 05-3/QTT-TNCN:



- ***Các chỉ tiêu cần nhập:*** Kiểm tra không được trùng các cột [8], [11], [12], [13]

+ Chỉ tiêu [06] tự động thêm dòng.

+ Chỉ tiêu [07]: cho phép NSD tự nhập kiểu text, bắt buộc nhập, nhập tối đa 100 kí tự.

+ Chỉ tiêu [08]: Bắt buộc nhập MST 10, 12 số; kiểm tra đúng cấu trúc mã số thuế

+ Chỉ tiêu [09]: cho phép NSD tự nhập kiểu text, bắt buộc nhập, nhập tối đa 100 kí tự.

+ Chỉ tiêu [10]: NSD nhập kiểu dd/mm/yyyy. Kiểm tra ngày sinh không được lớn hơn ngày hiện tại và phải nhỏ hơn hoặc bằng từ tháng giảm trừ

+ Chỉ tiêu [11]: Kiểm tra đúng cấu trúc mã số thuế và không được trùng với MST của người nộp thuế, nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo vàng

- Nếu không tích chọn "Người nước ngoài hoặc người Việt Nam sống ở nước ngoài không có mã định danh" thì MST phải là mã định danh 12 số
- Nếu tích chọn "Người nước ngoài hoặc người Việt Nam sống ở nước ngoài không có mã định danh" thì MST là mã 10 số

+ Người nước ngoài hoặc người Việt Nam sống ở nước ngoài không có mã định danh: Cho phép tích chọn

- Trường hợp tích chọn: Kiểm tra "Loại giấy tờ" thì phải là là "Hộ chiếu hoặc Giấy khai sinh hoặc Khác"
- Trường hợp không tích chọn: Kiểm tra "Loại giấy tờ" thì phải là "Thẻ CCCD/số định danh cá nhân"

+ Chỉ tiêu [12]: Bắt buộc nhập nếu không có MST, chọn trong danh mục gồm "Thẻ CCCD/số định danh cá nhân, Hộ chiếu"

+ Chỉ tiêu [13]: Bắt buộc nhập nếu không có MST

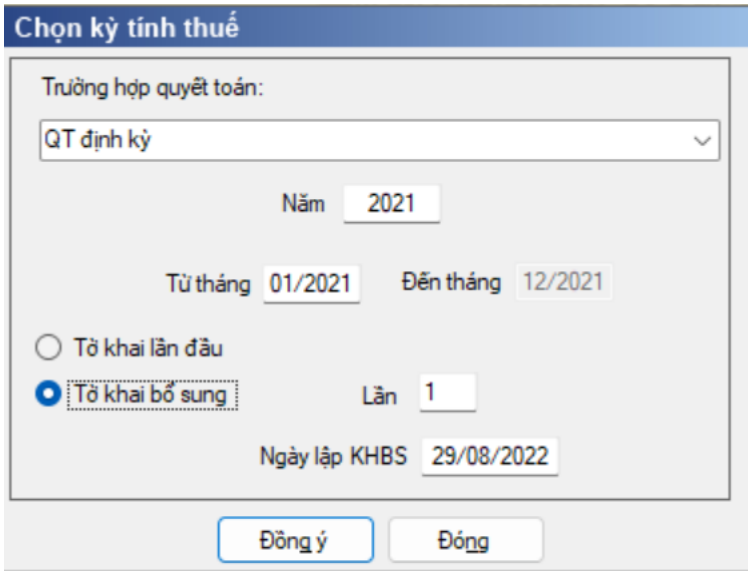
+ Chỉ tiêu [14]: Bắt buộc nhập Cho phép NSD chọn trong danh mục

+ Chỉ tiêu [15]: NNT nhập dạng MM/YYYY, phải thuộc khoảng thời gian quyết toán

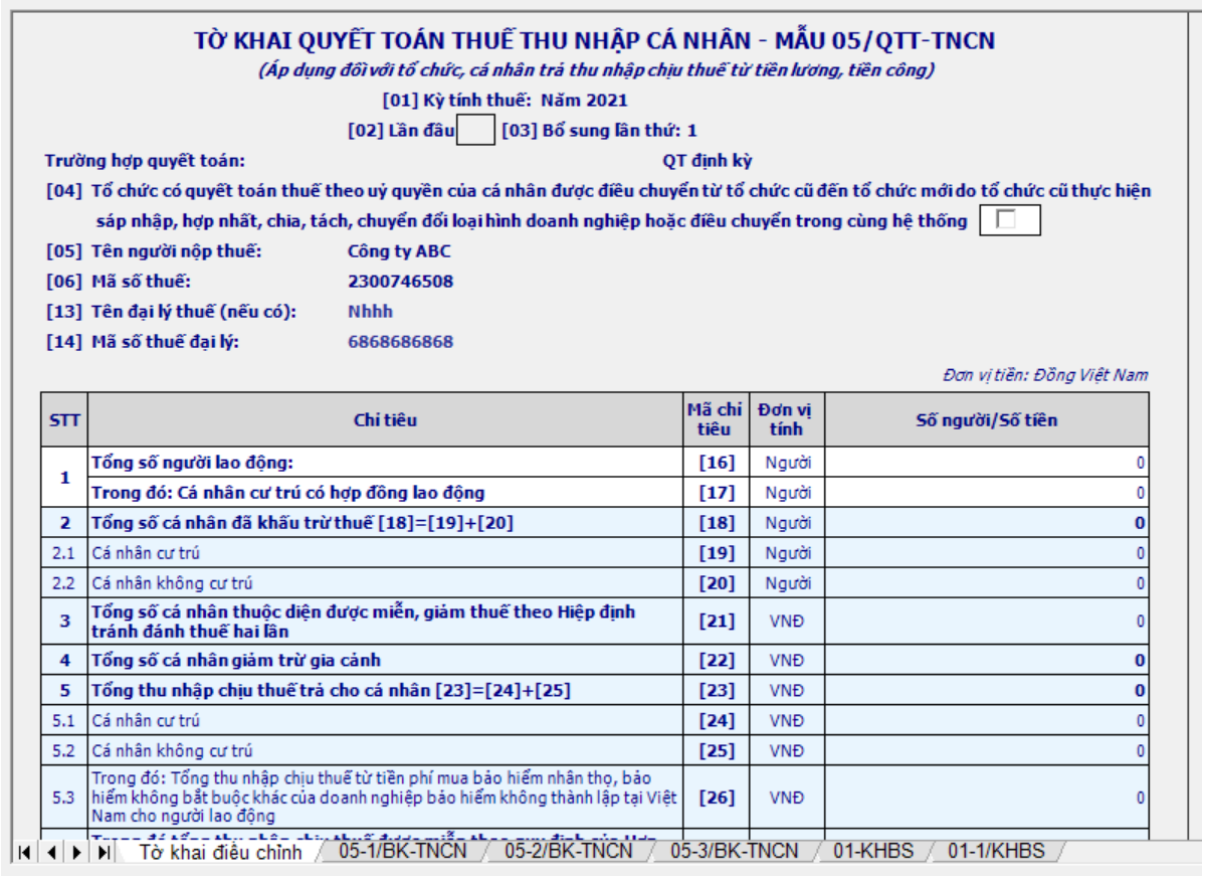
+ Chỉ tiêu [16]: NNT nhập dạng MM/YYYY, phải thuộc khoảng thời gian quyết toán, kiểm tra Đến tháng >= Từ tháng

3.5.9.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.



- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS" như sau:



TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN - MẪU 05/QTT-TNCN

(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[02] Lần đầu ☐ [03] Bổ sung lần thứ: 1

Trường hợp quyết toán: QT định kỳ

[04] Tổ chức có quyết toán thuế theo uỷ quyền của cá nhân được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới do tổ chức cũ thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp hoặc điều chuyển trong cùng hệ thống ☐

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

[13] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[14] Mã số thuế đại lý: 6868686868

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

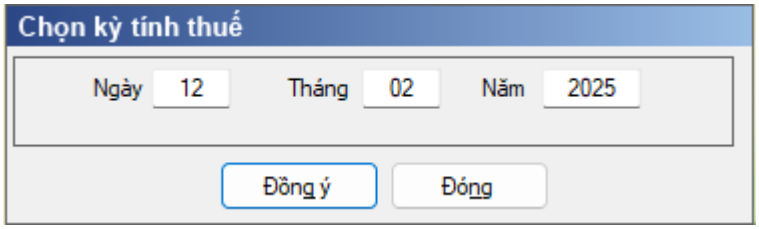
STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số người/Số tiền
1	Tổng số người lao động:	[16]	Người	0
	Trong đó: Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động	[17]	Người	0
2	Tổng số cá nhân đã khấu trừ thuế [18]=[19]+[20]	[18]	Người	0
2.1	Cá nhân cư trú	[19]	Người	0
2.2	Cá nhân không cư trú	[20]	Người	0
3	Tổng số cá nhân thuộc diện được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần	[21]	VNĐ	0
4	Tổng số cá nhân giảm trừ gia cảnh	[22]	VNĐ	0
5	Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân [23]=[24]+[25]	[23]	VNĐ	0
5.1	Cá nhân cư trú	[24]	VNĐ	0
5.2	Cá nhân không cư trú	[25]	VNĐ	0
5.3	Trong đó: Tổng thu nhập chịu thuế từ tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động	[26]	VNĐ	0

- Ứng dụng sẽ lấy dữ liệu của Tờ khai gần nhất trong cùng kỳ tính thuế làm dữ liệu mặc định trên Tờ khai điều chỉnh (Nếu là tờ khai bổ sung lần 1 thì lấy dữ liệu của tờ khai lần đầu, nếu là tờ khai bổ sung lần n thì lấy dữ liệu lần bổ sung n-1). NNT sẽ kê khai bổ sung điều chỉnh trực tiếp trên Tờ khai điều chỉnh, kê khai như tờ khai thay thế, sau đó ứng dụng sẽ tự động lấy các chỉ tiêu điều chỉnh liên quan đến số thuế phải nộp lên KHBS, NNT không kê khai trên KHBS.

3.5.10 Tờ khai đăng ký thuế tổng hợp người phụ thuộc của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công (mẫu 20-ĐK-TH-TCT) (TT86/2024)

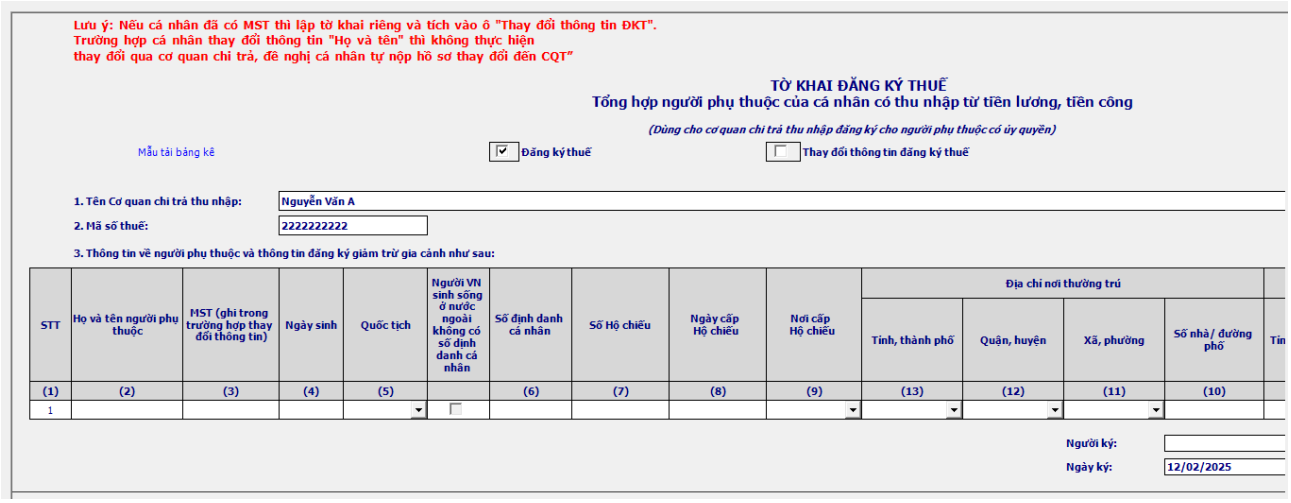
Cách gọi:

– Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Thu nhập Cá nhân" chọn "20-ĐK-TH-TCT đăng ký thuế tổng hợp NPT của CN có thu nhập từ TL,TC (TT86/2024)".



– Nhập ngày kê khai, nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai

3.5.10.1 Trường hợp NNT tích chọn "Đăng ký thuế"



- Các chỉ tiêu cần nhập:

+ (1) STT: Ứng dụng tự động tăng/giảm khi thêm/bớt dòng

+ (2) Họ và tên người phụ thuộc: Nhập dạng text, tối đa 100 ký tự. UD bắt buộc nhập.

+ (3) Mã số thuế (ghi trong trường hợp thay đổi thông tin): UD không cho phép nhập chỉ tiêu này.

+ (4) Ngày sinh: Nhập dạng DD/MM/YYYY. UD bắt buộc nhập và kiểm tra ngày sinh <= ngày hiện tại

+ (5) Quốc tịch: UD bắt buộc chọn trong danh mục quốc gia.

+ Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân: Cho phép tích chọn nếu chỉ tiêu (5) là Việt Nam

+ (6) Số định danh cá nhân:

- Bắt buộc nhập nếu chọn Quốc tịch là "Việt Nam" và không tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân
- Phải đúng số định danh 12 số

+ (7) Số Hộ chiếu:

- Bắt buộc nhập nếu thỏa mãn 1 trong 2 trường hợp sau:

- TH1: Chọn (5) Quốc tịch khác "Việt Nam"
- TH2: Chọn (5) Quốc tịch "Việt Nam" và tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số dịnh danh cá nhân

- Không cho nhập nếu chọn (5) Quốc tịch là "Việt Nam" và không tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số dịnh danh cá nhân

+ (8) Ngày cấp Hộ chiếu: Nhập dạng DD/MM/YYYY.

- Bắt buộc nhập nếu thỏa mãn 1 trong 2 trường hợp sau:
  - TH1: Chọn (5) Quốc tịch khác "Việt Nam"
  - TH2: Chọn (5) Quốc tịch "Việt Nam" và tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số dịnh danh cá nhân
- Không cho nhập nếu chọn (5) Quốc tịch là "Việt Nam" và không tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số dịnh danh cá nhân
- Nhập dạng DD/MM/YYYY, ngày cấp <= ngày hiện tại và ngày cấp > ngày sinh

+ (9) Nơi cấp Hộ chiếu:

- Bắt buộc chọn trong danh mục nếu thỏa mãn 1 trong 2 trường hợp sau:
  - TH1: Chọn (5) Quốc tịch khác "Việt Nam"
  - TH2: Chọn (5) Quốc tịch "Việt Nam" và tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số dịnh danh cá nhân
- Không cho nhập nếu chọn (5) Quốc tịch là "Việt Nam" và không tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số dịnh danh cá nhân

+ **Địa chỉ nơi thường trú**: Nhập theo thứ tự Tỉnh/thành phố -> Quận/Huyện -> Xã/phường

- (10) Số nhà/ đường phố: Nhập dạng text, tối đa 60 ký tự. UD bắt buộc nhập
- (13) Tỉnh/Thành phố: Bắt buộc chọn trong danh mục 63 tỉnh
- (12) Quận/ Huyện: Bắt buộc chọn trong danh mục Quận, huyện thuộc Tỉnh, thành phố đã chọn ở chỉ tiêu (13)
- (11) Phường/ Xã: Bắt buộc chọn trong danh mục Xã, phường thuộc Quận, huyện đã chọn ở chỉ tiêu (12).

+ Địa chỉ hiện tại:

- (14) Số nhà/đường phố: Nhập dạng text, tối đa 60 ký tự. UD bắt buộc nhập
- (17) Tỉnh/Thành phố: UD bắt buộc chọn trong danh mục Tỉnh/ Thành phố thuộc Việt Nam.
- (16) Quận/ Huyện: UD bắt buộc chọn trong danh mục Quận/Huyện thuộc tỉnh/thành phố đã chọn.
- (15) Phường/ Xã: UD bắt buộc chọn trong danh mục Phường/Xã thuộc quận/huyện đã chọn.

+ (18) Quan hệ với cá nhân có thu nhập được giảm trừ: Bắt buộc chọn trong danh mục

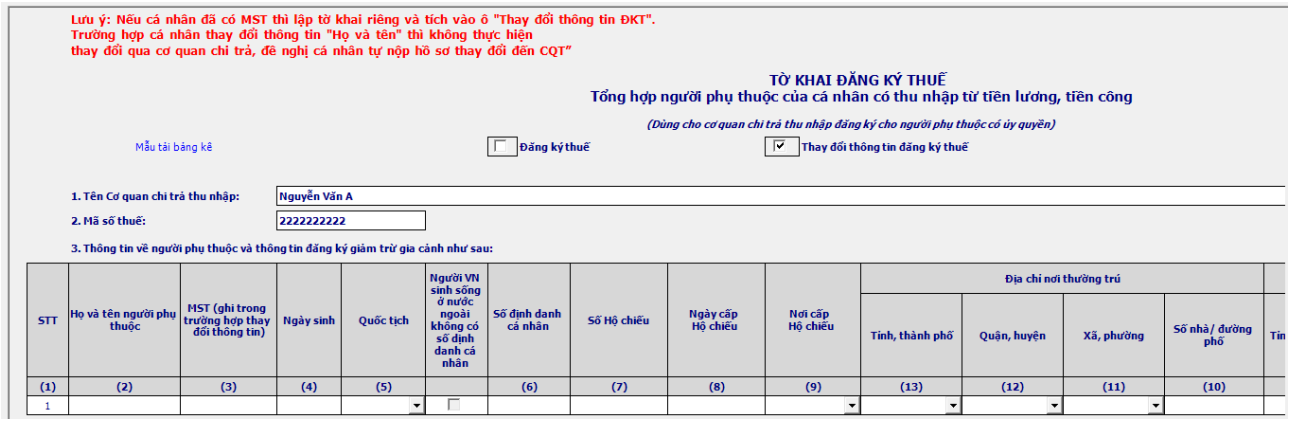
+ (19) Tên cá nhân có thu nhập: UD bắt buộc nhập

+ (20) MST cá nhân có thu nhập: UD bắt buộc nhập

+ (21) Thời gian bắt đầu tính giảm trừ: Bắt buộc nhập theo đúng định dạng mm/yyyy

+ (22) Thời gian kết thúc tính giảm trừ: Nhập theo đúng định dạng mm/yyyy. Chỉ tiêu (22) phải >= chỉ tiêu (21)

3.5.10.2 Trường hợp NNT tích chọn "Thay đổi thông tin đăng ký thuế"



Lưu ý: Nếu cá nhân đã có MST thì lập tờ khai riêng và tích vào ô "Thay đổi thông tin ĐKT".
Trường hợp cá nhân thay đổi thông tin "Họ và tên" thì không thực hiện thay đổi qua cơ quan chi trả, đề nghị cá nhân tự nộp hồ sơ thay đổi đến CQT"

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ
Tổng hợp người phụ thuộc của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công
(Dùng cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký cho người phụ thuộc có ủy quyền)

Mẫu tài bảng kê | Đăng ký thuế | Thay đổi thông tin đăng ký thuế

1. Tên Cơ quan chi trả thu nhập: Nguyễn Văn A
2. Mã số thuế: 2222222222
3. Thông tin về người phụ thuộc và thông tin đăng ký giảm trừ gia cảnh như sau:

STT	Họ và tên người phụ thuộc	MST (ghi trong trường hợp thay đổi thông tin)	Ngày sinh	Quốc tịch	Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân	Số định danh cá nhân	Số Hộ chiếu	Ngày cấp Hộ chiếu	Nơi cấp Hộ chiếu	Địa chỉ nơi thường trú				
										Tỉnh, thành phố	Quận, huyện	Xã, phường	Số nhà/ đường phố	Tin
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	(8)	(9)	(13)	(12)	(11)	(10)	
1														

– Các chỉ tiêu cần nhập:

+ (1) STT: Ứng dụng tự động tăng/giảm khi thêm/bớt dòng

+ (2) Họ và tên người nộp thuế: Khóa không cho phép nhập

+ (3) Mã số thuế-nếu có (ghi trong trường hợp thay đổi thông tin): Bắt buộc nhập thông tin

+ (4) Ngày sinh: Nhập dạng DD/MM/YYYY. UD bắt buộc nhập và kiểm tra ngày sinh <= ngày hiện tại

+ (5) Quốc tịch: UD bắt buộc chọn trong danh mục quốc gia.

+ Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân: Cho phép tích chọn nếu chỉ tiêu (5) là Việt Nam

+ (6) Số định danh cá nhân:

- Bắt buộc nhập nếu chọn Quốc tịch là "Việt Nam" và không tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số dịnh danh cá nhân
- Phải đúng số định danh 12 số

+ (7) Số Hộ chiếu:

- Bắt buộc nhập nếu thỏa mãn 1 trong 2 trường hợp sau:
  - TH1: Chọn (5) Quốc tịch khác "Việt Nam"
  - TH2: Chọn (5) Quốc tịch "Việt Nam" và tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số dịnh danh cá nhân
- Không cho nhập nếu chọn (5) Quốc tịch là "Việt Nam" và không tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số dịnh danh cá nhân

+ (8) Ngày cấp Hộ chiếu: Nhập dạng DD/MM/YYYY.

- Bắt buộc nhập nếu thỏa mãn 1 trong 2 trường hợp sau:
  - TH1: Chọn (5) Quốc tịch khác "Việt Nam"

o TH2: Chọn (5) Quốc tịch "Việt Nam" và tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số dịnh danh cá nhân

- Không cho nhập nếu chọn (5) Quốc tịch là "Việt Nam" và không tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số dịnh danh cá nhân
- Nhập dạng DD/MM/YYYY, ngày cấp <= ngày hiện tại và ngày cấp > ngày sinh

+ (9) Nơi cấp Hộ chiếu:

- Bắt buộc chọn trong danh mục nếu thỏa mãn 1 trong 2 trường hợp sau:
  - o TH1: Chọn (5) Quốc tịch khác "Việt Nam"
  - o TH2: Chọn (5) Quốc tịch "Việt Nam" và tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số dịnh danh cá nhân
- Không cho nhập nếu chọn (5) Quốc tịch là "Việt Nam" và không tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số dịnh danh cá nhân

+ **Địa chỉ nơi thường trú**: Cho phép để trống, nếu nhập thì phải nhập đủ các chỉ tiêu (10), (11), (12), (13)

- o (10) Số nhà/ đường phố: Nhập dạng text, tối đa 60 ký tự.
- o (13) Tỉnh/Thành phố: chọn trong danh mục 63 tỉnh
- o (12) Quận/ Huyện: chọn trong danh mục Quận, huyện thuộc Tỉnh, thành phố đã chọn ở chỉ tiêu (13).
- o (11) Phường/ Xã: chọn trong danh mục Xã, phường thuộc Quận, huyện đã chọn ở chỉ tiêu (12).

+ **Địa chỉ hiện tại**: UD không bắt buộc nhập. Nếu sửa 1 giá trị trong địa chỉ hiện tại thì bắt buộc nhập các địa chỉ còn lại

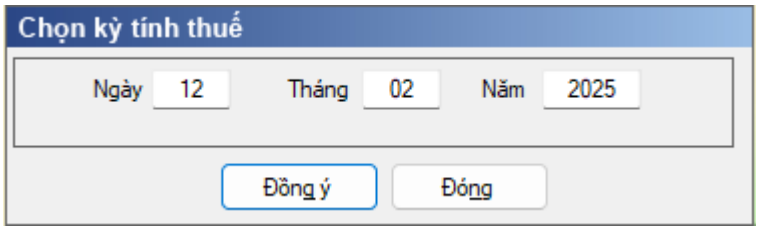
- (14) Số nhà/đường phố: Nhập dạng text, tối đa 60 ký tự
- (17) Tỉnh/Thành phố: Chọn trong danh mục Tỉnh/ Thành phố thuộc Việt Nam.
- (16) Quận/ Huyện: Chọn trong danh mục Quận/Huyện thuộc tỉnh/thành phố đã chọn.
- (15) Phường/ Xã: Chọn trong danh mục Phường/Xã thuộc quận/huyện đã chọn.

+ (18) Quan hệ với cá nhân có thu nhập được giảm trừ: chọn trong danh mục
+ (19) Tên cá nhân có thu nhập: Nhập text
+ (20) MST cá nhân có thu nhập: UD bắt buộc nhập
+ (21) Thời gian bắt đầu tính giảm trừ: nhập theo đúng định dạng mm/yyyy
+ (22) Thời gian kết thúc tính giảm trừ: Nhập theo đúng định dạng mm/yyyy. Chỉ tiêu (22) phải >= chỉ tiêu (21)

3.5.11 Tờ khai đăng ký thuế tổng hợp của cá nhân có thu nhập từ tiền công, tiền lương (mẫu 05-ĐK-TH-TCT) (TT86/2024)

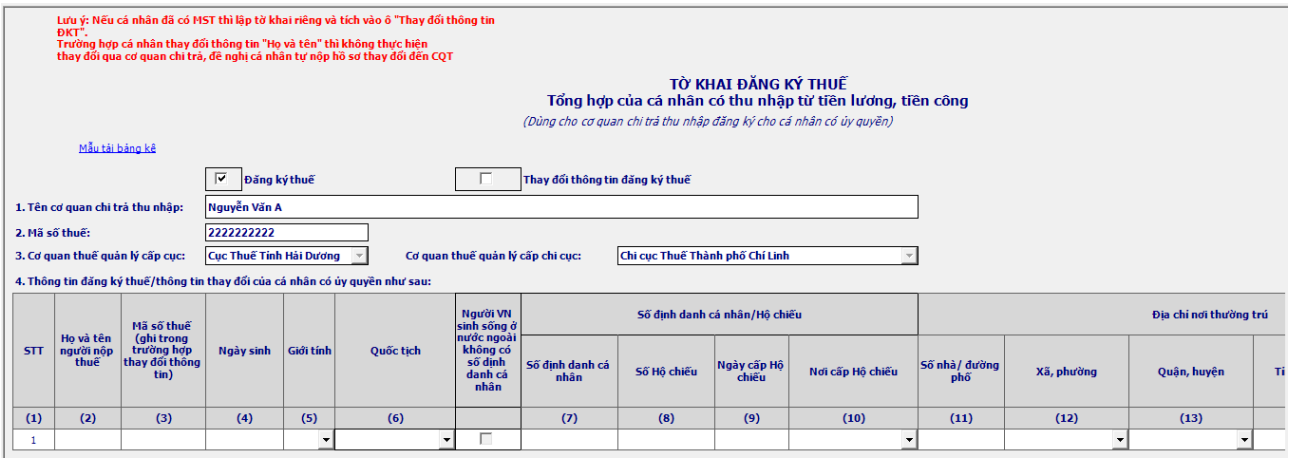
Cách gọi:

– Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Thu nhập Cá nhân" chọn "05-ĐK-TH-TCT Tờ khai đăng ký thuế qua cơ quan chi trả (TT86/2024)".



– Nhập ngày kê khai, nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai

3.5.11.1 Trường hợp NNT tích chọn "Đăng ký thuế"


Lưu ý: Nếu cá nhân đã có MST thì lập tờ khai riêng và tích vào ô "Thay đổi thông tin ĐKT".
Trường hợp cá nhân thay đổi thông tin "Họ và tên" thì không thực hiện thay đổi qua cơ quan chi trả, đề nghị cá nhân tự nộp hồ sơ thay đổi đến CQT

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ
Tổng hợp của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công
(Dùng cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký cho cá nhân có ủy quyền)

Mẫu tải bảng kê

☑ Đăng ký thuế ☐ Thay đổi thông tin đăng ký thuế

1. Tên cơ quan chi trả thu nhập: Nguyễn Văn A
2. Mã số thuế: 2222222222
3. Cơ quan thuế quản lý cấp cục: Cục Thuế Tỉnh Hải Dương — Cơ quan thuế quản lý cấp chi cục: Chi cục Thuế Thành phố Chí Linh
4. Thông tin đăng ký thuế/thông tin thay đổi của cá nhân có ủy quyền như sau:

STT	Họ và tên người nộp thuế	Mã số thuế (ghi trong trường hợp thay đổi thông tin)	Ngày sinh	Giới tính	Quốc tịch	Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân	Số định danh cá nhân/Hộ chiếu				Địa chỉ nơi thường trú			
							Số định danh cá nhân	Số Hộ chiếu	Ngày cấp Hộ chiếu	Nơi cấp Hộ chiếu	Số nhà/ đường phố	Xã, phường	Quận, huyện	Tỉ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)		(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
1						☐								

- Các chỉ tiêu cần nhập:

+ (1) STT: Ứng dụng tự động tăng/giảm khi thêm/bớt dòng

+ (2) Họ và tên người nộp thuế: Nhập dạng text, tối đa 100 ký tự. UD bắt buộc nhập.

+ (3) Mã số thuế (ghi trong trường hợp thay đổi thông tin): UD không cho phép nhập chỉ tiêu này.

+ (4) Ngày sinh: Nhập dạng DD/MM/YYYY. UD bắt buộc nhập và kiểm tra ngày sinh <= ngày hiện tại

+ (5) Giới tính: UD bắt buộc chọn trong Danh mục : Nam/Nữ.

+ (6) Quốc tịch: UD bắt buộc chọn trong danh mục quốc gia.

+ Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân: Cho phép tích chọn nếu chỉ tiêu (6) là Việt Nam

+ (7) Số định danh cá nhân:

- Bắt buộc nhập nếu chọn Quốc tịch là "Việt Nam" và không tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân
- Phải đúng số định danh 12 số

+ (8) Số Hộ chiếu:

- Bắt buộc nhập nếu thỏa mãn 1 trong 2 trường hợp sau:
  - TH1: Chọn (6) Quốc tịch khác "Việt Nam"
  - TH2: Chọn (6) Quốc tịch "Việt Nam" và tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân

- Không cho nhập nếu chọn (6) Quốc tịch là "Việt Nam" và không tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân

+ (9) Ngày cấp Hộ chiếu: Nhập dạng DD/MM/YYYY.

- Bắt buộc nhập nếu thỏa mãn 1 trong 2 trường hợp sau:
  - TH1: Chọn (6) Quốc tịch khác "Việt Nam"
  - TH2: Chọn (6) Quốc tịch "Việt Nam" và tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân
- Không cho nhập nếu chọn (6) Quốc tịch là "Việt Nam" và không tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân
- Nhập dạng DD/MM/YYYY, ngày cấp <= ngày hiện tại và ngày cấp > ngày sinh

+ (10) Nơi cấp Hộ chiếu:

- Bắt buộc chọn trong danh mục nếu thỏa mãn 1 trong 2 trường hợp sau:
  - TH1: Chọn (6) Quốc tịch khác "Việt Nam"
  - TH2: Chọn (6) Quốc tịch "Việt Nam" và tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân
- Không cho nhập nếu chọn (6) Quốc tịch là "Việt Nam" và không tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân

+ **Địa chỉ nơi thường trú**: Nhập theo thứ tự Quốc gia -> Tỉnh/thành phố -> Quận/Huyện -> Xã/phường

- Đối với địa chỉ tại Việt Nam: Phải đủ các thông tin Số nhà/ đường phố; tỉnh/ thành phố; quận/ huyện; phường/ xã.
- Đối với địa chỉ tại nước ngoài: Phải đủ các thông tin Số nhà/ đường phố; Quốc gia.
  - (11) Số nhà/ đường phố: Nhập dạng text, tối đa 60 ký tự. UD bắt buộc nhập
  - (15) Quốc gia: Bắt buộc chọn trong danh mục
  - (14) Tỉnh/Thành phố: Nếu chỉ tiêu (15) Quốc Gia là Việt Nam thì: Bắt buộc chọn trong danh mục 63 tỉnh. Nếu chỉ tiêu (15) Quốc Gia khác Việt Nam thì cho phép để trống
  - (13) Quận/ Huyện: Nếu chỉ tiêu (15) Quốc Gia là Việt Nam thì: Bắt buộc chọn trong danh mục Quận, huyện thuộc Tỉnh, thành phố đã chọn ở chỉ tiêu (14). Nếu chỉ tiêu (15) Quốc Gia khác Việt Nam thì cho phép để trống
  - (12) Phường/ Xã: Nếu chỉ tiêu (15) Quốc Gia là Việt Nam thì: Bắt buộc chọn trong danh mục Xã, phường thuộc Quận, huyện đã chọn ở chỉ tiêu (13). Nếu chỉ tiêu (15) Quốc Gia khác Việt Nam thì cho phép để trống

+ Địa chỉ hiện tại:

- (16) Số nhà/đường phố: Nhập dạng text, tối đa 60 ký tự. UD bắt buộc nhập
- (19) Tỉnh/Thành phố: UD bắt buộc chọn trong danh mục Tỉnh/ Thành

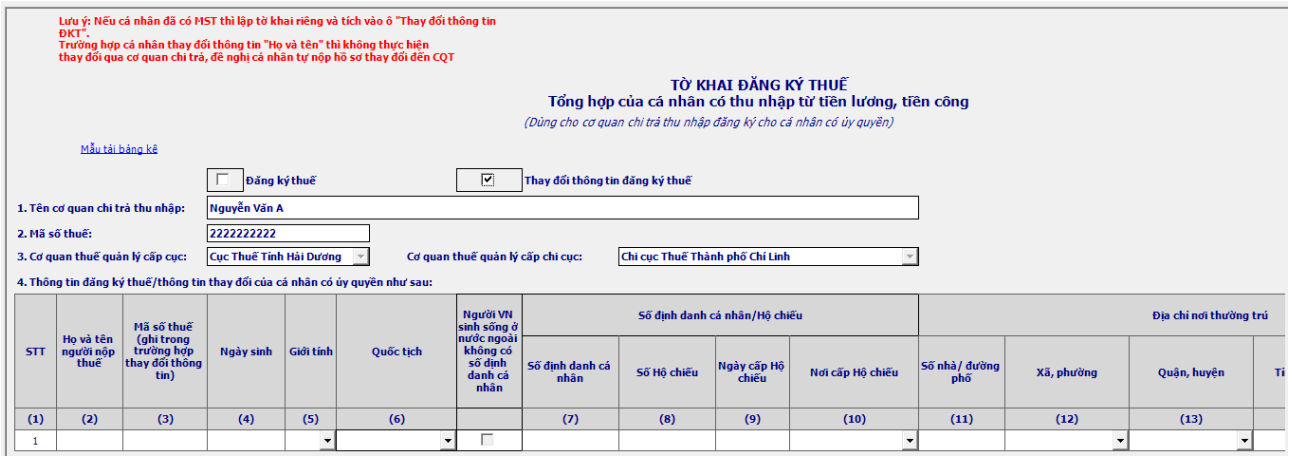
phố thuộc Việt Nam.

- (18) Quận/ Huyện: UD bắt buộc chọn trong danh mục Quận/Huyện thuộc tỉnh/thành phố đã chọn.
- (17) Phường/ Xã: UD bắt buộc chọn trong danh mục Phường/Xã thuộc quận/huyện đã chọn.

+ (20) Điện thoại liên hệ: Nhập dạng text, tối đa 30 ký tự. UD không bắt buộc nhập.

+ (21) Email: Nhập dạng text, tối đa 241 ký tự. UD không bắt buộc nhập.

3.5.11.2 Trường hợp NNT tích chọn "Thay đổi thông tin đăng ký thuế"



Lưu ý: Nếu cá nhân đã có MST thì lập tờ khai riêng và tích vào ô "Thay đổi thông tin ĐKT".
Trường hợp cá nhân thay đổi thông tin "Họ và tên" thì không thực hiện thay đổi qua cơ quan chi trả, đề nghị cá nhân tự nộp hồ sơ thay đổi đến CQT

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ
Tổng hợp của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công
(Dùng cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký cho cá nhân có ủy quyền)

Mẫu tải bảng kê

Đăng ký thuế ☐ Thay đổi thông tin đăng ký thuế ☑

1. Tên cơ quan chi trả thu nhập: Nguyễn Văn A
2. Mã số thuế: 2222222222
3. Cơ quan thuế quản lý cấp cục: Cục Thuế Tỉnh Hải Dương — Cơ quan thuế quản lý cấp chi cục: Chi cục Thuế Thành phố Chí Linh
4. Thông tin đăng ký thuế/thông tin thay đổi của cá nhân có ủy quyền như sau:

STT	Họ và tên người nộp thuế	Mã số thuế (ghi trong trường hợp thay đổi thông tin)	Ngày sinh	Giới tính	Quốc tịch	Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân	Số định danh cá nhân/Hộ chiếu				Địa chỉ nơi thường trú			
							Số định danh cá nhân	Số Hộ chiếu	Ngày cấp Hộ chiếu	Nơi cấp Hộ chiếu	Số nhà/ đường phố	Xã, phường	Quận, huyện	Ti
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)		(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
1						☐								

– Các chỉ tiêu cần nhập:

+ (1) STT: Ứng dụng tự động tăng/giảm khi thêm/bớt dòng

+ (2) Họ và tên người nộp thuế: Khóa không cho phép nhập

+ (3) Mã số thuế (ghi trong trường hợp thay đổi thông tin): Bắt buộc nhập thông tin

+ (4) Ngày sinh: Nhập dạng DD/MM/YYYY. UD bắt buộc nhập và kiểm tra ngày sinh <= ngày hiện tại

+ (5) Giới tính: UD bắt buộc chọn trong Danh mục : Nam/Nữ.

+ (6) Quốc tịch: UD bắt buộc chọn trong danh mục quốc gia.

+ Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân: Cho phép tích chọn nếu chỉ tiêu (6) là Việt Nam

+ (7) Số định danh cá nhân:

- Bắt buộc nhập nếu chọn Quốc tịch là "Việt Nam" và không tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân
- Phải đúng số định danh 12 số

+ (8) Số Hộ chiếu:

- Bắt buộc nhập nếu thỏa mãn 1 trong 2 trường hợp sau:
  - TH1: Chọn (6) Quốc tịch khác "Việt Nam"
  - TH2: Chọn (6) Quốc tịch "Việt Nam" và tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân
- Không cho nhập nếu chọn (6) Quốc tịch là "Việt Nam" và không tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân

+ (9) Ngày cấp Hộ chiếu: Nhập dạng DD/MM/YYYY.

- Bắt buộc nhập nếu thỏa mãn 1 trong 2 trường hợp sau:
  - TH1: Chọn (6) Quốc tịch khác "Việt Nam"
  - TH2: Chọn (6) Quốc tịch "Việt Nam" và tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số dịnh danh cá nhân
- Không cho nhập nếu chọn (6) Quốc tịch là "Việt Nam" và không tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số dịnh danh cá nhân
- Nhập dạng DD/MM/YYYY, ngày cấp <= ngày hiện tại và ngày cấp > ngày sinh

+ (10) Nơi cấp Hộ chiếu:

- Bắt buộc chọn trong danh mục nếu thỏa mãn 1 trong 2 trường hợp sau:
  - TH1: Chọn (6) Quốc tịch khác "Việt Nam"
  - TH2: Chọn (6) Quốc tịch "Việt Nam" và tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số dịnh danh cá nhân
- Không cho nhập nếu chọn (6) Quốc tịch là "Việt Nam" và không tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số dịnh danh cá nhân

+ **Địa chỉ nơi thường trú**: UD không bắt buộc nhập, nếu nhập thì:

- Đối với địa chỉ tại Việt Nam: Phải đủ các thông tin Số nhà/ đường phố; tỉnh/ thành phố; quận/ huyện; phường/ xã.
- Đối với địa chỉ tại nước ngoài: Phải đủ các thông tin Số nhà/ đường phố; Quốc gia.
  - (11) Số nhà/ đường phố: Nhập dạng text, tối đa 60 ký tự.
  - (15) Quốc gia: Chọn trong danh mục
  - (14) Tỉnh/Thành phố: Nếu chỉ tiêu (15) Quốc Gia là Việt Nam thì: chọn trong danh mục 63 tỉnh. Nếu chỉ tiêu (15) Quốc Gia khác Việt Nam thì cho phép để trống
  - (13) Quận/ Huyện: Nếu chỉ tiêu (15) Quốc Gia là Việt Nam thì: Bắt buộc chọn trong danh mục Quận, huyện thuộc Tỉnh, thành phố đã chọn ở chỉ tiêu (14). Nếu chỉ tiêu (15) Quốc Gia khác Việt Nam thì cho phép để trống
  - (12) Phường/ Xã: Nếu chỉ tiêu (15) Quốc Gia là Việt Nam thì: chọn trong danh mục Xã, phường thuộc Quận, huyện đã chọn ở chỉ tiêu (13). Nếu chỉ tiêu (15) Quốc Gia khác Việt Nam thì cho phép để trống

+ Địa chỉ hiện tại: UD không bắt buộc nhập. Nếu sửa 1 giá trị trong địa chỉ hiện tại thì bắt buộc nhập các địa chỉ còn lại

- (16) Số nhà/đường phố: Nhập dạng text, tối đa 60 ký tự
- (19) Tỉnh/Thành phố: Chọn trong danh mục Tỉnh/ Thành phố thuộc Việt Nam.
- (18) Quận/ Huyện: Chọn trong danh mục Quận/Huyện thuộc tỉnh/thành phố đã chọn.
- (17) Phường/ Xã: Chọn trong danh mục Phường/Xã thuộc

quận/huyện đã chọn.

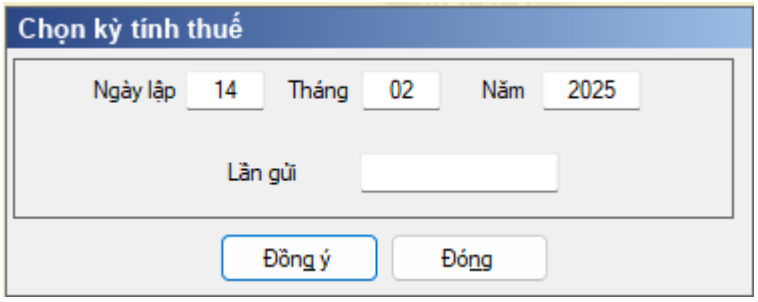
+ (20) Điện thoại liên hệ: Nhập dạng text, tối đa 30 ký tự. UD không bắt buộc nhập.

+ (21) Email: Nhập dạng text, tối đa 241 ký tự. UD không bắt buộc nhập.

3.5.12 Danh sách chi tiết số tiền nộp thuế TNCN đã nộp thay cho từng cá nhân

Cách gọi

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế thu nhập cá nhân" chọn "DS chi tiết số tiền nộp thuế TNCN đã nộp thay".

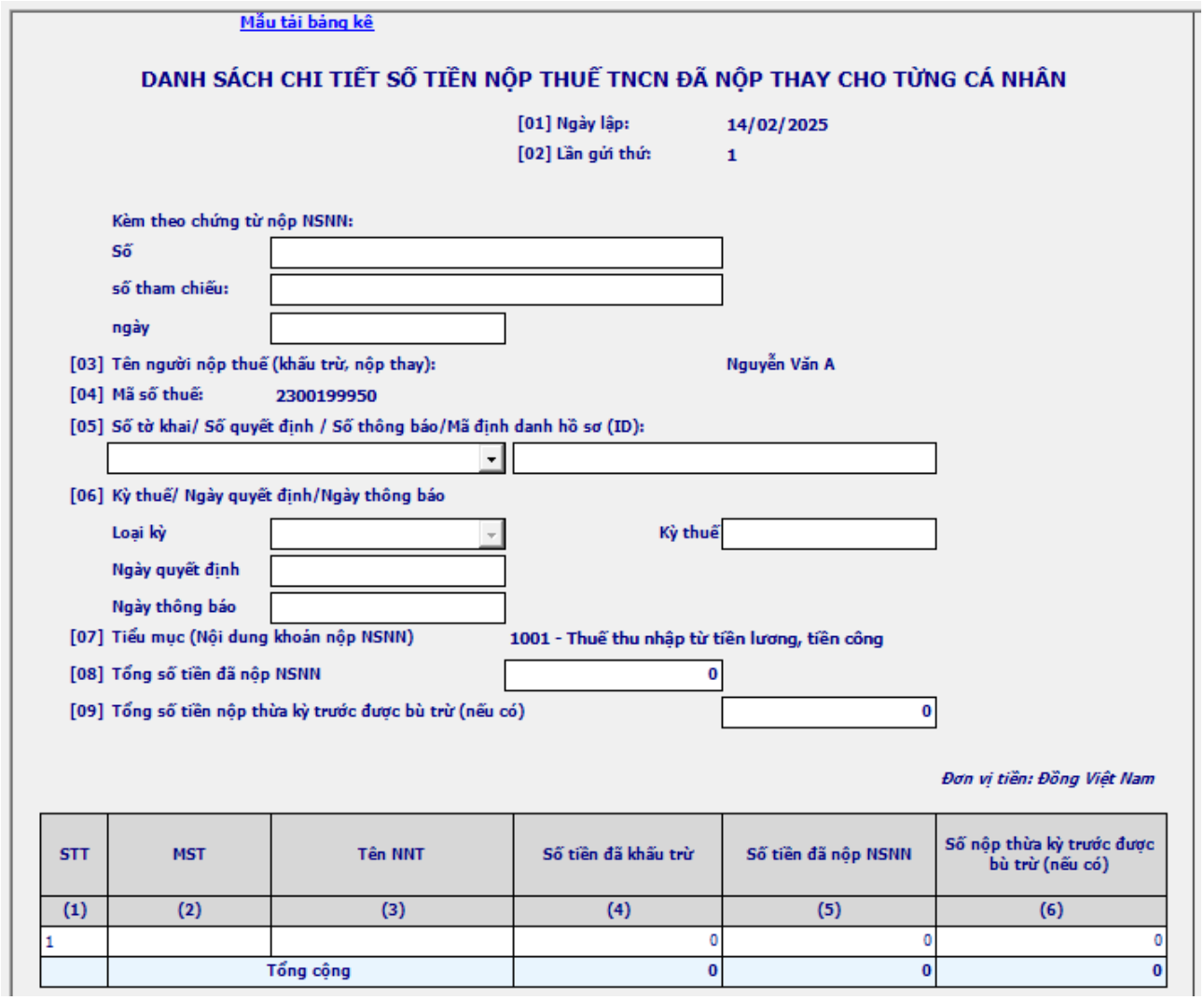


- Để bắt đầu thực hiện kê khai, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:

+ Ngày lập: Bắt buộc nhập theo định dạng dd/mm/yyyy, ngày lập <= Ngày hiện tại

+ Lần gửi: Bắt buộc nhập dạng số tự nhiên >0

- Sau đó nhấn <Đồng ý> thì UD hiển thị màn hình kê khai chi tiết như sau:



Mẫu tải bảng kê

DANH SÁCH CHI TIẾT SỐ TIỀN NỘP THUẾ TNCN ĐÃ NỘP THAY CHO TỪNG CÁ NHÂN

[01] Ngày lập: 14/02/2025

[02] Lần gửi thứ: 1

Kèm theo chứng từ nộp NSNN:

Số

số tham chiếu:

ngày

[03] Tên người nộp thuế (khấu trừ, nộp thay): Nguyễn Văn A

[04] Mã số thuế: 2300199950

[05] Số tờ khai/ Số quyết định / Số thông báo/Mã định danh hồ sơ (ID):

[06] Kỳ thuế/ Ngày quyết định/Ngày thông báo

Loại kỳ

Kỳ thuế

Ngày quyết định

Ngày thông báo

[07] Tiểu mục (Nội dung khoản nộp NSNN) 1001 - Thuế thu nhập từ tiền lương, tiền công

[08] Tổng số tiền đã nộp NSNN 0

[09] Tổng số tiền nộp thừa kỳ trước được bù trừ (nếu có) 0

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	MST	Tên NNT	Số tiền đã khấu trừ	Số tiền đã nộp NSNN	Số nộp thừa kỳ trước được bù trừ (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1			0	0	0
	Tổng cộng		0	0	0

+ Các chỉ tiêu cần nhập:

- Kèm theo chứng từ nộp NSNN:
  - *Số:* Bắt buộc nhập số chứng từ, định dạng text
  - *Số tham chiếu:* Bắt buộc nhập số tham chiếu, định dạng text
  - *Ngày:* Bắt buộc nhập ngày, định dạng dd/mm/yyyy và ngày phải <= ngày hiện tại
- Chỉ tiêu [05] Số tờ khai/ Số quyết định / Số thông báo/Mã định danh hồ sơ (ID):
  - Bắt buộc chọn 1 trong 4 giá trị sau đó nhập thông tin chi tiết
- Chỉ tiêu [06] Kỳ thuế/ Ngày quyết định/Ngày thông báo:
  - Nếu chỉ tiêu [05] chọn "Số tờ khai" thì bắt buộc chọn 1 trong các loại kỳ thuế (Năm/ quý/ tháng/ lần phát sinh) sau đó nhập thông tin kỳ thuế
    - ➢ Nếu chọn Loại kỳ là "Năm" thì nhập theo kỳ thuế theo định dạng yyyy
    - ➢ Nếu chọn Loại kỳ là "Quý" thì nhập kỳ thuế theo định dạng Q/yyyy
    - ➢ Nếu chọn Loại kỳ là "Tháng" thì nhập kỳ thuế theo định dạng mm/yyyy
    - ➢ Nếu chọn Loại kỳ là "Lần phát sinh" thì nhập kỳ thuế theo định dạng dd/mm/yyyy

o Nếu chỉ tiêu [05] chọn "Số quyết định" thì bắt buộc nhập "Ngày quyết định" theo định dạng dd/mm/yyyy

o Nếu chỉ tiêu [05] chọn "Số thông báo" thì bắt buộc nhập "Ngày thông báo" theo định dạng dd/mm/yyyy

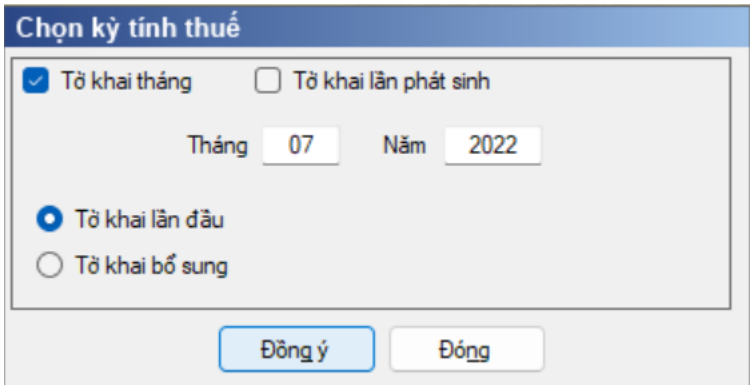
- Chỉ tiêu [07] Tiểu mục (Nội dung khoản nộp NSNN): Mặc định là "1001 - Thuế thu nhập từ tiền lương, tiền công"
- Chỉ tiêu [08] Tổng số tiền đã nộp NSNN: Bắt buộc nhập số nguyên >0
- Chỉ tiêu [09] Tổng số tiền nộp thừa kỳ trước được bù trừ (nếu có): Nhập số nguyên >=0
- Cột (2) MST: Bắt buộc nhập, không được nhập trùng MST giữa các dòng
- Cột (3) Tên NNT: Bắt nhập nhập, định dạng text
- Cột (4) Số tiền đã khấu trừ: bắt buộc nhập số nguyên >0
- Cột (5) Số tiền đã nộp NSNN: Hiển thị mặc định = cột (4), cho phép sửa định dạng số nguyên >=0. Tổng cột (5) phải = chỉ tiêu [08]
- Cột (6) Số nộp thừa kỳ trước được bù trừ (nếu có): Nhập số nguyên >=0. Tổng cột (6) phải = chỉ tiêu [09]

3.6 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai thuế nhà thầu

3.6.1 Tờ khai thuế Nhà thầu nước ngoài mẫu 01/NTNN đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC

Cách gọi

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế nhà thầu" chọn "Tờ khai thuế nhà thầu nước ngoài (01/NTNN) (TT80/2021)".
- Đối với Tờ khai thuế 01/NTNN, UD cho phép NNT chọn một trong hai loại tờ khai là "Tờ khai theo tháng" hoặc "Tờ khai lần phát sinh"

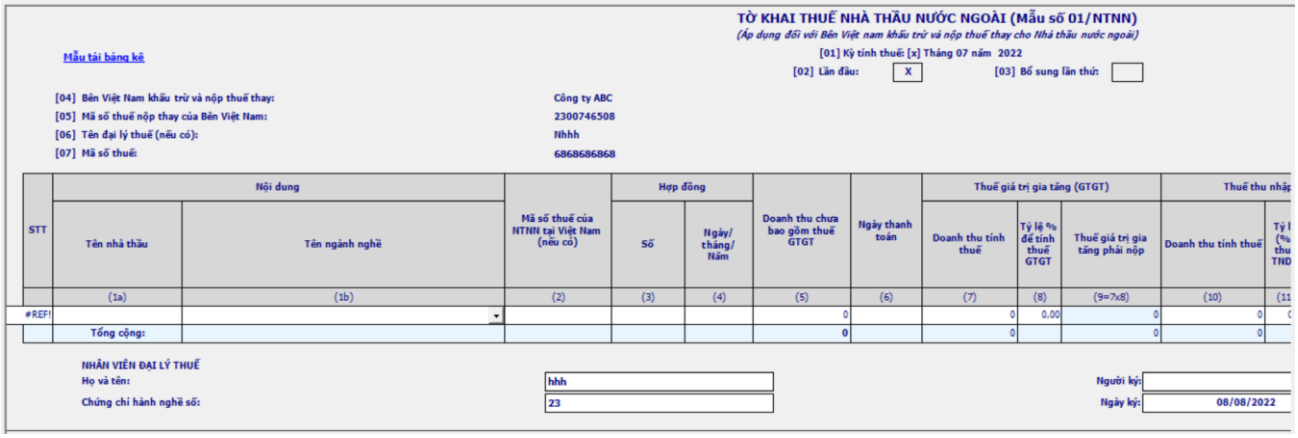


- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
- CQT nộp tờ khai: Chỉ được nộp tại Cục Thuế
- Kỳ tính thuế: Với tờ khai tháng có hiệu lực từ tháng 01/2022, tờ khai lần phát sinh có hiệu lực từ ngày 01/01/2022
- Hạn nộp tờ khai:

+ Tờ khai tháng: Ngày thứ 20 của tháng tiếp theo, nếu rơi vào ngày nghỉ/lễ, chuyển sang ngày tiếp theo

+ Tờ khai lần phát sinh: 10 ngày kể từ ngàu phát sinh, nếu rơi vào ngày nghỉ/lễ, chuyển sang ngày tiếp theo

3.6.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu



TỜ KHAI THUẾ NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI (Mẫu số 01/NTNN)

(Áp dụng đối với Bên Việt nam khấu trừ và nộp thuế thay cho Nhà thầu nước ngoài)

Mẫu tài bảng kê

[01] Kỳ tính thuế: [x] Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu: X [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay: Công ty ABC

[05] Mã số thuế nộp thay của Bên Việt Nam: 2300746508

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[07] Mã số thuế: 6868686868

STT	Nội dung		Mã số thuế của NTNN tại Việt Nam (nếu có)	Hợp đồng		Doanh thu chưa bao gồm thuế GTGT	Ngày thanh toán	Thuế giá trị gia tăng (GTGT)			Thuế thu nhập
	Tên nhà thầu	Tên ngành nghề		Số	Ngày/ tháng/ Năm			Doanh thu tính thuế	Tỷ lệ % để tính thuế GTGT	Thuế giá trị gia tăng phải nộp	Doanh thu tính thuế
	(1a)	(1b)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9=7x8)	(10)
#REF!						0		0	0,00	0	0
	Tổng cộng:					0		0		0	0

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: hhh

Chứng chỉ hành nghề số: 23

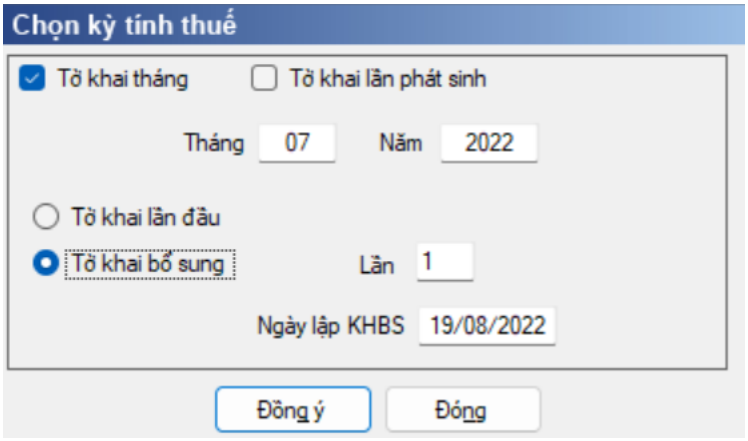
Người ký:

Ngày ký: 08/08/2022

- Các chỉ tiêu cần nhập:
  + Cột (1a): Cho phép NSD tự nhập, kiểu text
  + Cột (1b): Bắt buộc chọn trong danh mục
  + Cột (2): Cho phép NSD tự nhập, có thể nhập mã 10 hoặc mã 13
  + Cột (3): NSD tự nhập kiểu text
  + Cột (4), (6): NSD tự nhập, dạng dd/mm/yyyy
  + Cột (5), (7), (10): NSD tự nhập, kiểu số, không âm, mặc định là 0
  + Cột (8): Chọn trong danh mục 2%, 3%, 5%
  + Cột (11): Chọn trong danh mục 0.1%, 1%, 2%, 5%, 10%
  + Cột (12): NSD tự nhập, kiểu số, không âm, mặc định là 0, kiểm tra chỉ tiêu [12] phải nhỏ hơn [10]*[11]
- Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tự động tính theo công thức và các ràng buộc trên tờ khai:
  + Cột (9) = (7) * (8), không cho sửa.
  + Cột (13) = (10) * (11) – (12), không cho sửa
  + Cột (14) = (9) + (13)
  + Tại dòng "Tổng cộng" = (5) + (7) + (9) + (10) + (12) + (13) + (14)

3.6.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 2 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "KHBS"

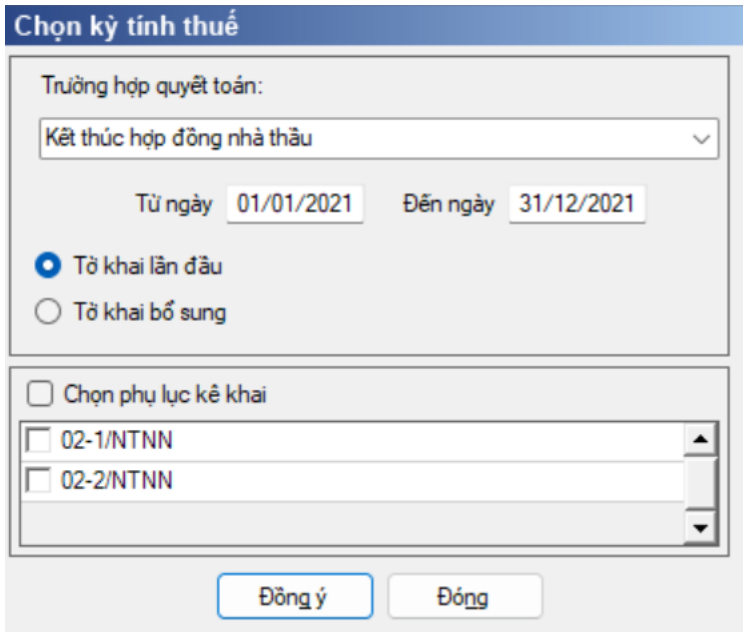


- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho các chỉ tiêu có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.6.2 Tờ khai quyết toán thuế nhà thầu nước ngoài mẫu 02/NTNN đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC

Cách gọi:

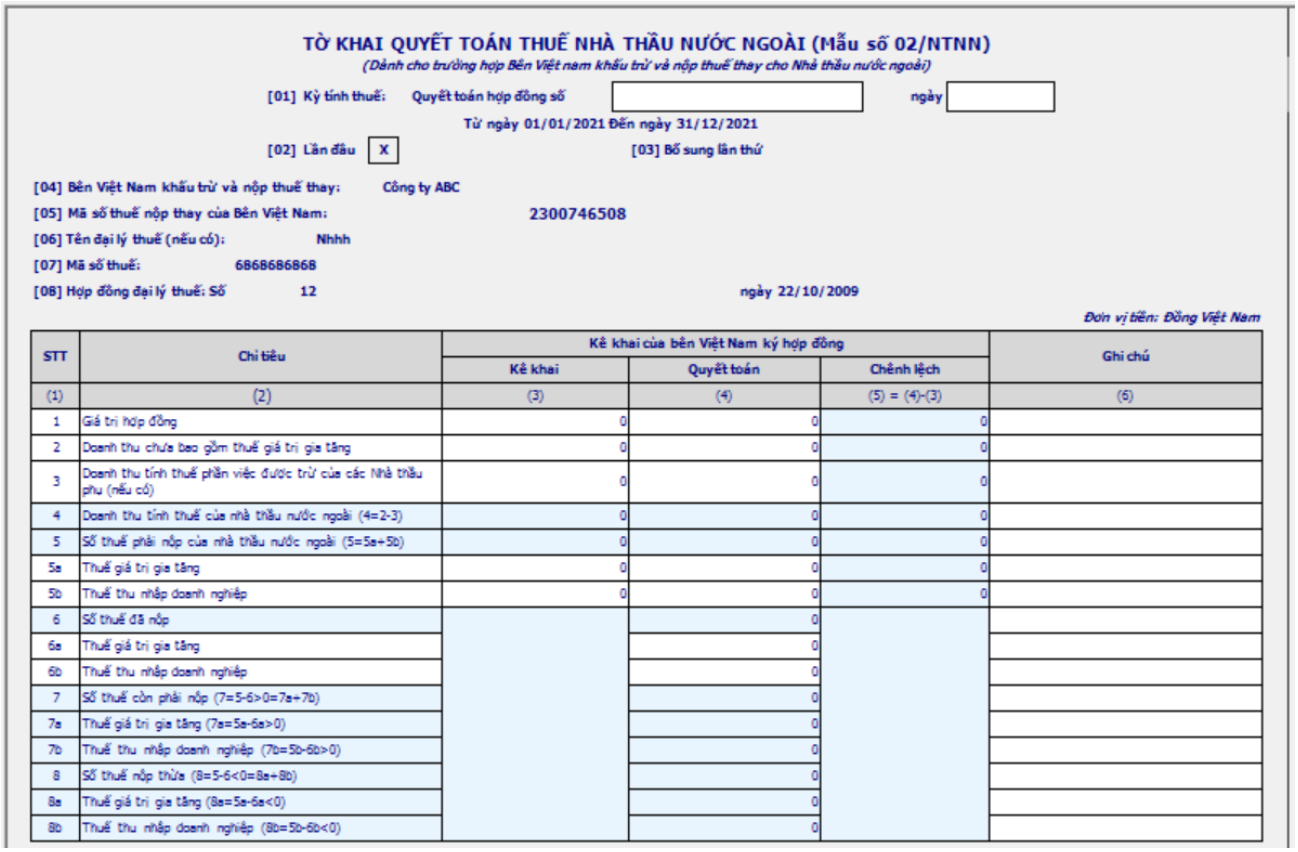
- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Nhà thầu nước ngoài" chọn "Tờ khai quyết toán thuế nhà thầu nước ngoài mẫu số (02/NTNN)(TT80/2021)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- Nhập từ ngày, đến ngày trên form kỳ tính thuế.
  + Nhập từ ngày <= đến ngày
  + Đến ngày <= tháng hiện tại
- Chọn loại tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung) và chọn các phụ lục cần kê khai sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ quyết toán thuế nhà thầu nước ngoài mẫu 02/NTNN.

3.6.2.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI (Mẫu số 02/NTNN)

(Dành cho trường hợp Bên Việt nam khấu trừ và nộp thuế thay cho Nhà thầu nước ngoài)

[01] Kỳ tính thuế: Quyết toán hợp đồng số ngày

Từ ngày 01/01/2021 Đến ngày 31/12/2021

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ

[04] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay: Công ty ABC

[05] Mã số thuế nộp thay của Bên Việt Nam: 2300746508

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[07] Mã số thuế: 6868686868

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số 12 ngày 22/10/2009

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

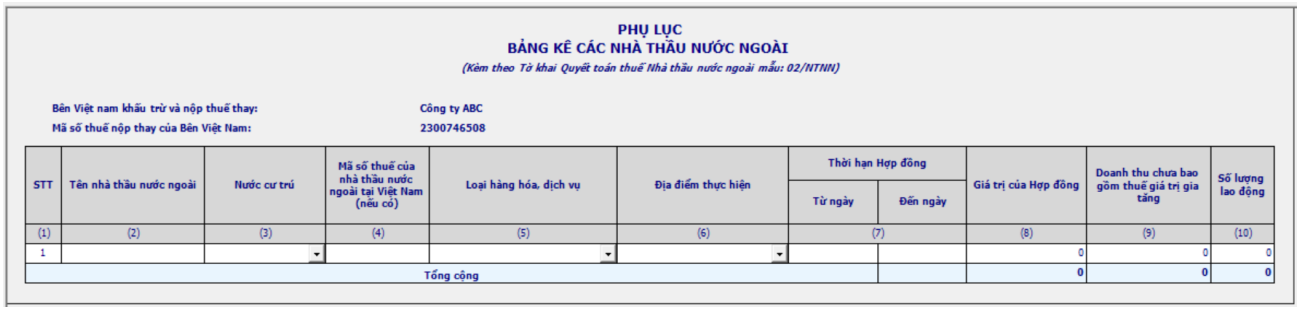
STT	Chỉ tiêu	Kê khai của bên Việt Nam ký hợp đồng			Ghi chú
		Kê khai	Quyết toán	Chênh lệch	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)	(6)
1	Giá trị hợp đồng	0	0	0	
2	Doanh thu chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng	0	0	0	
3	Doanh thu tính thuế phần việc được trừ của các Nhà thầu phụ (nếu có)	0	0	0	
4	Doanh thu tính thuế của nhà thầu nước ngoài (4=2-3)	0	0	0	
5	Số thuế phải nộp của nhà thầu nước ngoài (5=5a+5b)	0	0	0	
5a	Thuế giá trị gia tăng	0	0	0	
5b	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	0	0	
6	Số thuế đã nộp		0		
6a	Thuế giá trị gia tăng		0		
6b	Thuế thu nhập doanh nghiệp		0		
7	Số thuế còn phải nộp (7=5-6>0=7a+7b)		0		
7a	Thuế giá trị gia tăng (7a=5a-6a>0)		0		
7b	Thuế thu nhập doanh nghiệp (7b=5b-6b>0)		0		
8	Số thuế nộp thừa (8=5-6<0=8a+8b)		0		
8a	Thuế giá trị gia tăng (8a=5a-6a<0)		0		
8b	Thuế thu nhập doanh nghiệp (8b=5b-6b<0)		0		

- Các chỉ tiêu trên tờ khai:
  + ***Cột [2] - Chỉ tiêu***: Ứng dụng hiển thị danh sách các nội dung công việc
  + Cột [3] - Kê khai:
    - Chỉ tiêu [1]: Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
    - Chỉ tiêu [2]: Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
    - Chỉ tiêu [3]: Cho phép NSD tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
    - Chỉ tiêu [4] = [2] – [3], nếu [4] < 0 thì set = 0
    - Chỉ tiêu [5a], [5b]- NNT nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
    - Chỉ tiêu [5] = [5a] + [5b]
    - Chỉ tiêu [6a], [6b]: NNT nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
  + Cột [4] – Quyết toán:
    - Chỉ tiêu [1]: UD hỗ trợ tự động lấy từ tổng cột (8) trên PL 02-1/NTNN + tổng cột (9) trên PL 02-2/NTNN, cho phép sửa, nếu khác thì cảnh báo vàng
    - Chỉ tiêu [2]: Tự động lấy tổng cột (9) trên PL 02-1/NTNN cộng tổng cột (10) trên PL 02_2/NTNN, cho phép sửa, nếu khác thì UD cảnh báo vàng.
    - Chỉ tiêu [3]: Cho phép NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
    - Chỉ tiêu [4] = [2] – [3], nếu [4] < 0 thì set = 0
    - Chỉ tiêu [5a], [5b]: NNT nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
    - Chỉ tiêu [5] = [5a] + [5b]
    - Chỉ tiêu [6a], [6b]: NNT nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
    - Chỉ tiêu [6] = [6a] + [6b]
    - Chỉ tiêu [7] = trị tuyệt đối của [5] - [6]
    - Chỉ tiêu [7a] = trị tuyệt đối của [5a] - [6a]

- Chỉ tiêu [7b] = trị tuyệt đối của [5b] - [6b]
- Chỉ tiêu [8] = trị tuyệt đối của [5] – [6]
- Chỉ tiêu [8a] = trị tuyệt đối của [5a] - [6a]
- Chỉ tiêu [8b] = trị tuyệt đối của [5b] - [6b]

+ ***Cột [5] – Chênh lệch***: Cột [5] = cột [4] – cột [3], kết quả có thể âm
+ ***Cột [6] – Ghi chú***: NSD tự nhập, dạng text

3.6.2.1.1 Phụ lục 02-1/NTNN: Bảng kê các nhà thầu nước ngoài



PHỤ LỤC
BẢNG KÊ CÁC NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI
(Kèm theo Tờ khai Quyết toán thuế Nhà thầu nước ngoài mẫu: 02/NTNN)

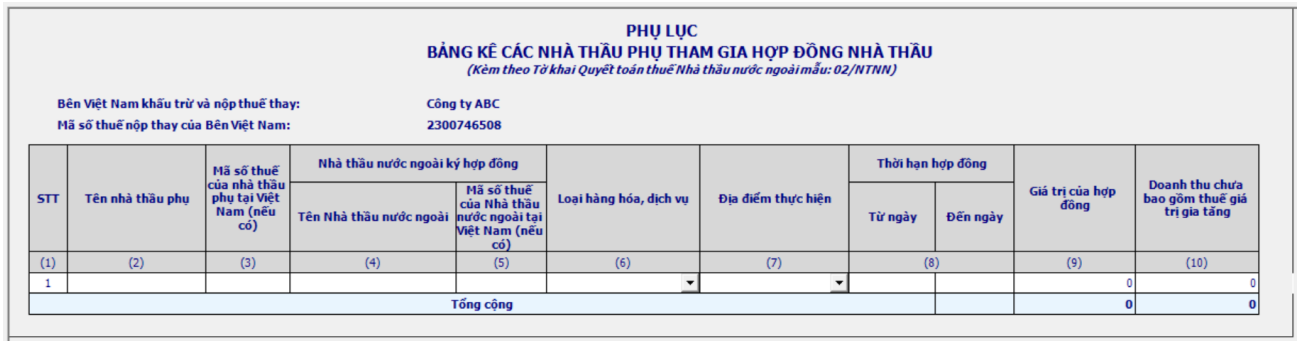
Bên Việt nam khấu trừ và nộp thuế thay: Công ty ABC
Mã số thuế nộp thay của Bên Việt Nam: 2300746508

STT	Tên nhà thầu nước ngoài	Nước cư trú	Mã số thuế của nhà thầu nước ngoài tại Việt Nam (nếu có)	Loại hàng hóa, dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Thời hạn Hợp đồng		Giá trị của Hợp đồng	Doanh thu chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng	Số lượng lao động
						Từ ngày	Đến ngày			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)		(8)	(9)	(10)
1								0	0	0
Tổng cộng								0	0	0

- Các thông tin cần nhập:

+ Cột (1): Ứng dụng tự hỗ trợ tăng.
+ Cột (2): NNT nhập text, tối đa 200 ký tự
+ Cột (3): UD hỗ trợ NSD chọn trong danh mục
+ Cột (4): cho phép NNT tự nhập, tối đa 14 ký tự, kiểm tra theo đúng cấu trúc MST
+ Cột (5): Cho phép NTT chọn trong danh mục ngành nghề (giống tờ 01/NTNN, 03/NTNN)
+ Cột (6): UD hỗ trợ NSD chọn trong danh mục 63 tỉnh
+ Cột (7): NNT nhập theo định dạng dd/mm/yyyy
+ Cột (8), (9), (10): Nhập số, không âm, tối đa 15 số

3.6.2.1.2 Phụ lục 02-2/NTNN: Bảng kê các nhà thầu phụ tham gia hợp đồng nhà thầu



PHỤ LỤC
BẢNG KÊ CÁC NHÀ THẦU PHỤ THAM GIA HỢP ĐỒNG NHÀ THẦU
(Kèm theo Tờ khai Quyết toán thuế Nhà thầu nước ngoài mẫu: 02/NTNN)

Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay: Công ty ABC
Mã số thuế nộp thay của Bên Việt Nam: 2300746508

STT	Tên nhà thầu phụ	Mã số thuế của nhà thầu phụ tại Việt Nam (nếu có)	Nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng		Loại hàng hóa, dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Thời hạn hợp đồng		Giá trị của hợp đồng	Doanh thu chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng
			Tên Nhà thầu nước ngoài	Mã số thuế của Nhà thầu nước ngoài tại Việt Nam (nếu có)			Từ ngày	Đến ngày		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)		(9)	(10)
1									0	0
Tổng cộng									0	0

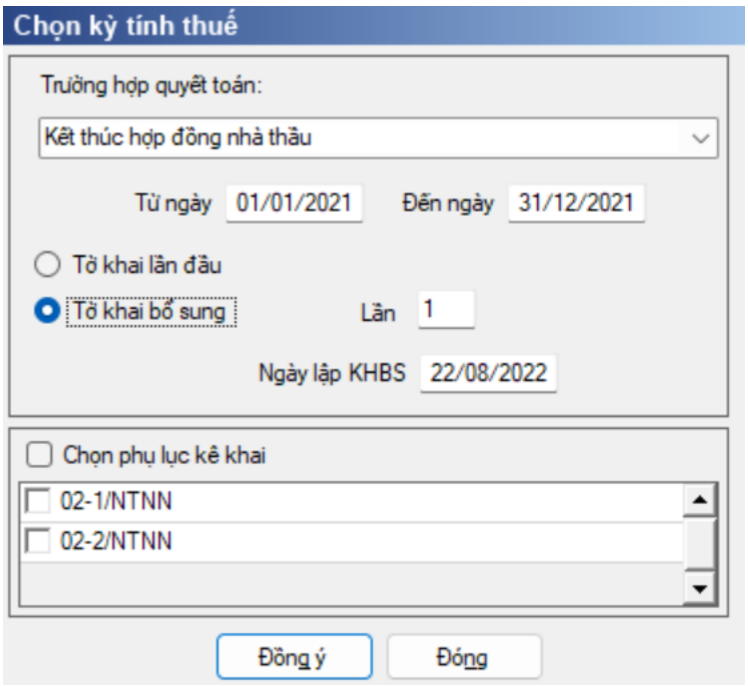
- Các thông tin cần nhập:

+ Cột (1): Ứng dụng hỗ trợ tăng
+ Cột (2), (4): cho phép NNT tự nhập, dạng text, tối đa 200 ký tự
+ Cột (3), (5): Bắt buộc NNT tự nhập, tối đa 14 ký tự, kiểm tra theo đúng cấu trúc MST
+ Cột (6): NNT chọn trong danh mục ngành nghề (giống tờ 01/NTNN, 03/NTNN)

+ Cột (7): NNT chọn trong danh mục 63 tỉnh
+ Cột (8): NNT nhập theo định dạng dd/mm/yyyy
+ Cột (9), (10): NNT nhập số, không âm, tối đa 15 số

3.6.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh", "01-KHBS" và "01-1/KHBS"



- Kê khai điều chỉnh bổ sung có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

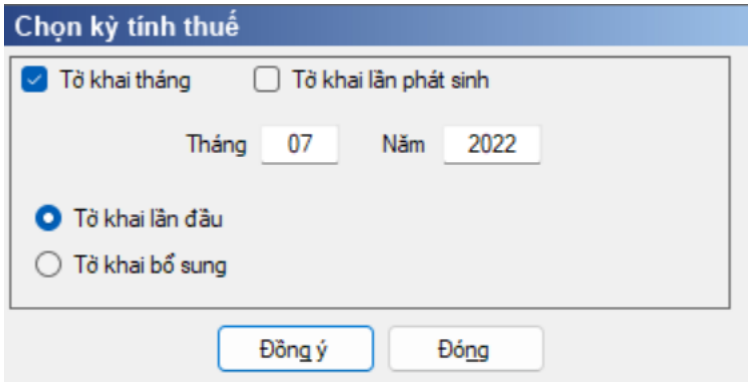
3.6.3 Tờ khai thuế Nhà thầu nước ngoài mẫu 03/NTNN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC).

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế nhà thầu" chọn "Tờ khai thuế nhà thầu nước ngoài (03/NTNN) (TT80/2021)".
- Đối với Tờ khai thuế 03/NTNN, cho phép NNT chọn một trong hai loại tờ khai là "Tờ khai theo tháng" hoặc "Tờ khai lần phát sinh"

3.6.3.1 Đối với tờ khai tháng

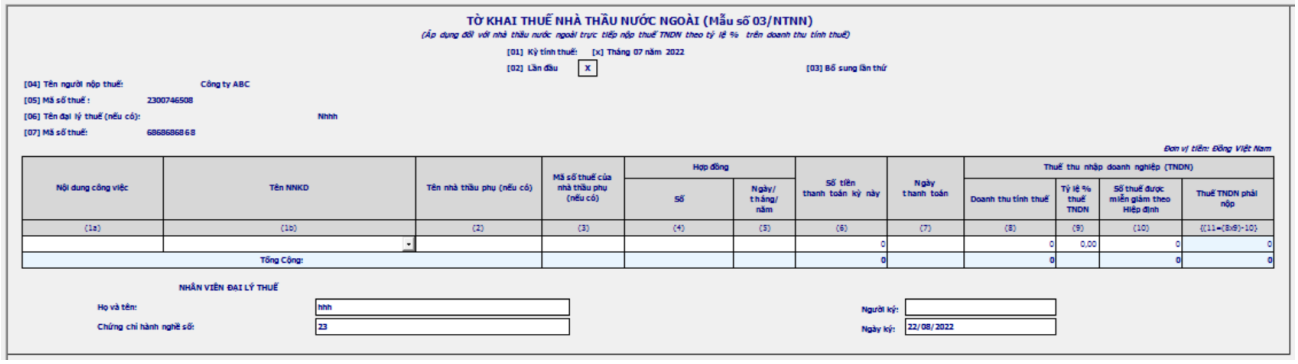
- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn Tờ khai tháng. Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:



+ Kỳ tính thuế: UD sẽ để mặc định kỳ tính thuế bằng tháng hiện tại -1, bạn có thể nhập kỳ tính thuế nhưng không được chọn kỳ tính thuế lớn hơn tháng hiện tại.

+ Trạng thái tờ khai: gồm Tờ khai lần đầu hay Tờ khai bổ sung.

+ Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế nhà thầu nước ngoài mẫu 03/NTNN.



- Các chỉ tiêu cần nhập:

+ Cột (1a): Cho phép NSD nhập text.

+ Cột (1b): Cho phép NSD chọn trong danh mục

+ Cột (2): Cho phép NSD nhập dạng text

+ Cột (3): NSD tự nhập, kiểm tra đúng cấu trúc MST

+ Cột (4): Cho phép NNT nhập dạng text

+ Cột (5): Cho phép NNT nhập dạng dd/mm/yyyy

+ Cột (6), (8) : NSD tự nhập, kiểu số, không âm, mặc định là 0

+ Cột (7): NSD tự nhập dạng DD/MM/YYYY

• Đối với tờ khai theo tháng: NSD tự nhập dạng ngày tháng, kiểm tra ngày thanh toán phải nằm trong kỳ tính thuế, nếu không thỏa mãn thì ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ, bắt buộc nhập.

• Đối với tờ khai theo lần phát sinh: UD hỗ trợ lấy theo ngày trên kỳ tính thuế, không cho phép sửa.

+ Cột (9): NSD chọn trong danh mục gồm: 0.1%, 1%, 2%, 5%

+ Cột (10): Cho phép nhập số nguyên >=0, tối đa 15 số, kiểm tra chỉ tiêu [10] phải nhỏ hơn [8] * [9]

- Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tự động tính theo công thức và các điều kiện **kiểm tra:**

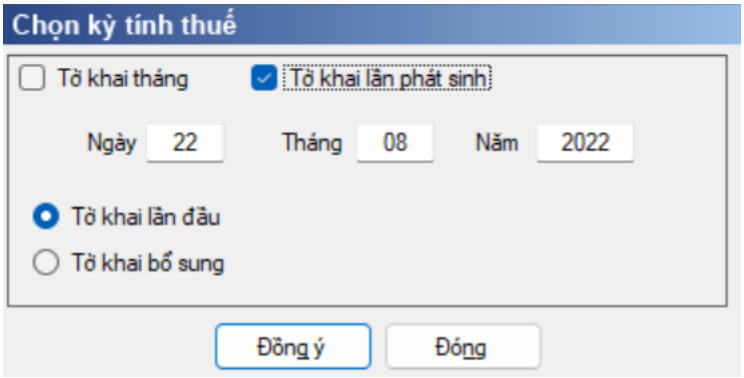
+ Cột (11) = (8) * (9) -(10), kiểm tra nếu kết quả âm thì (9) = 0, không cho sửa

+ Dòng tổng cột (6), (8), (10), (11) = tổng các dòng của các cột (6), (8), (10), (11)

+ Cảnh báo vàng trong trường hợp để trống cột (8), (9) trong trường hợp có kê khai cột (4), (5), (7).

3.6.3.2 Đối với tờ khai lần phát sinh

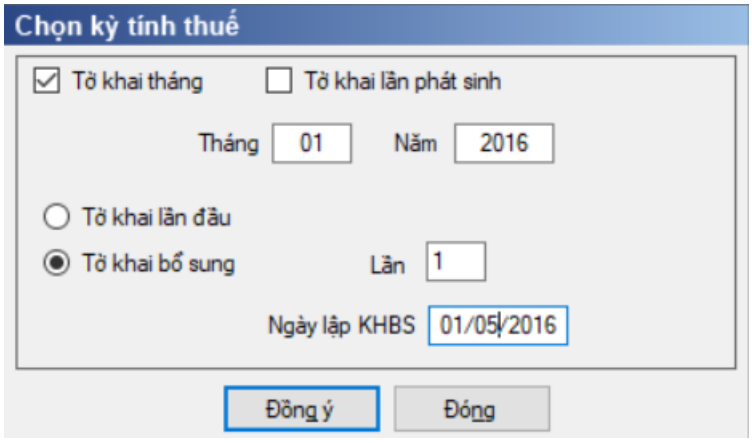
- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn Tờ khai lần phát sinh như sau:



- Để bắt đầu kê khai tờ khai, chọn thông tin về kỳ kê khai sau đó nhấn nút "Đồng ý" để vào màn hình kê khai chính và kê khai các chỉ tiêu như tờ khai tháng.

3.6.3.3 Đối với tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".

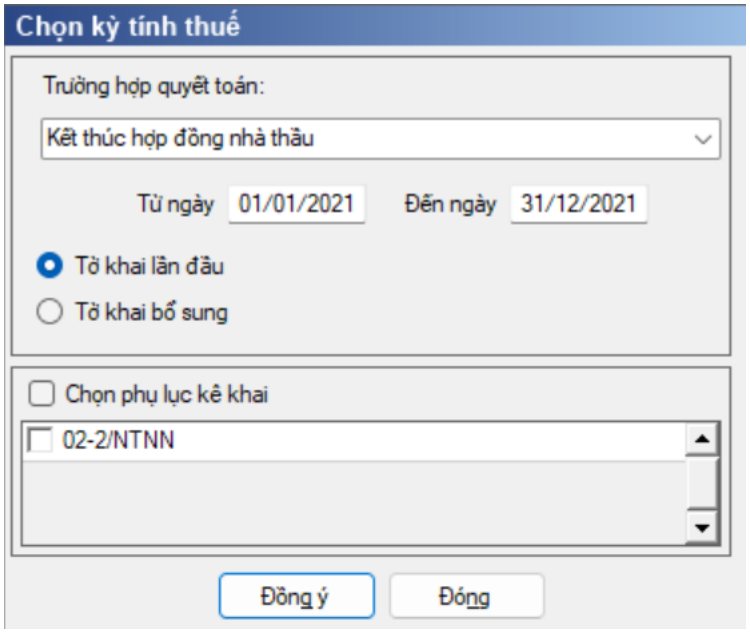


- Đối với trường hợp kê khai bổ sung thì kê khai tương tự như tờ 01/GTGT

3.6.4 Tờ khai quyết toán thuế nhà thầu nước ngoài mẫu 04/NTNN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC)

Cách gọi:

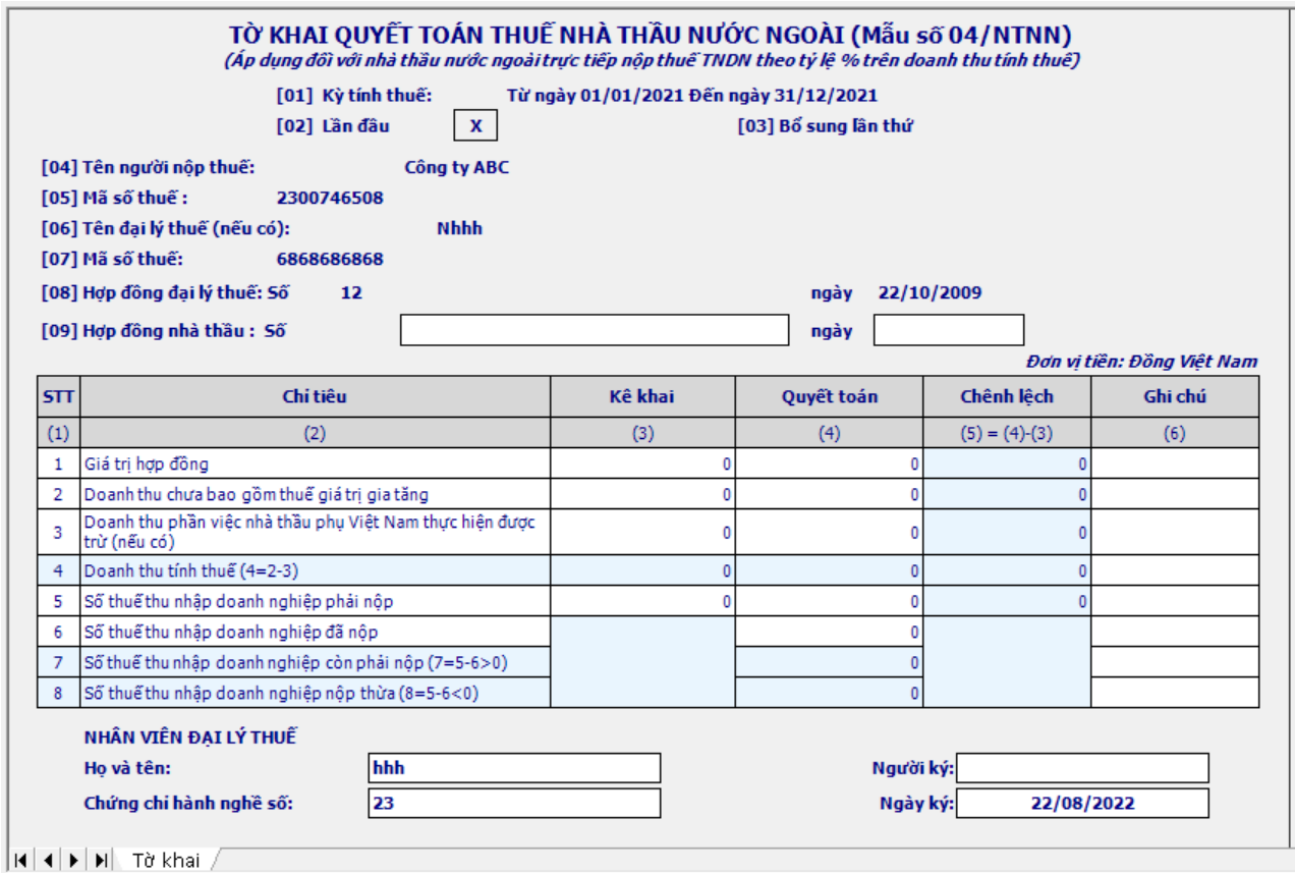
- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Nhà thầu nước ngoài" chọn "Tờ khai quyết toán thuế nhà thầu nước ngoài mẫu số 04/NTNN (TT80/2021)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:



- Chọn trạng thái tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung) và chọn các phụ lục cần kê khai sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ quyết toán thuế nhà thầu nước ngoài mẫu 04/NTNN.

3.6.4.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI (Mẫu số 04/NTNN)

(Áp dụng đối với nhà thầu nước ngoài trực tiếp nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % trên doanh thu tính thuế)

[01] Kỳ tính thuế: Từ ngày 01/01/2021 Đến ngày 31/12/2021

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế : 2300746508

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[07] Mã số thuế: 6868686868

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số 12 ngày 22/10/2009

[09] Hợp đồng nhà thầu : Số ngày

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Kê khai	Quyết toán	Chênh lệch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)	(6)
1	Giá trị hợp đồng	0	0	0	
2	Doanh thu chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng	0	0	0	
3	Doanh thu phần việc nhà thầu phụ Việt Nam thực hiện được trừ (nếu có)	0	0	0	
4	Doanh thu tính thuế (4=2-3)	0	0	0	
5	Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	0	0	0	
6	Số thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		0		
7	Số thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp (7=5-6>0)		0		
8	Số thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa (8=5-6<0)		0		

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

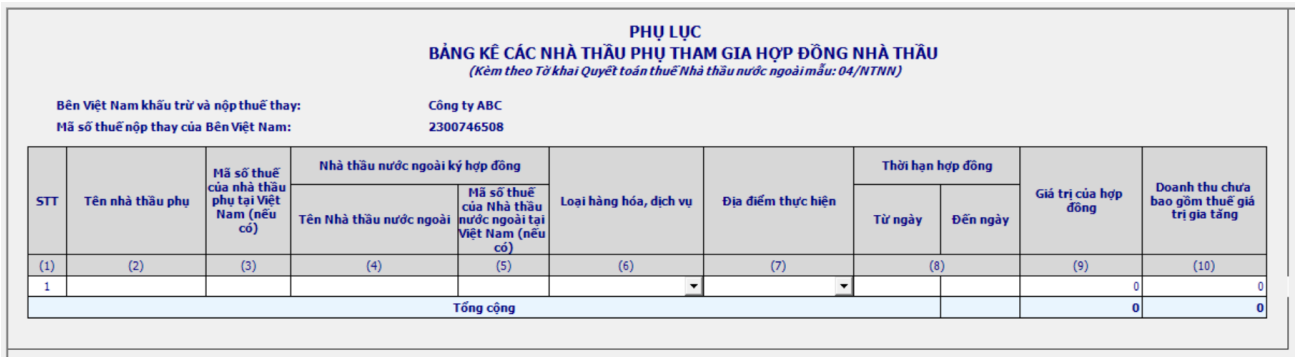
Họ và tên: hhh Người ký:

Chứng chỉ hành nghề số: 23 Ngày ký: 22/08/2022

Tờ khai

- Các chỉ tiêu cần nhập:
  + Cột [2] - Chỉ tiêu: Ứng dụng hiển thị danh sách các nội dung công việc
  + Cột (3) - Kê khai:
    - Chỉ tiêu [1]: Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
    - Chỉ tiêu [2]: Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
    - Chỉ tiêu [3]: Cho phép NSD tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
    - Chỉ tiêu [4] = [2] – [3], nếu [4] < 0 thì thiết lập = 0
    - Chỉ tiêu [5]- Cho phép NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
  + Cột (4) - Quyết toán:
    - Chỉ tiêu [1]: UD hỗ trợ tự động lấy từ tổng cột (9) trên PL 02-2/NTNN, cho phép sửa
    - Chỉ tiêu [2]: Tự động lấy từ tổng cột (10) trên PL 02_2/NTNN, cho phép sửa, nếu khác thì UD cảnh báo vàng.
    - Chỉ tiêu [3]: Cho phép NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
    - Chỉ tiêu [4] = [2] – [3], nếu kết quả âm thì thiết lập = 0
    - Chỉ tiêu [5]- Cho phép NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
    - Chỉ tiêu [6]: Cho phép NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
    - Chỉ tiêu [7] = [5] - [6], nếu kết quả âm thì thiết lập =0
    - Chỉ tiêu [8] = [5] – [6], nếu kết quả âm thì thiết lập =0
  + Cột [5] = cột (4) – cột (3), kết quả có thể âm
  + Cột [6]: NSD tự nhập, dạng text, tối đa 300 ký tự

3.6.4.1.1 Bảng kê 02-2/NTNN: Bảng kê các nhà thầu phụ tham gia hợp đồng nhà thầu



PHỤ LỤC

BẢNG KÊ CÁC NHÀ THẦU PHỤ THAM GIA HỢP ĐỒNG NHÀ THẦU

(Kèm theo Tờ khai Quyết toán thuế Nhà thầu nước ngoài mẫu: 04/NTNN)

Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay: Công ty ABC

Mã số thuế nộp thay của Bên Việt Nam: 2300746508

STT	Tên nhà thầu phụ	Mã số thuế của nhà thầu phụ tại Việt Nam (nếu có)	Nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng		Loại hàng hóa, dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Thời hạn hợp đồng		Giá trị của hợp đồng	Doanh thu chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng
			Tên Nhà thầu nước ngoài	Mã số thuế của Nhà thầu nước ngoài tại Việt Nam (nếu có)			Từ ngày	Đến ngày		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)		(9)	(10)
1									0	0
Tổng cộng									0	0

- Các chỉ tiêu cần nhập:

+ Cột (1): Ứng dụng hỗ trợ tăng

+ Cột (2), (4): cho phép NNT tự nhập, dạng text, tối đa 200 ký tự

+ Cột (3), (5): Bắt buộc NNT tự nhập, tối đa 14 ký tự, kiểm tra theo đúng cấu trúc MST

+ Cột (6): NNT chọn trong danh mục ngành nghề (giống tờ 01/NTNN, 03/NTNN)

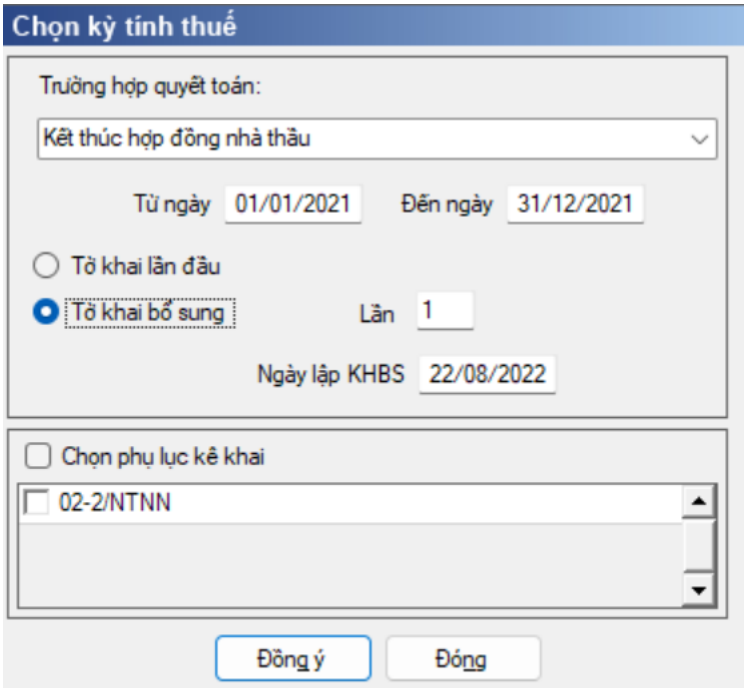
+ Cột (7): NNT chọn trong danh mục 63 tỉnh

+ Cột (8): NNT nhập theo định dạng dd/mm/yyyy

+ Cột (9), (10): NNT nhập số, không âm, tối đa 15 số

3.6.4.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS"

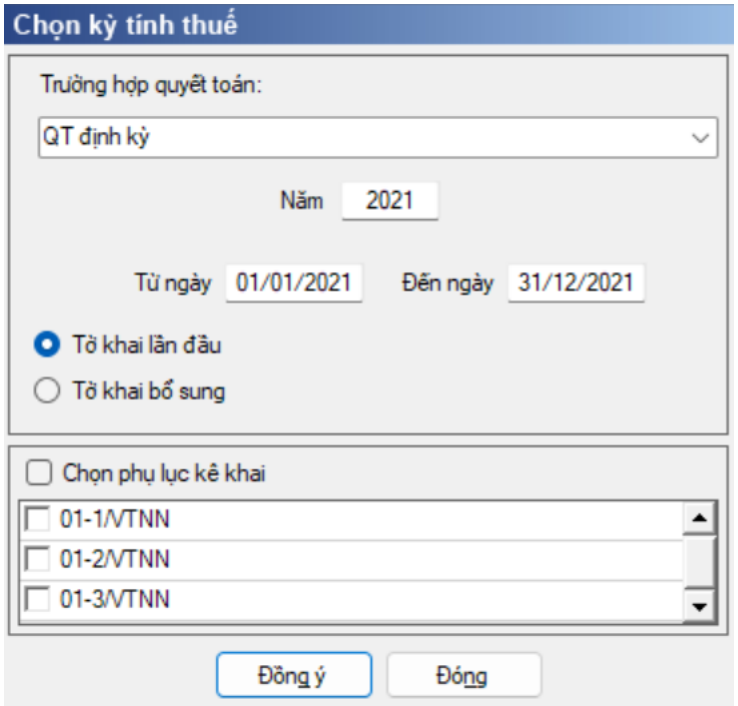


- Kê khai điều chỉnh bổ sung có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.6.5 Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hãng vận tải nước ngoài mẫu 01/VTNN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC)

Cách gọi:

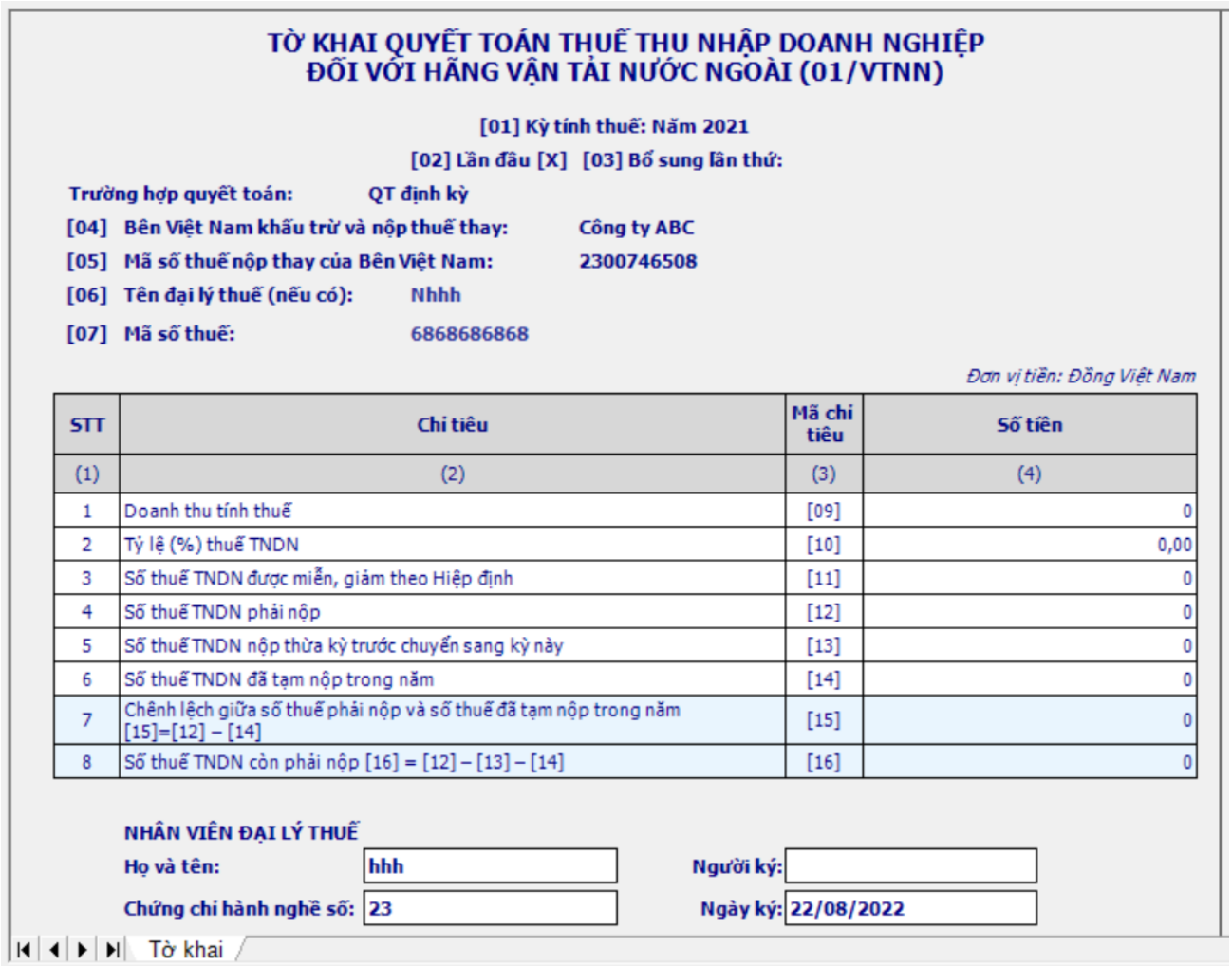
- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Nhà thầu nước ngoài" chọn "Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hang vận tải nước ngoài (01/VTNN)(TT80/2021)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:



- Chọn trạng thái tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung) và chọn các phụ lục cần kê khai sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hãng vận tải nước ngoài mẫu 01/VTNN.

3.6.5.1 Trường hợp tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI HÃNG VẬN TẢI NƯỚC NGOÀI (01/VTNN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ:

Trường hợp quyết toán: QT định kỳ

[04] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay: Công ty ABC

[05] Mã số thuế nộp thay của Bên Việt Nam: 2300746508

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[07] Mã số thuế: 6868686868

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Doanh thu tính thuế	[09]	0
2	Tỷ lệ (%) thuế TNDN	[10]	0,00
3	Số thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định	[11]	0
4	Số thuế TNDN phải nộp	[12]	0
5	Số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	[13]	0
6	Số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	[14]	0
7	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm [15]=[12] – [14]	[15]	0
8	Số thuế TNDN còn phải nộp [16] = [12] – [13] – [14]	[16]	0

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

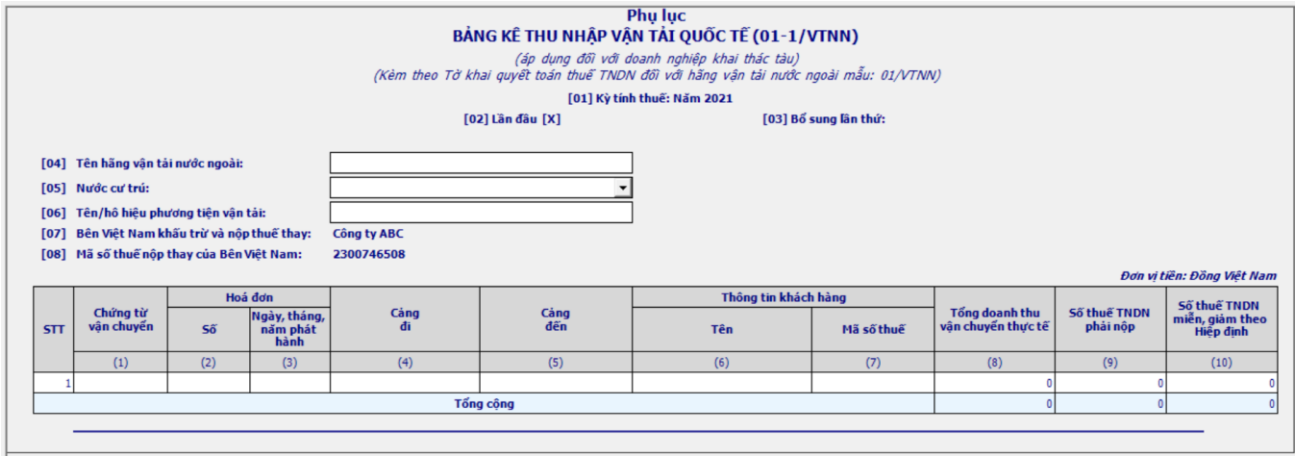
Họ và tên: hhh Người ký:

Chứng chỉ hành nghề số: 23 Ngày ký: 22/08/2022

Tờ khai

- Các chỉ tiêu cần nhập:
  + Chỉ tiêu [9]: NSD nhập số, không âm, tối đa 16 chữ số
  + Chỉ tiêu [10]: NSD nhập số, không âm và <= 100, định dạng x,xx
  + Chỉ tiêu [11]: NSD nhập số, không âm, mặc định là 0, tối đa 13 chữ số, ràng buộc [11] = [10] trên 01-1/VTNN + [12] trên 01-2/VTNN + [9] trên 01-3/VTNN tương ứng với tổng các hãng vận tải, vi phạm cảnh báo vàng
  + Chỉ tiêu [12]: NSD nhập số, không âm, mặc định là 0, tối đa 13 chữ số, ràng buộc [12] = [9] trên 01-1/VTNN + [11] trên 01-2/VTNN + [8] trên 01-3/VTNN tương ứng với tổng các hãng vận tải
  + Chỉ tiêu [13], [14]: Cho phép NSD nhập số, không âm, tối đa 13 chữ số

3.6.5.1.1 Bảng kê 01-1/VTNN: Bảng kê thu nhập vận tải quốc tế



Phụ lục

BẢNG KÊ THU NHẬP VẬN TẢI QUỐC TẾ (01-1/VTNN)

(áp dụng đối với doanh nghiệp khai thác tàu)

(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế TNDN đối với hãng vận tải nước ngoài mẫu: 01/VTNN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên hãng vận tải nước ngoài:

[05] Nước cư trú:

[06] Tên/hô hiệu phương tiện vận tải:

[07] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay: Công ty ABC

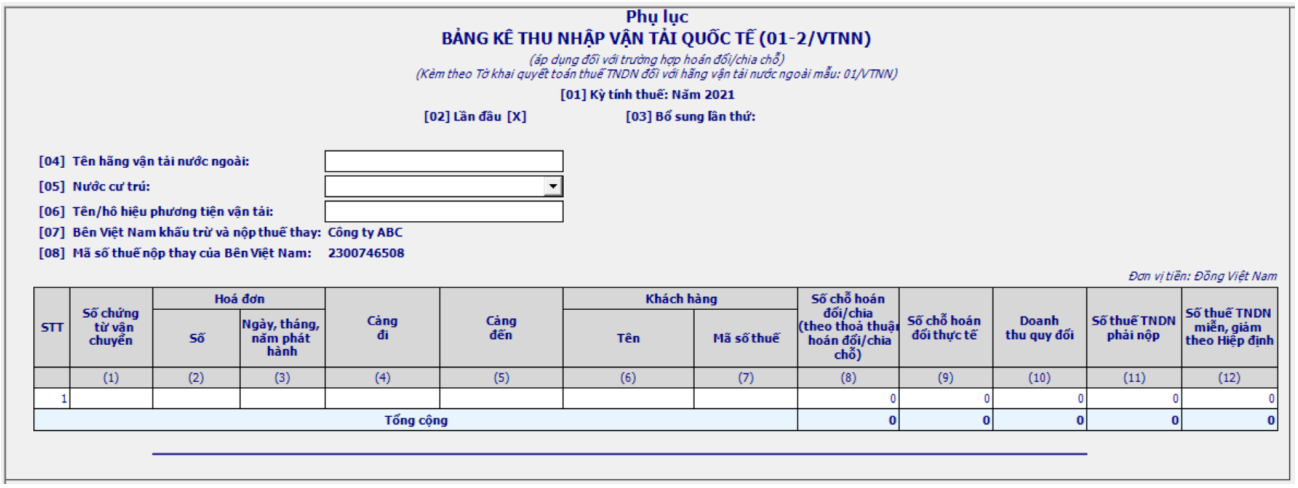
[08] Mã số thuế nộp thay của Bên Việt Nam: 2300746508

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chứng từ vận chuyển	Hoá đơn		Cảng đi	Cảng đến	Thông tin khách hàng		Tổng doanh thu vận chuyển thực tế	Số thuế TNDN phải nộp	Số thuế TNDN miễn, giảm theo Hiệp định
		Số	Ngày, tháng, năm phát hành			Tên	Mã số thuế			
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1								0	0	0
Tổng cộng								0	0	0

- Các chỉ tiêu cần nhập:
  + Chỉ tiêu (1), (2), (4), (5), (6): cho phép NNT tự nhập, dạng text
  + Chỉ tiêu (3): Cho phép NNT nhập ngày, định dạng dd/mm/yyyy
  + Chỉ tiêu (7): Bắt buộc NNT tự nhập, kiểm tra theo đúng cấu trúc MST
  + Chỉ tiêu (8): Cho phép NSD nhập số > 0, tối đa 16 chữ số
  + Chỉ tiêu (9), (10): Cho phép NSD nhập số >0, tối đa 13 chữ số

3.6.5.1.2 Bảng kê 01-2/VTNN: Bảng kê thu nhập vận tải quốc tế



Phụ lục

BẢNG KÊ THU NHẬP VẬN TẢI QUỐC TẾ (01-2/VTNN)

(áp dụng đối với trường hợp hoán đổi/chia chỗ)

(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế TNDN đối với hãng vận tải nước ngoài mẫu: 01/VTNN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên hãng vận tải nước ngoài:

[05] Nước cư trú:

[06] Tên/hô hiệu phương tiện vận tải:

[07] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay: Công ty ABC

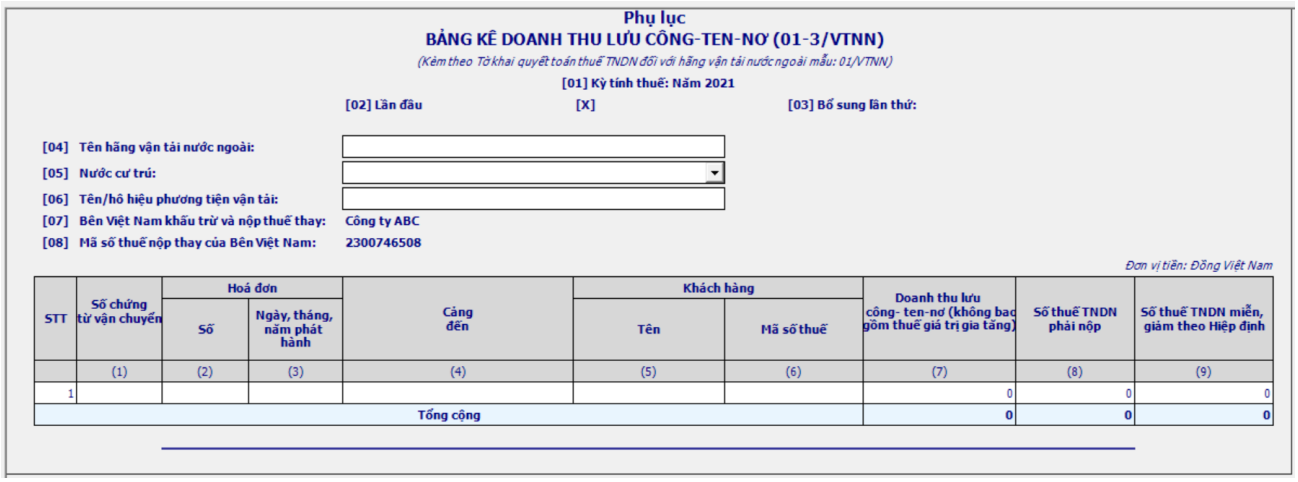
[08] Mã số thuế nộp thay của Bên Việt Nam: 2300746508

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Số chứng từ vận chuyển	Hoá đơn		Cảng đi	Cảng đến	Khách hàng		Số chỗ hoán đổi/chia (theo thoả thuận hoán đổi/chia chỗ)	Số chỗ hoán đổi thực tế	Doanh thu quy đổi	Số thuế TNDN phải nộp	Số thuế TNDN miễn, giảm theo Hiệp định
		Số	Ngày, tháng, năm phát hành			Tên	Mã số thuế					
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1								0	0	0	0	0
Tổng cộng								0	0	0	0	0

- Các chỉ tiêu cần nhập:
  + Chỉ tiêu (1), (2), (4), (5), (6): cho phép NNT tự nhập, dạng text
  + Chỉ tiêu (3): Cho phép NNT nhập ngày, định dạng dd/mm/yyyy
  + Chỉ tiêu (7): Bắt buộc NNT tự nhập, kiểm tra theo đúng cấu trúc MST
  + Chỉ tiêu (8), (9), (10): Cho phép NSD nhập số >0, tối đa 16 chữ số
  + Chỉ tiêu (11), (12): Cho phép NSD nhập số >0, tối đa 13 chữ số

3.6.5.1.3 Bảng kê 01-3/VTNN: Bảng kê doanh thu lưu công-ten-nơ



Phụ lục

BẢNG KÊ DOANH THU LƯU CÔNG-TEN-NƠ (01-3/VTNN)

(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế TNDN đối với hãng vận tải nước ngoài mẫu: 01/VTNN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên hãng vận tải nước ngoài:

[05] Nước cư trú:

[06] Tên/hô hiệu phương tiện vận tải:

[07] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay: Công ty ABC

[08] Mã số thuế nộp thay của Bên Việt Nam: 2300746508

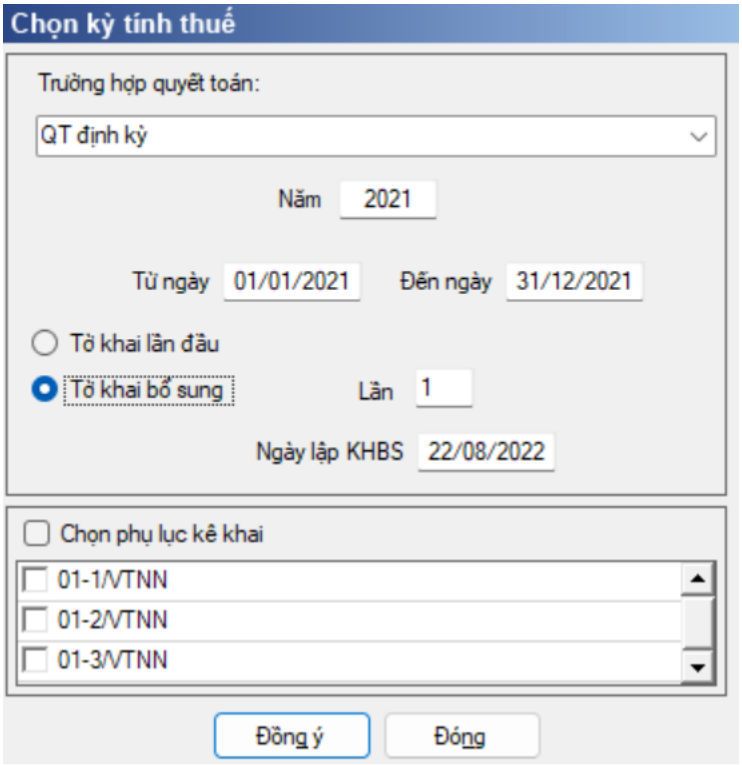
Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Số chứng từ vận chuyển	Hoá đơn		Cảng đến	Khách hàng		Doanh thu lưu công- ten-nơ (không bao gồm thuế giá trị gia tăng)	Số thuế TNDN phải nộp	Số thuế TNDN miễn, giảm theo Hiệp định
		Số	Ngày, tháng, năm phát hành		Tên	Mã số thuế			
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1							0	0	0
Tổng cộng							0	0	0

- Các chỉ tiêu cần nhập:
  + Chỉ tiêu (1), (2), (4), (5): cho phép NNT tự nhập, dạng text
  + Chỉ tiêu (3): Cho phép NNT nhập ngày, định dạng dd/mm/yyyy
  + Chỉ tiêu (6): Bắt buộc NNT tự nhập, kiểm tra theo đúng cấu trúc MST
  + Chỉ tiêu (7): Cho phép NSD nhập số >0, tối đa 16 chữ số
  + Chỉ tiêu (8), (9): Cho phép NSD nhập số >0, tối đa 13 chữ số

3.6.5.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS"

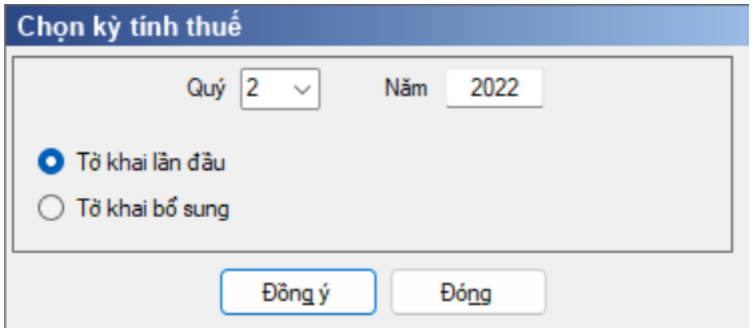


- Kê khai điều chỉnh bổ sung có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.6.6 Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hãng hàng không nước ngoài mẫu 01/HKNN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC)

Cách gọi:

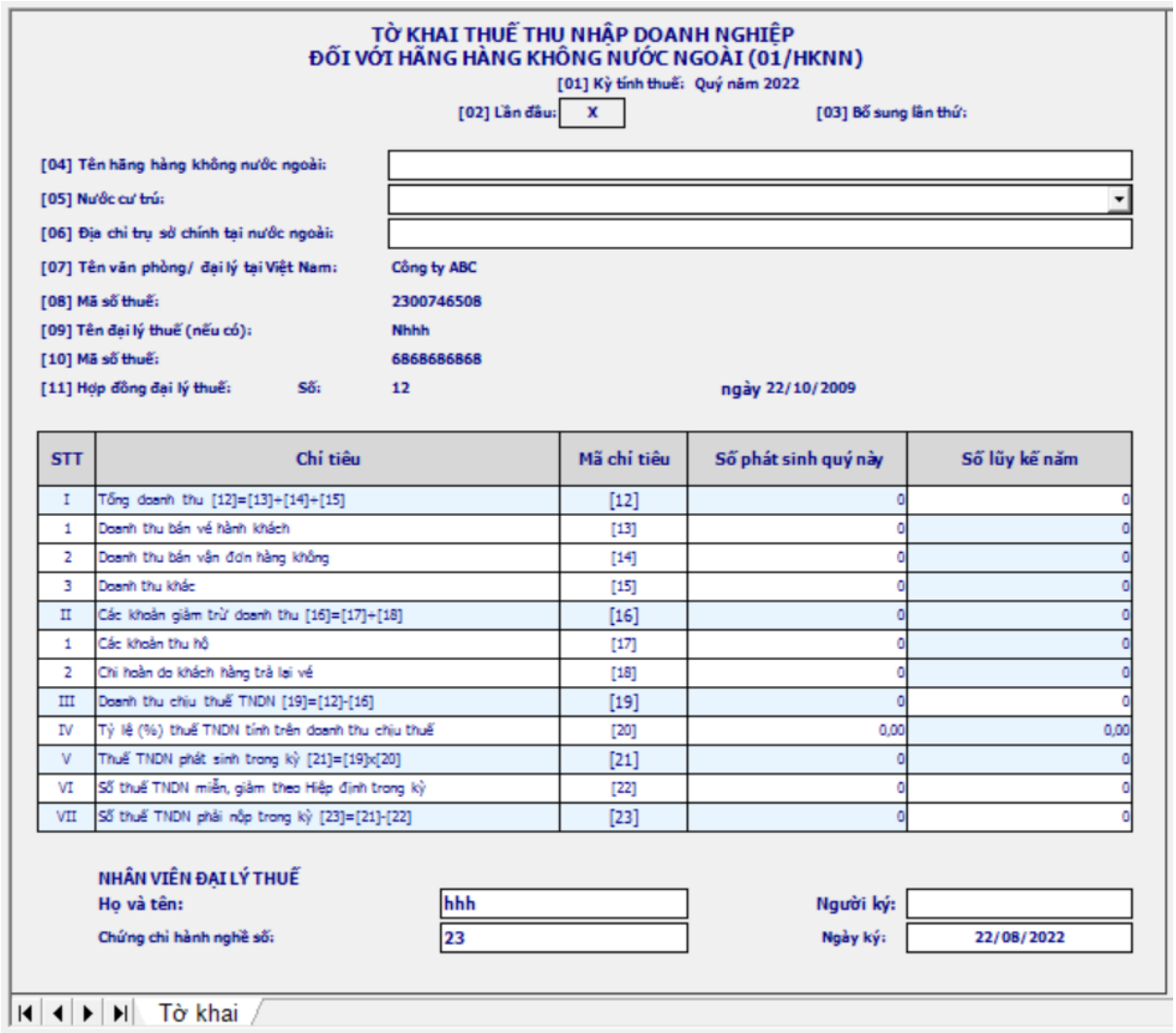
- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Nhà thầu nước ngoài" chọn "Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hãng hàng không nước ngoài (01/HKNN)(TT80/2021)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:



- Chọn trạng thái tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung) và chọn các phụ lục cần kê khai sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hãng hàng không nước ngoài mẫu 01/HKNN

3.6.6.1 Trường hợp tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
ĐỐI VỚI HÃNG HÀNG KHÔNG NƯỚC NGOÀI (01/HKNN)

[01] Kỳ tính thuế: Quý năm 2022

[02] Lần đầu: X [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên hãng hàng không nước ngoài:

[05] Nước cư trú:

[06] Địa chỉ trụ sở chính tại nước ngoài:

[07] Tên văn phòng/ đại lý tại Việt Nam: Công ty ABC

[08] Mã số thuế: 2300746508

[09] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[10] Mã số thuế: 6868686868

[11] Hợp đồng đại lý thuế: Số: 12 ngày 22/10/2009

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số phát sinh quý này	Số lũy kế năm
I	Tổng doanh thu [12]=[13]+[14]+[15]	[12]	0	0
1	Doanh thu bán vé hành khách	[13]	0	0
2	Doanh thu bán vận đơn hàng không	[14]	0	0
3	Doanh thu khác	[15]	0	0
II	Các khoản giảm trừ doanh thu [16]=[17]+[18]	[16]	0	0
1	Các khoản thu hộ	[17]	0	0
2	Chi hoàn do khách hàng trả lại vé	[18]	0	0
III	Doanh thu chịu thuế TNDN [19]=[12]-[16]	[19]	0	0
IV	Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu chịu thuế	[20]	0,00	0,00
V	Thuế TNDN phát sinh trong kỳ [21]=[19]x[20]	[21]	0	0
VI	Số thuế TNDN miễn, giảm theo Hiệp định trong kỳ	[22]	0	0
VII	Số thuế TNDN phải nộp trong kỳ [23]=[21]-[22]	[23]	0	0

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: hhh Người ký:

Chứng chỉ hành nghề số: 23 Ngày ký: 22/08/2022

Tờ khai

- Các chỉ tiêu cần nhập:
  + Chỉ tiêu [13], [14], [15], [17], [18]: NSD nhập số, không âm, tối đa 16 chữ số
  + Chỉ tiêu [20]: Cho phép NSD chọn trong danh mục các tỷ lệ: 0,1; 1; 2; 5; 10
  + Chỉ tiêu [22]: NSD nhập số, không âm, mặc định là 0, tối đa 13 chữ số
- Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tự tính:
  + Chỉ tiêu [12]: UD tự tính theo công thức [12] = [13] + [14] + [15]
  + Chỉ tiêu [16]: UD tự tính theo công thức [16] = [17] + [18]
  + Chỉ tiêu [19]: Tự tính theo công thức [19]=[12]-[17] nếu ([12] – [17] >0), ngược lại thì [19] = 0
  + Chỉ tiêu [21]: Tự tính theo công thức [21]=[19]x[20]
  + Chỉ tiêu [23]: Tự tính theo công thức [23]=[21]-[22]
- Các điều kiện kiểm tra:
  + [22] = tổng cột (6) trên 01-1/HKNN + tổng cộng cột (8) trên 01-2/HKNN, sai khác báo vàng
  + [23] = tổng cột (5) trên 01-1/HKNN + tổng cột (7) trên 01-2/HKNN, sai khác báo vàng

3.6.6.1.1 Phụ lục 01-1/HKNN: Phụ lục bảng kê thu nhập vận tải quốc tế (Dành cho vận tải hàng không quốc tế)

- Trong cùng 1 tờ khai, cho phép nhập nhiều PL 01-1/HKNN cho các Hãng hàng không nước ngoài khác nhau (Nhấn F7 để thêm 1 PL 01-1/HKNN, nhấn F8 để xóa 1 PL 01-1/HKNN).
- Thông tin chung của PL:
  + [01] Kỳ tính thuế - Từ: Mặc định là ngày đầu của quý kê khai tờ khai, cho phép sửa ngày phải thuộc quý kê khai
  + [01] Kỳ tính thuế - Đến: Mặc định là ngày cuối của quý kê khai tờ khai, cho phép sửa ngày phải thuộc quý kê khai
  + [02] Tên Hãng hàng không nước ngoài: Bắt buộc nhập
  + [03] Nước cư trú: Bắt buộc chọn trong danh mục
  + [04] Tên/hô hiệu phương tiện vân tải: Bắt buộc nhập
  + [05] -> [08]: Hiển thị theo thông tin MST đăng nhập
- Thông tin chi tiết của PL:
  + (1) Kỳ vận chuyển: Bắt buộc nhập, kiểu tháng/năm, phải thuộc kỳ tính thuế [01]
  + (2) Cảng đi: Bắt buộc nhập
  + (3) Cảng đến: Bắt buộc nhập
  + (4) Tổng doanh thu bán vé tại thị trường Việt Nam: Nhập số nguyên >=0
  + (5) Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp: Nhập số nguyên >=0
  + (6) Thuế thu nhập doanh nghiệp đề nghị miễn, giảm: Nhập số nguyên >=0

3.6.6.1.2 Phụ lục 01-2/HKNN: Phụ lục bảng kê thu nhập vận tải quốc tế (Dành cho trường hợp hoán đổi/chia chỗ trong vận tải hàng không quốc tế)

- Trong cùng 1 tờ khai, cho phép nhập nhiều PL 01-2/HKNN cho các Hãng hàng không nước ngoài khác nhau (Nhấn F7 để thêm 1 PL 01-2/HKNN, nhấn F8 để xóa 1 PL 01-2/HKNN).
- Thông tin chung của PL:
  + [01] Kỳ tính thuế - Từ: Mặc định là ngày đầu của quý kê khai tờ khai, cho phép sửa ngày phải thuộc quý kê khai
  + [01] Kỳ tính thuế - Đến: Mặc định là ngày cuối của quý kê khai tờ khai, cho phép sửa ngày phải thuộc quý kê khai
  + [02] Tên Hãng hàng không nước ngoài: Bắt buộc nhập
  + [03] Nước cư trú: Bắt buộc chọn trong danh mục
  + [04] Tên/hô hiệu phương tiện vân tải: Bắt buộc nhập
  + [05] -> [08]: Hiển thị theo thông tin MST đăng nhập
- Thông tin chi tiết của PL:
  + (1) Kỳ vận chuyển: Bắt buộc nhập, kiểu tháng/năm, phải thuộc kỳ tính thuế [01]
  + (2) Cảng đi: Bắt buộc nhập
  + (3) Cảng đến: Bắt buộc nhập

+ (4) Số chỗ hoán đổi/chia (theo thỏa thuận hoán đổi/chia chỗ): Nhập số nguyên >=0

+ (5) Số chỗ hoán đổi thực tế: Nhập số nguyên >=0

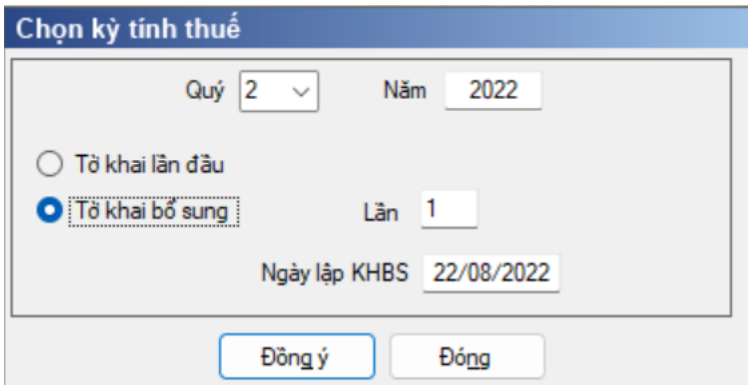
+ (6) Doanh thu quy đổi: Nhập số nguyên >=0

+ (7) Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp: Nhập số nguyên >=0

+ (8) Thuế thu nhập doanh nghiệp đề nghị miễn, giảm: Nhập số nguyên >=0, (8) phải <= (5)

3.6.6.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS"

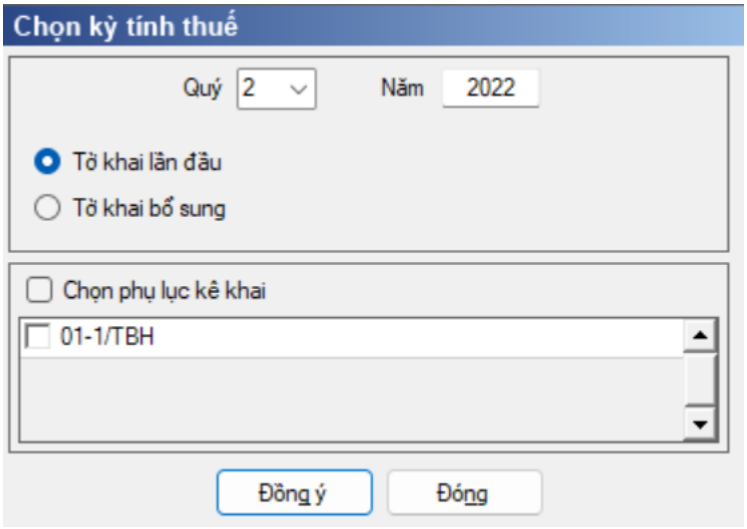


- Kê khai điều chỉnh bổ sung có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT

3.6.7 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài mẫu 01/TBH (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC)

Cách gọi:

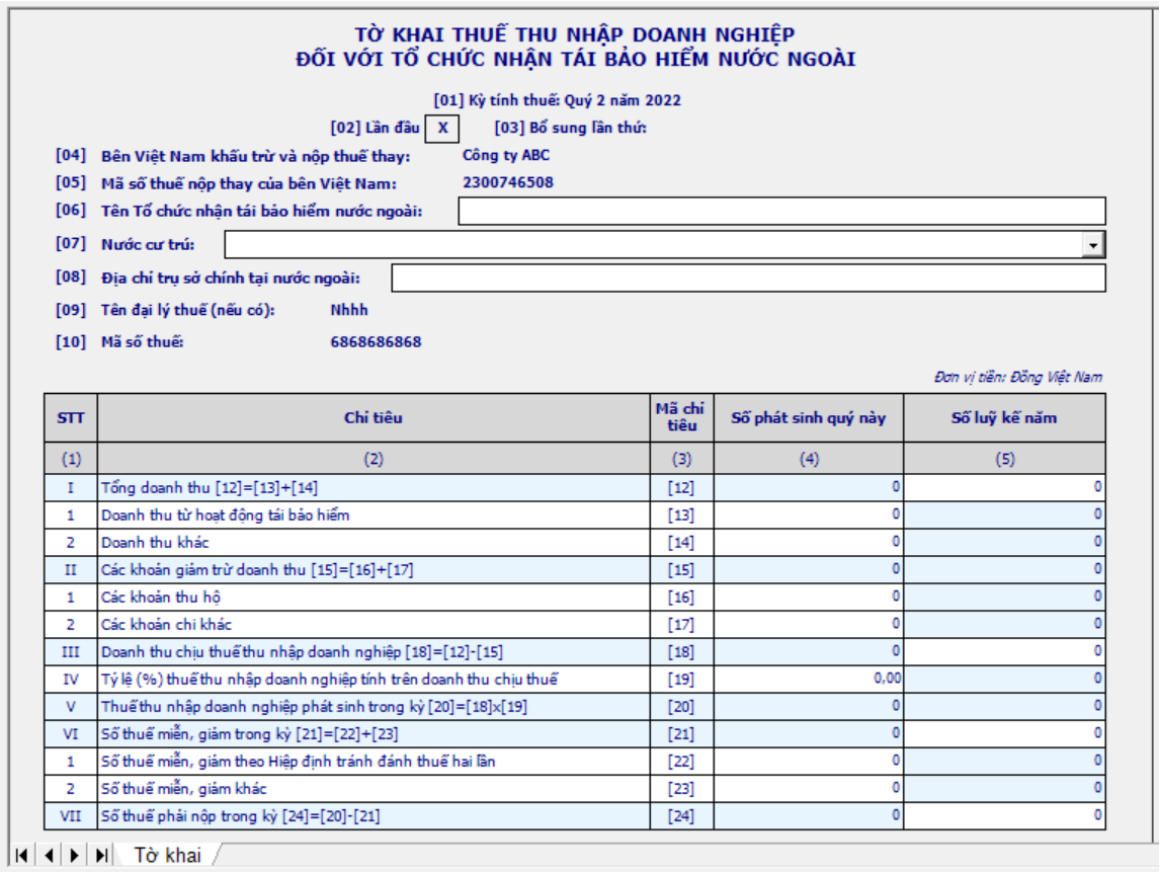
- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Nhà thầu nước ngoài" chọn "Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài (01/TBH)(TT80/2021)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:



- Chọn trạng thái tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung) và chọn các phụ lục cần kê khai sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài mẫu 01/TBH.

3.6.7.1 Trường hợp tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
ĐỐI VỚI TỔ CHỨC NHẬN TÁI BẢO HIỂM NƯỚC NGOÀI

[01] Kỳ tính thuế: Quý 2 năm 2022
[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ:
[04] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay: Công ty ABC
[05] Mã số thuế nộp thay của bên Việt Nam: 2300746508
[06] Tên Tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài:
[07] Nước cư trú:
[08] Địa chỉ trụ sở chính tại nước ngoài:
[09] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh
[10] Mã số thuế: 6868686868

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số phát sinh quý này	Số luỹ kế năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Tổng doanh thu [12]=[13]+[14]	[12]	0	0
1	Doanh thu từ hoạt động tái bảo hiểm	[13]	0	0
2	Doanh thu khác	[14]	0	0
II	Các khoản giảm trừ doanh thu [15]=[16]+[17]	[15]	0	0
1	Các khoản thu hộ	[16]	0	0
2	Các khoản chi khác	[17]	0	0
III	Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp [18]=[12]-[15]	[18]	0	0
IV	Tỷ lệ (%) thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên doanh thu chịu thuế	[19]	0.00	0
V	Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong kỳ [20]=[18]x[19]	[20]	0	0
VI	Số thuế miễn, giảm trong kỳ [21]=[22]+[23]	[21]	0	0
1	Số thuế miễn, giảm theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần	[22]	0	0
2	Số thuế miễn, giảm khác	[23]	0	0
VII	Số thuế phải nộp trong kỳ [24]=[20]-[21]	[24]	0	0

Tờ khai

- Các chỉ tiêu cần nhập:

+ Chỉ tiêu [13], [14]: NSD nhập số, không âm, tối đa 16 chữ số, kiểm tra không lớn hơn chỉ tiêu [12]

+ Chỉ tiêu [16], [17]: NSD nhập số, không âm, tối đa 16 chữ số, kiểm tra không lớn hơn chỉ tiêu [15]

+ Chỉ tiêu [19]: Cho phép NSD chọn trong danh mục các tỷ lệ: 0,1; 1; 2; 5; 10

+ Chỉ tiêu [22], [23]: NSD nhập số, không âm, mặc định là 0, tối đa 13 chữ số, kiểm tra không lớn hơn chỉ tiêu [21]

- Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tự tính:

+ Chỉ tiêu [12]: UD tự tính theo công thức [12] = [13] + [14]

+ Chỉ tiêu [15]: UD tự tính theo công thức [15] = [16] + [17]

+ Chỉ tiêu [18]: Tự tính theo công thức [18]=[12]-[15] nếu ([12] – [18] <=0) thì [18] = 0

+ Chỉ tiêu [20]: Tự tính theo công thức [20]=[18]x[19]

+ Chỉ tiêu [21]: Tự tính theo công thức [21]=[22]+[23]

+ Chỉ tiêu [24]: UD tính theo công thức: [24]=[20]-[21], nếu ([20]-[21]) <0 thì [24] = 0

3.6.7.1.1 Bảng kê 01-1/TBH: Danh mục hợp đồng tái bảo hiểm

PHỤ LỤC
DANH MỤC HỢP ĐỒNG TÁI BẢO HIỂM (01-1/TBH)

(Kèm theo Tờ khai thuế mẫu: 01/TBH)

[01] Kỳ tính thuế: Quý 2 năm 2022
[02] Lần đầu: X [03] Bổ sung lần thứ:
[04] Tên tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài hoặc tổ chức được uỷ quyền: Công ty ABC
[05] Mã số thuế: 2300746508

STT	Loại Hợp đồng	Đại diện ký kết				Hợp đồng		Thời gian thực hiện hợp đồng		Trách nhiệm pháp lý và cam kết của các bên	Đối tượng có thẩm quyền kết hợp đồng	Các nội dung liên quan đến thuế trong hợp đồng
		Bên Việt Nam		Bên nước ngoài		Số	Ngày	Từ ngày	Đến ngày			
		Tên	Mã số thuế	Tên	Mã số thuế (nếu có)							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
	A: Hợp đồng TBH P&I											
1												
	B: Hợp đồng TBH kỹ thuật											
1												

- Các chỉ tiêu cần nhập:

+ Nhóm: cho phép NNT chọn trong danh sách: A: Hợp đồng TBH P&I, B: Hợp đồng TBH kỹ thuật

+ Chỉ tiêu (2): bao gồm 2 loại hợp đồng TBH P&I và hợp đồng TBH kỹ thuật

+ Chỉ tiêu (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12), (13): Cho phép NNT nhập

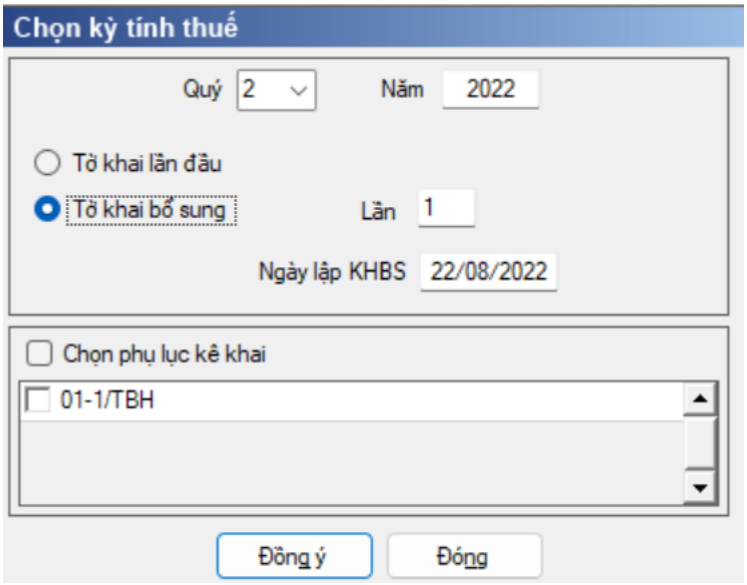
3.6.7.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.

- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là “Tờ khai bổ sung”, ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.

- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.

- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet “Tờ khai điều chỉnh” và “01-KHBS” và “01-1/KHBS”



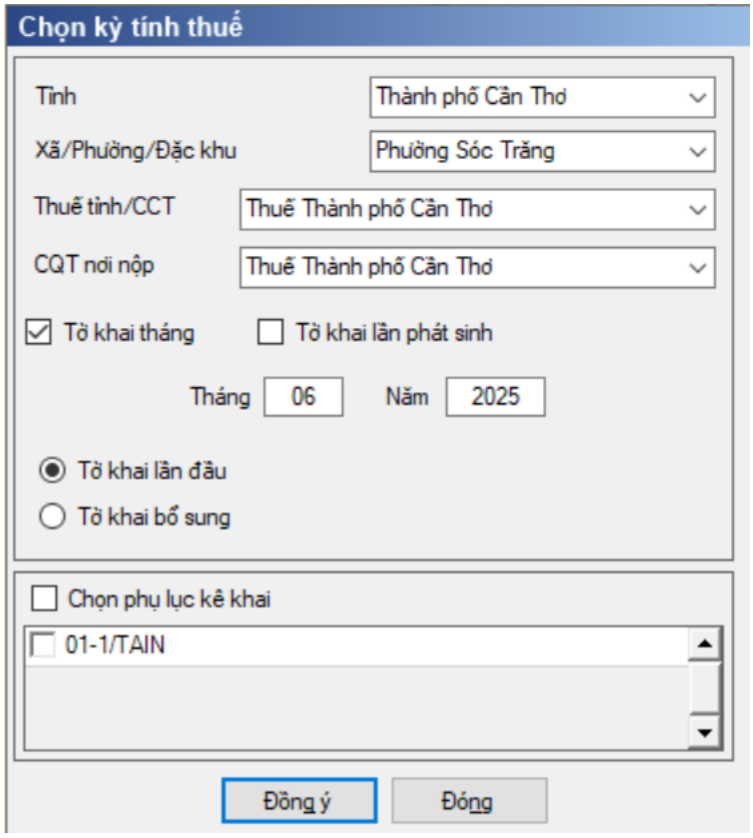
- Kê khai điều chỉnh bổ sung có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT

3.7 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai thuế Tài nguyên

3.7.1 Tờ khai thuế tài nguyên mẫu số 01/TAIN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP).

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Tài Nguyên" chọn "Tờ khai thuế tài nguyên mẫu số (01/TAIN)(TT80/2021)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



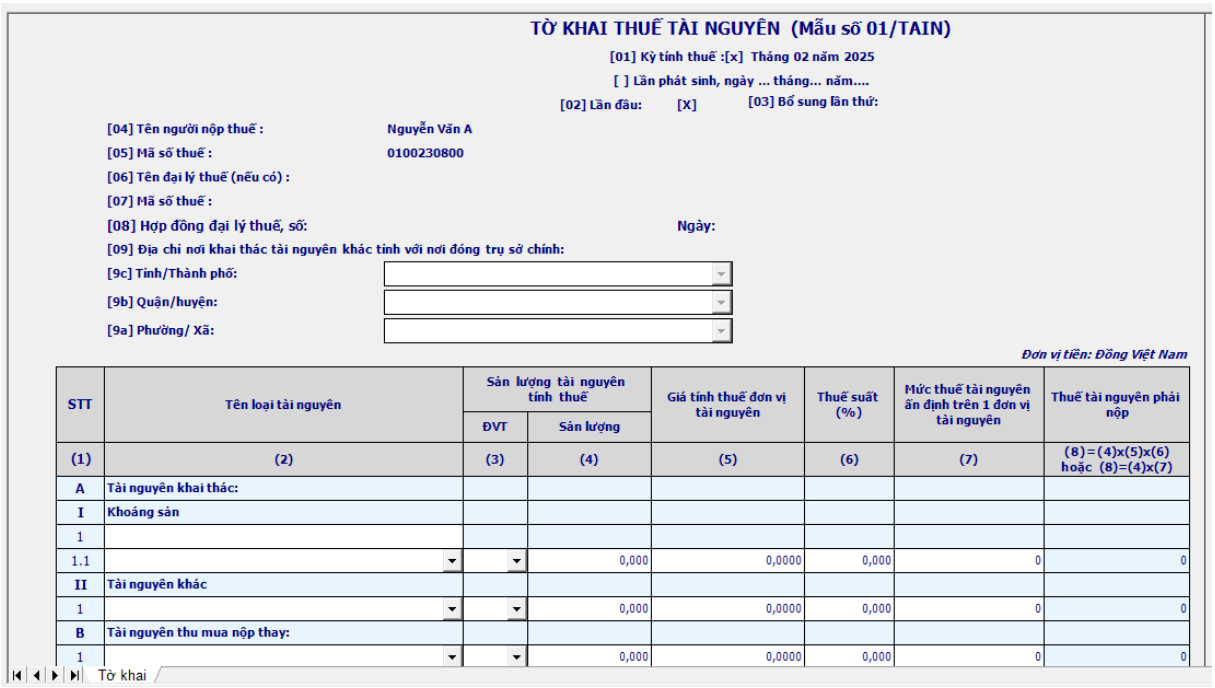
- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
- CQT nộp tờ khai: Chỉ được nộp tại Cục Thuế
- Kỳ tính thuế: Với tờ khai tháng có hiệu lực từ tháng 01/2022, tờ khai lần phát sinh có hiệu lực từ ngày 01/01/2022
- Hạn nộp tờ khai:

+ Tờ khai tháng: Ngày thứ 20 của tháng tiếp theo, nếu rơi vào ngày nghỉ/lễ, chuyển sang ngày tiếp theo

+ Tờ khai lần phát sinh: 10 ngày kể từ ngàu phát sinh, nếu rơi vào ngày nghỉ/lễ, chuyển sang ngày tiếp theo

3.7.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



TỜ KHAI THUẾ TÀI NGUYÊN (Mẫu số 01/TAIN)

[01] Kỳ tính thuế :[x] Tháng 02 năm 2025

[ ] Lần phát sinh, ngày ... tháng... năm....

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế : Nguyễn Văn A

[05] Mã số thuế : 0100230800

[06] Tên đại lý thuế (nếu có) :

[07] Mã số thuế :

[08] Hợp đồng đại lý thuế, số: Ngày:

[09] Địa chỉ nơi khai thác tài nguyên khác tỉnh với nơi đóng trụ sở chính:

[9c] Tỉnh/Thành phố:

[9b] Quận/huyện:

[9a] Phường/ Xã:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên loại tài nguyên	Sản lượng tài nguyên tính thuế		Giá tính thuế đơn vị tài nguyên	Thuế suất (%)	Mức thuế tài nguyên ấn định trên 1 đơn vị tài nguyên	Thuế tài nguyên phải nộp
		ĐVT	Sản lượng				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(4)x(5)x(6) hoặc (8)=(4)x(7)
A	Tài nguyên khai thác:						
I	Khoáng sản						
1							
1.1			0,000	0,0000	0,000	0	0
II	Tài nguyên khác						
1			0,000	0,0000	0,000	0	0
B	Tài nguyên thu mua nộp thay:						
1			0,000	0,0000	0,000	0	0

Tờ khai

- Các chỉ tiêu cần nhập:

+ Mỏ khoáng sản:

+ Chỉ tiêu (2): Cho phép NNT nhập text

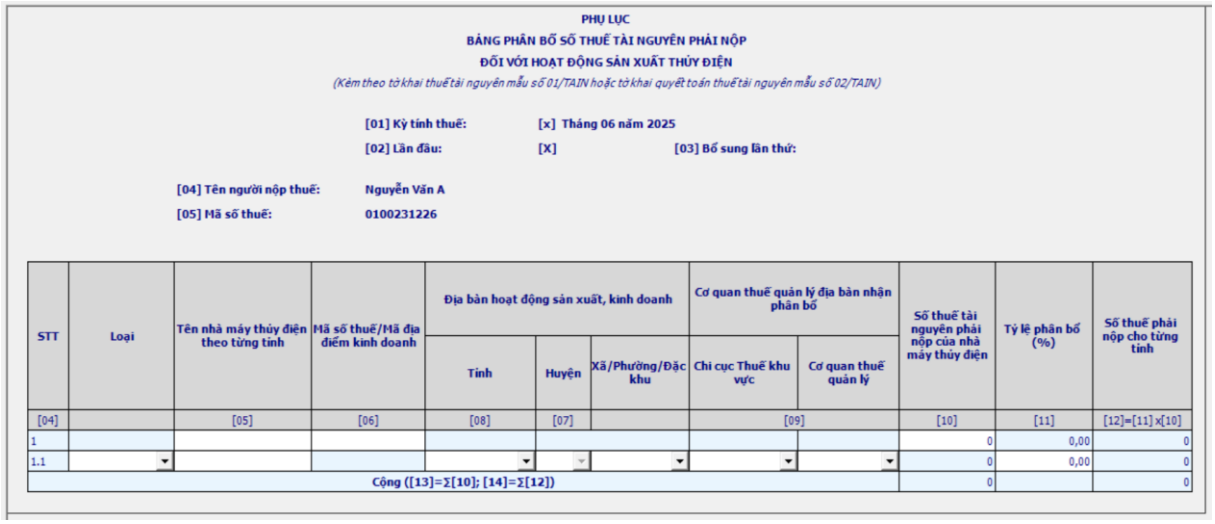
+ Khoáng sản/ Tài nguyên:

- Chỉ tiêu (2): Cho phép chọn trong danh mục tài nguyên theo khung giá của BTC và tài nguyên riêng của Tỉnh đó thêm mới vào (CQT nộp tờ khai thuộc Tỉnh nào thì cho phép chọn các tài nguyên do Tỉnh đó thêm mới)
- Chỉ tiêu (3): Tự động hiển thị theo cột (2). Cho phép chọn lại trong danh mục
- Chỉ tiêu (4): Nhập số >0, Cột (4) bắt buộc nhập nếu có nhập cột (2), nếu không cảnh báo vàng tại cột (4) "Dữ liệu bắt buộc nhập?"
- Chỉ tiêu (5): Cho phép nhập định dạng số thập phân 4 số sau dấu phẩy. Nhập giá tài nguyên phải >= (Giá tối thiểu của BTC – 20%)

- Chỉ tiêu (6): Thuế suất tự động hiển thị theo cột [2] và chỉ cho phép sửa với ba loại tài nguyên là Tài nguyên khác, Dầu mỏ và Khí đốt, khi nhập cột [5] thì đặt cột [7] = 0, giữ nguyên cột [6] và ngược lại nếu nhập cột [7] thì đặt cột [5] = 0 và cột [6] = 0.
- Chỉ tiêu (7): NNT nhập kiểu số nguyên dương, khi nhập cột [5] thì đặt cột [7] = 0, giữ nguyên cột [6] và ngược lại nếu nhập cột [7] thì đặt cột [5] = 0 và cột [6] = 0

- Các điều kiện kiểm tra công thức:
  + Cột [8] = Cột [4] * Cột [5] * Cột [6], hoặc Cột [8] = Cột [4] * Cột [7].
  + Tổng cộng: UD tự động tính cột (4) và cột (8)

3.7.1.1.1 Bảng kê 01-1/TAIN: Bảng phân bổ số thuế tài nguyên phải nộp đối với hoạt động sản xuất thủy điện



PHỤ LỤC

BẢNG PHÂN BỔ SỐ THUẾ TÀI NGUYÊN PHẢI NỘP

ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT THỦY ĐIỆN

(Kèm theo tờ khai thuế tài nguyên mẫu số 01/TAIN hoặc tờ khai quyết toán thuế tài nguyên mẫu số 02/TAIN)

[01] Kỳ tính thuế: [x] Tháng 06 năm 2025

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Nguyễn Văn A

[05] Mã số thuế: 0100231226

STT	Loại	Tên nhà máy thủy điện theo từng tỉnh	Mã số thuế/Mã địa điểm kinh doanh	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh			Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ		Số thuế tài nguyên phải nộp của nhà máy thủy điện	Tỷ lệ phân bổ (%)	Số thuế phải nộp cho từng tỉnh
				Tỉnh	Huyện	Xã/Phường/Đặc khu	Chi cục Thuế khu vực	Cơ quan thuế quản lý			
[04]		[05]	[06]	[08]	[07]		[09]		[10]	[11]	[12]=[11]x[10]
1									0	0,00	0
1.1									0	0,00	0
Cộng ([13]=Σ[10]; [14]=Σ[12])									0		0

- Các chỉ tiêu cần nhập:
  + Nhà máy:
    - Chỉ tiêu [5]: Cho phép NNT nhập dạng text
    - Chỉ tiêu [6]: NNT nhập MST 13 số hoặc mã địa điểm kinh doanh 5 số, kiểm tra đúng cấu trúc MST, nếu kê khai phụ lục phân bổ thì bắt buộc nhập chỉ tiêu này
    - Chỉ tiêu [10]: NSD nhập số tiền >=0
  + Nơi có văn phòng điều hành nhà máy:
    - Chỉ tiêu [5]: Cho phép NNT nhập dạng text
    - Chỉ tiêu [7] Huyện: Khóa
    - Xã/phường/đặc khu: Chọn trong DM
    - Chỉ tiêu [8]: Nếu tờ khai kê khai tại trụ sở chính: Chọn trong danh mục Tỉnh, kiểm tra phải tương ứng với CQT quản lý; Nếu tờ khai nộp tại CQT khác tỉnh nơi trụ sở chính = Tỉnh của chỉ tiêu (11c) trên tờ khai
    - Chỉ tiêu [11]: NNT nhập dạng x,xx khoảng từ 1 - 100
  + Nơi được nhận khoản thu phân bổ:
    - Chỉ tiêu [5]: Cho phép NNT nhập dạng text
    - Chỉ tiêu [7]: NSD chọn từ danh mục tương ứng với Tỉnh tại chỉ tiêu (9)

- Chỉ tiêu [8]: NSD chọn từ danh mục. Hệ thống kiểm tra Tỉnh của chỉ tiêu 1.2 phải khác tỉnh của chỉ tiêu 1.1
- Chỉ tiêu [11]: NNT nhập dạng x,xx khoảng từ 1 - 100

- Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tự tính:

+ Nhà máy:

- Chỉ tiêu [11]: UD tự động tính tổng tỷ lệ phân bổ của từng nhà máy, kiểm tra phải = 100%

+ Nơi có văn phòng điều hành nhà máy:

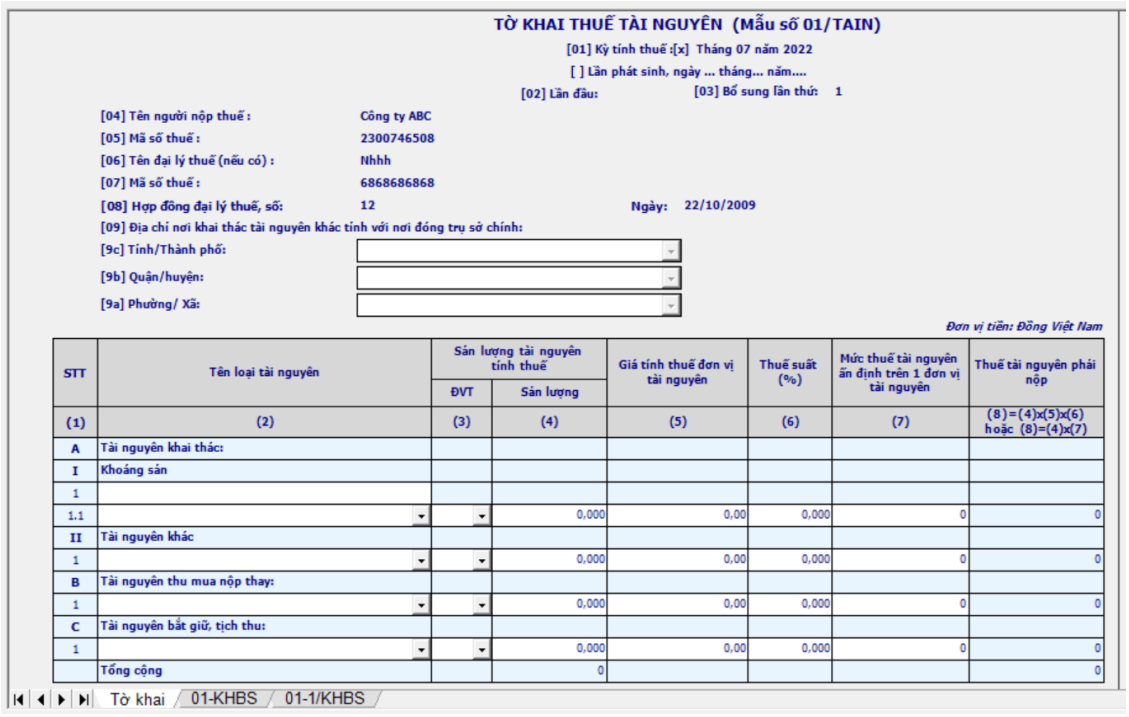
- Chỉ tiêu [12]: UD tự động tính theo công thức [12] = [11]x[10a]

+ Nơi được nhận khoản thu phân bổ

- Chỉ tiêu [12]: UD tự động tính theo công thức [12] = [11]x[10a]

3.7.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".



TỜ KHAI THUẾ TÀI NGUYÊN (Mẫu số 01/TAIN)

[01] Kỳ tính thuế :[x] Tháng 07 năm 2022

[ ] Lần phát sinh, ngày ... tháng... năm....

[02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Tên người nộp thuế : Công ty ABC

[05] Mã số thuế : 2300746508

[06] Tên đại lý thuế (nếu có) : Nhhh

[07] Mã số thuế : 6868686868

[08] Hợp đồng đại lý thuế, số: 12 Ngày: 22/10/2009

[09] Địa chỉ nơi khai thác tài nguyên khác tỉnh với nơi đóng trụ sở chính:

[9c] Tỉnh/Thành phố:

[9b] Quận/huyện:

[9a] Phường/ Xã:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên loại tài nguyên	Sản lượng tài nguyên tính thuế		Giá tính thuế đơn vị tài nguyên	Thuế suất (%)	Mức thuế tài nguyên ấn định trên 1 đơn vị tài nguyên	Thuế tài nguyên phải nộp
		ĐVT	Sản lượng				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(4)x(5)x(6) hoặc (8)=(4)x(7)
A	Tài nguyên khai thác:						
I	Khoáng sản						
1							
1.1			0,000	0,00	0,000	0	0
II	Tài nguyên khác						
1			0,000	0,00	0,000	0	0
B	Tài nguyên thu mua nộp thay:						
1			0,000	0,00	0,000	0	0
C	Tài nguyên bắt giữ, tịch thu:						
1			0,000	0,00	0,000	0	0
	Tổng cộng		0				0

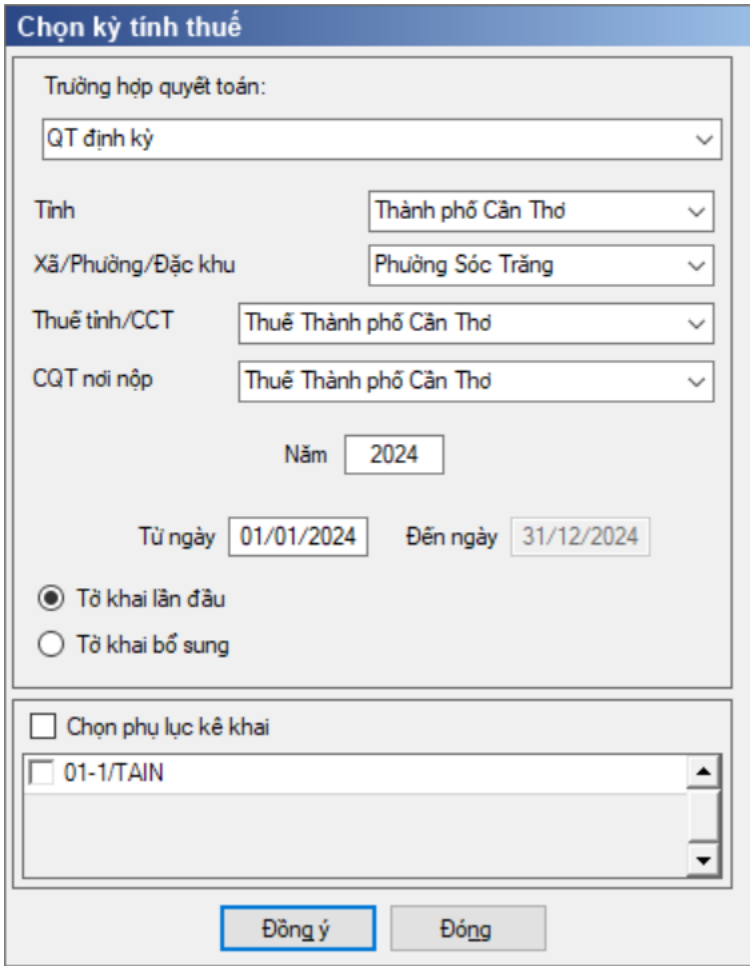
Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.7.2 Tờ khai Quyết toán thuế tài nguyên mẫu số 02/TAIN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Tài Nguyên" chọn "Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên mẫu số (02/TAIN)(TT80/2021)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- Trường hợp quyết toán: Chọn 1 trong các trường hợp quyết toán
  + QT định kỳ (Mã 01)
  + Tổ chức lại doanh nghiệp (mã 02)
  + Chuyển đổi loại hình (đối với trường hợp CPH DNNN) (mã 03)
  + Chuyển đổi kỳ tài chính (mã 04)
  + Giải thể, phá sản (mã 05)
  + Chấm dứt hoạt động (mã 06)
- Nhập kỳ tính thuế: Cho phép NNT nhập kỳ tính thuế theo năm

  + Kỳ tính thuế theo năm: Mặc định năm hiện tại -1, cho phép sửa nhưng không được lớn hơn năm hiện tại.

  + Kỳ quyết toán từ … Kỳ quyết toán đến: Kỳ quyết toán từ mặc định là ngày bắt đầu năm tài chính của năm quyết toán. Kỳ quyết toán đến mặc định là ngày kết thúc năm tài chính của năm quyết toán. NSD có thể thay đổi thông tin về kỳ quyết toán theo nguyên tắc sau:
    - Cho phép sửa Kỳ quyết toán đến trừ trường hợp "QT định kỳ"
    - Kỳ quyết toán từ hoặc kỳ quyết toán đến phải thuộc Kỳ tính thuế
    - Khoảng cách từ ngày và đến ngày không vượt quá 15 tháng.

- Trường năm phải lớn hơn năm 2021.
- Kiểm tra Kỳ quyết toán từ … Kỳ quyết toán đến không được lớn hơn kỳ tính thuế có ngày hiện tại
- Không giao ngày với Kỳ quyết toán từ/ đến của TK quyết toán kỳ trước

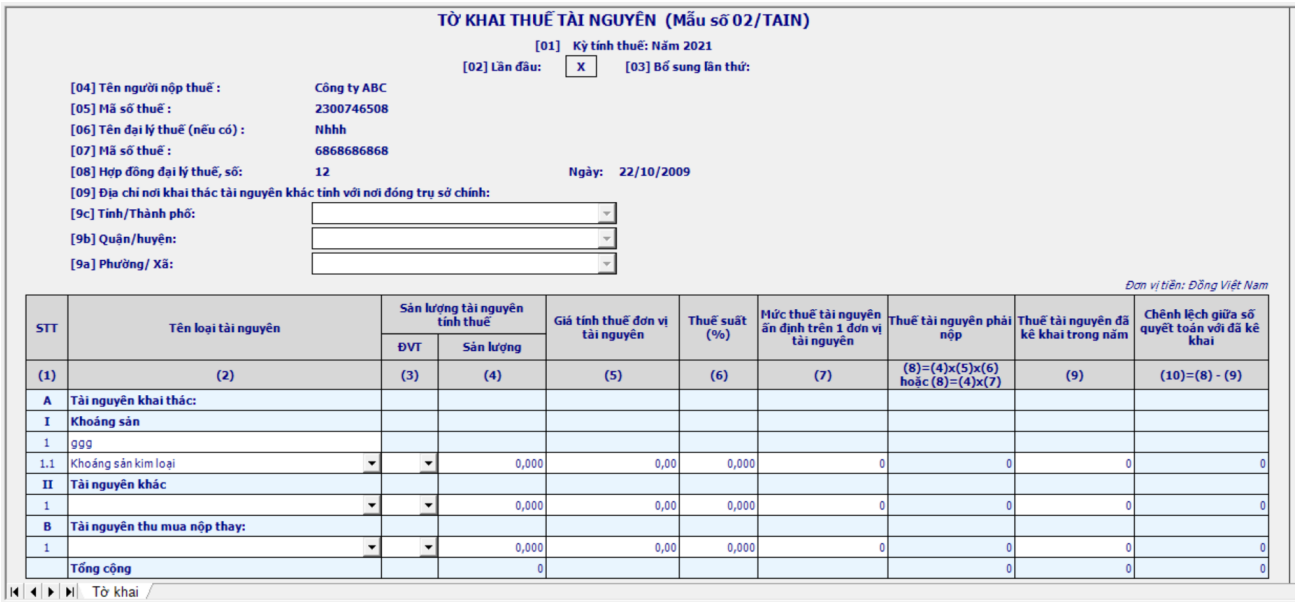
- Chọn trạng thái tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung), sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp mẫu 04/TNDN
- Hạn nộp tờ khai:

+ Nếu trường hợp quyết toán là "QT định kỳ" hoặc " Chuyển đổi kỳ tài chính" thì Hạn nộp là Ngày cuối cùng của Quý sau Tháng quyết toán đến, dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ.

+ Nếu trường hợp quyết toán khác "QT định kỳ" và 'Chuyển đổi kỳ tài chính" thì Hạn nộp là (Kỳ quyết toán đến + 45 ngày – 1), dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ.

3.7.2.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



TỜ KHAI THUẾ TÀI NGUYÊN (Mẫu số 02/TAIN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[02] Lần đầu: X [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế : Công ty ABC
[05] Mã số thuế : 2300746508
[06] Tên đại lý thuế (nếu có) : Nhhh
[07] Mã số thuế : 6868686868
[08] Hợp đồng đại lý thuế, số: 12 Ngày: 22/10/2009
[09] Địa chỉ nơi khai thác tài nguyên khác tỉnh với nơi đóng trụ sở chính:
[9c] Tỉnh/Thành phố:
[9b] Quận/huyện:
[9a] Phường/ Xã:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên loại tài nguyên	Sản lượng tài nguyên tính thuế		Giá tính thuế đơn vị tài nguyên	Thuế suất (%)	Mức thuế tài nguyên ấn định trên 1 đơn vị tài nguyên	Thuế tài nguyên phải nộp	Thuế tài nguyên đã kê khai trong năm	Chênh lệch giữa số quyết toán với đã kê khai
		ĐVT	Sản lượng						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(4)x(5)x(6) hoặc (8)=(4)x(7)	(9)	(10)=(8) - (9)
A	Tài nguyên khai thác:								
I	Khoáng sản								
1	ggg								
1.1	Khoáng sản kim loại		0,000	0,00	0,000	0	0	0	0
II	Tài nguyên khác								
1			0,000	0,00	0,000	0	0	0	0
B	Tài nguyên thu mua nộp thay:								
1			0,000	0,00	0,000	0	0	0	0
	Tổng cộng		0				0	0	0

Tờ khai

- Các chỉ tiêu cần nhập:

+ Cột [2a] NSD lựa chọn loại tài nguyên từ danh mục. Bao gồm các giá trị:

- A.I: Tài nguyên khai thác khoáng sản
- A.II: Tài nguyên khai thác tài nguyên khác
- B. Tài nguyên thu mua nộp thay
- C. Tài nguyên bắt giữ, tịch thu

+ Cột (2): Cho phép chọn trong danh mục tài nguyên theo khung giá của BTC và tài nguyên riêng của Tỉnh đó thêm mới vào (CQT nộp tờ khai thuộc Tỉnh nào thì cho phép chọn các tài nguyên do Tỉnh đó thêm mới)

+ Cột (3) Đơn vị tính tự động hiển thị theo chỉ tiêu được chọn trên cột (2) và cho phép chọn lại đơn vị tính.

+ Các cột (4), (7), (9) nhập kiểu số, không âm, cho phép nhập sau phần thập phân 3 chữ số, nhận giá trị mặc định là số 0.

+ Cột (5) Giá tính thuế đơn vị tài nguyên: Cho phép nhập định dạng số thập phân 4 số sau dấu phẩy. Nhập giá tài nguyên phải >= (Giá tối thiểu của BTC – 20%)

+ Cột (6) tự động hiển thị theo cột (2) và chỉ cho phép sửa với ba loại tài nguyên là Tài nguyên khác, Dầu mỏ và Khí đốt. Cột (6) được hỗ trợ theo định dạng xx,xxxx%.

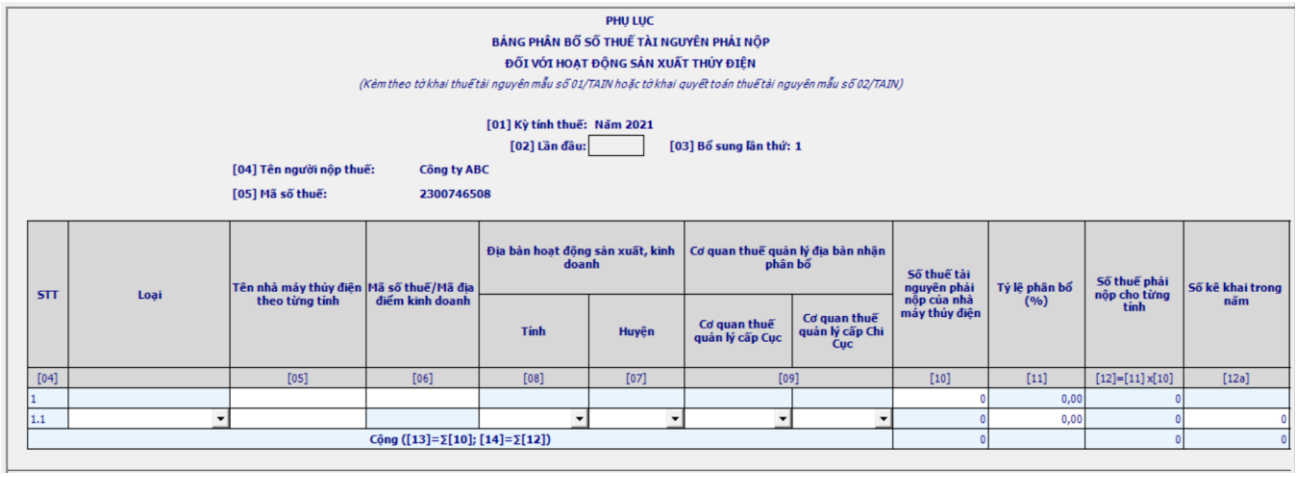
- Các chỉ tiêu tính toán:

+ Cột (8) = Cột (4) * Cột (5) * Cột (6)/100 nếu không nhập cột (7), hoặc Cột (8) = Cột (4) * Cột (7) nếu nhập cột (7).

+ Cột (10) = Cột (8) - Cột (9).

+ Chương trình hỗ trợ tính tự động hàng Tổng cộng của các cột (4), (8), (9), (10)

3.7.2.1.1 Bảng kê 01-1/TAIN: Bảng phân bổ số thuế tài nguyên phải nộp đối với hoạt động sản xuất thủy điện



PHỤ LỤC

BẢNG PHÂN BỔ SỐ THUẾ TÀI NGUYÊN PHẢI NỘP

ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT THỦY ĐIỆN

(Kèm theo tờ khai thuế tài nguyên mẫu số 01/TAIN hoặc tờ khai quyết toán thuế tài nguyên mẫu số 02/TAIN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

STT	Loại	Tên nhà máy thủy điện theo từng tỉnh	Mã số thuế/Mã địa điểm kinh doanh	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ		Số thuế tài nguyên phải nộp của nhà máy thủy điện	Tỷ lệ phân bổ (%)	Số thuế phải nộp cho từng tỉnh	Số kê khai trong năm
				Tỉnh	Huyện	Cơ quan thuế quản lý cấp Cục	Cơ quan thuế quản lý cấp Chi Cục				
[04]		[05]	[06]	[08]	[07]	[09]		[10]	[11]	[12]=[11]x[10]	[12a]
1								0	0,00	0	
1.1								0	0,00	0	0
Cộng ([13]=Σ[10]; [14]=Σ[12])								0		0	0

- Các chỉ tiêu cần nhập:

+ Nhà máy:

- Chỉ tiêu [5]: Cho phép NNT nhập dạng text
- Chỉ tiêu [6]: NNT nhập MST 13 số hoặc mã địa điểm kinh doanh 5 số, kiểm tra đúng cấu trúc MST, nếu kê khai phụ lục phân bổ thì bắt buộc nhập chỉ tiêu này
- Chỉ tiêu [10a]: NSD nhập số tiền >=0

+ Nơi có văn phòng điều hành nhà máy:

- Chỉ tiêu [5]: Cho phép NNT nhập dạng text
- Chỉ tiêu [7]: NSD chọn từ danh mục tương ứng với Tỉnh đã chọn
- Chỉ tiêu [8]: Cho phép chọn trong danh mục tỉnh
- Chỉ tiêu [11]: NNT nhập dạng x,xx khoảng từ 1 – 100
- Chỉ tiêu [13], [14]: NNT nhập dạng số >= 0

+ Nơi được nhận khoản thu phân bổ:

- Chỉ tiêu [5]: Cho phép NNT nhập dạng text
- Chỉ tiêu [7]: NSD chọn từ danh mục tương ứng với Tỉnh tại chỉ tiêu (9)
- Chỉ tiêu [8]: NSD chọn từ danh mục. Hệ thống kiểm tra Tỉnh của chỉ tiêu 1.2 phải khác tỉnh của chỉ tiêu 1.1
- Chỉ tiêu [11]: NNT nhập dạng x,xx khoảng từ 1 – 100

- Chỉ tiêu [13], [14]: NNT nhập số >=0

- Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tự tính:

+ Nhà máy:

- Chỉ tiêu [11]: UD tự động tính tổng tỷ lệ phân bổ 1.1 + 1.2, kiểm tra phải = 100%

+ Nơi có văn phòng điều hành nhà máy:

- Chỉ tiêu [12]: UD tự động tính theo công thức [12] = [11]x[10a]

+ Nơi được nhận khoản thu phân bổ

- Chỉ tiêu [12]: UD tự động tính theo công thức [12] = [11]x[10a]

+ Tổng cộng: Kiểm tra tổng cột (10) <= chỉ tiêu (40) trên tờ khai, kiểm tra tổng cột (12) = (13).

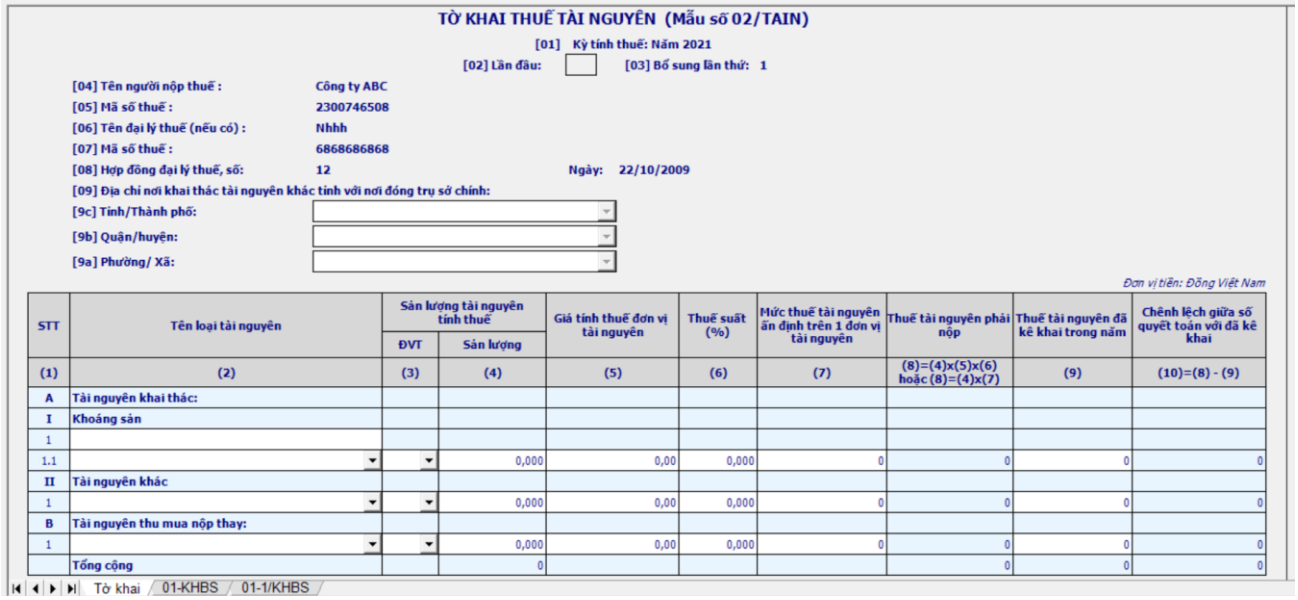
3.7.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.

- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.

- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.

- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".



TỜ KHAI THUẾ TÀI NGUYÊN (Mẫu số 02/TAIN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Tên người nộp thuế : Công ty ABC

[05] Mã số thuế : 2300746508

[06] Tên đại lý thuế (nếu có) : Nhhh

[07] Mã số thuế : 6868686868

[08] Hợp đồng đại lý thuế, số: 12 Ngày: 22/10/2009

[09] Địa chỉ nơi khai thác tài nguyên khác tỉnh với nơi đóng trụ sở chính:

[9c] Tỉnh/Thành phố:

[9b] Quận/huyện:

[9a] Phường/ Xã:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên loại tài nguyên	Sản lượng tài nguyên tính thuế		Giá tính thuế đơn vị tài nguyên	Thuế suất (%)	Mức thuế tài nguyên ấn định trên 1 đơn vị tài nguyên	Thuế tài nguyên phải nộp	Thuế tài nguyên đã kê khai trong năm	Chênh lệch giữa số quyết toán với đã kê khai
		ĐVT	Sản lượng						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(4)x(5)x(6) hoặc (8)=(4)x(7)	(9)	(10)=(8) - (9)
A	Tài nguyên khai thác:								
I	Khoáng sản								
1									
1.1			0,000	0,00	0,000	0	0	0	0
II	Tài nguyên khác								
1			0,000	0,00	0,000	0	0	0	0
B	Tài nguyên thu mua nộp thay:								
1			0,000	0,00	0,000	0	0	0	0
	Tổng cộng		0				0	0	0

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.8 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai thuế Tiêu thụ đặc biệt

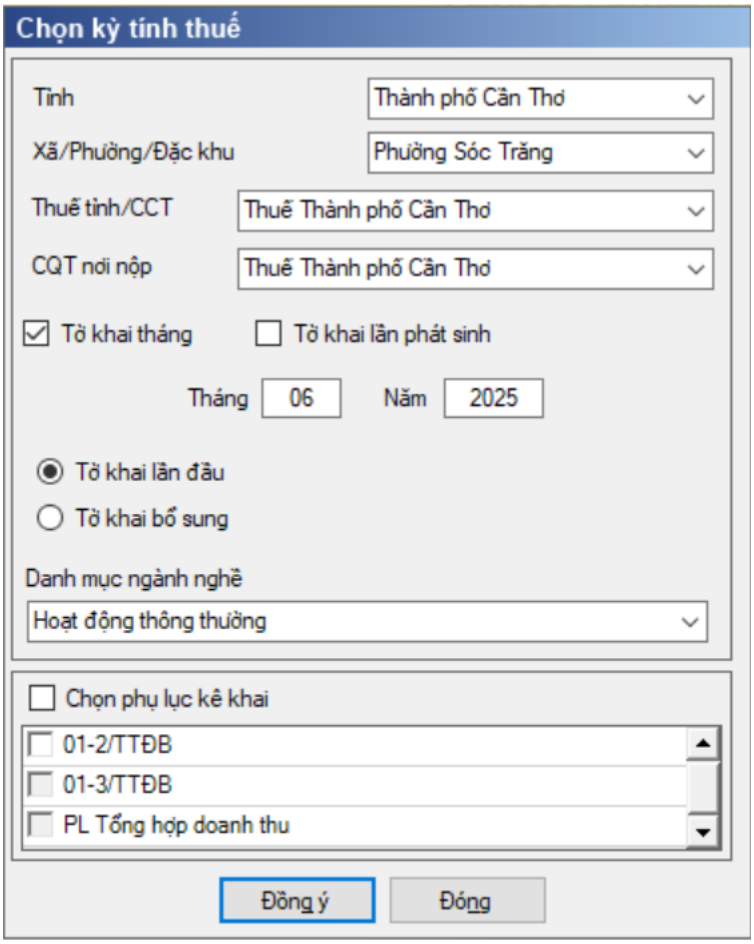
3.8.1 Tờ khai thuế Tiêu thụ đặc biệt trừ hoạt động sản xuất, pha chế xăng sinh học mẫu số 01/TTĐB (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP).

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Tiêu Thụ Đặc Biệt" chọn "01/TTĐB Tờ khai thuế tiêu thụ đặc biệt (TT80/2021)".

- Đối với Tờ khai thuế 01/TTĐB UD cho phép NNT chọn một trong hai loại tờ khai là "Tờ khai theo tháng" hoặc "Tờ khai lần phát sinh"

- Trên form "Chọn kỳ kê khai" chọn Tờ khai tháng khi đó màn hình kê khai hiển thị:



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:

+ Kỳ tính thuế: Ứng dụng sẽ để mặc định kỳ tính thuế bằng tháng hiện tại -1, bạn có thể nhập kỳ tính thuế nhưng không được chọn kỳ tính thuế lớn hơn tháng hiện tại

+ Đối với tờ khai theo Lần phát sinh thì không cần kê khai phụ lục đính kèm

+ Trạng thái tờ khai gồm Tờ khai lần đầu hoặc Tờ khai bổ sung.

+ Chọn ngành nghề kinh doanh: Chọn ngành nghề kinh doanh của đơn vị mình trong Danh mục ngành nghề kinh doanh gồm có 4 loại ngành nghề:

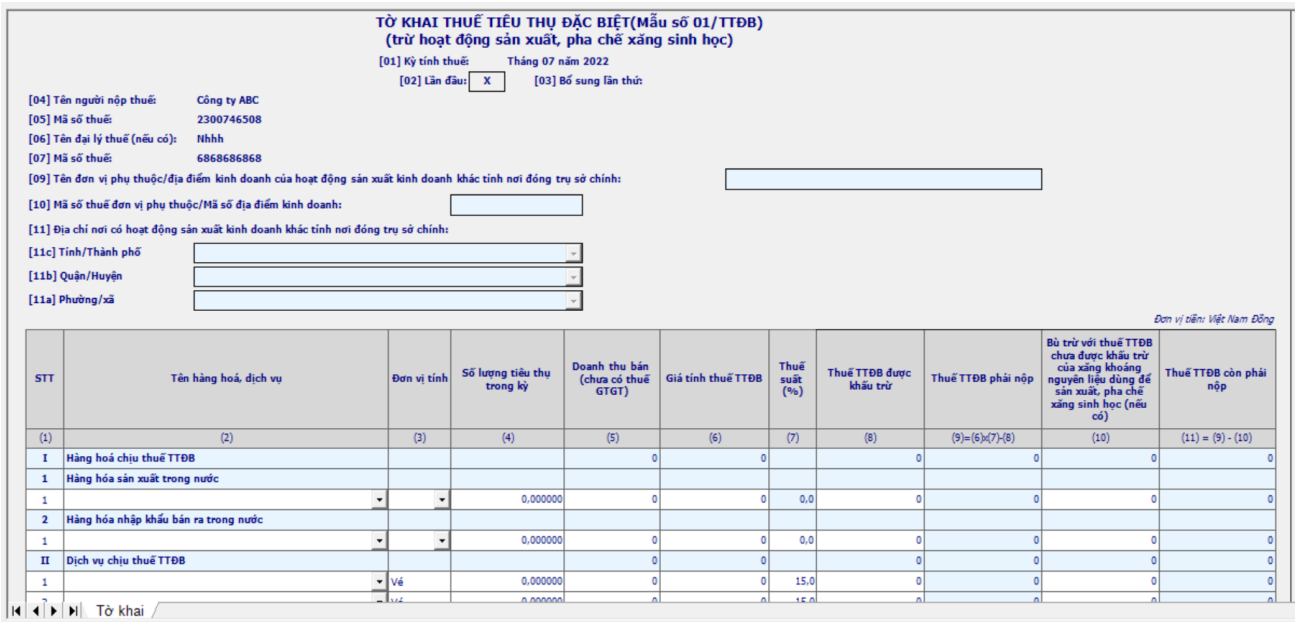
- Hoạt động thông thường
- Hoạt động xổ số kiến thiết
- Hoạt động xổ số điện toán
- Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường bao gồm Casino

+ Chọn các phụ lục đi kèm tờ khai: Chương trình mặc định không chọn các phụ lục, cho phép chọn thêm phụ lục để khai trong trường hợp cần kê khai. Trừ trường hợp nếu chọn "Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường bao gồm Casino" thì sẽ bắt

buộc đính kèm phụ lục 01 – Phiếu tổng hợp doanh thu. Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế tiêu thụ đặc biệt mẫu 01/TTĐB.

- Việc kê khai tờ khai lần đầu và tờ khai bổ sung tương tự như tờ 01/GTGT, màn hình giao diện tờ khai 01/TTĐB như sau:

3.8.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu



TỜ KHAI THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT(Mẫu số 01/TTĐB)
(trừ hoạt động sản xuất, pha chế xăng sinh học)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022
[02] Lần đầu: X [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[05] Mã số thuế: 2300746508
[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh
[07] Mã số thuế: 6868686868
[09] Tên đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:
[10] Mã số thuế đơn vị phụ thuộc/Mã số địa điểm kinh doanh:
[11] Địa chỉ nơi có hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:
[11c] Tỉnh/Thành phố
[11b] Quận/Huyện
[11a] Phường/xã

Đơn vị tiền: Việt Nam Đồng

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng tiêu thụ trong kỳ	Doanh thu bán (chưa có thuế GTGT)	Giá tính thuế TTĐB	Thuế suất (%)	Thuế TTĐB được khấu trừ	Thuế TTĐB phải nộp	Bù trừ với thuế TTĐB chưa được khấu trừ của xăng khoáng nguyên liệu dùng để sản xuất, pha chế xăng sinh học (nếu có)	Thuế TTĐB còn phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(6)x(7)-(8)	(10)	(11) = (9) - (10)
I	Hàng hoá chịu thuế TTĐB			0	0		0	0	0	0
1	Hàng hóa sản xuất trong nước									
1			0,000000	0	0	0,0	0	0	0	0
2	Hàng hóa nhập khẩu bán ra trong nước									
1			0,000000	0	0	0,0	0	0	0	0
II	Dịch vụ chịu thuế TTĐB			0	0		0	0	0	0
1		Vé	0,000000	0	0	15,0	0	0	0	0

Tờ khai

- Các chỉ tiêu cần nhập:

+ Cột [2] Tên hàng hóa dịch vụ không nhập trực tiếp trên bàn phím mà được chọn trong danh mục các mặt hàng có sẵn đã được đăng ký từ trước trong chức năng "Đăng ký danh mục Thuế tài nguyên và Thuế tiêu thụ đặc biệt".

- Các mặt hàng trong danh mục luôn hiển thị trong khoảng thời gian hiệu lực. Và mặc định nếu theo ngày mặc định của hệ thống thì sẽ là bộ danh mục mới nhất, được áp dụng trong kỳ hiệu lực hiện tại.
- Không được phép nhập trùng cùng một loại dịch vụ, nếu nhập trùng sẽ hiện thông báo lỗi "Tên hàng hoá dịch vụ đã được chọn".

+ Cột [3] Đơn vị tính hiện ra theo cột [2]

+ Cột [4] : NNT nhập số không âm, định dạng x,xxxxxx

+ Các cột [5], [8], [10] nhập số >0, dạng số nguyên

+ Cột [6]: Ứng dụng hỗ trợ tự tính theo công thức Cột [6] = Cột [5]/(1 + Cột [7]), cho phép sửa nhưng không được lớn hơn Doanh số bán (chưa có thuế GTGT)

+ Cột [7] Hiển thị theo Tên hàng hóa, dịch vụ đã chọn

- Các điều kiện kiểm tra/ công thức:

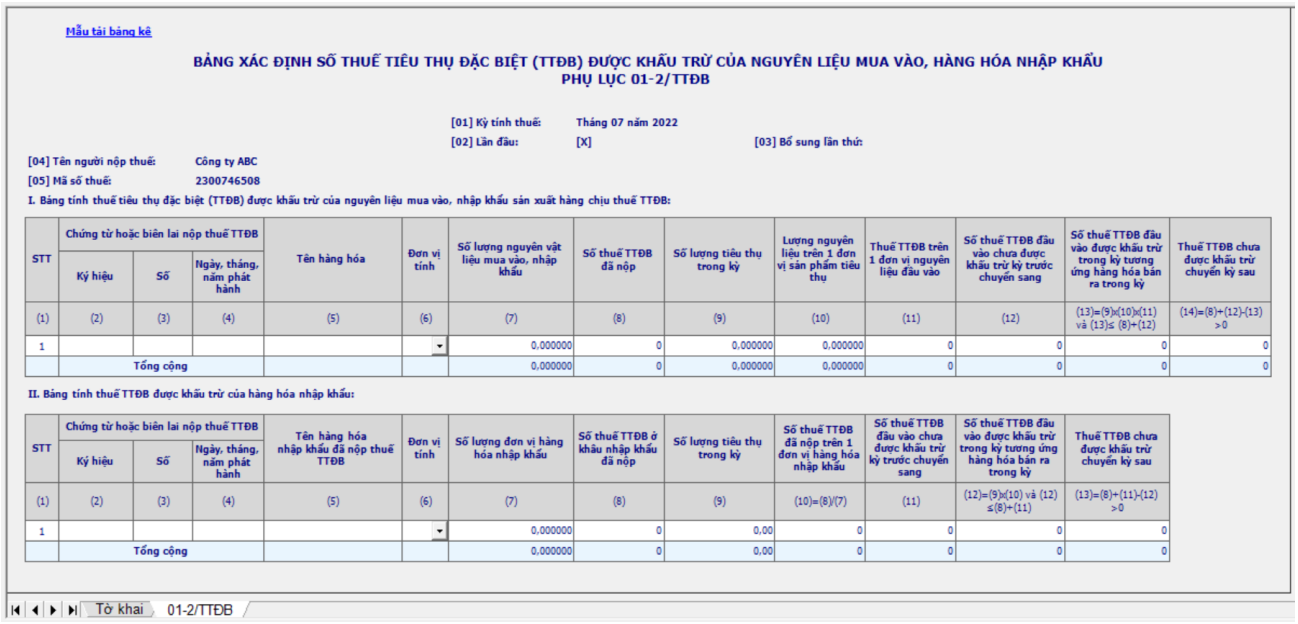
+ Giá trị trên cột [6] < Giá trị trên cột [5].

+ Cột [9] tính toán theo công thức ([9] = [6] * [7] – [8]), nếu (9) < 0 thì hiển thị = 0

+ Cột [11] = [9] – [10]

+ Dòng Tổng cộng = (Chỉ tiêu I + Chỉ tiêu II + Chỉ tiêu III) tại các cột (5), (6), (8), (9), (10), (11); hệ thống kiểm tra: Tổng cộng cột (8) = Tổng cộng cột (13) Bảng I và cột (12) Bảng II trên bảng kê 01-2/TTĐB

3.8.1.1.1 Bảng kê 01-1/TTĐB: Bảng kê hóa đơn hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế tiêu thụ đặc biệt



Mẫu tài bảng kê

BẢNG XÁC ĐỊNH SỐ THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT (TTĐB) ĐƯỢC KHẤU TRỪ CỦA NGUYÊN LIỆU MUA VÀO, HÀNG HÓA NHẬP KHẨU
PHỤ LỤC 01-2/TTĐB

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022
[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[05] Mã số thuế: 2300746508

I. Bảng tính thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) được khấu trừ của nguyên liệu mua vào, nhập khẩu sản xuất hàng chịu thuế TTĐB:

STT	Chứng từ hoặc biên lai nộp thuế TTĐB			Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng nguyên vật liệu mua vào, nhập khẩu	Số thuế TTĐB đã nộp	Số lượng tiêu thụ trong kỳ	Lượng nguyên liệu trên 1 đơn vị sản phẩm tiêu thụ	Thuế TTĐB trên 1 đơn vị nguyên liệu đầu vào	Số thuế TTĐB đầu vào chưa được khấu trừ kỳ trước chuyển sang	Số thuế TTĐB đầu vào được khấu trừ trong kỳ tương ứng hàng hóa bán ra trong kỳ	Thuế TTĐB chưa được khấu trừ chuyển kỳ sau
	Ký hiệu	Số	Ngày, tháng, năm phát hành										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(9)x(10)x(11) và (13)≤ (8)+(12)	(14)=(8)+(12)-(13) >0
1						0,000000	0	0,000000	0,000000	0	0	0	0
Tổng cộng						0,000000	0	0,000000	0,000000	0	0	0	0

II. Bảng tính thuế TTĐB được khấu trừ của hàng hóa nhập khẩu:

STT	Chứng từ hoặc biên lai nộp thuế TTĐB			Tên hàng hóa nhập khẩu đã nộp thuế TTĐB	Đơn vị tính	Số lượng đơn vị hàng hóa nhập khẩu	Số thuế TTĐB ở khâu nhập khẩu đã nộp	Số lượng tiêu thụ trong kỳ	Số thuế TTĐB đã nộp trên 1 đơn vị hàng hóa nhập khẩu	Số thuế TTĐB đầu vào chưa được khấu trừ kỳ trước chuyển sang	Số thuế TTĐB đầu vào được khấu trừ trong kỳ tương ứng hàng hóa bán ra trong kỳ	Thuế TTĐB chưa được khấu trừ chuyển kỳ sau
	Ký hiệu	Số	Ngày, tháng, năm phát hành									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(8)/(7)	(11)	(12)=(9)x(10) và (12) ≤(8)+(11)	(13)=(8)+(11)-(12) >0
1						0,000000	0	0,00	0	0	0	0
Tổng cộng						0,000000	0	0,00	0	0	0	0

Tờ khai 01-2/TTĐB

<u>I. Bảng tính thuế TTĐB được khấu trừ của nguyên liệu mua vào, nhập khẩu sản xuất hàng hóa chịu thuế TNĐB:</u>

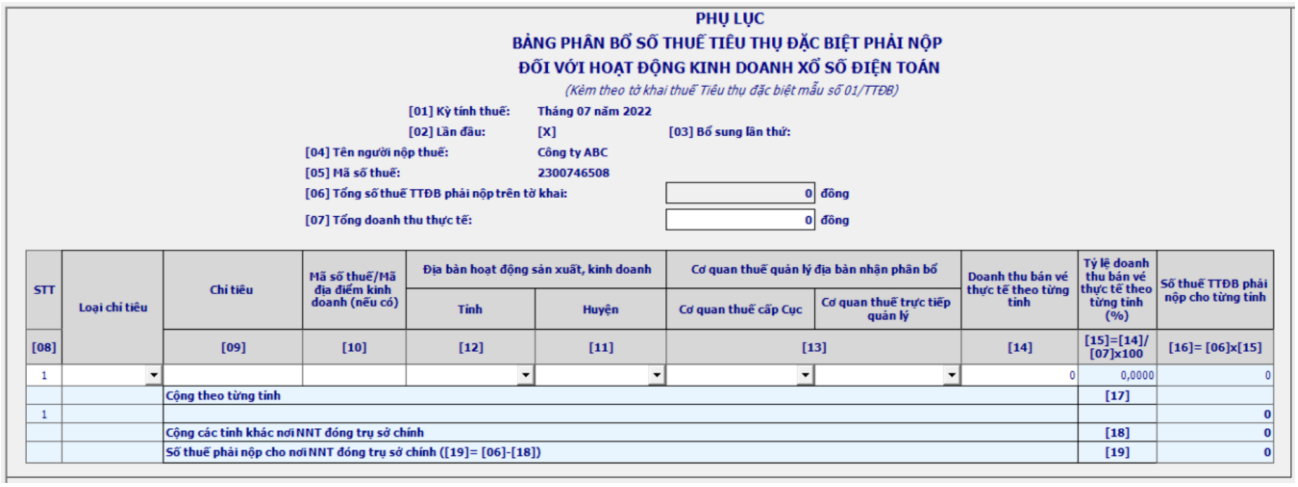
- Các chỉ tiêu cần nhập:
  + Nhập chi tiết các cột [2], [5] dạng text
  + Cột [3] cho phép NNT nhập kiểu số
  + Nhập cột [4] dạng DD/MM/YYYY, kiểm tra đúng theo định dạng dd/mm/yyyy, Và ngày tháng năm phải nhỏ hơn hoặc bằng kỳ tính thuế.
  + Nhập chi tiết cột [6] NSD chọn từ danh mục
  + Nhập chi tiết các cột [7], [8], [9], [10], [12] dạng số, mặc định ban đầu là số 0, không âm
- Các chỉ tiêu tính toán: UD hỗ trợ tự động tính theo công thức:
  + Cột [11] = cột [8] / cột [7]
  + Cột (13) = Cột (9) x cột (10) x cột (11), cho phép sửa, kiểm tra nếu (13) > (8) + (12) thì cảnh báo vàng
  + Cột (14) = (8) + (12) – (13), nếu giá trị (14) < 0 thì hiển thị = 0
  + Tự tính dòng tổng cộng các cột (7), (8), (9), (10), (11), (12), (13), (14)

<u>II. Bảng tính thuế TTĐB được khấu trừ của hàng hóa nhập khẩu:</u>

- Các chỉ tiêu cần nhập:
  + Nhập chi tiết các cột [2], [5] dạng text
  + Cột [3] cho phép NNT nhập kiểu số
  + Nhập cột [4] dạng DD/MM/YYYY, kiểm tra đúng theo định dạng dd/mm/yyyy, Và ngày tháng năm phải nhỏ hơn hoặc bằng kỳ tính thuế
  + Nhập chi tiết cột [6] NSD chọn từ danh mục
  + Nhập chi tiết các cột [7], [8], [9], [11] dạng số, mặc định ban đầu là số 0, không âm
- Các chỉ tiêu tính toán:

+ Cột [10] = [8]/[7]
+ Cột [12] = [9]x [10], kiểm tra [12] > [8] + [11] thì cảnh báo vàng
+ Cột [13] = [8] + [11] – [12]
+ Tự tính dòng tổng cộng các cột (7), (8), (9), (10), (11), (12), (13)

3.8.1.1.2 Bảng kê 01-3/TTĐB: Bảng kê hóa đơn hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế tiêu thụ đặc biệt



PHỤ LỤC

BẢNG PHÂN BỔ SỐ THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT PHẢI NỘP

ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH XỔ SỐ ĐIỆN TOÁN

(Kèm theo tờ khai thuế Tiêu thụ đặc biệt mẫu số 01/TTĐB)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

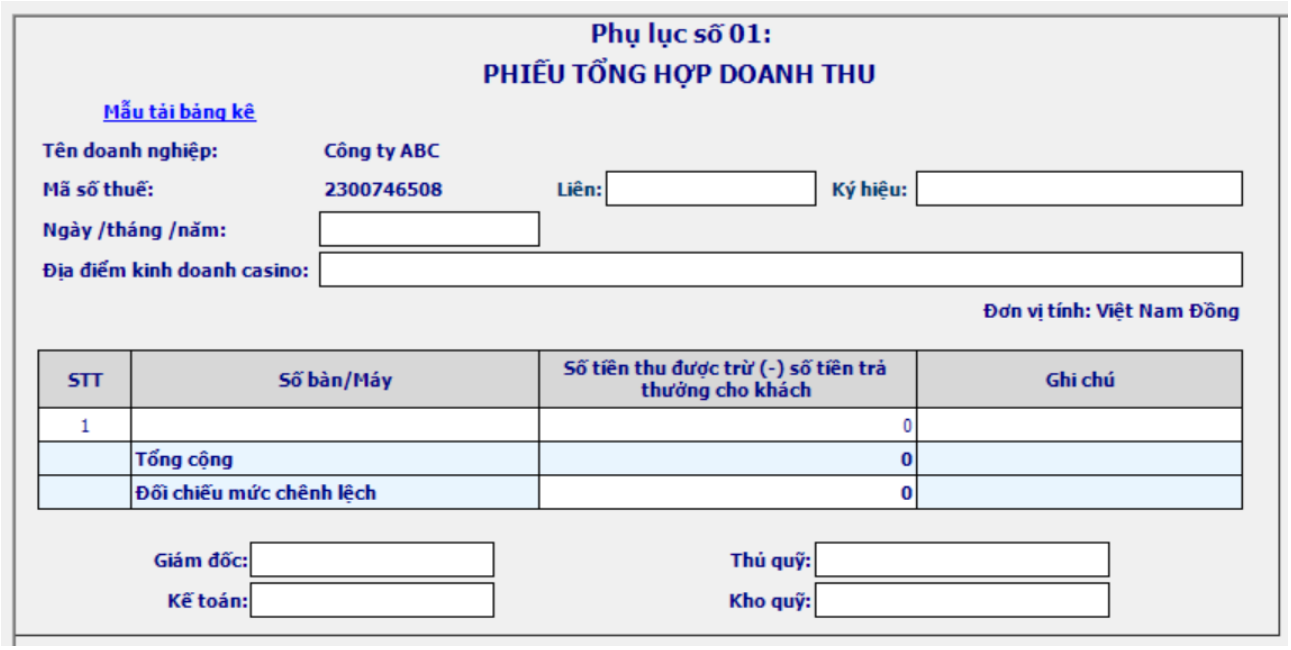
[06] Tổng số thuế TTĐB phải nộp trên tờ khai: 0 đồng

[07] Tổng doanh thu thực tế: 0 đồng

STT	Loại chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Mã số thuế/Mã địa điểm kinh doanh (nếu có)	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ		Doanh thu bán vé thực tế theo từng tỉnh	Tỷ lệ doanh thu bán vé thực tế theo từng tỉnh (%)	Số thuế TTĐB phải nộp cho từng tỉnh
				Tỉnh	Huyện	Cơ quan thuế cấp Cục	Cơ quan thuế trực tiếp quản lý			
[08]		[09]	[10]	[12]	[11]	[13]		[14]	[15]=[14]/[07]x100	[16]= [06]x[15]
1								0	0,0000	0
		Cộng theo từng tỉnh							[17]	
1										0
		Cộng các tỉnh khác nơi NNT đóng trụ sở chính							[18]	0
		Số thuế phải nộp cho nơi NNT đóng trụ sở chính ([19]= [06]-[18])							[19]	0

- Các chỉ tiêu cần nhập:
  + Chỉ tiêu [11]: Chọn trong danh mục Huyện thuộc Tỉnh
  + Chỉ tiêu [12]: Chọn trong danh mục, hệ thống kiểm tra tỉnh phải là duy nhất và phải khác với tỉnh nơi đóng trụ sở chính của NNT
  + Chỉ tiêu [13]: NNT không do Cục Thuế DNL quản lý thì để trống, NNT do Cục Thuế DNL quản lý thì cho chọn văn phòng Cục Thuế
  + Chỉ tiêu [14]: NNT nhập số
- Các điều kiện kiểm tra/ công thức:
  + Chỉ tiêu [15] = [14]/[07] x 100%
  + Chỉ tiêu [16] = [06] x [15]
  + Chỉ tiêu [17]: UD tính tổng cột (16) theo từng tỉnh
  + Chỉ tiêu [18] = tổng cột [17]
  + Chỉ tiêu [19] = [06] – [18]

3.8.1.1.3 Phụ lục số 01 – Phiếu tổng hợp doanh thu



Phụ lục số 01:

PHIẾU TỔNG HỢP DOANH THU

Mẫu tải bảng kê

Tên doanh nghiệp: Công ty ABC

Mã số thuế: 2300746508 Liên: Ký hiệu:

Ngày /tháng /năm:

Địa điểm kinh doanh casino:

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

STT	Số bàn/Máy	Số tiền thu được trừ (-) số tiền trả thưởng cho khách	Ghi chú
1		0	
	Tổng cộng	0	
	Đối chiếu mức chênh lệch	0	

Giám đốc: Thủ quỹ:

Kế toán: Kho quỹ:

- Các chỉ tiêu cần nhập:

+ Liên: NNT tự nhập dạng text

+ Ký hiệu: NNT tự nhập dạng text

+ Ngày/tháng/năm: NNT tự nhập định dạng dd/mm/yyyy

+ Địa điểm kinh doanh Casino: NNT tự nhập dạng text

+ Số bàn/Máy: NNT tự nhập

+ Số tiền thu được trừ (-) số tiền trả thưởng cho khách: NNT tự nhập dạng số nguyên âm, dương

+ Ghi chú: NNT tự nhập

+ Đối chiếu mức chênh lệch: NNT tự nhập dạng số nguyên âm, dương

- Các điều kiện kiểm tra/ công thức:

+ Tổng cộng: Kiểm tra Tổng cộng/1.1= với giá trị cột (5) Doanh thu bán (chưa có thuế GTGT) tại mục II trên tờ khai với tên hàng hóa "Kinh doanh Casino, trò chơi điện tử có thưởng (thuế suất 35%)", sai khác cảnh báo vàng

3.8.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

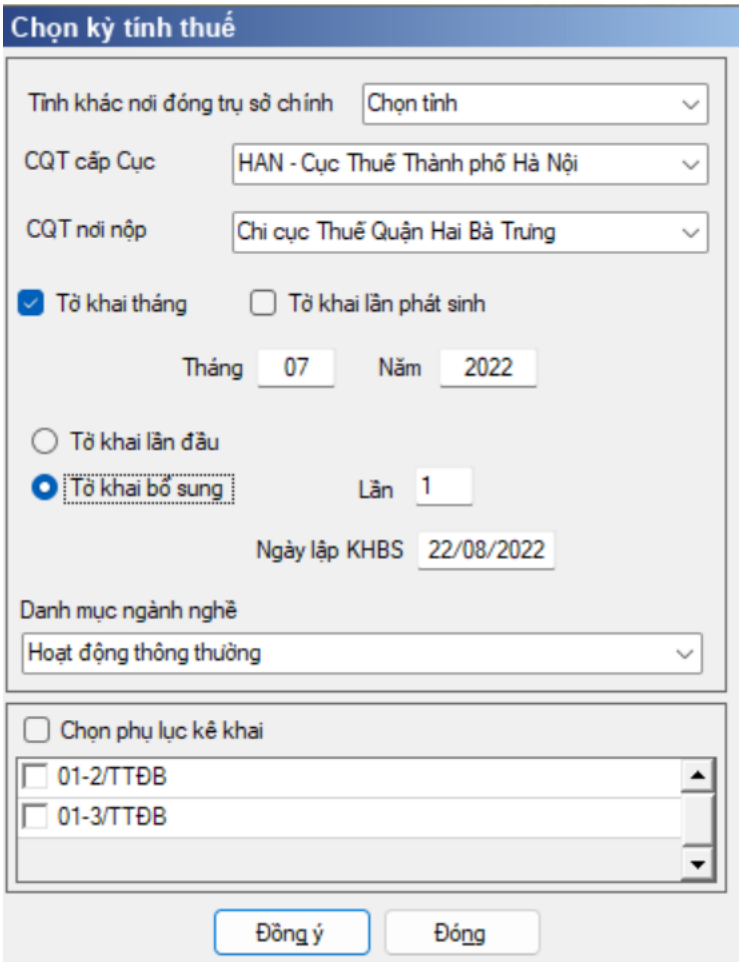
- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.

- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.

- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.

+ Nếu ở tờ khai lần đầu hoặc lần bổ sung N-1, NNT đã kê khai phụ lục 01-1/TTDB thì ở Tờ khai bổ sung/ bổ sung lần N, ứng dụng sẽ mặc định tích chọn phụ lục đó. Trường hợp ở tờ khai lần đầu hoặc lần bổ sung N-1 chưa kê khai phụ lục 01-1/TTDB, cho phép NNT đính kèm thêm phụ lục khi khai bổ sung.

- Nhấn nút [Đồng ý]:

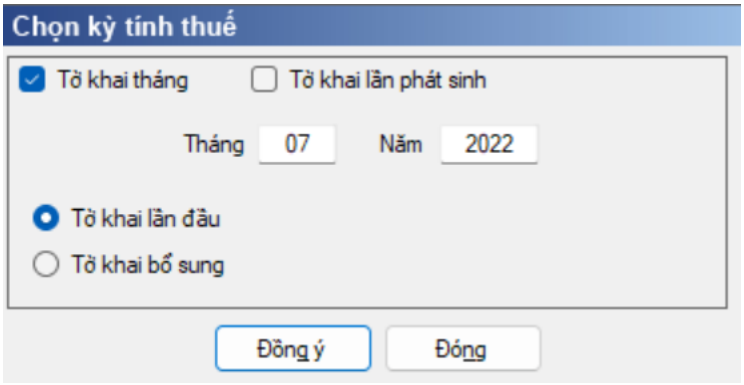


- Khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm sheet "Tờ khai điều chỉnh", "01-KHBS" và "01-1/KHBS"
- Kê khai điều chỉnh bổ sung có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.8.2 Tờ khai thuế Tiêu thụ đặc biệt áp dụng cho cơ sở sản xuất, pha chế xăng sinh học mẫu số 02/TTĐB (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP).

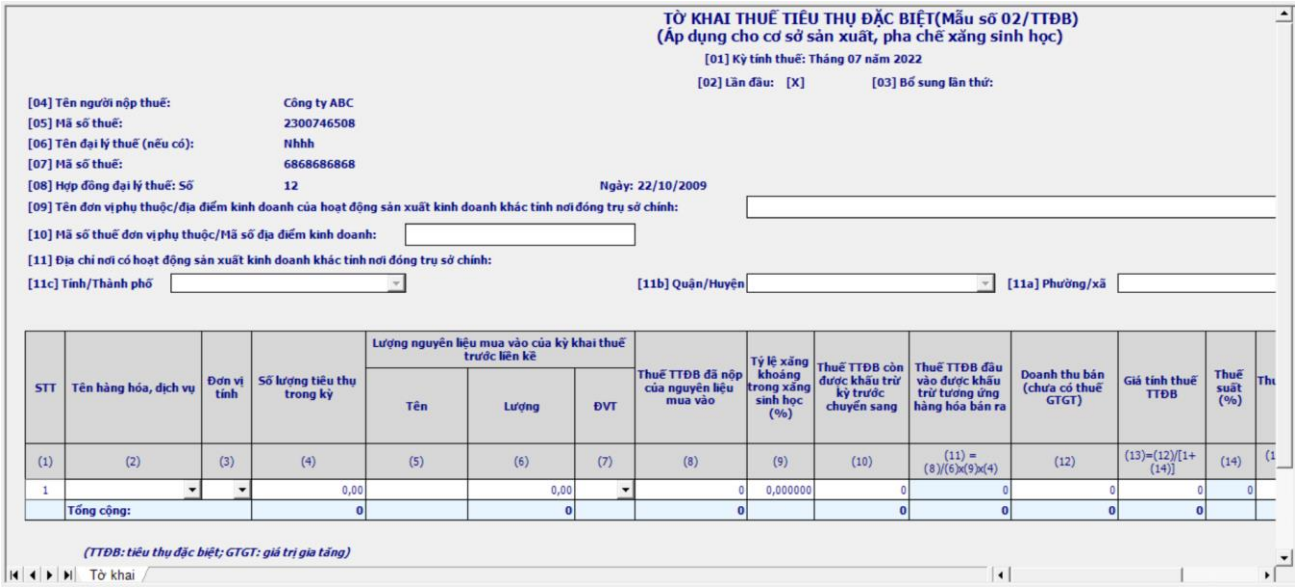
Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Tiêu Thụ Đặc Biệt" chọn "02/TTĐB Tờ khai thuế tiêu thụ đặc biệt (TT80/2021)".
- Đối với Tờ khai thuế 02/TTĐB UD cho phép NNT chọn một trong hai loại tờ khai là "Tờ khai theo tháng" hoặc "Tờ khai lần phát sinh"
- Trên form "Chọn kỳ kê khai" chọn Tờ khai tháng khi đó màn hình kê khai hiển thị:



- Việc kê khai tờ khai lần đầu và tờ khai bổ sung tương tự như tờ 01/GTGT, màn hình giao diện tờ khai 02/TTĐB như sau:

3.8.2.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu



TỜ KHAI THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT(Mẫu số 02/TTĐB)
(Áp dụng cho cơ sở sản xuất, pha chế xăng sinh học)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022
[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[05] Mã số thuế: 2300746508
[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh
[07] Mã số thuế: 6868686868
[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số 12 Ngày: 22/10/2009
[09] Tên đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:
[10] Mã số thuế đơn vị phụ thuộc/Mã số địa điểm kinh doanh:
[11] Địa chỉ nơi có hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:
[11c] Tỉnh/Thành phố [11b] Quận/Huyện [11a] Phường/xã

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng tiêu thụ trong kỳ	Lượng nguyên liệu mua vào của kỳ khai thuế trước liền kề			Thuế TTĐB đã nộp của nguyên liệu mua vào	Tỷ lệ xăng khoáng trong xăng sinh học (%)	Thuế TTĐB còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang	Thuế TTĐB đầu vào được khấu trừ tương ứng hàng hóa bán ra	Doanh thu bán (chưa có thuế GTGT)	Giá tính thuế TTĐB	Thuế suất (%)	Thu
				Tên	Lượng	ĐVT								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11) = (8)/(6)x(9)x(4)	(12)	(13)=(12)/[1+(14)]	(14)	(1
1			0,00		0,00		0	0,000000	0	0	0	0	0	
	Tổng cộng:		0		0		0		0	0	0	0		

(TTĐB: tiêu thụ đặc biệt; GTGT: giá trị gia tăng)

Tờ khai

- Các chỉ tiêu cần nhập:

+ Cột [2] Tên hàng hóa dịch vụ không nhập trực tiếp trên bàn phím mà được chọn trong danh mục các mặt hàng có sẵn đã được đăng ký từ trước trong chức năng "Đăng ký danh mục Thuế tài nguyên và Thuế tiêu thụ đặc biệt".

+ Cột [3] Đơn vị tính hiện ra theo cột [2]

+ Cột [4] : NNT nhập số không âm, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy, tối đa 16 số

+ Cột [5]: Cho phép chọn từ danh mục, nếu không có trong danh mục thì cho nhập

+ Các cột [6], [8], [10], [12], [17], [18] nhập số >0, dạng số nguyên

+ Cột [7]: Cho phép chọn trong danh mục

+ Cột [9]: NNT nhập kiểu số, định dạng x,xxxxxx

- Các điều kiện kiểm tra/ công thức:

+ Cột [11] = [8]/[6]*[9]*[4]

+ Cột [13] = [12]/[1+[14]], cho phép sửa

+ Cột [15] = [13]*[14] – [10] – [11], cho phép sửa định dạng >= 0, nếu [15] < 0 thì hiển thị = 0

+ Cột [16] = trị tuyệt đối của [13]*[14] – [10] – [11] nếu [(14) * (13) – (11) – (10)] <0, cho phép sửa, định dạng số >=0

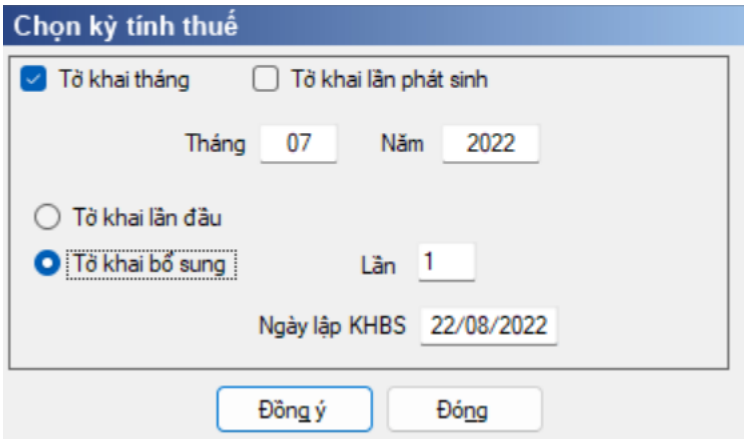
+ Cột [19] = [16] – [17] – [18], nếu [19] < 0 thì hiển thị = 0

3.8.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.

+ Nếu ở tờ khai lần đầu hoặc lần bổ sung N-1, NNT đã kê khai phụ lục 01-1/TTDB thì ở Tờ khai bổ sung/ bổ sung lần N, ứng dụng sẽ mặc định tích chọn phụ lục đó. Trường hợp ở tờ khai lần đầu hoặc lần bổ sung N-1 chưa kê khai phụ lục 01-1/TTDB, cho phép NNT đính kèm thêm phụ lục khi khai bổ sung.

- Nhấn nút [Đồng ý]



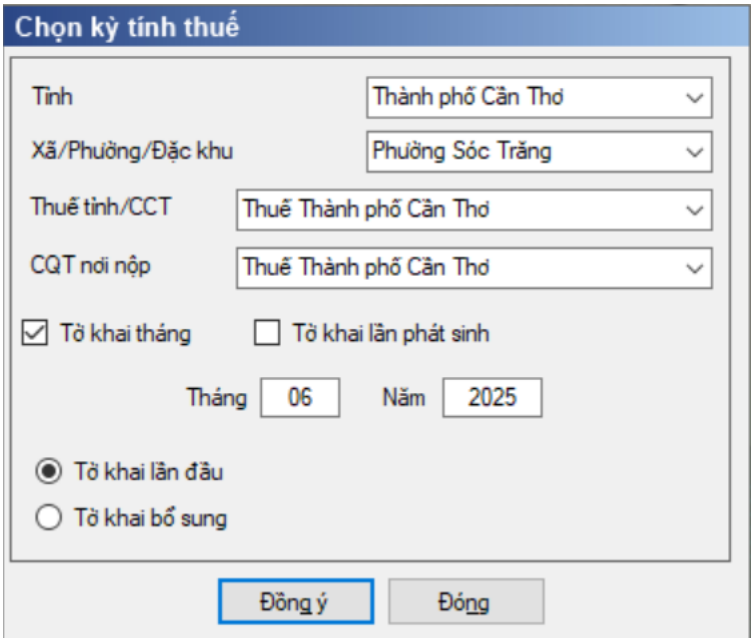
- Khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm sheet "Tờ khai điều chỉnh", "01-KHBS" và "01-1/KHBS"
- Kê khai điều chỉnh bổ sung có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.9 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Phí, lệ phí

3.9.1 Tờ khai phí bảo vệ môi trường mẫu số 01/PBVMT (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

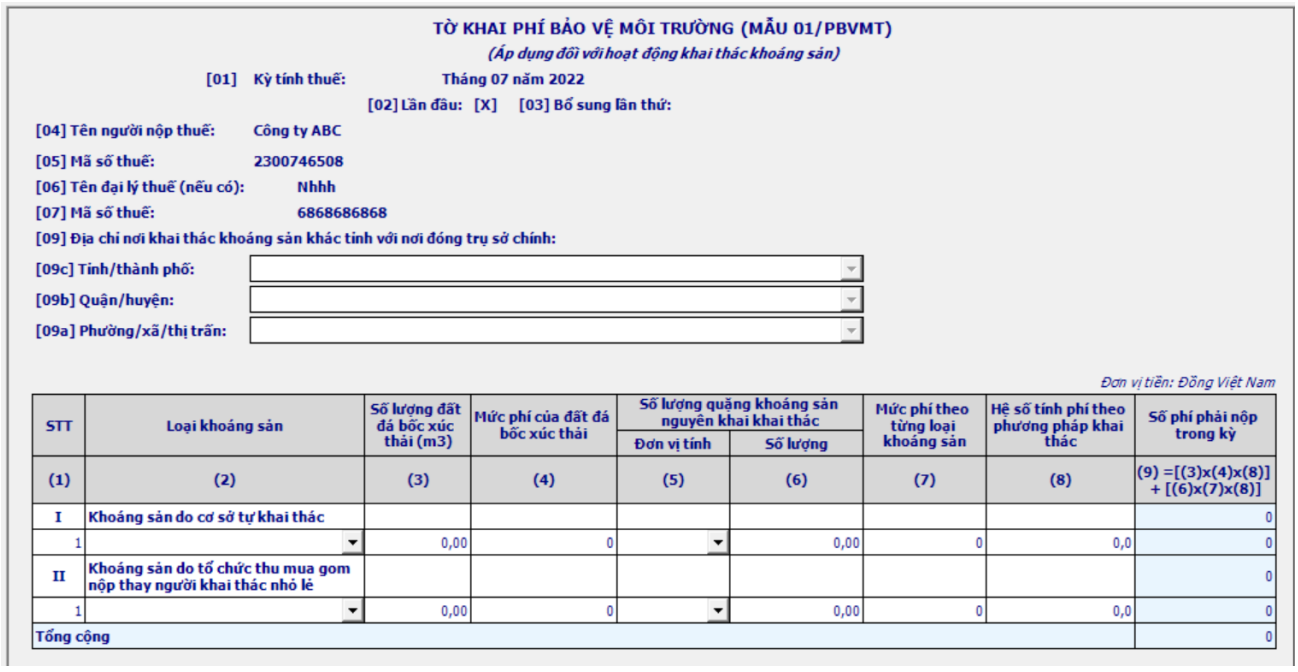
- Từ menu chức năng "Kê khai/Phí – Lệ phí" chọn "Tờ khai phí bảo vệ môi trường mẫu số 01/PBVMT (TT80/2021)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:



- Chọn trạng thái tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung), sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai phí bảo vệ môi trường mẫu 01/PBVMT

3.9.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



TỜ KHAI PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (MẪU 01/PBVMT)

(Áp dụng đối với hoạt động khai thác khoáng sản)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[07] Mã số thuế: 6868686868

[09] Địa chỉ nơi khai thác khoáng sản khác tỉnh với nơi đóng trụ sở chính:

[09c] Tỉnh/thành phố:

[09b] Quận/huyện:

[09a] Phường/xã/thị trấn:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Loại khoáng sản	Số lượng đất đá bốc xúc thải (m3)	Mức phí của đất đá bốc xúc thải	Số lượng quặng khoáng sản nguyên khai khai thác		Mức phí theo từng loại khoáng sản	Hệ số tính phí theo phương pháp khai thác	Số phí phải nộp trong kỳ
				Đơn vị tính	Số lượng			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) =[(3)x(4)x(8)] + [(6)x(7)x(8)]
I	Khoáng sản do cơ sở tự khai thác							0
1		0,00	0		0,00	0	0,0	0
II	Khoáng sản do tổ chức thu mua gom nộp thay người khai thác nhỏ lẻ							0
1		0,00	0		0,00	0	0,0	0
Tổng cộng								0

- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập

+ Cột (2) Loại khoáng sản: Chọn trong danh mục các loại khoáng sản.

+ Cột (3), (6), (8): Cho phép nhập số >=0, định dạng x,xx

+ Cột (4): Nhập số >= 0

+ Cột (5): Đơn vị tính tự động hiển thị theo cột [2] và cho phép chọn lại trong danh mục.

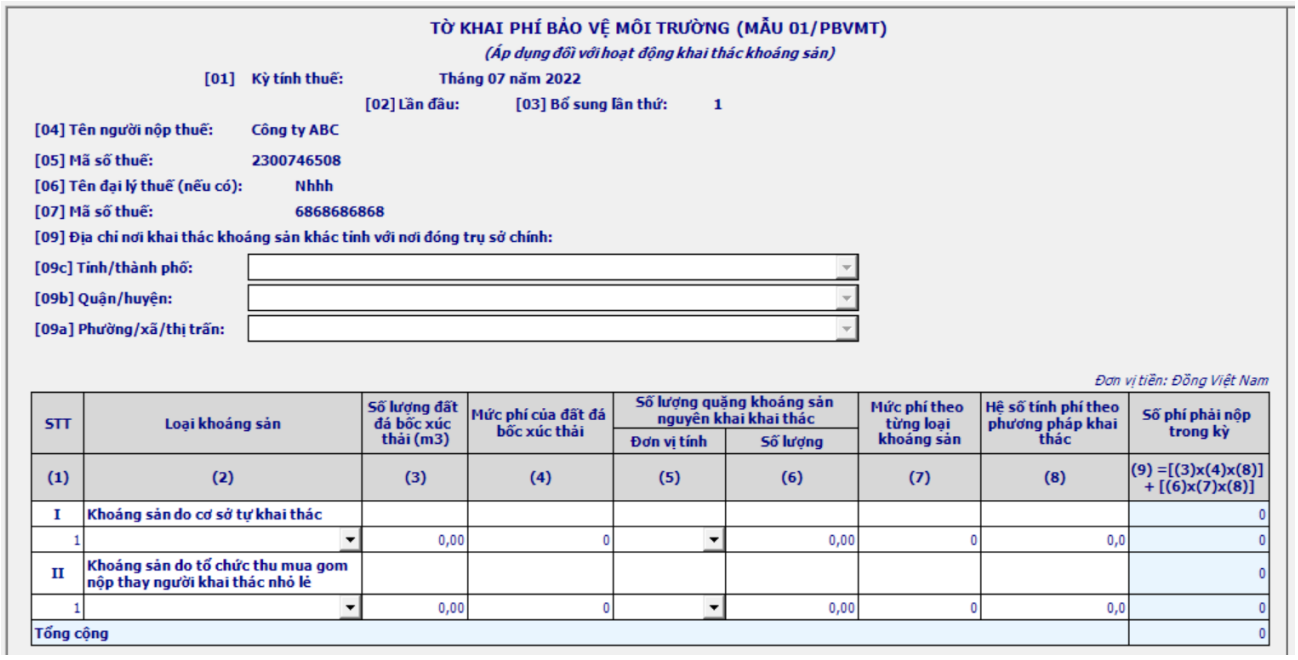
+ Cột (7): Nhập số >=0. Kiểm tra Mức thu tối thiểu <= Mức phí theo từng loại khoáng sản <= Mức thu tối đa, sai khác cảnh báo vàng.

- Chi tiết chỉ tiêu tính toán:

  + Cột (9) = [(3) x (4) x (8)] + [(6) x (7) x (8)]

3.9.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".



TỜ KHAI PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (MẪU 01/PBVMT)

(Áp dụng đối với hoạt động khai thác khoáng sản)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[07] Mã số thuế: 6868686868

[09] Địa chỉ nơi khai thác khoáng sản khác tỉnh với nơi đóng trụ sở chính:

[09c] Tỉnh/thành phố:

[09b] Quận/huyện:

[09a] Phường/xã/thị trấn:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Loại khoáng sản	Số lượng đất đá bốc xúc thải (m3)	Mức phí của đất đá bốc xúc thải	Số lượng quặng khoáng sản nguyên khai khai thác		Mức phí theo từng loại khoáng sản	Hệ số tính phí theo phương pháp khai thác	Số phí phải nộp trong kỳ
				Đơn vị tính	Số lượng			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) =[(3)x(4)x(8)] + [(6)x(7)x(8)]
I	Khoáng sản do cơ sở tự khai thác							0
1		0,00	0		0,00	0	0,0	0
II	Khoáng sản do tổ chức thu mua gom nộp thay người khai thác nhỏ lẻ							0
1		0,00	0		0,00	0	0,0	0
Tổng cộng								0

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 01/PBVMT

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:		[07]				0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:		[08]				0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:		[09]				0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

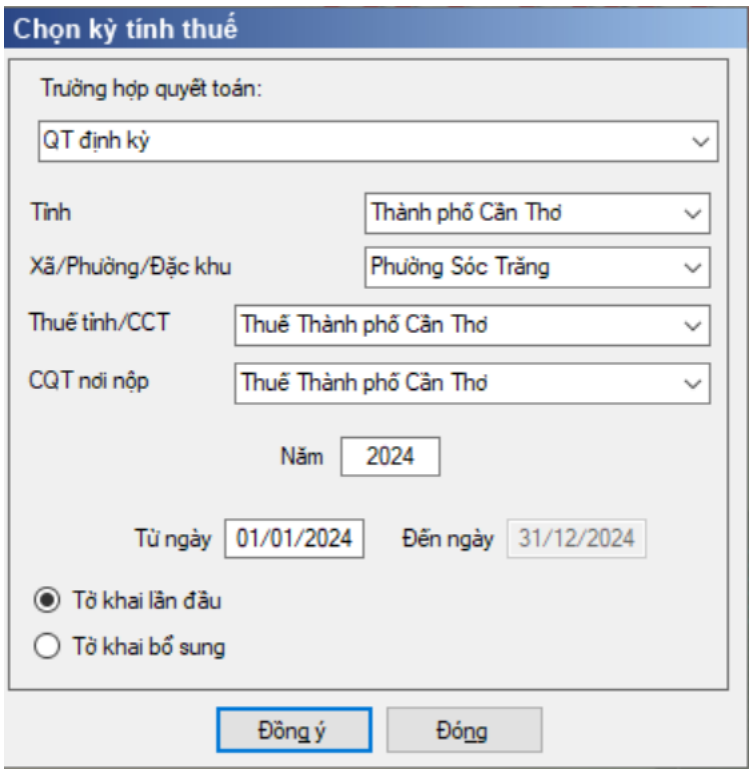
Tờ khai điều chỉnh | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.9.2 Tờ khai quyết toán phí bảo vệ môi trường mẫu số 02/PBVMT (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Phí – Lệ phí" chọn "Tờ khai quyết toán phí bảo vệ môi trường mẫu số (02/PBVMT) (TT80/2021)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:



- Trường hợp quyết toán: Chọn 1 trong các trường hợp quyết toán
  + QT định kỳ (Mã 01)
  + Tổ chức lại doanh nghiệp (mã 02)
  + Chuyển đổi loại hình (đối với trường hợp CPH DNNN) (mã 03)
  + Chuyển đổi kỳ tài chính (mã 04)
  + Giải thể, phá sản (mã 05)
  + Chấm dứt hoạt động (mã 06)
- Nhập kỳ tính thuế: Cho phép NNT nhập kỳ tính thuế theo năm

  + Kỳ tính thuế theo năm: Mặc định năm hiện tại -1, cho phép sửa nhưng không được lớn hơn năm hiện tại.

  + Kỳ quyết toán từ … Kỳ quyết toán đến: Kỳ quyết toán từ mặc định là ngày bắt đầu năm tài chính của năm quyết toán. Kỳ quyết toán đến mặc định là ngày kết thúc năm tài chính của năm quyết toán. NSD có thể thay đổi thông tin về kỳ quyết toán theo nguyên tắc sau:
    - Cho phép sửa Kỳ quyết toán đến trừ trường hợp "QT định kỳ"
    - Kỳ quyết toán từ hoặc kỳ quyết toán đến phải thuộc Kỳ tính thuế
    - Khoảng cách từ ngày và đến ngày không vượt quá 15 tháng.

- Trường năm phải lớn hơn năm 2021.
- Kiểm tra Kỳ quyết toán từ … Kỳ quyết toán đến không được lớn hơn kỳ tính thuế có ngày hiện tại
- Không giao ngày với Kỳ quyết toán từ/ đến của TK quyết toán kỳ trước

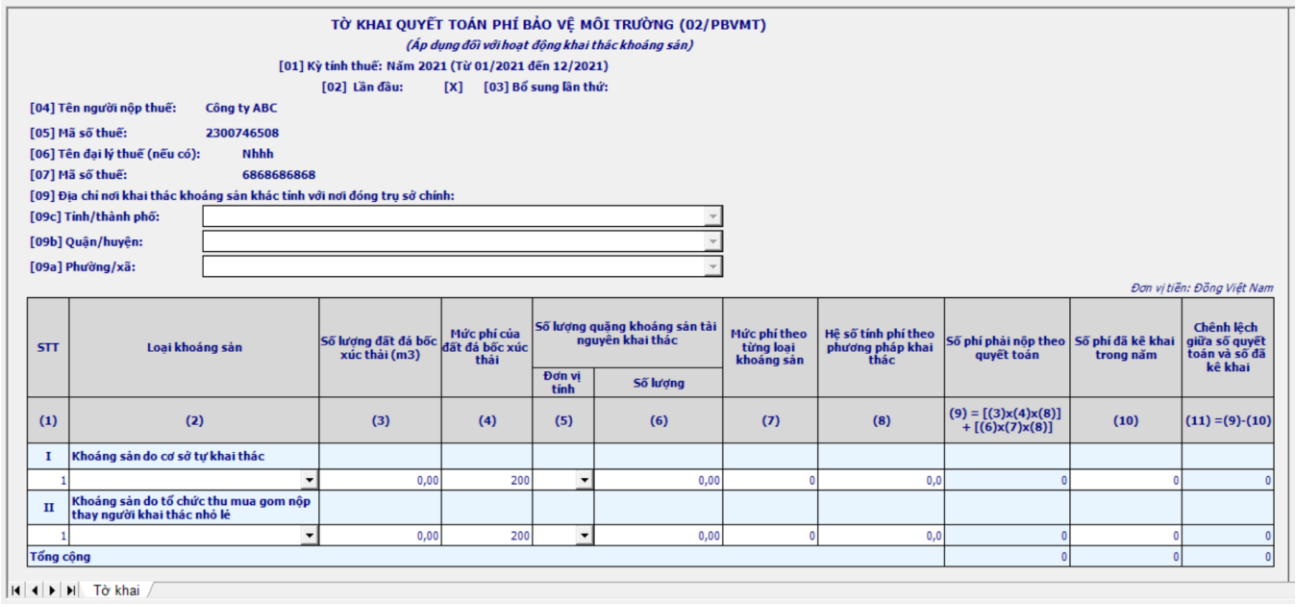
- Chọn trạng thái tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung), sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai quyết toán phí bảo vệ môi trường mẫu 02/PBVMT
- Hạn nộp tờ khai:

+ Nếu trường hợp quyết toán là "QT định kỳ" hoặc " Chuyển đổi kỳ tài chính" thì Hạn nộp là Ngày cuối cùng của Quý sau Tháng quyết toán đến, dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ.

+ Nếu trường hợp quyết toán khác "QT định kỳ" và 'Chuyển đổi kỳ tài chính" thì Hạn nộp là (Kỳ quyết toán đến + 45 ngày – 1), dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ.

3.9.2.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (02/PBVMT)

(Áp dụng đối với hoạt động khai thác khoáng sản)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021 (Từ 01/2021 đến 12/2021)

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[07] Mã số thuế: 6868686868

[09] Địa chỉ nơi khai thác khoáng sản khác tỉnh với nơi đóng trụ sở chính:

[09c] Tỉnh/thành phố:

[09b] Quận/huyện:

[09a] Phường/xã:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Loại khoáng sản	Số lượng đất đá bốc xúc thải (m3)	Mức phí của đất đá bốc xúc thải	Số lượng quặng khoáng sản tài nguyên khai thác		Mức phí theo từng loại khoáng sản	Hệ số tính phí theo phương pháp khai thác	Số phí phải nộp theo quyết toán	Số phí đã kê khai trong năm	Chênh lệch giữa số quyết toán và số đã kê khai
				Đơn vị tính	Số lượng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = [(3)x(4)x(8)] + [(6)x(7)x(8)]	(10)	(11) =(9)-(10)
I	Khoáng sản do cơ sở tự khai thác									
1		0,00	200		0,00	0	0,0	0	0	0
II	Khoáng sản do tổ chức thu mua gom nộp thay người khai thác nhỏ lẻ									
1		0,00	200		0,00	0	0,0	0	0	0
Tổng cộng								0	0	0

Tờ khai

- Các chỉ tiêu cần nhập:

+ Cột (1) – STT: UD tự tăng giảm dòng

+ Cột (2) Loại khoáng sản: Chọn trong danh mục mã tài nguyên khoáng sản.

- Mục I - Khoáng sản do cơ sở tự khai thác: Cho phép chọn trong danh mục Loại khoáng sản, không cho phép chọn trùng Loại khoáng sản trong cùng 1 mục I hoặc trong cùng 1 mục II
- Mục II - Khoáng sản do tổ chức thu mua gom nộp thay người khai thác nhỏ lẻ:
  - Trường hợp có kê khai thì ràng buộc chỉ tiêu giống mục I
  - Trường hợp nộp tại CQT khác CQT quản lý thì khóa không cho nhập mục II

+ Cột (3), (6): Cho phép nhập số >= 0, định dạng x,xx

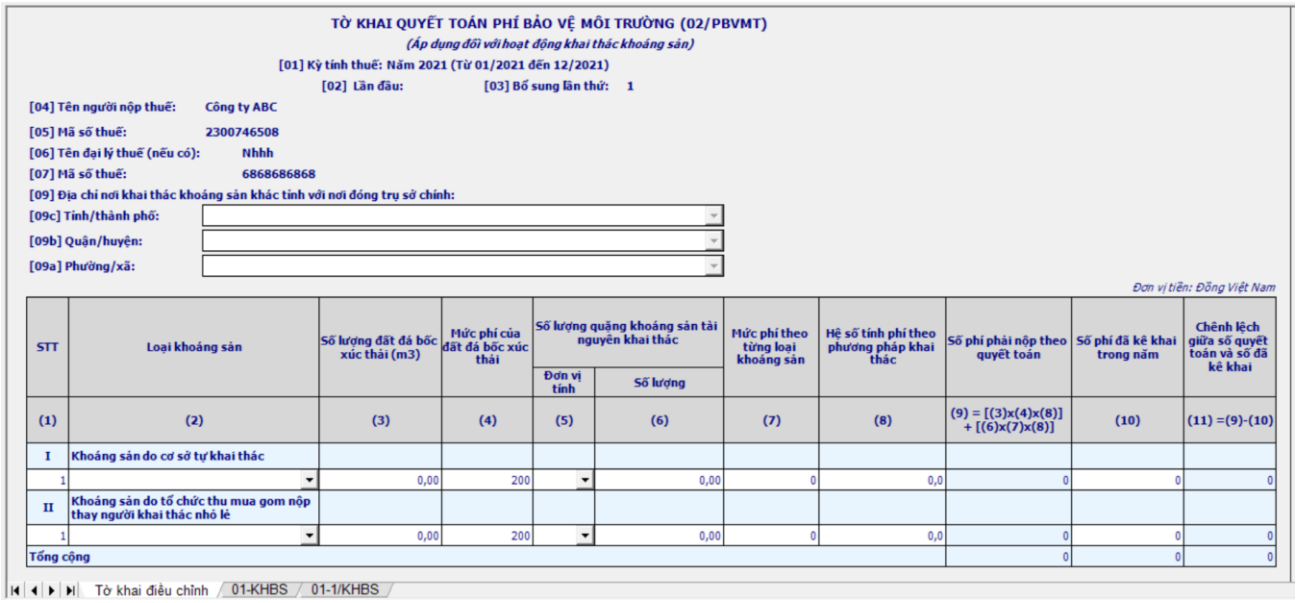
+ Cột (4), (8), (10): Cho phép nhập số >= 0
+ Cột (5): Đơn vị tính tự động hiển thị theo cột [2] và cho phép sửa.
+ Cột (7): Nhập số >=0. Kiểm tra Mức thu tối thiểu <= Mức phí theo từng loại khoáng sản <= Mức thu tối đa, sai khác cảnh báo vàng.

- Các chỉ tiêu tính toán:

+ Cột (9) = [(3)x(4)x(8)] + [(6)x(7)x(8)]
+ Cột (11) = (9) – (10)

3.9.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".



TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (02/PBVMT)

(Áp dụng đối với hoạt động khai thác khoáng sản)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021 (Từ 01/2021 đến 12/2021)

[02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[07] Mã số thuế: 6868686868

[09] Địa chỉ nơi khai thác khoáng sản khác tỉnh với nơi đóng trụ sở chính:

[09c] Tỉnh/thành phố:

[09b] Quận/huyện:

[09a] Phường/xã:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Loại khoáng sản	Số lượng đất đá bốc xúc thải (m3)	Mức phí của đất đá bốc xúc thải	Số lượng quặng khoáng sản tài nguyên khai thác		Mức phí theo từng loại khoáng sản	Hệ số tính phí theo phương pháp khai thác	Số phí phải nộp theo quyết toán	Số phí đã kê khai trong năm	Chênh lệch giữa số quyết toán và số đã kê khai
				Đơn vị tính	Số lượng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = [(3)x(4)x(8)] + [(6)x(7)x(8)]	(10)	(11) =(9)-(10)
I	Khoáng sản do cơ sở tự khai thác									
1		0,00	200		0,00	0	0,0	0	0	0
II	Khoáng sản do tổ chức thu mua gom nộp thay người khai thác nhỏ lẻ									
1		0,00	200		0,00	0	0,0	0	0	0
Tổng cộng								0	0	0

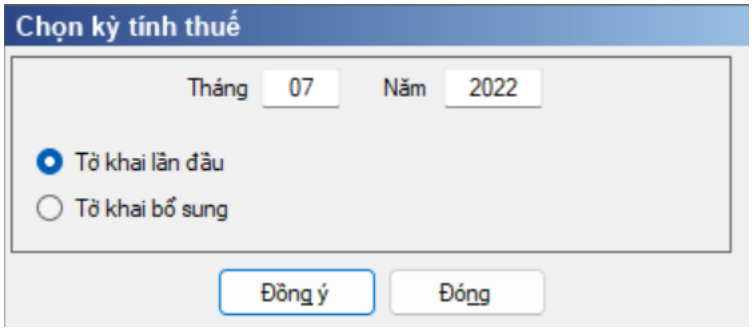
Tờ khai điều chỉnh | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.9.3 Tờ khai phí 01/PH (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

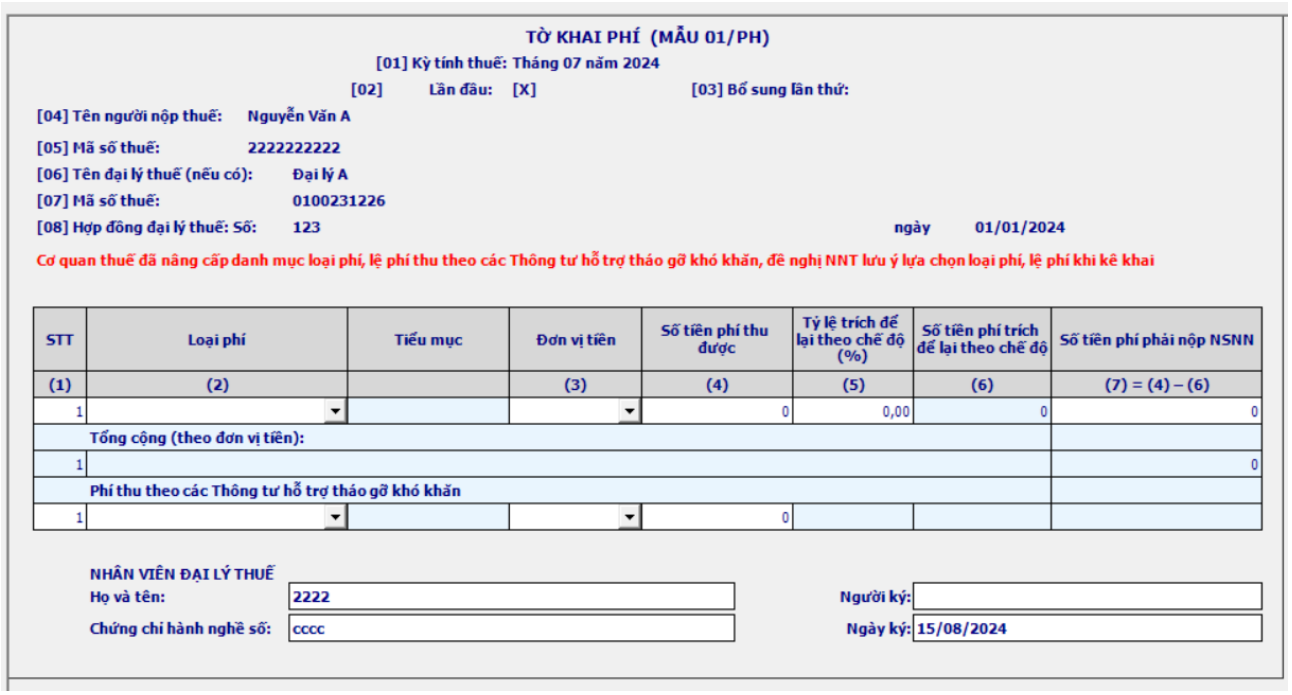
- Từ menu chức năng "Kê khai/Phí – Lệ phí" chọn "Tờ khai phí (01/PH)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- Chọn trạng thái tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung), sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai phí mẫu 01/PH

3.9.3.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình "Chọn kỳ tính thuế" hiển thị ra như sau:



TỜ KHAI PHÍ (MẪU 01/PH)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2024

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Nguyễn Văn A

[05] Mã số thuế: 2222222222

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Đại lý A

[07] Mã số thuế: 0100231226

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số: 123 ngày 01/01/2024

Cơ quan thuế đã nâng cấp danh mục loại phí, lệ phí thu theo các Thông tư hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, đề nghị NNT lưu ý lựa chọn loại phí, lệ phí khi kê khai

STT	Loại phí	Tiểu mục	Đơn vị tiền	Số tiền phí thu được	Tỷ lệ trích để lại theo chế độ (%)	Số tiền phí trích để lại theo chế độ	Số tiền phí phải nộp NSNN
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (4) – (6)
1				0	0,00	0	0
	Tổng cộng (theo đơn vị tiền):						
1							0
	Phí thu theo các Thông tư hỗ trợ tháo gỡ khó khăn						
1				0			

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: 2222 Người ký:

Chứng chỉ hành nghề số: cccc Ngày ký: 15/08/2024

- Chi tiết các chỉ tiêu:

+ Cột (1) STT: UD tự tăng giảm dòng

+ Cột (2) Loại phí, lệ phí: Chọn trong danh mục các loại phí, lệ phí; Tiểu mục: tự động hiển thị theo cột [2] và không sửa

+ Tiểu mục: Tự động hiển thị khi chọn (2) Loại phí

+ Cột (3) Đơn vị tiền: Chọn trong danh mục

+ Cột (4) Số tiền phí thu được: NNT tự nhập dạng số không âm, mặc định là 0

+ Cột (5) - Tỷ lệ trích sử dụng theo chế độ (%): Cho phép nhập dạng xx,xx%, >=0 và <=100

+ Cột (6) - Số tiền phí, lệ phí trích sử dụng theo chế độ: Hỗ trợ tính = (4) * (5)

+ Cột (7) = cột (4) - cột (6), cho sửa

+ Dòng tổng cộng: Lấy dòng tổng cộng của cột (7) theo đơn vị tiền

- Mục "Phí thu theo các Thông tư hỗ trợ tháo gỡ khó khăn": Cho phép nhập đối với kỳ tính thuế từ tháng 12/2023 đến tháng 12/2025, chi tiết như sau:

+ Cột (2) Loại phí: Chọn trong danh mục

+ Cột Tiểu mục: Tự động hiển thị khi chọn (2) Loại phí. Kiểm tra các mã kê khai tại mục "Phí thu theo các Thông tư hỗ trợ tháo gỡ khó khăn" thì phải được kê khai tại mục không theo các Thông tư hỗ trợ tháo gỡ khó khăn

+ Cột (3) Đơn vị tiền: Chọn trong danh mục

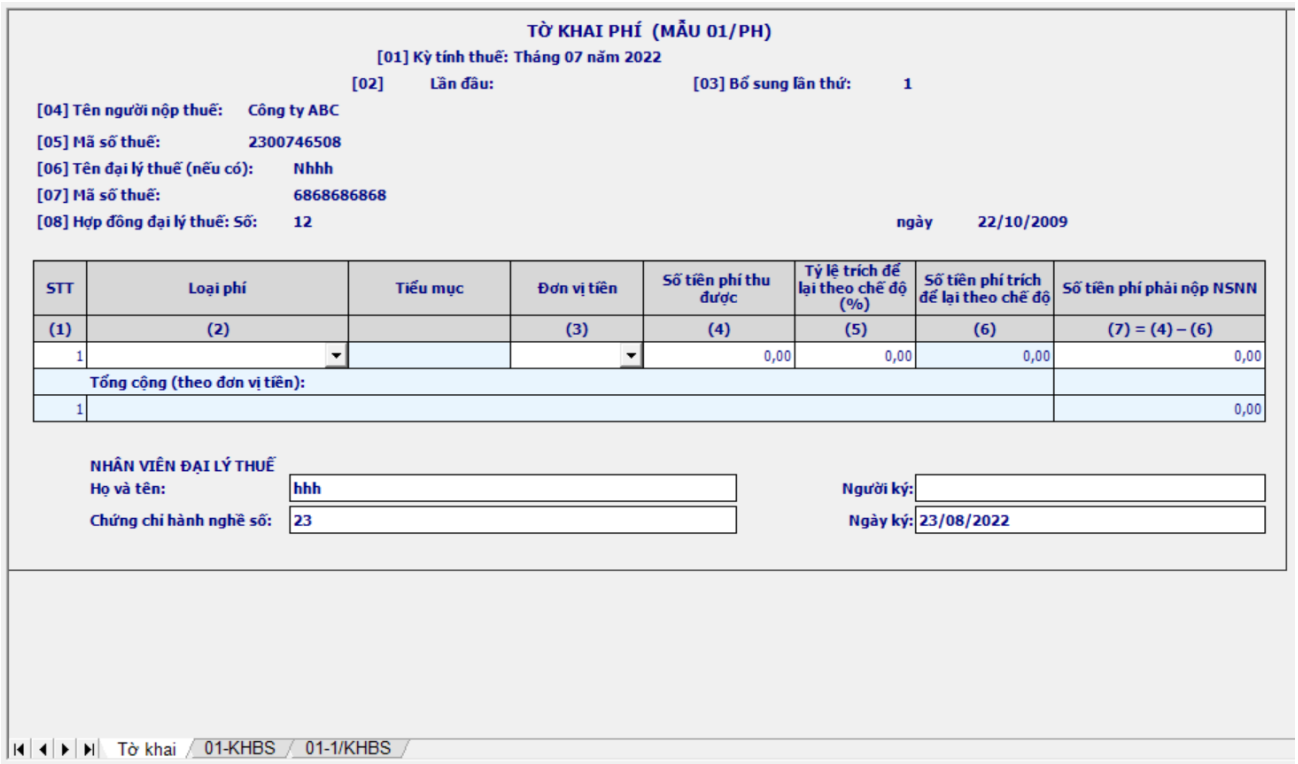
+ Cột (4) Số tiền phí thu được:

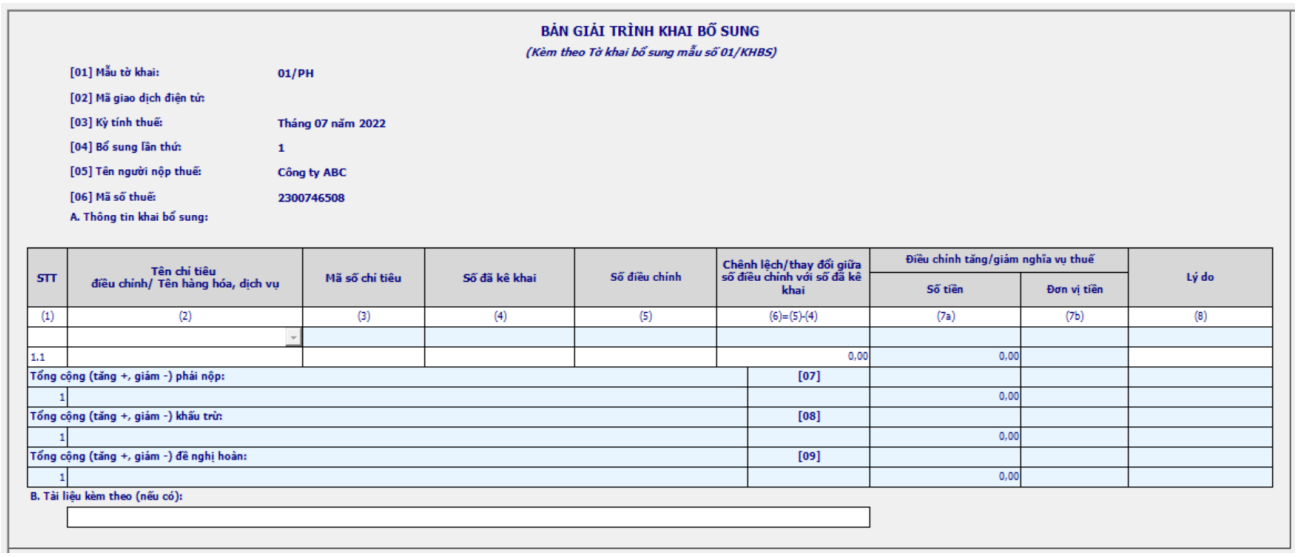
- Nếu chọn đơn vị tiền là "VND" thì nhập số >=0, định dạng số nguyên
- Nếu chọn đơn vị tiền khác "VND" thì cho phép nhập số >=0, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy
- Chỉ tiêu (4) theo (Tiểu mục và đơn vị tiền) tại mục "Phí thu theo các Thông tư hỗ trợ tháo gỡ khó khăn" phải <= tổng chỉ tiêu (4) theo (Tiểu mục và đơn vị tiền) không thu theo các Thông tư hỗ trợ tháo gỡ khó khăn.

+ Cột (5), (6), (7): Không nhập dữ liệu

3.9.3.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS"





BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 01/PH

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế		Lý do
						Số tiền	Đơn vị tiền	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7a)	(7b)	(8)
1.1					0,00	0,00		
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]			
1						0,00		
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]			
1						0,00		
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]			
1						0,00		

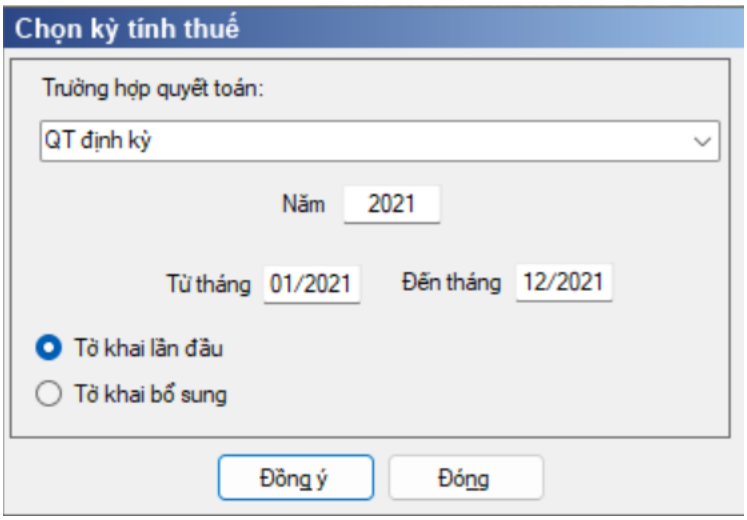
B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

- Kê khai điều chỉnh bổ sung có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.9.4 Tờ khai quyết toán phí, lệ phí mẫu số 02/PH (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC)

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Phí – Lệ phí" chọn "Tờ khai quyết toán phí mẫu số (02/PHLP)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:



- Trường hợp quyết toán: Chọn 1 trong các trường hợp quyết toán
  + QT định kỳ (Mã 01)
  + Tổ chức lại doanh nghiệp (mã 02)
  + Chuyển đổi loại hình (đối với trường hợp CPH DNNN) (mã 03)
  + Chuyển đổi kỳ tài chính (mã 04)
  + Giải thể, phá sản (mã 05)
  + Chấm dứt hoạt động (mã 06)
- Nhập kỳ tính thuế: Cho phép NNT nhập kỳ tính thuế theo năm
  + Hiệu lực từ 01/01/2022
  + Kỳ quyết toán từ … Kỳ quyết toán đến: Kỳ quyết toán từ mặc định là ngày bắt đầu năm tài chính của năm quyết toán. Kỳ quyết toán đến mặc định là ngày kết thúc năm

tài chính của năm quyết toán. NSD có thể thay đổi thông tin về kỳ quyết toán theo nguyên tắc sau:

- Cho phép sửa Kỳ quyết toán đến trừ trường hợp "QT định kỳ"
- Kỳ quyết toán từ hoặc kỳ quyết toán đến phải thuộc Kỳ tính thuế
- Khoảng cách từ ngày và đến ngày không vượt quá 15 tháng.
- Kiểm tra Kỳ quyết toán từ … Kỳ quyết toán đến không được lớn hơn kỳ tính thuế có ngày hiện tại
- Không giao ngày với Kỳ quyết toán từ/ đến của TK quyết toán kỳ trước

+ CQT nộp tờ khai: Nộp tại CQT quản lý trực tiếp

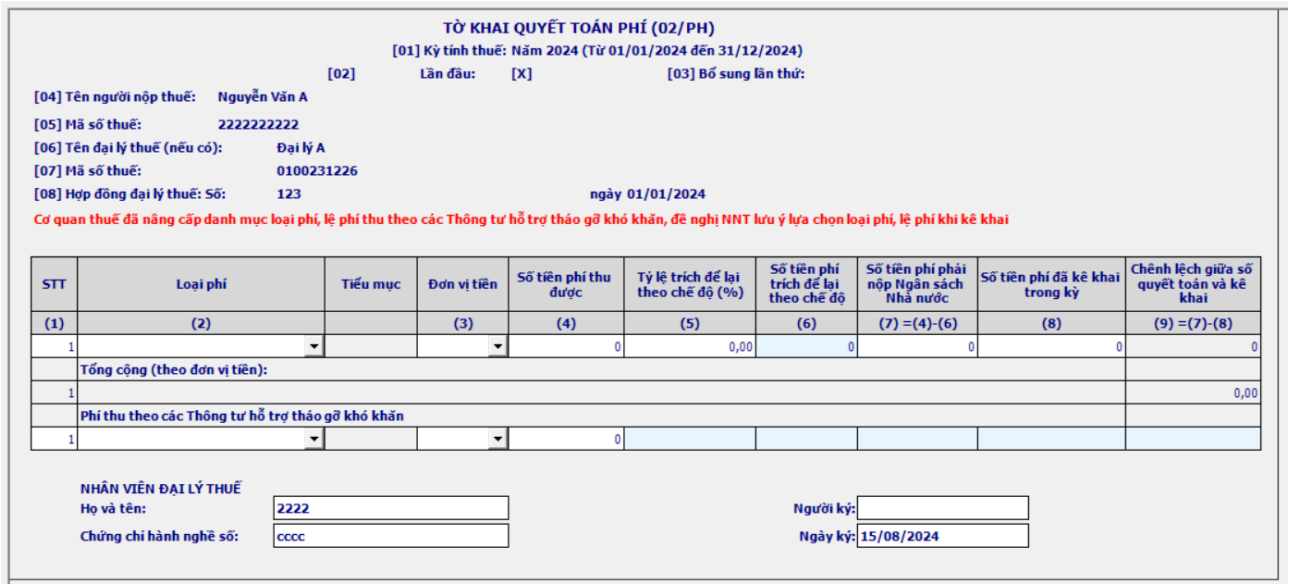
- Chọn loại tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung), sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai quyết toán phí mẫu 02/PH
- Hạn nộp tờ khai:

+ Nếu trường hợp quyết toán là "QT định kỳ" hoặc " Chuyển đổi kỳ tài chính" thì Hạn nộp là Ngày cuối cùng của Quý sau Tháng quyết toán đến, dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ.

+ Nếu trường hợp quyết toán khác "QT định kỳ" và 'Chuyển đổi kỳ tài chính" thì Hạn nộp là (Kỳ quyết toán đến + 45 ngày – 1), dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ.

3.9.4.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHÍ (02/PH)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2024 (Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024)

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Nguyễn Văn A

[05] Mã số thuế: 2222222222

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Đại lý A

[07] Mã số thuế: 0100231226

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số: 123 ngày 01/01/2024

Cơ quan thuế đã nâng cấp danh mục loại phí, lệ phí thu theo các Thông tư hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, đề nghị NNT lưu ý lựa chọn loại phí, lệ phí khi kê khai

STT	Loại phí	Tiểu mục	Đơn vị tiền	Số tiền phí thu được	Tỷ lệ trích để lại theo chế độ (%)	Số tiền phí trích để lại theo chế độ	Số tiền phí phải nộp Ngân sách Nhà nước	Số tiền phí đã kê khai trong kỳ	Chênh lệch giữa số quyết toán và kê khai
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7) =(4)-(6)	(8)	(9) =(7)-(8)
1				0	0,00	0	0	0	0
	Tổng cộng (theo đơn vị tiền):								
1									0,00
	Phí thu theo các Thông tư hỗ trợ tháo gỡ khó khăn								
1				0					

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: 2222 Người ký:

Chứng chỉ hành nghề số: cccc Ngày ký: 15/08/2024

- Chi tiết các chỉ tiêu:

+ Cột (1) – STT: UD tự tăng giảm dòng

+ Cột (2) Loại phí, lệ phí: Chọn trong danh mục phí, kiểm tra không được trùng đồng thời cột (2) và (5)

+ Cột (3) Đơn vị tiền: chọn trong danh mục

+ Cột (4) Số tiền phí thu được : Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0

+ Cột (5) Tỷ lệ trích sử dụng theo chế độ (%): Nhập dạng xx,xx%

+ Cột (6) = (4) * (5), làm tròn đến đồng, không sửa

+ Cột (7) - Số tiền phí, lệ phí đã kê khai trong kỳ = (4) – (6), cho sửa

+ Cột (8) - Số tiền phí, lệ phí đã kê khai trong kỳ: Cho phép nhập dạng số không âm, mặc định là 0

+ Cột (9) – Chênh lệch giữa số quyết toán và kê khai = (7) – (8)

+ Dòng tổng cộng: Lấy dòng tổng cộng của cột (9)

- Mục "Phí thu theo các Thông tư hỗ trợ tháo gỡ khó khăn": Cho phép nhập đối với kỳ tính thuế có giao với khoảng thời gian từ 01/12/2023 đến 31/12/2025, chi tiết như sau:

+ Cột (2) Loại phí: Chọn trong danh mục

+ Cột Tiểu mục: Tự động hiển thị khi chọn (2) Loại phí. Kiểm tra các mã kê khai tại mục "Phí thu theo các Thông tư hỗ trợ tháo gỡ khó khăn" thì phải được kê khai tại mục không theo các Thông tư hỗ trợ tháo gỡ khó khăn

+ Cột (3) Đơn vị tiền: Chọn trong danh mục

+ Cột (4) Số tiền phí thu được:

- Nếu chọn đơn vị tiền là "VND" thì nhập số >=0, định dạng số nguyên
- Nếu chọn đơn vị tiền khác "VND" thì cho phép nhập số >=0, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy
- Chỉ tiêu (4) theo (Tiểu mục và đơn vị tiền) tại mục "Phí thu theo các Thông tư hỗ trợ tháo gỡ khó khăn" phải <= tổng chỉ tiêu (4) theo (Tiểu mục và đơn vị tiền) không thu theo các Thông tư hỗ trợ tháo gỡ khó khăn.

+ Cột (5), (6), (7), (8), (9): Không nhập dữ liệu

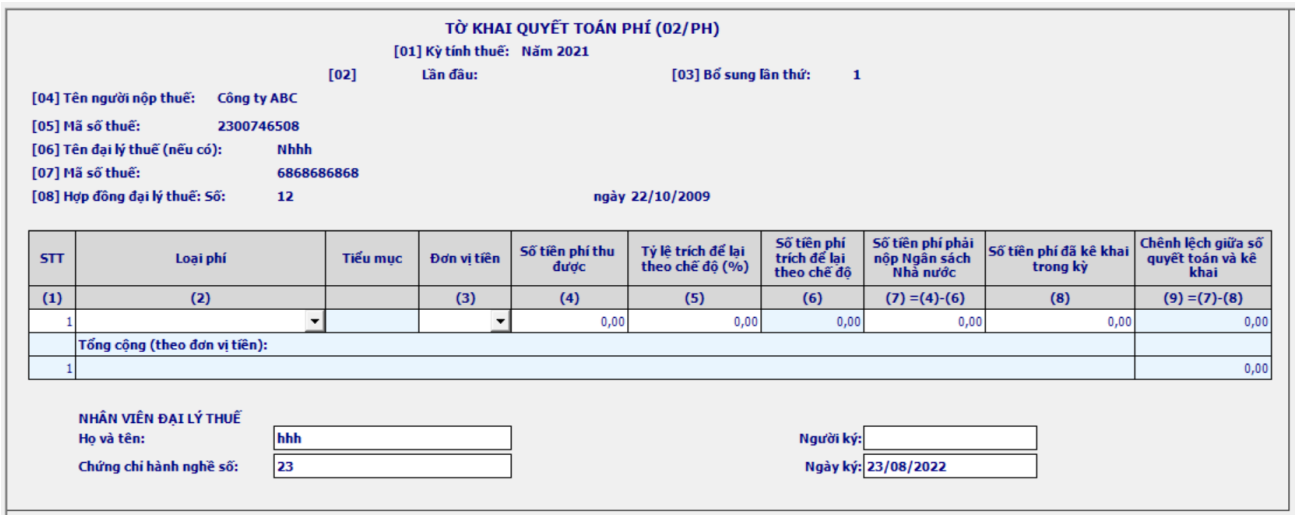
3.9.4.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.

- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.

- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.

- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS"



TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHÍ (02/PH)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[07] Mã số thuế: 6868686868

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số: 12 ngày 22/10/2009

STT	Loại phí	Tiểu mục	Đơn vị tiền	Số tiền phí thu được	Tỷ lệ trích để lại theo chế độ (%)	Số tiền phí trích để lại theo chế độ	Số tiền phí phải nộp Ngân sách Nhà nước	Số tiền phí đã kê khai trong kỳ	Chênh lệch giữa số quyết toán và kê khai
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7) =(4)-(6)	(8)	(9) =(7)-(8)
1				0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
	Tổng cộng (theo đơn vị tiền):								
1									0,00

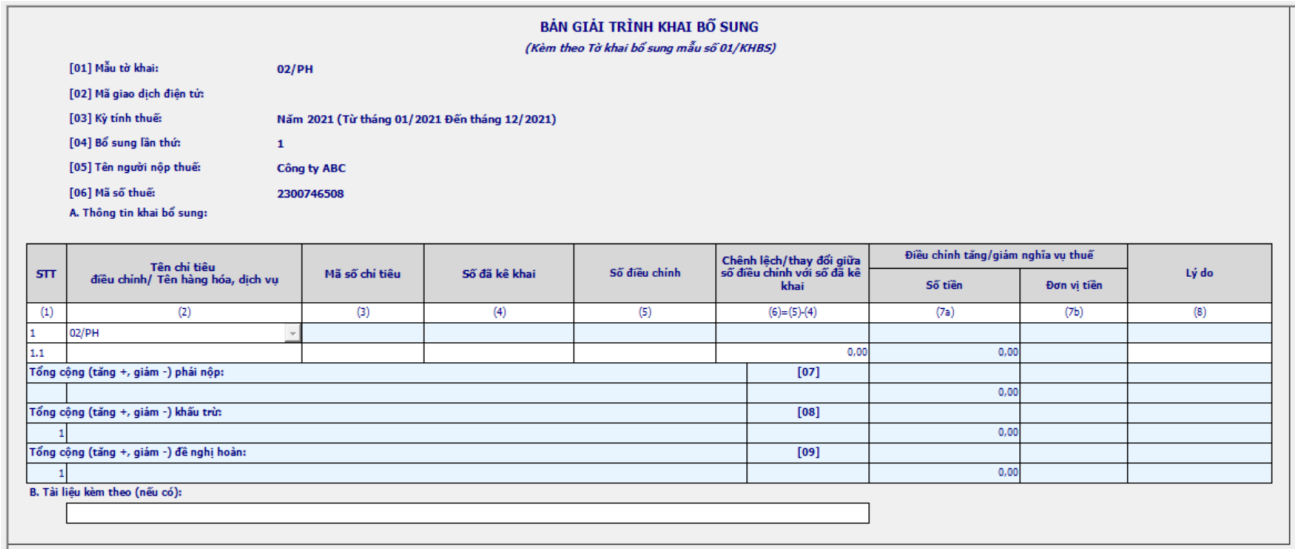
NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: hhh

Chứng chỉ hành nghề số: 23

Người ký:

Ngày ký: 23/08/2022



BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 02/PH

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021 (Từ tháng 01/2021 Đến tháng 12/2021)

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế		Lý do
						Số tiền	Đơn vị tiền	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7a)	(7b)	(8)
1	02/PH							
1.1					0,00	0,00		
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]			
						0,00		
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]			
1						0,00		
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]			
1						0,00		

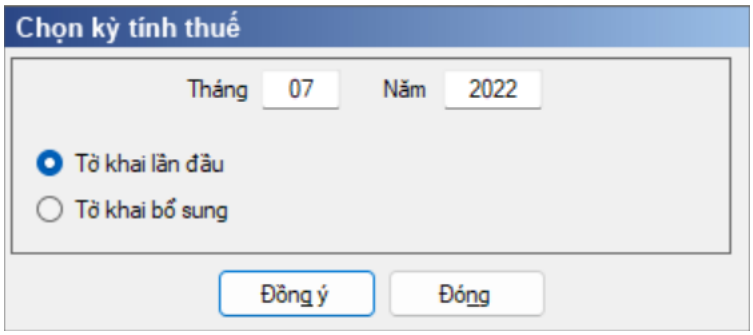
B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

- Kê khai điều chỉnh bổ sung có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.9.5 Tờ khai lệ phí mẫu số 01/LP (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

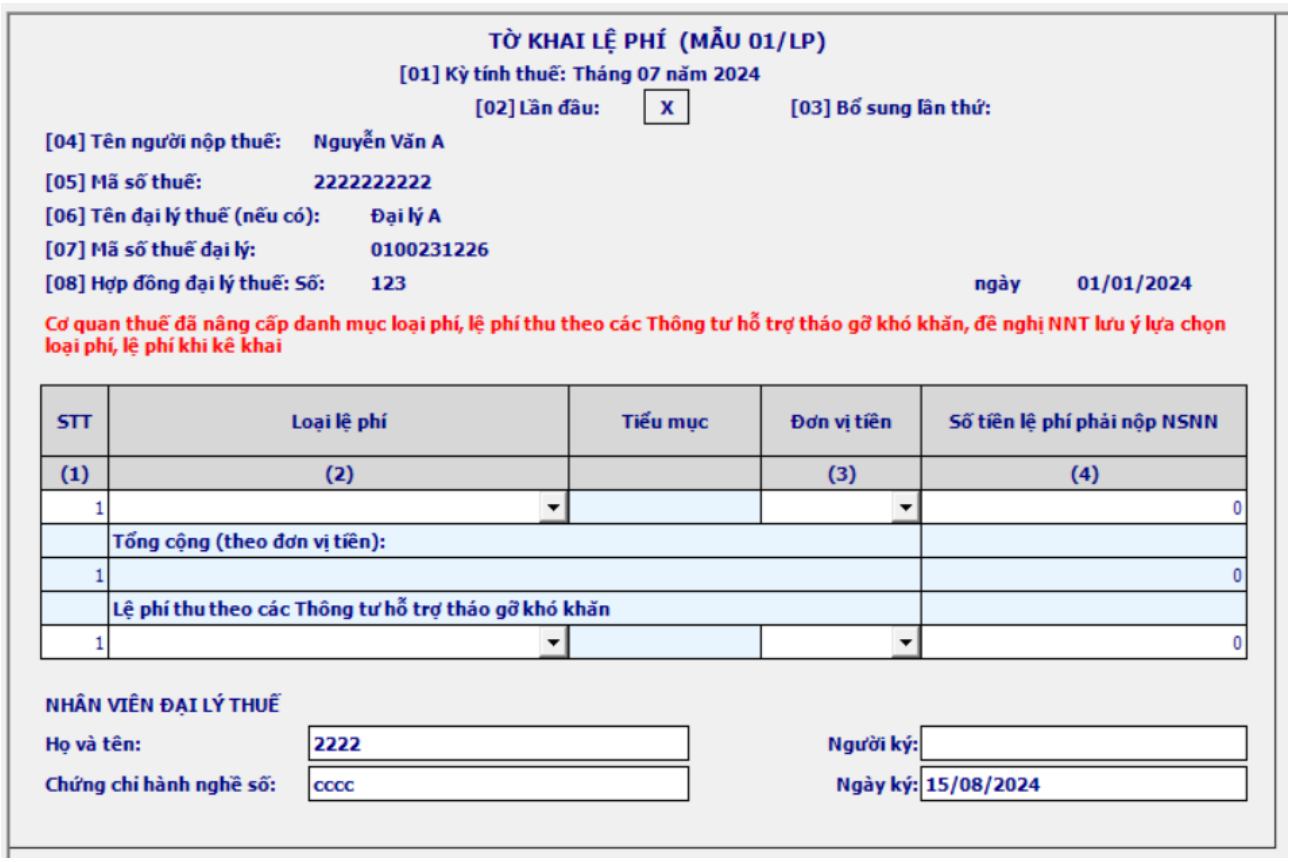
- Từ menu chức năng "Kê khai/Phí – Lệ phí" chọn "Tờ khai lệ phí (01/LP)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:



- Nhập kỳ tính thuế: Cho phép NNT nhập kỳ tính thuế theo năm
  + Hiệu lực từ 01/2022
  + Hạn nộp tờ khai:
    - Tờ khai tháng: ngày thứ 20 của tháng tiếp theo, ngày lễ thì chuyển sang ngày tiếp theo
  + CQT nộp tờ khai: Nộp tại CQT quản lý trực tiếp
- Chọn loại tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung), sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai lệ phí mẫu 01/LP

3.9.5.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



TỜ KHAI LỆ PHÍ (MẪU 01/LP)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2024

[02] Lần đầu: X [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Nguyễn Văn A

[05] Mã số thuế: 2222222222

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Đại lý A

[07] Mã số thuế đại lý: 0100231226

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số: 123 ngày 01/01/2024

Cơ quan thuế đã nâng cấp danh mục loại phí, lệ phí thu theo các Thông tư hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, đề nghị NNT lưu ý lựa chọn loại phí, lệ phí khi kê khai

STT	Loại lệ phí	Tiểu mục	Đơn vị tiền	Số tiền lệ phí phải nộp NSNN
(1)	(2)		(3)	(4)
1				0
	Tổng cộng (theo đơn vị tiền):			
1				0
	Lệ phí thu theo các Thông tư hỗ trợ tháo gỡ khó khăn			
1				0

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: 2222 Người ký:

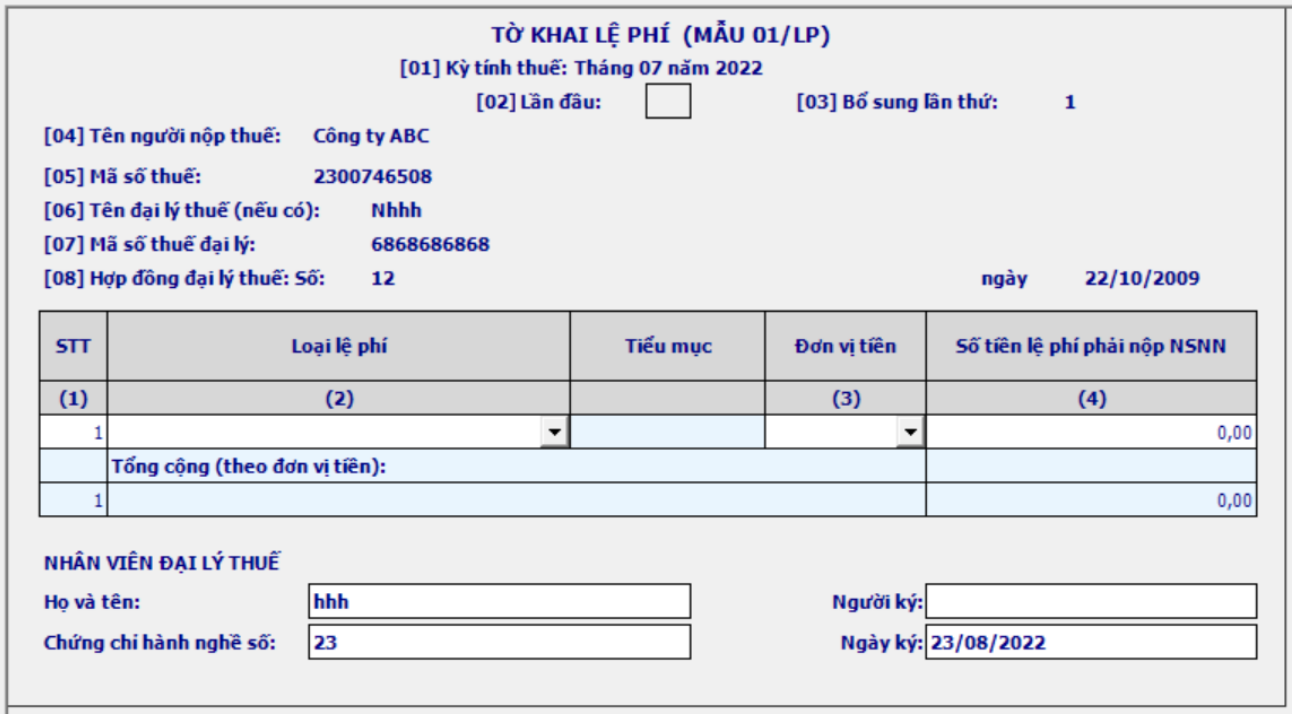
Chứng chỉ hành nghề số: cccc Ngày ký: 15/08/2024

- Chi tiết các chỉ tiêu:
  + Cột (1) – STT: UD tự tăng giảm dòng
  + Cột (2) Loại phí, lệ phí: Chọn trong danh mục phí, kiểm tra không được trùng đồng thời cột (2) và (3)
  + Cột (3) Đơn vị tiền: chọn trong danh mục
  + Cột (4) Số tiền phí thu được : Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
  + Dòng tổng cộng: Lấy dòng tổng cộng của cột (4) theo đơn vị tiền
- Mục "Lệ phí thu theo các Thông tư hỗ trợ tháo gỡ khó khăn": Cho phép nhập đối với kỳ tính thuế từ tháng 12/2023 đến tháng 12/2025, chi tiết như sau:
  + Cột (2) Loại lệ phí: Chọn trong danh mục
  + Cột Tiểu mục: Tự động hiển thị khi chọn (2) Loại lệ phí. Kiểm tra các mã kê khai tại mục "Lệ phí thu theo các Thông tư hỗ trợ tháo gỡ khó khăn" thì phải được kê khai tại mục không theo các Thông tư hỗ trợ tháo gỡ khó khăn
  + Cột (3) Đơn vị tiền: Chọn trong danh mục
  + Cột (4) Số tiền lệ phí phải nộp NSNN:
    - Nếu chọn đơn vị tiền là "VND" thì nhập số >=0, định dạng số nguyên
    - Nếu chọn đơn vị tiền khác "VND" thì cho phép nhập số >=0, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy
    - Chỉ tiêu (4) theo (Tiểu mục và đơn vị tiền) tại mục "Lệ phí thu theo các Thông tư hỗ trợ tháo gỡ khó khăn" phải <= tổng chỉ tiêu (4) theo (Tiểu mục và đơn vị tiền) không thu theo các Thông tư hỗ trợ tháo gỡ khó khăn.
    - Chỉ tiêu (4) của mã lệ phí 63012853 (Trong đó: Số tiền phí/lệ phí tại Thông tư số 37/2023/TT-BTC thu theo quy định tại Thông tư số 63/2023/TT-BTC vào TM

2853) nếu chọn đơn vị tiền là VNĐ thì phải chia hết cho 115.000, sai khác cảnh báo đỏ: "(4) Số tiền lệ phí của TM 2853 tại TT37/2023 phải chia hết cho 115.000 đồng"

3.9.5.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".



TỜ KHAI LỆ PHÍ (MẪU 01/LP)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[07] Mã số thuế đại lý: 6868686868

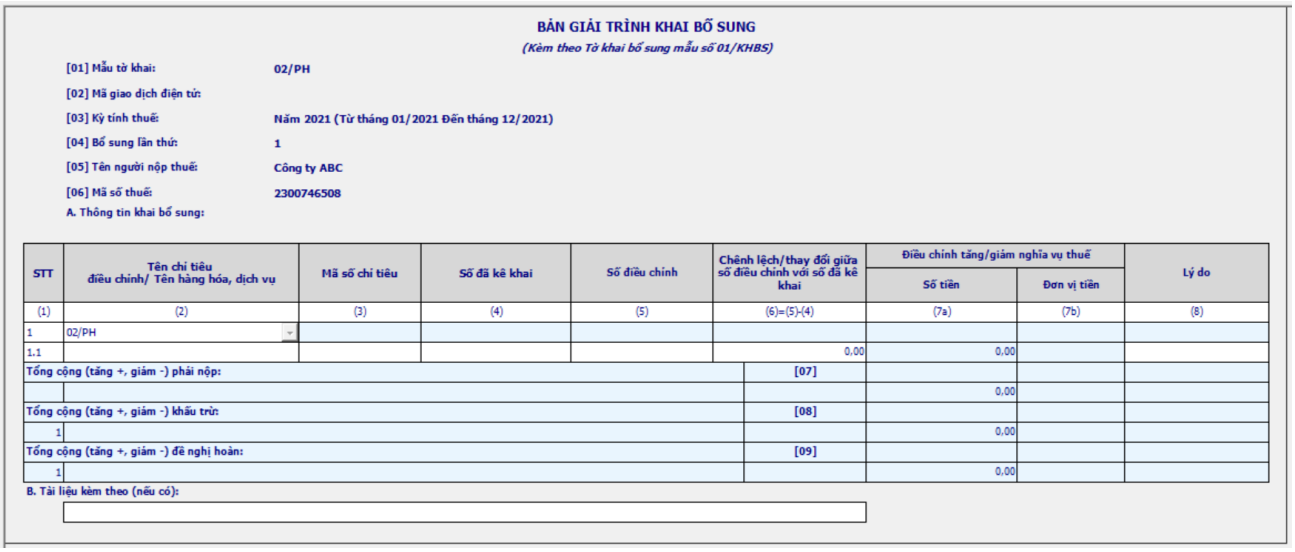
[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số: 12 ngày 22/10/2009

STT	Loại lệ phí	Tiểu mục	Đơn vị tiền	Số tiền lệ phí phải nộp NSNN
(1)	(2)		(3)	(4)
1				0,00
	Tổng cộng (theo đơn vị tiền):			
1				0,00

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: hhh Người ký:

Chứng chỉ hành nghề số: 23 Ngày ký: 23/08/2022



BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 02/PH

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021 (Từ tháng 01/2021 Đến tháng 12/2021)

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế		Lý do
						Số tiền	Đơn vị tiền	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7a)	(7b)	(8)
1	02/PH							
1.1					0,00	0,00		
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]			
						0,00		
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]			
1						0,00		
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]			
1						0,00		

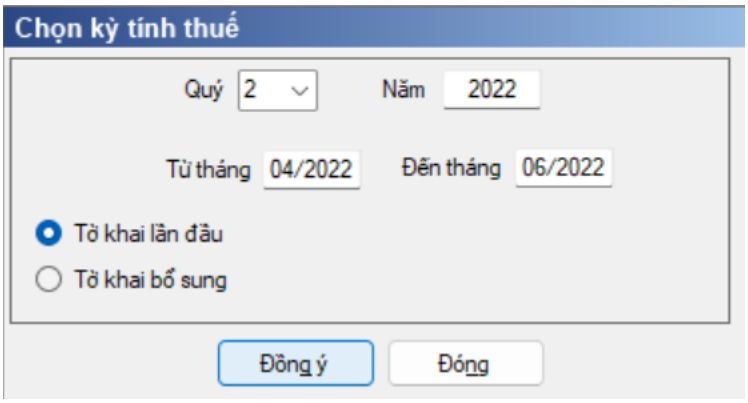
B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

- Kê khai điều chỉnh bổ sung có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT

3.9.6 Tờ khai phí, lệ phí và các khoản thu khác do cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài thực hiện thu mẫu 01/PHLPNG (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

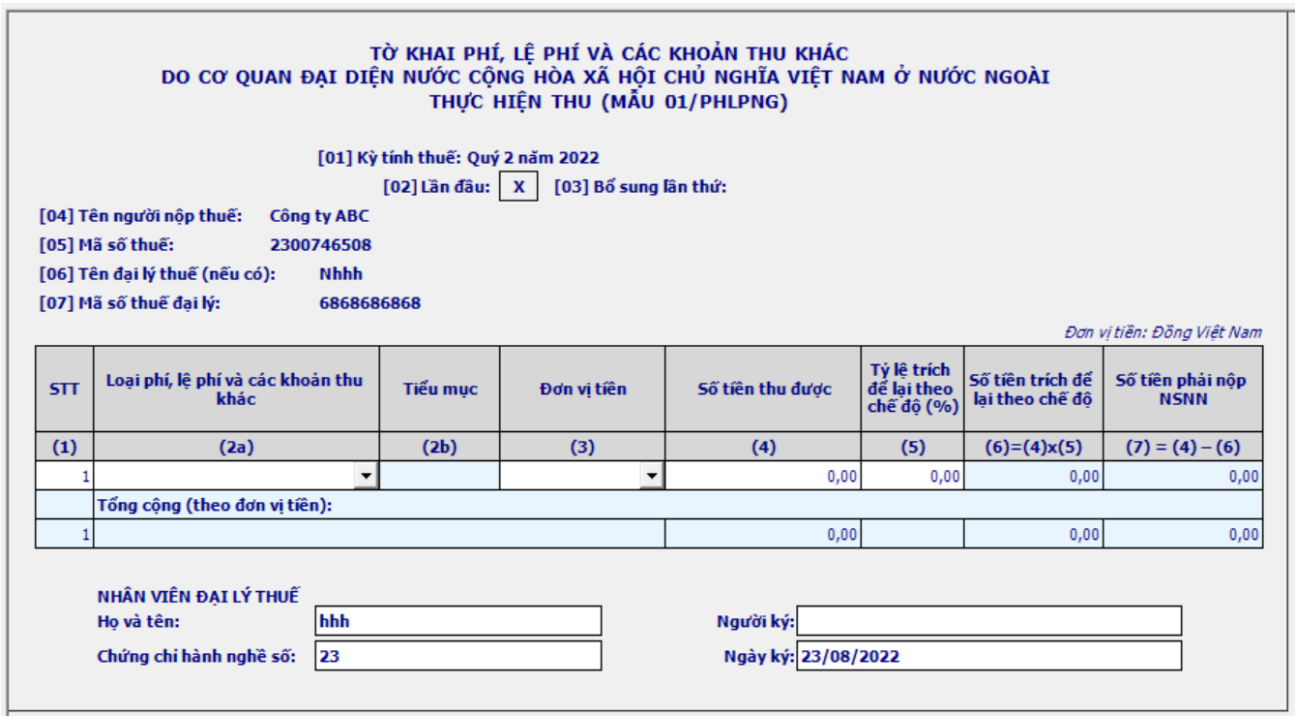
- Từ menu chức năng "Kê khai/Phí – Lệ phí" chọn "Tờ khai phí, lệ phí và các khoản thu khác do cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài thực hiện thu (01/PHLPNG) (TT80/2021)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:



- Nhập kỳ tính thuế: Cho phép NNT nhập kỳ tính thuế theo năm
  + Hiệu lực từ quý 01/2022
  + Hạn nộp tờ khai: Hạn nộp tờ khai: Ngày cuối cùng tháng đầu tiên của quý tiếp theo; nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ thì chuyển sang ngày tiếp theo
  + CQT nộp tờ khai: Cục thuế Doanh nghiệp lớn
- Chọn loại tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung), sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai phí, lệ phí và các khoản thu khác do cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài thực hiện thu mẫu 01/PHLPNG.

3.9.6.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau



TỜ KHAI PHÍ, LỆ PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC
DO CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI
THỰC HIỆN THU (MẪU 01/PHLPNG)

[01] Kỳ tính thuế: Quý 2 năm 2022
[02] Lần đầu: X [03] Bổ sung lần thứ:
[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[05] Mã số thuế: 2300746508
[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh
[07] Mã số thuế đại lý: 6868686868

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Loại phí, lệ phí và các khoản thu khác	Tiểu mục	Đơn vị tiền	Số tiền thu được	Tỷ lệ trích để lại theo chế độ (%)	Số tiền trích để lại theo chế độ	Số tiền phải nộp NSNN
(1)	(2a)	(2b)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)	(7) = (4) – (6)
1				0,00	0,00	0,00	0,00
	Tổng cộng (theo đơn vị tiền):						
1				0,00		0,00	0,00

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên: hhh
Chứng chỉ hành nghề số: 23
Người ký:
Ngày ký: 23/08/2022

- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập

+ Cột (1) – STT: UD tự tăng giảm dòng

+ Cột (2a) Loại phí, lệ phí và các khoản thu khác: Chọn trong danh mục tiểu mục (HTKK làm chức năng đăng ký danh mục tiểu mục cho phí ngoại giao), Ràng buộc Tiểu mục và Đơn vị tiền là duy nhất

+ Cột (2b) Tiểu mục: Tự động hiển thị theo cột (2a), không cho sửa

+ Cột (3) Đơn vị tiền: chọn trong danh mục

+ Cột (4) Số tiền thu được: Chọn đơn vị tiền là khác VNĐ thì cho phép nhập số tối đa 2 số thập phân sau dấu phẩy, tối đa 16 số. Chọn đơn vị tiền là VNĐ thì cho phép nhập số nguyên dương, tối đa 16 số

+ Cột (5) Tỷ lệ trích để lại theo chế độ (%): Cho phép nhập số dương định dạng x,xx<=100,00

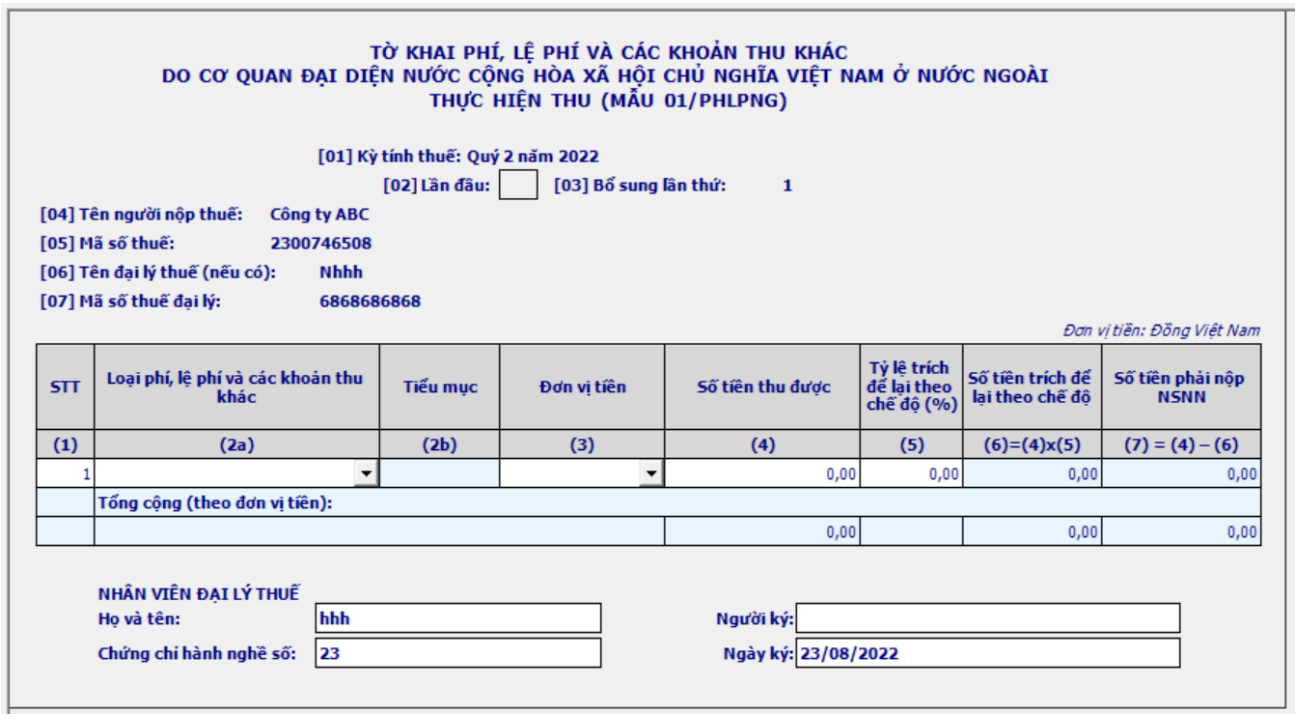
- Chi tiết các chỉ tiêu cần tính toán

+ Cột (6) Số tiền trích để lại theo chế độ: Tự động tính (6)=(4)x(5), không cho sửa

+ Cột (7) Số tiền phải nộp NSNN: Tự động tính (7)=(4)-(6), không cho phép sửa

3.9.6.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".



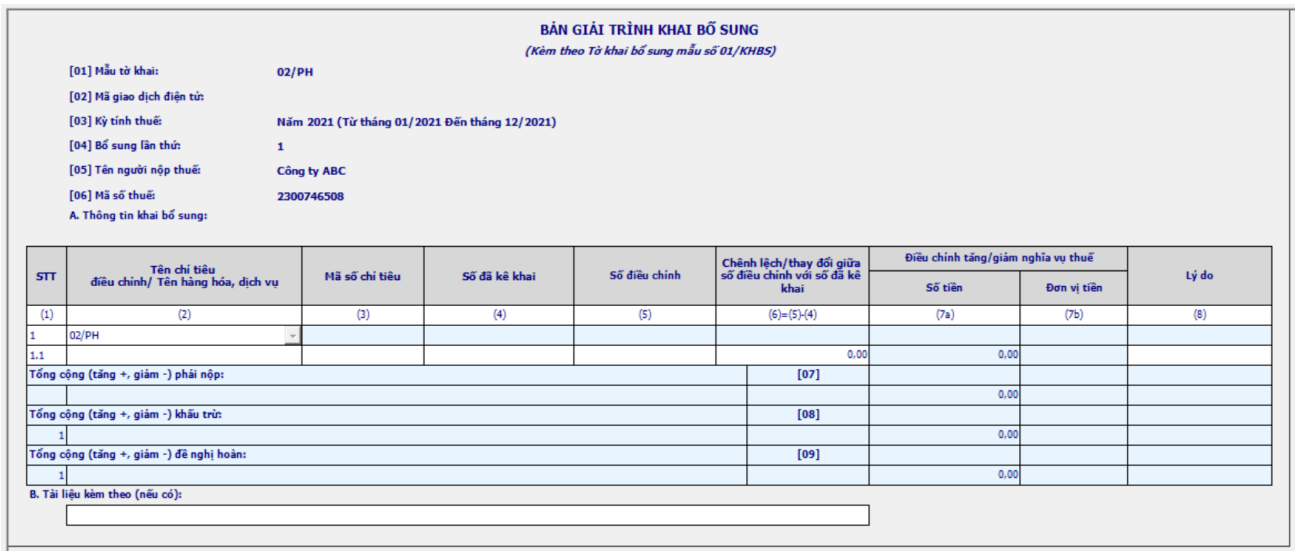
TỜ KHAI PHÍ, LỆ PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC
DO CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI
THỰC HIỆN THU (MẪU 01/PHLPNG)

[01] Kỳ tính thuế: Quý 2 năm 2022
[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ: 1
[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[05] Mã số thuế: 2300746508
[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh
[07] Mã số thuế đại lý: 6868686868

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Loại phí, lệ phí và các khoản thu khác	Tiểu mục	Đơn vị tiền	Số tiền thu được	Tỷ lệ trích để lại theo chế độ (%)	Số tiền trích để lại theo chế độ	Số tiền phải nộp NSNN
(1)	(2a)	(2b)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)	(7) = (4) – (6)
1				0,00	0,00	0,00	0,00
	Tổng cộng (theo đơn vị tiền):						
				0,00		0,00	0,00

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên: hhh
Chứng chỉ hành nghề số: 23
Người ký:
Ngày ký: 23/08/2022



BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG
(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 02/PH
[02] Mã giao dịch điện tử:
[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021 (Từ tháng 01/2021 Đến tháng 12/2021)
[04] Bổ sung lần thứ: 1
[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[06] Mã số thuế: 2300746508
A. Thông tin khai bổ sung:

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế		Lý do
						Số tiền	Đơn vị tiền	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7a)	(7b)	(8)
1	02/PH							
1.1					0,00	0,00		
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]			
						0,00		
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]			
1						0,00		
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]			
1						0,00		

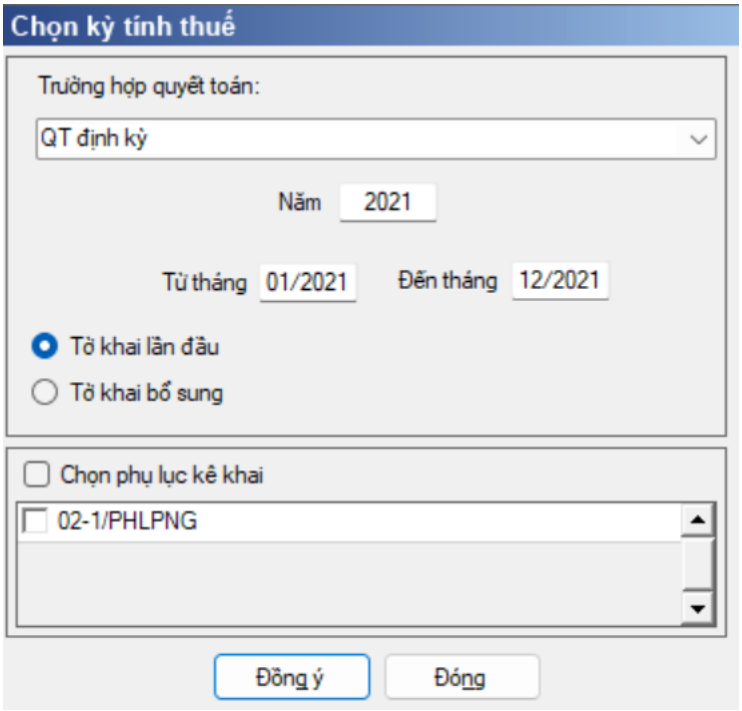
B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

- Kê khai điều chỉnh bổ sung có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT

3.9.7 Tờ khai quyết toán phí, lệ phí và các khoản thu khác do cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài thực hiện thu mẫu 02/PHLPNG (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Phí – Lệ phí" chọn "Tờ khai quyết toán phí, lệ phí và các khoản thu khác do cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài thực hiện thu (02/PHLPNG) (TT80/2021)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:



- Nhập kỳ tính thuế: Cho phép NNT nhập kỳ tính thuế theo năm

+ Hiệu lực từ quý 01/2022

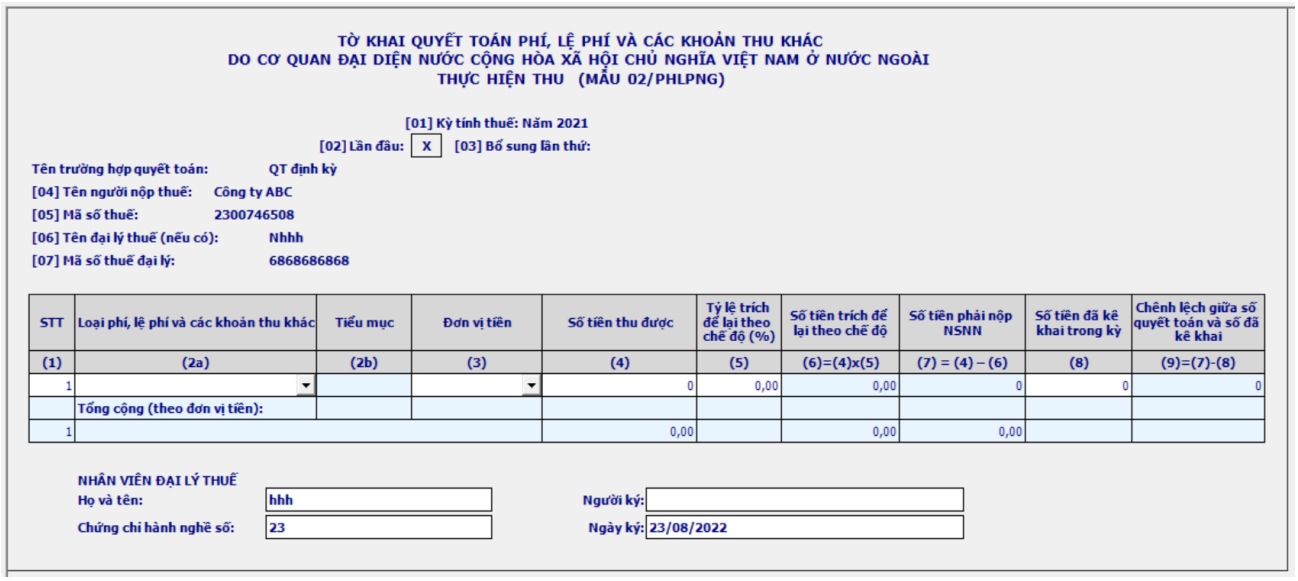
+ Hạn nộp tờ khai: Hạn nộp tờ khai: Ngày cuối cùng tháng đầu tiên của quý tiếp theo; nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ thì chuyển sang ngày tiếp theo

+ CQT nộp tờ khai: Cục thuế Doanh nghiệp lớn

- Chọn loại tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung), sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai lệ quyết toán phí, lệ phí và các khoản thu khác do cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài thực hiện thu mẫu 02/PHLPNG.

3.9.7.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHÍ, LỆ PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC
DO CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI
THỰC HIỆN THU (MẪU 02/PHLPNG)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021
[02] Lần đầu: X [03] Bổ sung lần thứ:
Tên trường hợp quyết toán: QT định kỳ
[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[05] Mã số thuế: 2300746508
[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh
[07] Mã số thuế đại lý: 6868686868

STT	Loại phí, lệ phí và các khoản thu khác	Tiểu mục	Đơn vị tiền	Số tiền thu được	Tỷ lệ trích để lại theo chế độ (%)	Số tiền trích để lại theo chế độ	Số tiền phải nộp NSNN	Số tiền đã kê khai trong kỳ	Chênh lệch giữa số quyết toán và số đã kê khai
(1)	(2a)	(2b)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)	(7) = (4) – (6)	(8)	(9)=(7)-(8)
1				0	0,00	0,00	0	0	0
	Tổng cộng (theo đơn vị tiền):								
1				0,00		0,00	0,00		

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên: hhh
Chứng chỉ hành nghề số: 23
Người ký:
Ngày ký: 23/08/2022

- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập

+ Cột (1) – STT: UD tự tăng giảm dòng

+ Cột (2a) Loại phí, lệ phí và các khoản thu khác: Chọn trong danh mục tiểu mục (HTKK làm chức năng đăng ký danh mục tiểu mục cho phí ngoại giao), Ràng buộc Tiểu mục và Đơn vị tiền là duy nhất

+ Cột (2b) Tiểu mục: Tự động hiển thị theo cột (2a), không cho sửa

+ Cột (3) Đơn vị tiền: chọn trong danh mục

+ Cột (4) Số tiền thu được: Chọn đơn vị tiền là khác VNĐ thì cho phép nhập số tối đa 2 số thập phân sau dấu phẩy, tối đa 16 số. Chọn đơn vị tiền là VNĐ thì cho phép nhập số nguyên dương, tối đa 16 số

+ Cột (5) Tỷ lệ trích để lại theo chế độ (%): Cho phép nhập số dương định dạng x,xx<=100,00

+ Cột (8) Số tiền đã kê khai trong kỳ:- Chọn đơn vị tiền là khác VNĐ thì cho phép nhập số tối đa 2 số thập phân sau dấu phẩy, tối đa 16 số. Chọn đơn vị tiền là VNĐ thì cho phép nhập số nguyên dương, tối đa 16 số

- Chi tiết các chỉ tiêu cần tính toán

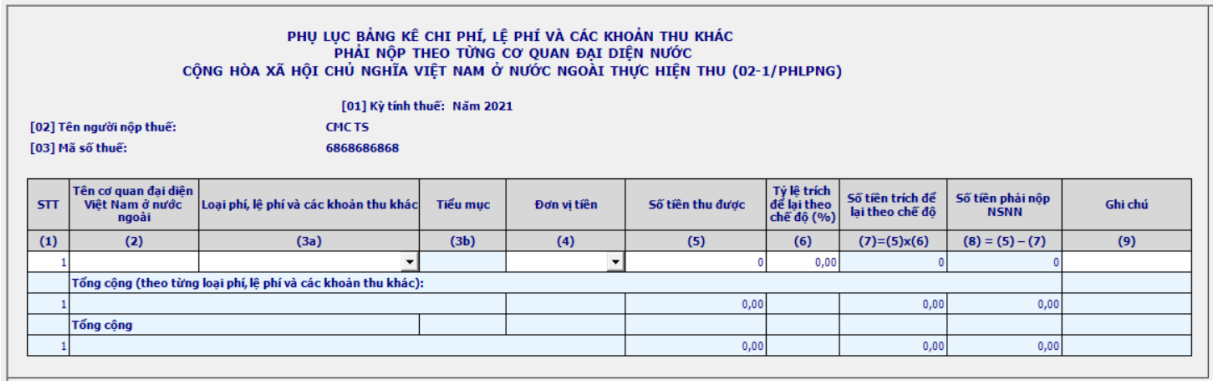
+ Cột (6) Số tiền trích để lại theo chế độ: Tự động tính (6)=(4)x(5), không cho sửa

+ Cột (7) Số tiền phải nộp NSNN: Tự động tính (7)=(4)-(6), không cho phép sửa

+ Cột (9) Chênh lệch giữa số quyết toán và số đã kê khai:Tự động tính (9)=(7)-(8), không cho sửa

+ Dòng tổng cộng: Tổng cộng cột 4, cột 6, cột 7 theo loại tiền

3.9.7.1.1 Phụ lục 02-1/PHLPNG



PHỤ LỤC BẢNG KÊ CHI PHÍ, LỆ PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC
PHẢI NỘP THEO TỪNG CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NƯỚC
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI THỰC HIỆN THU (02-1/PHLPNG)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021
[02] Tên người nộp thuế: CMC TS
[03] Mã số thuế: 6868686868

STT	Tên cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài	Loại phí, lệ phí và các khoản thu khác	Tiểu mục	Đơn vị tiền	Số tiền thu được	Tỷ lệ trích để lại theo chế độ (%)	Số tiền trích để lại theo chế độ	Số tiền phải nộp NSNN	Ghi chú
(1)	(2)	(3a)	(3b)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)x(6)	(8) = (5) – (7)	(9)
1					0	0,00	0	0	
	Tổng cộng (theo từng loại phí, lệ phí và các khoản thu khác):								
1					0,00		0,00	0,00	
	Tổng cộng								
1					0,00		0,00	0,00	

- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập

+ (2) Tên cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài:Nhập text

+ (3a) Loại phí, lệ phí và các khoản thu khác: Chọn trong danh mục tiểu mục (HTKK làm chức năng đăng ký danh mục tiểu mục cho phí ngoại giao)

+ (3b) Tiểu mục: Tự động hiển thị theo cột (3a), không cho sửa

+ (4) Đơn vị tiền: Chọn trong danh mục Đơn vị tiền

+ Ràng buộc tiểu mục và đơn vị tiền là duy nhất

+ (5) Số tiền thu được: Chọn đơn vị tiền là khác VNĐ thì cho phép nhập số tối đa 2 số thập phân sau dấu phẩy, tối đa 16 số.Chọn đơn vị tiền là VNĐ thì cho phép nhập số nguyên dương, tối đa 16 số

+ (6) Tỷ lệ trích để lại theo chế độ (%): Cho phép nhập số dương định dạng x,xx<=100,00

+ (9) Ghi chú: Cho phép nhập

- Chi tiết các chỉ tiêu cần tính toán

+ (7) Số tiền trích để lại theo chế độ: Tự động tính (7)=(5)x(6), không cho sửa

+ (8) Số tiền phải nộp NSNN: Tự động tính (8)=(5)-(7), không cho phép sửa

+ Dòng tổng cộng: Tổng cộng cột (5), cột (7), cột (8) theo loại tiền

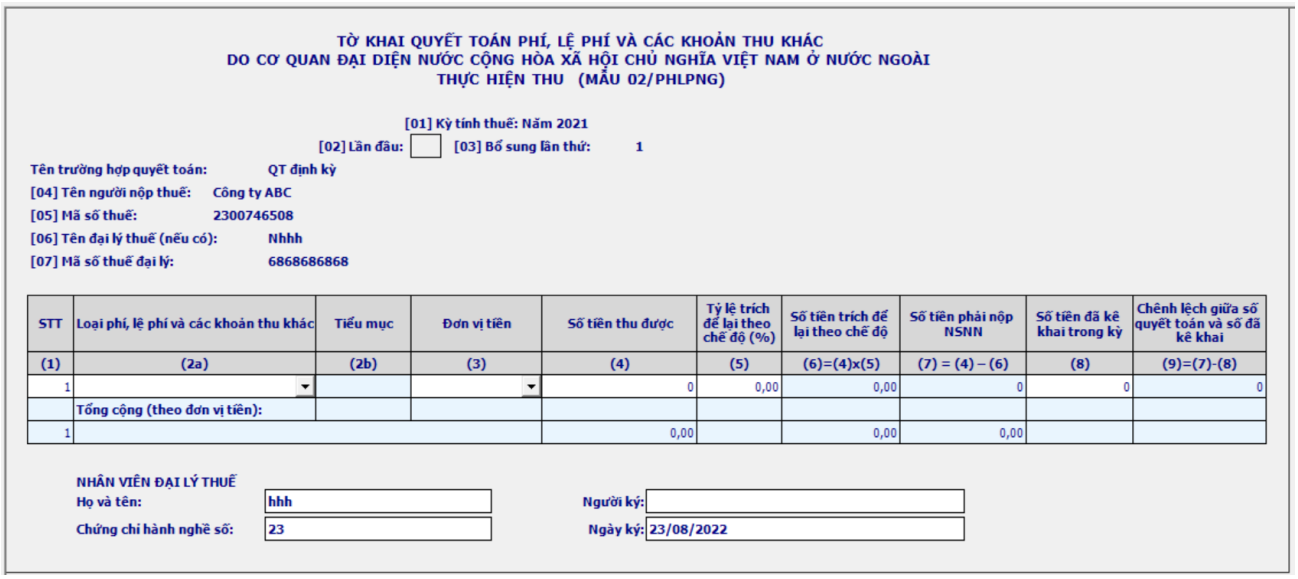
3.9.7.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.

- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.

- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.

- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".

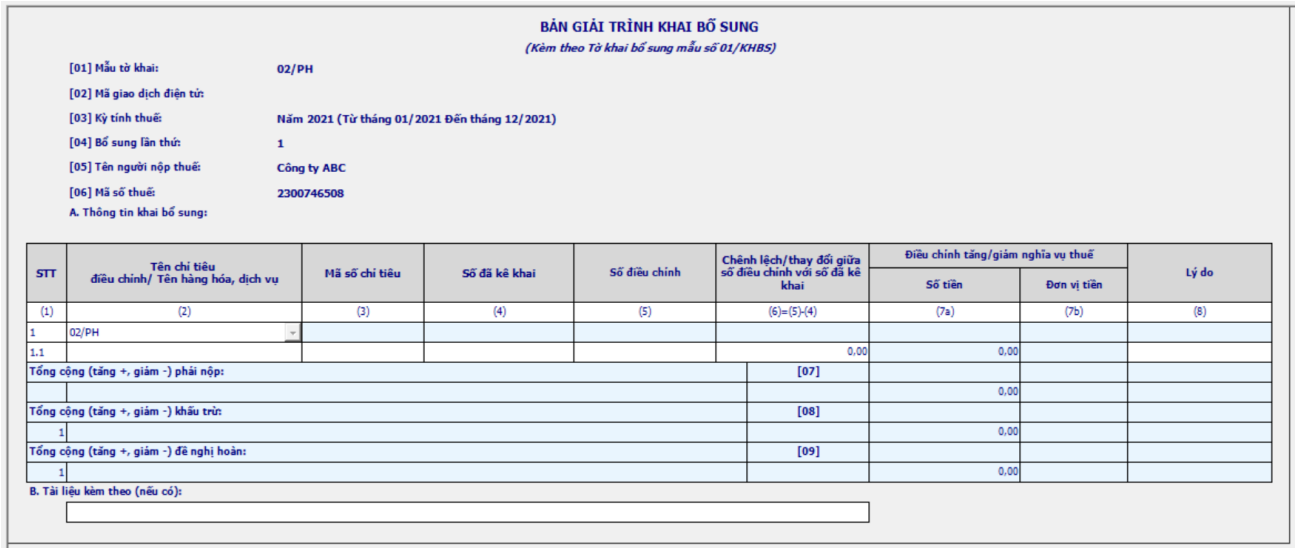


TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHÍ, LỆ PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC
DO CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI
THỰC HIỆN THU (MẪU 02/PHLPNG)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021
[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ: 1
Tên trường hợp quyết toán: QT định kỳ
[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[05] Mã số thuế: 2300746508
[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh
[07] Mã số thuế đại lý: 6868686868

STT	Loại phí, lệ phí và các khoản thu khác	Tiểu mục	Đơn vị tiền	Số tiền thu được	Tỷ lệ trích để lại theo chế độ (%)	Số tiền trích để lại theo chế độ	Số tiền phải nộp NSNN	Số tiền đã kê khai trong kỳ	Chênh lệch giữa số quyết toán và số đã kê khai
(1)	(2a)	(2b)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)	(7) = (4) – (6)	(8)	(9)=(7)-(8)
1				0	0,00	0,00	0	0	0
	Tổng cộng (theo đơn vị tiền):								
1				0,00		0,00	0,00		

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên: hhh
Chứng chỉ hành nghề số: 23
Người ký:
Ngày ký: 23/08/2022



BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG
(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 02/PH
[02] Mã giao dịch điện tử:
[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021 (Từ tháng 01/2021 Đến tháng 12/2021)
[04] Bổ sung lần thứ: 1
[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[06] Mã số thuế: 2300746508
A. Thông tin khai bổ sung:

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế		Lý do
						Số tiền	Đơn vị tiền	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7a)	(7b)	(8)
1	02/PH							
1.1					0,00	0,00		
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]			
						0,00		
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]			
1						0,00		
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]			
1						0,00		

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

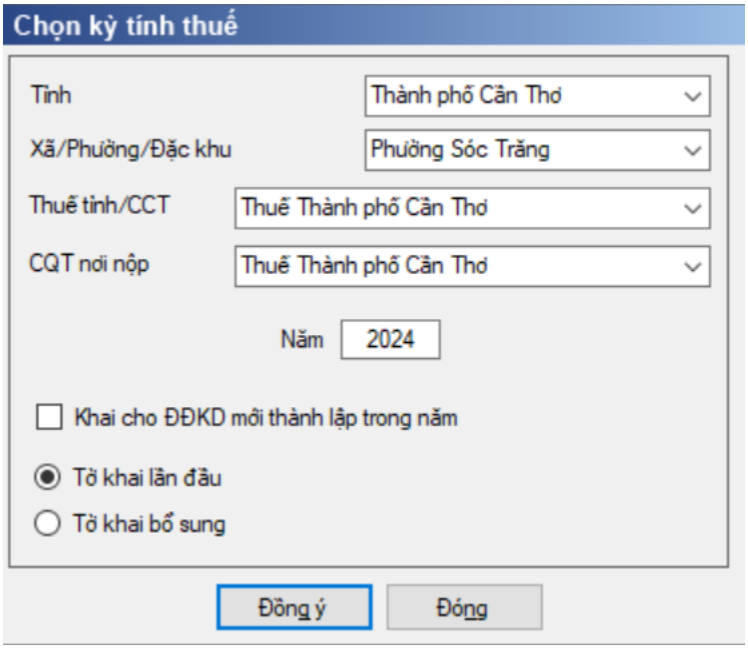
- Kê khai điều chỉnh bổ sung có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT

3.9.8 Tờ khai lệ phí môn bài mẫu 01/LPMB (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC)

Trong cùng một năm kê khai, nếu NNT có phát sinh các địa điểm kinh doanh tại các thời điểm khác nhau thì được phép kê khai nhiều tờ khai 01/LPMB

Cách gọi:

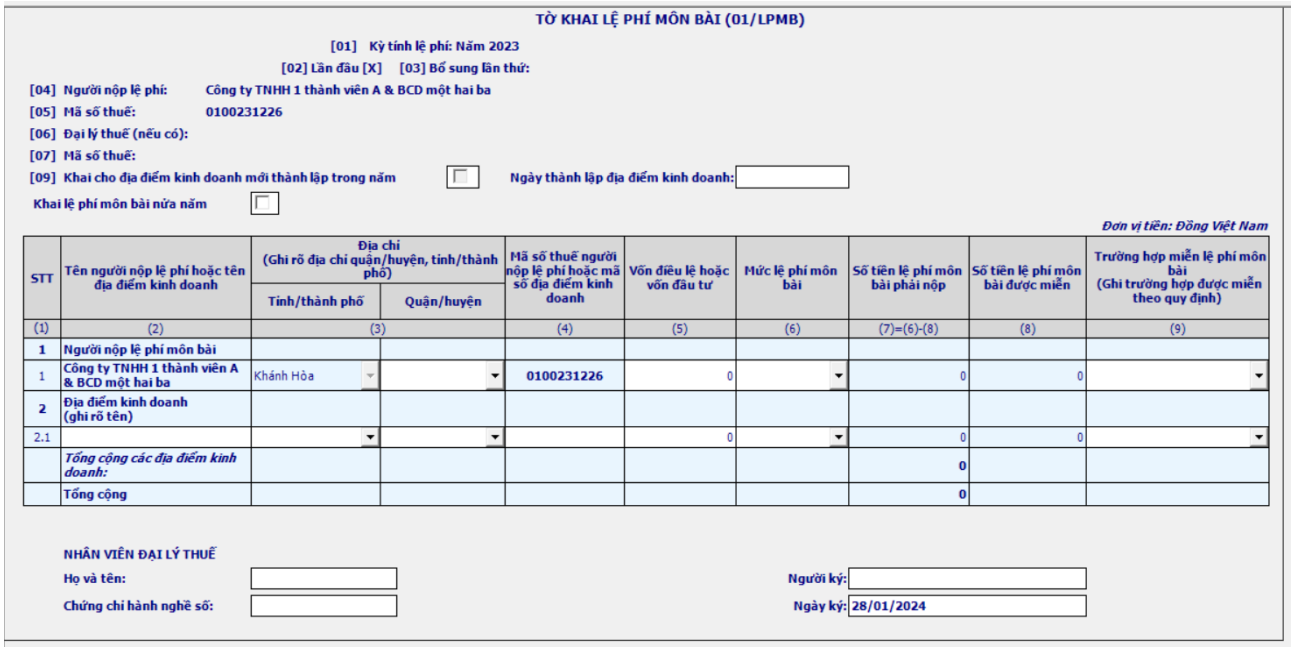
- Từ menu chức năng "Kê khai/ Phí, lệ phí" chọn "Tờ khai lệ phí môn bài mẫu số (01/LPMB) (TT80/2021)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:



- Nhập kỳ tính lệ phí theo năm: Mặc định là năm hiện tại, cho phép sửa, có hiệu lực từ kỳ tính thuế năm 2022
- Nếu khai cho địa điểm kinh doanh mới thành lập trong năm thì tích chọn nút "Khai cho ĐĐKD mới thành lập trong năm", khi tích chọn nút này thì bắt buộc nhập "Ngày thành lập ĐĐKD"
- Chọn trạng thái tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung), sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" Bạn nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai lệ phí môn bài mẫu 01/LPMB

3.9.8.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



TỜ KHAI LỆ PHÍ MÔN BÀI (01/LPMB)

[01] Kỳ tính lệ phí: Năm 2023

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Người nộp lệ phí: Công ty TNHH 1 thành viên A & BCD một hai ba

[05] Mã số thuế: 0100231226

[06] Đại lý thuế (nếu có):

[07] Mã số thuế:

[09] Khai cho địa điểm kinh doanh mới thành lập trong năm ☐ Ngày thành lập địa điểm kinh doanh:

Khai lệ phí môn bài nửa năm ☐

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên người nộp lệ phí hoặc tên địa điểm kinh doanh	Địa chỉ (Ghi rõ địa chỉ quận/huyện, tỉnh/thành phố)		Mã số thuế người nộp lệ phí hoặc mã số địa điểm kinh doanh	Vốn điều lệ hoặc vốn đầu tư	Mức lệ phí môn bài	Số tiền lệ phí môn bài phải nộp	Số tiền lệ phí môn bài được miễn	Trường hợp miễn lệ phí môn bài (Ghi trường hợp được miễn theo quy định)
		Tỉnh/thành phố	Quận/huyện						
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(8)	(8)	(9)
1	Người nộp lệ phí môn bài								
1	Công ty TNHH 1 thành viên A & BCD một hai ba	Khánh Hòa		0100231226	0		0	0	
2	Địa điểm kinh doanh (ghi rõ tên)								
2.1					0		0	0	
	Tổng cộng các địa điểm kinh doanh:						0		
	Tổng cộng						0		

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: Người ký:

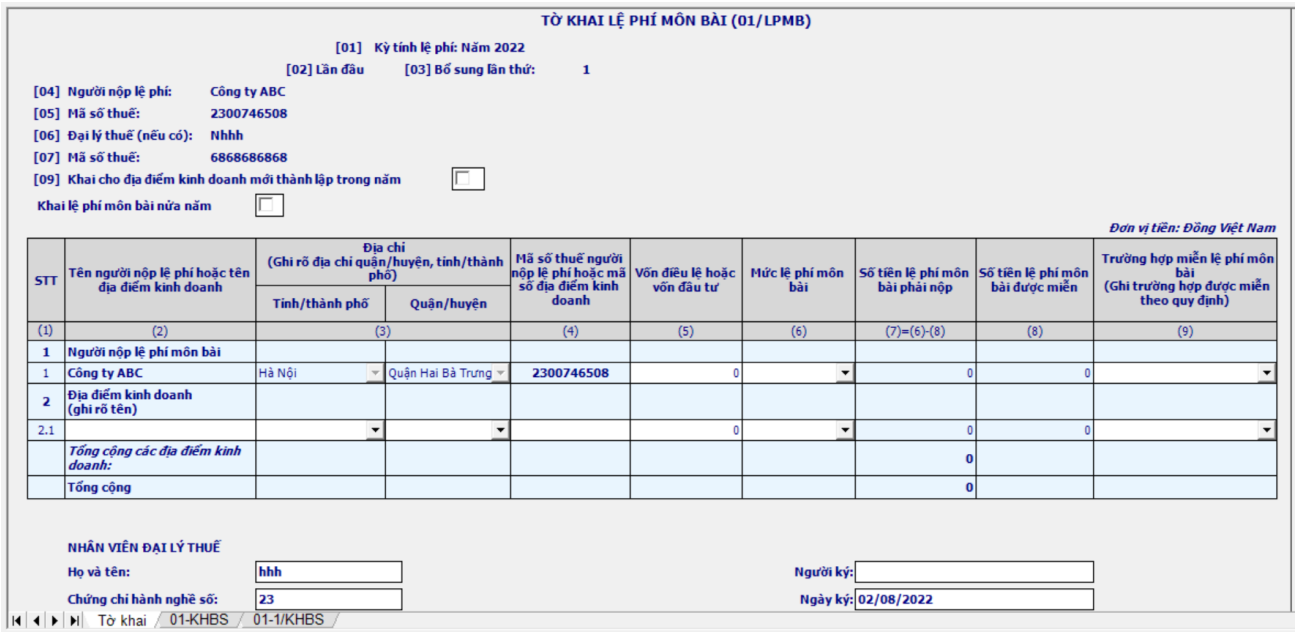
Chứng chỉ hành nghề số: Ngày ký: 28/01/2024

- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:
  + Người nộp lệ phí môn bài: Nếu tích chọn chỉ tiêu [09] thì không nhập mục này
    - Cột (2): hiển thị theo chỉ tiêu [4] của tờ khai
    - Cột (3a): Chọn trong danh mục Quận/Huyện thuộc Tỉnh/Thành phố đã chọn
    - Cột (3b): Chọn trong danh mục 63 Tỉnh/Thành, Tỉnh phải là Tỉnh của cơ quan thuế nộp tờ khai
    - Cột (4): Hiển thị theo chỉ tiêu [5] trên thông tin tờ khai
    - Cột (5): Nhập dạng số không âm, mặc định là 0
    - Cột (6): UD cho phép chọn trong danh mục gồm: 3.000.000, 2.000.000, 1.500.000, 1.000.000, 500.000, 300.000, 250.000, 150.000
    - Cột (9): Chọn trong danh mục
  + Địa điểm kinh doanh
    - Cột (2) Cho phép NNT nhập thông tin, tối đa 100 ký tự
    - Cột (3a): Chọn trong danh mục Quận/Huyện thuộc Tỉnh/Thành phố đã chọn
    - Cột (3b): Chọn trong danh mục 63 Tỉnh/Thành, Tỉnh phải là Tỉnh của cơ quan thuế nộp tờ khai
    - Cột (4): Cho phép nhập mã địa điểm kinh doanh 5 số
    - Cột (5): Cho phép nhập số, không âm
    - Cột (9): Chọn trong danh mục trừ 2 lý do 05 và 07
- Chi tiết các chỉ tiêu UD hỗ trợ tính:
  + Người nộp lệ phí môn bài:
    - Cột (7): UD tính theo công thức: (7) = (6) - (8)
    - Cột (8): Nếu NNT tích chọn chỉ tiêu [9] thì ứng dụng tự hiển thị chỉ tiêu (8) = chỉ tiêu (6)
  + Địa điểm kinh doanh:
    - Cột (7): UD tính theo công thức: (7) = (6) - (8)

- Cột (8): Nếu NNT tích chọn chỉ tiêu [9] thì ứng dụng tự hiển thị chỉ tiêu (8) = chỉ tiêu (6)

3.9.8.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".



TỜ KHAI LỆ PHÍ MÔN BÀI (01/LPMB)

[01] Kỳ tính lệ phí: Năm 2022

[02] Lần đầu [03] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Người nộp lệ phí: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[06] Đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[07] Mã số thuế: 6868686868

[09] Khai cho địa điểm kinh doanh mới thành lập trong năm

Khai lệ phí môn bài nửa năm

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

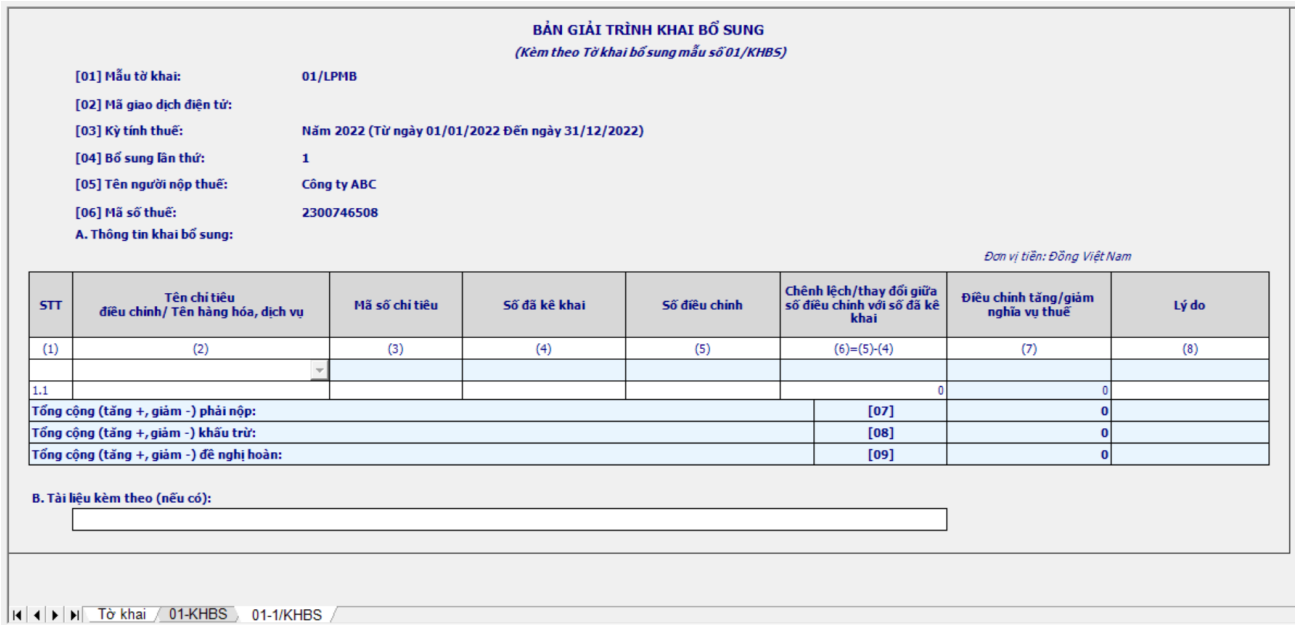
STT	Tên người nộp lệ phí hoặc tên địa điểm kinh doanh	Địa chỉ (Ghi rõ địa chỉ quận/huyện, tỉnh/thành phố)		Mã số thuế người nộp lệ phí hoặc mã số địa điểm kinh doanh	Vốn điều lệ hoặc vốn đầu tư	Mức lệ phí môn bài	Số tiền lệ phí môn bài phải nộp	Số tiền lệ phí môn bài được miễn	Trường hợp miễn lệ phí môn bài (Ghi trường hợp được miễn theo quy định)
		Tỉnh/thành phố	Quận/huyện						
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(8)	(8)	(9)
1	Người nộp lệ phí môn bài								
1	Công ty ABC	Hà Nội	Quận Hai Bà Trưng	2300746508	0		0	0	
2	Địa điểm kinh doanh (ghi rõ tên)								
2.1					0		0	0	
	Tổng cộng các địa điểm kinh doanh:						0		
	Tổng cộng						0		

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: hhh Người ký:

Chứng chỉ hành nghề số: 23 Ngày ký: 02/08/2022

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS



BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 01/LPMB

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2022 (Từ ngày 01/01/2022 Đến ngày 31/12/2022)

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

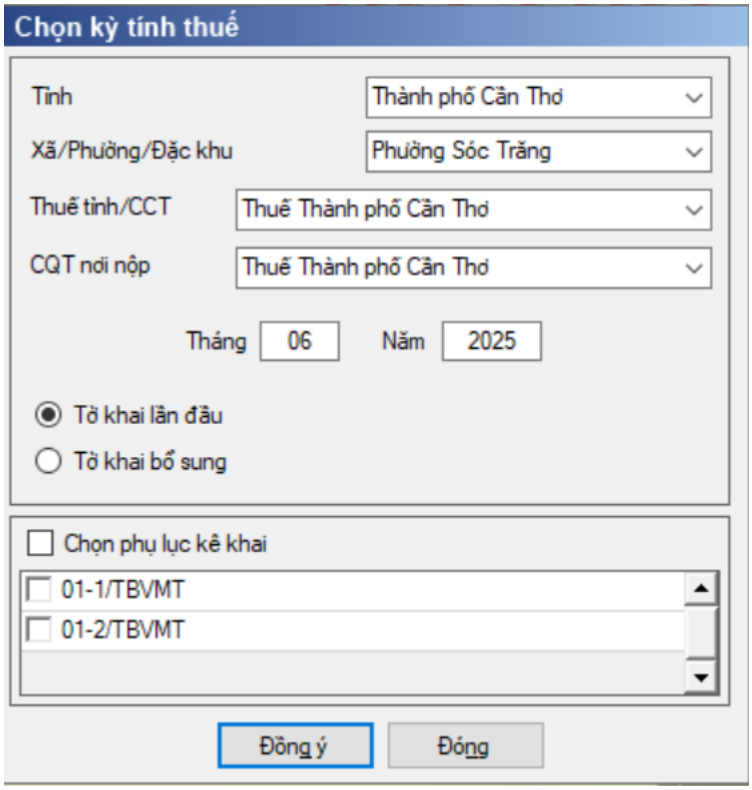
- Kê khai điều chỉnh bổ sung cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.10 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Thuế bảo vệ môi trường

3.10.1 Tờ khai thuế bảo vệ môi trường mẫu số 01/TBVMT (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

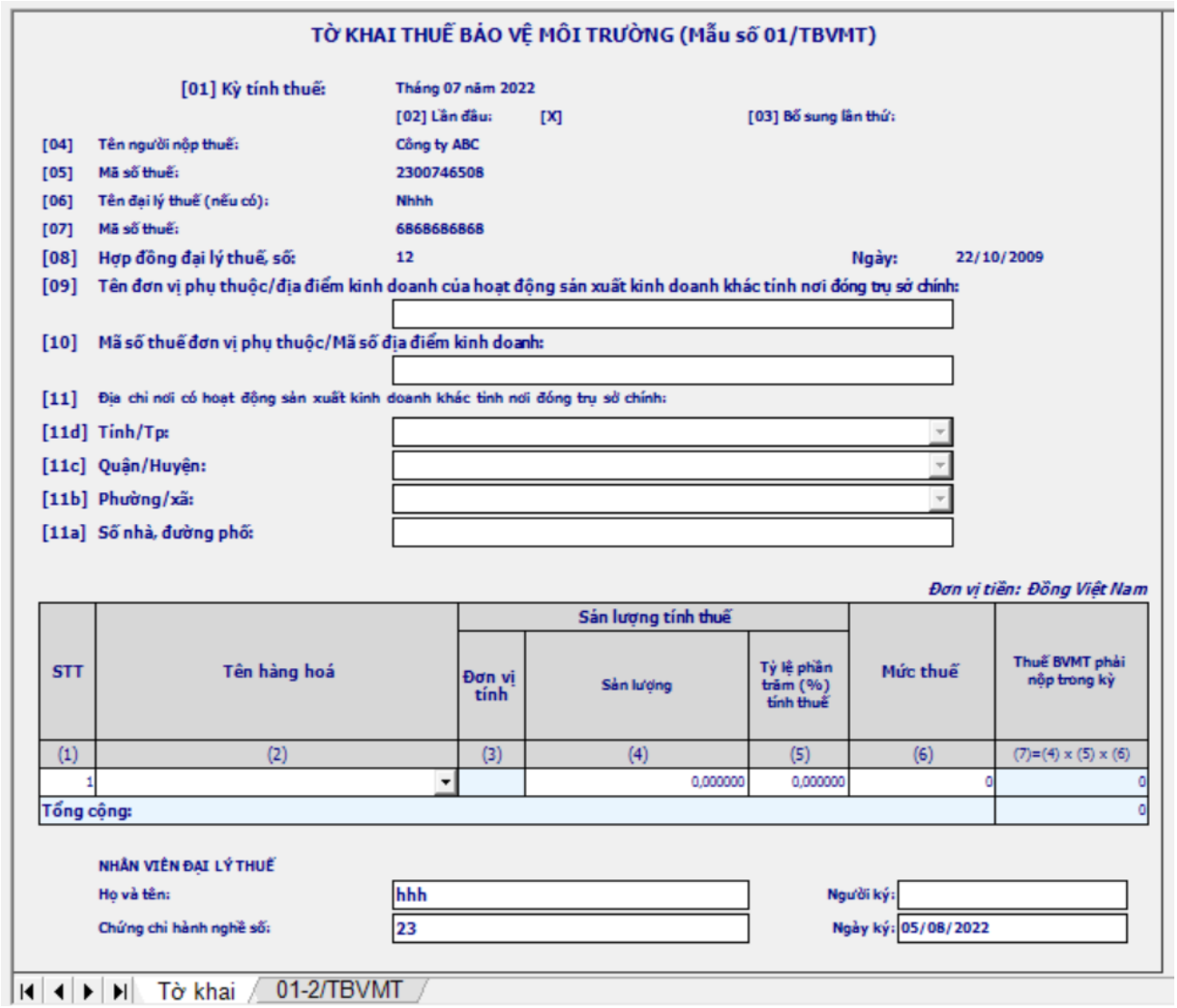
- Từ menu chức năng "Thuế bảo vệ môi trường" chọn "Tờ khai thuế bảo vệ môi trường mẫu số (01/TBVMT)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.
- Đối với Tờ khai thuế 01/TBVMT, UD cho phép NNT chọn một trong hai loại tờ khai là "Tờ khai theo tháng" hoặc "Tờ khai lần phát sinh".
- Kỳ tính thuế theo tháng: mặc định là tháng hiện tại -1, cho phép sửa nhưng không được lớn hơn tháng hiện tại. Kỳ tính thuế theo lần phát sinh: Mặc định là ngày hiện tại, cho phép sửa nhưng không được lớn hơn ngày hiện tại.



- Chọn trạng thái tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung), sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế bảo vệ môi trường mẫu 01/TBVMT.

3.10.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



TỜ KHAI THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (Mẫu số 01/TBVMT)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[07] Mã số thuế: 6868686868

[08] Hợp đồng đại lý thuế, số: 12 Ngày: 22/10/2009

[09] Tên đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

[10] Mã số thuế đơn vị phụ thuộc/Mã số địa điểm kinh doanh:

[11] Địa chỉ nơi có hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

[11d] Tỉnh/Tp:

[11c] Quận/Huyện:

[11b] Phường/xã:

[11a] Số nhà, đường phố:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên hàng hoá	Sản lượng tính thuế			Mức thuế	Thuế BVMT phải nộp trong kỳ
		Đơn vị tính	Sản lượng	Tỷ lệ phần trăm (%) tính thuế		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4) x (5) x (6)
1			0,000000	0,000000	0	0
Tổng cộng:						0

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

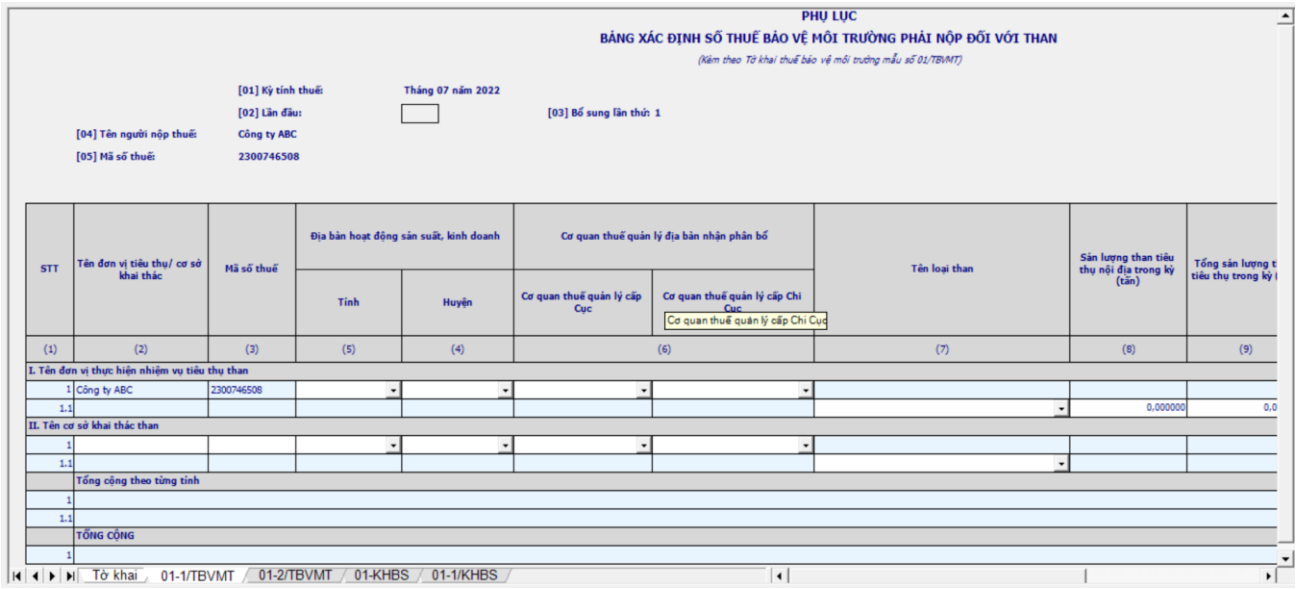
Họ và tên: hhh Người ký:

Chứng chỉ hành nghề số: 23 Ngày ký: 05/08/2022

Tờ khai 01-2/TBVMT

- Chi tiết các chỉ **tiêu cần nhập:**
  + Cột (1): Ứng dụng hỗ trợ tự tăng
  + Cột (2): Tên hàng hóa: Bắt buộc NNT chọn trong Danh mục hàng hóa
  + Cột (3): Đơn vị tính hiện theo theo cột (2)
  + Cột (4) : NSD tự nhập dạng xx,xxx
  + Cột (5): Nếu chọn hàng hóa là "Thuế bảo vệ môi trường mặt hàng xăng E5 RON92 (trừ etanol) bán ra trong nước" hoặc "Thuế bảo vệ môi trường mặt hàng xăng sinh học E10" (mã 020210) thì cho phép nhập số >0, định dạng x,xxxxxx; Đối với các hàng hóa còn lại mặc định là 100%. Không cho sửa
  + Cột (6): Hiển thị mức thuế của hàng hóa đã chọn ở cột (2)
- Chi tiết các chỉ tiêu tính toán:
  + Cột (7): ứng dụng tự động tính theo công thức: (7) = (4) x (5) x (6), định dạng số nguyên
  + Dòng tổng cộng: Lấy dòng tổng cộng của cột (7)

3.10.1.1.1 Phụ lục 01-1/TBVMT (Bảng xác định số thuế bảo vệ môi trường phải nộp đối với than)


PHỤ LỤC

BẢNG XÁC ĐỊNH SỐ THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHẢI NỘP ĐỐI VỚI THAN

(Kèm theo Tờ khai thuế bảo vệ môi trường mẫu số 01/TBVMT)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

STT	Tên đơn vị tiêu thụ/ cơ sở khai thác	Mã số thuế	Địa bàn hoạt động sản suất, kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ		Tên loại than	Sản lượng than tiêu thụ nội địa trong kỳ (tấn)	Tổng sản lượng t tiêu thụ trong kỳ
			Tỉnh	Huyện	Cơ quan thuế quản lý cấp Cục	Cơ quan thuế quản lý cấp Chi Cục			
(1)	(2)	(3)	(5)	(4)	(6)		(7)	(8)	(9)
I. Tên đơn vị thực hiện nhiệm vụ tiêu thụ than									
1	Công ty ABC	2300746508							
1.1								0.000000	0.0
II. Tên cơ sở khai thác than									
1									
1.1									
	Tổng cộng theo từng tỉnh								
1									
1.1									
	TỔNG CỘNG								
1									

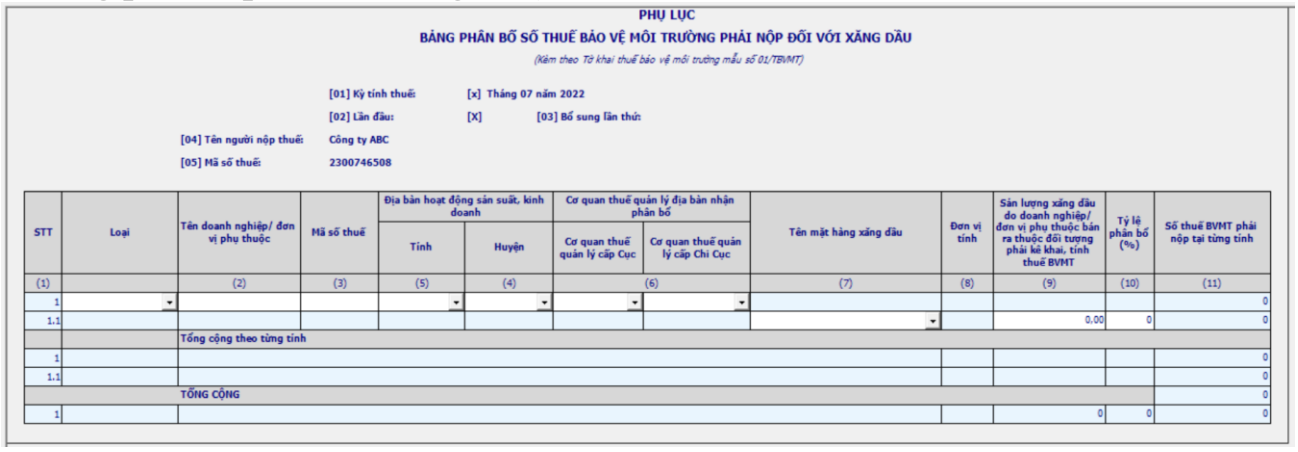
Tờ khai | 01-1/TBVMT | 01-2/TBVMT | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Dòng là thông tin "Tên đơn vị thực hiện nhiệm vụ tiêu thụ than" hoặc "Tên cơ sở khai thác" thì nhập thông tin cột (2) -> (6)
- Dòng nhập thông tin "Hàng hóa" thì nhập thông tin cột (7) -> (14)
- (Cột 2) Tên đơn vị tiêu thụ/ cơ sở khai thác:
  + Mục I: Lấy từ chỉ tiêu [4]
  + Mục II: NNT tự nhập
- Cột (3) - Mã số thuế:
  + Mục I: Lấy từ chỉ tiêu [4]
  + Mục II: NNT tự nhập và kiểm tra đúng cấu trúc MST
- Địa bàn hoạt động sản suất, kinh doanh: bao gồm cột (4), (5)
  - (Cột 4) Huyện: Chọn trong danh mục huyện thuộc tỉnh
  - (Cột 5) Tỉnh: Chọn trong danh mục 63 tỉnh
  - (Cột 6) Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ: NNT không do Cục Thuế DNL quản lý thì để trống; NNT do Cục Thuế DNL quản lý thì nhận giá trị VP Cục.
  - (Cột 7) Tên loại than : Chọn trong danh mục chỉ bao gồm than, tên loại than phải được kê khai trên tờ khai chính
  - (Cột 8) Sản lượng than tiêu thụ nội địa trong kỳ (tấn:
    - Mục I: Chỉ nhập tại các dòng con của đơn vị tiêu thụ/cơ sở khai thác, Nhập số >0, định dạng x,xxxxxx
    - Mục II: Lấy giá trị từ I của loại than tương ứng, không cho sửa
  - (Cột 9) Tổng sản lượng than tiêu thụ trong kỳ (tấn):
    - Mục I: Chỉ nhập tại các dòng con của đơn vị tiêu thụ/cơ sở khai thác, nhập số >0, định dạng x,xxxxxx
    - Mục II: Lấy giá trị từ I của loại than tương ứng, không cho sửa
  - (Cột 10) Tỷ lệ % sản lượng than tiêu thụ nội địa trong kỳ (%):

- Mục I: Chỉ nhập tại các dòng con của đơn vị tiêu thụ/cơ sở khai thác, UD tự động tính: (10)=(8)/(9), không cho phép sửa
- Mục II: Lấy giá trị từ I của loại than tương ứng, không cho sửa

- (Cột 11) Sản lượng than mua của các đơn vị tại tỉnh nơi có than khai thác trong kỳ (tấn):
  - Mục I: Chỉ nhập tại các dòng con của đơn vị tiêu thụ/cơ sở khai thác, nhập số >0, định dạng x,xxxxxx
  - Mục II: Tổng số các dòng cùng loại của mục II = cùng loại mục I
- (Cột 12) Sản lượng tính thuế (tấn): UD tự động tính: (12)=(10)*(11), không cho phép sửa
- (Cột 13) Mức thuế bảo vệ môi trường (đồng/tấn): Hiển thị tự động theo loại than đã hiển thị tại cột (7). Trường hợp không loại than không có giá trị mức thuế BVMT thì cho phép người dùng nhập
- (Cột 14) Số thuế BVMT phải nộp cho từng tỉnh:
  - Tại từng dòng con của đơn vị tiêu thụ/cơ sở khai thác thì UD tự động tính: (14)=(12)*(13)
  - Tại dòng đơn vị tiêu thụ/cơ sở khai thác: UD tính bằng tổng cột (14) của các dòng con thuộc đơn vị tiêu thụ/cơ sở khai thác.
- Tổng cộng theo từng tỉnh: UD xác định tổng số thuế BVMT của từng hàng hóa theo từng tỉnh
- Tổng cộng: UD xác định sản lượng tính thuế của từng hàng hóa. UD xác định tổng số thuế BVMT phải nộp của từng hàng hóa, xác định tổng số thuế BVMT của tất cả các hàng hóa.

3.10.1.1.2 Phụ lục 01-2/TBVMT (Bảng xác định số thuế bảo vệ môi trường phải nộp đối với xăng dầu)



PHỤ LỤC

BẢNG PHÂN BỔ SỐ THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHẢI NỘP ĐỐI VỚI XĂNG DẦU

(Kèm theo Tờ khai thuế bảo vệ môi trường mẫu số 01/TBVMT)

[01] Kỳ tính thuế: [x] Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

STT	Loại	Tên doanh nghiệp/ đơn vị phụ thuộc	Mã số thuế	Địa bàn hoạt động sản suất, kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ		Tên mặt hàng xăng dầu	Đơn vị tính	Sản lượng xăng dầu do doanh nghiệp/ đơn vị phụ thuộc bán ra thuộc đối tượng phải kê khai, tính thuế BVMT	Tỷ lệ phân bổ (%)	Số thuế BVMT phải nộp tại từng tỉnh
				Tỉnh	Huyện	Cơ quan thuế quản lý cấp Cục	Cơ quan thuế quản lý cấp Chi Cục					
(1)		(2)	(3)	(5)	(4)	(6)		(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1												0
1.1										0,00	0	0
		Tổng cộng theo từng tỉnh										
1												0
1.1												0
		TỔNG CỘNG										0
1										0	0	0

+ (Cột 2) Tên doanh nghiệp/ đơn vị phụ thuộc:
  - Mục 1: Lấy từ chỉ tiêu [4]
  - Mục 2, 3: NNT tự nhập
+ (Cột 3) Mã số thuế:
  - Mục 1: Lấy từ chỉ tiêu [4]
  - Mục 2, 3: NNT tự nhập, kiểm tra đúng cấu trúc MST
+ (Cột 4) Huyện: Chọn trong danh mục

+ (Cột 5) Tỉnh: Chọn trong danh mục 63 Tỉnh/Thành phố

+ (Cột 6) Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ: NNT không do Cục Thuế DNL quản lý thì để trống. NNT do Cục Thuế DNL quản lý thì nhận giá trị VP Cục.

+ (Cột 7) Tên mặt hàng xăng dầu: Chỉ là xăng dầu và phải kê khai trên tờ khai chính.

- Chỉ nhập tại các dòng con của đơn vị tiêu thụ/cơ sở khai thác
- Chọn trong danh mục

+ (Cột 8) Đơn vị tính:Hiển thị theo tên mặt hàng tại cột (7)

+ (Cột 9) Sản lượng xăng dầu do doanh nghiệp/ đơn vị phụ thuộc bán ra thuộc đối tượng phải kê khai, tính thuế BVMT:- Chỉ nhập tại các dòng con của đơn vị tiêu thụ/cơ sở khai thác. Nhập số >0, định dạng x,xxxxxx

+ (Cột 10) Tỷ lệ phân bổ (%): UD tính [10] = (ct [9] trên bảng kê)/ (ct [4] trên tờ khai). Kiểm tra tổng tỷ lệ phân bổ của 1 mặt hàng = 100%

+ (Cột 11) Số thuế BVMT phải nộp tại từng tỉnh:

- Tại từng dòng con của trụ sở chính/chi nhánh thì UD tự động tính: [11] = (ct [10] trên bảng kê) * (ct [7]) trên tờ khai
- Tại dòng trụ sở chính/chi nhánh: UD tính bằng tổng cột (11) của các dòng con thuộc trụ sở chính/chi nhánh

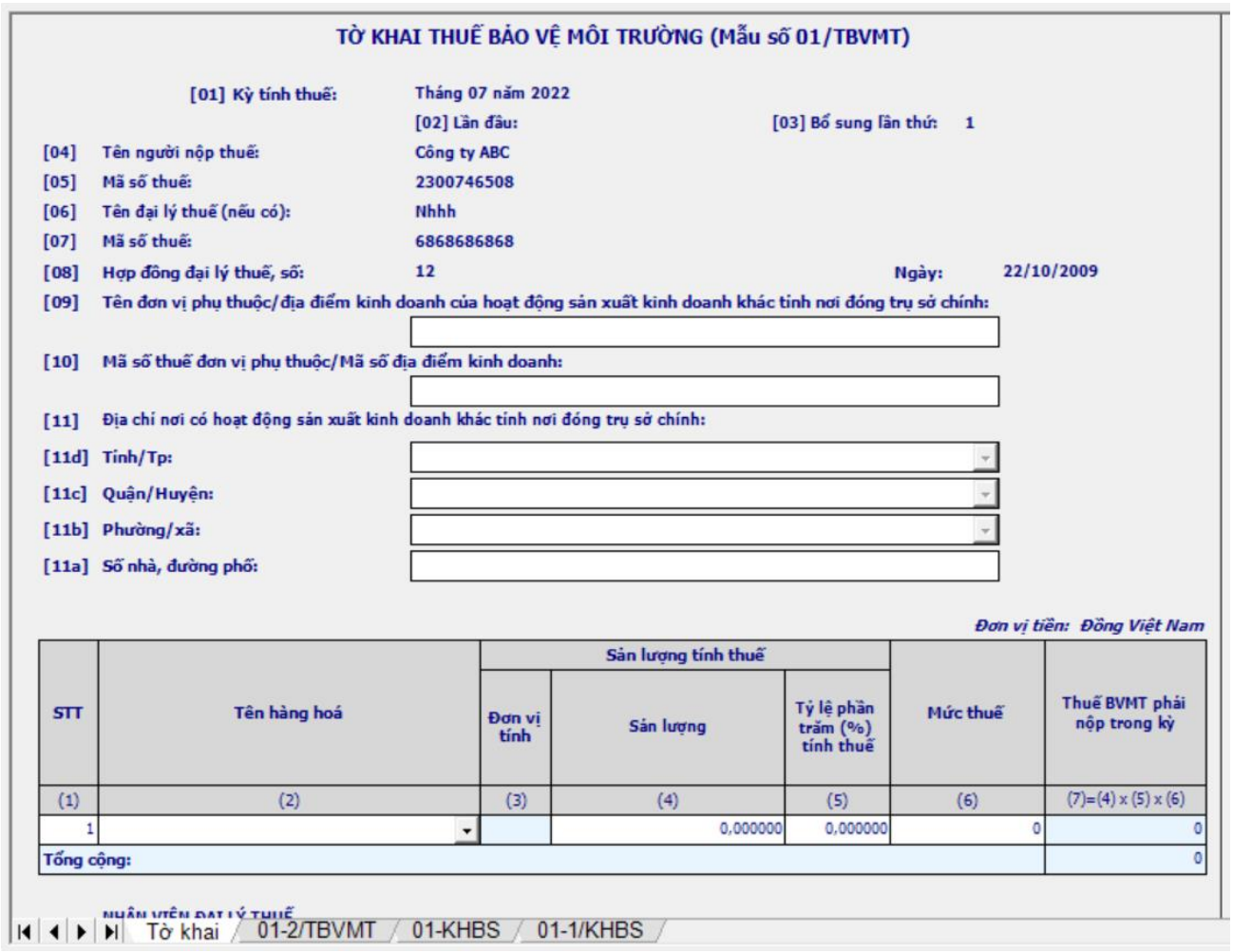
+ Tổng cộng theo tỉnh:UD xác định tổng số thuế BVMT của từng hàng hóa theo từng tỉnh

+ Tổng cộng:

- UD xác định tổng sản lượng xăng dầu do doanh nghiệp/đơn vị phụ thuộc bán ra thuộc đối tượng phải kê khai, tính thuế BVMT đối với từng hàng hóa.
- UD xác định tổng số thuế BVMT phải nộp của từng hàng hóa, xác định tổng số thuế BVMT của tất cả các hàng hóa.

3.10.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS"



TỜ KHAI THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (Mẫu số 01/TBVMT)

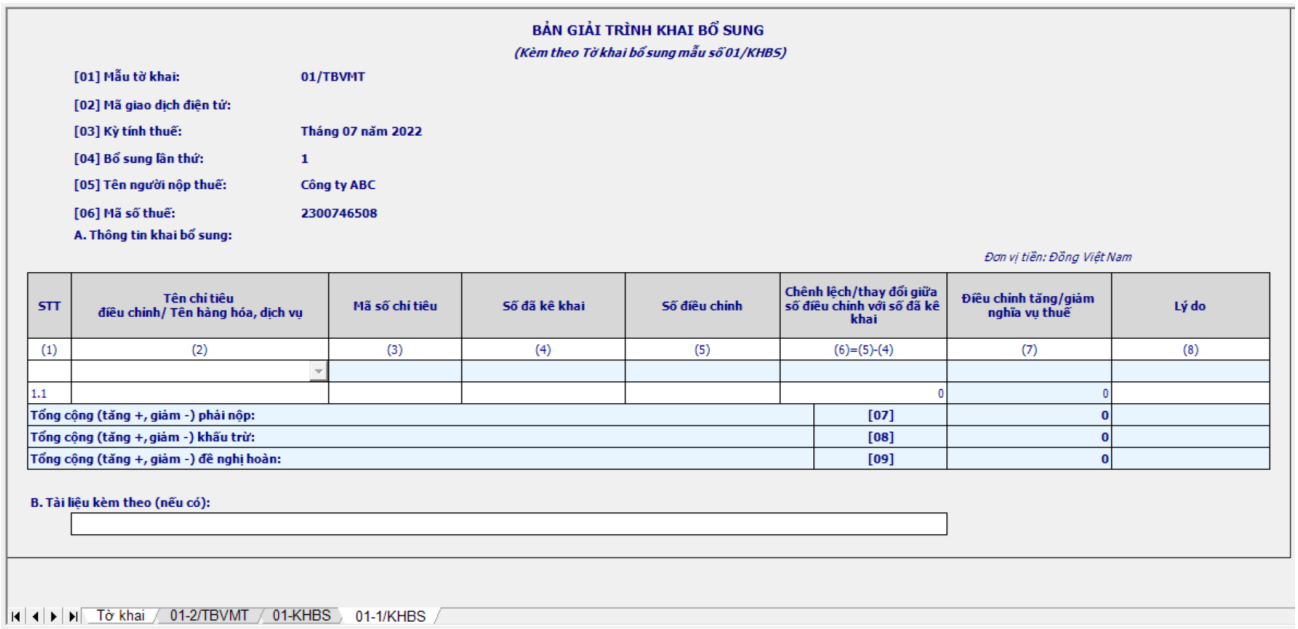
[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022
[02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ: 1
[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[05] Mã số thuế: 2300746508
[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh
[07] Mã số thuế: 6868686868
[08] Hợp đồng đại lý thuế, số: 12 Ngày: 22/10/2009
[09] Tên đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:
[10] Mã số thuế đơn vị phụ thuộc/Mã số địa điểm kinh doanh:
[11] Địa chỉ nơi có hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:
[11d] Tỉnh/Tp:
[11c] Quận/Huyện:
[11b] Phường/xã:
[11a] Số nhà, đường phố:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên hàng hoá	Sản lượng tính thuế			Mức thuế	Thuế BVMT phải nộp trong kỳ
		Đơn vị tính	Sản lượng	Tỷ lệ phần trăm (%) tính thuế		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4) x (5) x (6)
1			0,000000	0,000000	0	0
Tổng cộng:						0

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Tờ khai | 01-2/TBVMT | 01-KHBS | 01-1/KHBS



BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG
(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 01/TBVMT
[02] Mã giao dịch điện tử:
[03] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022
[04] Bổ sung lần thứ: 1
[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[06] Mã số thuế: 2300746508
A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

Tờ khai | 01-2/TBVMT | 01-KHBS | 01-1/KHBS

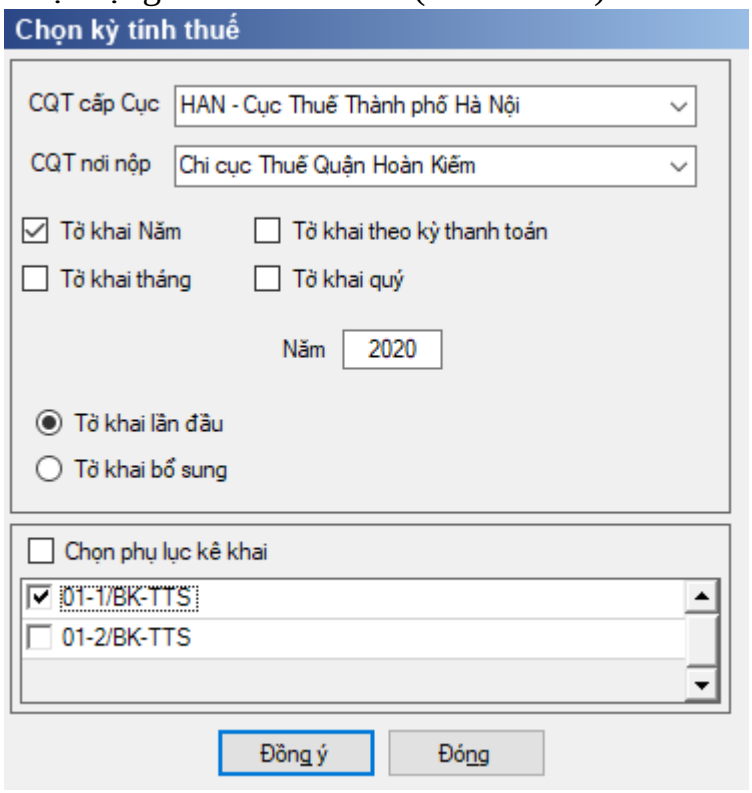
- Kê khai điều chỉnh bổ sung cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.11 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai thuế khoán và cho thuê tài sản

3.11.1 Tờ khai thuế đối với hoạt động thuê tài sản (01/TTS) đáp ứng mẫu biểu theo Thông tư số 40/2021/TT-BTC

Cách gọi:

– Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Khoán và thuê tài sản" chọn "01/TTS Tờ khai đối với hoạt động cho thuê tài sản (TT40/2021).



– Hiệu lực từ ngày 01/01/2022

– Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:

+ Cơ quan thuế nộp tờ khai: Chọn cơ quan thuế nộp tờ khai là nơi phát sinh tài sản cho thuê

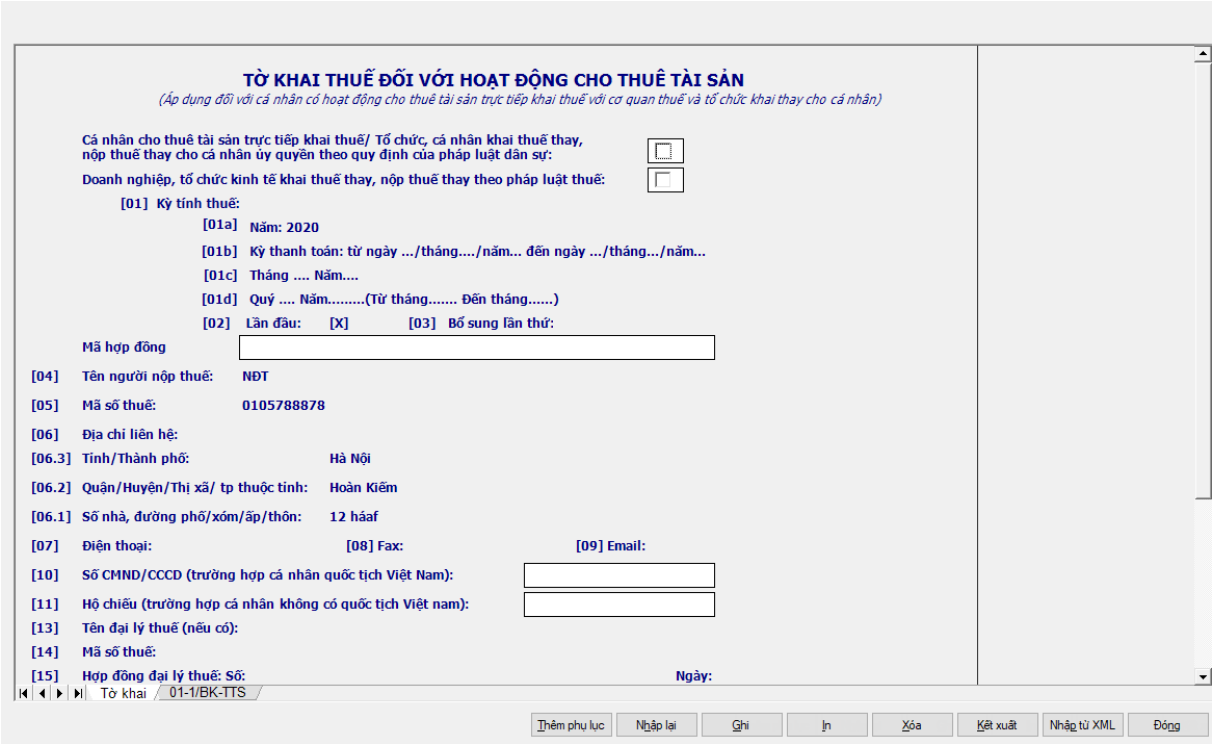
+ Nhập kỳ tính thuế: Cho phép NSD chọn kỳ tính thuế theo năm hoặc theo Kỳ thanh toán

- Kỳ tính thuế theo năm: mặc định là năm hiện tại -1, cho phép sửa, nhưng không được lớn hơn năm hiện tại.
- Kỳ tính thuế theo kỳ thanh toán: Từ ngày/ tháng/ năm …. Đến ngày/ tháng/ năm: nhập theo đúng dạng DD/MM/YYYY, kiểm tra Từ ngày không được lớn hơn ngày hiện tại và Đến ngày >= từ ngày
- Kỳ tính thuế theo Tháng: Nhập theo định dạng mm/yyyy
- Kỳ tính thuế theo Quý: Định dạng Q/yyyy
- Kiểm tra ràng buộc: Phải có ít nhất 1 kỳ thanh toán trên bảng kê trùng khớp với kỳ kê khai trên tờ khai

+ Kê khai tờ khai theo mọi kỳ tính thuế

+ Trạng thái tờ khai gồm Tờ khai lần đầu hoặc Tờ khai bổ sung.

+ Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai 01/TTS như sau:



– Chi tiết các chỉ tiêu như sau:

1. TH1: Trường hợp tích chọn "Cá nhân cho thuê tài sản trực tiếp khai thuế/ Tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân ủy quyền theo quy định của pháp luật dân sự

NGUYÊN TẮC CHUNG

- Chỉ cho phép tích chọn khi kê khai theo loại kỳ sau:
  + [01a] Năm
  + [01b] Kỳ thanh toán (Từ ngày – đến ngày)
- Bảng kê đính kèm: Bảng kê 01-1/BK-TTS
- Tờ khai theo kỳ thanh toán chỉ cho phép kê khai 1 Hợp đồng
- MST đăng nhập hệ thống là MST của NNT
- 1 MST chỉ nộp 1 tờ khai chính thức trong 1 KTT tại 1 CQT

Thông tin	Yêu cầu chi tiết
Kỳ tính thuế	- Hiển thị theo thông tin kỳ tính thuế đã nhập tại màn hình nhập kỳ tính thuế - Không cho sửa
Loại tờ khai	- Hiển thị thông tin theo loại tờ khai đã chọn ngoài màn hình kỳ tính thuế
Mã hợp đồng	Chỉ có giá trị đối với tờ khai lần phát sinh. - Hiển thị theo mã hợp đồng nhập trên phụ lục

Thông tin	Yêu cầu chi tiết
	- Cho phép sửa, kiểm tra đúng định dạng cấu trúc mã hợp đồng
[04] Người nộp thuế	Hiển thị theo thông tin MST đăng nhập hệ thống Không cho sửa
[05] Mã số thuế	Hiển thị theo thông tin MST đăng nhập hệ thống
[06] Địa chỉ liên hệ	- Địa chỉ chi tiết: Lấy theo thông tin MST, không cho sửa - Quận/Huyện: Lấy theo thông tin MST, không cho sửa - Tỉnh/Thành phố: Lấy theo thông tin MST, không cho sửa
[07] Điện thoại	Hiển thị theo thông tin MST đăng nhập hệ thống Không cho sửa
[08] Fax	Hiển thị theo thông tin MST đăng nhập hệ thống Không cho sửa
[09] Email	Hiển thị theo thông tin MST đăng nhập hệ thống Không cho sửa
[10] Số CMND (trường hợp cá nhân quốc tịch Việt Nam)	- Cho phép NNT nhập dạng text
[11] Hộ chiếu (trường hợp cá nhân không có quốc tịch Việt Nam)	- Cho phép NNT nhập dạng text
[12] Trường hợp cá nhân kinh doanh chưa đăng ký thuế thì khai thêm các thông tin sau:	Không cho nhập
[13] Tên đại lý thuế (nếu có)	Hiển thị theo thông tin MST đăng nhập hệ thống Không cho sửa
[14] Mã số thuế	Hiển thị theo thông tin MST đăng nhập hệ thống

Thông tin	Yêu cầu chi tiết
	Không cho sửa
[15] Hợp đồng đại lý thuế: Số… Ngày	Hiển thị theo thông tin MST đăng nhập hệ thống Không cho sửa
[16] Tổ chức khai, nộp thuế thay (nếu có)	- Cho phép NNT nhập dạng text - Đối với cụm chỉ tiêu [16], [17], [18] nếu đã nhập 1 chỉ tiêu thì bắt buộc nhập cả 3 chỉ tiêu
[17] Mã số thuế	- Cho phép NNT nhập, kiểm tra cấu trúc MST - Đối với cụm chỉ tiêu [16], [17], [18] nếu đã nhập 1 chỉ tiêu thì bắt buộc nhập cả 3 chỉ tiêu
[18] Địa chỉ	- Cho phép NNT nhập text - Đối với cụm chỉ tiêu [16], [17], [18] nếu đã nhập 1 chỉ tiêu thì bắt buộc nhập cả 3 chỉ tiêu
[19] Điện thoại	- Cho phép NNT nhập text
[20] Fax	- Cho phép NNT nhập text
[21] Email	- Cho phép NNT nhập text
[22] Văn bản uỷ quyền (nếu có): Số… ngày…tháng…năm…	- "Số": Cho phép nhập text - "Ngày: cho phép nhập theo đúng định dạng dd/mm/yyyy
[23] Tổng doanh thu phát sinh trong kỳ	- Nếu chọn [01a] (khai theo năm): [23] = chỉ tiêu [21] của dòng kỳ thanh toán trên bảng kê 01-1 có ngày bắt đầu của kỳ thanh toán thuộc với năm kê khai - Nếu chọn [01b] (khai theo kỳ thanh toán): [23] = chỉ tiêu [21] trên bảng kê 01-1 của kỳ thanh toán trùng với [01b]
[24] Tổng doanh thu tính thuế	- Nếu chọn [01a] (khai theo năm): [24] = tổng chỉ tiêu [24] của dòng kỳ thanh toán trên bảng kê 01-1 có ngày bắt đầu kỳ thanh toán thuộc năm kê khai - Nếu chọn [01b]: [24] = chỉ tiêu [24] trên bảng kê 01-1 có kỳ thanh toán trùng với [01b] - Nếu đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24 thì

Thông tin	Yêu cầu chi tiết
	[24] >= Tổng cột (3) trên PL_GiamThue_GTGT_23_24 - Nếu đính kèm PL 142/2024/QH15 thì [24] >= Tổng cột (3) trên PL 142/2024/QH15 - Chỉ tiêu [24] phải >= [23]
[25] Tổng số thuế GTGT phải nộp	- UD tính [25] = chỉ tiêu [24] * 5%, không cho sửa - Định dạng số nguyên - Nếu đính kèm PL 43/2022/QH15 thì: [25] = [24]*5% - Tổng cột (6) trên PL 43/2022/QH15 - Nếu đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24: [25] = [24]*5% - Tổng cột (6) trên PL_GiamThue_GTGT_23_24 - Nếu đính kèm PL 43/2022/QH15 và PL_GiamThue_GTGT_23_24 thì: [25] = [24]*5% - Tổng cột (6) trên PL_GiamThue_GTGT_23_24 - Tổng cột (6) trên PL 43/2022/QH15 - Nếu đính kèm PL 142/2024/QH15 thì [25] = = [24]*5% - Tổng cột (6) trên PL NQ 142/2024/QH15
[26] Tổng số thuế TNCN phát sinh trong kỳ	- UD tính [25] = chỉ tiêu [24] * 5%, không cho sửa - Định dạng số nguyên
[27] Tiền phạt, bồi thường mà bên cho thuê nhận được theo thoả thuận tại hợp đồng (nếu có)	- Cho phép nhập dạng số nguyên >=0, tối đa 15 số
[28] Tổng số thuế TNCN phải nộp từ nhận tiền phạt, bồi thường (nếu có)	- UD tính [28] = [27] * 5%, không cho sửa - Định dạng số nguyên
[29] Tổng số thuế	- UD tính [29]=[26]+[28], không cho sửa

Thông tin	Yêu cầu chi tiết
TNCN phải nộp	

2. TH2: Trường hợp tích chọn "Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khai thuế thay, nộp thuế thay theo pháp luật thuế"

NGUYÊN TẮC CHUNG

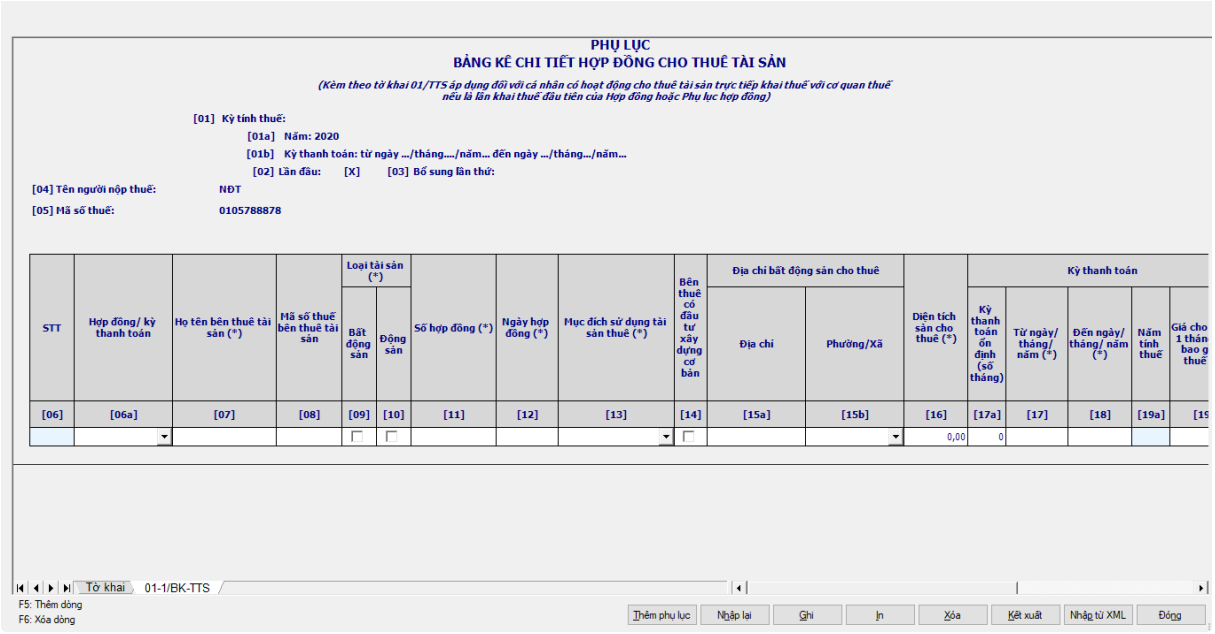
- Chỉ cho phép tích chọn khi kê khai theo loại kỳ sau:
  + [01a] Năm
  + [01b] Kỳ thanh toán (Từ ngày – đến ngày)
  + [01c] Tháng
  + [01d] Quý (Từ tháng – Đến tháng)
- Bắt buộc đính kèm bảng kê 01-2
- Tờ khai theo kỳ thanh toán chỉ cho phép kê khai 1 Hợp đồng
- MST đăng nhập hệ thống là MST của Tổ chức khai thay (theo pháp luật thuế)
- 1 MST chỉ nộp 1 tờ khai chính thức trong 1 KTT tháng/Quý/Năm tại 1 CQT

Thông tin	Yêu cầu chi tiết
Kỳ tính thuế	- Hiển thị theo thông tin kỳ tính thuế đã nhập tại màn hình nhập kỳ tính thuế - Không cho sửa
Loại tờ khai	- Hiển thị thông tin theo loại tờ khai đã chọn ngoài màn hình kỳ tính thuế
Mã hợp đồng	Chỉ có giá trị đối với tờ khai lần phát sinh. - Hiển thị theo mã hợp đồng nhập trên phụ lục - Cho phép sửa, kiểm tra đúng định dạng cấu trúc mã hợp đồng
Chỉ tiêu [4] -> [12k]	Khóa không cho nhập
[13] Tên đại lý thuế (nếu có)	Hiển thị theo thông tin Đại lý thuế của MST đăng nhập hệ thống
[14] Mã số thuế	Hiển thị theo thông tin Đại lý thuế của MST đăng nhập hệ thống

Thông tin	Yêu cầu chi tiết
[15] Hợp đồng đại lý thuế: Số… Ngày	Hiển thị theo thông tin Đại lý thuế của MST đăng nhập hệ thống
Chỉ tiêu [16] -> [22]: Thông tin về tổ chức khai, nộp thuế thay (nếu có)	Hiển thị theo MST đăng nhập hệ thống
[23] Tổng doanh thu phát sinh trong kỳ	- Nếu chọn [01a]: [23] = tổng chỉ tiêu [23] trên bảng kê 01-2 có ngày bắt đầu của kỳ thanh toán thuộc năm kê khai của tất cả các cá nhân - Nếu chọn [01b]: [23] = chỉ tiêu [23] trên bảng kê 01-2 của kỳ thanh toán trùng với [01b] (trùng cả từ kỳ, đến kỳ) - Nếu chọn [01c]: [23] = tổng chỉ tiêu [23] trên các dòng là kỳ thanh toán trên bảng kê 01-2 của các cá nhân có ngày bắt đầu của kỳ thanh toán thuộc tháng kê khai VD kê khai tháng 3/2021, có ngày bắt đầu của kỳ thanh toán thuộc tháng 3 (10/3/2021 -> 31/12/2022) thì tính vào tháng 3, và tính toàn bộ kỳ thanh toán vắt năm từ 10/3/2021 -> 31/12/2022 - Nếu chọn [01d]: [23] = tổng chỉ tiêu [23] trên bảng kê 01-2 của các cá nhân có ngày bắt đầu của kỳ thanh toán thuộc quý kê khai - Nếu đính kèm PL 43/2022/QH15 thì [23] phải >= Tổng cột (3) trên PL 101/2023/QH15
[24] Tổng doanh thu tính thuế	- Nếu chọn [01a] thì [24] = tổng các dòng [26] là kỳ thanh toán trên bảng kê 01-2 có ngày bắt đầu kỳ thanh toán thuộc năm kê khai - Nếu chọn [01b]: [24] = chỉ tiêu [26] trên bảng kê 01-2 có kỳ thanh toán trùng với [01b] - Nếu chọn [01c] thì [24] = tổng các dòng [26] là kỳ thanh toán trên bảng kê 01-2 có ngày bắt đầu kỳ thanh toán thuộc tháng kê khai

Thông tin	Yêu cầu chi tiết
	- Nếu chọn [01d] thì [24] = tổng các dòng [26] là kỳ thanh toán trên bảng kê 01-2 có ngày bắt đầu kỳ thanh toán thuộc quý kê khai - Nếu đính kèm PL 101/2023/QH15 thì [24] >= Tổng cột (3) trên PL 101/2023/QH15 - Chỉ tiêu [24] phải >= [23]
[25] Tổng số thuế GTGT phải nộp	- UD tính [25] = chỉ tiêu [24] * 5%, không cho sửa - Định dạng số nguyên - Nếu đính kèm PL 43/2022/QH15 thì: [25] = [24]*5% - Tổng cột (6) trên PL 43/2022/QH15 - Nếu đính kèm PL 101/2023/QH15 thì: [25] = [24]*5% - Tổng cột (6) trên PL 101/2023/QH15 - Nếu đính kèm PL 43/2022/QH15 và PL 101/2023/QH15 thì: [25] = [24]*5% - Tổng cột (6) trên PL 101/2023/QH15 - Tổng cột (6) trên PL 43/2022/QH15
[26] Tổng số thuế TNCN phát sinh trong kỳ	- UD tính [25] = chỉ tiêu [24] * 5%, không cho sửa - Định dạng số nguyên
[27] Tiền phạt, bồi thường mà bên cho thuê nhận được theo thoả thuận tại hợp đồng (nếu có)	- Cho phép nhập dạng số nguyên >=0, tối đa 15 số
[28] Tổng số thuế TNCN phải nộp từ nhận tiền phạt, bồi thường (nếu có)	- UD tính [28] = [27] * 5%, không cho sửa - Định dạng số nguyên
[29] Tổng số thuế TNCN phải nộp	- UD tính [29]=[26]+[28], không cho sửa

3.11.1.1 Phụ lục 01-1/TTS: Bảng kê chi tiết hợp đồng cho thuê tài sản



NGUYÊN TẮC CHUNG:

- Nếu tờ khai kê khai theo Kỳ thanh toán thì trên bảng kê chỉ cho phép kê khai 1 hợp đồng duy nhất, nếu NNT kê khai > 1 hợp đồng thì ứng dụng đưa ra thông báo " Trường hợp có nhiều hợp đồng thì kê khai theo tờ khai năm" và không cho phép kê khai nhiều hợp đồng
- Nếu kê khai tờ khai theo năm thì trên bảng kê cho phép kê khai 1 hoặc nhiều hợp đồng

Thông tin	Yêu cầu chi tiết
STT	UD tự động sinh STT theo nguyên tắc: - Dòng mô tả hợp đồng: Danh mục cấp 1, ví dụ: 1,2,3,….. - Dòng mô tả kỳ thanh toán: Danh mục cấp 2, ví dụ: 1.2, 1.2, 1.3, …..
[06a] Hợp đồng/ kỳ thanh toán	- Chọn trong danh mục gồm các giá trị: + Hợp đồng + Trả tiền 1 lần cho cả hợp đồng • Nếu tích chọn thì Hỗ trợ lấy thông tin kỳ thanh toán từ HĐ xuống, vẫn tách dòng nếu kê khai vắt năm + Kỳ thanh toán + Kỳ thanh toán cuối cùng: • Chỉ cho phép chọn 1 lần đối với 1 HĐ - Bắt buộc chọn
[07] Họ tên bên thuê tài sản	- NNT nhập text, bắt buộc nhập đối với dòng mô tả hợp đồng - Tối đa 200 ký tự
[08] Mã số thuế bên thuê tài sản	- Cho phép NNT nhập. - Kiểm tra đúng cấu trúc MST
[09] Bất động sản	- Dạng Checkbox, bắt buộc tích [09] hoặc [10] với dòng

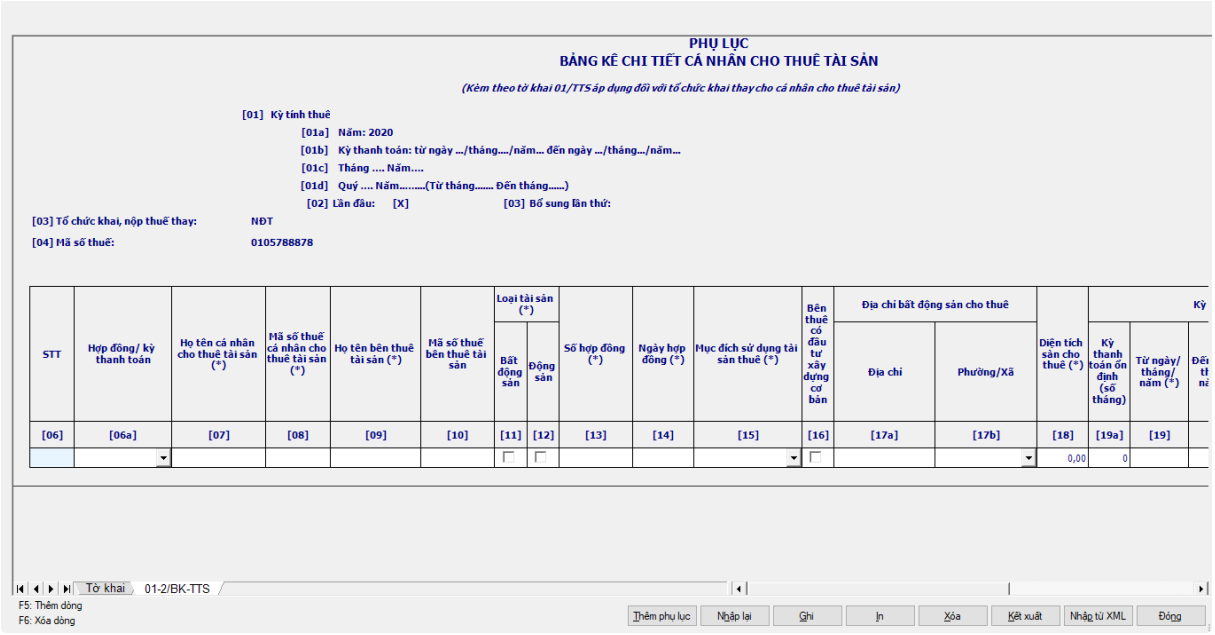
Thông tin	Yêu cầu chi tiết
	mô tả hợp đồng
[10] Động sản	- Dạng Checkbox, bắt buộc tích [09] hoặc [10] với dòng mô tả hợp đồng
[11] Số hợp đồng	- NNT nhập text, bắt buộc nhập - Tối đa 50 ký tự
[12] Ngày hợp đồng	- Nhập dạng dd/mm/yyyy, bắt buộc nhập với dòng mô tả hợp đồng
[13] Mục đích sử dụng tài sản thuê	Bắt buộc nhập đối với các dòng mô tả hợp đồng và có tích chỉ tiêu [09] Chọn trong danh mục bao gồm: - Kinh doanh nhà hàng – mã 01 - Kinh doanh khách sạn – mã 02 - Kinh doanh dịch vụ - mã 03 - Siêu thị - mã 04 - Văn phòng – mã 05 - Để ở - mã 06 - Cửa hàng – mã 07 - Kho tàng, bến bãi – mã 08 - Đặt biển quảng cáo, đặt trạm thiết bị - mã 09 - Địa điểm sản xuất – mã 10 - Xây dựng – mã 11 - Khác – mã 12
[14] Bên thuê có đầu tư xây dựng cơ bản	- Cho phép NNT tích/bỏ tích chọn
[15] Địa chỉ bất động sản cho thuê	- Bắt buộc nhập khi tích chọn [9] - Tách thành 2 cột: + [15a] Địa chỉ: Nhập dạng text, tối đa 200 ký tự + [15b] Phường/xã: Chọn trong danh mục phường/xã nơi có tài sản cho thuê (Là các phường/xã thuộc CQT nơi có tài sản cho thuê đã chọn tại màn hình kỳ tính thuế)
[16] Diện tích sàn cho thuê	- Cho phép nhập theo định dạng x,xx - Bắt buộc với dòng mô tả hợp đồng và tích chọn [9]
[17a] Kỳ thanh toán ổn định (Số tháng)	- Nhập số tự nhiên (tối đa 2 số) - Nếu nhập kỳ thanh toán ổn định -> sinh ra các kỳ thanh toán tương ứng và cho phép sửa "Từ ngày", "Đến ngày", "Giá" và không kiểm tra ràng buộc với chỉ tiêu [17a]
[17] Từ ngày/ tháng/ năm	- Nhập dạng dd/mm/yyyy, bắt buộc nhập - Kiểm tra từ ngày/ tháng/ năm của kỳ thanh toán tiếp theo phải liên tiếp với Đến ngày/ tháng/ năm của kỳ thanh toán trước đó, nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ “Trong cùng một hợp đồng các kỳ thanh toán phải liên tiếp nhau”

Thông tin	Yêu cầu chi tiết
[18] Đến ngày/ tháng/ năm	- Nhập dạng dd/mm/yyyy, bắt buộc nhập - Kiểm tra Đến ngày/ tháng/ năm >= Từ ngày/ tháng/ năm, nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ "Đến ngày/ tháng/ năm phải >= Từ ngày/ tháng/ năm"
[19a] Năm tính thuế	- Không cho phép nhập. Hệ thống chỉ hỗ trợ xác định đối với các dòng thanh toán - Trường hợp không vắt năm: UD tự sinh lấy theo năm của cột [17], [18] - Trường hợp vắt năm: Để trống cột [19a] tại dòng kỳ thanh toán và sinh dòng theo từng năm
[19] Giá cho thuê 1 tháng đã bao gồm thuế	- Bắt buộc đối với Kỳ thanh toán, bắt buộc với dòng HĐ nếu dòng hợp đồng có [17a] - Nhập số - Đối với dòng là HĐ thì có thể nhập hoặc không nhập - Trường hợp vắt năm: Tại các dòng tách, Hiển thị theo giá trị đã nhập tại kỳ thanh toán tương ứng, không cho sửa giá trị.
[20] Số tháng cho thuê của hợp đồng	- Chỉ hiển thị đối với các dòng là HĐ và hỗ trợ tính theo công thức cũ ([20] = [18] – [17]), cho phép sửa. - Kiểm tra nếu lẻ 15 trở xuống thì tròn xuống. Nếu lẻ 15 trở lên thì tròn lên (theo nguyên tắc số học)
[21] Tổng giá trị hợp đồng	- Là trường bắt buộc - Hiển thị tại tất cả các dòng - Đối với dòng là hợp đồng: Tính bằng tổng giá trị của các kỳ thanh toán, cho sửa - Các dòng là kỳ thanh toán thì cho phép sửa - Đối với kỳ thanh toán vắt năm: Dòng kỳ thanh toán bằng tổng các dòng UD hỗ trợ tự sinh - Đối với dòng kỳ thanh toán không vắt năm và dòng UD hỗ trợ tự sinh thì tính theo công thức, làm tròn đến đơn vị đồng **+ TH1**: **Nếu kỳ thanh toán là tròn từ tháng, tròn đến tháng** (VD: Từ ngày: bắt đầu từ 01, đến ngày kết thúc vào ngày cuối tháng): [21] = [(tháng đến – tháng từ) + 1] * [19] + **TH2: Nếu kỳ thanh toán là tròn tháng nhưng từ tháng không bắt đầu từ ngày 01 và đến tháng không kết thúc vào ngày cuối tháng** (VD: Từ 13/01 đến 12/07) và (Ngày của <Từ tháng> – Ngày của <Đến tháng> = 1): [21] = (Đến tháng - Từ tháng) * [19]. **+ TH3: Khi tách năm của kỳ thanh toán do kỳ thanh toán vắt năm** (>12 tháng), tổng thời gian kỳ thanh toán là tròn số tháng:

Thông tin	Yêu cầu chi tiết
	• Nếu kỳ thanh toán là lẻ từ tháng (không bắt đầu từ ngày 01 của tháng), tròn đến tháng (ngày cuối cùng của tháng): [21] = {(tháng đến– tháng từ) + [(ngày cuối tháng từ - ngày tháng từ + 1)/ [(ngày cuối tháng từ của năm đầu - ngày tháng từ của năm đầu +1) + (ngày tháng đến của năm cuối)]} * [19] • Nếu kỳ thanh toán là tròn từ tháng, lẻ đến tháng: [21] = {(tháng đến – tháng từ) + [ngày tháng đến/(ngày cuối tháng từ của năm đầu - ngày tháng từ của năm đầu +1) + (ngày tháng đến của năm cuối)]} * [19] **+ TH4: Nếu kỳ thanh toán là lẻ từ tháng, lẻ đến tháng và [số ngày của (Từ tháng - Đến tháng) > 1]**: [21] = {(tháng đến – tháng từ) - [(ngày tháng từ - ngày tháng đến - 1)/ngày cuối tháng đến]} * [19] **+ TH5: Nếu kỳ thanh toán là lẻ Từ tháng, lẻ Đến tháng và [số ngày của (Từ tháng - Đến tháng) < 1]**: [21] = {(tháng đến – tháng từ) + [(ngày tháng đến - ngày tháng từ + 1)/ngày cuối tháng đến]} * [19] **+ TH6.1: Lẻ tháng từ, tròn tháng đến, và [(ngày tháng từ - ngày tháng đến) < 1**: [21] = {(tháng đến – tháng từ) + [(ngày tháng đến – ngày tháng từ)/ngày cuối tháng đến]}* [19] + **TH6.2: Tròn tháng từ, lẻ tháng đến, và [(ngày tháng từ - ngày tháng đến) < 1**: [21] = {(tháng đến – tháng từ) + (ngày tháng đến/ngày cuối tháng đến)}* [19]
[22] Doanh thu bình quân tháng của hợp đồng	- [22] = ([21] tại dòng HĐ)/[20] - Hiển thị tại tất cả các dòng, các dòng cùng 1 HĐ thì có giá trị giống nhau - Là trường bắt buộc
[22a] Tổng doanh thu phát sinh trong năm	- [22a] chỉ được hỗ trợ tính trên các dòng có năm tính thuế - Các dòng có cùng thông tin năm tính thuế thì [22a] giống nhau và được tính theo công thức = tổng [21] của năm tính thuế tương ứng của các HĐ, cho phép sửa nhưng kiểm tra cùng năm tính thuế phải có giá trị giống nhau
[23] Cá nhân thuộc diện phải nộp thuế	- Dạng checkbox - Xét trên từng dòng là kỳ thanh toán - Dòng HĐ thì cho phép NNT tự tích, nếu tích vào dòng đấy thì tất cả dòng là kỳ thanh toán đều sẽ tích - Đối với dòng kỳ thanh toán: Nếu [22a] > 100.000.000 đồng => tự động tích, không cho bỏ tích - Đối với dòng kỳ thanh toán: Nếu [22a] <= 100.000.000 đồng => không tự tích, cho phép tích chọn - Đối với TH kỳ thanh toán vắt năm:

Thông tin	Yêu cầu chi tiết
	+ Nếu các dòng con đều được tích -> thì dòng kỳ thanh toán vắt năm sẽ tích + Nếu 1 trong các dòng con không tích -> thì dòng kỳ thanh toán vắt năm không tích
[24] Doanh thu tính thuế trong kỳ	[23] có tích thì tính [24] = [21] tại các dòng kỳ thanh toán, cho phép sửa. Tại dòng hợp đồng = tổng [24] của các kỳ, cho sửa
[25] Số thuế GTGT phải nộp	[25] = [24] * 5%, không cho sửa Định dạng số nguyên
[26] Số thuế TNCN phải nộp	[26] = [24] * 5%, không cho sửa Định dạng số nguyên
[27] Trạng thái hợp đồng	Bắt buộc chọn 1 trong 3 trạng thái: - Hợp đồng khai lần đầu - Hợp đồng đã khai có thay đổi - Hợp đồng đã khai không thay đổi
[28] Mã hợp đồng	Là trường bắt buộc - Nếu Trạng thái hợp đồng [27] là Hợp đồng đã khai có thay đổi hoặc Hợp đồng đã khai không thay đổi thì UD bắt buộc nhập mã hợp đồng, kiểm tra cấu trúc Mã hợp đồng - Nếu trạng thái hợp đồng là Hợp đồng khai lần đầu thì ứng dụng hỗ trợ tự động sinh mã hợp đồng theo nguyên tắc: Mã hợp đồng = M1M2M3M4M5_N1N2N3N4N5N6N7N8N9N10 N11N12N13_DDMMYYYY_L1L2. Trong đó: + M1M2M3M4M5 là Mã CQT quản lý nơi có tài sản cho thuê + N1N2N3N4N5N6N7N8N9N10N11N12N13 là MST cá nhân cho thuê tài sản (với mã 10 số thì thêm 3 số 0 ở cuối) + DDMMYYYY là Kỳ thanh toán từ: Là Kỳ thanh toán từ ngày/tháng/năm nhỏ nhất của hợp đồng + L1L2: Tương ứng với thứ tự hợp đồng

3.11.1.2 Phụ lục 01-2/TTS: Bảng kê chi tiết cá nhân cho thuê tài sản



- Số thứ tự: Ứng dụng hỗ trợ tự tăng theo nguyên tắc
  + Dòng mô tả hợp đồng: Danh mục cấp 1, ví dụ: 1,2,3,…..
  + Dòng mô tả kỳ thanh toán: Danh mục cấp 2, ví dụ: 1.2, 1.2, 1.3, …..

[06a] Hợp đồng/ kỳ thanh toán	- Chọn trong danh mục gồm các giá trị: + Hợp đồng + Trả tiền 1 lần cho cả hợp đồng • Nếu tích chọn thì Hỗ trợ lấy thông tin kỳ thanh toán từ HĐ xuống, vẫn tách dòng nếu kê khai vắt năm + Kỳ thanh toán + Kỳ thanh toán cuối cùng: • Chỉ cho phép chọn 1 lần đối với 1 HĐ - Bắt buộc chọn
[07] Họ tên cá nhân cho thuê tài sản	- NNT nhập text, bắt buộc nhập đối với dòng mô tả hợp đồng - Tối đa 200 ký tự
[08] Mã số thuế cá nhân cho thuê tài sản	- Cho phép NNT nhập. - Kiểm tra đúng cấu trúc MST - Bắt buộc nhập
[09] Họ tên bên thuê tài sản	- NNT nhập text, bắt buộc nhập đối với dòng mô tả hợp đồng - Tối đa 200 ký tự
[10] Mã số thuế bên thuê tài sản	- Cho phép NNT nhập. - Kiểm tra đúng cấu trúc MST
[11] Bất động sản	- Dạng Checkbox, bắt buộc tích [11] hoặc [12] với dòng mô tả hợp đồng
[12] Động sản	- Dạng Checkbox, bắt buộc tích [11] hoặc [12] với dòng mô tả hợp đồng

[13] Số hợp đồng	- NNT nhập text, bắt buộc nhập - Tối đa 50 ký tự
[14] Ngày hợp đồng	- Nhập dạng dd/mm/yyyy, bắt buộc nhập với dòng mô tả hợp đồng
[15] Mục đích sử dụng tài sản thuê	Bắt buộc nhập đối với các dòng mô tả hợp đồng và có tích chỉ tiêu [11] Chọn trong danh mục bao gồm: - Kinh doanh nhà hàng – mã 01 - Kinh doanh khách sạn – mã 02 - Kinh doanh dịch vụ - mã 03 - Siêu thị - mã 04 - Văn phòng – mã 05 - Để ở - mã 06 - Cửa hàng – mã 07 - Kho tàng, bến bãi – mã 08 - Đặt biển quảng cáo, đặt trạm thiết bị - mã 09 - Địa điểm sản xuất – mã 10 - Xây dựng – mã 11 - Khác – mã 12
[16] Bên thuê có đầu tư xây dựng cơ bản	- Cho phép NNT tích/bỏ tích chọn
[17] Địa chỉ bất động sản cho thuê	- Bắt buộc nhập khi tích chọn [11] - Tách thành 2 cột: + [17a] Địa chỉ: Nhập dạng text, tối đa 200 ký tự + [17b] Phường/xã: Chọn trong danh mục phường/xã nơi có tài sản cho thuê (Là các phường/xã thuộc CQT nơi có tài sản cho thuê đã chọn tại màn hình kỳ tính thuế)
[18] Diện tích sàn cho thuê	- Cho phép nhập theo định dạng x,xx - Bắt buộc với dòng mô tả hợp đồng và tích chọn [11]
[19a] Kỳ thanh toán ổn định (Số tháng)	- Nhập số tự nhiên (tối đa 2 số) - Nếu nhập kỳ thanh toán ổn định -> sinh ra các kỳ thanh toán tương ứng và cho phép sửa "Từ ngày", "Đến ngày", "Giá" và không kiểm tra ràng buộc với chỉ tiêu [19a]
[19] Từ ngày/ tháng/ năm	- Nhập dạng dd/mm/yyyy, bắt buộc nhập - Kiểm tra từ ngày/ tháng/ năm của kỳ thanh toán tiếp theo phải liên tiếp với Đến ngày/ tháng/ năm của kỳ thanh toán trước đó, nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ “Trong cùng một hợp đồng các kỳ thanh toán phải liên tiếp nhau”
[20] Đến ngày/ tháng/ năm	- Nhập dạng dd/mm/yyyy, bắt buộc nhập - Kiểm tra Đến ngày/ tháng/ năm >= Từ ngày/ tháng/ năm, nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ “Đến ngày/ tháng/ năm phải >= Từ ngày/ tháng/ năm”

[20a] Năm tính thuế	- Không cho phép nhập. Hệ thống chỉ hỗ trợ xác định đối với các dòng thanh toán - Trường hợp không vắt năm: UD tự sinh lấy theo năm của cột [19], [20] - Trường hợp vắt năm: Để trống cột [20a] tại dòng kỳ thanh toán và sinh dòng theo từng năm
[21] Giá cho thuê 1 tháng đã bao gồm thuế	- Bắt buộc đối với Kỳ thanh toán, bắt buộc với dòng HĐ nếu dòng hợp đồng có [19a] - Nhập số >0 - Đối với dòng là HĐ thì có thể nhập hoặc không nhập - Trường hợp vắt năm: Tại các dòng tách không cho sửa giá trị.
[22] Số tháng cho thuê của hợp đồng	- Chỉ hiển thị đối với các dòng là HĐ và hỗ trợ tính theo công thức cũ ([22] = [20] – [19]), cho phép sửa. - Kiểm tra nếu lẻ 15 trở xuống thì tròn xuống. Nếu lẻ 15 trở lên thì tròn lên (theo nguyên tắc số học)
[23]Tổng giá trị hợp đồng	- Là trường bắt buộc - Hiển thị tại tất cả các dòng - Đối với dòng là hợp đồng: Tính bằng tổng giá trị của các kỳ thanh toán, cho sửa - Các dòng là kỳ thanh toán thì cho phép sửa - Đối với kỳ thanh toán vắt năm: Dòng kỳ thanh toán bằng tổng các dòng UD hỗ trợ tự sinh - Đối với dòng kỳ thanh toán không vắt năm và dòng UD hỗ trợ tự sinh thì tính theo công thức, làm tròn đến đơn vị đồng **+ TH1**: **Nếu kỳ thanh toán là tròn từ tháng, tròn đến tháng** (VD: Từ ngày: bắt đầu từ 01, đến ngày kết thúc vào ngày cuối tháng): [23] = [(tháng đến – tháng từ) + 1] * [21] + **TH2: Nếu kỳ thanh toán là tròn tháng nhưng từ tháng không bắt đầu từ ngày 01 và đến tháng không kết thúc vào ngày cuối tháng** (VD: Từ 13/01 đến 12/07) và (Ngày của <Từ tháng> – Ngày của <Đến tháng> = 1): [23] = (Đến tháng - Từ tháng) * [21]. **+ TH3: Khi tách năm của kỳ thanh toán do kỳ thanh toán vắt năm** (>12 tháng), tổng thời gian kỳ thanh toán là tròn số tháng: • Nếu kỳ thanh toán là lẻ từ tháng (không bắt đầu từ ngày 01 của tháng), tròn đến tháng (ngày cuối cùng của tháng): [23] = {(tháng đến– tháng từ) + [(ngày cuối tháng từ - ngày tháng từ + 1)/ [(ngày cuối tháng từ của năm đầu - ngày tháng từ của năm đầu +1) + (ngày tháng đến của năm cuối)]} * [21]

	• Nếu kỳ thanh toán là tròn từ tháng, lẻ đến tháng: [23] = {(tháng đến – tháng từ) + [ngày tháng đến/(ngày cuối tháng từ của năm đầu - ngày tháng từ của năm đầu +1) + (ngày tháng đến của năm cuối)]} * [21] **+ TH4: Nếu kỳ thanh toán là lẻ từ tháng, lẻ đến tháng và [số ngày của (Từ tháng - Đến tháng) > 1]**: [23] = {(tháng đến – tháng từ) - [(ngày tháng từ - ngày tháng đến - 1)/ngày cuối tháng đến]} * [21] **+ TH5: Nếu kỳ thanh toán là lẻ Từ tháng, lẻ Đến tháng và [số ngày của (Từ tháng - Đến tháng) < 1]**: [23] = {(tháng đến – tháng từ) + [(ngày tháng đến - ngày tháng từ + 1)/ngày cuối tháng đến]} * [21] **+ TH6.1: Lẻ tháng từ, tròn tháng đến, và [(ngày tháng từ - ngày tháng đến) < 1**: [23] = {(tháng đến – tháng từ) + [(ngày tháng đến – ngày tháng từ)/ngày cuối tháng đến]}* [21] + **TH6.2: Tròn tháng từ, lẻ tháng đến, và [(ngày tháng từ - ngày tháng đến) < 1**: [23] = {(tháng đến – tháng từ) + (ngày tháng đến/ngày cuối tháng đến)}* [21]
[24] Doanh thu bình quân tháng của hợp đồng	- [24] = ([23] tại dòng HĐ)/[22] - Hiển thị tại tất cả các dòng, các dòng cùng 1 HĐ thì có giá trị giống nhau - Là trường bắt buộc
[24a] Tổng doanh thu phát sinh trong năm của từng cá nhân	- [24a] chỉ được hỗ trợ tính trên các dòng có năm tính thuế - Các dòng có cùng thông tin năm tính thuế thì [24a] giống nhau và được tính theo công thức = tổng [23] của năm tính thuế tương ứng của các HĐ, cho phép sửa nhưng kiểm tra cùng năm tính thuế phải có giá trị giống nhau
[25] Cá nhân thuộc diện phải nộp thuế	- Nguyên tắc xác định đối với từng cá nhân cột [08] - Dạng checkbox - Xét trên từng dòng là kỳ thanh toán - Dòng HĐ thì cho phép NNT tự tích, nếu tích vào dòng đấy thì tất cả dòng là kỳ thanh toán đều sẽ tích - Đối với dòng kỳ thanh toán: Nếu [24a] > 100 triệu => tự động tích, không cho bỏ tích - Đối với dòng kỳ thanh toán: Nếu [24a] <= 100 triệu thì không tự động tích, cho phép tích chọn - Đối với TH kỳ thanh toán vắt năm: + Nếu các dòng con đều được tích -> thì dòng kỳ thanh toán vắt năm sẽ tích + Nếu 1 trong các dòng con không tích -> thì dòng kỳ thanh toán vắt năm không tích

[26] Doanh thu tính thuế trong kỳ	[25] có tích thì tính [26] = [23] tại các dòng kỳ thanh toán, cho phép sửa. Tại dòng hợp đồng = tổng [26] của các kỳ, cho sửa
[27] Số thuế GTGT phải nộp	[27] = [26] * 5%, không cho sửa Định dạng số nguyên
[28] Số thuế TNCN phải nộp	[27] = [26] * 5%, không cho sửa Định dạng số nguyên
[29] Trạng thái hợp đồng	Bắt buộc chọn 1 trong 3 trạng thái: - Hợp đồng khai lần đầu - Hợp đồng đã khai có thay đổi - Hợp đồng đã khai không thay đổi
[30] Mã hợp đồng	Là trường bắt buộc - Nếu Trạng thái hợp đồng [27] là Hợp đồng đã khai có thay đổi hoặc Hợp đồng đã khai không thay đổi thì UD bắt buộc nhập mã hợp đồng, kiểm tra cấu trúc Mã hợp đồng - Nếu trạng thái hợp đồng là Hợp đồng khai lần đầu thì ứng dụng hỗ trợ tự động sinh mã hợp đồng theo nguyên tắc: Mã hợp đồng = M1M2M3M4M5_N1N2N3N4N5N6N7N8N9N10 N11N12N13_DDMMYYYY_L1L2. Trong đó: + M1M2M3M4M5 là Mã CQT quản lý nơi có tài sản cho thuê + N1N2N3N4N5N6N7N8N9N10N11N12N13 là MST cá nhân cho thuê tài sản (với mã 10 số thì thêm 3 số 0 ở cuối) + DDMMYYYY là Kỳ thanh toán từ: Là Kỳ thanh toán từ ngày/tháng/năm nhỏ nhất của hợp đồng + L1L2: Tương ứng với thứ tự hợp đồng

3.11.1.3 Phụ lục giảm thuế GTGT theo Nghị quyết số 43/2022/QH15

- Cho phép đính kèm PL 43/2022/QH15 đối với các kỳ kê khai sau:

+ Kỳ lần thanh toán: "Từ kỳ thanh toán" đến "Đến kỳ thanh toán" có giao với khoảng thời gian từ 01/02/2022 đến 31/12/2022

+ Kỳ tháng: Từ tháng 02/2022 đến tháng 12/2022

+ Kỳ quý: Quý 1/2022, quý 4/2022

- Các chỉ tiêu chi tiết trên phụ lục:

+ (2) Tên hàng hóa, dịch vụ: Bắt buộc nhập

+ (3) Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế: Bắt buộc nhập số >0

+ (4) Tỷ lệ tính thuế GTGT theo quy định: Mặc định là 5%

+ (5) Tỷ lệ tính thuế GTGT sau giảm: (5)=(4)x80%

+ (6) Thuế GTGT được giảm: (6)=(3)x[(4)-(5)]

3.11.1.4 Phụ lục giảm thuế GTGT PL_GiamThue_GTGT_23_24 (đáp ứng Nghị quyết số 101/2023/QH15 và Nghị quyết số 110/2023/QH15)

- Cho phép đính kèm PL 101/2023/QH15 đối với các kỳ kê khai sau:

+ Kỳ lần thanh toán: "Từ kỳ thanh toán" đến "Đến kỳ thanh toán" có giao với khoảng thời gian từ 01/07/2023 đến 30/06/2024

+ Kỳ tháng: Từ tháng 07/2023 đến tháng 06/2024

+ Kỳ quý: Quý 3/2024 đến quý 2/2024

- Các chỉ tiêu chi tiết trên phụ lục:

+ (2) Tên hàng hóa, dịch vụ: Bắt buộc nhập

+ (3) Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế: Bắt buộc nhập số >0

+ (4) Tỷ lệ tính thuế GTGT theo quy định: Mặc định là 5%

+ (5) Tỷ lệ tính thuế GTGT sau giảm: (5)=(4)x80%

+ (6) Thuế GTGT được giảm: (6)=(3)x[(4)-(5)]

3.11.1.5 Phụ lục giảm thuế GTGT PL 142/2024/QH15 - 174/2024/QH15 (đáp ứng Nghị quyết số 142/2024/QH15 và Nghị quyết số 174/2024/QH15)

- Cho phép đính kèm PL 142/2024/QH15 - 174/2024/QH15 đối với các kỳ kê khai sau:

+ Kỳ lần thanh toán: "Từ kỳ thanh toán" đến "Đến kỳ thanh toán" có giao với khoảng thời gian từ 01/07/2024 đến 30/06/2025

+ Kỳ tháng: Từ tháng 07/2024 đến tháng 06/2025

+ Kỳ quý: Quý 3/2024 đến quý 2/2025

- Các chỉ tiêu chi tiết trên phụ lục:

+ I. Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% *(áp dụng cho người nộp thuế kê khai theo phương pháp khấu trừ thuế):* Không nhập mục này

+ II. Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ

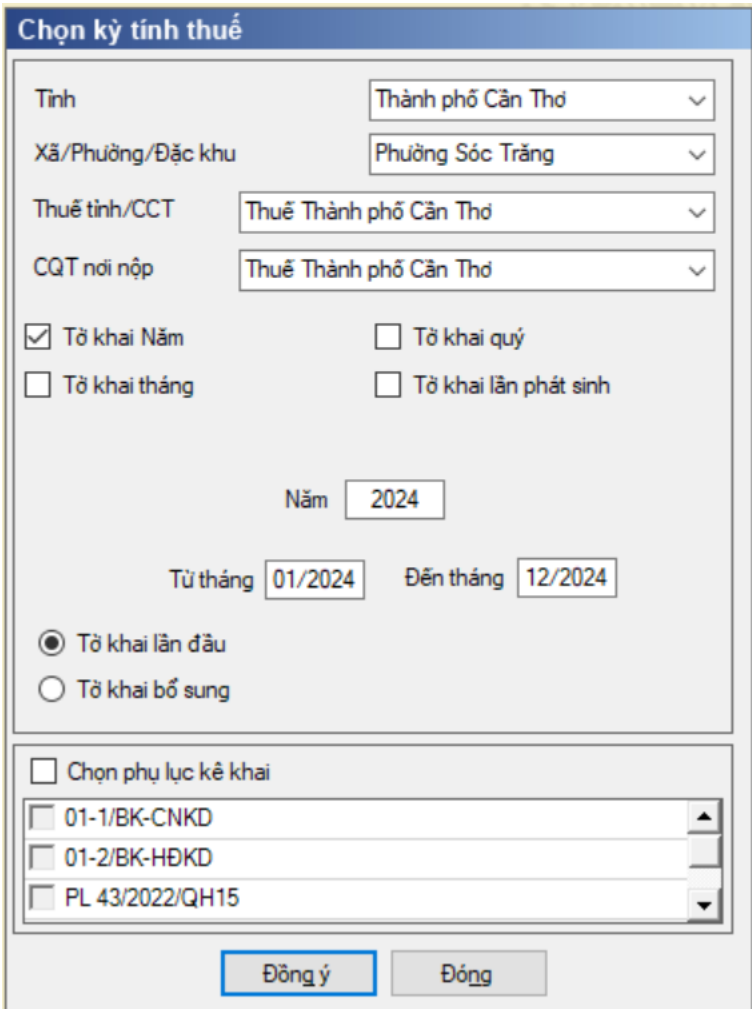
- (2) Tên hàng hóa, dịch vụ: Bắt buộc nhập
- (3) Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế: Bắt buộc nhập số >0
- (4) Tỷ lệ tính thuế GTGT theo quy định: mặc định là 5%
- (5) Tỷ lệ tính thuế GTGT sau giảm: (5)=(4)x80% = 4%
- (6) Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra được giảm: (6)=(3)x[(4)-(5)]
- [07] Tổng cộng Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế: UD tính = tổng cột (3)
- [08] Tổng cộng Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra được giảm: UD tính = tổng cột (6)

+ III. Chênh lệch thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ bán ra và mua vào trong kỳ được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8%: [09] = [08] – [06]

3.11.2Tờ khai thuế đối với cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh (01/CNKD) đáp ứng mẫu biểu theo Thông tư số 40/2021/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế khoán và thuê tài sản" chọn "Tờ 01/CNKD khai quyết toán của cá nhân (TT40/2021)



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như:

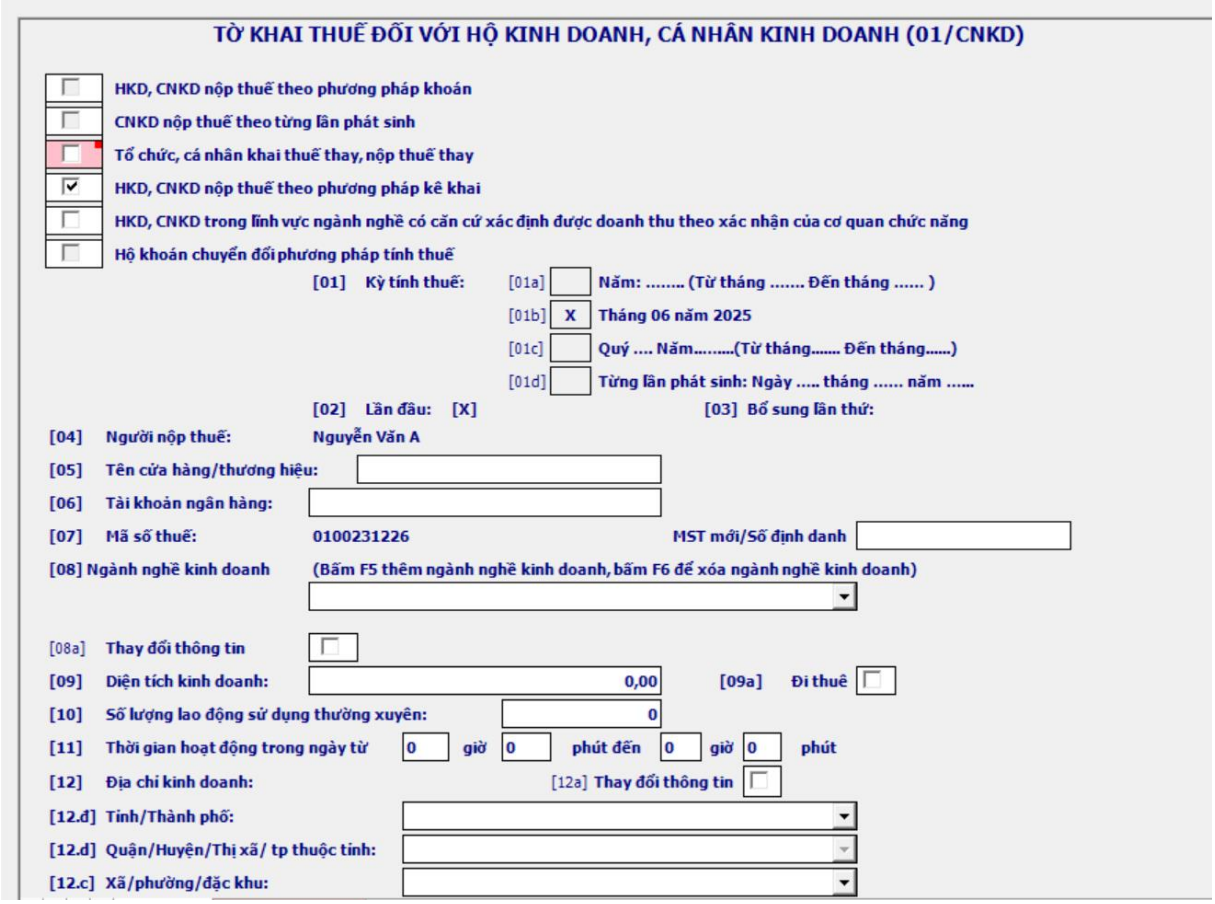
+ Cơ quan thuế:

- Đối với tờ khai năm: Chỉ cho phép nộp tại CQT quản lý
- Đối với tờ khai tháng/quý/lần phát sinh: Cho phép nộp tờ khai khác CQT quản lý

+ Kỳ tính thuế:

- Bao gồm 4 loại kỳ kê khai:
  - Kỳ tính thuế **Năm (Từ tháng – Đến tháng)**: Từ tháng – đến tháng: mặc định là từ tháng 1 đến tháng 12 thuộc năm kê khai. Cho phép sửa, kiểm tra từ tháng <= đến tháng. Từ tháng phải thuộc Năm kê khai.
  - Kỳ tính thuế **Tháng/quý**:
    - Mặc định là tháng/ quý hiện tại – 1
    - 1 NNT tại 1 CQT kỳ tính thuế tháng quý ko được giao nhau
    - Không được lớn hơn tháng/quý hiện tại. Đối với kỳ quý "Đến tháng" trong kỳ quý có thể lớn hơn tháng hiện tại
  - Kỳ tính thuế theo **lần phát sinh**: Mặc định là ngày hiện tại, cho sửa

+ Loại tờ khai: Chọn tờ khai lần đầu hoặc bổ sung (Mặc định là tờ khai lần đầu). Nếu chọn tờ khai bổ sung thì sẽ có thêm điều kiện nhập lần bổ sung



+ Ràng buộc giữa 6 nút tích hình thức kê khai:
  - Chỉ được tích đồng thời các trường hợp sau: (1) & (6), (4) & (5)
  - Không được phép kê khai khi chỉ tích chọn (5)
  - Không được phép kê khai khi chỉ tích chọn (6)
+ Ràng buộc giữa 6 nút tích hình thức kê khai với kỳ tính thuế:
  - Nếu chọn kỳ tính thuế năm thì cho phép tích chọn hình thức kê khai (1)
  - Nếu chọn kỳ tính thuế tháng/quý thì cho phép tích chọn hình thức kê khai (3), (4)
  - Nếu chọn kỳ tính thuế LPS thì cho phép tích chọn hình thức kê khai (2), (3)
+ Ràng buộc với PL đính kèm:
  - Nếu tích chọn hình thức kê khai là (3) thì bắt buộc đính kèm **PL 01-1/BK-HĐKD**
  - Nếu tích chọn hình thức kê khai là (4) thì bắt buộc đính kèm **PL 01-2/BK-HĐKD** (Đối với TH tích đồng thời (4) & (5) thì không bắt buộc đính kèm PL
  - Các trường hợp khác không cho đính kèm bảng kê

3.11.2.1 TH1: Nếu tích chọn (1), (2), (4)

Thông tin	Yêu cầu chi tiết
[04] Người nộp thuế	- Nếu có tích chọn 1 trong các hình thức kê khai (1), (2), (4): Hiển thị theo thông tin MST đăng nhập hệ thống.

Thông tin	Yêu cầu chi tiết
	Không cho sửa
[05] Tên cửa hàng/thương hiệu	NNT nhập dạng text
[06] Tài khoản ngân hàng	NNT nhập dạng text
[07] Mã số thuế	- Nếu có tích chọn 1 trong các hình thức kê khai (1), (2), (4) thì Hiển thị theo thông tin MST đăng nhập hệ thống. Không cho sửa
MST mới/Số định danh	- Nếu tích chọn "Tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay" thì không nhập chỉ tiêu này - Nếu không tích "Tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay" thì bắt buộc nhập + Nếu là cá nhân trong nước thì nhập số định danh 12 số + Nếu là cá nhân nước ngoài thì nhập MST 10, 13 số
[08] Ngành nghề kinh doanh	- Chọn trong danh mục ngành nghề kinh doanh cấp 4 - Cho phép nhập nhiều dòng
[08a] Thay đổi thông tin	Cho phép tích/bỏ tích chọn
[09] Diện tích kinh doanh	Cho phép nhập kiểu số, định dạng x,xx
[09a] Đi thuê	Cho phép tích/bỏ tích chọn
[10] Số lượng lao động sử dụng thường xuyên	Nhập số nguyên dương, nhập tối đa 05 ký tự.
[11] Thời gian hoạt động trong ngày từ…….giờ đến……giờ	Nhập số nguyên dương từ 0 – 24
[12] Địa chỉ kinh doanh	
[12a] Thay đổi thông tin	Cho phép tích/bỏ tích chọn
[12b] Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn	Nhập tối đa 100 ký tự Bắt buộc nhập
[12c] Phường/Xã/Thị trấn	Chọn trong danh mục Phường/Xã/Thị trấn Bắt buộc chọn
[12d] Quận/Huyện/Thị xã/ Thành phố thuộc tỉnh	Chọn trong danh mục Quận/Huyện/Thị xã/ Thành phố thuộc tỉnh Bắt buộc chọn
[12đ] Tỉnh/Thành phố	Chọn trong danh mục Tỉnh/Thành phố Bắt buộc chọn

Thông tin	Yêu cầu chi tiết
[12e] Kinh doanh tại chợ biên giới	Cho phép tích/bỏ tích chọn
[13] Địa chỉ cư trú	
[13a] Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn	Nhập tối đa 150 ký tự
[13b] Phường/Xã/Thị trấn	Chọn trong danh mục Phường/Xã/Thị trấn
[13c] Quận/Huyện/Thị xã/ Thành phố thuộc tỉnh	Chọn trong danh mục Quận/Huyện/Thị xã/ Thành phố thuộc tỉnh
[13d] Tỉnh/Thành phố	Chọn trong danh mục Tỉnh/Thành phố
[14] Điện thoại	- Nếu có tích chọn 1 trong các hình thức kê khai (1), (2), (4) thì Hiển thị theo thông tin MST đăng nhập hệ thống
[15] Fax	- Nếu có tích chọn 1 trong các hình thức kê khai (1), (2), (4) thì Hiển thị theo thông tin MST đăng nhập hệ thống
[16] Email	- Nếu có tích chọn 1 trong các hình thức kê khai (1), (2), (4) thì Hiển thị theo thông tin MST đăng nhập hệ thống
[17] Văn bản uỷ quyền khai thuế (nếu có) ngày …… tháng….năm..	Cho phép nhập dạng text 400 ký tự Ngày/tháng/năm nhập định dạng dd/mm/yyyy
[18] Trường hợp cá nhân kinh doanh chưa đăng ký thuế thì khai thêm các thông tin sau	Khóa không cho nhập.
[19] Tên đại lý thuế (nếu có)	Hiển thị theo thông tin MST đăng nhập hệ thống Không cho sửa
[20] Mã số thuế:	Hiển thị theo thông tin MST đăng nhập hệ thống Không cho sửa
[21] Hợp đồng đại lý thuế: Số…Ngày	Hiển thị theo thông tin MST đăng nhập hệ thống Không cho sửa
[22] Tên của tổ chức khai thay (nếu có)	- Nếu tích hình thức kê khai (1) thì khóa - Cho phép NNT nhập dạng text - Đối với cụm chỉ tiêu [22], [23], [24] nếu đã nhập 1 chỉ tiêu thì bắt buộc nhập cả 3 chỉ tiêu
[23] Mã số thuế	- Nếu tích hình thức kê khai (1) thì khóa - Cho phép NNT nhập dạng text

Thông tin	Yêu cầu chi tiết
	- Đối với cụm chỉ tiêu [22], [23], [24] nếu đã nhập 1 chỉ tiêu thì bắt buộc nhập cả 3 chỉ tiêu
[24] Địa chỉ	- Nếu tích hình thức kê khai (1) thì khóa - Cho phép NNT nhập dạng text - Đối với cụm chỉ tiêu [22], [23], [24] nếu đã nhập 1 chỉ tiêu thì bắt buộc nhập cả 3 chỉ tiêu
[25] Điện thoại	- Cho phép NNT nhập text - Nếu tích hình thức kê khai (1) thì khóa
[26] Fax	- Cho phép NNT nhập text - Nếu tích hình thức kê khai (1) thì khóa
[27] Email	- Cho phép NNT nhập text - Nếu tích hình thức kê khai (1) thì khóa

3.11.2.2 TH2: Nếu tích chọn (3)

Thông tin	Yêu cầu chi tiết	Ghi chú
- **Nếu tích chọn hình thức kê khai là (3)**: thì khóa các chỉ tiêu [4] -> [16]: Không có giá trị, không cho nhập		
[04] Người nộp thuế	Không có giá trị, không cho nhập	
[05] Tên cửa hàng/thương hiệu	Không có giá trị, không cho nhập	
[06] Tài khoản ngân hàng	Không có giá trị, không cho nhập	
[07] Mã số thuế	Không có giá trị, không cho nhập	
[08] Ngành nghề kinh doanh	Không có giá trị, không cho nhập	
[08a] Thay đổi thông tin	Không có giá trị, không cho nhập	
[09] Diện tích kinh doanh	Không có giá trị, không cho nhập	
[09a] Đi thuê	Không có giá trị, không cho nhập	
[10] Số lượng	Không có giá trị, không cho nhập	

Thông tin	Yêu cầu chi tiết	Ghi chú
lao động sử dụng thường xuyên		
[11] Thời gian hoạt động trong ngày từ…….giờ đến……giờ	Không có giá trị, không cho nhập	
[12] Địa chỉ kinh doanh		
[12a] Thay đổi thông tin	Không có giá trị, không cho nhập	
[12b] Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn	Không có giá trị, không cho nhập	
[12c] Phường/Xã/Thị trấn	Không có giá trị, không cho nhập	
[12d] Quận/Huyện/Thị xã/ Thành phố thuộc tỉnh	Không có giá trị, không cho nhập	
[12đ] Tỉnh/Thành phố	Không có giá trị, không cho nhập	
[12e] Kinh doanh tại chợ biên giới	Không có giá trị, không cho nhập	
[13] Địa chỉ cư trú		
[13a] Số nhà,	Không có giá trị, không cho nhập	

Thông tin	Yêu cầu chi tiết	Ghi chú
đường phố/xóm/ấp/thôn		
[13b] Phường/Xã/Thị trấn	Không có giá trị, không cho nhập	
[13c] Quận/Huyện/Thị xã/ Thành phố thuộc tỉnh	Không có giá trị, không cho nhập	
[13d] Tỉnh/Thành phố	Không có giá trị, không cho nhập	
[14] Điện thoại	Không có giá trị, không cho nhập	
[15] Fax	Không có giá trị, không cho nhập	
[16] Email	Không có giá trị, không cho nhập	
[17] Văn bản uỷ quyền khai thuế (nếu có) ngày …… tháng….năm..	Cho phép nhập dạng text 400 ký tự Ngày/tháng/năm nhập định dạng dd/mm/yyyy	
[18] Trường hợp cá nhân kinh doanh chưa đăng ký thuế thì khai thêm các thông tin sau	Khóa không cho nhập.	
[19] Tên đại lý thuế (nếu có)	Hiển thị theo thông tin MST đăng nhập hệ thống Không cho sửa	

Thông tin	Yêu cầu chi tiết	Ghi chú
[20] Mã số thuế:	Hiển thị theo thông tin MST đăng nhập hệ thống Không cho sửa	
[21] Hợp đồng đại lý thuế: Số…Ngày	Hiển thị theo thông tin MST đăng nhập hệ thống Không cho sửa	

- **Thông tin chi tiết trên tờ khai:**

Thông tin	Yêu cầu chi tiết	Ghi chú
A. KÊ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (GTGT), THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (TNCN)		
1. Phân phối, cung cấp hàng hóa [28]		
Doanh thu – Thuế GTGT (a)	- Lấy từ chỉ tiêu [09] trên bảng kê 01-1 có cùng nhóm ngành nghề, cho phép sửa - Nếu tờ khai không đính kèm bảng kê 01-1 thì cho phép nhập số >0 - Nếu đính kèm PL 142/2024/QH15 thì [28a] phải >= chỉ tiêu (3) Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế trên PL NQ 142/2024/QH15 tương ứng với thuế suất 1% - Nếu đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24 thì [28a] phải >= chỉ tiêu (3) Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế trên PL NQ 101/2023/QH15 tương ứng với thuế suất 1%	
Số thuế - Thuế GTGT (b)	- Nếu không đính kèm PL giảm thuế GTGT: [28b] = [28a] *1% - Nếu đính kèm PL 142/2024/QH15 thì: [28b] = [28a]*1% - Tổng cột (6) mục II tương ứng với thuế suất 1% trên PL NQ 142/2024/QH15 - Nếu đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24: [28b] = [28a]*1% - Tổng cột (6) Thuế GTGT được giảm tương ứng với thuế suất 1% trên PL NQ 101/2023/QH15	

Thông tin	Yêu cầu chi tiết	Ghi chú
	- Không cho sửa	
Doanh thu - Thuế TNCN (c)	- Lấy từ chỉ tiêu [09] trên bảng kê 01-1 có cùng nhóm ngành nghề, cho phép sửa - Nếu tờ khai không đính kèm bảng kê 01-1 thì cho phép nhập số >0	
Số thuế - Thuế TNCN (d)	- UD tính theo công thức [28d] = [28c] *0.5% - Không cho sửa	
2. Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu [29]		
Doanh thu – Thuế GTGT (a)	- Lấy từ chỉ tiêu [09] trên bảng kê 01-1 có cùng nhóm ngành nghề, cho phép sửa - Nếu tờ khai không đính kèm bảng kê 01-1 thì cho phép nhập số >0 - Nếu đính kèm PL 142/2024/QH15 thì: [29a] phải >= chỉ tiêu (3) Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế trên PL NQ 142/2024/QH15 tương ứng với thuế suất 5% - Nếu đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24 thì [29a] phải >= chỉ tiêu (3) Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế trên PL_GiamThue_GTGT_23_24 tương ứng với thuế suất 5%	
Số thuế - Thuế GTGT (b)	- Nếu không đính kèm PL giảm thuế GTGT: [29b] = [29a] *5% - Nếu đính kèm PL 142/2024/QH15 thì: [29b] = [29a]*5% - Tổng cột (6) mục II tương ứng với thuế suất 5% trên PL NQ 142/2024/QH15 - Nếu đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24: [29b] = [29a]*5% - Tổng cột (6) tương ứng với thuế suất 5% trên PL_GiamThue_GTGT_23_24 - Không cho sửa	
Doanh thu - Thuế TNCN (c)	- Lấy từ chỉ tiêu [09] trên bảng kê 01-1 có cùng nhóm ngành nghề, cho phép sửa	

Thông tin	Yêu cầu chi tiết	Ghi chú
	- Nếu tờ khai không đính kèm bảng kê 01-1 thì cho phép nhập số >0	
Số thuế - Thuế TNCN (d)	- UD tính theo công thức [29d] = [29c] *2% - Không cho sửa	
3. Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu [30]		
Doanh thu – Thuế GTGT (a)	- Lấy từ chỉ tiêu [09] trên bảng kê 01-1 có cùng nhóm ngành nghề, cho phép sửa - Nếu tờ khai không đính kèm bảng kê 01-1 thì cho phép nhập số >0 - Nếu đính kèm PL 142/2024/QH15 thì: [30a] phải >= chỉ tiêu (3) Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế trên PL NQ 142/2024/QH15 tương ứng với thuế suất 3% - Nếu đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24 thì [30a] phải >= chỉ tiêu (3) Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế trên PL_GiamThue_GTGT_23_24 tương ứng với thuế suất 3%	
Số thuế - Thuế GTGT (b)	- Nếu không đính kèm PL giảm thuế GTGT thì: [30b] = [30a] *3% - Nếu đính kèm PL 142/2024/QH15 thì: [30b] = [30a]*3% - Tổng cột (6) mục II tương ứng với thuế suất 3% trên PL NQ 142/2024/QH15 - Nếu đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24: [30b] = [30a]*3% - Tổng cột (6) Thuế GTGT được giảm tương ứng với thuế suất 3% trên PL_GiamThue_GTGT_23_24 - Không cho sửa	
Doanh thu - Thuế TNCN (c)	- Lấy từ chỉ tiêu [09] trên bảng kê 01-1 có cùng nhóm ngành nghề, cho phép sửa - Nếu tờ khai không đính kèm bảng kê 01-1 thì	

Thông tin	Yêu cầu chi tiết	Ghi chú
	cho phép nhập số >0	
Số thuế - Thuế TNCN (d)	- UD tính theo công thức [30d] = [30c] *1.5% - Không cho sửa	
4. Hoạt động kinh doanh khác [31]		
Doanh thu – Thuế GTGT (a)	- Lấy từ chỉ tiêu [09] trên bảng kê 01-1 có cùng nhóm ngành nghề, cho phép sửa - Nếu tờ khai không đính kèm bảng kê 01-1 thì cho phép nhập số >0 - Nếu đính kèm PL 142/2024/QH15 thì: [31a] phải >= chỉ tiêu (3) Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế trên PL NQ 142/2024/QH15 tương ứng với thuế suất 2% - Nếu đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24 thì [31a] phải >= chỉ tiêu (3) Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế trên PL_GiamThue_GTGT_23_24 tương ứng với thuế suất 2%	
Số thuế - Thuế GTGT (b)	- Nếu không đính kèm PL 142/2024/QH15 thì: [31b] = [31a] *2% - Nếu đính kèm PL 142/2024/QH15 thì: [31b] = [31a]*2% - Tổng cột (6) Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra được giảm tương ứng với thuế suất 2% trên PL NQ 142/2024/QH15 - Nếu đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24: [31b] = [31a]*2% - Tổng cột (6) Thuế GTGT được giảm tương ứng với thuế suất 2% trên PL_GiamThue_GTGT_23_24 - Không cho sửa	
Doanh thu - Thuế TNCN (c)	- Lấy từ chỉ tiêu [09] trên bảng kê 01-1 có cùng nhóm ngành nghề, cho phép sửa - Nếu tờ khai không đính kèm bảng kê 01-1 thì cho phép nhập số >0	

Thông tin	Yêu cầu chi tiết	Ghi chú
Số thuế - Thuế TNCN (d)	- UD tính theo công thức [31d] = [31c] *1% - Không cho sửa	
Tổng cộng [32]		
Tổng Doanh thu – Thuế GTGT [32a]	- UD tính theo công thức [32a] = [28a] + [29a] + [30a] + [31a] - Không cho sửa	
Tổng Số thuế – Thuế GTGT [32b]	- UD tính theo công thức [32b] = [28b] + [29b] + [30b] + [31b] - Không cho sửa	
Tổng Doanh thu – Thuế TNCN [32c]	- UD tính theo công thức [32c] = [28c] + [29c] + [30c] + [31c] - Không cho sửa	
Tổng Số thuế – Thuế TNCN [32d]	- UD tính theo công thức [32d] = [28d] + [29d] + [30d] + [31d] - Không cho sửa	
B. KÊ KHAI THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT (TTĐB)		
Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế TTĐB (2)	Chọn trong danh mục hàng hóa TTĐB	
Mã chỉ tiêu (3)	- Hiển thị theo hàng hóa tương ứng được chọn - Không cho sửa	
Đơn vị tính (4)	- Hiển thị theo hàng hóa tương ứng được chọn - Không cho sửa	
Doanh thu tính thuế TTĐB (5)	Nhập số nguyên >0, tối đa 15 số	
Thuế suất (6)	- Hiển thị theo hàng hóa tương ứng được chọn - Không cho sửa	
Số thuế (7)	- UD tính theo công thức: (7)=(5)*(6) - Không cho sửa	
Tổng cộng	Tính tổng cột (5), tổng cột (7) Không cho sửa	
C. KÊ KHAI THUẾ/PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG HOẶC		

Thông tin	Yêu cầu chi tiết	Ghi chú
THUẾ TÀI NGUYÊN		
1. Khai thuế tài nguyên		
Tài nguyên, hàng hóa, sản phẩm (2)	Cho phép chọn trong danh mục tài nguyên theo khung giá của BTC và tài nguyên riêng của Tỉnh đó thêm mới vào (CQT nộp tờ khai thuộc Tỉnh nào thì cho phép chọn các tài nguyên do Tỉnh đó thêm mới)	
Mã chỉ tiêu (3)	- Hiển thị theo tài nguyên tương ứng được chọn - Không cho sửa	
Đơn vị tính (4)	- Hiển thị theo tài nguyên tương ứng được chọn - Không cho sửa	
Sản lượng/ Số lượng (5)	Cho phép nhập dạng số x,xxx	
Giá tính thuế tài nguyên/ mức thuế hoặc phí BVMT (6)	- Định dạng x,xxxx - Cho phép nhập sau phần thập phân 4 chữ số. Nhập giá tài nguyên phải >= (Giá tối thiểu của BTC – 20%)	
Thuế suất (7)	- Hiển thị theo tài nguyên tương ứng được chọn - Không cho sửa	
Số thuế (8)	- UD tính theo công thức: (8)=(5)*(6)*(7) - Không cho sửa	
2. Khai thuế bảo vệ môi trường		
Tài nguyên, hàng hóa, sản phẩm (2)	Chọn trong danh mục thuế BVMT	
Mã chỉ tiêu (3)	- Hiển thị theo hàng hóa tương ứng được chọn - Không cho sửa	
Đơn vị tính (4)	- Hiển thị theo hàng hóa tương ứng được chọn - Không cho sửa	
Sản lượng/ Số lượng (5)	Cho phép nhập dạng số x,xxx	
Giá tính thuế tài	- Hiển thị theo hàng hóa tương ứng được chọn	

Thông tin	Yêu cầu chi tiết	Ghi chú
nguyên/ mức thuế hoặc phí BVMT (6)	- Cho phép sửa, định dạng số nguyên >0	
Thuế suất (7)	Không có gia trị, khóa không cho nhập	
Số thuế (8)	- UD tính theo công thức: (8)=(5)*(6) - Không cho sửa	
3. Khai phí bảo vệ môi trường		
Tài nguyên, hàng hóa, sản phẩm (2)	Chọn trong danh mục phí BVMT	
Mã chỉ tiêu (3)	- Hiển thị theo hàng hóa tương ứng được chọn - Không cho sửa	
Đơn vị tính (4)	- Hiển thị theo hàng hóa tương ứng được chọn - Không cho sửa	
Sản lượng/ Số lượng (5)	Cho phép nhập dạng số x,xxx	
Giá tính thuế tài nguyên/ mức thuế hoặc phí BVMT (6)	- Nhập số nguyên >0. Kiểm tra Mức thu tối thiểu <= Mức phí BVMT <= Mức thu tối đa, sai khác cảnh báo vàng.	
Thuế suất (7)	Không có gia trị, khóa không cho nhập	
Số thuế (8)	- UD tính theo công thức: (8)=(5)*(6) - Không cho sửa	

3.11.2.3 Bảng kê 01-1/BK-CNKD:

Thông tin	Yêu cầu chi tiết	Ghi chú
Kỳ tính thuế [01]	Hiển thị theo thông tin kỳ tính thuế đã nhập	
Loại tờ khai	Hiển thị theo loại tờ khai là “Lần đầu [02]” hay “Bổ sung [03]” đã chọn tại màn hình nhập kỳ tính thuế	
Tổ chức, cá nhân khai thay [04]	Hiển thị theo thông tin MST đăng nhập hệ thống Không cho sửa	
Mã số thuế [05]	Hiển thị theo MST đăng nhập hệ thống Không cho sửa	

Thông tin	Yêu cầu chi tiết	Ghi chú
STT [06]	UD tự động tăng/giảm khi thêm/bớt dòng	
Họ và tên hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh [07]	- Nhập dạng text, tối đa 200 ký tự - Bắt buộc nhập	
Mã số thuế hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh [08]	- Bắt buộc nhập - Kiểm tra đúng cấu trúc MST - Có thể trùng MST trên bảng kê do 1 NNT có thể có nhiều ngành nghề	
Nhóm ngành nghề [09a]	- Chọn trong danh mục gồm 4 ngành nghề như trên tờ khai - Bắt buộc chọn	
Doanh thu [09]	- Bắt buộc nhập - Nhập số nguyên >0	
Số thuế GTGT [10]	- Chỉ tiêu [10] = [09] * thuế suất GTGT tương ứng từng nhóm + Phân phối, cung cấp hàng hóa: **1%** + Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: **5%** + Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: **3%** + Hoạt động kinh doanh khác: **2%** - Cho phép sửa, có thể =0	
Số thuế TNCN [11]	- Chỉ tiêu [10] = [09] * thuế suất TNCN tương ứng từng nhóm: + Phân phối, cung cấp hàng hóa: **0.5%** + Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: **2%** + Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: **1.5%** + Hoạt động kinh doanh khác: **1%** - Cho phép sửa, có thể =0	
Tổng số thuế GTGT, TNCN [12]	- UD tính theo công thức: [12]=[10]+[11] - Không cho sửa	
Tổng cộng	- UD hỗ trợ tính tổng các cột (9), (10), (11), (12) - Không cho sửa	

3.11.2.4 Bảng kê 01-2/BK-CNKD:

Thông tin	Yêu cầu chi tiết	Ghi chú
Kỳ tính thuế [01]	Hiển thị theo thông tin kỳ tính thuế đã nhập	
Loại tờ khai	Hiển thị theo loại tờ khai là “Lần đầu [02]” hay	

Thông tin	Yêu cầu chi tiết	Ghi chú
	"Bổ sung [03]" đã chọn tại màn hình nhập kỳ tính thuế	
Tên người nộp thuế [04]	Hiển thị theo thông tin MST đăng nhập hệ thống Không cho sửa	
Mã số thuế [05]	Hiển thị theo MST đăng nhập hệ thống Không cho sửa	
I. VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ		
Vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa/ Nhóm hàng hóa [06]	- Cho phép nhập dạng text - Bắt buộc nhập	
Đơn vị tính của vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá [07]	- Cho phép nhập dạng text, tối đa 20 ký tự - Bắt buộc nhập	
Số dư đầu kỳ - Số lượng [08]	Nhập số nguyên >0, tối đa 15 ký tự	
Số dư đầu kỳ - Thành tiền [09]	Nhập số nguyên >0, tối đa 15 ký tự	
Nhập trong kỳ - Số lượng [10]	Nhập số nguyên >0, tối đa 15 ký tự	
Nhập trong kỳ - Thành tiền [11]	Nhập số nguyên >0, tối đa 15 ký tự	
Xuất trong kỳ - Số lượng [12]	Nhập số nguyên >0, tối đa 15 ký tự	
Xuất trong kỳ - Thành tiền [13]	Nhập số nguyên >0, tối đa 15 ký tự	
Tồn cuối kỳ - Số lượng [14]	- UD tính theo công thức: [14] = [08] + [10] - [12] - Không cho sửa	
Tồn cuối kỳ - Thành tiền [15]	- UD tính theo công thức: [15] = [09] + [11] - [13] - Không cho sửa	
Tổng cộng	- UD hỗ trợ tính tổng các cột [9], [11], [13], [15] - Không cho sửa - Không tính tổng các cột số lượng vì có thể khác đơn vị tính	
II. CHI PHÍ QUẢN LÝ		
Chi phí nhân công [24]	Nhập số nguyên >0, tối đa 15 ký tự	
Chi phí điện	Nhập số nguyên >0, tối đa 15 ký tự	

Thông tin	Yêu cầu chi tiết	Ghi chú
[25]		
Chi phí nước [26]	Nhập số nguyên >0, tối đa 15 ký tự	
Chi phí viễn thông [27]	Nhập số nguyên >0, tối đa 15 ký tự	
Chi phí thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh [28]	Nhập số nguyên >0, tối đa 15 ký tự	
Chi phí quản lý (chi phí văn phòng phẩm, công cụ, dụng cụ,…) [29]	Nhập số nguyên >0, tối đa 15 ký tự	
Chi phí khác (hội nghị, công tác phí, thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thuê ngoài khác,…) [30]	Nhập số nguyên >0, tối đa 15 ký tự	
Tổng cộng [31]	- UD tính theo công thức: [31] = [24] + [25] + …. + [30] - Không cho phép sửa	

3.11.2.5 Phụ lục giảm thuế GTGT theo Nghị quyết số 43/2022/QH15

- Cho phép đính kèm PL 43/2022/QH15 đối với các kỳ kê khai sau:
  + Kỳ lần phát sinh: Từ ngày 01/02/2022 đến ngày 31/12/2022
  + Kỳ tháng: Từ tháng 02/2022 đến tháng 12/2022
  + Kỳ quý: Quý 1/2022, quý 4/2022
- Không cho phép đính kèm PL 43/2022/QH15 đối với trường hợp "Tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay".
- Các chỉ tiêu chi tiết trên phụ lục:
  + (2) Tên hàng hóa, dịch vụ: Chọn trong danh mục
  + (3) Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế: Bắt buộc nhập số >0
  + (4) Tỷ lệ tính thuế GTGT theo quy định: Chọn trong danh mục 1%, 2%, 3%, 5%
  + (5) Tỷ lệ tính thuế GTGT sau giảm: (5)=(4)x80%
  + (6) Thuế GTGT được giảm: (6)=(3)x[(4)-(5)]

3.11.2.6 Phụ lục giảm thuế GTGT PL_GiamThue_GTGT_23_24 (đáp ứng Nghị quyết số 101/2023/QH15 và Nghị quyết số 110/2023/QH15)

- Cho phép đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24 đối với các kỳ kê khai sau:

+ Kỳ lần phát sinh: Từ ngày 01/07/2023 đến ngày 30/06/2024
+ Kỳ tháng: Từ tháng 07/2023 đến tháng 06/2024
+ Kỳ quý: Quý 3/2023 đến quý 2/2024

- Không cho phép đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24 đối với trường hợp "Tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay".
- Các chỉ tiêu chi tiết trên phụ lục:

+ (2) Tên hàng hóa, dịch vụ: Bắt buộc nhập
+ (3) Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế: Bắt buộc nhập số >0
+ (4) Tỷ lệ tính thuế GTGT theo quy định: Chọn trong danh mục 1%, 2%, 3%, 5%
+ (5) Tỷ lệ tính thuế GTGT sau giảm: (5)=(4)x80%
+ (6) Thuế GTGT được giảm: (6)=(3)x[(4)-(5)]

3.11.2.7 Phụ lục giảm thuế GTGT PL 142/2024/QH15 - 174/2024/QH15 (đáp ứng Nghị quyết số 142/2024/QH15 và Nghị quyết số 174/2024/QH15)

- Cho phép đính kèm PL 142/2024/QH15 - 174/2024/QH15 đối với các kỳ kê khai sau:

+ Kỳ lần phát sinh: Từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025
+ Kỳ tháng: Từ tháng 07/2024 đến tháng 06/2026
+ Kỳ quý: Quý 3/2024 đến quý 2/2025
+ Không được đính kèm PL 142/2024/QH15 - 174/2024/QH15 đối với trường hợp "Tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay".

- Các chỉ tiêu chi tiết trên phụ lục:

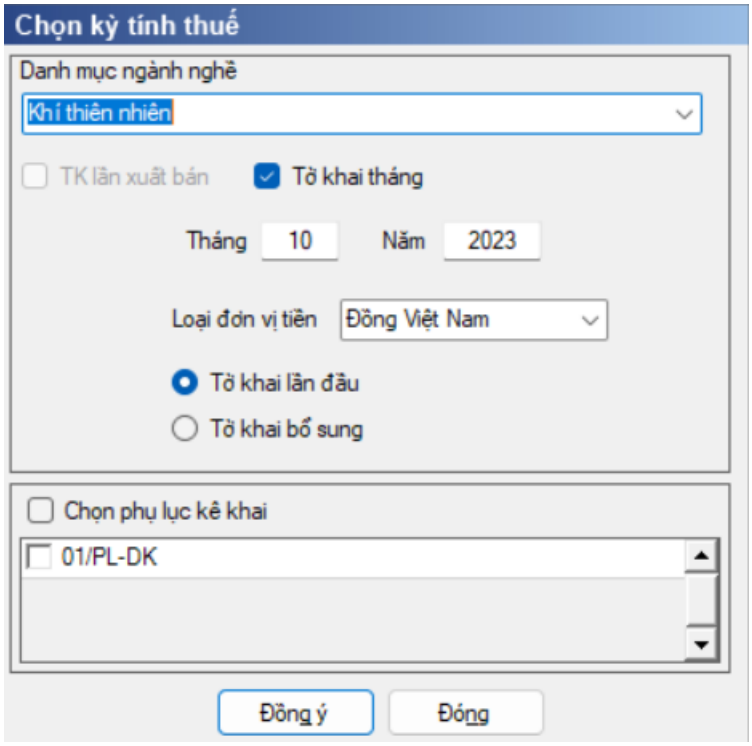
+ I. Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% *(áp dụng cho người nộp thuế kê khai theo phương pháp khấu trừ thuế):* Không nhập mục này
+ II. Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ
  - (2) Tên hàng hóa, dịch vụ: Bắt buộc nhập
  - (3) Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế: Bắt buộc nhập số >0
  - (4) Tỷ lệ tính thuế GTGT theo quy định: Chọn trong danh mục 1%, 2%, 3%, 5%
  - (5) Tỷ lệ tính thuế GTGT sau giảm: (5)=(4)x80%
  - (6) Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra được giảm: (6)=(3)x[(4)-(5)]
  - [07] Tổng cộng Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế: UD tính = tổng cột (3)
  - [08] Tổng cộng Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra được giảm: UD tính = tổng cột (6)
+ III. Chênh lệch thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ bán ra và mua vào trong kỳ được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8%: [09] = [08] – [06]

3.12 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai các mẫu tờ khai thuế đối với đơn vị Dầu khí

3.12.1 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính đối với dầu khí (01/TNDN-DK) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai Dầu khí" chọn "TK TNDN tạm tính đối với dầu khí (01/TNDN-DK)(TT80/2021)".



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:

+ CQT nộp tờ khai: là CQT quản lý

+ Loại kỳ tính thuế:

- Tờ khai lần phát sinh: kê khai đối với loại sản phẩm là "Dầu thô" hoặc "Condensate", hiệu lực từ tháng 01/2022
- Tờ khai tháng: kê khai đối với loại sản phẩm là "Khí thiên nhiên" hiệu lực từ tháng 01/2022

+ Hạn nộp tờ khai:

- Tờ khai tháng: Ngày thứ 20 của tháng tiếp theo, nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ chuyển sang ngày tiếp theo
- Tờ khai lần phát sinh: ngày thứ 35 kể từ ngày phát sinh, nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ chuyển sang ngày tiếp theo

+ Trong cùng 1 kỳ cho phép kê khai nhiều tờ khai khác sản phẩm

+ Đơn vị tiền: Chọn "Việt Nam Đồng" hoặc "Đô la Mỹ". Trong cùng 1 kỳ cho phép kê khai 2 tờ khai cùng sản phẩm khác đơn vị tiền (1 tờ khai theo VNĐ, 1 tờ khai theo USD)

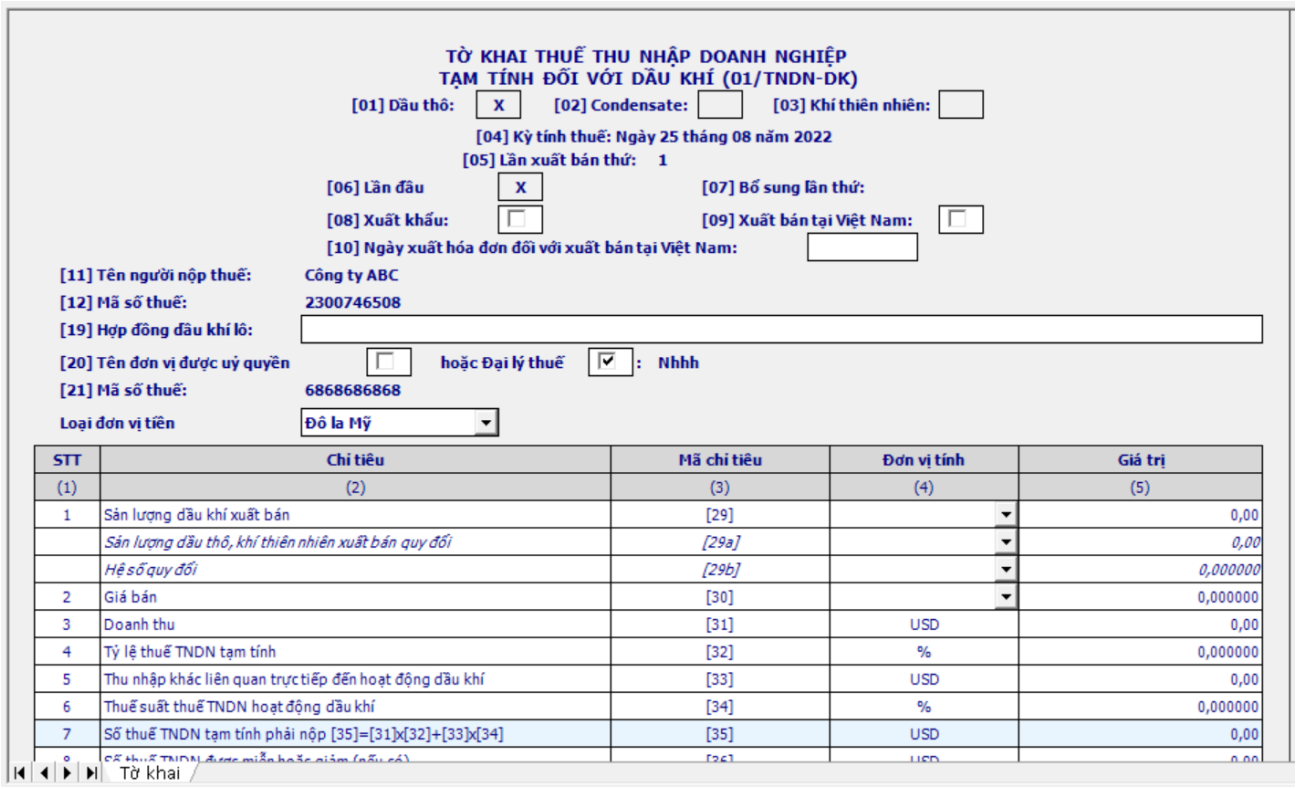
- Đối với MST 0107724012 thì mới được phép kê khai 2 tờ khai khác đơn vị tiền trong cùng 1 kỳ (điều kiện được kiểm tra tại UD TMS)

+ Trong tờ khai chính thức khai bằng loại tiền nào thì tờ khai bổ sung phải khai bằng loại tiền đó

- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính đối với dầu khí (01/TNDN-DK)

3.12.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
TẠM TÍNH ĐỐI VỚI DẦU KHÍ (01/TNDN-DK)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kỳ tính thuế: Ngày 25 tháng 08 năm 2022

[05] Lần xuất bản thứ: 1

[06] Lần đầu X [07] Bổ sung lần thứ:

[08] Xuất khẩu: [09] Xuất bán tại Việt Nam:

[10] Ngày xuất hóa đơn đối với xuất bán tại Việt Nam:

[11] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[12] Mã số thuế: 2300746508

[19] Hợp đồng dầu khí lô:

[20] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế : Nhhh

[21] Mã số thuế: 6868686868

Loại đơn vị tiền: Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sản lượng dầu khí xuất bán	[29]		0,00
	Sản lượng dầu thô, khí thiên nhiên xuất bán quy đổi	*[29a]*		*0,00*
	Hệ số quy đổi	*[29b]*		*0,000000*
2	Giá bán	[30]		0,000000
3	Doanh thu	[31]	USD	0,00
4	Tỷ lệ thuế TNDN tạm tính	[32]	%	0,000000
5	Thu nhập khác liên quan trực tiếp đến hoạt động dầu khí	[33]	USD	0,00
6	Thuế suất thuế TNDN hoạt động dầu khí	[34]	%	0,000000
7	Số thuế TNDN tạm tính phải nộp [35]=[31]x[32]+[33]x[34]	[35]	USD	0,00

Tờ khai

- **Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:** Các chỉ tiêu [31], [33], [35] đến [37]: Tại màn hình nhập kỳ tính thuế nuế chọn Đơn vị tiền là USD thì là USD, nếu chọn đơn vị tiền là VNĐ thì là VNĐ

+ Chỉ tiêu [29], [29a]: NNT nhập số, không âm, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy

+ Chỉ tiêu [29b], [30], [32], [34]: NNT nhập số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy

+ Chỉ tiêu [31], [33], [36]: NNT nhập số, không âm, đối với USD cho phép nhập số thập phân, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy, đối với VND thì cho phép nhập số nguyên dương

+ Chỉ tiêu [38]: NNT nhập số, không âm, định dạng 4 số thập phân sau dấu phẩy

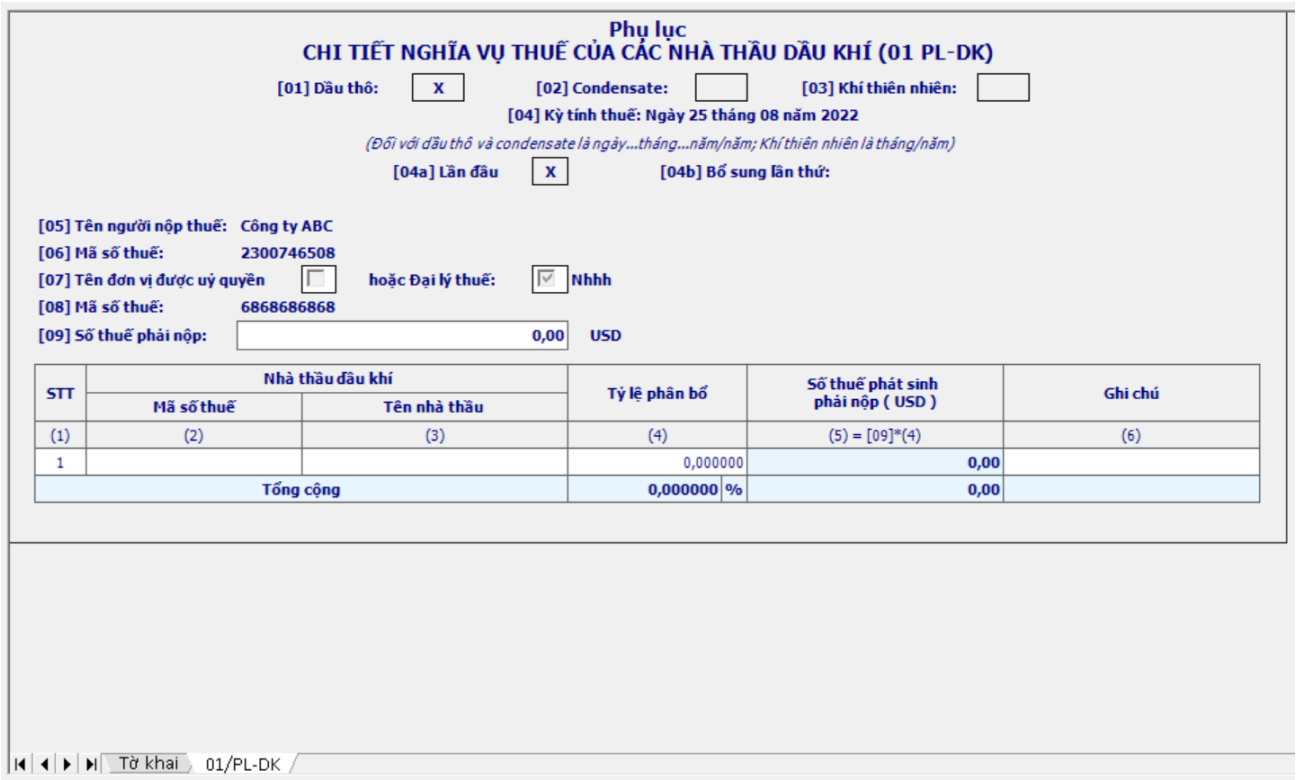
- Chi tiết các chỉ tiêu tính toán:

+ Chỉ tiêu [35]: Tự tính theo công thức: [35]=[31]x[32]+[33]x[34], định dạng thập phân sau phẩy 2 số, cho phép sửa, nếu là USD sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0.

1% vượt quá cảnh báo đỏ, nếu là VNĐ sửa trong ngưỡng +-100.000 hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [37]: Tự tính theo công thức: [37]=[35]-[36], định dạng thập phân sau phẩy 2 số, cho phép sửa, nếu là USD sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ, nếu là VNĐ sửa trong ngưỡng +-100.000 hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

3.12.1.1.1 Phụ lục 01-1/PL-DK

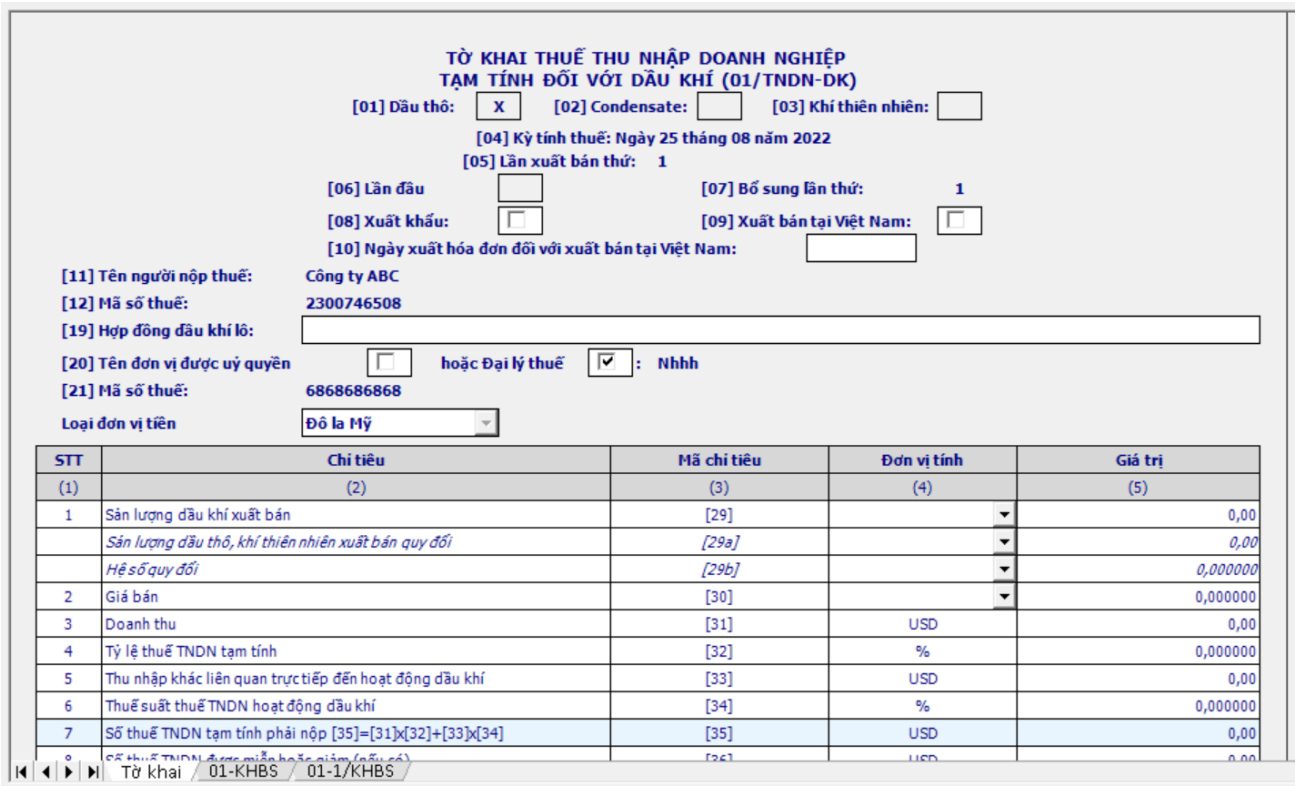


- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:
  + Chỉ tiêu (2): NNT nhập, tối đa 14 ký tự, kiểm tra đúng cấu trúc MST
  + Chỉ tiêu (3): NNT nhập dạng text
  + Chỉ tiêu (4): NNT nhập dạng số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy
  + Chỉ tiêu (6): NNT nhập dạng text
- Chi tiết các chỉ tiêu tính toán:
  + Chỉ tiêu (5) = [09]* (4), không cho sửa
  + Dòng Tổng cộng: UD hỗ trợ tính tổng cộng cột (4) và cột (5)
    - Kiểm tra tổng cộng cột (4) phải = 100%. Nếu không hệ thống hiển thị cảnh báo đỏ "Tổng tỷ lệ phân bổ phải bằng 100%"
    - Kiểm tra tổng cộng cột (5) phải = chỉ tiêu [09], nếu khác ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ "Tổng số thuế phát sinh phải nộp phải bằng chỉ tiêu [09]"

3.12.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.

- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".



TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
TẠM TÍNH ĐỐI VỚI DẦU KHÍ (01/TNDN-DK)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kỳ tính thuế: Ngày 25 tháng 08 năm 2022

[05] Lần xuất bản thứ: 1

[06] Lần đầu [07] Bổ sung lần thứ: 1

[08] Xuất khẩu: [09] Xuất bán tại Việt Nam:

[10] Ngày xuất hóa đơn đối với xuất bán tại Việt Nam:

[11] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[12] Mã số thuế: 2300746508

[19] Hợp đồng dầu khí lô:

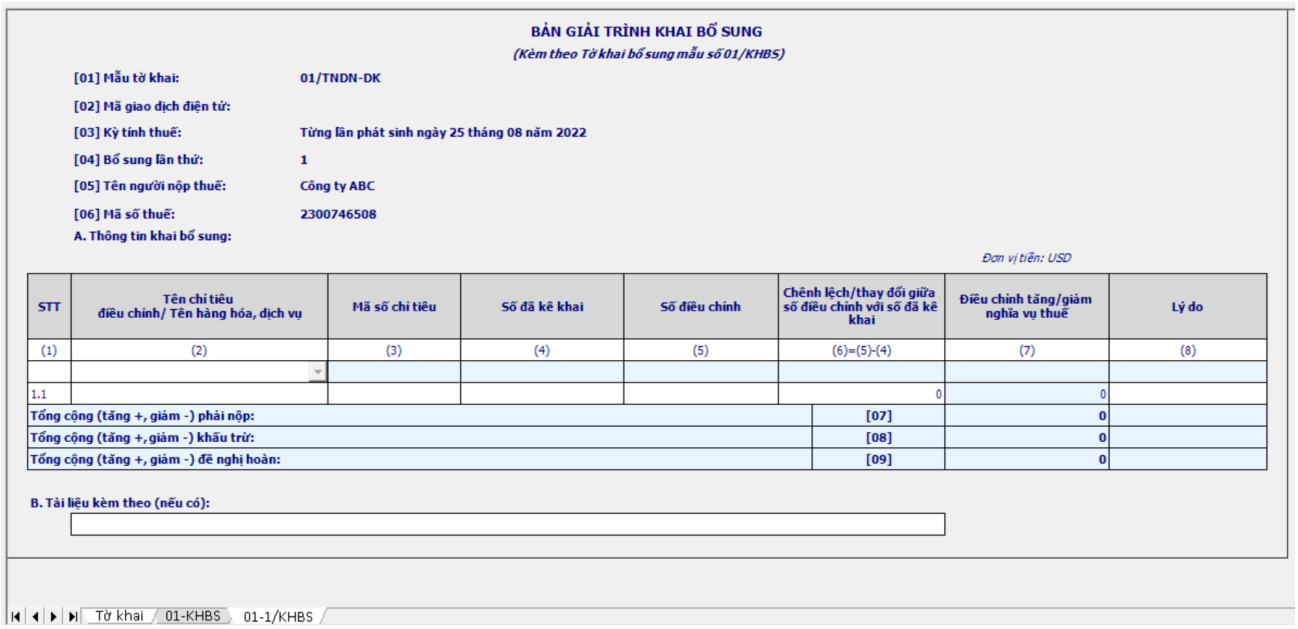
[20] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế : Nhhh

[21] Mã số thuế: 6868686868

Loại đơn vị tiền: Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sản lượng dầu khí xuất bán	[29]		0,00
	Sản lượng dầu thô, khí thiên nhiên xuất bán quy đổi	*[29a]*		*0,00*
	Hệ số quy đổi	*[29b]*		*0,000000*
2	Giá bán	[30]		0,000000
3	Doanh thu	[31]	USD	0,00
4	Tỷ lệ thuế TNDN tạm tính	[32]	%	0,000000
5	Thu nhập khác liên quan trực tiếp đến hoạt động dầu khí	[33]	USD	0,00
6	Thuế suất thuế TNDN hoạt động dầu khí	[34]	%	0,000000
7	Số thuế TNDN tạm tính phải nộp [35]=[31]x[32]+[33]x[34]	[35]	USD	0,00

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS



BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG
(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 01/TNDN-DK

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Từng lần phát sinh ngày 25 tháng 08 năm 2022

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: USD

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

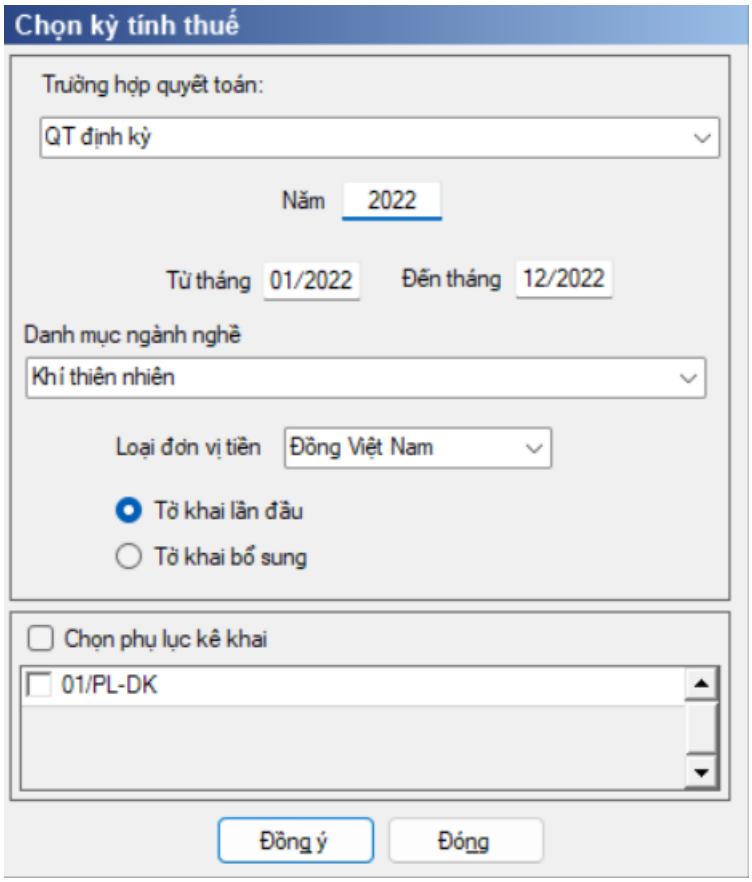
Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.12.2 Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dầu khí (02/TNDN-DK) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai Dầu khí" chọn "TK quyết toán TNDN đối với dầu khí (02/TNDN-DK)(TT80/2021)".



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:

+ CQT nộp tờ khai: là CQT quản lý

+ Loại kỳ tính thuế: Tờ khai năm: từ năm 2021 (kỳ >=21CN)

+ Trong cùng 1 kỳ cho phép kê khai nhiều tờ khai khác loại sản phẩm

+ Đơn vị tiền: Chọn "Việt Nam Đồng" hoặc "Đô la Mỹ". Trong cùng 1 kỳ cho phép kê khai 2 tờ khai cùng sản phẩm khác đơn vị tiền (1 tờ khai theo VNĐ, 1 tờ khai theo USD)

- Đối với MST 0107724012 thì mới được phép kê khai 2 tờ khai khác đơn vị tiền trong cùng 1 kỳ (điều kiện được kiểm tra tại UD TMS)

+ Hạn nộp tờ khai:

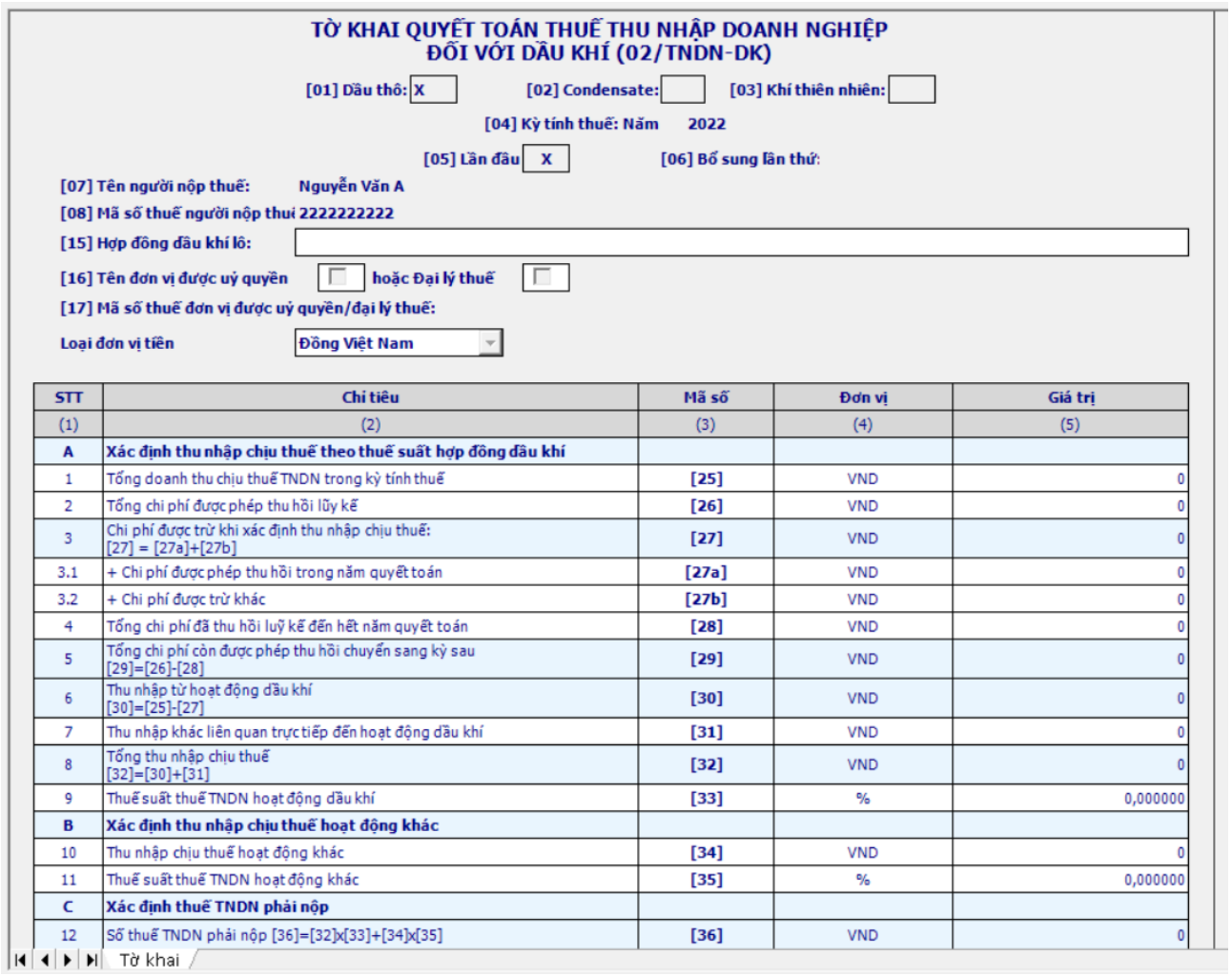
- Đối với trường hợp quyết toán đủ 12 tháng: hạn nộp = ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ tháng quyết toán đến, dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ. Không cho phép sửa hạn nộp.

- Đối với trường hợp quyết toán < 12 tháng: hạn nộp = ngày cuối cùng của kỳ quyết toán đến + 45 ngày, dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ.Trong cùng 1 kỳ cho phép kê khai nhiều tờ khai khác sản phẩm

- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai quyết toán TNDN đối với dầu khí (02/TNDN-DK)

3.12.2.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI DẦU KHÍ (02/TNDN-DK)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kỳ tính thuế: Năm 2022

[05] Lần đầu X [06] Bổ sung lần thứ:

[07] Tên người nộp thuế: Nguyễn Văn A

[08] Mã số thuế người nộp thuế: 2222222222

[15] Hợp đồng dầu khí lô:

[16] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế

[17] Mã số thuế đơn vị được uỷ quyền/đại lý thuế:

Loại đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A	**Xác định thu nhập chịu thuế theo thuế suất hợp đồng dầu khí**			
1	Tổng doanh thu chịu thuế TNDN trong kỳ tính thuế	[25]	VND	0
2	Tổng chi phí được phép thu hồi lũy kế	[26]	VND	0
3	Chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế: [27] = [27a]+[27b]	[27]	VND	0
3.1	+ Chi phí được phép thu hồi trong năm quyết toán	[27a]	VND	0
3.2	+ Chi phí được trừ khác	[27b]	VND	0
4	Tổng chi phí đã thu hồi luỹ kế đến hết năm quyết toán	[28]	VND	0
5	Tổng chi phí còn được phép thu hồi chuyển sang kỳ sau [29]=[26]-[28]	[29]	VND	0
6	Thu nhập từ hoạt động dầu khí [30]=[25]-[27]	[30]	VND	0
7	Thu nhập khác liên quan trực tiếp đến hoạt động dầu khí	[31]	VND	0
8	Tổng thu nhập chịu thuế [32]=[30]+[31]	[32]	VND	0
9	Thuế suất thuế TNDN hoạt động dầu khí	[33]	%	0,000000
B	**Xác định thu nhập chịu thuế hoạt động khác**			
10	Thu nhập chịu thuế hoạt động khác	[34]	VND	0
11	Thuế suất thuế TNDN hoạt động khác	[35]	%	0,000000
C	**Xác định thuế TNDN phải nộp**			
12	Số thuế TNDN phải nộp [36]=[32]x[33]+[34]x[35]	[36]	VND	0

Tờ khai

- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:

+ Chỉ tiêu [25], [26], [27a], [27b], [28], [31], [34], [37], [39]: NNT nhập số, không âm, đối với USD cho phép nhập số thập phân, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy, đối với VND thì cho phép nhập số nguyên dương

+ Chỉ tiêu [33], [35]: NNT nhập số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy, phải <= 100%

+ Chỉ tiêu [41]: NNT nhập số, không âm, định dạng 4 số thập phân sau dấu phẩy

- Chi tiết các chỉ tiêu tính toán:

+ Chỉ tiêu [27]: Tự tính theo công thức: [27]=[27a]+[27b], định dạng thập phân sau phẩy 2 số, cho phép sửa, nếu là USD sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt

quá cảnh báo đỏ, nếu là VNĐ sửa trong ngưỡng +-100.000 hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [29]: Tự tính theo công thức: [29]=[26]-[28], định dạng thập phân sau phẩy 2 số, cho phép sửa, nếu là USD sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ, nếu là VNĐ sửa trong ngưỡng +-100.000 hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [30]: Tự tính theo công thức: [30]=[25]-[27], định dạng thập phân sau phẩy 2 số, cho phép sửa, nếu là USD sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ, nếu là VNĐ sửa trong ngưỡng +-100.000 hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

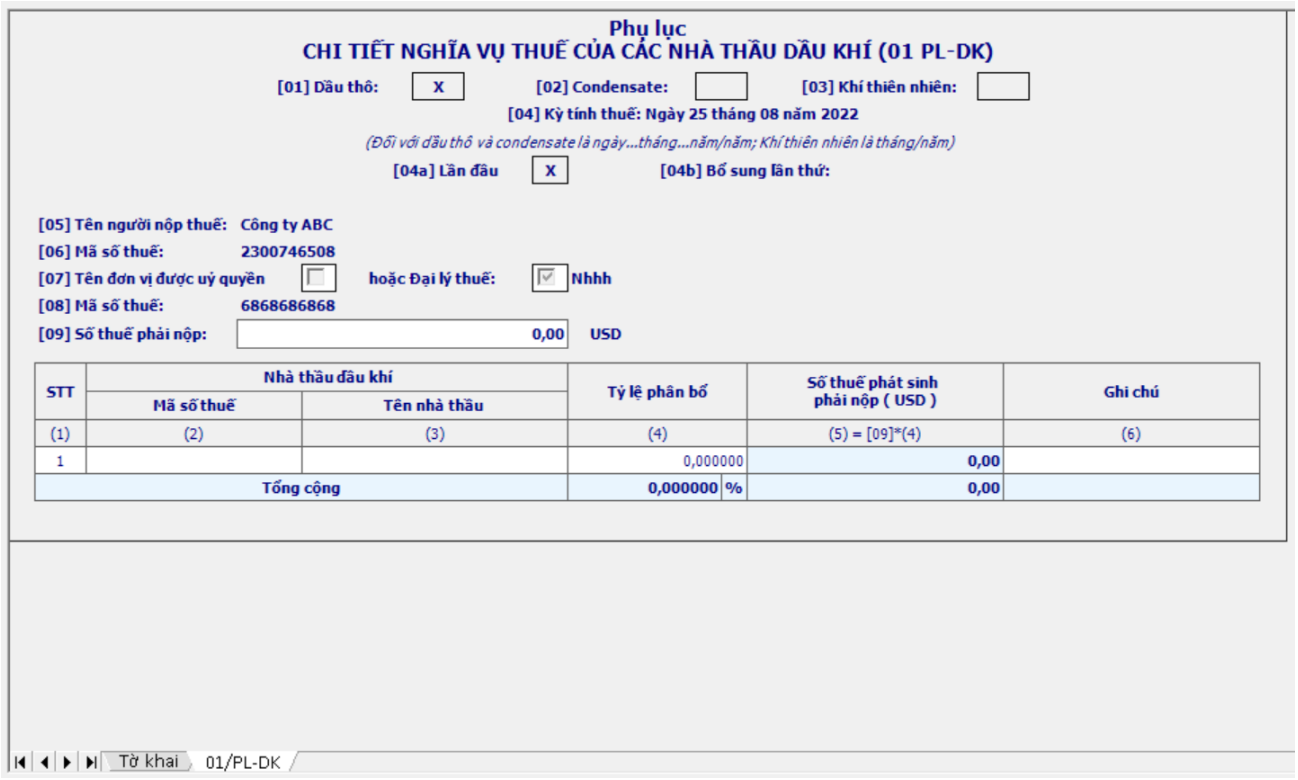
+ Chỉ tiêu [32]: Tự tính theo công thức: [32]=[30]+[31], định dạng thập phân sau phẩy 2 số, cho phép sửa, nếu là USD sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ, nếu là VNĐ sửa trong ngưỡng +-100.000 hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [36]: Tự tính theo công thức: [36] = [32]x[33]+[34]x[35], định dạng thập phân sau phẩy 2 số, cho phép sửa, nếu là USD sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ, nếu là VNĐ sửa trong ngưỡng +-100.000 hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [38]: Tự tính theo công thức: [38] = [36] – [37], định dạng thập phân sau phẩy 2 số, cho phép sửa, nếu là USD sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ, nếu là VNĐ sửa trong ngưỡng +-100.000 hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [40]: Tự tính theo công thức: [40]=[38]-[39], định dạng thập phân sau phẩy 2 số, cho phép sửa, nếu là USD sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ, nếu là VNĐ sửa trong ngưỡng +-100.000 hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

3.12.2.1.1 Phụ lục 01-1/PL-DK



Phụ lục
CHI TIẾT NGHĨA VỤ THUẾ CỦA CÁC NHÀ THẦU DẦU KHÍ (01 PL-DK)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kỳ tính thuế: Ngày 25 tháng 08 năm 2022

(Đối với dầu thô và condensate là ngày...tháng...năm/năm; Khí thiên nhiên là tháng/năm)

[04a] Lần đầu X [04b] Bổ sung lần thứ:

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[06] Mã số thuế: 2300746508
[07] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế: Nhhh
[08] Mã số thuế: 6868686868
[09] Số thuế phải nộp: 0,00 USD

STT	Nhà thầu dầu khí		Tỷ lệ phân bổ	Số thuế phát sinh phải nộp (USD)	Ghi chú
	Mã số thuế	Tên nhà thầu			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = [09]*(4)	(6)
1			0,000000	0,00	
Tổng cộng			0,000000 %	0,00	

Tờ khai 01/PL-DK

- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:
  + Chỉ tiêu (2): NNT nhập, tối đa 14 ký tự, kiểm tra đúng cấu trúc MST
  + Chỉ tiêu (3): NNT nhập dạng text
  + Chỉ tiêu (4): NNT nhập dạng số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy
  + Chỉ tiêu (6): NNT nhập dạng text
- Chi tiết các chỉ tiêu tính toán:
  + Chỉ tiêu (5) = [09]* (4), không cho sửa
  + Dòng Tổng cộng: UD hỗ trợ tính tổng cộng cột (4) và cột (5)
    - Kiểm tra tổng cộng cột (4) phải = 100%. Nếu không hệ thống hiển thị cảnh báo đỏ "Tổng tỷ lệ phân bổ phải bằng 100%"
    - Kiểm tra tổng cộng cột (5) phải = chỉ tiêu [09], nếu khác ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ "Tổng số thuế phát sinh phải nộp phải bằng chỉ tiêu [09]"

3.12.2.1.2 Phụ lục GDLK2_ND132_01: Thông tin về quan hệ liên kết và giao dịch liên kết theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP

- Ứng dụng cho phép đính kèm phụ lục này đối với kỳ tính thuế >= 2019

MỤC I: THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN KẾT



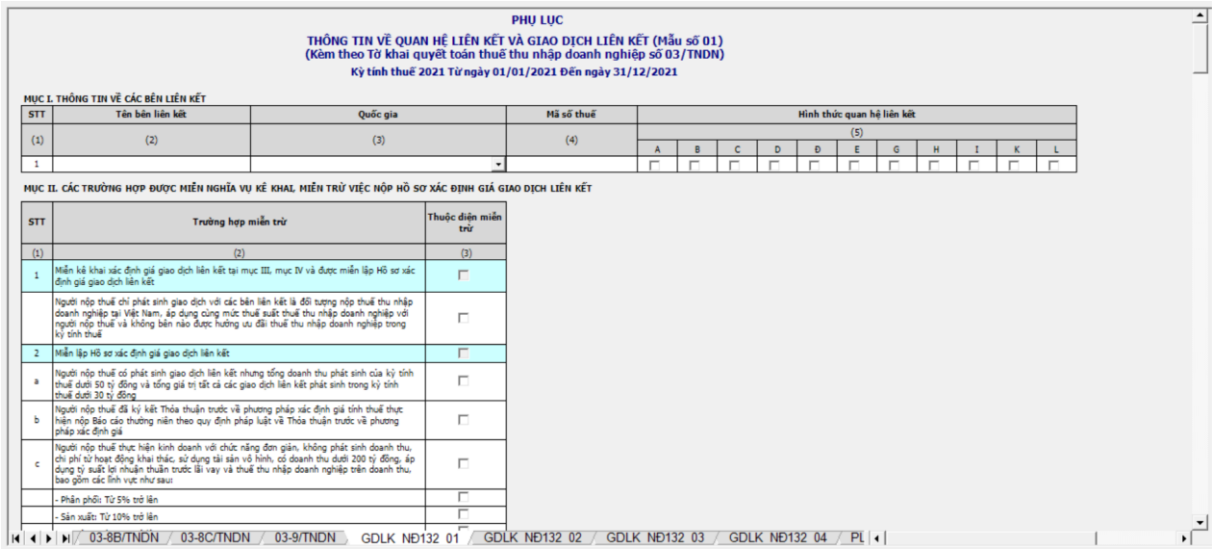
PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ QUAN HỆ LIÊN KẾT VÀ GIAO DỊCH LIÊN KẾT (Mẫu số 01)
(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)
Kỳ tính thuế 2021 Từ ngày 01/01/2021 Đến ngày 31/12/2021

MỤC I. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN KẾT

STT	Tên bên liên kết	Quốc gia	Mã số thuế	Hình thức quan hệ liên kết (5)										
				A	B	C	D	Đ	E	G	H	I	K	L
(1)	(2)	(3)	(4)											
1														

- Chỉ tiêu (1) – STT: UD hỗ trợ tự tăng khi thêm dòng
- Chỉ tiêu (2) – Tên bên liên kết: Bắt buộc nhập, dạng text, tối đa 200 ký tự
- Chỉ tiêu (3) – Quốc gia: Bắt buộc nhập, chọn trong danh mục quốc gia.
- Chỉ tiêu (4) – Mã số thuế: bắt buộc nhập
  + Nếu là VN: Kiểm tra cấu trúc mã số thuế
  + Khác VN: không kiểm tra cấu trúc mã số thuế (cho nhập tối đa 200 ký tự)
- Chỉ tiêu (5) – Hình thức quan hệ liên kết: (A,B,C,D,Đ,E,G,H,I,K,L): cho phép NNT tích chọn, chỉ bắt buộc chọn ít nhất 1 loại hình thức quan hệ liên kết và cho phép tích chọn nhiều loại hình thức.

MỤC II: CÁC TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC MIỄN NGHĨA VỤ KÊ KHAI, MIỄN TRỪ VIỆC NỘP HỒ SƠ XÁC ĐỊNH GIÁ GIAO DỊCH LIÊN KẾT


PHỤ LỤC

THÔNG TIN VỀ QUAN HỆ LIÊN KẾT VÀ GIAO DỊCH LIÊN KẾT (Mẫu số 01)
(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)
Kỳ tính thuế 2021 Từ ngày 01/01/2021 Đến ngày 31/12/2021

MỤC I. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN KẾT

STT	Tên bên liên kết	Quốc gia	Mã số thuế	Hình thức quan hệ liên kết (5)										
				A	B	C	D	Đ	E	G	H	I	K	L
(1)	(2)	(3)	(4)											
1				☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐

MỤC II. CÁC TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC MIỄN NGHĨA VỤ KÊ KHAI, MIỄN TRỪ VIỆC NỘP HỒ SƠ XÁC ĐỊNH GIÁ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

STT	Trường hợp miễn trừ	Thuộc diện miễn trừ
(1)	(2)	(3)
1	Miễn kê khai xác định giá giao dịch liên kết tại mục III, mục IV và được miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	☐
	Người nộp thuế chỉ phát sinh giao dịch với các bên liên kết là đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam, áp dụng cùng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp với người nộp thuế và không bên nào được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ tính thuế	☐
2	Miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	☐
a	Người nộp thuế có phát sinh giao dịch liên kết nhưng tổng doanh thu phát sinh của kỳ tính thuế dưới 50 tỷ đồng và tổng giá trị tất cả các giao dịch liên kết phát sinh trong kỳ tính thuế dưới 30 tỷ đồng	☐
b	Người nộp thuế đã ký kết Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế thực hiện nộp Báo cáo thường niên theo quy định pháp luật về Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá	☐
c	Người nộp thuế thực hiện kinh doanh với chức năng đơn giản, không phát sinh doanh thu, chi phí từ hoạt động khai thác, sử dụng tài sản vô hình, có doanh thu dưới 200 tỷ đồng, áp dụng tỷ suất lợi nhuận thuần trước lãi vay và thuế thu nhập doanh nghiệp trên doanh thu, bao gồm các lĩnh vực như sau:	☐
	- Phân phối: Từ 5% trở lên	☐
	- Sản xuất: Từ 10% trở lên	☐

03-8B/TNDN | 03-8C/TNDN | 03-9/TNDN | GDLK NĐ132 01 | GDLK NĐ132 02 | GDLK NĐ132 03 | GDLK NĐ132 04 | PL

- Có thể bỏ qua không tích chọn trường hợp miễn trừ nào, nếu chọn chỉ được chọn 1 hoặc 2a hoặc 2b hoặc 2c. Trường hợp tích chọn 2c thì bắt buộc phải chọn ít nhất 1 trong 3 loại, được phép tích chọn nhiều loại:
  + Phân phối: Từ 5% trở lên
  + Sản xuất: Từ 10% trở lên
  + Gia công: Từ 15% trở

MỤC III: THÔNG TIN XÁC ĐỊNH GIÁ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

- Nếu 2a hoặc 2c ở mục II được check chọn thì:
  + Cột (3), (7), (12): Cho phép nhập >=0.
  + Cột (13): cho phép check chọn
  + Cột (4), (5), (6), (8), (9), (10) và (11): Khoá, không cho kê khai.
- Nếu 2a và 2c ở mục II không được check chọn thì nhập như bảng sau

STT	Nội dung	Giá trị bán ra cho bên liên kết				Giá trị mua vào từ bên liên kết				Lợi nhuận tăng do xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Thu hộ, chi hộ, phân bổ cơ sở thường trú -> Tách thành 4 cột 12a, 12b, 12c, 12d				Giao dịch thuộc phạm vi áp dụng APA
		Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá	Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá		Tổng giá trị thu hộ	Tổng giá trị chi hộ	Tổng giá trị doanh thu phân bổ cho cơ sở thường trú	Tổng giá trị chi phí phân bổ cho cơ sở thường trú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)-(7)	(10)	(11)=(5)+(9)	(12a)	(12b)	(12c)	(12d)	(13)
I	**Tổng giá trị giao dịch phát sinh từ hoạt động kinh doanh**	Nhập >=0	Để trống	Để trống	Để trống	Nhập >=0	Để trống	Để trống	Để trống	Để trống	Để trống	Để trống	Để trống	Để trống	Để trống

STT	Nội dung	Giá trị bán ra cho bên liên kết				Giá trị mua vào từ bên liên kết				Lợi nhuận tăng do xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Thu hộ, chi hộ, phân bổ cơ sở thường trú -> Tách thành 4 cột 12a, 12b, 12c, 12d				Giao dịch thuộc phạm vi áp dụng APA
		Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá	Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá		Tổng giá trị thu hộ	Tổng giá trị chi hộ	Tổng giá trị doanh thu phân bổ cho cơ sở thường trú	Tổng giá trị chi phí phân bổ cho cơ sở thường trú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)-(7)	(10)	(11)=(5)+(9)	(12a)	(12b)	(12c)	(12d)	(13)
II	**Tổng giá trị giao dịch phát sinh từ hoạt động liên kết**	Tổng 1+2	Tổng 1+2	(5)=(4)-(3), nếu cột (5) >= 0 thì ghi thành công, nếu cột (5) <0 thì cảnh báo đỏ "Cột 5 = cột (4) – cột (3) phải >= 0	Để trống	Tổng 1+2	Tổng 1+2	(9)=(8)-(7), nếu cột (9) <= 0 thì ghi thành công, nếu cột (9) > 0 thì cảnh báo đỏ "Cột 9 = cột (8) – cột (7) phải <= 0	Để trống	(11)=(5)+(9) (11) = trị tuyệt đối của cột (5)+ trị tuyệt đối của cột (9)	Nhập >=0. Nhập >= 0, tối đa 15 ký tự tại các dòng con, hỗ trợ tính công thức theo hàng dọc tại các chỉ	Nhập >=0. Nhập >= 0, tối đa 15 ký tự tại các dòng con, hỗ trợ tính công thức theo hàng dọc tại các chỉ mục cha như các	Nhập >=0. Nhập >= 0, tối đa 15 ký tự tại các dòng con, hỗ trợ tính công thức theo hàng dọc tại các chỉ mục cha như các cột (3), (4), (7), (8)…, cho sửa	Nhập >=0. Nhập >= 0, tối đa 15 ký tự tại các dòng con, hỗ trợ tính công thức theo hàng dọc tại các chỉ mục cha như các	Để trống

STT	Nội dung	Giá trị bán ra cho bên liên kết				Giá trị mua vào từ bên liên kết				Lợi nhuận tăng do xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Thu hộ, chi hộ, phân bổ cơ sở thường trú -> Tách thành 4 cột 12a, 12b, 12c, 12d				Giao dịch thuộc phạm vi áp dụng APA
		Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá	Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá		Tổng giá trị thu hộ	Tổng giá trị chi hộ	Tổng giá trị doanh thu phân bổ cho cơ sở thường trú	Tổng giá trị chi phí phân bổ cho cơ sở thường trú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)-(7)	(10)	(11)=(5)+(9)	(12a)	(12b)	(12c)	(12d)	(13)
											mục cha như các cột (3), (4), (7), (8)…, cho sửa	cột (3), (4), (7), (8)…, cho sửa		cột (3), (4), (7), (8)…, cho sửa	
1	Hàng hóa	Tổng 1.1 + 1.2	Tổng 1.1 + 1.2	(5)=(4)-(3)	Để trống	Tổng 1.1 + 1.2	Tổng 1.1 + 1.2	(9)=(8)-(7)	Để trống	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Để trống

STT	Nội dung	Giá trị bán ra cho bên liên kết				Giá trị mua vào từ bên liên kết				Lợi nhuận tăng do xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Thu hộ, chi hộ, phân bổ cơ sở thường trú -> Tách thành 4 cột 12a, 12b, 12c, 12d				Giao dịch thuộc phạm vi áp dụng APA
		Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá	Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá		Tổng giá trị thu hộ	Tổng giá trị chi hộ	Tổng giá trị doanh thu phân bổ cho cơ sở thường trú	Tổng giá trị chi phí phân bổ cho cơ sở thường trú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)-(7)	(10)	(11)=(5)+(9)	(12a)	(12b)	(12c)	(12d)	(13)
1.1	Hàng hóa hình thành tài sản cố định	Tổng a+b+…	Tổng a+b+..	(5)=(4)-(3)	Để trống	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(9)=(8)-(7)	Để trống	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Để trống
a	Nhập text	Nhập >=0	Nhập >=0	(5)=(4)-(3)	Danh mục. Cột (6) bắt buộc chọn nếu cột (3)	Nhập >=0	Nhập >=0	(9)=(8)-(7)	Danh mục. Cột (10) bắt buộc chọn nếu	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Checkbox

STT	Nội dung	Giá trị bán ra cho bên liên kết				Giá trị mua vào từ bên liên kết				Lợi nhuận tăng do xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Thu hộ, chi hộ, phân bổ cơ sở thường trú -> Tách thành 4 cột 12a, 12b, 12c, 12d				Giao dịch thuộc phạm vi áp dụng APA
		Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá	Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá		Tổng giá trị thu hộ	Tổng giá trị chi hộ	Tổng giá trị doanh thu phân bổ cho cơ sở thường trú	Tổng giá trị chi phí phân bổ cho cơ sở thường trú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)-(7)	(10)	(11)=(5)+(9)	(12a)	(12b)	(12c)	(12d)	(13)
					>0, nếu không cảnh báo đỏ "Dữ liệu bắt buộc"				cột (7) > 0, nếu không cảnh báo đỏ "Dữ liệu bắt buộc"						
b															
	...														

STT	Nội dung	Giá trị bán ra cho bên liên kết				Giá trị mua vào từ bên liên kết				Lợi nhuận tăng do xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Thu hộ, chi hộ, phân bổ cơ sở thường trú -> Tách thành 4 cột 12a, 12b, 12c, 12d				Giao dịch thuộc phạm vi áp dụng APA
		Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá	Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá		Tổng giá trị thu hộ	Tổng giá trị chi hộ	Tổng giá trị doanh thu phân bổ cho cơ sở thường trú	Tổng giá trị chi phí phân bổ cho cơ sở thường trú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)-(7)	(10)	(11)=(5)+(9)	(12a)	(12b)	(12c)	(12d)	(13)
1.2	Hàng hóa không hình thành tài sản cố định	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(5)=(4)-(3)	Để trống	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(9)=(8)-(7)	Để trống	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Để trống
a	Nhập text	Nhập >=0	Nhập >=0	(5)=(4)-(3)	Danh mục	Nhập >=0	Nhập >=0	(9)=(8)-(7)	Danh mục	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	checkbox
b															
	…														
2	**Dịch vụ**	Tổng 2.1 + 2.2 + 2.3 +	Tổng 2.1 + 2.2 + 2.3 +	(5)=(4)-(3)	Để trống	Tổng 2.1 + 2.2 + 2.3 +	Tổng 2.1 + 2.2 + 2.3 +	(9)=(8)-(7)	Để trống	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Để trống

STT	Nội dung	Giá trị bán ra cho bên liên kết				Giá trị mua vào từ bên liên kết				Lợi nhuận tăng do xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Thu hộ, chi hộ, phân bổ cơ sở thường trú -> Tách thành 4 cột 12a, 12b, 12c, 12d				Giao dịch thuộc phạm vi áp dụng APA
		Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá	Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá		Tổng giá trị thu hộ	Tổng giá trị chi hộ	Tổng giá trị doanh thu phân bổ cho cơ sở thường trú	Tổng giá trị chi phí phân bổ cho cơ sở thường trú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)-(7)	(10)	(11)=(5)+(9)	(12a)	(12b)	(12c)	(12d)	(13)
		2.4 + 2.5	2.4 + 2.5			2.4 + 2.5	2.4 + 2.5								
2.1	Nghiên cứu, phát triển	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(5)=(4)-(3)	Để trống	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(9)=(8)-(7)	Để trống	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Để trống
a	Nhập text	Nhập >=0	Nhập >=0	(5)=(4)-(3)	Danh mục	Nhập >=0	Nhập >=0	(9)=(8)-(7)	Danh mục	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	checkbox
b															
	…														
2.2	Quảng cáo, tiếp thị	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(5)=(4)-(3)	Để trống	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(9)=(8)-(7)	Để trống	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Để trống
a	Nhập text	Nhập >=0	Nhập >=0	(5)=(4)-(3)	Danh mục	Nhập >=0	Nhập >=0	(9)=(8)-(7)	Danh mục	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	checkbox

STT	Nội dung	Giá trị bán ra cho bên liên kết				Giá trị mua vào từ bên liên kết				Lợi nhuận tăng do xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Thu hộ, chi hộ, phân bổ cơ sở thường trú -> Tách thành 4 cột 12a, 12b, 12c, 12d				Giao dịch thuộc phạm vi áp dụng APA
		Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá	Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá		Tổng giá trị thu hộ	Tổng giá trị chi hộ	Tổng giá trị doanh thu phân bổ cho cơ sở thường trú	Tổng giá trị chi phí phân bổ cho cơ sở thường trú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)-(7)	(10)	(11)=(5)+(9)	(12a)	(12b)	(12c)	(12d)	(13)
b															
	…														
2.3	Quản lý kinh doanh và tư vấn, đào tạo	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(5)=(4)-(3)	Để trống	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(9)=(8)-(7)	Để trống	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Để trống
a	Nhập text	Nhập >=0	Nhập >=0	(5)=(4)-(3)	Danh mục	Nhập >=0	Nhập >=0	(9)=(8)-(7)	Danh mục	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	checkbox
b															
	...														

STT	Nội dung	Giá trị bán ra cho bên liên kết				Giá trị mua vào từ bên liên kết				Lợi nhuận tăng do xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Thu hộ, chi hộ, phân bổ cơ sở thường trú -> Tách thành 4 cột 12a, 12b, 12c, 12d				Giao dịch thuộc phạm vi áp dụng APA
		Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá	Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá		Tổng giá trị thu hộ	Tổng giá trị chi hộ	Tổng giá trị doanh thu phân bổ cho cơ sở thường trú	Tổng giá trị chi phí phân bổ cho cơ sở thường trú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)-(7)	(10)	(11)=(5)+(9)	(12a)	(12b)	(12c)	(12d)	(13)
2.4	Hoạt động tài chính	Tổng 2.4.1 + 2.4.2	Tổng 2.4.1 + 2.4.2	(5)=(4)-(3)	Để trống	Tổng 2.4.1 + 2.4.2	Tổng 2.4.1 + 2.4.2	(9)=(8)-(7)	Để trống	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Để trống
2.4.1	Phí bản quyền và các khoản tương tự	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(5)=(4)-(3)	Để trống	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(9)=(8)-(7)	Để trống	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Để trống
A	Nhập text	Nhập >=0	Nhập >=0	(5)=(4)-(3)	Danh mục	Nhập >=0	Nhập >=0	(9)=(8)-(7)	Danh mục	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	checkbox
B										....					
	…														
2.4.2	Lãi vay	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(5)=(4)-(3)	Để trống	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(9)=(8)-(7)	Để trống	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Để trống

STT	Nội dung	Giá trị bán ra cho bên liên kết				Giá trị mua vào từ bên liên kết				Lợi nhuận tăng do xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Thu hộ, chi hộ, phân bổ cơ sở thường trú -> Tách thành 4 cột 12a, 12b, 12c, 12d				Giao dịch thuộc phạm vi áp dụng APA
		Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá	Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá		Tổng giá trị thu hộ	Tổng giá trị chi hộ	Tổng giá trị doanh thu phân bổ cho cơ sở thường trú	Tổng giá trị chi phí phân bổ cho cơ sở thường trú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)-(7)	(10)	(11)=(5)+(9)	(12a)	(12b)	(12c)	(12d)	(13)
A	Nhập text	Nhập >=0	Nhập >=0	(5)=(4)-(3)	Danh mục	Nhập >=0	Nhập >=0	(9)=(8)-(7)	Danh mục	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	checkbox
B															
	…														
2.5	Dịch vụ khác	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(5)=(4)-(3)	Để trống	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(9)=(8)-(7)	Để trống	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Để trống
A	Nhập text	Nhập >=0	Nhập >=0	(5)=(4)-(3)	Danh mục	Nhập >=0	Nhập >=0	(9)=(8)-(7)	Danh mục	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	checkbox
B															
	…														

MỤC IV. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH SAU KHI XÁC ĐỊNH GIÁ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

- Nếu check 2b tại Mục II thì bắt buộc chọn Có/ Không tại mục "Người nộp thuế đã ký thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA)" tại 1 trong 3 bảng.
- Cột (6) đang bắt buộc nhập tại bảng 1 và bảng 3 khi tích chọn 2a tại Mục II → Chỉ kiểm tra đã nhập cột (6) tại một trong các bảng là được.

1 Dành cho người nộp thuế thuộc các ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ

- Nếu 2a ở mục II được check chọn thì:
  + Dòng từ 1 đến 12:
    - Cột (3), (4) và (5): Khoá, không cho kê khai
    - Cột (6): Nhập >= 0, tối đa 15 ký tự, bắt buộc nhập một trong các dòng sau > 0 (dòng 1, 4, 6, 7, 9). Riêng cột (6) dòng 5 cho phép nhập số âm, dương.
  + Dòng từ (13) đến (16): NNT kê khai
  + Dòng (17): Để trống, không cho kê khai
- Nếu 2c ở mục II được check chọn thì:
  + Dòng từ 1 đến 12:
    - Cột (3), (4) và (5): Khoá, không cho kê khai
    - Cột (6): Nhập >= 0, tối đa 15 ký tự, bắt buộc nhập một trong các dòng sau > 0 (dòng 1, 4, 6, 7, 9). Riêng cột (6) dòng 5 cho phép nhập số âm, dương.
  + Dòng từ (13) đến (16) : NNT kê khai
  + Dòng (17):
    - Cột (2): Bắt buộc nhập, cho phép nhập text và UD cho nhập text, tối đa 200 ký tự, UD cho phép thêm nhiều dòng
    - Cột 6: Nhập dạng x,xxx >= 0 (tối đa 3 số phần nguyên)
    - Cột (3), (4) và (5): Khoá, không cho kê khai
- Nếu 2a và 2c ở mục II không được check chọn thì nhập như bảng sau:

Người nộp thuế đã ký thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA)	Có □ Checkbox	Không □ Checkbox, nếu check thì khoá, không nhập cột (4)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu	Nhập >=0, kiểm tra <= mục 1	Nhập >=0, kiểm tra <= mục 1	Nhập >=0, kiểm tra <= mục 1	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=1-2	=1-2	=1-2	=1-2
4	Giá vốn hàng bán	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=3-4	=3-4	=3-4	=3-4
6	Chi phí bán hàng	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
8	Doanh thu hoạt động tài chính	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
8.1	Trong đó: Lãi tiền gửi và lãi cho vay	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0. Kiểm tra dòng 8.1 phải < dòng 8, nếu không cảnh báo đỏ
9	Chi phí tài chính	Khoá	Khoá	Khoá	Cho phép nhập số âm, dương

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
9.1	Trong đó: - Chi phí lãi tiền vay	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
9.1.a	Chi phí lãi vay được trừ trong kỳ	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0. Kiểm tra dòng 9.1.a phải < dòng 9.1, nếu không cảnh báo đỏ
9.1.b	Phần chi phí lãi vay trong kỳ không được trừ chuyển sang kỳ sau theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 16	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0. Kiểm tra dòng 9.1.b phải < dòng 9.1, nếu không cảnh báo đỏ
10	Chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ (11)=(5)-(6)-(7)+(8)-(9)	Khoá	Khoá	Khoá	=5-6-7+8-9
12	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ không bao gồm chênh lệch doanh thu và chi phí của hoạt động tài chính (12)=(11)-(8)+(9)	=11-8+9	=11-8+9	=11-8+9	=11-8+9
13	Tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay trong kỳ cộng chi phí khấu hao trong kỳ (13)=(11)+(9.1)-(8.1)+10)	Khoá	Khoá	Khoá	=11+9.1-8.1+10

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
14	Tỷ lệ chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ trên tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay trong kỳ cộng chi phí khấu hao trong kỳ (14)=[(9.1)-(8.1)]/(13)	Khoá	Khoá	Khoá	(9.1-8.1)/13 * 100 (dạng x,xxx)
15	Chi phí lãi vay của các kỳ trước chuyển sang, trong đó: (15)=(15.1)+(15.2)+(15.3)+(15.4)+(15.5)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (15)=(15.1)+(15.2)+(15.3)+(15.4)+(15.5)
15.1	- Phần chi phí lãi vay không được trừ từ năm(n-1) chuyển sang kỳ tính thuế(n)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
15.2	- Phần chi phí lãi vay không được trừ từ năm(n-2) chuyển sang kỳ tính thuế(n)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
15.3	- Phần chi phí lãi vay không được trừ từ năm(n-3) chuyển sang kỳ tính thuế(n)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
15.4	- Phần chi phí lãi vay không được trừ từ năm(n-	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
	4) chuyển sang kỳ tính thuế (n)				
15.5	- Phần chi phí lãi vay không được trừ từ năm(n-5) chuyển sang kỳ tính thuế (n)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
16	Tỷ lệ chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh cộng chi phí lãi vay của các kỳ trước chuyển sang trên tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng chi phí lãi vay(sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) trong kỳ cộng chi phí khấu hao trong kỳ (16) =[(9.1)-(8.1)+(15)]/(13)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	(16) =[(9.1)-(8.1)+(15)]/(13) (dạng x,xxx)
17	Tỷ suất lợi nhuận sử dụng xác định giá giao dịch liên kết	Để trống	Để trống	Để trống	Để trống
17.1	Nhập text	Nhập x,xxx (tối đa 3 số phần nguyên)	Nhập x,xxx (tối đa 3 số phần nguyên)	Khoá	Khóa
….	……	…	…	…	…

2. Dành cho người nộp thuế thuộc các ngành ngân hàng, tín dụng

Người nộp thuế đã ký thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA)	Có □ Checkbox	Không □ Checkbox, nếu check thì khoá, không nhập cột (4)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
2	Chi trả lãi và các chi phí tương tự	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
3	Thu nhập lãi thuần (3)= (1)-(2)	=1-2	=1-2	=1-2	=1-2
4	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
5	Chi phí hoạt động dịch vụ	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
6	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ (6)=(4)-(5)	=4-5	=4-5	=4-5	=4-5
7	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	Nhập âm dương	Nhập âm dương	Nhập âm dương	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
8	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	Nhập âm dương	Nhập âm dương	Nhập âm dương	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
9	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	Nhập âm dương	Nhập âm dương	Nhập âm dương	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
10	Thu nhập từ hoạt động khác	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
11	Chi phí hoạt động khác	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
12	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác (12) = (10)-(11)	=10-11	=10-11	=10-11	=10-11
13	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
14	Chi phí hoạt động	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
15	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
16	Tổng lợi nhuận trước thuế (16) = (3)+(6)+(7)+(8)+(9)+(12)+(13)-(14)-(15)	= 3+6+7 +8+9+12 +13-14-15	= 3+6+7 +8+9+12 +13-14-15	= 3+6+7 +8+9+12 +13-14-15	= 3+6+7 +8+9+12 +13-14-15
17	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh (17=16-12)	=16-12	=16-12	=16-12	=16-12
18	Tỷ suất lợi nhuận sử dụng xác định giá giao dịch liên kết (%)	Để trống	Để trống	Để trống	Để trống
a	Nhập text	Nhập x,xxx (tối đa 3 số phần nguyên)	Nhập x,xxx (tối đa 3 số phần nguyên)	Khoá	Khoá
…	……	…	..	…	…

3. Dành cho người nộp thuế là các công ty chứng khoán

- Nếu 2a ở mục II được check chọn thì:

+ Dòng từ 1 đến 14:
  - Cột (3), (4) và (5): Khoá, không cho kê khai
  - Cột (6): Bắt buộc nhập một trong các dòng sau >0 (dòng 1,2), tối đa 15 ký tự (nhập >= 0)

+ Dòng 15: Khoá, không cho kê khai

- Nếu 2a ở mục II không được check chọn thì nhập như bảng sau:

Người nộp thuế đã ký thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA)	Có □ Checkbox	Không □ Checkbox, nếu check thì khoá, không nhập cột (4)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	**Chỉ tiêu**	**Giá trị giao dịch liên kết**		**Giá trị giao dịch với các bên độc lập**	**Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ**
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
1	Doanh thu hoạt động (1)= (1.1)+(1.2)+(1.3)+(1.4)+(1.5)+(1.6)+(1.7)+(1.8)+(1.9)+(1.10)+(1.11)	Để trống	Để trống	Để trống	Công thức (1)=(1.1)+(1.2)+(1.3)+(1.4)+(1.5)+(1.6)+(1.7)+(1.8)+(1.9)+(1.10)+(1.11)
1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ (FVTPL) (1.1)= (1.1.a)+(1.1.b)+(1.1.c)	Để trống	Để trống	Để trống	Công thức (1.1)= (1.1.a)+(1.1.b)+(1.1.c)
1.1.a	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
1.1.b	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
1.1.c	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
1.4	Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
1.5	Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
1.6	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
1.7	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh , đại lý phát hành chứng khoán	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
1.8	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
1.9	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
1.10	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
1.11	Thu nhập hoạt động khác	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2	Chi phí hoạt động (2)= (2.1)+(2.2)+(2.3)+(2.4)+(2.5) +(2.6)+(2.7)+(2.8)+(2.9)+(2.10)+(2.11) +(2.12)	Để trống	Để trống	Để trống	Công thức (2)= (2.1)+(2.2)+(2.3) +(2.4)+(2.5)+(2.6)+(2.7)+(2.8)+(2. 9)+(2.10)+(2.11) +(2.12)

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ (FVTPL) (2.1) = (2.1.a)+(2.1.b) +(2.1.c)	Khoá	Khoá	Khoá	Công thức (2.1) = (2.1.a)+(2.1.b) +(2.1.c)
2.1.a	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.1.b	Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.1.c	Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.2	Lỗ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.3	Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.4	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.5	Lỗ từ các tài sản tài chính phái sinh phòng ngừa rủi ro	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.6	Chi phí hoạt động tự doanh	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
2.7	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.8	Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.9	Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.10	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.11	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.12	Chi phí các dịch vụ khác	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
3	Doanh thu hoạt động tài chính (3) = (3.1)+(3.2)+(3.3)+(3.4)	Để trống	Để trống	Để trống	Công thức (3) = (3.1)+(3.2)+(3.3)+(3.4)
3.1	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
3.2	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
3.3	Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
3.4	Doanh thu khác về đầu tư	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
4	Chi phí tài chính (4) = (4.1)+(4.2)+(4.3)+(4.4)+(4.5)	Để trống	Để trống	Để trống	Công thức (4) = (4.1)+(4.2)+(4.3)+(4.4)+(4.5)

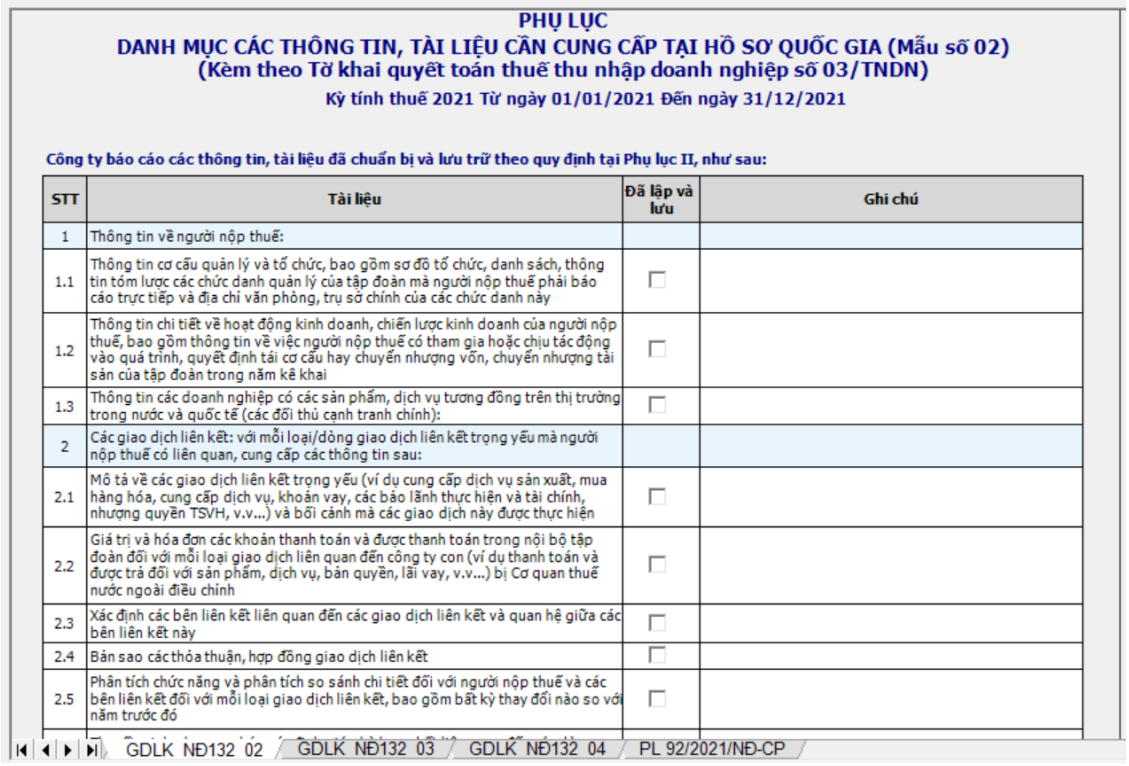
STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
4.1	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
4.2	Chi phí lãi vay	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
4.3	Lỗi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
4.4	Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
4.5	Chi phí tài chính khác	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
5	Chi phí bán hàng	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
6	Chi phí quản lý công ty chứng khoán	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
7	Kết quả hoạt động (7)= (1)-(2)+(3)-(4)-(5)-(6)	Để trống	Để trống	Để trống	Công thức (7)= (1)-(2)+(3)-(4)-(5)-(6)
8	Tổng lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
9	Tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
9.1	Chi phí lãi vay được trừ trong kỳ	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
9.2	Phần chi phí lãi vay trong kỳ không được trừ chuyển sang kỳ sau theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 16	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
10	Chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
11	Tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ cộng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ cộng chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ (11)= (7)+(9)-(8)+(10)	Khoá	Khoá	Khoá	11= 7+9-8+10
12	Tỷ lệ chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ trên tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay trong kỳ cộng chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ (12) =[(9)-(8)]/(11)	Khoá	Khoá	Khoá	12= ((9-8)/ 11)*100 (dạng x,xxx)
13	Chi phí lãi vay của các kỳ trước chuyển sang (13)=(13.1)+(13.2)+(13.3)+(13.4)+(13.5) Trong đó:	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (13)=(13.1)+(13.2)+(13.3)+(13.4)+(13.5)
13.1	- Phần chi phí lãi vay không được trừ từ năm(n-1) chuyển sang kỳ tính thuế(n)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
13.2	- Phần chi phí lãi vay không được trừ từ năm(n-2) chuyển sang kỳ tính thuế(n)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
13.3	- Phần chi phí lãi vay không được trừ từ năm(n-3) chuyển sang kỳ tính thuế(n)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
13.4	- Phần chi phí lãi vay không được trừ từ năm(n-4) chuyển sang kỳ tính thuế(n)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
13.5	- Phần chi phí lãi vay không được trừ từ năm(n-5) chuyển sang kỳ tính thuế(n)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
14	Tỷ lệ chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh được trừ trong kỳ cộng chi phí lãi vay của các kỳ trước chuyển sang kỳ tính thuế(n) trên tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng chi phí lãi vay thuần phát sinh trong kỳ cộng chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ của người nộp thuế (14) = [(9)-(8)+(13)]/(11)	Khoá	Khoá	Khoá	14 = ((9-8+13)/11)*100 (dạng x,xxx)
15	Tỷ suất lợi nhuận sử dụng xác định giá giao dịch liên kết	Để trống	Để trống	Để trống	Để trống
15.1	Nhập text	Nhập x,xxx (tối đa 3 số phần nguyên)	Nhập x,xxx (tối đa 3 số phần nguyên)	Khoá	Khoá
	……				

3.12.2.1.3 Phụ lục GDLK2_ND132_02: Danh mục các thông tin, tài liệu cần cung cấp tại hồ sơ Quốc gia theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP

- Cột "Đã lập và lưu": cho phép NNT tích chọn, được phép tích chọn nhiều tài liệu
- Ghi chú: cho phép NNT nhập text, tối đa 200 ký tự.



PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC THÔNG TIN, TÀI LIỆU CẦN CUNG CẤP TẠI HỒ SƠ QUỐC GIA (Mẫu số 02)
(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)
Kỳ tính thuế 2021 Từ ngày 01/01/2021 Đến ngày 31/12/2021

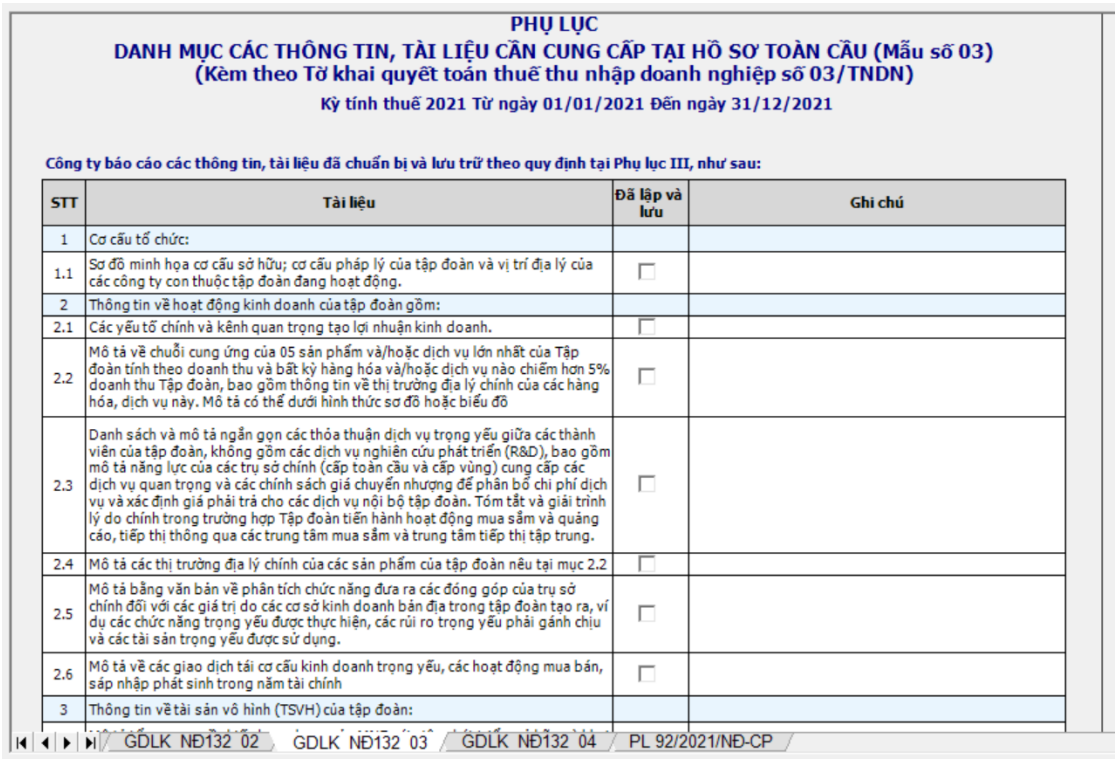
Công ty báo cáo các thông tin, tài liệu đã chuẩn bị và lưu trữ theo quy định tại Phụ lục II, như sau:

STT	Tài liệu	Đã lập và lưu	Ghi chú
1	Thông tin về người nộp thuế:		
1.1	Thông tin cơ cấu quản lý và tổ chức, bao gồm sơ đồ tổ chức, danh sách, thông tin tóm lược các chức danh quản lý của tập đoàn mà người nộp thuế phải báo cáo trực tiếp và địa chỉ văn phòng, trụ sở chính của các chức danh này	☐	
1.2	Thông tin chi tiết về hoạt động kinh doanh, chiến lược kinh doanh của người nộp thuế, bao gồm thông tin về việc người nộp thuế có tham gia hoặc chịu tác động vào quá trình, quyết định tái cơ cấu hay chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng tài sản của tập đoàn trong năm kê khai	☐	
1.3	Thông tin các doanh nghiệp có các sản phẩm, dịch vụ tương đồng trên thị trường trong nước và quốc tế (các đối thủ cạnh tranh chính):	☐	
2	Các giao dịch liên kết: với mỗi loại/dòng giao dịch liên kết trọng yếu mà người nộp thuế có liên quan, cung cấp các thông tin sau:		
2.1	Mô tả về các giao dịch liên kết trọng yếu (ví dụ cung cấp dịch vụ sản xuất, mua hàng hóa, cung cấp dịch vụ, khoản vay, các bảo lãnh thực hiện và tài chính, nhượng quyền TSVH, v.v...) và bối cảnh mà các giao dịch này được thực hiện	☐	
2.2	Giá trị và hóa đơn các khoản thanh toán và được thanh toán trong nội bộ tập đoàn đối với mỗi loại giao dịch liên quan đến công ty con (ví dụ thanh toán và được trả đối với sản phẩm, dịch vụ, bản quyền, lãi vay, v.v...) bị Cơ quan thuế nước ngoài điều chỉnh	☐	
2.3	Xác định các bên liên kết liên quan đến các giao dịch liên kết và quan hệ giữa các bên liên kết này	☐	
2.4	Bản sao các thỏa thuận, hợp đồng giao dịch liên kết	☐	
2.5	Phân tích chức năng và phân tích so sánh chi tiết đối với người nộp thuế và các bên liên kết đối với mỗi loại giao dịch liên kết, bao gồm bất kỳ thay đổi nào so với năm trước đó	☐	

GDLK_NĐ132_02 | GDLK_NĐ132_03 | GDLK_NĐ132_04 | PL 92/2021/NĐ-CP

3.12.2.1.4 Phụ lục GDLK_ND132_03: Danh mục các thông tin, tài liệu cần cung cấp tại hồ sơ toàn cầu theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP

- Cột "Đã lập và lưu": cho phép NNT tích chọn, được phép tích chọn nhiều tài liệu
- Ghi chú: cho phép NNT nhập text, tối đa 200 ký tự.



PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC THÔNG TIN, TÀI LIỆU CẦN CUNG CẤP TẠI HỒ SƠ TOÀN CẦU (Mẫu số 03)
(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

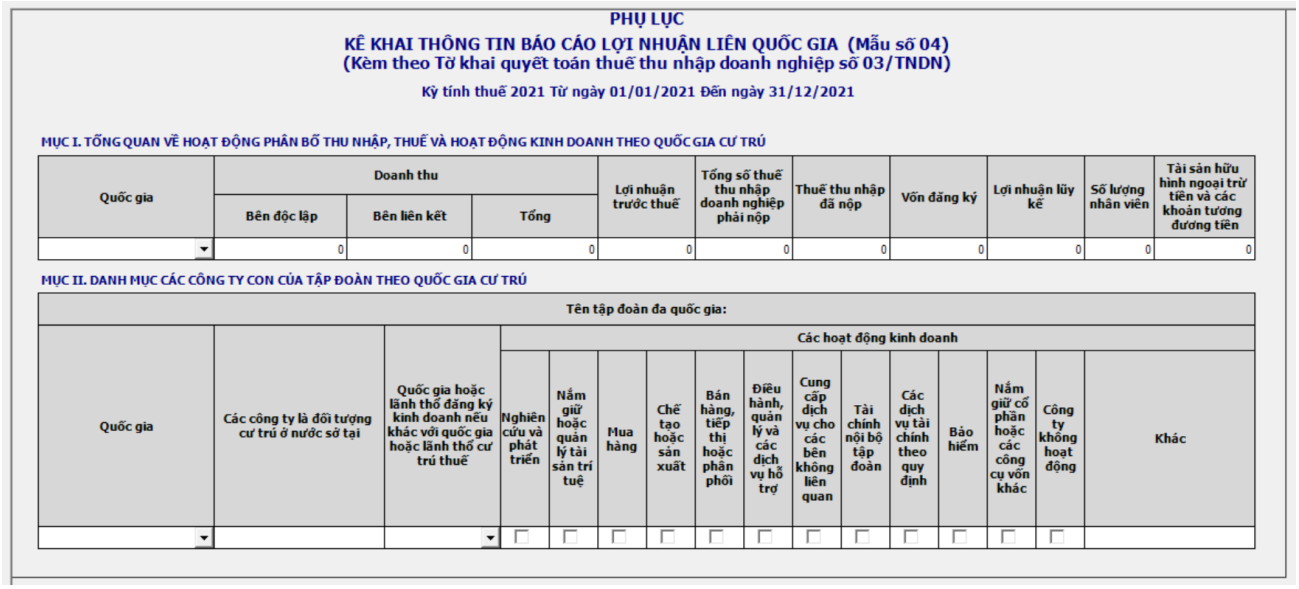
Kỳ tính thuế 2021 Từ ngày 01/01/2021 Đến ngày 31/12/2021

Công ty báo cáo các thông tin, tài liệu đã chuẩn bị và lưu trữ theo quy định tại Phụ lục III, như sau:

STT	Tài liệu	Đã lập và lưu	Ghi chú
1	Cơ cấu tổ chức:		
1.1	Sơ đồ minh họa cơ cấu sở hữu; cơ cấu pháp lý của tập đoàn và vị trí địa lý của các công ty con thuộc tập đoàn đang hoạt động.	☐	
2	Thông tin về hoạt động kinh doanh của tập đoàn gồm:		
2.1	Các yếu tố chính và kênh quan trọng tạo lợi nhuận kinh doanh.	☐	
2.2	Mô tả về chuỗi cung ứng của 05 sản phẩm và/hoặc dịch vụ lớn nhất của Tập đoàn tính theo doanh thu và bất kỳ hàng hóa và/hoặc dịch vụ nào chiếm hơn 5% doanh thu Tập đoàn, bao gồm thông tin về thị trường địa lý chính của các hàng hóa, dịch vụ này. Mô tả có thể dưới hình thức sơ đồ hoặc biểu đồ	☐	
2.3	Danh sách và mô tả ngắn gọn các thỏa thuận dịch vụ trọng yếu giữa các thành viên của tập đoàn, không gồm các dịch vụ nghiên cứu phát triển (R&D), bao gồm mô tả năng lực của các trụ sở chính (cấp toàn cầu và cấp vùng) cung cấp các dịch vụ quan trọng và các chính sách giá chuyển nhượng để phân bổ chi phí dịch vụ và xác định giá phải trả cho các dịch vụ nội bộ tập đoàn. Tóm tắt và giải trình lý do chính trong trường hợp Tập đoàn tiến hành hoạt động mua sắm và quảng cáo, tiếp thị thông qua các trung tâm mua sắm và trung tâm tiếp thị tập trung.	☐	
2.4	Mô tả các thị trường địa lý chính của các sản phẩm của tập đoàn nêu tại mục 2.2	☐	
2.5	Mô tả bằng văn bản về phân tích chức năng đưa ra các đóng góp của trụ sở chính đối với các giá trị do các cơ sở kinh doanh bản địa trong tập đoàn tạo ra, ví dụ các chức năng trọng yếu được thực hiện, các rủi ro trọng yếu phải gánh chịu và các tài sản trọng yếu được sử dụng.	☐	
2.6	Mô tả về các giao dịch tái cơ cấu kinh doanh trọng yếu, các hoạt động mua bán, sáp nhập phát sinh trong năm tài chính	☐	
3	Thông tin về tài sản vô hình (TSVH) của tập đoàn:		

GDLK_NĐ132_02 | GDLK_NĐ132_03 | GDLK_NĐ132_04 | PL 92/2021/NĐ-CP

3.12.2.1.5 Phụ lục GDLK_ND132_04: Kê khai thông tin báo cáo lợi nhuận liên Quốc gia theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP



PHỤ LỤC

KÊ KHAI THÔNG TIN BÁO CÁO LỢI NHUẬN LIÊN QUỐC GIA (Mẫu số 04)
(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Kỳ tính thuế 2021 Từ ngày 01/01/2021 Đến ngày 31/12/2021

MỤC I. TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG PHÂN BỔ THU NHẬP, THUẾ VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO QUỐC GIA CƯ TRÚ

Quốc gia	Doanh thu			Lợi nhuận trước thuế	Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	Thuế thu nhập đã nộp	Vốn đăng ký	Lợi nhuận lũy kế	Số lượng nhân viên	Tài sản hữu hình ngoại trừ tiền và các khoản tương đương tiền
	Bên độc lập	Bên liên kết	Tổng							
	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

MỤC II. DANH MỤC CÁC CÔNG TY CON CỦA TẬP ĐOÀN THEO QUỐC GIA CƯ TRÚ

Tên tập đoàn đa quốc gia:															
Quốc gia	Các công ty là đối tượng cư trú ở nước sở tại	Quốc gia hoặc lãnh thổ đăng ký kinh doanh nếu khác với quốc gia hoặc lãnh thổ cư trú thuế	Các hoạt động kinh doanh												
			Nghiên cứu và phát triển	Nắm giữ hoặc quản lý tài sản trí tuệ	Mua hàng	Chế tạo hoặc sản xuất	Bán hàng, tiếp thị hoặc phân phối	Điều hành, quản lý và các dịch vụ hỗ trợ	Cung cấp dịch vụ cho các bên không liên quan	Tài chính nội bộ tập đoàn	Các dịch vụ tài chính theo quy định	Bảo hiểm	Nắm giữ cổ phần hoặc các công cụ vốn khác	Công ty không hoạt động	Khác
			☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	

MỤC I: TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG PHÂN BỔ THU NHẬP, THUẾ VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO QUỐC GIA CƯ TRÚ

- UD cho phép thêm dòng (F5) và xóa dòng (F6)
- Các chỉ tiêu NSD tự nhập:
  + Quốc gia: cho phép chọn trong danh mục quốc gia
  + Doanh thu "Bên độc lập", "Bên liên kết": Nhập số >= 0
  + Lợi nhuận trước thuế, Lợi nhuận lũy kế: Nhập âm dương, tối đa 15 ký tự

+ Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp, Thuế thu nhập đã nộp, Vốn đăng ký, Số lượng nhân viên, Tài sản hữu hình ngoại trừ tiền và các khoản tương đương tiền: Nhập >=0, tối đa 15 ký tự

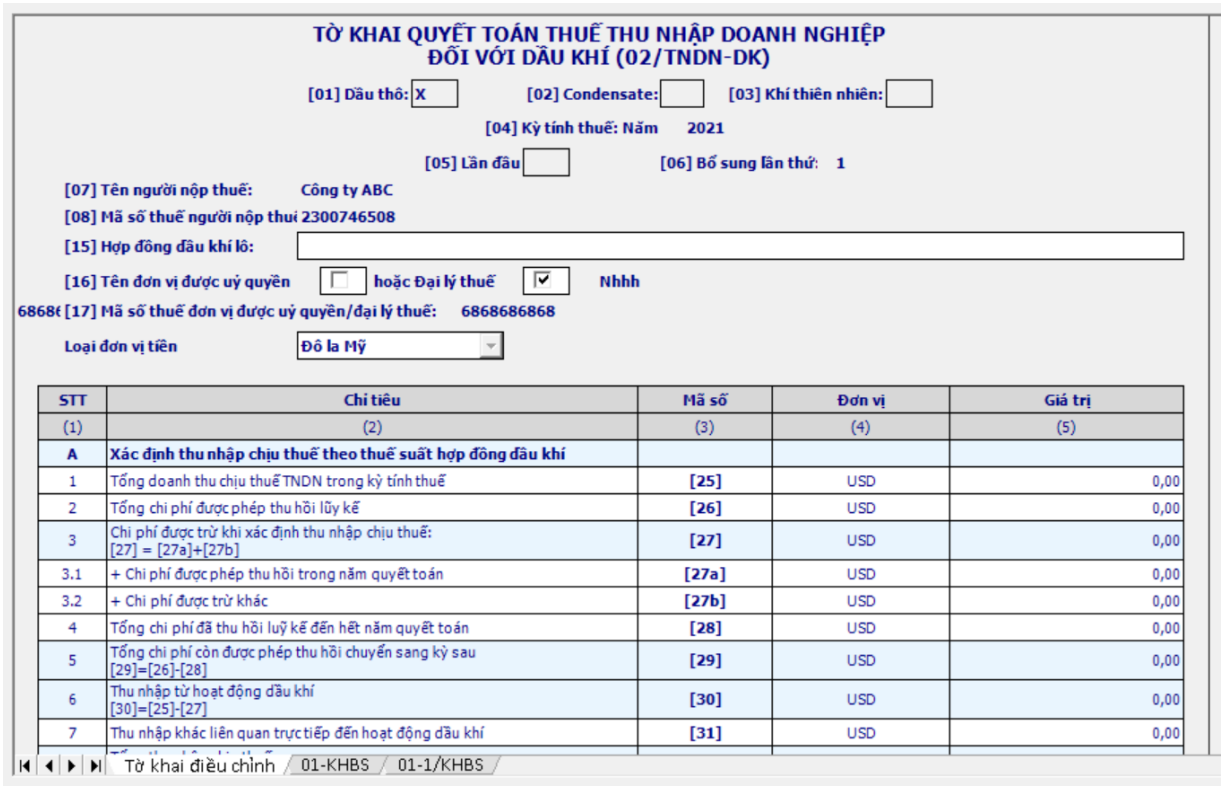
- Các chi tiêu UD hỗ trợ tự động tính:
  + Doanh thu "Tổng" = bên độc lập + bên liên kết

MỤC II: DANH MỤC CÁC CÔNG TY CON CỦA TẬP ĐOÀN THEO QUỐC GIA CƯ TRÚ

- UD cho phép thêm dòng (F5) và xóa dòng (F6)
- Cho phép check chọn nhiều hoạt động kinh doanh
- Nhập chi tiết:
  + Quốc gia: cho phép chọn trong danh mục
  + Các công ty là đối tượng cư trú ở nước sở tại: Nhập text, tối đa 200 ký tự
  + Quốc gia hoặc lãnh thổ đăng ký kinh doanh nếu khác với quốc gia hoặc lãnh thổ cư trú thuế: cho phép chọn trong danh mục
  + Các hoạt động kinh doanh: cho phép check chọn nhiều hoạt động kinh doanh dưới đây:
    - Nghiên cứu và phát triển
    - Nắm giữ hoặc quản lý tài sản trí tuệ
    - Mua hàng: checkbox
    - Chế tạo hoặc sản xuất
    - Bán hàng, tiếp thị hoặc phân phối
    - Điều hành, quản lý và các dịch vụ hỗ trợ
    - Cung cấp dịch vụ cho các bên không liên quan
    - Tài chính nội bộ tập đoàn
    - Các dịch vụ tài chính theo quy định
    - Bảo hiểm: checkbox
    - Nắm giữ cổ phần hoặc các công cụ vốn khác
    - Công ty không hoạt động
  + Khác: Nhập text, tối đa 200 ký tự

3.12.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".



TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
ĐỐI VỚI DẦU KHÍ (02/TNDN-DK)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[05] Lần đầu [06] Bổ sung lần thứ: 1

[07] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[08] Mã số thuế người nộp thuế: 2300746508

[15] Hợp đồng dầu khí lô:

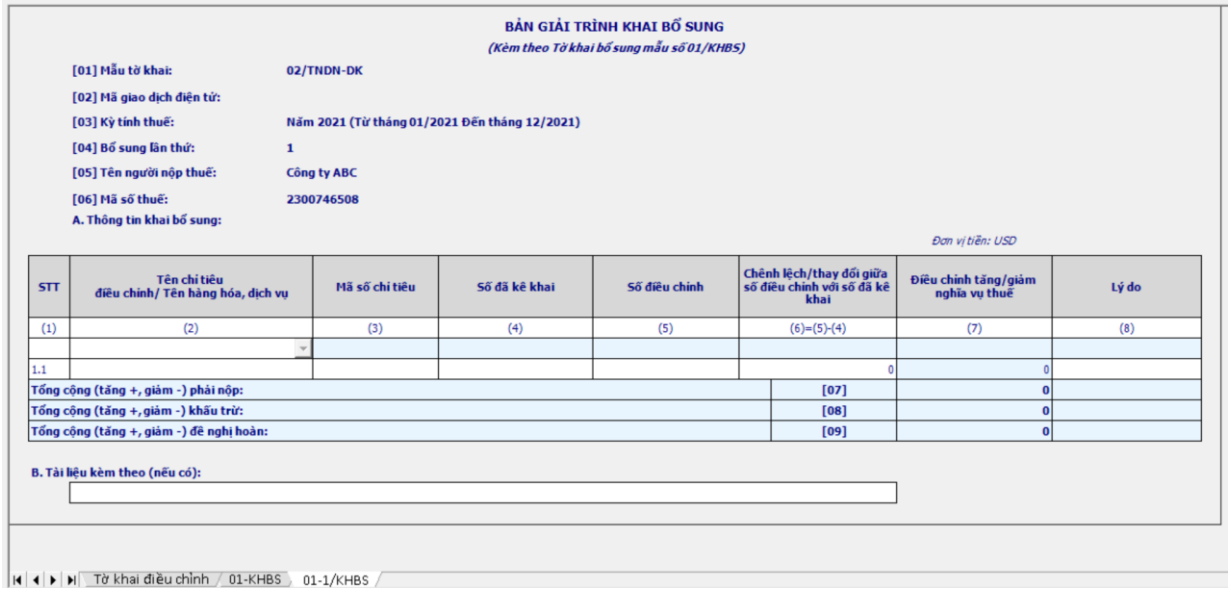
[16] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế Nhhh

[17] Mã số thuế đơn vị được uỷ quyền/đại lý thuế: 6868686868

Loại đơn vị tiền: Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A	Xác định thu nhập chịu thuế theo thuế suất hợp đồng dầu khí			
1	Tổng doanh thu chịu thuế TNDN trong kỳ tính thuế	[25]	USD	0,00
2	Tổng chi phí được phép thu hồi lũy kế	[26]	USD	0,00
3	Chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế: [27] = [27a]+[27b]	[27]	USD	0,00
3.1	+ Chi phí được phép thu hồi trong năm quyết toán	[27a]	USD	0,00
3.2	+ Chi phí được trừ khác	[27b]	USD	0,00
4	Tổng chi phí đã thu hồi luỹ kế đến hết năm quyết toán	[28]	USD	0,00
5	Tổng chi phí còn được phép thu hồi chuyển sang kỳ sau [29]=[26]-[28]	[29]	USD	0,00
6	Thu nhập từ hoạt động dầu khí [30]=[25]-[27]	[30]	USD	0,00
7	Thu nhập khác liên quan trực tiếp đến hoạt động dầu khí	[31]	USD	0,00

Tờ khai điều chỉnh | 01-KHBS | 01-1/KHBS



BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 02/TNDN-DK

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021 (Từ tháng 01/2021 Đến tháng 12/2021)

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: USD

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

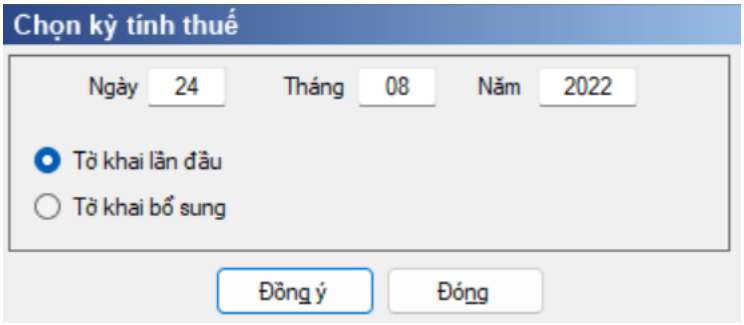
Tờ khai điều chỉnh | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.12.3 Tờ khai các khoản thu về hoa hồng dầu khí, tiền đọc và sử dụng tài liệu dầu khí (01/TNS-DK) (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

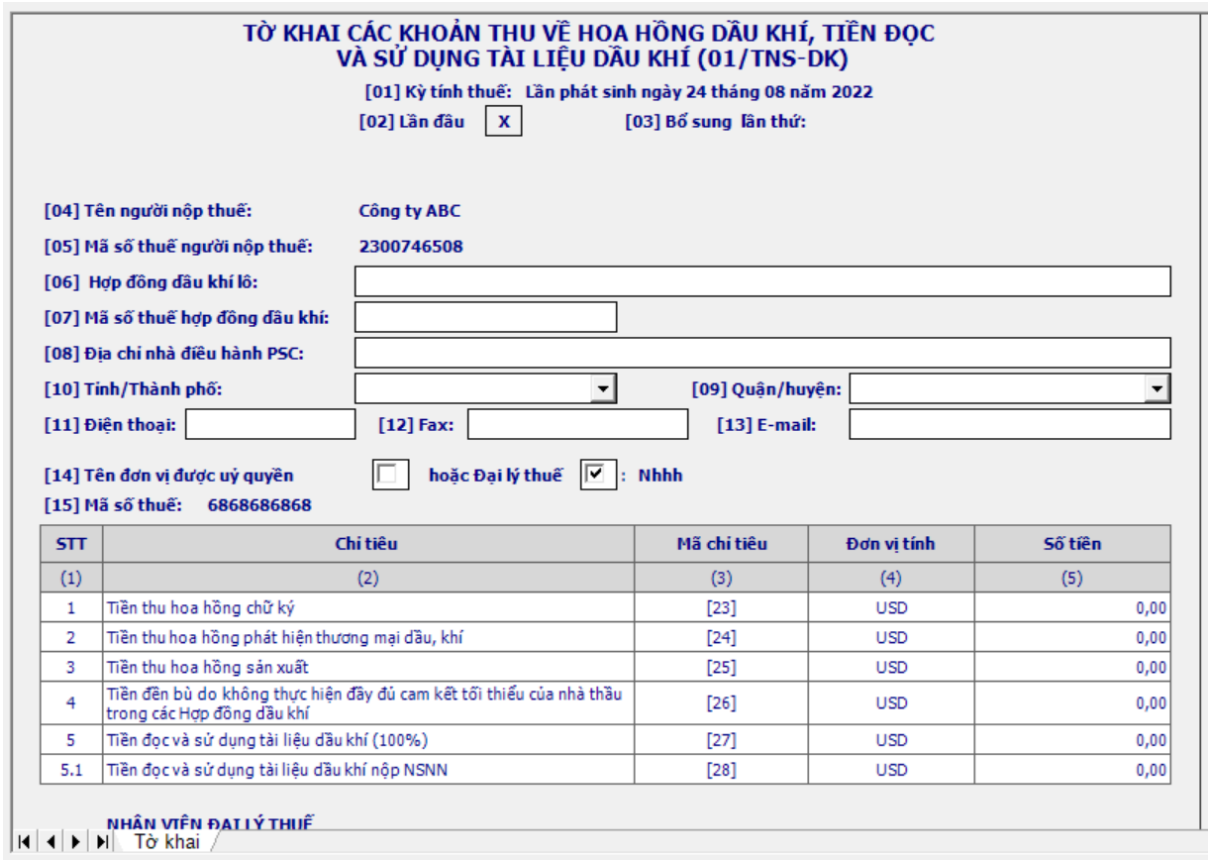
- Từ menu Kê khai chọn chức năng "Tờ khai dầu khí" chọn "Tờ khai các khoản thu về hoa hồng dầu khí, tiền đọc và sử dụng tài liệu dầu khí (01/TNS-DK)".



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  + Cơ quan thuế nộp tơ khai: là CQT quản lý
  + Loại kỳ tính thuế:
    - Tờ khai lần phát sinh: hiệu lực từ ngày 01/01/2022
  + Hạn nộp tờ khai:
    - 10 ngày kể từ ngày phát sinh – chỉ tiêu [01] NNT kê khai. Nếu rơi vào ngày nghỉ/lễ, chuyển sang ngày tiếp theo
  + Tờ khai chỉ khai theo đơn vị tiền là USD
- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai các khoản thu về hoa hồng dầu khí, tiền đọc và sử dụng tài liệu dầu khí mẫu 01/TNS- DK

3.12.3.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



TỜ KHAI CÁC KHOẢN THU VỀ HOA HỒNG DẦU KHÍ, TIỀN ĐỌC VÀ SỬ DỤNG TÀI LIỆU DẦU KHÍ (01/TNS-DK)

[01] Kỳ tính thuế: Lần phát sinh ngày 24 tháng 08 năm 2022

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế người nộp thuế: 2300746508

[06] Hợp đồng dầu khí lô:

[07] Mã số thuế hợp đồng dầu khí:

[08] Địa chỉ nhà điều hành PSC:

[10] Tỉnh/Thành phố: [09] Quận/huyện:

[11] Điện thoại: [12] Fax: [13] E-mail:

[14] Tên đơn vị được uỷ quyền [ ] hoặc Đại lý thuế [x]: Nhhh

[15] Mã số thuế: 6868686868

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tiền thu hoa hồng chữ ký	[23]	USD	0,00
2	Tiền thu hoa hồng phát hiện thương mại dầu, khí	[24]	USD	0,00
3	Tiền thu hoa hồng sản xuất	[25]	USD	0,00
4	Tiền đền bù do không thực hiện đầy đủ cam kết tối thiểu của nhà thầu trong các Hợp đồng dầu khí	[26]	USD	0,00
5	Tiền đọc và sử dụng tài liệu dầu khí (100%)	[27]	USD	0,00
5.1	Tiền đọc và sử dụng tài liệu dầu khí nộp NSNN	[28]	USD	0,00

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

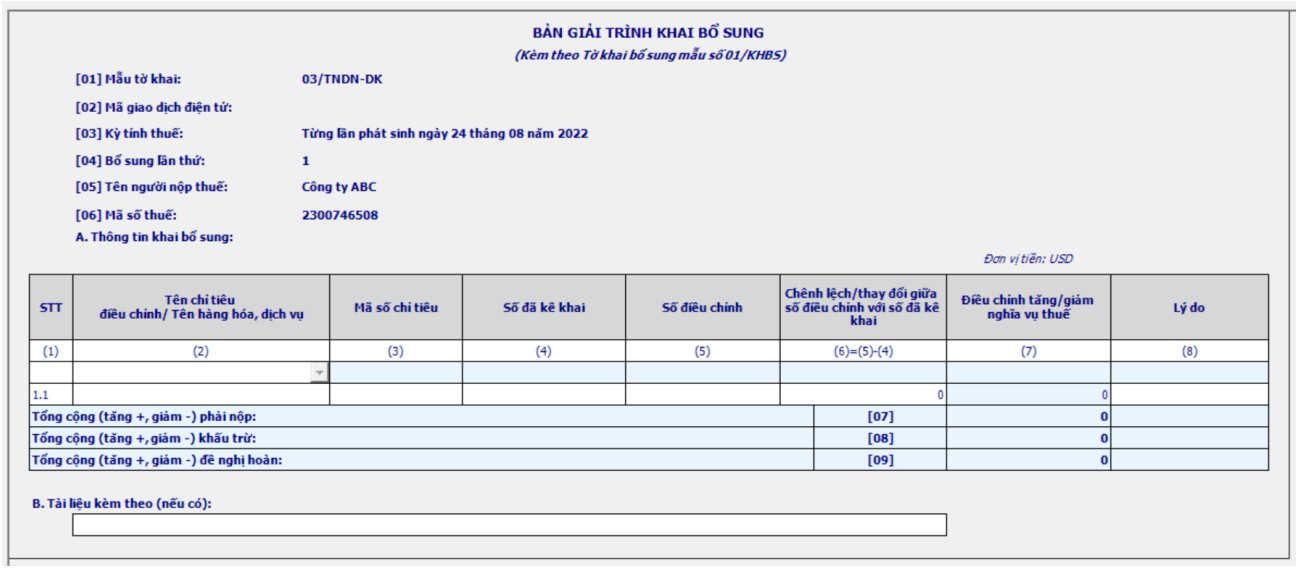
Tờ khai

- Các chỉ tiêu cần nhập:

- Chỉ tiêu [23], [24], [25], [26], [27], [28]: Nhập giá trị >=0, số tiền định dạng 13 số phần nguyên, 2 số thập phân sau dấu phẩy
- Chỉ tiêu [28] < = chỉ tiêu [27], nếu sai thì UD cảnh báo

3.12.3.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".



BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 03/TNDN-DK

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Từng lần phát sinh ngày 24 tháng 08 năm 2022

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: USD

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

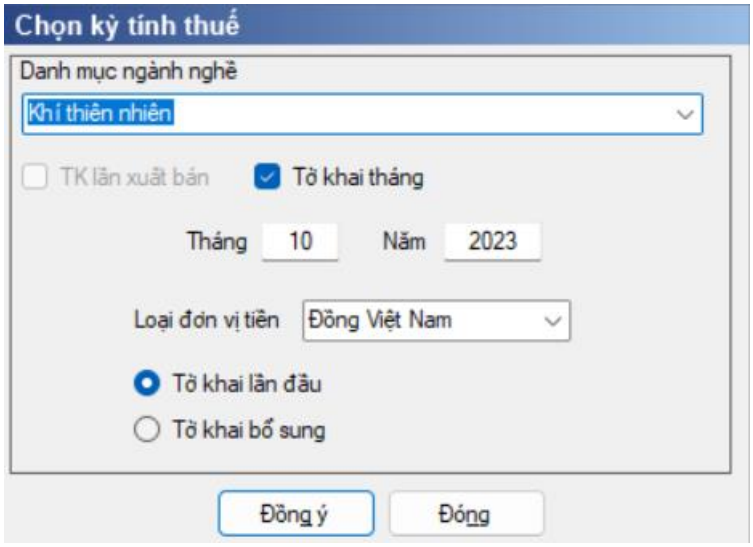
B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.12.4 Tờ khai tạm tính tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà 01/LNCN- PSC (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

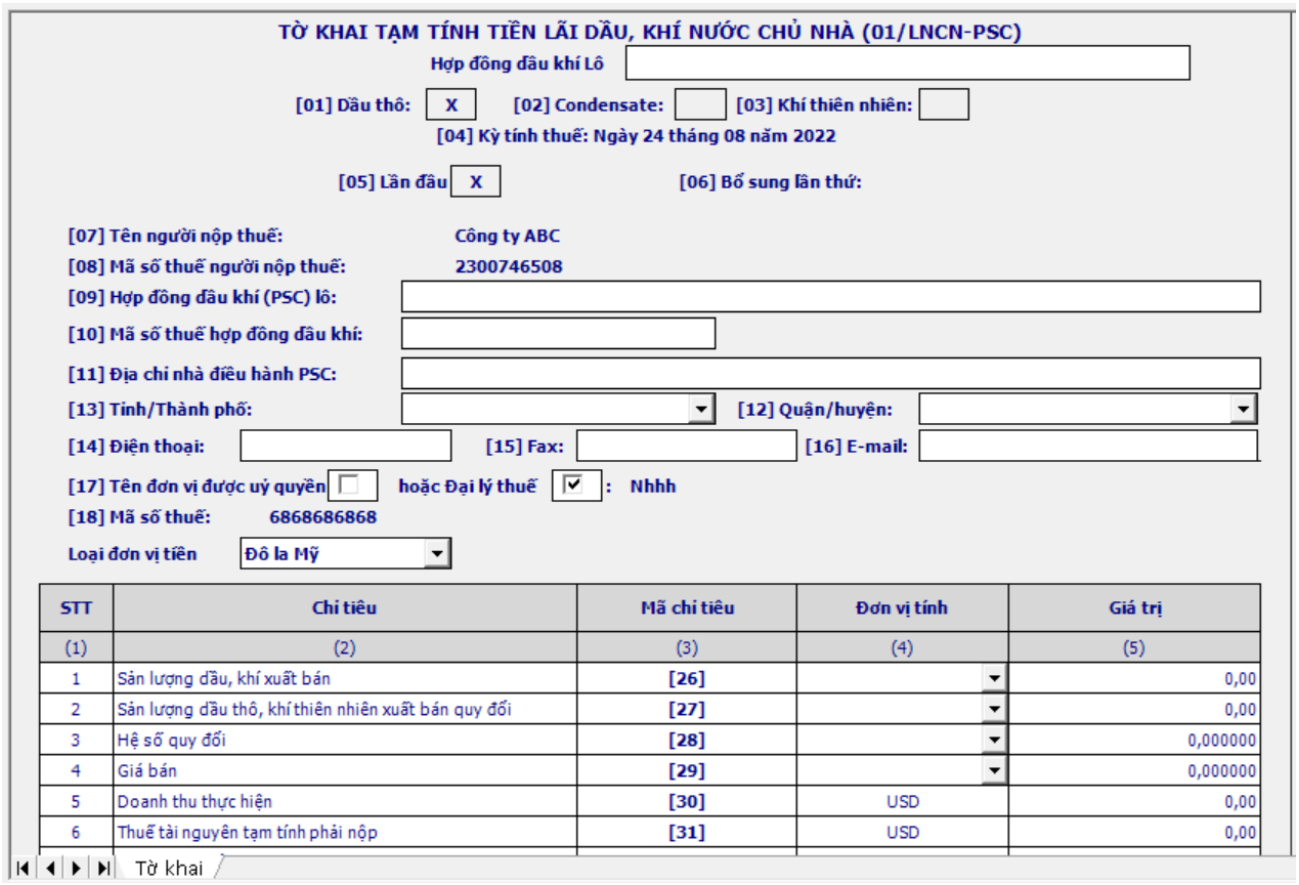
- Từ menu Kê khai chọn chức năng "Tờ khai dầu khí" chọn "Tờ khai tạm tính tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà 01/LNCN-PSC.



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  + CQT nộp tờ khai: là CQT quản lý
  + Loại kỳ tính thuế:
    • Tờ khai tháng: Kê khai đối với loại sản phẩm là "Khí thiên nhiên", hiệu lực từ tháng 01/2022
    • Tờ khai lần phát sinh: Kê khai đối với loại sản phẩm "Dầu thô" hoặc "Condensate", hiệu lực từ ngày 01/01/2022
  + Hạn nộp tờ khai:
    • Tờ khai tháng: Ngày thứ 20 của tháng tiếp theo, nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ chuyển sang ngày tiếp theo
    • Tờ khai lần phát sinh: ngày thứ 35 kể từ ngày phát sinh, nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ chuyển sang ngày tiếp theo
  + Trong cùng 1 kỳ cho phép kê khai nhiều tờ khai khác sản phẩm
  + Đơn vị tiền: Chọn "Việt Nam Đồng" hoặc "Đô la Mỹ". Trong cùng 1 kỳ cho phép kê khai 2 tờ khai cùng sản phẩm khác đơn vị tiền (1 tờ khai theo VNĐ, 1 tờ khai theo USD)
    • Đối với MST 0107724012-001 thì mới được phép kê khai 2 tờ khai khác đơn vị tiền trong cùng 1 kỳ (điều kiện được kiểm tra tại UD TMS)
  + Tờ khai chính thức khai bằng loại tiền nào thì tờ khai bổ sung phải khai bằng loại tiền đó
- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai Tờ khai tạm tính tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà 01/LNCN-PSC.

3.12.4.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



TỜ KHAI TẠM TÍNH TIỀN LÃI DẦU, KHÍ NƯỚC CHỦ NHÀ (01/LNCN-PSC)

Hợp đồng dầu khí Lô

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kỳ tính thuế: Ngày 24 tháng 08 năm 2022

[05] Lần đầu X [06] Bổ sung lần thứ:

[07] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[08] Mã số thuế người nộp thuế: 2300746508

[09] Hợp đồng dầu khí (PSC) lô:

[10] Mã số thuế hợp đồng dầu khí:

[11] Địa chỉ nhà điều hành PSC:

[13] Tỉnh/Thành phố: [12] Quận/huyện:

[14] Điện thoại: [15] Fax: [16] E-mail:

[17] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế : Nhhh

[18] Mã số thuế: 6868686868

Loại đơn vị tiền Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sản lượng dầu, khí xuất bán	[26]		0,00
2	Sản lượng dầu thô, khí thiên nhiên xuất bán quy đổi	[27]		0,00
3	Hệ số quy đổi	[28]		0,000000
4	Giá bán	[29]		0,000000
5	Doanh thu thực hiện	[30]	USD	0,00
6	Thuế tài nguyên tạm tính phải nộp	[31]	USD	0,00

Tờ khai

- Chi tiết các chỉ tiêu:

+ Từ chỉ tiêu [30] đến [48]: Tại màn hình nhập kỳ tính thuế nếu chọn Đơn vị tiền là USD thì là USD, nếu chọn đơn vị tiền là VNĐ thì là VNĐ

+ Chỉ tiêu [26], [27], [30], [31], [32], [33], [34], [35]: NNT Nhập số, không âm, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy

+ Chỉ tiêu [28], [29], [37], [40], [44], [45]: NNT Nhập số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy

+ Chỉ tiêu [48]: NNT Nhập số, không âm, định dạng 4 số thập phân sau dấu phẩy

- Chi tiết các chỉ tiêu tính toán:

+ Chỉ tiêu [36] = [30] – [31] – …- [35], định dang định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy, cho phép sửa

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [38] = [36] x [37], định dang định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy, cho phép sửa

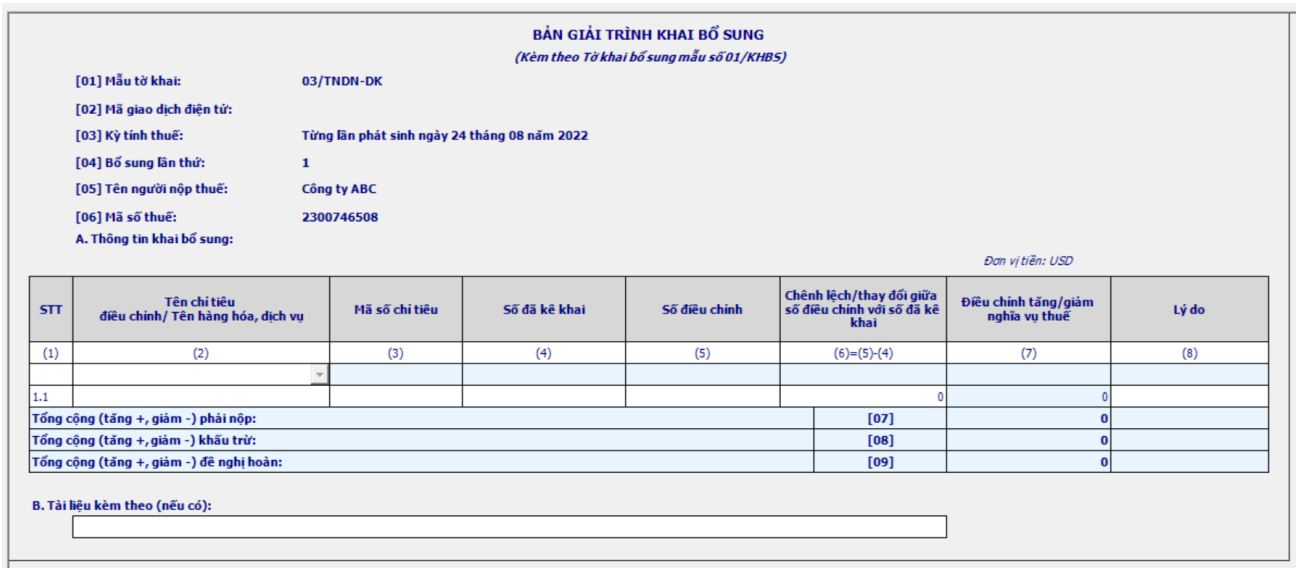
- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ : sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [39], [41], [42], [43], [46], [47]: Tự tính theo công thức, cho phép sửa, định dang thập phân sau phẩy 2 số

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ : sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

3.12.4.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".



BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 03/TNDN-DK

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Từng lần phát sinh ngày 24 tháng 08 năm 2022

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: USD

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

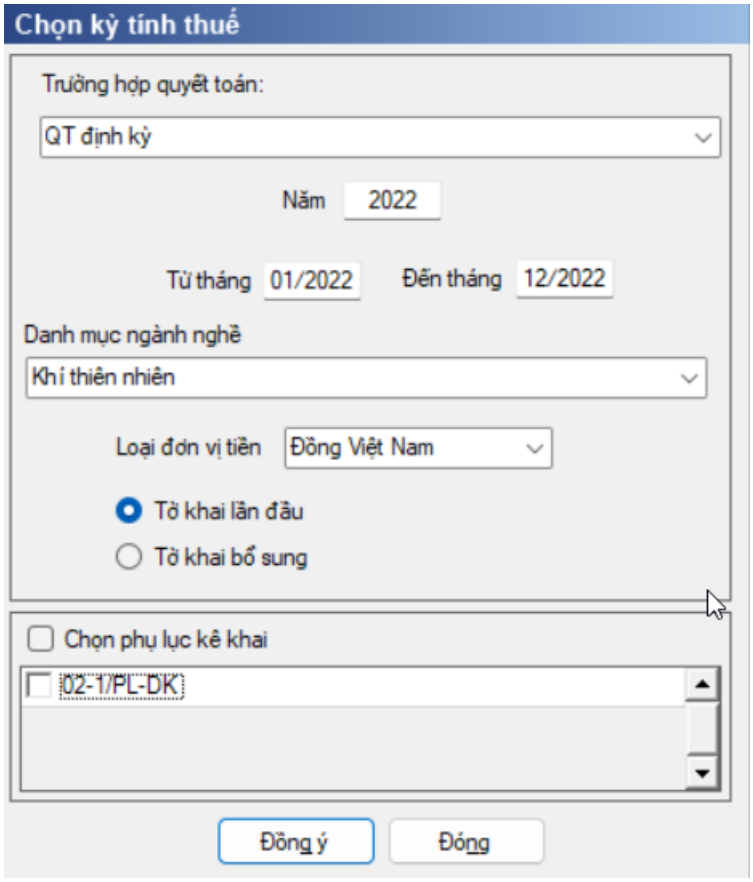
B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.12.5 Tờ khai quyết toán tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà 02/LNCN- PSC (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

- Từ menu Kê khai chọn chức năng "Tờ khai dầu khí" chọn "Tờ khai quyết toán tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà 02/LNCN-PSC.



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:

+ CQT nộp tờ khai: là CQT quản lý

+ Trong cùng 1 kỳ cho phép kê khai nhiều tờ khai khác sản phẩm

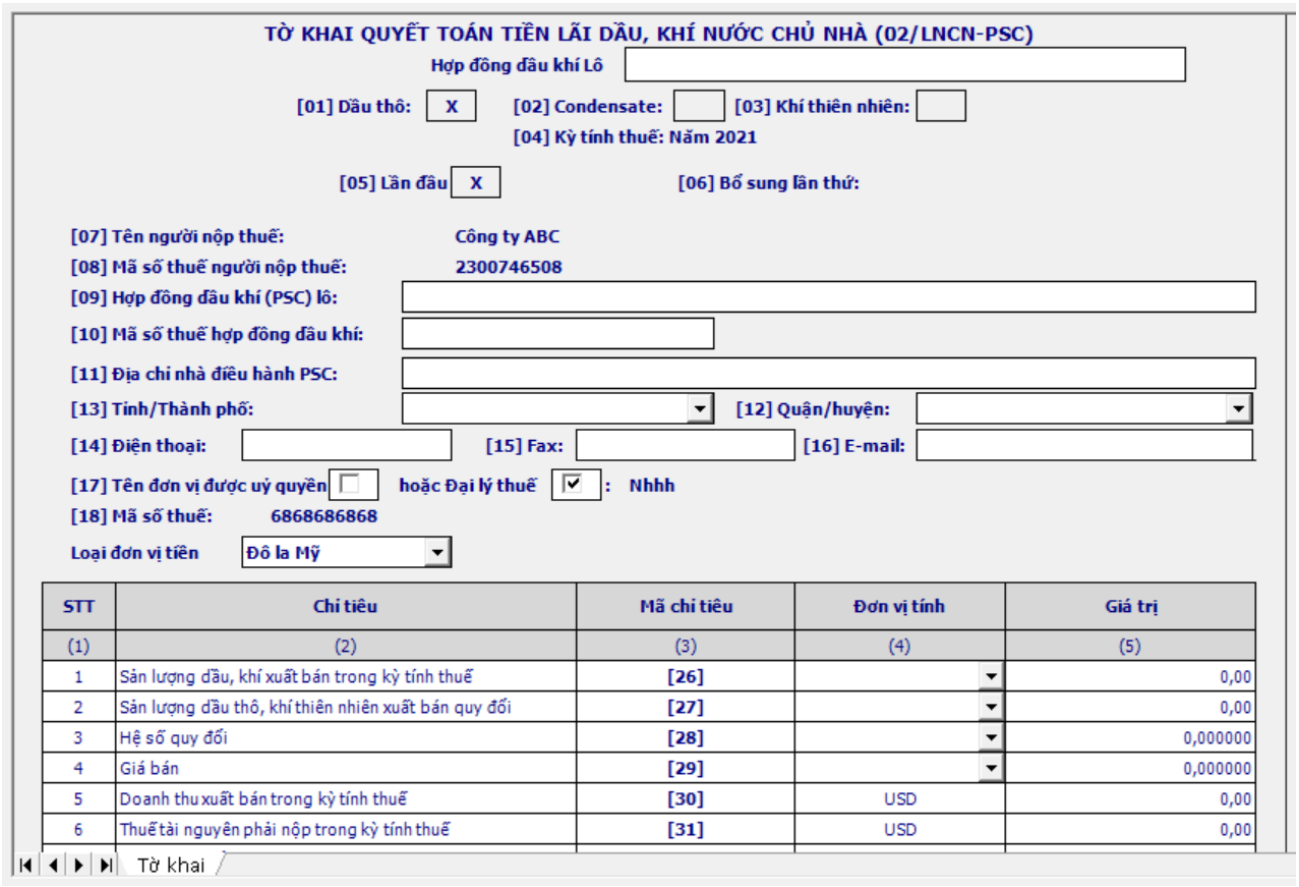
+ Đơn vị tiền: Chọn "Việt Nam Đồng" hoặc "Đô la Mỹ". Trong cùng 1 kỳ cho phép kê khai 2 tờ khai cùng sản phẩm khác đơn vị tiền (1 tờ khai theo VNĐ, 1 tờ khai theo USD)

- Đối với MST 0107724012 thì mới được phép kê khai 2 tờ khai khác đơn vị tiền trong cùng 1 kỳ (điều kiện được kiểm tra tại UD TMS)

- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai Tờ khai quyết toán tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà 02/LNCN-PSC.

3.12.5.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



TỜ KHAI QUYẾT TOÁN TIỀN LÃI DẦU, KHÍ NƯỚC CHỦ NHÀ (02/LNCN-PSC)

Hợp đồng dầu khí Lô

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[05] Lần đầu X [06] Bổ sung lần thứ:

[07] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[08] Mã số thuế người nộp thuế: 2300746508

[09] Hợp đồng dầu khí (PSC) lô:

[10] Mã số thuế hợp đồng dầu khí:

[11] Địa chỉ nhà điều hành PSC:

[13] Tỉnh/Thành phố: [12] Quận/huyện:

[14] Điện thoại: [15] Fax: [16] E-mail:

[17] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế : Nhhh

[18] Mã số thuế: 6868686868

Loại đơn vị tiền Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sản lượng dầu, khí xuất bán trong kỳ tính thuế	[26]		0,00
2	Sản lượng dầu thô, khí thiên nhiên xuất bán quy đổi	[27]		0,00
3	Hệ số quy đổi	[28]		0,000000
4	Giá bán	[29]		0,000000
5	Doanh thu xuất bán trong kỳ tính thuế	[30]	USD	0,00
6	Thuế tài nguyên phải nộp trong kỳ tính thuế	[31]	USD	0,00

Tờ khai

- Chi tiết các chỉ tiêu:

+ Chỉ tiêu [26], [27], [30], [31], [32], [33], [34], [35], [48], [49]: NNT Nhập số, không âm, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy

+ Chỉ tiêu [28], [29], [37], [40], [44], [45]: NNT Nhập số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy, 0 <= Tỷ lệ <=100

+ Chỉ tiêu [50]: NNT Nhập số, không âm, định dạng 4 số thập phân sau dấu phẩy

- Chi tiết các chỉ tiêu tính toán:

+ Chỉ tiêu [36] = [30] – [31] – …- [35], định dang định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy, cho phép sửa

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

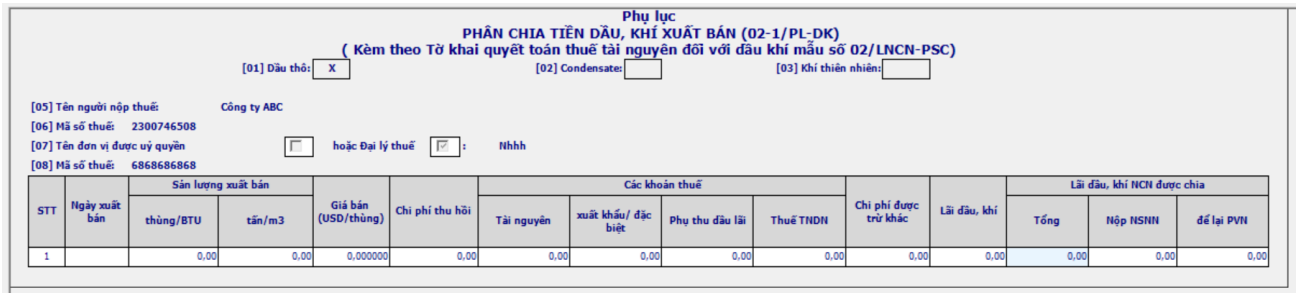
+ Chỉ tiêu [38] = [36] x [37], định dang định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy, cho phép sửa

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [39], [41], [42], [43], [46], [47]: Tự tính theo công thức, cho phép sửa, định dang thập phân sau phẩy 2 số

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ : sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

3.12.5.1.1 Phụ lục 02-1/PL-DK



Phụ lục
PHÂN CHIA TIỀN DẦU, KHÍ XUẤT BÁN (02-1/PL-DK)
(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên đối với dầu khí mẫu số 02/LNCN-PSC)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[06] Mã số thuế: 2300746508
[07] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế : Nhhh
[08] Mã số thuế: 6868686868

STT	Ngày xuất bán	Sản lượng xuất bán		Giá bán (USD/thùng)	Chi phí thu hồi	Các khoản thuế				Chi phí được trừ khác	Lãi dầu, khí	Lãi dầu, khí NCN được chia		
		thùng/BTU	tấn/m3			Tài nguyên	xuất khẩu/ đặc biệt	Phụ thu dầu lãi	Thuế TNDN			Tổng	Nộp NSNN	để lại PVN
1		0,00	0,00	0,000000	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00

- Chi tiết các chỉ tiêu:
  + Ngày xuất bán: Ngày xuất bán <= Ngày hiện tại
  + Số lượng xuất bán:
    - thùng/ BTU: Nhập >=0 định dạng Thập phân sau phẩy 2 số
    - tấn/ m3: Nhập >=0 định dạng Thập phân sau phẩy 2 số
  + Giá bán (USD/ thùng): Nhập >=0 định dạng Thập phân sau phẩy 6 số
  + Chi phí thu hồi: NNT nhập số, không âm
    - Nếu tờ khai chọn "USD" thì định dạng thập phân sau phẩy 2 số
    - Nếu tờ khai chọn "VNĐ" thì định dạng số nguyên
  + Tài nguyên: NNT nhập số, không âm, kiểm tra tổng các dòng phải = [31] trên tờ khai, sai khác cảnh báo đỏ
    - Nếu tờ khai chọn "USD" thì định dạng thập phân sau phẩy 2 số
    - Nếu tờ khai chọn "VNĐ" thì định dạng số nguyên
  + Xuất khẩu/ đặc biệt: NNT nhập số, không âm, kiểm tra tổng các dòng phải = [32] trên tờ khai, sai khác cảnh báo đỏ
    - Nếu tờ khai chọn "USD" thì định dạng thập phân sau phẩy 2 số
    - Nếu tờ khai chọn "VNĐ" thì định dạng số nguyên
  + Phụ thu dầu lãi: NNT nhập số, không âm
    - Nếu tờ khai chọn "USD" thì định dạng thập phân sau phẩy 2 số
    - Nếu tờ khai chọn "VNĐ" thì định dạng số nguyên
  + Thuế TNDN: NNT nhập số, không âm, kiểm tra tổng các dòng phải = [38] trên tờ khai, sai khác cảnh báo đỏ
    - Nếu tờ khai chọn "USD" thì định dạng thập phân sau phẩy 2 số
    - Nếu tờ khai chọn "VNĐ" thì định dạng số nguyên
  + Chi phí được trừ khác: NNT nhập số, không âm, kiểm tra tổng các dòng phải = [35] trên tờ khai, sai khác cảnh báo đỏ
    - Nếu tờ khai chọn "USD" thì định dạng thập phân sau phẩy 2 số
    - Nếu tờ khai chọn "VNĐ" thì định dạng số nguyên
  + Lãi dầu, khí: NNT nhập số, không âm, kiểm tra tổng các dòng phải = [41] trên tờ khai, sai khác cảnh báo đỏ
    - Nếu tờ khai chọn "USD" thì định dạng thập phân sau phẩy 2 số
    - Nếu tờ khai chọn "VNĐ" thì định dạng số nguyên
  + Tổng: UD tính tổng = Nộp NSNN + Để lại PVN

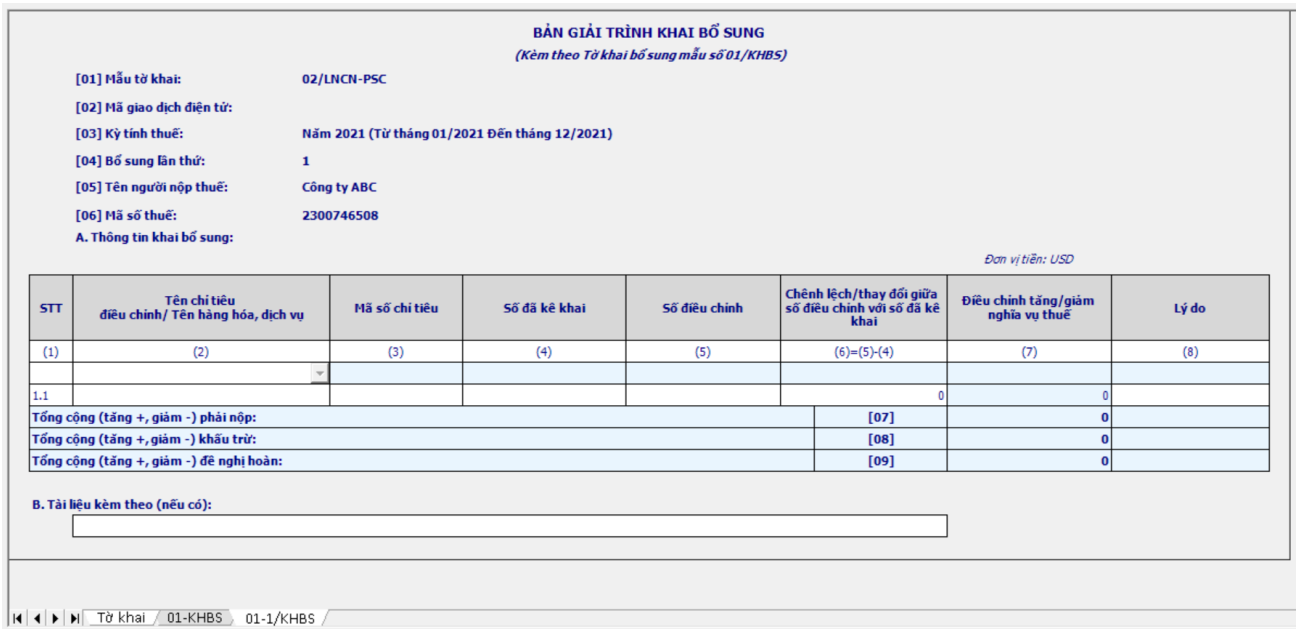
+ Lãi dầu, khí: NNT nhập số, không âm, kiểm tra tổng các dòng phải = [46] trên tờ khai, sai khác cảnh báo đỏ

- Nếu tờ khai chọn "USD" thì định dạng thập phân sau phẩy 2 số
- Nếu tờ khai chọn "VNĐ" thì định dạng số nguyên

+ Để lại PVN: Kiểm tra tổng các dòng phải = [47] trên tờ khai, sai khác cảnh báo đỏ

3.12.5.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".



BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 02/LNCN-PSC

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021 (Từ tháng 01/2021 Đến tháng 12/2021)

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: USD

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

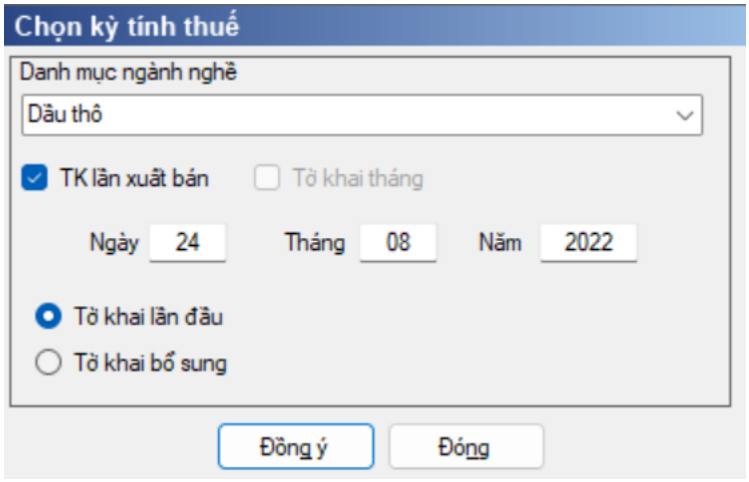
Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.12.6 Tờ khai tạm tính tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà áp dụng cho Liên doanh Việt – Nga "Vietsoypetro" (01/LNCN-VSP) (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

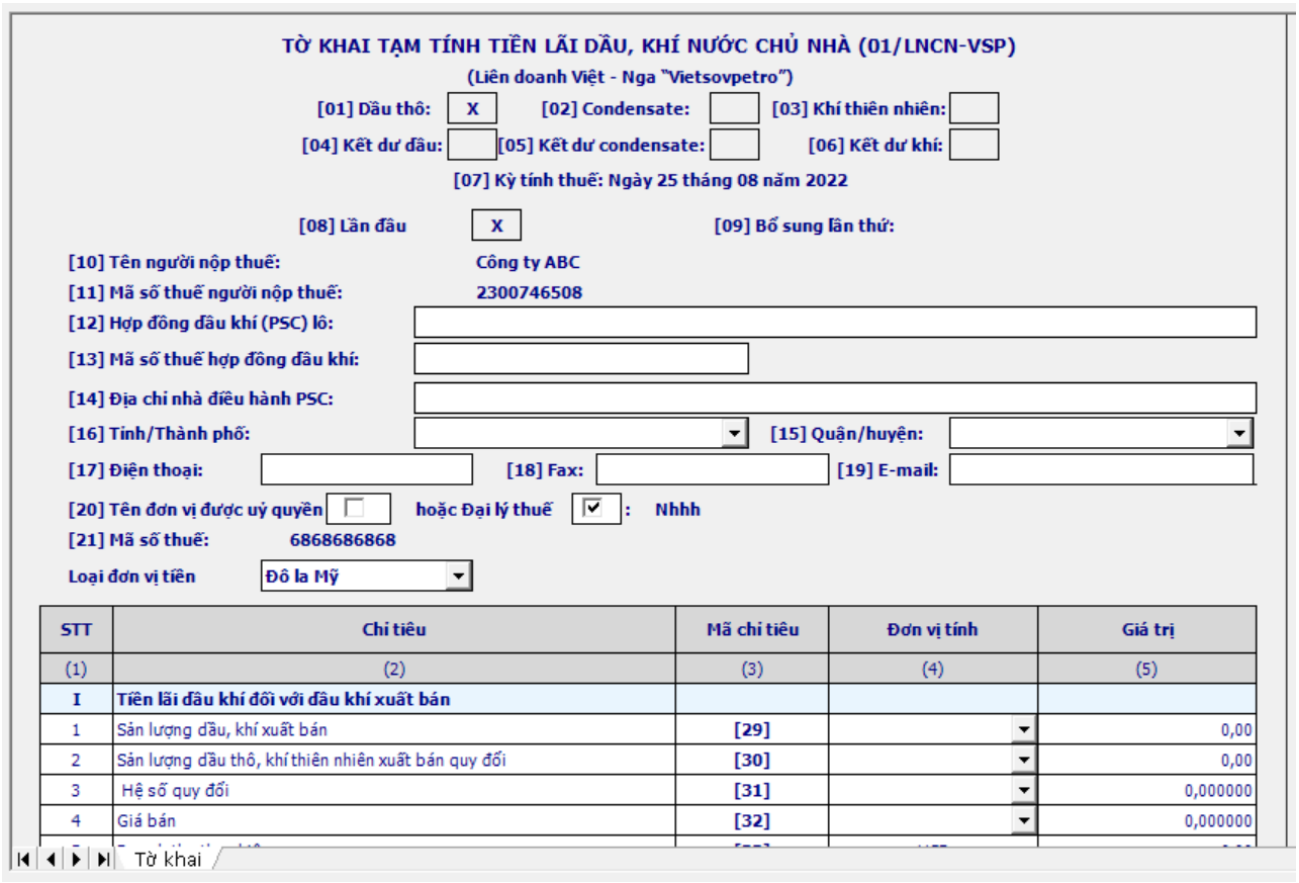
- Từ menu Kê khai chọn chức năng Tờ khai dầu khí/Tờ khai tạm tính tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà (01/LNCN-VSP)



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  + CQT nộp tờ khai: là CQT quản lý
  + Loại kỳ tính thuế:
    - Tờ khai tháng: Kê khai đối với loại sản phẩm là "Khí thiên nhiên", hiệu lực từ tháng 01/2022
    - Tờ khai lần phát sinh: Kê khai đối với loại sản phẩm "Dầu thô", "Kết dư dầu", "Kết dư condensate", "Kết dư khí", "Condensate", hiệu lực từ ngày 01/01/2022
  + Hạn nộp tờ khai:
    - Tờ khai tháng: Ngày thứ 20 của tháng tiếp theo, nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ chuyển sang ngày tiếp theo
    - Tờ khai lần phát sinh:
      - Đối với "Dầu thô", "Condensate": hạn nộp ngày thứ 35 kể từ ngày phát sinh,ngày nghỉ, ngày lễ chuyển sang ngày tiếp theo
      - Đối với "Kết dư dầu", "Kết dư condensate", "Kết dư khí": hạn nộp là ngày thứ 10 kể từ ngày phát sinh, ngày nghỉ, ngày lễ chuyển sang ngày tiếp theo. Tuy nhiên hạn nộp chỉ lớn nhất là ngày 31/12 của năm chứa ngày kê khai phát sinh
  + Trong cùng 1 kỳ cho phép kê khai nhiều tờ khai khác sản phẩm
  + Trong 1 tờ khai chỉ kê khai theo 1 loại tiền (VNĐ hoặc USD)
  + Tờ khai chính thức khai bằng loại tiền nào thì tờ khai bổ sung phải khai bằng loại tiền đó.
- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai tạm tính tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà áp dụng cho Liên doanh Việt – Nga "Vietsoypetro" mẫu 01/LNCN-VSP

3.12.6.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



TỜ KHAI TẠM TÍNH TIỀN LÃI DẦU, KHÍ NƯỚC CHỦ NHÀ (01/LNCN-VSP)

(Liên doanh Việt - Nga "Vietsovpetro")

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kết dư dầu: [05] Kết dư condensate: [06] Kết dư khí:

[07] Kỳ tính thuế: Ngày 25 tháng 08 năm 2022

[08] Lần đầu X [09] Bổ sung lần thứ:

[10] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[11] Mã số thuế người nộp thuế: 2300746508

[12] Hợp đồng dầu khí (PSC) lô:

[13] Mã số thuế hợp đồng dầu khí:

[14] Địa chỉ nhà điều hành PSC:

[16] Tỉnh/Thành phố: [15] Quận/huyện:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] E-mail:

[20] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế : Nhhh

[21] Mã số thuế: 6868686868

Loại đơn vị tiền Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Tiền lãi dầu khí đối với dầu khí xuất bán			
1	Sản lượng dầu, khí xuất bán	[29]		0,00
2	Sản lượng dầu thô, khí thiên nhiên xuất bán quy đổi	[30]		0,00
3	Hệ số quy đổi	[31]		0,000000
4	Giá bán	[32]		0,000000

Tờ khai

- Các chỉ tiêu cần nhập:

+ **I. Tiền lãi dầu khí đối với dầu khí xuất bán**

- Chỉ tiêu [29], [30]: NNT tự nhập dạng số, không âm, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy
- Chỉ tiêu [31], [32], [41], [44], [46], [47]: NNT tự nhập dạng số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy
- Chỉ tiêu [33], [34], [35], [36], [37], [38], [39]:
  - Nếu USD: Nhập >=0, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy
  - Nếu là VNĐ nhập >=0, định dạng số nguyên
- Chỉ tiêu [50]: NNT tự nhập dạng số, không âm, định dạng 4 số thập phân sau dấu phẩy

+ II. Tiền lãi dầu khí đối với tiền kết dư

- Chỉ tiêu [51], [51a], [51b], [52], [53], [38], [39]:
  - Nếu USD: Nhập >=0, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy
  - Nếu là VNĐ nhập >=0, định dạng số nguyên
- Chỉ tiêu [55], [57], [58]: NNT tự nhập dạng số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy
- Chỉ tiêu [61]: NNT tự nhập dạng số, không âm, định dạng 4 số thập phân sau dấu phẩy

- Các chỉ tiêu tính toán:

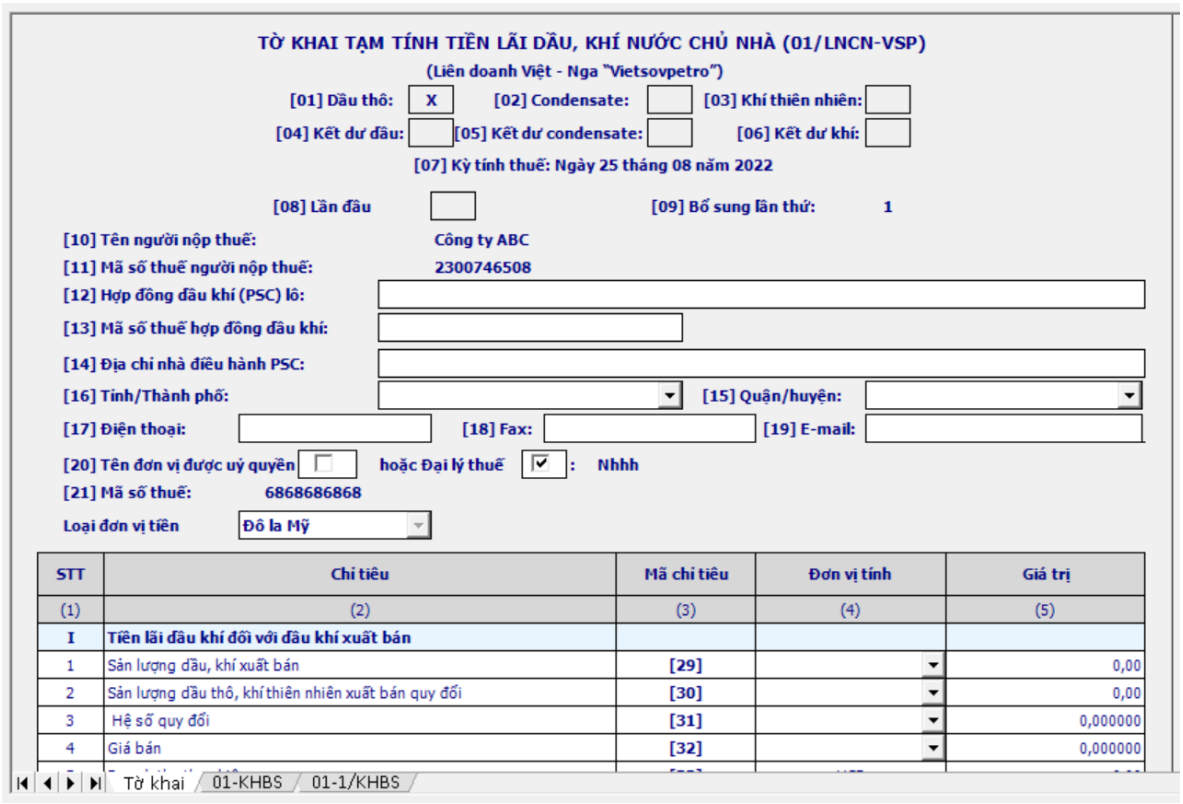
+ I. Tiền lãi dầu khí đối với dầu khí xuất bán

- Chỉ tiêu [40] = [33]-[34]-…-[39], định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy, cho phép sửa
  - Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
- Chỉ tiêu [42] = [40] * [41] làm tròn đến 2 số sau dấu phẩy, cho phép sửa
  - Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
- Chỉ tiêu [43] = [40] – [42], làm tròn đến 2 số sau dấu phẩy, cho phép sửa
  - Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
- Chỉ tiêu [45] = [43] * [44], làm tròn đến 2 số sau dấu phẩy, cho phép sửa
  - Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu là VNĐ : sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
- Chỉ tiêu [48] = [45] * [46], làm tròn đến 2 số sau dấu phẩy, cho phép sửa
  - Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu là VNĐ : sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
- Chỉ tiêu [49] = [45] * [47], làm tròn đến 2 số sau dấu phẩy, cho phép sửa
  - Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu là VNĐ : sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ II. Tiền lãi dầu khí đối với tiền kết dư
  - Chỉ tiêu [54] = [51] - [52] – [53], làm tròn đến 2 số sau dấu phẩy, cho phép sửa
    - Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
    - Nếu là VNĐ : sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
  - Chỉ tiêu [56] = [54] * [55], làm tròn đến 2 số sau dấu phẩy, cho phép sửa
    - Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
    - Nếu là VNĐ : sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
  - Chỉ tiêu [59] = [56] * [57], làm tròn đến 2 số sau dấu phẩy, cho phép sửa
    - Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
    - Nếu là VNĐ : sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
  - Chỉ tiêu [60] = [56] * [58], làm tròn đến 2 số sau dấu phẩy, cho phép sửa
    - Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
    - Nếu là VNĐ : sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

3.12.6.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là “Tờ khai bổ sung”, ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet “Tờ khai điều chỉnh” và “01-KHBS” và “01-1/KHBS”.



TỜ KHAI TẠM TÍNH TIỀN LÃI DẦU, KHÍ NƯỚC CHỦ NHÀ (01/LNCN-VSP)

(Liên doanh Việt - Nga "Vietsovpetro")

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kết dư dầu: [05] Kết dư condensate: [06] Kết dư khí:

[07] Kỳ tính thuế: Ngày 25 tháng 08 năm 2022

[08] Lần đầu [09] Bổ sung lần thứ: 1

[10] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[11] Mã số thuế người nộp thuế: 2300746508

[12] Hợp đồng dầu khí (PSC) lô:

[13] Mã số thuế hợp đồng dầu khí:

[14] Địa chỉ nhà điều hành PSC:

[16] Tỉnh/Thành phố: [15] Quận/huyện:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] E-mail:

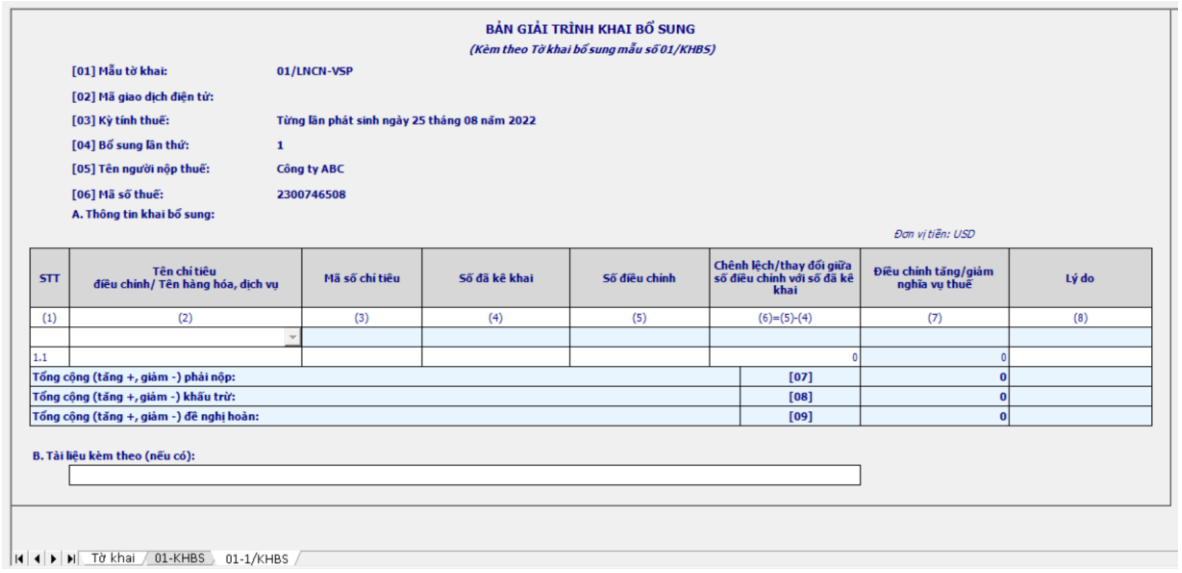
[20] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế : Nhhh

[21] Mã số thuế: 6868686868

Loại đơn vị tiền Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Tiền lãi dầu khí đối với dầu khí xuất bán			
1	Sản lượng dầu, khí xuất bán	[29]		0,00
2	Sản lượng dầu thô, khí thiên nhiên xuất bán quy đổi	[30]		0,00
3	Hệ số quy đổi	[31]		0,000000
4	Giá bán	[32]		0,000000

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS



BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 01/LNCN-VSP

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Từng lần phát sinh ngày 25 tháng 08 năm 2022

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: USD

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:		[07]				0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:		[08]				0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:		[09]				0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

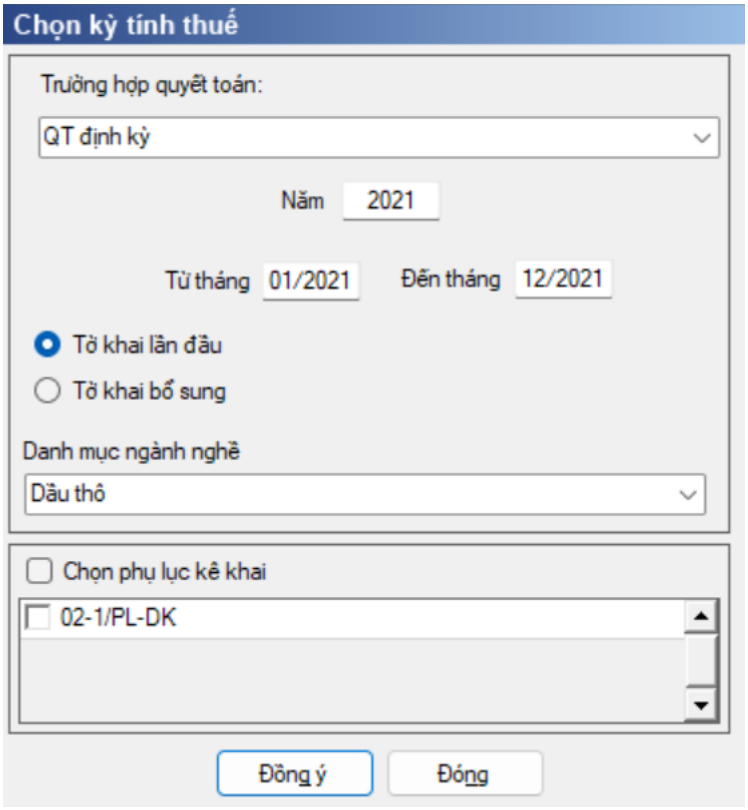
Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.12.7 Tờ khai quyết toán tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà (02/LNCN-VSP) (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

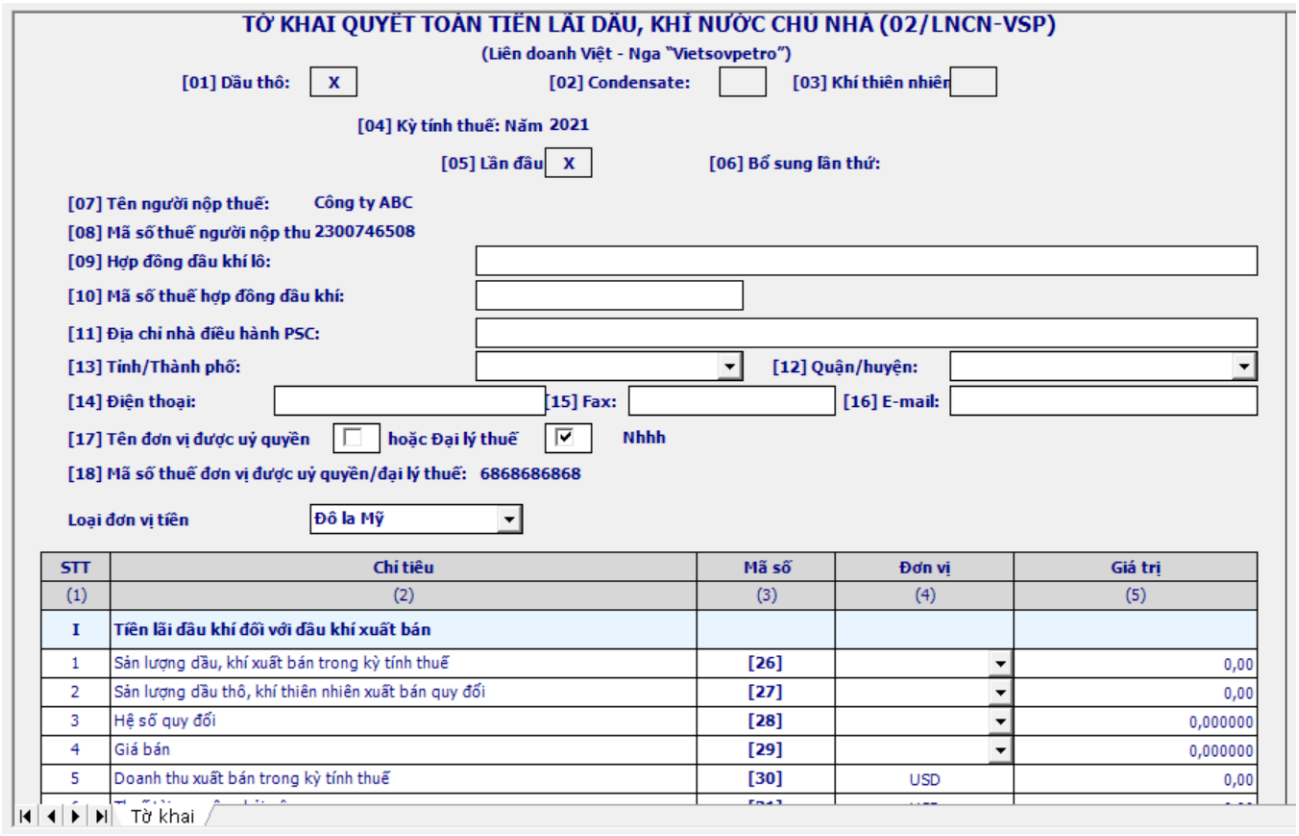
- Từ menu Kê khai chọn chức năng Tờ khai dầu khí/Tờ khai quyết toán tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà (02/LNCN-VSP)



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  + CQT nộp tờ khai: là CQT quản lý
  + Trong cùng 1 kỳ cho phép kê khai nhiều tờ khai khác sản phẩm
  + Trong 1 tờ khai chỉ kê khai theo 1 loại tiền (VNĐ hoặc USD)
- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai quyết toán tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà mẫu 02/LNCN-VSP

3.12.7.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:


TỜ KHAI QUYẾT TOÁN TIỀN LÃI DẦU, KHÍ NƯỚC CHỦ NHÀ (02/LNCN-VSP)

(Liên doanh Việt - Nga "Vietsovpetro")

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên

[04] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[05] Lần đầu X [06] Bổ sung lần thứ:

[07] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[08] Mã số thuế người nộp thu 2300746508

[09] Hợp đồng dầu khí lô:

[10] Mã số thuế hợp đồng dầu khí:

[11] Địa chỉ nhà điều hành PSC:

[13] Tỉnh/Thành phố: [12] Quận/huyện:

[14] Điện thoại: [15] Fax: [16] E-mail:

[17] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế Nhhh

[18] Mã số thuế đơn vị được uỷ quyền/đại lý thuế: 6868686868

Loại đơn vị tiền Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Tiền lãi dầu khí đối với dầu khí xuất bán			
1	Sản lượng dầu, khí xuất bán trong kỳ tính thuế	[26]		0,00
2	Sản lượng dầu thô, khí thiên nhiên xuất bán quy đổi	[27]		0,00
3	Hệ số quy đổi	[28]		0,000000
4	Giá bán	[29]		0,000000
5	Doanh thu xuất bán trong kỳ tính thuế	[30]	USD	0,00

Tờ khai

- Các chỉ tiêu cần nhập:
  + I. Tiền lãi dầu khí đối với dầu khí xuất bán
    - Chỉ tiêu [26], [27]: NNT tự nhập dạng số, không âm, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy
    - Chỉ tiêu [28], [29]: NNT tự nhập dạng số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy
    - Chỉ tiêu [30], [31], [32], [33], [34], [35], [36]:
    - Nếu USD: Nhập >=0, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy
    - Nếu là VNĐ nhập >=0, định dạng số nguyên
    - Chỉ tiêu [38], [41], [43], [44]: NNT nhập dạng số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy, 0<= tỷ lệ <=100
  + II. Tiền lãi dầu khí đối với tiền kết dư
    - Chỉ tiêu [47a], [47b], [48], [49], [58]: Nhập >=0, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy
    - Chỉ tiêu [51], [53], [54]: NNT tự nhập dạng số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy, 0 <= tỷ lệ <=100
    - Chỉ tiêu [60]: NNT tự nhập dạng số, không âm, định dạng 4 số thập phân sau dấu phẩy
- Các chỉ tiêu tính toán:
  + I. Tiền lãi dầu khí đối với dầu khí xuất bán
    - Chỉ tiêu [37] = [30] - [31] –…- [36], cho phép sửa
      - Nếu là USD: định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

- Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

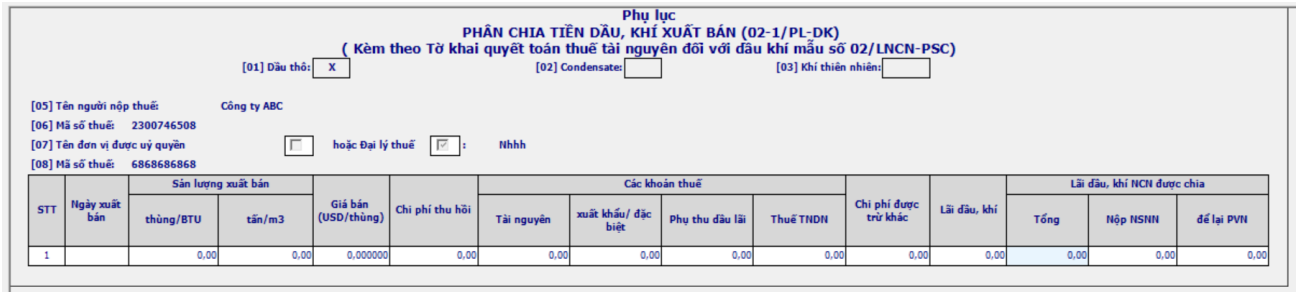
- Chỉ tiêu [39] = [37] * [38], cho phép sửa
  - Nếu là USD: Nếu là USD: định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
- Chỉ tiêu [40] = [37] - [39], cho phép sửa
  - Nếu là USD: định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu là VNĐ : sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
- Chỉ tiêu [42] = [40] * [41], cho phép sửa
  - Nếu là USD: định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu là VNĐ : sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
- Chỉ tiêu [45] = [42] * [43], cho phép sửa
  - Nếu là USD: định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu là VNĐ : sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
- Chỉ tiêu [46] = [42] * [44], cho phép sửa
  - Nếu là USD: định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu là VNĐ : sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ II. Tiền lãi dầu khí đối với tiền kết dư

- Chỉ tiêu [47] = [47a]+[47b], cho phép sửa
  - Nếu là USD: định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy, sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
- Chỉ tiêu [50] = [47] - [48] – [49], cho phép sửa
  - Nếu là USD: định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
- Chỉ tiêu [52] = [50] * [51], cho phép sửa
  - Nếu là USD: Nếu là USD: định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
- Chỉ tiêu [55] = [52] * [53], cho phép sửa
  - Nếu là USD: định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu là VNĐ : sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
- Chỉ tiêu [57] = [45] + [55], cho phép sửa
  - Nếu là USD: định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu là VNĐ : sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

- Chỉ tiêu [59] = [57] - [58], cho phép sửa
  - Nếu là USD: định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu là VNĐ : sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

3.12.7.1.1 Phụ lục 02-1/PL-DK



Phụ lục
PHÂN CHIA TIỀN DẦU, KHÍ XUẤT BÁN (02-1/PL-DK)
(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên đối với dầu khí mẫu số 02/LNCN-PSC)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[06] Mã số thuế: 2300746508
[07] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế : Nhhh
[08] Mã số thuế: 6868686868

STT	Ngày xuất bán	Sản lượng xuất bán		Giá bán (USD/thùng)	Chi phí thu hồi	Các khoản thuế				Chi phí được trừ khác	Lãi dầu, khí	Lãi dầu, khí NCN được chia		
		thùng/BTU	tấn/m3			Tài nguyên	xuất khẩu/ đặc biệt	Phụ thu dầu lãi	Thuế TNDN			Tổng	Nộp NSNN	để lại PVN
1		0,00	0,00	0,000000	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00

- Chi tiết các chỉ tiêu:
  + Ngày xuất bán: Ngày xuất bán <= Ngày hiện tại
  + Số lượng xuất bán:
    - thùng/ BTU: Nhập >=0 định dạng Thập phân sau phẩy 2 số
    - tấn/ m3: Nhập >=0 định dạng Thập phân sau phẩy 2 số
  + Giá bán (USD/ thùng): Nhập >=0 định dạng Thập phân sau phẩy 6 số
  + Chi phí thu hồi: NNT nhập số, không âm
    - Nếu tờ khai chọn "USD" thì định dạng thập phân sau phẩy 2 số
    - Nếu tờ khai chọn "VNĐ" thì định dạng số nguyên
  + Tài nguyên: NNT nhập số, không âm, kiểm tra tổng các dòng phải = [31] trên tờ khai, sai khác cảnh báo đỏ
    - Nếu tờ khai chọn "USD" thì định dạng thập phân sau phẩy 2 số
    - Nếu tờ khai chọn "VNĐ" thì định dạng số nguyên
  + Xuất khẩu/ đặc biệt: NNT nhập số, không âm, kiểm tra tổng các dòng phải = [32] trên tờ khai, sai khác cảnh báo đỏ
    - Nếu tờ khai chọn "USD" thì định dạng thập phân sau phẩy 2 số
    - Nếu tờ khai chọn "VNĐ" thì định dạng số nguyên
  + Phụ thu dầu lãi: NNT nhập số, không âm, kiểm tra tổng các dòng phải = [33] trên tờ khai, sai khác cảnh báo đỏ
    - Nếu tờ khai chọn "USD" thì định dạng thập phân sau phẩy 2 số
    - Nếu tờ khai chọn "VNĐ" thì định dạng số nguyên
  + Thuế TNDN: NNT nhập số, không âm, kiểm tra tổng các dòng phải = [39] trên tờ khai, sai khác cảnh báo đỏ
    - Nếu tờ khai chọn "USD" thì định dạng thập phân sau phẩy 2 số
    - Nếu tờ khai chọn "VNĐ" thì định dạng số nguyên
  + Chi phí được trừ khác: NNT nhập số, không âm, kiểm tra tổng các dòng phải = [36] trên tờ khai, sai khác cảnh báo đỏ
    - Nếu tờ khai chọn "USD" thì định dạng thập phân sau phẩy 2 số
    - Nếu tờ khai chọn "VNĐ" thì định dạng số nguyên

+ Lãi dầu, khí: NNT nhập số, không âm, kiểm tra tổng các dòng phải = [42] trên tờ khai, sai khác cảnh báo đỏ

- Nếu tờ khai chọn "USD" thì định dạng thập phân sau phẩy 2 số
- Nếu tờ khai chọn "VNĐ" thì định dạng số nguyên

+ Tổng: UD tính tổng = Nộp NSNN + Để lại PVN

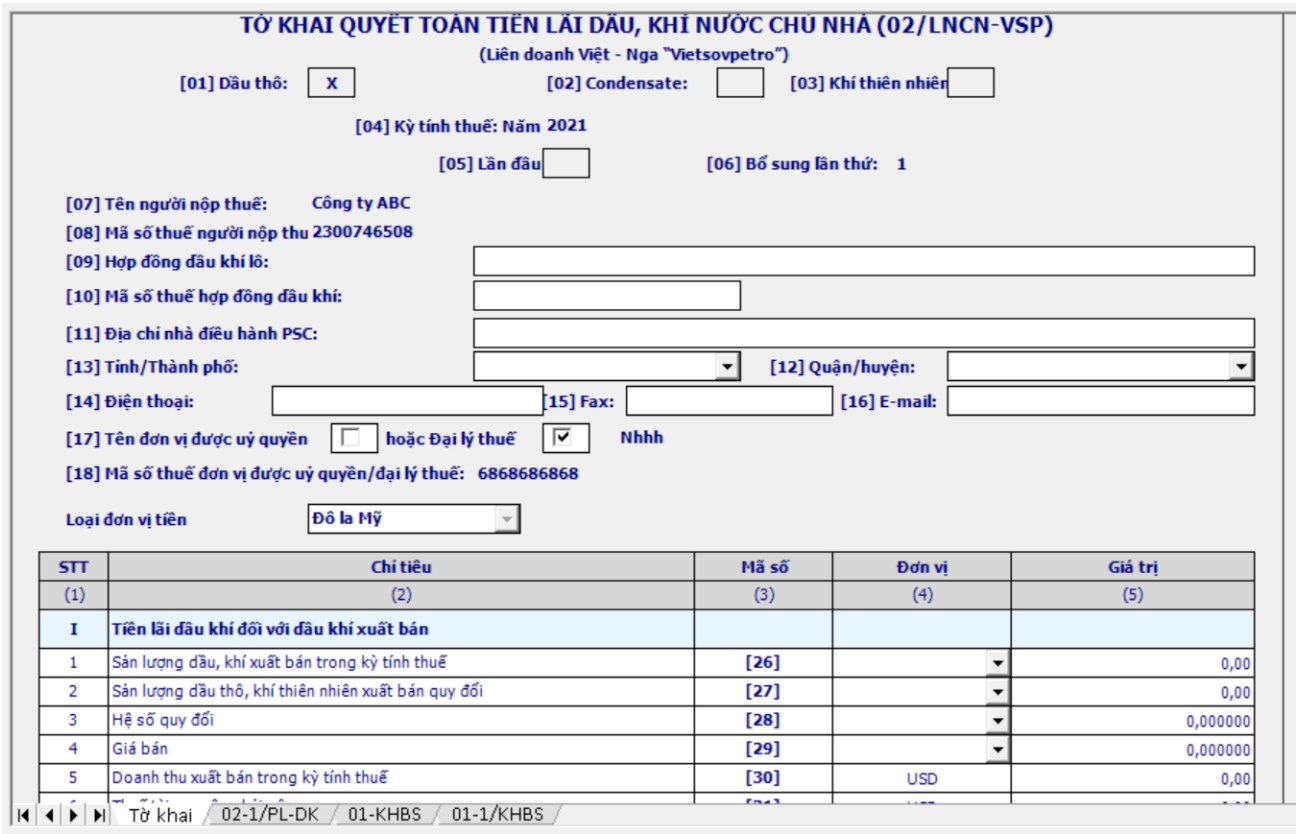
+ Nộp NSNN: NNT nhập số, không âm, kiểm tra tổng các dòng phải = [45] trên tờ khai, sai khác cảnh báo đỏ

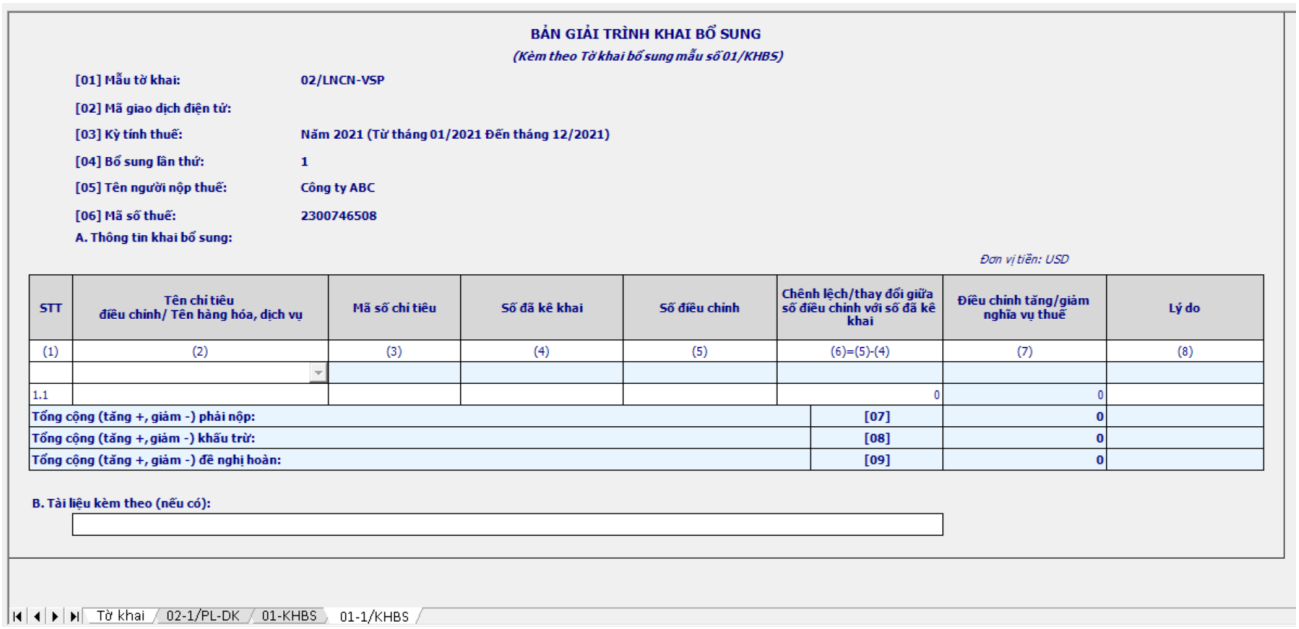
- Nếu tờ khai chọn "USD" thì định dạng thập phân sau phẩy 2 số
- Nếu tờ khai chọn "VNĐ" thì định dạng số nguyên

+ Để lại PVN: Kiểm tra tổng các dòng phải = [46] trên tờ khai, sai khác cảnh báo đỏ

3.12.7.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".





BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 02/LNCN-VSP

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021 (Từ tháng 01/2021 Đến tháng 12/2021)

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: USD

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

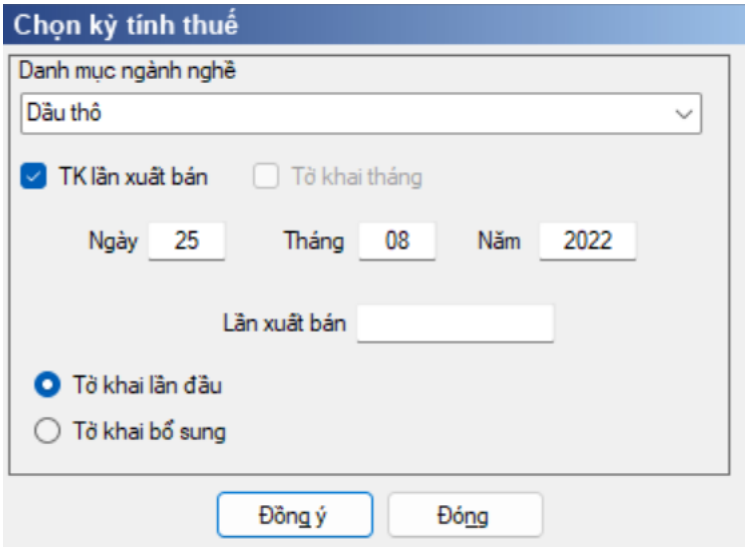
Tờ khai | 02-1/PL-DK | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.12.8 Tờ khai thuế tạm tính áp dụng cho Liên doanh Việt – Nga Vietsoypetro mẫu 01/TK-VSP (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai Dầu khí" chọn "Tờ khai thuế tạm tính (01/TK-VSP)".



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  + CQT nộp tờ khai: là CQT quản lý
  + Loại kỳ tính thuế:
    - Tờ khai tháng: Kê khai đối với loại sản phẩm là "Khí thiên nhiên", hiệu lực từ tháng 01/2022
    - Tờ khai lần phát sinh: Kê khai đối với loại sản phẩm "Dầu thô", "Condensate", hiệu lực từ ngày 01/01/2022
  + Hạn nộp tờ khai:

- Tờ khai tháng: Ngày thứ 20 của tháng tiếp theo, nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ chuyển sang ngày tiếp theo
- Tờ khai lần phát sinh: ngày thứ 35 kể từ ngày phát sinh, nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ chuyển sang ngày tiếp theo

+ Trong cùng 1 kỳ cho phép kê khai nhiều tờ khai khác sản phẩm

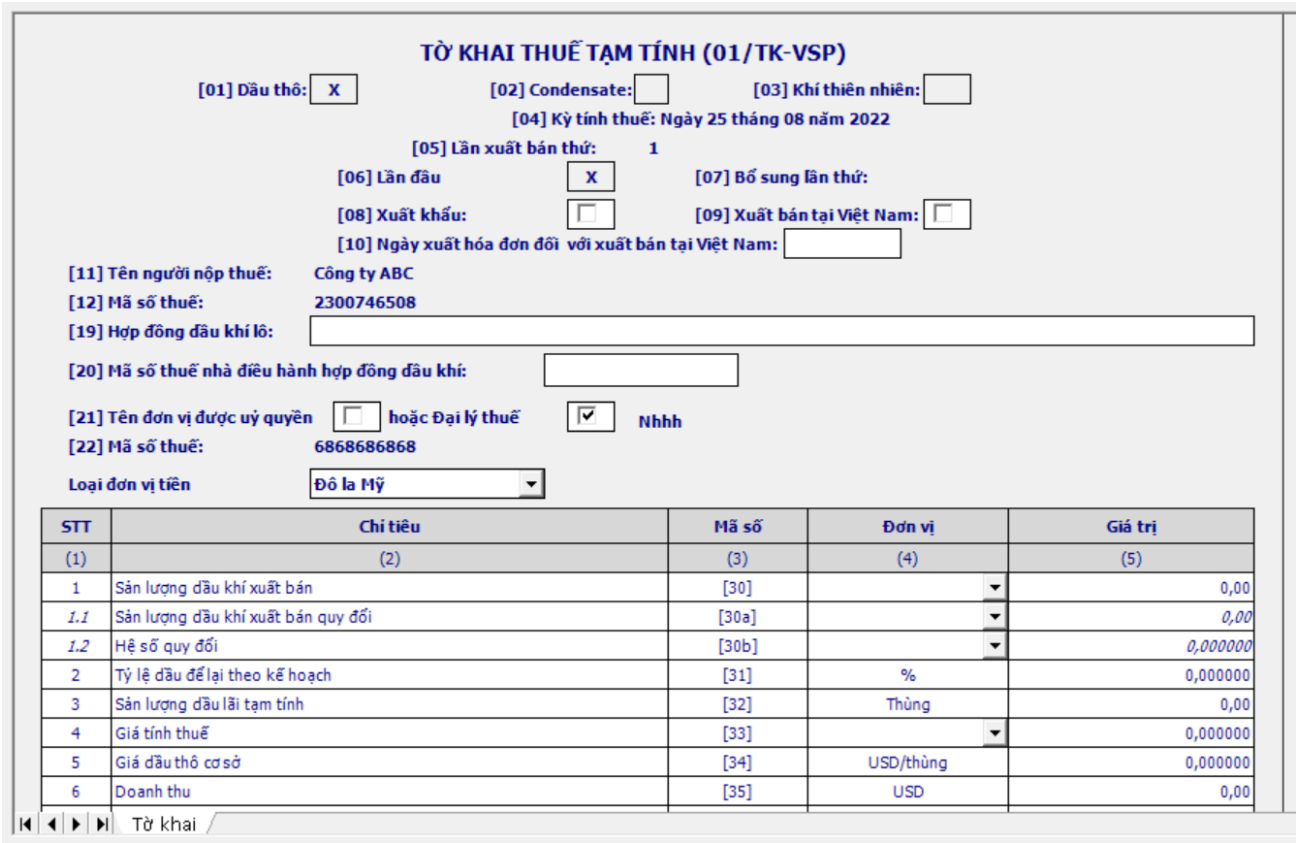
+ Trong 1 tờ khai chỉ kê khai theo 1 loại tiền (VNĐ hoặc USD)

+ Tờ khai chính thức khai bằng loại tiền nào thì tờ khai bổ sung phải khai bằng loại tiền đó.

- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế tạm tính áp dụng cho Liên doanh Việt – Nga "Vietsoypetro" mẫu 01/TK-VSP

3.12.8.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



- Các chỉ tiêu cần nhập:

+ Từ chỉ tiêu [35] đến [43]: nếu header chọn Đơn vị tiền là USD thì là USD, nếu chọn đơn vị tiền là VNĐ thì là VNĐ

+ Chỉ tiêu [30], [30a], [32], [35], [36], [37]: Cho phép nhập dạng số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy

+ Chỉ tiêu [30b], [31], [33], [34]: Cho phép nhập dạng số, không âm, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy

+ Chỉ tiêu [43]: NNT tự nhập, kiểu số

+ Nếu USD: Nhập >=0, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy

+ Nếu là VNĐ nhập >=0, định dạng số nguyên

+ Chỉ tiêu [44]: Cho phép nhập dạng số, không âm, định dạng 4 số thập phân sau dấu phẩy

- Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tự tính:

+ Chỉ tiêu [38] = [39] hoặc = [40], cho phép sửa, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy

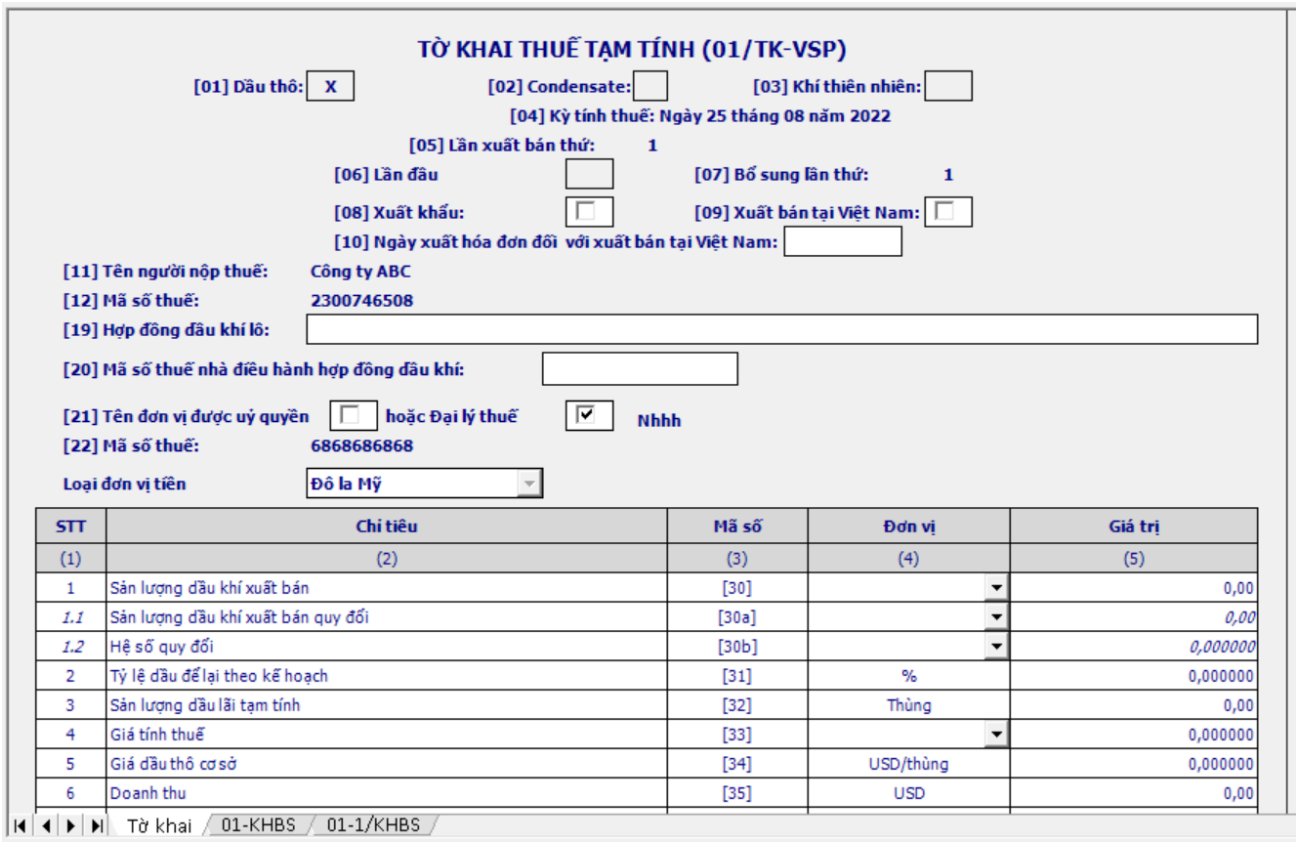
- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [39], [40], [41], [42]: Tự tính theo công thức, cho phép sửa, định dang 2 số thập phân sau dấu phẩy

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

3.12.8.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".



TỜ KHAI THUẾ TẠM TÍNH (01/TK-VSP)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kỳ tính thuế: Ngày 25 tháng 08 năm 2022

[05] Lần xuất bán thứ: 1

[06] Lần đầu [07] Bổ sung lần thứ: 1

[08] Xuất khẩu: [09] Xuất bán tại Việt Nam:

[10] Ngày xuất hóa đơn đối với xuất bán tại Việt Nam:

[11] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[12] Mã số thuế: 2300746508

[19] Hợp đồng dầu khí lô:

[20] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí:

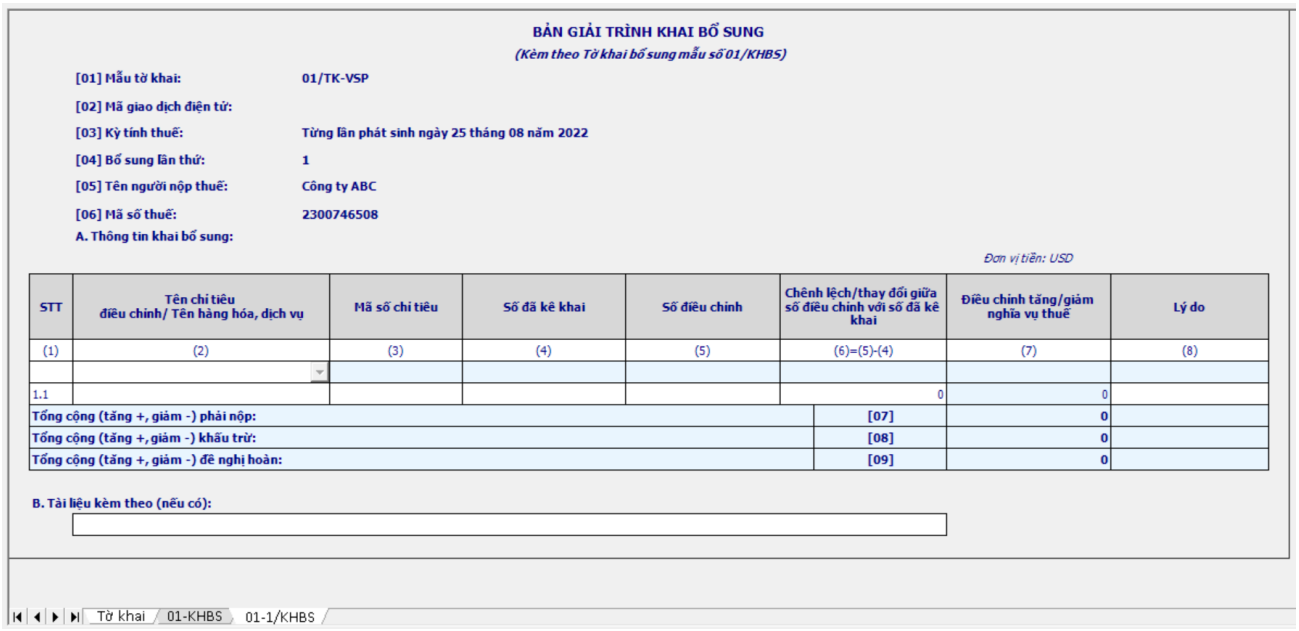
[21] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế Nhhh

[22] Mã số thuế: 6868686868

Loại đơn vị tiền: Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sản lượng dầu khí xuất bán	[30]		0,00
1.1	Sản lượng dầu khí xuất bán quy đổi	[30a]		*0,00*
1.2	Hệ số quy đổi	[30b]		*0,000000*
2	Tỷ lệ dầu để lại theo kế hoạch	[31]	%	0,000000
3	Sản lượng dầu lãi tạm tính	[32]	Thùng	0,00
4	Giá tính thuế	[33]		0,000000
5	Giá dầu thô cơ sở	[34]	USD/thùng	0,000000
6	Doanh thu	[35]	USD	0,00

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS



BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 01/TK-VSP

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Từng lần phát sinh ngày 25 tháng 08 năm 2022

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: USD

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

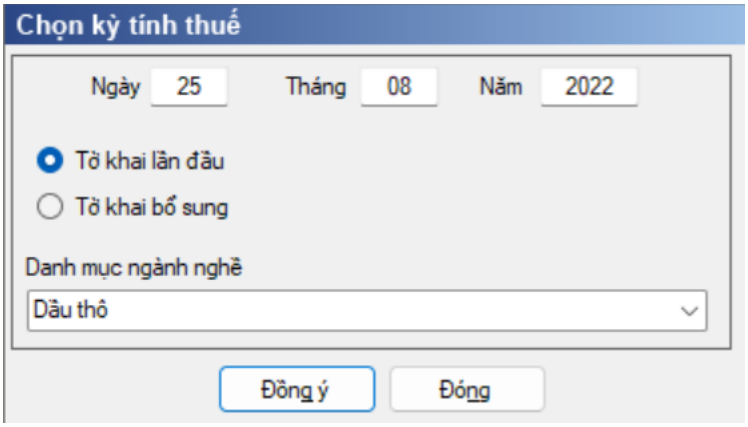
Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.12.9 Tờ khai phụ thu tạm tính áp dụng cho dầu lãi từ tiền kết dư của phần dầu để lại (01-1/PTHU-VSP) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai Dầu khí" chọn "TK phụ thu tạm tính (01-1/PTHU-VSP)".



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau: nhập kỳ tính thuế theo Quý hoặc Năm

+ CQT nộp tờ khai: là CQT quản lý

+ Loại kỳ tính thuế:

  • Tờ khai lần phát sinh: hiệu lực từ ngày 01/01/2022

+ Hạn nộp tờ khai:

  • Ngày thứ 10 kể từ ngày phát sinh, nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ chuyển sang ngày tiếp theo, hạn nộp không quá ngày 31/12 năm chứa ngày phát sinh

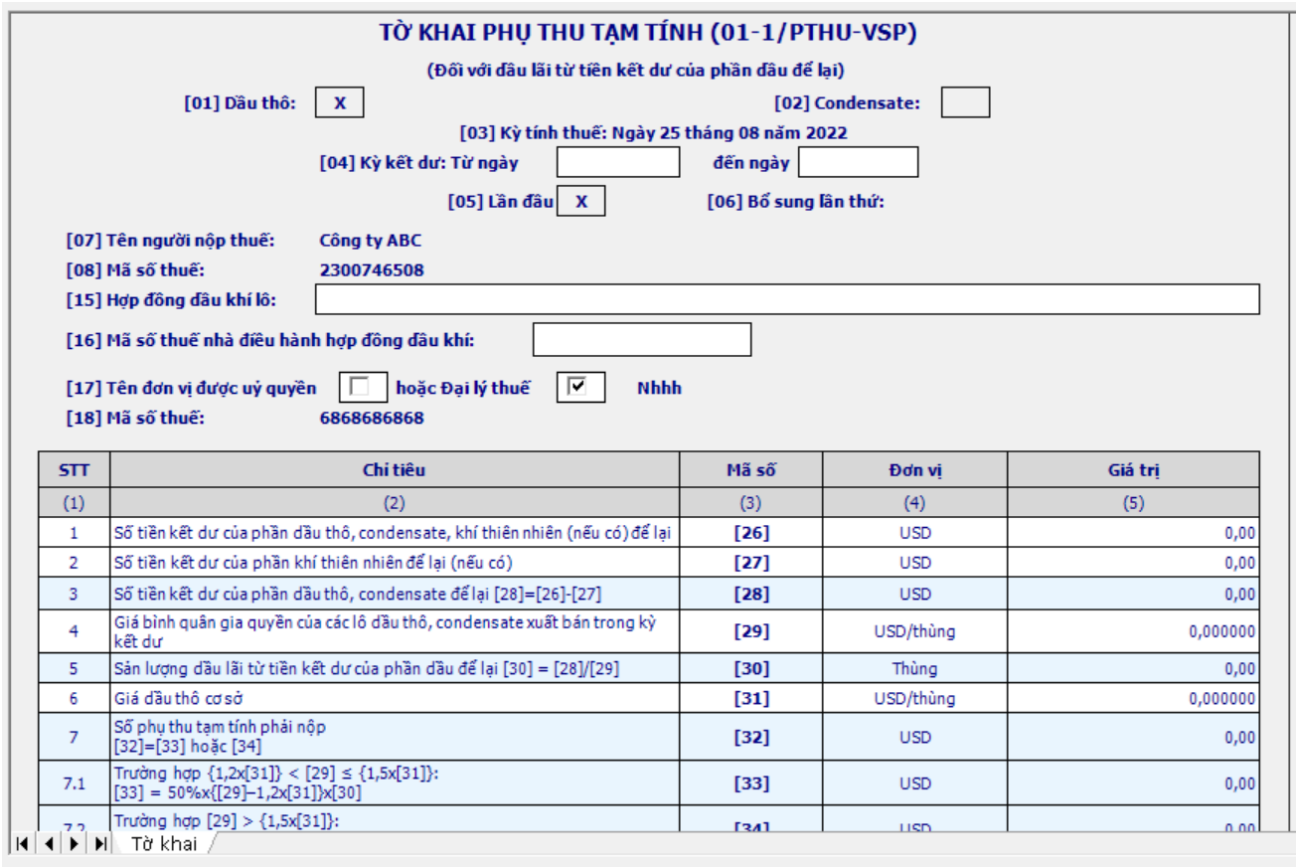
+ Trong cùng 1 kỳ tính thuế được phép kê khai 2 tờ khai tương ứng với 2 loại sản phẩm

+ Trong tờ khai chỉ khai theo đơn vị tiền là USD

- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai phụ thu tạm tính áp dụng cho dầu lãi từ tiền kết dư của phần dầu để lại mẫu 01-1/PTHU-VSP

3.12.9.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



TỜ KHAI PHỤ THU TẠM TÍNH (01-1/PTHU-VSP)

(Đối với dầu lãi từ tiền kết dư của phần dầu để lại)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate:

[03] Kỳ tính thuế: Ngày 25 tháng 08 năm 2022

[04] Kỳ kết dư: Từ ngày đến ngày

[05] Lần đầu X [06] Bổ sung lần thứ:

[07] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[08] Mã số thuế: 2300746508

[15] Hợp đồng dầu khí lô:

[16] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí:

[17] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế Nhhh

[18] Mã số thuế: 6868686868

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Số tiền kết dư của phần dầu thô, condensate, khí thiên nhiên (nếu có) để lại	[26]	USD	0,00
2	Số tiền kết dư của phần khí thiên nhiên để lại (nếu có)	[27]	USD	0,00
3	Số tiền kết dư của phần dầu thô, condensate để lại [28]=[26]-[27]	[28]	USD	0,00
4	Giá bình quân gia quyền của các lô dầu thô, condensate xuất bán trong kỳ kết dư	[29]	USD/thùng	0,000000
5	Sản lượng dầu lãi từ tiền kết dư của phần dầu để lại [30] = [28]/[29]	[30]	Thùng	0,00
6	Giá dầu thô cơ sở	[31]	USD/thùng	0,000000
7	Số phụ thu tạm tính phải nộp [32]=[33] hoặc [34]	[32]	USD	0,00
7.1	Trường hợp {1,2x[31]} < [29] ≤ {1,5x[31]}: [33] = 50%x{[29]-1,2x[31]}x[30]	[33]	USD	0,00
7.2	Trường hợp [29] > {1,5x[31]}:	[34]	USD	0,00

Tờ khai

- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:
  + Chỉ tiêu [26], [27]: NNT nhập số, không âm, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy
  + Chỉ tiêu [29], [31]: NNT nhập số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy
  + Chỉ tiêu [37]: NNT nhập số, không âm, định dạng 4 số thập phân sau dấu phẩy
- Chi tiết các chỉ tiêu tính toán:

+ Chỉ tiêu [28]: Tự tính theo công thức: [28]=[26]-[27], định dạng thập phân sau phẩy 2 số, cho phép sửa, sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [30]: Tự tính theo công thức: [30] = [28]/[29], định dang thập phân sau phẩy 2 số, cho phép sửa, sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

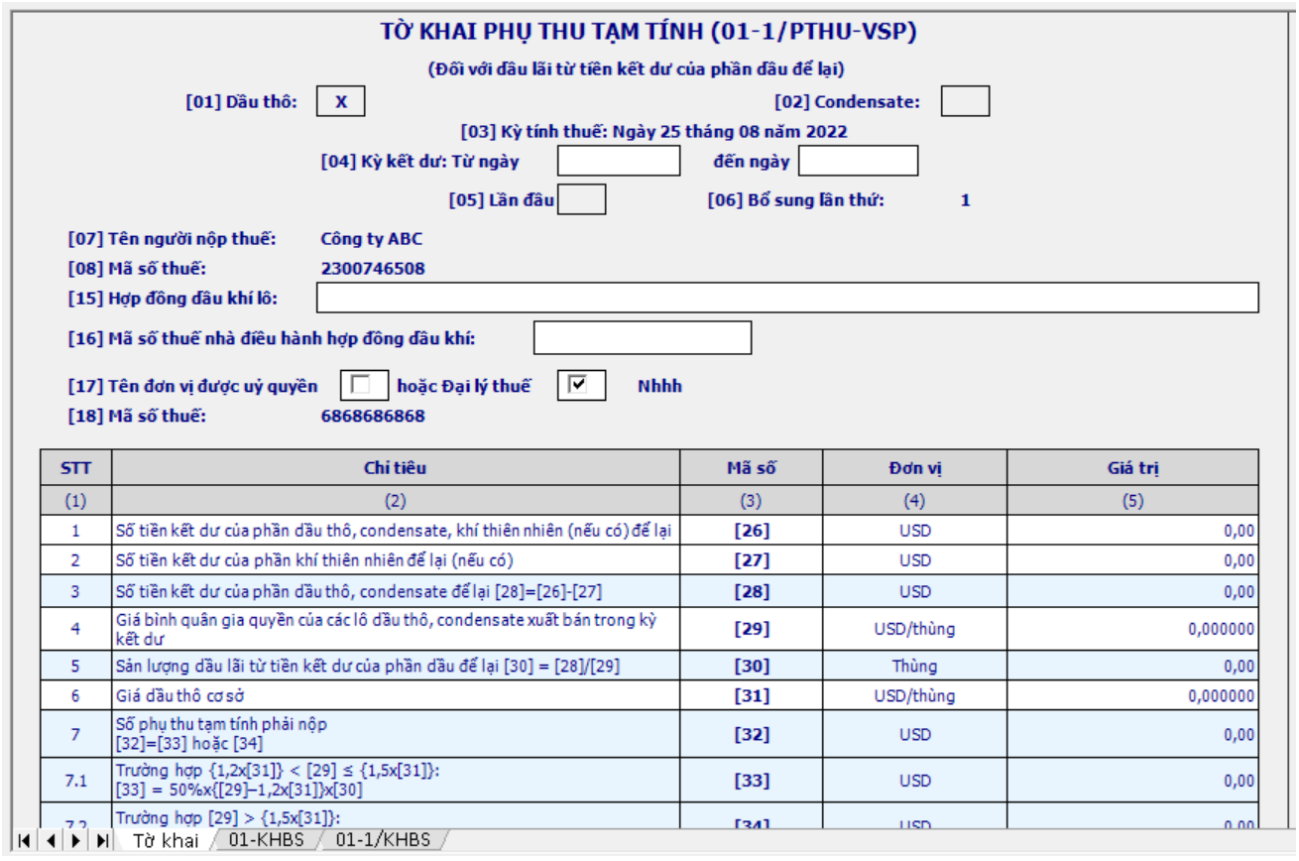
+ Chỉ tiêu [32]: Tự tính theo công thức: [32]=[33] hoặc [34], định dang thập phân sau phẩy 2 số cho phép sửa, sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [33], [34], [35], [36]: Tự tính theo công thức, định dang thập phân sau phẩy 2 số, cho phép sửa, sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

3.12.9.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.

- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".



TỜ KHAI PHỤ THU TẠM TÍNH (01-1/PTHU-VSP)

(Đối với dầu lãi từ tiền kết dư của phần dầu để lại)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate:

[03] Kỳ tính thuế: Ngày 25 tháng 08 năm 2022

[04] Kỳ kết dư: Từ ngày đến ngày

[05] Lần đầu [06] Bổ sung lần thứ: 1

[07] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[08] Mã số thuế: 2300746508

[15] Hợp đồng dầu khí lô:

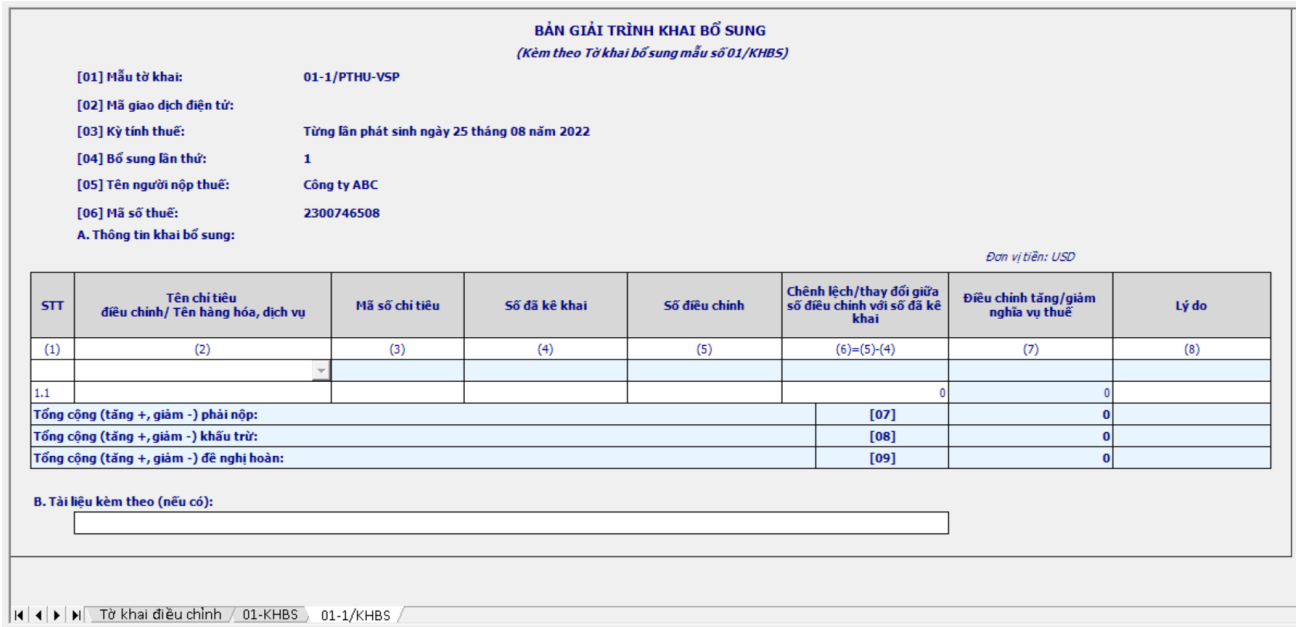
[16] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí:

[17] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế Nhhh

[18] Mã số thuế: 6868686868

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Số tiền kết dư của phần dầu thô, condensate, khí thiên nhiên (nếu có) để lại	[26]	USD	0,00
2	Số tiền kết dư của phần khí thiên nhiên để lại (nếu có)	[27]	USD	0,00
3	Số tiền kết dư của phần dầu thô, condensate để lại [28]=[26]-[27]	[28]	USD	0,00
4	Giá bình quân gia quyền của các lô dầu thô, condensate xuất bán trong kỳ kết dư	[29]	USD/thùng	0,000000
5	Sản lượng dầu lãi từ tiền kết dư của phần dầu để lại [30] = [28]/[29]	[30]	Thùng	0,00
6	Giá dầu thô cơ sở	[31]	USD/thùng	0,000000
7	Số phụ thu tạm tính phải nộp [32]=[33] hoặc [34]	[32]	USD	0,00
7.1	Trường hợp {1,2x[31]} < [29] ≤ {1,5x[31]}: [33] = 50%x{[29]-1,2x[31]}x[30]	[33]	USD	0,00
7.2	Trường hợp [29] > {1,5x[31]}:	[34]	USD	0,00

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS



BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 01-1/PTHU-VSP

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Từng lần phát sinh ngày 25 tháng 08 năm 2022

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: USD

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

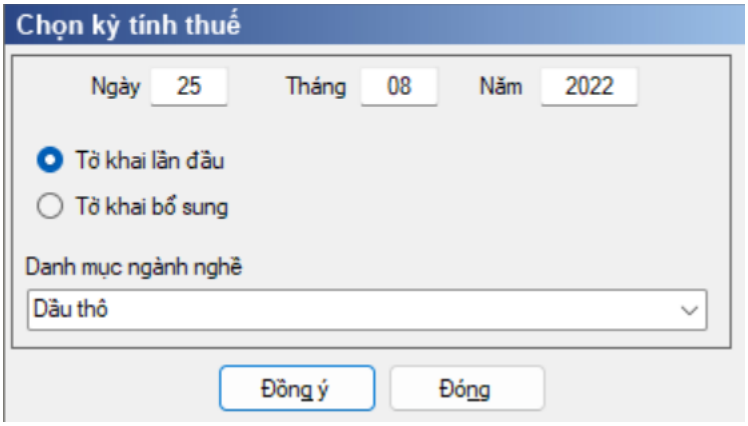
Tờ khai điều chỉnh | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.12.10 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính áp dụng cho thu nhập từ tiền kết dư của phần dầu để lại (01-1/TNDN-VSP) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

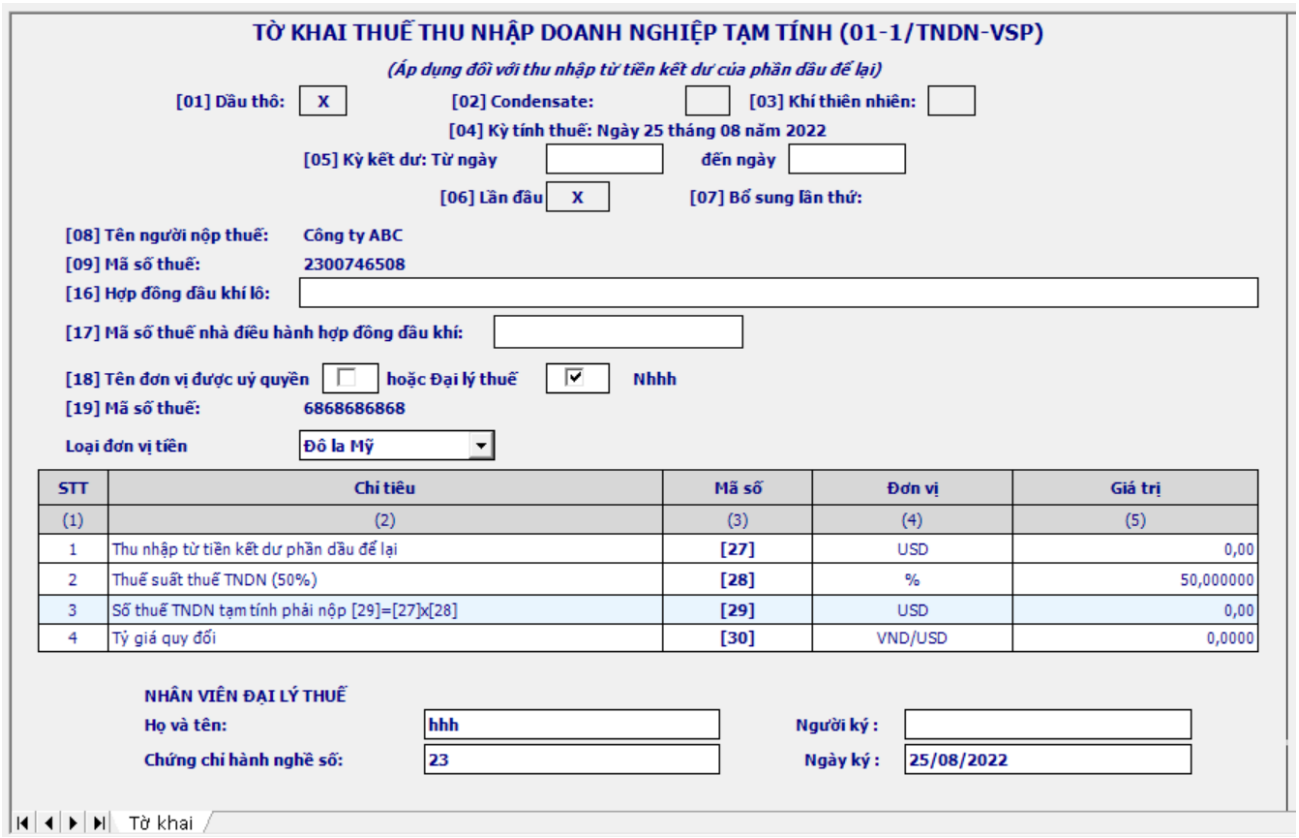
- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai Dầu khí" chọn "TK thuế TNDN tạm tính (01-1/TNDN-VSP)".



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau: nhập kỳ tính thuế theo Quý hoặc Năm
  + CQT nộp tờ khai: là CQT quản lý
  + Loại kỳ tính thuế:
    - Tờ khai lần phát sinh: hiệu lực từ ngày 01/01/2022
  + Hạn nộp tờ khai:
    - Ngày thứ 10 kể từ ngày phát sinh, nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ chuyển sang ngày tiếp theo, hạn nộp không quá ngày 31/12 năm chứa ngày phát sinh
  + Trong cùng 1 kỳ tính thuế được phép kê khai 3 tờ khai tương ứng với 3 loại sản phẩm
  + Trong tờ khai chỉ kê khai theo 1 loại tiền (VNĐ hoặc USD)
  + Tờ khai chính thức khai bằng loại tiền nào thì tờ khai bổ sung phải khai bằng loại tiền đó
- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai phụ thu tạm tính áp dụng cho dầu lãi từ tiền kết dư của phần dầu để lại mẫu 01-1/TNDN-VSP

3.12.10.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠM TÍNH (01-1/TNDN-VSP)

(Áp dụng đối với thu nhập từ tiền kết dư của phần dầu để lại)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kỳ tính thuế: Ngày 25 tháng 08 năm 2022

[05] Kỳ kết dư: Từ ngày đến ngày

[06] Lần đầu X [07] Bổ sung lần thứ:

[08] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[09] Mã số thuế: 2300746508

[16] Hợp đồng dầu khí lô:

[17] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí:

[18] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế Nhhh

[19] Mã số thuế: 6868686868

Loại đơn vị tiền Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Thu nhập từ tiền kết dư phần dầu để lại	[27]	USD	0,00
2	Thuế suất thuế TNDN (50%)	[28]	%	50,000000
3	Số thuế TNDN tạm tính phải nộp [29]=[27]x[28]	[29]	USD	0,00
4	Tỷ giá quy đổi	[30]	VND/USD	0,0000

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: hhh Người ký :

Chứng chỉ hành nghề số: 23 Ngày ký : 25/08/2022

Tờ khai

- **Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:** Từ chỉ tiêu [27] đến [29]: nếu header chọn Đơn vị tiền là USD thì là USD, nếu chọn đơn vị tiền là VNĐ thì là VNĐ

+ Chỉ tiêu [27]: NNT nhập số, nếu là USD nhập >=0 định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy, nếu là VND thì nhập >=0, định dạng số nguyên

+ Chỉ tiêu [28]: Mặc định là 50

+ Chỉ tiêu [30]: NNT nhập số, không âm, định dạng 4 số thập phân sau dấu phẩy

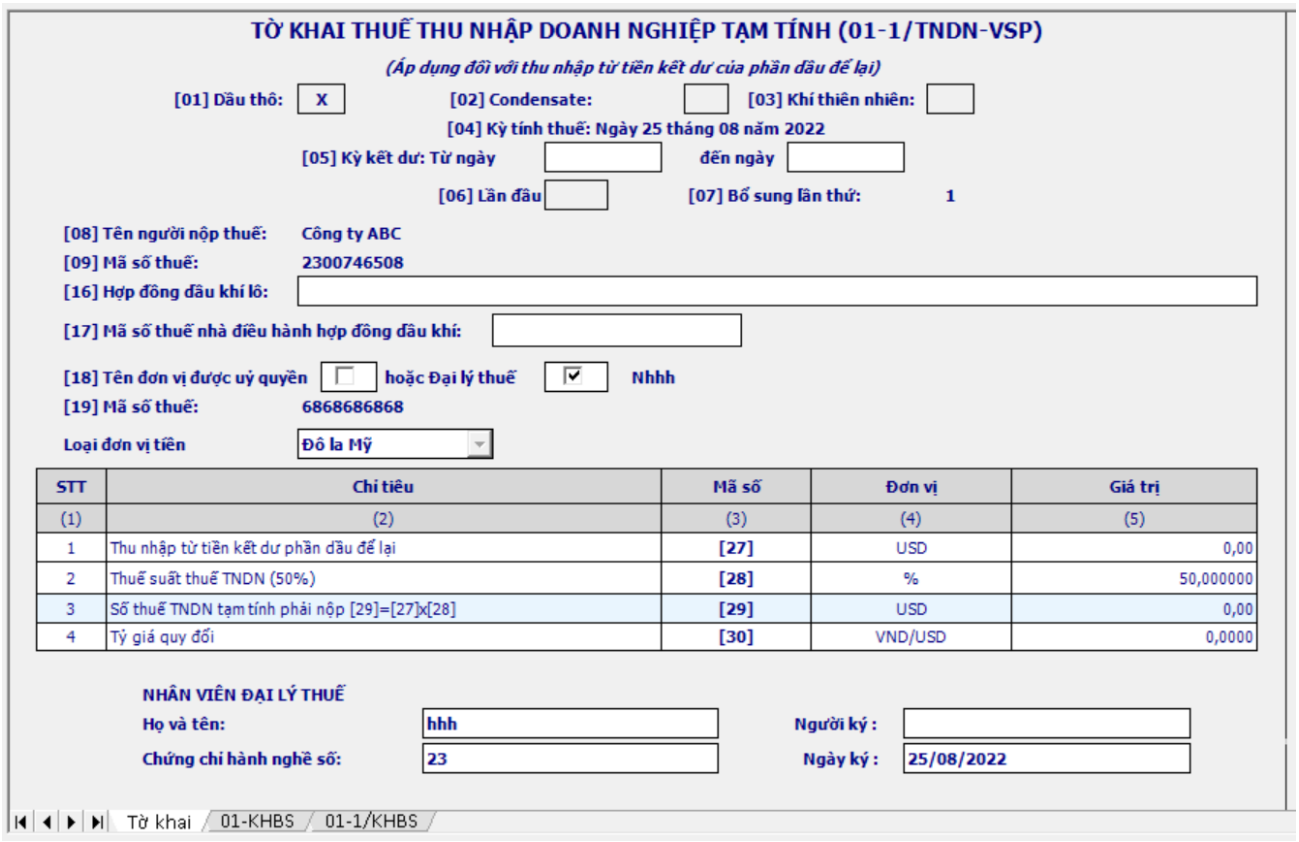
- Chi tiết các chỉ tiêu tính toán:

+ Chỉ tiêu [29]: Tự tính theo công thức: [29]=[27]x[28], định dạng thập phân sau phẩy 2 số, cho phép sửa

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

3.12.10.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".



TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠM TÍNH (01-1/TNDN-VSP)

(Áp dụng đối với thu nhập từ tiền kết dư của phần dầu để lại)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kỳ tính thuế: Ngày 25 tháng 08 năm 2022

[05] Kỳ kết dư: Từ ngày đến ngày

[06] Lần đầu [07] Bổ sung lần thứ: 1

[08] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[09] Mã số thuế: 2300746508

[16] Hợp đồng dầu khí lô:

[17] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí:

[18] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế Nhhh

[19] Mã số thuế: 6868686868

Loại đơn vị tiền Đô la Mỹ

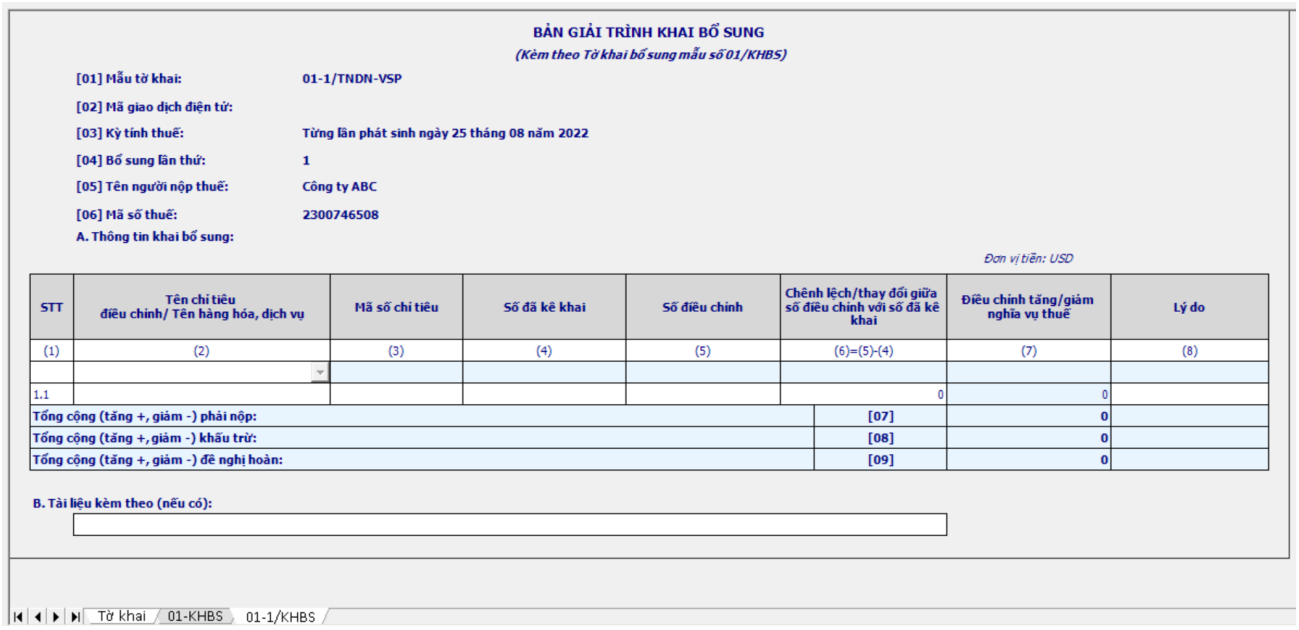
STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Thu nhập từ tiền kết dư phần dầu để lại	[27]	USD	0,00
2	Thuế suất thuế TNDN (50%)	[28]	%	50,000000
3	Số thuế TNDN tạm tính phải nộp [29]=[27]x[28]	[29]	USD	0,00
4	Tỷ giá quy đổi	[30]	VND/USD	0,0000

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: hhh Người ký :

Chứng chỉ hành nghề số: 23 Ngày ký : 25/08/2022

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS



BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 01-1/TNDN-VSP

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Từng lần phát sinh ngày 25 tháng 08 năm 2022

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: USD

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

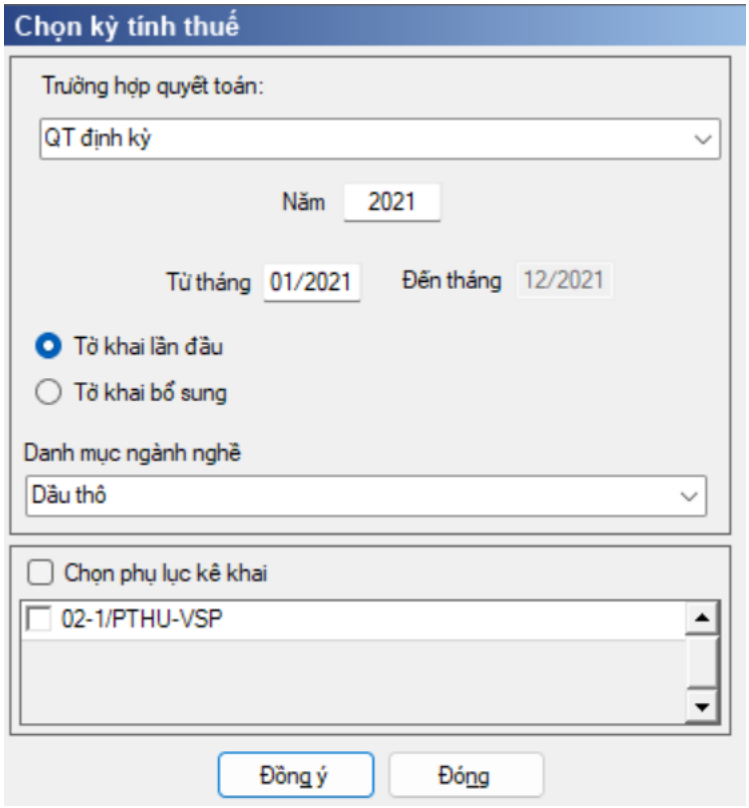
Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.12.11 Tờ khai quyết toán phụ thu (02/PTHU-VSP) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai Dầu khí" chọn "TK quyết toán phụ thu (02/PTHU-VSP)".



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau: nhập kỳ tính thuế theo Quý hoặc Năm

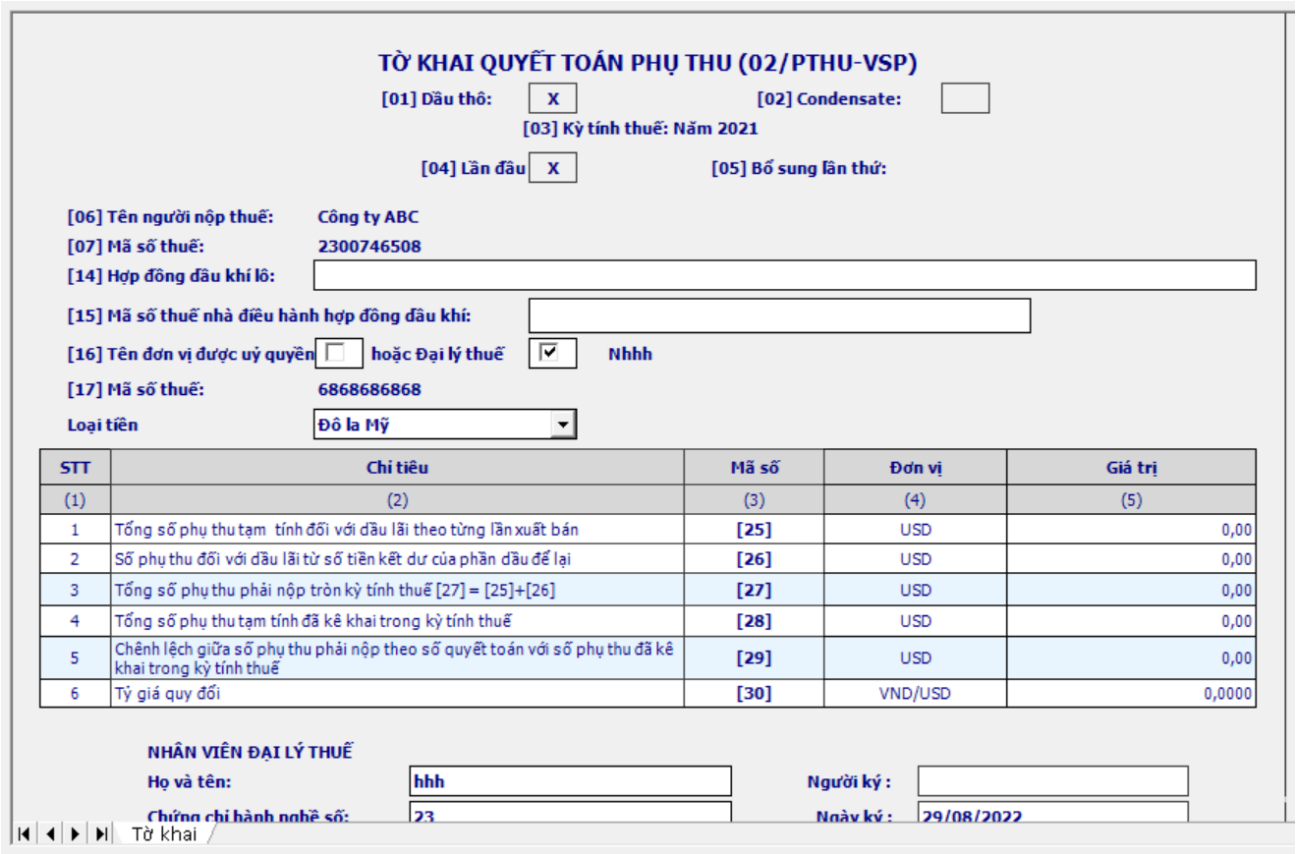
+ CQT nộp tờ khai: là CQT quản lý
+ Loại kỳ tính thuế: Tờ khai năm: từ năm 2021 (kỳ >=21CN)
+ Hạn nộp tờ khai:

- Đối với trường hợp quyết toán đủ 12 tháng: hạn nộp = ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ tháng quyết toán đến, dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ
- Đối với trường hợp quyết toán < 12 tháng: hạn nộp = ngày cuối cùng của kỳ quyết toán đến + 45 ngày, dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ.
- Nếu chỉ tiêu 25 hoặc 26 trên tờ khai chính có giá trị thì bắt buộc kê khai PL (trên PL phải có ít nhất 1 dòng có giá trị). Nếu tờ khai chính không có giá trị thì không cho kê khai PL

- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai phụ thu tạm tính áp dụng cho dầu lãi từ tiền kết dư của phần dầu để lại mẫu 02/PTHU-VSP

3.12.11.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHỤ THU (02/PTHU-VSP)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[04] Lần đầu X [05] Bổ sung lần thứ:

[06] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[07] Mã số thuế: 2300746508

[14] Hợp đồng dầu khí lô:

[15] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí:

[16] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế Nhhh

[17] Mã số thuế: 6868686868

Loại tiền: Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tổng số phụ thu tạm tính đối với dầu lãi theo từng lần xuất bán	[25]	USD	0,00
2	Số phụ thu đối với dầu lãi từ số tiền kết dư của phần dầu để lại	[26]	USD	0,00
3	Tổng số phụ thu phải nộp tròn kỳ tính thuế [27] = [25]+[26]	[27]	USD	0,00
4	Tổng số phụ thu tạm tính đã kê khai trong kỳ tính thuế	[28]	USD	0,00
5	Chênh lệch giữa số phụ thu phải nộp theo số quyết toán với số phụ thu đã kê khai trong kỳ tính thuế	[29]	USD	0,00
6	Tỷ giá quy đổi	[30]	VND/USD	0,0000

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: hhh Người ký :

Chứng chỉ hành nghề số: 23 Ngày ký : 29/08/2022

Tờ khai

- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:

+ Chỉ tiêu [25], [26]: NNT nhập số, không âm, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy

+ Chỉ tiêu [28]: NNT nhập số, không âm, nếu là VND nhập >=0, định dạng số nguyên; nếu là USD nhập >=0, định dạng thập phân sau dấu phẩy 2 số, kiểm tra 28= tổng cột 5 hoặc tổng cột 6 trên phụ lục (Tùy vào 28 chọn loại tiền gì), sai khác cảnh báo vàng

+ Chỉ tiêu [30]: Bắt buộc nhập nếu [27] -> [29] là VNĐ, nhập số >=0, định dạng x,xxxx

- Chi tiết các chỉ tiêu tính toán:

+ Chỉ tiêu [27]: Tự tính theo công thức, chỉ tiêu [27] -> [29] phải cùng 1 đơn vị tiền, UD tính theo công thức, nếu là USD: [27] = [25]+[26], nếu là VNĐ: [27] = ([25]+[26]) * [30], cho phép sửa

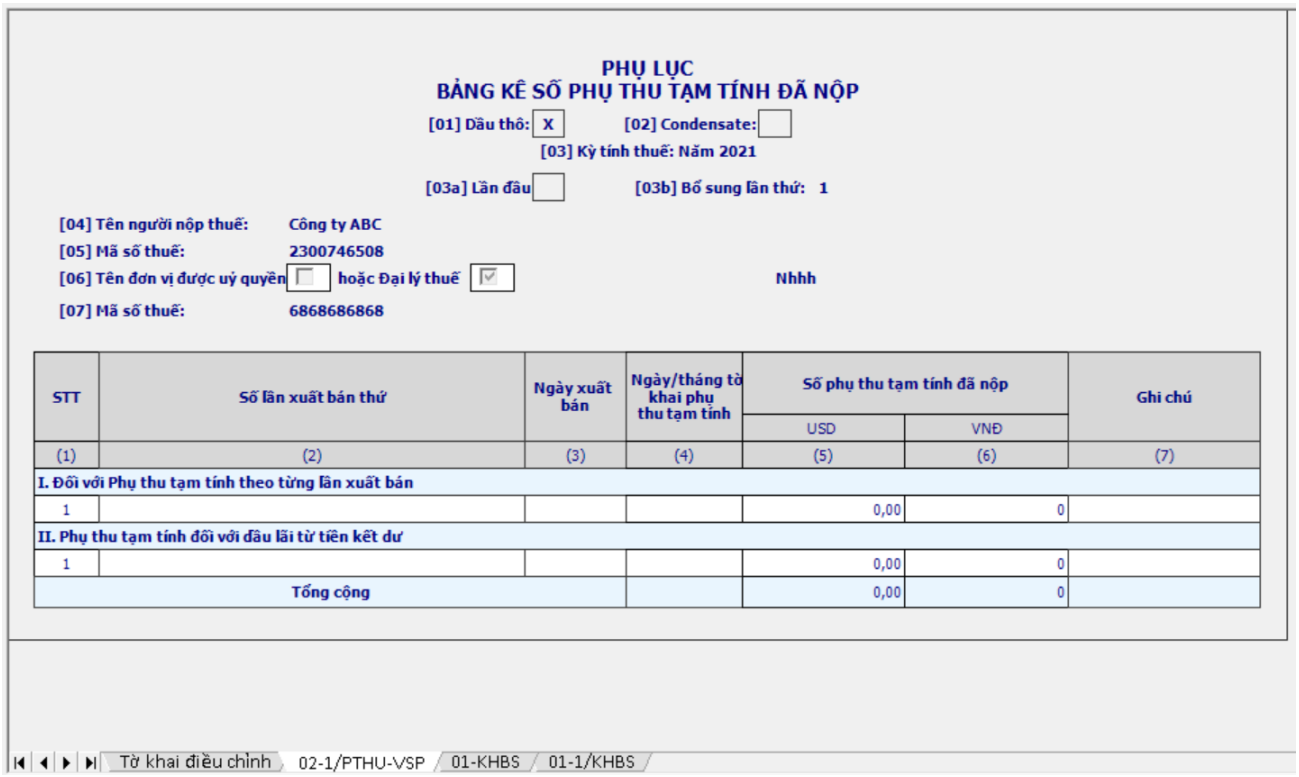
- Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [29]: Tự tính theo công thức, chỉ tiêu [27] -> [29] phải cùng 1 đơn vị tiền, UD tính theo công thức, nếu là USD: [29] = [27]-[28], nếu là VNĐ: [29] = ([27]-[28]) * [30], cho phép sửa

- Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

3.12.11.1.1 Phụ lục 02-1/PTHU-VSP

- Nếu tờ khai có số liệu ở chỉ tiêu 25 hoặc 26 thì bắt buộc kê khai phụ lục và trên Phụ lục có ít nhất 1 dòng nhập đầy đủ các chỉ tiêu từ chỉ tiêu 4 đến chỉ tiêu 7, nếu vi phạm hiển thị lỗi đỏ.



PHỤ LỤC
BẢNG KÊ SỐ PHỤ THU TẠM TÍNH ĐÃ NỘP

[01] Dầu thô: X [02] Condensate:
[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021
[03a] Lần đầu [03b] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[05] Mã số thuế: 2300746508
[06] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế Nhhh
[07] Mã số thuế: 6868686868

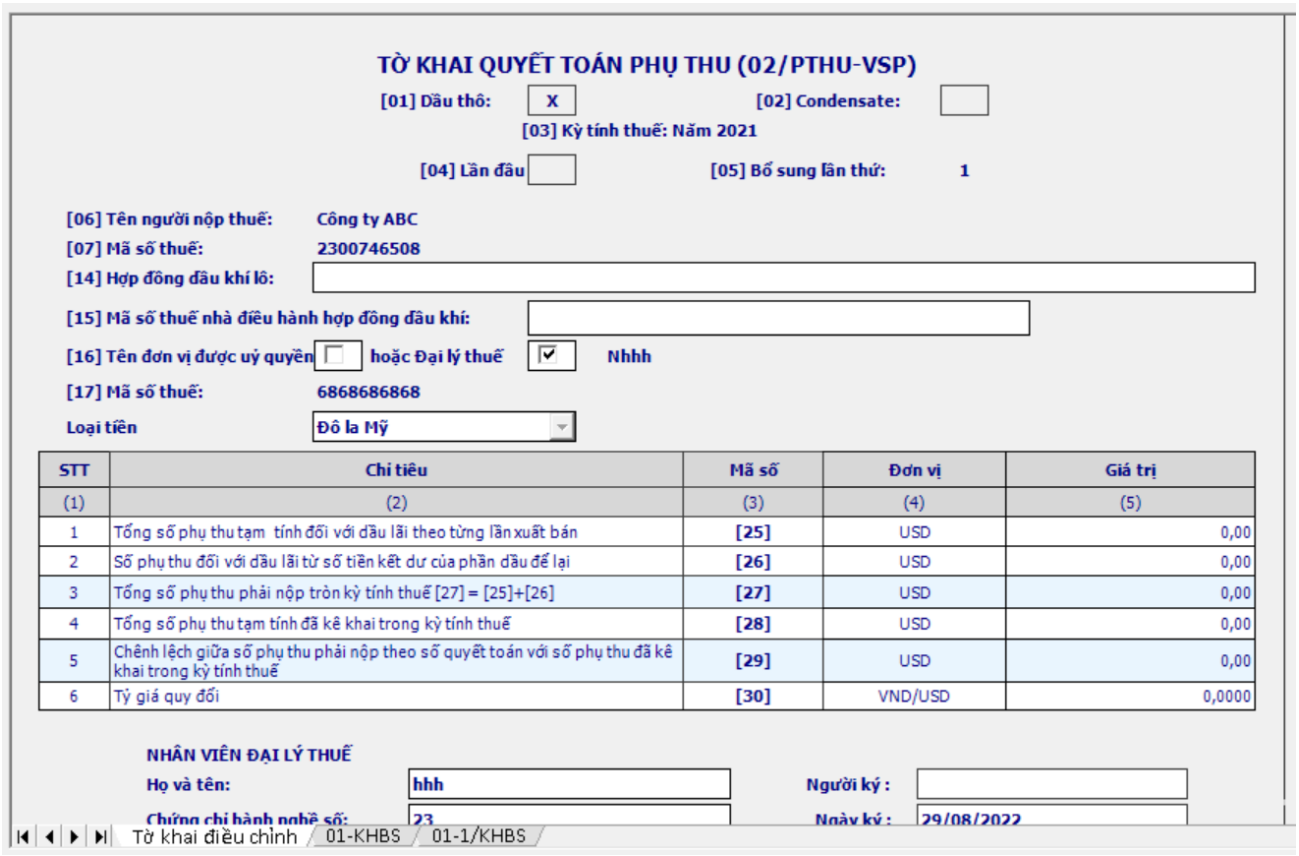
STT	Số lần xuất bản thứ	Ngày xuất bản	Ngày/tháng tờ khai phụ thu tạm tính	Số phụ thu tạm tính đã nộp		Ghi chú
				USD	VNĐ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I. Đối với Phụ thu tạm tính theo từng lần xuất bản						
1				0,00	0	
II. Phụ thu tạm tính đối với dầu lãi từ tiền kết dư						
1				0,00	0	
Tổng cộng				0,00	0	

Tờ khai điều chỉnh | 02-1/PTHU-VSP | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:
  + I. Đối với Phụ thu tạm tính theo từng lần xuất bán
    - Chỉ tiêu (2): NNT tự nhập dạng text
    - Chỉ tiêu (3): NNT nhập Dd/mm/yyyy, phải nhỏ hơn hoặc bằng ngày hiện tại
    - Chỉ tiêu (4): NNT tự nhập
    - Chỉ tiêu (5): Nhập dạng số, không âm, định dạng thập phân sau phẩy 2 số
    - Chỉ tiêu (6): NNT nhập dạng số, không âm
    - Chỉ tiêu (7): NNT tự nhập dạng text
  + II. Phụ thu tạm tính đối với dầu lãi từ tiền kết dư
    - Chỉ tiêu (2): NNT tự nhập dạng text
    - Chỉ tiêu (3): NNT nhập Dd/mm/yyyy
    - Chỉ tiêu (4): NNT tự nhập
    - Chỉ tiêu (5): Nhập dạng số, không âm, định dạng thập phân sau phẩy 2 số
    - Chỉ tiêu (6): NNT nhập dạng số, không âm
    - Chỉ tiêu (7): NNT tự nhập dạng text

3.12.11.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".



TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHỤ THU (02/PTHU-VSP)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[04] Lần đầu [05] Bổ sung lần thứ: 1

[06] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[07] Mã số thuế: 2300746508

[14] Hợp đồng dầu khí lô:

[15] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí:

[16] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế Nhhh

[17] Mã số thuế: 6868686868

Loại tiền: Đô la Mỹ

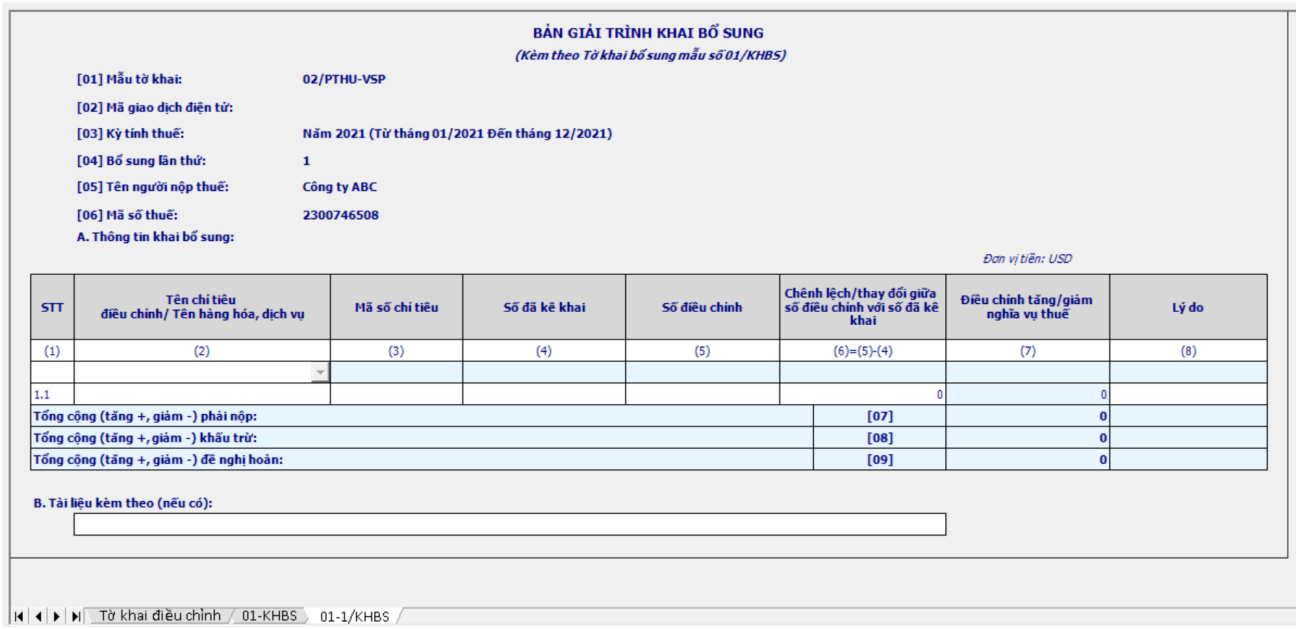
STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tổng số phụ thu tạm tính đối với dầu lãi theo từng lần xuất bán	[25]	USD	0,00
2	Số phụ thu đối với dầu lãi từ số tiền kết dư của phần dầu để lại	[26]	USD	0,00
3	Tổng số phụ thu phải nộp tròn kỳ tính thuế [27] = [25]+[26]	[27]	USD	0,00
4	Tổng số phụ thu tạm tính đã kê khai trong kỳ tính thuế	[28]	USD	0,00
5	Chênh lệch giữa số phụ thu phải nộp theo số quyết toán với số phụ thu đã kê khai trong kỳ tính thuế	[29]	USD	0,00
6	Tỷ giá quy đổi	[30]	VND/USD	0,0000

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: hhh Người ký :

Chứng chỉ hành nghề số: 23 Ngày ký : 29/08/2022

Tờ khai điều chỉnh | 01-KHBS | 01-1/KHBS



BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 02/PTHU-VSP

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021 (Từ tháng 01/2021 Đến tháng 12/2021)

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: USD

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

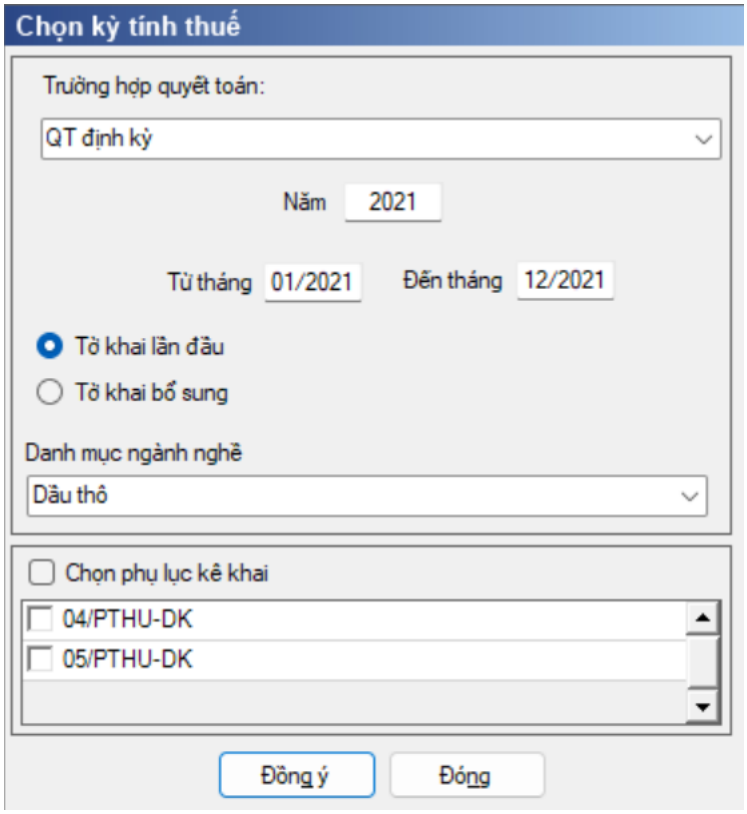
Tờ khai điều chỉnh | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.12.12 Tờ khai Quyết toán phụ thu (02/PTHU-DK) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

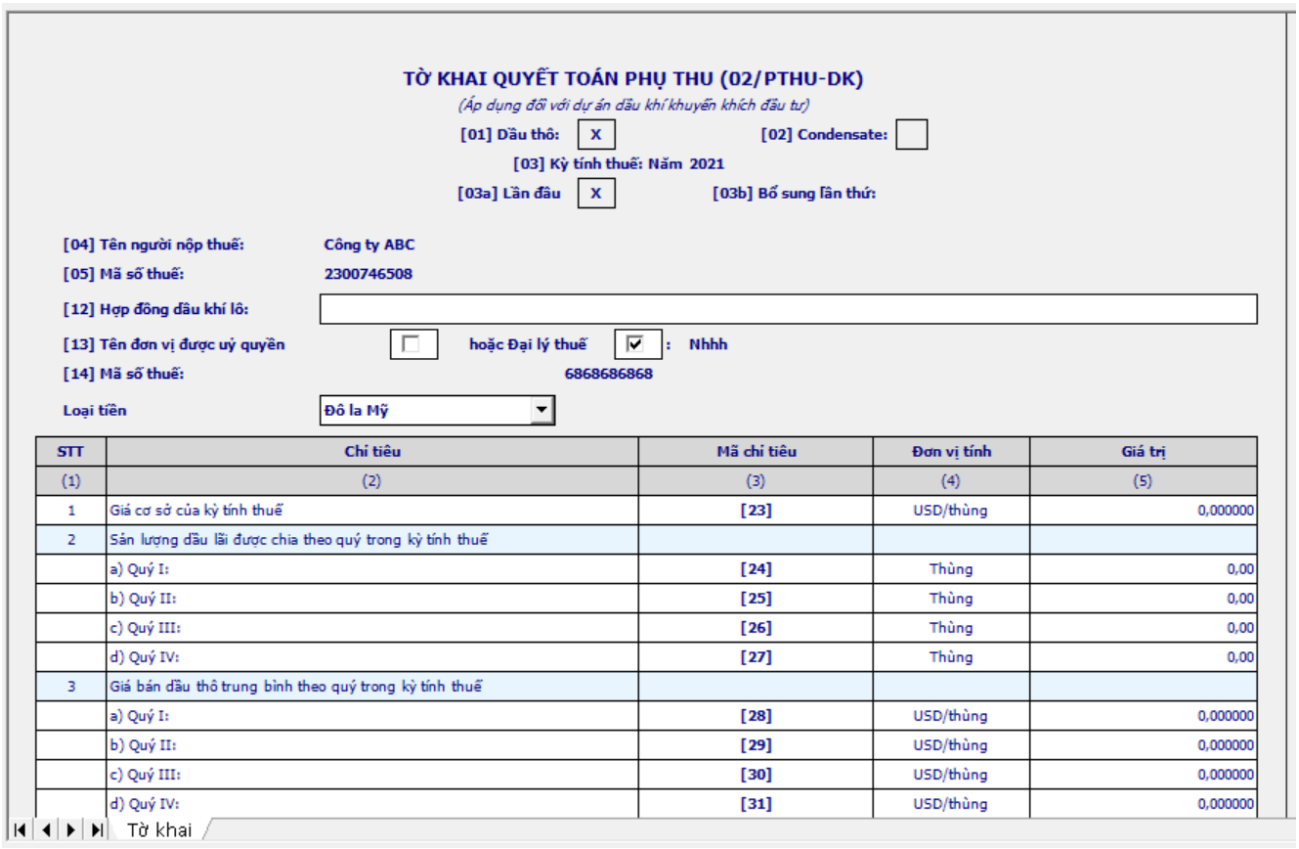
- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai Dầu khí" chọn "TK Quyết toán phụ thu (02/PTHU-DK)".



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau: nhập kỳ tính thuế theo Quý hoặc Năm
  + CQT nộp tờ khai: là CQT quản lý
  + Loại kỳ tính thuế: Tờ khai năm: từ năm 2021 (kỳ >=21CN) mẫu biểu theo TT80
  + Hạn nộp tờ khai:
    - Đối với trường hợp quyết toán đủ 12 tháng: hạn nộp = ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ tháng quyết toán đến, dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ. Không cho phép sửa hạn nộp
    - Đối với trường hợp quyết toán < 12 tháng: hạn nộp = ngày cuối cùng của kỳ quyết toán đến + 45 ngày, dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ.
- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai quyết toán phụ thu mẫu 02/PTHU-DK

3.12.12.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHỤ THU (02/PTHU-DK)

(Áp dụng đối với dự án dầu khí khuyến khích đầu tư)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[03a] Lần đầu X [03b] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[12] Hợp đồng dầu khí lô:

[13] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế : Nhhh

[14] Mã số thuế: 6868686868

Loại tiền Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Giá cơ sở của kỳ tính thuế	[23]	USD/thùng	0,000000
2	Sản lượng dầu lãi được chia theo quý trong kỳ tính thuế			
	a) Quý I:	[24]	Thùng	0,00
	b) Quý II:	[25]	Thùng	0,00
	c) Quý III:	[26]	Thùng	0,00
	d) Quý IV:	[27]	Thùng	0,00
3	Giá bán dầu thô trung bình theo quý trong kỳ tính thuế			
	a) Quý I:	[28]	USD/thùng	0,000000
	b) Quý II:	[29]	USD/thùng	0,000000
	c) Quý III:	[30]	USD/thùng	0,000000
	d) Quý IV:	[31]	USD/thùng	0,000000

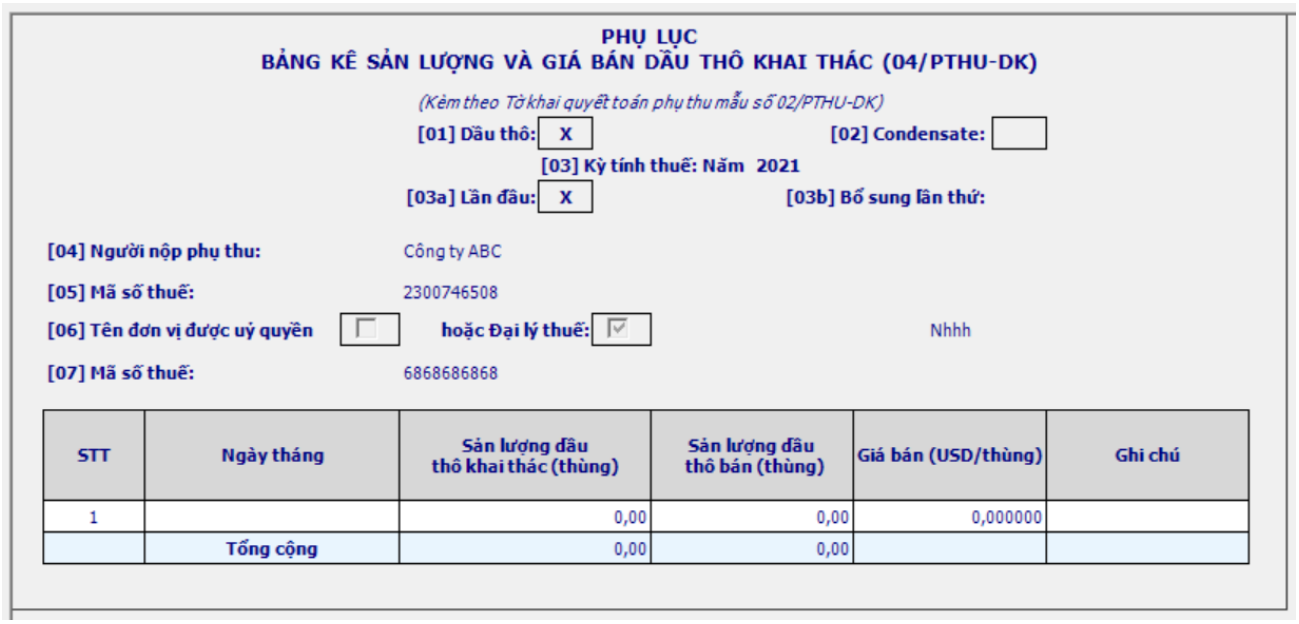
Tờ khai

- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:
  + Chỉ tiêu [23]: NNT nhập số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy
  + Chỉ tiêu [24], [25], [26], [27], [38], [39], [40], [41]: NNT nhập số, không âm, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy
  + Chỉ tiêu [28], [29], [30], [31]: NNT nhập số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy
  + Chỉ tiêu [42]: Cho phép nhập >=0, tối đa 15 số nguyên, 2 số thập phân sau phẩy
  + Chỉ tiêu [44]: NNT nhập số, không âm, định dạng 4 số thập phân sau dấu phẩy
- Chi tiết các chỉ tiêu tính toán:
  + Chỉ tiêu [32] = [33]+[34]+[35]+[36]
    - Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
    - Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [44]
  + Chỉ tiêu [33]: Tự tính theo công thức [33] = 30%*{[28]–1,2*[23]}*[24], cho phép sửa, sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  + Chỉ tiêu [34]: Tự tính theo công thức [34] = 30%*{[29]–1,2*[23]}*[25], cho phép sửa, sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  + Chỉ tiêu [35]: Tự tính theo công thức [35] = 30%*{[30]–1,2*[23]}*[26], cho phép sửa, sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  + Chỉ tiêu [36]: Tự tính theo công thức [36] = 30%*{[31]–1,2*[23]}*[27], cho phép sửa, sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  + Chỉ tiêu [37]: Tự tính theo công thức [37] = [38]+[39]+[40]+[41], cho phép sửa, sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [41a]: Tự tính theo công thức [41a]=[32]-[37], cho phép sửa, sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [43]: Tự tính theo công thức [43] = [32] - [37] - [42], cho phép sửa, sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

3.12.12.1.1 Phụ lục 04-PTHU-DK



PHỤ LỤC
BẢNG KÊ SẢN LƯỢNG VÀ GIÁ BÁN DẦU THÔ KHAI THÁC (04/PTHU-DK)

(Kèm theo Tờ khai quyết toán phụ thu mẫu số 02/PTHU-DK)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[03a] Lần đầu: X [03b] Bổ sung lần thứ:

[04] Người nộp phụ thu: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[06] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế: Nhhh

[07] Mã số thuế: 6868686868

STT	Ngày tháng	Sản lượng dầu thô khai thác (thùng)	Sản lượng dầu thô bán (thùng)	Giá bán (USD/thùng)	Ghi chú
1		0,00	0,00	0,000000	
	Tổng cộng	0,00	0,00		

- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:

+ Ngày tháng: Nhập định dạng ngày/tháng, không bắt buộc

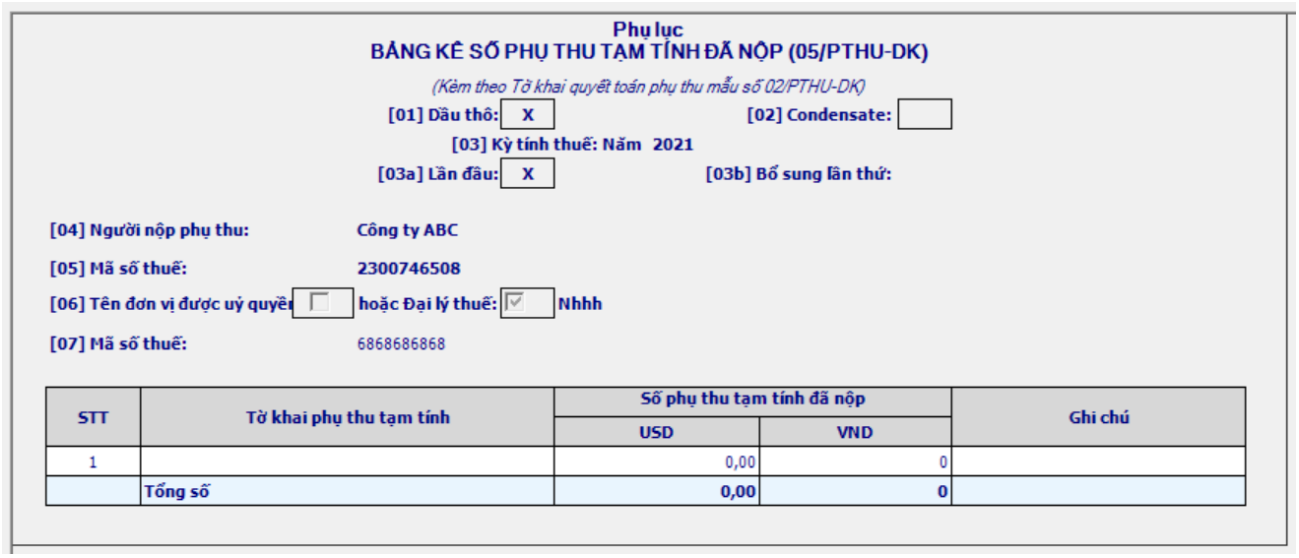
+ Sản lượng dầu thô khai thác (thùng): Nhập thập phân 2 số sau dấu phẩy, mặc định là 0

+ Sản lượng dầu thô bán (thùng): Nhập thập phân 2 số sau dấu phẩy, mặc định là 0

+ Giá bán (USD/thùng): Nhập số thập phân 6 số sau dấu phẩy, mặc định là 0

+ Ghi chú: Nhập dạng text, không bắt buộc

3.12.12.1.2 Phụ lục 05-PTHU-DK



Phụ lục
BẢNG KÊ SỐ PHỤ THU TẠM TÍNH ĐÃ NỘP (05/PTHU-DK)

(Kèm theo Tờ khai quyết toán phụ thu mẫu số 02/PTHU-DK)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[03a] Lần đầu: X [03b] Bổ sung lần thứ:

[04] Người nộp phụ thu: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[06] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế: Nhhh

[07] Mã số thuế: 6868686868

STT	Tờ khai phụ thu tạm tính	Số phụ thu tạm tính đã nộp		Ghi chú
		USD	VND	
1		0,00	0	
	Tổng số	0,00	0	

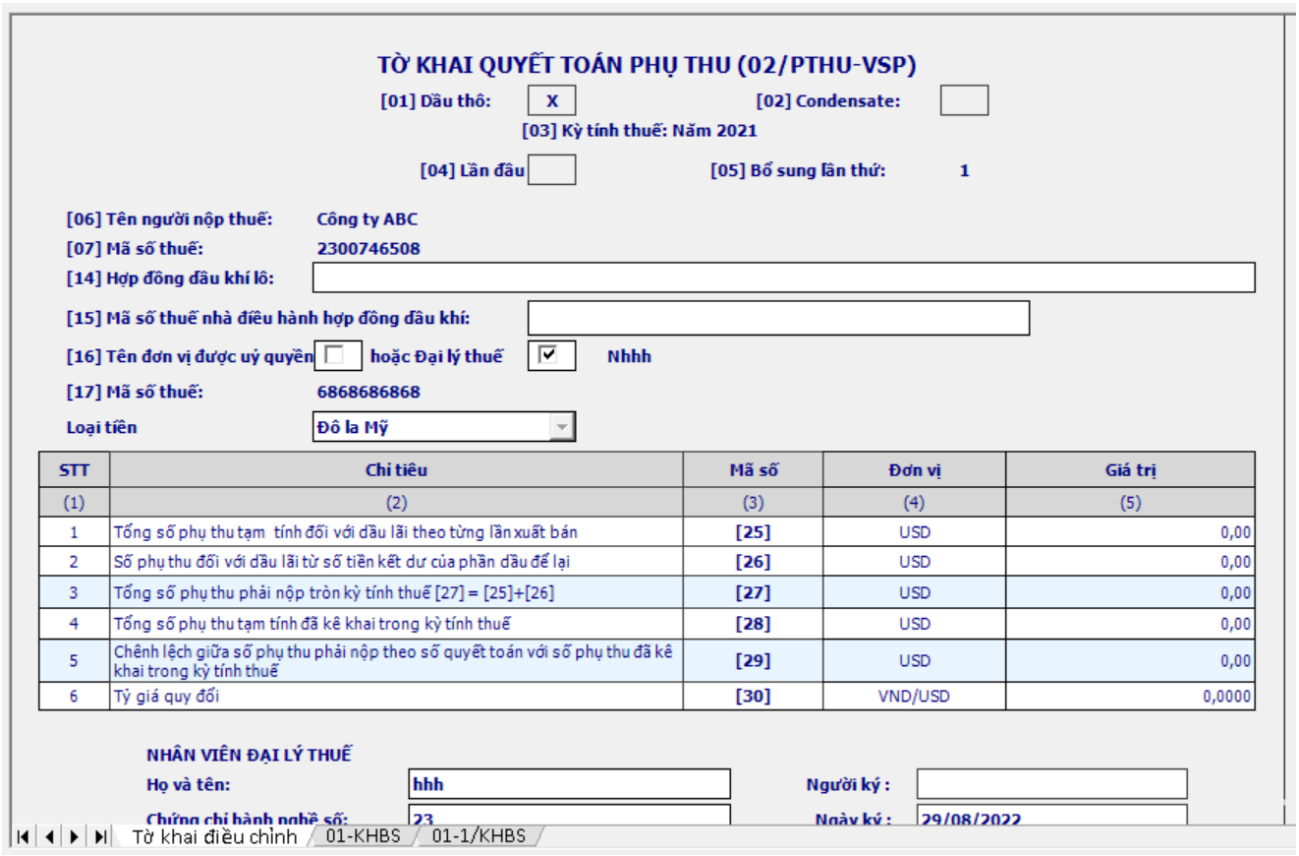
- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:

+ Chỉ tiêu (2): NNT tự nhập dạng text, tối đa 250 ký tự

+ Chỉ tiêu (3): USD: nhập >=0, thập phân 2 số sau dấu phẩy
+ Chỉ tiêu (4): VND: Nhập số nguyên >=0 tối đa 15 số
+ Chỉ tiêu (5): NNT tự nhập dạng text, tối đa 250 ký tự
+ Tổng cộng: UD hỗ trợ tính tổng cột (3), (4). Không cho sửa

3.12.12.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".



TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHỤ THU (02/PTHU-VSP)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[04] Lần đầu [05] Bổ sung lần thứ: 1

[06] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[07] Mã số thuế: 2300746508

[14] Hợp đồng dầu khí lô:

[15] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí:

[16] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế Nhhh

[17] Mã số thuế: 6868686868

Loại tiền Đô la Mỹ

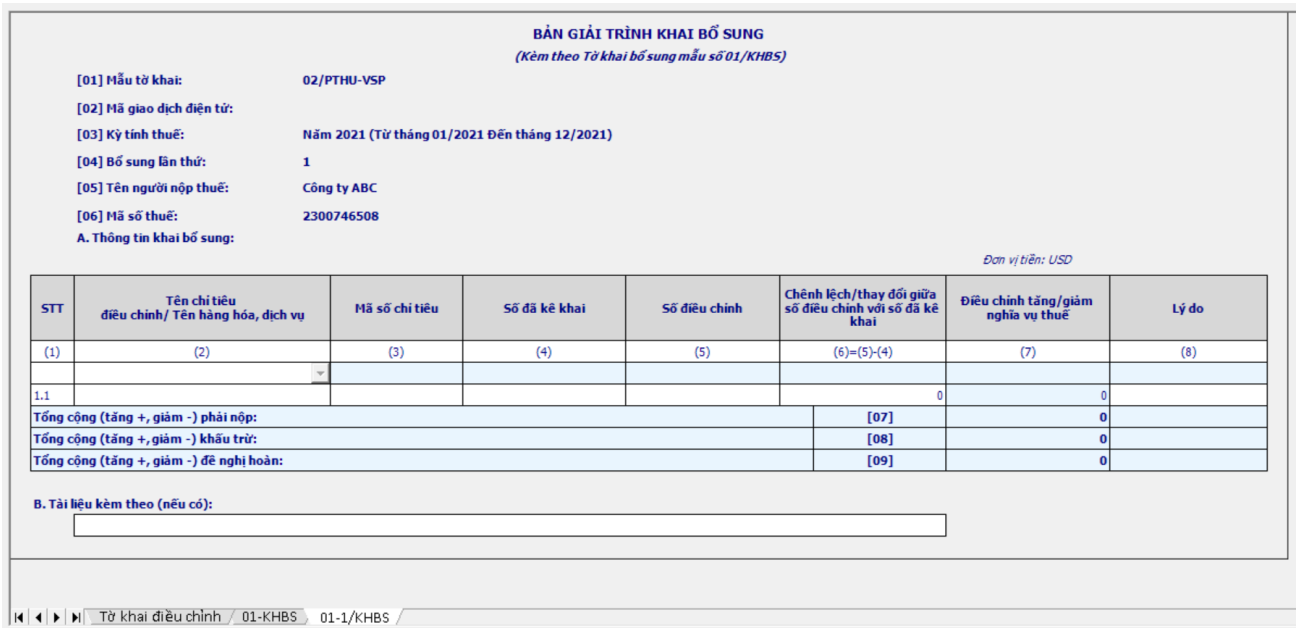
STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tổng số phụ thu tạm tính đối với dầu lãi theo từng lần xuất bán	[25]	USD	0,00
2	Số phụ thu đối với dầu lãi từ số tiền kết dư của phần dầu để lại	[26]	USD	0,00
3	Tổng số phụ thu phải nộp tròn kỳ tính thuế [27] = [25]+[26]	[27]	USD	0,00
4	Tổng số phụ thu tạm tính đã kê khai trong kỳ tính thuế	[28]	USD	0,00
5	Chênh lệch giữa số phụ thu phải nộp theo số quyết toán với số phụ thu đã kê khai trong kỳ tính thuế	[29]	USD	0,00
6	Tỷ giá quy đổi	[30]	VND/USD	0,0000

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: hhh Người ký :

Chứng chỉ hành nghề số: 23 Ngày ký : 29/08/2022

Tờ khai điều chỉnh | 01-KHBS | 01-1/KHBS



BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 02/PTHU-VSP

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021 (Từ tháng 01/2021 Đến tháng 12/2021)

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: USD

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

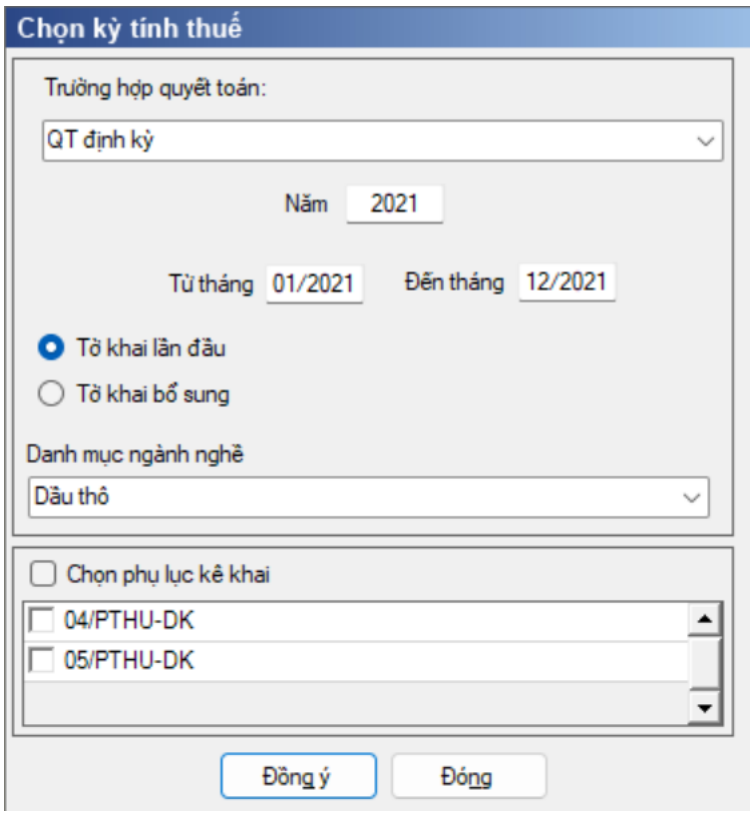
Tờ khai điều chỉnh | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.12.13 Tờ khai Quyết toán phụ thu (03/PTHU-DK) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai Dầu khí" chọn "TK Quyết toán phụ thu (03/PTHU-DK)".



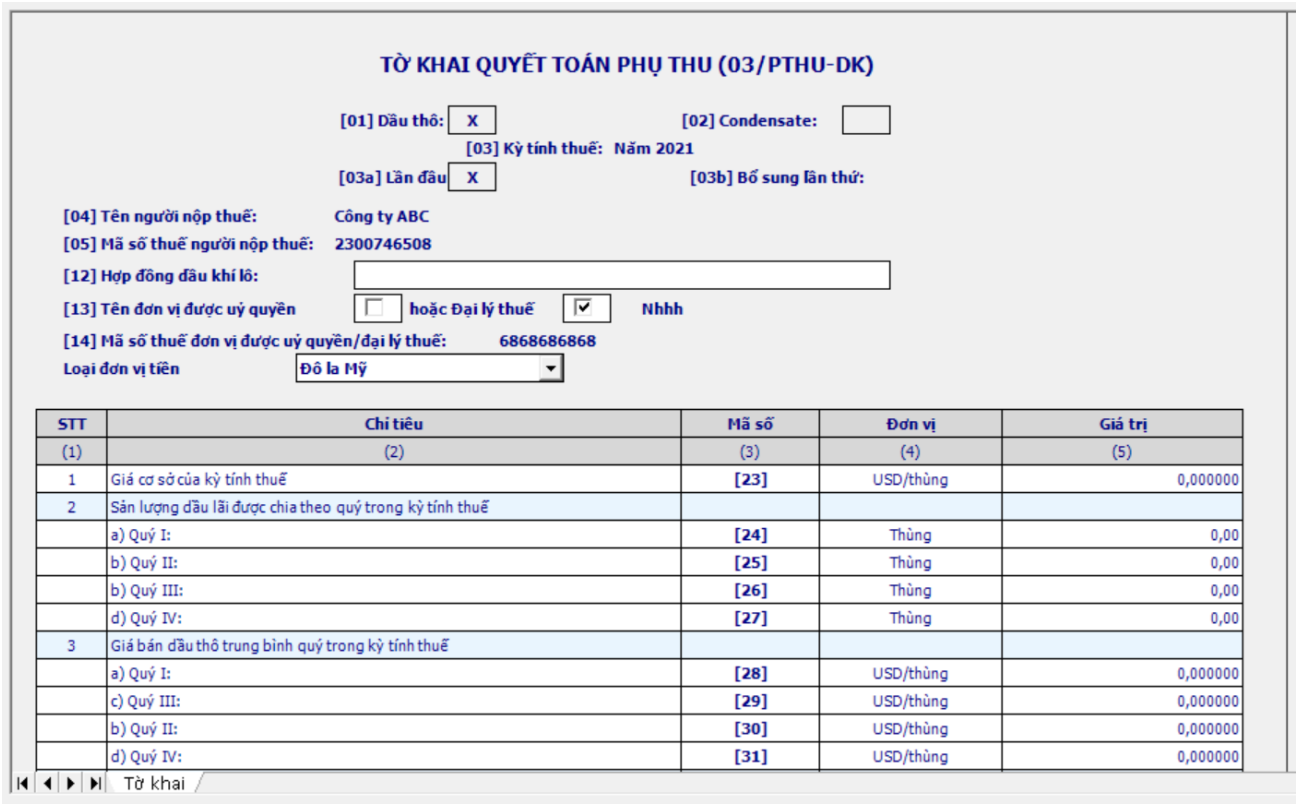
- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau: nhập kỳ tính thuế theo Quý hoặc Năm

+ CQT nộp tờ khai: là CQT quản lý
+ Loại kỳ tính thuế: Tờ khai năm: từ năm 2021 (kỳ >=21CN) mẫu biểu theo TT80
+ Hạn nộp tờ khai:
  - Đối với trường hợp quyết toán đủ 12 tháng: hạn nộp = ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ tháng quyết toán đến, dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ. Không cho phép sửa hạn nộp
  - Đối với trường hợp quyết toán < 12 tháng: hạn nộp = ngày cuối cùng của kỳ quyết toán đến + 45 ngày, dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ.

- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai quyết toán phụ thu mẫu 03/PTHU-DK

3.12.13.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHỤ THU (03/PTHU-DK)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate:
[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021
[03a] Lần đầu X [03b] Bổ sung lần thứ:
[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[05] Mã số thuế người nộp thuế: 2300746508
[12] Hợp đồng dầu khí lô:
[13] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế Nhhh
[14] Mã số thuế đơn vị được uỷ quyền/đại lý thuế: 6868686868
Loại đơn vị tiền Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Giá cơ sở của kỳ tính thuế	[23]	USD/thùng	0,000000
2	Sản lượng dầu lãi được chia theo quý trong kỳ tính thuế			
	a) Quý I:	[24]	Thùng	0,00
	b) Quý II:	[25]	Thùng	0,00
	b) Quý III:	[26]	Thùng	0,00
	d) Quý IV:	[27]	Thùng	0,00
3	Giá bán dầu thô trung bình quý trong kỳ tính thuế			
	a) Quý I:	[28]	USD/thùng	0,000000
	c) Quý III:	[29]	USD/thùng	0,000000
	b) Quý II:	[30]	USD/thùng	0,000000
	d) Quý IV:	[31]	USD/thùng	0,000000

Tờ khai

- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:

+ Chỉ tiêu [23], [28], [29], [30], [31]: NNT nhập số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy

+ Chỉ tiêu [24], [25], [26], [27]: NNT nhập số, không âm, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy

+ Chỉ tiêu [54], [55], [56], [57], [58]: NNT nhập số, không âm
  - Nếu là VND: Định dạng số nguyên
  - Nếu là USD: Định dạng thập phân sau dấu phẩy 2 số

- **Chi tiết các chỉ tiêu tính toán:** Chỉ tiêu [32] -> [59] phải cùng 1 đơn vị tiền, tính theo công thức và cho phép sửa

+ Chỉ tiêu [32] = [33]+[34]+[35]+[36]
  - Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
+ Chỉ tiêu [33] = [34] hoặc [37]
  - Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
+ Chỉ tiêu [34] = 50%*{[28]–1,2*[23]}*[24]
  - Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
+ Chỉ tiêu [35] = 50%*{1,5*[23]–1,2*[23]}*[24]
  - Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
+ Chỉ tiêu [36] = 60%*{[28]–1,5*[23]}*[24]
  - Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
+ Chỉ tiêu [37] = [35]+[36]
  - Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
+ Chỉ tiêu [38] = [39] hoặc [42]
  - Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
+ Chỉ tiêu [39] = 50%*{[29]–1,2*[23]}*[25]: NNT nhập số, không âm, nếu là VND: Định dạng số nguyên, nếu là USD: Định dạng thập phân sau dấu phẩy 2 số, có thể âm
+ Chỉ tiêu [40] = 50%*{1,5*[23]–1,2*[23]}*[25]
  - Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [41] = 60%*{[29]–1,5*[23]}*[25]
  - Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
+ Chỉ tiêu [42] = [40] + [41]
  - Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
+ Chỉ tiêu [43] = [44] hoặc [47]
  - Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
+ Chỉ tiêu [44] = 50%*{[30]–1,2*[23]}*[26]
  - Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
+ Chỉ tiêu [45] = 50%*{1,5*[23]–1,2*[23]}*[26]
  - Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
+ Chỉ tiêu [46] = 60%*{[30]–1,5*[23]}*[26]
  - Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
+ Chỉ tiêu [47] = [45]+[46]
  - Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
+ Chỉ tiêu [48] = [49] hoặc [52]
  - Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
+ Chỉ tiêu [49] = 50%*{[31]–1,2*[23]}*[27]

- Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [50] = 50%*{1,5*[23]–1,2*[23]}*[27]

- Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [51] = 60%*{[31]–1,5*[23]}*[27]

- Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [52] = [50]+[51]

- Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [53]=[54]+[55]+[56]+[57]

- Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

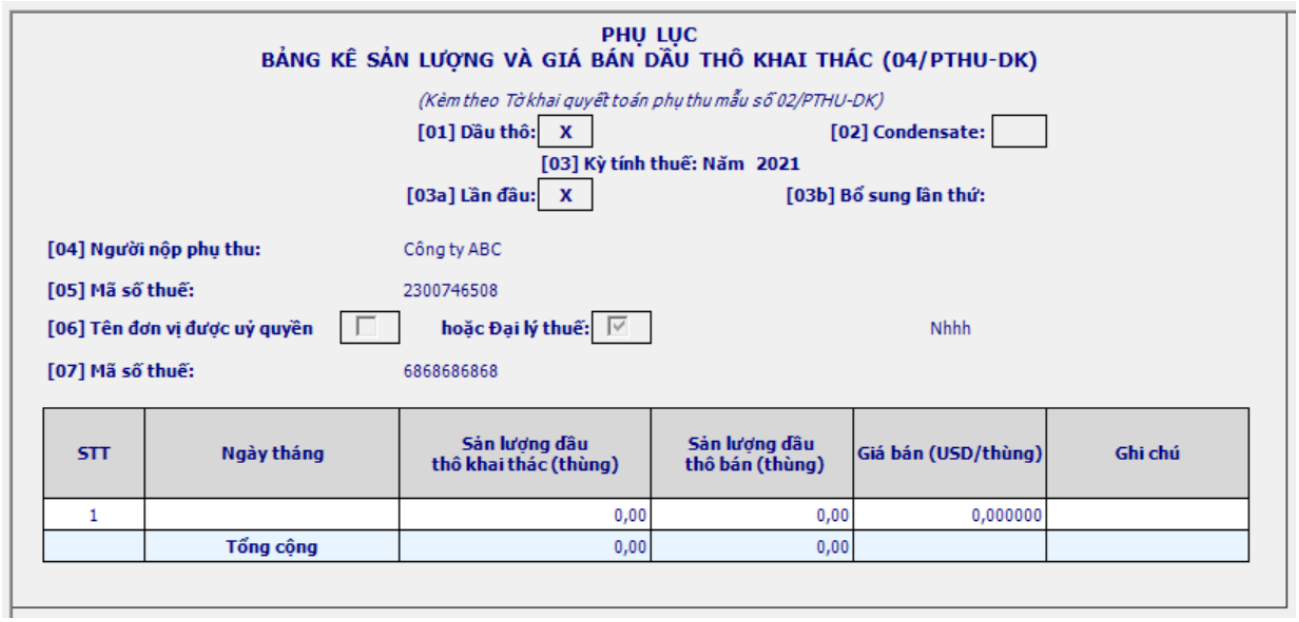
+ Chỉ tiêu [58a]=[32]-[53]

- Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [59]=[32]-[53]-[58]

- Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

3.12.13.1.1 Phụ lục 04-PTHU-DK



PHỤ LỤC
BẢNG KÊ SẢN LƯỢNG VÀ GIÁ BÁN DẦU THÔ KHAI THÁC (04/PTHU-DK)

(Kèm theo Tờ khai quyết toán phụ thu mẫu số 02/PTHU-DK)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[03a] Lần đầu: X [03b] Bổ sung lần thứ:

[04] Người nộp phụ thu: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

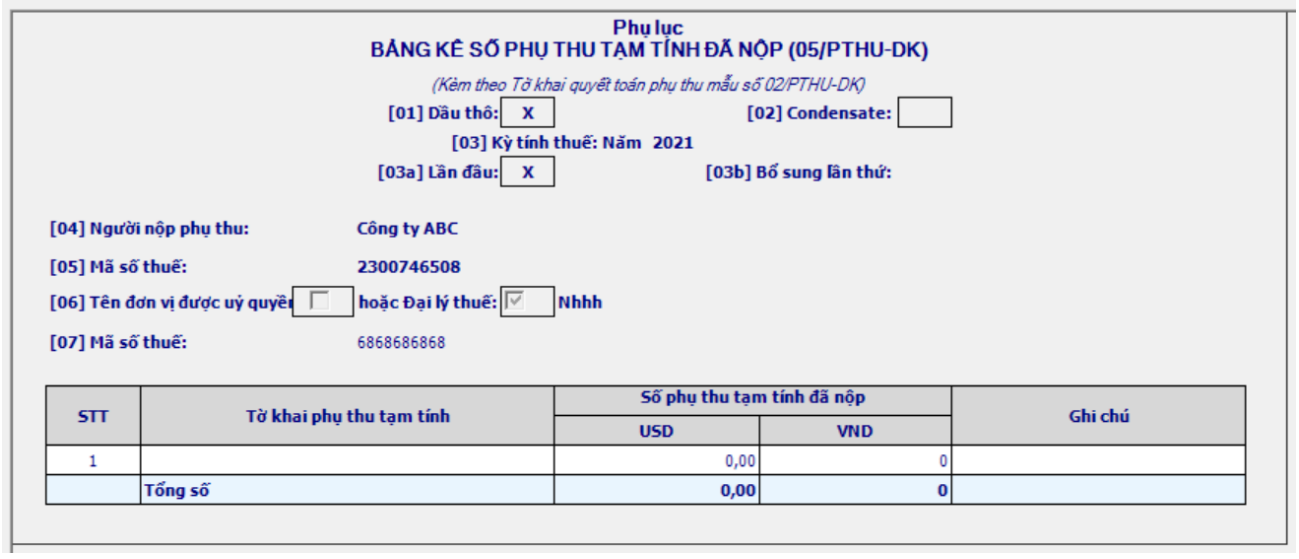
[06] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế: Nhhh

[07] Mã số thuế: 6868686868

STT	Ngày tháng	Sản lượng dầu thô khai thác (thùng)	Sản lượng dầu thô bán (thùng)	Giá bán (USD/thùng)	Ghi chú
1		0,00	0,00	0,000000	
	Tổng cộng	0,00	0,00		

- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:
  + Ngày tháng: Nhập định dạng ngày/tháng, không bắt buộc
  + Sản lượng dầu thô khai thác (thùng): Nhập thập phân 2 số sau dấu phẩy, mặc định là 0
  + Sản lượng dầu thô bán (thùng): Nhập thập phân 2 số sau dấu phẩy, mặc định là 0
  + Giá bán (USD/thùng): Nhập số thập phân 6 số sau dấu phẩy, mặc định là 0
  + Ghi chú: Nhập dạng text, không bắt buộc

3.12.13.1.2 Phụ lục 05-PTHU-DK



Phụ lục
BẢNG KÊ SỐ PHỤ THU TẠM TÍNH ĐÃ NỘP (05/PTHU-DK)

(Kèm theo Tờ khai quyết toán phụ thu mẫu số 02/PTHU-DK)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[03a] Lần đầu: X [03b] Bổ sung lần thứ:

[04] Người nộp phụ thu: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[06] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế: Nhhh

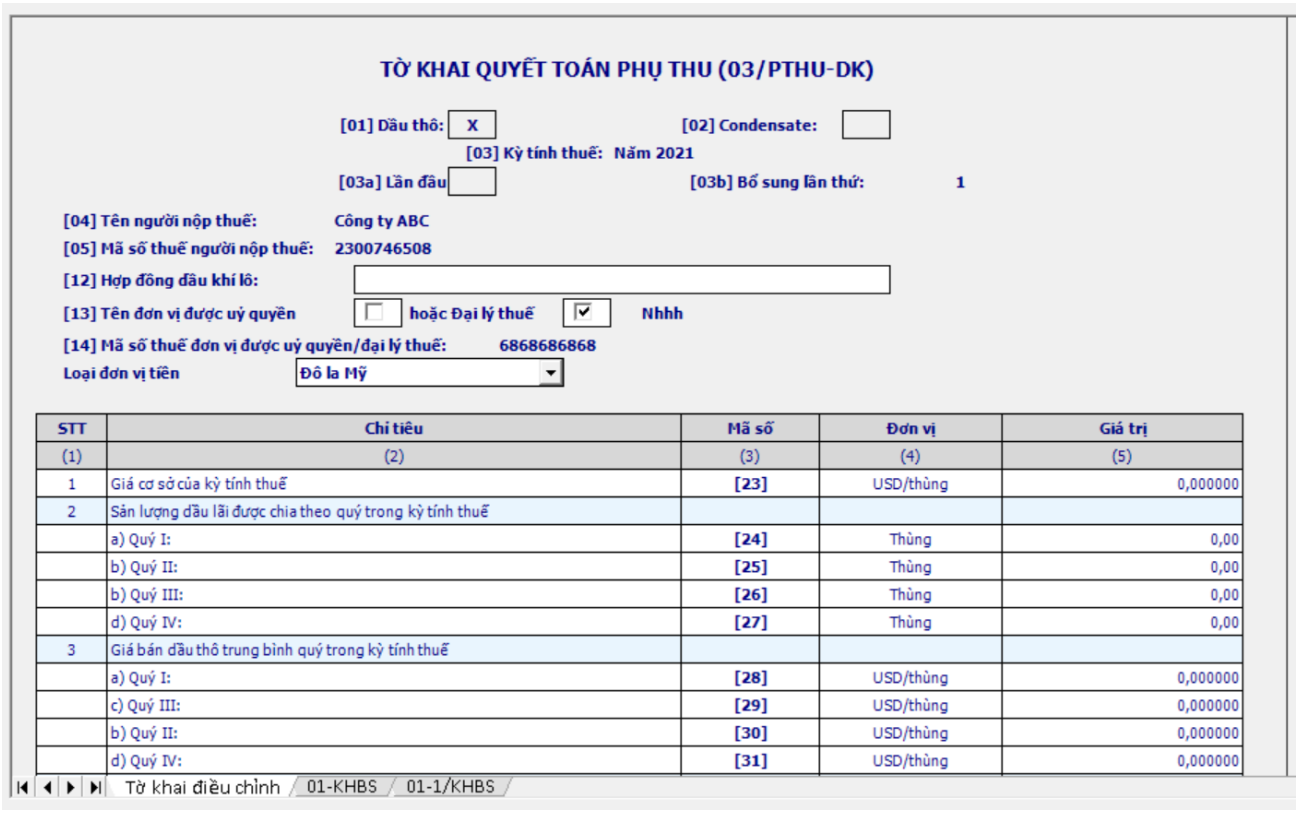
[07] Mã số thuế: 6868686868

STT	Tờ khai phụ thu tạm tính	Số phụ thu tạm tính đã nộp		Ghi chú
		USD	VND	
1		0,00	0	
	Tổng số	0,00	0	

- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:
  + Chỉ tiêu (2): NNT tự nhập dạng text, tối đa 250 ký tự
  + Chỉ tiêu (3): USD: nhập >=0, thập phân 2 số sau dấu phẩy
  + Chỉ tiêu (4): VND: Nhập số nguyên >=0 tối đa 15 số
  + Chỉ tiêu (5): NNT tự nhập dạng text, tối đa 250 ký tự
  + Tổng cộng: UD hỗ trợ tính tổng cột (3), (4). Không cho sửa

3.12.13.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".



TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHỤ THU (03/PTHU-DK)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[03a] Lần đầu [03b] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế người nộp thuế: 2300746508

[12] Hợp đồng dầu khí lô:

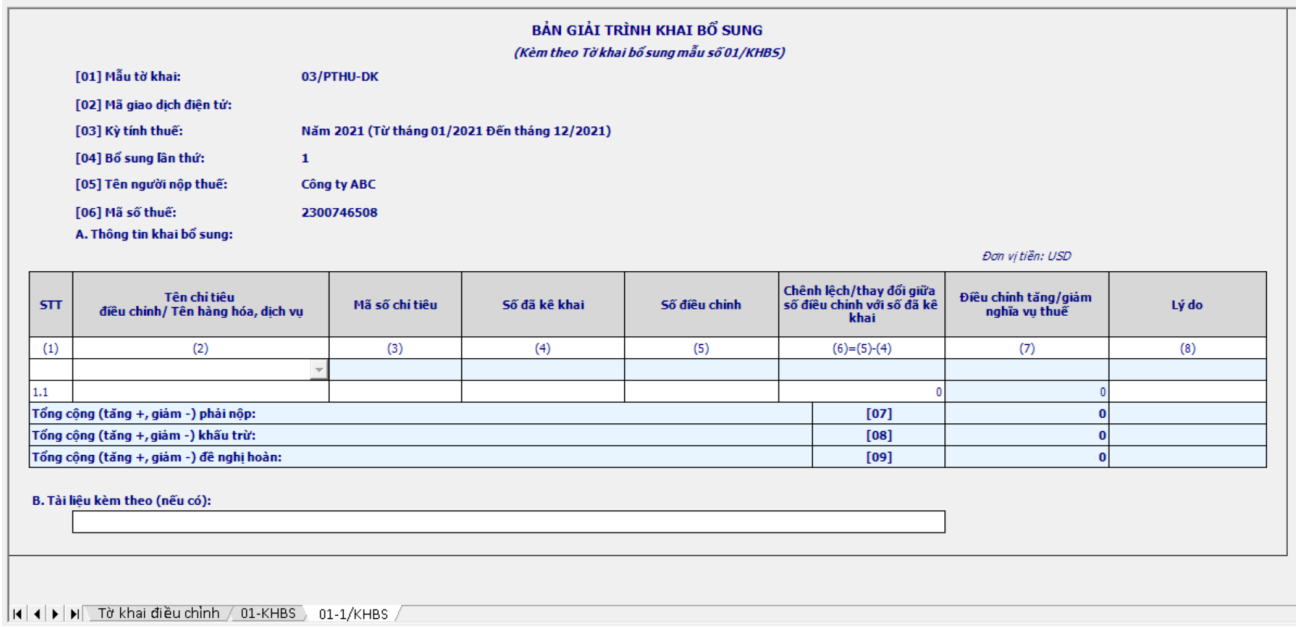
[13] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế Nhhh

[14] Mã số thuế đơn vị được uỷ quyền/đại lý thuế: 6868686868

Loại đơn vị tiền: Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Giá cơ sở của kỳ tính thuế	[23]	USD/thùng	0,000000
2	Sản lượng dầu lãi được chia theo quý trong kỳ tính thuế			
	a) Quý I:	[24]	Thùng	0,00
	b) Quý II:	[25]	Thùng	0,00
	b) Quý III:	[26]	Thùng	0,00
	d) Quý IV:	[27]	Thùng	0,00
3	Giá bán dầu thô trung bình quý trong kỳ tính thuế			
	a) Quý I:	[28]	USD/thùng	0,000000
	c) Quý III:	[29]	USD/thùng	0,000000
	b) Quý II:	[30]	USD/thùng	0,000000
	d) Quý IV:	[31]	USD/thùng	0,000000

Tờ khai điều chỉnh | 01-KHBS | 01-1/KHBS



BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 03/PTHU-DK

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021 (Từ tháng 01/2021 Đến tháng 12/2021)

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: USD

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

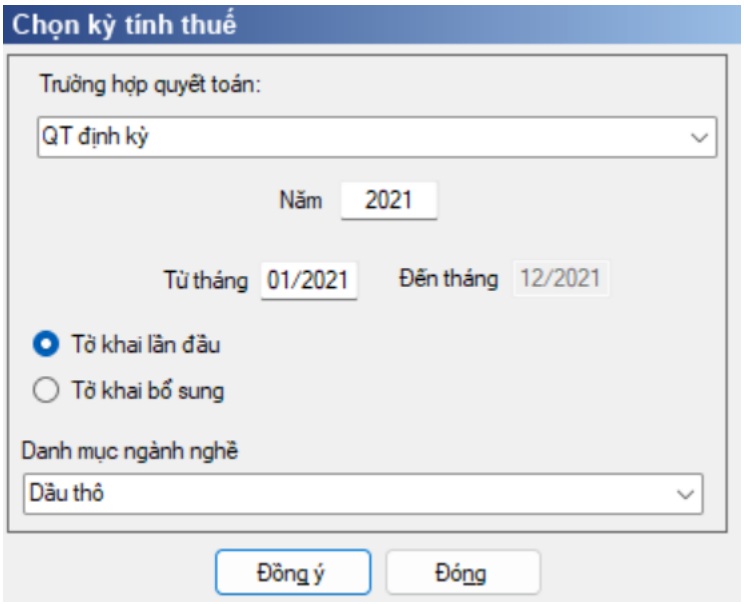
Tờ khai điều chỉnh | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.12.14 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hãng hàng không nước ngoài (02/TNDN-VSP) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

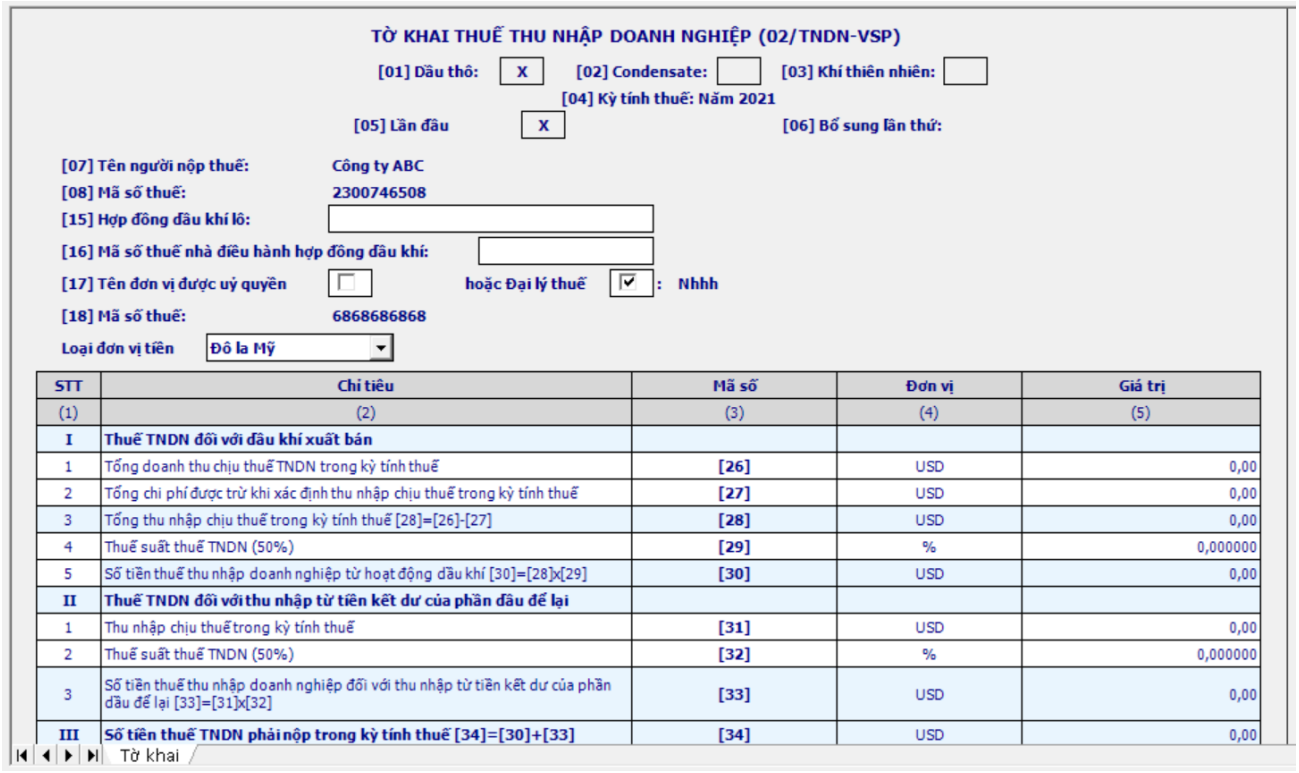
- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai Dầu khí" chọn "TK Quyết toán thuế TNDN (02/TNDN-VSP)(TT80/2021)".



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau: nhập kỳ tính thuế theo Quý hoặc Năm
  + CQT nộp tờ khai: là CQT quản lý
  + Loại kỳ tính thuế: Tơ khai năm: từ năm 2021 (kỳ >=21CN)
  + Hạn nộp tờ khai:
    - Đối với trường hợp quyết toán đủ 12 tháng: hạn nộp = ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ tháng quyết toán đến, dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ. Không cho phép sửa hạn nộp.
    - Đối với trường hợp quyết toán < 12 tháng: hạn nộp = ngày cuối cùng của kỳ quyết toán đến + 45 ngày, dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ.
- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai Quyết toán thuế TNDN mẫu 02/TNDN-VSP

3.12.14.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (02/TNDN-VSP)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[05] Lần đầu X [06] Bổ sung lần thứ:

[07] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[08] Mã số thuế: 2300746508

[15] Hợp đồng dầu khí lô:

[16] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí:

[17] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế : Nhhh

[18] Mã số thuế: 6868686868

Loại đơn vị tiền Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	**Thuế TNDN đối với dầu khí xuất bán**			
1	Tổng doanh thu chịu thuế TNDN trong kỳ tính thuế	[26]	USD	0,00
2	Tổng chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế	[27]	USD	0,00
3	Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế [28]=[26]-[27]	[28]	USD	0,00
4	Thuế suất thuế TNDN (50%)	[29]	%	0,000000
5	Số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động dầu khí [30]=[28]x[29]	[30]	USD	0,00
II	**Thuế TNDN đối với thu nhập từ tiền kết dư của phần dầu để lại**			
1	Thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế	[31]	USD	0,00
2	Thuế suất thuế TNDN (50%)	[32]	%	0,000000
3	Số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ tiền kết dư của phần dầu để lại [33]=[31]x[32]	[33]	USD	0,00
III	**Số tiền thuế TNDN phải nộp trong kỳ tính thuế [34]=[30]+[33]**	[34]	USD	0,00

Tờ khai

- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:

+ Chỉ tiêu [26], [27], [31], [35]: NNT nhập số, nếu là USD nhập >=0 định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy, nếu là VND thì nhập >=0, định dạng số nguyên, tối đa 15 số

+ Chỉ tiêu [29], [32]: Nhập định dạng thập phân sau phẩy 6 số , kiểm tra <=100%

+ Chỉ tiêu [37]: Nhập số, không âm, định dạng 4 số thập phân sau dấu phẩy

- Chi tiết các chỉ tiêu tính toán:

+ Chỉ tiêu [28]: Tự tính theo công thức: [28]=[26]-[27], định dạng thập phân sau phẩy 2 số, cho phép sửa

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [30]: Tự tính theo công thức: [30]=[28]x[29], định dạng thập phân sau phẩy 2 số, cho phép sửa

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [33]: Tự tính theo công thức: [33]=[31]x[32], định dạng thập phân sau phẩy 2 số, cho phép sửa

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [34]: Tự tính theo công thức: [34]=[30]+[33], định dạng thập phân sau phẩy 2 số, cho phép sửa

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

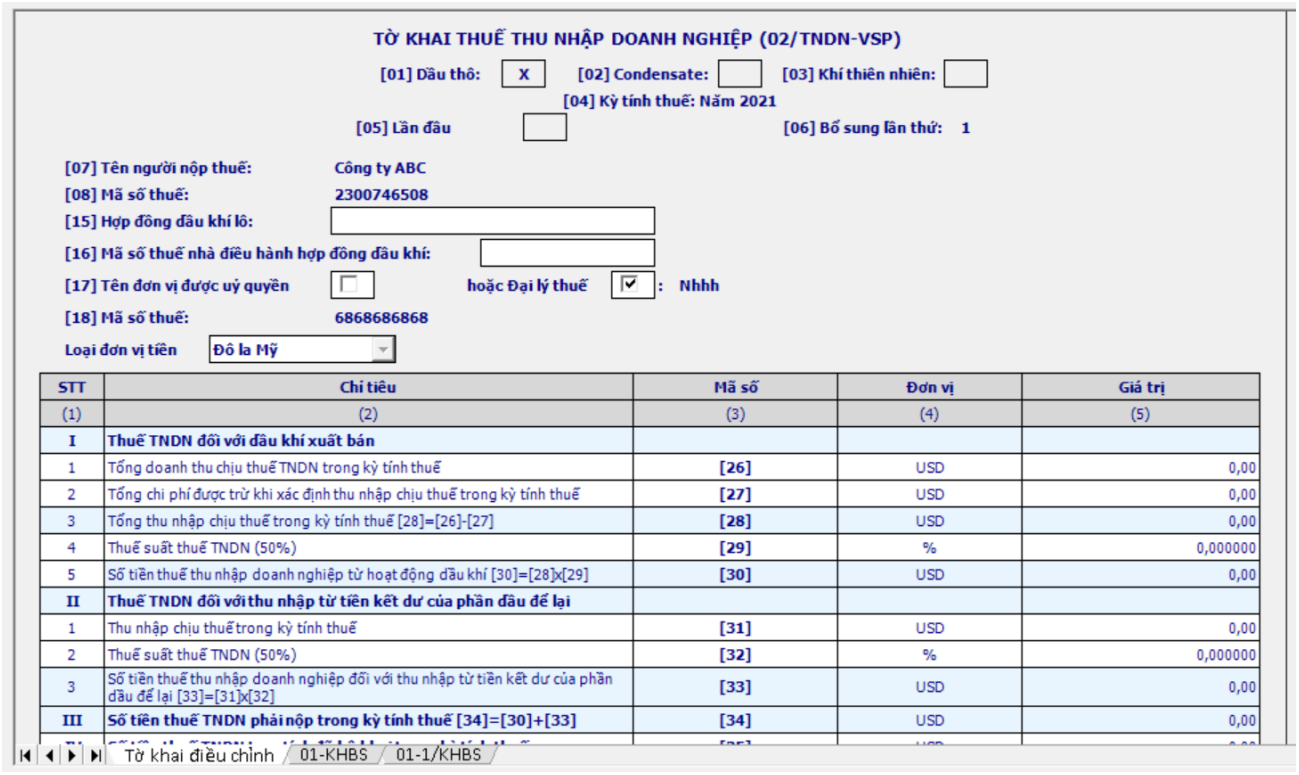
+ Chỉ tiêu [36]: Tự tính theo công thức: [36]=[34]-[35], định dạng thập phân sau phẩy 2 số, cho phép sửa

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

- Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

3.12.14.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".



TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (02/TNDN-VSP)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[05] Lần đầu [06] Bổ sung lần thứ: 1

[07] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[08] Mã số thuế: 2300746508

[15] Hợp đồng dầu khí lô:

[16] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí:

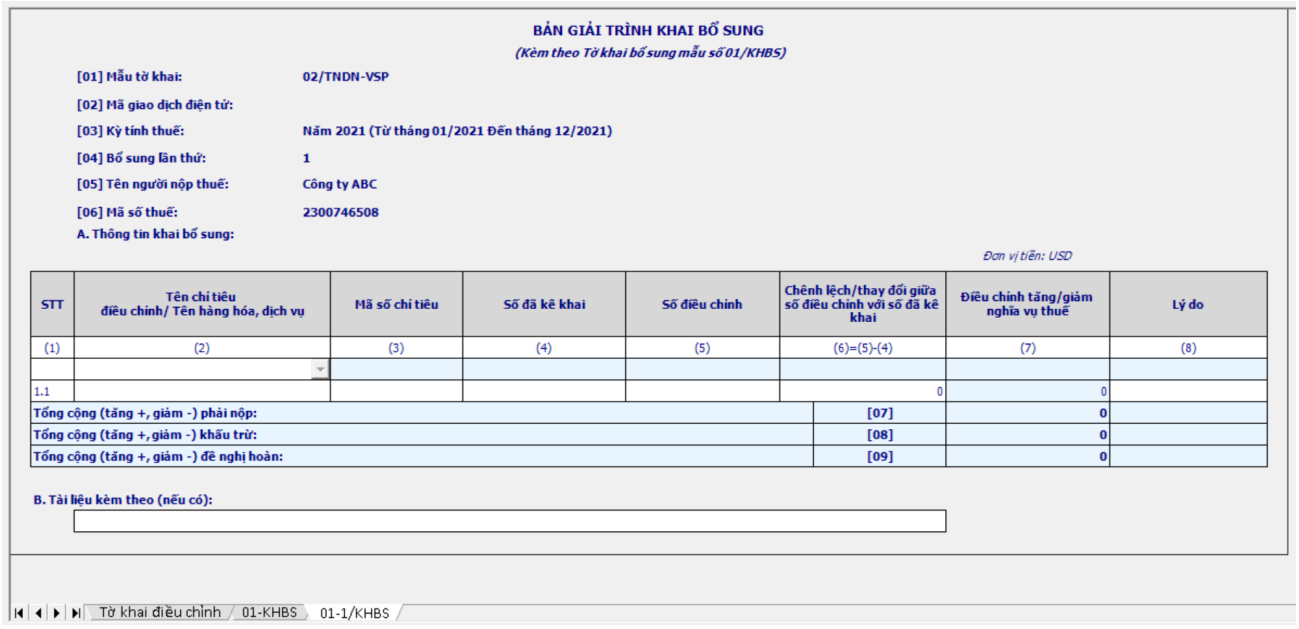
[17] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế : Nhhh

[18] Mã số thuế: 6868686868

Loại đơn vị tiền Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	**Thuế TNDN đối với dầu khí xuất bán**			
1	Tổng doanh thu chịu thuế TNDN trong kỳ tính thuế	[26]	USD	0,00
2	Tổng chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế	[27]	USD	0,00
3	Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế [28]=[26]-[27]	[28]	USD	0,00
4	Thuế suất thuế TNDN (50%)	[29]	%	0,000000
5	Số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động dầu khí [30]=[28]x[29]	[30]	USD	0,00
II	**Thuế TNDN đối với thu nhập từ tiền kết dư của phần dầu để lại**			
1	Thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế	[31]	USD	0,00
2	Thuế suất thuế TNDN (50%)	[32]	%	0,000000
3	Số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ tiền kết dư của phần dầu để lại [33]=[31]x[32]	[33]	USD	0,00
III	**Số tiền thuế TNDN phải nộp trong kỳ tính thuế [34]=[30]+[33]**	[34]	USD	0,00

Tờ khai điều chỉnh | 01-KHBS | 01-1/KHBS



BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 02/TNDN-VSP

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021 (Từ tháng 01/2021 Đến tháng 12/2021)

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: USD

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

Tờ khai điều chỉnh | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.12.15 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp dầu khí mẫu 03/TNDN- DK (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

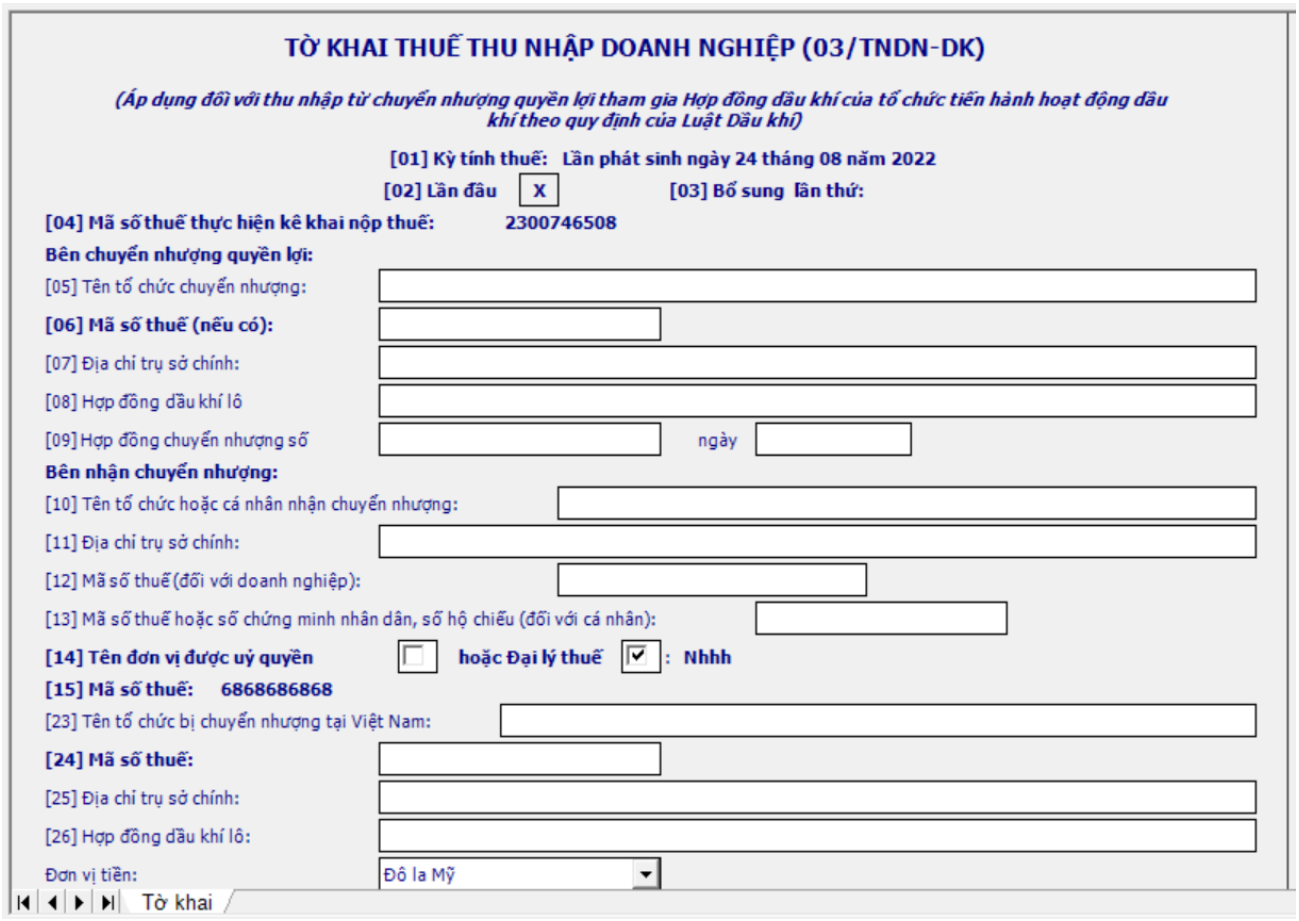
- Từ menu Kê khai chọn chức năng Tờ khai dầu khí/ Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp dầu khí (03/TNDN -DK) (TT80/2021)



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  + Cơ quan thuế nộp tơ khai: là CQT quản lý
  + Loại kỳ tính thuế:
    - Tờ khai lần phát sinh: hiệu lực từ ngày 01/01/2022
  + Hạn nộp tờ khai:
    - 10 ngày kể từ ngày phát sinh – chỉ tiêu [01] NNT kê khai. Nếu rơi vào ngày nghỉ/lễ, chuyển sang ngày tiếp theo
  + Trong cùng 1 tờ khai chỉ cho phép kê khai theo 1 đơn vị tiền là VNĐ hoặc USD
  + Tờ khai chính thức khai bằng loại tiền nào thì tờ khai bổ sung phải khai bằng loại tiền đó
- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp dầu khí mẫu 03/TNDN- DK

3.12.15.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



- Các chỉ tiêu cần nhập:

+ Các chỉ tiêu [27] đến [30], [32]: nếu header chọn Đơn vị tiền là USD thì là USD, nếu chọn đơn vị tiền là VNĐ thì là VNĐ

+ Chỉ tiêu [27], [28], [29]: Cho phép nhập số không âm

- Đối với USD cho phép nhập số thập phân, sau dấu phẩy 2 số
- Đối với VND thì cho phép nhập số nguyên

+ Chỉ tiêu [31]: Cho phép nhập số thập phân, sau dấu phẩy 6 số. kiểm tra thuế suất <=100,000000

- Các chỉ tiêu tính toán:

+ Chỉ tiêu [30] = [27] - [28] – [29], nếu [30] < 0 thì [30] = 0, cho phép sửa, kiểm tra trong ngưỡng

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ : sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

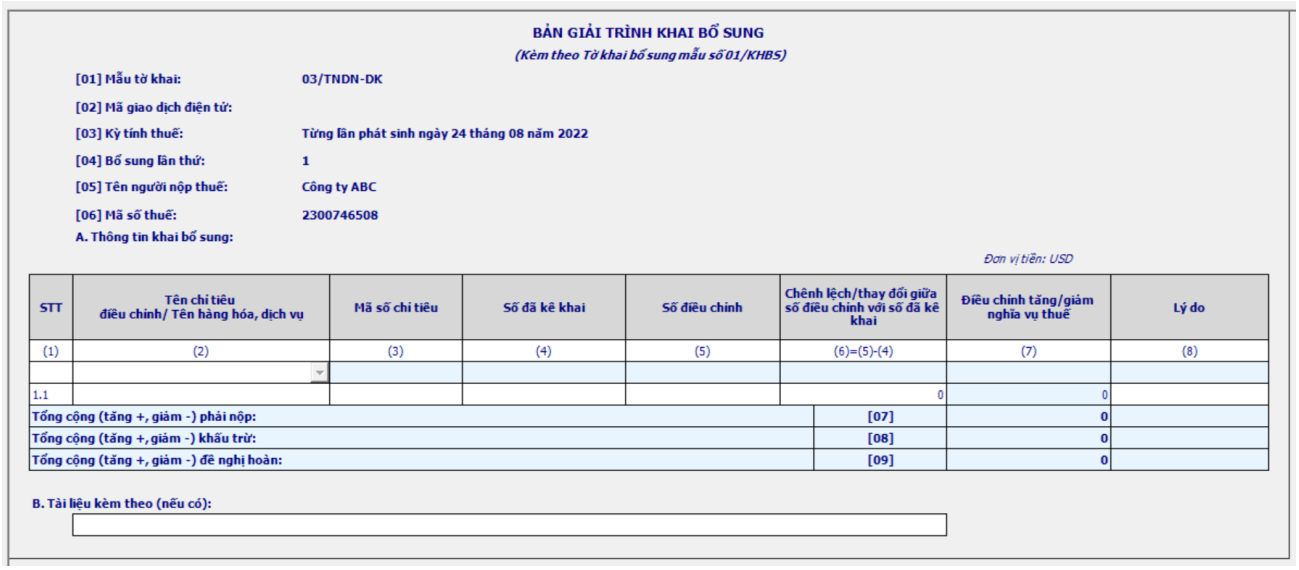
+ Chỉ tiêu [32] = [30] * [31], cho phép sửa

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ : sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

3.12.15.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là “Tờ khai bổ sung”, ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.

- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".



BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 03/TNDN-DK

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Từng lần phát sinh ngày 24 tháng 08 năm 2022

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: USD

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

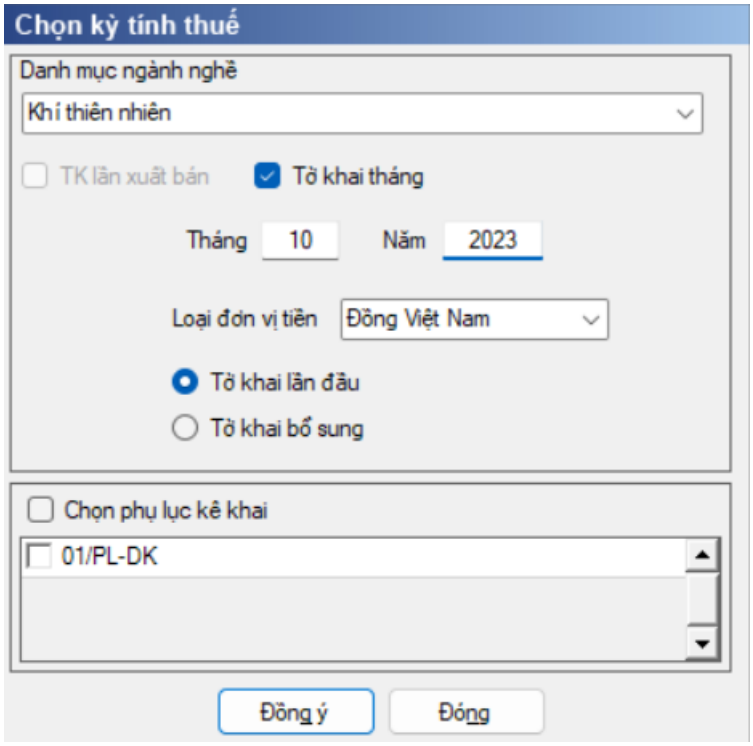
B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho các chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.12.16 Tờ khai thuế tài nguyên tạm tính đối với dầu khí (01/TAIN-DK) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai Dầu khí" chọn "TK TK thuế TN tạm tính với dầu khí (01/TAIN-DK)(TT80/2021)".



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  + CQT nộp tờ khai: là CQT quản lý

+ Loại kỳ tính thuế:

• Tờ khai lần phát sinh: kê khai đối với loại sản phẩm là "Dầu thô" hoặc "Condensate", hiệu lực từ tháng 01/2022

• Tờ khai tháng: kê khai đối với loại sản phẩm là "Khí thiên nhiên" hiệu lực từ tháng 01/2022

+ Hạn nộp tờ khai:

• Tờ khai tháng: Ngày thứ 20 của tháng tiếp theo, nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ chuyển sang ngày tiếp theo

• Tờ khai lần phát sinh: ngày thứ 35 kể từ ngày phát sinh, nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ chuyển sang ngày tiếp theo

+ Trong cùng 1 kỳ cho phép kê khai nhiều tờ khai khác sản phẩm.

+ Đơn vị tiền: Chọn "Việt Nam Đồng" hoặc "Đô la Mỹ". Trong cùng 1 kỳ cho phép kê khai 2 tờ khai cùng sản phẩm khác đơn vị tiền (1 tờ khai theo VNĐ, 1 tờ khai theo USD)

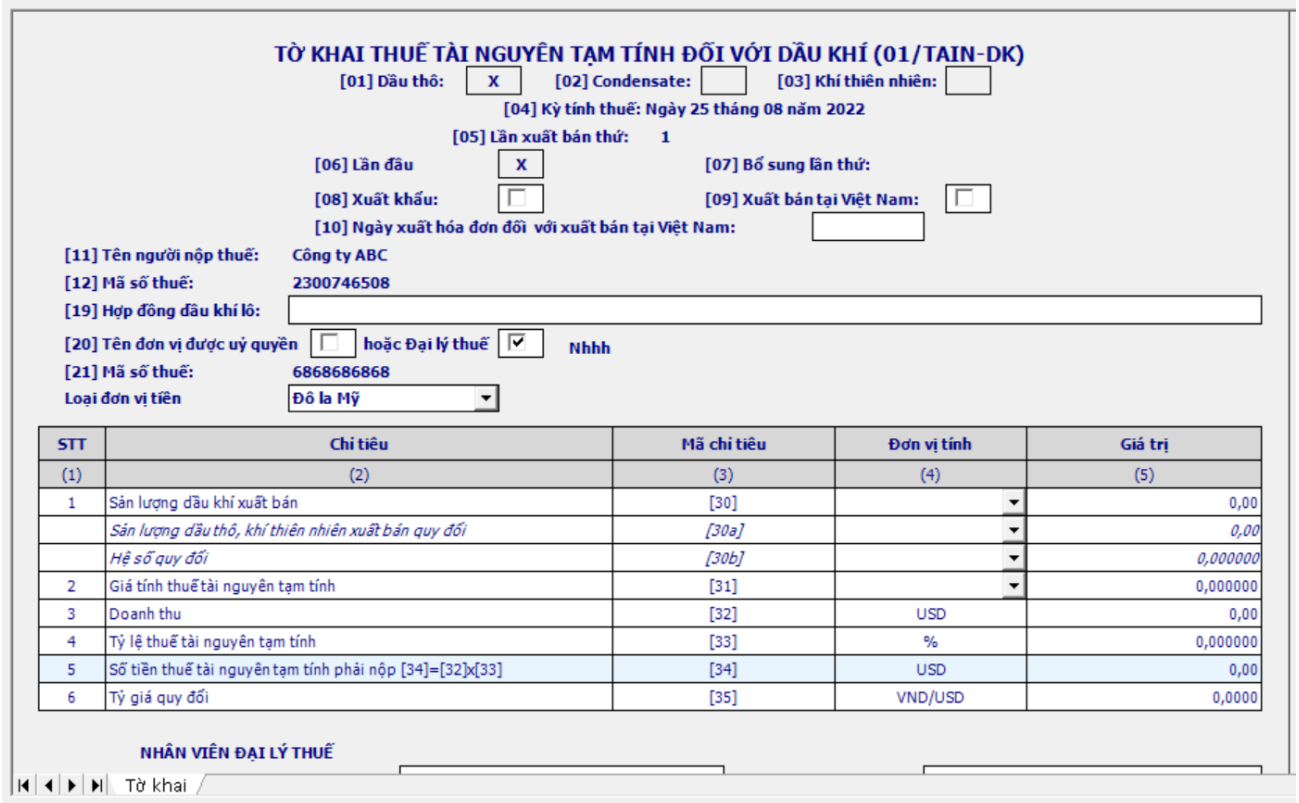
• Đối với MST 0107724012 thì mới được phép kê khai 2 tờ khai khác đơn vị tiền trong cùng 1 kỳ (điều kiện được kiểm tra tại UD TMS)

+ Trong tờ khai chính thức khai bằng loại tiền nào thì tờ khai bổ sung phải khai bằng loại tiền đó

- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế tài nguyên tạm tính đối với dầu khí (01/TAIN-DK)

3.12.16.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



TỜ KHAI THUẾ TÀI NGUYÊN TẠM TÍNH ĐỐI VỚI DẦU KHÍ (01/TAIN-DK)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kỳ tính thuế: Ngày 25 tháng 08 năm 2022

[05] Lần xuất bản thứ: 1

[06] Lần đầu X [07] Bổ sung lần thứ:

[08] Xuất khẩu: [09] Xuất bán tại Việt Nam:

[10] Ngày xuất hóa đơn đối với xuất bản tại Việt Nam:

[11] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[12] Mã số thuế: 2300746508

[19] Hợp đồng dầu khí lô:

[20] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế Nhhh

[21] Mã số thuế: 6868686868

Loại đơn vị tiền: Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sản lượng dầu khí xuất bán	[30]		0,00
	Sản lượng dầu thô, khí thiên nhiên xuất bán quy đổi	*[30a]*		*0,00*
	Hệ số quy đổi	*[30b]*		*0,000000*
2	Giá tính thuế tài nguyên tạm tính	[31]		0,000000
3	Doanh thu	[32]	USD	0,00
4	Tỷ lệ thuế tài nguyên tạm tính	[33]	%	0,000000
5	Số tiền thuế tài nguyên tạm tính phải nộp [34]=[32]x[33]	[34]	USD	0,00
6	Tỷ giá quy đổi	[35]	VND/USD	0,0000

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Tờ khai

- **Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:** Các chỉ tiêu [32], [34]: Tại màn hình nhập kỳ tính thuế nếu chọn Đơn vị tiền là USD thì là USD, nếu chọn đơn vị tiền là VNĐ thì là VNĐ

+ Chỉ tiêu [30], [30a]: NNT nhập số, không âm, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy

+ Chỉ tiêu [30b], [31], [33]: NNT nhập số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy

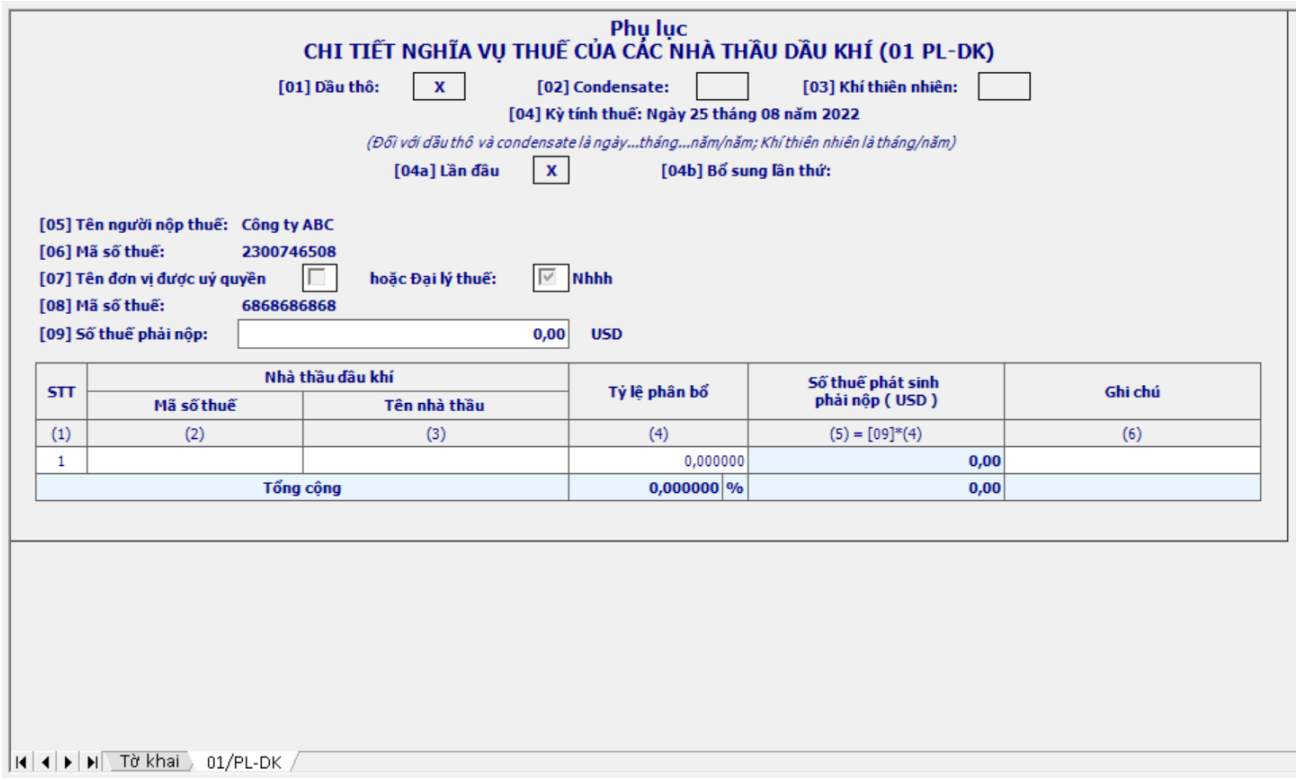
+ Chỉ tiêu [32]: NNT nhập dạng số, không âm, đối với USD cho phép nhập số thập phân, tối đa 2 số sau dấu phẩy, đối với VND thì cho phép nhập số nguyên dương

+ Chỉ tiêu [35]: NNT nhập số, không âm, định dạng 4 số thập phân sau dấu phẩy

- Chi tiết các chỉ tiêu tính toán:

+ Chỉ tiêu [34]: Tự tính theo công thức: [34]=[32]x[33], định dạng thập phân sau phẩy 2 số, cho phép sửa, sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

3.12.16.1.1 Phụ lục 01-1/PL-DK



- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:

+ Chỉ tiêu (2): NNT nhập, tối đa 14 ký tự, kiểm tra đúng cấu trúc MST

+ Chỉ tiêu (3): NNT nhập dạng text

+ Chỉ tiêu (4): NNT nhập dạng số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy

+ Chỉ tiêu (6): NNT nhập dạng text

- Chi tiết các chỉ tiêu tính toán:

+ Chỉ tiêu (5) = [09]* (4), không cho sửa

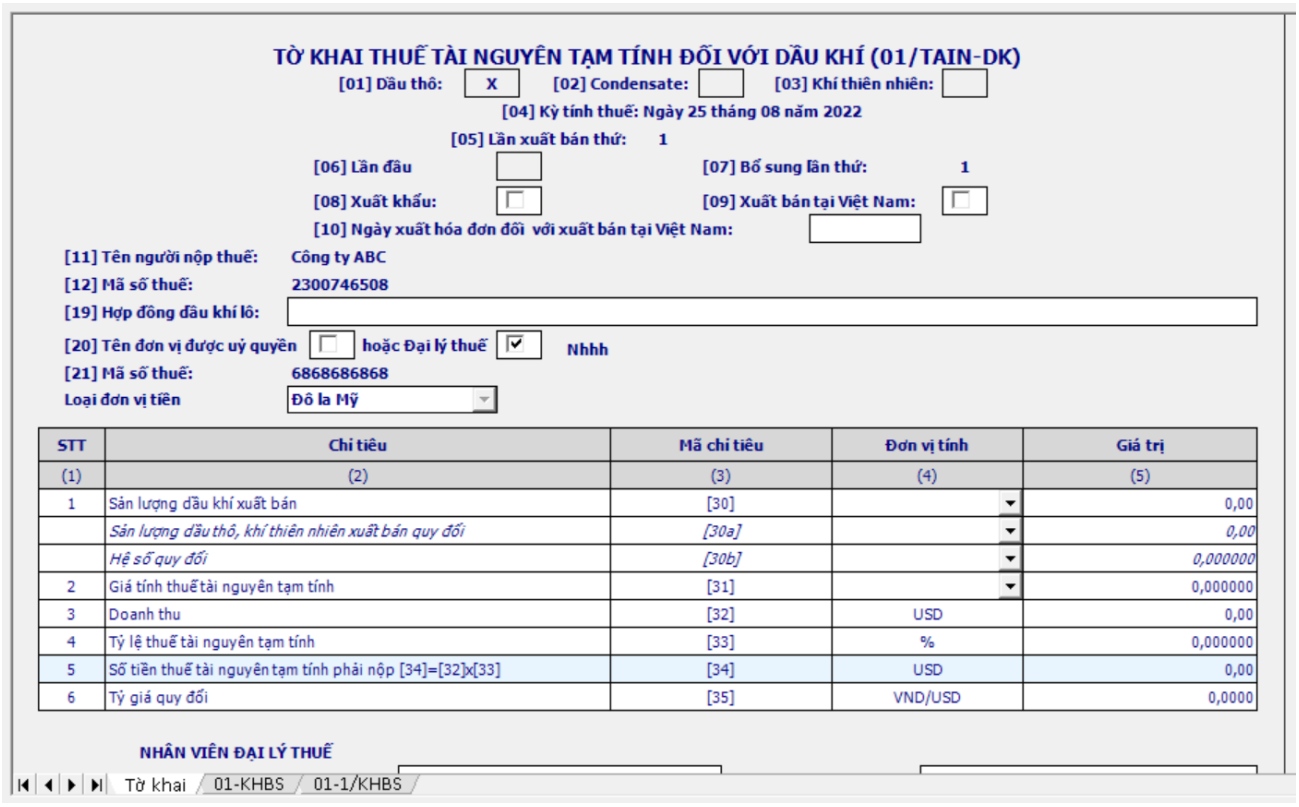
+ Dòng Tổng cộng: UD hỗ trợ tính tổng cộng cột (4) và cột (5)

• Kiểm tra tổng cộng cột (4) phải = 100%. Nếu không hệ thống hiển thị cảnh báo đỏ "Tổng tỷ lệ phân bổ phải bằng 100%"

• Kiểm tra tổng cộng cột (5) phải = chỉ tiêu [09], nếu khác ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ "Tổng số thuế phát sinh phải nộp phải bằng chỉ tiêu [09]"

3.12.16.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".



TỜ KHAI THUẾ TÀI NGUYÊN TẠM TÍNH ĐỐI VỚI DẦU KHÍ (01/TAIN-DK)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kỳ tính thuế: Ngày 25 tháng 08 năm 2022

[05] Lần xuất bán thứ: 1

[06] Lần đầu [07] Bổ sung lần thứ: 1

[08] Xuất khẩu: [09] Xuất bán tại Việt Nam:

[10] Ngày xuất hóa đơn đối với xuất bán tại Việt Nam:

[11] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[12] Mã số thuế: 2300746508

[19] Hợp đồng dầu khí lô:

[20] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế Nhhh

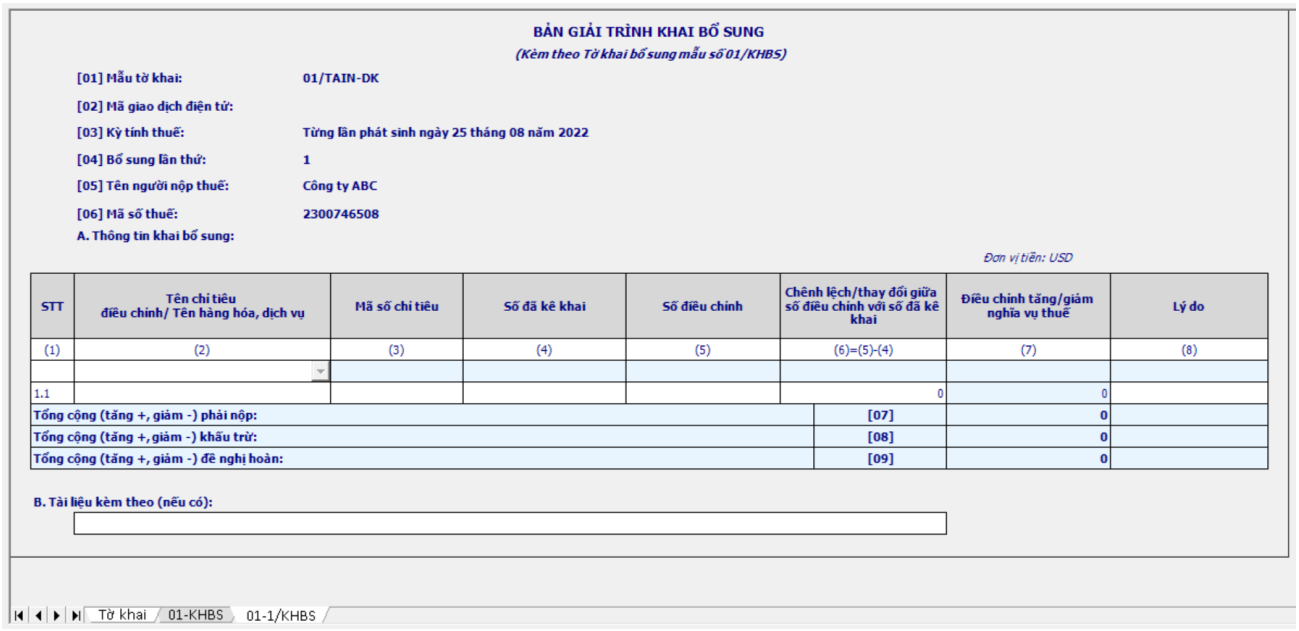
[21] Mã số thuế: 6868686868

Loại đơn vị tiền Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sản lượng dầu khí xuất bán	[30]		0,00
	Sản lượng dầu thô, khí thiên nhiên xuất bán quy đổi	*[30a]*		*0,00*
	Hệ số quy đổi	*[30b]*		*0,000000*
2	Giá tính thuế tài nguyên tạm tính	[31]		0,000000
3	Doanh thu	[32]	USD	0,00
4	Tỷ lệ thuế tài nguyên tạm tính	[33]	%	0,000000
5	Số tiền thuế tài nguyên tạm tính phải nộp [34]=[32]x[33]	[34]	USD	0,00
6	Tỷ giá quy đổi	[35]	VND/USD	0,0000

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS



BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 01/TAIN-DK

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Từng lần phát sinh ngày 25 tháng 08 năm 2022

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: USD

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

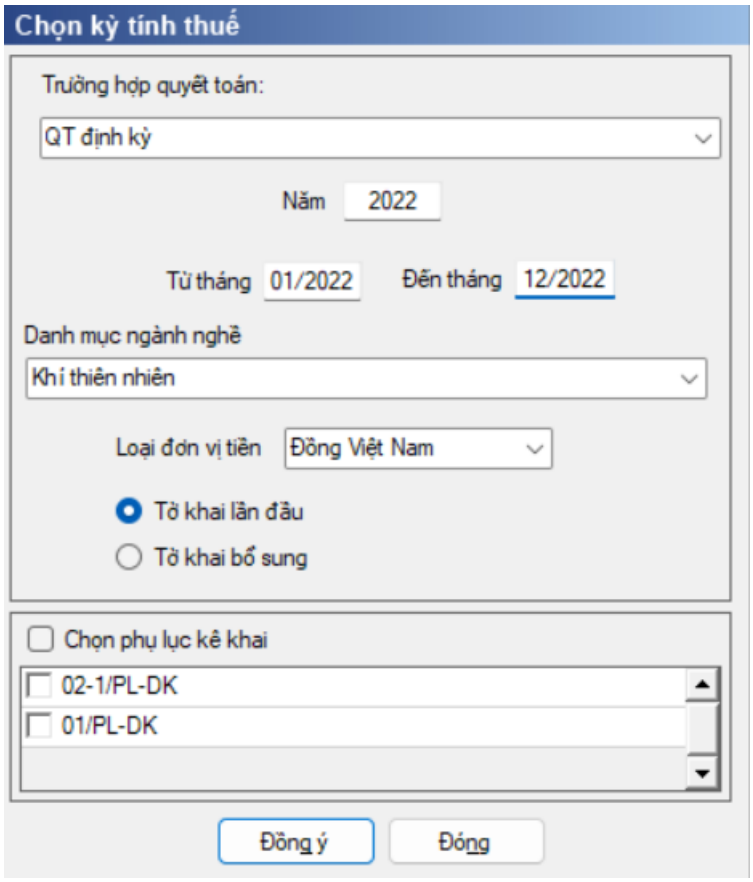
Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.12.17 Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên đối với dầu khí (02/TAIN-DK) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

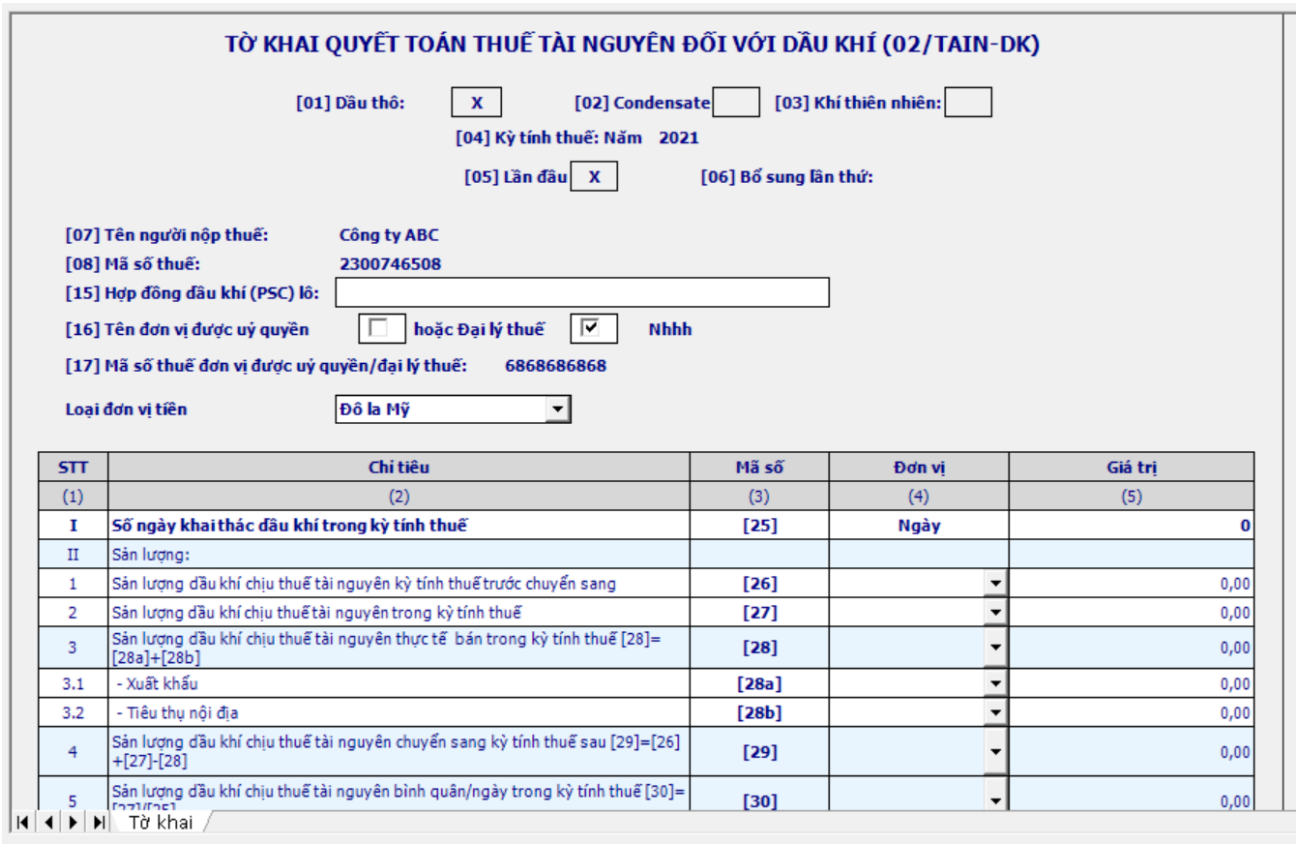
- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai Dầu khí" chọn "TK thuế TN tạm tính với dầu khí (02/TAIN-DK)(TT80/2021)".



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  + CQT nộp tờ khai: là CQT quản lý
  + Loại kỳ tính thuế: Tơ khai năm: từ năm 2021 (kỳ >=21CN)
  + Trong cùng 1 kỳ cho phép kê khai nhiều tờ khai khác loại sản phẩm
  + Đơn vị tiền: Chọn "Việt Nam Đồng" hoặc "Đô la Mỹ". Trong cùng 1 kỳ cho phép kê khai 2 tờ khai cùng sản phẩm khác đơn vị tiền (1 tờ khai theo VNĐ, 1 tờ khai theo USD)
    - Đối với MST 0107724012 thì mới được phép kê khai 2 tờ khai khác đơn vị tiền trong cùng 1 kỳ (điều kiện được kiểm tra tại UD TMS)
  + Hạn nộp tờ khai:
    - Đối với trường hợp quyết toán đủ 12 tháng: hạn nộp = ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ tháng quyết toán đến, dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ. Không cho phép sửa hạn nộp.
    - Đối với trường hợp quyết toán < 12 tháng: hạn nộp = ngày cuối cùng của kỳ quyết toán đến + 45 ngày, dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ.
- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai quyết toán thuế tài nguyên đối với dầu khí (02/TAIN-DK)

3.12.17.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TÀI NGUYÊN ĐỐI VỚI DẦU KHÍ (02/TAIN-DK)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[05] Lần đầu X [06] Bổ sung lần thứ:

[07] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[08] Mã số thuế: 2300746508

[15] Hợp đồng dầu khí (PSC) lô:

[16] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế Nhhh

[17] Mã số thuế đơn vị được uỷ quyền/đại lý thuế: 6868686868

Loại đơn vị tiền Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Số ngày khai thác dầu khí trong kỳ tính thuế	[25]	Ngày	0
II	Sản lượng:			
1	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên kỳ tính thuế trước chuyển sang	[26]		0,00
2	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên trong kỳ tính thuế	[27]		0,00
3	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên thực tế bán trong kỳ tính thuế [28]=[28a]+[28b]	[28]		0,00
3.1	- Xuất khẩu	[28a]		0,00
3.2	- Tiêu thụ nội địa	[28b]		0,00
4	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên chuyển sang kỳ tính thuế sau [29]=[26]+[27]-[28]	[29]		0,00
5	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên bình quân/ngày trong kỳ tính thuế [30]=	[30]		0,00

Tờ khai

- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:
  + Chỉ tiêu [25]: NNT nhập số, không âm
  + Chỉ tiêu [26], [27], [28a], [28b], [33]: NNT nhập số, không âm, định dạng thập phân sau dấu phẩy 2 số
  + Chỉ tiêu [31]: Nếu là USD thì nhập >=0 định dạng Thập phân sau phẩy 2 số, nếu là VND thì nhập số, không âm. Kiểm tra [31] = tổng cột [8] bên bảng kê 02-1, sai khác cảnh báo vàng
  + Chỉ tiêu [32]: NNT nhập số, không âm, định dạng thập phân sau dấu phẩy 6 số, kiểm tra phải <= 100%
  + Chỉ tiêu [43]: NNT nhập số, không âm, định dạng 4 số thập phân sau dấu phẩy
- Chi tiết các chỉ tiêu tính toán:
  + Chỉ tiêu [28]: Tự tính theo công thức: [28]=[28a]+[28b], định dạng thập phân sau phẩy 2 số, cho phép sửa, sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ, kiểm tra [28]= tổng cột (6) trên bảng kê 02-1/PL-DK, sai khác cảnh báo vàng
  + Chỉ tiêu [29]: Tự tính theo công thức [29]=[26]+[27]-[28], cho phép sửa, định dạng thập phân sau dấu phẩy 2 số
  + Chỉ tiêu [34]: Tự tính theo công thức [34]=[27]x[32], cho phép sửa, định dạng thập phân sau dấu phẩy 2 số

+ Chỉ tiêu [35]: Tự tính theo công thức [35]=[33]+([28]-[26])x[32], cho phép sửa, định dạng thập phân sau dấu phẩy 2 số

+ Chỉ tiêu [36]: Tự tính theo công thức [36]=[33]+[34]-[35], cho phép sửa, định dạng thập phân sau dấu phẩy 2 số

+ Chỉ tiêu [37]: Tự tính theo công thức [37] = [31]/[28], nếu là VND thì số nguyên, nếu là USD thì định dạng thập phân sau phẩy 6 số

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
- Kiểm tra=tổng cột [8]/ tổng cột [6] trên bảng kê 02-1, sai khác cảnh báo vàng

+ Chỉ tiêu [38]: Tự tính theo công thức [38] = [39] + [40], cho phép sửa, nếu là VND thì số nguyên, nếu là USD thì định dạng thập phân sau phẩy 6 số

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [39]: Tự tính theo công thức [39] = [33] * [37], cho phép sửa, nếu là VND thì số nguyên, nếu là USD thì định dạng thập phân sau phẩy 2 số

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

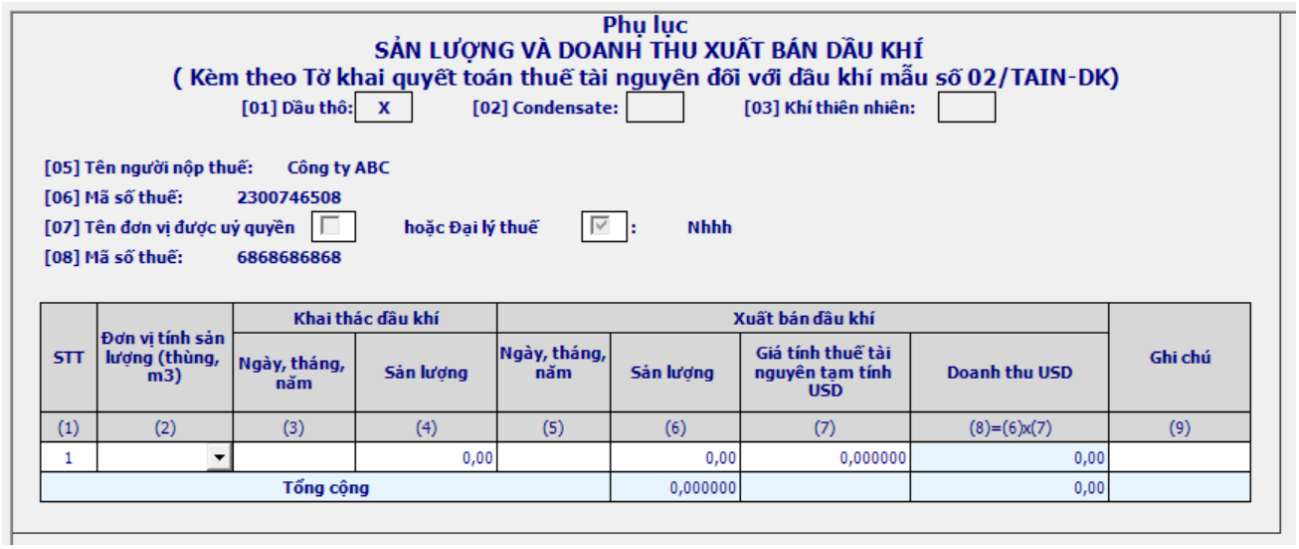
+ Chỉ tiêu [40]: Tự tính theo công thức [40]=([35]-[33])x [37], cho phép sửa, nếu là VND thì số nguyên, nếu là USD thì định dạng thập phân sau phẩy 2 số

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [42]: Tự tính theo công thức [42]=[38]-[41], cho phép sửa, nếu là VND thì số nguyên, nếu là USD thì định dạng thập phân sau phẩy 2 số

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

3.12.17.1.1 Phụ lục 02-1/PL-DK



Phụ lục
SẢN LƯỢNG VÀ DOANH THU XUẤT BÁN DẦU KHÍ
(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên đối với dầu khí mẫu số 02/TAIN-DK)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[06] Mã số thuế: 2300746508
[07] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế : Nhhh
[08] Mã số thuế: 6868686868

STT	Đơn vị tính sản lượng (thùng, m3)	Khai thác dầu khí		Xuất bán dầu khí				Ghi chú
		Ngày, tháng, năm	Sản lượng	Ngày, tháng, năm	Sản lượng	Giá tính thuế tài nguyên tạm tính USD	Doanh thu USD	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)x(7)	(9)
1			0,00		0,00	0,000000	0,00	
Tổng cộng					0,000000		0,00	

- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:

+ Chỉ tiêu Đơn vị tính sản lượng: chọn trong danh mục

+ Khai thác dầu khí:

- Chỉ tiêu Ngày, tháng, năm: NNT nhập định dạng dd/mm/yyyy, phải <= ngày hiện tại
- Chỉ tiêu Sản lượng: NNT nhập dạng số, không âm, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy

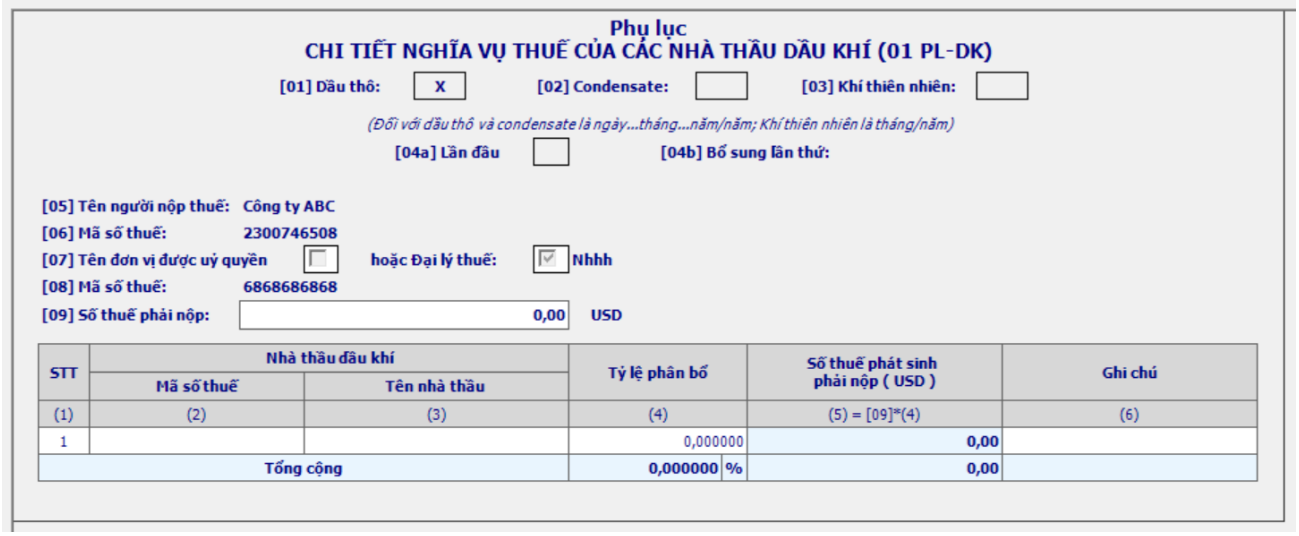
+ Xuất bán dầu khí:

- Chỉ tiêu Ngày, tháng, năm: NNT nhập định dạng dd/mm/yyyy, phải <= ngày hiện tại
- Chỉ tiêu Sản lượng: NNT nhập dạng số, không âm, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy
- Giá tính thuế tài nguyên tạm tính (USD): Nếu là VND nhập >=0 định dạng số nguyên, nếu là USD nhập >=0 định dạng thập phân sau phẩy 6 số
- Doanh thu (USD, VND): Tự động tính theo công thức, nếu là USD thì sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ, nếu là VNĐ thì sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
- Ghi chú: NNT nhập dạng text

- Chi tiết các chỉ tiêu tính toán:

+ Dòng Tổng cộng: UD hỗ trợ tính tổng cộng cột (6) và cột (8)

3.12.17.1.2 Phụ lục 01/PL-DK



Phụ lục
CHI TIẾT NGHĨA VỤ THUẾ CỦA CÁC NHÀ THẦU DẦU KHÍ (01 PL-DK)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

(Đối với dầu thô và condensate là ngày...tháng...năm/năm; Khí thiên nhiên là tháng/năm)

[04a] Lần đầu [04b] Bổ sung lần thứ:

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[06] Mã số thuế: 2300746508
[07] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế: Nhhh
[08] Mã số thuế: 6868686868
[09] Số thuế phải nộp: 0,00 USD

STT	Nhà thầu dầu khí		Tỷ lệ phân bổ	Số thuế phát sinh phải nộp (USD)	Ghi chú
	Mã số thuế	Tên nhà thầu			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = [09]*(4)	(6)
1			0,000000	0,00	
Tổng cộng			0,000000 %	0,00	

- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:

+ Mã số thuế: NNT nhập MST, kiểm tra cấu trúc MST

+ Số thuế phải nộp: Tự động hiển thị = Số tiền thuế tài nguyên phải nộp trong kỳ tính thuế [38] trên tờ khai chính, không cho sửa

+ Tên nhà thầu: Tự động hiển thị tên theo MST nhập ct (2).Nếu không có MST thì nhập text

+ Tỷ lệ phân bổ: NNT nhập số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy

+ Ghi chú: NNT nhập dạng text

- Chi tiết các chỉ tiêu tính toán:

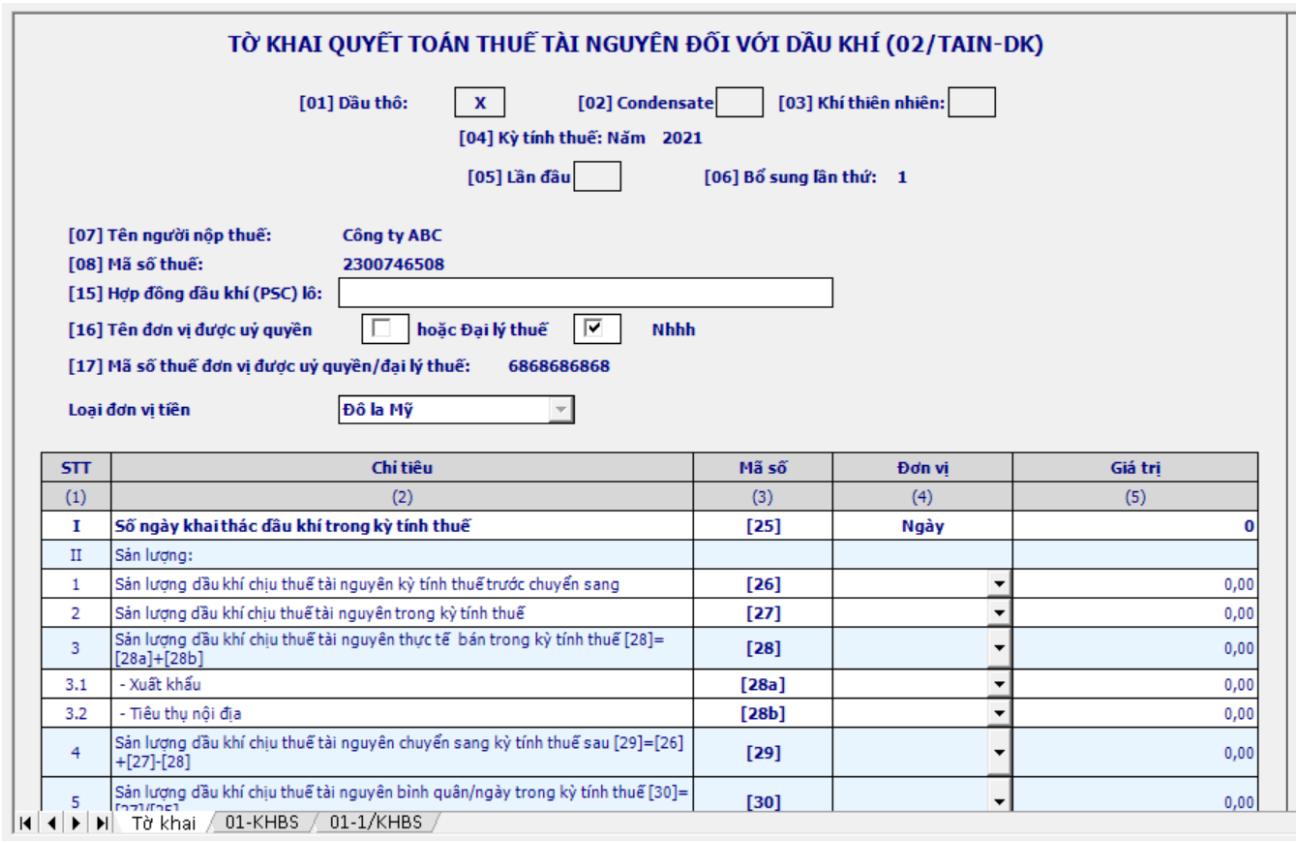
+ Số thuế phát sinh phải nộp (USD, VND): Tự tính theo công thức, cho phép sửa, Nếu là VND thì số nguyên, nếu là USD thì định dạng thập phân sau phẩy 2 số

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ : sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Tổng cộng: tổng cộng cột (4) phải = 100,xxxxxx (sai số sau dấu phẩy 6 số), tổng cộng cột (5) = ct 9 trên PL, sai khác cảnh báo vàng

3.12.17.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".



TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TÀI NGUYÊN ĐỐI VỚI DẦU KHÍ (02/TAIN-DK)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[05] Lần đầu [06] Bổ sung lần thứ: 1

[07] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[08] Mã số thuế: 2300746508

[15] Hợp đồng dầu khí (PSC) lô:

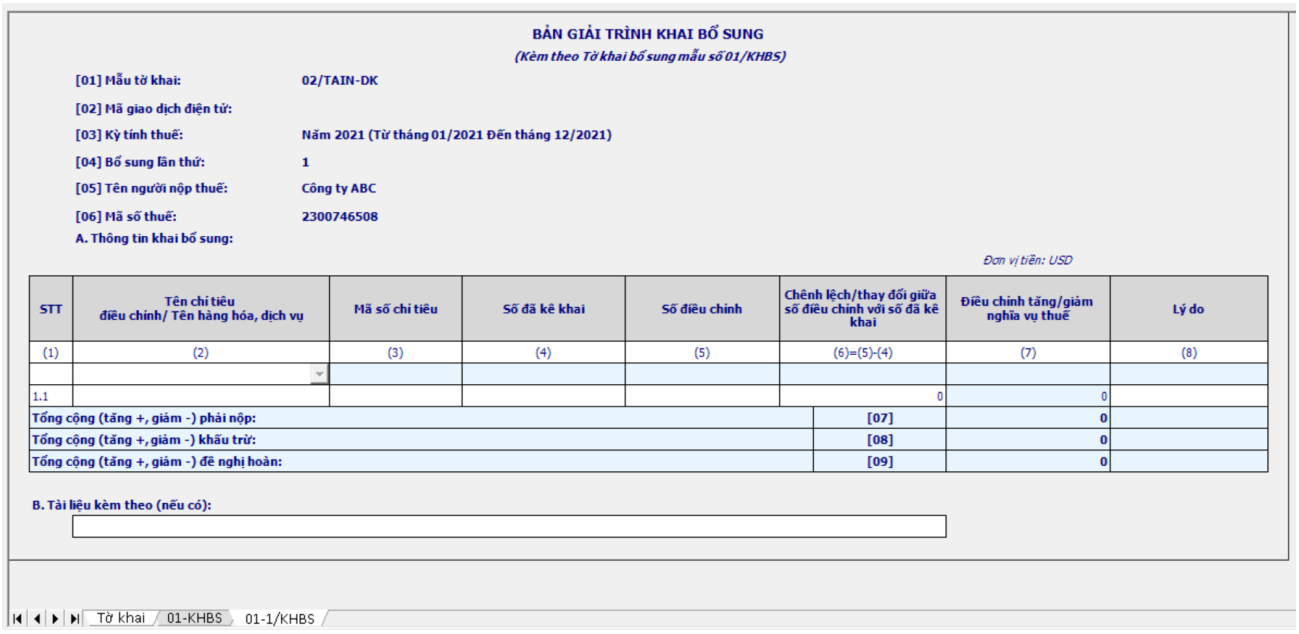
[16] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế Nhhh

[17] Mã số thuế đơn vị được uỷ quyền/đại lý thuế: 6868686868

Loại đơn vị tiền: Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Số ngày khai thác dầu khí trong kỳ tính thuế	[25]	Ngày	0
II	Sản lượng:			
1	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên kỳ tính thuế trước chuyển sang	[26]		0,00
2	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên trong kỳ tính thuế	[27]		0,00
3	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên thực tế bán trong kỳ tính thuế [28]=[28a]+[28b]	[28]		0,00
3.1	- Xuất khẩu	[28a]		0,00
3.2	- Tiêu thụ nội địa	[28b]		0,00
4	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên chuyển sang kỳ tính thuế sau [29]=[26]+[27]-[28]	[29]		0,00
5	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên bình quân/ngày trong kỳ tính thuế [30]=	[30]		0,00

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS



BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 02/TAIN-DK

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021 (Từ tháng 01/2021 Đến tháng 12/2021)

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: USD

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

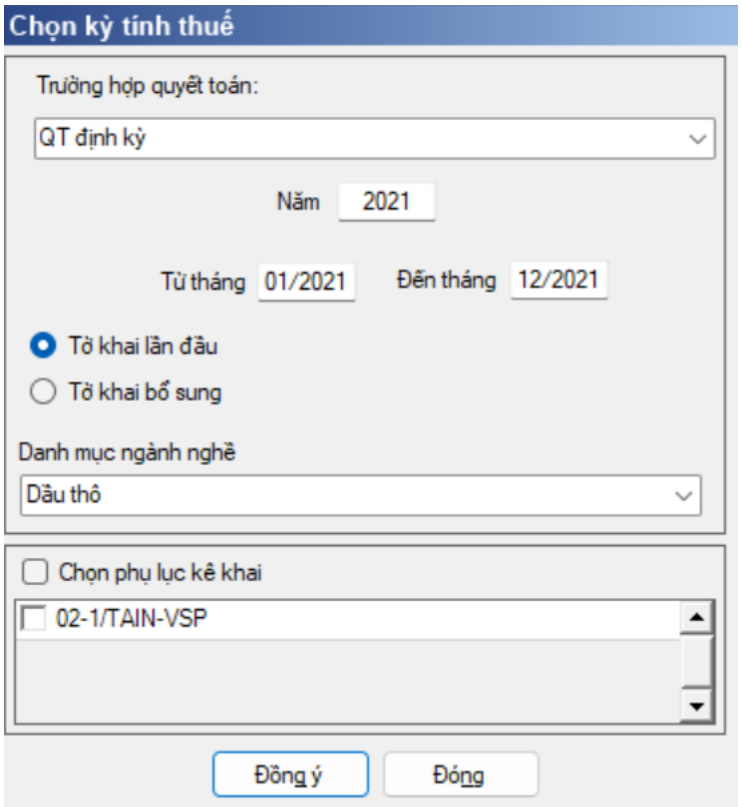
Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.12.18 Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên đối với dầu khí (02/TAIN-VSP) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

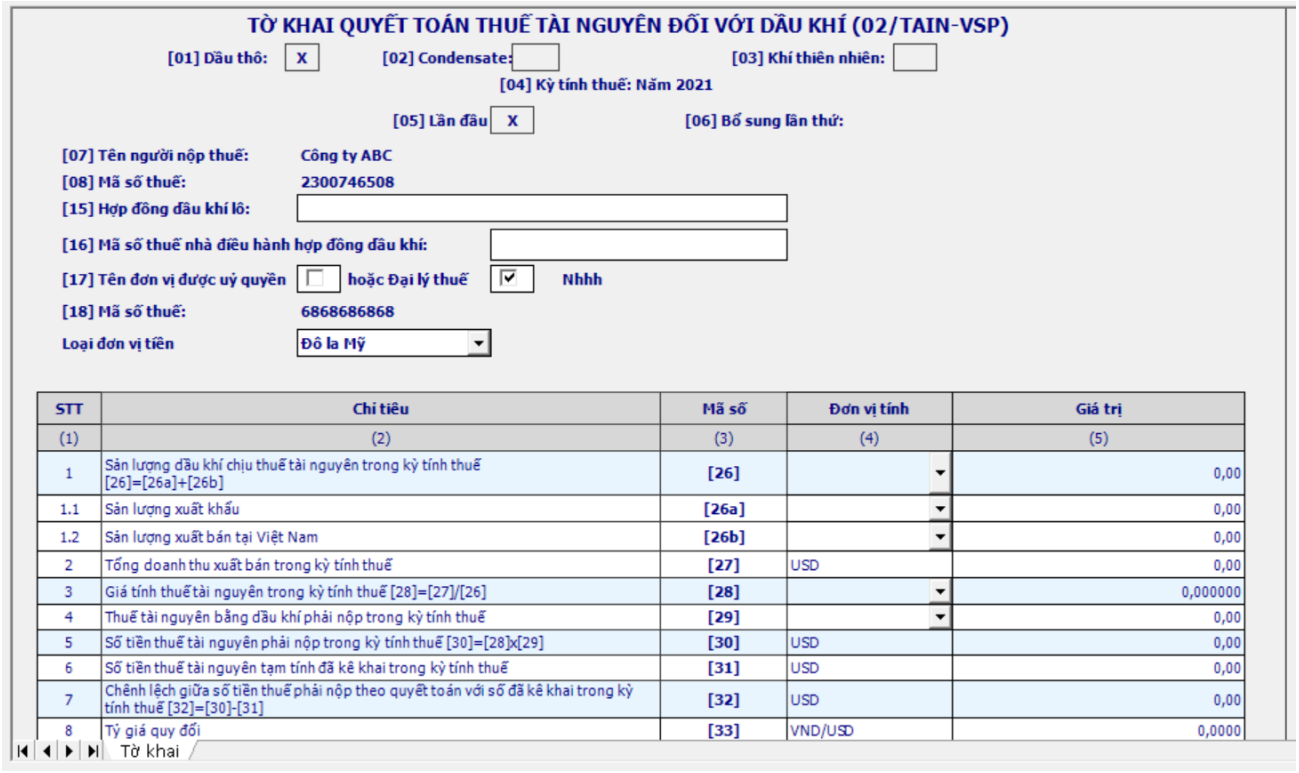
- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai Dầu khí" chọn "TK thuế tài nguyên đối với dầu khí (02/TAIN-VSP)(TT80/2021)".



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào, sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế tài nguyên đối với dầu khí (02/TAIN-VSP)

3.12.18.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TÀI NGUYÊN ĐỐI VỚI DẦU KHÍ (02/TAIN-VSP)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[05] Lần đầu X [06] Bổ sung lần thứ:

[07] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[08] Mã số thuế: 2300746508

[15] Hợp đồng dầu khí lô:

[16] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí:

[17] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế Nhhh

[18] Mã số thuế: 6868686868

Loại đơn vị tiền Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên trong kỳ tính thuế [26]=[26a]+[26b]	[26]		0,00
1.1	Sản lượng xuất khẩu	[26a]		0,00
1.2	Sản lượng xuất bán tại Việt Nam	[26b]		0,00
2	Tổng doanh thu xuất bán trong kỳ tính thuế	[27]	USD	0,00
3	Giá tính thuế tài nguyên trong kỳ tính thuế [28]=[27]/[26]	[28]		0,000000
4	Thuế tài nguyên bằng dầu khí phải nộp trong kỳ tính thuế	[29]		0,00
5	Số tiền thuế tài nguyên phải nộp trong kỳ tính thuế [30]=[28]x[29]	[30]	USD	0,00
6	Số tiền thuế tài nguyên tạm tính đã kê khai trong kỳ tính thuế	[31]	USD	0,00
7	Chênh lệch giữa số tiền thuế phải nộp theo quyết toán với số đã kê khai trong kỳ tính thuế [32]=[30]-[31]	[32]	USD	0,00
8	Tỷ giá quy đổi	[33]	VND/USD	0,0000

Tờ khai

- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:

+ Chỉ tiêu [26a], [26b]: NNT nhập số, không âm, định dạng thập phân sau dấu phẩy 2 số

+ Chỉ tiêu [27]: Nếu là USD thì nhập >=0 định dạng Thập phân sau phẩy 2 số, nếu là VND thì nhập số, không âm. Kiểm tra [27] = tổng cột [7] bên bảng kê, sai khác cảnh báo vàng

+ Chỉ tiêu [29]: NNT nhập số, không âm, định dạng thập phân sau dấu phẩy 2 số

+ Chỉ tiêu [31]: Nếu là USD thì nhập >=0 định dạng Thập phân sau phẩy 2 số, nếu là VND thì nhập số, không âm

+ Chỉ tiêu [33]: NNT nhập số, không âm, định dạng 4 số thập phân sau dấu phẩy

- Chi tiết các chỉ tiêu tính toán:

+ Chỉ tiêu [26]: Tự tính theo công thức: [26]=[26a]+[26b], định dạng thập phân sau phẩy 2 số, kiểm tra [26]= tổng cột (5) trên bảng kê, sai khác cảnh báo vàng

+ Chỉ tiêu [28]: Tự tính theo công thức [28]=[27]/[26], cho phép sửa, Nếu là VND thì số nguyên, nếu là USD thì định dạng thập phân sau phẩy 6 số

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ : sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
- Kiểm tra=tổng cột 7/ tổng cột 5, sai khác cảnh báo vàng

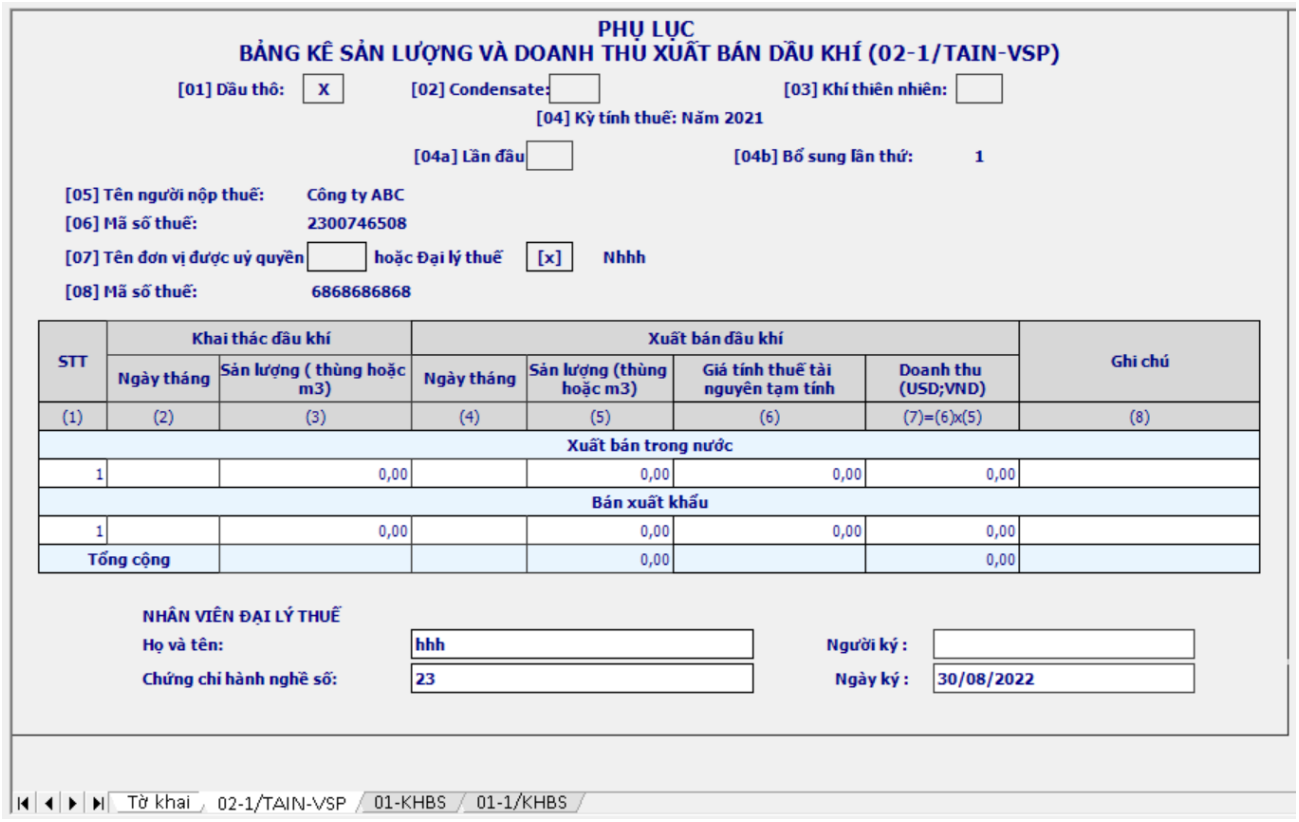
+ Chỉ tiêu [30]: Tự tính theo công thức: [30] = [28]*[29], cho phép nhập

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [32]: Tự tính theo công thức: [32] = [30]-[31], có thể âm
  - Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

3.12.18.1.1 Phụ lục 02-1/TAIN-VSP

- Nếu tờ khai có số liệu ở ct27 (chỉ tiêu doanh thu) thì bắt buộc kê khai PL và trên PL có ít nhất 1 dòng nhập đầy đủ các chỉ tiêu (từ ct4 đến ct7). Tờ khai không kê khai dữ liệu thì không cho kê khai PL



PHỤ LỤC
BẢNG KÊ SẢN LƯỢNG VÀ DOANH THU XUẤT BÁN DẦU KHÍ (02-1/TAIN-VSP)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:
[04] Kỳ tính thuế: Năm 2021
[04a] Lần đầu [04b] Bổ sung lần thứ: 1
[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[06] Mã số thuế: 2300746508
[07] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế [x] Nhhh
[08] Mã số thuế: 6868686868

STT	Khai thác dầu khí		Xuất bán dầu khí				Ghi chú
	Ngày tháng	Sản lượng (thùng hoặc m3)	Ngày tháng	Sản lượng (thùng hoặc m3)	Giá tính thuế tài nguyên tạm tính	Doanh thu (USD;VND)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)x(5)	(8)
Xuất bán trong nước							
1		0,00		0,00	0,00	0,00	
Bán xuất khẩu							
1		0,00		0,00	0,00	0,00	
Tổng cộng				0,00		0,00	

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên: hhh Người ký :
Chứng chỉ hành nghề số: 23 Ngày ký : 30/08/2022

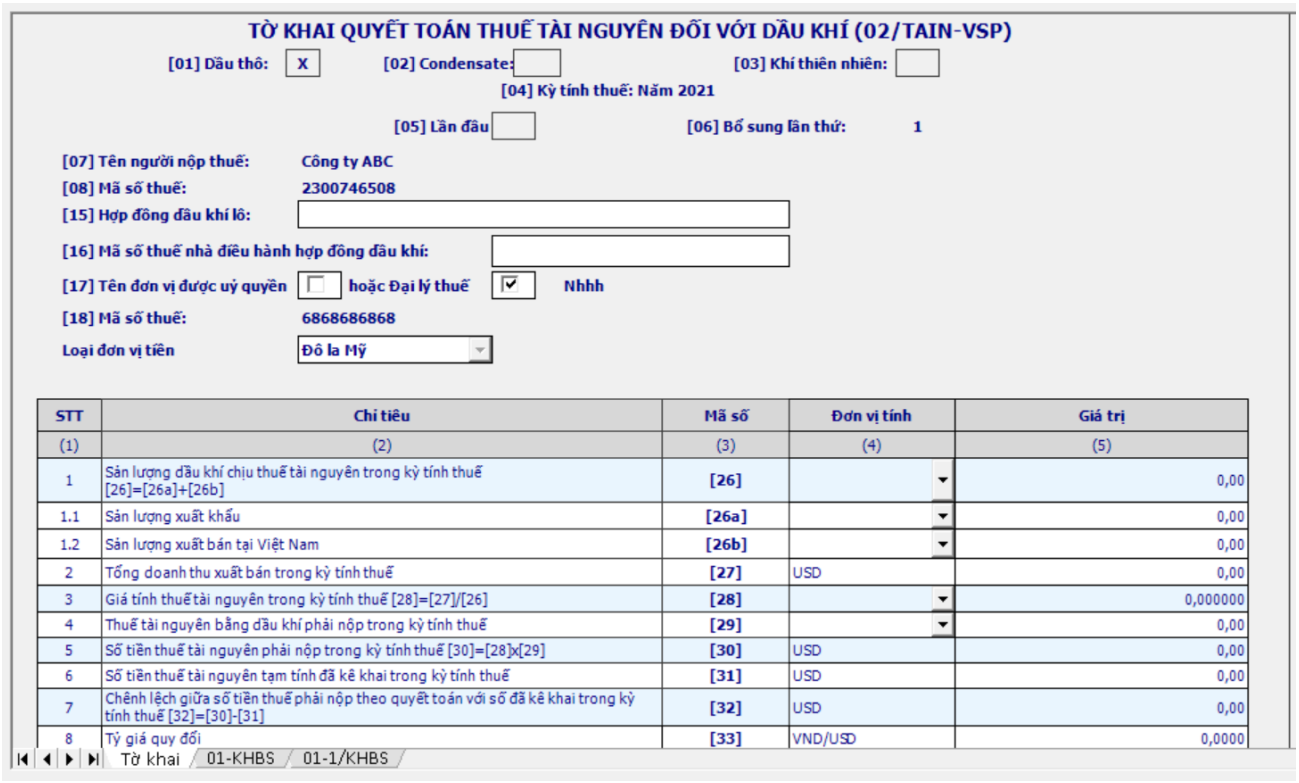
Tờ khai | 02-1/TAIN-VSP | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:
  + Chỉ tiêu Đơn vị tính sản lượng: chọn trong danh mục
  + Khai thác dầu khí:
    - Chỉ tiêu Ngày, tháng, năm: NNT nhập định dạng dd/mm/yyyy, phải <= ngày hiện tại
    - Chỉ tiêu Sản lượng: NNT nhập dạng số, không âm, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy
  + Xuất bán dầu khí:
    - Chỉ tiêu Ngày, tháng, năm: NNT nhập định dạng dd/mm/yyyy, phải <= ngày hiện tại
    - Chỉ tiêu Sản lượng: NNT nhập dạng số, không âm, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy
    - Giá tính thuế tài nguyên tạm tính (USD): Nếu là VND nhập >=0 định dạng số nguyên, nếu là USD nhập >=0 định dạng thập phân sau phẩy 6 số

- Doanh thu (USD, VND): Tự động tính theo công thức, nếu là USD thì sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ, nếu là VNĐ thì sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
- Ghi chú: NNT nhập dạng text

3.12.18.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".



TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TÀI NGUYÊN ĐỐI VỚI DẦU KHÍ (02/TAIN-VSP)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[05] Lần đầu [06] Bổ sung lần thứ: 1

[07] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[08] Mã số thuế: 2300746508

[15] Hợp đồng dầu khí lô:

[16] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí:

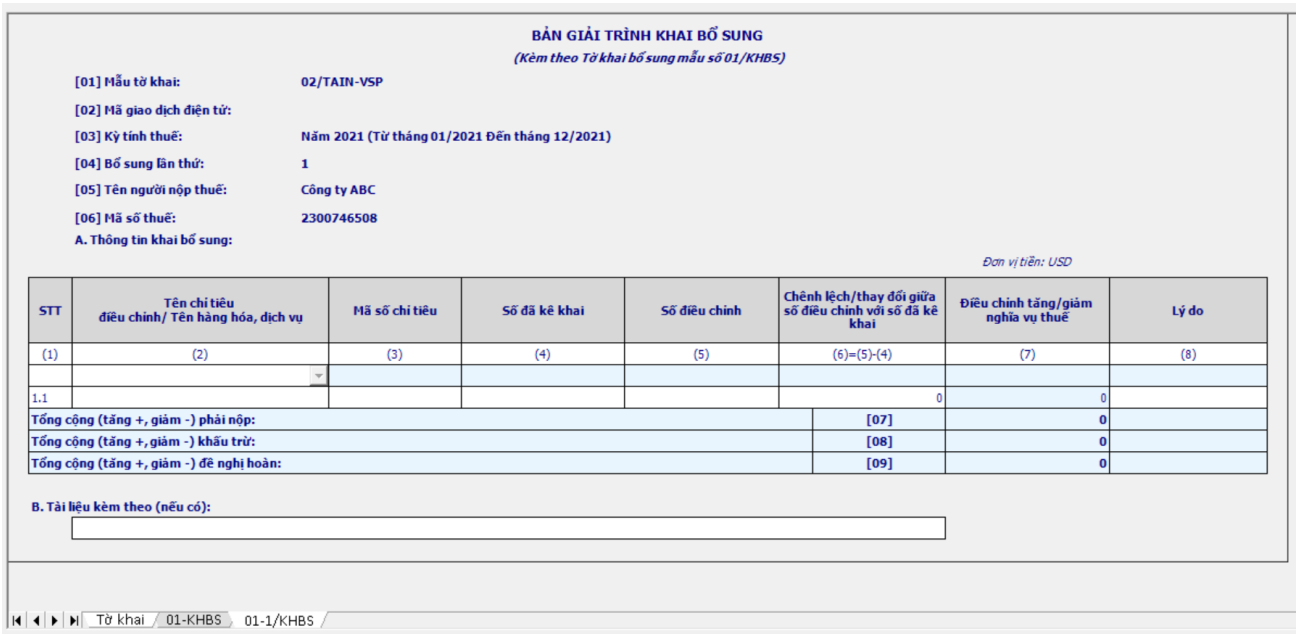
[17] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế Nhhh

[18] Mã số thuế: 6868686868

Loại đơn vị tiền: Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên trong kỳ tính thuế [26]=[26a]+[26b]	[26]		0,00
1.1	Sản lượng xuất khẩu	[26a]		0,00
1.2	Sản lượng xuất bán tại Việt Nam	[26b]		0,00
2	Tổng doanh thu xuất bán trong kỳ tính thuế	[27]	USD	0,00
3	Giá tính thuế tài nguyên trong kỳ tính thuế [28]=[27]/[26]	[28]		0,000000
4	Thuế tài nguyên bằng dầu khí phải nộp trong kỳ tính thuế	[29]		0,00
5	Số tiền thuế tài nguyên phải nộp trong kỳ tính thuế [30]=[28]x[29]	[30]	USD	0,00
6	Số tiền thuế tài nguyên tạm tính đã kê khai trong kỳ tính thuế	[31]	USD	0,00
7	Chênh lệch giữa số tiền thuế phải nộp theo quyết toán với số đã kê khai trong kỳ tính thuế [32]=[30]-[31]	[32]	USD	0,00
8	Tỷ giá quy đổi	[33]	VND/USD	0,0000

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS



BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 02/TAIN-VSP

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021 (Từ tháng 01/2021 Đến tháng 12/2021)

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: USD

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

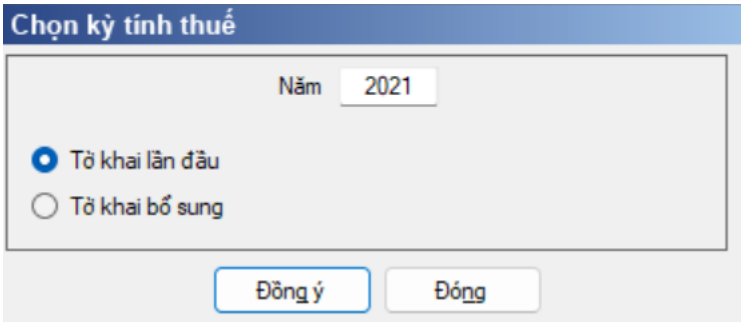
Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.12.19 Báo cáp dự kiến sản lượng dầu khí khai thác và tỷ lệ tạm nộp thuế (01/BCTL-DK) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai Dầu khí" chọn "BC DKSL dầu khí khai thác (01/BCTL-DK)(TT80/2021)".

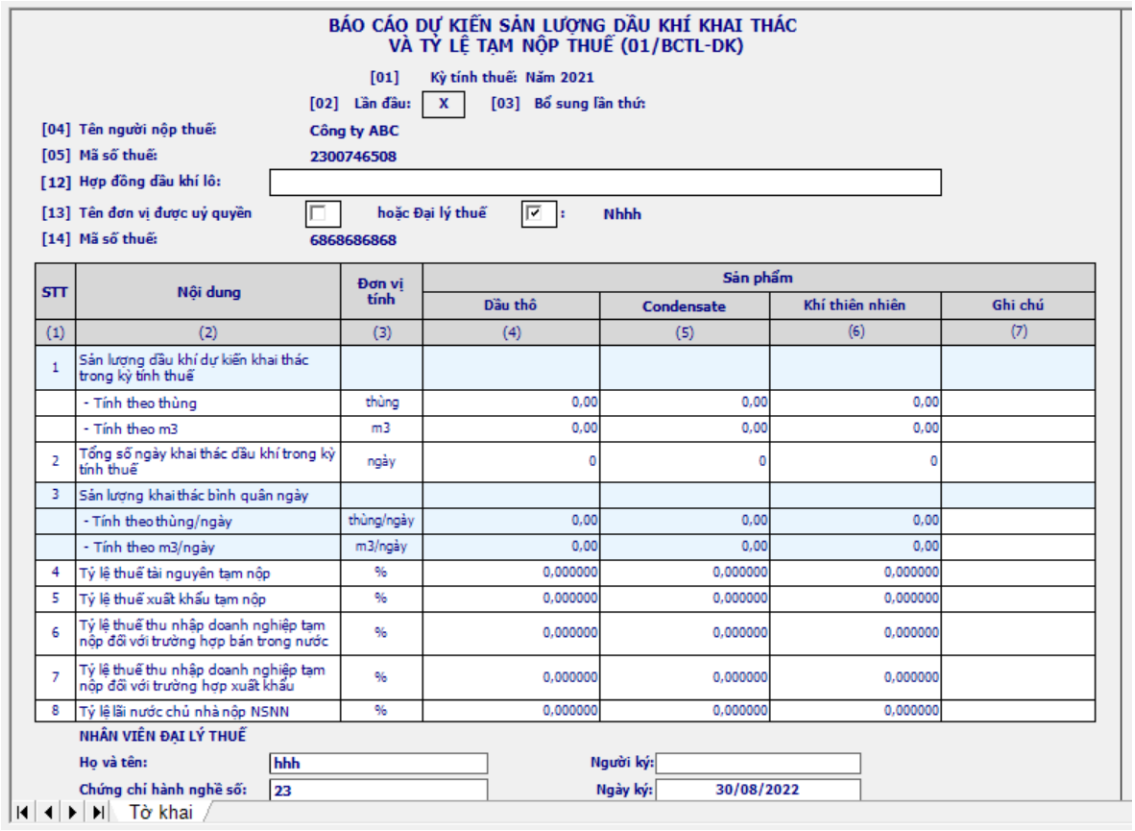


- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  + CQT nộp tờ khai: là CQT quản lý
  + Loại kỳ tính thuế: Tờ khai năm: từ năm 2022
  + Hạn nộp tờ khai:
    - Ngày 1/12 của năm trước năm kê khai. (Theo điều 8 nghị định 126 - Khai tạm tính sản lượng dầu khí khai thác và tỷ lệ tạm nộp thuế chậm nhất là ngày 01 tháng 12 của kỳ tính thuế năm trước

- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra Báo cáo dự kiến sản lượng dầu khí khai thác và tỷ lệ tạm nộp thuế (01/BCTL-DK)

3.12.19.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



BÁO CÁO DỰ KIẾN SẢN LƯỢNG DẦU KHÍ KHAI THÁC VÀ TỶ LỆ TẠM NỘP THUẾ (01/BCTL-DK)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[02] Lần đầu: X [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[12] Hợp đồng dầu khí lô:

[13] Tên đơn vị được uỷ quyền ☐ hoặc Đại lý thuế ☑ : Nhhh

[14] Mã số thuế: 6868686868

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Sản phẩm			
			Dầu thô	Condensate	Khí thiên nhiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Sản lượng dầu khí dự kiến khai thác trong kỳ tính thuế					
	- Tính theo thùng	thùng	0,00	0,00	0,00	
	- Tính theo m3	m3	0,00	0,00	0,00	
2	Tổng số ngày khai thác dầu khí trong kỳ tính thuế	ngày	0	0	0	
3	Sản lượng khai thác bình quân ngày					
	- Tính theo thùng/ngày	thùng/ngày	0,00	0,00	0,00	
	- Tính theo m3/ngày	m3/ngày	0,00	0,00	0,00	
4	Tỷ lệ thuế tài nguyên tạm nộp	%	0,000000	0,000000	0,000000	
5	Tỷ lệ thuế xuất khẩu tạm nộp	%	0,000000	0,000000	0,000000	
6	Tỷ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp đối với trường hợp bán trong nước	%	0,000000	0,000000	0,000000	
7	Tỷ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp đối với trường hợp xuất khẩu	%	0,000000	0,000000	0,000000	
8	Tỷ lệ lãi nước chủ nhà nộp NSNN	%	0,000000	0,000000	0,000000	

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: hhh Người ký:

Chứng chỉ hành nghề số: 23 Ngày ký: 30/08/2022

Tờ khai

- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:

+ **1. Sản lượng dầu khí dự kiến khai thác trong kỳ tính thuế:** Bắt buộc nhập 1 trong 3 cột (4), (5), (6) của dòng "Tính theo thùng" hoặc "Tính theo m3"

- Chỉ tiêu (4), (5), (6): NNT nhập số, không âm, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy
- Chỉ tiêu (7): Cho phép NNT nhập dạng text

+ 2. Tổng số ngày khai thác dầu khí trong kỳ tính thuế: Bắt buộc nhập 1 trong 3 cột (4), (5), (6)

- Chỉ tiêu (4), (5), (6): NNT nhập số, không âm
- Chỉ tiêu (7): Cho phép NNT nhập dạng text

+ **3. Sản lượng khai thác bình quân ngày:** Bắt buộc nhập 1 trong 3 cột (4), (5), (6) của dòng "Tính theo thùng" hoặc "Tính theo m3"

- Chỉ tiêu (4), (5), (6): NNT nhập số, không âm, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy
- Chỉ tiêu (7): Cho phép NNT nhập dạng text

+ 4. Tỷ lệ thuế tài nguyên tạm nộp:

- Chỉ tiêu (4), (5), (6): NNT nhập số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy
- Chỉ tiêu (7): Cho phép NNT nhập dạng text

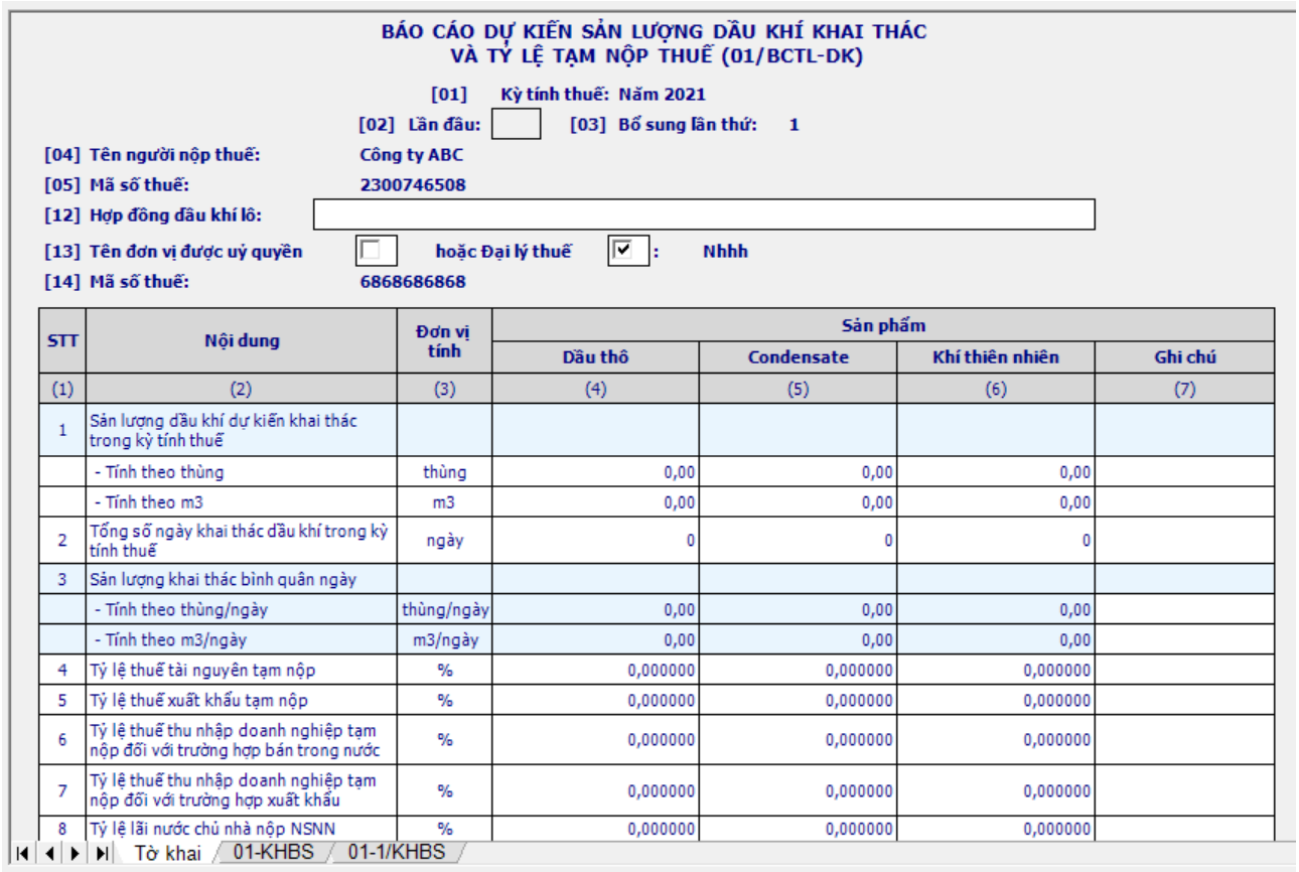
+ 5. Tỷ lệ thuế xuất khẩu tạm nộp:

- Chỉ tiêu (4), (5), (6): NNT nhập số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy
- Chỉ tiêu (7): Cho phép NNT nhập dạng text

+ 6. Tỷ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp đối với trường hợp bán trong nước:
  - Chỉ tiêu (4), (5), (6): NNT nhập số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy
  - Chỉ tiêu (7): Cho phép NNT nhập dạng text
+ 7. Tỷ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp đối với trường hợp xuất khẩu:
  - Chỉ tiêu (4), (5), (6): NNT nhập số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy
  - Chỉ tiêu (7): Cho phép NNT nhập dạng text
+ 8. Tỷ lệ lãi nước chủ nhà nộp NSNN:
  - Chỉ tiêu (4), (5), (6): NNT nhập số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy
  - Chỉ tiêu (7): Cho phép NNT nhập dạng text

3.12.19.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".

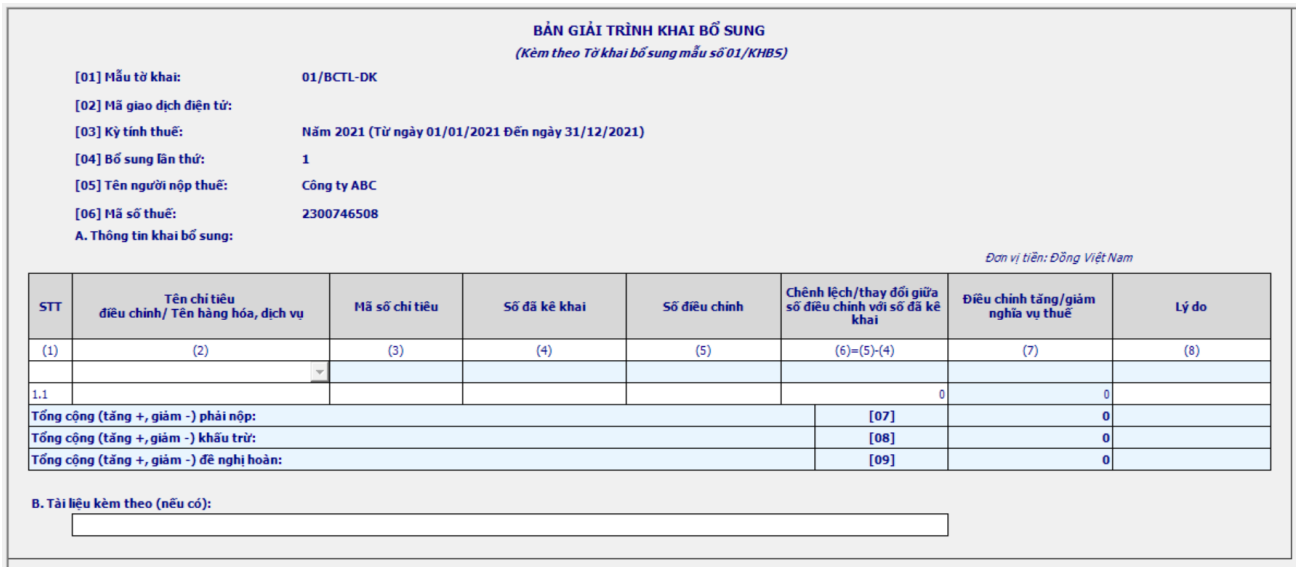


BÁO CÁO DỰ KIẾN SẢN LƯỢNG DẦU KHÍ KHAI THÁC VÀ TỶ LỆ TẠM NỘP THUẾ (01/BCTL-DK)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021
[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ: 1
[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[05] Mã số thuế: 2300746508
[12] Hợp đồng dầu khí lô:
[13] Tên đơn vị được uỷ quyền ☐ hoặc Đại lý thuế ☑ : Nhhh
[14] Mã số thuế: 6868686868

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Sản phẩm			
			Dầu thô	Condensate	Khí thiên nhiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Sản lượng dầu khí dự kiến khai thác trong kỳ tính thuế					
	- Tính theo thùng	thùng	0,00	0,00	0,00	
	- Tính theo m3	m3	0,00	0,00	0,00	
2	Tổng số ngày khai thác dầu khí trong kỳ tính thuế	ngày	0	0	0	
3	Sản lượng khai thác bình quân ngày					
	- Tính theo thùng/ngày	thùng/ngày	0,00	0,00	0,00	
	- Tính theo m3/ngày	m3/ngày	0,00	0,00	0,00	
4	Tỷ lệ thuế tài nguyên tạm nộp	%	0,000000	0,000000	0,000000	
5	Tỷ lệ thuế xuất khẩu tạm nộp	%	0,000000	0,000000	0,000000	
6	Tỷ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp đối với trường hợp bán trong nước	%	0,000000	0,000000	0,000000	
7	Tỷ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp đối với trường hợp xuất khẩu	%	0,000000	0,000000	0,000000	
8	Tỷ lệ lãi nước chủ nhà nộp NSNN	%	0,000000	0,000000	0,000000	

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS



BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 01/BCTL-DK

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021 (Từ ngày 01/01/2021 Đến ngày 31/12/2021)

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

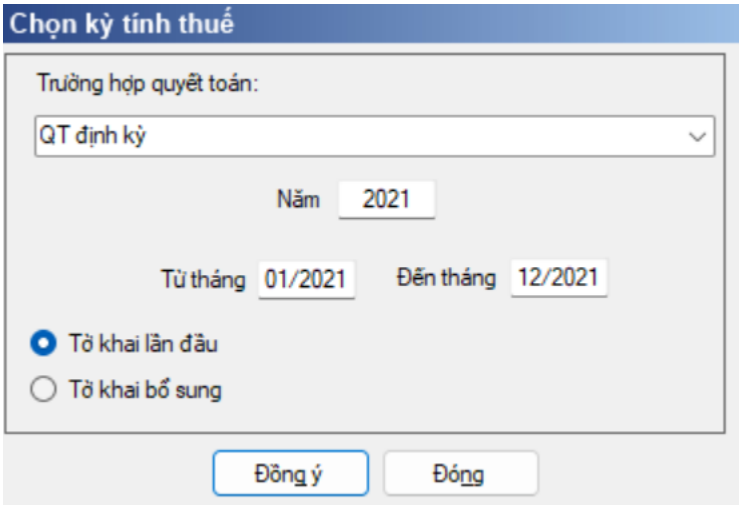
B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.12.20 Tờ khai điều chỉnh thuế đặc biệt đối với khí thiên nhiên (01/ĐCĐB-VSP) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

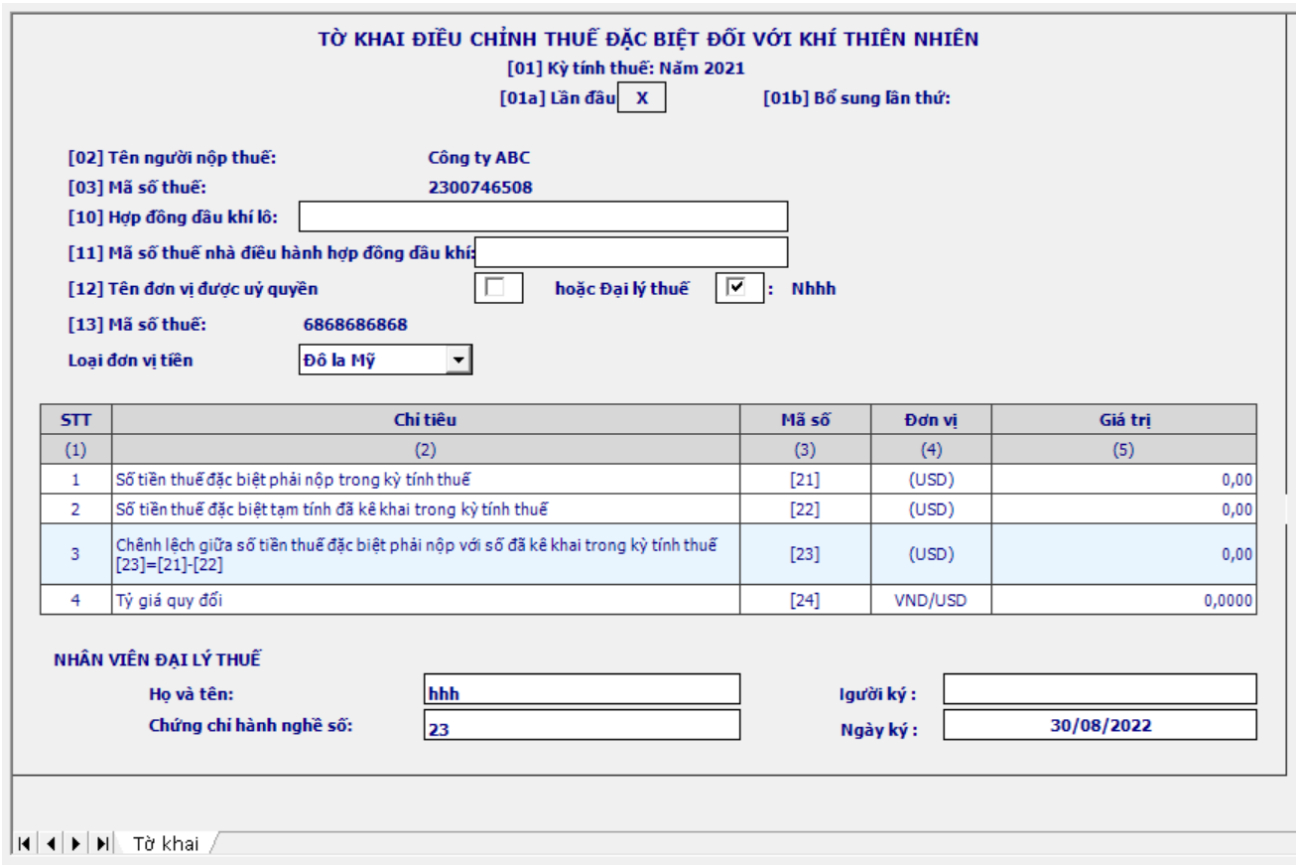
- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai Dầu khí" chọn "TK điều chỉnh thuế đặc biệt đối với khí thiên nhiên (01/ĐCĐB-VSP)".



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  + CQT nộp tờ khai: là CQT quản lý
  + Loại kỳ tính thuế: Tơ khai năm: từ năm 2021 (kỳ >=21CN)
  + Hạn nộp tờ khai:
    - Đối với trường hợp quyết toán đủ 12 tháng: hạn nộp = ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ tháng quyết toán đến, dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ. Không cho phép sửa hạn nộp.
    - Đối với trường hợp quyết toán < 12 tháng: hạn nộp = ngày cuối cùng của kỳ quyết toán đến + 45 ngày, dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ.
- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai điều chỉnh thuế đặc biệt đối với khí thiên nhiên (01/ĐCĐB-VSP)

3.12.20.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



TỜ KHAI ĐIỀU CHỈNH THUẾ ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI KHÍ THIÊN NHIÊN

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[01a] Lần đầu [X] [01b] Bổ sung lần thứ:

[02] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[03] Mã số thuế: 2300746508

[10] Hợp đồng dầu khí lô:

[11] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí:

[12] Tên đơn vị được uỷ quyền [ ] hoặc Đại lý thuế [x] : Nhhh

[13] Mã số thuế: 6868686868

Loại đơn vị tiền: Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Số tiền thuế đặc biệt phải nộp trong kỳ tính thuế	[21]	(USD)	0,00
2	Số tiền thuế đặc biệt tạm tính đã kê khai trong kỳ tính thuế	[22]	(USD)	0,00
3	Chênh lệch giữa số tiền thuế đặc biệt phải nộp với số đã kê khai trong kỳ tính thuế [23]=[21]-[22]	[23]	(USD)	0,00
4	Tỷ giá quy đổi	[24]	VND/USD	0,0000

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: hhh

Chứng chỉ hành nghề số: 23

Người ký:

Ngày ký: 30/08/2022

Tờ khai

- **Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:** 1 tờ khkai chỉ cho khai theo 1 loại tiền

+ Chỉ tiêu [21]: Nếu là VND NNT nhập số, không âm, định dạng số nguyên; nếu là USD NNT nhập số, không âm, định dạng thập phân

+ Chỉ tiêu [22]: Nếu là VND NNT nhập số, không âm, định dạng số nguyên; nếu là USD NNT nhập số, không âm, định dạng thập phân sau dấu phẩy 2 số

+ Chỉ tiêu [24]: NNT nhập số, không âm, định dạng 4 số thập phân sau dấu phẩy

- Chi tiết các chỉ tiêu tính toán:

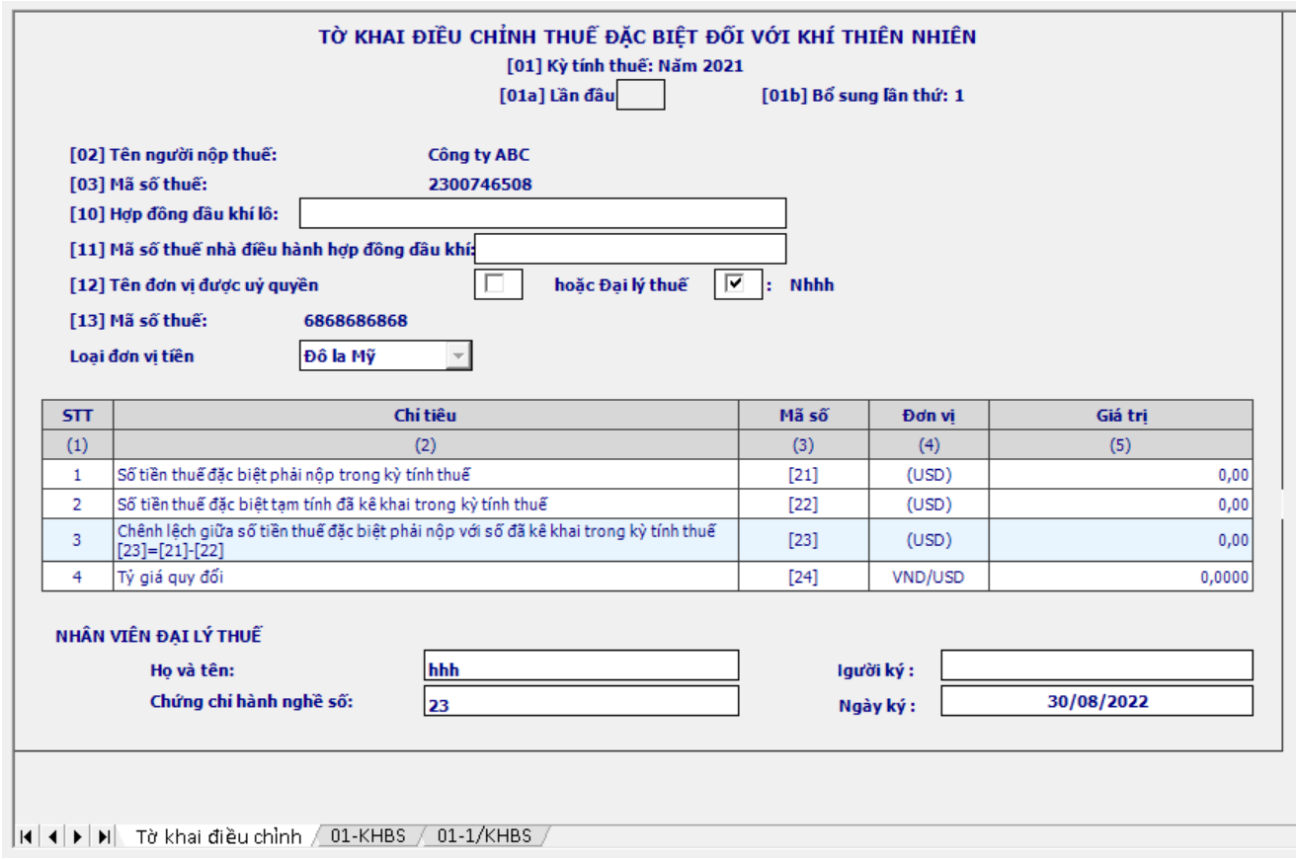
+ Chỉ tiêu [23]: Tự tính theo công thức [23]=[21]-[22], có thể âm, cho phép sửa, Nếu là VND thì số nguyên, nếu là USD thì định dạng thập phân sau phẩy 2 số

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ : sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

3.12.20.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.

- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".



TỜ KHAI ĐIỀU CHỈNH THUẾ ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI KHÍ THIÊN NHIÊN

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[01a] Lần đầu ☐ [01b] Bổ sung lần thứ: 1

[02] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[03] Mã số thuế: 2300746508

[10] Hợp đồng dầu khí lô:

[11] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí:

[12] Tên đơn vị được uỷ quyền ☐ hoặc Đại lý thuế ☑ : Nhhh

[13] Mã số thuế: 6868686868

Loại đơn vị tiền: Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Số tiền thuế đặc biệt phải nộp trong kỳ tính thuế	[21]	(USD)	0,00
2	Số tiền thuế đặc biệt tạm tính đã kê khai trong kỳ tính thuế	[22]	(USD)	0,00
3	Chênh lệch giữa số tiền thuế đặc biệt phải nộp với số đã kê khai trong kỳ tính thuế [23]=[21]-[22]	[23]	(USD)	0,00
4	Tỷ giá quy đổi	[24]	VND/USD	0,0000

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

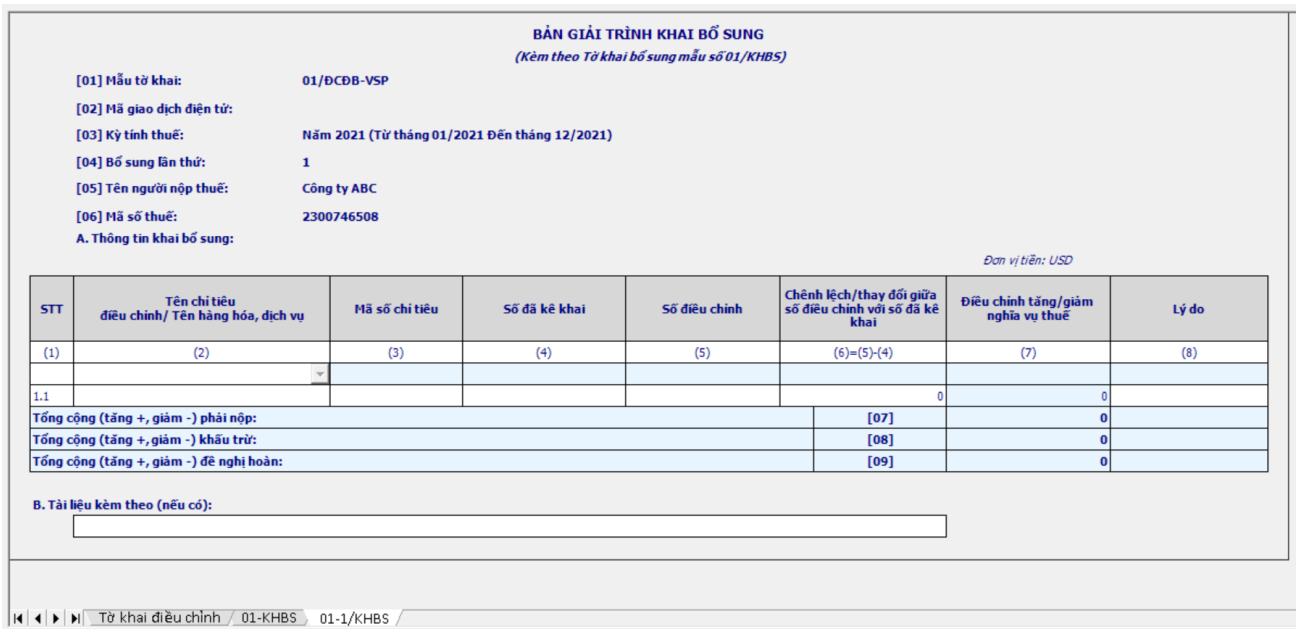
Họ và tên: hhh

Chứng chỉ hành nghề số: 23

Người ký :

Ngày ký : 30/08/2022

Tờ khai điều chỉnh | 01-KHBS | 01-1/KHBS



BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 01/ĐCĐB-VSP

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021 (Từ tháng 01/2021 Đến tháng 12/2021)

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: USD

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

Tờ khai điều chỉnh | 01-KHBS | 01-1/KHBS

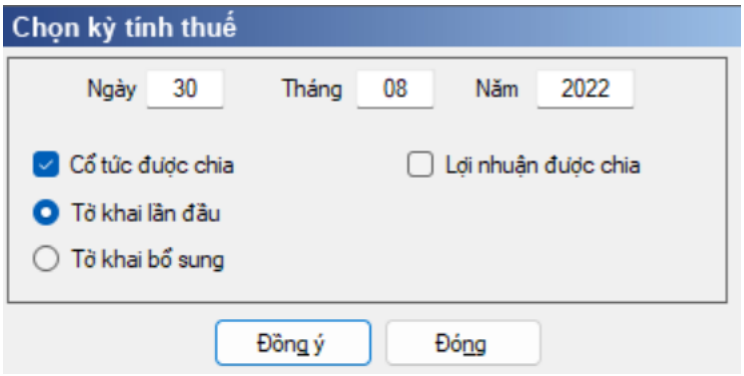
- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.13 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Cổ tức, lợi nhuận được chia

3.13.1 Tờ khai cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên (01/CTLNĐC) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

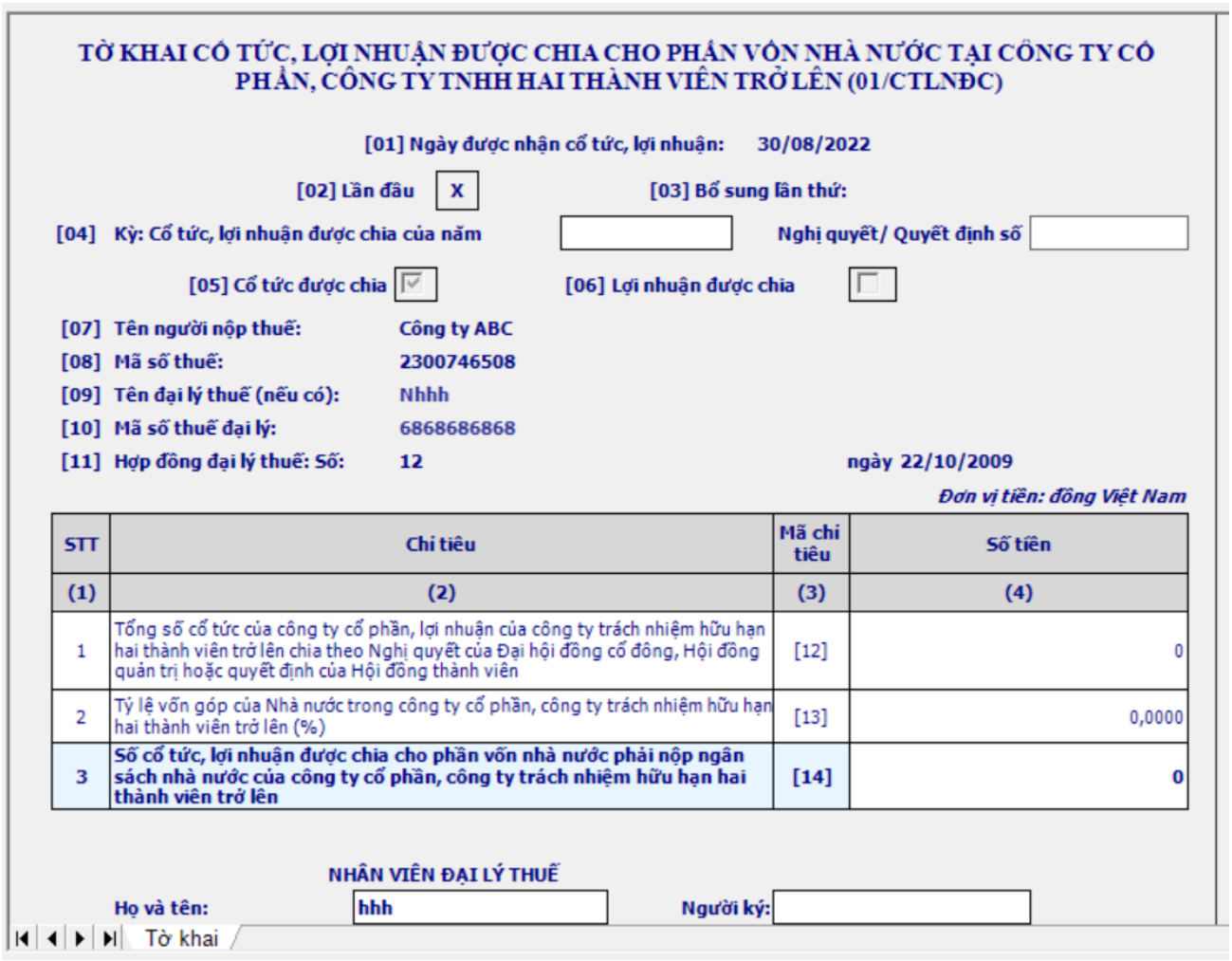
- Từ menu chức năng "Kê khai/Cổ tức, lợi nhuận được chia" chọn "Tờ khai cổ tức, LNDC cho phần vốn NN" mẫu (01/CTLNĐC)(TT80/2021). Khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:



- Hiệu lực tờ khai từ tháng 01/01/2022 trở đi.
- Cơ quan thuế nộp tờ khai: Cơ quan thuế quản lý trực tiếp
- Hạn nộp tờ khai: 10 ngày kể từ "Ngày được nhận cổ tức, lợi nhuận" – chỉ tiêu [01] trên tờ khai; nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ thì chuyển sang ngày tiếp theo
- 1 ngày có thể có 2 tờ khai tương ứng với 2 hình thức "Cổ tức được chia", "Lợi nhuận được chia"
- Chọn trạng thái tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung), sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn NN (01/CTLNĐC)

3.13.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế", nhập ngày tháng năm, chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, nhấn núy [Đồng ý] màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



TỜ KHAI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN ĐƯỢC CHIA CHO PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN, CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN (01/CTLNĐC)

[01] Ngày được nhận cổ tức, lợi nhuận: 30/08/2022

[02] Lần đầu: X [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Kỳ: Cổ tức, lợi nhuận được chia của năm: Nghị quyết/ Quyết định số:

[05] Cổ tức được chia: ☑ [06] Lợi nhuận được chia: ☐

[07] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[08] Mã số thuế: 2300746508

[09] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[10] Mã số thuế đại lý: 6868686868

[11] Hợp đồng đại lý thuế: Số: 12 ngày 22/10/2009

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Tổng số cổ tức của công ty cổ phần, lợi nhuận của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên chia theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc quyết định của Hội đồng thành viên	[12]	0
2	Tỷ lệ vốn góp của Nhà nước trong công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (%)	[13]	0,0000
3	**Số cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn nhà nước phải nộp ngân sách nhà nước của công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên**	**[14]**	**0**

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

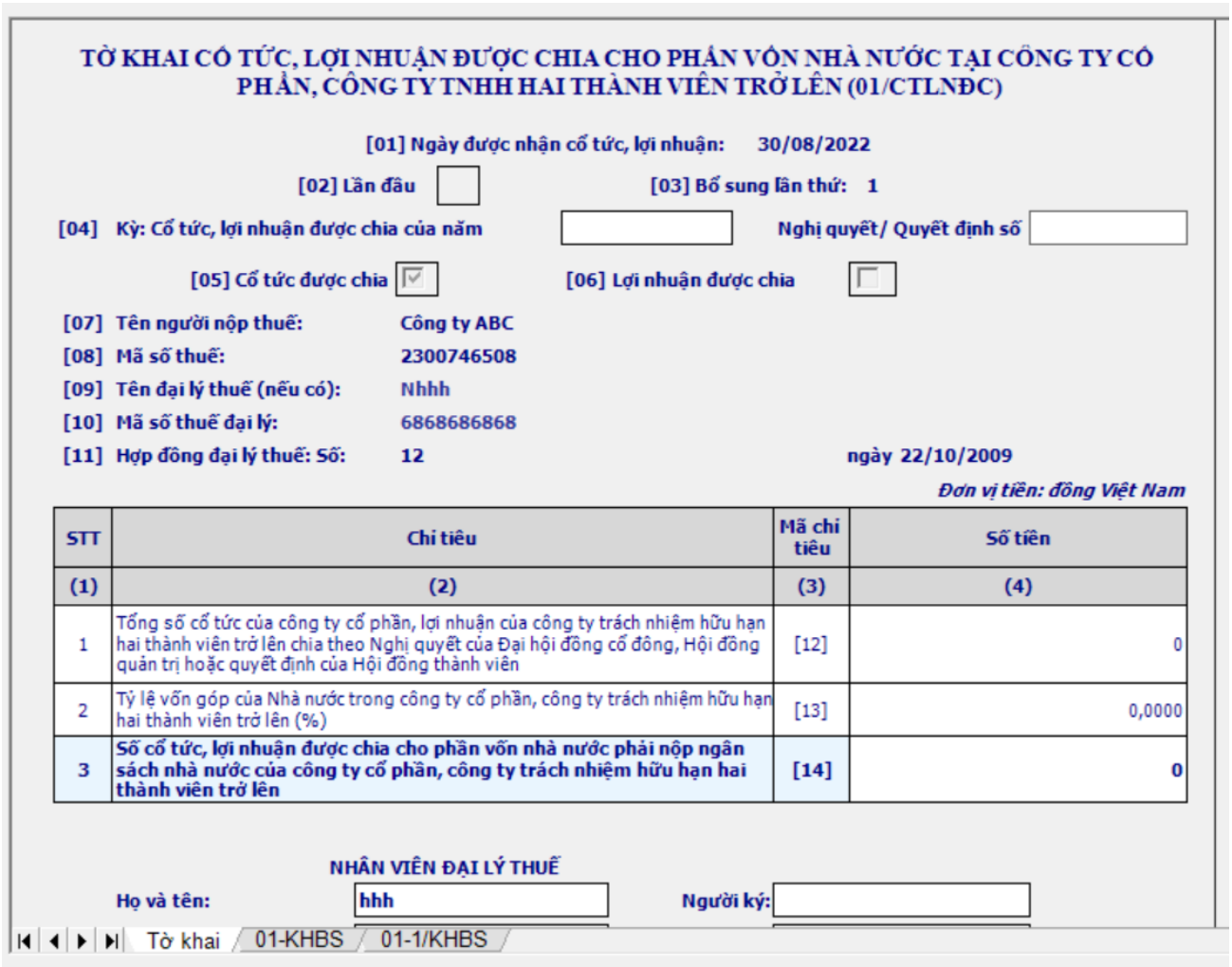
Họ và tên: hhh Người ký:

Tờ khai

- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập
  + Chỉ tiêu [12]: NNT nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
  + Chỉ tiêu [13]: NNT nhập số thập phân, 4 số sau dấu phẩy, từ 0-100
  + Chỉ tiêu [14]: UD tính theo công thức [14]=[12]x[13]

3.13.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".



TỜ KHAI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN ĐƯỢC CHIA CHO PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN, CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN (01/CTLNĐC)

[01] Ngày được nhận cổ tức, lợi nhuận: 30/08/2022

[02] Lần đầu ☐ [03] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Kỳ: Cổ tức, lợi nhuận được chia của năm ____ Nghị quyết/ Quyết định số ____

[05] Cổ tức được chia ☑ [06] Lợi nhuận được chia ☐

[07] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[08] Mã số thuế: 2300746508

[09] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[10] Mã số thuế đại lý: 6868686868

[11] Hợp đồng đại lý thuế: Số: 12 ngày 22/10/2009

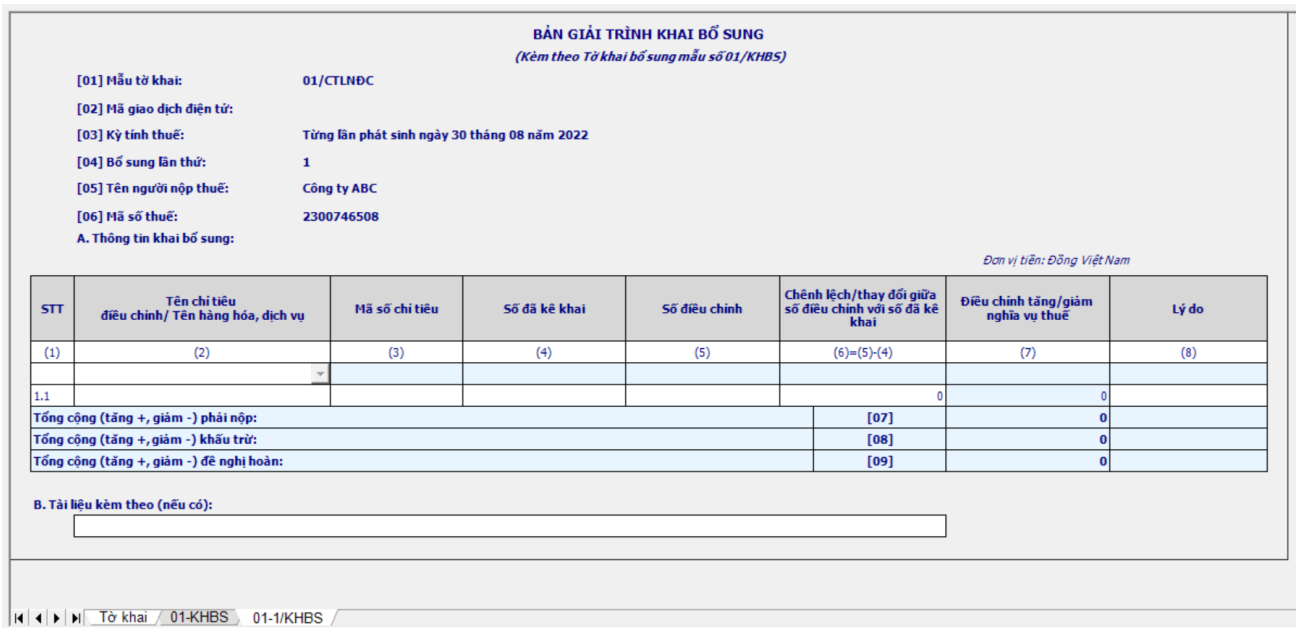
Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Tổng số cổ tức của công ty cổ phần, lợi nhuận của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên chia theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc quyết định của Hội đồng thành viên	[12]	0
2	Tỷ lệ vốn góp của Nhà nước trong công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (%)	[13]	0,0000
3	**Số cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn nhà nước phải nộp ngân sách nhà nước của công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên**	**[14]**	**0**

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: hhh Người ký: ____

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS



BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 01/CTLNĐC

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Từng lần phát sinh ngày 30 tháng 08 năm 2022

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

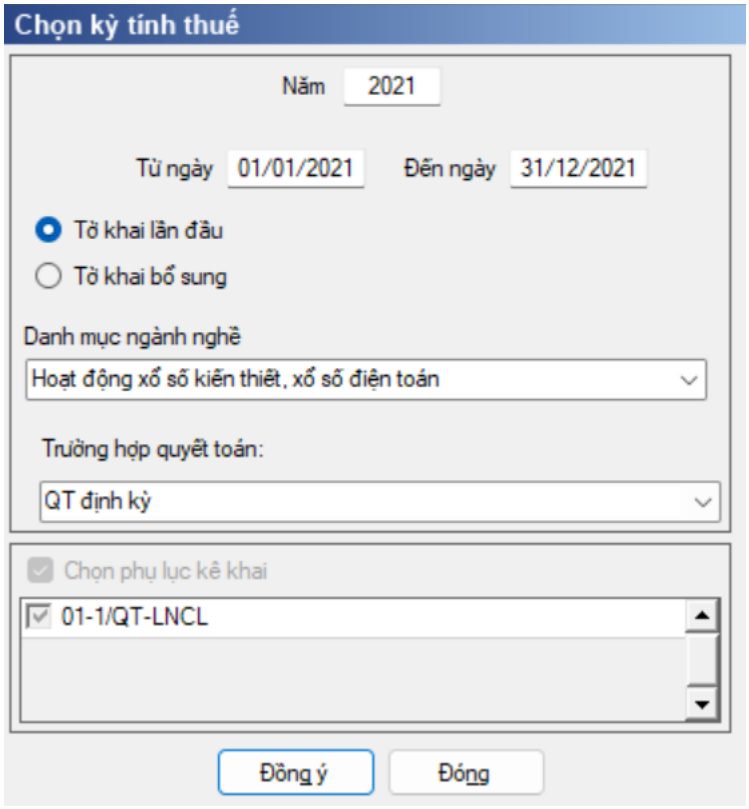
Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.13.2 Tờ khai quyết toán lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp ngân sách nhà nước của doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (01/QT-LNCL) (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

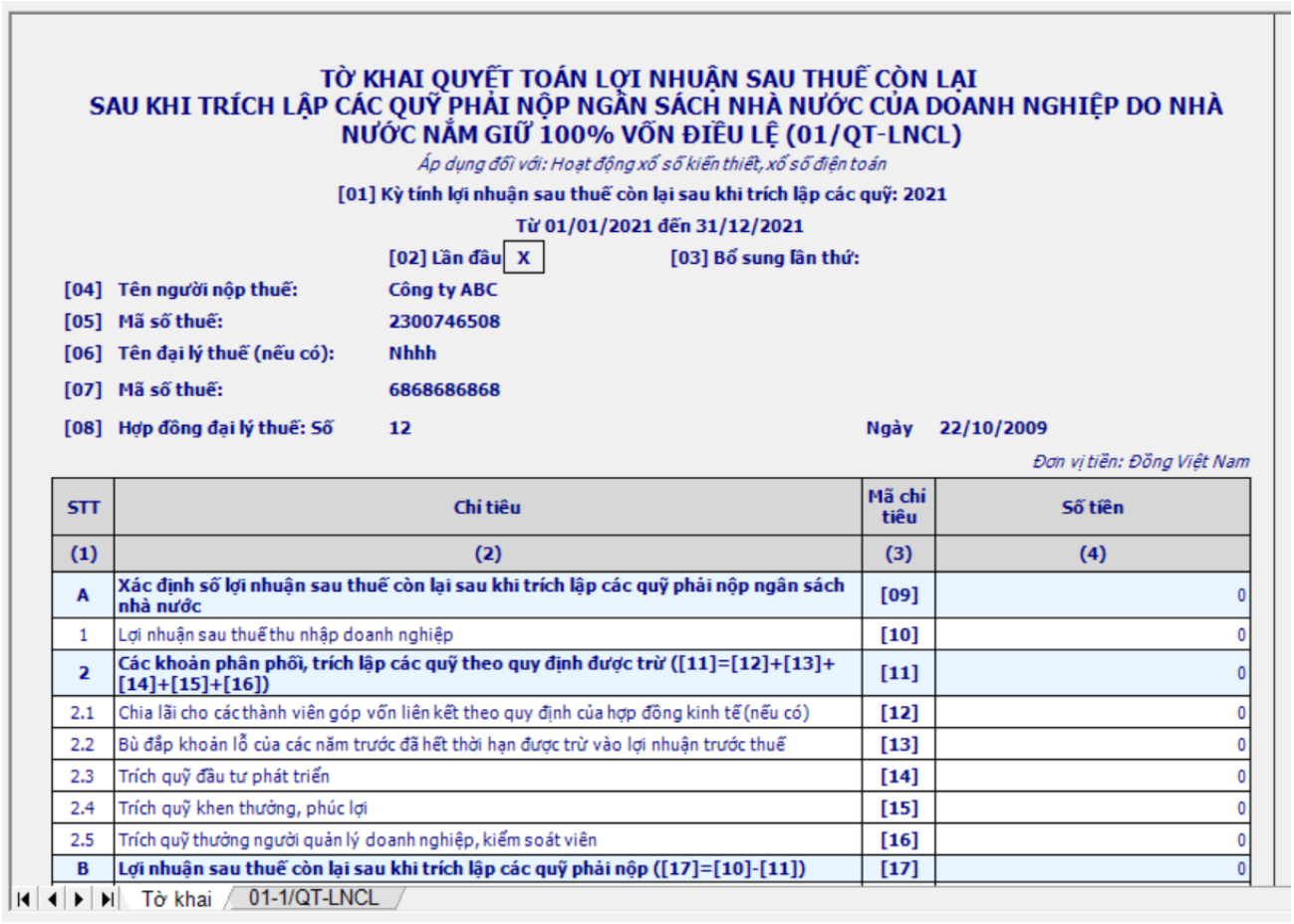
- Từ menu chức năng "Kê khai/Cổ tức lợi nhuận được chia" chọn "TK QT LNST trích lập các quỹ phải nộp NSNN (01/QT-LNCL)(TT80/2021)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  + CQT nộp tờ khai: là CQT quản lý
  + Loại kỳ tính thuế: Tơ khai năm: từ năm 2021 (kỳ >=21CN)
  + Hạn nộp tờ khai:
    - Đối với trường hợp quyết toán đủ 12 tháng: hạn nộp = ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ tháng quyết toán đến, dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ. Không cho phép sửa hạn nộp.
    - Đối với trường hợp quyết toán < 12 tháng: hạn nộp = ngày cuối cùng của kỳ quyết toán đến + 45 ngày, dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ.
- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai quyết toán lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp ngân sách nhà nước của doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (01/QT-LNCL)

3.13.2.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



TỜ KHAI QUYẾT TOÁN LỢI NHUẬN SAU THUẾ CÒN LẠI SAU KHI TRÍCH LẬP CÁC QUỸ PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ (01/QT-LNCL)

Áp dụng đối với: Hoạt động xổ số kiến thiết, xổ số điện toán

[01] Kỳ tính lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ: 2021

Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021

[02] Lần đầu X **[03] Bổ sung lần thứ:**

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[07] Mã số thuế: 6868686868

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số 12 **Ngày** 22/10/2009

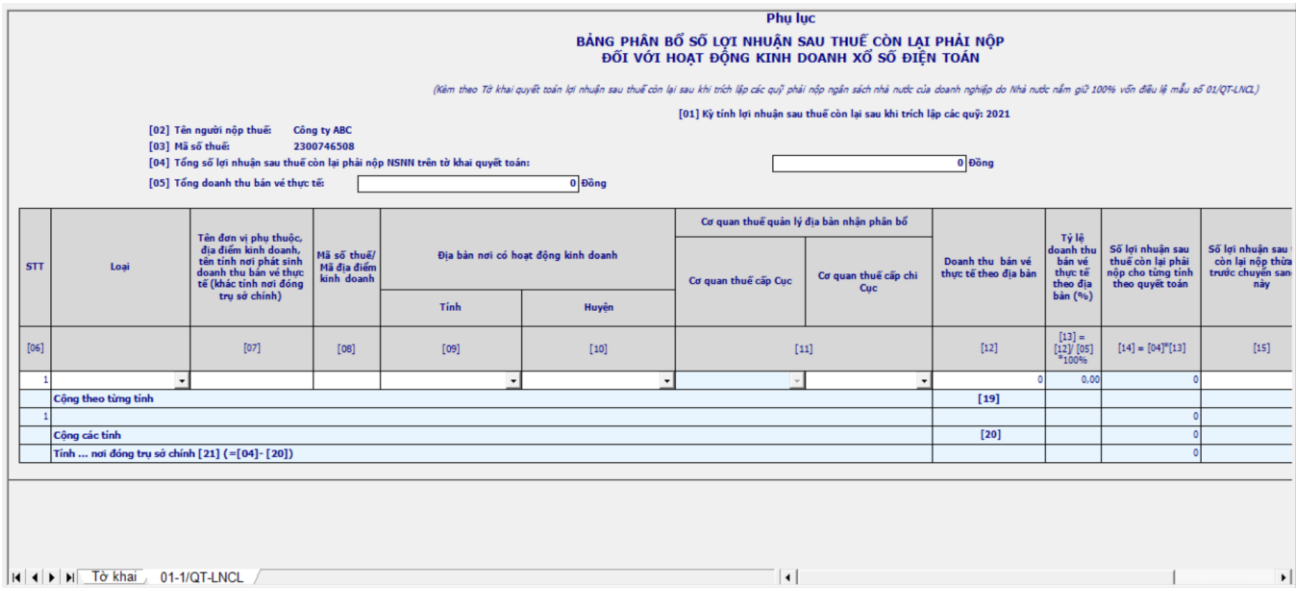
Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	**Xác định số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp ngân sách nhà nước**	[09]	0
1	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	[10]	0
2	**Các khoản phân phối, trích lập các quỹ theo quy định được trừ ([11]=[12]+[13]+[14]+[15]+[16])**	[11]	0
2.1	Chia lãi cho các thành viên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế (nếu có)	[12]	0
2.2	Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế	[13]	0
2.3	Trích quỹ đầu tư phát triển	[14]	0
2.4	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	[15]	0
2.5	Trích quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên	[16]	0
B	**Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp ([17]=[10]-[11])**	[17]	0

Tờ khai | 01-1/QT-LNCL

- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:
  + Chỉ tiêu [09]: Khóa
  + Chỉ tiêu [10]: NNT nhập số âm dương, tối đa 15 số. Nếu là âm thì các chỉ tiêu từ 11 đến 21 = 0
  + Chỉ tiêu [12], [13], [14], [15], [16], [18], [19]: NNT nhập số nguyên, không âm, tối đa 15 số
- Chi tiết các chỉ tiêu tính toán:
  + Chỉ tiêu [11] = [12] + [13] + [14] + [15] + [16]
  + Chỉ tiêu [17] = [10] – [11], không cho sửa, nếu âm thì hiển thị = 0
  + Chỉ tiêu [20] = [17] – [19]
  + Chỉ tiêu [21] = [17] – [18] – [19], không cho sửa, có thể âm

3.13.2.1.1 Phụ lục 01-1/QT-LNCL



Phụ lục

BẢNG PHÂN BỔ SỐ LỢI NHUẬN SAU THUẾ CÒN LẠI PHẢI NỘP
ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH XỔ SỐ ĐIỆN TOÁN

(Kèm theo Tờ khai quyết toán lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp ngân sách nhà nước của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ mẫu số 01/QT-LNCL)

[01] Kỳ tính lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ: 2021

[02] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[03] Mã số thuế: 2300746508
[04] Tổng số lợi nhuận sau thuế còn lại phải nộp NSNN trên tờ khai quyết toán: 0 Đồng
[05] Tổng doanh thu bán vé thực tế: 0 Đồng

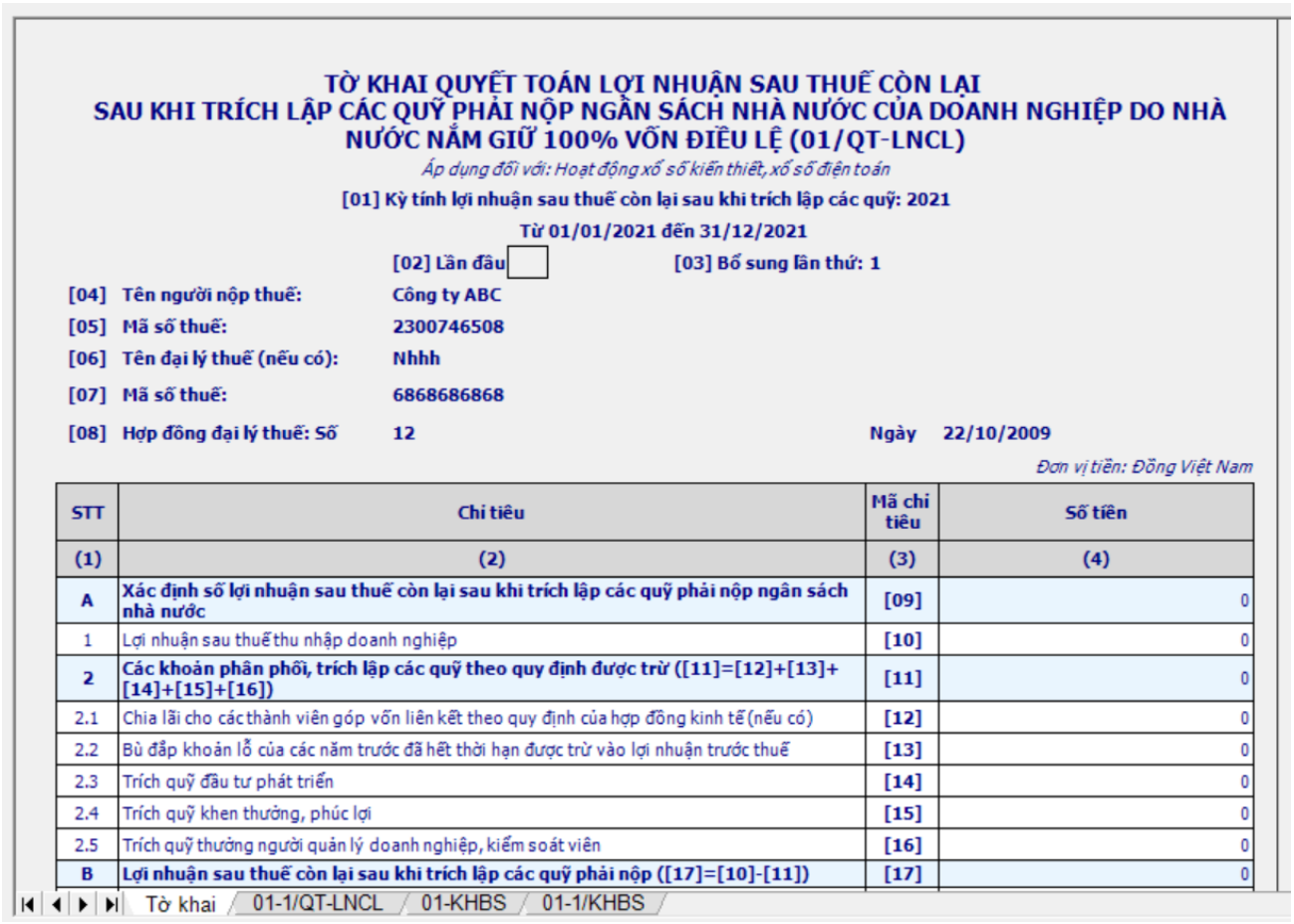
STT	Loại	Tên đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh, tên tỉnh nơi phát sinh doanh thu bán vé thực tế (khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính)	Mã số thuế/ Mã địa điểm kinh doanh	Địa bàn nơi có hoạt động kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ		Doanh thu bán vé thực tế theo địa bàn	Tỷ lệ doanh thu bán vé thực tế theo địa bàn (%)	Số lợi nhuận sau thuế còn lại phải nộp cho từng tỉnh theo quyết toán	Số lợi nhuận sau còn lại nộp thừa trước chuyển sang này
				Tỉnh	Huyện	Cơ quan thuế cấp Cục	Cơ quan thuế cấp chi Cục				
[06]		[07]	[08]	[09]	[10]	[11]		[12]	[13] = [12]/ [05] *100%	[14] = [04]*[13]	[15]
1								0	0.00	0	
	Cộng theo từng tỉnh							[19]			
1										0	
	Cộng các tỉnh							[20]		0	
	Tỉnh ... nơi đóng trụ sở chính [21] (=[04]- [20])									0	

Tờ khai 01-1/QT-LNCL

- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:
  + Chỉ tiêu [05]: NNT nhập số nguyên, không âm, mặc định là 0
  + Chỉ tiêu [07]: NNT nhập dạng text
  + Chỉ tiêu [08]: NNT nhập mã 13 số hoặc mà DDKD 5 số, hệ thống kiểm tra MST NSD nhập không được trùng
  + Chỉ tiêu [09], [10]: Chọn trong danh mục
  + Chỉ tiêu [12]: Nhập số nguyên, không âm, kiểm tra tổng cộng [12] <= [5]
  + Chỉ tiêu [15], [16]: Nhập số nguyên, không âm, mặc định là 0
- Các chỉ tiêu tính toán:
  + Chỉ tiêu [13] = [12]/[05]*100%, định dạng thập phân sau dấu phẩy 2 số, tổng cộng (13)<=100%
  + Chỉ tiêu [14] = [04] * [13], không cho sửa
  + Chỉ tiêu [17] = [14] – [16], không cho sửa, có thể âm
  + Chỉ tiêu [18] = [14] – [15] – [16], không cho sửa, nếu âm thì hiển thị = 0
  + Chỉ tiêu [19]: Tổng cộng theo từng tỉnh
  + Chỉ tiêu [20] = Tổng [19]
  + Chỉ tiêu [21] = [04] – [20], không cho sửa, nếu âm hiển thị = 0

3.13.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".



TỜ KHAI QUYẾT TOÁN LỢI NHUẬN SAU THUẾ CÒN LẠI SAU KHI TRÍCH LẬP CÁC QUỸ PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ (01/QT-LNCL)

Áp dụng đối với: Hoạt động xổ số kiến thiết, xổ số điện toán

[01] Kỳ tính lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ: 2021

Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021

[02] Lần đầu ☐ [03] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

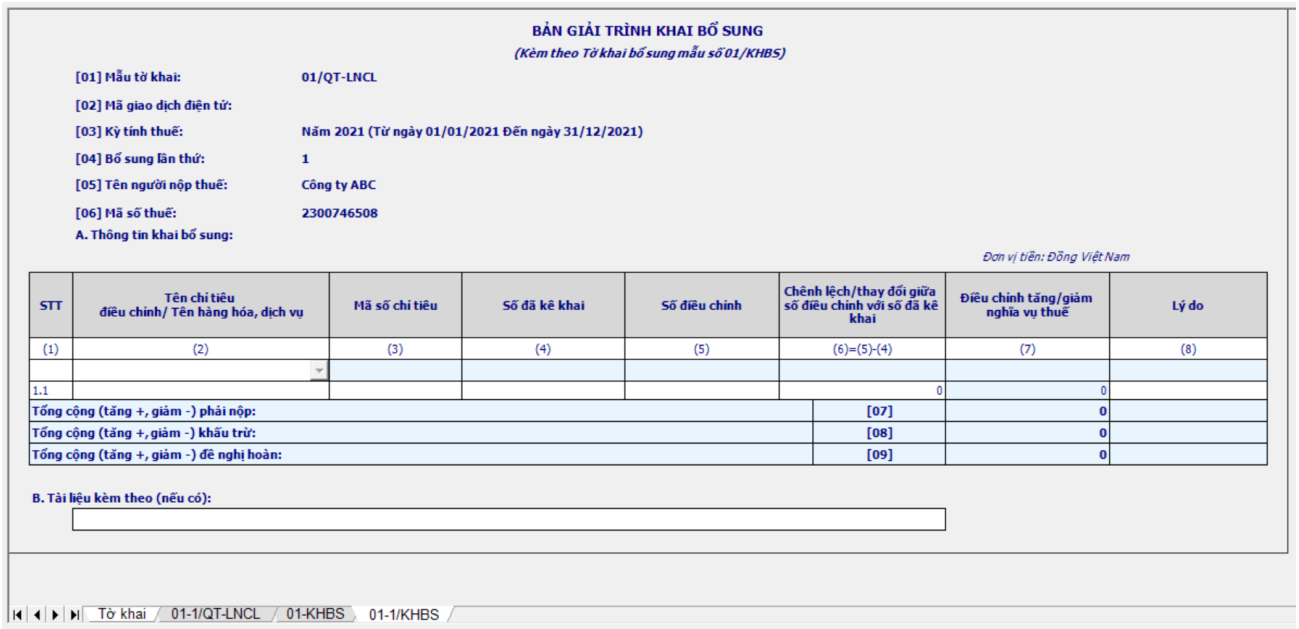
[07] Mã số thuế: 6868686868

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số 12 Ngày 22/10/2009

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	**Xác định số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp ngân sách nhà nước**	[09]	0
1	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	[10]	0
2	**Các khoản phân phối, trích lập các quỹ theo quy định được trừ ([11]=[12]+[13]+[14]+[15]+[16])**	[11]	0
2.1	Chia lãi cho các thành viên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế (nếu có)	[12]	0
2.2	Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế	[13]	0
2.3	Trích quỹ đầu tư phát triển	[14]	0
2.4	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	[15]	0
2.5	Trích quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên	[16]	0
B	**Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp ([17]=[10]-[11])**	[17]	0

Tờ khai | 01-1/QT-LNCL | 01-KHBS | 01-1/KHBS



BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 01/QT-LNCL

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021 (Từ ngày 01/01/2021 Đến ngày 31/12/2021)

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

Tờ khai | 01-1/QT-LNCL | 01-KHBS | 01-1/KHBS

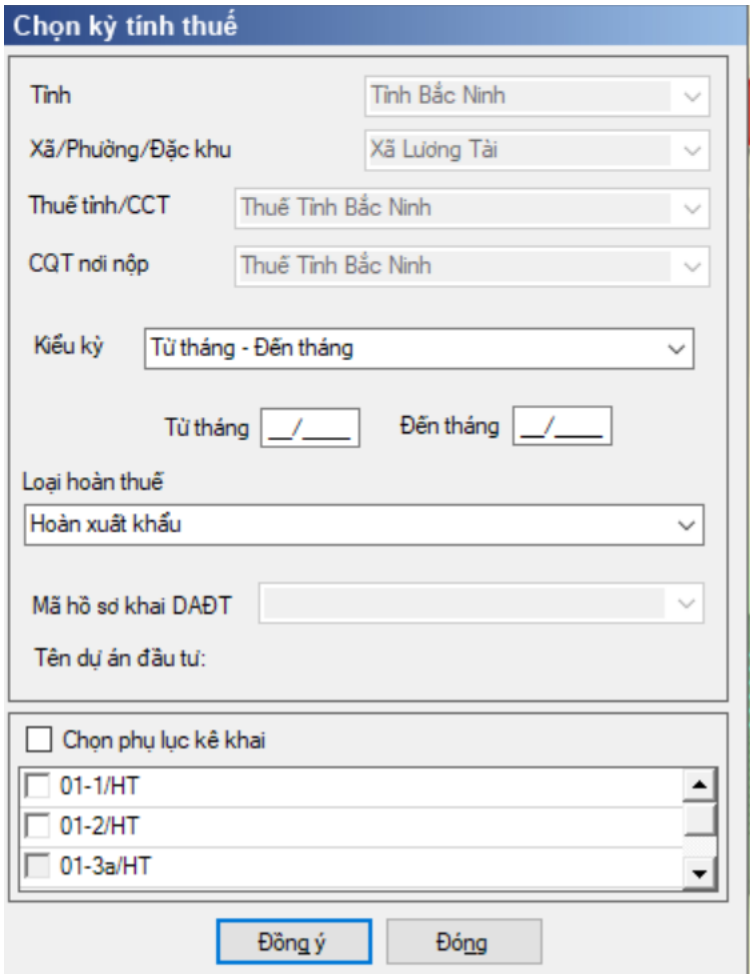
- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.14 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Hoàn thuế

3.14.1 Tờ khai Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước (mẫu 01/HT) (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Hoàn thuế" chọn "Giấy ĐN hoàn trả khoản thu NSNN (01/HT)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- Kỳ đề nghị hoàn: Cho phép kê khai đề nghị hoàn theo tháng, quý
  + Kỳ tháng: UD hiển thị Từ tháng đến tháng: mm/yyyy
    - Nếu [Loại hoàn thuế] là Hoàn thuế GTGT của hoạt động sản xuất và cung ứng dịch vụ chịu thuế 5% thì kiểm tra "Từ tháng" phải >= tháng 07/2025 và "Từ tháng, Đến tháng" phải >= 12 tháng
  + Kỳ quý: UD hiển thị Từ quý đến quý: Qx/yyyy
    - Nếu [Loại hoàn thuế] là Hoàn thuế GTGT của hoạt động sản xuất và cung ứng dịch vụ chịu thuế 5% thì kiểm tra "Từ quý" phải >= quý 3/2025 và "Từ quý, Đến quý" phải >= 4 quý
  + Từ kỳ, đến kỳ có thể khác loại kỳ (ví dụ: Từ kỳ là tháng, đến kỳ là quý)
- Chỉ tiêu [Loại hoàn thuế]: Chọn trong danh mục:
  + Hoàn xuất khẩu
  + Hoàn dự án đầu tư
  + Hoàn ODA
  + Hoàn viện trợ không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức
  + Hoàn viện trợ quốc tế khẩn cấp
  + Hoàn thuế cho đối tượng hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao
  + Hoàn thuế đối với NHTM là đại lý hoàn thuế GTGT cho khách xuất cảnh

+ Hoàn thuế theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền

+ Hoàn khi chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chấm dứt HĐ

+ Hoàn thuế GTGT của hoạt động sản xuất và cung ứng dịch vụ chịu thuế 5%

- Mã hồ sơ khai DAĐT:

+ Bắt buộc chọn trong danh mục (danh mục các mã DADT được tích chọn tại chức năng Kê khai thông tin DADT cho tờ khai 02/GTGT và 01/HT) nếu chọn Loại hoàn thuế là "Hoàn dự án đầu tư" có kỳ đề nghị hoàn "đến kỳ" >= tháng 1/2021 hoặc >=quý 1/2021

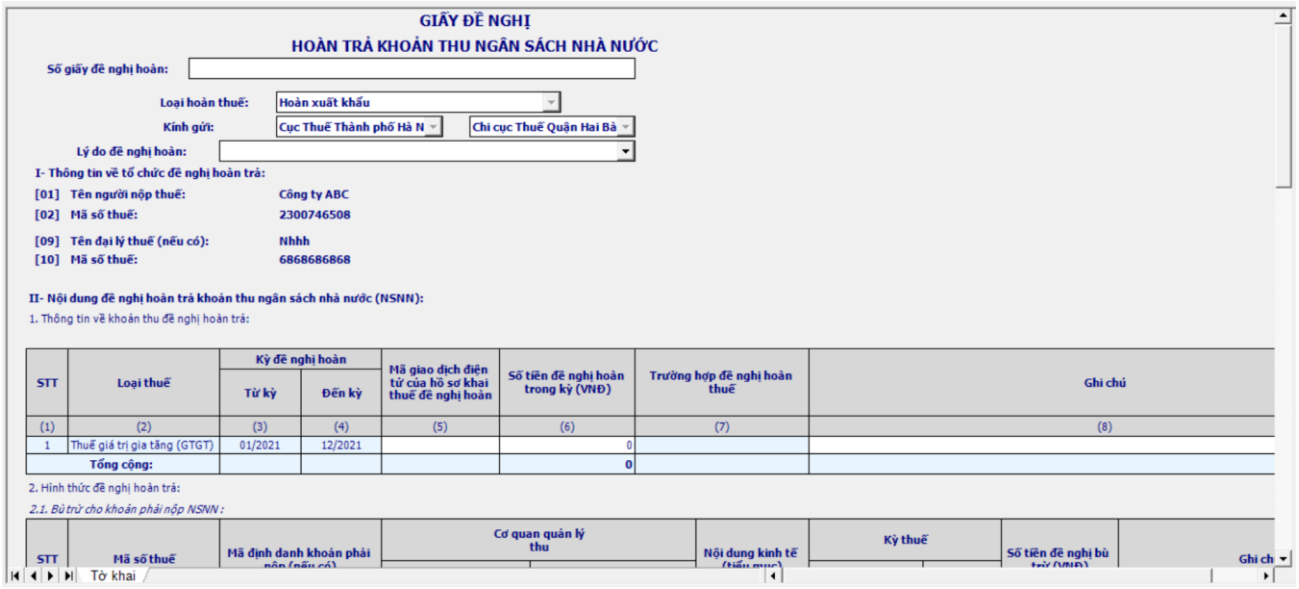
+ Các trường hợp còn lại không nhập "Mã hồ sơ khai DAĐT"

- Cơ quan thuế nộp tờ khai:

+ Nếu NNT chọn loại hoàn thuế là "Hoàn dự án đầu tư": Cơ quan thuế phải cùng với Cơ quan thuế quản lý nơi có dự án đầu tư (tại chức năng kê khai thông tin dự án đầu tư cho tờ 02/GTGT và 01/HT)

+ Nếu NNT chọn loại hoàn thuế khác "Hoàn dự án đầu tư": Cơ quan thuế nộp tờ khai là CQT quản lý trực tiếp

- Sau đó nhấn nút <Đồng ý>, hệ thống hiển thị màn hình kỳ kê khai như sau:



- Chi tiết các chỉ tiêu sau:

+ Chỉ tiêu [Số giấy đề nghị hoàn]: Nhập text, bắt buộc nhập.

+ Loại hoàn thuế: Hiển thị theo loại hoàn thuế đã chọn

+ Kính gửi: Mặc định là CQT đã chọn tại màn hình nhập ngày lập Giấy đề nghị

+ Lý do đề nghị hoàn trả: Chọn trong danh mục, căn cứ theo [Loại hoàn thuế] để hiển thị đúng loại Lý do đề nghị hoàn trả.

- Nếu chọn Loại hoàn thuế là Hoàn xuất khẩu thì [Lý do đề nghị hoàn trả] hiển thị danh mục:

o Hoàn thuế GTGT đối với trường hợp xuất khẩu của CSKD thương mại (nếu thương mại xuất khẩu chiếm tỷ trọng chủ yếu - từ 50% trở lên)

o Hoàn thuế GTGT đối với trường hợp xuất khẩu của CSKD thương mại hoặc trực tiếp sản xuất có tỷ lệ xuất khẩu dưới 50%

- Hoàn thuế GTGT đối với trường hợp xuất khẩu của CSKD trực tiếp sản xuất (nếu sản xuất hàng xuất khẩu chiếm tỷ trọng chủ yếu - từ 50% trở lên)

- Nếu chọn Loại hoàn thuế là Hoàn dự án đầu tư thì [Lý do đề nghị hoàn trả] hiển thị danh mục:
  - Hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư khác
  - Hoàn thuế GTGT đối với CSKD mới thành lập từ dự án đầu tư mới
  - Hoàn thuế GTGT đối với CSKD đang hoạt động có dự án đầu tư mới cùng tỉnh/TP
  - Hoàn thuế GTGT đối với CSKD đang hoạt động có dự án đầu tư mới khác tỉnh/TP
  - Hoàn thuế GTGT đối với CSKD đang hoạt động có dự án đầu tư mở rộng cùng tỉnh/TP
  - Hoàn thuế GTGT đối với CSKD đang hoạt động có dự án đầu tư mở rộng khác tỉnh/TP
- Nếu chọn Loại hoàn thuế là Hoàn ODA thì [Lý do đề nghị hoàn trả] hiển thị danh mục:
  - Hoàn thuế GTGT ODA do chủ chương trình, dự án trực tiếp quản lý và chủ chương trình, dự án nộp hồ sơ hoàn
  - Hoàn thuế GTGT ODA do chủ chương trình, dự án trực tiếp quản lý và nhà thầu chính nộp hồ sơ hoàn
  - Hoàn thuế GTGT ODA do chủ chương trình, dự án trực tiếp quản lý và đơn vị khác nộp hồ sơ hoàn
  - Hoàn thuế GTGT ODA do nhà tài trợ trực tiếp quản lý và nhà tài trợ/VP đại diện nhà tài trợ/Tổ chức khác nộp hồ sơ hoàn
  - Hoàn thuế GTGT ODA do nhà tài trợ trực tiếp quản lý và nhà thầu chính nộp hồ sơ hoàn
- Nếu chọn Loại hoàn thuế là Hoàn viện trợ không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức thì [Lý do đề nghị hoàn trả] là Hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ mua trong nước bằng nguồn tiền viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức
- Nếu chọn Loại hoàn thuế là Hoàn viện trợ quốc tế khẩn cấp thì [Lý do đề nghị hoàn trả] là Hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ mua trong nước bằng nguồn tiền viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai tại Việt Nam
- Nếu chọn Loại hoàn thuế là Hoàn thuế cho đối tượng hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao thì [Lý do đề nghị hoàn trả] là Hoàn thuế GTGT đối với đối tượng hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao
- Nếu chọn Loại hoàn thuế là Hoàn thuế đối với NHTM là đại lý hoàn thuế GTGT cho khách xuất cảnh thì [Lý do đề nghị hoàn trả] là Hoàn thuế GTGT đối với NHTM là đại lý hoàn thuế cho khách xuất cảnh
- Nếu chọn loại hoàn thuế là Hoàn thuế theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì [Lý do đề nghị hoàn trả] là Hoàn thuế GTGT đối với cơ sở kinh doanh có quyết định xử lý hoàn thuế của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật

- Nếu chọn loại hoàn thuế là Hoàn khi chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chấm dứt HĐ thì [Lý do đề nghị hoàn trả] là
  - Hoàn thuế GTGT không thuộc diện kiểm tra tại trụ sở NNT khi giải thể, phá sản
  - Hoàn thuế GTGT CQT phải kiểm tra tại trụ sở NNT khi giải thể, phá sản".
- Nếu chọn loại hoàn thuế là Hoàn thuế GTGT của hoạt động sản xuất và cung ứng dịch vụ chịu thuế 5% thì [Lý do đề nghị hoàn trả] là:
  - Hoàn thuế GTGT của CSKD chỉ sản xuất và cung ứng dịch vụ chịu thuế 5%
  - Hoàn thuế GTGT của CSKD vừa sản xuất và cung ứng dịch vụ chịu thuế 5% vừa có hoạt động khác

I- Thông tin về tổ chức đề nghị hoàn trả:

+ Các chỉ tiêu [01], [02], [03], [04], [05], [06], [07], [08], [09], [10], [11]: Lấy từ thông tin chung.

+ Thông tin về dự án đầu tư: UD hiển thị theo thông tin mã dự án đầu tư đã nhập trong chức năng kê khai thông tin dự án đầu tư

II- Nội dung đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước (NSNN)

1. Thông tin về khoản thu đề nghị hoàn trả

+ Cột (1) STT: Tự động tăng
+ Cột (2) Loại thuế: Mặc định là: Loại thuế giá trị gia tăng (GTGT), không cho sửa.
+ (3) Kỳ đề nghị hoàn thuế - Từ kỳ: Tự động lấy thông tin Từ kỳ đề nghị hoàn ở phần header, không cho phép sửa
+ (4) Kỳ đề nghị hoàn thuế - Đến kỳ: Tự động lấy thông tin Đến kỳ đề nghị hoàn ở phần header, không cho phép sửa
+ (5) Mã giao dịch điện tử của hồ sơ khai thuế đề nghị hoàn: NNT tự nhập dạng text, cấu trúc mã giao dịch điện tử là 17 ký tự
+ (6) Số tiền đề nghị hoàn trong kỳ (VNĐ): Nhập số, không âm, kiểm tra không nhỏ hơn 300 triệu
+ (7) Trường hợp đề nghị hoàn: Tự động hiển thị theo lý do đề nghị hoàn thuế đã chọn, không cho sửa
+ (8) Ghi chú: NNT tự nhập dạng text
+ Tổng cộng: Tự động tính tổng Số tiền đề nghị hoàn trong kỳ (VNĐ), không cho sửa

2. Hình thức đề nghị hoàn trả: Nếu có nhập thì phải nhập các chỉ tiêu bắt buộc nhập

2.1. Bù trừ cho khoản phải nộp NSNN

+ (1) STT: Tự động tăng giảm khi thêm hoặc bớt dòng.
+ (2) Mã số thuế: Cho phép NNT nhập, kiểm tra cấu trúc mã số thuế
+ (3) Mã định danh khoản phải nộp (nếu có): Cho phép nhập, NNT không có mã định dạng thì để trống
+ (4) Cơ quan quản lý thu: Chọn trong danh mục CQT
+ (5) Nội dung kinh tế (tiểu mục): Chọn trong danh mục tiểu mục
+ (6) Kỳ thuế: Chọn trong danh mục 4 kiểu kỳ: tháng, quý, năm, LPS

- Tháng: Nhập định dạng mm/yyyy
- Quý: Nhập định dạng Qx/yyyy
- Năm: Nhập định dạng yyyy
- LPS: Nhập định dạng dd/mm/yyyy

+ (7) Số tiền đề nghị bù trừ (VNĐ): NNT nhập dạng số, không âm
+ (8) Ghi chú: Chọn trong danh mục
  - Kiểm toán nhà nước
  - Thanh tra tài chính
  - Thanh tra chính phủ
  - Cơ quan có thẩm quyền khác (nếu có)
  - Khác: Nếu chọn khác thì cho nhập text

+ TỔNG CỘNG: Tự động tính tổng cộng cột Số tiền đề nghị bù trừ (VNĐ). Kiểm tra tổng (7)<= Số tiền đề nghị hoàn tổng cột (6) phần 1

2.2. Hoàn trả trực tiếp

+ Chuyển khoản: Tài khoản số:.....Tại Ngân hàng (KBNN).....: NNT nhập dạng text
  - Chuyển khoản: checkbox, mặc định là tích chọn
  - Chủ tài khoản: nhập text, tối đa 200 ký tự, bắt buộc nhập nếu tích chọn "Chuyển khoản"
  - Tài khoản số: Nhập text, bắt buộc nhập nếu tích chọn "Chuyển khoản"
  - Ngân hàng: Nhập text, bắt buộc nhập nếu tích chọn "Chuyển khoản"
+ Tiền mặt: Nơi nhận tiền hoàn thuế: Kho bạc Nhà nước: Khóa không cho chọn

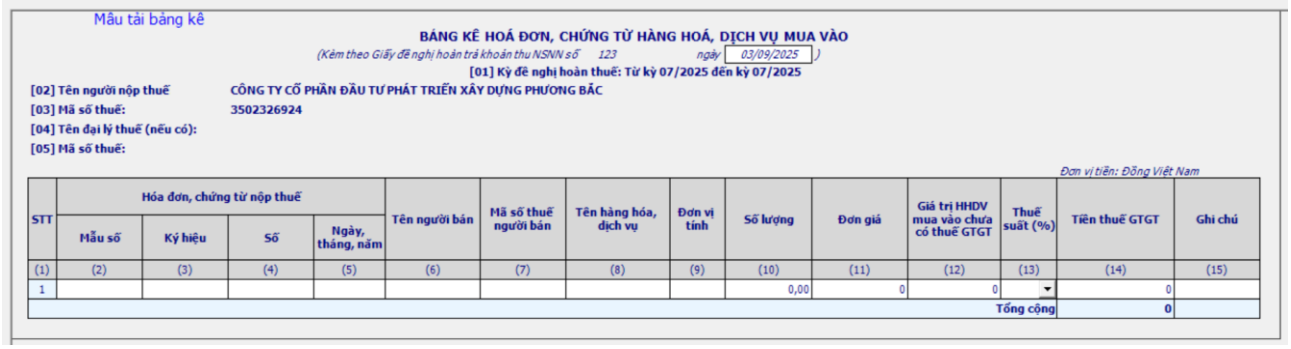
III- Tài liệu gửi kèm: (ghi rõ tên tài liệu, bản chính, bản sao): Nhập Text, cho phép nhập nhiều dòng.

- Nếu chọn Loại "Hoàn dự án đầu tư" và "đến kỳ" >= tháng 1/2021 hoặc >=quý 1/2021 thì bắt buộc nhập thêm các thông tin sau (trong chức năng kê khai thông tin dự án đầu tư cho tờ khai 02/GTGT và 01/HT):

+ Mã hồ sơ khai DAĐT: Là giá trị duy nhất tính theo mã số thuế của chủ đầu tư trên ứng dụng, không phụ thuộc vào kỳ tính thuế; định dạng số tự nhiên, bắt buộc nhập, tối đa 12 số, cho phép kê khai nhiều tờ khai có mã hồ sơ khai dự án đầu tư khác nhau trong cùng 1 kỳ tính thuế.
+ Cơ quan thuế quản lý nơi có DAĐT: Mặc định hiển thị theo CQT của NNT (CQT của NNT trên trường Cơ quan thuế ở màn hình chọn tờ khai), không cho sửa
+ Tên dự án, Địa chỉ thực hiện dự án, Tên chủ đầu tư dự án: NNT tự nhập dạng text, tối đa 200 ký tự
+ MST chủ dự án đầu tư: Bắt buộc nhập. Hỗ trợ tự động hiển thị MST đăng nhập, cho phép sửa, kiểm tra đúng định dạng MST
+ Văn bản phê duyệt DAĐT:
  - Số: Cho phép nhập, tối đa 200 ký tự
  - Ngày: Cho phép nhập, định dạng dd/mm/yyyy
  - Cơ quan ban hành: Cơ quan ban hành văn bản phê duyệt dự án đầu tư: Cho phép nhập, tối đa 200 ký tự

+ Ngày Dự án đầu tư hoàn thành: Bắt buộc nhập, định dạng dd/mm/yyyy

3.14.1.1 Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào (Mẫu 01-1/HT)



Mẫu tải bảng kê

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA VÀO

(Kèm theo Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu NSNN số 123 ngày 03/09/2025)

[01] Kỳ đề nghị hoàn thuế: Từ kỳ 07/2025 đến kỳ 07/2025

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG PHƯƠNG BẮC

[03] Mã số thuế: 3502326924

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):

[05] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Hóa đơn, chứng từ nộp thuế				Tên người bán	Mã số thuế người bán	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Giá trị HHDV mua vào chưa có thuế GTGT	Thuế suất (%)	Tiền thuế GTGT	Ghi chú
	Mẫu số	Ký hiệu	Số	Ngày, tháng, năm										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1									0,00	0	0		0	
												Tổng cộng	0	

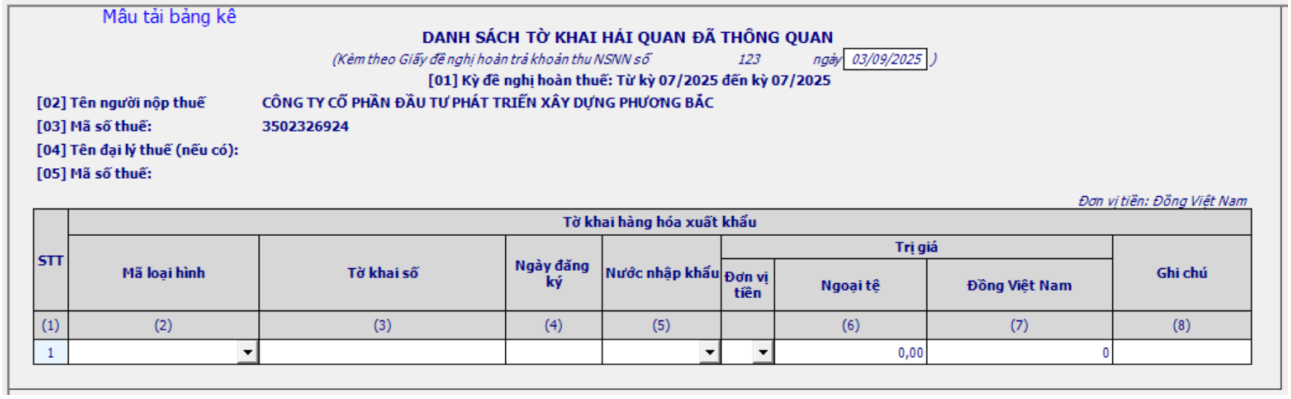
- Cho phép đính kèm PL 01-1/HT đối với các [Loại hoàn thuế] sau:
  + Hoàn dự án đầu tư
  + Hoàn xuất khẩu
  + Hoàn thuế GTGT của hoạt động sản xuất và cung ứng dịch vụ chịu thuế 5%
  + Hoàn ODA
  + Hoàn viện trợ không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức
  + Hoàn viện trợ quốc tế khẩn cấp
- Thông tin chung của PL 01-1/HT:
  + Kèm theo Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu NSNN
    - Số: Hiển thị theo số đề nghị hoàn trên tờ khai 01/HT
    - Ngày… tháng… năm: Hiển thị mặc định là ngày hiện tại, cho phép sửa
    - [01] Kỳ đề nghị hoàn thuế: Từ kỳ..... đến kỳ.....: Hiển thị mặc định theo giá trị NNT nhập tại màn hình nhập kỳ đề nghị hoàn
    - [02] -> [05]: Hiển thị theo thông tin MST đăng nhập hệ thống
- Thông tin chi tiết của PL 01-1/HT:

+ (1) STT: Là kiểu số tự nhiên bắt đầu từ 1, ứng dụng hỗ trợ tự động tăng/giảm khi thêm/xóa dòng

+ Hoá đơn, chứng từ nộp thuế
  - (2) Mẫu số: Bắt buộc nhập, dạng ký tự
  - (3) Ký hiệu: Bắt buộc nhập nếu chỉ tiêu (7) có dữ liệu, dạng ký tự
  - (4) Số: Bắt buộc nhập mẫu số, dạng ký tự
  - (5) Ngày, tháng, năm: Bắt buộc nhập theo đúng định dạng dd/mm/yyyy, ngày phải <= ngày hiện tại
  - (6) Tên người bán: Bắt buộc nhập nếu chỉ tiêu (7) có dữ liệu, dạng ký tự
  - (7) Mã số thuế người bán:
    - Bắt buộc nhập nếu chỉ tiêu (7) có dữ liệu
    - Phải nhập đúng MST cấu trúc 10, 13 số
  - (8) Tên hàng hóa, dịch vụ: Bắt buộc nhập nếu chỉ tiêu (7) có dữ liệu, dạng ký tự
  - (9) Đơn vị tính: Bắt buộc nhập nếu chỉ tiêu (7) có dữ liệu, dạng ký tự
  - (10) Số lượng: Bắt buộc nhập nếu chỉ tiêu (7) có dữ liệu, dạng số thập phân 2 số sau dấu phẩy. Cho phép nhập số âm, dương

- (11) Đơn giá: Bắt buộc nhập nếu chỉ tiêu (7) có dữ liệu. Cho phép nhập số âm, dương
- (12) Giá trị HHDV mua vào chưa có thuế GTGT: Bắt buộc nhập nếu chỉ tiêu (7) có dữ liệu. Cho phép nhập số âm, dương
- (13) Thuế suất (%): Bắt buộc chọn trong danh mục nếu chỉ tiêu (7) có dữ liệu. Chọn 1 trong các giá trị là: 5%, 8%, 10%, Khác
- (14) Tiền thuế GTGT: Nếu có nhập chỉ tiêu (7) và chỉ tiêu (14) >0 thì kiểm tra chỉ tiêu (14) phải <= chỉ tiêu (12). Cho phép nhập số âm, dương. Nếu "Thuế suất" chọn "Khác" thì chỉ tiêu (14) cho phép =0
- (15) Ghi chú: Cho phép nhập, dạng ký tự
- Tổng cộng: UD hỗ trợ tính tổng cộng cột (14). Tổng chỉ tiêu (14) phải >= số tiền đề nghị hoàn trên tờ khai 01/HT

3.14.1.2 Danh sách tờ khai hải quan đã thông quan (Mẫu số: 01-2/HT)



Mẫu tải bảng kê

DANH SÁCH TỜ KHAI HẢI QUAN ĐÃ THÔNG QUAN

(Kèm theo Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu NSNN số 123 ngày 03/09/2025)

[01] Kỳ đề nghị hoàn thuế: Từ kỳ 07/2025 đến kỳ 07/2025

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG PHƯƠNG BẮC

[03] Mã số thuế: 3502326924

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):

[05] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tờ khai hàng hóa xuất khẩu							
	Mã loại hình	Tờ khai số	Ngày đăng ký	Nước nhập khẩu	Trị giá			Ghi chú
					Đơn vị tiền	Ngoại tệ	Đồng Việt Nam	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	(8)
1						0,00	0	

- Cho phép đính kèm PL 01-2/HT đối với [Loại hoàn thuế] là Hoàn xuất khẩu
- Cho phép nộp PL 01-2/HT trắng
- Thông tin chung của PL 01-2/HT:
  + Kèm theo Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu NSNN
    - Số: Hiển thị theo số đề nghị hoàn trên tờ khai 01/HT
    - Ngày… tháng… năm: Hiển thị mặc định là ngày hiện tại, cho phép sửa
    - [01] Kỳ đề nghị hoàn thuế: Từ kỳ..... đến kỳ.....: Hiển thị mặc định theo giá trị NNT nhập tại màn hình nhập kỳ đề nghị hoàn
    - [02] -> [05]: Hiển thị theo thông tin MST đăng nhập hệ thống
- Thông tin chi tiết của PL 01-2/HT:
  + (1) STT: Là kiểu số tự nhiên bắt đầu từ 1, ứng dụng hỗ trợ tự động tăng/giảm khi thêm/xóa dòng
  + Tờ khai hàng hoá xuất khẩu
    - (2) Mã loại hình: Chọn trong danh mục gồm
      - B11 - Xuất kinh doanh
      - B12 - Xuất sau khi đã tạm xuất
      - B13 - Xuất khẩu hàng đã nhập khẩu
      - E52 - Xuất sản phẩm gia công cho thương nhân nước ngoài
      - E54 - Xuất nguyên liệu gia công từ hợp đồng này sang hợp đồng khác

- E62 - Xuất sản phẩm sản xuất xuất khẩu
- H21 - Xuất khẩu hàng khác

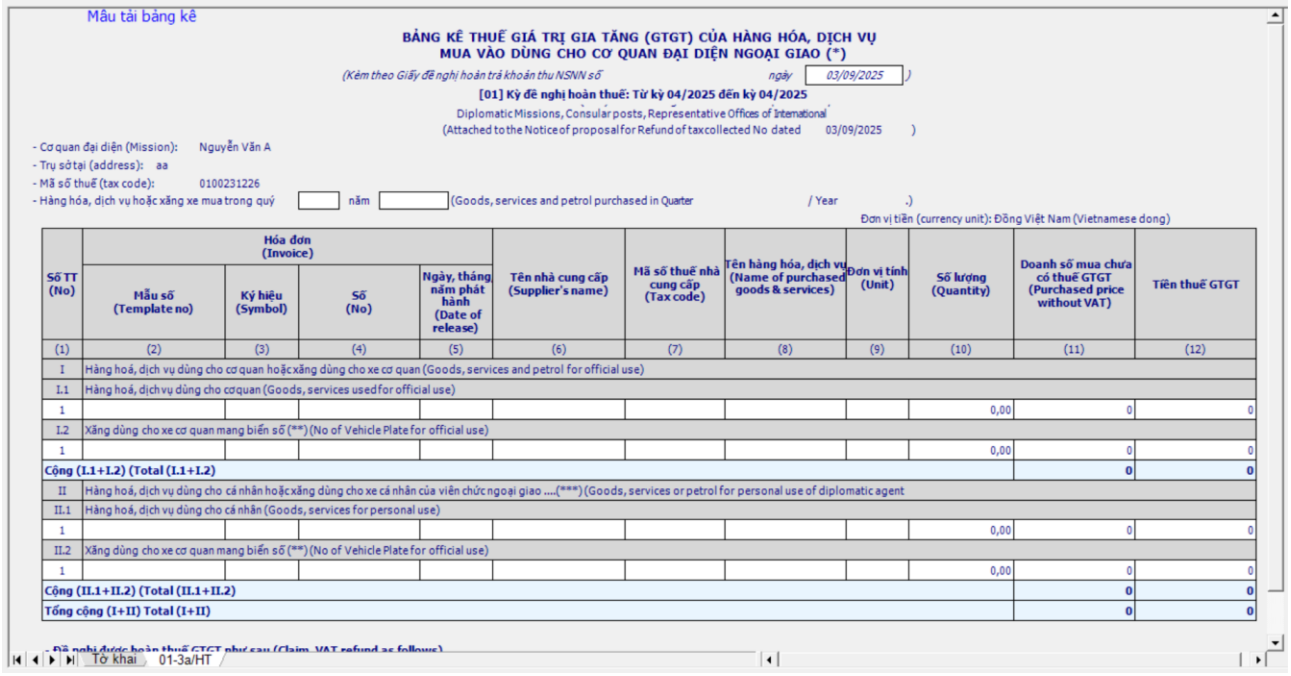
- (3) Tờ khai số: Cho phép nhập, dạng ký tự
- (4) Ngày đăng ký: Cho phép nhập, ngày đăng ký phải thỏa mãn điều kiện sau: "Từ kỳ đề nghị hoàn" - 1 tháng <= "Ngày đăng ký (4)" <= "Đến kỳ đề nghị hoàn"

Ví dụ:

- NNT đề nghị hoàn từ kỳ 03/2025 đến 07/2025 thì "Ngày đăng ký (4)" được nhập từ ngày 01/02/2025 đến ngày 31/07/2025
- NNT đề nghị hoàn từ kỳ 07/2025 đến 07/2025 thì "Ngày đăng ký (4)" được nhập từ ngày 01/06/2025 đến ngày 31/07/2025
- NNT đề nghị hoàn từ kỳ Q2/2025 đến Q3/2025 thì "Ngày đăng ký (4)" được nhập từ ngày 01/03/2025 đến ngày 30/09/2025
- NNT đề nghị hoàn từ kỳ Q3/2025 đến Q3/2025 thì "Ngày đăng ký (4)" được nhập từ ngày 01/06/2025 đến ngày 30/09/2025

- (5) Nước nhập khẩu: NSD chọn trong danh mục Quốc gia
- Đơn vị tiền: Bắt buộc chọn trong danh mục
- (6) Trị giá – Ngoại tệ: Nhập số >=0, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy
- (7) Trị giá – Đồng Việt Nam: Bắt buộc nhập, kiểu số >0
- (8) Ghi chú: Cho phép nhập, dạng ký tự

3.14.1.3 Bảng kê thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào dùng cho cơ quan đại diện ngoại giao (Mẫu 01-3a/HT)


Mẫu tải bảng kê

BẢNG KÊ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (GTGT) CỦA HÀNG HÓA, DỊCH VỤ MUA VÀO DÙNG CHO CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NGOẠI GIAO (*)

(Kèm theo Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu NSNN số ngày 03/09/2025)

[01] Kỳ đề nghị hoàn thuế: Từ kỳ 04/2025 đến kỳ 04/2025

Diplomatic Missions, Consular posts, Representative Offices of International

(Attached to the Notice of proposal for Refund of tax collected No dated 03/09/2025)

- Cơ quan đại diện (Mission): Nguyễn Văn A
- Trụ sở tại (address): aa
- Mã số thuế (tax code): 0100231226
- Hàng hóa, dịch vụ hoặc xăng xe mua trong quý năm (Goods, services and petrol purchased in Quarter / Year .)

Đơn vị tiền (currency unit): Đồng Việt Nam (Vietnamese dong)

Số TT (No)	Hóa đơn (Invoice)				Tên nhà cung cấp (Supplier's name)	Mã số thuế nhà cung cấp (Tax code)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of purchased goods & services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Doanh số mua chưa có thuế GTGT (Purchased price without VAT)	Tiền thuế GTGT
	Mẫu số (Template no)	Ký hiệu (Symbol)	Số (No)	Ngày, tháng, năm phát hành (Date of release)							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
I	Hàng hoá, dịch vụ dùng cho cơ quan hoặc xăng dùng cho xe cơ quan (Goods, services and petrol for official use)										
I.1	Hàng hoá, dịch vụ dùng cho cơ quan (Goods, services used for official use)										
1									0,00	0	0
I.2	Xăng dùng cho xe cơ quan mang biển số (**) (No of Vehicle Plate for official use)										
1									0,00	0	0
Cộng (I.1+I.2) (Total (I.1+I.2)										0	0
II	Hàng hoá, dịch vụ dùng cho cá nhân hoặc xăng dùng cho xe cá nhân của viên chức ngoại giao ....(***) (Goods, services or petrol for personal use of diplomatic agent										
II.1	Hàng hoá, dịch vụ dùng cho cá nhân (Goods, services for personal use)										
1									0,00	0	0
II.2	Xăng dùng cho xe cơ quan mang biển số (**) (No of Vehicle Plate for official use)										
1									0,00	0	0
Cộng (II.1+II.2) (Total (II.1+II.2)										0	0
Tổng cộng (I+II) Total (I+II)										0	0

Đề nghị được hoàn thuế GTGT như sau (Claim VAT refund as follows)

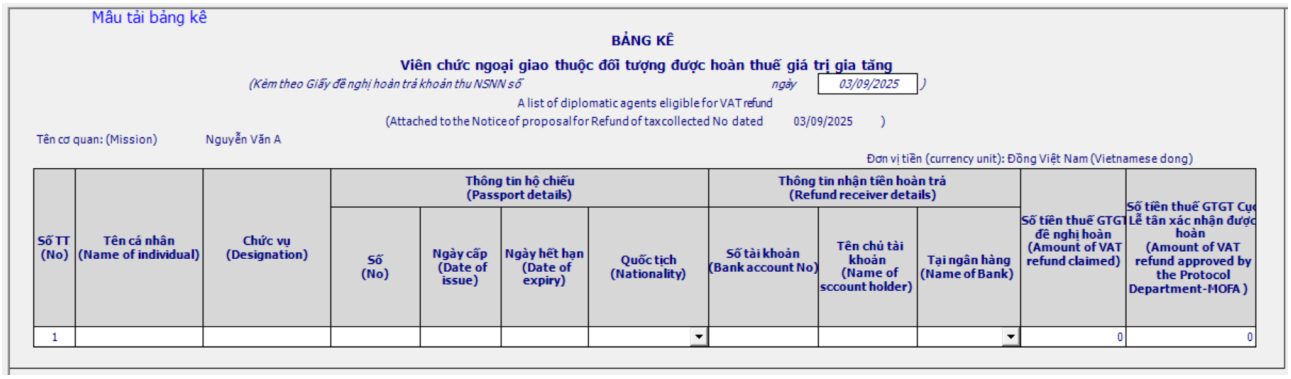
Tờ khai 01-3a/HT

- Bắt buộc đính kèm 01-3a/HT đối với loại hoàn là "Hoàn thuế cho đối tượng hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao"
- Thông tin chung của PL 01-3a/HT:
  + Số: Hiển thị theo số đề nghị hoàn trên tờ khai 01/HT
  + Ngày… tháng… năm: Hiển thị mặc định là ngày hiện tại, cho phép sửa

+ Cơ quan đại diện: Hiển thị tên NNT theo MST đăng nhập
+ Trụ sở tại: Hiển thị địa chỉ của MST đăng nhập
+ Mã số thuế: Hiển thị MST đăng nhập hệ thống
+ Hàng hóa, dịch vụ hoặc xăng xe mua trong quý/năm: Để trống không nhập

- Thông tin chi tiết của PL 01-3a/HT:
  + STT (1): Kiểu số tự nhiên, bắt đầu từ 1. UD hỗ trợ tăng/giảm khi thêm/bớt dòng
  + Hoá đơn
    - Mẫu số (2): Bắt buộc nhập, dạng ký tự
    - Ký hiệu (3): Bắt buộc nhập, dạng ký tự
    - Số (4): Bắt buộc nhập, dạng ký tự
    - Ngày, tháng, năm (5): Bắt buộc nhập, ngày phải <= ngày hiện tại
  + Tên nhà cung cấp (6): Nhập dạng ký tự
  + Mã số thuế nhà cung cấp (7): Nhập MST đúng cấu trúc 10, 13 số
  + Tên hàng hóa, dịch vụ (8): Nhập dạng ký tự
  + Đơn vị tính (9): Nhập dạng ký tự
  + Số lượng (10): Nhập số >=0, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy
  + Doanh số mua chưa có thuế GTGT (11): Nhập số >=0
  + Tiền thuế GTGT (12): Nhập số >=0
  + Cộng (I.1+I.2): Ứng dụng hỗ trợ tính tổng Tiền thuế GTGT mục I
  + Cộng (II.1+II.2): Ứng dụng hỗ trợ tính tổng Tiền thuế GTGT mục II
  + a. Hoàn thuế GTGT vào tài khoản số ..... tại ngân hàng ..... cho hàng hoá, dịch vụ hoặc xăng xe dùng cho cơ quan, số tiền:
    - Tài khoản số: Để trống
    - Tại ngân hàng: Để trống
    - Số tiền: Nhập số >=0 và số tiền <= Tổng Tiền thuế GTGT của mục I
  + b. Hoàn thuế GTGT cho hàng hoá, dịch vụ hoặc xăng xe dùng cho cá nhân của viên chức ngoại giao, số tiền
    - Nhập số >=0
    - Số tiền phải <= Tổng Tiền thuế GTGT của mục II
    - Số tiền phải <= Số tiền thuế GTGT Cục Lễ tân xác nhận được hoàn nếu kê khai PL 01-3b/HT

3.14.1.4 Bảng kê Viên chức ngoại giao thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT mẫu số 01-3b/HT


Mẫu tài bảng kê

BẢNG KÊ

Viên chức ngoại giao thuộc đối tượng được hoàn thuế giá trị gia tăng

(Kèm theo Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu NSNN số ngày 03/09/2025)

A list of diplomatic agents eligible for VAT refund

(Attached to the Notice of proposal for Refund of tax collected No dated 03/09/2025)

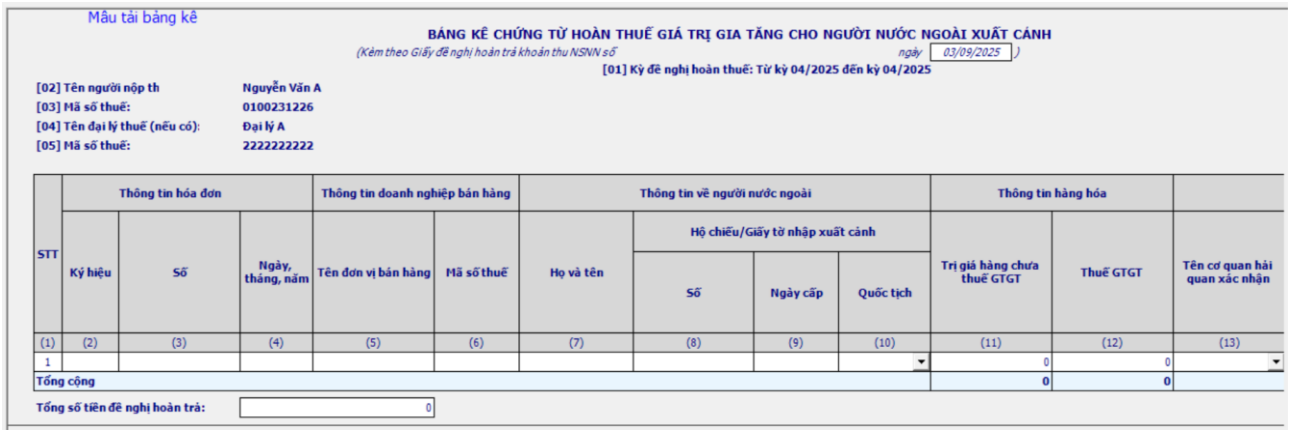
Tên cơ quan: (Mission) Nguyễn Văn A

Đơn vị tiền (currency unit): Đồng Việt Nam (Vietnamese dong)

Số TT (No)	Tên cá nhân (Name of individual)	Chức vụ (Designation)	Thông tin hộ chiếu (Passport details)				Thông tin nhận tiền hoàn trả (Refund receiver details)			Số tiền thuế GTGT đề nghị hoàn (Amount of VAT refund claimed)	Số tiền thuế GTGT Cục Lễ tân xác nhận được hoàn (Amount of VAT refund approved by the Protocol Department-MOFA)
			Số (No)	Ngày cấp (Date of issue)	Ngày hết hạn (Date of expiry)	Quốc tịch (Nationality)	Số tài khoản (Bank account No)	Tên chủ tài khoản (Name of sccount holder)	Tại ngân hàng (Name of Bank)		
1										0	0

- Bắt buộc đính kèm 01-3b/HT đối với loại hoàn là "Hoàn thuế cho đối tượng hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao"
- Thông tin chung của PL 01-3b/HT:
  + Số: Hiển thị theo số đề nghị hoàn trên tờ khai 01/HT
  + Ngày… tháng… năm: Hiển thị mặc định là ngày hiện tại, cho phép sửa
  + Tên cơ quan: Hiển thị tên NNT đăng nhập hệ thống
- Thông tin chi tiết của PL 01-3b/HT
  + STT: Kiểu số tự nhiên, bắt đầu từ 1. Ứng dụng hỗ trợ tăng/giảm khi thêm/bớt dòng
  + Tên cá nhân: Bắt buộc nhập, dạng ký tự
  + Chức vụ: Bắt buộc nhập, dạng ký tự
  + Thông tin hộ chiếu
    - Số: Bắt buộc nhập, dạng ký tự
    - Ngày cấp: Bắt buộc nhập, ngày phải <= ngày hiện tại
    - Ngày hết hạn: Bắt buộc nhập, định dạng dd/mm/yyyy
    - Quốc tịch: Bắt buộc chọn trong danh mục
  + Thông tin nhận tiền hoàn trả
    - Số tài khoản: Bắt buộc nhập, dạng ký tự
    - Tên chủ tài khoản: Bắt buộc nhập, dạng ký tự
    - Tại ngân hàng: Bắt buộc chọn trong danh mục
    - Số tiền thuế GTGT đề nghị hoàn: Bắt buộc nhập, số >0
    - Số tiền thuế GTGT Cục Lễ tân xác nhận được hoàn: Bắt buộc nhập, số >0, Số tiền thuế GTGT Cục Lễ tân xác nhận được hoàn phải <= Số tiền thuế GTGT đề nghị hoàn

3.14.1.5 Bảng kê chứng từ hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài xuất cảnh (Mẫu số: 01-4/HT)


Mẫu tài bảng kê

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ HOÀN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI XUẤT CẢNH

(Kèm theo Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu NSNN số ngày 03/09/2025)

[01] Kỳ đề nghị hoàn thuế: Từ kỳ 04/2025 đến kỳ 04/2025

[02] Tên người nộp th Nguyễn Văn A
[03] Mã số thuế: 0100231226
[04] Tên đại lý thuế (nếu có): Đại lý A
[05] Mã số thuế: 2222222222

STT	Thông tin hóa đơn			Thông tin doanh nghiệp bán hàng		Thông tin về người nước ngoài				Thông tin hàng hóa		
	Ký hiệu	Số	Ngày, tháng, năm	Tên đơn vị bán hàng	Mã số thuế	Họ và tên	Hộ chiếu/Giấy tờ nhập xuất cảnh			Trị giá hàng chưa thuế GTGT	Thuế GTGT	Tên cơ quan hải quan xác nhận
							Số	Ngày cấp	Quốc tịch			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1										0	0	
Tổng cộng										0	0	

Tổng số tiền đề nghị hoàn trả: 0

- Cho phép đính kèm 01-4/HT đối với loại hoàn là "Hoàn thuế GTGT đối với NHTM là đại lý hoàn thuế cho khách xuất cảnh"
- Thông tin chung của PL 01-4/HT:
  + Số: Hiển thị theo số đề nghị hoàn trên tờ khai 01/HT
  + Ngày… tháng… năm: Hiển thị mặc định là ngày hiện tại, cho phép sửa
  + [01] Kỳ đề nghị hoàn thuế: Từ kỳ..... đến kỳ.....: Hiển thị mặc định theo giá trị NNT nhập tại màn hình nhập kỳ đề nghị hoàn
  + [02] -> [05]: Hiển thị theo thông tin MST đăng nhập hệ thống

- Thông tin chi tiết của PL 01-4/HT:

+ (1) STT: Là kiểu số tự nhiên bắt đầu từ 1, ứng dụng hỗ trợ tự động tăng/giảm khi thêm/xóa dòng

+ Thông tin hóa đơn

- (2) Ký hiệu: Bắt buộc nhập, kiểu ký tự
- (3) Số: Bắt buộc nhập, kiểu ký tự
- (4) Ngày, tháng, năm: Bắt buộc nhập, định dạng dd/mm/yyyy, ngày phải <= ngày hiện tại

+ Thông tin doanh nghiệp bán hàng

- (5) Tên đơn vị bán hàng: Bắt buộc nhập, kiểu ký tự
- (6) Mã số thuế: Bắt buộc nhập, nhập đúng cấu trúc MST 10, 13 số

+ Thông tin về người nước ngoài

- (7) Họ và tên: Bắt buộc nhập, kiểu ký tự
- (8) Hộ chiếu/Giấy tờ nhập xuất cảnh – Số: Bắt buộc nhập, kiểu ký tự
- (9) Hộ chiếu/Giấy tờ nhập xuất cảnh – Ngày cấp: Bắt buộc nhập, định dạng dd/mm/yyyy, ngày phải <= ngày hiện tại
- (10) Hộ chiếu/Giấy tờ nhập xuất cảnh – Quốc tịch: Bắt buộc chọn trong danh mục

+ Thông tin hàng hóa:

- (11) Trị giá hàng chưa thuế GTGT: Bắt buộc nhập số >0
- (12) Thuế GTGT: Bắt buộc nhập, chỉ tiêu (12) <= chỉ tiêu (11)

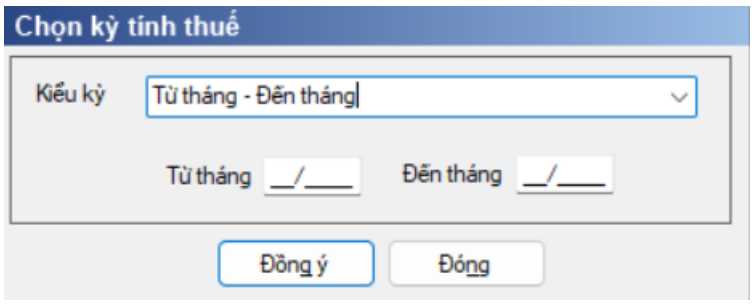
+ Thông tin hoàn thuế:

- (13) Tên cơ quan hải quan xác nhận: Bắt buộc chọn trong danh mục
- (14) Ngày ngân hàng hoàn thuế cho người nước ngoài: Bắt buộc nhập, định dạng dd/mm/yyyy
- (15) Số tiền thuế GTGT ngân hàng đã ứng trước để hoàn cho người nước ngoài: Nhập số >0, chỉ tiêu (15) phải <= 85% x ct (12)
- (16) Phí dịch vụ ngân hàng được hưởng: Nhập số>0, chỉ tiêu (16) phải <= 15% x ct (12)
- Tổng cộng: UD hỗ trợ tính tổng cộng cột (11), (12), (15), (16)
- Tổng số tiền đề nghị hoàn trả: UD hỗ trợ tính = tổng cột (15) + tổng cột (16)

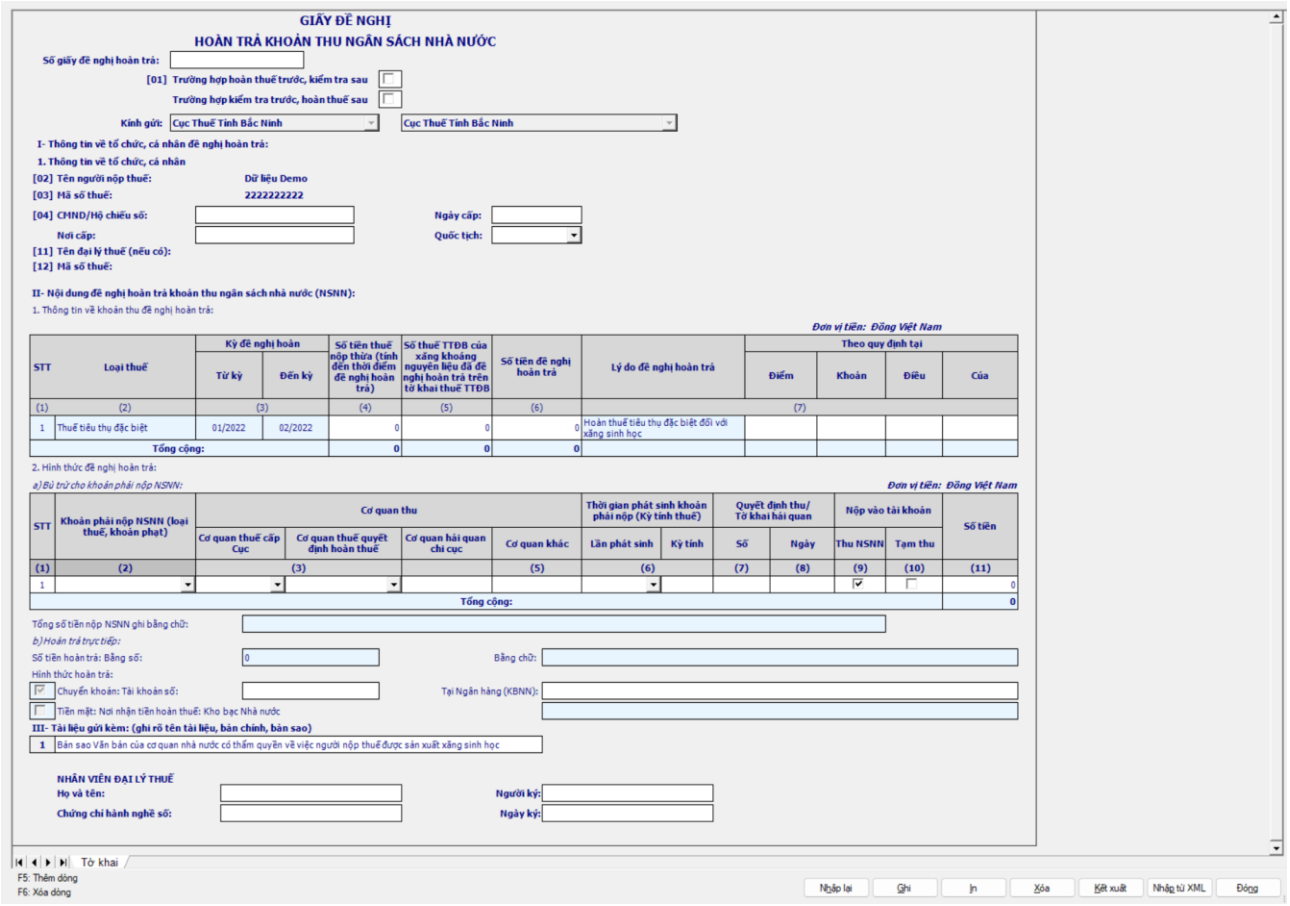
3.14.2 Tờ khai Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước đối với xăng sinh học (mẫu 01a/ĐNHT) ban hành theo Nghị định số 14/2019/NĐ-CP đáp ứng quy định hoàn thuế theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Hoàn thuế" chọn "Giấy ĐN hoàn trả khoản thu NSNN (01a/ĐNHT)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:



- Sau đó nhập kỳ đề nghị hoàn, từ tháng phải >= tháng 01/2022, Đến tháng phải >= Từ tháng, nhấn nút <Đồng ý>, hệ thống hiển thị màn hình kỳ kê khai như sau:



- Chi tiết các chỉ tiêu như sau:
  + Số: Bắt buộc nhập, kiểu ký tự
  + [01]: Bắt buộc tích chọn 1 trong 2 trường hợp [Trường hợp hoàn trả thuế trước, kiểm tra sau] hoặc [Trường hợp kiểm tra trước, hoàn trả thuế sau]
  + Kính gửi: Hiển thị là Cục Thuế của CQT quản lý trực tiếp NNT, Cục Thuế DNL
  + I. Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị hoàn trả:
    - [02] Tên người nộp thuế, [03] Mã số thuế: Hiển thị theo thông tin NNT trong chức năng Thông tin doanh nghiệp/NNT
    - [04] CMND/Hộ chiếu số: Cho phép nhập, kiểu ký tự
    - [04] Ngày cấp: nhập theo định dạng dd/mm/yyyy, ngày phải <= ngày hiện tại
    - [04] Nơi cấp: Cho phép nhập, kiểu ký tự
    - [04] Quốc tịch: Chọn trong danh mục

- [05] -> [19]: Hiển thị theo thông tin NNT trong chức năng Thông tin doanh nghiệp/NNT. Không cho sửa

+ II. Nội dung đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước (NSNN)

- 1. Thông tin về khoản thu đề nghị hoàn trả: Chỉ nhập 1 dòng ở mục này
  - (2) Loại thuế: Mặc định là "Thuế tiêu thụ đặc biệt"
  - (3) Kỳ tính thuế (Từ kỳ): Tự động lấy theo thông tin Kỳ hoàn đã nhập. Không sửa
  - (3) Kỳ tính thuế (Đến kỳ): Tự động lấy theo thông tin Kỳ hoàn đã nhập. Không sửa
  - (4) Số tiền thuế nộp thừa (tính đến thời điểm đề nghị hoàn trả): Nhập số >= 0
  - (5) Số thuế TTĐB của xăng khoáng nguyên liệu đã đề nghị hoàn trả trên tờ khai thuế TTĐB: Nhập số >= 0
  - (6) Số tiền đề nghị hoàn trả: Bắt buộc nhập số >= 0 và (6) phải <= (5)
  - (7) Lý do đề nghị hoàn trả: Mặc định là Hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xăng sinh học
  - Theo quy định tại - Điểm: Cho phép nhập, kiểu ký tự
  - Khoản: Bắt buộc nhập, kiểu ký tự
  - Điều: Bắt buộc nhập, kiểu ký tự
  - Của: Bắt buộc nhập, kiểu ký tự
- 2. Hình thức đề nghị hoàn trả
  - a) Bù trừ cho khoản phải nộp NSNN: Cho phép thêm/bớt dòng
    - (1) STT: UD tự động tăng/giảm khi thêm/bớt dòng, kiểu số tự nhiên, bắt đầu từ 1
    - (2) Khoản phải nộp NSNN (loại thuế, khoản phạt): Chọn trong danh mục, nếu có chọn (2) thì bắt buộc nhập (11) > 0 và ngược lại
    - (3) Cơ quan thu – Cơ quan thuế: Chọn trong danh mục CQT
    - (4) Cơ quan thu – Cơ quan hải quan: Nhập kiểu ký tự
    - (5) Cơ quan thu – Cơ quan khác: Nhập kiểu ký tự
    - (6) Thời gian phát sinh khoản phải nộp (Kỳ tính thuế) – Kiểu kỳ: Chọn 1 trong các kiểu kỳ sau: tháng, quý, năm, lần phát sinh
    - (6) Thời gian phát sinh khoản phải nộp (Kỳ tính thuế) – Kỳ tính thuế: Nhập kỳ, định dạng nhập tương ứng với kiểu kỳ đã chọn. Không được lớn hơn ngày/tháng/quý/ năm hiện tại
    - (7) Quyết định thu/Tờ khai hải quan – Số: Nhập kiểu ký tự
    - (8) Quyết định thu/Tờ khai hải quan – Ngày: Nhập ngày định dạng dd/mm/yyyy, không được lớn hơn ngày hiện tại
    - (9) Nộp vào tài khoản - Thu NSNN: Cho phép tích chọn (9) hoặc (10)
    - (10) Nộp vào tài khoản - Tạm thu: Cho phép tích chọn (9) hoặc (10)
    - (11) Số tiền: Nhập số nguyên >0, tổng cột (11) phải <= tổng cột (6) mục 1
  - b) Hoàn trả trực tiếp:

➢ Số tiền hoàn trả - Bằng số: UD tính = tổng cột (6) mục 1 – tổng cột (11) mục 2.a, ko cho sửa

➢ Bằng chữ: Tự động hiển thị theo số tiền bằng số

➢ Hình thức hoàn trả: Mặc định tích "Chuyển khoản", không cho sửa, khóa không cho chọn tích "Tiền mặt"

➢ Chuyển khoản - Tài khoản số: bắt buộc nhập

➢ Chuyển khoản – Tại Ngân hàng (KBNN): bắt buộc nhập

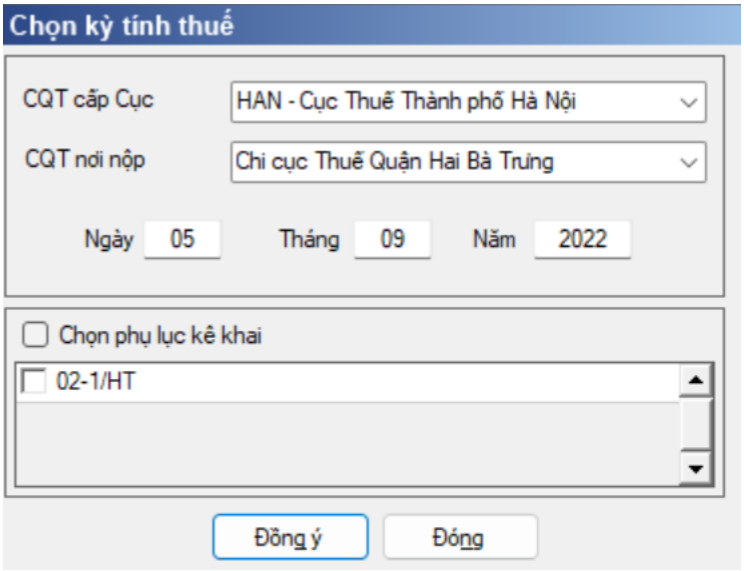
➢ Tiền mặt: Nơi nhận tiền hoàn trả thuế: Kho bạc nhà nước: Khóa không cho chọn

+ **III. Tài liệu gửi kèm:** Hiển thị mặc định là Bản sao văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc được sản xuất xăng sinh học (đối với hồ sơ hoàn lần đầu)

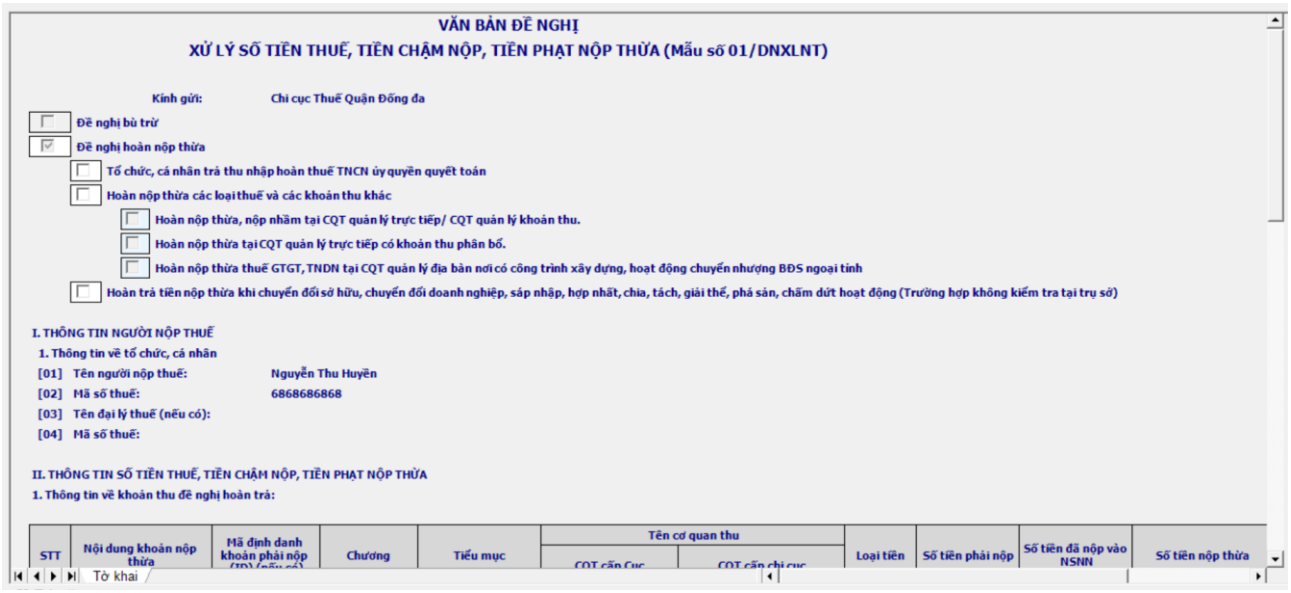
3.14.3 Mẫu biểu Văn bản đề nghị xử lý số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa (01/ĐNXLNT) (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Hoàn thuế" chọn "VB đề nghị xử lý số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa (01/ĐNXLNT)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- CQT nộp tờ khai: là CQT quản lý trực tiếp
- Sau đó nhấn nút <Đồng ý>, hệ thống hiển thị màn hình kỳ kê khai như sau:



- Chi tiết các chỉ tiêu như sau:

+ Kính gửi: Mặc định là CQT quản lý trực tiếp

+ Đề nghị hoàn nộp thừa: NNT tích chọn vào các nút tích lý do đề nghị xử lý nộp thừa hiển thị trên màn hình kê khai:

- Tổ chức, cá nhân trả thu nhập hoàn thuế TNCN ủy quyền quyết toán
- Hoàn nộp thừa các loại thuế và các khoản thu khác:
  - (1) Hoàn nộp thừa, nộp nhầm tại CQT quản lý trực tiếp/ CQT quản lý khoản thu.
  - (2) Hoàn nộp thừa tại CQT quản lý trực tiếp có khoản thu phân bổ.
  - (3) Hoàn nộp thừa thuế GTGT, TNDN tại CQT quản lý địa bàn nơi có công trình xây dựng, hoạt động chuyển nhượng BĐS ngoại tỉnh. => Không cho phép nộp tại CQT quản lý trực tiếp
- Hoàn trả tiền nộp thừa khi chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động (Trường hợp không kiểm tra tại trụ sở).

I- Thông tin người nộp thuế:

+ Các chỉ tiêu [01], [02], [03], [04], [05]: Lấy từ thông tin chung.

II- Thông tin số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa

+ (2) Nội dung khoản nộp thừa: hiển thị theo cột (5)
+ (3) Mã định dang khoản phải nộp (ID) (nếu có): NNT tự nhập dạng text
+ (4) Chương: NNT tự nhập dạng text
+ (5) Tiểu mục: Chọn từ danh mục
+ (6) Tên cơ quan thu:

- Trường hợp tích "Hoàn nộp thừa các loại thuế và các khoản thu khác" thì:
  - Nếu tích chọn (1) Hoàn nộp thừa, nộp nhầm tại CQT quản lý trực tiếp/ CQT quản lý khoản thu và (3) Hoàn nộp thừa thuế GTGT, TNDN tại CQT quản lý địa bàn nơi có công trình xây dựng, hoạt động chuyển nhượng BĐS ngoại tỉnh => Cơ quan thu mặc định là CQT nộp tờ khai, không cho sửa

o Nếu tích chọn (2) Hoàn nộp thừa tại CQT quản lý trực tiếp có khoản thu phân bổ => Mặc định là CQT nộp tờ khai, cho phép chọn trong danh mục CQT trên toàn quốc

- Trường hợp tích "Tổ chức, cá nhân trả thu nhập hoàn thuế TNCN ủy quyền quyết toán", hoặc tích "Hoàn trả tiền nộp thừa khi chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động" thì:

o Nếu nộp tại CQT quản lý trực tiếp => Mặc định là CQT nộp tờ khai, cho phép chọn trong danh mục CQT trên toàn quốc

o Nếu nộp tại CQT vãng lai => Cơ quan thu mặc định là CQT nộp tờ khai, không cho sửa

+ (7) Loại tiền: NNT kê khai là VND
+ (8) Số tiền phải nộp: NNT nhập dạng số, không âm
+ (9) Số tiền đã nộp vào NSNN: NNT nhập dạng số, không âm, kiểm tra phải >= (8), sai khác cảnh báo đỏ
+ (10) Số tiền nộp thừa: Tính theo công thức (10) = (9) – (8) > 0

III- Đề nghị xử lý khoản nộp thừa

1. Thông tin người nộp thuế đề nghị bù trừ khoản nộp thừa với khoản nợ, khoản thu phát sinh hoặc đề nghị hoàn kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước:

+ (2) Mã số thuế: Cho phép NNT nhập, kiểm tra cấu trúc mã số thuế
+ (3) Tên người nộp thuế khác (nếu có): Cho phép NNT nhập dạng text
+ (4) Nội dung khoản nợ/phát sinh: Hiển thị tên tiểu mục theo cột (7)
+ (5) Mã định danh khoản phải nộp (nếu có): Cho phép nhập
+ (6) Chương: Cho phép NNT nhập
+ (7), (8), (9): Chọn từ danh mục
+ (10) Hạn nộp: Nhập dạng dd/mm/yyyy
+ (11) Loại tiền: NNT kê khai là VND
+ (12) Số tiền còn phải nộp: NNT nhập dạng số, không âm
+ (13) Số tiền còn phải nộp đề nghị bù trừ với số tiền nộp: NNT nhập dạng số, không âm, Kiểm tra 13 <= 12. Nếu không thỏa mãn thì cảnh báo đỏ
+ (14) Số tiền còn phải nộp sau bù trừ: Tính theo công thức (14) = (12) – (13)
+ TỔNG CỘNG: Tự động tính tổng cộng theo tiểu mục và theo cả bảng

2. Thông tin người nộp thuế đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước

+ Số tiền hoàn trả: Tính theo công thức Tổng cột (10) mục II – Tổng cột (13) mục III
+ Hình thức hoàn trả: Chọn 1 trong 2 hình thức: Chuyển khoản hoặc tiền mặt
+ Tên chủ tài khoản: Cho phép NNT nhập
+ Tài khoản số: Cho phép NNT nhập
+ Tại ngân hàng/KBNN: Cho phép NNT nhập
+ CMND/CCCD/HC số: Cho phép NNT nhập
+ Ngày cấp: NNT nhập dạng dd/mm/yyyy
+ Nơi cấp: Cho phép NNT nhập
+ Kho bạc Nhà nước: Cho phép NNT nhập

III- Tài liệu gửi kèm: (ghi rõ tên tài liệu, bản chính, bản sao): Nhập Text, cho phép nhập nhiều dòng.

3.14.3.1 Phụ lục 02-1/HT



BẢNG KÊ CHỨNG TỪ NỘP THUẾ (02-1/HT)

(Áp dụng đối với trường hợp đề nghị hoàn thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và Điều ước quốc tế khác/trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập hoàn thuế TNCN khi quyết toán Kèm theo Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu NSNN số ... ngày ... tháng... năm...)

[01] Kỳ đề nghị hoàn thuế: Từ kỳ: Đến kỳ:

Mẫu tải bảng kê

[02] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[03] Mã số thuế: 2300746508
[04] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh
[05] Mã số thuế: 6868686868

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

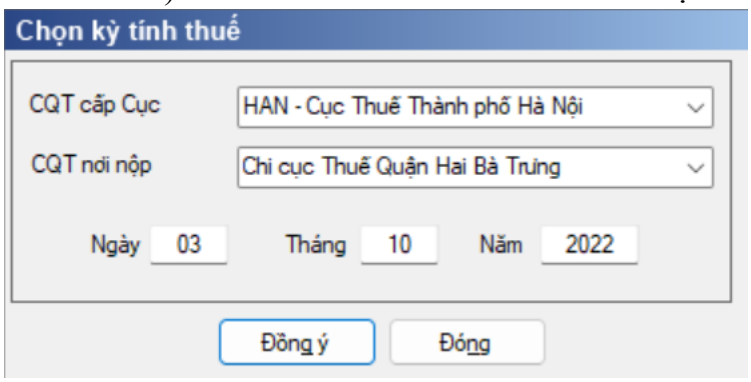
STT	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Ngân hàng/Kho bạc nhà nước nơi nộp thuế	Tiểu mục	Kỳ thuế (nếu có)		Số thuế đã nộp
					Loại kỳ	Kỳ thuế	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)		(7)
1				Thuế thu nhập từ tiền lương, tiền công			0
Tổng cộng:							0

- Chi tiết các chỉ tiêu như sau:
  + (1) STT: Tự động tăng, giảm khi thêm, xóa dòng
  + (2) Số chứng từ: Hiển thị theo cột (5)
  + (3) Ngày chứng từ: Nhập dạng dd/mm/yyyy
  + (4) Ngân hàng/Kho bạc nhà nước nơi nộp thuế: Cho phép NNT nhập
  + (5) Tiểu mục: Cho phép NNT nhập
  + (6) Kỳ thuế (nếu có): Chọn loại kỳ, nhập kỳ tính thuế
  + (7) Số thuế đã nộp: Nhập dạng số, không âm

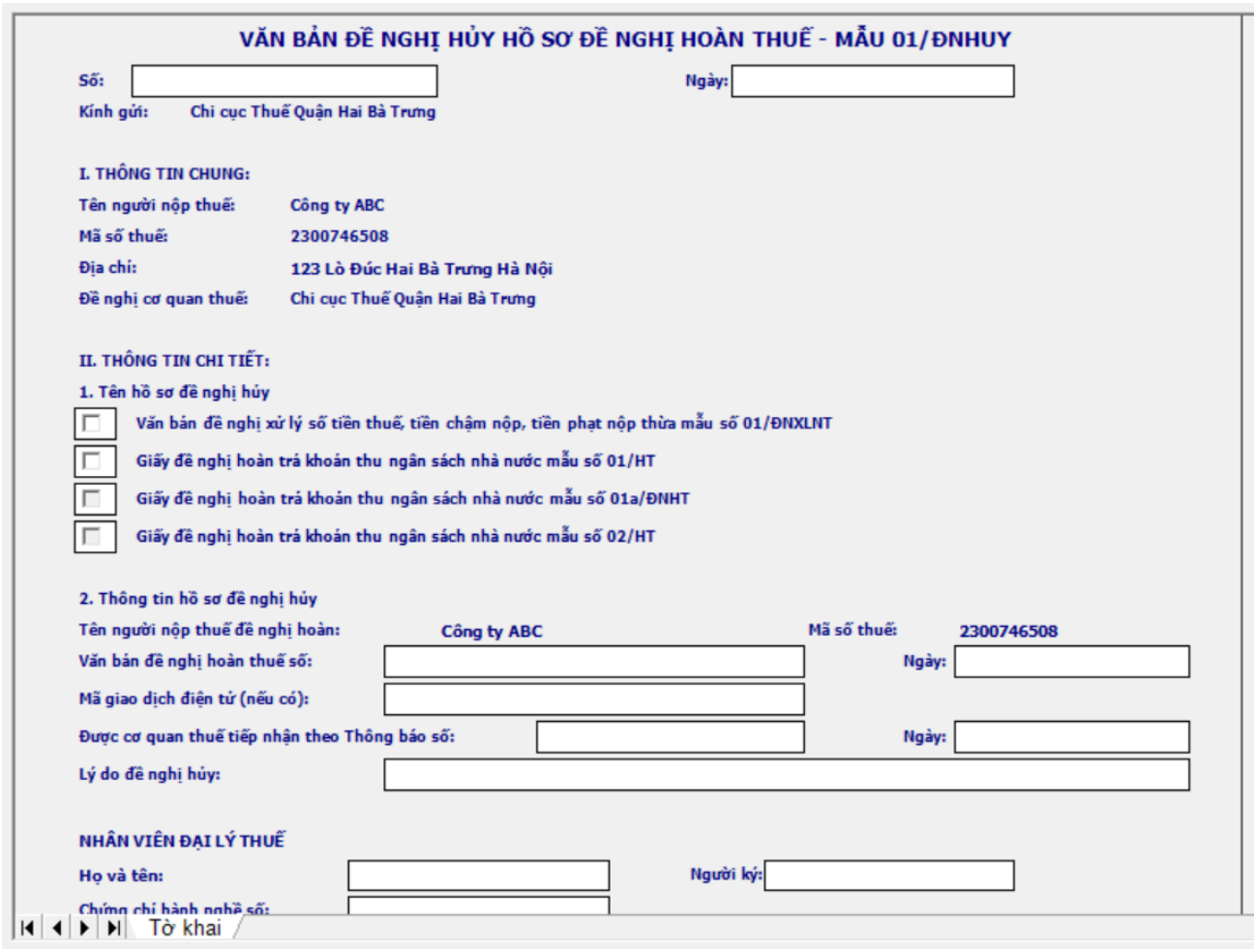
3.14.4Mẫu biểu Văn bản đề nghị hủy hồ sơ đề nghị hoàn thuế (01/ĐNHUY) (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC)

Cách gọi:

– Từ menu chức năng "Kê khai/Hoàn thuế" chọn "Văn bản đề nghị hủy hồ sơ đề nghị hoàn thuế (01/ĐNHUY)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:



- Sau đó nhấn nút <Đồng ý>, hệ thống hiển thị màn hình kỳ kê khai như sau:



- Chi tiết các chỉ tiêu như sau:
  + Chỉ tiêu [Số]: Nhập text, bắt buộc nhập.
  + Ngày: Nhập dạng dd/mm/yyyy, bắt buộc nhập
  + Kính gửi: Mặc định là CQT đã chọn tại màn hình nhập ngày lập Văn bản đề nghị

I. Thông tin chung:

  + Tên người nộp thuế: Hiển thị theo tên NNT đăng nhập hệ thống, không cho sửa
  + Mã số thuế: Hiển thị theo tên NNT đăng nhập hệ thống, không cho sửa
  + Địa chỉ: Hiển thị theo tên NNT đăng nhập hệ thống, không cho sửa
  + Đề nghị cơ quan thuế:...thực hiện huỷ hồ sơ đề nghị hoàn thuế có các thông tin như sau: Mặc định là CQT đã chọn tại màn hình nhập ngày lập Văn bản đề nghị.

II. Thông tin chi tiết

1. Tên hồ sơ đề nghị hủy: Cho phép NNT tích chọn tên hồ sơ đề nghị hủy, bao gồm:

  + Văn bản đề nghị xử lý số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa mẫu số 01/ĐNXLNT
  + Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước mẫu số 01/HT

2. Thông tin hồ sơ đề nghị hủy:

  + Tên người nộp thuế đề nghị hoàn: UD tự động hiển thị theo MST đã đăng nhập
  + Mã số thuế: UD tự động hiển thị theo MST đã đăng nhập
  + Văn bản đề nghị hoàn thuế số:…ngày…: NNT tự nhập

+ Mã giao dịch điện tử (nếu có): Bắt buộc NNT nhập

+ Được cơ quan thuế tiếp nhận theo Thông báo số … ngày... về việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế:

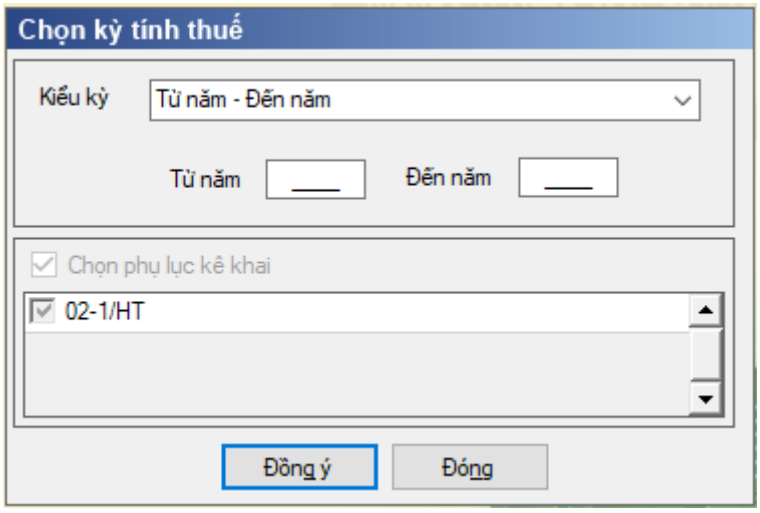
- Số: NNT nhập dạng ký tự
- Ngày: NNT nhập dạng dd/mm/yyyy

+ Lý do đề nghị hủy: NNT nhập dạng text, bắt buộc nhập

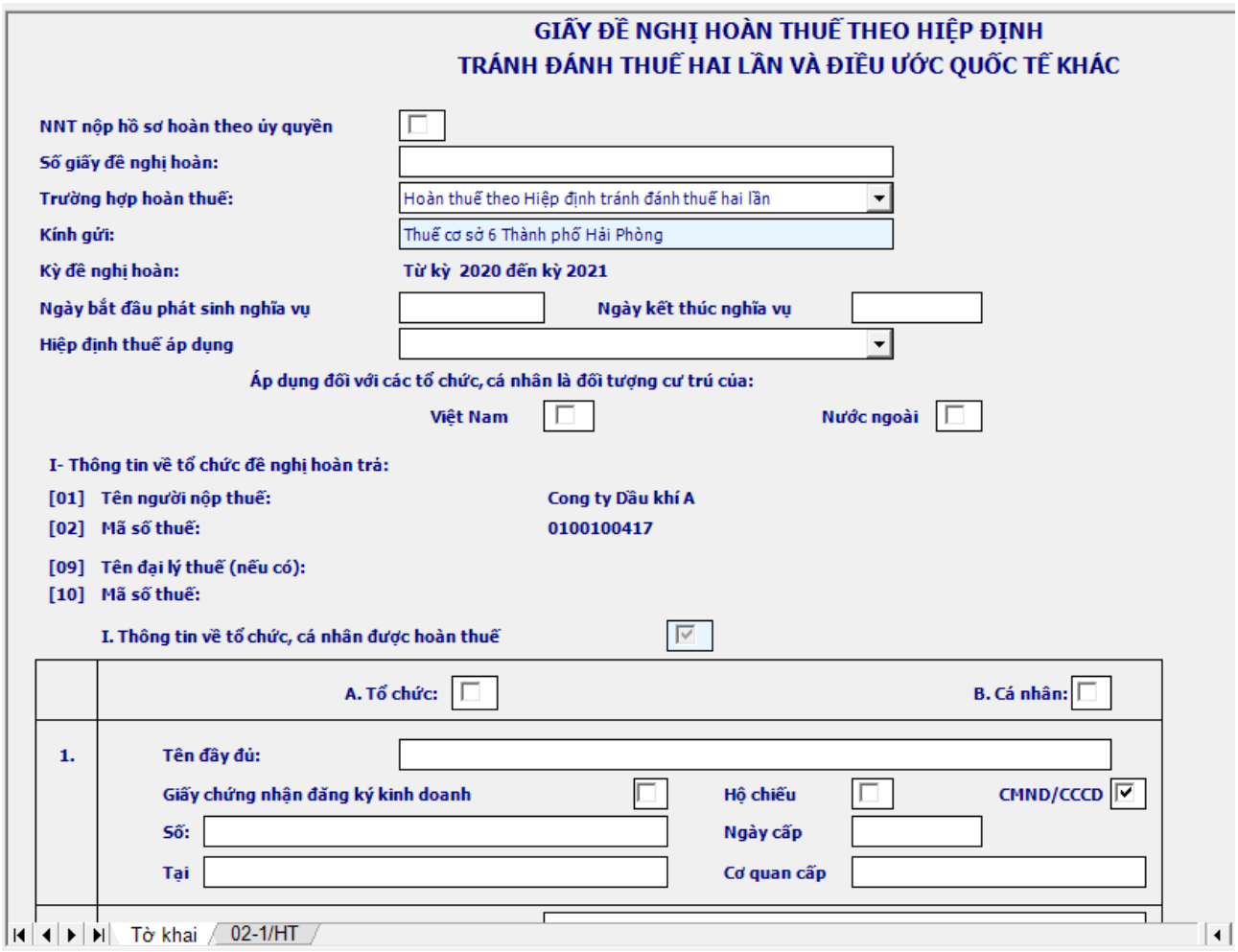
3.14.5 Tờ khai Giấy đề nghị hoàn thuế theo hiệp định tránh đánh thuế hai lần và điều ước Quốc tế khác đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC

Cách gọi:

– Từ menu chức năng "Kê khai/Hoàn thuế" chọn "Giấy ĐN hoàn thuế theo HĐ tránh đánh thuế hai lần (02/HT)(TT80/2021)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:



- Sau khi nhập giá trị Từ năm đến năm và nhấn nút <Đồng ý>, hệ thống hiển thị màn hình kỳ kê khai như sau:



- Chi tiết các chỉ tiêu như sau:

+ Kính gửi: là CQT quản lý trực tiếp

+ Hiệp định thuế áp dụng: Dữ liệu hiển thị từ danh mục các quốc gia mà Việt Nam đã ký Hiệp định tránh đánh thuế hai lần

+ Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân là đối tượng cư trú của: Bắt buộc tích chọn 1 trong 2 giá trị: Việt Nam hoặc Nước ngoài:

+ Trường hợp hoàn thuế: Mặc định "Hoàn thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần"

+ Số giấy đề nghị hoàn: NNT nhập

+ Từ kỳ ... đến kỳ...: Lấy từ màn hình KTT

+ Ngày bắt đầu phát sinh nghĩa vụ: Nếu "Loại kỳ" là "Kê khai theo năm": thì cho nhập trường "Ngày bắt đầu phát sinh nghĩa vụ"

+ Ngày kết thúc nghĩa vụ: Nếu "Loại kỳ" là "Kê khai theo năm": thì cho nhập trường "Ngày kết thúc nghĩa vụ"

+ NNT nộp hồ sơ hoàn theo ủy quyền: Cho phép tích chọn

I. Thông tin chung:

+ Tên người nộp thuế: Hiển thị theo tên NNT đăng nhập hệ thống, không cho sửa

+ Mã số thuế: Hiển thị theo tên NNT đăng nhập hệ thống, không cho sửa.

II. Thông tin chi tiết

1. Thông tin về tổ chức cá nhân được hoàn thuế: Mặc định tích chọn

+ Tích chọn Tổ chức hoặc cá nhân

+ Tên đầy đủ: Nhập Họ tên đầy đủ

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh : Bắt buộc tích chọn 1 trong 3 giá trị: "Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh" hoặc "Hộ chiếu" hoặc "CMND/CCCD". Nếu là tổ chức thì mặc định check chọn "Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh"

+ Hộ chiếu: : Bắt buộc tích chọn 1 trong 3 giá trị: "Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh" hoặc "Hộ chiếu" hoặc "CMND/CCCD"

+ CMND/CCCD: Bắt buộc tích chọn 1 trong 3 giá trị: "Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh" hoặc "Hộ chiếu" hoặc "CMND/CCCD". Nếu là cá nhân thì mặc định check chọn "CMND/CCCD"

+ Số: Cho phép nhập số. Nếu là CMND/CCCD phải là 9 số hoặc 12 số

+ Ngày cấp: Cho phép NNT nhập dạng dd/mm/yyyy,

+ Tại: Cho phép NNT nhập text

+ Cơ quan cấp: Cho phép NNT nhập text

+ Tên sử dụng trong giao dịch: Cho phép NNT nhập dạng ký tự

+ Tư cách pháp lý: Nếu là tổ chức thì chọn 1 trong 3 giá trị: Pháp nhân, Liên danh không tạo pháp nhân, Khác. Nếu là cá nhân thì chọn 1 trong 3 giá trị: Cá nhân hành nghề độc lập, Cá nhân hành nghề phụ thuộc, Khác. Nếu chọn Tư cách pháp nhân là "Khác" thì bắt buộc nhập trường " Nêu rõ"

+ Địa chỉ tại Việt Nam: Tự động hiển thị theo thông tin tại chức năng Thông tin doanh nghiệp/người nộp thuế

+ Địa chỉ giao dịch tại Việt Nam (nếu khác với địa chỉ nêu trên): Cho phép NNT nhập text. Nếu nhập phải nhập đầy đủ thông tin tại mục 4.2

+ Quốc tịch: Nếu là cá nhân thì chọn 1 trong 3 giá trị: Việt Nam, Nước ký kết, Nước khác

+ Mã số thuế tại Việt Nam (nếu có): Tự động hiển thị MST đăng nhập. Nếu có tích 'Đại diện được ủy quyền' thì tự động xóa dữ liệu MST và bắt buộc nhập MST được hoàn.

+ Địa chỉ tại Nước ký kết: Cho phép NNT nhập text

+ Địa chỉ giao dịch tại Nước ký kết (nếu khác với địa chỉ nêu trên): Cho phép NNT nhập text

+ Mã số thuế tại Nước ký kết (nếu có): Cho phép NNT nhập số

+ Thời gian có mặt tại Việt Nam hoặc thực hiện hoạt động tại Việt Nam: Cho phép nhập từ ngày – đến ngày theo định dạng: dd/mm/yyyy – dd/mm/yyyy đối với các tổ chức, cá nhân là đối tượng cư trú của nước ngoài

2. Thông tin về đại diện được ủy quyền:

+ Tên đầy đủ: Tự động hiển thị tên theo MST đã đăng nhập

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Nếu là tổ chức thì mặc định check chọn "Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề"

+ Hộ chiếu: Nếu là cá nhân: Tự động check chọn CCCD, Cho phép tích chọn lại Hộ chiếu

+ CMND/CCCD: Nếu là cá nhân: Tự động check chọn CCCD, Cho phép tích chọn lại Hộ chiếu

+ Số: Nếu tích khác CCCD thì cho phép nhập

+ Ngày cấp: Cho phép NNT nhập dạng dd/mm/yyyy
+ Tại: NNT nhập text
+ Cơ quan cấp: NNT nhập text
+ Địa chỉ: Tự động hiển thị địa chỉ của MST đăng nhập theo thông tin tại chức năng Thông tin doanh nghiệp/Người nộp thuế
+ Mã số thuế (nếu có): Tự động hiển thị MST đăng nhập
+ Tư cách pháp lý: Nếu là tổ chức: Chọn 1 trong 3: Pháp nhân, Liên danh không tạo pháp nhân, Khác. Nếu là cá nhân: Chọn 1 trong 2: Cá nhân hành nghề phụ thuộc, Khác. Nếu chọn "Khác" thì hiển thị trường "nêu rõ" và bắt buộc nhập

3. Thông tin về đại diện được ủy quyền:

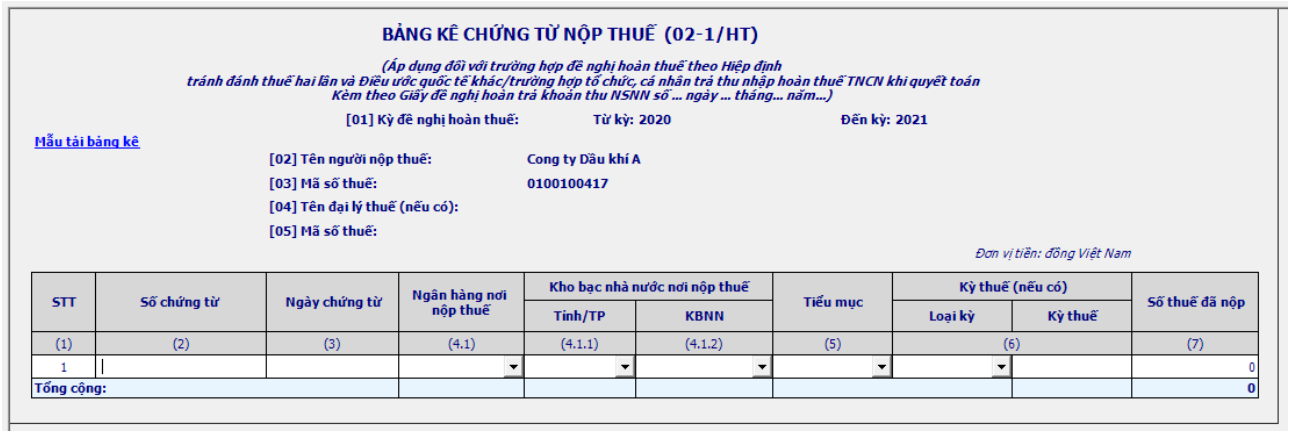
+ Năm đề nghị áp dụng Hiệp định thuế: NNT nhập từ năm đến năm định dạng yyyy.
+ Số thu nhập thuộc diện miễn, giảm theo Điều: NNT nhập text
    - Loại thuế: Tự động hiển thị Loại thuế tương ứng theo các tiểu mục đã nhập trên phụ lục 02-1/HT
    - Kỳ đề nghị hoàn thuế - Từ kỳ: Tự động hiển thị theo kỳ hoàn đã chọn ở màn hình KTT
    - Kỳ đề nghị hoàn thuế - Đến Kỳ: Tự động hiển thị theo kỳ hoàn đã chọn ở màn hình KTT
    - Số tiền đã nộp (VNĐ): Tự động hiển thị giá trị cột (7) theo tiểu mục tương ứng trên PL 02-1/HT
    - Số tiền nộp thừa (VNĐ): Nhập số > 0, bắt buộc nhập, chỉ tiêu (5a) <= (4)
    - Số tiền đề nghị hoàn trong kỳ (VNĐ): Nhập số > 0, bắt buộc nhập, chỉ tiêu (5) <= cột (5a)
+ Hình thức đề nghị hoàn trả
    - Bù trừ cho khoản phải nộp ngân sách nhà nước (NSNN)
        - Mã số thuế: NNT nhập số
        - Mã định danh khoản phải nộp (ID):
        - Cơ quan quản lý thu: Tách thành 3 cột. Mỗi dòng chỉ được phép chọn/nhập dữ liệu 1 trong các cột
        - Cơ quan thuế: Tách thành 2 cột: Thuế tỉnh và cơ quan thuế
        - Thuế tỉnh/ Chi cục thuế: NNT Chọn trong danh mục
        - Cơ quan thuế: NNT Chọn trong danh mục
        - Cơ quan hải quan: NNT Chọn trong danh mục
        - Cơ quan khác: NNT nhập text
        - Địa bàn hạch toán thu NS: NNT nhập text
        - Nội dung kinh tế (tiểu mục): NNT Chọn trong danh mục
        - Kỳ thuế - Kiểu kỳ: NTT chọn loại kỳ: tháng, quý, năm, LPS
        - Kỳ thuế: NTT nhập kỳ, định dạng nhập tương ứng với kiểu kỳ đã chọn
        - Số tiền đề nghị bù trừ (VNĐ): NNT nhập số >= 0
        - Ghi chú: NNT chọn trong danh mục
        - Tổng cộng: Tự động tính theo công thức
    - Hoàn trả trực tiếp
        - Chuyển khoản: Chỉ cho nhập mục Chuyển khoản

- Tên tổ chức/người nhận tiền: NNT nhập text
- Tài khoản số: NNT nhập số
- Tại Ngân hàng (KBNN): NNT chọn trong danh mục ngân hàng

+ Thông tin về giao dịch phát sinh thu nhập liên quan đến số thuế đề nghị áp dụng Hiệp định thuế/Điều ước quốc tế

- Giải trình tóm tắt về giao dịch: NNT nhập text
- Giải trình khác: NNT nhập text
- Tài liệu gửi kèm (ghi rõ tên tài liệu, bản chính, bản sao: NNT nhập text

3.14.5.1 Phụ lục 02-1/HT



BẢNG KÊ CHỨNG TỪ NỘP THUẾ (02-1/HT)

(Áp dụng đối với trường hợp đề nghị hoàn thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và Điều ước quốc tế khác/trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập hoàn thuế TNCN khi quyết toán Kèm theo Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu NSNN số ... ngày ... tháng... năm...)

[01] Kỳ đề nghị hoàn thuế: Từ kỳ: 2020 Đến kỳ: 2021

Mẫu tải bảng kê

[02] Tên người nộp thuế: Cong ty Dầu khí A

[03] Mã số thuế: 0100100417

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):

[05] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Ngân hàng nơi nộp thuế	Kho bạc nhà nước nơi nộp thuế		Tiểu mục	Kỳ thuế (nếu có)		Số thuế đã nộp
				Tỉnh/TP	KBNN		Loại kỳ	Kỳ thuế	
(1)	(2)	(3)	(4.1)	(4.1.1)	(4.1.2)	(5)	(6)		(7)
1									0
Tổng cộng:									0

- Chi tiết các chỉ tiêu như sau:

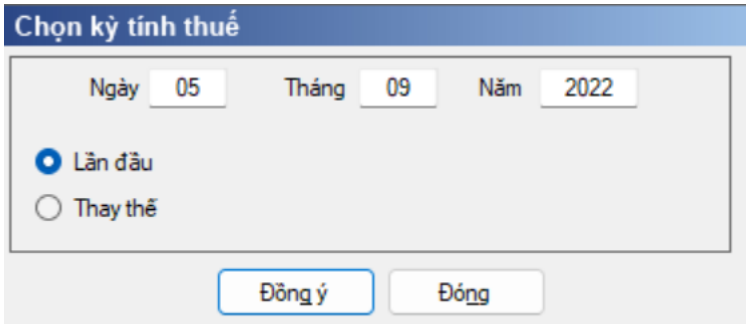
+ (1) STT: Tự động tăng, giảm khi thêm, xóa dòng
+ (2) Số chứng từ: NNT nhập text
+ (3) Ngày chứng từ: Nhập dạng dd/mm/yyyy
+ (4.1) Ngân hàng nơi nộp thuế: NNT chọn theo danh mục
+ (4.1.1) Tỉnh/TP - Kho bạc nhà nước nơi nộp thuế: NNT chọn theo danh mục
+ (4.1.2) KBNN - Kho bạc nhà nước nơi nộp thuế: NNT chọn theo danh mục
+ (5) Tiểu mục: NNT chọn theo danh mục
+ (6) Kỳ thuế (nếu có) – Loại kỳ: Chọn loại kỳ, nhập kỳ tính thuế
+ (6) Kỳ thuế (nếu có) – Kỳ thuế: NNT nhập theo đúng định dạng tương ứng với Loại kỳ đã chọn
+ (7) Số thuế đã nộp: NNT nhập số >0

3.15 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai gia hạn nộp thuế

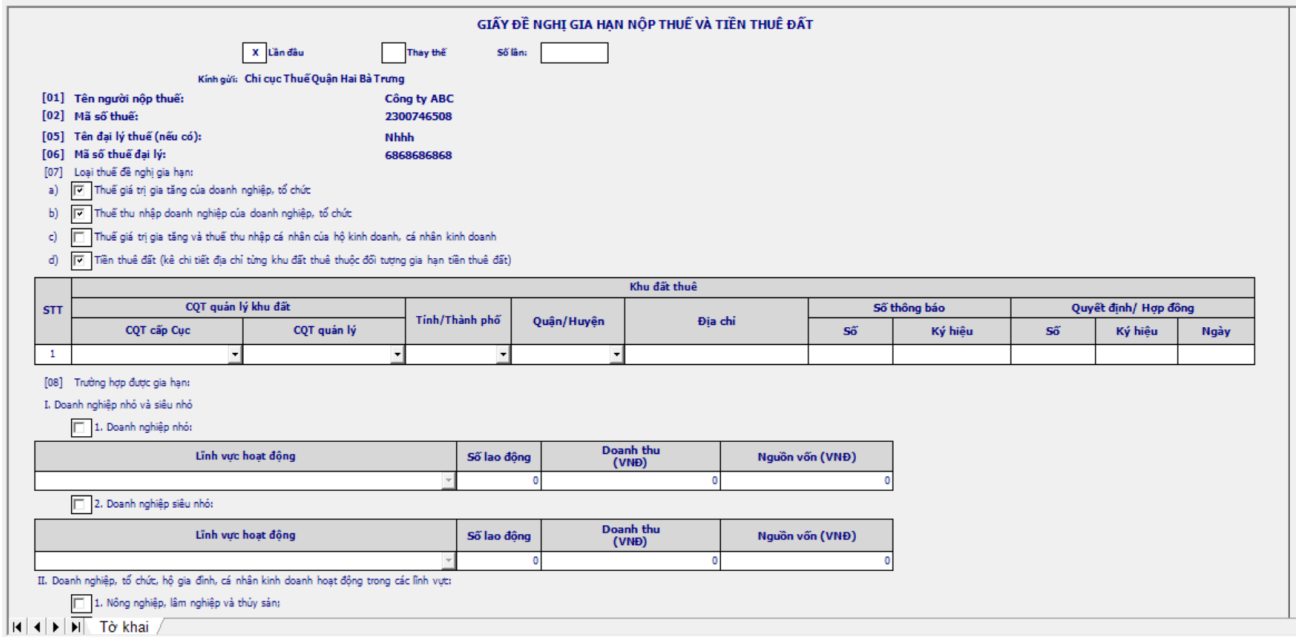
3.15.1 Tờ khai giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất đáp ứng Nghị định số 34/2022/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Gia hạn nộp thuế" chọn "Giấy đề gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất (NĐ34/2022/NĐ-CP)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- Kỳ tính thuế: nhập theo định dạng dd/mm/yyyy, cho phép kê khai từ ngày 01/01/2022 đến 30/09/2022
- Loại tờ khai: Tích chọn 1 trong 2 loại tờ khai là "Lần đầu" hoặc "Thay thế"
- Sau đó nhấn nút <Đồng ý>, hệ thống hiển thị màn hình kỳ kê khai như sau:



Chi tiết các chỉ tiêu sau:

- Thông tin chung của tờ khai: UD hỗ trợ tự động hiển thị theo MST đăng nhập hệ thống
  + Kính gửi: Hiển thị theo CQT quản lý
  + [01]Tên người nộp thuế
  + [02] Mã số thuế
  + [03] Địa chỉ
  + [04] Điện thoại
  + [05] Tên đại lý thuế (nếu có)
  + [06] Mã số thuế (đại lý thuế)
- Các chỉ tiêu cần nhập:
  + [07] Loại thuế đề nghị gia hạn:
    - UD mặc định tích chọn 3 mục a, b, d, cho phép NNT sửa bỏ tích chọn, nếu NNT không tích chọn đồng thời cả a) và b) (trường hợp chỉ tích chọn a, không tích chọn b hoặc chỉ tích chọn b, không tích chọn a) thì hiển thị cảnh báo vàng "NNT được quyền đề nghị gia hạn đồng thời thuế GTGT và thuế TNDN. NNT vui lòng kiểm tra kỹ thông tin này", bắt buộc phải tích chọn 1 trong các chỉ tiêu:

- a) Thuế GTTT của doanh nghiệp, tổ chức
- b) Thuế TNDN của doann nghiệp, tổ chức
- d) Tiền thuê đất (kê chi tiết địa chỉ từng khu đất thuê thuộc đối tượng gia hạn tiền thuê đất)

- Nhập thông tin **"Khu đất thuê"**: bắt buộc nhập khi tích chọn mục d, nếu không tích chọn mục d thì khóa không cho nhập. Cho phép nhập nhiều dòng (thêm dòng, xóa dòng)
  - Nhập CQT quản lý khu đất:
    - CQT cấp cục: chọn trong danh mục
    - CQT quản lý: chọn trong danh mục
  - Tỉnh/Thành phố: Tự động hiển thị theo CQT quản lý, không cho sửa
  - Quận/Huyện:
    - Nếu CQT quản lý là Cục Thuế: cho phép NNT chọn Quận/Huyện thuộc Tỉnh/Thành Phố
    - Nếu CQT quản lý là Chi cục Thuế: UD tự động hiển thị theo CQT quản lý, không cho sửa
  - Nhập địa chỉ: nhập dạng text
  - Quyết định/Hợp đồng:
    - Số: Nhập kiểu số nguyên > 0
    - Ký hiệu: Nhập dạng text
    - Ngày: Nhập đúng định dạng dd/mm/yyyy. Ngày <= Ngày hiện tại

+ **[08] Trường hợp được gia hạn**: Bắt buộc tích chọn ở mục I hoặc II, không được để trống cả 2

- Nhập thông tin vào **mục I** nếu là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, tích chọn 1 trong 2 mục a hoặc b, không được tích chọn đồng thời cả 2. Tích chọn mục nào thì UD mở cho phép nhập dữ liệu bảng thuộc mục đó
  - Tích chọn **mục 1** nếu là **doanh nghiệp nhỏ**: nhập các thông tin trong bảng thuộc mục a, NSD có thể thêm/bớt dòng trong bảng, các thông tin cần nhập bao gồm:
    - Lĩnh vực hoạt động: chỉ cho phép kê khai 1 lĩnh vực trong danh mục, bao gồm:
      - Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản
      - Công nghiệp, xây dựng
      - Thương mại, dịch vụ
    - Số lao động: nhập số >=0, tối đa 15 chữ số:
      - Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là nhóm ngành Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; Công nghiệp, xây dựng thì nhập số lao động <= 100, sai khác UD hiển thị cảnh báo
      - Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là nhóm ngành Thương mại, dịch vụ thì nhập số lao động <= 50, sai khác UD hiển thị cảnh báo
    - Doanh thu (VNĐ), Nguồn vốn (VNĐ): nhập số >=0, tối đa 15 chữ số, nhập Doanh thu và Nguồn vốn thỏa mãn điều kiện sau:
      - Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là 2 nhóm ngành Nông

nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; Công nghiệp, xây dựng thì Doanh thu <= 50 tỷ hoặc Nguồn vốn <= 20 tỷ

➢ Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là nhóm ngành Thương mại, dịch vụ thì nhập Doanh thu <= 100 tỷ hoặc Nguồn vốn <= 50 tỷ

o Tích chọn **mục 2** nếu là **Doanh nghiệp siêu nhỏ:** nhập các thông tin trong bảng thuộc mục 2, NSD có thể thêm/bớt dòng trong bảng, các thông tin cần nhập bao gồm:

▪ Lĩnh vực hoạt động: chỉ cho phép kê khai 1 lĩnh vực hoạt động trong danh mục, bao gồm:

➢ Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản
➢ Công nghiệp, xây dựng
➢ Thương mại, dịch vụ

▪ Số lao động: nhập số lao động >=0 và <= 10, nếu nhập >10 thì UD cảnh báo.

▪ Doanh thu (VNĐ) Nguồn vốn (VNĐ): nhập số >=0, tối đa 15 chữ số, nhập Doanh thu và Nguồn vốn thỏa mãn điều kiện sau:

➢ Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là 2 nhóm ngành Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; Công nghiệp, xây dựng thì Doanh thu <= 3 tỷ hoặc Nguồn vốn <= 3 tỷ

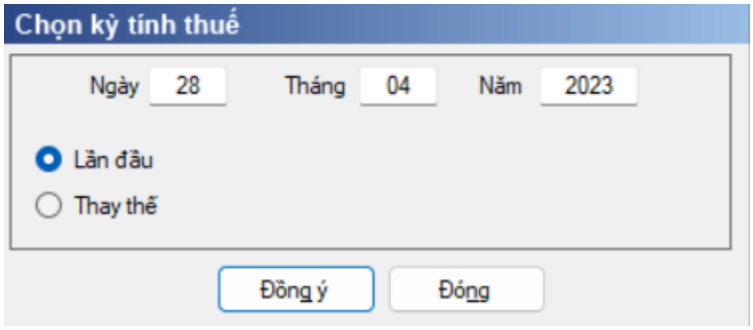
➢ Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là nhóm ngành Thương mại, dịch vụ thì nhập Doanh thu <= 10 tỷ hoặc Nguồn vốn <= 3 tỷ

o Tích chọn tại **mục II** nếu là doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh hoạt động trong các lĩnh vực: tích chọn 1 hoặc nhiều lĩnh vực hoạt động.

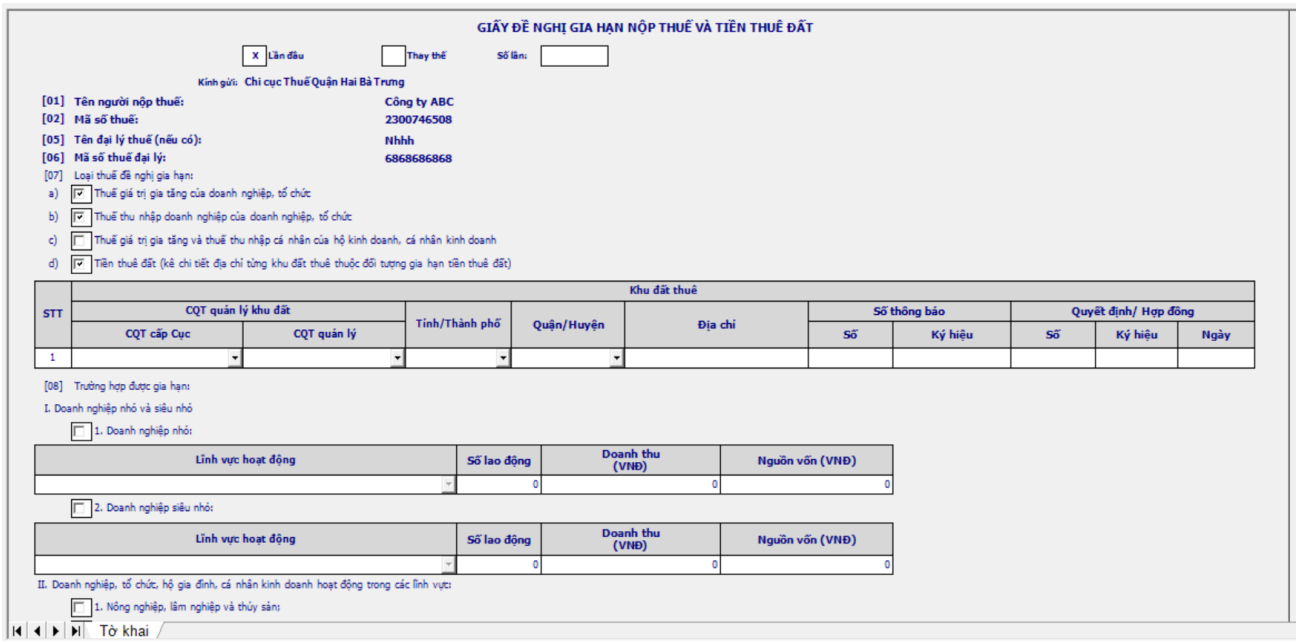
3.15.2Tờ khai giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất đáp ứng Nghị định số 12/2023/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Gia hạn nộp thuế" chọn "Giấy đề gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất (NĐ12/2023/NĐ-CP)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- Kỳ tính thuế: nhập theo định dạng dd/mm/yyyy, cho phép kê khai từ ngày 14/04/2023 đến ngày 30/09/2023
- Loại tờ khai: Tích chọn 1 trong 2 loại tờ khai là "Lần đầu" hoặc "Thay thế"
- Sau đó nhấn nút <Đồng ý>, hệ thống hiển thị màn hình kỳ kê khai như sau:



Chi tiết các chỉ tiêu sau:

- Thông tin chung của tờ khai: UD hỗ trợ tự động hiển thị theo MST đăng nhập hệ thống
  + Kính gửi: Hiển thị theo CQT quản lý
  + [01]Tên người nộp thuế
  + [02] Mã số thuế
  + [03] Địa chỉ
  + [04] Điện thoại
  + [05] Tên đại lý thuế (nếu có)
  + [06] Mã số thuế (đại lý thuế)

– Các chỉ tiêu cần nhập:

+ [07] Loại thuế đề nghị gia hạn:

- UD mặc định tích chọn 3 mục a, b, d, cho phép NNT sửa bỏ tích chọn, nếu NNT không tích chọn đồng thời cả a) và b) (trường hợp chỉ tích chọn a, không tích chọn b hoặc chỉ tích chọn b, không tích chọn a) thì hiển thị cảnh báo vàng "NNT được quyền đề nghị gia hạn đồng thời thuế GTGT và thuế TNDN. NNT vui lòng kiểm tra kỹ thông tin này", bắt buộc phải tích chọn 1 trong các chỉ tiêu:
  - a) Thuế GTTT của doanh nghiệp, tổ chức
  - b) Thuế TNDN của doann nghiệp, tổ chức
  - c) Thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh
  - d) Tiền thuê đất (kê chi tiết địa chỉ từng khu đất thuê thuộc đối tượng gia hạn tiền thuê đất)
- Nhập thông tin **"Khu đất thuê"**: bắt buộc nhập khi tích chọn mục d, nếu không tích chọn mục d thì khóa không cho nhập. Cho phép nhập nhiều dòng (thêm dòng, xóa dòng)
  - Nhập CQT quản lý khu đất:
    - CQT cấp cục: chọn trong danh mục
    - CQT quản lý: chọn trong danh mục
  - Tỉnh/Thành phố: Tự động hiển thị theo CQT quản lý, không cho sửa

- Quận/Huyện:
  - Nếu CQT quản lý là Cục Thuế: cho phép NNT chọn Quận/Huyện thuộc Tỉnh/Thành Phố
  - Nếu CQT quản lý là Chi cục Thuế: UD tự động hiển thị theo CQT quản lý, không cho sửa
- Nhập địa chỉ: nhập dạng text
- Số thông báo:
  - Số: Nhập text
  - Ký hiệu: Nhập text
- Quyết định/Hợp đồng:
  - Số: Nhập kiểu số nguyên > 0
  - Ký hiệu: Nhập dạng text
  - Ngày: Nhập đúng định dạng dd/mm/yyyy. Ngày <= Ngày hiện tại

+ **[08] Trường hợp được gia hạn**: Bắt buộc tích chọn ở mục I hoặc II, không được để trống cả 2

- Nhập thông tin vào **mục I** nếu là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, tích chọn 1 trong 2 mục a hoặc b, không được tích chọn đồng thời cả 2. Tích chọn mục nào thì UD mở cho phép nhập dữ liệu bảng thuộc mục đó

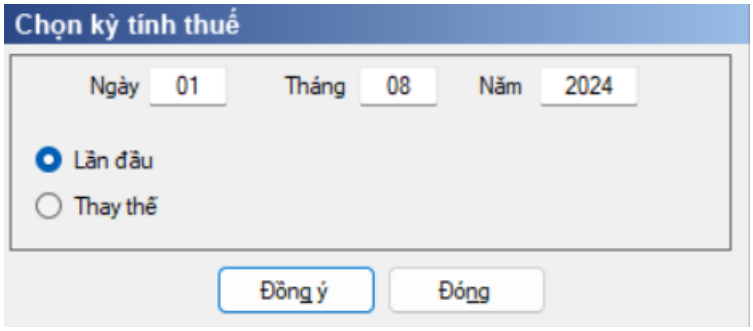
- Tích chọn **mục 1** nếu là **doanh nghiệp nhỏ**: nhập các thông tin trong bảng thuộc mục a, NSD có thể thêm/bớt dòng trong bảng, các thông tin cần nhập bao gồm:
  - Lĩnh vực hoạt động: chỉ cho phép kê khai 1 lĩnh vực trong danh mục, bao gồm:
    - Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản
    - Công nghiệp, xây dựng
    - Thương mại, dịch vụ
  - Số lao động: nhập số >=0, tối đa 15 chữ số:
    - Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là nhóm ngành Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; Công nghiệp, xây dựng thì nhập số lao động <= 100, sai khác UD hiển thị cảnh báo
    - Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là nhóm ngành Thương mại, dịch vụ thì nhập số lao động <= 50, sai khác UD hiển thị cảnh báo
  - Doanh thu (VNĐ), Nguồn vốn (VNĐ): nhập số >=0, tối đa 15 chữ số, nhập Doanh thu và Nguồn vốn thỏa mãn điều kiện sau:
    - Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là 2 nhóm ngành Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; Công nghiệp, xây dựng thì Doanh thu <= 50 tỷ hoặc Nguồn vốn <= 20 tỷ
    - Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là nhóm ngành Thương mại, dịch vụ thì nhập Doanh thu <= 100 tỷ hoặc Nguồn vốn <= 50 tỷ
- Tích chọn **mục 2** nếu là **Doanh nghiệp siêu nhỏ:** nhập các thông tin trong bảng thuộc mục 2, NSD có thể thêm/bớt dòng trong bảng, các thông tin cần nhập bao gồm:

- Lĩnh vực hoạt động: chỉ cho phép kê khai 1 lĩnh vực hoạt động trong danh mục, bao gồm:
  - Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản
  - Công nghiệp, xây dựng
  - Thương mại, dịch vụ
- Số lao động: nhập số lao động >=0 và <= 10, nếu nhập >10 thì UD cảnh báo.
- Doanh thu (VNĐ) Nguồn vốn (VNĐ): nhập số >=0, tối đa 15 chữ số, nhập Doanh thu và Nguồn vốn thỏa mãn điều kiện sau:
  - Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là 2 nhóm ngành Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; Công nghiệp, xây dựng thì Doanh thu <= 3 tỷ hoặc Nguồn vốn <= 3 tỷ
  - Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là nhóm ngành Thương mại, dịch vụ thì nhập Doanh thu <= 10 tỷ hoặc Nguồn vốn <= 3 tỷ
    - Tích chọn tại **mục II** nếu là doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh hoạt động trong các lĩnh vực: tích chọn 1 hoặc nhiều lĩnh vực hoạt động.

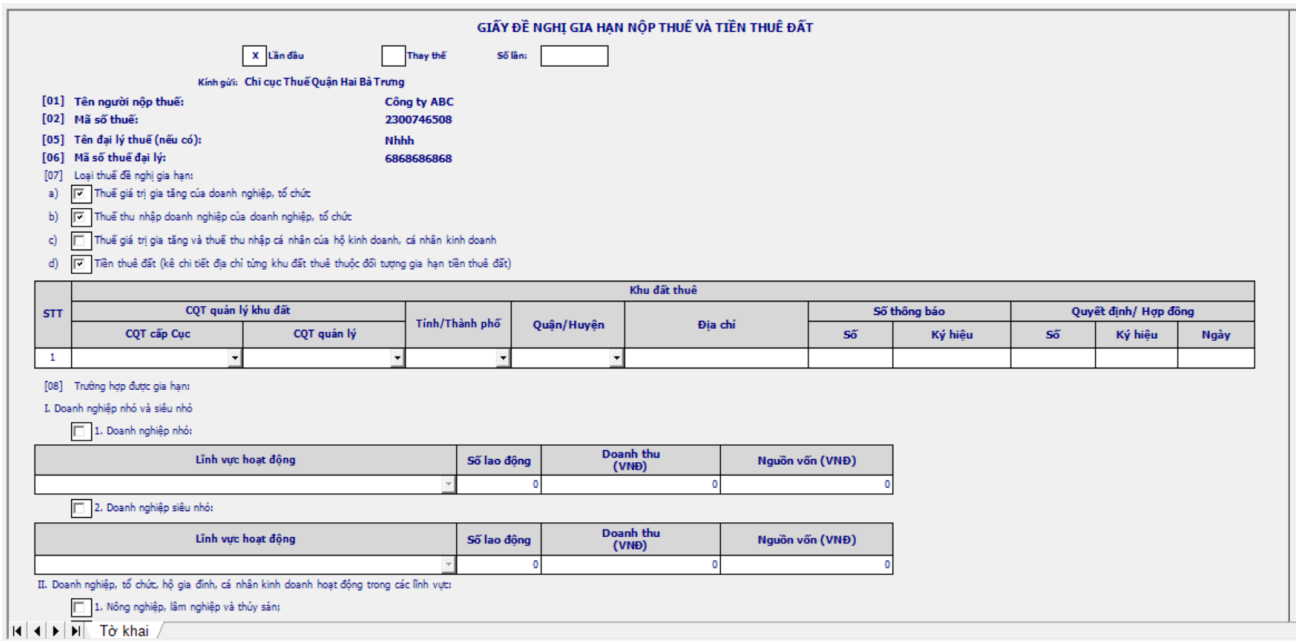
3.15.3Tờ khai giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất đáp ứng Nghị định số 64/2024/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Gia hạn nộp thuế" chọn "Giấy đề gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất (NĐ64/2024/NĐ-CP)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- Kỳ tính thuế: nhập theo định dạng dd/mm/yyyy, cho phép kê khai từ ngày 17/06/2024 đến ngày 30/09/2024
- Loại tờ khai: Tích chọn 1 trong 2 loại tờ khai là "Lần đầu" hoặc "Thay thế"
- Sau đó nhấn nút <Đồng ý>, hệ thống hiển thị màn hình kỳ kê khai như sau:


GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN NỘP THUẾ VÀ TIỀN THUÊ ĐẤT

[X] Lần đầu [ ] Thay thế Số lần:

Kính gửi: Chi cục Thuế Quận Hai Bà Trưng

[01] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[02] Mã số thuế: 2300746508
[05] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh
[06] Mã số thuế đại lý: 6868686868

[07] Loại thuế đề nghị gia hạn:
a) [x] Thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp, tổ chức
b) [x] Thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp, tổ chức
c) [ ] Thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh
d) [x] Tiền thuê đất (kê chi tiết địa chỉ từng khu đất thuê thuộc đối tượng gia hạn tiền thuê đất)

STT	Khu đất thuê									
	CQT quản lý khu đất		Tỉnh/Thành phố	Quận/Huyện	Địa chỉ	Số thông báo		Quyết định/ Hợp đồng		
	CQT cấp Cục	CQT quản lý				Số	Ký hiệu	Số	Ký hiệu	Ngày
1										

[08] Trường hợp được gia hạn:

I. Doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ

[ ] 1. Doanh nghiệp nhỏ:

Lĩnh vực hoạt động	Số lao động	Doanh thu (VNĐ)	Nguồn vốn (VNĐ)
	0	0	0

[ ] 2. Doanh nghiệp siêu nhỏ:

Lĩnh vực hoạt động	Số lao động	Doanh thu (VNĐ)	Nguồn vốn (VNĐ)
	0	0	0

II. Doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh hoạt động trong các lĩnh vực:

[ ] 1. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản:

Tờ khai

Chi tiết các chỉ tiêu sau:

- Thông tin chung của tờ khai: UD hỗ trợ tự động hiển thị theo MST đăng nhập hệ thống
  + Kính gửi: Hiển thị theo CQT quản lý
  + [01]Tên người nộp thuế
  + [02] Mã số thuế
  + [03] Địa chỉ
  + [04] Điện thoại
  + [05] Tên đại lý thuế (nếu có)
  + [06] Mã số thuế (đại lý thuế)

– Các chỉ tiêu cần nhập:

+ [07] Loại thuế đề nghị gia hạn:

• UD mặc định tích chọn 3 mục a, b, d, cho phép NNT sửa bỏ tích chọn, nếu NNT không tích chọn đồng thời cả a) và b) (trường hợp chỉ tích chọn a, không tích chọn b hoặc chỉ tích chọn b, không tích chọn a) thì hiển thị cảnh báo vàng "NNT được quyền đề nghị gia hạn đồng thời thuế GTGT và thuế TNDN. NNT vui lòng kiểm tra kỹ thông tin này", bắt buộc phải tích chọn 1 trong các chỉ tiêu:

o a) Thuế GTTT của doanh nghiệp, tổ chức
o b) Thuế TNDN của doann nghiệp, tổ chức
o c) Thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh
o d) Tiền thuê đất (kê chi tiết địa chỉ từng khu đất thuê thuộc đối tượng gia hạn tiền thuê đất)

• Nhập thông tin **"Khu đất thuê"**: bắt buộc nhập khi tích chọn mục d, nếu không tích chọn mục d thì khóa không cho nhập. Cho phép nhập nhiều dòng (thêm dòng, xóa dòng)

o Nhập CQT quản lý khu đất:
  ▪ CQT cấp cục: chọn trong danh mục
  ▪ CQT quản lý: chọn trong danh mục
o Tỉnh/Thành phố: Tự động hiển thị theo CQT quản lý, không cho sửa

- Quận/Huyện:
  - Nếu CQT quản lý là Cục Thuế: cho phép NNT chọn Quận/Huyện thuộc Tỉnh/Thành Phố
  - Nếu CQT quản lý là Chi cục Thuế: UD tự động hiển thị theo CQT quản lý, không cho sửa
- Nhập địa chỉ: nhập dạng text
- Số thông báo:
  - Số: Nhập text
  - Ký hiệu: Nhập text
- Quyết định/Hợp đồng:
  - Số: Nhập kiểu số nguyên > 0
  - Ký hiệu: Nhập dạng text
  - Ngày: Nhập đúng định dạng dd/mm/yyyy. Ngày <= Ngày hiện tại

+ **[08] Trường hợp được gia hạn**: Bắt buộc tích chọn ở mục I hoặc II, không được để trống cả 2

- Nhập thông tin vào **mục I** nếu là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, tích chọn 1 trong 2 mục a hoặc b, không được tích chọn đồng thời cả 2. Tích chọn mục nào thì UD mở cho phép nhập dữ liệu bảng thuộc mục đó

- Tích chọn **mục 1** nếu là **doanh nghiệp nhỏ**: nhập các thông tin trong bảng thuộc mục a, NSD có thể thêm/bớt dòng trong bảng, các thông tin cần nhập bao gồm:
  - Lĩnh vực hoạt động: chỉ cho phép kê khai 1 lĩnh vực trong danh mục, bao gồm:
    - Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản
    - Công nghiệp, xây dựng
    - Thương mại, dịch vụ
  - Số lao động: nhập số >=0, tối đa 15 chữ số:
    - Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là nhóm ngành Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; Công nghiệp, xây dựng thì nhập số lao động <= 100, sai khác UD hiển thị cảnh báo
    - Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là nhóm ngành Thương mại, dịch vụ thì nhập số lao động <= 50, sai khác UD hiển thị cảnh báo
  - Doanh thu (VNĐ), Nguồn vốn (VNĐ): nhập số >=0, tối đa 15 chữ số, nhập Doanh thu và Nguồn vốn thỏa mãn điều kiện sau:
    - Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là 2 nhóm ngành Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; Công nghiệp, xây dựng thì Doanh thu <= 50 tỷ hoặc Nguồn vốn <= 20 tỷ
    - Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là nhóm ngành Thương mại, dịch vụ thì nhập Doanh thu <= 100 tỷ hoặc Nguồn vốn <= 50 tỷ
- Tích chọn **mục 2** nếu là **Doanh nghiệp siêu nhỏ:** nhập các thông tin trong bảng thuộc mục 2, NSD có thể thêm/bớt dòng trong bảng, các thông tin cần nhập bao gồm:

- Lĩnh vực hoạt động: chỉ cho phép kê khai 1 lĩnh vực hoạt động trong danh mục, bao gồm:
  - Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản
  - Công nghiệp, xây dựng
  - Thương mại, dịch vụ
- Số lao động: nhập số lao động >=0 và <= 10, nếu nhập >10 thì UD cảnh báo.
- Doanh thu (VNĐ) Nguồn vốn (VNĐ): nhập số >=0, tối đa 15 chữ số, nhập Doanh thu và Nguồn vốn thỏa mãn điều kiện sau:
  - Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là 2 nhóm ngành Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; Công nghiệp, xây dựng thì Doanh thu <= 3 tỷ hoặc Nguồn vốn <= 3 tỷ
  - Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là nhóm ngành Thương mại, dịch vụ thì nhập Doanh thu <= 10 tỷ hoặc Nguồn vốn <= 3 tỷ
    - Tích chọn tại **mục II** nếu là doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh hoạt động trong các lĩnh vực: tích chọn 1 hoặc nhiều lĩnh vực hoạt động.

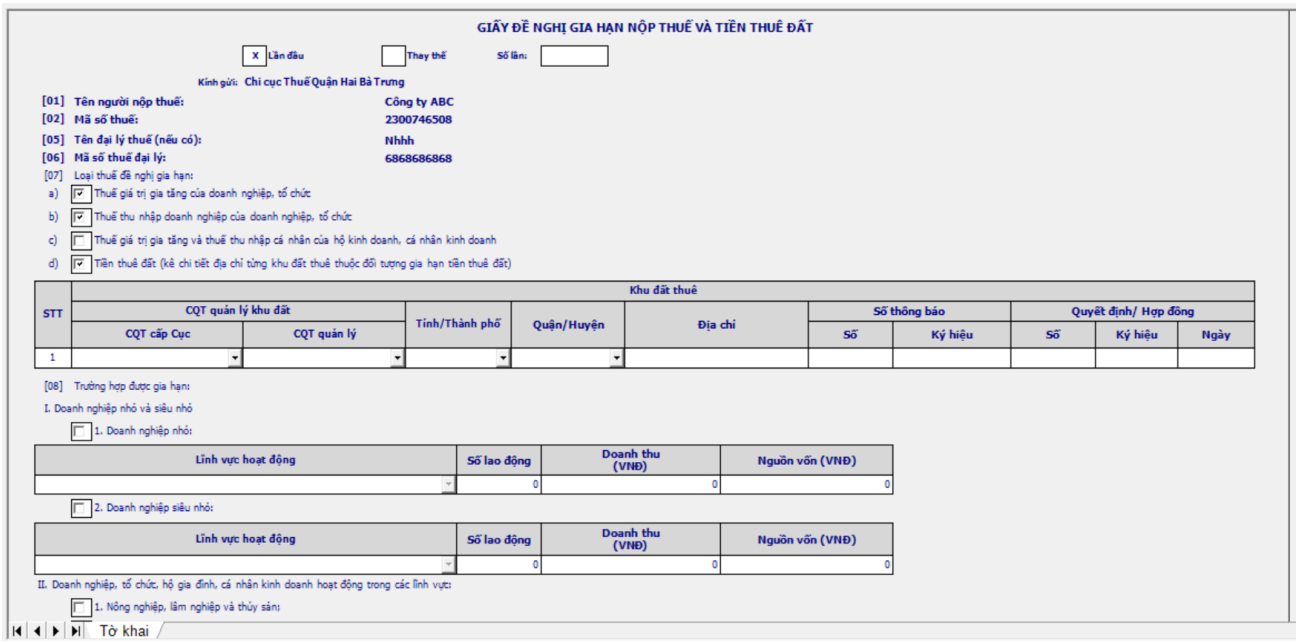
3.15.4Tờ khai giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất đáp ứng Nghị định số 82/2025/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Gia hạn nộp thuế" chọn "Giấy đề gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất (NĐ82/2025/NĐ-CP)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- Kỳ tính thuế: nhập theo định dạng dd/mm/yyyy, cho phép kê khai từ ngày 02/04/2025 đến ngày 30/05/2025
- Loại tờ khai: Tích chọn 1 trong 2 loại tờ khai là "Lần đầu" hoặc "Thay thế"
- Sau đó nhấn nút <Đồng ý>, hệ thống hiển thị màn hình kỳ kê khai như sau:


GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN NỘP THUẾ VÀ TIỀN THUÊ ĐẤT

[X] Lần đầu [ ] Thay thế Số lần:

Kính gửi: Chi cục Thuế Quận Hai Bà Trưng

[01] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[02] Mã số thuế: 2300746508
[05] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh
[06] Mã số thuế đại lý: 6868686868

[07] Loại thuế đề nghị gia hạn:
a) [x] Thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp, tổ chức
b) [x] Thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp, tổ chức
c) [ ] Thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh
d) [x] Tiền thuê đất (kê chi tiết địa chỉ từng khu đất thuê thuộc đối tượng gia hạn tiền thuê đất)

STT	Khu đất thuê									
	CQT quản lý khu đất		Tỉnh/Thành phố	Quận/Huyện	Địa chỉ	Số thông báo		Quyết định/ Hợp đồng		
	CQT cấp Cục	CQT quản lý				Số	Ký hiệu	Số	Ký hiệu	Ngày
1										

[08] Trường hợp được gia hạn:

I. Doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ

[ ] 1. Doanh nghiệp nhỏ:

Lĩnh vực hoạt động	Số lao động	Doanh thu (VNĐ)	Nguồn vốn (VNĐ)
	0	0	0

[ ] 2. Doanh nghiệp siêu nhỏ:

Lĩnh vực hoạt động	Số lao động	Doanh thu (VNĐ)	Nguồn vốn (VNĐ)
	0	0	0

II. Doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh hoạt động trong các lĩnh vực:

[ ] 1. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản:

Tờ khai

Chi tiết các chỉ tiêu sau:

- Thông tin chung của tờ khai: UD hỗ trợ tự động hiển thị theo MST đăng nhập hệ thống
  + Kính gửi: Hiển thị theo CQT quản lý
  + [01]Tên người nộp thuế
  + [02] Mã số thuế
  + [03] Địa chỉ
  + [04] Điện thoại
  + [05] Tên đại lý thuế (nếu có)
  + [06] Mã số thuế (đại lý thuế)

– Các chỉ tiêu cần nhập:

+ [07] Loại thuế đề nghị gia hạn:

• UD mặc định tích chọn 3 mục a, b, d, cho phép NNT sửa bỏ tích chọn, nếu NNT không tích chọn đồng thời cả a) và b) (trường hợp chỉ tích chọn a, không tích chọn b hoặc chỉ tích chọn b, không tích chọn a) thì hiển thị cảnh báo vàng "NNT được quyền đề nghị gia hạn đồng thời thuế GTGT và thuế TNDN. NNT vui lòng kiểm tra kỹ thông tin này", bắt buộc phải tích chọn 1 trong các chỉ tiêu:

o a) Thuế GTTT của doanh nghiệp, tổ chức
o b) Thuế TNDN của doann nghiệp, tổ chức
o c) Thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh
o d) Tiền thuê đất (kê chi tiết địa chỉ từng khu đất thuê thuộc đối tượng gia hạn tiền thuê đất)

• Nhập thông tin **"Khu đất thuê"**: bắt buộc nhập khi tích chọn mục d, nếu không tích chọn mục d thì khóa không cho nhập. Cho phép nhập nhiều dòng (thêm dòng, xóa dòng)

o Nhập CQT quản lý khu đất:
  ▪ CQT cấp cục: chọn trong danh mục
  ▪ CQT quản lý: chọn trong danh mục
o Tỉnh/Thành phố: Tự động hiển thị theo CQT quản lý, không cho sửa

- Quận/Huyện:
  - Nếu CQT quản lý là Cục Thuế: cho phép NNT chọn Quận/Huyện thuộc Tỉnh/Thành Phố
  - Nếu CQT quản lý là Chi cục Thuế: UD tự động hiển thị theo CQT quản lý, không cho sửa
- Nhập địa chỉ: nhập dạng text
- Số thông báo:
  - Số: Nhập text
  - Ký hiệu: Nhập text
- Quyết định/Hợp đồng:
  - Số: Nhập kiểu số nguyên > 0
  - Ký hiệu: Nhập dạng text
  - Ngày: Nhập đúng định dạng dd/mm/yyyy. Ngày <= Ngày hiện tại

+ **[08] Trường hợp được gia hạn**: Bắt buộc tích chọn ở mục I hoặc II, không được để trống cả 2

- Nhập thông tin vào **mục I** nếu là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, tích chọn 1 trong 2 mục a hoặc b, không được tích chọn đồng thời cả 2. Tích chọn mục nào thì UD mở cho phép nhập dữ liệu bảng thuộc mục đó

- Tích chọn **mục 1** nếu là **doanh nghiệp nhỏ**: nhập các thông tin trong bảng thuộc mục a, NSD có thể thêm/bớt dòng trong bảng, các thông tin cần nhập bao gồm:
  - Lĩnh vực hoạt động: chỉ cho phép kê khai 1 lĩnh vực trong danh mục, bao gồm:
    - Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản
    - Công nghiệp, xây dựng
    - Thương mại, dịch vụ
  - Số lao động: nhập số >=0, tối đa 15 chữ số:
    - Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là nhóm ngành Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; Công nghiệp, xây dựng thì nhập số lao động <= 100, sai khác UD hiển thị cảnh báo
    - Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là nhóm ngành Thương mại, dịch vụ thì nhập số lao động <= 50, sai khác UD hiển thị cảnh báo
  - Doanh thu (VNĐ), Nguồn vốn (VNĐ): nhập số >=0, tối đa 15 chữ số, nhập Doanh thu và Nguồn vốn thỏa mãn điều kiện sau:
    - Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là 2 nhóm ngành Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; Công nghiệp, xây dựng thì Doanh thu <= 50 tỷ hoặc Nguồn vốn <= 20 tỷ
    - Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là nhóm ngành Thương mại, dịch vụ thì nhập Doanh thu <= 100 tỷ hoặc Nguồn vốn <= 50 tỷ
- Tích chọn **mục 2** nếu là **Doanh nghiệp siêu nhỏ:** nhập các thông tin trong bảng thuộc mục 2, NSD có thể thêm/bớt dòng trong bảng, các thông tin cần nhập bao gồm:

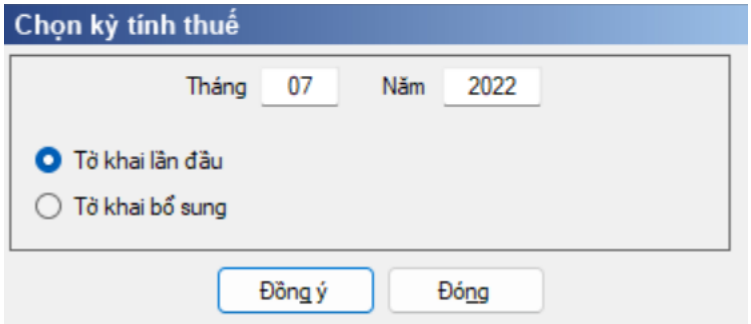
- Lĩnh vực hoạt động: chỉ cho phép kê khai 1 lĩnh vực hoạt động trong danh mục, bao gồm:
  - Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản
  - Công nghiệp, xây dựng
  - Thương mại, dịch vụ
- Số lao động: nhập số lao động >=0 và <= 10, nếu nhập >10 thì UD cảnh báo.
- Doanh thu (VNĐ) Nguồn vốn (VNĐ): nhập số >=0, tối đa 15 chữ số, nhập Doanh thu và Nguồn vốn thỏa mãn điều kiện sau:
  - Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là 2 nhóm ngành Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; Công nghiệp, xây dựng thì Doanh thu <= 3 tỷ hoặc Nguồn vốn <= 3 tỷ
  - Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là nhóm ngành Thương mại, dịch vụ thì nhập Doanh thu <= 10 tỷ hoặc Nguồn vốn <= 3 tỷ
    - Tích chọn tại **mục II** nếu là doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh hoạt động trong các lĩnh vực: tích chọn 1 hoặc nhiều lĩnh vực hoạt động.

3.16 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Nhà cung cấp nước ngoài

3.16.1 Tờ khai thuế đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử tại Việt Nam (Mẫu số 03/NCCNN) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

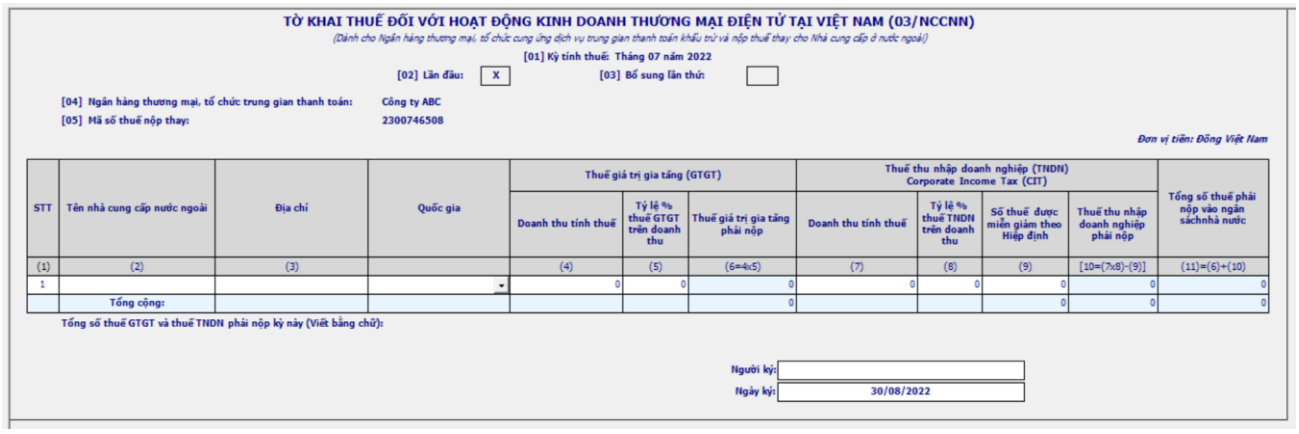
- Từ menu chức năng "Kê khai/Nhà cung cấp nước ngoài" chọn "TK thuế đối với hoạt động kinh doanh TMĐT tại VN (03/NCCNN)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- Nhập ngày lập: nhập theo định dạng mm/yyyy
- Chọn "Tờ khai lần đầu" hoặc "Tờ khai bổ sung"
- Sau đó nhấn nút <Đồng ý>, hệ thống hiển thị màn hình kỳ kê khai như sau:

3.16.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



TỜ KHAI THUẾ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TẠI VIỆT NAM (03/NCCNN)

(Dành cho Ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán khấu trừ và nộp thuế thay cho Nhà cung cấp ở nước ngoài)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu: X [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Ngân hàng thương mại, tổ chức trung gian thanh toán: Công ty ABC

[05] Mã số thuế nộp thay: 2300746508

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên nhà cung cấp nước ngoài	Địa chỉ	Quốc gia	Thuế giá trị gia tăng (GTGT)			Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) Corporate Income Tax (CIT)				Tổng số thuế phải nộp vào ngân sáchnhà nước
				Doanh thu tính thuế	Tỷ lệ % thuế GTGT trên doanh thu	Thuế giá trị gia tăng phải nộp	Doanh thu tính thuế	Tỷ lệ % thuế TNDN trên doanh thu	Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6=4x5)	(7)	(8)	(9)	[10=(7x8)-(9)]	(11)=(6)+(10)
1				0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng:					0			0	0	0

Tổng số thuế GTGT và thuế TNDN phải nộp kỳ này (Viết bằng chữ):

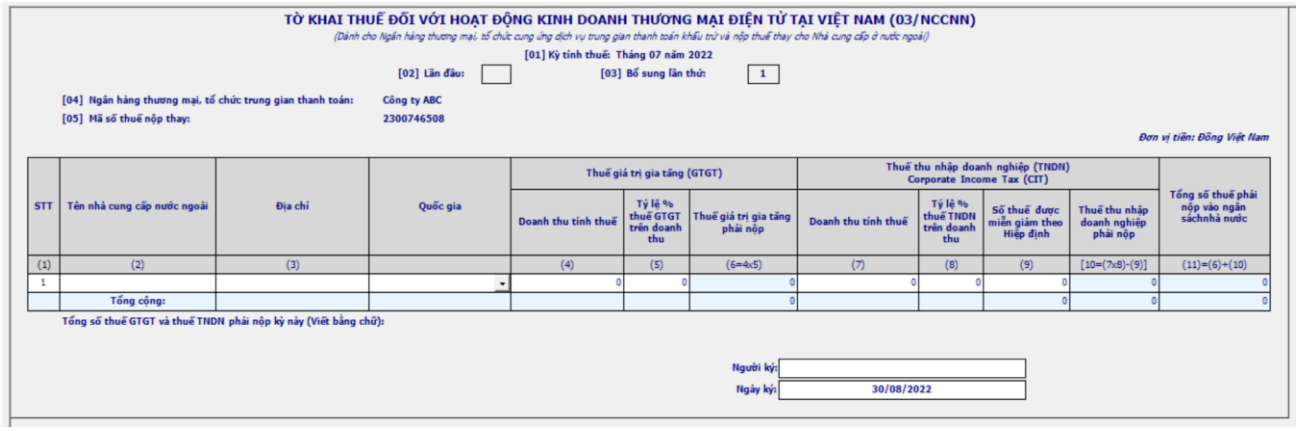
Người ký:

Ngày ký: 30/08/2022

- Chi tiết các chỉ tiêu như sau:
  + Các chỉ tiêu lấy từ thông tin chung: [04], [05], [06], [07], [08], [09], [10], [11]
  + Các chỉ tiêu cần nhập:
    - Cột (2), cột (3): Cho phép nhập dạng text
    - Cột (4), (7), (9): NNT nhập dạng số, không âm
    - Cột (5), (8): NNT nhập dạng số, không âm, không lớn hơn 100
  + Các chỉ tiêu tính toán:
    - Cột (6): UD tự động tính theo công thức (6) = (4) * (5), không cho sửa
    - Cột (10): UD tự động tính theo công thức (10) = (7) * (8) – (9), không cho sửa
    - Cột (11): UD tự động tính theo công thức (11) = (6) + (10), không cho sửa
    - Tổng cộng: Chỉ tiêu [12] = Tổng cộng cột (6), chỉ tiêu [13] = Tổng cột (10), chỉ tiêu [14] = Tổng cột (11)
    - Tự động hiển thị theo tổng cộng cột (11)

3.16.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".



TỜ KHAI THUẾ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TẠI VIỆT NAM (03/NCCNN)

(Dành cho Ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán khấu trừ và nộp thuế thay cho Nhà cung cấp ở nước ngoài)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Ngân hàng thương mại, tổ chức trung gian thanh toán: Công ty ABC

[05] Mã số thuế nộp thay: 2300746508

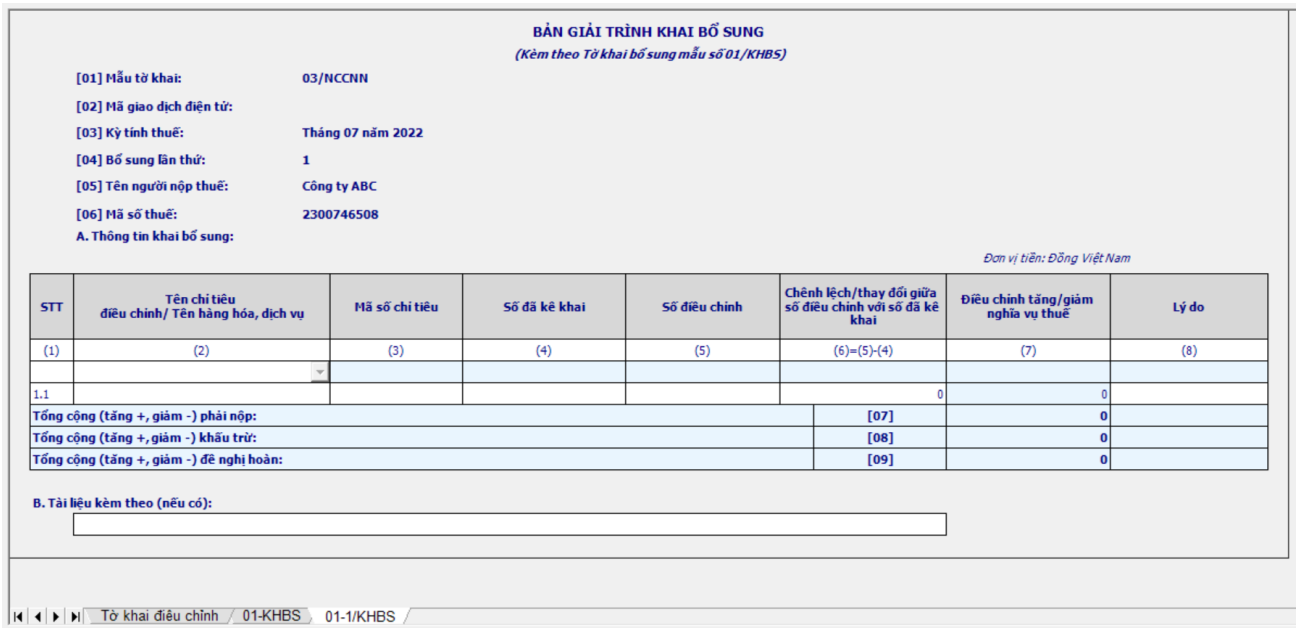
Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên nhà cung cấp nước ngoài	Địa chỉ	Quốc gia	Thuế giá trị gia tăng (GTGT)			Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) Corporate Income Tax (CIT)				Tổng số thuế phải nộp vào ngân sáchnhà nước
				Doanh thu tính thuế	Tỷ lệ % thuế GTGT trên doanh thu	Thuế giá trị gia tăng phải nộp	Doanh thu tính thuế	Tỷ lệ % thuế TNDN trên doanh thu	Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6=4x5)	(7)	(8)	(9)	[10=(7x8)-(9)]	(11)=(6)+(10)
1				0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng:					0			0	0	0

Tổng số thuế GTGT và thuế TNDN phải nộp kỳ này (Viết bằng chữ):

Người ký:

Ngày ký: 30/08/2022


BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 03/NCCNN

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

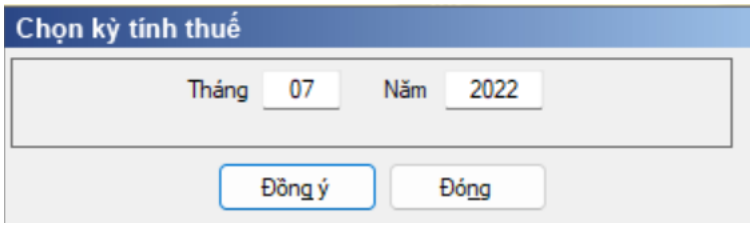
Tờ khai điều chỉnh | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

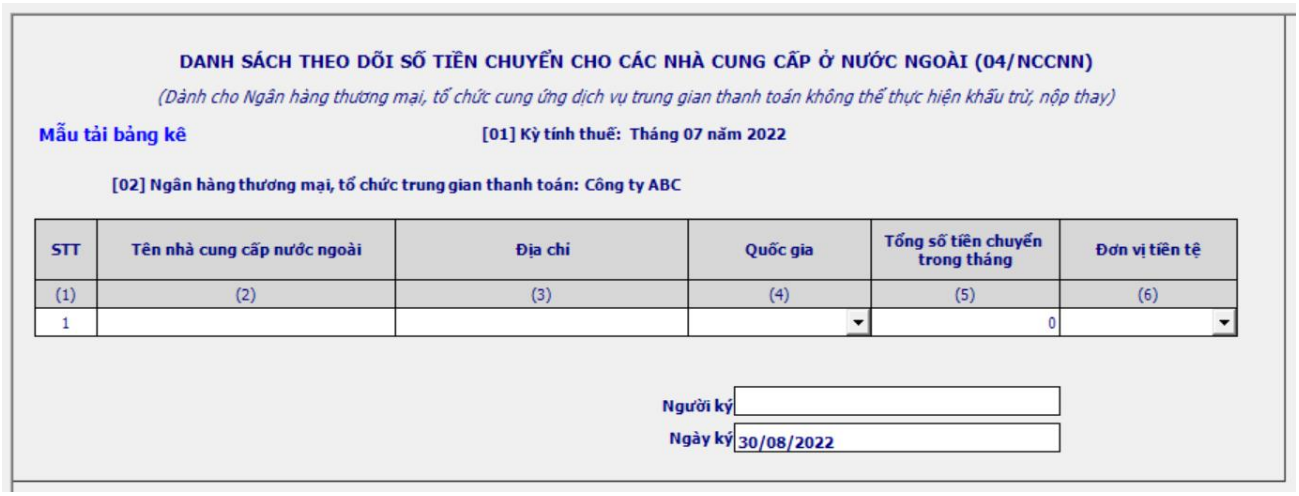
3.16.2 Mẫu biểu Danh sách theo dõi số tiền chuyển cho các nhà cung cấp ở nước ngoài (Mẫu số 04/NCCNN) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Nhà cung cấp nước ngoài" chọn "Danh sách theo dõi số tiền chuyển cho NCCNN (04/NCCNN)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- Nhập thời gian lập: nhập theo định dạng mm/yyyy
- Sau đó nhấn nút <Đồng ý>, hệ thống hiển thị màn hình kỳ kê khai như sau:
- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:


DANH SÁCH THEO DÕI SỐ TIỀN CHUYỂN CHO CÁC NHÀ CUNG CẤP Ở NƯỚC NGOÀI (04/NCCNN)

(Dành cho Ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán không thể thực hiện khấu trừ, nộp thay)

Mẫu tải bảng kê

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[02] Ngân hàng thương mại, tổ chức trung gian thanh toán: Công ty ABC

STT	Tên nhà cung cấp nước ngoài	Địa chỉ	Quốc gia	Tổng số tiền chuyển trong tháng	Đơn vị tiền tệ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1				0	

Người ký

Ngày ký 30/08/2022

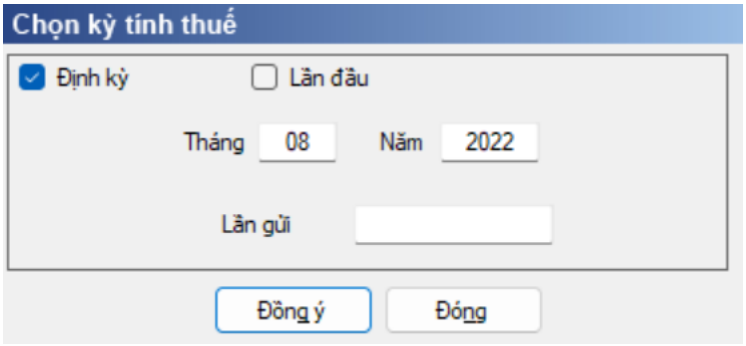
- Chi tiết các chỉ tiêu như sau:
  + Các chỉ tiêu lấy từ thông tin chung: [02], [03], [04], [05], [06], [07], [08]
  + Các chỉ tiêu cần nhập:
    - Cột (2), cột (3): Cho phép nhập dạng text
    - Cột (4): Chọn trong danh mục Quốc gia
    - Cột (5): NNT nhập dạng số, không âm
    - Cột (6): Cho phép chọn trong danh mục

3.17 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Danh sách số hiệu tài khoản thanh toán

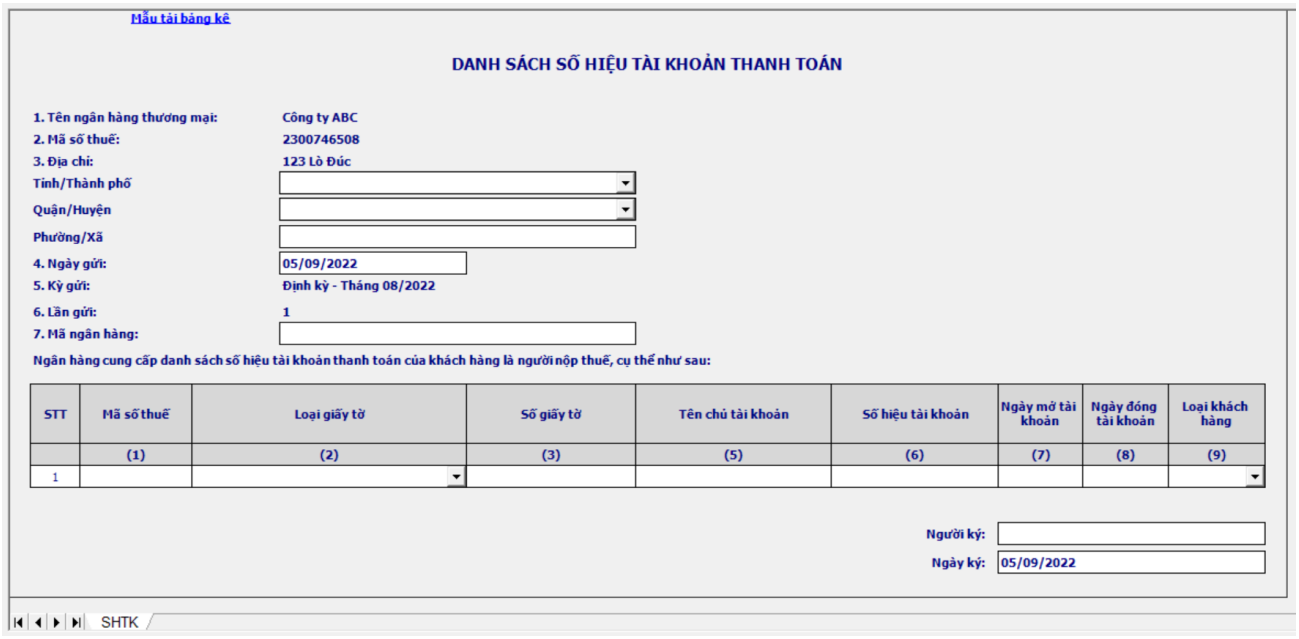
3.17.1 Danh sách số hiệu tài khoản thanh toán đáp ứng yêu cầu tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Danh sách số hiệu tài khoản thanh toán" chọn "DS số hiệu tài khoản thanh toán (NĐ 126/2020/NĐ-CP)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- Kiểu kỳ: NNT bắt buộc chọn 1 trong 2 loại kỳ: Lần đầu và Định kỳ
- Kỳ kê khai: Đối với kỳ khai "Lần đầu": nhập theo định dạng DD/MM/YYYY; Đối với kỳ khai "Định kỳ": nhập theo định dạng MM/YYYY
- Lần gửi: NNT nhập dạng số nguyên dương
- Sau đó nhấn nút <Đồng ý>, hệ thống hiển thị màn hình kỳ kê khai như sau:



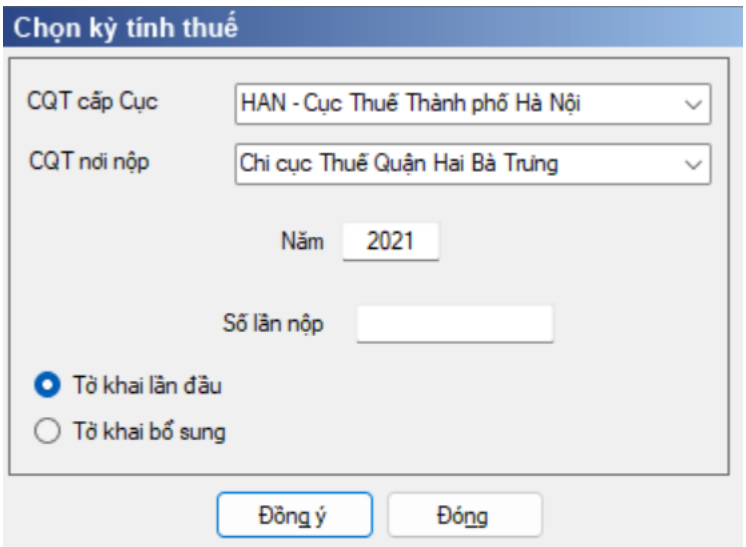
- Cho phép Ngân hàng nộp tờ khai trắng
- Chi tiết các chỉ tiêu như sau:
  + Các chỉ tiêu lấy từ thông tin chung: 1, 2, 3, 5, 6
  + Mã ngân hàng: Bắt buộc nhập, kiểm tra đúng cấu trúc 8 số
  + Các chỉ tiêu cần nhập:
    - Cột (1): Kiểm tra đúng cấu trúc MST
    - Cột (2): Nếu chọn loại khách hàng là "Tổ chức" thì cho phép chọn "Loại giấy tờ" bao gồm: *Mã số doanh nghiệp- 1, Số của giấy tờ chứng minh việc tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật -2;* Nếu chọn loại khách hàng là "Cá nhân" thì cho phép chọn "Loại giấy tờ" bao gồm: *CMT – 3, Thẻ căn cước – 4, Hộ chiếu – 5.*
    - Cột (3): Kiểm tra số CMND/ CCCD phải thỏa mãn: Đối với cá nhân là Số CMT (9 hoặc 12 ký tự) hoặc số thẻ căn cước(12 ký tự) hoặc số hộ chiếu (6 ký tự)
    - Cột (4), (5): NNT nhập dạng text
    - Cột (6): Cho phép nhập đúng định dạng dd/mm/yyyy, Kiểm tra không được lớn hơn ngày hiện tại
    - Cột (7): Cho phép nhập đúng định dạng dd/mm/yyyy, Kiểm tra không được lớn hơn ngày hiện tại và phải lớn hơn ngày mở
    - Cột (8): Chọn trong danh mục "Loại khách hàng" gồm: Tổ chức – 01, Cá nhân – 02

3.18 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Đất đai

3.18.1 Tờ khai thuế sử dụng đất nông nghiệp áp dụng với tổ chức có đất chịu thuế (Mẫu số 01/SDDNN) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Đất đai" chọn "Tờ khai thuế sử dụng đất nông nghiệp (01/SDDNN)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  + CQT nộp tờ khai: tại nơi phát sinh đất
  + Hiệu lực: Tờ khai có hiệu lực từ năm 2022

+ Hạn nộp tờ khai: Căn cứ theo chỉ tiêu [18] - Thời điểm bắt đầu sử dụng đất để xác định

- Nếu chỉ tiêu [18] thuộc kỳ tính thuế thì là thửa đất phát sinh mới hạn nộp tờ khai là 30 ngày kể từ ngày phát sinh
- Nếu chỉ tiêu [18] trước kỳ tính thuế hoặc trống thì là tờ khai hàng năm, hạn nộp tờ khai là ngày cuối cùng của tháng đầu tiên năm dương lịch

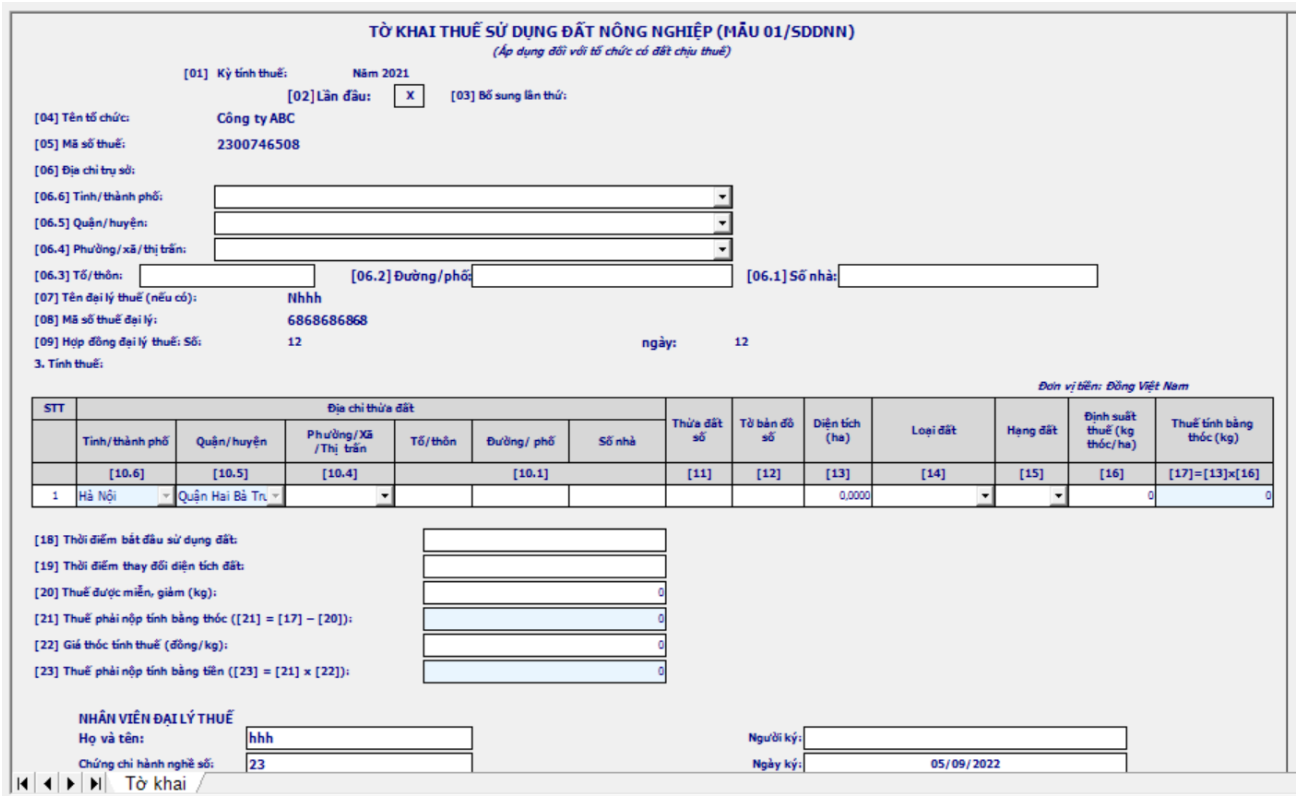
+ Tờ khai điều chỉnh, bổ sung:

- Có kê khai chỉ tiêu [19] thuộc kỳ tính thuế, hạn nộp tờ khai =chỉ tiêu [19] + 29 ngày (lùi ngày nghỉ, lễ)
- Không có chỉ tiêu [19] thì không có hạn nộp tờ khai

- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai như sau:

3.18.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



- Chi tiết các chỉ tiêu như sau:

+ Chỉ tiêu [10], [10.1], [10.2], [10.3], [10.4], [10.5], [10.6]: NNT nhập định dạng text, khi thêm dòng thì các chỉ tiêu [10.1] đến [10.6] là giống nhau

+ Chỉ tiêu [11], [12]: NTT tự nhập dạng text

+ Chỉ tiêu [13]: NNT nhập dạng số, có thập phân 4 chữ số, tối đa 16 chữ số

+ Chỉ tiêu [14], [15]: Cho phép chọn trong danh mục

+ Chỉ tiêu [16]: Hiển thị giá trị theo loại đất và hạng đất theo luật 23-L/CTN và cho phép sửa, trường hợp không có định suất thuế trong danh mục thì NSD tự nhập

+ Chỉ tiêu [18]: Với tờ khai tích chọn lần đầu bắt buộc nhập chỉ tiêu [18], chỉ tiêu [18] phải <= ngày hiện tại

+ Chỉ tiêu [19]: Cho phép NSD nhập, phải <= ngày hiện tại

+ Chỉ tiêu [20]: Cho phép NNT nhập dạng số, mặc định là 0, tối đa 12 chữ số nguyên, chỉ tiêu [20] <= tổng cột 17

+ Chỉ tiêu [22]: Cho phép NNT nhập dạng số, mặc định là 0, tối đa 12 chữ số nguyên

+ Các chỉ tiêu tính toán:

+ Chỉ tiêu [17]: Hỗ trợ tính toán theo công thức: **[17]=[13]* [16]** và không cho phép sửa

+ Chỉ tiêu [17a]: Hệ thống hỗ trợ tính toán theo công thức: [17a] = [17] * [22] và cho phép sửa

+ Chỉ tiêu [21]: UD tính theo công thức: [21] = [17] – [20]

+ Chỉ tiêu [23]: UD tính theo công thức [23] = [21] * [22], không cho phép sửa

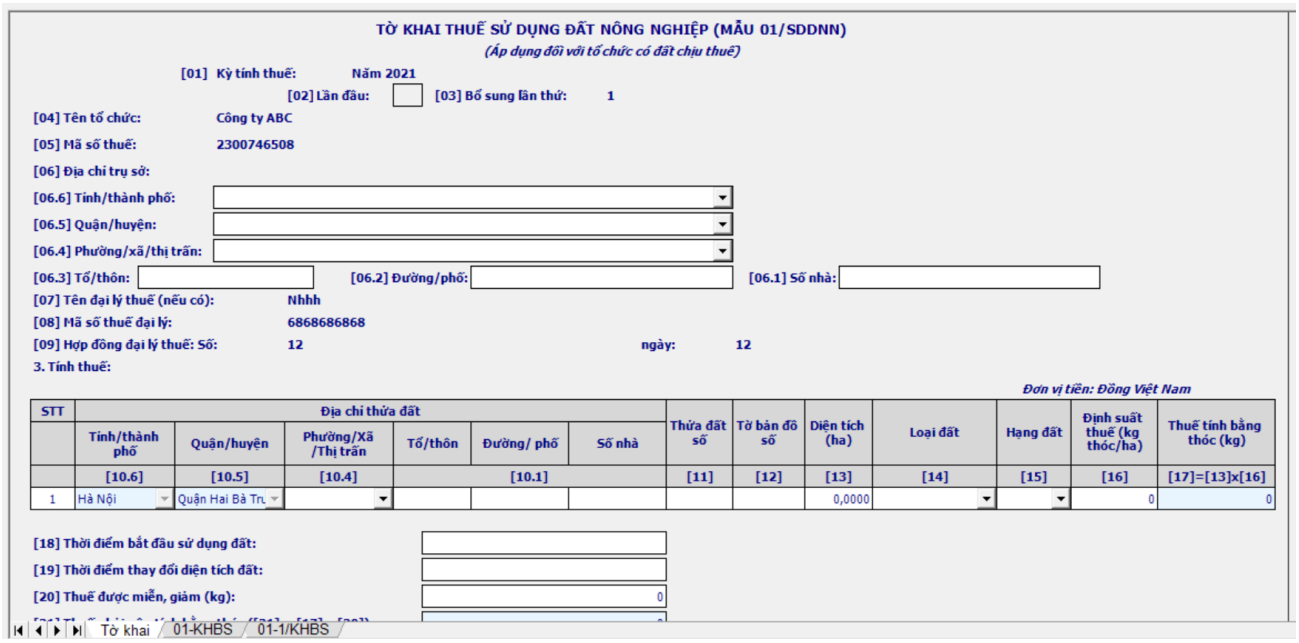
3.18.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.

- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.

- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.

- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".



TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP (MẪU 01/SDDNN)

(Áp dụng đối với tổ chức có đất chịu thuế)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Tên tổ chức: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[06] Địa chỉ trụ sở:

[06.6] Tỉnh/thành phố:

[06.5] Quận/huyện:

[06.4] Phường/xã/thị trấn:

[06.3] Tổ/thôn: [06.2] Đường/phố: [06.1] Số nhà:

[07] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[08] Mã số thuế đại lý: 6868686868

[09] Hợp đồng đại lý thuế: Số: 12 ngày: 12

3. Tính thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

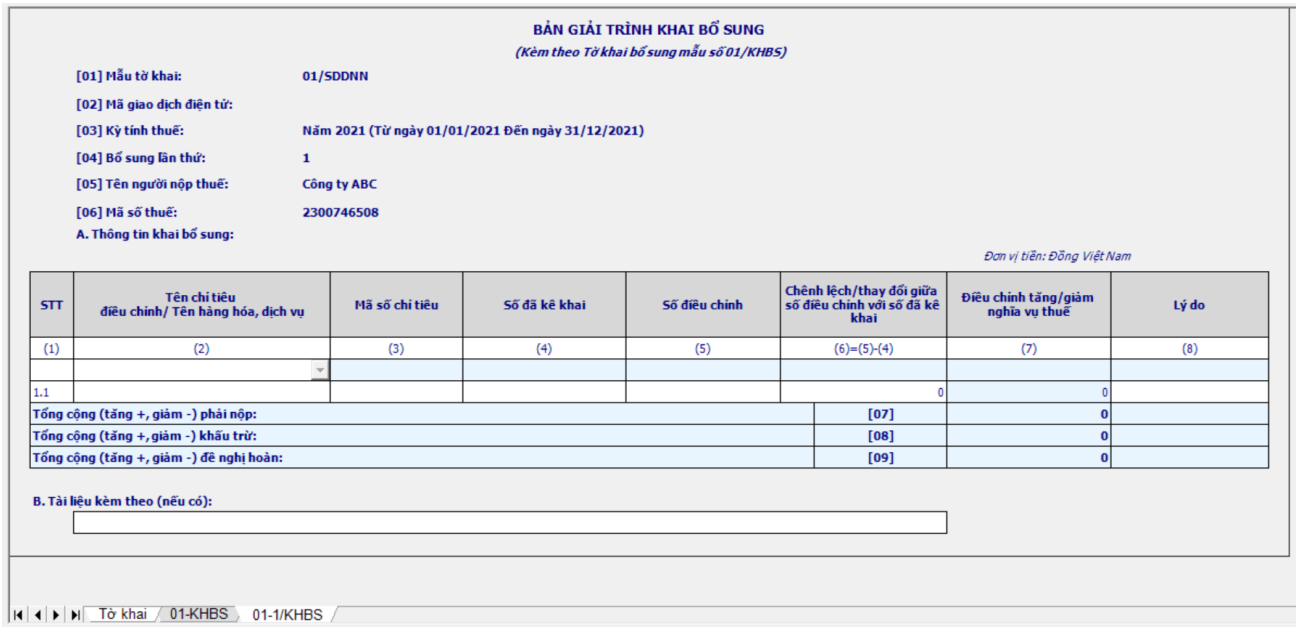
STT	Địa chỉ thửa đất						Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích (ha)	Loại đất	Hạng đất	Định suất thuế (kg thóc/ha)	Thuế tính bằng thóc (kg)
	Tỉnh/thành phố	Quận/huyện	Phường/Xã /Thị trấn	Tổ/thôn	Đường/ phố	Số nhà							
	[10.6]	[10.5]	[10.4]	[10.1]			[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]=[13]x[16]
1	Hà Nội	Quận Hai Bà Trư							0,0000			0	0

[18] Thời điểm bắt đầu sử dụng đất:

[19] Thời điểm thay đổi diện tích đất:

[20] Thuế được miễn, giảm (kg): 0

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS



BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 01/SDDNN

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021 (Từ ngày 01/01/2021 Đến ngày 31/12/2021)

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

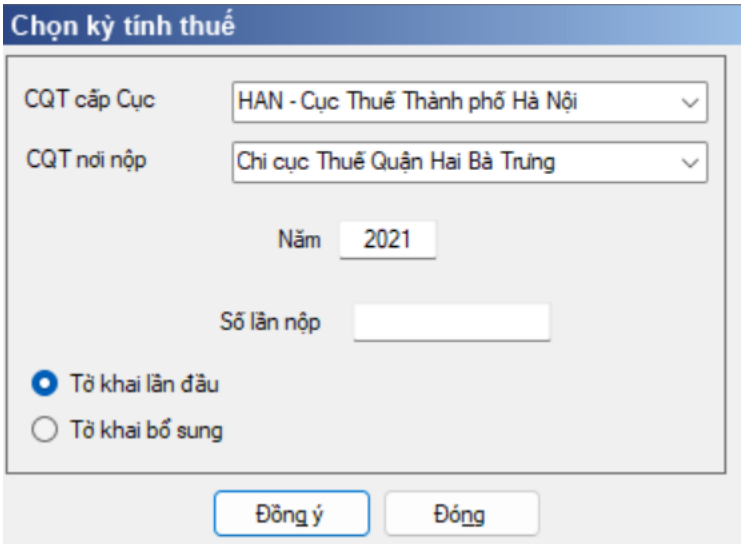
Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.18.2 Tờ khai thuế sử dụng đất nông nghiệp áp dụng cho đất trồng cây lâu năm thu hoạch một lần (Mẫu số 03/SDDNN) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Đất đai" chọn "Tờ khai thuế sử dụng đất nông nghiệp (03/SDDNN)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.

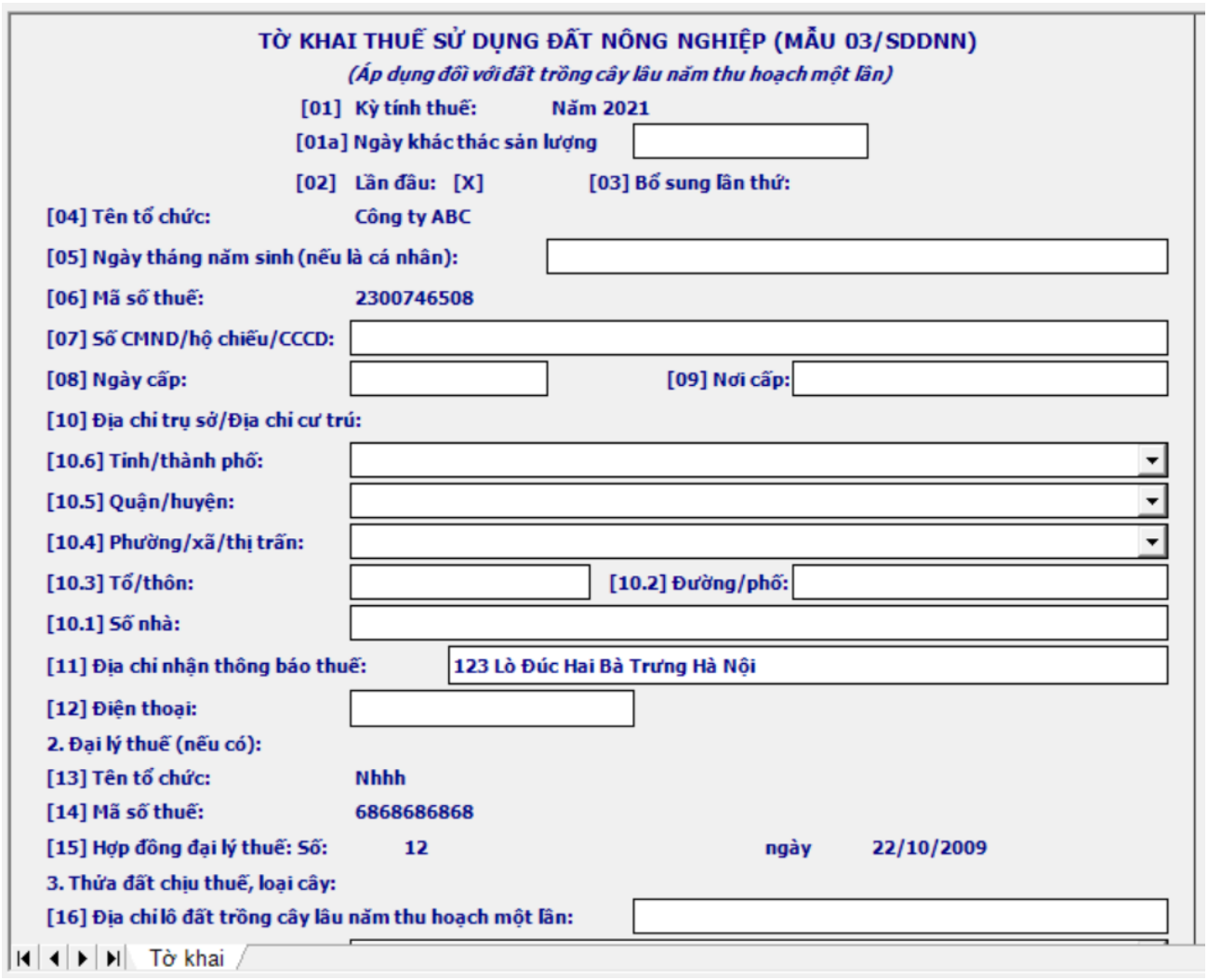


+ Hiệu lực: Tờ khai có hiệu lực từ năm 2022
+ Cơ quan thuế nộp tờ khai: tại nơi phát sinh đất thửa đất
+ Hạn nộp tờ khai: Căn cứ theo chỉ tiêu [18] - Thời điểm bắt đầu sử dụng đất để xác định
    - (Ngày khai thác sản lượng [1a] + 9 ngày (lùi ngày nghỉ, lễ)

- Sau đó nhấn nút <Đồng ý>, hệ thống hiển thị màn hình kỳ kê khai như sau:

3.18.2.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



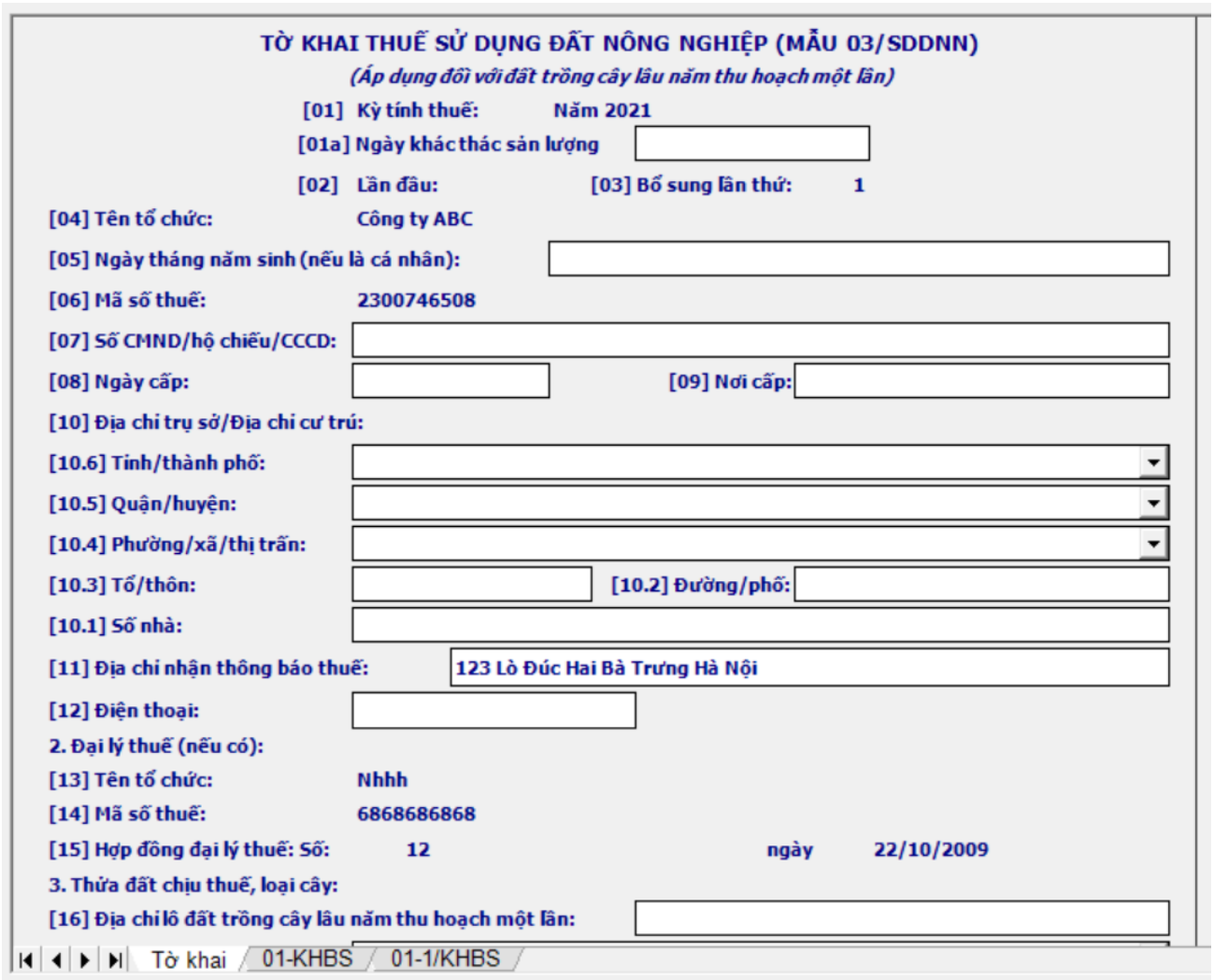
- Chi tiết các chỉ tiêu như sau:
  + Chỉ tiêu [1a]: Cho phép nhập định dạng dd/mm/yyyy
  + Chỉ tiêu [02], [03]: Hiển thị theo thông tin NNT chọn, chỉ có [02] hoặc [03]
  + Chỉ tiêu [04], [06]: Hiển thị theo thông tin đăng nhập hệ thống, không cho sửa
  + Chỉ tiêu [05], [07], [08], [09], [10.1], [10.2], [10.3]: Cho phép NNT tự nhập dạng text
  + Chỉ tiêu [10.4], [10.5], [10.6]: Cho phép NNT chọn trong danh mục
  + Chỉ tiêu [11], [12]: Hiển thị theo thông tin NNT trong thông tin chung
  + Chỉ tiêu [13], [14], [15]: Hiển thị theo thông tin ĐLT của MST đăng nhập, không cho sửa
  + Chỉ tiêu [16], [16.1], [17], [18], [20], [21], [22]: Cho phép NNT tự nhập dạng text\
  + Chỉ tiêu [16.2], [16.3], [16.4]: Chọn trong danh mục, kiểm tra Quận/huyện tương ứng với CQT nộp tờ khai; tỉnh tương ứng với CQT nộp tờ khai
  + Chỉ tiêu [19], [23], [24]: NNT tự nhập dạng số, có thập phân 4 chữ số
  + Chỉ tiêu [25], [27]: NNT nhập số nguyên, tối đa 12 chữ số
- Các chỉ tiêu tính toán:
  + Chỉ tiêu [26]: Hỗ trợ tính toán theo công thức: [26] = [23] x [24] x [25], không cho phép sửa

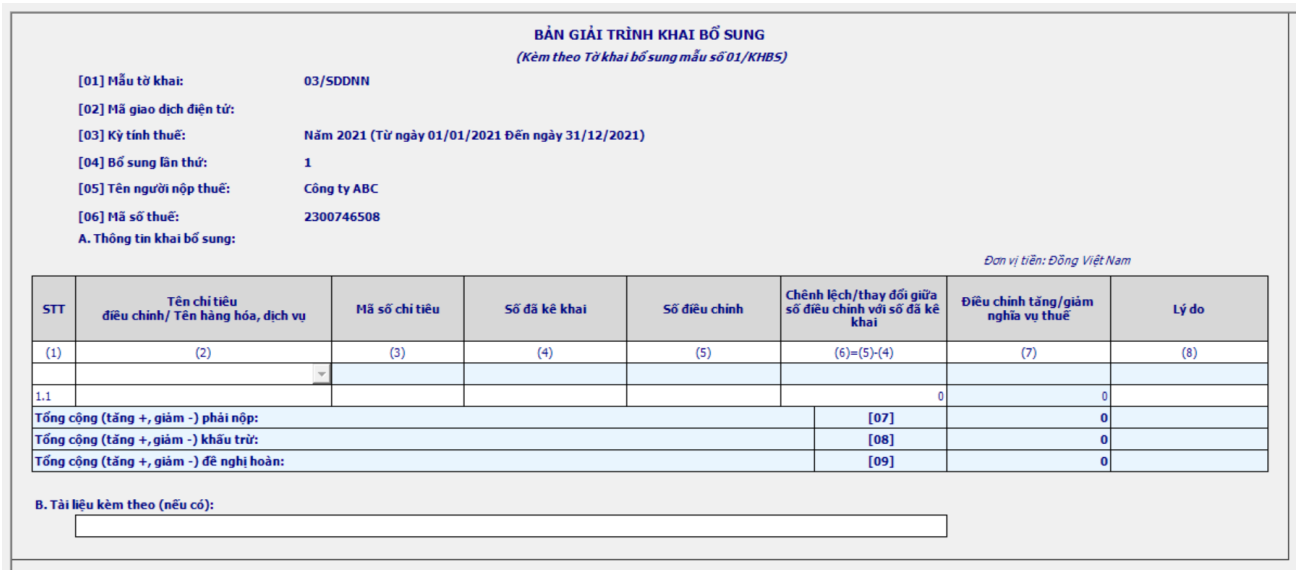
+ Chỉ tiêu [26a]: Hỗ trợ tính toán theo công thức:[26a] = [26] x [4%], không cho phép sửa

+ Chỉ tiêu [28]: Hỗ trợ tính toán theo công thức [28] = ([26] x 4%) - [27], cho phép sửa

3.18.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".





BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 03/SDDNN

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021 (Từ ngày 01/01/2021 Đến ngày 31/12/2021)

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

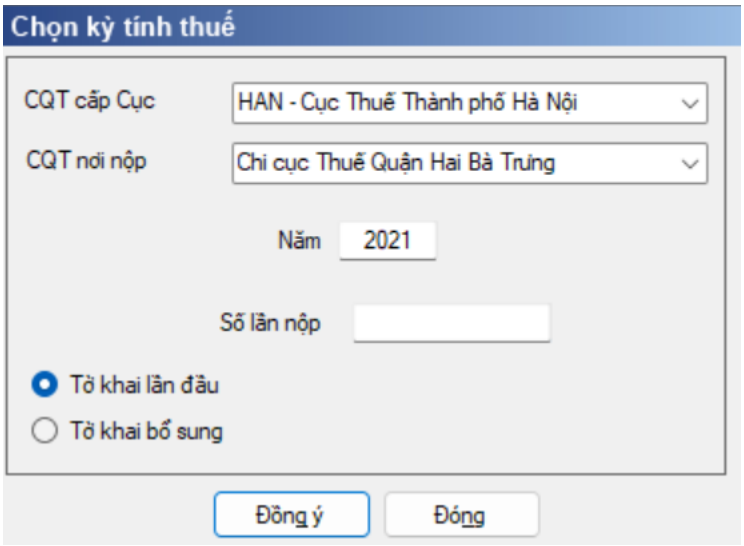
B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.18.3 Tờ khai tiền thuê đất, thuê mặt nước áp dụng cho đối tượng chưa có quyết định, hợp đồng cho thuê đất của Nhà nước (01/TMĐN) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Đất đai" chọn "Tờ khai tiền thuê đất, thuê mặt nước (01/TMĐN)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.

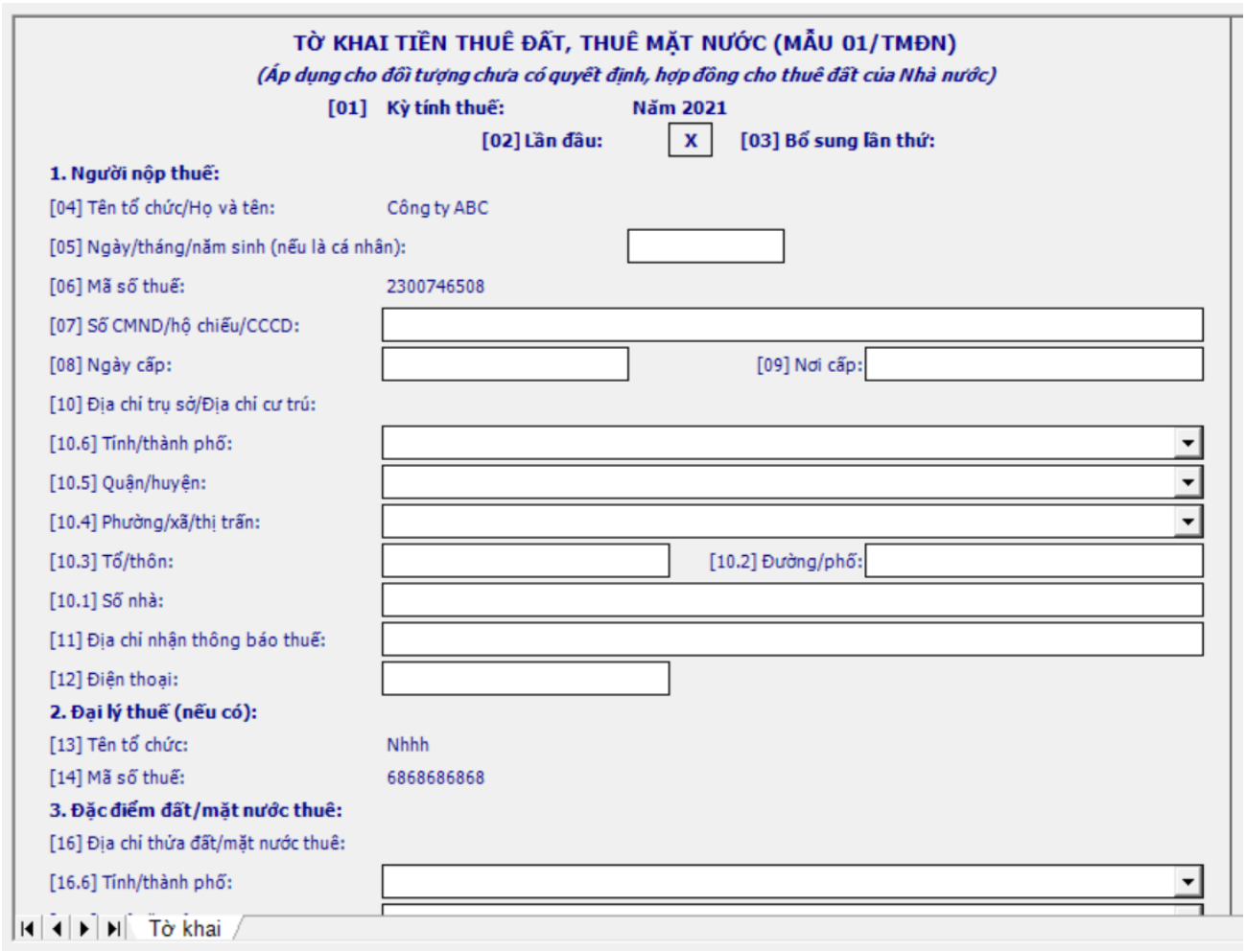


+ Hiệu lực: Tờ khai có hiệu lực từ năm 2022

- Sau đó nhấn nút <Đồng ý>, hệ thống hiển thị màn hình kỳ kê khai như sau:

3.18.3.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



- Chi tiết các chỉ tiêu như sau:

+ Chỉ tiêu [04], [06]: Hiển thị theo thông tin đăng nhập hệ thống, không cho sửa

+ Chỉ tiêu [05], [07], [08], [09], [10.1], [10.2], [10.3]: Cho phép NNT tự nhập dạng text

+ Chỉ tiêu [10.4], [10.5], [10.6]: Cho phép NNT chọn trong danh mục

+ Chỉ tiêu [11], [12]: Hiển thị theo thông tin NNT trong thông tin chung

+ Chỉ tiêu [13], [14], [15]: Hiển thị theo thông tin ĐLT của MST đăng nhập, không cho sửa

+ Chỉ tiêu [16.1], [16.2], [16.3], [17], [18]: Cho phép NNT tự nhập dạng text

+ Chỉ tiêu [16.4], [16.5], [16.6]: Chọn trong danh mục, kiểm tra Quận/huyện tương ứng với CQT nộp tờ khai; tỉnh tương ứng với CQT nộp tờ khai

+ Chỉ tiêu [19]: NNT tự nhập dạng số, có thập phân 4 chữ số, Chỉ tiêu 19 >= tổng chỉ tiêu (21+22+23+ 24+25), sai khác cảnh báo đỏ

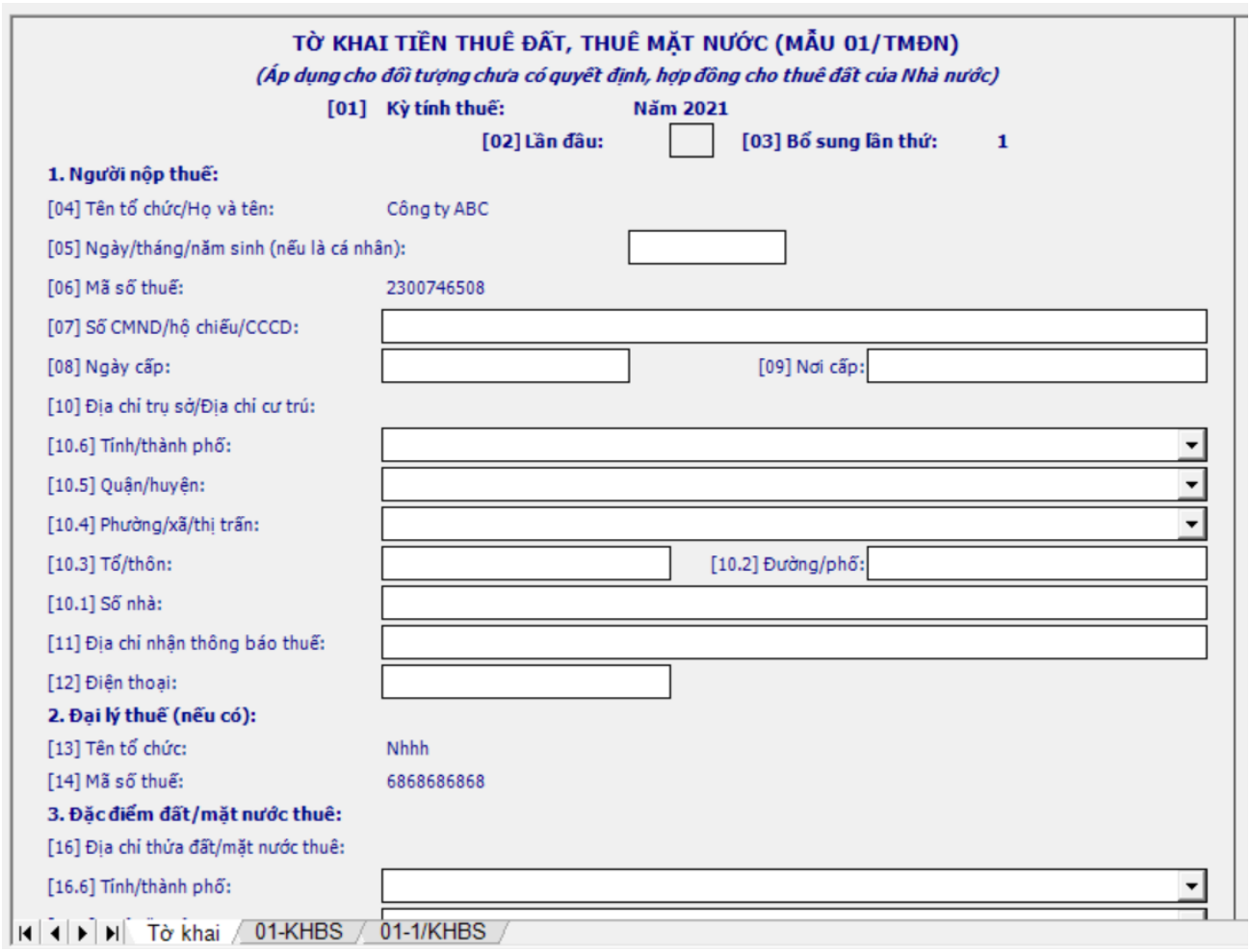
+ Chỉ tiêu [20]: Cho phép NNT nhập, chỉ tiêu [20] phải <= ngày hiện tại

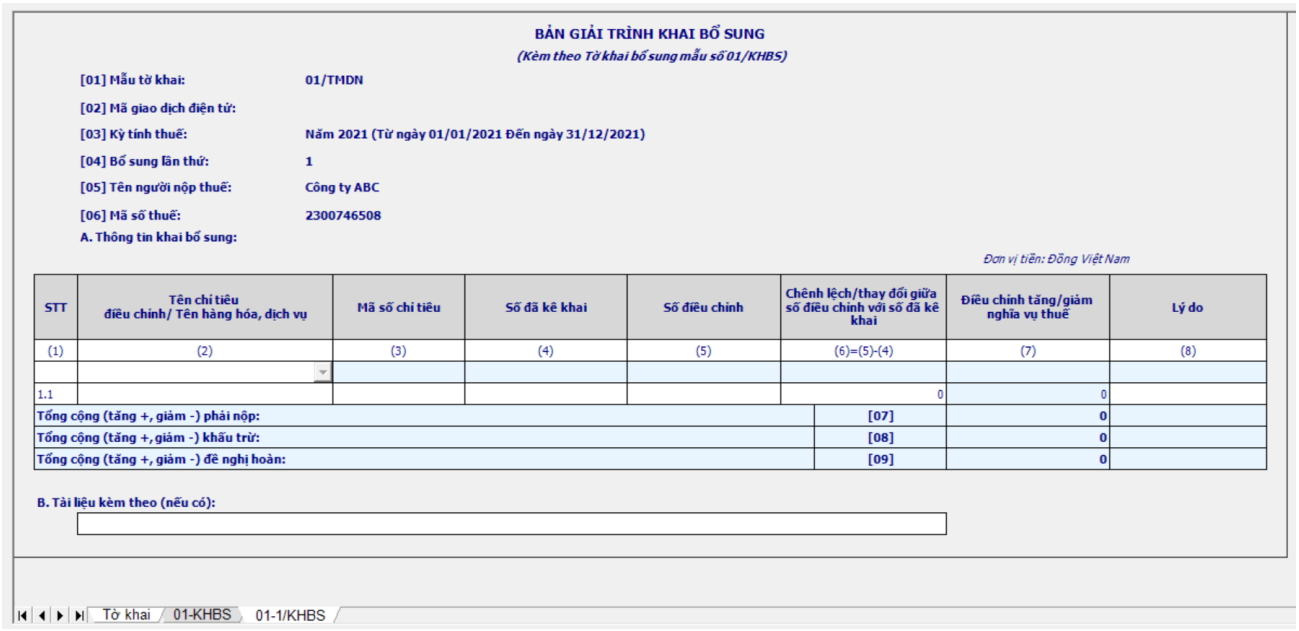
+ Chỉ tiêu [21], [22], [23], [24], [25]: Định dạng số, có thập phân 4 chữ số, Bắt buộc phải có ít nhất 1 trong các chỉ tiêu từ [21] đến [25]

+ Thời gian sử dụng đất vào mục đích thuộc đối tượng phải nộp tiền thuê đất theo quy định của Luật Đất đai: Cho phép nhập định dạng số…. (tháng)

3.18.3.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".





BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 01/TMDN

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021 (Từ ngày 01/01/2021 Đến ngày 31/12/2021)

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

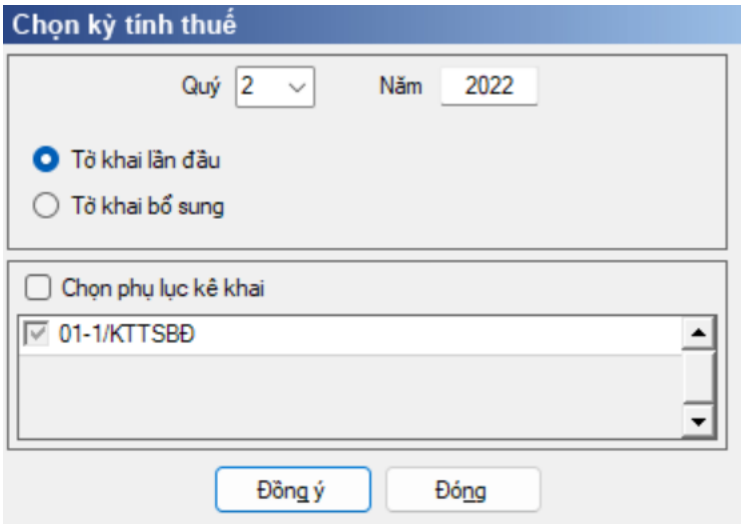
- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.19 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Tài sản đảm bảo

3.19.1 Tờ khai thuế đối với hoạt động khai thác tài sản bảo đảm trong thời gian chờ xử lý (01/KTTSBĐ) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC

Cách gọi:

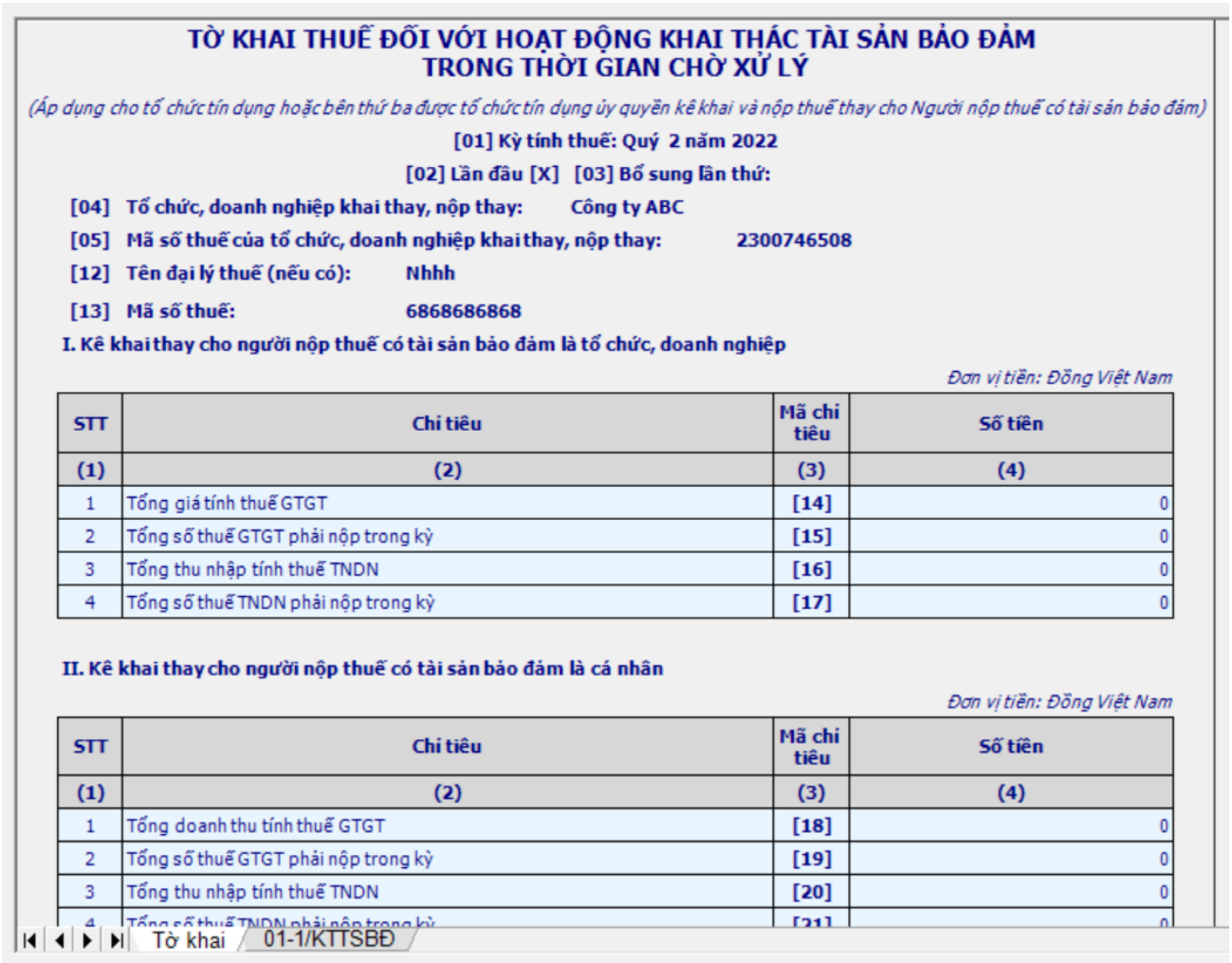
- Từ menu chức năng "Kê khai/Tài sản đảm bảo" chọn "Tờ khai thuế đối với hoạt động khai thác tài sản bảo đảm (01/KTTSBD)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- Sau đó nhấn nút <Đồng ý>, hệ thống hiển thị màn hình kỳ kê khai như sau:

3.19.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



TỜ KHAI THUẾ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC TÀI SẢN BẢO ĐẢM TRONG THỜI GIAN CHỜ XỬ LÝ

(Áp dụng cho tổ chức tín dụng hoặc bên thứ ba được tổ chức tín dụng ủy quyền kê khai và nộp thuế thay cho Người nộp thuế có tài sản bảo đảm)

[01] Kỳ tính thuế: Quý 2 năm 2022

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tổ chức, doanh nghiệp khai thay, nộp thay: Công ty ABC

[05] Mã số thuế của tổ chức, doanh nghiệp khai thay, nộp thay: 2300746508

[12] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[13] Mã số thuế: 6868686868

I. Kê khai thay cho người nộp thuế có tài sản bảo đảm là tổ chức, doanh nghiệp

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Tổng giá tính thuế GTGT	[14]	0
2	Tổng số thuế GTGT phải nộp trong kỳ	[15]	0
3	Tổng thu nhập tính thuế TNDN	[16]	0
4	Tổng số thuế TNDN phải nộp trong kỳ	[17]	0

II. Kê khai thay cho người nộp thuế có tài sản bảo đảm là cá nhân

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Tổng doanh thu tính thuế GTGT	[18]	0
2	Tổng số thuế GTGT phải nộp trong kỳ	[19]	0
3	Tổng thu nhập tính thuế TNDN	[20]	0
4	Tổng số thuế TNDN phải nộp trong kỳ	[21]	0

Tờ khai | 01-1/KTTSBĐ

- Chi tiết các chỉ tiêu như sau: Bắt buộc nhập mục 1 trong 2 mục (I hoặc II), có thể nhập cả 2 mục

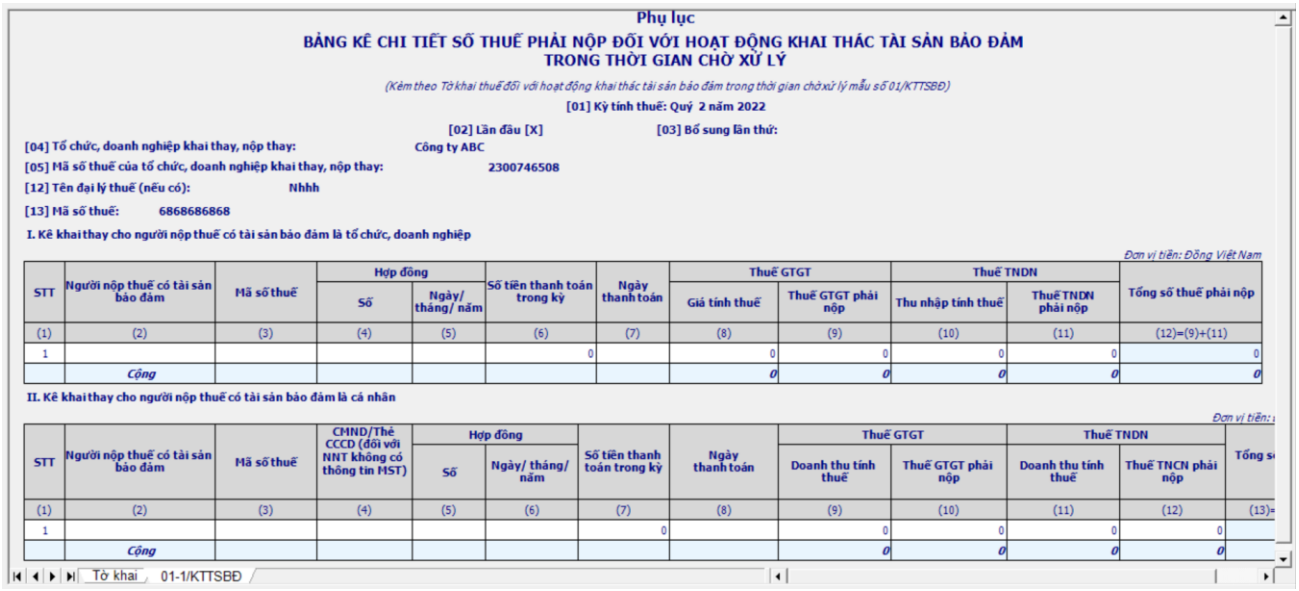
I. ***Kê khai thay cho người nộp thuế có tài sản bảo đảm là tổ chức, doanh nghiệp***

+ Chỉ tiêu [14]: Tổng cột 8 ở mục I của PL, không cho sửa
+ Chỉ tiêu [15]: Tổng cột 9 ở mục I của PL, không cho sửa
+ Chỉ tiêu [16]: Tổng cột 10 ở mục I của PL, không cho sửa
+ Chỉ tiêu [17]: Tổng cột 11 ở mục I của PL, không cho sửa

II. ***Kê khai thay cho người nộp thuế có tài sản bảo đảm là cá nhân***

+ Chỉ tiêu [18]: Tổng cột 9 ở mục II của PL, không cho sửa
+ Chỉ tiêu [19]: Tổng cột 10 ở mục II của PL, không cho sửa
+ Chỉ tiêu [20]: Tổng cột 11 ở mục II của PL, không cho sửa
+ Chỉ tiêu [21]: Tổng cột 12 ở mục II của PL, không cho sửa

3.19.1.1.1 Phụ lục 01-1/KTTSBD



Phụ lục

BẢNG KÊ CHI TIẾT SỐ THUẾ PHẢI NỘP ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC TÀI SẢN BẢO ĐẢM TRONG THỜI GIAN CHỜ XỬ LÝ

(Kèm theo Tờ khai thuế đối với hoạt động khai thác tài sản bảo đảm trong thời gian chờ xử lý mẫu số 01/KTTSBĐ)

[01] Kỳ tính thuế: Quý 2 năm 2022

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tổ chức, doanh nghiệp khai thay, nộp thay: Công ty ABC

[05] Mã số thuế của tổ chức, doanh nghiệp khai thay, nộp thay: 2300746508

[12] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[13] Mã số thuế: 6868686868

I. Kê khai thay cho người nộp thuế có tài sản bảo đảm là tổ chức, doanh nghiệp

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Người nộp thuế có tài sản bảo đảm	Mã số thuế	Hợp đồng		Số tiền thanh toán trong kỳ	Ngày thanh toán	Thuế GTGT		Thuế TNDN		Tổng số thuế phải nộp
			Số	Ngày/ tháng/ năm			Giá tính thuế	Thuế GTGT phải nộp	Thu nhập tính thuế	Thuế TNDN phải nộp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)=(9)+(11)
1					0		0	0	0	0	0
	Cộng						*0*	*0*	*0*	*0*	*0*

II. Kê khai thay cho người nộp thuế có tài sản bảo đảm là cá nhân

Đơn vị tiền:

STT	Người nộp thuế có tài sản bảo đảm	Mã số thuế	CMND/Thẻ CCCD (đối với NNT không có thông tin MST)	Hợp đồng		Số tiền thanh toán trong kỳ	Ngày thanh toán	Thuế GTGT		Thuế TNDN		Tổng s
				Số	Ngày/ tháng/ năm			Doanh thu tính thuế	Thuế GTGT phải nộp	Doanh thu tính thuế	Thuế TNCN phải nộp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=
1						0		0	0	0	0	
	Cộng							*0*	*0*	*0*	*0*	

Tờ khai 01-1/KTTSBĐ

- Chi tiết các chỉ tiêu như sau:

I. <u>Kê khai thay cho người nộp thuế có tài sản bảo đảm là tổ chức, doanh nghiệp</u>

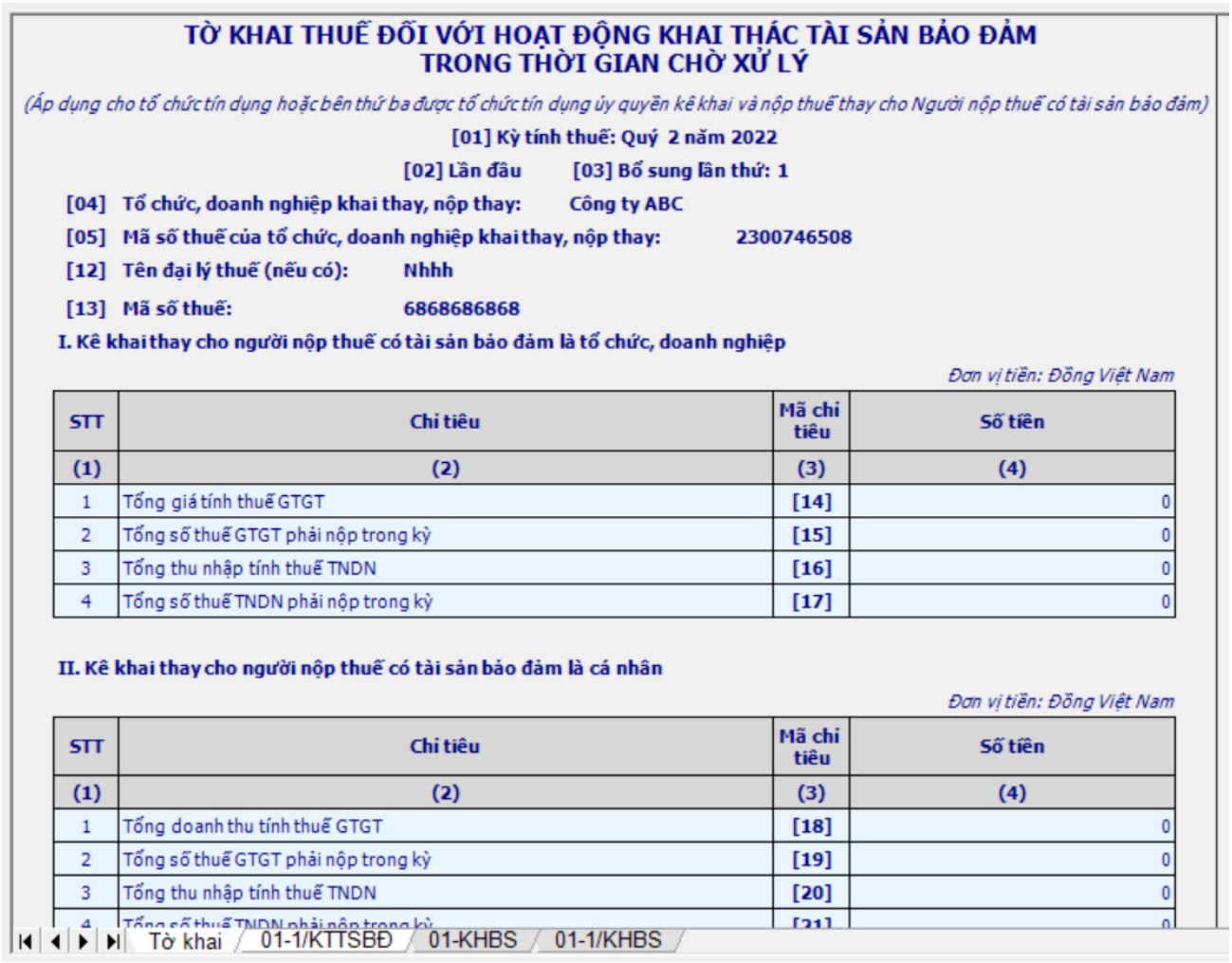
+ Chỉ tiêu (2), (4): NNT tự nhập dạng text
+ Chỉ tiêu (3): Cho phép NNT nhập, kiểm tra cấu trúc MST
+ Chỉ tiêu (5), (7): Cho phép NNT nhập đúng định dạng dd/mm/yyyy
+ Chỉ tiêu (6), (8), (9), (10), (11): NNT nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
+ Chỉ tiêu (12): UD hỗ trợ tính theo công thức: (12)=(9)+(11), không cho sửa

II. <u>Kê khai thay cho người nộp thuế có tài sản bảo đảm là cá nhân</u>

+ Chỉ tiêu (2), (5): NNT tự nhập dạng text
+ Chỉ tiêu (3): Cho phép NNT nhập, kiểm tra cấu trúc MST, bắt buộc nhập (3) hoặc (4)
+ Chỉ tiêu (4): Cho phép NNT nhập, kiểm tra phải là 9 số hoặc 12 số, bắt buộc nhập (3) hoặc (4)
+ Chỉ tiêu (6), (8): Cho phép NNT nhập đúng định dạng dd/mm/yyyy
+ Chỉ tiêu (7), (9), (10), (11), (12): NNT nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
+ Chỉ tiêu (13): UD hỗ trợ tính theo công thức: (13)=(10)+(12), không cho sửa

3.19.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".



TỜ KHAI THUẾ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC TÀI SẢN BẢO ĐẢM TRONG THỜI GIAN CHỜ XỬ LÝ

(Áp dụng cho tổ chức tín dụng hoặc bên thứ ba được tổ chức tín dụng ủy quyền kê khai và nộp thuế thay cho Người nộp thuế có tài sản bảo đảm)

[01] Kỳ tính thuế: Quý 2 năm 2022

[02] Lần đầu [03] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Tổ chức, doanh nghiệp khai thay, nộp thay: Công ty ABC

[05] Mã số thuế của tổ chức, doanh nghiệp khai thay, nộp thay: 2300746508

[12] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[13] Mã số thuế: 6868686868

I. Kê khai thay cho người nộp thuế có tài sản bảo đảm là tổ chức, doanh nghiệp

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

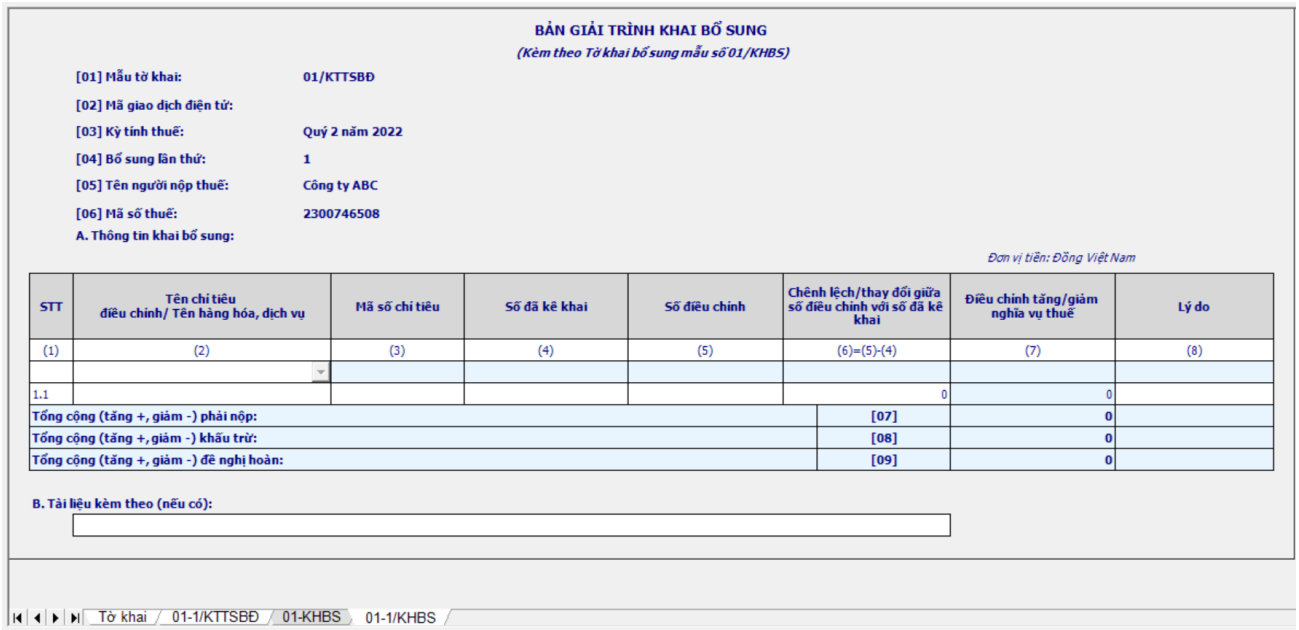
STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Tổng giá tính thuế GTGT	[14]	0
2	Tổng số thuế GTGT phải nộp trong kỳ	[15]	0
3	Tổng thu nhập tính thuế TNDN	[16]	0
4	Tổng số thuế TNDN phải nộp trong kỳ	[17]	0

II. Kê khai thay cho người nộp thuế có tài sản bảo đảm là cá nhân

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Tổng doanh thu tính thuế GTGT	[18]	0
2	Tổng số thuế GTGT phải nộp trong kỳ	[19]	0
3	Tổng thu nhập tính thuế TNDN	[20]	0
4	Tổng số thuế TNDN phải nộp trong kỳ	[21]	0

Tờ khai | 01-1/KTTSBĐ | 01-KHBS | 01-1/KHBS



BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 01/KTTSBĐ

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Quý 2 năm 2022

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

Tờ khai | 01-1/KTTSBĐ | 01-KHBS | 01-1/KHBS

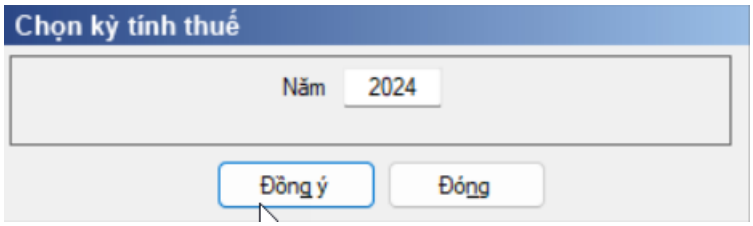
- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.20 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Thay đổi kỳ tính thuế GTGT/TNCN từ tháng sang quý

3.20.1 Văn bản đề nghị thay đổi kỳ tính thuế từ tháng sang quý (01/DK-TĐKTT) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC

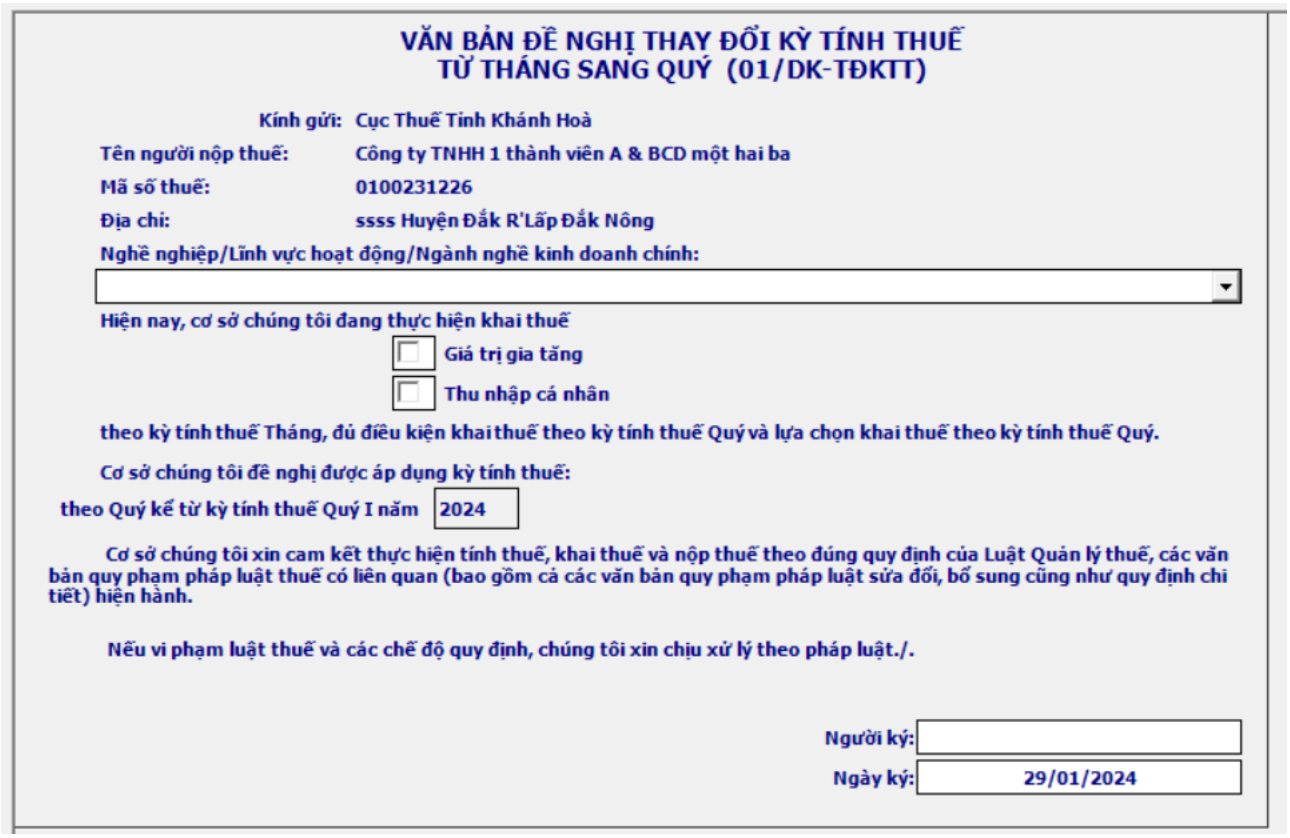
Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/ Thay đổi kỳ tính thuế GTGT/TNCN từ tháng sang quý" chọn "VB đề nghị thay đổi kỳ tính thuế từ tháng sang quý (01/DK-TĐKTT)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:



+ Chỉ được phép kê khai văn bản này trong khoảng thời gian từ 01/01 đến 31/01 của năm.

- Sau đó nhấn nút <Đồng ý>, hệ thống hiển thị màn hình kỳ kê khai như sau:



- Các chỉ tiêu trong tờ khai:

+ Tên người nộp thuế/ mã số Thuế/ Địa chỉ: Hiển thị theo thông tin MST đăng nhập hệ thống

+ Ngành nghề/Lĩnh vực hoạt động/Ngành nghề kinh doanh chính: Bắt buộc chọn trong danh mục

+ Hiện nay, cơ sở chúng tôi đang thực hiện khai thuế ..... theo kỳ tính thuế Tháng, đủ điều kiện khai thuế theo kỳ tính thuế Quý và lựa chọn khai thuế theo kỳ tính thuế Quý: Tích chọn 1 trong 2 giá trị là "Giá trị gia tăng" hoặc "Thu nhập cá nhân" hoặc tích cả 2

- Chỉ tích chọn "Thu nhập cá nhân" nếu NNT đã đăng ký khai thuế GTGT theo kỳ quý; hoặc không thuộc trường hợp phải khai thuế GTGT
- Tích chọn đồng thời "Thu nhập cá nhân" và "Giá trị gia tăng" nếu NNT chưa đăng ký khai thuế GTGT theo kỳ quý; hoặc NNT là HKD, CNKD nộp thuế theo phương pháp kê khai

+ Cơ sở chúng tôi đề nghị được áp dụng kỳ tính thuế ... theo Quý: Hiển thị theo loại thuế mà NNT đã chọn ở trên

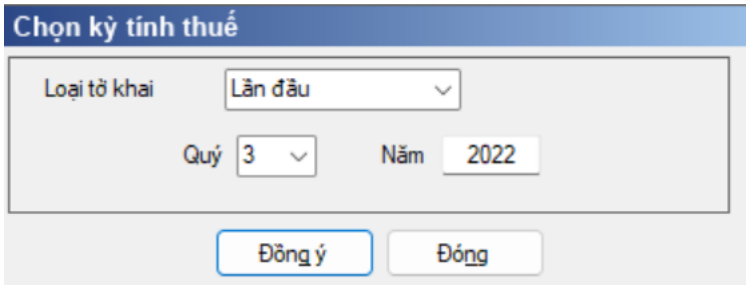
+ Kể từ kỳ tính thuế Quý I năm....: Hiển thị năm kê khai tại màn hình nhập kỳ tính thuế

3.21 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Thương mại điện tử

3.21.1 Biểu tổng hợp thông tin của thương nhân, tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, dịch vụ trên sàn giao dịch Thương mại điện tử (01/CCTT-TMĐT)

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thương mại điện tử" chọn "Biểu tổng hợp TT bán HH, DV trên sàn TMĐT (01/CCTT_TMDT)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



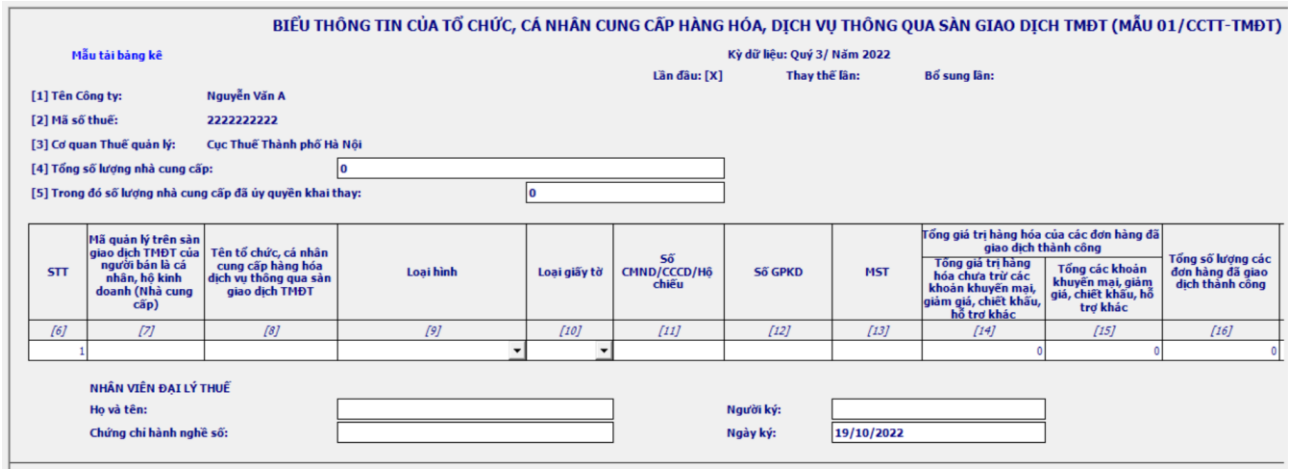
+ Chọn loại tờ khai: Lần đầu hoặc Thay thế, nếu chọn "Thay thế" thì nhập số lần thay thế

+ Nhập quý cung cấp thông tin

- Sau đó nhấn nút <Đồng ý>, hệ thống hiển thị màn hình kỳ kê khai như sau:

3.21.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



BIỂU THÔNG TIN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CUNG CẤP HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THÔNG QUA SÀN GIAO DỊCH TMĐT (MẪU 01/CCTT-TMĐT)

Mẫu tải bảng kê

Kỳ dữ liệu: Quý 3/ Năm 2022

Lần đầu: [X] Thay thế lần: Bổ sung lần:

[1] Tên Công ty: Nguyễn Văn A

[2] Mã số thuế: 2222222222

[3] Cơ quan Thuế quản lý: Cục Thuế Thành phố Hà Nội

[4] Tổng số lượng nhà cung cấp: 0

[5] Trong đó số lượng nhà cung cấp đã ủy quyền khai thay: 0

STT	Mã quản lý trên sàn giao dịch TMĐT của người bán là cá nhân, hộ kinh doanh (Nhà cung cấp)	Tên tổ chức, cá nhân cung cấp hàng hóa dịch vụ thông qua sàn giao dịch TMĐT	Loại hình	Loại giấy tờ	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu	Số GPKD	MST	Tổng giá trị hàng hóa của các đơn hàng đã giao dịch thành công		Tổng số lượng các đơn hàng đã giao dịch thành công
								Tổng giá trị hàng hóa chưa trừ các khoản khuyến mại, giảm giá, chiết khấu, hỗ trợ khác	Tổng các khoản khuyến mại, giảm giá, chiết khấu, hỗ trợ khác	
[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
1								0	0	0

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: Người ký:

Chứng chỉ hành nghề số: Ngày ký: 19/10/2022

+ Các chỉ tiêu chung:

- [1] Tên Công ty: Mặc định theo tên NNT đăng nhập hệ thống, không cho sửa
- [2] Mã số thuế: Mặc định là MST đăng nhập hệ thống, không cho sửa
- [3] Cơ quan Thuế quản lý: Mặc định là CQT quản lý MST đăng nhập, không cho sửa
- [4] Tổng số lượng nhà cung cấp: NNT nhập kiểu số, không âm
- [5] Trong đó số lượng nhà cung cấp đã ủy quyền khai thay: NNT nhập kiểu số, không âm

+ Các chỉ tiêu chi tiết:

- [6] STT: Tự động hiển thị khi thêm/bớt dòng, không cho sửa
- [7] Mã quản lý trên sàn giao dịch TMĐT của nhà cung cấp: Bắt buộc nhập mỗi NCC là 1 mã khác nhau, trường hợp sàn TMĐT chưa quản lý theo mã thì sàn phải tự sinh mã để nhập vào UD
- [8] Tên nhà cung cấp: Bắt buộc nhập dạng text
- [9] Loại hình: Chọn trong danh mục bao gồm các giá trị: Tổ chức VN (01); Cá nhân/hộ kinh doanh VN (02); Tổ chức nước ngoài (03); Cá nhân/hộ kinh doanh nước ngoài (không cư trú) (04)
- [10] Loại giấy tờ: Bắt buộc chọn
  - Nếu chọn loại hình là "Tổ chức VN" hoặc "Tổ chức nước ngoài": chọn trong danh mục, không bắt buộc nhập
  - Nếu chọn loại hình là "Cá nhân/hộ kinh doanh VN (02)" thì chọn 1 trong 2 giá trị là "CMND" hoặc "CCCD"
  - Nếu chọn loại hình là "Cá nhân/hộ kinh doanh nước ngoài (không cư trú)" thì chọn loại giấy tờ là "Hộ chiếu"
- [11] Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:
  - Nếu loại giấy tờ là "CMND" thì bắt buộc nhập 9 số hoặc 12 số
  - Nếu loại giấy tờ là "CCCD" thì bắt buộc nhập 12 số
  - Nếu loại giấy tờ là "Hộ chiếu" thì bắt buộc nhập kiểu ký tự
- [12] Số GPKD: Nếu chọn loại hình là "Tổ chức VN" thì bắt buộc nhập [12] hoặc [13]; Nếu chọn các loại hình khác thì không bắt buộc nhập

- [13] MST: Nếu chọn loại hình là "Tổ chức VN" thì bắt buộc nhập [12] hoặc [13]; Nếu chọn các loại hình khác thì không bắt buộc nhập
- [14] Tổng giá trị hàng hóa của các đơn hàng đã giao dịch thành công (chưa trừ các khoản khuyến mại, giảm giá, chiết khấu, hỗ trợ khác): NNT tự nhập kiểu số, không âm, mặc định là 0
- [15] Các khoản giảm trừ: NNT tự nhập kiểu số, không âm, mặc định là 0
- [16] Tổng số lượng các đơn hàng đã giao dịch thành công: NNT tự nhập kiểu số, không âm, mặc định là 0
- [17] Tổng số lượng các đơn hàng đã giao dịch không thành công: NNT tự nhập kiểu số, không âm, mặc định là 0
- [18] Từ ngày: NNT tự nhập dạng dd/mm/yyyy, mặc định là ngày đầu tiên của quý kê khai, cho phép sửa, kiểm tra ngày phải thuộc quý kê khai và [18] <= [19], sai khác cảnh báo vàng
- [19] Đến ngày: NNT tự nhập dạng dd/mm/yyyy, mặc định là ngày cuối cùng của quý kê khai, cho phép sửa, kiểm tra ngày phải thuộc quý kê khai và [18] <= [19], sai khác cảnh báo vàng
- [20] Trạng thái
  - Nếu loại tờ khai là "Lần đầu" thì trạng thái mặc định "Thêm mới"
  - Nếu loại tờ khai là "Thay thế" thì trạng thái mặc định "Thay thế"

3.21.1.1.1 Bảng kê 01-1/CCTT-TMĐT

- Các chỉ tiêu chung:
  + [1] Tên Công ty: Mặc định theo tên NNT đăng nhập hệ thống, không cho sửa
  + [2] Mã số thuế: Mặc định là MST đăng nhập hệ thống, không cho sửa
  + [3] Cơ quan Thuế quản lý: Mặc định là CQT quản lý MST đăng nhập, không cho sửa
- Các chỉ tiêu chi tiết:

I. Thông tin chung nhà cung cấp trong nước:

+ [4] STT: tự động hiển thị khi thêm/ bớt dòng, không cho sửa
+ [5] Mã quản lý trên sàn giao dịch TMĐT của nhà cung cấp: Bắt buộc nhập mỗi NCC là 1 mã khác nhau, trường hợp sàn TMĐT chưa quản lý theo mã thì sàn phải tự sinh mã để nhập vào UD
+ Trong cùng 1 tờ khai, đối với 1 mã quản lý trên sàn giao dịch TMĐT thì <Loại hình> giữa tờ khai và phụ lục 01-1/CCTT-TMĐT phải giống nhau, sai khác cảnh báo vàng
+ [6] Loại hình: Bắt buộc chọn trong danh mục bao gồm các giá trị: Tổ chức VN (01), Cá nhân/hộ kinh doanh VN (02)
+ [7] Email liên hệ: NNT tự nhập dạng text, bắt buộc nhập [7] hoặc [8], sai khác báo vàng
+ [8] Số điện thoại liên hệ đăng ký trên Sàn: NNT tự nhập dạng text, bắt buộc nhập [7] hoặc [8], sai khác báo vàng
+ Thông tin địa chỉ trụ sở của tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh cung cấp hàng hóa dịch vụ thông qua Sàn (bao gồm cột [9] -> [13]): Nếu "Loại hình" là "Tổ chức trong nước" thì bắt

buộc nhập; Nếu "Loại hình" là "Cá nhân/hộ kinh doanh VN" thì bắt buộc nhập ([9] -> [13]) hoặc ([14] -> [18])

- [9] Quốc gia: khóa không cho nhập
  - Nếu có nhập thông tin mục nhà cung cấp trong nước thì mặc định là "Việt Nam"
  - Nếu không nhập thông tin mục nhà cung cấp trong nước thì để trống
- [10] Tỉnh/thành phố: chọn trong danh mục 63 tỉnh của Việt Nam
- [11] Quận/huyện: Chọn trong danh mục Quận/huyện thuộc Tỉnh/Thành phố đã chọn ở chỉ tiêu [10]
- [12] Phường/xã/thị trấn: Chọn trong danh mục Phường/ xã/thị trấn thuộc Quận/huyện đã chọn ở chỉ tiêu [11]
- [13] Số nhà, đường phố: Cho phép NNT nhập dạng text

+ Thông tin địa chỉ nơi thường trú của cá nhân, hộ kinh doanh cung cấp hàng hóa dịch vụ thông qua Sàn (bao gồm cột [14] đến [18]): Nếu "Loại hình" là "Cá nhân/hộ kinh doanh VN" thì bắt buộc nhập ([9] -> [13]) hoặc ([14] -> [18])

- [14] Quốc gia: khóa không cho nhập
  - Nếu có nhập thông tin mục nhà cung cấp trong nước thì mặc định là "Việt Nam"
  - Nếu không nhập thông tin mục nhà cung cấp trong nước thì để trống
- [15] Tỉnh/thành phố: chọn trong danh mục 63 tỉnh của Việt Nam
- [16] Quận/huyện: Chọn trong danh mục Quận/huyện thuộc Tỉnh/Thành phố đã chọn ở chỉ tiêu [10]
- [17] Phường/xã/thị trấn: Chọn trong danh mục Phường/ xã/thị trấn thuộc Quận/huyện đã chọn ở chỉ tiêu [11]
- [18] Số nhà, đường phố: Cho phép NNT nhập dạng text

+ [19] Trạng thái

- Nếu loại tờ khai là "Lần đầu" thì trạng thái mặc định "Thêm mới"
- Nếu loại tờ khai là "Thay thế" thì trạng thái mặc định "Thay thế"

II. Thông tin chung nhà cung cấp nước ngoài:

- [4] STT: tự động hiển thị khi thêm/ bớt dòng, không cho sửa
- [5] Mã quản lý trên sàn giao dịch TMĐT của nhà cung cấp: Bắt buộc nhập mỗi NCC là 1 mã khác nhau, trường hợp sàn TMĐT chưa quản lý theo mã thì sàn phải tự sinh mã để nhập vào UD
- Trong cùng 1 tờ khai, đối với 1 mã quản lý trên sàn giao dịch TMĐT thì <Loại hình> giữa tờ khai và phụ lục 01-1/CCTT-TMĐT phải giống nhau, sai khác cảnh báo vàng
- [6] Loại hình: Chọn trong danh mục bao gồm các giá trị: Tổ chức nước ngoài (03), Cá nhân/hộ kinh doanh nước ngoài (không cư trú) (04)
- [7] Email liên hệ: NNT tự nhập dạng text, bắt buộc nhập [7] hoặc [8], sai khác báo vàng
- [8] Số điện thoại liên hệ đăng ký trên Sàn: NNT tự nhập dạng text, bắt buộc nhập [7] hoặc [8], sai khác báo vàng

- Thông tin địa chỉ trụ sở của tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh cung cấp hàng hóa dịch vụ thông qua Sàn (bao gồm cột [9] -> [13]): Nếu "Loại hình" là "Tổ chức nước ngoài" thì bắt buộc nhập; Nếu "Loại hình" là "Cá nhân kinh doanh nước ngoài" thì bắt buộc nhập ([9] -> [13]) hoặc ([14] -> [18])
    - [9] Quốc gia: Chọn trong danh mục quốc gia
    - [10] Tỉnh/thành phố: Cho phép NNT nhập dạng text
    - [11] Quận/huyện: Cho phép NNT nhập dạng text
    - [12] Phường/xã/thị trấn: Cho phép NNT nhập dạng text
    - [13] Số nhà, đường phố: Cho phép NNT nhập dạng text
- Thông tin địa chỉ nơi thường trú của cá nhân, hộ kinh doanh cung cấp hàng hóa dịch vụ thông qua Sàn (bao gồm cột [14] đến [18]): Nếu "Loại hình" là "Cá nhân/hộ kinh doanh nước ngoài (không cư trú)" thì bắt buộc nhập ([9] -> [13]) hoặc ([14] -> [18])
    - [14] Quốc gia: Chọn trong danh mục quốc gia
    - [15] Tỉnh/thành phố: Cho phép NNT nhập dạng text
    - [16] Quận/huyện: Cho phép NNT nhập dạng text
    - [17] Phường/xã/thị trấn: Cho phép NNT nhập dạng text
    - [18] Số nhà, đường phố: Cho phép NNT nhập dạng text
    - [19] Trạng thái:
        - Nếu loại tờ khai là "Lần đầu" thì trạng thái mặc định "Thêm mới"
        - Nếu loại tờ khai là "Thay thế" thì trạng thái mặc định "Thay thế"

Bảng kê 01-2/CCTT-TMĐT

+ Các chỉ tiêu chung:
    - [1] Tên Công ty: Mặc định theo tên NNT đăng nhập hệ thống, không cho sửa
    - [2] Mã số thuế: Mặc định là MST đăng nhập hệ thống, không cho sửa
    - [3] Cơ quan Thuế quản lý: Mặc định là CQT quản lý MST đăng nhập, không cho sửa
+ Các chỉ tiêu chi tiết:
    - STT: Tự động hiển thị khi thêm/bớt dòng, không cho sửa
    - Mã quản lý trên sàn giao dịch TMĐT của nhà cung cấp: Bắt buộc nhập mỗi NCC là 1 mã khác nhau, trường hợp sàn TMĐT chưa quản lý theo mã thì sàn phải tự sinh mã để nhập vào UD
    - Mã ngành hàng, dịch vụ kinh doanh theo Sàn: NNT tự nhập dạng text
    - Loại hàng hóa tương ứng với mã ngành hàng, dịch vụ của Sàn: NNT tự nhập dạng text
    - Trạng thái:
        - Nếu loại tờ khai là "Lần đầu" thì trạng thái mặc định "Thêm mới"
        - Nếu loại tờ khai là "Thay thế" thì trạng thái mặc định "Thay thế"

Bảng kê 01-3/CCTT-TMĐT

+ Các chỉ tiêu chung:
    - [1] Tên Công ty: Mặc định theo tên NNT đăng nhập hệ thống, không cho sửa
    - [2] Mã số thuế: Mặc định là MST đăng nhập hệ thống, không cho sửa

- [3] Cơ quan Thuế quản lý: Mặc định là CQT quản lý MST đăng nhập, không cho sửa

+ Các chỉ tiêu chi tiết:

I. Thông tin tài khoản nhà cung cấp trong nước:

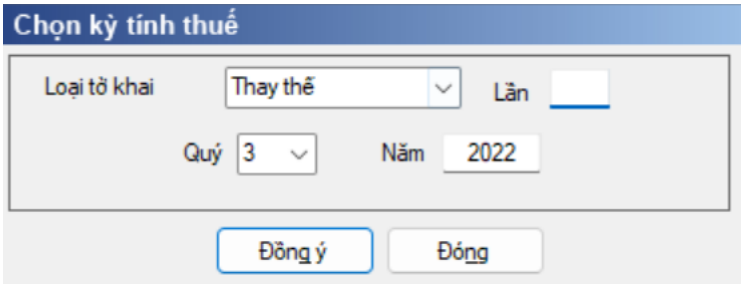
- STT: Tự động hiển thị khi thêm/bớt dòng, không cho sửa
- Mã quản lý trên sàn giao dịch TMĐT của nhà cung cấp: Bắt buộc nhập mỗi NCC là 1 mã khác nhau, trường hợp sàn TMĐT chưa quản lý theo mã thì sàn phải tự sinh mã để nhập vào UD
- Số tài khoản: Cho phép nhập. Kiểm tra cùng 1 Mã quản lý không nhập trùng số tài khoản giữa các dòng
- Chủ tài khoản: Cho phép nhập dạng text
- Mã ngân hàng: Tự động hiển thị theo tên ngân hàng đã chọn, không cho sửa
- Tên ngân hàng: Chọn trong danh mục ngân hàng
- Trạng thái:
  - Nếu loại tờ khai là "Lần đầu" thì trạng thái mặc định "Thêm mới"
  - Nếu loại tờ khai là "Thay thế" thì trạng thái mặc định "Thay thế"

II. Thông tin tài khoản nhà cung cấp nước ngoài:

- STT: Tự động hiển thị khi thêm/bớt dòng, không cho sửa
- Mã quản lý trên sàn giao dịch TMĐT của nhà cung cấp: Bắt buộc nhập mỗi NCC là 1 mã khác nhau, trường hợp sàn TMĐT chưa quản lý theo mã thì sàn phải tự sinh mã để nhập vào UD
- Số tài khoản: Cho phép nhập. Kiểm tra cùng 1 Mã quản lý không nhập trùng số tài khoản giữa các dòng
- Chủ tài khoản: Cho phép nhập dạng text
- Mã ngân hàng: Cho phép nhập dạng text
- Tên ngân hàng: Cho phép nhập dạng text
- Trạng thái:
  - Nếu loại tờ khai là "Lần đầu" thì trạng thái mặc định "Thêm mới"
  - Nếu loại tờ khai là "Thay thế" thì trạng thái mặc định "Thay thế"

3.21.1.2 Trường hợp khai tờ khai thay thế

- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai thay thế", ứng dụng cho phép NNT nhập lần thay thế.

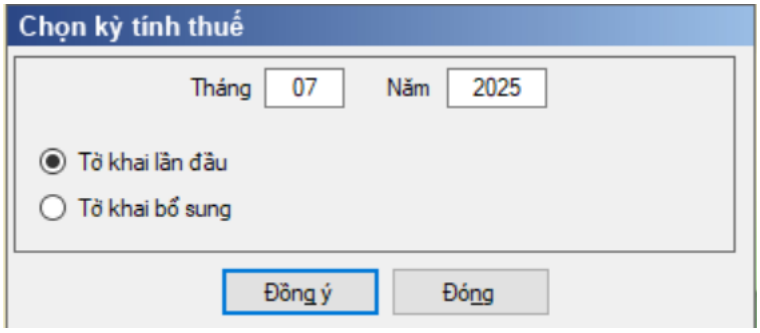


- Tờ khai bổ sung và tờ khai thay thế có cách nhập dữ liệu tương tự như tờ khai chính thức.

3.21.2Tờ khai thuế khấu trừ trên doanh thu đối với hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử (mẫu 01/CNKD-TMĐT) đáp ứng Nghị định số 117/2025/NĐ-CP

Cách gọi:

- Sàn TMĐT sử dụng MST khai thay để đăng nhập ứng HTKK và kê khai
- Từ menu chức năng "Kê khai/Thương mại điện tử/01/CNKD-TMĐT Tờ khai khấu trừ trên doanh thu TMĐT".



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  + Kỳ kê khai: Kê khai theo tháng, cho phép kê khai từ tháng 07/2025
  + Loại tờ khai: Chọn 1 trong 2 loại "Tờ khai lần đầu" hoặc "Tờ khai bổ sung"
- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai 01/CNKD-TMĐT

3.21.2.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên màn hình nhập "Kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

TỜ KHAI KHẤU TRỪ THUẾ TRÊN DOANH THU ĐỐI VỚI HỘ, CÁ NHÂN CÓ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRÊN NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2025

[02] Lần đầu [x] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên của tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử: Nguyễn Văn A

[05] Mã số thuế khấu trừ, nộp thay: 0100231226

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):Đại lý A

[07] Mã số thuế: 2222222222

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số:2222222222 ngày 01/01/2025

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Nhóm ngành nghề	Mã chỉ tiêu	Doanh thu của hộ, cá nhân	Số thuế đã khấu trừ		
				Thuế GTGT	Thuế TNCN	Tổng cộng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (5) + (6)
1	Cung cấp hàng hóa	[09]	0	0	0	0
2	Cung cấp dịch vụ	[10]	0	0	0	0
3	Vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa	[11]	0	0	0	0
4	Không xác định được hàng hóa hoặc dịch vụ hoặc loại dịch vụ	[12]	0	0	0	0
5	**Tổng cộng:**	**[13]**	**0**	**0**	**0**	**0**

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: aa Người ký:

Chứng chỉ hành nghề số: 123 Ngày ký: 01/08/2025

- Thông tin chung của tờ khai:

+ [04] Tên của tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử: Hiển thị theo tên MST đăng nhập hệ thống, không cho sửa

+ [05] Mã số thuế Mã số thuế khấu trừ, nộp thay: Hiển thị theo MST đăng nhập hệ thống, không cho sửa

+ [06], [07], [08]: Để trống, không có dữ liệu (không cho phép kê khai qua đại lý thuế)

- **Thông tin chi tiết của tờ khai:** Ứng dụng hỗ trợ tổng hợp từ PL 01-1/CNKD-TMĐT lên tờ khai

+ [09] Cung cấp hàng hóa:

- (4) Doanh thu của hộ, cá nhân: = Tổng cột (9) "Doanh thu của hộ, cá nhân" của các dòng có nhóm ngành nghề là "Hàng hóa" trên PL 01-1/BK-CNKD-TMĐT
- (5) Số thuế đã khấu trừ - Thuế GTGT: = Tổng cột (10) của các dòng có nhóm ngành nghề là "Hàng hóa" trên PL 01-1/BK-CNKD-TMĐT
- (6) Số thuế đã khấu trừ - Thuế TNCN: = Tổng cột (11) của các dòng có nhóm ngành nghề là "Hàng hóa" trên PL 01-1/BK-CNKD-TMĐT
- (7) Số thuế đã khấu trừ - Tổng cộng: = (7) = (5) + (6)

+ [10] Cung cấp dịch vụ:

- (4) Doanh thu của hộ, cá nhân: = Tổng cột (9) "Doanh thu của hộ, cá nhân" của các dòng có nhóm ngành nghề là "Dịch vụ" trên PL 01-1/BK-CNKD-TMĐT
- (5) Số thuế đã khấu trừ - Thuế GTGT: = Tổng cột (10) của các dòng có nhóm ngành nghề là "Dịch vụ" trên PL 01-1/BK-CNKD-TMĐT
- (6) Số thuế đã khấu trừ - Thuế TNCN: = Tổng cột (11) của các dòng có nhóm ngành nghề là "Dịch vụ" trên PL 01-1/BK-CNKD-TMĐT
- (7) Số thuế đã khấu trừ - Tổng cộng: (7) = (5) + (6)

+ [11] Vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa

- (4) Doanh thu của hộ, cá nhân: = Tổng cột (9) "Doanh thu của hộ, cá nhân" của các dòng có nhóm ngành nghề là "Vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa" trên PL 01-1/BK-CNKD-TMĐT
- (5) Số thuế đã khấu trừ - Thuế GTGT: = Tổng cột (10) của các dòng có nhóm ngành nghề là "Vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa" trên PL 01-1/BK-CNKD-TMĐT
- (6) Số thuế đã khấu trừ - Thuế TNCN: = Tổng cột (11) của các dòng có nhóm ngành nghề là "Vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa" trên PL 01-1/BK-CNKD-TMĐT
- (7) Số thuế đã khấu trừ - Tổng cộng: (7) = (5) + (6)

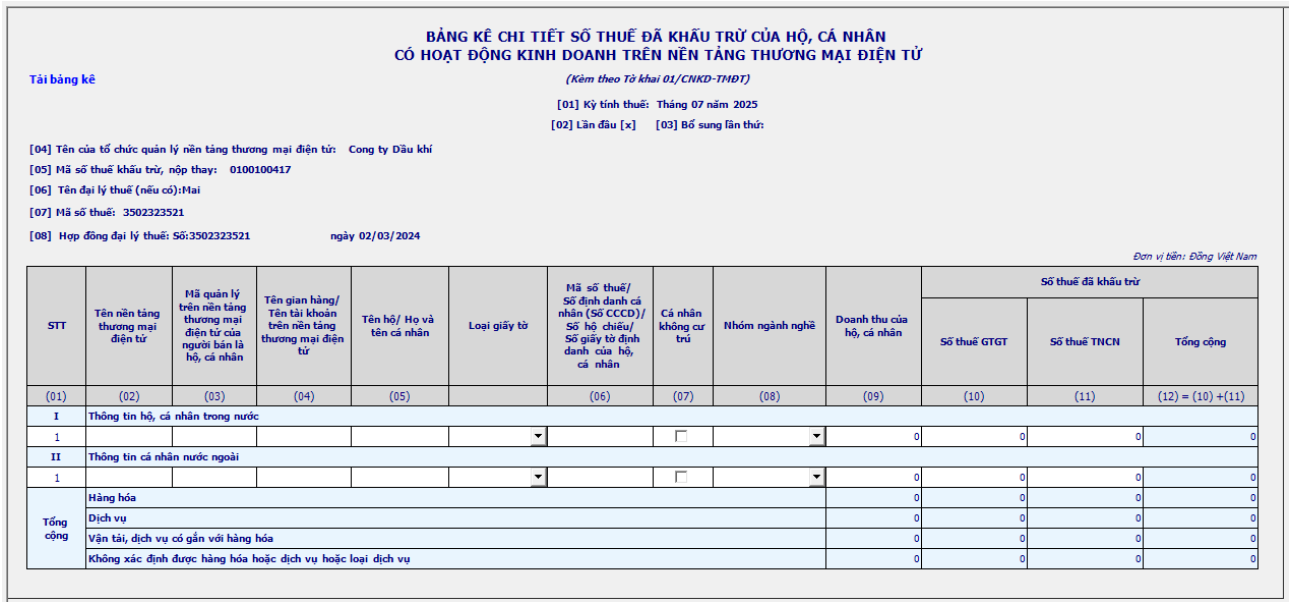
+ [12] Không xác định được hàng hóa hoặc dịch vụ hoặc loại dịch vụ:

- (4) Doanh thu của hộ, cá nhân: = Tổng cột (9) "Doanh thu của hộ, cá nhân" của các dòng có nhóm ngành nghề là "Hoạt động kinh doanh khác" trên PL 01-1/BK-CNKD-TMĐT
- (5) Số thuế đã khấu trừ - Thuế GTGT: = Tổng cột (10) của các dòng có nhóm ngành nghề là "Hoạt động kinh doanh khác" trên PL 01-1/BK-CNKD-TMĐT
- (6) Số thuế đã khấu trừ - Thuế TNCN: = Tổng cột (11) của các dòng có nhóm ngành nghề là "Hoạt động kinh doanh khác" trên PL 01-1/BK-CNKD-TMĐT
- (7) Số thuế đã khấu trừ - Tổng cộng: (7) = (5) + (6)

+ **[13] Tổng cộng:** UD hỗ trợ tính tổng cộng cột (4), (5), (6), (7)

3.21.2.1.1 Phụ lục 01-1/BK-CNKD-TMĐT

- Bắt buộc đính kèm tờ khai 01/CNKD



BẢNG KÊ CHI TIẾT SỐ THUẾ ĐÃ KHẤU TRỪ CỦA HỘ, CÁ NHÂN
CÓ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRÊN NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Tải bảng kê

(Kèm theo Tờ khai 01/CNKD-TMĐT)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2025
[02] Lần đầu [x] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên của tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử: Cong ty Dầu khí
[05] Mã số thuế khấu trừ, nộp thay: 0100100417
[06] Tên đại lý thuế (nếu có):Mai
[07] Mã số thuế: 3502323521
[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số:3502323521 ngày 02/03/2024

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên nền tảng thương mại điện tử	Mã quản lý trên nền tảng thương mại điện tử của người bán là hộ, cá nhân	Tên gian hàng/ Tên tài khoản trên nền tảng thương mại điện tử	Tên hộ/ Họ và tên cá nhân	Loại giấy tờ	Mã số thuế/ Số định danh cá nhân (Số CCCD)/ Số hộ chiếu/ Số giấy tờ định danh của hộ, cá nhân	Cá nhân không cư trú	Nhóm ngành nghề	Doanh thu của hộ, cá nhân	Số thuế đã khấu trừ		
										Số thuế GTGT	Số thuế TNCN	Tổng cộng
(01)	(02)	(03)	(04)	(05)		(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12) = (10) +(11)
I	Thông tin hộ, cá nhân trong nước											
1									0	0	0	0
II	Thông tin cá nhân nước ngoài											
1									0	0	0	0
Tổng cộng	Hàng hóa								0	0	0	0
	Dịch vụ								0	0	0	0
	Vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa								0	0	0	0
	Không xác định được hàng hóa hoặc dịch vụ hoặc loại dịch vụ								0	0	0	0

- **Thông tin chung của phụ lục**: Giống thông tin chung của tờ khai
- Thông tin chi tiết của phụ lục:
  + I. Thông tin hộ, cá nhân trong nước
    - (01) STT: Kiểu số tự nhiên, bắt đầu từ 1
    - (02) Tên nền tảng thương mại điện tử: Bắt buộc nhập
    - (03) Mã quản lý trên nền tảng thương mại điện tử của người bán hàng là hộ, cá nhân: Nhập text
    - (04) Tên gian hàng trên/ Tên tài khoản trên nền tảng thương mại điện tử: Bắt buộc nhập
    - (05) Tên hộ/ Họ và tên cá nhân: Bắt buộc nhập
    - Loại giấy tờ: Bắt buộc chọn 1 loại giấy tờ trong danh mục gồm: Mã số thuế, Số định danh cá nhân (Số CCCD), Hộ chiếu, Số giấy tờ định danh của hộ, cá nhân
    - (06) Mã số thuế/ Số định danh cá nhân (Số CCCD)/ Hộ chiếu /Số giấy tờ định danh của hộ, cá nhân: Bắt buộc nhập
    - (07) Cá nhân không cư trú: Cho phép tích chọn
    - (08) Nhóm ngành nghề: Bắt buộc chọn 1 trong 4 nhóm ngành nghề: (01) Hàng hóa, (02) Dịch vụ, (03) Vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, (04) Không xác định được hàng hóa hoặc dịch vụ hoặc loại dịch vụ
    - (09) Doanh thu của hộ, cá nhân: Nhập số âm, dương (Nhập số âm trong trường hợp doanh thu của các đơn hàng bị hoàn trả trong kỳ > doanh thu của các đơn hàng mới bán ra)
    - (10) Số thuế đã khấu trừ - Số thuế GTGT:
      - Nếu (08) là "Hàng hóa" thì: (10) = (09) x 1%
      - Nếu (08) là "Dịch vụ" thì: (10) = (09) x 5%
      - Nếu (08) là "Vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa" thì: (10) = (09) x 3%

o Nếu (08) là "Hoạt động kinh doanh khác" thì: (10) = (09) x mức tỷ lệ cao nhất = (09) x 5%

o Cho phép sửa (vì doanh thu có thể bao gồm cả các mặt hàng không chịu thuế và số thuế đã khấu trừ của sàn theo từng giao dịch khác với số UD tính)

- (11) Số thuế đã khấu trừ - Số thuế TNCN:
  - o Trường hợp không tích vào (07):
    - ➢ Nếu (08) là "Hàng hóa" thì: (11) = (09) x 0,5%
    - ➢ Nếu (08) là "Dịch vụ" thì: (11) = (09) x 2%
    - ➢ Nếu (08) là "Vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa" thì: (11) = (09) x 1,5%
    - ➢ Nếu (08) là "Hoạt động kinh doanh khác" thì: (11) = (09) x mức tỷ lệ cao nhất = (09) x 2%
  - o Trường hợp tích vào (07):
    - ➢ Nếu (08) là "Hàng hóa" thì: (11) = (09) x 1%
    - ➢ Nếu (08) là "Dịch vụ" thì: (11) = (09) x 5%
    - ➢ Nếu (08) là "Vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa" thì: (11) = (09) x 2%
    - ➢ Nếu (08) là "Hoạt động kinh doanh khác" thì: (11) = (09) x mức tỷ lệ cao nhất = (09) x 5%
    - ➢ Cho phép sửa (vì có cá nhân trong diện được miễn thuế TNCN và số thuế đã khấu trừ của sàn theo từng giao dịch khác với số UD tính)
- (12) Tổng cộng số thuế đã khấu trừ: (12) = (10) + (11)

+ II. Thông tin cá nhân nước ngoài

- (01) STT: Kiểu số tự nhiên, bắt đầu từ 1
- (02) Tên nền tảng thương mại điện tử: Bắt buộc nhập
- (03) Mã quản lý trên nền tảng thương mại điện tử của người bán hàng là hộ, cá nhân: Nhập text
- (04) Tên gian hàng trên/ Tên tài khoản trên nền tảng thương mại điện tử: Bắt buộc nhập
- (05) Tên hộ/ Họ và tên cá nhân: Bắt buộc nhập
- Loại giấy tờ: Bắt buộc chọn 1 loại giấy tờ trong danh mục gồm: Mã số thuế, Số định danh cá nhân (Số CCCD), Hộ chiếu, Số giấy tờ định danh của hộ, cá nhân
- (06) Mã số thuế/ Số định danh cá nhân (Số CCCD)/ Hộ chiếu /Số giấy tờ định danh của hộ, cá nhân: Bắt buộc nhập
- (07) Cá nhân không cư trú: Cho phép tích chọn
- (08) Nhóm ngành nghề: Bắt buộc chọn 1 trong 4 nhóm ngành nghề: (01) Hàng hóa, (02) Dịch vụ, (03) Vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, (04) Không xác định được hàng hóa hoặc dịch vụ hoặc loại dịch vụ
- (09) Doanh thu của hộ, cá nhân: Nhập số âm, dương (Nhập số âm trong trường hợp doanh thu của các đơn hàng bị hoàn trả trong kỳ > doanh thu của các đơn hàng mới bán ra)
- (10) Số thuế đã khấu trừ - Số thuế GTGT:
  - o Nếu (08) là "Hàng hóa" thì: (10) = (09) x 1%
  - o Nếu (08) là "Dịch vụ" thì: (10) = (09) x 5%

- Nếu (08) là "Vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa" thì: (10) = (09) x 3%
- Nếu (08) là "Hoạt động kinh doanh khác" thì: (10) = (09) x mức tỷ lệ cao nhất = (09) x 5%
- Cho phép sửa (vì doanh thu có thể bao gồm cả các mặt hàng không chịu thuế và số thuế đã khấu trừ của sàn theo từng giao dịch khác với số UD tính)

- (11) Số thuế đã khấu trừ - Số thuế TNCN:
  - Trường hợp không tích vào (07):
    - Nếu (08) là "Hàng hóa" thì: (11) = (09) x 0,5%
    - Nếu (08) là "Dịch vụ" thì: (11) = (09) x 2%
    - Nếu (08) là "Vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa" thì: (11) = (09) x 1,5%
    - Nếu (08) là "Hoạt động kinh doanh khác" thì: (11) = (09) x mức tỷ lệ cao nhất = (09) x 2%
  - Trường hợp tích vào (07):
    - Nếu (08) là "Hàng hóa" thì: (11) = (09) x 1%
    - Nếu (08) là "Dịch vụ" thì: (11) = (09) x 5%
    - Nếu (08) là "Vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa" thì: (11) = (09) x 2%
    - Nếu (08) là "Hoạt động kinh doanh khác" thì: (11) = (09) x mức tỷ lệ cao nhất = (09) x 5%
    - Cho phép sửa (vì có cá nhân trong diện được miễn thuế TNCN và số thuế đã khấu trừ của sàn theo từng giao dịch khác với số UD tính)
- (12) Tổng cộng số thuế đã khấu trừ: (12) = (10) + (11)

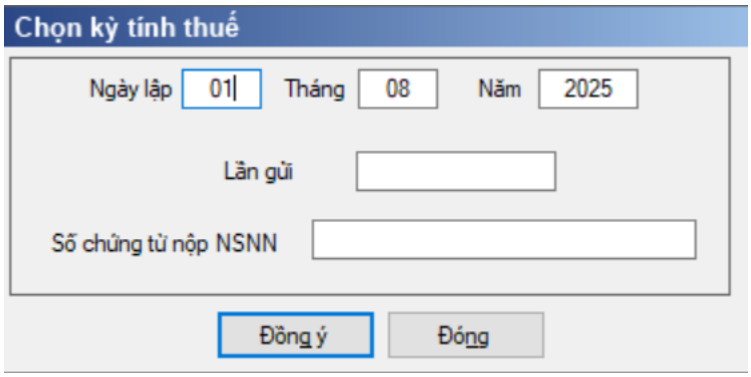
3.21.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- Khai như tờ khai thay thế, không đính kèm PL 01-1/KHBS và 01/KHBS

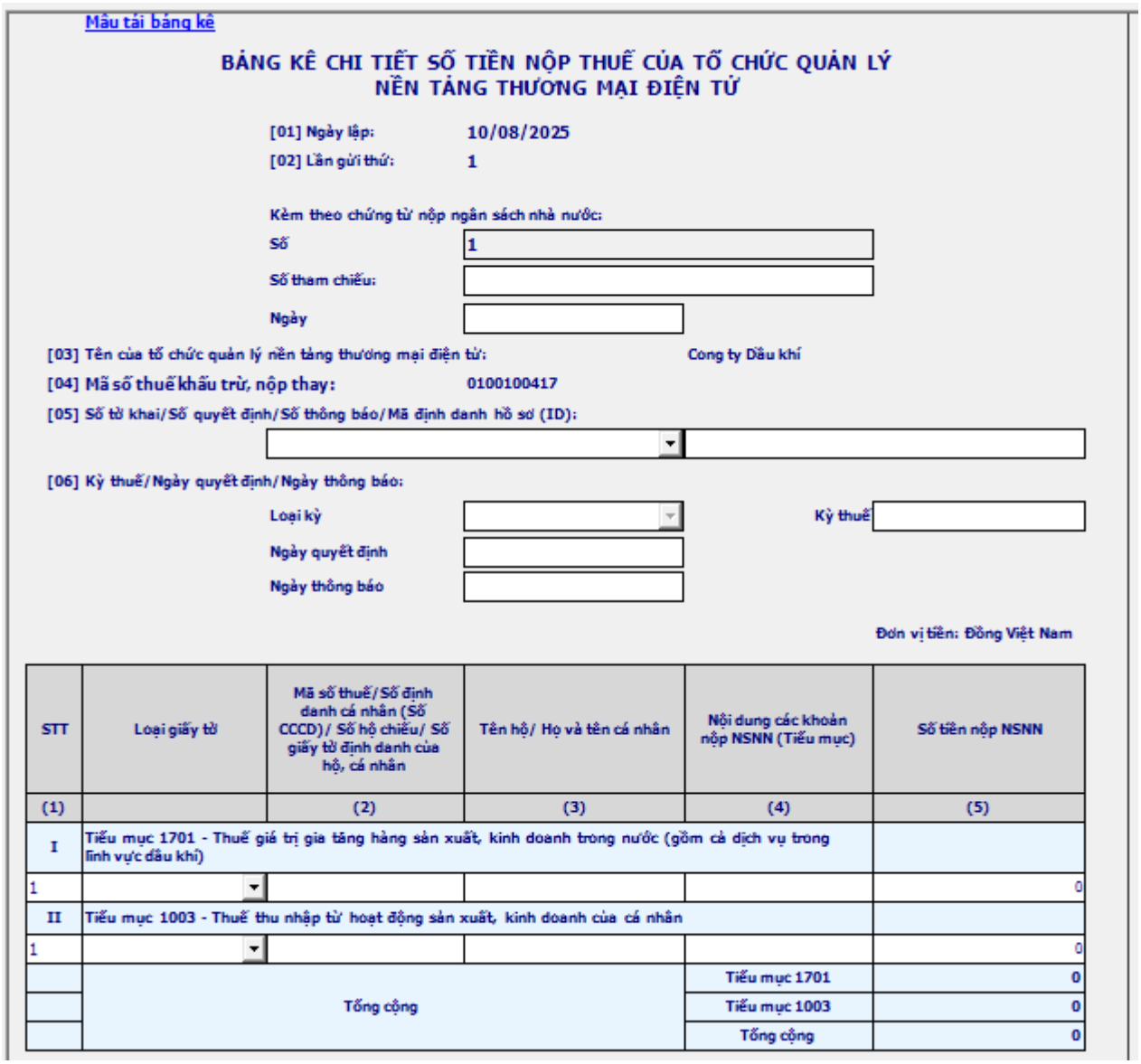
3.21.3 Bảng kê chi tiết số tiền nộp thuế của tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thương mại điện tử/Bảng kê chi tiết số tiền nộp thuế TMĐT.



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  + Ngày lập: Nhập định dạng ngày dd/mm/yyyy
  + Số chứng từ nộp NSNN: Nhập số chứng từ nộp NSNN
- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai chi tiết



Mẫu tải bảng kê

BẢNG KÊ CHI TIẾT SỐ TIỀN NỘP THUẾ CỦA TỔ CHỨC QUẢN LÝ NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

[01] Ngày lập: 10/08/2025

[02] Lần gửi thứ: 1

Kèm theo chứng từ nộp ngân sách nhà nước:

Số: 1

Số tham chiếu:

Ngày:

[03] Tên của tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử: Cong ty Dầu khí

[04] Mã số thuế khấu trừ, nộp thay: 0100100417

[05] Số tờ khai/Số quyết định/Số thông báo/Mã định danh hồ sơ (ID):

[06] Kỳ thuế/Ngày quyết định/Ngày thông báo:

Loại kỳ: Kỳ thuế:

Ngày quyết định:

Ngày thông báo:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Loại giấy tờ	Mã số thuế/Số định danh cá nhân (Số CCCD)/ Số hộ chiếu/ Số giấy tờ định danh của hộ, cá nhân	Tên hộ/ Họ và tên cá nhân	Nội dung các khoản nộp NSNN (Tiểu mục)	Số tiền nộp NSNN
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)
I	Tiểu mục 1701 - Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất, kinh doanh trong nước (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)				
1					0
II	Tiểu mục 1003 - Thuế thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của cá nhân				
1					0
	Tổng cộng			Tiểu mục 1701	0
				Tiểu mục 1003	0
				Tổng cộng	0

+ Các chỉ tiêu cần nhập:
  - Kèm theo chứng từ nộp NSNN:
    - *Số:* Hiển thị theo giá trị số chứng từ đã nhập tại màn hình nhập ngày lập
    - *Số tham chiếu:* Nhập định dạng text
    - *Ngày:* Nhập định dạng dd/mm/yyyy và ngày phải <= ngày hiện tại
  - Chỉ tiêu [05] Số tờ khai/ Số quyết định / Số thông báo/Mã định danh hồ sơ (ID):
    - Bắt buộc chọn 1 trong 4 giá trị sau đó nhập thông tin chi tiết
  - Chỉ tiêu [06] Kỳ thuế/ Ngày quyết định/Ngày thông báo:
    - Nếu chỉ tiêu [05] chọn "Số tờ khai" thì "Loại kỳ" mặc định là tháng và bắt buộc nhập kỳ thuế theo định dạng mm/yyyy
    - Nếu chỉ tiêu [05] chọn "Số quyết định" thì bắt buộc nhập "Ngày quyết định" theo định dạng dd/mm/yyyy
    - Nếu chỉ tiêu [05] chọn "Số thông báo" thì bắt buộc nhập "Ngày thông báo" theo định dạng dd/mm/yyyy
  - Loại giấy tờ: Bắt buộc chọn 1 loại giấy tờ trong danh mục gồm: Mã số thuế, Số định danh cá nhân (Số CCCD), Hộ chiếu, Số giấy tờ định danh của hộ, cá nhân

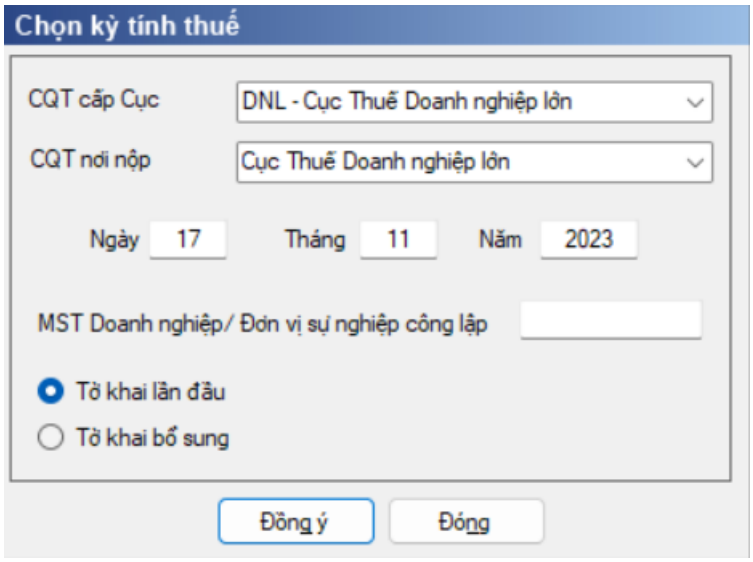
- (2) Mã số thuế/ Số định danh cá nhân (Số CCCD)/ Số Hộ chiếu/ Số giấy tờ định danh của hộ, cá nhân: Cho phép nhập, nếu là MST thì nhập đúng cấu trúc MST
- Cột (3) Tên Hộ/ Họ và tên cá nhân: Bắt nhập nhập, định dạng text
- Cột (4) Nội dung các khoản nộp NSNN (Tiểu mục): Tại mục I mặc định là 1701, tại mục II mặc định là 1003
- Cột (5) Số tiền nộp NSNN: Nhập số nguyên âm, dương

3.22 Hướng dẫn thực hiện chức năng Kê khai Tờ khai chuyển đổi chủ sở hữu, chuyển nhượng vốn

3.22.1 Tờ khai số thu từ cổ phần hóa (Mẫu 01/CPH) đáp ứng Thông tư số 57/2022/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai chuyển đổi chủ sở hữu, chuyển nhượng vốn" chọn "TK số thu từ cổ phần hóa (01/CPH) (TT57/2022)".



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:

+ CQT nộp tờ khai: CQT quản lý trực tiếp của doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập

+ Kỳ kê khai: Kê khai theo lần phát sinh, cho phép kê khai từ ngày 31/10/2022

+ Trên 1 tờ khai chỉ cho phép kê khai 1 chỉ tiêu duy nhất (dựa vào đó để xác định hạn nộp tờ khai)

+ Hạn nộp tờ khai:

- Nếu đối tượng kê khai là "*Tổ chức thực hiện bán đấu giá"* (kê khai chỉ tiêu [09]) thì phải nộp *Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tờ khai*
- Nếu đối tượng kê khai là "*Doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập"* (kê khai chỉ tiêu [10]) thì phải nộp *Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tờ khai*
- Nếu đối tượng kê khai là "Tổ chức bảo lãnh phát hành" (kê khai chỉ tiêu [11]) thì phải nộp Trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày phát sinh tờ khai
- Nếu đối tượng kê khai là *"Doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập"* (kê khai chỉ tiêu [12]) thì phải nộp *Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tờ khai*

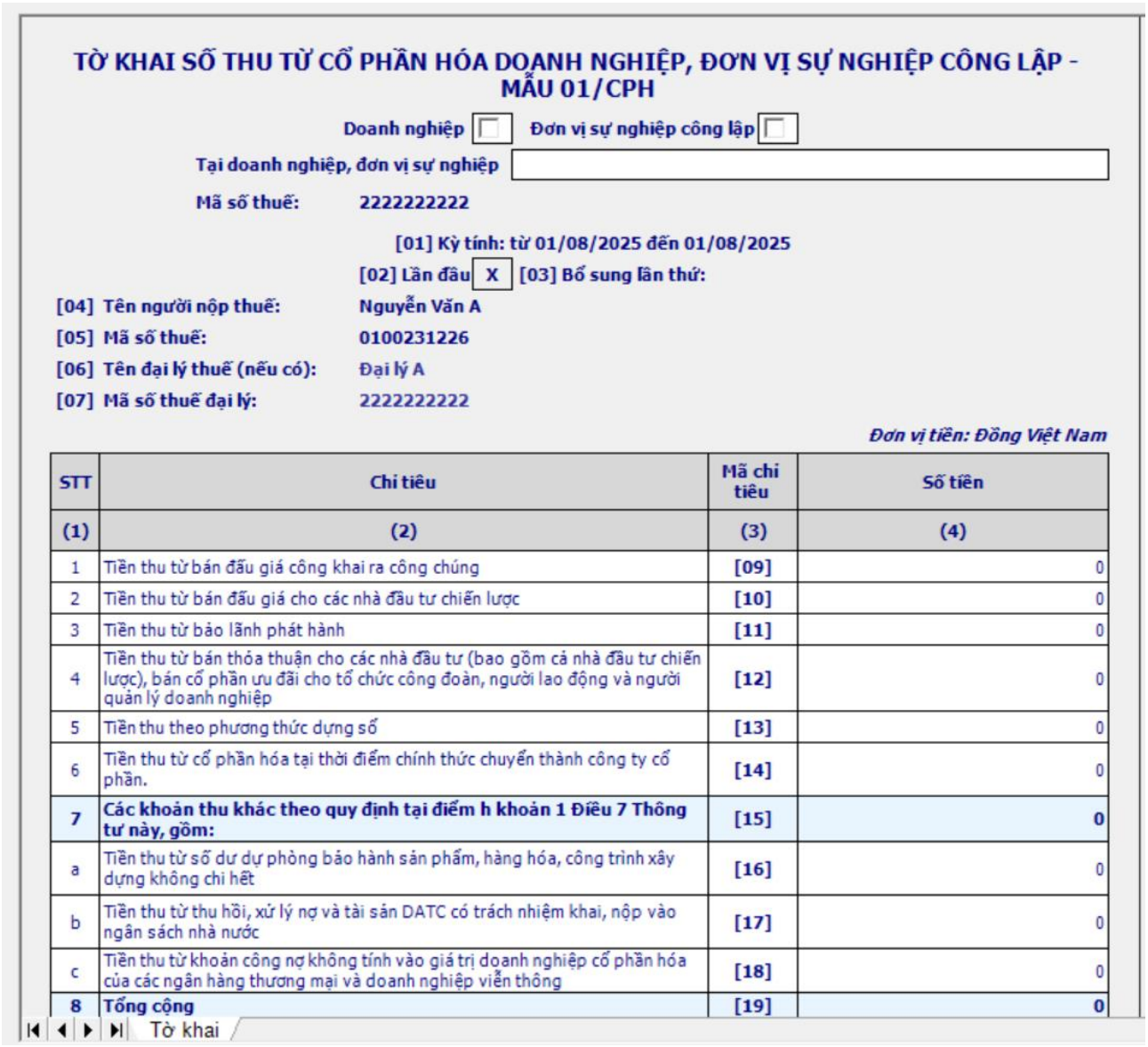
- Nếu đối tượng kê khai là *"Tổ chức quản lý số lệnh"* (kê khai chỉ tiêu [13]) thì phải nộp *Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tờ khai*
- Nếu đối tượng kê khai là *"Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập cổ phần hóa"* (kê khai chỉ tiêu [14]) thì phải nộp *Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày phát sinh tờ khai*
- Nếu đối tượng kê khai là *"DATC"* (kê khai chỉ tiêu [16]) thì phải nộp *Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày phát sinh tờ khai*
- Nếu đối tượng kê khai là *"DATC"* (kê khai chỉ tiêu [16]) thì phải nộp *Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày phát sinh tờ khai*
- Nếu đối tượng kê khai là *"Các ngân hàng thương mại và doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực viễn thông"* (kê khai chỉ tiêu [18]) thì phải nộp *Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tờ khai*

+ Loại tờ khai: Chọn 1 trong 2 loại "Tờ khai lần đầu" hoặc "Tờ khai bổ sung"

- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai 01/CPH

3.22.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên màn hình nhập "Kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



TỜ KHAI SỐ THU TỪ CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP - MẪU 01/CPH

Doanh nghiệp ☐ Đơn vị sự nghiệp công lập ☐

Tại doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp

Mã số thuế: 2222222222

[01] Kỳ tính: từ 01/08/2025 đến 01/08/2025

[02] Lần đầu X [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Nguyễn Văn A

[05] Mã số thuế: 0100231226

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Đại lý A

[07] Mã số thuế đại lý: 2222222222

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Tiền thu từ bán đấu giá công khai ra công chúng	[09]	0
2	Tiền thu từ bán đấu giá cho các nhà đầu tư chiến lược	[10]	0
3	Tiền thu từ bảo lãnh phát hành	[11]	0
4	Tiền thu từ bán thỏa thuận cho các nhà đầu tư (bao gồm cả nhà đầu tư chiến lược), bán cổ phần ưu đãi cho tổ chức công đoàn, người lao động và người quản lý doanh nghiệp	[12]	0
5	Tiền thu theo phương thức dựng sổ	[13]	0
6	Tiền thu từ cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.	[14]	0
7	**Các khoản thu khác theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 7 Thông tư này, gồm:**	[15]	**0**
a	Tiền thu từ số dư dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây dựng không chi hết	[16]	0
b	Tiền thu từ thu hồi, xử lý nợ và tài sản DATC có trách nhiệm khai, nộp vào ngân sách nhà nước	[17]	0
c	Tiền thu từ khoản công nợ không tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa của các ngân hàng thương mại và doanh nghiệp viễn thông	[18]	0
8	**Tổng cộng**	[19]	**0**

Tờ khai

- Thông tin chung của tờ khai:
  + Các chỉ tiêu cần nhập:
    - Doanh nghiệp/Đơn vị sự nghiệp công lập: Bắt buộc tích chọn 1 trong 2
    - Tại doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp: Nhập text
- Thông tin chi tiết tờ khai:
  + Các chỉ tiêu cần nhập: 1 tờ khai chỉ nhập 1 chỉ tiêu
    - [09] Tiền thu từ bán đấu giá công khai ra công chúng: Nhập số >=0
    - [10] Tiền thu từ bán đấu giá cho các nhà đầu tư chiến lược: Nhập số >=0
    - [11] Tiền thu từ bảo lãnh phát hành: Nhập số >=0
    - [12] Tiền thu từ bán thỏa thuận cho các nhà đầu tư (bao gồm cả nhà đầu tư chiến lược), bán cổ phần ưu đãi cho tổ chức công đoàn, người lao động và người quản lý doanh nghiệp: Nhập số >=0
    - [13] Tiền thu theo phương thức dựng sổ: Nhập số >=0
    - [14] Tiền thu từ cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần: Nhập số >=0

- [16] Tiền thu từ số dư dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây dựng không chi hết: Nhập số >=0
- [17] Tiền thu từ thu hồi, xử lý nợ và tài sản DATC có trách nhiệm khai, nộp vào ngân sách nhà nước: Nhập số >=0
- [18] Tiền thu từ khoản công nợ không tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa của các ngân hàng thương mại và doanh nghiệp viễn thông: Nhập số >=0

+ Các chỉ tiêu tính toán

- [15] Các khoản thu khác theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 7 Thông tư này, gồm: UD tính theo công thức: [15] = [16] + [17] + [18]
- [19] Tổng cộng: UD tính theo công thức: [19] = [09] + [10] + … + [15]

3.22.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm
- Trên màn hình nhập "Kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai bổ sung, nhập lần bổ sung và ngày bổ sung, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị "Tờ khai điều chỉnh" , PL "01-1/KHBS" và 01/KHBS
- Kê khai các chỉ tiêu trên tờ khai điều chỉnh giống tờ khai lần đầu, sau đó nhấn <Ghi>, ứng dụng hỗ trợ tự động tổng hợp dữ liệu lên 01-1/KHBS và 01/KHBS

+ 01-1/KHBS: Tổng hợp theo nguyên tắc giống tờ khai 01/GTGT

- Chỉ tiêu hạch toán là chỉ tiêu [19] (Loại chỉ tiêu: Phải nộp)

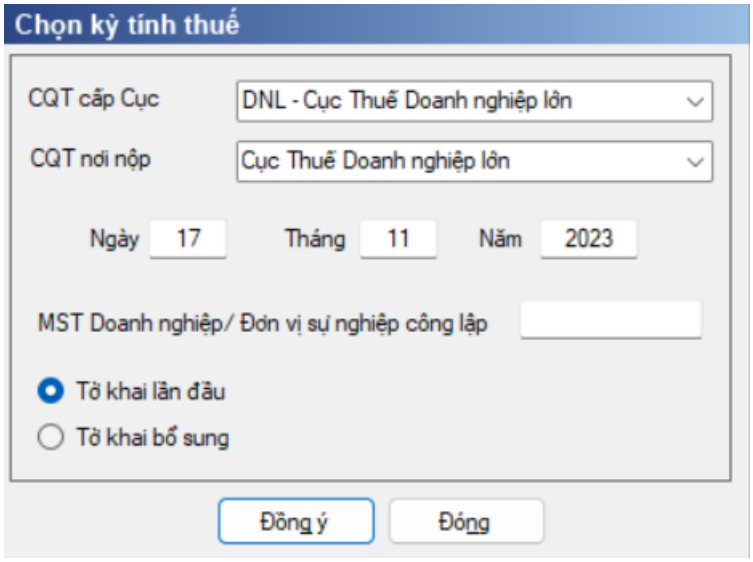
+ Đối với tờ 01/CPH chỉ tổng hợp lên mục Số thuế phải nộp trên tờ khai điều chỉnh tăng/giảm trên 01/KHBS: Tổng hợp theo nguyên tắc giống tờ khai 01/GTGT

- Tiểu mục hạch toán: 3653 - Thu hồi vốn của nhà nước từ cổ phần hóa

3.22.2 Tờ khai quyết toán số thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập (mẫu 02/QT-CPH) đáp ứng Thông tư số 57/2022/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai chuyển đổi chủ sở hữu, chuyển nhượng vốn" chọn "TK QT số thu từ cổ phần hóa (02/CPH) (TT57/2022)".



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:

+ CQT nộp tờ khai: CQT quản lý trực tiếp của doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập

+ Kỳ kê khai: Kê khai theo lần phát sinh, cho phép kê khai từ ngày 31/10/2022

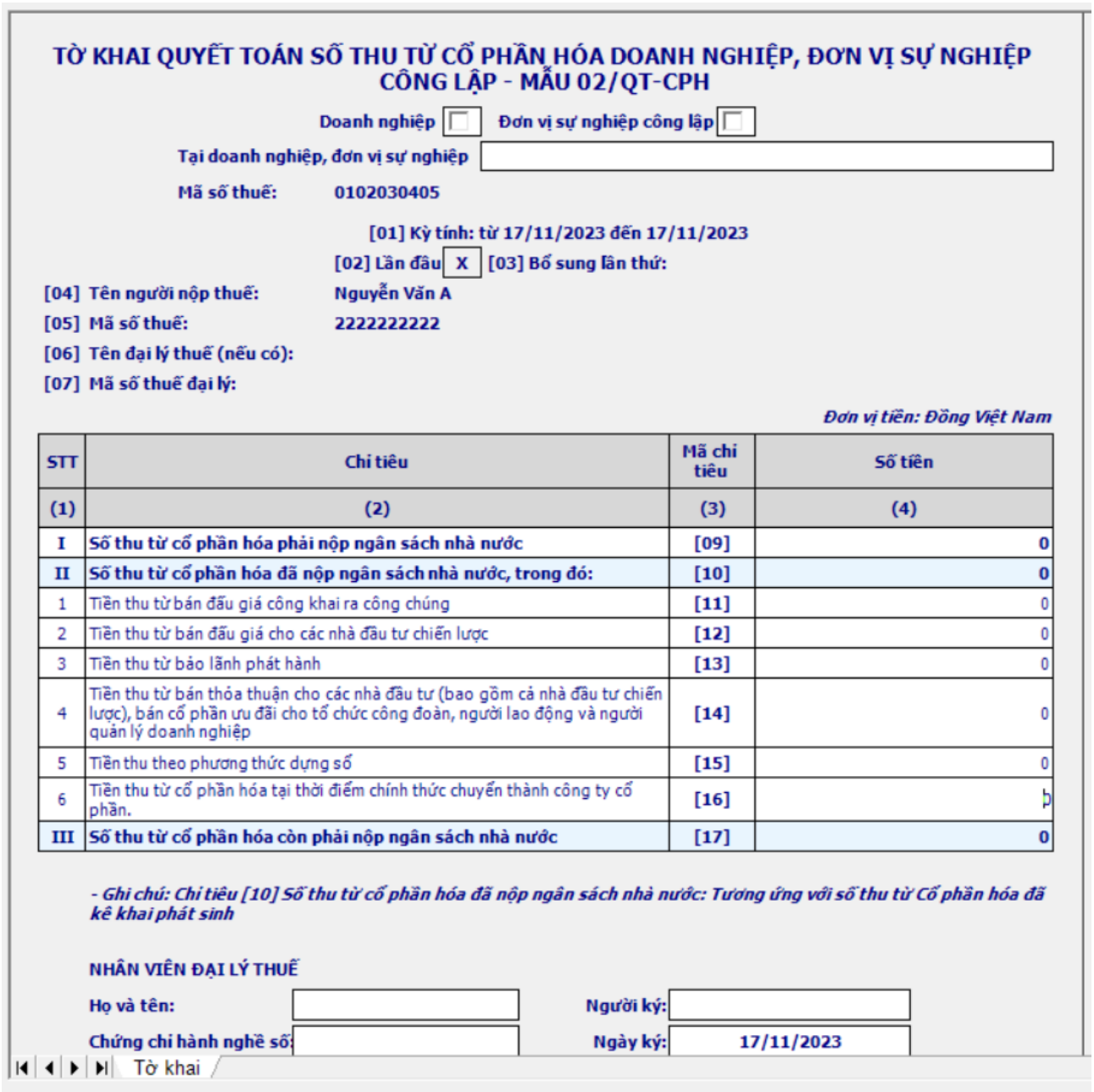
+ Hạn nộp: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tờ khai

+ Loại tờ khai: Chọn 1 trong 2 loại "Tờ khai lần đầu" hoặc "Tờ khai bổ sung"

- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai 02/CPH

3.22.2.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên màn hình nhập "Kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



TỜ KHAI QUYẾT TOÁN SỐ THU TỪ CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP - MẪU 02/QT-CPH

Doanh nghiệp ☐ Đơn vị sự nghiệp công lập ☐

Tại doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp

Mã số thuế: 0102030405

[01] Kỳ tính: từ 17/11/2023 đến 17/11/2023

[02] Lần đầu X [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Nguyễn Văn A

[05] Mã số thuế: 2222222222

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):

[07] Mã số thuế đại lý:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
I	**Số thu từ cổ phần hóa phải nộp ngân sách nhà nước**	[09]	0
II	**Số thu từ cổ phần hóa đã nộp ngân sách nhà nước, trong đó:**	[10]	0
1	Tiền thu từ bán đấu giá công khai ra công chúng	[11]	0
2	Tiền thu từ bán đấu giá cho các nhà đầu tư chiến lược	[12]	0
3	Tiền thu từ bảo lãnh phát hành	[13]	0
4	Tiền thu từ bán thỏa thuận cho các nhà đầu tư (bao gồm cả nhà đầu tư chiến lược), bán cổ phần ưu đãi cho tổ chức công đoàn, người lao động và người quản lý doanh nghiệp	[14]	0
5	Tiền thu theo phương thức dựng sổ	[15]	0
6	Tiền thu từ cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.	[16]	0
III	**Số thu từ cổ phần hóa còn phải nộp ngân sách nhà nước**	[17]	0

- Ghi chú: Chỉ tiêu [10] Số thu từ cổ phần hóa đã nộp ngân sách nhà nước: Tương ứng với số thu từ Cổ phần hóa đã kê khai phát sinh

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: Người ký:

Chứng chỉ hành nghề số: Ngày ký: 17/11/2023

Tờ khai

- Thông tin chung của tờ khai:
  + Các chỉ tiêu cần nhập:
    - Doanh nghiệp/ Đơn vị sự nghiệp công lập: Bắt buộc tích chọn Doanh nghiệp" hoặc "Đơn vị sự nghiệp công lập"
    - Tại doanh nghiệp/ Đơn vị sự nghiệp công lập: Bắt buộc nhập tên doanh nghiệp/ Đơn vị sự nghiệp công lập
- Thông tin chi tiết tờ khai:
  + Các chỉ tiêu cần nhập:
    - [09] Số thu từ cổ phần hóa phải nộp ngân sách nhà nước: Nhập số >=0
    - [11] Tiền thu từ bán đấu giá công khai ra công chúng: Nhập số >=0
    - [12] Tiền thu từ bán đấu giá cho các nhà đầu tư chiến lược: Nhập số >=0
    - [13] Tiền thu từ bảo lãnh phát hành: Nhập số >=0

- [14] Tiền thu từ bán thỏa thuận cho các nhà đầu tư (bao gồm cả nhà đầu tư chiến lược), bán cổ phần ưu đãi cho tổ chức công đoàn, người lao động và người quản lý doanh nghiệp: Nhập số >=0
- [15] Tiền thu theo phương thức dựng sổ: Nhập số >=0
- [16] Tiền thu từ cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần: Nhập số >=0

+ Các chỉ tiêu tính toán

- [10] Số thu từ cổ phần hóa đã nộp ngân sách nhà nước, trong đó: UD tính theo công thức [10] = [11] + [12] + …. + [16]
- [17] Số thu từ cổ phần hóa còn phải nộp ngân sách nhà nước: UD tính theo công thức: [17] = [09] – [10], [17] phải >=0

3.22.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm
- Trên màn hình nhập "Kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai bổ sung, nhập lần bổ sung và ngày bổ sung, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị "Tờ khai điều chỉnh" , PL "01-1/KHBS" và 01/KHBS
- Kê khai các chỉ tiêu trên tờ khai điều chỉnh giống tờ khai lần đầu, sau đó nhấn <Ghi>, ứng dụng hỗ trợ tự động tổng hợp dữ liệu lên 01-1/KHBS và 01/KHBS

+ 01-1/KHBS: Tổng hợp theo nguyên tắc giống tờ khai 01/GTGT

- Chỉ tiêu hạch toán là chỉ tiêu [17] (Loại chỉ tiêu: Phải nộp)

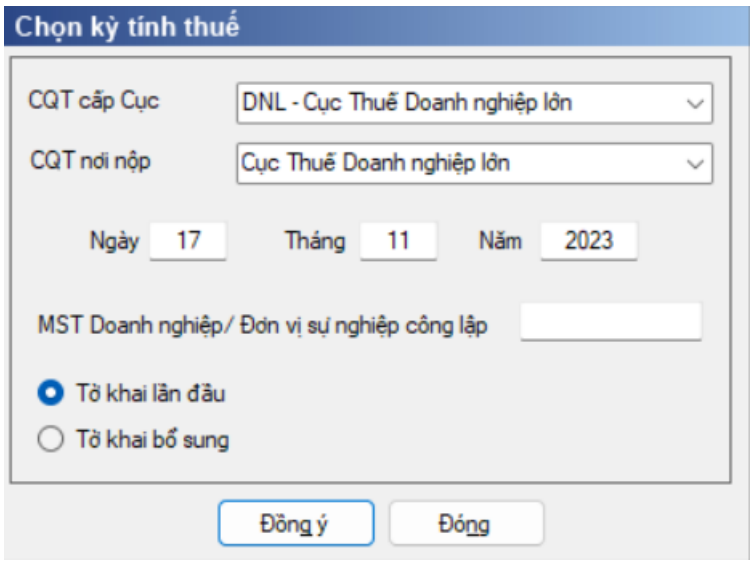
+ Đối với tờ 02/CPH chỉ tổng hợp lên mục Số thuế phải nộp trên tờ khai điều chỉnh tăng/giảm trên 01/KHBS: Tổng hợp theo nguyên tắc giống tờ khai 01/GTGT

- Tiểu mục hạch toán: 3653 - Thu hồi vốn của nhà nước từ cổ phần hóa

3.22.3 Tờ khai số thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước, thu từ chuyển nhượng quyền mua cổ phần và thu từ chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước tại doanh nghiệp (mẫu 01/CNV) đáp ứng Thông tư số 57/2022/TT-BTC

Cách gọi:

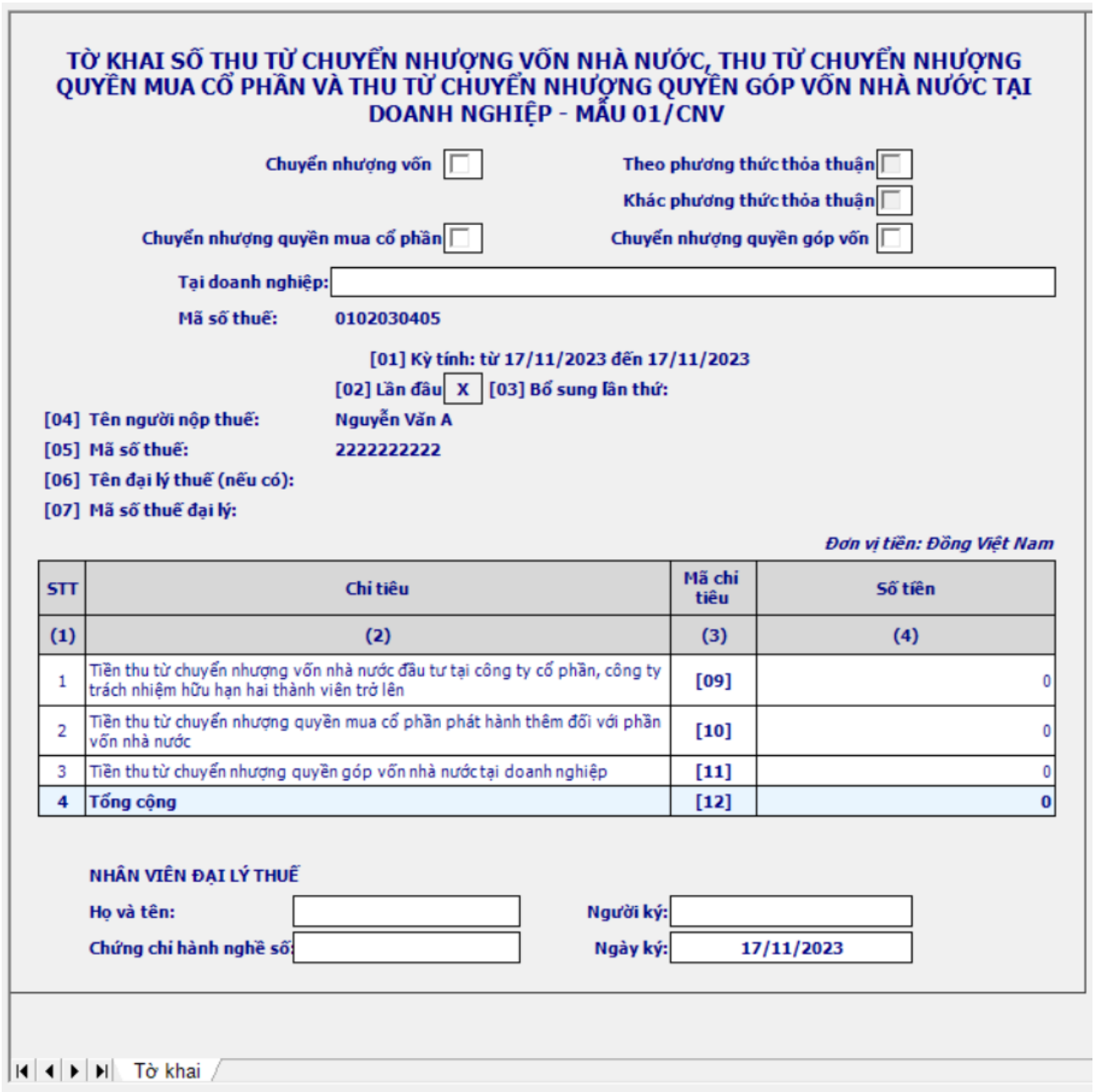
- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai chuyển đổi chủ sở hữu, chuyển nhượng vốn" chọn "TK số thu từ chuyển nhượng vốn (01/CNV) (TT57/2022)".



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  + CQT nộp tờ khai: CQT quản lý trực tiếp của doanh nghiệp
  + Kỳ kê khai: Kê khai theo lần phát sinh, cho phép kê khai từ ngày 31/10/2022
  + Hạn nộp:
    - Nếu chọn phương thức chuyển nhượng vốn là "Theo phương thức thỏa thuận" thì phải nộp Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày phát sinh tờ khai
    - Nếu chọn phương thức chuyển nhượng vốn là "Khác phương thức thỏa thuận" thì phải nộp Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tờ khai
    - Nếu chọn "Chuyển nhượng mua cổ phần, chuyển nhượng quyền góp vốn" thì phải nộp Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tờ khai
  + Loại tờ khai: Chọn 1 trong 2 loại "Tờ khai lần đầu" hoặc "Tờ khai bổ sung"
- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai 01/CNV

3.22.3.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên màn hình nhập "Kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



TỜ KHAI SỐ THU TỪ CHUYỂN NHƯỢNG VỐN NHÀ NƯỚC, THU TỪ CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN MUA CỔ PHẦN VÀ THU TỪ CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN GÓP VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP - MẪU 01/CNV

Chuyển nhượng vốn ☐ Theo phương thức thỏa thuận ☐
Khác phương thức thỏa thuận ☐
Chuyển nhượng quyền mua cổ phần ☐ Chuyển nhượng quyền góp vốn ☐
Tại doanh nghiệp:
Mã số thuế: 0102030405

[01] Kỳ tính: từ 17/11/2023 đến 17/11/2023
[02] Lần đầu X [03] Bổ sung lần thứ:
[04] Tên người nộp thuế: Nguyễn Văn A
[05] Mã số thuế: 2222222222
[06] Tên đại lý thuế (nếu có):
[07] Mã số thuế đại lý:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Tiền thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	[09]	0
2	Tiền thu từ chuyển nhượng quyền mua cổ phần phát hành thêm đối với phần vốn nhà nước	[10]	0
3	Tiền thu từ chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước tại doanh nghiệp	[11]	0
4	Tổng cộng	[12]	0

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên: Người ký:
Chứng chỉ hành nghề số: Ngày ký: 17/11/2023

Tờ khai

- Thông tin chung của tờ khai:
  + Các chỉ tiêu cần nhập:
    - Chuyển nhượng vốn/ Chuyển nhượng quyền mua cổ phần/ chuyển nhượng quyền góp vốn: Bắt buộc tích chọn 1 trong 3.
      - Nếu tích chọn "Chuyển nhượng vốn" thì bắt buộc tích chọn 1 trong 2 giá trị: "Theo phương thức thỏa thuận" hoặc "Khác phương thức thỏa thuận"
      - Nếu tích chọn Chuyển nhượng quyền mua cổ phần/ chuyển nhượng quyền góp vốn thì khóa không cho tích chọn
    - Tại doanh nghiệp: Bắt buộc nhập tên doanh nghiệp
- Thông tin chi tiết tờ khai:
  + Các chỉ tiêu cần nhập:

- [09] Tiền thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên: Nhập số >=0. Nếu tích Chuyển nhượng vốn thì được nhập chỉ tiêu này
- [10] Tiền thu từ chuyển nhượng quyền mua cổ phần phát hành thêm đối với phần vốn nhà nước: Nhập số >=0. Nếu tích Chuyển nhượng quyền mua cổ phần thì được nhập chỉ tiêu này
- [11] Tiền thu từ chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước tại doanh nghiệp: Nhập số >=0. Nếu tích Chuyển nhượng quyền vốn góp thì được nhập chỉ tiêu này

+ Các chỉ tiêu tính toán

- [12] Tổng cộng: UD tính theo công thức [12] = [09] + [10] + [11]

3.22.3.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm
- Trên màn hình nhập "Kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai bổ sung, nhập lần bổ sung và ngày bổ sung, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị "Tờ khai điều chỉnh" , PL "01-1/KHBS" và 01/KHBS
- Kê khai các chỉ tiêu trên tờ khai điều chỉnh giống tờ khai lần đầu, sau đó nhấn <Ghi>, ứng dụng hỗ trợ tự động tổng hợp dữ liệu lên 01-1/KHBS và 01/KHBS

+ 01-1/KHBS: Tổng hợp theo nguyên tắc giống tờ khai 01/GTGT

- Chỉ tiêu hạch toán là chỉ tiêu [12] (Loại chỉ tiêu: Phải nộp)

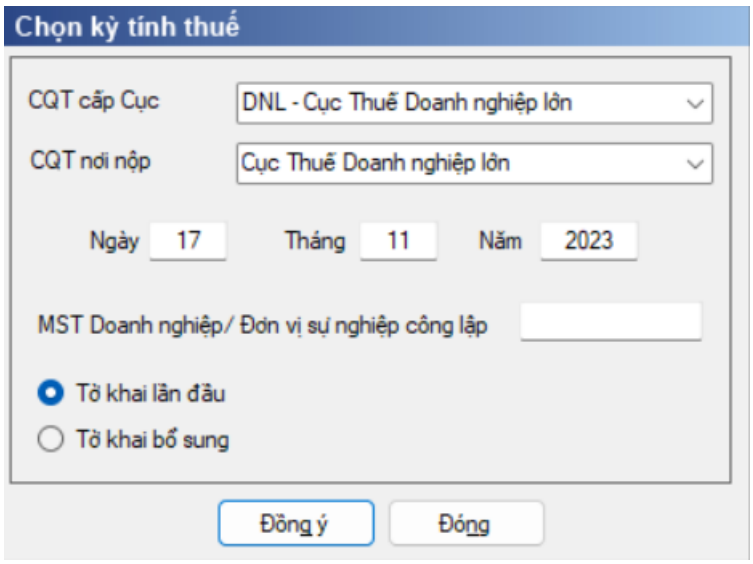
+ Đối với tờ 01/CNV chỉ tổng hợp lên mục Số thuế phải nộp trên tờ khai điều chỉnh tăng/giảm trên 01/KHBS: Tổng hợp theo nguyên tắc giống tờ khai 01/GTGT

- Tiểu mục hạch toán: 3655 - Thu hồi vốn của Nhà nước từ chuyển nhượng vốn nhà nước

3.22.4 Tờ khai quyết toán số thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước, thu từ chuyển nhượng quyền mua cổ phần và thu từ chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước tại doanh nghiệp (mẫu 02/QT-CNV) đáp ứng Thông tư số 57/2022/TT-BTC

Cách gọi:

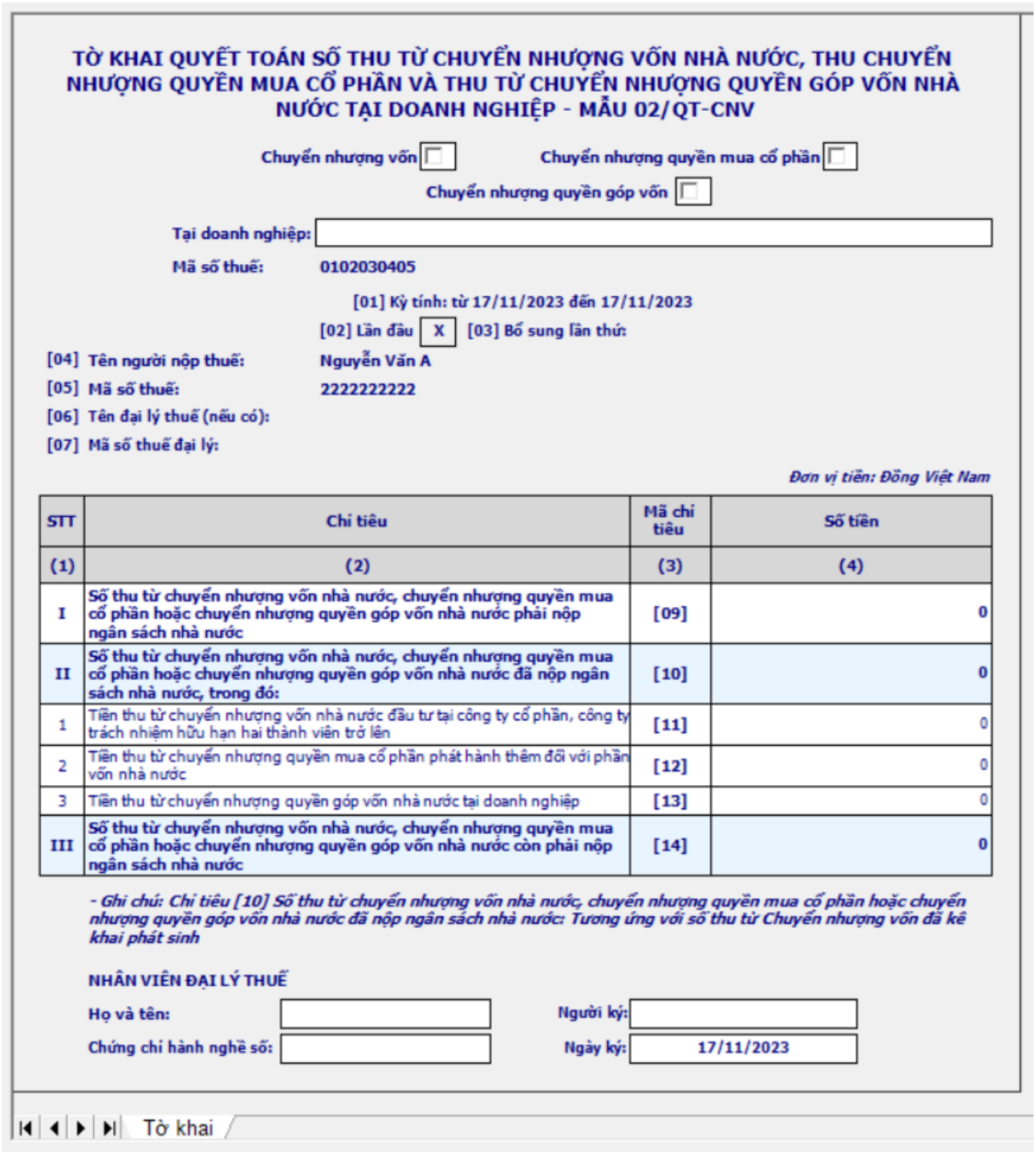
- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai chuyển đổi chủ sở hữu, chuyển nhượng vốn" chọn "TK QT số thu từ chuyển nhượng vốn (02/CNV) (TT57/2022)".



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  + CQT nộp tờ khai: CQT quản lý trực tiếp của doanh nghiệp
  + Kỳ kê khai: Kê khai theo lần phát sinh, cho phép kê khai từ ngày 31/10/2022
  + Hạn nộp: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tờ khai
  + Loại tờ khai: Chọn 1 trong 2 loại "Tờ khai lần đầu" hoặc "Tờ khai bổ sung"
- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai 02/QT-CNV

3.22.4.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên màn hình nhập "Kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



TỜ KHAI QUYẾT TOÁN SỐ THU TỪ CHUYỂN NHƯỢNG VỐN NHÀ NƯỚC, THU CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN MUA CỔ PHẦN VÀ THU TỪ CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN GÓP VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP - MẪU 02/QT-CNV

Chuyển nhượng vốn ☐ Chuyển nhượng quyền mua cổ phần ☐

Chuyển nhượng quyền góp vốn ☐

Tại doanh nghiệp:

Mã số thuế: 0102030405

[01] Kỳ tính: từ 17/11/2023 đến 17/11/2023

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Nguyễn Văn A

[05] Mã số thuế: 2222222222

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):

[07] Mã số thuế đại lý:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Số thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước, chuyển nhượng quyền mua cổ phần hoặc chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước phải nộp ngân sách nhà nước	[09]	0
II	Số thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước, chuyển nhượng quyền mua cổ phần hoặc chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước đã nộp ngân sách nhà nước, trong đó:	[10]	0
1	Tiền thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	[11]	0
2	Tiền thu từ chuyển nhượng quyền mua cổ phần phát hành thêm đối với phần vốn nhà nước	[12]	0
3	Tiền thu từ chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước tại doanh nghiệp	[13]	0
III	Số thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước, chuyển nhượng quyền mua cổ phần hoặc chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước còn phải nộp ngân sách nhà nước	[14]	0

- Ghi chú: Chỉ tiêu [10] Số thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước, chuyển nhượng quyền mua cổ phần hoặc chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước đã nộp ngân sách nhà nước: Tương ứng với số thu từ Chuyển nhượng vốn đã kê khai phát sinh

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: Người ký:

Chứng chỉ hành nghề số: Ngày ký: 17/11/2023

Tờ khai

- Thông tin chung của tờ khai:
  + Các chỉ tiêu cần nhập:
    - Chuyển nhượng vốn/ Chuyển nhượng quyền mua cổ phần/ chuyển nhượng quyền góp vốn: Bắt buộc tích chọn 1 trong 3.
    - Tại doanh nghiệp: Bắt buộc nhập tên doanh nghiệp
- Thông tin chi tiết tờ khai:
  + Các chỉ tiêu cần nhập:
    - [09] Số thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước, chuyển nhượng quyền mua cổ phần hoặc chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước phải nộp ngân sách nhà nước: Nhập số >=0.

- [11] Tiền thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên: Nhập số >=0. Nếu tích Chuyển nhượng vốn thì được nhập chỉ tiêu này
- [12] Tiền thu từ chuyển nhượng quyền mua cổ phần phát hành thêm đối với phần vốn nhà nước: Nhập số >=0. Nếu tích Chuyển nhượng quyền mua cổ phần thì được nhập chỉ tiêu này
- [13] Tiền thu từ chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước tại doanh nghiệp: Nhập số >=0. Nếu tích Chuyển nhượng quyền vốn góp thì được nhập chỉ tiêu này

+ Các chỉ tiêu tính toán

- [10] Số thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước, chuyển nhượng quyền mua cổ phần hoặc chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước đã nộp ngân sách nhà nước, trong đó: UD tính theo công thức [10] = [11] + [12] + [13]
- [14] Số thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước, chuyển nhượng quyền mua cổ phần hoặc chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước còn phải nộp ngân sách nhà nước: UD tính theo công thức [14] = [09] – [10], [14] phải >=0

3.22.4.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm
- Trên màn hình nhập "Kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai bổ sung, nhập lần bổ sung và ngày bổ sung, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị "Tờ khai điều chỉnh" , PL "01-1/KHBS" và 01/KHBS
- Kê khai các chỉ tiêu trên tờ khai điều chỉnh giống tờ khai lần đầu, sau đó nhấn <Ghi>, ứng dụng hỗ trợ tự động tổng hợp dữ liệu lên 01-1/KHBS và 01/KHBS

+ 01-1/KHBS: Tổng hợp theo nguyên tắc giống tờ khai 01/GTGT

- Chỉ tiêu hạch toán là chỉ tiêu [14] (Loại chỉ tiêu: Phải nộp)

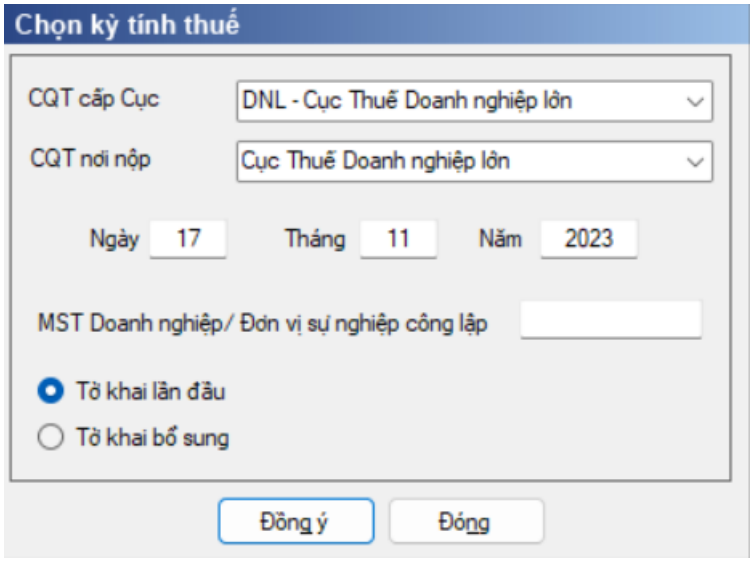
+ Đối với tờ 02/QT-CNV chỉ tổng hợp lên mục Số thuế phải nộp trên tờ khai điều chỉnh tăng/giảm trên 01/KHBS: Tổng hợp theo nguyên tắc giống tờ khai 01/GTGT

- Tiểu mục hạch toán: 3655 - Thu hồi vốn của Nhà nước từ chuyển nhượng vốn nhà nước

3.22.5 Tờ khai quyết toán số thu từ các hình thức sắp xếp, chuyển đổi khác (mẫu 02/QT-SXCDK) đáp ứng Thông tư số 57/2022/TT-BTC

Cách gọi:

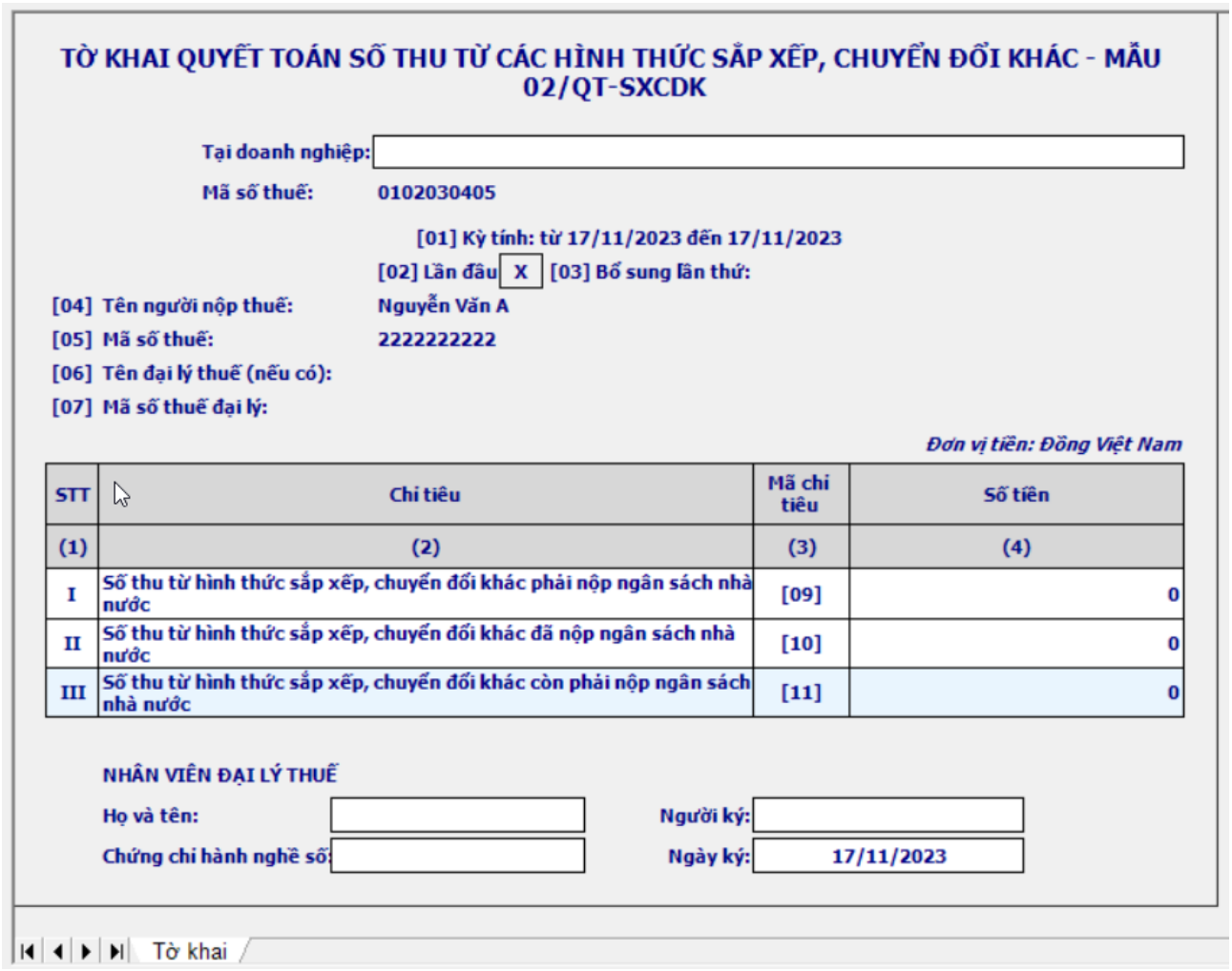
- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai chuyển đổi chủ sở hữu, chuyển nhượng vốn" chọn "TK QT số thu từ hình thức SX, CĐ khác (02/QT-SXCDK) (TT57/2022)".



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  + CQT nộp tờ khai: CQT quản lý trực tiếp của doanh nghiệp
  + Kỳ kê khai: Kê khai theo lần phát sinh, cho phép kê khai từ ngày 31/10/2022
  + Hạn nộp: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tờ khai
  + Loại tờ khai: Chọn 1 trong 2 loại "Tờ khai lần đầu" hoặc "Tờ khai bổ sung"
- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai 02/QT-SXCDK

3.22.5.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên màn hình nhập "Kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



TỜ KHAI QUYẾT TOÁN SỐ THU TỪ CÁC HÌNH THỨC SẮP XẾP, CHUYỂN ĐỔI KHÁC - MẪU 02/QT-SXCDK

Tại doanh nghiệp:

Mã số thuế: 0102030405

[01] Kỳ tính: từ 17/11/2023 đến 17/11/2023

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Nguyễn Văn A

[05] Mã số thuế: 2222222222

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):

[07] Mã số thuế đại lý:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Số thu từ hình thức sắp xếp, chuyển đổi khác phải nộp ngân sách nhà nước	[09]	0
II	Số thu từ hình thức sắp xếp, chuyển đổi khác đã nộp ngân sách nhà nước	[10]	0
III	Số thu từ hình thức sắp xếp, chuyển đổi khác còn phải nộp ngân sách nhà nước	[11]	0

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: Người ký:

Chứng chỉ hành nghề số: Ngày ký: 17/11/2023

Tờ khai

- Thông tin chung của tờ khai:
  + Các chỉ tiêu cần nhập:
    - Tại doanh nghiệp: Bắt buộc nhập tên doanh nghiệp
- Thông tin chi tiết tờ khai:
  + Các chỉ tiêu cần nhập:
    - [09] Số thu từ hình thức sắp xếp, chuyển đổi khác phải nộp ngân sách nhà nước: Nhập số >=0.
    - [10] Số thu từ hình thức sắp xếp, chuyển đổi khác đã nộp ngân sách nhà nước: Nhập số >=0.
  + Các chỉ tiêu tính toán
    - [11] Số thu từ hình thức sắp xếp, chuyển đổi khác còn phải nộp ngân sách nhà nước: UD tính theo công thức [11] = [09] – [10], [11] phải >=0

3.22.5.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là “Tờ khai bổ sung”, ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm

- Trên màn hình nhập "Kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai bổ sung, nhập lần bổ sung và ngày bổ sung, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị "Tờ khai điều chỉnh" , PL "01-1/KHBS" và 01/KHBS
- Kê khai các chỉ tiêu trên tờ khai điều chỉnh giống tờ khai lần đầu, sau đó nhấn <Ghi>, ứng dụng hỗ trợ tự động tổng hợp dữ liệu lên 01-1/KHBS và 01/KHBS

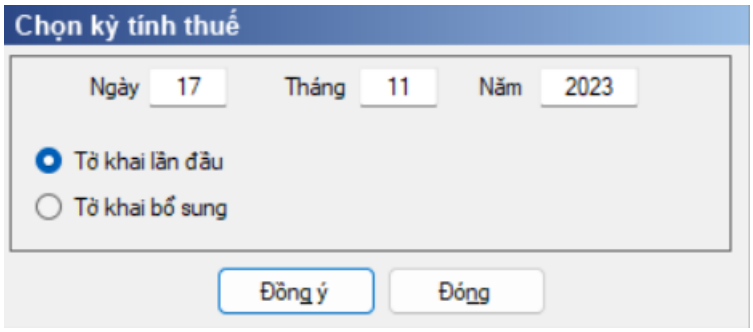
+ 01-1/KHBS: Tổng hợp theo nguyên tắc giống tờ khai 01/GTGT
  - Chỉ tiêu hạch toán là chỉ tiêu [09] (Loại chỉ tiêu: Phải nộp)

+ Đối với tờ 02/QT-SXCDK chỉ tổng hợp lên mục Số thuế phải nộp trên tờ khai điều chỉnh tăng/giảm trên 01/KHBS: Tổng hợp theo nguyên tắc giống tờ khai 01/GTGT
  - Tiểu mục hạch toán: 3656 - Thu hồi vốn của Nhà nước từ sắp xếp lại doanh nghiệp theo hình thức khác

3.22.6 Tờ khai số thu từ chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp (mẫu 01/CLVCSH-VDL) đáp ứng Thông tư số 57/2022/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai chuyển đổi chủ sở hữu, chuyển nhượng vốn" chọn "TK số thu chênh lệch VCSH lớn hơn VĐL (01/CLVCSH-VDL) (TT57/2022)".



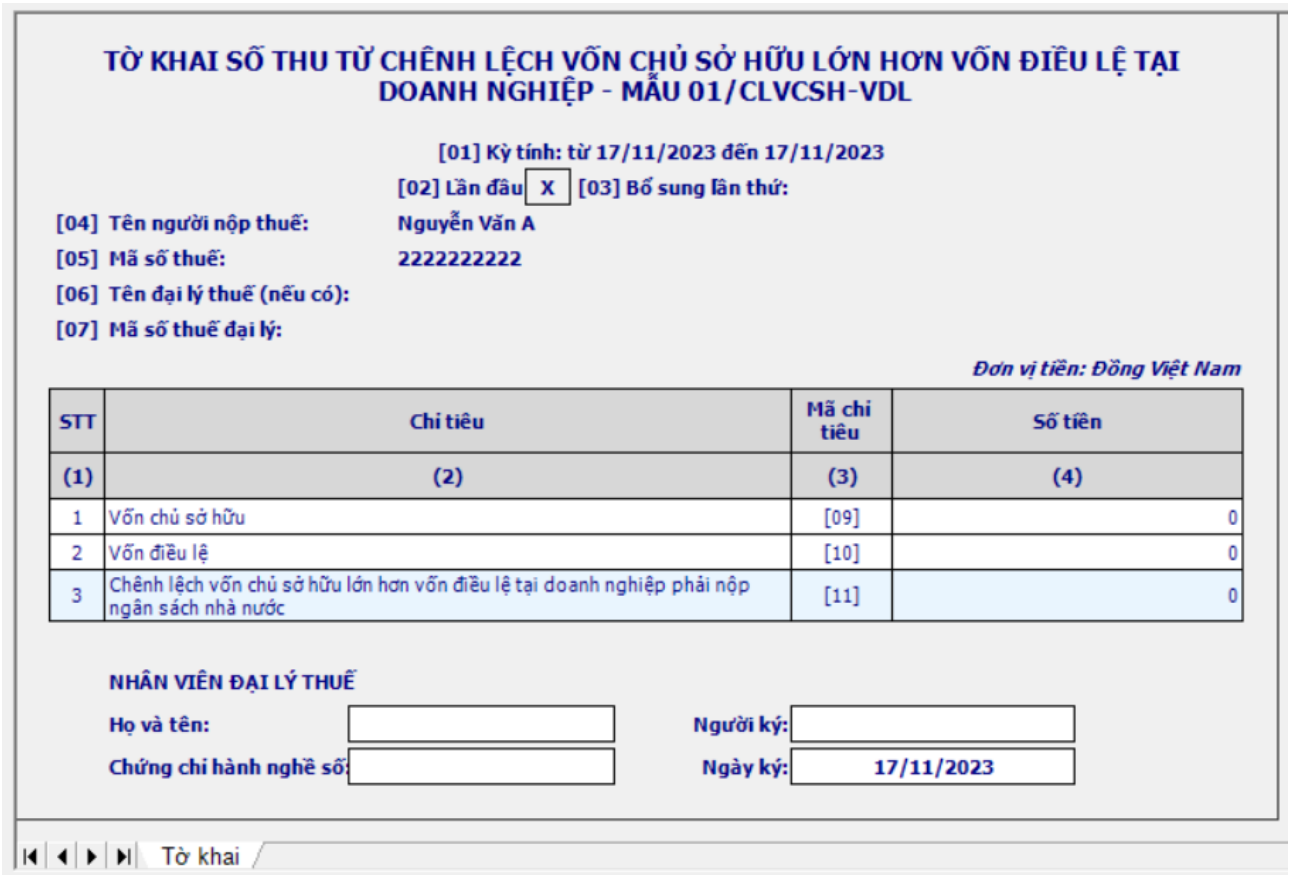
- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:

+ CQT nộp tờ khai: CQT quản lý trực tiếp của MST kê khai tờ khai
+ Kỳ kê khai: Kê khai theo lần phát sinh, cho phép kê khai từ ngày 31/10/2022
+ Hạn nộp: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày phát sinh tờ khai
+ Loại tờ khai: Chọn 1 trong 2 loại "Tờ khai lần đầu" hoặc "Tờ khai bổ sung"

- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai 01/CLVCSH-VDL

3.22.6.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên màn hình nhập "Kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



TỜ KHAI SỐ THU TỪ CHÊNH LỆCH VỐN CHỦ SỞ HỮU LỚN HƠN VỐN ĐIỀU LỆ TẠI DOANH NGHIỆP - MẪU 01/CLVCSH-VDL

[01] Kỳ tính: từ 17/11/2023 đến 17/11/2023

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Nguyễn Văn A

[05] Mã số thuế: 2222222222

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):

[07] Mã số thuế đại lý:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Vốn chủ sở hữu	[09]	0
2	Vốn điều lệ	[10]	0
3	Chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp phải nộp ngân sách nhà nước	[11]	0

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: Người ký:

Chứng chỉ hành nghề số: Ngày ký: 17/11/2023

Tờ khai

- Thông tin chi tiết tờ khai:
  + Các chỉ tiêu cần nhập:
    - [09] Vốn chủ sở hữu: Nhập số >=0.
    - [10] Vốn điều lệ: Nhập số >=0.
  + Các chỉ tiêu tính toán
    - [11] Chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp phải nộp ngân sách nhà nước: UD tính theo công thức [11] = [09] – [10], [11] phải >=0

3.22.6.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm
- Trên màn hình nhập "Kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai bổ sung, nhập lần bổ sung và ngày bổ sung, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị "Tờ khai điều chỉnh" , PL "01-1/KHBS" và 01/KHBS
- Kê khai các chỉ tiêu trên tờ khai điều chỉnh giống tờ khai lần đầu, sau đó nhấn <Ghi>, ứng dụng hỗ trợ tự động tổng hợp dữ liệu lên 01-1/KHBS và 01/KHBS
  + 01-1/KHBS: Tổng hợp theo nguyên tắc giống tờ khai 01/GTGT
    - Chỉ tiêu hạch toán là chỉ tiêu [11] (Loại chỉ tiêu: Phải nộp)
  + Đối với tờ 01/CLVCSH-VDL chỉ tổng hợp lên mục Số thuế phải nộp trên tờ khai điều chỉnh tăng/giảm trên 01/KHBS: Tổng hợp theo nguyên tắc giống tờ khai 01/GTGT

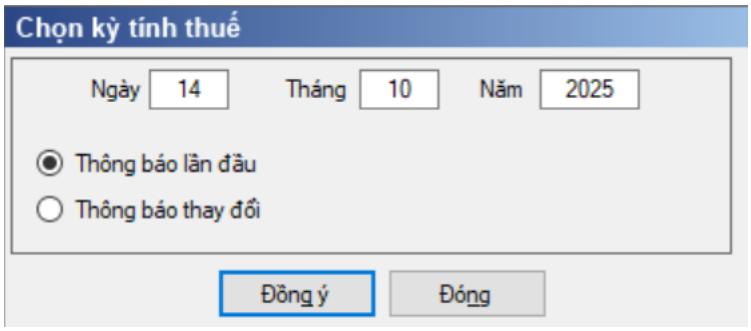
- Tiểu mục hạch toán: 3656 - Thu hồi vốn của Nhà nước từ sắp xếp lại doanh nghiệp theo hình thức khác

3.23 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Thuế tối thiểu toàn cầu

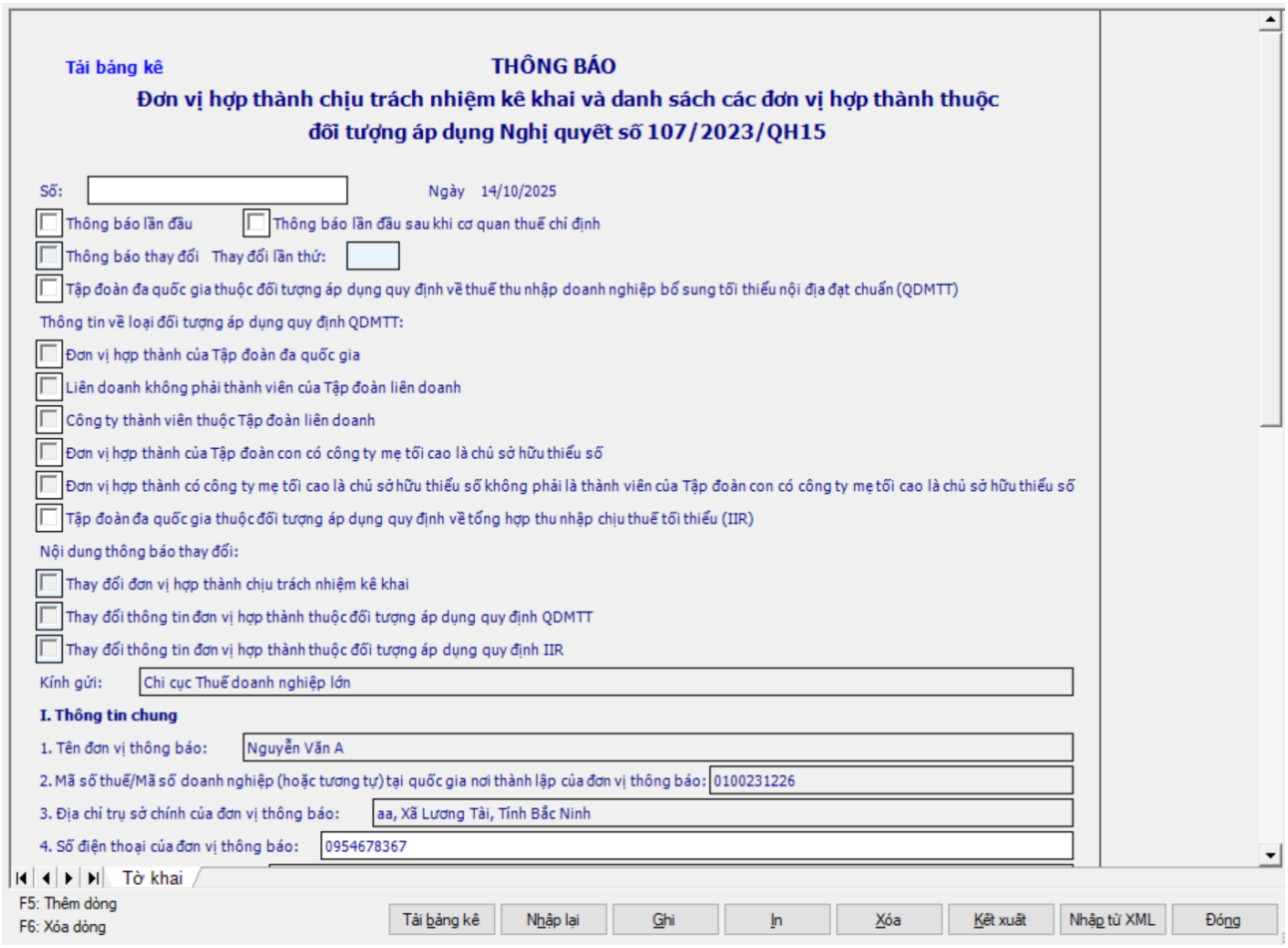
3.23.1 Thông báo đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai và danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết sô 107/2023/QH15

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế tối thiểu toàn cầu/Thông báo đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai (01/TB-ĐVHT).



- Để bắt đầu thực hiện kê khai, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  + Ngày lập: Nhập định dạng ngày dd/mm/yyyy, nhỏ hơn ngày hiện tại
  + Thông báo lần đầu/thông báo thay đổi: Tích chọn 1 trong 2 giá trị, nếu là thông báo thay đổi thì nhập số lần thay đổi
- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai chi tiết



+ Số: Bắt buộc nhập số thông báo của đơn vị, kiểu ký tự
+ Ngày: Bắt buộc nhập ngày thông báo của đơn vị, định dạng dd/mm/yyyy
+ Thông báo lần đầu/ Thông báo lần đầu sau khi cơ quan thuế chỉ định
  - Bắt buộc tích chọn 1 trong 2 nếu là "Thông báo lần đầu"
  - Để trống nếu là "Thông báo thay đổi"
+ Thông báo thay đổi: Mặc định tích chọn nếu là "Thông báo thay đổi"
+ Thay đổi lần thứ: Mặc định hiển thị theo số lần đã nập tại màn hình nhập ngày lập
+ Tập đoàn đa quốc gia thuộc đối tượng áp dụng quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (QDMTT):
  - Cho phép tích chọn
  - Nếu tích chọn thì bắt buộc tích chọn 1 trong các "Thông tin về loại đối tượng áp dụng quy trình QDMTT" dưới đây (chỉ được tích chọn 1 giá trị):
    - Đơn vị hợp thành của Tập đoàn đa quốc gia
    - Liên doanh không phải thành viên của Tập đoàn liên doanh
    - Công ty thành viên thuộc Tập đoàn liên doanh
    - Đơn vị hợp thành của Tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số
    - Đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số không phải là thành viên của Tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số
+ Tập đoàn đa quốc gia thuộc đối tượng áp dụng quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (IIR)

- Cho phép tích chọn
- Cho phép tích đồng thời với "Tập đoàn đa quốc gia thuộc đối tượng áp dụng quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (QDMTT)" nhưng không được để trống cả 2

+ Nội dung thông báo thay đổi:
  - Nếu tích chọn "Thông báo thay đổi" thì bắt buộc tích chọn 1 hoặc nhiều các giá trị sau:
    - Thay đổi đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai
    - Thay đổi thông tin đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng quy định QDMTT
    - Thay đổi thông tin đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng quy định IIR
  - Nếu tích chọn "Thông báo lần đầu" thì không tích chỉ tiêu này
+ Kính gửi: Thông báo gửi về Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn
+ I. Thông tin chung
  - 1. Tên đơn vị thông báo: Là tên NNT đăng nhập
  - 2. Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp (hoặc tương tự) tại quốc gia nơi thành lập của đơn vị thông báo: Là MST đăng nhập
  - 3. Địa chỉ trụ sở chính của đơn vị thông báo: Là địa chỉ của MST đăng nhập
  - 4. Số điện thoại của đơn vị thông báo: Hiển thị số điện thoại của NNT đăng nhập, cho sửa
  - Email của đơn vị thông báo: Hiển thị email của NNT đăng nhập, cho sửa
  - Chỉ tiêu 5, 6, 7, 8: Cho phép nhập nhiều dòng để nhập nhiều công ty mẹ tối cao
    - 5. Tên Công ty mẹ tối cao: Bắt buộc nhập kiểu ký tự
    - 6. Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp (hoặc tương tự) tại quốc gia nơi thành lập của Công ty mẹ tối cao: Bắt buộc nhập kiểu ký tự
    - 7. Địa chỉ trụ sở chính của Công ty mẹ tối cao: Bắt buộc nhập kiểu ký tự
    - 8. Năm tài chính của Công ty mẹ tối cao: Từ…. Đến….: Bắt buộc Nhập theo đúng định dạng dd/mm
  - 9. Tên Liên doanh, Công ty mẹ có sở hữu thiểu số:
    - Bắt buộc nhập nếu phần "Thông tin về loại đối tượng áp dụng quy định QDMTT" tích chọn 1 trong 4 loại sau:
      - ➢ Liên doanh không phải thành viên của Tập đoàn liên doanh
      - ➢ Công ty thành viên thuộc Tập đoàn liên doanh
      - ➢ Đơn vị hợp thành của Tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số
      - ➢ Đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số không phải là thành viên của Tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số
  - 10. Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp (hoặc tương tự) tại quốc gia nơi thành lập của của Liên doanh, Công ty mẹ có sở hữu thiểu số:
    - Bắt buộc nhập nếu phần "Thông tin về loại đối tượng áp dụng quy định QDMTT" tích chọn 1 trong 4 loại sau:
      - ➢ Liên doanh không phải thành viên của Tập đoàn liên doanh

➢ Công ty thành viên thuộc Tập đoàn liên doanh

➢ Đơn vị hợp thành của Tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số

➢ Đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số không phải là thành viên của Tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số

- 11. Địa chỉ trụ sở chính của Liên doanh, Công ty mẹ có sở hữu thiểu số
  - Bắt buộc nhập nếu phần "Thông tin về loại đối tượng áp dụng quy định QDMTT" tích chọn 1 trong 4 loại sau:

➢ Liên doanh không phải thành viên của Tập đoàn liên doanh

➢ Công ty thành viên thuộc Tập đoàn liên doanh

➢ Đơn vị hợp thành của Tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số

➢ Đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số không phải là thành viên của Tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số

- 12. Năm tài chính của Liên doanh, Công ty mẹ có sở hữu thiểu số: Từ...../..... đến...../.....
  - Bắt buộc nhập nếu phần "Thông tin về loại đối tượng áp dụng quy định QDMTT" tích chọn 1 trong 4 loại sau:

➢ Liên doanh không phải thành viên của Tập đoàn liên doanh

➢ Công ty thành viên thuộc Tập đoàn liên doanh

➢ Đơn vị hợp thành của Tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số

➢ Đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số không phải là thành viên của Tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số

+ II. Thông tin về đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai
  - 1. Tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai:
    - Nếu là "Thông báo lần đầu": Bắt buộc nhập kiểu ký tự
    - Nếu là "Thông báo thay đổi": Hiển thị theo tên MST đăng nhập
  - 2. Mã số thuế đã được cấp tại Việt Nam:
    - Nếu là "Thông báo lần đầu": Bắt buộc nhập, kiểm tra đúng cấu trúc MST 10, 13 số
    - Nếu là "Thông báo thay đổi": Hiển thị theo MST đăng nhập
  - 3. Địa chỉ trụ sở chính.....:
    - Nếu là "Thông báo lần đầu": Bắt buộc nhập kiểu ký tự
    - Nếu là "Thông báo thay đổi": Hiển thị theo thông tin MST đăng nhập
  - Xã/Phường/Đặc khu:
    - Nếu là "Thông báo lần đầu": Bắt buộc chọn trong danh mục thuộc tỉnh đã chọn
    - Nếu là "Thông báo thay đổi": Hiển thị theo thông tin MST đăng nhập
  - Tỉnh:
    - Nếu là "Thông báo lần đầu": NSD chọn trong danh mục 34 tỉnh của Việt Nam
    - Nếu là "Thông báo thay đổi": Hiển thị theo thông tin MST đăng nhập

+ III. Danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 107/2023/QH15

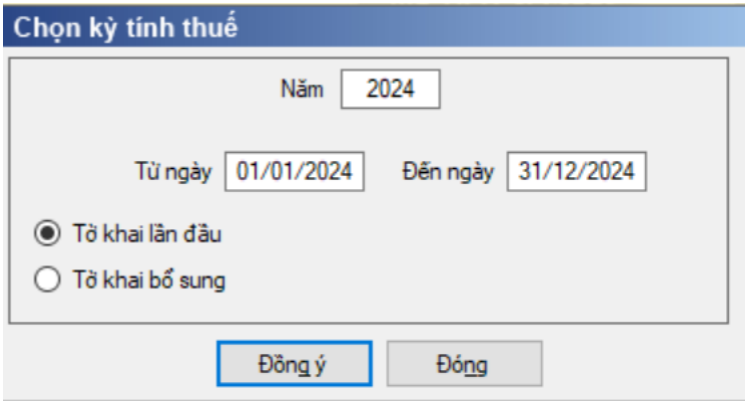
- **1. Danh sách đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng quy định QDMTT:** Để trống nếu tích chọn "Tập đoàn đa quốc gia thuộc đối tượng áp dụng quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (IIR)", bắt buộc nhập nếu tích chọn "Tập đoàn đa quốc gia thuộc đối tượng áp dụng quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (QDMTT)", ràng buộc nhập như sau:
    - TT: Kiểu số tự nhiên, bắt đầu từ 1
    - Mã số thuế đã được cấp tại Việt Nam:
        - Nhập đúng MST 10, 13 số
        - Không được trùng giữa các dòng
    - Tên đơn vị hợp thành: Nhập kiểu ký tự
    - Địa chỉ trụ sở chính: Nhập kiểu ký tự
- **2. Danh sách đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng quy định IIR:** Để trống nếu tích chọn "Tập đoàn đa quốc gia thuộc đối tượng áp dụng quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (QDMTT)", bắt buộc nhập nếu tích chọn "Tập đoàn đa quốc gia thuộc đối tượng áp dụng quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (IIR)"
    - 2.1. Thông tin về các công ty mẹ thuộc đối tượng áp dụng quy định IIR
        - TT: Kiểu số tự nhiên, bắt đầu từ 1
        - Loại hình công ty mẹ: Chọn 1 trong 3 giá trị Trung gian/ Sở hữu 1 phần/ Tối cao
        - Mã số thuế đã được cấp tại Việt Nam: Nhập đúng MST 10, 13 số; không trùng giữa các dòng
        - Tên Công ty mẹ: Nhập kiểu ký tự
        - Địa chỉ trụ sở chính: Nhập kiểu ký tự
    - 2.2. Thông tin về các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng quy định IIR
        - TT: Kiểu số tự nhiên, bắt đầu từ 1
        - Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp (hoặc tương tự): Nhập kiểu ký tự; không trùng giữa các dòng
        - Tên đơn vị hợp thành: Nhập kiểu ký tự
        - Quốc gia cư trú: NSD chọn trong danh mục. Trường hợp không xác định được nước cư trú thì chọn giá trị "Khác"
        - Địa chỉ trụ sở chính: Nhập kiểu ký tự

3.23.2Bộ Hồ sơ khai thuế đối với quy định QDMTT đáp ứng Nghị định số 236/2025/NĐ-CP

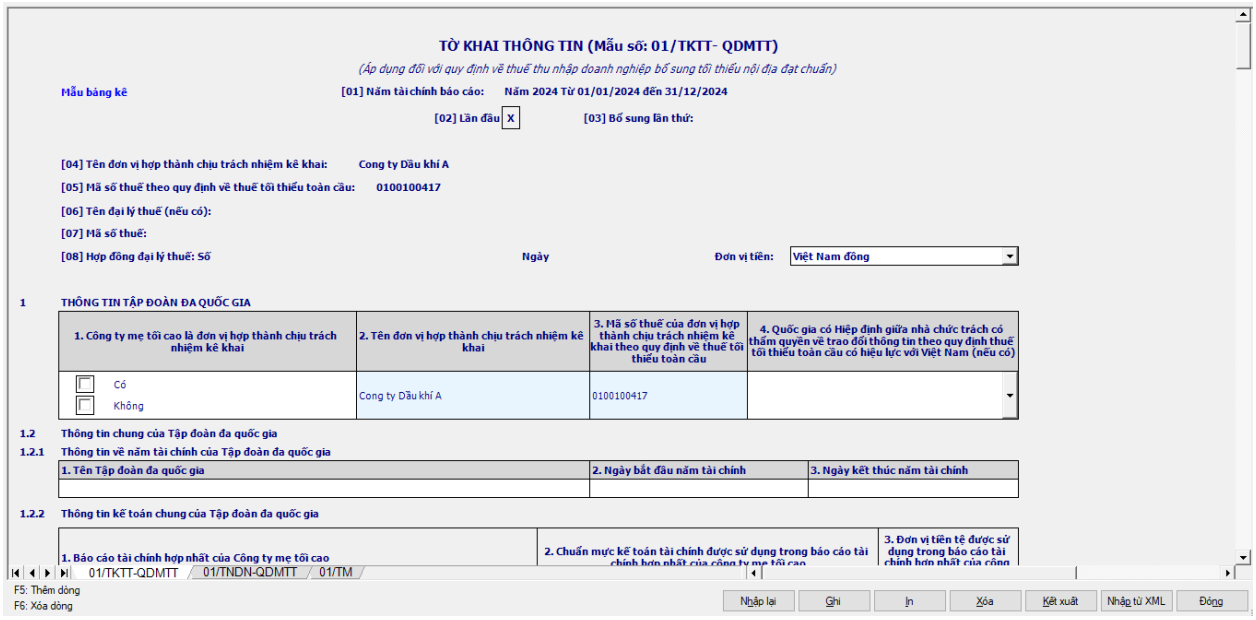
- Để kê khai Bộ Hồ sơ khai thuế đối với quy định QDMTT, NNT sử dụng MST được cấp khi đăng ký mã số thuế dành cho đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu
- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế tối thiểu toàn cầu" chọn "Hồ sơ khai thuế đối với quy định QDMTT" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:

3.23.2.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai lần đầu"



- Nhập năm tài chính báo cáo, từ ngày, đến ngày và nhấn nút <Đồng ý>, hệ thống hiển thị màn hình kỳ kê khai như sau:



3.23.2.1.1 Tờ khai thông tin (mẫu số 01/TKTT-QDMTT) đáp ứng Nghị định số 236/2025/NĐ-CP

– Chi tiết các chỉ tiêu như sau:

+ Chỉ tiêu [01] -> [03]: Hiển thị theo thông tin đã nhập tại màn hình nhập năm tài chính báo cáo

+ Chỉ tiêu [04] -> [08]: Hiển thị theo thông tin NNT đăng nhập hệ thống

- Mục 1 Thông tin tập đoàn đa quốc gia: Bắt buộc nhập trừ chỉ tiêu 4

+ Mục 1.1 Thông tin về đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai:

• 1. Công ty mẹ tối cao là đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai: Chọn 1 trong 2 giá trị “Có”/”Không”

• 2. Tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai: Là tên NNT đăng nhập để kê khai (Tên NNT ở chỉ tiêu [04])

• 3. Mã số thuế của đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu: Là MST đăng nhập hệ thống để kê khai (MST ở chỉ tiêu [05])

• 4. Quốc gia có Hiệp định giữa nhà chức trách có thẩm quyền về trao đổi thông tin theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu có hiệu lực với Việt Nam (nếu có): Chọn 1 giá trị trong danh mục quốc gia

+ Mục 1.2 Thông tin chung của Tập đoàn đa quốc gia
  - Mục 1.2.1 Thông tin về năm tài chính của Tập đoàn đa quốc gia: Bắt buộc nhập
    - 1. Tên Tập đoàn đa quốc gia: NSD nhập
    - 2. Ngày bắt đầu năm tài chính: Là ngày theo thông tin "Từ ngày" đã nhập tại màn hình nhập năm tài chính báo cáo
    - 3. Ngày kết thúc năm tài chính: Là ngày theo thông tin "Đến ngày" nhập tại màn hình nhập năm tài chính báo cáo
  - Mục 1.2.2 Thông tin kế toán chung của Tập đoàn đa quốc gia: Bắt buộc nhập
    - 1. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao: Chọn 1 giá trị trong danh mục
      - a) Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính do công ty lập theo chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận, trong đó tài sản, nợ phải trả, thu nhập, chi phí và lưu chuyển tiền tệ của công ty đó và các công ty khác mà công ty đó có quyền kiểm soát được trình bày dưới dạng báo cáo của một đơn vị kinh tế duy nhất
      - b) Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của công ty được lập theo chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận
      - c) Báo cáo tài chính hợp nhất là những báo cáo tài chính được điều chỉnh để loại trừ mọi khác biệt trọng yếu trong trường hợp công ty mẹ tối cao có báo cáo tài chính không được lập theo chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận
      - d) Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao là những báo cáo được lập theo chuẩn mực kế toán tài chính được phép áp dụng, bao gồm chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận hoặc một chuẩn mực kế toán tài chính khác được điều chỉnh để loại trừ mọi khác biệt trọng yếu.
    - 2. Chuẩn mực kế toán tài chính được sử dụng trong báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao: NSD nhập
    - 3. Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao: Mặc định hiển thị theo "Đơn vị tiền" đã chọn tại đầu tờ khai
+ Mục 1.3 Cấu trúc Tập đoàn
  - Mục 1.3.1 Công ty mẹ tối cao: Bắt buộc nhập. Cho phép nhập nhiều dòng
    - 1. Quốc gia Công ty mẹ tối cao cư trú: Chọn trong danh mục quốc gia
    - 2. Tên Công ty mẹ tối cao: NSD nhập
    - 3. Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp của Công ty mẹ tối cao: NSD nhập
  - Mục 1.3.2 Các đơn vị của Tập đoàn đa quốc gia tại Việt Nam: Bắt buộc nhập. Cho phép nhập nhiều dòng
    - Thay đổi so với năm tài chính báo cáo trước: Tích chọn 1 trong 2 giá trị "Có"/ "Không"
      - 1. Tên của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh: NSD nhập
      - 2. Mã số thuế: NSD nhập. Không được trùng giữa các dòng
      - 3. Loại hình theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu: Chọn 1 hoặc nhiều giá trị trong danh mục
  - Mục 1.3.3 Đơn vị bị loại trừ: Bảng nhập thông tin các đơn vị bị loại trừ cho phép nhập nhiều dòng

o Thay đổi so với năm tài chính báo cáo trước: Tích chọn 1 trong 2 giá trị "Có"/ "Không"

o 1. Tên đơn vị bị loại trừ: NSD nhập

o 2. Mã số thuế: NSD nhập. Không được trùng giữa các dòng

o 3. Loại hình đơn vị bị loại trừ: Chọn 1 loại hình duy nhất trong danh mục

- 1.3.4 Thay đổi về cấu trúc Tập đoàn phát sinh trong năm tài chính báo cáo:

o a. Thay đổi về cấu trúc Tập đoàn trong năm tài chính ảnh hưởng tới cách tính thuế suất thực tế, thuế bổ sung hoặc việc tính toán, phân bổ thuế bổ sung: Chọn 1 trong 2 mục a hoặc b

o b. Thay đổi về cấu trúc Tập đoàn trong năm tài chính không ảnh hưởng tới cách tính thuế suất thực tế, thuế bổ sung hoặc việc tính toán, phân bổ thuế bổ sung: Chọn 1 trong 2 mục a hoặc b

o Bảng thông tin: Nếu tích chọn a thì bắt buộc nhập. Nếu không tích chọn a thì khóa bảng dưới

➢ 1. Tên của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh: NSD nhập

➢ 2. Mã số thuế: NSD nhập, không được trùng giữa các dòng

➢ 3. Ngày có hiệu lực thay đổi: NSD nhập theo đúng định dạng dd/mm/yyyy

➢ 4. Loại hình theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu trước thay đổi: Chọn 1 hoặc nhiều giá trị trong danh mục

➢ 5. Loại hình theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu sau thay đổi: Chọn 1 hoặc nhiều giá trị trong danh mục

- Mục 2 Quy định giảm trừ trách nhiệm áp dụng tại Việt Nam:

+ Mục 2.1 Quy định giảm trừ trách nhiệm tại Việt Nam:

- Quy định giảm trừ trách nhiệm áp dụng: Chọn 1 hoặc nhiều giá trị trong danh mục

- Mục 2.1.1 Quy định giảm trừ trách nhiệm - Phương pháp tính toán đơn giản đối với đơn vị hợp thành không trọng yếu: Nếu mục 2.1 chọn áp dụng quy định giảm trừ trách nhiệm là 3 giá trị cuối thì bắt buộc khai. Nếu không chọn 3 giá trị cuối thì khóa bảng này

o 1. Tổng doanh thu của tất cả các đơn vị hợp thành không trọng yếu tại Việt Nam

➢ a. Năm tài chính báo cáo: Nhập số dương. Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

➢ b. Năm tài chính liền kề trước đó (nếu áp dụng): Nhập số dương. Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

➢ c. Năm tài chính thứ 2 liền kề trước đó (nếu áp dụng): Nhập số dương Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

➢ d. Bình quân 3 năm tài chính (nếu áp dụng) Nhập số dương Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

- 2. Tổng số thuế được đơn giản hóa của tất cả các đơn vị hợp thành không trọng yếu tại Việt Nam

➢ Năm tài chính báo cáo: Nhập số âm, dương. Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

➢ Năm tài chính liền kề trước đó (nếu áp dụng): Không áp dụng

➢ Năm tài chính thứ 2 liền kề trước đó (nếu áp dụng): Không áp dụng

➢ Bình quân 3 năm tài chính (nếu áp dụng): Không áp dụng

- Mục 2.1.2 Quy định giảm trừ trách nhiệm trên cơ sở báo cáo lợi nhuận liên quốc gia trong thời gian chuyển tiếp: nếu mục 2.1 chọn áp dụng quy định giảm trừ trách nhiệm là 3 giá trị đầu thì bắt buộc nhập 1 trong 4 chỉ tiêu mục 2.1.2. Nếu ko chọn 3 giá trị đầu thì khóa mục này

- 1. Tổng doanh thu của Tập đoàn đa quốc gia tại Việt Nam: Nhập số dương Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

- 2. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc lỗ của Tập đoàn đa quốc gia tại Việt Nam: Nhập số âm, dương Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

- 3. Tổng các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được đơn giản hóa: Nhập số âm, dương Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

- 4. Thuế suất thực tế được đơn giản hóa: Nhập số từ âm, dương <=100%. Định dạng x,xxxx

+ Mục 2.2 Số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn được xác định bằng 0:

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn tại Việt Nam được xác định bằng 0: Cho phép tích chọn. Nếu tích thì bắt buộc nhập các chỉ tiêu thuộc mục 2.2

- Bảng thông tin:

- 1. Doanh thu tại báo cáo tài chính

➢ a. Năm tài chính báo cáo: Nhập số dương. Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

➢ b. Năm tài chính liền kề trước đó (nếu áp dụng): Nhập số dương. Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

➢ c. Năm tài chính thứ 2 liền kề trước đó (nếu áp dụng): Nhập số dương. Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

➢ d. Bình quân 3 năm tài chính: Nhập số dương. Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

- 2. Doanh thu theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

➢ Năm tài chính báo cáo: Nhập số dương. Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì

cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

➢ Năm tài chính liền kề trước đó (nếu áp dụng): Nhập số dương. Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

➢ Năm tài chính thứ 2 liền kề trước đó (nếu áp dụng): Nhập số dương. Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

➢ Bình quân 3 năm tài chính: Nhập số dương. Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

o 3. Thu nhập hoặc lỗ ròng tại báo cáo tài chính

➢ Năm tài chính báo cáo: Nhập số âm, dương. Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

➢ Năm tài chính liền kề trước đó (nếu áp dụng): Nhập số âm, dương. Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

➢ Năm tài chính thứ 2 liền kề trước đó (nếu áp dụng): Nhập số âm, dương. Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

➢ Bình quân 3 năm tài chính: Nhập số âm, dương. Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

o 4. Thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

➢ Năm tài chính báo cáo: Nhập số âm, dương. Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

➢ Năm tài chính liền kề trước đó (nếu áp dụng): Nhập số âm, dương. Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

➢ Năm tài chính thứ 2 liền kề trước đó (nếu áp dụng): Nhập số âm, dương. Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

➢ Bình quân 3 năm tài chính: Nhập số âm, dương. Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

+ Mục 2.3 Giảm trừ trách nhiệm trong giai đoạn đầu thực hiện hoạt động đầu tư quốc tế:

- 1. Ngày đầu tiên của năm tài chính đầu tiên mà Tập đoàn đa quốc gia bắt đầu thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định về thuế tối thiểu toàn cầu: NSD nhập
- 2. Nước tham chiếu: Chọn trong danh mục quốc gia
- 3. Giá trị ghi sổ của tài sản hữu hình của tất cả các đơn vị hợp thành tại nước tham chiếu trong năm tài chính đầu tiên mà Tập đoàn đa quốc gia bắt đầu thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định về thuế tối thiểu toàn cầu: Nhập số âm, dương. Nếu "Đơn vị tiền" là

"VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

- 4. Số quốc gia mà Tập đoàn đa quốc gia có đơn vị hợp thành cư trú trong năm tài chính mà Tập đoàn đa quốc gia bắt đầu nằm trong phạm vi điều chỉnh của quy định về thuế tối thiểu toàn cầu: Nhập số nguyên >=0
- 5. Giá trị ghi sổ của tài sản hữu hình của các đơn vị hợp thành cư trú ngoài nước tham chiếu trong năm tài chính mà Tập đoàn đa quốc gia bắt đầu thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định về thuế tối thiểu toàn cầu: Có thể nhập 1 hoặc nhiều dòng
  - Quốc gia: Chọn 1 giá trị trong danh mục quốc gia
  - Giá trị ghi sổ của tài sản hữu hình: Nhập số âm, dương. Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- 6. Số quốc gia mà Tập đoàn đa quốc gia có đơn vị hợp thành cư trú trong năm tài chính báo cáo: Nhập số nguyên >=0. Nếu số nhập >=7 thì không được phép nộp tờ khai do "Tập đoàn đa quốc gia không đủ điều kiện áp dụng giảm trừ trách nhiệm trong giai đoạn đầu thực hiện hoạt động đầu tư quốc tế trong năm tài chính báo cáo"
- 7. Tổng giá trị ghi sổ của tài sản hữu hình của tất cả các đơn vị hợp thành cư trú tại các nước khác nước tham chiếu trong năm tài chính báo cáo: Nhập số âm, dương Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

- Mục 3 Tính toán theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu:
  + Mục 3.1 Xác định lợi nhuận tính thuế bổ sung:

- Mục 3.1.1 Xác định thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu: UD Tổng hợp từ mục 4.1.1 lên
- Mục 3.1.2 Giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu:
  - Mục 3.1.2.1 Tổng giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu:
    - 1.1. Chi tiền lương hợp lệ: Nhập số dương. Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
    - 1.2. Tỷ lệ giảm trừ: Chọn 1 giá trị trong danh mục: 9,8; 9,6; 9,4; 9,2; 9; 8,2; 7,4; 6,6; 5,8; 5
    - 2.1. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ: Nhập số âm, dương. Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
    - 2.2. Tỷ lệ giảm trừ: Chọn 1 giá trị trong danh mục: 7,8; 7,6; 7,4; 7,2; 7; 6,6; 6,2; 5,8; 5,4; 5
    - 3. Tổng giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu: UD hỗ trợ tính theo công thức: 3 =1.1x1.2+2.1x2.2. Cho phép sửa, kiểu số âm, dương
  - Mục 3.1.2.2 Phân bổ chi tiền lương và giá trị tài sản hữu hình hợp lệ giữa công ty chính và cơ sở thường trú: Cho phép nhập nhiều dòng
    - 1. Quốc gia công ty chính cư trú: Chọn 1 giá trị trong danh mục quốc gia

➢ 2. Chi tiền lương hợp lệ của công ty chính: Nhập số dương. Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

➢ 3. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ của công ty chính: Nhập số âm, dương. Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

➢ 4. Quốc gia cơ sở thường trú cư trú: Chọn 1 giá trị trong danh mục quốc gia

➢ 5. Chi tiền lương hợp lệ được phân bổ cho cơ sở thường trú: Nhập số âm, dương. Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

➢ 6. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ được phân bổ cho cơ sở thường trú: Nhập số âm, dương. Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

➢ 7. Chi tiền lương hợp lệ sau phân bổ của công ty chính: UD hỗ trợ tính theo công thức: 7=2-5. Cho phép sửa, kiểu số âm, dương. Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

➢ 8. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ sau phân bổ của công ty chính: UD hỗ trợ tính theo công thức: 8=3-6. Cho phép sửa, kiểu số âm, dương. Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

o Mục 3.1.2.3 Phân bổ chi tiền lương và giá trị tài sản hữu hình hợp lệ của các cơ sở thường trú có công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển: Cho phép nhập nhiều dòng

➢ 1. Chi tiền lương hợp lệ của cơ sở thường trú có công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển: Nhập số dương. Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

➢ 2. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ của cơ sở thường trú có công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển: Nhập số âm, dương. Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

➢ 3. Quốc gia đối tượng nắm giữ quyền sở hữu trong Công ty mẹ tối cao cư trú: Chọn 1 giá trị trong danh mục quốc gia

➢ 4. Chi tiền lương hợp lệ được phân bổ cho đối tượng nắm giữ quyền sở hữu trong Công ty mẹ tối cao: Nhập số dương. Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

➢ 5. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ được phân bổ cho đối tượng nắm giữ quyền sở hữu trong Công ty mẹ tối cao: Nhập số âm, dương. Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

➢ 6. Chi tiền lương hợp lệ của cơ sở thường trú có công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển sau khi phân bổ cho đối tượng nắm giữ quyền sở hữu trong Công ty mẹ tối cao: UD hỗ trợ tính theo công thức: 6=1-4. Cho phép sửa, kiểu số âm, dương. Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

➢ 7. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ của cơ sở thường trú có công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển sau khi phân bổ cho đối tượng nắm giữ quyền sở hữu trong Công ty mẹ tối cao: UD hỗ trợ tính theo công thức: 7=2-5. Cho phép sửa, kiểu số âm, dương. Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ"

thì cho nhập định dạng x,xxxx

+ Mục 3.2 Xác định thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh:

- Mục 3.2.1 Tổng số thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh: UD Tổng hợp lên từ 4.2.1
- Mục 3.2.2 Chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa bù trừ hết:
  - 1. Số dư từ năm tài chính báo cáo trước chuyển sang: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
  - 2. Chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa bù trừ hết phát sinh trong năm tài chính báo cáo: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
  - 3. Chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa bù trừ hết được sử dụng trong năm tài chính báo cáo: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
  - 4. Chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa bù trừ hết còn lại cho các năm tài chính báo cáo kế tiếp: UD hỗ trợ tính theo công thức: 4=1+2-3. Cho phép sửa, kiểu số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- Mục 3.2.3 Tính toán theo quốc gia liên quan đến kế toán thuế hoãn lại
  - Mục 3.2.3.1 Các điều chỉnh thuế hoãn lại:
  - a. Tóm tắt tổng quát
    - 1. Chi phí thuế hoãn lại [A]: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
    - 2. Chi phí thuế hoãn lại tính lại theo mức thuế suất tối thiểu: UD hỗ trợ tính theo công thức: [B] = [C] + [D]. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
    - 3. ài sản thuế hoãn lại đã được ghi nhận ở mức thuế suất thấp hơn thuế suất tối thiểu được tính lại ở mức thuế suất tối thiểu trong năm tài chính mà khoản lỗ liên quan đến tài sản thuế hoãn lại đó trở thành một khoản lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu [C]: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
    - 4. Chi phí thuế hoãn lại được ghi nhận ở mức thuế suất cao hơn thuế suất tối thiểu và được tính lại ở mức thuế suất tối thiểu [D]: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
    - 5. Tổng các khoản điều chỉnh [E]: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
    - 6. Tổng thuế hoãn lại sau khi tính lại theo mức thuế suất tối thiểu và đã được điều chỉnh [F] = [B] + [E]: UD hỗ trợ tính theo công thức: [F] = [B] + [E]. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
  - b. Phân tích các điều chỉnh

- 1.1. Chi phí thuế hoãn lại đối với các khoản không được đưa vào khi tính thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- 1.2. Chi phí thuế hoãn lại đối với các khoản trích trước không được chấp nhận: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- 1.3. Chi phí thuế hoãn lại đối với các khoản trích trước chưa được tính: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- 1.4. Điều chỉnh cách thức xác định giá trị hoặc điều chỉnh việc ghi nhận kế toán liên quan đến tài sản thuế hoãn lại: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- 1.5. Chi phí thuế hoãn lại phát sinh từ việc tính toán lại do thay đổi thuế suất áp dụng tại một nước: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- 1.6. Chi phí thuế hoãn lại từ việc tạo lập và sử dụng các khoản giảm trừ nghĩa vụ thuế: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- 1.7. Khoản lỗ thay thế từ tài sản thuế hoãn lại được chuyển kỳ sau: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- 1.8. Các khoản trích trước chưa được tính đã được thanh toán trong năm tài chính: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- 1.9. Các khoản thuế hoãn lại phải trả được thu hồi được xác định trong năm tài chính trước đó và đã được nộp trong năm tài chính hiện hành: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- 1.10. Tài sản thuế hoãn lại do lỗ của năm tài chính hiện hành phát sinh lỗ, nhưng tài sản thuế hoãn lại do lỗ đó không được ghi trên báo cáo tài chính vì không đáp ứng tiêu chuẩn được kế toán ghi nhận là tài sản thuế hoãn lại: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- 1.11. Khoản điều chỉnh chi phí thuế hoãn lại do giảm thuế suất: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- 1.12. Khoản điều chỉnh chi phí thuế hoãn lại do tăng thuế suất: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- 1.13. Điều chỉnh đối với đơn vị hợp thành tham gia hoặc rời khỏi Tập đoàn đa quốc gia: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- 1.14. Điều chỉnh chi phí thuế hoãn lại của cơ sở thường trú có Công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập

định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

➢ 1.15. Điều chỉnh do giao dịch chuyển giao tài sản giữa các đơn vị hợp thành sau ngày 30/11/2021 và trước khi bắt đầu năm chuyển tiếp: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

➢ 2. Tổng các khoản điều chỉnh: UD hỗ trợ tính theo công thức: 2= 1.1+…+1.15. Cho phép sửa, kiểu số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

- Mục 3.2.3.2 Cơ chế thu hồi:

➢ 2. Khoản thuế hoãn lại phải trả được ghi nhận theo cơ chế xử lý các khoản chênh lệch tạm thời

✓ Năm tài chính liền trước thứ 5: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

✓ Năm tài chính liền trước thứ 4: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

✓ Năm tài chính liền trước thứ 3: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

✓ Năm tài chính liền trước thứ 2: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

✓ Năm tài chính liền trước thứ nhất: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

✓ Năm tài chính báo cáo: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

➢ 3.1. Khoản thuế hoãn lại phải trả được thu hồi - Năm tài chính liền trước thứ 4

✓ Năm tài chính liền trước thứ 5: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

✓ Năm tài chính liền trước thứ 4: Không áp dụng

✓ Năm tài chính liền trước thứ 3: Không áp dụng

✓ Năm tài chính liền trước thứ 2: Không áp dụng

✓ Năm tài chính liền trước thứ nhất: Không áp dụng

✓ Năm tài chính báo cáo: Không áp dụng

➢ 3.2. Khoản thuế hoãn lại phải trả được thu hồi - Năm tài chính liền trước thứ 3

✓ Năm tài chính liền trước thứ 5: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

✓ Năm tài chính liền trước thứ 4: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là

"VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

- ✓ Năm tài chính liền trước thứ 3: Không áp dụng
- ✓ Năm tài chính liền trước thứ 2: Không áp dụng
- ✓ Năm tài chính liền trước thứ nhất: Không áp dụng
- ✓ Năm tài chính báo cáo: Không áp dụng

➢ 3.3. Khoản thuế hoãn lại phải trả được thu hồi - Năm tài chính liền trước thứ 2

- ✓ Năm tài chính liền trước thứ 5: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- ✓ Năm tài chính liền trước thứ 4: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- ✓ Năm tài chính liền trước thứ 3: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- ✓ Năm tài chính liền trước thứ 2: Không áp dụng
- ✓ Năm tài chính liền trước thứ nhất: Không áp dụng
- ✓ Năm tài chính báo cáo: Không áp dụng

➢ 3.4. Khoản thuế hoãn lại phải trả được thu hồi - Năm tài chính liền trước thứ nhất

- ✓ Năm tài chính liền trước thứ 5: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- ✓ Năm tài chính liền trước thứ 4: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- ✓ Năm tài chính liền trước thứ 3: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- ✓ Năm tài chính liền trước thứ 2: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- ✓ Năm tài chính liền trước thứ nhất: Không áp dụng
- ✓ Năm tài chính báo cáo: Không áp dụng

➢ 3.5. Khoản thuế hoãn lại phải trả được thu hồi - Năm tài chính báo cáo

- ✓ Năm tài chính liền trước thứ 5: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- ✓ Năm tài chính liền trước thứ 4: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- ✓ Năm tài chính liền trước thứ 3: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là

"VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

✓ Năm tài chính liền trước thứ 2: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

✓ Năm tài chính liền trước thứ nhất: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

✓ Năm tài chính báo cáo: Không áp dụng

➢ 3.6. Tổng cộng

✓ Năm tài chính liền trước thứ 5: UD tính theo công thức: 3.6 =3.1+…+3.5. Cho phép sửa, kiểu số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

✓ Năm tài chính liền trước thứ 4: UD tính theo công thức: 3.6 =3.1+…+3.5. Cho phép sửa, kiểu số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

✓ Năm tài chính liền trước thứ 3: UD tính theo công thức: 3.6 =3.1+…+3.5. Cho phép sửa, kiểu số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

✓ Năm tài chính liền trước thứ 2: UD tính theo công thức: 3.6 =3.1+…+3.5. Cho phép sửa, kiểu số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

✓ Năm tài chính liền trước thứ nhất: UD tính theo công thức: 3.6 =3.1+…+3.5. Cho phép sửa, kiểu số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

✓ Năm tài chính báo cáo: Không áp dụng

➢ 4. Khoản thuế hoãn lại phải trả không được thu hồi

✓ UD tính theo công thức: 4= 2- 3.6. Cho phép sửa, kiểu số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

- Mục 3.2.3.3 Quy tắc chuyển tiếp

➢ 1. Năm chuyển tiếp: NSD nhập

➢ a.1. Xử lý khoản thuế hoãn lại phải trả: Nếu chỉ tiêu 1 = năm tài chính báo cáo thì cho nhập mục a.1

✓ Khoản thuế hoãn lại phải trả tại đầu năm chuyển tiếp: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

✓ Khoản thuế hoãn lại phải trả được tính lại ở mức thuế suất tối thiểu (nếu áp dụng): Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

➢ a.2. Xử lý khoản tài sản thuế hoãn lại: Nếu chỉ tiêu 1 = năm tài chính báo cáo thì cho nhập mục a.2

✓ Tài sản thuế hoãn lại tại đầu năm chuyển tiếp: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

✓ Tài sản thuế hoãn lại được tính lại ở mức thuế suất tối thiểu (nếu áp dụng): Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

✓ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ những khoản mục được loại trừ: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

✓ Tài sản thuế hoãn lại được ghi nhận theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu: UD hỗ trợ tính theo công thức: Nếu có cả 1.1 và 1.2 thì 1.4=1.2-1.3. Nếu chỉ có 1.1, không có 1.2 thì 1.4=1.1-1.3. Cho sửa, kiểu số âm, dương. Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì định dạng là số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì định dạng là x,xxxx

➢ b. Chuyển nhượng tài sản giữa các đơn vị hợp thành sau ngày 30 tháng 11 năm 2021 và trước khi bắt đầu năm chuyển tiếp: Cho phép nhập nhiều dòng. Nếu chỉ tiêu 1 = năm tài chính báo cáo thì cho nhập mục b

✓ 1. Quốc gia các đơn vị hợp thành chuyển nhượng cư trú: Chọn trong danh mục quốc gia

✓ 2. Số thuế bên chuyển nhượng tài sản đã nộp đối với giao dịch chuyển nhượng: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

✓ 3. Tài sản thuế hoãn lại hoặc thuế hoãn lại phải trả ròng ghi nhận trên sổ kế toán của đơn vị hợp thành chuyển nhượng tài sản: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

✓ 4. Giá trị tài sản chuyển nhượng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

✓ 5. Tài sản thuế hoãn lại hoặc thuế hoãn lại phải trả ròng được xác định đối với tài sản được chuyển nhượng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của các đơn vị hợp thành nhận chuyển nhượng: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

+ Mục 3.3 Lựa chọn quốc gia:
  - Mục 3.3.1 Các lựa chọn:
    - Mục 3.3.1.1. Lựa chọn hàng năm: Cho phép tích chọn 1 hoặc nhiều các lựa chọn dưới đây

➢ 1. Lựa chọn xác định khoản giảm không trọng yếu của các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng là một khoản điều chỉnh đối với các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng trong năm tài chính thực hiện việc điều chỉnh: Cho phép tích chọn

➢ 2. Lựa chọn không áp dụng quy định về giảm trừ giá trị tài sản hữu hình và tiền lương: Cho phép tích chọn

➢ 3. Lựa chọn quy trình quản lý đối với chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa bù trừ hết: Cho phép tích chọn

- Mục 3.3.1.2. Lựa chọn năm năm:

➢ 1. Lựa chọn không áp dụng điều chỉnh lãi hoặc lỗ trên vốn chủ sở hữu

✓ Năm lựa chọn: NSD nhập

✓ Năm chấm dứt lựa chọn: NSD nhập

➢ 2. Lựa chọn thay thế các khoản chi phí phát sinh chi trả cho người làm công

dựa trên cổ phiếu được ghi nhận theo sổ kế toán bằng khoản chi phí được trừ theo quy định tính thuế thu nhập

- ✓ Năm lựa chọn: NSD nhập
- ✓ Năm chấm dứt lựa chọn: NSD nhập

➢ 3. Lựa chọn nguyên tắc thực tế phát sinh đối với các tài sản và nợ phải trả đang được hạch toán theo giá trị hợp lý hoặc giá trị suy giảm trong Báo cáo tài chính hợp nhất

- ✓ Năm lựa chọn: NSD nhập
- ✓ Năm chấm dứt lựa chọn: NSD nhập

o Mục 3.3.1.3. Lựa chọn lỗ theo quy định về tối thiểu toàn cầu: Chỉ nhập 1 dòng

➢ 1. Lựa chọn lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

- ✓ Năm lựa chọn: NSD nhập
- ✓ Năm chấm dứt lựa chọn: NSD nhập

- Mục 3.3.2. Thông tin liên quan đến lựa chọn không áp dụng điều chỉnh lãi hoặc lỗ trên vốn chủ sở hữu: Chỉ nhập 1 dòng

o 1. Lãi hoặc lỗ vốn chủ sở hữu đối với lựa chọn không áp dụng điều chỉnh lãi hoặc lỗ trên vốn chủ sở hữu: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

o 2. Số dư khoản đầu tư của chủ sở hữu trong quyền sở hữu đạt chuẩn từ những năm tài chính trước: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

o 3. Phần bổ sung vào khoản đầu tư của chủ sở hữu trong quyền sở hữu đạt chuẩn: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

o 4. Phần giảm trừ vào khoản đầu tư của chủ sở hữu trong quyền sở hữu đạt chuẩn: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

o 5. Số dư còn lại của khoản đầu tư của chủ sở hữu trong quyền sở hữu đạt chuẩn: UD hỗ trợ tính theo công thức: 5=2+3-4. Cho phép sửa, kiểu số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

+ Mục 3.4 Xác định thuế suất thực tế: Bắt buộc nhập, chỉ không bắt buộc nhập nếu có chọn quy định giảm trừ trách nhiệm ở mục 2.1

- 1. Thu nhập hoặc lỗ ròng trên báo cáo tài chính: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- 2. Thu nhập ròng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu: UD hiển thị bằng chỉ tiêu 3 mục 3.1.1
- 3. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo tài chính: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- 4. Thuế thuộc phạm vi áp dụng được điều chỉnh: UD hiển thị mặc định = chỉ tiêu 3 mục 3.2.1.
- 5. Thuế suất thực tế: UD hỗ trợ tính: 5=4/2. Cho phép sửa, kiểu số âm, dương

+ Mục 3.5 Thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành:

- Mục 3.5.1 Số thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành phát sinh trong trường hợp thuế suất thực tế và thuế bổ sung của năm tài chính trước đó phải tính toán lại: Cho phép nhập nhiều dòng
  - 1. Cơ sở điều chỉnh: Chọn 1 giá trị trong danh mục
  - 2. Năm liên quan: NSD nhập
  - 3. Thu nhập ròng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu
    - Đã báo cáo: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
    - Tính lại: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
  - 4. Thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh
    - Đã báo cáo: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
    - Tính lại: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
  - 5. Thuế suất thực tế (%)
    - Đã báo cáo: Nhập số âm, dương. Định dạng x,xxxx
    - Tính lại: Nhập số âm, dương. Định dạng x,xxxx
  - 6. Lợi nhuận tính thuế bổ sung
    - Đã báo cáo: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
    - Tính lại: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
  - 7. Tỷ lệ thuế bổ sung (%)
    - Đã báo cáo: Nhập số âm, dương. Định dạng x,xxxx
    - Tính lại: Nhập số âm, dương. Định dạng x,xxxx
  - 8. Thuế bổ sung
    - Đã báo cáo: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
    - Tính lại: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
  - 9. Thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

- Mục 3.5.2 Số tiền thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành phát sinh trong trường hợp năm tài chính không có thu nhập ròng theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại một nước, nếu thuế thuộc phạm vi áp dụng đã điều chỉnh tại một nước nhỏ hơn 0 và thấp hơn thuế thuộc phạm vi áp dụng đã điều chỉnh theo dự kiến:
  - 1. Thuế thuộc phạm vi áp dụng được điều chỉnh (nếu nhỏ hơn 0) [1]: Nhập số âm. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

- 2. Lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu [2]: Nhập số âm. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- 3. Thuế thuộc phạm vi áp dụng được điều chỉnh dự kiến [3] = 15% x [2]: UD hỗ trợ tính theo công thức: [3] = 15% x [2]. Cho phép sửa, kiểu số âm. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- 4. Thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành [4] = [3] - [1]: UD hỗ trợ tính theo công thức:[4] = [3] - [1]].Cho phép sửa, kiểu số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

+ Mục 3.6 Tính toán thuế bổ sung:

- 1. Tỷ lệ thuế bổ sung: UD hỗ trợ tính theo công thức = 15% - cột 5 mục 3.4, định dạng x,xxxx. Nếu kết quả <0 thì hiển thị = 0. Nếu kết quả >15% thì hiển thị = 15%. Nếu 0<= kết quả <=15% thì hiển thị giá trị = kết quả
- 2. Giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ [2]: UD hỗ trợ tính = chỉ tiêu ở cột 3 mục 3.1.2.1. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- 3. Lợi nhuận tính thuế bổ sung: UD hỗ trợ tính [3] = chỉ tiêu ở cột 2 mục 3.4 – chỉ tiêu [2]. Cho phép sửa, kiểu số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- 4. Thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành [4]: UD hỗ trợ tính [4] = Tổng cột 9 mục 3.5.1 + cột 4 mục 3.5.2Cho phép sửa, kiểu số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- 5. Thuế bổ sung: UD hỗ trợ tính [5] = [1] x [3] + [4]. Cho phép sửa, kiểu số âm, dương. Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì định dạng là số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì định dạng là x,xxxx

- Mục 4 Số liệu tính toán của các đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh:

+ Mục 4.1 Thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu:

- Mục 4.1.1 Điều chỉnh thu nhập hoặc lỗ ròng tại Báo cáo tài chính: Nếu không chọn quy định giảm trừ trách nhiệm ở mục 2.1 thì bắt buộc nhập chỉ tiêu 1, 2. Cho phép nhập nhiều dòng
  - 1. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh: NSD nhập
  - 2. Mã số thuế: NSD nhập
  - 3. Tổng thu nhập hoặc lỗ ròng tại báo cáo tài chính sau khi thực hiện phân bổ thu nhập hoặc lỗ giữa một công ty chính và một cơ sở thường trú, phân bổ thu nhập hoặc lỗ của một cơ sở thường trú có Công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển: Nhập số âm. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
  - 4. Các khoản điều chỉnh:

- 4.1. Chi phí thuế ròng: Nhập số âm. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- 4.2. Cổ tức được loại trừ: Nhập số âm. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- 4.3. Lãi hoặc lỗ trên vốn chủ sở hữu được loại trừ: Nhập số âm. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- 4.4. Lãi hoặc lỗ do đánh giá lại: Nhập số âm. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- 4.5. Lãi hoặc lỗ về chênh lệch tỷ giá do sử dụng đồng tiền kế toán và đồng tiền tính thuế khác nhau: Nhập số âm. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- 4.6. Các khoản chi phí không được trừ theo quy định: Nhập số âm. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- 4.7. Sai sót của các kỳ trước: Nhập số âm. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- 4.8. Những thay đổi về nguyên tắc kế toán: Nhập số âm. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- 4.9. Chi phí hưu trí trích trước của Chương trình hưu trí do các quỹ hưu trí cung cấp: Nhập số âm. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- 4.10. Xóa nợ: Nhập số âm. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- 4.11. Khoản chi phí phát sinh chi trả cho người làm công dựa trên cổ phiếu: Nhập số âm. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- 4.12. Điều chỉnh theo nguyên tắc giá thị trường: Nhập số âm. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- 4.13. Khoản giảm trừ thuế thu nhập có thể được hoàn trả không đạt chuẩn: Nhập số âm. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- 4.14. Điều chỉnh do lựa chọn nguyên tắc thực tế phát sinh đối với các tài sản và nợ phải trả đang được hạch toán theo giá trị hợp lý hoặc giá trị suy giảm: Nhập số âm. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- 4.15. Điều chỉnh đối với thỏa thuận tài chính trong nội bộ tập đoàn: Nhập số âm. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- 4.16. Điều chỉnh khoản thu nhập hoặc lỗ tương ứng phần thuế nộp thay chủ hợp đồng bảo hiểm liên quan đến thu nhập của chủ hợp đồng bảo hiểm: Nhập số âm. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho

nhập định dạng x,xxxx

➢ 4.17. Điều chỉnh liên quan đến phần vốn cấp một bổ sung, phần vốn cấp một bị hạn chế: Nhập số âm. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

➢ 4.18. Điều chỉnh đối với các đơn vị hợp thành tham gia và rời khỏi Tập đoàn đa quốc gia: Nhập số âm. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

➢ 4.19. Điều chỉnh thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của cơ sở thường trú có công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển: Nhập số âm. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

➢ 4.20. Thu nhập từ vận tải quốc tế được loại trừ: Nhập số âm. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

➢ 4.21. Điều chỉnh do giao dịch chuyển giao tài sản giữa các đơn vị hợp thành sau ngày 30/11/2021 và trước khi bắt đầu năm chuyển tiếp: Nhập số âm. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

- 5. Thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu: Nhập số âm. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

- Mục 4.1.2 Phân bổ thu nhập hoặc lỗ giữa một công ty chính và một cơ sở thường trú: Cho phép nhập nhiều dòng
  - 1. Tên công ty chính: NSD nhập
  - 2. Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp công ty chính: NSD nhập
  - 3. Quốc gia công ty chính cư trú: Chọn trong danh mục quốc gia
  - 4. Thu nhập hoặc lỗ ròng trên báo cáo tài chính của công ty chính trước khi điều chỉnh: Nhập số âm. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
  - 5. Tên cơ sở thường trú: NSD nhập
  - 6. Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp cơ sở thường trú: NSD nhập
  - 7. Quốc gia cơ sở thường trú cư trú: Chọn trong danh mục quốc gia
  - 8. Thu nhập hoặc lỗ ròng trên báo cáo tài chính của công ty chính phân bổ cho cơ sở thường trú: Nhập số âm dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
  - 9. Thu nhập hoặc lỗ ròng trên báo cáo tài chính của công ty chính sau khi phân bổ cho cơ sở thường trú: UD hỗ trợ tính theo công thức: 9=4-8. Cho phép sửa, kiểu số số âm, dương. Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì định dạng là số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì định dạng là x,xxxx

- Mục 4.1.3 Phân bổ thu nhập hoặc lỗ của cơ sở thường trú có Công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển: Cho phép nhập nhiều dòng
  - 1. Tên cơ sở thường trú: NSD nhập
  - 2. Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp cơ sở thường trú: NSD nhập

- 3. Thu nhập hoặc lỗ ròng trên báo cáo tài chính của cơ sở thường trú trước khi điều chỉnh: Nhập số âm dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- 4. Tên đối tượng nắm giữ quyền sở hữu trong Công ty mẹ tối cao: NSD nhập
- 5. Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp của đối tượng nắm giữ quyền sở hữu trong Công ty mẹ tối cao: NSD nhập
- 6. Quốc gia đối tượng nắm giữ quyền sở hữu trong Công ty mẹ tối cao cư trú: Chọn trong danh mục quốc gia
- 7. Thu nhập hoặc lỗ ròng trên báo cáo tài chính của cơ sở thường trú phân bổ cho đối tượng nắm giữ quyền sở hữu trong Công ty mẹ tối cao: Nhập số âm dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- 8. Thu nhập hoặc lỗ ròng trên báo cáo tài chính của cơ sở thường trú sau khi phân bổ cho đối tượng nắm giữ quyền sở hữu trong Công ty mẹ tối cao: UD hỗ trợ tính theo công thức: 8=3-7. Cho phép sửa, kiểu số số âm, dương. Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì định dạng là số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì định dạng là x,xxxx

- Mục 4.1.4 Điều chỉnh thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu đối với các giao dịch xuyên quốc gia: Cho phép nhập nhiều dòng
  - 1. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh: NSD nhập
  - 2. Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh: NSD nhập
  - 3. Cơ sở của sự điều chỉnh: Chọn 1 giá trị trong danh mục
  - 4. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh liên quan: NSD nhập
  - 5. Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh liên quan: NSD nhập
  - 6. Quốc gia đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh liên quan cư trú: Chọn trong danh mục quốc gia
  - 7. Giá trị điều chỉnh tăng thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh: Nhập số âm dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
  - 8. Giá trị điều chỉnh giảm thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh: Nhập số âm dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

+ Mục 4.2 Thuế thuộc phạm vi áp dụng được điều chỉnh

- Mục 4.2.1 Điều chỉnh đối với chi phí thuế hiện hành trong sổ kế toán: Cho phép nhập nhiều dòng. Bắt buộc nhập chỉ tiêu 1-> 2 nếu không chọn quy định giảm trừ trách nhiệm ở mục 2.1
  - 1. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh: NSD nhập
  - 2. Mã số thuế đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh: NSD nhập

- 3. Thuế thuộc phạm vi áp dụng sau khi thực hiện phân bổ từ một đơn vị hợp thành này sang đơn vị hợp thành khác: Nhập số âm dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- 4. Các khoản điều chỉnh
  - 4.1. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được hạch toán là chi phí khi tính lợi nhuận trước thuế trong sổ kế toán: Nhập số âm dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
  - 4.2. Khoản tài sản thuế hoãn lại do lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu được sử dụng theo quy định: Nhập số âm dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
  - 4.3. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được nộp trong năm tài chính và liên quan đến nghiệp vụ thuế không chắc chắn (chờ điều chỉnh) mà khoản đó nằm trong phần điều chỉnh trừ khỏi thuế thuộc phạm vi áp dụng trong một năm tài chính trước đó theo quy định: Nhập số âm dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
  - 4.4. Khoản chi phí thuế hiện hành liên quan đến thu nhập không được đưa vào khi tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu theo quy định: Nhập số âm dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
  - 4.5. Khoản giảm trừ hoặc khoản hoàn trả thuế mà theo quy định các khoản này được coi là một khoản giảm trừ thuế thu nhập có thể được hoàn trả không đạt chuẩn và chưa được ghi nhận là một khoản giảm chi phí thuế hiện hành: Nhập số âm dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
  - 4.6. Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được hoàn trả hoặc giảm trừ của một đơn vị hợp thành mà đã không được ghi nhận là khoản điều chỉnh chi phí thuế hiện hành trong sổ kế toán: Nhập số âm dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
  - 4.7. Khoản chi phí thuế hiện hành liên quan đến một nghiệp vụ thuế không chắc chắn (chờ điều chỉnh): Nhập số âm dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
  - 4.8. Khoản chi phí thuế hiện hành dự kiến không được thanh toán trong vòng ba năm kể từ ngày cuối cùng của năm tài chính: Nhập số âm dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
  - 4.9. Những điều chỉnh phát sinh sau khi kê khai: Nhập số âm dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
  - 4.10. Điều chỉnh thuế thuộc phạm vi áp dụng của cơ sở thường trú có Công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển: Nhập số âm dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
  - 4.11. Tổng các khoản điều chỉnh thuế hoãn lại: Nhập số âm dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
  - 4.12. Tăng hoặc giảm đối với các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng chưa

được ghi nhận vào chi phí thuế hiện hành hoặc chi phí thuế hoãn lại, nhưng được ghi nhận trong phần vốn chủ sở hữu hoặc phần thu nhập toàn diện khác liên quan đến các khoản được đưa vào khi tính thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu mà các khoản này sẽ phải chịu thuế theo quy định của thuế nội địa: Nhập số âm dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

➢ 4.13. Chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa bù trừ hết phát sinh trong năm tài chính báo cáo: Nhập số âm dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

➢ 4.14. Chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa bù trừ hết được sử dụng trong năm tài chính báo cáo: Nhập số âm dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

o 5. Thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh: Nhập số âm dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

- Mục 4.2.2 Phân bổ thuế thuộc phạm vi áp dụng từ một đơn vị hợp thành sang một đơn vị hợp thành khác: Cho phép nhập nhiều dòng
  - o 1. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh: NSD nhập
  - o 2. Mã số thuế đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh: NSD nhập
  - o 3. Thuế thuộc phạm vi áp dụng của đơn vị hợp thành trước điều chỉnh: Nhập số âm dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
  - o 4. Cơ sở của sự điều chỉnh: Chọn 1 giá trị trong danh mục.
  - o 5. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh liên quan: NSD nhập
  - o 6. Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh liên quan: NSD nhập
  - o 7. Quốc gia cư trú của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh liên quan: Chọn trong danh mục quốc gia
  - o 8. Giá trị khoản điều chỉnh tăng khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh: Nhập số âm dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
  - o 9. Giá trị khoản điều chỉnh giảm khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh: Nhập số âm dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
  - o 10. Thuế thuộc phạm vi áp dụng của đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh sau khi điều chỉnh: Nhập số âm dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
- Mục 4.2.3 Điều chỉnh thuế hoãn lại: Cho phép nhập nhiều dòng
  - o 1. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh: NSD nhập

- 2. Mã số thuế đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh: NSD nhập
- 3. Các điều chỉnh
  - 3.1. Chi phí thuế hoãn lại đối với các khoản không được đưa vào khi tính thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu: Nhập số âm dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
  - 3.2. Chi phí thuế hoãn lại đối với các khoản trích trước không được chấp nhận: Nhập số âm dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
  - 3.3. Chi phí thuế hoãn lại đối với các khoản trích trước chưa được tính: Nhập số âm dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
  - 3.4. Điều chỉnh cách thức xác định giá trị hoặc điều chỉnh việc ghi nhận kế toán liên quan đến tài sản thuế hoãn lại: Nhập số âm dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
  - 3.5. Chi phí thuế hoãn lại phát sinh từ việc tính toán lại do thay đổi thuế suất áp dụng tại một nước: Nhập số âm dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
  - 3.6. Chi phí thuế hoãn lại từ việc tạo lập và sử dụng các khoản giảm trừ nghĩa vụ thuế: Nhập số âm dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
  - 3.7. Khoản lỗ thay thế từ tài sản thuế hoãn lại được chuyển kỳ sau: Nhập số âm dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
  - 3.8. Các khoản trích trước chưa được tính đã được thanh toán trong năm tài chính: Nhập số âm dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
  - 3.9. Các khoản thuế hoãn lại phải trả được thu hồi được xác định trong năm tài chính trước đó và đã được nộp trong năm tài chính hiện hành: Nhập số âm dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
  - 3.10. Tài sản thuế hoãn lại do lỗ của năm tài chính hiện hành phát sinh lỗ, nhưng tài sản thuế hoãn lại do lỗ đó không được ghi trên báo cáo tài chính vì không đáp ứng tiêu chuẩn được kế toán ghi nhận là tài sản thuế hoãn lại: Nhập số âm dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
  - 3.11. Khoản điều chỉnh chi phí thuế hoãn lại do giảm thuế suất: Nhập số âm dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
  - 3.12. Khoản điều chỉnh chi phí thuế hoãn lại do tăng thuế suất: Nhập số âm dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
  - 3.13. Đơn vị hợp thành tham gia hoặc rời khỏi Tập đoàn đa quốc gia: Nhập số âm dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị

tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

➢ 3.14. Chi phí thuế hoãn lại của cơ sở thường trú có Công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển: Nhập số âm dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

➢ 3.15. Điều chỉnh do giao dịch chuyển giao tài sản giữa các đơn vị hợp thành sau ngày 30/11/2021 và trước khi bắt đầu năm chuyển tiếp: Nhập số âm dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

o 4. Tổng các khoản điều chỉnh thuế hoãn lại: Nhập số âm dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

+ Mục 4.3 Các lựa chọn của đơn vị hợp thành:

- Mục 4.3.1 Lựa chọn hằng năm: Cho phép nhập nhiều dòng
  - o 1. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh lựa chọn: NSD nhập
  - o 2. Mã số thuế đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh: NSD nhập
  - o 3. Lựa chọn xóa nợ: Cho phép tích chọn
  - o 4. Lựa chọn không tính vào tổng các khoản điều chỉnh thuế hoãn lại khoản trích trước chưa được tính trong năm tài chính: Cho phép tích chọn
- Mục 4.3.2 Lựa chọn năm năm: Cho phép nhập nhiều dòng
  - o 1. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh lựa chọn: NSD nhập
  - o 2. Mã số thuế đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh: NSD nhập
  - o 3. Lựa chọn đơn vị hợp thành không phải là đơn vị bị loại trừ
    - ➢ Năm lựa chọn: NSD nhập
    - ➢ Năm chấm dứt lựa chọn: NSD nhập
  - o 4. Lựa chọn tính tất cả các khoản cổ tức liên quan đến quyền sở hữu đầu tư gián tiếp để xác định thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, không phụ thuộc vào việc các quyền sở hữu đầu tư gián tiếp là ngắn hạn
    - ➢ Năm lựa chọn: NSD nhập
    - ➢ Năm chấm dứt lựa chọn: NSD nhập
  - o 5. Lựa chọn điều chỉnh lãi hoặc lỗ chênh lệch tỷ giá liên quan đến công cụ tài chính dự phòng rủi ro đối với khoản đầu tư ròng được ghi nhận trong thu nhập hoặc lỗ ròng báo cáo tài chính của đơn vị hợp thành theo cùng nguyên tắc điều chỉnh lãi hoặc lỗ trên vốn chủ sở hữu được loại trừ
    - ➢ Năm lựa chọn: NSD nhập
    - ➢ Năm chấm dứt lựa chọn: NSD nhập
- Mục 4.3.3 Lựa chọn điều chỉnh giá trị ghi sổ tài sản và khoản nợ phải trả theo giá trị hợp lý trong trường hợp chuyển nhượng tài sản và nợ phải trả: Cho phép nhập nhiều dòng
  - o 1. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh lựa chọn: NSD nhập

- 2. Mã số thuế đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh: NSD nhập
- 3. Năm lựa chọn: NSD nhập
- 4. Lựa chọn điều chỉnh giá trị ghi sổ tài sản và khoản nợ phải trả theo giá trị hợp lý trong trường hợp chuyển nhượng tài sản và nợ phải trả
  - 4.1. Tính vào năm tài chính có phát sinh sự kiện điều chỉnh: Cho phép tích chọn 1 trong 2 (mục 4.1 hoặ 4.2)
  - 4.2. Phân bổ trong năm (05) năm bao gồm năm tài chính phát sinh sự kiện điều chỉnh và bốn (04) năm tài chính liền kề tiếp theo: Cho phép tích chọn 1 trong 2 (mục 4.1 hoặc 4.2)

+ Mục 4.4 Loại trừ thu nhập vận tải quốc tế:
  - Mục 4.4.1 Loại trừ thu nhập vận tải quốc tế: Cho phép nhập nhiều dòng
    - 1. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh: NSD nhập
    - 2. Mã số thuế đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh: NSD nhập
    - 3. Thu nhập vận tải quốc tế
      - 3.1. Danh mục hoạt động: Chọn theo danh mục 1 hoặc nhiều
      - 3.2. Doanh thu: Nhập số dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
      - 3.3. Chi phí: Nhập số dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
      - 3.4. Thu nhập vận tải quốc tế: Hỗ trợ tính theo công thức: 3.4=3.2-3.3. Cho phép sửa, kiểu số âm, dương. Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì định dạng là số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì định dạng là x,xxxx
    - 4. Thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn
      - 4.1. Danh mục hoạt động: Chọn 1 hoặc nhiều giá trị trong danh mục
      - 4.2. Doanh thu: Nhập số dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
      - 4.3. Chi phí: Nhập số dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
      - 4.4. Thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn: Hỗ trợ tính theo công thức: 4.4=4.2-4.3. Cho phép sửa, kiểu số âm, dương. Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì định dạng là số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì định dạng là x,xxxx
    - 5. Ảnh hưởng tới giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ
      - 5.1. Chi tiền lương hợp lệ được sử dụng để tạo ra thu nhập vận tải quốc tế hoặc thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn được loại trừ: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx
      - 5.2. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ được sử dụng để tạo ra thu nhập vận tải quốc tế hoặc thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn được loại trừ: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

o 6. Thuế thuộc phạm vi áp dụng đối với thu nhập vận tải quốc tế hoặc thu nhập quốc tế phụ trợ đạt chuẩn được loại trừ: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

- Mục 4.4.2 Giới hạn quốc gia đối với loại trừ thu nhập vận tải quốc tế đạt chuẩn: Chỉ nhập 1 dòng

o 1. Tổng thu nhập vận tải quốc tế [1]: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

o 2. Giới hạn 50% của tổng thu nhập vận tải quốc tế: Hỗ trợ tính theo công thức: [2] = 50% x [1]. Cho phép sửa, kiểu số âm, dương. Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì định dạng là số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì định dạng là x,xxxx

o 3. Tổng thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn [3]: Nhập số âm, dương. Nếu đơn vị tiền" là "VNĐ" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì cho nhập định dạng x,xxxx

o 4. Phần vượt mức giới hạn: Hỗ trợ tính theo công thức: [4] = [3] - [2]. Cho phép sửa, kiểu số âm, dương. Nếu "Đơn vị tiền" là "VNĐ" thì định dạng là số nguyên. Nếu "Đơn vị tiền" khác "VNĐ" thì định dạng là x,xxxx

+ Mục 4.5 Chuẩn mực kế toán khác chuẩn mực kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao: Cho phép nhập nhiều dòng

- 1. Tên đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh có thu nhập hoặc lỗ ròng trên báo cáo tài chính được xác định bằng một chuẩn mực kế toán khác chuẩn mực kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ tối cao: NSD nhập
- 2. Mã số thuế đơn vị hợp thành, liên doanh, công ty con của liên doanh: NSD nhập
- 3. Chuẩn mực kế toán tài chính được chấp nhận hoặc được phép áp dụng: NSD nhập

3.23.2.1.2 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung (mẫu số 01/TNDN-QDMTT) đáp ứng Nghị định số 236/2025/NĐ-CP

- Chỉ tiêu [01] -> [09]: Hiển thị theo tờ khai 01/TKTT-QDMTT
- [10] Lựa chọn đồng tiền kê khai Tờ khai thuế TNDN bổ sung, nộp thuế TNDN bổ sung

+ Tích 1 trong 2: "Đồng tiền khai Tờ khai thông tin (khác Đồng Việt Nam)" hoặc "Đồng Việt Nam", không được tích chọn cả 2

+ Trường hợp chỉ tiêu [09] là VNĐ thì mặc định tích "Đồng Việt Nam", không cho sửa

- [11] Tỷ giá quy đổi trong trường hợp khai Tờ khai thông tin bằng đồng ngoại tệ và lựa chọn khai Tờ khai thuế TNDN bổ sung, nộp thuế TNDN bổ sung bằng đồng Việt Nam

+ Trường hợp chỉ tiêu [09] khác VNĐ và chỉ tiêu [10] tích vào khác VNĐ thì không nhập tỷ giá

+ Trường hợp chỉ tiêu [09] là VNĐ và chỉ tiêu [10] tích vào VNĐ thì không nhập tỷ giá

+ Trường hợp chỉ tiêu [09] khác VNĐ và chỉ tiêu [10] tích vào Đồng Việt Nam thì bắt buộc nhập tỷ giá >0. Định dạng x,xxxx

- Tại Ngân hang: Bắt buộc nhập nếu tỷ giá khác 0
- [12] Áp dụng quy định giảm trừ trách nhiệm: Cho phép tích chọn. Nếu tích vào ô này thì cho phép nộp tờ khai trắng (mục I và II)
- Mục I. Xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn tại việt nam:

+ 1. Lợi nhuận tính thuế bổ sung (A):
  - Cột Đơn vị: Theo đơn vị tiền ở chỉ tiêu [09]
  - Cột Giá trị:
    - UD hỗ trợ tính A =A1-A4, cho phép âm.
    - Định dạng như sau:
      - Nếu chỉ tiêu [09] là "Đồng Việt Nam" thì cho nhập định dạng số nguyên
      - Nếu chỉ tiêu [09] khác "Đồng Việt Nam" thì cho nhập định dạng x,xxxx

+ 1.1 Thu nhập ròng tại Việt Nam trong năm tài chính theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu (A1)
  - Cột Đơn vị: Hiển thị theo đơn vị tiền ở chỉ tiêu [09]
  - Cột Giá trị:
    - UD hỗ trợ tính A1=A2 - A3, cho phép âm
    - Định dạng như sau:
      - Nếu chỉ tiêu [09] là "Đồng Việt Nam" thì cho nhập định dạng số nguyên
      - Nếu chỉ tiêu [09] khác "Đồng Việt Nam" thì cho nhập định dạng x,xxxx

+ 1.1.1 Thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của tất cả các đơn vị hợp thành (A2)
  - Cột Đơn vị: Hiển thị theo đơn vị tiền ở chỉ tiêu [09]
  - Cột Giá trị:
    - Nhập số âm, dương
    - Định dạng như sau:
      - Nếu chỉ tiêu [09] là "Đồng Việt Nam" thì cho nhập định dạng số nguyên
      - Nếu chỉ tiêu [09] khác "Đồng Việt Nam" thì cho nhập định dạng x,xxxx

+ 1.1.2 Lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của tất cả các đơn vị hợp thành (A3)
  - Cột Đơn vị: Hiển thị theo đơn vị tiền ở chỉ tiêu [09]
  - Cột Giá trị:
    - Nhập số âm, dương
    - Định dạng như sau:
      - Nếu chỉ tiêu [09] là "Đồng Việt Nam" thì cho nhập định dạng số nguyên
      - Nếu chỉ tiêu [09] khác "Đồng Việt Nam" thì cho nhập định dạng x,xxxx

+ 2. Giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu (A4)
  - Cột Đơn vị: Hiển thị theo đơn vị tiền ở chỉ tiêu [09]
  - Cột Giá trị:
    - UD hỗ trợ tính A4=A5+A8, cho phép âm
    - Định dạng như sau:

➢ Nếu chỉ tiêu [09] là "Đồng Việt Nam" thì cho nhập định dạng số nguyên
➢ Nếu chỉ tiêu [09] khác "Đồng Việt Nam" thì cho nhập định dạng x,xxxx

+ 2.1. Giá trị tài sản hữu hình được giảm trừ (A5)
  - Cột Đơn vị: Hiển thị theo đơn vị tiền ở chỉ tiêu [09]
  - Cột Giá trị:
    - UD hỗ trợ tính A5=A6 x A7
    - Định dạng như sau:
      ➢ Nếu chỉ tiêu [09] là "Đồng Việt Nam" thì cho nhập định dạng số nguyên.
      ➢ Nếu chỉ tiêu [09] khác "Đồng Việt Nam" thì cho nhập định dạng x,xxxx
+ 2.1.1. Giá trị tài sản hữu hình hợp lệ (A6)
  - Cột Đơn vị: Hiển thị theo đơn vị tiền ở chỉ tiêu [09]
  - Cột Giá trị:
    - UD hỗ trợ hiển thị = chỉ tiêu 2.1, mục 3.1.2.1 Tờ khai thông tin 01/TKTT-QDMTT. Cho sửa, kiểu số âm, dương; nếu sửa khác giá trị UD tính thì cảnh báo vàng "Chỉ tiêu A6 khác chỉ tiêu 2.1, mục 3.1.2.1 Tờ 01/TKTT-QDMTT". Nếu chỉ tiêu [09] là "Đồng Việt Nam" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu chỉ tiêu [09] khác "Đồng Việt Nam" thì cho nhập định dạng x,xxxx
+ 2.1.2 Tỷ lệ giảm trừ (A7)
  - Cột Đơn vị: Mặc định là %. Không cho sửa
  - Cột Giá trị: UD hỗ trợ hiển thị = chỉ tiêu 2.2, mục 3.1.2.1 Tờ khai thông tin 01/TKTT-QDMTT. Cho phép chọn lại trong danh mục
+ 2.2 Giá trị tiền lương được giảm trừ (A8)
  - Cột Đơn vị: Hiển thị theo đơn vị tiền ở chỉ tiêu [09]
  - Cột Giá trị: UD hỗ trợ tính A8=A9 x A10. Nếu chỉ tiêu [09] là "Đồng Việt Nam" thì cho nhập định dạng số nguyên. Nếu chỉ tiêu [09] khác "Đồng Việt Nam" thì cho nhập định dạng x,xxxx
+ 2.2.1 Chi tiền lương hợp lệ (A9)
  - Cột Đơn vị: Hiển thị theo đơn vị tiền ở chỉ tiêu [09]
  - Cột Giá trị:
    - UD hỗ trợ hiển thị = chỉ tiêu 1.1, mục 3.1.2.1 Tờ khai thông tin 01/TKTT-QDMTT
    - Cho sửa, nếu sửa khác giá trị UD tính thì cảnh báo vàng "Chỉ tiêu A9 khác chỉ tiêu 1.1, mục 3.1.2.1 Tờ 01/TKTT-QDMTT"
  - Định dạng như sau:
    - Nếu chỉ tiêu [09] là "Đồng Việt Nam" thì cho nhập định dạng số nguyên
    - Nếu chỉ tiêu [09] khác "Đồng Việt Nam" thì cho nhập định dạng x,xxxx
+ 2.2.2 Tỷ lệ giảm trừ (A10)
  - Cột Đơn vị: Mặc định là %. Không cho sửa
  - Cột Giá trị
    - UD hỗ trợ hiển thị = chỉ tiêu 1.1, mục 3.1.2.1 Tờ khai thông tin 01/TKTT-QDMTT

o Cho sửa, nếu sửa khác giá trị UD tính thì cảnh báo vàng "Chỉ tiêu A9 khác chỉ tiêu 1.1, mục 3.1.2.1 Tờ 01/TKTT-QDMTT"

o Định dạng như sau:

➢ Nếu chỉ tiêu [09] là "Đồng Việt Nam" thì cho nhập định dạng số nguyên

➢ Nếu chỉ tiêu [09] khác "Đồng Việt Nam" thì cho nhập định dạng x,xxxx

+ 3. Tỷ lệ thuế bổ sung (B = 15% - B2)

- Cột Đơn vị: Hiển thị theo đơn vị tiền ở chỉ tiêu [09]
- Cột Giá trị: UD hỗ trợ tính B = 15% - B2
  - Nếu kết quả <0 thì kết quả bằng 0
  - Nếu kết quả >15% thì hiển thị = 15
  - Nếu 0 <= kết quả <=15 thì lấy bằng kết quả tính

+ 3.1. Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh trong năm tài chính của các đơn vị hợp thành tại Việt Nam (B1)

- Cột Đơn vị: Hiển thị theo đơn vị tiền ở chỉ tiêu [09]
- Cột Giá trị
  - UD hỗ trợ hiển thị = chỉ tiêu 4, mục 3.4 Tờ khai thông tin 01/TKTT-QDMTT
  - Cho sửa, nếu sửa khác giá trị UD tính thì cảnh báo vàng "Chỉ tiêu B1 khác chỉ tiêu 4, mục 3.4 Tờ 01/TKTT-QDMTT"
  - Định dạng như sau:
    - ➢ Nếu chỉ tiêu [09] là "Đồng Việt Nam" thì cho nhập định dạng số nguyên
    - ➢ Nếu chỉ tiêu [09] khác "Đồng Việt Nam" thì cho nhập định dạng x,xxxx

+ 3.2. Thuế suất thực tế (B2)

- Cột Đơn vị: Mặc định là %
- Cột Giá trị
  - UD hỗ trợ tính theo công thức B2=B1/A1
  - Định dạng x,xxxx

+ 4. Số thuế bổ sung được điều chỉnh trong năm hiện hành (nếu có) (C)

- Cột Đơn vị: Hiển thị theo đơn vị tiền ở chỉ tiêu [09]
- Cột Giá trị
  - UD hỗ trợ hiển thị = chỉ tiêu 4, mục 3.6 Tờ khai thông tin 01/TKTT-QDMTT
  - Cho sửa, nếu sửa khác giá trị UD tính thì cảnh báo vàng "Chỉ tiêu C khác chỉ tiêu 4, mục 3.6 Tờ 01/TKTT-QDMTT"
  - Định dạngnhư sau:
    - ➢ Nếu chỉ tiêu [09] là "Đồng Việt Nam" thì cho nhập định dạng số nguyên
    - ➢ Nếu chỉ tiêu [09] khác "Đồng Việt Nam" thì cho nhập định dạng x,xxxx

+ 5. Tổng số thuế bổ sung của đơn vị hợp thành tại Việt Nam (D = A x B + C)

- Cột Đơn vị: Hiển thị theo đơn vị tiền ở chỉ tiêu [09]
- Cột Giá trị
  - UD hỗ trợ tính theo công thức D = A x B + C
  - Định dạng như sau:
    - ➢ Nếu chỉ tiêu [09] là "Đồng Việt Nam" thì cho nhập định dạng số nguyên
    - ➢ Nếu chỉ tiêu [09] khác "Đồng Việt Nam" thì cho nhập định dạng x,xx

+ 6. Tổng số thuế bổ sung của đơn vị hợp thành theo đồng Việt Nam trong trường hợp khai Tờ khai thông tin bằng đồng ngoại tệ và lựa chọn khai Tờ khai thuế TNDN bổ sung, nộp thuế TNDN bổ sung bằng đồng Việt Nam (nếu có) (E)

- Cột Đơn vị: Mặc định là VNĐ. Không cho sửa
- Cột Giá trị:
  - Trường hợp chỉ tiêu [09] khác VNĐ và chỉ tiêu [10] tích vào khác VNĐ thì khóa chỉ tiêu E
  - Trường hợp chỉ tiêu [09] là VNĐ và chỉ tiêu [10] tích vào VNĐ thì khóa chỉ tiêu E
  - Trường hợp chỉ tiêu [09] khác VNĐ và chỉ tiêu [10] tích vào VNĐ thì hỗ trợ tính theo công thức E = D x tỷ giá ở chỉ tiêu [11], cho sửa, sửa khác số UD tính thì cảnh báo vàng "Chỉ tiêu E khác giá trị chỉ tiêu D x chỉ tiêu [11]"
  - Định dạng số nguyên

- Mục II Phân bổ thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn giữa các đơn vị hợp thành tại Việt Nam:

+ Đơn vị tiền:
  - Nếu [10] tích VNĐ => thì đơn vị tiền mục II là VNĐ
  - Nếu [10] khác VNĐ => thì đơn vị tiền mục II theo chỉ tiêu [09]

+ Tiêu thức phân bổ số thuế TNDN bổ sung phải nộp theo quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn giữa các đơn vị hợp thành tại Việt Nam: NSD nhập

+ Bảng thông tin:

- (1) TT
- (2) Tên đơn vị hợp thành: NSD nhập
- (3) Mã số thuế được cấp tại Việt Nam: Kiểm tra đúng cấu trúc MST Kiểm tra thuộc danh sách MST ở chỉ tiêu 2, mục 1.3.2 Tờ khai thông tin 01/TKTT-QDMTT, sai khác cảnh báo đỏ
- Tỉnh/thành phố: Chọn trong danh mục 34 tỉnh của Việt Nam
- Xã/phường/đặc khu: Chọn trong danh mục Xã/phường/đặc khu thuộc Tỉnh/thành phố đã chọn
- (4) Cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị hợp thành: Chọn trong danh mục cơ quan thuế tương ứng với Xã/phường/đặc khu đã chọn
- (5) Tỷ lệ phân bổ (%): Nhập số từ 0 đến 100, định dạng x,xxxx, tổng tỷ lệ phân bổ phải = 100%
- (6) Số thuế TNDN bổ sung phải nộp được phân bổ:
  - Hỗ trợ tính theo công thức:
    - Nếu 9 là VNĐ, 10 là VNĐ: 6=5xD
    - Nếu 9 khác VNĐ, 10 khác VNĐ: 6=5xD
    - Nếu 9 khác VNĐ, 10 là VNĐ: 6=5xE
  - Định dạng như sau:
    - Nếu chỉ tiêu [10] chọn "Đồng Việt Nam" thì cho nhập định dạng số nguyên
    - Nếu chỉ tiêu [10] chọn "Khác Đồng Việt Nam" thì cho nhập định dạng

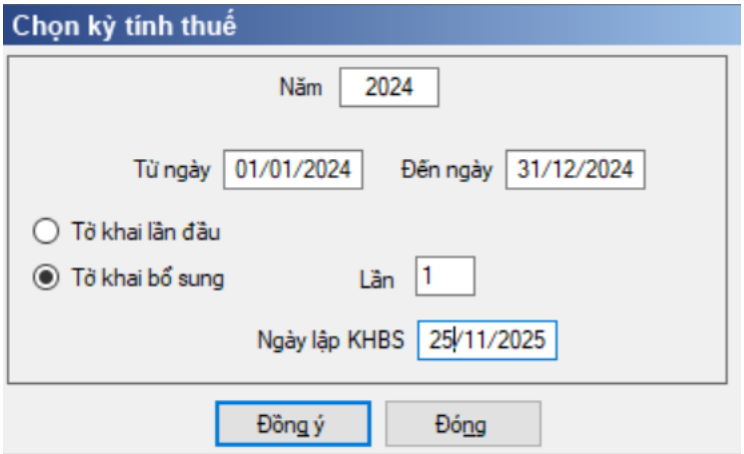
x,xxxx

3.23.2.1.3 Bản thuyết minh giải trình chênh lệch do khác biệt chuẩn mực kế toán tài chính (Mẫu số: 01/TM) đáp ứng Nghị định số 236/2025/NĐ-CP

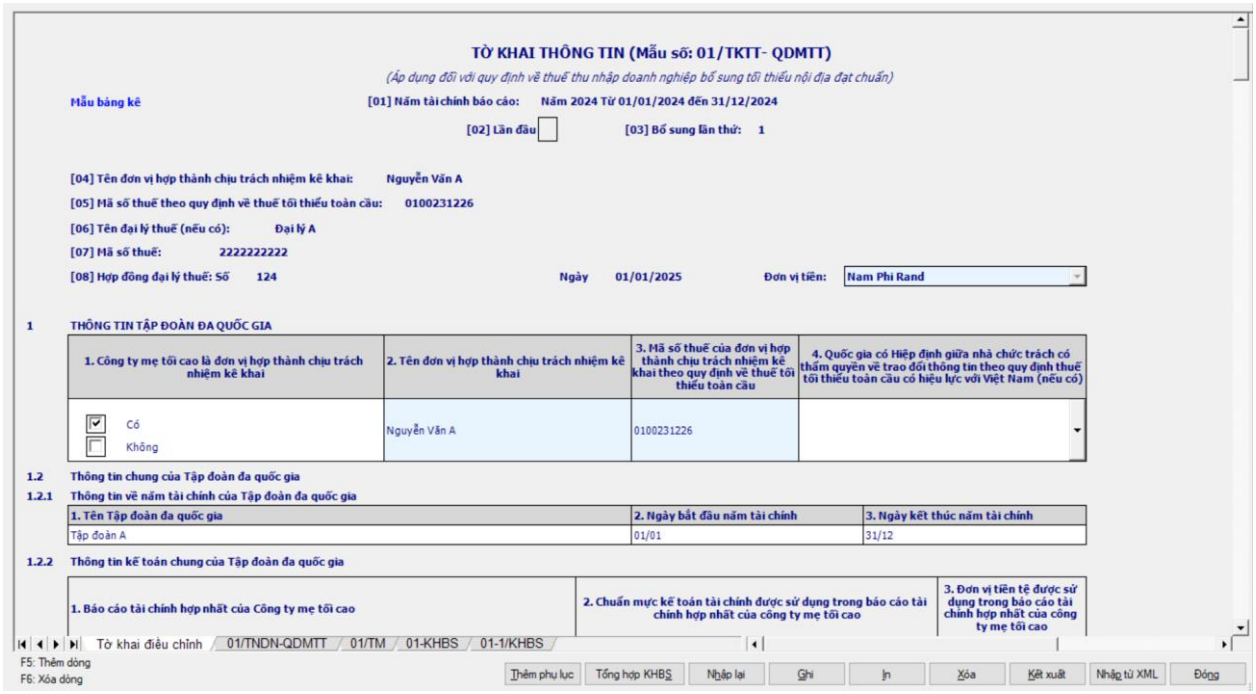
- Chỉ tiêu [01] -> [09]: Hiển thị theo tờ khai 01/TKTT-QDMTT
- [10] Áp dụng quy định giảm trừ trách nhiệm: Cho phép tích chọn. Nếu tích chọn cho phép nộp mẫu 01/TM trắng
- Bảng thông tin
  + (1) TT: Kiểu số tự nhiên bắt đầu từ 1
  + (2) Mã số thuế đơn vị hợp thành: NSD nhập, phải thuộc danh sách MST ở chỉ tiêu 2, mục 1.3.2 Tờ khai thông tin 01/TKTT-QDMTT
  + (3) Tên đơn vị hợp thành: NSD nhập
  + (4) Chỉ tiêu: NSD nhập
  + (5) Mã số chỉ tiêu: NSD nhập
  + (6) Số liệu trên Báo cáo tài chính của đơn vị hợp thành: Nhập số âm, dương. Nếu chỉ tiêu [09] là VNĐ thì định dạng là x,xxxx. Nếu chỉ tiêu [09] là VNĐ thì định dạng là số nguyên
  + (7) Số liệu trên Báo cáo số liệu tài chính phục vụ mục đích hợp nhất của Công ty mẹ tối cao: Nhập số âm, dương. Nếu chỉ tiêu [09] là VNĐ thì định dạng là x,xxxx. Nếu chỉ tiêu [09] là VNĐ thì định dạng là số nguyên
  + (8) Chênh lệch: UD hỗ trợ tính theo công thức (8) = (7) - (6). Cho phép sửa, kiểu số âm, dương; nếu sửa khác giá trị UD tính thì cảnh báo vàng "Chỉ tiêu (8) khác giá trị chỉ tiêu (7) - (6)". Nếu chỉ tiêu [09] là VNĐ thì định dạng là x,xxxx. Nếu chỉ tiêu [09] là VNĐ thì định dạng là số nguyên
  + (9) Nguyên nhân chênh lệch: NSD nhập

3.23.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung, ngày lập tờ khai bổ sung.



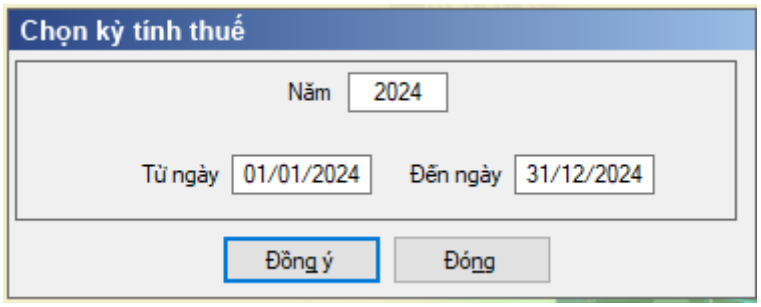
- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 5 sheet "01/TKTT-QDMTT", "01/TNDN-QDMTT", "01/TM", "01-KHBS" và "01-1/KHBS" như sau:



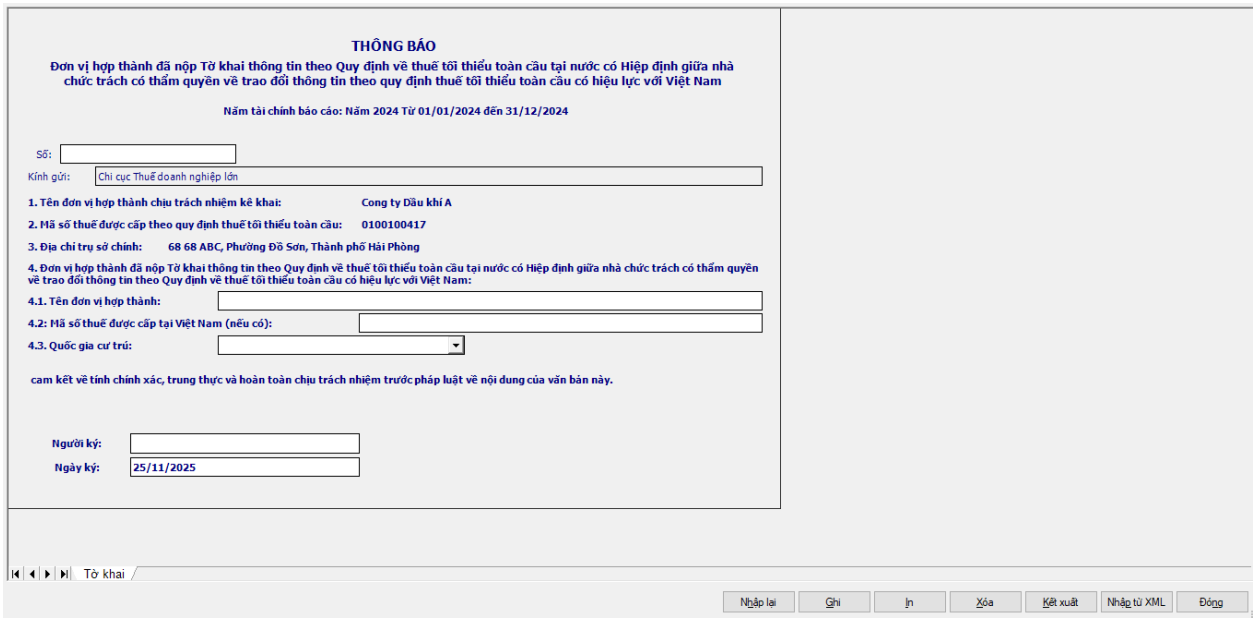
- Tại tờ khai bổ sung không cho phép điều chỉnh đơn vị tiền tại các chỉ tiêu sau;
  + Chỉ tiêu "Đơn vị tiền" trên tờ 01/TKTT-QDMTT
  + Chỉ tiêu [10] trên tờ khai 01/TNDN-QDMTT
- Ứng dụng sẽ lấy dữ liệu của Tờ khai gần nhất trong cùng kỳ tính thuế làm dữ liệu mặc định trên Tờ khai điều chỉnh (Nếu là tờ khai bổ sung lần 1 thì lấy dữ liệu của tờ khai lần đầu, nếu là tờ khai bổ sung lần n thì lấy dữ liệu lần bổ sung n-1). NNT sẽ kê khai bổ sung điều chỉnh trực tiếp trên Tờ khai điều chỉnh, kê khai như tờ khai thay thế, sau đó ứng dụng sẽ tự động lấy các chỉ tiêu điều chỉnh liên quan đến số thuế phải nộp lên KHBS, NNT không kê khai trên KHBS.

3.23.3Thông báo Đơn vị hợp thành đã nộp Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại nước có Hiệp định giữa nhà chức trách có thẩm quyền về trao đổi thông tin theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu có hiệu lực với Việt Nam (mẫu 03/TB-ĐVHT) đáp ứng Nghị định số 236/2025/NĐ-CP

- Từ menu chức năng "Thuế tối thiểu toàn cầu" chọn "Thông báo đơn vị hợp thành đã nộp tờ khai thông tin (03/TB-ĐVHT) (NĐ 236/2025)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:



- Sau khi nhập giá trị Năm tài chính báo cáo, Từ ngày, Đến ngày và nhấn nút <Đồng ý>, hệ thống hiển thị màn hình kỳ kê khai như sau:



- Số: NSD nhập
- Ngày: NSD nhập
- Kính gửi: Hiển thị mặc định là CQT quản lý MST kê khai tờ khai
- 1. Tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai: Hiển thị tên NNT đăng nhập hệ thống
- 2. Mã số thuế được cấp theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu: Hiển thị tên NNT đăng nhập hệ thống
- 3. Địa chỉ trụ sở chính: Hiển thị địa chỉ của MST đăng nhập hệ thống ([Địa chỉ], [Xã/phường/đặc khu], [Tỉnh/thành phố])
- 4. Đơn vị hợp thành đã nộp Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại nước có Hiệp định giữa nhà chức trách có thẩm quyền về trao đổi thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu có hiệu lực với Việt Nam: Gồm các chỉ tiêu 4.1 đến 4.3
- 4.1. Tên đơn vị hợp thành: NSD nhập
- 4.2. Mã số thuế được cấp tại Việt Nam (nếu có): NSD nhập
- 4.3. Quốc gia cư trú: Chọn 1 giá trị trong danh mục quốc gia
    -

4 Thông tin hỗ trợ

Khi cần giải đáp vướng mắc trong quá trình kê khai thuế, các Doanh nghiệp xin vui lòng liên hệ với Phòng Tuyên truyền/Hỗ trợ NNT của Cục Thuế/Chi cục Thuế địa phương để được giải đáp.

4.1 Phụ lục 01: Danh mục tiền tệ

STT	Mẫu số
1	VNĐ
2	EUR
3	GBP

STT	Mẫu số
4	USD
5	CHF
6	JPY
7	CAD
8	SGD
9	VND
10	HKD
11	THB
12	SEK
13	NOK
14	DKK
15	AUD